

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 26/2

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 26/2

No. 1523-1536

SỐ 1523/4
LUẬN KINH ĐẠI BẢO TÍCH

Tác giả: Bồ tát An Tuệ.
Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Đại sư Bồ Đề Đề Lưu Chi.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

QUYỂN 1

* *Kệ nêu:*

*Quy mạng: Cứu thế gian
Biển khổ vượt bờ giác
Đại bi hàng ma oán
Con giải Kinh Bảo Tích.
Mười sáu thứ trang nghiêm
Nghĩa chân thật vi diệu
Nhằm khiến pháp trụ lâu
Để lợi mình, lợi người.*

Hỏi: Ông muốn giải thích **Kinh Bảo Tích**, trước hết nên giải thích môn này: **Do nghĩa gì mà gọi là Bảo Tích?**

Đáp: Trong pháp báu của Đại thừa, nghĩa sai biệt, tướng sai biệt của tất cả các pháp đều được thâm giữ trong Kinh này, nên gọi là **Bảo Tích**. **Bảo Tích** nghĩa là tụ hội, tích tập, che mát, hòa hợp, tên khác nhưng nghĩa là một.

*** Tất cả pháp Đại thừa, trong đó Đức Như Lai đã vì các Bồ-tát giảng nói 16 thứ tướng sai biệt:** Đó là:

1. Tướng hành tà nơi pháp: Là Bồ-tát đã hành theo hạnh tà như vậy, gọi là tướng hành hạnh tà.

2. Tướng hành chánh: Là những Bồ-tát đã hành hạnh chánh, gọi là tướng hành hạnh chánh.

3. Tướng lợi ích của hành hạnh chánh: Là Bồ-tát đã trụ vào hạnh chánh, gọi là hành hạnh thiện như pháp hành v.v...

4. Các tướng sai biệt của hành pháp hành.

5. Tướng của các Bồ-tát đã sinh tướng tâm từ, vì khiến khởi tâm kính trọng nên hành như thuyết.

6. Tướng của Bồ-tát trụ trong hạnh chánh tu học giới.

7. Tướng ở trong giới Thanh văn và giới Bồ-tát nói về chỗ hơn, bằng, kém.

8. Tướng sai biệt của Bồ-tát đã khéo học giới Bồ-tát có thể cùng với trí thế gian hành tạo lợi ích cho người khác.

9. Tướng sai biệt khi thọ nhận tạng Bồ-tát, đã chỉ dạy tu tập giới Thanh văn.

10. Tướng sai biệt do không khéo học theo Sa-môn.

11. Tướng sai biệt do không khéo học nơi Sa-môn.

12. Tướng sai biệt do trụ nơi hành giả danh.

13. Tướng sai biệt do trụ nơi hành chân thật.

14. Tướng sai biệt nơi phương tiện hóa độ chúng sinh của Như Lai.

15. Tướng sai biệt của việc thuyết nêu mật ngữ vi diệu.

16. Tướng sai biệt của việc ở trong tạng Bồ-tát đã được chỉ dạy, khéo tin tưởng có lợi ích.

Trong kinh thuộc Đại thừa, Đức Như Lai đã vì các Bồ-tát giảng nói về **mười sáu** thứ tướng pháp sai biệt như vậy. Nơi pháp môn kia, tất cả các tướng ấy hiện đang được nói đến.

Trong pháp bảo Đại thừa này, các tướng hiện có đều được thu giữ hết, nên pháp môn vi diệu này gọi là **Bảo Tích**.

Hỏi: Vì sao trong chánh pháp bảo của Đại thừa kia, các tướng hiện có đều được gồm thâu hết trong pháp môn này?

Đáp: Nay Ca-diếp! Có bốn pháp khiến trí tuệ thoái mất. Tám thứ bốn câu như thế v.v... thuộc về bạn ác, gồm thâu tướng sai biệt của hành tà. (Để đối trị điều này, nên thuộc về hành chánh cũng có tám thứ bốn câu).

Này Ca-diếp! Bồ-tát có được bốn kho báu ẩn giấu lớn. Sáu thứ bốn câu như thế đã gồm thâu tướng sai biệt của những lợi ích nơi hành chánh.

Như vậy, hai mươi hai thứ bốn câu nói đủ về các sự việc nhiệm tịnh, thoái lui và tăng ích.

Này Ca-diếp! Gọi là Bồ-tát: Không phải chỉ có danh tự mà gọi là Bồ-tát, nên biết là có ba mươi hai thứ tướng sai biệt như vậy.

Này Ca-diếp! Công đức của Bồ-tát là vô lượng vô biên, Ta sẽ dùng mười chín thí dụ để diễn nói rõ về các tướng khác nhau đó.

Này Ca-diếp! Nên biết, Bồ-tát muốn học Kinh Đại Bảo Tích này, cho đến như đèn sáng kia, đây là gốc của Thánh tuệ, còn sự tối tăm ấy chính là các nghiệp của kiết. Đó gọi là trụ trong hạnh chánh gồm thâu tướng sai biệt của các giới.

Này Ca-diếp! Ví như trồng cây trong hư không mà có thể sinh trưởng, từ xưa đến nay không hề có việc ấy. Chánh hạnh kia có khả năng xuất sinh vô lượng trăm ngàn quả báo của Thanh văn, Phật-

bích-chi. Thí dụ như thế v.v... là làm rõ về giới Thanh văn. Trong giới của Bồ-tát thì gồm thâu cả tướng sai biệt về hơn kém.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Tôn giả Đại Ca-diếp: Cho đến từ trước tới nay hoàn toàn thanh tịnh, như thế là đã thâu giữ cả trí thế gian và xuất thế gian. Đó chính là tướng sai biệt của sự việc tạo lợi ích cho người khác, nên biết.

Này Ca-diếp! Các ông nên quan sát bên trong, chớ chạy theo bên ngoài, kể cả người xuất gia cũng còn có hai thứ bệnh: Một là ôm giữ tánh tăng thượng mạn mà tự điều phục tâm. Hai là hủy hoại sự phát tâm Đại thừa của người khác. Như thế nên biết, tướng sai biệt đã thâu giữ khi thọ nhận tặng Bồ-tát, chỉ dạy tu tập giới Thanh văn.

Này Ca-diếp! Nên biết về Sa-môn, do nghĩa gì mà gọi là Sa-môn? Lại, thế nào là Sa-môn? Này Ca-diếp! Có bốn loại Sa-môn. Cho đến được nêu rõ khắp như thế, đó gọi là pháp thông đạt mau chóng của Bồ-tát. Như vậy là đã gồm thâu tướng sai biệt nơi ba loại Sa-môn trước, không khéo học về pháp Sa-môn.

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Thật là hy hữu! Kinh Đại Bảo Tích này đối với người hành pháp Đại thừa có thể đem lại lợi ích, nếu đọc tụng, thọ trì, biên chép Kinh này, thì người đó tức đã cúng dường hết thảy chư Phật. Như thế là đã gồm thâu tướng sai biệt của Bồ-tát đã được chỉ dạy, trao truyền, khéo tin tưởng, đạt lợi ích.

Nên biết, như vậy là trong Đại thừa đã nói, là gồm thâu *mười sáu* thứ tướng sai biệt của pháp, nên pháp môn này gọi là **Bảo Tích**.

* **Kinh nói:** Đức Phật trụ tại đại thành Vương-xá.

Hỏi: Vì sao trước phải nói rõ về trụ xứ?

Đáp: Nói trụ xứ của Phật là muốn khiến cho chúng sinh kính trọng nơi chốn ấy. Chúng sinh biết quý trọng phước đức tức sẽ tôn

kính nơi chốn này, căn thiện thêm lớn mạnh. Vì vậy trước hết phải nêu rõ trụ xứ.

Hỏi: Do đâu pháp này chỉ giảng nói ở thành Vương-xá, không phải là ở thành ấp khác?

Đáp: Giải thích pháp môn này là trụ xứ của Pháp vương, dụ như Vương-xá là chỗ ở của vua, nên nêu rõ về Vương-xá. Pháp môn lớn này cũng lại như vậy. Là trụ xứ của Pháp vương, giải thích xác nhận nghĩa này nên nói là trụ ở thành Vương-xá.

Hỏi: Vì sao chỉ nói tại núi Kỳ-xà-quật mà không phải địa phương khác?

Đáp: Đức Phật giảng nói pháp Đại thừa này có nghĩa lý tăng thượng so với thừa Thanh văn, Duyên giác. Tăng thượng về hành tự lợi, lợi tha.

* **Kinh nói:** Cùng với chúng Đại Tỳ-kheo tám ngàn người hội đủ, Bồ-tát có một vạn sáu ngàn vị cùng tập hợp.

Hỏi: Đã nhân nơi Bồ-tát nói rõ pháp môn này, do nghĩa ấy nên đại chúng này được gọi là chúng Đại Bồ-tát. Vậy còn nói chúng Thanh văn là có nghĩa gì?

Đáp: Nói chúng Thanh văn, vì hoặc có Thanh văn ở trong pháp Đại thừa hiện có tâm nghi ngờ, nên nói là để trừ bỏ tâm nghi. Hoặc có Thanh văn còn bất định, muốn giúp đỡ họ thành tựu chánh tín. Hoặc có người tự cho mình đã được thanh tịnh, muốn họ lìa bỏ tâm thanh tịnh ấy. Lại có Thanh văn cho mình đã diệt hết các kiết sử, ở trong pháp Phật chẳng còn tu tập gì nữa. Đó là đã diệt trừ các chướng ngại như phiền não v.v..., tâm sinh đã được lợi mình, vì muốn lìa bỏ tâm kiêu mạn ấy. Trong pháp môn này, vì các Bồ-tát giảng nói về pháp diệt trừ các phiền não chướng. Nhân nơi phiền não chướng cũng diệt trừ chướng ngại của trí (sở tri chướng), chứ không nói về

điều gì khác. Hơn hẳn thừa Thanh văn, Duyên giác là đạt được quả báo tối thượng.

Hỏi: Chúng Thanh văn và Bồ-tát này từ đâu đến?

Đáp: Trong đời vị lai có người nghi hoặc, vì khiến trừ bỏ nghi hoặc đó, trong kinh có nói: “Từ cõi nước của chư Phật nơi phương khác vân tập về pháp hội”.

Hỏi: Vì sao nói họ đều đạt được không thoái chuyển?

Đáp: Đạt được không thoái chuyển là đã đầy đủ bốn nhân. Người một đời chứng đắc, nghe thuyết giảng về pháp này tức có thể làm pháp khí.

Hỏi: Các Bồ-tát này từ cõi nước của chư Phật nơi phương khác đến, vậy nơi cõi này có được lợi ích gì, vì trong thế giới kia, chư vị Như Lai ấy đều đã giảng nói pháp?

Đáp: Vì tạo lợi ích cho chúng sinh. Trong thế giới này cũng có chúng sinh được các Bồ-tát ấy vốn đã nhận giáo hóa. Đã thấy vốn đồng tu các hạnh, thế nên vui thích muốn thấy, gặp. Cùng pháp của các Bồ-tát vốn đã được giáo hóa lại dùng để thọ nhận hành này. Các phương khác cũng có vô lượng chư Phật, nhưng vì nhằm khiến cho chúng sinh sinh tâm khát ngưỡng, kính trọng, thỉnh vấn, thân cận, nên nói là vô lượng Phật, vì muốn khiến cho các chúng sinh tâm có thể đạt được, khởi tinh tấn dũng mãnh, không sinh mệt mỏi. Lại nữa, Đức Như Lai Thích Ca này xưa kia đã từng giáo hóa, các Bồ-tát nhớ lại việc đã được hóa độ ngày xưa và việc tu tập các hạnh nguyện, nên đã từ phương khác đến để được gần gũi Như Lai.

Hỏi: Vì sao nêu rõ về Bồ-tát nhiều, còn nói về Thanh văn thì ít?

Đáp: Sở dĩ nói chúng Bồ-tát nhiều vì trong pháp môn này đã biện giải về các hành. Đức Phật đã biết hết về nhân nên vì các Bồ-tát giảng nói.

Hỏi: Vì sao trước hết Phật lại nói cho chúng Thanh văn?

Đáp: Vì Đức Phật muốn cho chúng Thanh văn gia tăng khả năng thọ trì pháp do Ngài đã giảng nói.

Hỏi: Do đâu nói các Bồ-tát từ phương khác đến tập hợp nơi đây đều đã được nhất sinh?

Đáp: Nói như vậy là để cho các thứ biếng nhác, ngã mạn không dấy khởi. Chư vị đến là để cầu chánh pháp đối trị với phiền não. Nói là họ tự ưa thích chánh pháp, nên mới từ phương xa đến tham dự, không phải tùy thuận theo tâm của người khác. Giải thích xác nhận, trong thế giới của chư Phật, từ xa đến, các Bồ-tát này đã đạt được phần vị Phật, hãy còn vì pháp mà đến, huống chi là những người khác sao lại không đến.

Hỏi: Vì sao Như Lai chỉ nói pháp môn này với Tôn giả Đại Ca-diếp mà không nói với Bồ-tát khác?

Đáp: Khi Đức Như Lai nói với Tôn giả Đại Ca-diếp là Như Lai đã biết Tôn giả Đại Ca-diếp có đủ khả năng nhận lãnh, nên mới chọn, chỉ có điều Tôn giả Đại Ca-diếp chưa nhận biết, lại chưa chánh tín, nên để giải thích xác nhận là có thể hiểu biết tin nơi nghĩa của Đại thừa.

Ở đây *tám thứ bốn câu* thuộc về *hành tà* theo như trên lần lượt cùng giải thích, nên biết.

(1) *Bốn câu thứ nhất:* Nói về sự tương của hành tà làm thoái mất trí tuệ.

(2) *Bốn câu thứ hai:* Nói về thoái mất trí tuệ rồi, thì chánh niệm cũng quên mất.

(3) *Bốn câu thứ ba:* Chánh niệm mất thì pháp bạch cũng diệt mất.

(4) *Bốn câu thứ tư:* Pháp bạch diệt, thì chẳng phải là hạnh Bồ-tát mà tự như tướng của tâm ác.

(5) *Bốn câu thứ năm*: Đã hành theo tướng của tâm ác thì khó điều phục.

(6) *Bốn câu thứ sáu*: Đã khó điều phục thì hành nơi đạo tà.

(7) *Bốn câu thứ bảy*: Đã hành nơi đạo tà rồi thì không nên gằn gũ mà lại hay gằn gũ.

(8) *Bốn câu thứ tám*: Không nên gằn gũ mà hay gằn gũ rồi thì khiến không hỗ trợ cho hạnh Bồ-tát mà trở thành hành tà.

Để đối trị điều này, nên thuộc về *hành chánh* cũng có *tám thứ bốn câu*, theo như trên lần lượt cùng giải thích:

(1) *Bốn câu thứ nhất*: Nói trí hỗ trợ đạo đầy đủ rồi khiến không quên chánh niệm.

(2) *Bốn câu thứ hai*: Đã khiến không quên chánh niệm nên trí hỗ trợ đạo càng tăng trưởng.

(3) *Bốn câu thứ ba*: Chánh niệm không quên mất thì pháp bạch tăng trưởng.

(4) *Bốn câu thứ tư*: Pháp bạch tăng trưởng rồi thì hành tương tự với hành tướng tâm Bồ-tát.

(5) *Bốn câu thứ năm*: Tâm hành không ác thì sự việc khéo điều phục.

(6) *Bốn câu thứ sáu*: Đã khéo điều phục rồi thì hành nơi đạo chánh.

(7) *Bốn câu thứ bảy*: Đã hành nơi đạo chánh rồi thì người nên gằn gũ tức có thể gằn gũ.

(8) *Bốn câu thứ tám*: Người nên gằn gũ đã có thể gằn gũ được rồi, thì khiến tùy theo các hạnh Bồ-tát đã hành, nên làm theo để thành hành chánh.

Trước đã nói về *lợi ích của hành chánh có sáu thứ bốn câu* theo như trên lần lượt cùng giải thích:

(1) *Bốn câu thứ nhất*: Bồ-tát đã hành nhiều hành chánh như thế rồi, thì nên tu tập để thành tựu phước đức trí tuệ.

(2) *Bốn câu thứ hai*: Dựa nơi công đức, trí tuệ đã tu tập thành tựu, khiến các chướng ngại được thanh tịnh.

(3) *Bốn câu thứ ba*: Dựa vào chướng ngại đã thanh tịnh, khiến hết thảy pháp môn hỗ trợ cho việc tu tập thông đạt một pháp môn.

(4) *Bốn câu thứ tư*: Dựa vào sự tu tập hết thảy pháp môn bạch, tất cả tướng, tất cả loại, vì tạo lợi ích cho hết thảy chúng sinh nên lại tu hành vô lượng công đức.

(5) *Bốn câu thứ năm*: Đã tu hành vô lượng công đức tức khiến vượt qua trụ địa vô minh.

(6) *Bốn câu thứ sáu*: Dựa vào việc đã vượt qua trụ địa vô minh, tức khiến đạt được địa không chướng ngại.

Ở trên đã lần lượt nói về *hai mươi hai thứ bốn câu*. Từ đây về sau sẽ theo thứ lớp trở lại giải thích bốn câu trước, nên biết.

*** Kinh nói:** Này Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp làm thoái mất trí tuệ.

Hỏi: Do nghĩa gì nên nói ra lời này?

Đáp: Đối với người tu Đại thừa thì khiến đạt được phương tiện của Bồ-đề vô thượng. Kẻ ngu si thì khiến họ được chỉ bày. Kẻ phóng dật thì khiến họ chánh cần. Kẻ yếu kém có tâm nhỏ, thì hỗ trợ, an ủi khuyến dụ, khiến họ phát khởi tâm rộng lớn. Người đã hành hạnh chánh thì vì họ khiến được khen ngợi.

Hỏi: Nêu rõ bốn pháp, số này là không nghĩa, sao lại nói tự thể sáng tỏ?

Đáp: Về toán số bốn là nói theo nghĩa thâm giữ, vì chúng rộng lớn không cùng tận, đề phòng trường hợp người nghe không thích nghe nhiều, nên dùng số gồm thâm khiến nhớ giữ dễ dàng, như sợi dây khâu kết các hoa không khiến chúng rơi rớt.

Hỏi: Vì sao chỉ nhất định có bốn, không nhiều cũng không ít?

Đáp: Là để ngăn chặn những câu hỏi không cùng tận và vô nghĩa.

Lại còn có dụ là để giúp cho kẻ bị thoái mất ba thứ trí có thể gồm thâm giữ, nên nêu rõ về bốn số.

Lại có trường hợp khác, lược nói có ba thứ trí tuệ: Văn, Tư, Tu.

Ở đây, ba pháp trước đa số chỉ rõ việc mất hết trí tuệ về Văn. Pháp thứ tư đa số nêu rõ đã mất hết trí tuệ về Tư, Tu v.v... Thế nên, nói bốn pháp.

Thứ đến là chỉ rõ tướng gần trong các pháp, lần lượt giải thích nghĩa sai biệt.

Lúc Đức Phật nói với Ca-diếp là nhằm khuyên bảo thính chúng, kể cả đồ đệ của thính chúng, phải nhất tâm lắng nghe, không nghĩ đến chuyện gì khác.

Pháp, khiến người nghe xả bỏ phiền não nên nói là nghe pháp. Nếu không nói pháp thì nghe pháp sẽ có người sinh nghi. Vì muốn nói pháp là nhằm vào những người ấy mà nói.

Hỏi: Trước có nói đến Bồ-tát. Do nghĩa gì nên gọi là Bồ-tát?

Đáp: Là người hành Đại thừa, nên Bồ-tát này gọi là gồm thâm nhiều nghĩa. Nay lược nói có ba nghĩa, nên biết là *tin, tu hành, chứng đắc*.

Thế nào là tin? Là hiểu biết do có trí tuệ thâm diệu, nên có thể khiến người khác cùng hiểu biết như mình.

Thế nào là tu hành? Vì nhân là tự lợi và lợi tha nên thường hành trì Bồ-đề vô thượng.

Thế nào là chứng đắc? Là dùng lực của trí tuệ khiến chúng được đạo Bồ-đề vô thượng.

Người thoái mất trí tuệ: Là nêu rõ về hai thời có hai thứ mất: (1) Mất sau khi đã có được. (2) Sẽ mất khi có được.

Thế nào là thoái? Thế nào là mất? Ở trong pháp vô lậu là mất khi sẽ được. Còn lại là ở thế gian, hai thời đều cùng mất. Do không biết phân biệt hơn kém nên nói thoái mất trí tuệ.

Hỏi: Pháp vô lậu cũng mất chăng?

Đáp: Giải thích thì không phải thế. Nói thoái mất trí tuệ là nhằm nêu rõ nhân không phóng dật. Ở trong các việc đã làm đều khiến hành trì pháp.

Vì sao nói thoái mất trí tuệ? Vì trí hữu lậu và trí vô lậu đều là nhân hỗ trợ đạo. Trí hữu lậu này đã được, nhưng chưa được cả hai nên lại mất. Trí vô lậu mất là do không được. Đã chứng đắc trí vô lậu thì không có thoái mất.

Hỏi: Vì sao không tôn trọng pháp khiến có thể bị thoái mất trí tuệ?

Đáp: Vì hay giận dữ nên không tôn kính. Vì không tôn kính nên không lắng nghe. Vì không lắng nghe nên không sinh hiểu biết. Do không sinh hiểu biết, tức hiện rõ là thoái mất trí tuệ. Keo kiệt đối với các pháp, nên khi đã nhận các pháp lại giấu không nói hết, nên người không lắng nghe. Vì không lắng nghe nên trong đời vị lai, các duyên không đủ. Duyên không đủ nên thoái mất trí tuệ. Đối với người ưa chuộng pháp mà gây trở ngại, nói các nhân duyên gây khó khăn, hủy hoại tâm trí họ. Hoặc có người khác lại nói: Đã phạm tội lại che giấu thì không thể sám hối lỗi mình v.v... Được nghe quá

báo của chương, do vậy nên mắc phải nhân ngu si, thế nên trong đời vị lai tất sẽ bị ngu si. Do ngu si, nên trí tuệ bị thoái mất. Tâm kiêu mạn, tự cao, tự khen mình, chê người khác, tạo sân hận với họ. Vì đã có sân hận với người khác, nên nói năng điên đảo. Vì đã nói năng điên đảo, nên trong đời vị lai sẽ chiêu cảm điên đảo. Do đây thoái mất trí tuệ.

Hỏi: Thời gian nào thì thoái mất trí tuệ?

Đáp: Trong hai thời, tức hiện tại và vị lai.

Hỏi: Nếu các pháp như bố thí v.v... cũng có thoái mất, nhân có kẻ keo kiệt v.v... đối với các pháp. Vì sao chỉ nói về nhân thoái mất trí tuệ mà không nói nhân thoái mất bố thí v.v...?

Đáp: Vì trí tuệ dễ mất nên nói trước. Vì Bò-đề là tánh của trí.

Các Ba-la-mật khác đều phát sinh từ trí tuệ ấy và dựa vào trí. Bò-tát ở trong trí tuệ mà có hành tà thì đối với Bò-đề và pháp trợ Bò-đề không gọi là hành chánh. Do vậy, chỉ nói đến nhân thoái mất trí tuệ mà không nói nhân thoái mất bố thí v.v... Như thế, không kính trọng các pháp là nhân khiến thoái mất trí tuệ.

Bốn câu nói rõ về bốn pháp không thích nghe v.v... Trong đây, không kính trọng là nói rõ vì không ưa thích nghe nên keo kiệt nơi pháp. Không nghe chương ngại nơi pháp khác, nên không được nghe quả báo của chương. Do ngã mạn, tâm cầu ướ, nên nói năng điên đảo. Như thế, trí không thể hỗ trợ cho nghe v.v... nên thoái mất ý.

Bốn pháp này do lại có tướng của trí khác, nghĩa là sinh khởi bốn pháp ấy trong hiện tại và vị lai. Bốn pháp đó là:

- (1) Không thể sinh hiểu biết.
- (2) Các duyên không đủ.
- (3) Hỗ trợ phước báo của ngu si.
- (4) Cùng đã điên đảo.

Dựa vào không nghe, nên trong hiện pháp không phát sinh hiểu biết đúng đắn. Do dựa vào không nghe, nên trong đời vị lai các duyên không đủ. Dựa vào việc nghe chướng ngại, nên sẽ nhận lấy báo ngu si trong đời vị lai. Dựa nơi tâm cầu ướ, nói năng điên đảo, nên trong đời vị lai sẽ nhận lấy quả báo điên đảo.

Hỏi: Không tôn kính pháp và không kính trọng Pháp sư, hai câu này được lặp lại là có nghĩa gì?

Đáp: Cách nói lặp lại trong hai câu này là hiển bày đầy đủ ý không ưa thích nghe. Nếu có người giận dữ, hủy báng, thì không kính trọng pháp, nên không nghe pháp đó. Còn kính trọng Pháp sư nên ưa thích lắng nghe pháp. Lại có kẻ sân hận không kính trọng Pháp sư, nên không lắng nghe pháp. Lại có người sân hận, nhưng kính trọng pháp, nên có thể lắng nghe pháp. Nếu có đủ sân hận, hủy báng, không kính trọng, thì những chúng sinh đó không còn cách gì để có thể lắng nghe pháp. Thế nên hai câu này được lặp lại nhằm chỉ rõ đầy đủ ý không ưa thích nghe pháp.

Hỏi: Keo kiệt với các pháp đã hiểu, nhận giữ các pháp giấu kín không nói hết, hai câu này nêu rõ về nghĩa gì?

Đáp: Keo kiệt với các pháp: Là thấy mình hiểu biết hơn những gì người khác biết, tức ở trong pháp giữ kín không chịu nói hết. *Giữ kín:* Là để phòng về sau có kẻ không kính trọng và sợ họ sẽ hơn mình.

Hoặc lại có nghĩa: Là dù có thỉnh cầu hay không thỉnh cầu, hoàn toàn không nói pháp. Do bần sần tiếm pháp, hoặc vì như vừa nói, hoặc lại không nói, hoặc vì tánh keo kiệt nên hủy bỏ chánh pháp. Lìa bỏ chánh pháp, tức là hủy hoại tâm mình. Còn hiểu, nhận pháp mà cố giữ kín không nói hết vì khởi tâm keo kiệt, thì đó là hành suy hoại.

Có người ưa thích pháp mà lại gây trở ngại cho họ, nói những nhân duyên gây khó khăn để hủy hoại tâm họ. Hoặc nói có người

khác bảo: Đã phạm tội mà che giấu thì không thể sám hối. Những câu như thế còn có nghĩa nào khác? Ở đây người ưa thích pháp lại bị gây trở ngại đây là nói có người khác nói.

Thế nào là người ưa thích pháp mà bị gây trở ngại? Là nói những nhân duyên gây khó khăn để hủy hoại tâm họ. Hoặc quả trách, nói là có người nói: Đã phạm tội mà che giấu thì không thể sám hối tội lỗi.

Thế nào là gây khó khăn, hủy hoại người, pháp đều nói các ác? Hết thấy pháp hiện có là từ người vui thích nghe. Pháp kia với người ưa nghe đó, nhưng đã không nói thật, chỉ nói vô nghĩa, lại còn bảo: Ta có khả năng nói vô số thứ, nói như thế là khiến người kia không còn ưa thích nghe.

Thế nào là nói các nhân duyên quả trách v.v...? Là đã nói không đúng đắn, lời nói lại không hạn chế. Hoặc lại đối với kẻ ưa thích nghe pháp, đã hỏi họ những câu khúc mắc, khó khăn. Khi nghe những câu hỏi như thế thì người kia không nghe pháp nữa, cũng không còn ưa thích nghe.

Thế nào là không thể vì kẻ khác nói lời giáo hóa? Là được thỉnh mà không nhận. Có người khác ưa chánh pháp đến thỉnh vấn việc giảng nói pháp, nhưng vì mình vốn đã keo kiệt pháp, nên không nói cho họ. Lại cũng không chỉ cho họ thỉnh cầu Pháp sư khác v.v... Nếu người kia có ý muốn thỉnh hỏi Pháp sư khác, thì không chấp thuận.

Thế nào là che giấu? Là nói với người nghe pháp, quả trách chúng đang nghe pháp, với pháp lại nói: Các ông là những người không có trí, còn pháp này rất là thâm diệu nên không thể nhận biết, thông đạt được. Do đã nói với chúng nghe pháp như thế, nên che giấu chánh pháp. Nhân duyên gây trở ngại pháp như thế, dẫn đến quả báo là gặp phải xứ nạn. Tâm kiêu mạn, tự cao, khen mình, chê khinh người khác, những câu như thế có ý nghĩa gì? Kiêu mạn được nói

trong câu thứ nhất, thì kiêu mạn là thế nào? Là tự khen mình là hơn hết, rồi chê bai người khác.

Thế nào là khen mình là hơn hết? Là tự mình đã nói về điều không tốt, tu hành không chân chánh. Lại thấy người khác nói điều là tốt, tu hành cũng chân chánh, trong đó khởi tâm kiêu mạn, đố kỵ.

Thế nào là hủy báng người khác? Đối với người khác khéo nói pháp, khéo tu hành, thì sinh ý không tốt, nói họ tu hành bất thiện, luôn có tâm tưởng kiêu mạn, ganh ghét, thế nên không thể chúng được trí tuệ chánh giác.

Thuộc về các pháp đã chứng đắc hết, ở đây chỉ lược nêu:

- (1) Chỉ bị thoái mất.
- (2) Thoái mất như thế nào?
- (3) Do thời gian nào thoái mất?
- (4) Các pháp đã có được đều thoái mất.

Bốn thứ vừa nêu đã chỉ rõ đầy đủ.

Thoái mất ở nơi nào? Đó là ở trong trí tuệ.

Còn thoái mất như thế nào? Do tướng nào mà thoái mất? - thì đã giải thích ở trước.

Thời gian nào khiến thoái mất trí tuệ? Là hiện tại và vị lai.

Các pháp đã có mà bị thoái mất: Là làm rõ về bốn pháp như không kính trọng v.v... Đã có bốn pháp như không kính trọng v.v... này, nên có thể khiến cho trí tuệ bị thoái mất, làm chướng ngại chánh pháp.

Nói về bốn pháp đối trị: Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp thành tựu đại trí tuệ. *Những gì là bốn pháp?* Đó là cung kính, tôn trọng pháp, kính trọng các Pháp sư, tùy thuận hành sự cung kính này là nhân của pháp, gây được nhân của đại trí tuệ.

Bốn thứ trí tuệ phát sinh: (1) Khởi đầu. (2) Thành thực. (3) Trợ đạo đầy đủ. (4) Có khả năng thành tựu Bồ-đề.

Nhưng chỗ cung kính đó phải có sự ưa thích lắng nghe pháp. Đã được nghe pháp nên trí tuệ phát sinh. Theo các pháp đã được nghe đọc tụng, thọ trì, đem tâm thanh tịnh giảng nói rộng cho mọi người, không từng mong cầu các thứ tiếng tăm, lợi dưỡng, cung kính nào v.v..., chỉ nhằm giáo hóa khiến chúng sinh thành thực được tâm trí, khéo nhận biết trí tuệ từ đa văn sinh nên luôn tinh tấn, không biếng trễ, như cứu lửa cháy đầu.

Nghe pháp, đọc tụng, ghi nhớ, ưa thực hành đúng theo lời giảng nói, nhưng không lệ thuộc vào lời nói, luôn cầu được hiểu biết rộng. Như vậy được nghe pháp, thì nhớ giữ không quên, khiến được đầy đủ trí trợ đạo hành trì chân thật. Khi hành trì không tùy thuộc vào lời nói và âm thanh, chỉ chú trọng ở chỗ hành chân thật, mới có thể đạt được trí tuệ Bồ-đề.

Sự tôn kính pháp và kính trọng Pháp sư ở đây là để đối trị kẻ không kính trọng pháp, nên biết.

Theo các pháp đã được nghe, đọc tụng, thọ trì, ở đây nghe là do nhĩ thức, đọc tụng, thọ trì là do ý thức. Hoặc nghe là văn tuệ, đọc tụng, thọ trì là tư tuệ.

* **Kinh nói:** Đem tâm thanh tịnh giảng nói rộng cho mọi người là để lìa bỏ tâm keo kiệt, ganh ghét, không mong cầu tất cả tiếng tăm, lợi dưỡng, cung kính v.v... vì đó là nhân của bốn sên pháp, nên dứt bỏ.

Lợi dưỡng là như y phục v.v... Cung kính là như lễ bái v.v... Tiếng tăm là những lời khen ngợi, tán dương các công đức. Do đa văn nên có thể đạt được trí như văn tuệ v.v...

Đã như cứu lửa cháy đầu, đó là việc phải tu tập để cầu văn tuệ. Vì cầu văn tuệ sẽ khuyến khích tạo chuyển biến sáng suốt để tu tuệ.

Như có người bị cháy đầu, cháy áo, thì họ phải bỏ mọi chuyện để lo cứu đầu, áo. Bồ-tát cũng như vậy, nhận biết văn tuệ là nhân của trí, trí này cho đến cũng có thể làm nhân để được Nhất thiết trí. Siêng năng mong cầu văn tuệ là do tự và lợi tha. Tùy pháp đã được nghe, có thể đọc tụng, vâng giữ và hành đúng theo lời giảng nói. Hoặc do nghe pháp mà hiểu được nghĩa, là đã thuận hành nên có thể phát sinh trí như thuận.

Không phải như chỉ có âm thanh và lời nói, không phải như chỉ cầu được nghe, không phải chỉ là miệng nói, vì có khi lời nói vô nghĩa, hoặc lời đã nói đều không có lợi ích xuất thế gian.

Theo thứ lớp giải thích, không cung kính tôn trọng pháp và hành thuận pháp, trở thành keo kiệt với các pháp. Do keo kiệt với pháp, nên đối với người ưa cầu pháp dấy khởi chướng ngại, giữ kín, không giảng nói. Ba thứ đó đã làm nhân cho sự mất trí tuệ. Đã không có trí nên kiêu mạn khởi lên. Tự nêu pháp đối trị là tôn kính pháp, là tu hành đúng pháp cùng thứ lớp pháp nên lia bỏ tâm keo kiệt, tiếc pháp. Phải theo pháp đã được nghe, giảng nói rộng cho mọi người. Vì ưa thích pháp nên mong cầu được nghe nhiều, hiểu rộng. Nghe nhiều hiểu rộng tức có thể hành trì hạnh lợi mình, lợi người. Theo như lời dạy tu tập nhưng không vướng mắc nơi ngôn ngữ, âm thanh.

Tâm Bồ-đề chính là phân căn bản của trí. Nhất thiết trí chính là lấy tâm Bồ-đề làm gốc. Do đó, không quên mất tâm Bồ-đề. Quên mất tâm Bồ-đề nhưng không quên nhân của các pháp.

* **Kinh nói:** Đức Phật bảo Ca-diếp: Bồ-tát có bốn pháp khiến quên mất tâm Bồ-đề. Những gì là bốn pháp? Đó là: Khi dễ, lừa dối các vị A-xà-lê v.v...

Hỏi: Vì sao chỉ nói có bốn pháp có thể là nhân quên mất tâm Bồ-đề mà không nhiều, không ít?

Đáp: Vì sự quên mất này có bốn thứ. Lược nói là:

(1) Không chánh tín nên quên mất tâm Bồ-đề.

(2) Tin điên đảo nên quên mất tâm Bồ-đề, nhận thấy có lỗi đối với tâm Bồ-đề.

(3) Các pháp được thọ nhận đều là giả danh, tâm cố chấp nên quên mất tâm Bồ-đề.

(4) Tâm đạt được Thể của pháp nên quên mất tâm Bồ-đề.

Trong bốn thứ quên mất này, đối trị có bốn thứ nhân theo thứ lớp như thế, nên biết.

Ở đây, khi dễ, lừa dối các vị A-xà-lê, Sư trưởng v.v... là đối trước mặt Sư trưởng không thể nói lời thật, đã phạm tội nhưng không phát lồ sám hối, lại lừa gạt, nói dối, nên trở thành khinh khi, lừa dối Sư trưởng.

A-xà-lê là người có thể can gián, khuyên răn, trao truyền. Chiếu theo giới điều người kia đã phạm để khuyên họ nên phát lồ sám hối, nói rõ việc này không nên làm. Tội đã phạm trước muốn sám hối để diệt trừ, thì A-xà-lê nói các phương tiện: Ông nên nghĩ như thế này: Sư trưởng là người có thể hỗ trợ tạo lợi ích, làm tăng trưởng lời dạy của Thánh, tuy không phải là Sư trưởng, nhưng vì đã có các công đức, thương xót và ưa khuyên khích dứt bỏ ác, tu thiện. Vì đã phạm tội, nên khiến người kia nói dối và quên mất. Do nghĩa đó nên càng làm cho nghiệp báo phát triển thêm lên, thế nên trở thành không chánh tín quên mất tâm Bồ-đề, nên biết. Nếu người kia không thể khiến người khác quên mất tâm Bồ-đề, như thế người kia đã hành tập nói dối và làm chướng ngại cho việc thành tựu giới nên quên mất tâm Bồ-đề. *Đó gọi là nhân thứ nhất*, khiến kẻ không nghi hối sinh tâm nghi hoặc, hối tiếc. Người đồng tu phạm hạnh không nghi ngờ có thể khiến sinh khởi điên đảo, nghi ngờ. Người tu hành giới hạnh chân chánh trong phạm hạnh khiến sinh khởi tâm nghi hoặc đối với giới cấm.

Như vậy, người đồng phạm hạnh kia không chí tâm cung kính, tâm lại hành đua nịnh quanh co, sinh nghi hoặc đối với giới luật, nên phát sinh nghiệp chướng sâu nặng. Vì lẽ đó tâm Bồ-đề bị điên đảo, không chánh tín, không thấy lỗi, nên quên mất tâm Bồ-đề. Nếu người kia không thể khiến cho người khác sinh nghi hoặc, thì tìm cách hủy báng việc nói pháp, khiến quên mất tâm Bồ-đề. *Đó gọi là nhân thứ hai.*

Người tu Đại thừa, bị quả mắng, hủy báng, bêu xấu. Người ưa tu học chánh pháp theo chỗ có lợi của pháp, thì kẻ kia có thể khiến xa lìa, từ bỏ. Nếu có người tin ưa tu tập Đại thừa, thì kẻ kia nhằm phá hoại nên quả mắng, hủy báng, bêu xấu, nói lời bất thiện, nói lời phá hoại, không lợi ích. Lời nói không lợi ích ở đây là lời nói không tốt. Bêu xấu là vạch lỗi lầm của người, bảo họ là phá giới, lời người ta nói ra đều cho là ác. Vạch khuyết điểm của người, bảo đó là phi phạm hạnh. Người hay phân biệt nói là không xứng công đức, tùy vào lời nói để cho là xấu ác. Do có những sự việc như vậy, nên người kia đem những chuyện ấy hướng vào Bồ-tát để nói lời không lợi ích, phân biệt rộng, bêu xấu. Người muốn tu tập Đại thừa, như vậy dễ khiến thoái lui và bị mê lầm. Kẻ kia hướng vào các Bồ-tát, tâm không cung kính, nên Bồ-tát có được bao nhiêu công đức, cũng đều che giấu. Đã che giấu nên sự ác độc và nghiệp chướng càng sâu nặng hơn. Do kẻ kia gây chướng ngại, nên những gì tâm đã tu tập giới trước đây đều bị hoại diệt. Nếu khiến không thể che giấu được công đức chân thật của Bồ-tát, thì giới của người kia bị chướng ngại, tâm bị thoái mất. *Đó gọi là nhân thứ ba.*

Đem tâm đua nịnh quanh co làm việc với người khác, là không có tâm chân thật. Hoặc muốn các Pháp sư nêu rõ những sự việc bí mật thì lại khiến tâm kẻ đó bị mê hoặc. Đua nịnh ở đây là dối trá, không có tâm chân thật mà hành sự với người khác. Quanh co là tâm nịnh bợ, lừa dối, không có tâm chân thật cùng tùy thuận với người. Vì muốn các Pháp sư chỉ bày làm rõ việc thực hành các sự bí mật. Theo các Pháp sư để được nghe pháp sâu xa vi diệu. Nghe rồi, nếu

có người tu hành Đại thừa, thì kẻ kia khởi ý hủy báng. Tạo ý như thế, nên nghiệp ác thêm sâu khôn lường. Đáng lẽ được tâm thuận pháp, nhưng do có nghiệp chướng đó nên trở thành xa lìa pháp, tâm thoái mất. Nếu không thể hủy báng khiến xa lìa thì người kia cũng bị chướng ngại trong giới cấm, tâm cũng bị thoái mất.

Nói tóm lại: Do cái gì nên thoái mất? Đó là tâm thoái mất vào lúc nào? Nên hành ra sao trong pháp hiện tại, đã qua, sẽ đến? Có những tướng gì biểu lộ cung kính bất chánh đối với các thầy, các bậc tôn trưởng? Tức có đủ bốn pháp ấy. Đây là nói rõ bốn pháp thiện đối trị bốn pháp vừa nêu.

*** Kinh nói:** *Cho đến nhân duyên phải bỏ mạng, Bồ-tát vẫn không cố ý nói dối:* Là nhằm bảo vệ lời nói thật. Do không tiếc nơi thân mạng, huống chi là nói lời lừa gạt. Đối với các tội nhẹ, nhỏ, Bồ-tát vẫn cảm thấy sợ hãi lớn. Bồ-tát luôn đem tâm chân thật hòa hợp với mọi người, do đã lìa bỏ tâm đua nịnh, không còn có ngã. Tâm chân thật là tâm thành thật, luôn tùy thuận, thân cận, vô ngã, lìa các lo toan. Bồ-tát thân cận như thật, không thể hiện sự giả tạm, hành hạnh xa lìa các thứ đua nịnh, quanh co, xa lìa kẻ không điều phục tâm ác. Đối với tất cả các Bồ-tát, luôn sinh tưởng chư vị là Đức Thế Tôn, có thể vì các Bồ-tát trong bốn phương luôn xung tán công đức, tùy những lợi ích có được từ các pháp do các Bồ-tát hành tạo mà khen ngợi. Bồ-tát tự không ưa thích thích các pháp của Tiểu thừa, theo các chúng sinh được hóa độ, khiến họ đều trụ nơi đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bồ-tát không ưa thích sự hành hóa hạn hẹp, có thể cho mình yếu kém hẳn. Bồ-tát đã tu hành từ những nghĩa thù thắng, phải nắm lấy ý muốn gồm thu chúng sinh để giáo hóa. (Các câu này sẽ được lần lượt giải thích lại sau)

Kinh khi, lừa dối A-xà-lê v.v... lại không cung kính cúng dường các vị A-xà-lê, Sư trưởng v.v... Trong giới pháp không sinh ý niệm ân cần, tôn trọng nhanh chóng, bản thân không biết hổ thẹn, ăn năn lỗi lầm. Thấy người khác có hổ thẹn, ăn năn hối lỗi, lại làm cho

họ sâu não, càng khiến tâm họ không được yên vui, càng làm cho họ thêm lo buồn. Mình không biết hổ thẹn mà lại khuyên bảo kẻ khác ăn năn tội lỗi. Đối với người tu học Đại thừa, thì nói các việc xấu ác, nhằm hủy báng người mới phát tâm Bồ-đề. Vì không có tâm tạo lợi ích cho người khác, nên sống với người theo tâm dua nịnh quanh co, không phải với tâm chân thật.

Các câu: “*Lại có*”, “*Không mất*” sẽ theo thứ lớp giải thích lần nữa. Vì dùng lời nói thật nên không quên nhân tích tập tâm Bồ-đề, không mất tâm Bồ-đề, là đã khởi đầu tạo lợi ích cho chúng sinh. Trong tự thân Bồ-tát có vô lượng các pháp hy hữu, biết đã kính trọng tâm Bồ-đề và nhân của Nhất thiết trí. Đối với tâm Bồ-đề cùng tất cả Bồ-tát, Bồ-tát đã sinh khởi tưởng là Đức Thế Tôn. Vì kính trọng tâm Bồ-đề, nên giáo hóa chúng sinh, Bồ-tát đều khuyến khích tất cả đồng hướng về quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Không ưa thích mong cầu hành hóa theo pháp hẹp, kém của Tiểu thừa. Tâm Bồ-đề là ứng hợp nghĩa của Bồ-tát.

Hỏi: Nếu là Bồ-tát mới phát tâm: Ta sẽ thành tựu quả vị Chánh giác, thì tâm ấy có tánh gì? Lại có tướng gì? Có những niệm gì? Có công đức gì? Có những sự việc thù thắng nào? Do đâu được gồm thâu? Vì ai làm căn bản? Cái gì là nhân của khí thể hiện tại? Nương dựa vào đâu?

Đáp: Câu hỏi đầu thì Bồ-tát lấy chánh nguyện làm tánh. Há muốn cầu tướng Bồ-đề! Là niệm và niệm về chúng sinh. Vì nhân của Nhất thiết trí là vô lượng công đức, nên lập nguyện trên cả nơi thế gian, Thanh văn và Duyên giác. Vì địa thắng tín đã gồm thâu cội gốc của Bồ-đề vô thượng. Từ bi là nhân của khí thể trong hiện tại, là chỗ dựa của Bồ-tát giới.

Nhưng phát tâm Bồ-đề này lược nói có 2 thứ:

- (1) Nhân xuất thế gian.
- (2) Nhân không xuất thế gian.

Nhân xuất thế gian: Là nếu đã phát tâm rồi thì vĩnh viễn theo đuổi hành trì không quên. Đó gọi là nhân xuất thế gian.

Nhân không xuất thế gian: Là nếu tâm không vĩnh viễn gắn bó, theo đuổi thì quên mất tâm đó.

Thoái chuyển cũng có 2 thứ:

- (1) Vĩnh viễn thoái chuyển.
- (2) Không vĩnh viễn thoái chuyển.

Vĩnh viễn thoái chuyển: Là cũng có một số người thoái chuyển nhưng vẫn còn khả năng phát sinh.

Không vĩnh viễn thoái chuyển: Là hoặc có người vừa thoái chuyển liền phát sinh ngay. Tuy nhiên, tâm đó phải do *bốn thứ duyên, bốn thứ nhân* và *bốn thứ lực* mới có thể phát sinh.

Những gì là bốn thứ duyên?

(1) Thấy, nghe những sự biến hóa hy hữu của Như Lai, nên phát tâm Bồ-đề.

(2) Nhân đối với Bồ-đề vô thượng do nghe pháp mà thương xót, nguyện đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên phát tâm Bồ-đề.

(3) Bồ-tát vì muốn cho chánh pháp được trụ lâu trong thế gian, nên phát tâm Bồ-đề.

(4) Vì thấy trong đời sau cùng, chúng sinh phải chịu nhiều khổ não trầm trọng, nên phát tâm Bồ-đề.

Những gì là bốn thứ nhân?

- (1) Có đủ tánh.
- (2) Có đủ tri thức thiện.
- (3) Lấy tâm từ bi làm đầu.

(4) Không sợ hãi cảnh sinh tử của thế gian với vô số loại nhân sâu xa có được từ nghe.

Những gì là bốn thứ lực?

- (1) Tự lực.
- (2) Lực của người khác.
- (3) Lực của nhân.
- (4) Lực của sự tu hành.

Ở đây, *tự lực*: Là do lực của chính mình, có thể vui thích nhằm phát tâm Bồ-đề, cầu đạt Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là tự lực.

Lực của người khác: Là do người khác khuyến khích, khiến mình phát tâm, đó gọi là lực của người khác.

Lực của nhân: Là trước đây đã được học pháp thiện của Đại thừa, đó gọi là lực của nhân.

Lực của sự tu hành: Là trong pháp hiện tại, thân cận tri thức, nơi đêm dài sinh tử, nghe, tư duy v.v... về chánh pháp, học tập, hành trì điều thiện không dừng nghỉ, đó gọi là lực của sự tu hành.

Trong phần này, hoặc nói rộng hay tóm lược. Vì bốn duyên và bốn nhân ấy nương dựa vào nhau. Nếu khiến về bên trong thì tự lực và lực của nhân, đủ hai thứ nhân ấy sẽ phát sinh tâm kia, như thế nên gọi là có ích, gọi là kiên cố, không lay động mà sinh. Lực của người khác và lực của sự tu hành sinh khởi tâm Bồ-đề, gọi là không nên dao động khiến mất đi, nên biết.

Tương thoái chuyển của tâm Bồ-đề cũng có bốn thứ: Vì không có tánh nên thuộc về tri thức ác. Không khởi tâm từ bi đối với các chúng sinh. Vì e sợ đối với thế gian, nên tuy không quên tâm Bồ-đề, Bồ-tát cũng trở lại nhớ giữ tâm Bồ-đề kia. Có thể tu hành công đức với trí sáng suốt, đem căn thiện hỗ trợ đạo. Bồ-tát tu tập các hành như thế, pháp thiện đã diệt, nhân không tăng trưởng, nên giảng nói các pháp.

* **Kinh nói:** Đức Phật nói với Ca-diếp: Bò-tát tạo thành bốn pháp, pháp thiện đã sinh, khiến diệt, không tăng trưởng v.v... Những gì là bốn pháp? Chỉ do tâm kiêu mạn, đọc tụng sách vở, chú thuật của thế gian, như thế v.v...

Hỏi: Vì sao chỉ có bốn pháp, không nhiều không ít, nêu rõ về nhân có thể diệt pháp thiện khiến không thể tăng trưởng?

Đáp: Pháp thiện có bốn thứ diệt không tăng trưởng. Đó là:

- (1) Không sinh nên diệt thì không tăng trưởng.
- (2) Không có khả năng tăng trưởng nên diệt thì không tăng trưởng.
- (3) Trừ bỏ căn bản nên diệt thì không tăng trưởng.
- (4) Tạo tác và xa lìa nên diệt thì không tăng trưởng.

Trong đó, các pháp bạch không sinh, là nhân của diệt: Là do tâm ngã mạn, đọc tụng kinh điển thế gian, cầu các chú thuật, không thể thông đạt sáu Ba-la-mật và tạng pháp của Bò-tát. Bò-tát do tâm ngã mạn chi phối nên mong cầu danh tiếng, lợi dưỡng, ganh ghét điều người khác hơn mình, vì luôn lừa dối, mưu cầu các chú thuật ở thế gian, không thể mong cầu các thứ pháp bạch, pháp thiện. Đã không sinh, các pháp bạch lại bị diệt, nên có thể khiến bị diệt hết cùng với những thứ đã được từ trước. Do duyên sự nên việc nghe, học trở nên yếu kém, là không tăng trưởng, nên diệt. Vì sao? Vì tham vướng nơi lợi dưỡng, danh tiếng, thân cận các Đàn-việt.

Ở đây, lợi dưỡng như là y phục v.v... Cúng dường là như lễ bái v.v..., vì vướng mắc vào lợi dưỡng, danh tiếng, nên nói là tham đắm lợi dưỡng, danh tiếng.

Vì tham đắm lợi dưỡng, danh tiếng, nên sống theo tà mạng, nói rõ hơn là tham đắm nơi của cải nuôi dưỡng mạng sống v.v... nên biết. Vì thân cận với các gia đình Đàn-việt, nên phần nhiều đều gặp phải tai họa trong sự gần gũi. Nếu người kia đã có hai điều nghi như

thể tạo thành thì bảo vì đúng như pháp nên được của cải, lợi dưỡng, cho là nhân không diệt, là do ý dựa vào tính chất đua nịnh, quanh co v.v... không trụ trong xứ Thánh. Đã tham vướng nơi danh tiếng, lợi dưỡng như thế, đã thân cận các gia đình bạch y, dùng nhiều duyên để gần gũi, nên các pháp thiện đã nghe v.v... không thể tăng trưởng. Nghe lãnh hội v.v... không tăng trưởng, tức là các pháp thiện đã nghe v.v... đều không tăng trưởng, khiến cho nghĩa mất hết, nên nhân căn bản cũng diệt cùng gia tăng sự hủy báng Bồ-tát. Ác kiến đã có trở lại gia tăng và hủy báng pháp tạng Bồ-tát. Vì đã giận dữ nên càng tìm kiếm, nêu đặt những sự nhầm lẫn của các Bồ-tát, vu khống các Bồ-tát bằng tội giả đặt, phi báng, cho Bồ-tát đó mắc phải tội rất lớn. Do gây tạo nghiệp như thế, nên các pháp thiện hiện có, từ căn bản đều bị nhổ đứt, xa lìa, diệt hết. Xa lìa, diệt bỏ nhân nên chưa được nghe pháp, chưa từng thọ trì kinh pháp, mà lại có thể hủy báng. Chưa nghe pháp nghĩa là đạo pháp chưa đến với nhĩ thức. Chưa từng thọ trì là đã tiếp cận đạo, nhưng không đọc tụng, thọ trì, lại hủy báng các giáo pháp đốn ngộ và các kinh pháp. Do từ nghĩa đó, nên Đức Như Lai mới giảng nói kinh này. Trong Đại Ưu-ba-đề-xá cũng đã nói nghĩa ấy. Nếu có sư tà lại có thể lường xét tâm ý của Như Lai, thì kẻ đó chỉ làm được việc là hủy báng lớn đối với chánh pháp. Thế nên, phải xa lìa các pháp diệt, khiến các pháp bạch bị diệt. Vì đối trị nơi điên đảo, nên làm rõ các câu pháp như bạch, thiện v.v... ấy, nên biết.

Thế nên, Đức Như Lai bảo Ca-diếp: Này Ca-diếp! Bồ-tát thành tựu bốn pháp, pháp thiện đã sinh, được chuyển biến tăng trưởng tốt đẹp, không khiến bị mất, lại chuyển biến thù thắng gấp bội. Bốn pháp đó là: Lìa bỏ pháp tà, chỉ cầu chánh pháp, như thế v.v...

Chỉ cầu chánh pháp ở đây là sáu Ba-la-mật nơi pháp tạng của Bồ-tát. Nghe chân chánh, không phải là nghe không chân chánh. Đã biết rõ các thứ chú thuật v.v... của thế gian nên hoàn toàn bỏ ngoài tai đã nói. Lời nói đưa đến hiểu biết, nhưng còn tùy thuận nơi tâm

được khuyến khích. Tâm thiện mềm mỏng, biểu lộ ý nghĩa gì? Là cầu mong những ngôn ngữ, chú thuật của thế gian, hay là nhân của mong cầu.

Vướng chấp nơi ngã mạn là tạo thành những việc chú thuật của thế gian, là mong cầu chú thuật của thế gian. Ngôn ngữ là thành tựu hay từ bỏ tâm niệm về lợi dưỡng, cung kính, danh tiếng. Khiến xả bỏ tâm niệm trên nên nói cầu sáu pháp Ba-la-mật và nhận lấy pháp tạng của Bồ-tát. Dùng pháp, tài sản và lợi dưỡng làm đủ, lia bỏ tất cả lối sống theo tà mạng, an trụ trong tánh biết đủ của Thánh chủ, lấy lợi ích của pháp làm đủ. Như pháp là có được lợi dưỡng, tâm luôn biết đủ.

Người dứt bỏ hết thấy tà mạng là xa lia tâm đua nịnh quanh co, an trụ trong tánh biết đủ của Thánh chủ, không sinh tâm mệt mỏi, nên được hay mất không phải do tâm. Hành trì theo hành chánh như vậy, Bồ-tát kia đã thành tựu hạnh lợi mình, lợi người, phòng hộ tâm của người khác. Nếu có lỗi gì hãy còn không can ngăn, hay biện bạch là giả, thật, hưởng chi là vạch tìm các lỗi hơn kém của người. Bồ-tát này tu hành sáu pháp Ba-la-mật nơi pháp tạng của Bồ-tát. Nếu tâm chưa thông đạt các pháp của chư Phật, thì ở đây chỉ có Phật là hiện tác chứng, nên không sinh tâm hủy báng. Vì sao? Vì Bồ-đề của Phật là vô biên, mà tín căn hiện bày không phải một, nên diễn nói các pháp, cũng là sửa trị các pháp.

Gồm lược mà nêu rõ: Vì sao thoái mất, không thể tăng trưởng? Thoái mất như thế nào? Thoái mất từ bao giờ? Thoái mất những pháp nào? Đó là chỉ rõ các pháp thiện vì sao thoái mất, không thể tăng trưởng? Thoái mất như thế nào? Là do tâm ngã mạn, cầu các thứ ngôn ngữ, chú thuật v.v... của thế gian. Lần lượt nêu bày thoái mất bao giờ, là trong hiện pháp và vị lai. Là những pháp nào? Là gồm đủ bốn pháp. Nơi bằng hữu bạch cũng thế. Pháp thiện hiện có sinh và sinh như thế nào? Sinh vào lúc nào cùng những pháp nào sinh?

Dùng thuyết nào để đối trị? Lại, các pháp này thứ lớp là thuộc về thứ ngã mạn nào? Các thứ lợi dưỡng v.v... hy vọng về các thứ ngôn ngữ, chú thuật v.v... của thế gian v.v... Mong cầu nơi chốn nào tùy thuận? Trông thấy lợi dưỡng nơi nhà Đàn-việt nào, thì có thể gần gũi gia đình ấy. Thân bị ràng buộc do lợi dưỡng, tiếng tăm. Tâm khởi ganh ghét, keo kiệt, vì các gia đình Đàn-việt hiện có đều đã có Bồ-tát khác thân cận. Từ đó nổi giận khởi lên sự bêu xấu, nhân giận dữ đó lại chê bai người, tức là hủy báng chánh pháp. Trong pháp bằng hữu bạch, lần lượt làm rõ các tai họa nên cần xa lìa kiêu mạn v.v...

Thuộc về sáu pháp Ba-la-mật, Bồ-tát tu học nghe biết đúng đắn, có thể tùy thuận pháp tu hành. Hành thuận theo pháp rồi, thì như pháp được thí, do nhận biết lượng. Lìa bỏ hết thầy tà mạng, an lạc trong tánh biết đủ của Thánh chủ. Tham đắm vào lợi dưỡng, tiếng tăm là nhân duyên của sự hủy báng. Không nói tội lỗi của người khác, dù thật hay chẳng thật cũng không tìm kiếm điều thiếu sót của người. Lìa bỏ tâm hủy báng, nên Bồ-tát có khả năng hành tạo lợi ích theo các sự việc đúng như pháp. Hành như pháp nên không hủy báng chánh pháp, lìa bỏ mọi nhân làm tiêu diệt pháp bạch và các pháp. Tu hành các nhân không diệt pháp bạch. Lìa bỏ làm những việc tương tự nhưng không phải Bồ-tát. Từ bỏ hết thầy các hành tập tâm ác, tạo ác. Tu tập hành tương tự tâm ngay thẳng của Bồ-tát. Hành tập các hạnh rồi khuyên bảo người khác, hiển bày rõ về các thứ khổ của sinh, diệt, không gây nhiễu hại cho người.

* **Kinh nói:** Đức Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn thứ tâm đua nịnh quanh co thường phải lìa bỏ. Đó là nên lìa bỏ tâm nghi ngờ, hối tiếc, không quyết định rõ đối với pháp Phật.

Hỏi: Vì sao chỉ nói có bốn pháp?

Đáp: Vì nhân nơi bốn thứ pháp đua nịnh v.v... nên có bốn thứ tâm đua nịnh, do đây nói bốn thứ đua nịnh, nên biết. *Những gì là bốn?*

- (1) Dua nịnh quanh co đối với thừa.
- (2) Giáo hóa thọ nhận của dua nịnh quanh co.
- (3) Dua nịnh quanh co hỗ trợ cho công đức.
- (4) Dua nịnh quanh co hỗ trợ cho trí.

Ở đây, *dua nịnh quanh co đối với thừa*: Là tâm sinh nghi hoặc, không quyết định rõ ràng v.v... đối với pháp Phật. Không cung kính, tôn trọng pháp Phật, cũng không kính trọng các giới pháp. Ở trong pháp Phật, sinh nghi hoặc, nên tâm không tin nơi Đại thừa mà cứ lặng lẽ làm. Do có pháp nên sinh nghi, do có ý tìm đức lớn nên bị mê lầm, vì trí không nắm bắt được pháp Phật, nên không có quyết định sáng rõ.

Giáo hóa thọ nhận nhân của dua nịnh quanh co: Là phát sinh tâm kiêu mạn, giận dữ, vọng tưởng đối với các chúng sinh. Do tâm kiêu mạn v.v... nên trong sự giáo hóa các chúng sinh luôn âm thầm sân hận. Không có khả năng chỉ lỗi do ý tưởng luôn hư vọng, kiêu mạn, giận dữ. Các bậc tôn trưởng cùng các đệ tử đều khuyên giải, can gián, trong những công việc hữu ích, vô ích v.v... nên biết.

Nhân của dua nịnh quanh co hỗ trợ cho công đức: Là sinh tâm ganh ghét, keo kiệt, đối với lợi dưỡng của người khác. Thấy người khác được lợi dưỡng, tâm ý phát sinh ganh ghét, giận dữ, gây rắc rối. Hoặc thấy kẻ cầu xin thì sinh tâm luyến tiếc, đó gọi là keo kiệt. Đã phát sinh tâm ganh ghét, keo kiệt mãnh liệt như thế, thì đối với sự việc hỗ trợ trí tuệ, công đức luôn bị sân hận chi phối không tu hành, nên các trí tuệ, công đức liền thoái mất.

Nhân của dua nịnh quanh co hỗ trợ cho trí: Là bêu xấu các Bồ-tát, nào là tên ác, gọi ác, hành ác v.v... Những việc nói về tên ác, trước đây đã giảng giải ở các câu như: Vì các Bồ-tát mà nói những điều ác, là nói đến kinh thuộc Đại thừa, nên biết. Vì hủy báng Đại thừa, nên đối với trí hỗ trợ đạo, Bồ-tát âm thầm trụ nơi biếng nhác,

không tu tập hành trì, nên trí tu đạo bị thoái mất. Vì sự việc này nên nói là bè bạn, nên biết.

Để đối trị tâm dua nịnh quanh co, Đức Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn thứ tướng chất trực. *Những gì là bốn?* Là hoàn toàn không che giấu các tội đã phạm v.v... Ở đây, các tội đã phạm hoàn toàn không che giấu, nghĩa là đều hướng về người khác để phát lồ. Sự việc phát lồ nên nói, đó là có tội thì sám hối. Do sám hối như thế, nên về sau không sinh tâm hối hận v.v..., tức có thể phát khởi điều thiện. Không màng đến cõi nước hoặc của cải để tìm sự thật, đó là thị hiện bố thí không tiếc. Thân mạng khó được, do lìa bỏ thân mạng, không dựa vào các thứ khác, nên không nêu ra sự việc gì khác. Lìa bỏ như vậy, khiến kẻ khác bị mê lầm, vì ý ấy nhằm đến chuyện khác. Trong tất cả điều ác, như mắng nhiếc, phi báng, đánh đập, trói buộc, gây vô số tổn hại, khi nhận lãnh khổ não mới tự trách mình, tự nhớ lại nghiệp báo, mới hết sân hận người khác.

Các câu này còn có ý nghĩa gì khác? Trong đây, mắng nhiếc là nêu bày điều hư vọng. Giận dữ là giả hay thật đều nói. Gây khổ cho người khác là nói đến tộc họ v.v... nói đến các việc ác. Phi báng là dùng nhân để thấy thật rõ sự việc xấu ác. Trách cứ, đánh đập là trong tự thân có đủ các duyên. Trách kẻ là có đủ ba nghiệp. Đánh đập là dùng các phần thân như tay chân v.v... Giết hại là tay cầm đao gây v.v... Trói buộc là dùng dây buộc lại. Nơi những sự việc như thế, chỉ nên tự trách ở nghiệp báo của mình, nhân là ở nghiệp báo thiện ác.

Không giận dữ người khác là không giữ tâm sân hận v.v... Không có kiết sử là không mang giữ kiết sử sân giận.

Bồ-tát khéo trụ vững chắc trong niềm tin và mong muốn. Giả sử có người không thể tin tưởng nơi pháp của chư Phật, Bồ-tát có thể khiến cho người ấy tin do tâm thanh tịnh, nói rõ thân tâm đều thành tựu từ trong pháp Đại thừa. Các câu này lần lượt sẽ nói.

Đối với pháp của chư Phật, do tâm nghi, nên không tu tập hạnh giới, khiến các chúng sinh hành theo hạnh tà vạy. Hành theo hạnh tà nên sinh tâm cầu lợi dưỡng, keo kiệt, ganh ghét. Vì không thể chế ngự tâm ganh ghét, nên thấy nghe các Bồ-tát có công đức, lợi dưỡng, thì khởi tâm phỉ báng, bêu xấu. Trong pháp bằng hữu bạch lần lượt cũng có việc nương, giữ giới pháp. Người khéo giữ giới là khéo giữ gìn lời chân thật. Giữ gìn lời chân thật, là có thể hành pháp Thuận nhẫn. Do đủ sức nhẫn nên thân tâm được thanh tịnh, vì vậy có khả năng tin tưởng chánh pháp của chư Phật.

Lược nói về dua nịnh quanh co, đó gọi là tâm hồ thẹn. Dua nịnh quanh co thường biểu lộ ở đâu? Ở trong pháp của chư Phật và do chúng sinh. Dua nịnh quanh co trong thời gian nào? Trong pháp hiện tại, hành tập mà không xả, cũng đến đời vị lai, thuận theo pháp hiện có. Thuận theo thì đã nói nơi hai thứ bốn câu, là thuận theo tướng chân thật ngay thẳng hiện có. Nghĩa ấy như thế nào? Lại do vào lúc nào? Hết thầy có ghi chép được đối trị do pháp bạch, nên biết. Các Bồ-tát can gián tâm dua nịnh quanh co bằng tâm chân thật, ngay thẳng. Do có tâm chân thật, ngay thẳng, nên Bồ-tát nói các nghĩa điều phục, để ngăn chặn các pháp dua nịnh quanh co. Bồ-tát khuyên họ điều thuận, chỉ rõ chỗ điều thuận, không điều thuận.

* **Kinh nói:** Đức Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn thứ tướng tán hoại không điều thuận. *Những gì là bốn?*

- (1) Đọc tụng kinh điển nhưng sinh hý luận.
- (2) Pháp cùng sự việc thuận pháp, không theo đó để hành.
- (3) Ở trong sự khuyên dạy không điều phục tâm, khiến tan hoại.
- (4) (Bản Hán không thấy pháp thứ tư)

Vì sao chỉ nói có bốn pháp? Có bốn pháp, vì có bốn thứ nhân không điều phục tâm khiến tán hoại. Bốn pháp không điều phục tâm khiến tán hoại là:

- (1) Xứ không điều phục nên tán hoại.
- (2) Trong sự phát khởi hành không điều phục tâm nên tán hoại.
- (3) Thọ dụng không điều phục tâm nên tán hoại.
- (4) Cùng trụ không điều phục tâm khiến tán hoại.

Ở đây, không điều phục nên tán hoại: Gọi là không khéo điều phục, dụ như ngựa dữ. Bốn pháp không điều phục nên tán hoại này có thể gây chướng ngại cho sự tu tập hạnh Bồ-tát, nên gọi là pháp không điều phục nên tán hoại.

Lắng nghe các pháp và ở xứ tu hành lại sinh hý luận, đó gọi là nhân của xứ không điều phục nên tán hoại.

Dụ như ngựa dữ không được điều phục nên tán động. Vì không được điều phục, nên trở lại ở yên chỗ cũ. Bây giờ, không thể khéo an trụ, lại không thể điều phục, nên khiến không thể không tán hoại. Bồ-tát cũng như thế. Nghe nhiều hiểu rộng về nghĩa pháp. Vì nghe nhiều, hiểu rộng, nên tâm không điều phục. Được các tri thức thiện chính thức khuyến dẫn, khiến tu tập các pháp theo thứ lớp, nhưng không thể chánh trụ. Ở trong sự khuyến dạy không thể thọ nhận pháp hạnh đúng đắn. Đó gọi là nhân phát khởi hành không điều phục tâm nên tán hoại.

Ví như không điều phục được ngựa dữ, đặt nó ở yên nơi đường chánh. Do không điều phục nên ngựa hướng theo đường xấu ác. Bồ-tát không điều phục cũng lại như thế. Được các tri thức thiện khuyến dẫn tu hành các pháp theo thứ lớp, nhưng trong chỗ khuyến dạy lại hiện rõ tâm niệm điên đảo phân biệt, tức nên chấp giữ điên đảo, tổn hại tâm cung kính cúng dường của tín thí khác. Đó gọi là nhân của việc không điều phục nên tán hoại trong thọ dụng.

Ví như ngựa dữ không được điều phục, ở chung một nơi với các ngựa đã được điều phục, thì ngựa dữ ấy vẫn sống khác với đàn ngựa kia, thế nên nói là không điều phục. Bồ-tát không điều phục cũng lại

như thế. Tuy đồng trụ với các Bồ-tát đã được điều phục, nhưng vì giới hạnh đã có thiếu sót, sai phạm, nên việc thọ nhận sự cung kính cúng dường của tín thí trở thành sự hối hận. Không hành trì giống như Bồ-tát khéo điều phục, không ưa thích tri kiến nên phát sinh tâm phi báng, không cung kính những Bồ-tát khéo điều phục kia. Đó gọi là nhân của xứ không điều phục nên tán hoại.

Ví như ngựa dữ không được điều phục ở chung một nơi với đàn ngựa đã được điều phục. Do không được điều phục nên tâm không thấy vui thích. Người khéo điều phục và người không điều phục cùng ở chung một nơi chốn cũng thế. Bồ-tát không điều phục cũng lại như thế. Do tự có kiến thủ, nên tâm không thấy vui thích khi ở chung với các Bồ-tát đã khéo điều phục. Bồ-tát đã khéo điều phục cũng lại như vậy.

Ở đây, *Điều* là các căn đã được điều thuận thù thắng. *Phục* là một lòng diệt trừ các ác để được hạnh tốt đẹp. Chuyển đổi đối trị tất cả pháp đen, nên biết là giảng nói pháp bằng hữu trắng.

* ***Kinh nói:*** Khéo nói cho người nghe, nghe rồi tin nhận, hành trì như lời đã nói. Nương dựa vào pháp, không dựa vào lời nói. Không phải đem tâm ganh ghét tranh lấy phần hơn, chỉ lắng nghe chánh pháp, cầu được lợi ích, không tìm kiếm để thấy các khuyết điểm của người khác.

Bồ-tát hành trì các việc như thế thì thường được gặp pháp không lìa tri thức thiện, thuận theo lời thầy dạy, có thể nhận biết chỗ nương dựa, hành đúng với những lời đã giảng nói, không trái ý thầy, giới định không thoái chuyển.

Các câu này còn có nghĩa gì khác? Trong đây, *đối với chỗ khuyên dạy, luôn thuận theo lời thầy:* Là gồm chung đều có thể khiến làm việc thiện. *Dùng dụ nơi lời nói:* Là nghe những điều thiện, ác, đều nhẫn nhục.

Mọi việc làm đều thiện: Là mọi lúc đều không vi phạm giới cấm. *Không làm trái ý thầy:* Là tâm luôn kính trọng đối với lời thầy dạy khuyên.

Bồ-tát hành trì các việc như vậy, thường được gặp tri thức thiện, không lìa chốn A-lan-nhã, giới định không thoái chuyển, dùng tâm đã điều phục thọ nhận sự cúng dường, đã nói về giới định không thoái chuyển, lại làm rõ lần nữa giới do định mà được nổi bật, nên biết.

Bồ-tát hành hóa thuận hợp rồi, nên thường không xa lìa hành các công đức nơi bậc tri thức thiện. Được gặp các Bồ-tát khéo điều thuận, tức sẽ cung kính, yêu thích, tùy thuận người thiện, khuyến khích thọ nhận hành thuận, hướng thuận, ý thuận các công đức, vì khiến đạt được lợi ích.

Các câu này còn có nghĩa gì khác? Ở đây, các câu khéo điều phục và tùy thuận v.v...: Như trước đã nói. *Cung kính, yêu thích:* Là chỉ rõ tâm vui mừng, kính trọng.

Tùy thuận hướng theo: Là ưa thích được thấy, gặp. *Thuận ý:* Là ý muốn thân cận chân chánh. *Thuận các công đức:* Là ý ưa thích nghe pháp. *Vì khiến đạt được lợi ích:* Là ý thuận hành pháp này.

Làm các việc làm như vậy, Bồ-tát thành tựu pháp không xa lìa tri thức thiện, đứng đầu trong chúng.

Lược nói: Là do đâu nên gọi là điều thuận, không điều thuận, bên sự việc hư hoại, cùng làm thế nào có được? Là chỉ do các tướng như nghe v.v... Vào lúc nào? Là pháp ở hiện tại và vị lai, được hành tập không ngừng. Do những tướng nào? Là đầy đủ bốn pháp, là hành pháp đối trị như nghe v.v... nên nói pháp bằng hữu trắng v.v... nên biết.

Khởi nói tiếp: Hành pháp như nghe v.v... với tâm kiêu mạn. Tùy thuận hành nơi chánh pháp và các pháp nối tiếp v.v... xong,

không hành như pháp đối với chỗ truyền dạy đúng đắn, nên việc thọ dụng của tín thí dễ khiến kẻ ấy rơi vào chốn không lợi ích, vì tâm đã xen tạp cấu nhiễm. Do đây, gặp các Bồ-tát đã khéo điều phục tâm, không sinh cung kính, nên đối trị bằng cách lần lượt nói pháp bằng hữu trắng v.v... nên biết.

Trong các pháp không điều phục đã can gián, nên khuyên tu tập các pháp điều phục v.v... Trụ trong pháp điều phục và phòng hộ pháp lầm lẫn của Bồ-tát v.v... Khuyên tu tập các pháp không lầm lẫn, nên nói các pháp lầm lẫn, không lầm lẫn.

* **Kinh nói:** Đức Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn pháp lầm lẫn, đó là: Đối với các chúng sinh chưa được tin nhận giáo hóa mà cùng đồng ý, đó là Bồ-tát lầm lẫn. Cho đến thâu giữ cả những kẻ ác phá giới v.v... đó là Bồ-tát lầm lẫn.

Hỏi: Do đâu chỉ nói bốn pháp?

Đáp: Vì dựa vào bốn pháp lầm lẫn để nói Bồ-tát có bốn thứ lầm lẫn. *Những gì là bốn?* Đó là:

- (1) Lầm lẫn vì không hành.
- (2) Lầm lẫn vì vượt quá dung lượng.
- (3) Lầm lẫn vì hành trì không đúng.
- (4) Lầm lẫn vì làm điều ác.

Trong ấy, *lầm lẫn vì không hành:* Là đối với các chúng sinh chưa thọ nhận sự giáo hóa mà cùng đồng ý. Dựa vào sự giáo hóa chúng sinh, khuyên khiến đạt đến cứu cánh. Giảng nói pháp mà đoạn dứt tâm tin tưởng, cung kính của chúng sinh, đó là Bồ-tát lầm lẫn.

Lầm lẫn vì vượt quá dung lượng: Là giảng nói pháp thâm diệu thù thắng cho các chúng sinh không phải là pháp khí hay đối với các chúng sinh theo Tiểu thừa mà khiến cầu Đại thừa, lại không tùy thuận nơi căn cơ mà giảng nói, đó là Bồ-tát lầm lẫn.

Làm lãn vì hành trì không đúng: Là đối với các chúng sinh thượng căn, lại giảng nói pháp Tiểu thừa. Hay đối với người theo Đại thừa lại khiến cầu học Tiểu thừa. Giảng nói pháp mà không thuận theo căn cơ, đó là Bồ-tát làm lãn.

Làm lãn vì làm điều ác: Là đối với các chúng sinh trụ nơi hạnh chánh, giữ giới như pháp, lại giữ lấy việc trị phạt cho là không cung kính, thâm nhận kẻ phá giới. Ở trong việc trì giới, phá giới, tâm lệch lạc nên nói pháp điên đảo.

Ở đây, giữ giới có ba nghĩa, nên biết. Trụ nơi hạnh chánh là không tạo nghiệp phạm giới. Giữ giới là các giới không thiếu sót, không sai phạm. Pháp chân thật là pháp kính trọng giới.

Có hai thứ tướng giải thích thành phá giới: Là phá giới và thiếu sót giới điều.

Pháp ác: Là không kính trọng các giới. Làm lãn: Là giữ lấy đạo bất chánh và chỉ rõ đạo ấy, nên biết.

Bốn câu nói về làm lãn này, hiện nói bốn pháp:

- (1) Không nói.
- (2) Nói không tương tự.
- (3) Nói không hợp căn cơ.
- (4) Nói điều ác.

Không nói: Là tỏ vẻ mệt nhọc trước và sau khi nói pháp, là đã sinh tâm ác.

Nói không tương tự: Là chỗ giảng nói không có phương tiện.

Nói không hợp căn cơ: Là chỉ ưa thích pháp Tiểu thừa.

Nói điều ác: Là giáo huấn, khuyên răn với tâm mong cầu lợi dưỡng.

Ở đây, tâm ác là do không nói nên ở trong các căn thiện liền bị thoái mất, không thể đầy đủ, thế nên chỉ là lừa dối chúng sinh. Vì

không có phương tiện thiện xảo để giảng nói pháp, nên không thể thấu giữ được các kẻ có căn thiện bậc thượng. Do ưa thích pháp Tiểu thừa, nên xa lìa hàng căn thiện bậc thượng.

Lại nữa, có thường tâm mong cầu lợi dưỡng khi hành chỉ dạy, khuyên bảo, nên không tích tập được công đức, chỉ hỗ trợ điều ác. Lừa dối chúng sinh nên đối trị việc đó tức nói pháp bợn bẻ trắng, nên biết.

* **Kinh nói:** Đối với các chúng sinh, tâm Bồ-tát đều bình đẳng, cho đến khiến cho hết thảy các chúng sinh bình đẳng trụ trong hạnh chánh.

Tâm Bồ-tát đều bình đẳng đối với các chúng sinh: Nghĩa là tâm bình đẳng đối với tự tha. Giảng nói pháp cho các chúng sinh không có lòng tin sâu xa, hay chúng sinh giáo hóa chưa thành thực, phải phòng hộ để không tạo sự lầm lẫn. Tâm nhận biết đối với tất cả chúng sinh, đều bình đẳng khi giảng nói pháp. Hết thảy đối với pháp đều bình đẳng, nên gọi là pháp bình đẳng.

Đối với các chúng sinh không phải là pháp khí, ưa chuộng Tiểu thừa v.v..., mong cầu Đại thừa: Nghĩa là tùy theo năng lực giảng nói pháp, đề phòng sự lầm lẫn vì vượt quá dung lượng, nên biết. Vì thế nói pháp phải tùy theo căn cơ.

Giáo hóa khắp hết thảy chúng sinh khiến nhập vào trí tuệ Phật: Nghĩa là đối với các chúng sinh thượng căn tin ưa Đại thừa, nhưng ý cầu pháp Tiểu thừa, thì nên khuyên bảo khiến họ hội nhập nơi trí tuệ Phật, đề phòng sự lầm lẫn do hành trì không đúng, nên biết.

Khiến cho hết thảy các chúng sinh bình đẳng trụ trong hạnh chánh: Nghĩa là nên từ bỏ các tâm cầu lợi dưỡng, tiếng tăm, phân biệt giữ giới, phá giới, bình đẳng giảng nói pháp, đề phòng sự lầm lẫn vì làm điều ác, nên biết. Can gián Bồ-tát không giữ lấy nhân đúng đắn, cùng không nên gàn gỏi, là chỉ rõ về nhân có thể gàn gỏi, không thể gàn gỏi.

* **Kinh nói:** Đức Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn hạng không phải là tri thức thiện, không phải là bạn thiện v.v... Bồ-tát thường nên xa lìa chúng. Những gì là bốn? Là người cầu Tiểu thừa, chỉ muốn tự lợi, cho đến gần gũi. Do thành lợi thế gian, không lợi ích gì cho chánh pháp.

Hỏi: Vì sao chỉ quyết định nói có bốn pháp?

Đáp: Nhân không phải là tri thức thiện, nên nói bốn thứ không phải là tri thức thiện, không phải là bạn thiện, nên biết. *Những gì là bốn?* Đó là:

- (1) Ở trong thừa, không phải là tri thức thiện.
- (2) Ở trong hành, không phải là tri thức thiện.
- (3) Trong pháp Phật, không phải là tri thức thiện.
- (4) Trong chánh pháp, không phải là tri thức thiện.

Ở đây, *người Tiểu thừa:* Là người chỉ cầu lợi mình, không cầu lợi ích cho người khác. Tánh hạnh tự như hẹp, kém. Họ khuyên Bồ-tát khiến xa lìa pháp Đại thừa. Đó gọi là *ở trong thừa không phải là tri thức thiện.*

Người cầu Duyên giác: Là hạng ít ham muốn, ít tạo tác, chỉ lo xử tu hành, từ bỏ việc đem lại lợi ích cho chúng sinh. Họ khuyên Bồ-tát khiến xa lìa các việc làm tạo lợi ích cho chúng sinh. Vì xa lìa hành tạo lợi ích nên thành mất nhân hành. Đó gọi là *ở trong hành không phải là tri thức thiện.*

Lô-già-da-đà: Là nói vô số lời dị biệt, khuyên khiến xa lìa pháp Phật. Do xa lìa nên thành mất nhân hành. Đó gọi là *ở trong pháp Phật không phải là tri thức thiện.*

Nếu tạo gần gũi, chỉ có lợi ích thế gian, không có lợi ích gì cho pháp, nên ở trong pháp thiện chỉ lo siêng tu tập thì trở thành nhân thoái mất. Do thoái mất nhân của pháp thiện, nên gọi là *ở trong chánh pháp không phải là tri thức thiện.*

Đối trị nơi bốn thứ ấy, nên nói bốn hạng tri thức thiện.

* **Kinh nói:** Những người đến cầu xin là tri thức thiện của Bồ-tát, là nhân duyên của Phật đạo. Do không khiến đoạn dứt pháp Đại thừa nên gọi những người tới cầu xin là tri thức thiện của Bồ-tát. Nên biết là có sai biệt.

Bồ-tát nghĩ thế này: Ta dựa vào những người đến cầu xin là tri thức thiện, nên tu tập vô lượng công đức, hồi hướng về đạo quả Bồ-đề vô thượng, là tu hành chân thật. Không mong cầu Tiểu thừa, nên việc tu tập bố thí tất làm lớn thêm căn thiện của Bồ-tát, khiến không mất hành Đại thừa.

Người giảng nói pháp là tri thức thiện của Bồ-tát, vì phát sinh trí tuệ thuần thĩ nên không mất hành đối trị. Do đa văn nên có thể khiến vì những người khác nói pháp. Vì vậy không cầu sự thiếu dục, văn tuệ thêm nhiều, thuần chí, dù bị khổ nơi thế gian, nhưng Bồ-tát không thấy mệt mỏi. Giáo hóa mọi người khiến được xuất gia, đó là tri thức thiện thuần chí của Bồ-tát.

Tăng trưởng tất cả pháp thiện, là lý đối trị không làm đoạn dứt chánh pháp. Khuyến xuất gia, nên đối với các thứ pháp tà đã được xa lìa. Vì hết thấy căn thiện đã thuần chí nên làm lợi ích không thấy mệt mỏi, biếng trễ, thoái lui.

Chư Phật, Thế Tôn là tri thức thiện thuần chí của Bồ-tát, vì làm tăng trưởng tất cả pháp Phật. Là đối trị, khiến không làm mất pháp Phật, chỉ rõ nếu có được giáo pháp thù thắng của chư Phật thì không thoái mất tâm Bồ-đề.

Giải thích xác nhận về việc không vướng mắc lợi dưỡng, tiếng tăm v.v... Đã tham vướng nơi lợi dưỡng, tiếng tăm, nên khiến xa lìa, thoái mất pháp của chư Phật. Thuần chí tu tập pháp của chư Phật cùng do tích tập sức mạnh của căn thiện nên không thể lui mất. Vì ý nghĩa đó, nên từ chỗ không phải là tri thức thiện, nhưng đã can gián,

khuyến khích tu tập hành chân thật như thế, hành tác các việc làm của Bồ-tát, nêu rõ tướng như thật và không như thật của Bồ-tát.

* **Kinh nói:** Đức Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn hạng không phải là Bồ-tát mà chỉ tương tự như Bồ-tát. *Những gì là bốn hạng?* Đó là: Tham cầu lợi dưỡng mà không cầu pháp, cho đến ưa thích tụ tập đồ chúng không thích hạnh xa lìa.

Hỏi: Vì sao chỉ nói có bốn pháp?

Đáp: Nhân nơi bốn thứ không phải là tướng của Bồ-tát, nên nói bốn thứ chẳng phải là tướng của Bồ-tát, chỉ tương tự:

- (1) Tương tự như nghe nhiều, học rộng.
- (2) Tương tự như A-lan-nhã.
- (3) Tương tự như tạo tác hành công đức.
- (4) Tương tự như dẫn dắt các đồ chúng.

Tham cầu lợi dưỡng mà không cầu pháp: Nghĩa là Bồ-tát này mong cầu lợi dưỡng đối với những người có tâm tin tưởng, tuy vẫn còn vâng giữ chánh pháp. Đó gọi là không như thật, chẳng phải như thật.

Tham cầu tiếng tăm, tự xưng tán đức của mình, không mong cầu công đức xuất thế: Nghĩa là Bồ-tát này ưa thích tiếng tăm, dù ở chốn A-lan-nhã. Đó gọi là không như thật, chẳng phải như thật.

Tham cầu an vui riêng không thể cứu vớt các thứ khổ não của chúng sinh: Nghĩa là vì bị trói buộc do tâm mong cầu lợi dưỡng. Bồ-tát này tuy hành tạo công đức, vẫn gọi là không như thật, chẳng phải như thật.

Thích tụ tập đồ chúng, không ưa xa lìa: Nghĩa là do tâm mong được cung kính cúng dường, trói buộc, tuy là người đứng đầu chúng, nhưng Bồ-tát này vẫn gọi là hành không như thật, hành chẳng phải như thật.

Bồ-tát đã hành các hạnh như vậy, thì các công đức tạo được, dù ở chốn A-lan-nhã, dù đứng đầu chúng, cũng đều mất hết.

Đối trị điều ấy, nên nói đến các công đức chân thật, nên biết.

* **Kinh nói:** Có thể tin hiểu về không, cũng tin nghiệp báo. Do tin hiểu không, nên không ưa những việc như lợi dưỡng v.v... Còn tin nghiệp báo là nhân để ưa thích các pháp. Vì ưa thích pháp, nên nghe và tu tập vô lượng công đức nhân, tất cả đều vô ngã và ngã sở. Vì nhân nhục vô ngã, nên không ưa thích vướng mắc nơi các việc danh tiếng, xưng tán v.v... Đối với tất cả chúng sinh, khởi tâm đại bi. Do tâm đại bi nên mong cầu công đức của Bồ-tát, ý nhập Niết-bàn. Vì ý nhập Niết-bàn nên không ưa thích an vui riêng mình cũng không từ bỏ việc làm cho thế gian. Do không từ bỏ thế gian, nên luôn cứu vớt chúng sinh khổ. Vì giáo hóa chúng sinh, nên tâm không bỏ chúng sinh, mà luôn hành tác bố thí. Vì hành bố thí nên khéo nhận biết công đức của chúng sinh. Tuy tu hành thí, nhưng Bồ-tát không mong được trả ơn. Do ưa thích vắng lặng, nên hành bố thí không mong cầu được đền đáp.

Hỏi: Trong pháp bằng hữu trắng đã diễn nói các pháp như tin, ưa, thì đâu cần gì nói đến pháp không v.v...?

Đáp: Các hành trợ đạo như bố thí v.v... có ý nghĩa là cùng hành với các hành của hàng Thanh văn, Duyên giác v.v... nhưng muốn nghe hành thù thắng của Bồ-tát mà sinh tâm do dự. Vì nhằm hiện nói pháp không chung với Thanh văn, Duyên giác, hỗ trợ cho việc thành tựu chánh giác, là pháp của các Bồ-tát.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 2

* **Kinh nói:** Bây giờ, Đức Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có được bốn thứ kho báu còn giấu kín lớn. Những gì là bốn thứ kho báu? Đó là: Có thể giữ gìn chư Phật. Có thể nghe lãnh hội sáu pháp Ba-la-mật. Cho đến rất ưa thích nơi núi rừng, tâm không lười biếng.

Hỏi: Vì sao chỉ nói nhất định có bốn pháp, không nhiều, không ít?

Đáp: Vì nhằm ngăn chặn về vô cùng, cũng là không phải vẫn nạn. Lại nhằm hiển bày nhân chưa từng có, nên nói bốn thứ.

Ở trong đêm dài sinh tử, khéo tu tập pháp không, nên được Nhất thiết trí, cũng như tu tập nhân không. Vì diệt trừ vô minh tăm tối che lấp thế gian, nên nói pháp để tâm có thể thân cận, hướng đến Niết-bàn. Chỗ sâu xa của tịch tĩnh, do không tu tập, nên không điều phục, đạt được thanh tịnh. Thế gian nếu giảng nói pháp thượng diệu, thì người nào có thể thân cận? Nên hai thứ bố thí tiền của và pháp là trái ngược với tâm ganh ghét, keo kiệt. Vì tu tập từ lâu, nên thế gian ưa thích A-lê-da (Thánh giả). Vì đã hết sức ưa thích A-lê-da nên khi giảng nói pháp có thể gần gũi. Hoặc lại thâm giữ hành của tất cả Bồ-tát.

Lược nói bốn pháp. Các Bồ-tát có hai thứ hành trợ đạo Bồ-tát:

- (1) Hành trợ đạo của trí.
- (2) Hành trợ đạo của công đức.

Trong đây, tin không, vô ngã cùng không xả bỏ Niết-bàn v.v... là hành trợ đạo của trí. Ba câu tin nghiệp báo v.v... là hỗ trợ thành tựu của trí công đức. Tu tập rộng sáu pháp Ba-la-mật, thâm giữ hành, hỗ trợ bốn thứ hành. Ở đây không từ bỏ ý định giáo hóa chúng sinh.

Hành tài thí, pháp thí, không mong báo đáp, đó gọi là hành hỗ trợ Bồ thí Ba-la-mật. Ý không bỏ Niết-bàn là hành hỗ trợ Trì giới Ba-la-mật. Do tâm Bồ-tát hướng đến Niết-bàn, nên thường sợ hãi thế gian, luôn đề phòng hàng phục nhân của các phiền não như phá giới v.v... Được thể của pháp tánh giữ giới, nên Bồ-tát thành tựu nhẫn vô ngã và điều phục chỗ nương dựa của tướng chúng sinh. Giả sử khi chúng sinh có sự bức bách nào hại nhưng tâm của Bồ-tát không hề dao động, do có thể tin nghiệp báo cùng ý không từ bỏ thế gian, đó là hành hỗ trợ thành tựu Tinh tấn Ba-la-mật, cũng là hành hỗ trợ thành tựu quả của công đức, trí tuệ.

Bồ-tát tin nơi Nhất thiết trí, tuy thấy rõ các thứ khổ lớn của thế gian, tâm Bồ-tát không hề bỏ chúng sinh, cùng chí nguyện phư. Không lìa mọi khổ não của thế gian, chỉ ở nơi thế gian, vì nhằm tăng trưởng căn thiện. Phát khởi đại tinh tấn, dùng tâm đại bi nên hỗ trợ thành tựu Thiền định Ba-la-mật.

Đại bi nương dựa nơi thiền định căn bản. Tin vào không là hỗ trợ cho hành Trí tuệ Ba-la-mật thành tựu. Bồ-tát không lìa bỏ tâm Bồ-đề, đó gọi là giữ gìn lời nói chân thật, không lừa dối. Bồ-tát có tâm đại bi và tin tưởng ở nghiệp báo, nên luôn hướng về bạn ở thế gian, hành tác nơi xứ chúng sinh, nhưng không giúp vào việc nêu bày điên đảo. Thế nên, do tâm đại bi và tin nơi nghiệp báo, Bồ-tát không bỏ việc hành hóa ở thế gian, không bỏ nhân của tâm Bồ-đề. Các pháp ấy đã chỉ rõ việc giữ vững lời nói chắc thật. Bồ-tát nói lời chắc thật là do không lìa bỏ tâm Bồ-đề. Đây tức căn cứ vào chỗ phát tâm bồ thí của cải, giáo pháp v.v... mà không mong được trả ơn, nên gọi là giữ gìn thể mạnh.

Tâm bồ thí của Bồ-tát là bồ thí tài và pháp nhằm trừ bỏ tánh keo kiệt, ganh ghét. Thành tựu tâm hướng đến Niết-bàn, đó là giữ vững nẻo tịch tĩnh.

Bồ-tát đạt được tịch tĩnh là do diệt trừ các thứ không tịch tĩnh, nên có khả năng thành tựu nhân thiện và tin nơi không, vô ngã v.v... Đó gọi là giữ vững trí tuệ.

Trí tuệ của Bồ-tát là để điều phục, trừ bỏ các phiền não, đối trị để có được Bồ-đề thanh tịnh, căn thiện có thể tăng trưởng, cho đến chứng đắc Bồ-đề vẫn không mong cầu trả ơn. Tâm từ là ban cho của cải và chánh pháp v.v... khiến đem lại lợi ích cho người khác.

Đại bi, đó gọi là đại bi, vì đại bi đứng đầu, cùng tin ở nghiệp báo, nên khi hành tác ở thế gian, chỉ làm những việc hữu ích cho chúng sinh. Những hành tác này đều thành tựu nên tâm sinh vui mừng, đó gọi là hỷ. Hoặc do tâm hướng đến Niết-bàn, nên có khả năng điều phục các phiền não, vì không còn phiền não nên tâm có sự vui mừng gọi là hỷ. Hoặc quán các hành đều vô ngã, các pháp lìa ái, kính v.v... Hoặc nhớ nghĩ về vô lượng công đức của Như Lai nên sinh vui mừng, đó gọi là hỷ. Hoặc tự quán biết mình có đủ khả năng xuất thế. Hoặc thấy chúng sinh ở thế gian đều bị chìm lấp trong lớp bụi phiền não, nên Bồ-tát nghĩ: Ta có thể xua trừ hết thảy các thứ vô minh đang che phủ chúng sinh trong lớp bụi dày nơi thế gian này, khiến họ đạt đến cảnh giới Niết-bàn tịch diệt. Ta hành tác để cứu vớt chúng sinh ra khỏi nẻo bụi bặm phiền não cấu uế, thấy lợi ích của họ và của ta không lìa nhau. Hoặc thấy chúng sinh được hưởng an vui, tâm sinh vui mừng, đó gọi là hỷ. Vì quán xét các hành đều vô ngã, nên trừ bỏ các sự thân, oán v.v... chứng ngộ chân như bình đẳng, tạo lợi ích cho chúng sinh, các pháp mâu thuẫn tự nhiên từ bỏ. Nơi pháp phần Bồ-đề, đó gọi là xả. Hành tài thí, pháp thí không mong báo đáp. Bồ thí, ái ngữ cùng tâm bi, nên không bỏ việc tạo lợi ích cho chúng sinh. Về lợi ích như nơi các câu khác đã nêu, tức luôn hành trì tạo lợi

ích, nên làm rõ về đồng sự. Vì vậy đã thấu giữ hết thủy hành trợ đạo của Bồ-tát. Những việc được giải thích xác nhận nơi bốn câu trên.

Hỏi: Nay cần nói đến nghĩa không. Vậy thế nào là không?

Đáp: Dùng trí tuệ để khéo giải thích tánh tướng của các hành nhưng không thủ đắc, đó gọi là không.

Hỏi: Trí có khả năng diệt các hành không?

Đáp: Không.

Tuy nhiên, cảnh giới của tướng thức là như thế, trong chân thật thì không hư vọng, nhưng cảnh giới của thức được hiện bày là sự không thật. Ở trong lãnh vực có tạo tác thì thức và trí tuệ phát sinh cùng lúc. Từ khi phát khởi hành tu nhẫn bậc thấp cho đến pháp tánh thì lần lượt có chia ra trên, dưới, trước, sau, giữa. Phân biệt rõ rồi thì có thể tạo duyên cùng với trí vô lậu, rồi trở lại diệt trí vô lậu. Trong chân thật thì không nên theo hư vọng mà nhận thức, vì cảnh giới của thức là sự việc không thật. Nơi cảnh giới tạo tác thì trí và thức cùng sinh. Từ khi phát khởi hành tu nhẫn bậc thấp cho đến pháp tánh thì lần lượt chia ra trước, giữa, sau. Phân biệt rõ rồi, cùng với trí vô lậu tạo duyên, trở lại diệt trí vô lậu. Cũng cùng ở trong cảnh giới chân thật thấy rõ nhân chương ngại cảnh giới của thức không thể duyên hợp. Trở lại cảnh giới chân thật của chính mình thì thấy cảnh giới vô tướng, thấy pháp giới. Vượt khỏi lãnh vực phiền não thì không phải là sự thấy của tự tướng. Cảnh giới của tự tướng chỉ ở tại hành thức. Các pháp kia cũng thế. Chỉ có thức tạo tác nơi thế gian. Hành tu đạo là thành trí hướng tới tướng ấy, nên không thể tự giữ lấy tướng. Nếu dựa vào trí tạo tác như thế thì không phải là trí phân biệt tánh tướng. Tự tướng ấy vốn là vô thường v.v... nên trí tuệ không phải là việc chân chính. Tướng hữu ký là thức, thế nên không có thức hơn kém. Nghĩa này không thành.

Vì sao không thể giữ lấy tự tướng? Nếu trí chẳng phải là tướng, thì trí đồng với cảnh giới của tướng. Cảnh giới này không hư, tự giữ

lấy tướng. Nếu có thể giữ lấy tự tướng, thì xả bỏ tự tướng, chỉ có sự ghi nhớ cùng giải thích thành thức, là không khác với thức. Thuận theo báo là không trái ngược. Nếu dựa vào trí hành tác như vậy thì cùng thức sinh là duyên. Nhưng cảnh giới của sự ấy, tướng như vậy là gắn liền với trí nên cũng giữ lấy.

Vô thượng v.v...: Sự việc này không đúng, vì chúng trái ngược nhau, nên không có việc tự cùng với tướng trái nhau.

Đã cho sự của sắc cũng vô thường. Nếu do sự của sắc thành vô thường, thì trí tất có khả năng giữ lấy, nhưng là không thành. Cho nên trí không tự giữ lấy nghĩa của tướng. Trí tùy thuận nơi thức, tánh kia vì thế không diệt mất. Tạo ra tướng của cảnh giới chân thật, nên thành xả bỏ nghĩa của tự tướng, vì vậy trí không có cảnh giới của tự tướng, hoặc thức là cảnh giới của tướng chân thật.

Hỏi: Do gì để tin nơi không, nghiệp báo mà có thể tùy thuận? Do nghĩa này nên nói: Có thể tin vào các nghiệp báo.

Đáp: Vì có sinh nên nói, vì vậy không có lỗi.

Ở đây cũng có thể dùng trí phân biệt, quán các hành, chúng sinh không thể thấy. Trí nhận biết các hành sinh, vô tướng, không phân biệt duyên nơi đây, nên bất thiện không thể trụ nơi sự, cùng không phân biệt về sự có, vậy thì ai tạo các hành và nhận quả gì để chúng có thể cùng thuận vào nhau. Từ đó sinh nghi hoặc, do sinh nghi hoặc, nên không tin nghiệp báo. Vì ý nghĩa này nên Đức Phật nói với Ca-diếp: Thà khởi kiến chấp của chúng sinh chứa đầy như núi Tu-di, chứ không do ngã mạn mà khởi tâm ngã mạn, như trong Luận nói kệ:

*“Không” trừ mọi kiến chấp
 “Kiến” chư Phật giảng nói
 Nếu người có “Không kiến”
 Tức là không thể trị.*

*Không chánh quán các không
 Hay hoại không trí sáng
 Dụ như bắt rắn dờ
 Không biết cách hành chú.
 Ở đây vì hồi hương
 Như Lai nói kệ này
 Biết pháp và pháp tiếp
 Độn căn khó lường tính.*

Bồ-tát đã khéo hành nơi thế đế và đệ nhất nghĩa đế, tuy khéo quan sát, phân biệt các hành, nên biết rõ các nhân duyên tích tập. Trí sâu xa đã được hành trì từ lâu, tức nhận biết được sự việc của nhân duyên nên không sinh nghi hoặc. Xác nhận các hành kia theo nẻo nhân như thế, nếu khác thì không thành tựu tánh. Các hành không phân biệt. Do từ ý nghĩa ấy nên có vô số thứ phân biệt như vậy. Niệm Phật thuộc về phương tiện thiện xảo để hành tác và đã thành tựu. Như xứ ứng hóa, nên lần lượt đạt được quả Nhất thiết trí. Bồ-tát do tâm tin nên phát khởi tinh tấn dũng mãnh, nhẫn nhục vô ngã thù thắng.

Hỏi: Xin nói rõ về sự nhẫn vô ngã?

Đáp: Do quán xét cảnh giới thức tướng của chúng sinh, do có thể để nên các pháp đều đồng, chỉ nhận biết, khéo lựa chọn, phân biệt. Đã cầu tìm không có chúng sinh và nghĩ như vậy: Đây chỉ có pháp cũng như huyền ảo không phân biệt. Duyên lực không thể hoàn toàn tự thay đổi nối tiếp nhau. Nghiệp, phiền não là nhân sinh của củi lửa như thể của ngọn đèn cháy. Do pháp duyên từ gốc nơi nghĩa tương tự, nên nối tiếp không dứt. Nhưng khi lửa cháy, không biết từ đâu đến. Lúc lửa tắt cũng không để lại dấu vết và cũng không đi về đâu. Trong ấy, các thứ hiện có chỉ là dùng để mong cầu. Đó gọi là nhẫn vô ngã.

Hỏi: Nhẫn vô ngã có thể tạo nên sự phân biệt không chúng sinh, còn Bồ-tát đều khiến cho chúng sinh được lợi ích, thế sao nói là nhẫn vô ngã?

Đáp: Những sự việc Bồ-tát hành hóa nơi chúng sinh đều có thể đem lại lợi ích cho họ, nên gọi là nhân vô ngã. Do nhân vô ngã, nên Bồ-tát đã điều phục các phiền não, quan sát tướng của chúng sinh để tu tập, nhận biết các hành duyên nhau là giả tạm, không phân biệt. Giả sử có chúng sinh bị tai họa, hoặc các hành thế gian trở lại gây nhiễu hại cho Bồ-tát, thì do đã khéo nhận biết về chúng sinh, nên Bồ-tát không bỏ tâm Bồ-đề lại giữ vững tâm đó để thành tựu trí tuệ và từ bi. Không lìa bỏ chúng sinh và tu tập đủ các căn thiện để đạt được Nhất thiết trí, không lìa bỏ các hành mới chứng đắc Bồ-đề.

Hỏi: Tin tưởng nơi không, nhân vô ngã còn có nghĩa gì khác?

Đáp: Tin tưởng nơi không và vô ngã có thể phân biệt quan sát thuận hợp tất cả các hành, chứng được xứ căn bản của pháp giới.

Nhân vô ngã là nơi cảnh giới của tự tướng, có thể phân biệt, quán xét thuận hợp về chúng sinh, mọi vật, chính là thấy được xứ pháp căn bản.

Tin tưởng nơi không là loại trừ tánh kiêu mạn chấp giữ nơi pháp. Còn nhân vô ngã là loại trừ tánh kiêu mạn chấp giữ nơi chúng sinh.

Hỏi: Do có tướng chúng sinh nên Bồ-tát khởi tâm đại bi, vì sao nói tin nơi pháp vô ngã, như vậy đại bi đó của Bồ-tát là trái ngược với pháp?

Đáp: Nhân nơi đại bi này nên Bồ-tát chứng biết hết thấy pháp đều vô ngã rồi, chỉ nhớ nghĩ đến cảnh giới của chúng sinh, luôn bị vô minh che lấp, chỉ có tu tập trong pháp vô ngã mới lìa khỏi sự cố chấp nơi tướng chúng sinh ấy. Do đã chấp đây là ngã và ngã sở, đã duyên nơi ái nên lại tạo nghiệp hữu lậu, như vậy tức trở lại không dứt nỗi đường sinh tử của thế gian. Vì thế, Bồ-tát suy nghĩ: Ta sẽ khiến chúng sinh tin ưa các pháp này. Thế nên, tâm đại bi của Bồ-tát thương xót chúng sinh càng sâu nặng.

Hỏi: Ông đã nói tâm hướng đến Niết-bàn, nay cũng nên giải thích nghĩa của Niết-bàn?

Đáp: Niết-bàn là không còn thân duyên vào quả nghiệp, phiền não. Vì không duyên, nên dòng chảy của ám diệt mất, đó gọi là Niết-bàn. Như không còn duyên thì lửa tắt, lửa trí tuệ chỉ còn hơi ấm. Không duyên nên hạt giống của thức diệt mất. Còn có duyên nơi vị lai, các hữu tuy có nảy mầm như hạt giống, nhưng lửa đã tắt, mầm hữu lậu không sinh. Dập tắt lửa phiền não là Niết-bàn chân thật, như cây đã bị nhổ tận gốc. Nhưng Niết-bàn kia có hai thứ: (1) Niết-bàn hữu dư. (2) Niết-bàn vô dư. Ở đây, hữu dư chính là diệt phiền não. Vô dư thì không còn duyên. Không từ nơi tập, khổ, diệt, nên gọi là Niết-bàn. Vì đạt tới Niết-bàn nên gọi là đến Niết-bàn, cũng gọi là trụ nơi Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là tâm hướng đến Niết-bàn?

Đáp: Thấy các thứ hoạn nạn của thế gian sinh tâm như vậy: Ta phải làm thế nào để diệt trừ các phiền não như thế để mọi người đều đến được nơi chốn cam lồ vắng lặng kia. Ý hướng đến Niết-bàn phát sinh cùng thức, tâm tập hợp các pháp trắng, đó gọi là ý hướng đến Niết-bàn.

Hỏi: Ý không xả bỏ thế gian, thì thế gian này có nghĩa gì?

Đáp: Trong hành tạo của nghiệp, phiền não, chúng lần lượt duyên nhau, giả hợp, nên từ vô thủy đến nay thế gian luôn nối tiếp không đứt đoạn. Vì đến thế gian v.v..., nên gọi là đạt đến thế gian. Thế gian tịch diệt là nghĩa của bậc hữu học. Tuy thấy các khổ hoạn, nhưng tâm Bồ-tát vẫn phát khởi hướng về thế gian, không xả bỏ chúng sinh, chỉ tu tập, nhất tâm hành tác giáo hóa.

Hỏi: Nếu theo tâm tương tự khi phát khởi các hành, hễ tu tập pháp trắng thì được trắng, tu tập pháp đen thì bị đen. Như vậy, ý của Bồ-tát hướng đến Niết-bàn như thế nào? Bồ-tát không phát sinh các hành tương tự với thế gian chăng?

Đáp: Bồ-tát với tâm tạo lợi ích cho người khác, nên đã tu tập lâu các hạnh của bậc Bồ-tát. Còn ý hướng đến Niết-bàn, vì đem lại lợi ích cho kẻ khác, nên tâm Bồ-tát có thể đi ngược lại Niết-bàn. Do khéo nhận biết thế gian có nhiều tai họa, tuy đã nhầm chán thế gian, có ý hướng về Niết-bàn, nhưng Bồ-tát vẫn không thể bỏ chúng sinh, vẫn luôn hành tác hóa độ. Bồ-tát suy nghĩ thế này: Các Bồ-tát không phải từ trong thể của pháp vô lậu sinh khởi, tăng trưởng pháp Bồ-tát, nhưng chính là từ trong thể hữu lậu mà các pháp của chư Phật được sinh khởi, tăng trưởng. Thế nên, Bồ-tát không lìa bỏ pháp Bồ-tát. Tuy thấy rõ thế gian có nhiều hoạn nạn, nhưng Bồ-tát vẫn nguyện chọn lấy thế gian. Như Phật đã nói: Này Ca-diếp! Ví như cây đem trồng ở không trung làm sao sinh trưởng? Cho đến phải có kiết sử tạp nhiễm của pháp thế gian mới có thể làm cho pháp Phật sinh trưởng. Do đó, Bồ-tát vì giáo hóa chúng sinh nên hành bố thí v.v...

Hỏi: Nay nên giải thích thêm việc Bồ-tát giáo hóa chúng sinh chăng?

Đáp: Tâm của các chúng sinh bị nước phiền não làm cho thấm ướt. Bồ-tát chỉ dạy họ nên nghe pháp, tư duy, tu tập, là tạo tướng Noãn (hơi ấm) đầu tiên cho họ, dẫn đến việc gom góp thành căn thiện xuất thế, khiến hơi ấm được nung thêm. Tùy theo tâm lực khiến họ được yên ổn trong hạt giống căn thiện vô lậu, thuận nơi tâm ý họ mà giáo hóa rộng khắp, gọi là Bồ-tát giáo hóa. Do khéo tu tập tâm từ bi và phương tiện thiện xảo để giáo hóa tâm chúng sinh, nên Bồ-tát dùng tài thí và pháp thí để thâm giữ hết thầy, sau đấy xét xem tâm ý họ ưa thích cái gì, tùy năng lực mà giáo hóa khiến trụ trong pháp ba Thừa.

Hỏi: Nói bố thí, vậy do đâu gọi là bố thí?

Đáp: Ban cho của cải và giáo pháp cùng sinh với tâm niệm không tham v.v..., hành trì thí cho không mong trả ơn, đó gọi là bố thí. Ở đây, vô số của cải được cho, nhận, nên quả báo cũng có nhiều

nghĩa khác nhau. Bồ-tát không mong đền ơn là nghĩa đã xả bỏ chỗ vui thích của việc tự mình làm, nên không còn mong trả ơn.

Hỏi: Nói tâm ý không xả bỏ chúng sinh mà hành bố thí, há không gọi là mong cầu quả báo? Vậy thì nói hành tác bố thí, nhưng tâm không mong cầu đền đáp là sao?

Đáp: Tuy không cầu báo, nhưng vẫn hành bố thí, giáo hóa chúng sinh, hành tạo tự nhiên thì không có hại gì cả. Hoặc nghĩ thế này: Đây là xứ quả báo, có nhiều phương tiện rộng lớn. Đó là phát tâm Bồ-đề, luôn nhớ nghĩ và không bỏ chúng sinh. Vì giáo hóa chúng sinh nên hành bố thí, công việc này đem đến cho thế gian vô lượng quả báo. Như vậy, về sau trong việc đạt được Nhất thiết trí sẽ có mâu thuẫn. Tuy hiện hướng đến chúng sinh hành bố thí vì nhằm ngăn chặn chỗ mâu thuẫn kia, Bồ-tát quan sát khuyên bảo chúng sinh tu tập các công đức chân thật của Bồ-tát. Thế nên nói hành bố thí, không mong báo ơn, đó là nói theo nghĩa vừa nêu, chỉ rõ Bồ-tát đã thành tựu tâm sâu xa và tâm ngay thẳng, không phải vì mong cầu điều mình ưa thích mà hành bố thí v.v... để được quả báo. Tâm của Bồ-tát ở trong nhân và quả đều không vướng mắc, không mong cầu, chỉ vì lợi ích của chúng sinh, khiến họ đều chứng đắc Bồ-đề Phật. Khi phát nguyện tu tập các căn thiện, Bồ-tát đã khởi nguyện như thế.

Bồ-tát lại suy niệm: Nếu có pháp như vậy, ta sẽ tu tập Nhất thiết trí rồi xả thí cho tất cả chúng sinh. Tuy nhiên, các pháp đều tự có Thể, người tu các hành tự thân sẽ được quả báo. Tuy vậy, ta tu tập Nhất thiết trí chỉ vì lợi ích cho mọi người. Do nghĩa của phương tiện ấy, Bồ-tát từ lúc tinh tâm đến nay, các sự tu hành đều khiến để phát khởi Nhất thiết trí cùng nhân của các pháp như bố thí v.v... với những duyên dựa hiện có, đạt được Nhất thiết trí là các quả của pháp. Hết thấy pháp đó đều là của Bồ-tát vì tạo lợi ích cho chúng sinh, luôn khởi tâm hướng đến để thành lợi ích. Do nghĩa này mà công đức của

Bồ-tát không đồng với Thanh văn, Duyên giác, nên gọi là công đức chân thật của Bồ-tát.

Các Thanh văn và Phật-bích-chi hành bồ thí cho thế gian là để tự chuyển hóa mình. Các ngoại đạo thì vì mong cầu quả báo từ bên ngoài nên hành hạnh tà. Để đối trị nên mới nói Bồ-tát an trụ trong hạnh chánh, nêu rõ 4 thứ lợi ích nơi bốn thứ bốn câu, nên biết. *Những gì là bốn thứ lợi ích?*

(1) Được kho báu còn giấu kín lớn với sự việc tự tại.

(2) Vượt quá nẻo ma, nên khiến không có các oan gia.

(3) Lia tâm dua nịnh quanh co, ở chốn thanh vắng, tịch tĩnh v.v... Mọi thứ thọ dụng đều không có sự chê trách, hờn giận.

(4) Hỗ trợ cho vô lượng phước đức trang nghiêm, nên được vô biên công đức hỗ trợ.

Ở đây, các lợi ích v.v... lần lượt cùng giải thích.

Bốn câu thứ nhất: Được kho báu còn giấu kín lớn: Là hỗ trợ thành tựu hành công đức, trí tuệ. Trong đây, có thể gặp chư Phật là hỗ trợ thành tựu hành công đức. Ba câu còn lại: Là hỗ trợ thành tựu hành trí tuệ, dựa vào sự tập hợp các hành công đức trí tuệ.

Bốn câu thứ hai: Vượt quá nẻo ma, khiến các chướng được thanh tịnh, dựa vào chướng đã được thanh tịnh đó.

Bốn câu thứ ba: Là gồm thâm các pháp căn thiện, tích tập tất cả pháp môn pháp trắng, dựa vào sự tích tập các pháp môn pháp trắng.

Bốn câu thứ tư: Hỗ trợ, tích tập, thành tựu vô lượng công đức, có thể tạo được sự tương lợi ích cho tất cả chúng sinh cùng đạt được vô biên công đức, nên biết.

Bốn thứ khiến đạt được kho báu còn giấu kín lớn: Là thân cận người thiện, có thể nghe chánh pháp, tịch tĩnh tư duy, hành thuận

theo pháp, cùng với pháp nối tiếp, nên biết. Có thể được gặp Phật, nên thân cận người thiện. Có thể nghe sáu pháp Ba-la-mật, nên có thể nghe chánh pháp. Đem tâm vô ngã thân cận hầu hạ người giảng nói pháp, nên tâm tịch tĩnh, tư duy, không phóng dật. Ưa thích ở chốn núi rừng, tâm không biếng trễ, nên có thể hành thuận pháp và pháp thứ.

Trong đây, nói có thể gặp chư Phật: Là cúng dường chư Phật, hỗ trợ thành tựu hành công đức. Ba câu còn lại: Là các tuệ như văn, tư, tu thanh tịnh, là hỗ trợ cho hành trí tuệ thành tựu. Dựa vào các pháp tương trợ nơi thế mạnh của thế gian.

Nói bốn thứ pháp đạt được kho báu còn giấu kín lớn, nên biết.

Bốn thứ sự việc của thế gian:

- (1) Thấy sự tương thì ưa thích vô số đùa cợt.
- (2) Thọ dụng về nghe là các thứ kỹ nhạc v.v...
- (3) Thọ dụng về nhớ nghĩ là các thứ kho tàng, tài sản v.v...
- (4) Thọ dụng về xúc là các thứ ăn uống còn lại.

Như vậy, thấy Phật là nghe, tư duy, tu tập v.v..., nên biết.

Bồ-tát có 4 thứ pháp vượt quá nẻo ma. Là dựa vào bốn thứ ma nên nói pháp vượt quá nẻo ma, nên biết. *Những gì là bốn thứ ma?*

(1) Ở trong việc hành pháp Đại thừa, tạo chướng ngại khiến bỏ tâm Bồ-đề.

(2) Trong việc giáo hóa chúng sinh, tạo chướng ngại. Đối với trụ xứ của tất cả chúng sinh không sinh tâm ghét bỏ.

(3) Ở trong hành không khác biệt, tạo chướng ngại, vì có thể khéo nhận biết hết thấy kiến chấp.

(4) Ở trong hành đầy đủ tạo chướng ngại, vì cùng khiến các chúng sinh khởi tâm kiêu mạn. Để đối trị, nên nói thừa bất động, chỉ họ tự bỏ những nhân không phải hành của chúng sinh, từ bỏ các nhân

của hạnh tà, cùng bỏ nhân của hạnh chánh không đầy đủ. Do đó vượt quá nẻo ma, nên biết.

Bồ-tát có 4 pháp gồm thấu hết thấy căn thiện. Dựa vào bốn thứ căn thiện nên nói bốn thứ pháp gồm thấu tất cả thiện. *Những gì là bốn pháp?*

(1) Tướng tu địa nhất tâm.

(2) Tướng của địa không nhất tâm.

(3) Ba thứ tướng giáo hóa chúng sinh.

(4) Tướng tu khổ hạnh và tướng văn, tư, lìa tâm dua nịnh quanh co.

Ở chốn thanh vắng, tịch tĩnh, là hiện bày tướng tu hành căn thiện. Đối với các chúng sinh hành bốn nhiếp pháp, không cầu trả ơn, là vì hóa độ chúng sinh nên hành các hành ấy. Chúng sinh là người cần được giáo hóa, nên hành các hạnh. Đó là tướng giáo hóa chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh nên không tiếc thân mạng, để cầu chánh pháp là rất khó. Có tướng khổ hạnh là nghe pháp cùng tìm hiểu nghĩa không biết chán đủ. Vì tích tập tất cả căn thiện cùng hành tinh tấn, đó gọi là tướng của văn, tư.

Bồ-tát có 4 sự việc để trang nghiêm vô lượng phước đức. Dựa vào chúng sinh phát khởi dục nhằm khiến họ xả bỏ, nên nói bốn xứ. *Những gì là bốn xứ?* Đó là nghi hoặc, do dự v.v... Vì ngăn chặn rơi vào đường ác. Ngăn chặn kẻ ưa chuộng Tiểu thừa. Cùng kẻ ở trong pháp Phật khởi tâm niệm ác, hủy báng. Ở đây, tâm Bồ-tát không cầu báo mà hành bố thí, đó là muốn kẻ có tâm nghi hoặc, do dự v.v... kia quay về chánh pháp. Đối với người phá giới vẫn khởi tâm đại bi, là Bồ-tát muốn xoay chuyển các chúng sinh rơi vào con đường ác kia. Xưng dương, tán thán, khuyến hóa tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, là nhằm xoay chuyển tâm của người ưa chuộng Tiểu thừa. Đối với người thấp kém, tu tập hạnh nhẫn là nhằm xoay chuyển kẻ đối với

pháp Phật khởi tâm niệm ác, hủy báng. Vì nếu không cứu giúp kẻ hẹp kém, thì họ sẽ phát sinh tâm ác đối với chánh pháp.

Bồ-tát có 4 thứ pháp vượt quá địa vô minh phiền não. *Những gì là bốn thứ pháp?* Đó là:

- (1) Thọ trì giới cấm.
- (2) Thâu giữ chánh pháp.
- (3) Hiện bày hào quang tỏa sáng qua các đời.
- (4) Ban cho của cải vật dụng, cho đến sự đồng ý v.v...

Đó là bốn thứ pháp vượt quá địa vô minh phiền não.

Bồ-tát có 4 thứ không chướng ngại, khiến đạt được đầy đủ trí không chướng ngại. *Những gì là bốn?* Đó là:

- (1) Bồ thí pháp.
- (2) Thâu giữ, hộ trì chánh pháp.
- (3) Không khởi tâm ganh ghét.
- (4) Không khinh bỉ, chê bai người khác.

Không phải chỉ có danh tự mà gọi là Bồ-tát: Là thị hiện sự khác nhau của hành chánh, từ lúc mới phát tâm cho đến lần lượt giảng nói pháp, thị hiện nhiều phương tiện hành trì, dựa vào các hạnh hơn, bằng v.v...

Pháp hành của Bồ-tát: Là chỉ rõ hành của Bồ-tát là hơn hẳn hành của Thanh văn v.v... Hành bình đẳng là xem thân mình và người khác như nhau. Bồ-tát thị hiện hành các hạnh không do tất cả chúng sinh. Hạnh thiện là ở trong hạnh Bồ-tát, chỉ rõ về nghĩa thù thắng nơi thiện tịnh tận cùng.

Phương tiện thiện xảo dựa nơi Bồ-đề, nên hành theo nẻo chánh pháp: Là trong hành của Bồ-tát chỉ rõ phương tiện kia. Ở đây, Bồ-tát hành theo nẻo chánh pháp, là ở trong hành của hàng Nhị thừa, chỉ rõ

có năm thứ sự việc thù thắng. Đó là luôn vì lợi ích sâu xa của tất cả chúng sinh cầu được an lạc, khiến họ trụ nơi Nhất thiết trí.

Khéo có thể nêu bày với công đức của mình: Là do tâm sâu xa thù thắng. Do tâm sâu xa thù thắng, nên thâm tâm của Bồ-tát thù thắng tự thân thường tạo lợi ích an vui sâu xa cho tất cả chúng sinh, không phải như các Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát có khả năng dùng bốn thứ hành thù thắng nhằm khuyến bảo khiến tin tưởng và hội nhập nơi Nhất thiết trí.

Trí nơi các Bồ-tát: Là khuyến bảo chúng sinh khiến nhập trong tất cả trí tuệ, không phải như các Thanh văn, Duyên giác.

Khéo có thể nêu xưng công đức của mình, không hủy hoại trí người khác: Là Bồ-tát khéo có thể nhận biết những gì mình đã chứng được, cũng nhận biết hành của hàng Nhị thừa, còn hàng Nhị thừa thì không thể thông đạt được công đức của Bồ-tát.

Tâm không đua nịnh quanh co: Là Bồ-tát không có tâm chấp trước, kiêu mạn, vì đã chứng biết pháp vô ngã, nên tu tập hạnh vô ngã.

Câu thứ hai: Về Thanh văn v.v... có nói: Đây là xứ phước điền thù thắng.

Ý thâm nhập kiên cố: Là Bồ-tát vì mục đích giáo hóa, đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên phát khởi ý thâm nhập vững chắc, không phải như các Thanh văn, Duyên giác v.v... lìa bỏ việc tạo lợi ích cho chúng sinh để nhập Niết-bàn.

Trong hành bình đẳng của Bồ-tát, thị hiện có 8 thứ bình đẳng:

(1) *Ái kính bình đẳng:* Có ba thứ sai biệt tùy lúc tâm thực hiện: Ái kính không hư vọng là chỉ rõ không có tâm mong cầu. Ở trong thân oán, tâm xem như nhau, là chỉ rõ đối với việc tạo lợi ích hay không tạo lợi ích thì cùng hành như nhau. Hoàn toàn có khả năng làm

tri thức thiện, cho đến khi nhập Niết-bàn, là chỉ rõ có tâm ái kính nơi tất cả thời.

(2) *Ý niệm thường trừ tính lường xét đầy đủ việc ái kính, trước là hỏi han*: Là chỉ rõ việc an ủi hỏi han với tâm bình đẳng, đặt ra hạn lượng để các tâm thành thực như nhau vui mừng vì được giáo hóa.

(3) *Đã hứa sự việc gì thì trọn không khiến họ lo lắng cho là ta không làm*: Là chỉ rõ sự phụ trợ công việc với tâm bình đẳng. Theo chỗ hứa, gánh nặng đã thực hiện hay chưa cũng không đoạn dứt hành của tâm đại bi đối với hết thấy chúng sinh.

(4) *Không mệt mỏi*: Là chỉ rõ tâm bi và tâm không thiên lệch cùng bình đẳng, do đã hứa nhận lãnh gánh nặng. Lại, tâm không mệt mỏi là chỉ rõ không bị trôi buộc, tâm luôn như nhau đối với vui buồn trong việc hành trì gánh nặng đã nhận lãnh.

(5) *Luôn cầu học chánh pháp để có tiếng tốt không chán*: Là chỉ rõ về phương tiện thiện xảo bình đẳng. Thiện xảo của văn nghĩa như nhau, tùy sức sử dụng làm phương tiện giáo hóa.

(6) *Chỉ thấy lỗi mình, nên thấy lỗi người*: Là do không có tâm giận dữ, khiến người kia nói, là chỉ rõ những gì mình đã giảng nói đều bình đẳng. Nếu không thấy lỗi mình cùng do tâm giận nói ra, đó gọi là nêu bày không bình đẳng.

(7) *Dùng tâm Bồ-đề làm chỗ dựa cho hết thấy oai nghi*: Là chỉ rõ các thứ phát nguyện cùng bình đẳng với mọi điều thiện.

(8) *Néo tạo tác bình đẳng đều hồi hướng về Đại Bồ-đề*.

Nguyện hành theo căn thiện: Là nhằm chỉ rõ hành bố thí, một trong sáu Ba-la-mật, không cầu quả báo. Mỗi mỗi Ba-la-mật như thế v.v... đều có nêu pháp đối trị chướng, hiện rõ thuyết giảng vô ngại. Các Ba-la-mật như bố thí v.v... gồm cả thân miệng có thể nhẫn, tất

cả chúng sinh không thể, không thể hủy hoại tâm nhãn, nên kinh nói: “Không làm hoại hạnh nhãn của tất cả chúng sinh”.

Vì tu tập tất cả các căn thiện: Là chỉ rõ sự tu tập căn thiện của ba Thừa, nên siêng hành tinh tấn.

Tuy sinh lên cõi Vô sắc, nhưng vẫn khởi hành thiền định: Là do có sinh nên trong cõi Sắc pháp thiện kém, nên biết.

Bồ-tát sinh nơi cõi Sắc không phải trong Tam-ma-bạt-đề: Là vì đã thành thực thân mình trong pháp Phật, đến thế giới khác để thân cận chư Phật. Ở cõi Dục tạo lợi ích thù thắng cho chúng sinh, không phải thuộc về phương tiện của xứ Sắc giới, còn hành tuệ thuộc về bốn nhiếp pháp.

Phương tiện: Là phương tiện thuộc về bốn nhiếp pháp, chỉ rõ bốn pháp. Đó là: (1) Việc pháp hành. (2) Việc tu hành. (3) Việc tánh hành. (4) Việc của quả hành.

Có ba thứ cùng hành: Là đối với chúng sinh giữ giới hay phá giới luôn sinh tâm từ bi, không có hai tâm, không có tâm phân biệt.

Truyền dạy: Ở đây là chỉ dạy cho kẻ giữ giới hay kẻ không giữ giới. Sự truyền dạy hiện có là xả bỏ mọi phân biệt về công đức hoặc tai họa, hay mong cầu truyền dạy cùng thân cận nơi thầy truyền dạy.

Chỉ tâm nghe pháp: Là dốc tâm dừng mãnh thọ nhận các lời dạy bảo.

Thường ưa thích núi rừng: Là dựa vào cảnh tịch tĩnh để đối trị các thứ dục tham v.v...

Ba câu này chỉ rõ sự việc tu hành. *Ba câu nào chỉ rõ sự việc của tánh?* Là tâm không ưa vướng mắc các việc thế gian, là chỉ rõ tướng tâm không tán loạn. Vì không tán loạn, nên không chấp vào Tiểu thừa.

Thường thấy lợi ích lớn trong Đại thừa. Vượt bỏ tâm Tiểu thừa, thành tựu thuận theo tâm Đại thừa. Là tri thức ác, thành tựu việc thân cận bạn lành, ở nơi tịch tĩnh, vẫn dũng mãnh hành trì không ngừng, thân cận chúng sinh, gần gũi nhân. Giáo hóa chúng sinh không ngừng trong sự tĩnh lặng, tinh tấn không dừng nghỉ nên hành theo pháp đã nói như Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, gồm thâu các tướng không khiến tán loạn. Tùy sự nhớ nghĩ, theo bạn đồng hành, nên có pháp hành này.

Quả của tánh: Có hai thứ tướng là tâm tịnh và giáo hóa chúng sinh. Ở đây tâm tịnh là do trí tuệ thanh tịnh thuộc thế gian và xuất thế gian, nên biết.

Thành tựu bốn phạm hạnh, trang nghiêm với năm thân thông diệu dụng: Là dựa vào trí tuệ thanh tịnh của thế gian thọ nhận công đức lớn. Do hỗ trợ tích tập năng lực, nương dựa tu quả làm tịnh trí tuệ thế gian, nên biết.

Thường nương dựa nơi trí tuệ: Là tu tập trí tuệ thế gian, nhưng do biết đủ nên từ bỏ tâm tham, hoàn toàn mong cầu trí tuệ xuất thế gian. Đó gọi là trí tuệ xuất thế gian, nên biết.

Bốn câu nói về việc giáo hóa chúng sinh: Là chỉ rõ đối với những chúng sinh trụ nơi hạnh tà hay hạnh chánh, nhưng ý không xả bỏ, vì trụ vào các thứ hoạn nạn không thể nhẫn chịu nổi, nên vượt qua, với khả năng nhẫn chịu các nỗi hại, không cầu báo.

Lời nói thường quyết định: Là lời nào Bồ-tát nói ra luôn chắc chắn, luôn kính trọng mọi người trước sau, che chở nhau, không phải trước đã nói, sau lại không thích nói.

Quý trọng lời nói chân thật: Là Bồ-tát luôn ái kính và giữ gìn lời nói thật, làm theo lời mình nói. Tất cả các hành tác đều dựa vào oai nghi.

Chỉ lấy tâm Bồ-đề làm đầu: Là nương vào đó để chứng đắc Bồ-đề, không ưa cầu lợi dưỡng, tiếng khen.

Phân biệt trụ nơi chánh hạnh như vậy: Là BỒ-tát đã chỉ rõ các công đức thù thắng.

Nói các dụ, nên biết: Đây Ca-diếp! Ví như đại địa đều có thể tiếp nhận mọi thứ.

Trong thí dụ thứ nhất: Là chỉ rõ BỒ-tát nương vào chúng sinh khiến tăng trưởng và phát triển vô số hạt giống để có quả báo tốt, nhưng tâm không phân biệt.

Không cầu báo đền: Là việc làm dù tốt hay xấu đều không mong báo đáp. Tâm không cho là đủ đối với việc làm lợi ích hay không lợi ích.

Dùng thí dụ thứ hai, thứ ba và thứ tư: Là chỉ rõ sự phát khởi của nghĩa nương dựa, là giáo hóa chúng sinh, khiến tăng trưởng đến cùng nhân của căn thiện. Ví như trăng lúc mới mọc, vàng trăng hiện rõ, hình sắc sáng tỏ rồi càng lúc càng sáng khắp.

Thí dụ thứ năm: Là dựa vào việc làm lợi ích cho chúng sinh, chỉ rõ BỒ-tát tăng trưởng, tự thành tựu hành trợ đạo BỒ-đề.

Thí dụ thứ sáu: Là ví như sư tử, chúa của muôn thú, theo chôn đi đến, không hề kinh sợ, ung dung bước đi.

Thí dụ thứ bảy: Là chỉ rõ việc không lo sợ Niết-bàn, thế gian, không vướng mắc hai nơi đó. Ví như khéo điều phục voi chúa, khiến nó có thể chở được các vật nặng không thấy mệt mỏi.

Thí dụ thứ tám: Là chỉ rõ dù gánh vác việc nặng của thế gian, nhưng BỒ-tát không dừng lại trong mệt mỏi, cũng như hoa sen sinh trong nước nhưng nước không thể dính ướt.

Thí dụ thứ chín: Là chỉ rõ phiền não của thế gian không thể cấu nhiễm BỒ-tát, ví như có người chặt cây, rễ còn nên nó sống trở lại.

Thí dụ thứ mười: Là chỉ rõ BỒ-tát không bị phiền não cấu nhiễm, nhưng cũng không chứng Niết-bàn, ví như tất cả dòng sông ở khắp nơi chôn đều đổ ra biển cả, khi ấy chỉ có một vị mặn.

Thí dụ thứ mười một: Là tuy có căn thiện cùng phiền não, nhưng vẫn hồi hướng, phát nguyện thâm giữ hết, là chỉ rõ về nhân Bồ-đề, ví như núi chúa Tu-di là nơi nương dựa của chư Thiên trời Đao-lợi và Tứ Thiên vương

Thí dụ thứ mười hai: Là ngăn chặn Thanh văn đồng Niết-bàn. Thanh văn kia từ bỏ thế nguyện của mình và các căn thiện để nhập Niết-bàn, còn các Bồ-tát tuy chỉ rõ Niết-bàn, nhưng không bỏ tự nguyện, là chỉ rõ Bồ-tát được tự tại lớn với các căn thiện, ví như nhờ vào năng lực của các quan, nên vua có thể lo xong mọi việc kế thừa của quốc gia.

Thí dụ thứ mười ba: Là chỉ rõ việc giải thích xác nhận: Vì sao nhập Niết-bàn mà vẫn có thể tạo lợi ích cho chúng sinh, ví như trời nổi đám mây lớn tất tuôn xuống trận mưa, các thứ quả hạt đều tăng trưởng.

Thí dụ thứ mười bốn: Là nơi nào Chuyển luân Thánh vương sinh ra, nơi đó có đầy đủ bảy thứ báu.

Thí dụ thứ mười lăm: Là do đâu không thường xuyên nói cùng thị hiện sinh phải chờ thời?

Thí dụ thứ mười sáu: Là ví như nơi nào có ngọc ma-ni, nơi đó có vô lượng trăm ngàn vạn thứ báu như vàng, bạc v.v...

Thí dụ thứ mười sáu: Là thị hiện cùng với Thanh văn v.v... bình đẳng, còn có lỗi lầm trong Niết-bàn, vì Thanh văn kia v.v... không có bình đẳng. Ví như chư Thiên trời Đao-lợi cùng vào vườn như nhau, các thứ vật dụng đều đồng đẳng.

Thí dụ thứ mười bảy: Là chỉ rõ v.v... vì không có năng lực, nên hàng Thanh văn không thể chứng nhập pháp thù thắng. Bồ-tát đối với mình và người, đều tạo lợi ích như nhau cho hết thầy chúng sinh. Ví như thể mạnh của chú thuật, nên tuy giữ thuốc độc, nhưng không thể hại người đó. Các thứ phân uế hiện có trong đại thành kia nếu đem bón cho ruộng mía, bồ đào tức có lợi ích.

Thí dụ thứ mười tám và thí dụ thứ mười chín: Là nói các Bồ-tát tuy chưa đoạn trừ các phiền não, nhưng việc thị hiện vẫn vượt hơn hàng Thanh văn, vì hàng Thanh văn không thể gây làm lỗi hay tạo công đức lợi ích lớn cho chúng sinh.

Các thí dụ này, câu trước hiển bày về chỗ phân biệt nói, câu sau là lần lượt nói rõ, nên biết.

Việc đó lại là thế nào? Đáp: Bồ-tát từ lúc mới phát tâm, nơi trước giữa sau đều luôn làm chỗ dựa, hỗ trợ thành tựu căn thiện của tất cả chúng sinh, tâm không cầu báo. Đối với các thứ việc tốt, xấu, tâm Bồ-tát như đại địa. Lại không phải như đất, không phân biệt. Các chúng sinh dựa vào đất, tự nhờ nơi lực để có thể thọ dụng, nhưng đất không hề biết. Bồ-tát thì không như vậy, Bồ-tát biết mình khởi tâm ái kính là nhằm phát sinh nhân của căn thiện nơi chúng sinh.

Tâm Bồ-tát như nước nhưng lại không phải như nước. Ở trong sự thọ dụng tăng trưởng chính đáng có những trái ngược nhau. Bồ-tát không như vậy, Bồ-tát giảng nói pháp chán lia v.v... là nhằm làm cho các căn thiện của chúng sinh thành thực.

Tâm Bồ-tát như lửa nhưng lại không phải như lửa. Thế giới của chư Phật giáo hóa thành tựu có trái nhau. Bồ-tát không như vậy, vì muốn giáo hóa thành thực chúng sinh, Bồ-tát chỉ rõ giải thoát, vận lực ứng hóa hỗ trợ việc truyền dạy giáo pháp.

Tâm Bồ-tát như gió nhưng lại không phải như gió. Con người thấy gió, mượn sức của nó để thọ dụng. Bồ-tát thì không như vậy, tự ở mình, Bồ-tát có khả năng làm tăng trưởng các pháp trắng.

Tâm Bồ-tát như trăng nhưng lại không phải như trăng, do trăng chỉ tỏa chiếu phần sáng nơi nửa tháng, còn phần nửa tháng không sáng thì không chiếu. Bồ-tát không phải vậy. Bồ-tát ở trong các pháp đen, trắng luôn đem tâm bình đẳng và trí tuệ chiếu sáng hết thảy.

Tâm Bồ-tát như mặt trời nhưng lại không phải như mặt trời. Mặt trời khi vận chuyển còn phải sợ La-hầu che khuất. Bồ-tát không phải vậy. Bồ-tát nơi tất cả nẻo, xứ sinh đều không sợ các thứ phiền não khi hành hóa.

Tâm Bồ-tát như sư tử nhưng lại không phải như sư tử. Vì sư tử khi mang gánh nặng thì sinh thoái chuyển. Bồ-tát không phải vậy, Bồ-tát có khả năng nhẫn chịu hết thảy các gánh nặng của các khổ.

Tâm Bồ-tát như rồng chúa điều phục nhưng lại không phải như rồng chúa. Rồng chúa đối với các việc được lợi, mất lợi, lời nói dịu dàng, khổ vui, phòng hộ, tăng ích, thất bại, tâm bị nhiễm. Bồ-tát không phải vậy. Đối với hết thảy pháp thế gian trong sự tăng ích, Bồ-tát không sinh tâm đắm nhiễm.

Tâm Bồ-tát như hoa sen nhưng lại không phải như hoa sen. Vì cọng sen bị cắt đứt thì không thể mọc ra nữa. Bồ-tát không như thế, tuy đã diệt trừ các phiền não, nhưng do lực của căn thiện, Bồ-tát có khả năng sinh tâm thế gian.

Tâm Bồ-tát như cây không bị chặt rễ lại không như cây không bị chặt rễ, vì cây như thế chỉ có rễ chính. Bồ-tát không như thế, đối với các căn thiện của mình, Bồ-tát đều hồi hướng phát nguyện Đại Bồ-đề và Niết-bàn.

Tâm Bồ-tát như lội vào nước biển nhưng không phải như lội vào nước biển, vì đây chỉ gọi là tùy thuận như nước biển. Bồ-tát thì không thế. Bồ-tát nương vào sự tu tập các căn thiện, thành tựu lớn Đại Bồ-đề và Niết-bàn, nên có thể hiện bày diệu dụng.

Tâm Bồ-tát như núi chúa Tu-di, nơi cư trú của chư Thiên, nhưng lại không phải như núi chúa Tu-di là nơi cư trú, vì chư Thiên chỉ ưa thích tham đắm tự lạc, tâm nhiều phóng dật. Bồ-tát thì không như thế, vì do diệu lực của phương tiện trí tuệ không chung, nên có thể thực hiện đầy đủ những việc của chư Phật đã tạo.

Tâm Bồ-tát như quốc vương, lo liệu xong các việc kế nghiệp của đất nước do công sức của các quan, nhưng lại không phải như quốc vương, vì quốc vương phải nhờ nơi công sức của các quan, chỉ vì tự lợi, phòng vệ nước mình. Bồ-tát không như thế, vì Bồ-tát từ bỏ mọi an lạc của mình để tạo nên sự che chở thấm nhuần lợi ích cho các chúng sinh.

Tâm Bồ-tát như bầu trời nổi mây lớn, nhưng lại không phải như bầu trời nổi mây lớn. Vì mây không thể thường xuyên cho mưa mà còn do thời tiết khéo điều hòa. Bồ-tát thì không thế, Bồ-tát luôn luôn có khả năng phát sinh và làm tăng trưởng các pháp như pháp phần Bồ-đề.

Tâm Bồ-tát như nơi chốn xuất hiện của Chuyển luân Thánh vương, nhưng lại không phải như nơi chốn xuất hiện của Chuyển luân Thánh vương, vì chỉ có một không thể có hai bậc Đại nhân cùng sinh. Bồ-tát thì không như thế. Bồ-tát với tâm giải thoát, bình đẳng cùng phát sinh một lúc.

Tâm Bồ-tát như ngọc báu Ma-ni, nhưng lại không phải như ngọc báu Ma-ni, vì vĩnh viễn không ra khỏi kho tàng Ca-ly-sa-ba-na v.v... Bồ-tát thì không như thế, vì khi đã nhập vào giới pháp vô lậu, Bồ-tát đồng có các hành tác, đồng nhận các an vui.

Tâm Bồ-tát như chư Thiên trời Đao-lợi cùng đi vào vườn hoa, nhưng lại không phải như chư Thiên trời Đao-lợi cùng đi vào rừng, vì họ chỉ có thể làm tăng trưởng các nghiệp, phiền não, chết rồi vẫn phải bị đọa vào đường ác. Bồ-tát thì không như thế. Bồ-tát đã diệt trừ hết các phiền não, không thể bị rơi vào xứ ác.

Tâm Bồ-tát như các phiền não độc đã được trừ diệt, lại không phải như người cất giữ chất độc, không làm hại vật và không có lợi ích. Bồ-tát thì không như thế. Bồ-tát dùng phiền não của mình để có thể tạo lợi ích cho hết thảy chúng sinh.

Tâm như phân uế phiền não hiện có trong các thành lớn kia. Bồ-tát cũng như thế. (Đã nói ở Dụ thứ mười bảy)

Như thế gian khen ngợi các công đức v.v... Do vượt hơn các công đức kia, nên gọi là công đức không gì sánh bằng. Từ nơi ý nghĩa đó, các Bồ-tát được gọi là công đức không gì sánh kịp, nên biết, do trong chánh hạnh có sự sai biệt.

Đã nói các công đức thù thắng, nhưng chưa nói tánh tướng nơi thể của chánh hạnh. Thế nên tánh tướng của thể kia dùng nghĩa của trung đạo để chỉ rõ. Hiện bỏ hai biên là nghĩa trung đạo.

Hai biên là gì?

(1) Biên của ngoại đạo, là các thứ ngã kiến hiện có. Đối với âm, giới, nhập, ngoại đạo cố chấp là thường, tức là thường kiến. Về sau gồm chung mà nói thường là một biên, ngã là một biên.

(2) Biên của Thanh văn, Duyên giác. Ở trong các âm v.v..., lại chấp vô thường và chấp vô ngã. Sau này, gồm chung mà nói, vô thường là hai biên, vô ngã là hai biên. Đứng giữa hai biên hiện có ấy, gọi là trí không phân biệt. Trí đó không phân biệt nghĩa nên gọi là vô sắc. Do không thể diễn nói nghĩa, nên gọi là không thể thấy. Do không trụ trong các hành của thức, nên gọi là không trụ. Vì lìa nghĩa của đối tượng giữ lấy, có thể giữ lấy, nên gọi là vô tướng. Do lìa nghĩa của chủ thể giữ lấy chỉ được thức ghi nhận, nên gọi là vô ký. Do nghĩa không trụ ở thế gian và Niết-bàn, nên gọi là vô trước. Nên biết, ở đây các ngoại đạo ấy chấp chặt là có ngã, nên nói pháp đối trị là không quán có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng của chúng sinh, sự nuôi dưỡng, trượng phu, Phú-già-la và không quán Ma-na-bà v.v..., như đã nói, nên biết.

Thanh văn, Duyên giác ở trong các âm chấp chặt là vô thường cùng vô ngã. Đối trị biên ấy, nên nói hoặc quán sắc chẳng phải là thường, cũng chẳng phải là vô thường. Quán thọ, tướng, hành, thức chẳng phải là thường, cũng chẳng phải là vô thường, cho đến ngã là

một biên, vô ngã là hai biên. Đứng giữa hai biên hiện có ấy thấy rõ hết thấy là không sắc, không hành, không mạng, không trí, không giác, không vương. Đây Ca-diếp! Đó gọi là Trung đạo, là chánh quán chân thật của các pháp.

Nói chấp vô thường, chấp vô ngã là nhân: Là không phá trừ hai thứ chấp đó nên biết, tức chỉ rõ phân biệt sự việc đối tượng giữ lấy là vô lượng, nên phân biệt nói sự việc của chủ thể giữ lấy cũng lại vô lượng. Đây Ca-diếp! Nếu chấp tâm có thật, đó gọi là một biên. Nếu chấp tâm không thật, đó gọi là hai biên.

Ở đây, *tâm chân thật:* Là hoặc vốn đã nói thuận theo phân biệt, chấp vô thường, vô ngã là chân thật. Hoặc phân biệt là thường, là ngã v.v... Nếu không có tâm số, thì hành nghiệp là chỗ dựa. Không có tâm số thì chỉ có hành tạo nghiệp.

Không có ý: Là những gì đã nói không có suy lường trước.
Không có thức: Là quả báo.

Pháp thiện, bất thiện là thuận theo ngu si hay chẳng phải ngu si. Ngu si là quả không đáng yêu thích. Đối trị nên nói có tội, không có tội, là không có các điều ác nơi thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu. Vô lậu là tâm hữu lậu không thể nhận lấy. Hữu lậu là lại làm bạn với pháp đen, là pháp nhiễm ô như đã nói.

Pháp bạn trắng là các pháp thanh tịnh v.v... Trong đó, hoặc tâm có thật, hoặc tâm không có thật, đó là hai thứ nên có chỗ tùy thuận trong các pháp.

Có thiện, bất thiện, cho đến có cấu uế, không cấu uế, hai biên hiện có ấy đều không thể thủ đắc, không thể nói, không thể biện giải. Đó gọi là Trung đạo, là chánh quán chân thật của các pháp.

Ở đây, *không thể thủ đắc:* Là do kiến chấp kia. *Không thể nói:* Là chỉ nói về sự chấp đó. Tự thể không thể nói. Người khác đến hỏi không thể vì họ nêu bày đúng đắn. Lại có những nghĩa phụ khác.

Thiện, bất thiện: Là gốc. *Phần còn lại:* Các câu ở trên trên nữa đã giải thích. Nên biết, để đối trị với các ngoại đạo, Thanh văn v.v... nên nói nghĩa trung đạo, rồi mới nói pháp đối trị.

Nói Bồ-tát đối trị chấp một biên ấy, vì trong đây có các ngoại đạo chấp điên đảo về thường, ngã. Chúng được phát sinh từ đâu? Có thuyết nói: Như người mù ngã xuống đất. Các Thanh văn, Duyên giác v.v... tu hành thấy người vô ngã, là do chỉ hiểu biết về hành, nên các hành sinh là vô thường, vô ngã. Cùng gốc thấy pháp vô ngã, nên dựa nơi các hành từ vô thường vô ngã mà sinh. Bồ-tát nhận thấy việc tu hành pháp vô ngã xong, vốn hành tập pháp vô ngã, nhưng về sau sinh chấp chặt về biên có, do dựa vào ba thứ chấp chặt về biên có. Đối trị là chỉ rõ tự tướng của sự chấp đó. Về sự có, không, Phật nói với Ca-diếp: Có là một biên, không là hai biên, cho đến không thọ mạng, không hay, không biết, không vương mắc. Đó gọi là trung đạo, là chánh quán chân thật của các pháp. Dựa nơi đối trị có chướng nên chỗ chấp vô minh thì nói về minh.

* **Kinh nói:** Này Ca-diếp! Ta vì các ông nên giảng nói mười hai nhân duyên. Đó là Vô minh duyên Hành, cho đến Vô minh diệt rồi, thì các tướng hư vọng lo, buồn, khổ não v.v... cũng đều diệt. Các câu: Chấp hữu vi, vô vi cùng diệt nơi nẻo khác, hành và diệt hành, như thế v.v... Đối trị các thứ chấp ấy v.v... đó gọi là lia bỏ tánh chấp không còn vọng tướng phân biệt chia hai, là tánh bình đẳng nên nói không hai tướng. Chẳng phải minh khiến có thể sinh. Chẳng phải vô minh có thể diệt. Chẳng phải hành v.v... có thể diệt trừ, chẳng phải diệt khiến có thể thủ đắc. Tuy có phân biệt tánh tướng thành tựu như thế thì trí hiện có ấy cũng có khả năng ngăn chặn sự chệch chấp một biên, tức chẳng phải minh, chẳng phải vô minh v.v... Hoặc chẳng phải do không nên khiến các pháp không. Chỉ vì tánh của pháp tự không, chẳng phải do vô tướng nên khiến các pháp vô tướng, chỉ vì pháp tự nó là vô tướng. Cho đến chỉ vì các pháp tự nó là không

khởi, không giữ lấy, không tánh. Như vậy là chỉ rõ về nghĩa gì? Do đã được nêu rõ các tướng là không nên biết pháp nhân duyên sinh là do tánh vọng tưởng phân biệt. Hoặc tánh thành tựu chẳng thể khiến không. Vì sao? Do thể của các pháp là như thế. Nếu tánh vọng tưởng phân biệt, hoặc lại là tánh thành tựu, thì các pháp cũng không. Như vậy cho đến vô tánh, thì những điều đã nói ấy là có ánh sáng và có chướng ngại, chỉ rõ tánh lia vọng tưởng thành tựu, ngăn chặn bảo vệ sự chệch lạc một biên.

Trong đây có bảy thứ đối trị chướng. Nói mình là không, cho đến vô tánh.

Bảy thứ chướng đó là: Đối trị kiến chấp có kia, nên nói là không. Đối trị nhân của tướng tham, sân, si, nên nói là vô tướng. Lại, ở trong có, chấp giữ nguyện. Đối trị điều ấy nên nói vô nguyện. Lại, tạo tác có hành của các nghiệp. Đối trị chúng nên nói vô tác. Nhân nơi hành kia có quả nên có sinh. Đối trị điều ấy nên nói không sinh. Sinh rồi tất khởi khổ vui. Đối trị điều ấy nên nói không khởi. Vì chấp không, nên sinh ngã mạn. Đối trị điều ấy nên nói các pháp cũng vô tánh.

Ở đây hành quán vô ngã là ngăn chặn kẻ chấp giữ tướng. Ngoài ra, cho đến các tướng như không hai v.v..., là vì chấp giữ tướng của các pháp, nên Đức Phật nói với Ca-diếp: Chẳng phải là không có người nên gọi là không, chỉ vì không là do tự nó không, là ngăn chặn lối chấp chặt giữ lấy tướng về người và pháp, cũng không phải chúng sinh diệt nên chấp giữ lấy tướng.

Không phải chúng sinh diệt, chấp giữ lấy tướng, nên tu tập không, nhưng không là tự nó là không. Chỉ rõ sự chấp tướng trong pháp diệt. Là do tánh vọng chấp phân biệt. Không là không, huống chi tất cả pháp là vọng trong phân biệt đã chấp giữ như thế do cho không là chẳng có gì. Dựa trong tánh vọng chấp phân biệt là không. Lại chẳng phải không có gì, do trong tánh thành tựu là có. Như không,

hết thầy các pháp cũng như thế. Do trong các pháp đã chấp giữ nên chỉ rõ pháp là vô ngã. Nhưng pháp vô ngã kia đã thành tựu, tức chỉ rõ về ngày tháng, như kinh nói: “Trước là không, khoảng giữa là không, khoảng sau cũng không”, là nêu rõ về tất cả thời gian. Nơi thể của hàng phàm phu bậc hữu học, vô học, đã chỉ rõ là có.

Các ông nên dựa nơi không: Là dựa vào liễu nghĩa, nên đối với không, chỉ rõ việc ngăn chặn phương tiện.

Chớ dựa nơi người: Là dựa nơi liễu nghĩa, nên ngăn chặn việc dựa vào kẻ kia, gọi là trụ dựa nơi sự liễu nghĩa. Người hiện có phân biệt cùng tùy theo nhân của sự việc, là hai thứ Phú-già-la kia. Nếu nói do đạt được không nên dựa vào không. Đây là chỉ rõ về nghĩa gì? Không còn vọng phân biệt, vì nhận biết tánh không, nên dựa vào nghĩa không. Dựa như thế xong, gốc do ngã kiến nên chấp về người đã được hủy hoại về chấp giữ có, nên chấp ngã, pháp cũng mất, khiến tất cả chấp trước đều tan biến nhanh. Do nhận biết về tánh không cùng các thứ chấp đã nhanh chóng mất hết, tức giải thích xác nhận nên nói: Nay Ca-diếp: Thà khởi ngã kiến tích tụ như núi Tu-di, còn hơn là chấp không, cho đến tất cả các kiến chấp chỉ không mới có thể diệt trừ. Do phân biệt biết không, nên thức nhận biết nghĩa chân thật của không, thì ngã mạn tan mất. Như thế khiến không thể thủ đắc lại thủ đắc để khởi hủy báng, tức là chuyển đổi được chấp người khó diệt trừ. Thuốc của ông đã chuyển động bên trong bệnh, nhưng không hiện ra ngoài, đó gọi là có bệnh.

* **Kinh nói:** Nay Ca-diếp! Nếu khởi chấp không, Ta nói người đó là không thể đối trị. Hoặc do tánh vọng chấp phân biệt nên chấp sai lạc cho hết thầy mọi vật là hoàn toàn không có gì.

Dụ về hư không là ngăn giữ sự chuyển biến của chấp thủ không đúng đắn. Nếu có chấp không thì kẻ ấy do không nên trong các pháp như sắc v.v... đều cầu không có sự. Ở trong sự tạo phân biệt, không phải sự. Đó gọi là kẻ kia trong biến chuyển đã chấp giữ sai lầm. Tánh

của các pháp như sắc v.v... này tự nó không có thí dụ. Nếu các chúng sinh khởi câu dứt trừ “Không” là dụ cho hành. Trong Thể của pháp không là huyễn, do sợ Thể đó nên vọng phân biệt các sự. Nếu các pháp như sắc v.v... là không, thì sự tu tập các hành hóa ra là vô ích. Để ngăn chặn sai lầm này, nên nói dụ về họa sư. Dụ nêu: Thật sự thì không có quỷ, đó là do họa sư đã tự phân biệt, tư duy, tính toán rồi mê muội ngã lặn nơi đất. Như thế, cũng là sự việc như không có sắc v.v... Các phàm phu cố chấp, tự phân biệt hành niệm, nên thế gian cứ hành theo sự luân chuyển, không có trí để có thể trừ bỏ ngu kia, nhằm tu tập không hư vọng. Trước đây đã giải thích hành phân biệt hư vọng, nay sẽ nói đến việc phát khởi hành không hư vọng. Nếu tâm ấy chỉ là mê muội, làm sao tâm ấy có thể nhận biết, là tâm đó cần được bảo vệ ngăn chặn mọi khó khăn. Cho nên nói trước hết là ngăn chặn phân biệt hư vọng đưa đến chấp giữ. Nay cần ngăn chặn sự việc phát khởi hành nên nói dụ về nhà huyễn thuật. Ở đây, như xứ của Huyền sư: Là đã buộc giữ tâm trí và sự nhớ nghĩ vào huyễn thuật. Huyền sư tạo tác là trí quán không có sự việc gì khác. Như ăn uống chẳng hạn, trí chỉ quán vào đó, không nhớ nghĩ gì nữa, quán như hư không v.v... Gốc của tuệ Thánh xưa nay luôn quán thấy như thật. Nhưng đã là không thì làm sao quán như thật để chứng đắc được trí xuất thế gian? Để ngăn chặn vấn nạn này, nên nói dụ hai cây cùng cọ xát với nhau, vì duyên nơi chốn tư duy vắng lặng, nên từ đó có lửa sinh. Gốc của Thánh tuệ sinh rồi, thì xả bỏ quán nơi chốn vắng lặng kia, đã chỉ rõ nên biết.

Trí tuệ đã sinh là để đối trị không có trí tuệ. Vì nhằm ngăn chặn vấn nạn về pháp chưa sinh, nên nói dụ về đèn sáng. Tướng của trí không phân biệt, chỉ rõ lúc trí tuệ sinh là đối trị vô trí. Thế nào là phiền não vô thi cấu nhiễm đối trị bằng hữu thi có thể diệt trừ? Để ngăn chặn vấn nạn ấy, nên nêu dụ chấp đèn sáng từ bên trong. Dụ này là dụ cho nghĩa của trung đạo. Đó là nêu và giải thích tóm lược. Nếu phân biệt rộng, Bồ-tát trụ trong giới hạnh chánh, có sai biệt nên biết.

Pháp Bồ-tát hành trì là nói theo lý thật ngữ của thế đế và phân biệt thật ngữ, hiện bày về tiệm giáo không như nghe âm thanh rồi giữ lấy. Do tướng như thế, nên không dựa vào thừa Thanh văn mà vượt qua nên đã nói về trung đạo.

Tùng cúng dường và tu tập căn thiện, là tùy thuận hướng đến các pháp sâu xa của Đại thừa và tùy thuận “Không”.

Đối với phân biệt và không phân biệt là thuộc về lý của thật đế. Thế đế cùng Chân thật đế đã nói, chỉ nói trong một pháp giới liễu nghĩa. Do nghĩa này nên thuận theo nơi chốn nương dựa gọi là hành tịch tĩnh. Hành tịch tĩnh nên gọi là thuận hướng về nghĩa trung đạo.

Như vậy, pháp trung đạo kia đã chỉ rõ những sai lầm để bác bỏ, nên giảng nói về mười ba thứ trung đạo. Giải thích chúng sinh không là chúng sinh vô ngã và pháp không. Pháp vô ngã này là sự phân biệt về chiều ngang (không gian), như chấp một biên và chê bai một biên. Pháp chứng đắc và sự phát nguyện kia đều hướng về Đại Bồ-đề.

Hành như thế xong, đối với phiền khổ, tâm không chán đủ và càng tin hơn nơi hai thứ vô ngã. Vô ngã ở trước, vô ngã ở giữa và sau, là nẻo tốt cùng nơi các không. Không đó, cũng được giải thích, như nói về thần lực.

Thế nào là giải thích về chúng sinh không? Là do một tướng.

Nói nếu không tự quán: Là chỉ rõ không tự mình hiểu biết.

Trong đây có sự không phân biệt ấy. Có ba thứ sự không phân biệt. Ở trong sự của chúng sinh nêu rõ về năm ấm và vô số sự việc của chúng. Chuyển biến nêu rõ trong các giới, các nhập v.v... nơi sự thọ dụng kia, trong, ngoài và trung gian, như hàng phàm phu đã chấp sai lạc.

LUẬN KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 3

Không thấy ngã làm sao giải thích thành người vô ngã? Chi rõ do một tướng mà nhận biết. Ở đây, vì có sự nhận biết này, nên nói không thường xuyên quán biết trở lại trong ba thứ sự việc kia. Phàm phu chấp giữ chỗ sinh khởi là do thường không nhận thấy. Phàm phu đã chấp là tự cùng thấy khác.

Ấm v.v... là vô thường làm thế nào giải thích về pháp không? Chi rõ cũng do một tướng nhưng không nhận biết, nên nói là chẳng quán vô thường. Nhận biết trong đó có sự không hiểu rõ, nên trở lại nơi nẻo vô thường trong sự việc kia, cả nội ngoại và và hai trung gian. Phàm p hu này đã chấp giữ vào tánh của thể tướng giả nói mà không thể nhận biết. Biết được vô thường nhưng nếu đã chấp, nên ở trong sự việc không thể nói, chỉ an lập tạm thời. Như vậy làm sao giải thích nói pháp là vô ngã? Chi rõ do một tướng để nhận biết. Ở đây, có sự nhận biết rõ ấy, nên trở lại trong sự việc kia, đã thấy biết cảnh giới của Thánh trí. Chỉ có bậc Thánh tự nội chứng biết, người khác không thể nêu bày.

Sự nhận biết ấy có sáu thứ tướng. Như phàm phu đã chấp lấy cái giả thấy nên nói tánh không tương tự. *Những gì là sáu thứ tướng? Đó là:*

(1) Không phải sắc là tự lường xét, chỉ ra chỗ sai lầm, vì không thể thủ đắc để nêu bày.

(2) Đây là những thứ không thể thấy. Là do sắc kia không thể nắm bắt được.

(3) Chỉ rõ cái khác không trụ, nghĩa là vượt quá cảnh giới của sắc căn. Các căn như xúc, sắc kia v.v... là không thể trụ.

(4) Vô tướng là lìa mọi nhớ nghĩ về tánh tướng.

(5) Vô ký là lìa bỏ cảnh giới của ý thức.

(6) Không vương mắc là không có sự phiền não.

Làm thế nào để giải thích xác nhận sự chấp giữ sai lạc về biên có? Chỉ rõ có hai thứ thắng tướng đang nói, cùng chỉ rõ tướng của thể tánh đó đang được nói đến.

Ở đây, *thế nào là tánh tướng thù thắng đang nói?* Chúng càng lên trên đều có tám thứ nên biết. Tức trở lại trong sự việc kia: Chấp thật về thường. Chấp thật về vô thường.

Dựa nơi chấp thật về thường, nên chấp thật về có ngã thủ. Dựa nơi chấp vô thường nên chấp có ngã không ngã. Lại dựa nơi chấp không ngã thủ, nên chấp có giữ lấy tâm thật, lớn. Dựa nơi chấp có ngã, nên chấp nói không giữ lấy tâm thật. Chỗ dựa của chúng là cầu tìm, lại cũng cầu tìm. Do dựa nơi chấp, nên cùng dựa vào đây, cùng thuận theo chỗ dựa, giữ lấy tâm không thật, nên chỗ chấp giữ là bất thiện. Các thứ chấp trước, cho đến giữ lấy cầu nhiệm, chấp tướng có năm thứ lo lắng, gây chướng ngại. Ở trong pháp nhiệm, có lo lắng của điên đảo, lo lắng của sự hủy báng, lo lắng của sự phát khởi, lo lắng của thô ác, lo lắng của vô thường. Dựa nơi sự chấp giữ tâm thật, để đối trị chúng, nên ở trong pháp tịnh tạo được sự an định tốt đẹp, cho đến sự an tịnh có được do thanh tịnh. Đây là thành tựu tám thứ an định thù thắng.

Trong tám thứ an định thù thắng này, Bồ-tát không nhận biết nhớ nghĩ tùy thuận, không chấp trước, không nói đến sự tùy thuận,

không khuyên bảo người khác, không tỏ ngộ sự tùy thuận, không động loạn người khác.

Ở đây, nắm giữ sự an định chân thật, như trên đã nêu rõ. Dựa vào tám thứ an định thù thắng, hàng phàm phu đã buộc niệm nơi tánh gia dụng, giữ lấy sự an định cho là có an ổn như thế.

Thế nào là loại bỏ sự hủy báng về biên? Là cũng do một tướng chỉ rõ có việc hủy báng.

Ở đây có sự hủy báng, tức như kẻ kia tin theo pháp tà, giữ lấy vô ngã trong mọi lúc, nên nói không có tướng của tất cả pháp là theo nghĩa ấy. Đó là lược nói về sự chấp sai lầm hủy báng về biên.

Lìa sáu thứ tướng: Là làm rõ về nghĩa trung đạo.

Thế nào là giải thích, xác nhận sự việc chứng đắc các pháp? Như kinh nói: Này Ca-diếp! Minh và vô minh đều không riêng, không khác.

Nhận biết như thế thì đó gọi là chánh quán chân thật của trung đạo, cho đến già, chết, diệt mất đều là không hai, không khác v.v... Có ba thứ tướng để giải thích nói về việc chứng pháp, trở lại trong phần gốc kia nói ba thứ sự cùng sự việc của nhân duyên thứ tư, trong đó có chương ngại, có đối trị, trụ vào pháp hữu vi, vô vi, chỉ rõ tánh tướng đều không thể thủ đắc, nên chỉ rõ sự việc thù thắng cũng không thể thủ đắc. Nhưng sự hành tập đó đã chứng được trí như thật.

Ở đây, *tánh tướng không thể thủ đắc:* Là như phàm phu chấp giữ tánh tướng của minh và vô minh, đều không thể thủ đắc.

Sự việc thù thắng không thể thủ đắc: Là hết thấy hàng phàm phu kia chấp giữ sai lạc về tánh tướng sinh diệt, tụ tập mà không thấy hai tướng.

Trí chứng đắc: Là đã nói đến trí ấy cũng như nơi chôn nương dựa, nghĩ nhớ, không nhớ nghĩ, cùng hành không chương ngại. Do nội trí nên biết pháp chứng đắc là vô ngã.

Thế nào là giải thích pháp Bồ-tát chứng đắc? Vì phát nguyện hồi hướng Đại Bồ-đề nên cũng là một tướng. Như nói chẳng phải do không nên khiến các pháp là không. Bảy câu như thế v.v... đã nêu rõ. Bồ-tát vì tạo lợi ích cho chúng sinh, đem lý không nhưng không khiến các pháp trở nên không, không rời bỏ phiền não, nghĩa đó là như thế. Không đem vô nguyện để khiến các pháp thành vô nguyện. Không đem vô tướng để khiến các pháp thành vô tướng. Không hiện khởi lại dòng chảy của nghiệp sinh cùng dòng chảy của niệm sinh. Hết thấy các hành đều vô tánh, đem Niết-bàn chấm dứt dòng chảy của thế gian.

Thế nào là đã hành như vậy? Là giải thích xác nhận sự việc của tâm chưa lìa khỏi phiền não khổ, cũng là do nghĩa của một tướng. Nói như các pháp là có tánh, không tánh, bảy câu như thế v.v... đã nói rõ là chưa diệt trừ được các pháp oán đối chướng ngại v.v... Quán chứng như thật, ở đây chứng như thật là trở lại nơi các pháp chướng ngại kia, do thể tánh hành pháp vô ngã, nên thấy không còn nhiễm và khổ.

Làm thế nào để giải thích chỗ hơn hẳn nơi bốn thứ tướng? Tức chỉ rõ tướng thấy hơn hẳn. Chỉ rõ trở lại xa lìa tướng hơn hẳn kia. Chỉ rõ phân loạn hơn hẳn làm mất thiền định. Chỉ rõ tâm loạn hơn hẳn.

Ở đây thấy hơn hẳn, như kinh nói: Này Ca-diếp! Chẳng phải là không có người nên gọi là không, cho đến khoảng giữa cũng không. Không phải chỉ vì không thấy người nên nói là không. Nghĩa đó là sao? Trụ nơi chúng sinh không, không thấy pháp không, chỉ là tự thể của pháp là không. Đòi vị lai, ở trong Niết-bàn đoạn trừ tâm kiêu mạn, khéo quán đối tượng được giữ lấy cho đến chủ thể giữ lấy hành trí vô ngã, lìa giả danh thuộc về tánh không. Không khéo quan sát ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai, nên gọi là không chánh quán về cảnh giới của trí chân như, nên kiêu mạn, vọng chấp giữ pháp vốn là không, là giả danh.

Nói dựa vào không, không dựa vào pháp vì vô ngã, chân thật là không. Pháp ấy do không diệt trừ gốc nơi đối tượng giữ lấy là chúng sinh không cùng có giữ lấy pháp sinh, nên gọi là tướng thoái mất. Bồ-tát đối với pháp ấy không như thế. Do nghĩa đó nên đã hiển bày chỗ thù thắng, nói hành của Bồ-tát là pháp vô ngã. Đức Phật nói với Ca-diếp: Các ông phải nương dựa nơi không, cho đến ở trong pháp Phật tức bị thoái mất.

Ở đây có sự xa lìa trụ nơi hơn hẳn trong chúng sinh vô ngã. Từ ngã kiến là do ở trong hàng phàm phu thấp nhất chuyển biến. Thấp nhất có hai thứ tướng:

- (1) Không tránh khỏi khổ.
- (2) Hành khổ.

Đó là hai tướng. Đức Phật nói với Ca-diếp: Thà khởi *chúng sinh kiến* tích tụ như núi Tu-di, không vì *không kiến* mà khởi tăng thượng mạn. Vì sao? Này Ca-diếp! Vì tất cả các kiến chấp đều do không mà được giải thoát. Nếu khởi *không kiến* thì kẻ ấy là không thể đối trị. Phần văn này chỉ rõ về nghĩa kia.

Thà khởi ngã kiến tích tụ như núi Tu-di: Nghĩa là ngã kiến ấy có thể đối trị, có thể khiến được diệt trừ.

Không vì không kiến mà khởi tăng thượng mạn: Là do không thấy pháp vô ngã, nên khởi tăng thượng mạn. Nên biết, ngã là không nên thấy các hành đều không. Vọng tưởng chấp tánh không cũng là không, vì không thể thủ đắc. Thủ không và chấp sai lạc để phân biệt tánh không rồi tạo sự an ổn sai lạc nơi xứ điên đảo. Do an ổn sai lạc giữ lấy kiến đó mà thành không kiến.

Nếu khởi không kiến thì kẻ ấy không còn có thể đối trị, nên không thể nắm giữ. Nên biết, do không thể nắm giữ nên không tránh khỏi các khổ như sinh v.v... Do thời gian không lia được phiền não nóng bức, nên không thể vui hành, dụ như bệnh nhân không thể chữa trị.

Diệt trừ hai thứ chấp giữ tức trước đây nói có hai thứ tướng. Ví như lương y trao thuốc cho bệnh nhân, cho đến nếu khởi không kiến, ta nói người đó là không thể chữa trị. Dụ này chỉ rõ: Ví như bệnh nhân chưa đến nỗi tắt thở, nhưng do bệnh khuấy động, hoặc thuận động vào nhân của bệnh, hoặc không thuận động vào nhân của bệnh trước sau, khiến bệnh nhân nhận hai thứ khổ thọ.

Như vậy, người chấp vô ngã không diệt thì đồng với ngã kiến cùng không lia chấp sinh không, pháp vô ngã, vì tự thuận theo bệnh phiền não. Hai thứ chấp giữ trước, sau đều diệt, nên gọi là diệt.

Bồ-tát không như thế. Ở đây nói diệt là thiện thắng. Như kinh nói: Ví như có người sợ hãi hư không, như thế v.v... Như người nhìn vào khoảng không tự nhớ nghĩ, phân biệt, cố chấp sai lạc, tạo nên sự sợ hãi cho mình. Người đó kêu lên: Trừ bỏ hư không đi! Trừ bỏ nó đi! Như vậy người này trụ vào người vô ngã, không trụ vào pháp vô ngã, vì ngã mạn nên sinh sợ hãi. Ở nơi hư không chẳng có việc gì có thể nói nhưng đã chấp sai lạc rồi tạo sự an ổn hư giả vào đấy. Cũng như chấp sắc, tạo tướng về sắc, rồi cần tìm sự đoạn trừ.

Bồ-tát không như thế. Ở đây có tâm loạn này là sự việc hơn hết. Đức Phật nói với Ca-diếp: Ví như họa sư tự tạo nên bức vẽ đầy sự kinh hãi, như hình tượng quỷ Dạ-xoa v.v... Như vậy là mất vì hành loạn trụ nơi người vô ngã, tự phân biệt, tự nhớ nghĩ, cho là thật có các cảnh giới. Người kia vì do tướng v.v... bị đảo lộn nên khiến thành điên đảo. Bồ-tát thì không như thế.

Thế nào là giải thích nói về nhân dùng hai thứ dụ?

(1) Dụ về huyễn sư.

(2) Dụ về hai thanh gỗ cọ xát vào nhau.

Dụ thứ nhất chỉ rõ: Quán chủ thể giữ lấy, do người vô ngã, nên trí chỉ giữ lấy các hành. Người kia do pháp vô ngã nên dùng trí quán. Thế nên trí của pháp vô ngã gọi là chủ thể giữ lấy và quán. Nhưng trí

của người vô ngã cùng với trí của pháp vô ngã nơi người kia là nhân. Do có nhân ấy nên có dụ này. Như huyễn sư và người huyễn là nhân. Dụ nếu người huyễn ăn thì huyễn sư cũng hành tác như thế. Do trí của pháp vô ngã nên biết chúng sinh vô ngã. Trí lìa tánh giả danh nên là không. Lìa sự phân biệt kia nên vắng lặng. Có thể xả bỏ tướng nên không có vững chắc. Vì là không tức không có đối tượng nên không quán chắc chắn như ăn.

Dụ thứ hai chỉ rõ: Ví như hai thứ chứng đắc thật sự, thì ở đây sự chứng đắc như thật là hiện có quán có. Chủ thể giữ lấy và đối tượng được giữ lấy đều vắng lặng, nên tư duy, nhớ nghĩ về nhân là không lìa nhau, hoàn toàn nhận biết được bên trong nên trí quyết định sinh.

Quán đối tượng được giữ lấy ở đây nghĩa là trí quán chúng sinh vô ngã. Chủ thể giữ lấy là trí hành pháp vô ngã. Hai trí đó như hai miếng gỗ trên dưới thuận hợp, tư duy vắng lặng, vì do nhân vắng lặng nên chỗ chứng biết bên trong đã sinh trí quyết định, gọi là chứng đắc chân thật.

Dụ về hai miếng gỗ ấy chỉ rõ nhân có thể đạt được. Dụ như nhân nơi hai thanh gỗ cọ sát vào nhau nên sinh lửa. Lửa này trở lại đốt cháy hai miếng gỗ kia. Như vậy, trí của người vô ngã, trí của pháp vô ngã là nhân của hành, sinh trí của pháp vô ngã ấy. Do duyên nơi trí bên trong nên trí quyết định sinh. Hành trí kia hiện có tánh vọng niệm chấp trước, do quán như thật nên có thể đốt cháy hết.

Thế nào là nói hiện hữu khắp không? Cũng do nghĩa một tướng. Trở lại trong trí của pháp vô ngã kia vì thấy như thật, nên nói ví như khi đốt đèn, tất cả bóng tối thấy đều tự tan biến. Dụ này giải thích chỗ nói ở đây đã thấy như thật. Tánh lìa giả danh như không trí v.v...

Không là không chấp như thế. Không thể giữ lấy sự vắng lặng là vì không hiểu biết. Thế nào là giải thích không như vậy? Nghiệp diệt nên phiền não diệt, là hiện đối trị.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Ví như trong khu nhà, hoặc nơi từng căn, từng buồng, từng phòng, trải qua hàng ngàn năm cho đến nay, hết thảy bóng tối trong đó được xem là các kiết sử nơi nghiệp. Dù này là nêu ở đây đã hiển bày về diệt, cho đến hoàn toàn mất hẳn: Là sự tìm kiếm, tức đã sinh trí tuệ sáng suốt, có thể diệt trừ các phiền não từ vô thi đến giờ. Nếu có thể nhanh chóng trừ bỏ các phiền não như thế, thì vì sao các Bồ-tát lại tu hành lâu dài trong thế gian? Hai dụ đã chỉ rõ việc đạt được thắng quả đó.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Ví như gieo giống trong khoảng không, cho đến các sự tạp nơi pháp thế gian cũng có thể nuôi lớn pháp Phật, là hạt giống có thể sinh trưởng trong thửa ruộng tốt có nhiều ứ tạp.

Những dụ như thế nhằm chỉ rõ việc tâm Bồ-tát hướng đến Niết-bàn nhưng không bỏ chúng sinh, vì chứng đắc pháp Phật nên nguyện giữ lấy thế gian, vì đã hồi hướng phát nguyện các căn thiện, nên trong đêm dài sinh tử luôn hành trì các hạnh.

Niết-bàn ở đây là vô vi, dụ như hư không, nếu dựa vào hư không thì pháp Phật không được nuôi lớn. Thế gian như thửa ruộng của phiền não ứ tạp. Tâm đại bi của Bồ-tát cũng như mảnh đất có phiền não ứ tạp, nắm giữ mảnh đất này Bồ-tát mới có thể làm tăng trưởng pháp Phật.

Hỏi: Vì sao dựa vào pháp hữu vi thấp kém, Bồ-tát có thể làm tăng trưởng pháp Phật vô thượng?

Đáp: Dùng dụ về hoa sen để giải thích rõ. Nên Đức Phật nói với Ca-diếp: Ví như từ những chỗ đất ẩm thấp, đầy bùn lầy, hoa sen mới mọc lên. Bồ-tát cũng như thế, ở trong vũng bùn sinh tử nơi chúng sinh tà định, Bồ-tát mới làm cho pháp Phật phát sinh.

Hỏi: Nếu như thế thì đối với Bồ-tát, các Thanh văn không có 12 thứ sự việc thù thắng này. Mười hai thứ ấy là gì?

Đáp: Đó là:

- (1) Thù thắng trong sự tu tập hiện các căn thiện xen tạp.
 - (2) Thù thắng trong sự tu trí và hạnh.
 - (3) Thù thắng trong quả giải thoát gồm thâm tận trí, vô sinh trí, giải thoát cùng đạt.
 - (4) Thù thắng trong việc hàng phục diệt trừ các ma oán.
 - (5) Thù thắng trong việc tu học hoàn tất.
 - (6) Thù thắng trong quả A-la-hán.
 - (7) Thù thắng trong chúng sinh, nói nghĩa ứng cúng.
 - (8) Thù thắng trong việc nói rõ pháp thù thắng, dựa vào bốn Quả bốn Hướng.
 - (9) Thù thắng trong hiện pháp đạt được Niết-bàn, nói rõ pháp thù thắng trong chúng sinh.
 - (10) Thù thắng trong sự đạt được tịch diệt tối thượng từ chúng sinh cho đến chín xứ chúng sinh.
 - (11) Thù thắng trong việc tâm được tự tại.
 - (12) Thù thắng trong việc điều phục chúng sinh khó điều phục.
- Vi nhằm ngăn chặn các vấn nạn nên nêu ra dụ, nên biết.

Vi nhằm ngăn chặn vấn nạn về thù thắng thứ nhất, nên nói hai dụ về biển cả và sinh tô, vì vô lượng chúng sinh không nhận lãnh pháp thọ dụng tương tự.

Thứ hai là nhằm ngăn chặn vấn nạn về trí của Bồ-tát có hai: Đối trị chướng ngại của tự thân và của người khác trong vô lượng thân chúng sinh.

Thứ ba là nhằm ngăn chặn vấn nạn về Bồ-tát có hai thứ: Dụ về người trọng phụ, như xứ giải thoát của bậc thượng nhân, các thừa

Thanh văn và nguyện là xứ của kẻ nghèo. Xứ của hạng tôi tớ bị sai khiến, Bồ-tát cũng không bỏ những chúng sinh này. Xứ của vua là thế nguyện của Đại thừa.

Nhằm ngăn chặn vẩn nạn về thù thắng thứ tư, nên nêu dụ thứ nhất về Chuyển luân Thánh vương so với người con chân thật của Đức Như Lai.

Nhằm phòng hộ cho sự thù thắng trong việc tu học hoàn tất, nên nói dụ thứ hai về Chuyển luân Thánh vương, là không đoạn chủng tử Phật.

Nhằm phòng hộ cho sự thù thắng về quả A-la-hán có thể hành ứng cúng, nên nói dụ thứ ba về Chuyển luân Thánh vương, là nhân truyền trao Nhất thiết trí.

Nhằm phòng hộ cho sự thù thắng thứ bảy, nên nói dụ về Tỳ-lưu-ly, ban đầu gồm sáu được tâm Bồ-đề.

Nhằm phòng hộ cho sự thù thắng thứ tám, nên nói dụ về cây thuốc chúa, vì có thể diệt trừ bệnh phiền não của chúng sinh.

Nhằm phòng hộ cho sự thù thắng thứ chín, nên nói dụ không thể bỏ vàng trắng, vì như thế là có thể tạo nên ánh sáng trí tuệ của tất cả chúng sinh.

Nhằm phòng hộ cho sự thù thắng đạt được tịch diệt tối thượng, nên nói dụ về trồng mới mọc, tích tập công đức là nhân của trí, hỗ trợ đạt được Bồ-đề.

Nhằm phòng hộ cho sự thù thắng về tâm được tự tại, nên nói dụ về ngọc lưu ly, vì Bồ-tát đã thành tựu quả Nhất thiết trí.

Nhằm phòng hộ cho sự thù thắng thứ mười hai, nên nói dụ như ngọc Tỳ-lưu-ly được mài giũa. Tâm tự tại hơn hẳn các công đức của Thanh văn như lợi dưỡng v.v... Dựa vào Bồ-tát nên lược nói các dụ ấy như thế, chỉ rõ công đức của Bồ-tát vượt hơn hàng Thanh văn.

Từ đây về sau: Là nói rộng về các công đức.

Có bao nhiêu hạng Thanh văn? Giới của Bồ-tát có những gì vượt hơn giới của Thanh văn? Có bốn hạng Thanh văn. Lại, giới của Bồ-tát có mười ba thứ tướng vượt trội hơn giới của Thanh văn.

Những gì là bốn hạng Thanh văn? Đó là:

- (1) Thanh văn ứng hóa.
- (2) Thanh văn ngã mạn.
- (3) Thanh văn lập nguyện Bồ-đề.
- (4) Thanh văn tánh diệt định.

Thanh văn ứng hóa: Nếu nhằm hóa độ chúng sinh nên chư Phật, Bồ-tát đã hóa hiện. Đó gọi là Thanh văn ứng hóa.

Thanh văn ngã mạn: Hoặc chỉ là chúng sinh đạt được trí vô ngã cùng không có pháp tà, nhưng ngã mạn chấp trí cho là thanh tịnh. Đó gọi là Thanh văn ngã mạn.

Thanh văn lập nguyện Bồ-đề: Là từ trước đến giờ, tâm thương xót chúng sinh yếu kém, do thân cận Đức Như Lai và nhờ hành tập, nên đối với pháp Phật thượng diệu thân tâm tin tưởng, hành tạo công đức, huân tập thành tựu. Tuy an trụ trọn vẹn trong giới vô lậu, nhưng chư Phật đã khuyến khích giảng nói các phương tiện, nhân đó các Thanh văn được tu tập Đại Bồ-đề. Tuy đã tu tập như thế, nhưng về sau trong việc tạo lợi ích cho chúng sinh, thường chậm chạp, không nhạy bén và ưa thích thanh tịnh riêng, không phải như mới phát tâm mà có Phật tánh. Đó gọi là Thanh văn lập nguyện Bồ-đề.

Thanh văn tánh diệt định: Là từ trước đến nay, tâm thương xót chúng sinh kém, hẹp, hoàn toàn lìa bỏ chúng sinh, tâm vốn sợ hãi trước các thứ khổ của thế gian, chỉ trụ hướng về Niết-bàn, không đủ khả năng tu tập Đại Bồ-đề. Ví như hai vương tử hình dáng, diện mạo giống nhau, đồng thọ nhận mọi an lạc của nhà vua, nhưng một

người đã khéo thông đạt pháp của vua cùng các thứ kỹ thuật v.v... còn vương tử thứ hai thì không được như vậy. Hai vương tử này có sự hơn kém trong lãnh vực kỹ thuật, học vấn v.v..., nên xứ thọ dụng an lạc không như nhau.

Như vậy, Bồ-tát an trụ trong giới vô lậu là hơn hẳn so với Thanh văn tánh diệt định. Bồ-tát vượt hơn hẳn hàng Thanh văn ở các xứ: *Xứ trong thân hành tập các pháp bạch, xứ tích tập trí, xứ tương tợ, xứ tánh, xứ gia trì, xứ hành, xứ thân lực, xứ tu hành, xứ phước điền, xứ thắng thượng, xứ nhân quả và xứ nương dựa sinh khởi*, nên nhận biết như thế.

Ví như gieo giống nơi hư không mà có thể sinh trưởng được, là không có điều ấy. Nhưng gieo giống nơi ruộng tốt lẫn với uế tạp thì có thể sinh trưởng. Trên vùng đất đồi gò cao thì hoa sen không mọc được. Các thí dụ như thế chỉ rõ về Thanh văn tánh diệt định cùng nói đến sự thù thắng về niềm tin, về chí tâm của Bồ-tát.

Thanh văn tánh diệt định như vật đất uế tạp. Các thứ hành tác luôn xen lẫn với bùn lầy phiền não cấu nhiễm nơi chúng sinh, nhưng lại từ bỏ, hoàn toàn hướng về cõi Niết-bàn. Như khoảng đất lớn đang rực cháy trong cảnh giới của chúng sinh thanh tịnh, tâm vẫn đồng an trụ. Trái lại tâm Bồ-tát hướng đến Niết-bàn, cùng trụ với chúng sinh thanh tịnh, không hề bỏ chúng sinh có nhiều phiền não vì luôn cứu độ, giữ lấy thế gian tạp nhiễm để dẫn dắt chúng sinh.

Nêu các dụ về *xứ tập hợp các pháp bạch* lần lượt thay thế để chỉ rõ các hành tạo của Bồ-tát là thù thắng. Thanh văn cũng có các pháp bạch nhưng ít và mỏng, chỉ nhằm lợi ích cho tự thân. Pháp Bồ-tát thì vô lượng, luôn tăng trưởng tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, xem họ như con mình. Ví như người cha dùng sinh tô nuôi lớn các con, Bồ-tát cũng như thế. Căn thiện của mình là vô số, như sinh tô nuôi dưỡng làm tăng trưởng các Bồ-tát mới tu học xem như con trai.

Hư không chính là cùng chỉ rõ sự thù thắng của *xú tích tập trí*. Thanh văn dùng trí vô lậu chỉ nhận thấy tự thân tịch tĩnh. Các Bồ-tát ở ngay trong phiền não vì tâm luôn thương xót, trí đồng chứng ngộ, xoay chuyển tất cả chúng sinh trong mười phương, khiến họ cùng phát nguyện hướng tới đạo Bồ-đề vô thượng.

Dụ về vị phu nhân lớn tuổi và người nữ tỳ: Là chỉ rõ sự thù thắng về *xú tương tợ*. Thanh văn nhớ nghĩ đến nẻo giải thoát vượt bậc. Vị phu nhân lớn tuổi, như mẹ, thì ý niệm nhỏ hẹp, thấp kém, như cha thì tâm nghèo khổ gia tăng, nên không thành Phật tử. Các vị Bồ-tát liả bỏ tánh thấp kém của chúng sinh phàm phu, như người mẹ nhớ nghĩ đến kẻ nữ tỳ, dùng tâm niệm vô thượng như bậc đại vương hành pháp quán đảnh thành tựu, nên được gọi là Phật tử.

Dụ về Chuyển luân Thánh vương thứ nhất: Là chỉ rõ sự thù thắng của *xú tánh*. Như vương tử của Chuyển luân Thánh vương đã thành tựu các năng lực, thành tựu thể mạnh, thành tựu uy dũng tột cùng, nhưng do không có tướng của Chuyển luân Thánh vương, nên không thể làm Chuyển luân Thánh vương. Hàng Thanh văn cũng như thế. Siêng năng tinh tấn, thành tựu các năng lực về đức, thiện xảo, thành tựu thể mạnh do tâm không xả bỏ, thành tựu uy dũng cùng tột nhưng không có tướng, tánh của Phật, nên chư Phật Như Lai không hộ trì, tiếp nhận, dẫn dắt.

Bồ-tát dùng dụ về Chuyển luân Thánh vương thứ hai: Là để chỉ rõ sự thù thắng của *xú gia trì*. Thanh văn tuy đạt được đầy đủ, nhưng nơi vị lai không thể giữ vững ngôi nhà Phật, còn Bồ-tát mới phát tâm thì có năng lực giữ vững được.

Dụ về Chuyển luân Thánh vương thứ ba: Là chỉ rõ sự thù thắng của *xú hành*. Thanh văn tuy đã chứng ngộ đến cùng, nhưng các hàng trời, Thánh nhân đều không cung kính, khen ngợi như đối với Bồ-tát mới hành hóa.

Dụ về ngọc báu Tỳ-lưu-ly: Là chỉ rõ sự thù thắng về *xứ thân lực cao tột*. Bồ-tát từ Địa thứ nhất do thân lực, trí tuệ đã bỏ xa hết thầy hàng Thanh văn, Duyên giác.

Dụ về cây thuốc ở núi Tuyết: Là chỉ rõ sự thù thắng về *xứ tu hành*. Thanh văn tuy đã thành tựu trí, có thể diệt trừ các bệnh phiền não, tức thuốc trí chữa khỏi bệnh phiền não của chúng sinh. Bồ-tát thì trái lại, chỉ luôn hành tạo lợi ích cho mọi người.

Dụ về các vì sao: Là chỉ rõ sự thù thắng về *xứ phước điền*. Tuy đạt đến đầy đủ, nhưng Thanh văn vẫn không thể dùng trí tuệ soi sáng chúng sinh, không tạo được phước điền để hóa độ hết thầy hàng người, trời. Còn Bồ-tát tuy không diệt hết phiền não, nhưng có thể làm phước điền cho tất cả hàng người, trời, gieo trồng căn thiện.

Dụ về mặt trăng vào đầu tháng: Là chỉ rõ sự thù thắng trong *xứ thắng thượng*. Chư Phật, Như Lai nơi tất cả thời đều hơn hẳn Thanh văn, Bồ-tát. Sự thù thắng ấy là từ Bồ-tát mà thành. Các Bồ-tát có hai thứ tướng nên chuyển biến thù thắng. Bồ-tát giáo hóa chúng sinh và thành thực pháp Phật như vậy, thế nên có Bồ-đề và đạt được quả vị. Theo sự giáo hóa chúng sinh khiến họ được giải thoát.

Ví như người hành tạo các thứ ảnh tượng trở thành kỳ dị khiến tâm sợ hãi. Đây cũng như thế, nên biết. Ví như chư Thiên và loài người nơi tất cả thế gian đều khéo giữ gìn ngọc lưu ly, dụ này chỉ rõ sự thù thắng của *xứ nhân quả*.

Thanh văn tuy hoàn toàn tu tập nhân tốt của pháp thanh tịnh, lại gặp gỡ gần gũi với vô lượng tri thức thiện, nhưng không thể khiến đạt được quả Đại Bồ-đề. Trái lại, nói các Bồ-tát có thể khiến chúng quả Đại Bồ-đề. Ví như mài giữa ngọc quý Tỳ-lưu-ly, dụ này chỉ rõ sự thù thắng của *xứ nương dựa sinh khởi*.

Các Thanh văn nương vào Bồ-tát nên xuất hiện ở thế gian, không phải các Bồ-tát dựa vào Thanh văn để xuất hiện ở đời, vì nghĩa dứt hết các điều ác, giữ trụ điều thiện.

Đức Phật nói với Tôn giả Ma ha Ca-diếp: Này Ca-diếp! Nếu có đất nước, trong đó chỉ có loài lạc đà cổ đen, đầu ngược lên nhìn ánh sáng, cho đến đất nước kia không có các sự việc đáng lo sợ. Này Ca-diếp! Bồ-tát vẫn thường xuyên cứu hộ đem lại lợi ích cho chúng sinh, như đã lần lượt nêu bày.

Từ đây trở về sau: Là chỉ rõ việc đạt được lợi ích của quả kia, như đoạn trước đã nói về sự thù thắng.

Nói trong bùn lầy phiền não nhiễm tạp, Bồ-tát có thể làm tăng trưởng pháp Phật. Nếu thế không phải là tăng trưởng trong thân của Bồ-tát, cũng không phải các Bồ-tát khác giúp đỡ thân Bồ-tát ấy. Vậy làm sao trong thân của Bồ-tát lại có thể làm tăng trưởng Bồ-tát? Vì chúng sinh nên tu tập các hạnh là chỉ rõ về điều này: Nếu tăng trưởng cho Bồ-tát là cũng đã tăng trưởng cho đạo của mình.

* **Kinh nói:** *Bồ-tát thường nên cứu hộ như thế v.v...:* Là chỉ rõ cho đến bốn phương, nơi tất cả thế giới, hết thảy thế nguyện của Bồ-tát đều là những hành tác đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Chữa trị hoàn toàn chân thật: Mọi sự lia bỏ lương y mà chữa lành bệnh của thân, cho đến không lia bỏ ngoại đạo mà chữa trị được phiền não, thì đó không phải là cách chữa trị chân thật, chỉ là chữa trị giả danh, điên đảo.

Ở đây, Bồ-tát là dụ như lương y, hết thảy chúng sinh dụ như người bệnh. Các bệnh như tham, sân v.v... Thuốc là như pháp quán bất tịnh v.v... Như có ba thứ tướng khiến các đại bị động nên sinh các thứ bệnh. Hoặc do chứa nhiều chất độc trong người. Hoặc do không nên ăn mà ăn. Hoặc do hết bệnh này sinh bệnh khác. Như thế, ba thứ nhân ấy là tướng của tâm ác nên sinh tâm bệnh. Hoặc vì chứa các

điều ác như tham v.v... Hoặc là do hành tập các thứ như tham v.v... trong suốt đường sinh tử. Hoặc vì thấy việc không nên làm mà làm. Lại hiện có hành các thứ kiến chấp v.v... Hoặc làm các việc điên đảo rồi bỏ.

Trong đó, đối trị bệnh phiền não thứ nhất là dùng quán bất tịnh. Nên biết dùng quán bất tịnh để đối trị các thứ tham. Dùng tâm từ để đối trị giận dữ. Dùng bốn pháp quán nhân duyên để đối trị ngu si. Nói có bệnh nên vì đây nói đối trị là các thứ không v.v..., tức dựa vào 4 loại chúng sinh, nên nói:

- (1) Kiến chấp.
- (2) Vui đắm nơi Tam-ma-bạt-đề.
- (3) Ưa thích các đời sống.
- (4) Đối với xứ không phải giải thoát khởi tướng giải thoát.

Ở đây, dựa vào sự chấp trước nơi chúng sinh kiến, nên nói: Mọi thứ kiến chấp chỉ không mới có thể đối trị. Nếu khởi không kiến v.v... tức đã nói như thế.

Nên biết, vì vui đắm nơi Tam-ma-bạt-đề nên nói về vô tướng. Tất cả các niệm phân biệt về có, không trong tướng đều vô tướng, chỉ rõ về hết thấy có, không, chỉ rõ sự vui đắm nơi Tam-muội.

Dựa nơi sự ưa thích các đời sống nên nói về vô nguyện. Vì nhằm dứt bỏ tất cả cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc v.v..., nên nói về vô nguyện.

Dựa vào xứ không phải là giải thoát mà tạo tướng giải thoát, nên nói chẳng phải là bốn điên đảo. Vì nhằm diệt hết các điên đảo nên nói bốn điên đảo. Vì chấp thường v.v... nên đối với xứ không phải giải thoát sinh khởi tướng giải thoát, tức xả bỏ các hành tập điên đảo. Vì dựa vào hữu nên nói rộng, lược về sự đối trị bốn thứ điên đảo.

Nên biết, phàm phu hữu lậu lại có 6 loại:

(1) Dựa vào sự tham chấp nơi thân, đề đối trị nên nói các Niệm xứ.

(2) Phiền não khiến tán loạn: Đề đối trị nên nói bốn Chánh cần.

(3) Luôn bị ngã mạn trói buộc: Đề đối trị nên nói các Như ý túc.

(4) Lìa bỏ việc tu tập các căn thiện: Đề đối trị nên giảng nói các Căn, Lực.

(5) Không thông đạt các đế: Đề đối trị nên giảng nói Bảy phần giác đạo.

(6) Vui ưa các sự lành dữ: Đề đối trị nên giảng nói Tám phần đạo.

Thế nào là không thuận quán thân, theo thân kiến hoặc ngã sở kiến, không phân biệt, từ bỏ pháp thiện, không tin, nên biết, đề đối trị nên nói các căn, lực?

Này Ca-diếp! Trong cõi Diêm-phù-đề, hết thầy thầy thuốc và học trò của thầy thuốc hiện có thì Kỳ-bà y vương là bậc nhất. Này Ca-diếp! Giả sử hết thầy chúng sinh hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới đều là thầy thuốc như Kỳ-bà y vương, tức các chúng sinh đều tương tự như Kỳ-bà v.v..., là chỉ rõ các bộ luận về y phương hiểu biết rộng thiện xảo tốt đẹp, cũng khó đối trị được các thứ kiến chấp: Biện thủ kiến, giáo hối kiến, nghi hối kiến v.v... Ở đây, do phương tiện để tâm định, nên các thứ kiến chấp đều có thể gây chướng ngại. Như Tôn giả Xiển-đà nói: “Các Đại đức! Tôi nghĩ như vậy: Sắc là vô thường v.v... cho đến v.v..., nhưng tôi lại hành Xá-ma-đà không, không phân biệt diệt ái, lìa dục, diệt cùng trong Niết-bàn tâm không an, không vui, không trụ, không hiểu. Ý của tôi xoay chuyển sinh tâm chán nản, lười biếng. Nhưng thế nào là ngã sở?”. Nói như thế rồi, bấy giờ, Tôn giả Xiển-đà dùng tâm trí tuệ nhớ nghĩ đến Niết-bàn, vì không diệt trừ được thân kiến của ngã, nên nói ngã sẽ vô ngã, ở trong Niết-bàn tâm thoái chuyển sinh khởi sầu não. Nhưng thế nào là ngã và ngã sở? Không suy nghĩ như thế này: Đây chỉ là hành. Do cái gì

là không có kia? Nhưng thời ấy đạo hành của thế gian không có khả năng chữa trị, nên gọi là không thể đối trị.

Vì muốn thâm giữ tâm chưa nhập định, nên sự ràng buộc đã tạo ra nghi, hối. Có khả năng xua tan nhân của nghi hối, dứt trừ giáo hối, thì chỉ có chư Phật, Như Lai cùng các Bồ-tát vì không có các thứ độc hại, lại có đại lực. Do đó chỉ nói kiến, nghi, hối, không lực thì không thể nhận biết. Ý không thể lường cùng không thể nói, không thể đọc tụng, không thể nêu bày đúng đắn, không thể dùng ngôn thuyết. Cầu hành trợ đạo này rồi, cầu hành xuất thế gian. Trong hữu dư tâm cầu, sau đó là hữu dư. Dựa vào chúng sinh vô ngã tức có hai thứ nên biết dựa vào pháp vô ngã. Có một duyên nhập nơi trí v.v... Nhân nơi dục, tin, căn bản trí, tín trí, chỉ có tâm là khuyên can đúng, đoạn dứt, không duyên biết cùng vô ngã. Tìm kiếm trong nhân duyên hành tập là chỉ rõ sự chứng đắc về người vô ngã. Ở trong các nhập nội ngoại, cùng nương dựa trong xứ thức nhớ nghĩ kia tánh vọng tưởng niệm sai lạc, nên tâm không thể thủ đắc và thành tựu các tướng như không sắc v.v... Do thấy tánh nên chỉ rõ sự chứng đắc về pháp vô ngã. Nhưng thành tựu về tánh này nên hành nơi tâm đều có hộ trì và không nên chấp giữ.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Tâm của tất cả chư Phật đều không có kiến chấp, nên nói chẳng phải là tự nhiên. Không kiến chấp là chỉ rõ tâm trụ nơi thể của pháp. Vì tất cả chư Phật đều nói là thấy suốt cả ba thời. Như vậy, trước đã nói không có tánh phân biệt, nhớ nghĩ sai lạc. Tướng của sự nhớ nghĩ sai lạc đó chỉ rõ tánh và tướng khác nên nói có chỗ nương dựa.

Nói tâm kia lấy gì làm tánh để giữ lấy, trong đó đã nêu rõ tâm và tâm số pháp. Nếu do ý gắn liền thì chỉ là tướng, làm sao giải thích xác nhận sự sinh tử của thế gian như huyền?

Chỉ là một tâm hành trì như dòng sông trôi. Tâm hành như thế trong sự chán lìa thì do đâu không được giải thoát? Giải thích rõ sự

việc đó như gió, trong ấy cái từ xa đến là trong hết thấy sự việc đều có tánh kia, nhưng rất khó biết.

Thế nào là được giải thoát? Giải thích rõ sự việc ấy như đèn cháy sáng. Do duyên lực của vô minh nên hành, chỉ rõ vô minh dứt hết thì không hành. Nếu sức phiền não của tâm còn nên nhiệm thành, không làm là thuận nơi như. Vì phiền não kia không tịnh, nên không thấy giác ngộ, giải thoát. Vì ngăn chặn các vấn nạn này, nên chỉ rõ như hư không. Vì ngăn chặn các vấn nạn nên nói như hư không không phân biệt, chỉ rõ như sấm chớp, niệm niệm đều diệt. Vì không trụ nơi các thứ tham v.v..., nên chỉ rõ về tướng vô thường. Chỉ rõ về tướng vô thường là nhằm ngăn chặn các vấn nạn về tướng dị biệt. Tuy tâm tịnh, nhưng mỗi mỗi niệm đều diệt, nên chỉ rõ như khi vượt. Vì tâm kia không phải là mong cầu các thứ cảnh giới nên phân tán, mà là do thuận theo các thứ tham v.v... đều không thể trừ bỏ nên thành có tán loạn.

Vì sao không giải thích tất cả là cùng sinh như công việc của họa sư? Vì sao không phải hết thấy các thời như thế v.v...? Giải thích tạo nghiệp là không trụ. Vì sao nghiệp hiện tại thoái chuyển? Hoặc do như cây hiện ra khí lực nên sống. Giải thích như sự nghiệp của vua. Hết thấy nghiệp tu là sức mạnh tối thượng, do có thể huân tập nên được tăng thượng, thành tựu hành giảng nói. Nếu như vua, vì sao tự mình có thể sinh các khổ? Giải thích là như oan gia. Vì sao tự chính mình mà như oan gia? Giải thích là như bệnh tật, chỉ rõ tích tụ nơi nhà cửa. Chỉ rõ nơi thân v.v... có bốn thứ điên đảo. Các hành như tùy thuận v.v... nên ngăn chặn các thứ tai họa. Có như vậy thì do đâu sinh ở xứ an lạc mà chấp giữ sự sống? Chỉ rõ như oan gia. Có ba thứ khổ nên chỉ rõ nơi xứ kia cũng sinh khổ. Khổ như thế vì sao không dùng cách đối trị khổ? Chỉ rõ như quỷ Dạ-xoa đoạt lấy khí lực của con người. Phòng hộ sự vui đắm nơi Tam-muội, nên theo như thứ lớp. Lại vì sao trong sự đối trị không ưa thích chỉ rõ như những

việc làm của giặc? Không phòng hộ, không dẫn dắt chúng sinh, trợ đạo hành căn thiện. Nếu do trong khổ đã tạo tác công đức an lạc, ý vui thích trụ như thế, thì do tai họa nào mà chỉ rõ như có đủ các sự việc thể mạnh, không thể mạnh, ghét yêu. Vì sao si mê cuồng loạn tham vương nơi sắc v.v...? Giải thích là như loài phù du làm tắt đèn.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Mong cầu là tướng của tâm, nhưng không thể thủ đắc. Nếu không thể thủ đắc tức không thể thấy, cho đến các tánh của Thánh cũng như thế, không phải là thân tạo nghiệp, không phải là miệng, không phải là ý. Trong tánh kia cũng không có sai biệt nơi thượng, trung, hạ.

Cầu là tướng của tâm, nhưng không thể thủ đắc: Là có sự nối tiếp nào? Chỉ rõ về hành tánh tướng khác xong, như tánh tướng khác kia đã mong cầu, tức cũng cầu với vọng niệm sai lạc, và khi mong cầu tánh thành tựu mới được chỉ rõ. Tuy nhiên, vọng tưởng sai lạc với tánh phân biệt là sự mong cầu không thể thủ đắc trong lý của tâm, thể nên tánh tướng đều không thể thủ đắc. Tâm kia cũng do không thể thủ đắc, nên đã nêu rõ thành tựu tướng tánh nơi tâm phải là vô vi, thời gian sau sẽ nói đến.

Chỉ rõ về sự việc sinh trong ba đời của tâm kia, không phải như nhập vào định diệt tận, vì đương thời tâm không cùng sinh trong ba đời. Như thế, việc sinh khởi của tâm kia nên biết là chỉ rõ vượt quá ba đời, nhưng không vượt quá ba đời, vì tâm đã khởi rồi lại sinh nữa. Nếu vượt quá thời gian ba đời, tâm kia cũng không được gọi là đã có sự ngăn chặn chấp giữ sai lạc. Dựa vào danh chỉ rõ cũng có, cũng không. Do vọng tưởng nhớ nghĩ đến tánh tướng khác, nên mới nói rõ là thành tựu tánh nên có.

Tâm kia tức không sinh là do nhân của quán thân, nên tâm ấy là không. Tánh là nhân của tánh quyết định, như đối với địa ngục v.v... Tâm kia không khởi là tạo ra nhân sinh khởi nên không diệt là đã diệt mất. Tâm kia tức không lìa là do diệt. Không lìa là do chưa diệt. Tâm

kia tức không hành nghiệp là âm. Tâm kia là vô vi, vì hiển bày về nó, nên nói tất cả việc đây, kia là vô vi. Nay muốn phân biệt giải thích rõ: Tâm này là gốc của tất cả tánh Thánh, do tâm nhớ nghĩ này nên được xứ Thánh kia. Các Thánh cũng do tâm này mà được hiển bày. Nhưng tánh của tâm ấy là do Niết-bàn hữu dư và vô dư làm sáng tỏ, do Niết-bàn của Bồ-tát hiển bày.

Ở đây dựa vào Niết-bàn hữu dư, nên nói: Không có giữ giới cũng không có phá giới, vì đã khéo học giới, nên không hành, hữu dư diệt, chẳng phải hành hữu dư, diệt hữu dư, cũng chẳng phải không hành các phiền não.

Không có tâm, không có tâm số pháp, là vì lìa nhiễm. Nghiệp ở đây là lại có nghiệp nhân của phiền não, cũng không có nghiệp báo, vì dựa vào Niết-bàn vô dư. Do nơi nghĩa ấy, nên nói như thế này: Nếu không khổ và không vui đây là tánh của bậc Thánh. Như trước đã nói: Tâm kia không có nghiệp. Ba câu Tu-đa-la nói về sự khác nhau của nghiệp. Câu thứ tư nói về sự sai biệt của chúng sinh.

Dựa vào Niết-bàn của Bồ-tát, nên nói tánh ấy bình đẳng như hư không, cho đến tánh ấy là chân tịnh, tức từ trước đến giờ đều hoàn toàn thanh tịnh.

Tánh ấy bình đẳng như hư không: Là chỉ rõ sự bình đẳng cùng hành tự lợi lợi tha, nên tánh này không có gì hơn.

Tất cả các pháp đều cùng một vị: Là chỉ rõ trong các Bồ-tát thanh tịnh tánh không khác biệt. Trong tất cả pháp phần Bồ-đề, sự thù thắng không khác.

Tánh này tịch tĩnh: Là xa lìa.

Thân tâm tịch tĩnh: Là chỉ rõ thể không khác biệt của tâm.

Tánh này tùy thuận hướng đến Niết-bàn: Là chỉ rõ nghiệp thân thù thắng của Bồ-tát trong thân của các chúng sinh.

Tánh ấy tịch tĩnh, xa lìa hết thấy phiền não cấu nhiễm: Là chỉ rõ tuy đồng giải thoát nhưng diệt trừ tập khí thì có hơn.

Tánh này là vô ngã, lìa ngã và ngã sở: Là chỉ rõ thể giới thanh tịnh, hoàn toàn diệt định.

Tánh này không có ác, hoặc giả hoặc hư thật, sinh từ bình đẳng: Là chỉ rõ nẻo hành của Bồ-tát nơi thế gian. Niết-bàn không mất, không được, không sinh phân biệt, do bình đẳng, thật nghĩa. Niết-bàn là nghĩa thật hư, còn thế gian là không thật, nên biết.

Tánh ấy là đệ nhất nghĩa đế chân thật: Là chỉ rõ xa lìa các thứ hủy báng, không cùng chung với ngoại đạo.

Tánh ấy không thể cùng tận, rốt ráo không sinh: Là chỉ rõ tuy đã chứng Niết-bàn vô dư, nhưng Bồ-tát vẫn không dứt bỏ hành tạo lợi ích cho chúng sinh.

Lại, tánh ấy rốt ráo không sinh: Là chỉ rõ Bồ-tát sinh ra không phải do nghiệp, phiền não, mà là do thành tựu lực tự tại thù thắng nên sinh.

Tánh này trụ trong tất cả các chân như thường trụ: Là chỉ rõ việc trụ nơi thế gian cùng Niết-bàn. Vì thế gian không phải như vậy, nên nói tánh ấy là an lạc, thanh tịnh, vô ngã v.v... nên biết.

Tánh này chân tịnh, từ trước đến nay hoàn toàn thanh tịnh: Là chỉ rõ về sở tri chướng đã được thanh tịnh. Tùy nơi chốn nên thanh tịnh mà hiển bày sự thanh tịnh như thế. Thế nên cho đến sự đối trị của thế gian, xuất thế gian có sai biệt nơi nghĩa lớn.

Đây là lần lượt giải thích theo thứ lớp và vượt thứ lớp, nên biết.

Này Ca-diếp! Bồ-tát đến khắp bốn phương, nên hành tạo lợi ích cho chúng sinh: Là chỉ rõ việc dùng trí thế gian và xuất thế gian cùng làm lợi ích cho mọi người. Đến khắp bốn phương là Bồ-tát giáo hóa chúng sinh, từ thế giới này đến thế giới khác. Do thần lực nên từ

một thế giới này đến các thế giới khác, trung gian, như từ nước này tới nước khác, rồi trở lại thế giới đầu tiên mình sinh ra cùng sinh nơi bất cứ xứ nào khiến cho mọi nơi chốn đều được thanh tịnh, tùy có chúng sinh.

Các Bồ-tát kia đã giáo hóa: Là khiến các chúng sinh ấy được thanh tịnh. Bồ-tát tạo ra pháp đối trị hoàn toàn chân thật: Là đã dùng phiền não đối trị phiền não. Bồ-tát chữa trị các chúng sinh điên loạn, trở thành bậc Đại y vô thượng, vì họ truyền dạy ba thứ giới hành thanh tịnh, đối trị các kiến chấp mà các Đại y vương như Kỳ-bà v.v... không thể trị được. Cùng đối trị dứt trừ nghi, hối, hoặc lại đối trị lớn: Là đối trị chân thật, nên gọi là đối trị lớn. Đại, nghĩa là chân thật, không dùng nghĩa này, sau đó gọi là chữa trị hoàn toàn chân thật. Do hành đạo xuất thế gian diệt trừ các phiền não sử, trở thành trí thế gian, trong đó có hai loại: (1) Thô. (2) Trung bình. Đối trị hạng thô là diệt trừ các phiền não. Đối với hạng trung bình, Bồ-tát đối trị bằng cách hàng phục.

Đó là đối với kẻ nhiều tham dục, thì đối trị bằng pháp quán bất tịnh, cho đến diệt trừ tất cả các thứ điên đảo. Có bốn thứ điên đảo cùng diệt như thế. Để đối trị với phiền não thô, Bồ-tát áp dụng bốn niệm xứ cho đến tám chánh đạo. Đối với hạng trung bình, Bồ-tát đối trị bằng phương pháp hàng phục.

Ở đây phiền não thô là các hành như tham dục v.v... trong cảnh giới hiện tại, chuyển thành hạng trung bình, nên biết.

Hành ở đây là dùng trí thế gian tự suy xét tướng của cảnh giới, nhằm ngăn chặn các phiền não cấu nhiễm v.v...

Tham được hàng phục xong, thì khiến hành tánh tịnh. Hành tánh ở đây có sai biệt. Người tại gia đa số đều hành theo tham, giận và si. Người xuất gia phần nhiều dựa vào các thứ kiến chấp, do dựa vào chúng nên không có chánh niệm nơi tánh niệm. Phân biệt tánh niệm nêu rộng lược về bốn thứ điên đảo.

Không phải xử giải thoát, sinh kiêu mạn chấp cho là giải thoát.

Ở đây tham dục thì dùng quán bất tịnh để đối trị khiến được thanh tịnh. Giận dữ thì dùng quán từ bi để đối trị. Si mê thì đối trị bằng quán nhân duyên.

Các kiến chấp thì dùng pháp không để đối trị. Phân biệt thuộc về không chánh niệm cùng tánh phân biệt vượt trội thì đối trị bằng vô tướng. Lại có mong cầu thì đối trị bằng vô nguyện.

Không phải xử giải thoát mà sinh tưởng giải thoát thì dùng không điên đảo để đối trị, ví như đây là xử thường v.v... Ở đây phiền não thì làm thế nào để ngăn chặn phiền não thô? Dựa vào tự thân đối trị. Nếu dựa vào cảnh giới nhiễm thì đó là tham, giận, ngu. Ở trong cảnh giới hiện tại, những hành như tham v.v... là tai họa. Tập hợp là nghĩa của hành. Diệt trừ chúng nên tu tập các pháp phần BỒ-đề như bốn niệm xử v.v... Do tu pháp niệm xử nên tâm được buộc giữ trong chánh niệm.

Đối với niệm chưa được buộc giữ thì tâm nên khiến được buộc giữ, tức phải tu tập, nếu không do niệm ấy thì tự tâm sẽ sinh khởi chấp ngã. Tu niệm xử đã buộc giữ tâm niệm rồi, tu tập chánh cần, trụ nơi như ý túc.

Do được an trụ nên thân tâm theo tướng nam nữ, do quán biết bên trong, dẹp trừ phiền não bậc trung, đem trí hữu lậu, vô lậu hành đạo, dùng pháp xuất thế gian để đối trị diệt trừ, không còn dục v.v... Đó là dựa vào dục mà đối trị. Không phải cùng với căn lực tạo ra kiến chấp, mà là có nhân duyên tích tập si cùng si mê về nhân vô ngã, BỒ-tát dùng pháp phần BỒ-đề để điều phục các thứ chấp đó.

Ở trong các hành tà đạo, chánh đạo, luôn quyết định để thành. Như thế tướng phiền não thô, trung nơi xử này hiện có, nên đối trị bằng ngăn chặn, hàng phục.

Trí sự đó gọi là trí thế gian. Thế nào là trí xuất thế gian? Như thế là xứ của phiền não cấu nhiễm như tham sân si đã được hàng phục cùng những phiền não kiết sử vi tế hiện có, là do trí sự đối trị.

Điều ấy lại là thế nào? Ở trong sự đối trị, hàng phục trí sự kia có ba xứ thiện xảo, đó là trí duyên vào nhân duyên thiện xảo, trí này sinh khởi tin hiểu trong pháp không ngã, không chúng sinh, không thân mạng, không nuôi dưỡng, không pháp Phú-già-la, tin giữ nhân vô ngã, đối với pháp không không phân biệt không sinh sợ hãi. Do tin pháp vô ngã, nên tâm cầu sinh tinh tấn, vượt qua hết các phiền não hiện có đối trị giáo hóa bốn loại. Vì không trí nên không giữ lấy. Ý sinh tác dụng nơi trí để quán nội tâm: tướng đồng, tướng tự, tướng nhiễm và tướng tịnh. Trong không trí đó có ba thứ tướng, đó là nghĩa đồng tướng, nên biết.

Cầu tìm tâm như thế, đâu là tâm có thể ưa thích, có thể cấu nhiễm, có thể xấu hổ nơi quá khứ, vị lai hiện tại, hiện có? Quá khứ gọi là hết, vị lai là chưa đến, còn hiện tại thì niệm niệm không dừng. Trong đây, quá khứ, vị lai duyên thành tâm, đều không có giác quán. Hiện tại thì niệm niệm đều không giác, cùng các thứ tham v.v... tự duyên mà sinh, không phải tâm tạo ra chúng v.v... Các tướng nơi tâm đều là tự tướng, nên biết.

Đức Phật nói: Đây Ca-diếp! Tâm này không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa, vì biết tâm như thế nên cầu tìm tâm không thể thủ đắc. Như vốn nói giả danh nên nói tánh không thể thủ đắc. Tâm này không sắc, không hình, không trụ, không tướng, không ghi, không vương. Như vậy, như sáu thứ tướng ở trước đã nói. Vì nhận biết chân như nên nói: Tất cả chư Phật không đã thấy, không nay thấy, không sẽ thấy. Tất cả các Thánh đều không do tri kiến mà hiểu biết, vì chúng tướng nên tâm có tướng nhiễm, nên biết. Không thuận là không thuận hành các hành nên tâm như huyễn. Do tướng

nhớ hư vọng, nên phân biệt phát sinh đủ các hành nghiệp, thọ nhận vô số thứ thân tâm, thọ sinh đủ thứ thân trong các đường. Vì không thuận nhiệm, nên tâm như dòng nước chảy. Sinh diệt không dừng, trở lại sinh nơi chôn kia, do chính mình thuận theo dòng chảy của niệm niệm nối tiếp. Tâm như làn gió bay xa, không thể nắm bắt được, vì trong tất cả ý niệm khó xử trị. Vì thuận theo hành nên tâm như ngọn đèn cháy sáng. Do các nhân duyên hữu hành, nên nước ái đã thấm ướt khắp, là thuận theo hành nhiệm, theo chỗ đã làm để có thể làm, đó là hành nhiệm. Đi đến xứ nào tâm như ánh chớp. Hoặc hướng hành đến xứ tạo thiện. Hoặc khi tâm thiện sinh khởi như làn chớp, tâm như hư không. Hoặc hướng theo hành bất thiện, nên biết tâm như hư không, bị khách trần là phiền não nhiễm. Tâm như khí vượn, vì một mục tham nơi các cảnh giới. Tâm như họa sư, vì hoàn toàn khởi tạo các hành nghiệp.

Này Ca-diếp! Tâm không nhất định có thể chạy theo các thứ phiền não, hoặc hoàn toàn ở trong phiền não. Lại có thể hành tham, giận và si, không dừng mà đi mãi.

Tâm như kẻ độc hành không có bạn bè. Không phải tâm kia vốn có nhiễm rồi tham mới có, nên lìa, rồi xa lìa, như lìa dục rồi mà lại có dục. Những giải thích như thế v.v... Nói tâm như quốc vương, vì được tất cả pháp tự tại. Ở trong pháp lạc do được tự tại nơi thế mạnh nên hành. Tâm như oan gia vì có thể sinh khởi tất cả khổ. Bỏ chỗ vui thích của mình nên có thể sinh khổ, tâm như nơi chứa tro tàn, như cá mắc câu, như chiêm bao, như loài nhặng xanh. Do giữ lấy vô ngã, nên tự có thể sinh khổ. Do điên đảo như oan gia, nên giúp thêm nỗi khổ của chính mình mà không biết chán đủ. Tâm như quý Dạ-xoa đoạt lấy khí lực của con người, khiến bỏ tu thiện, bị chúng chi phối. Tâm như oan gia vì hành bất thiện tìm kiếm các lỗi lầm, luôn phân biệt cao, thấp, có thể lực, không có thể lực, yêu, ghét. Tâm như lũ giặc dẫn đến phóng dật, điều nên làm

không làm, tất cả căn thiện có thể bị diệt hết. Tâm ưa thích các sắc v.v... vì các cảnh giới như sắc luôn vui thích tham vương. Ở trong cảnh giới có thể được cam lồ luôn nhớ nghĩ mãi. Nhớ nghĩ rồi thì khó được yên ổn.

Do ba thứ tướng nên tâm được thanh tịnh, nên biết.

(1) Vì được tướng không thủ đắc nên chẳng phải là tướng hữu vi.

(2) Vô tướng.

(3) Tánh tướng.

Này Ca-diếp! Tâm này cầu không thể thủ đắc. Vì không thể thủ đắc nên không thể nhận biết, gọi là tánh cầu tìm không thể thủ đắc. Vì không thể thủ đắc nên tâm kia không thể nhận biết. Tâm có các tướng như thế, quán nhân tịnh của tâm ấy rồi thì hành tư duy có khác.

Cầu tâm tịnh không thể thủ đắc . Tư duy như thế rồi, khiến có thể đạt được, đó gọi là đạt được tướng không thủ đắc. Pháp tu hành như thế là tu hành vô ngã, dùng tuệ để hành là tướng chân như. Tâm do trí kiến, sau đó là tướng chân như. Dùng chín thứ tướng để nói đến tâm. Vì đối trước pháp của tướng hữu vi nên nói chín thứ vô vi, nên biết.

Vượt quá ba đời là không phải hành của ba đời. Lại không phải như nhập định diệt tận, khởi rồi lại có thể sinh.

Tâm kia chẳng phải có, chẳng phải không, giả danh tánh, không thể phân biệt lường xét. Do tánh chân như nên có thể đo lường biết tâm kia chẳng phải hai tướng. Tâm không sinh vì nó không sinh tướng. Tâm kia không tánh vì vượt quá tướng nhân của tánh sinh. Tâm tức không khởi vì vượt qua các đời trong vị lai. Tâm tức không diệt vì đã vượt khỏi phần đoạn nơi tử. Tâm không có đối tượng lìa bỏ vì đã vượt quá nẻo niệm niệm lìa bỏ .

Không có đối tượng lia bỏ: Là không đến, không đi, không thoái chuyển, không sinh khởi, vì đã vượt qua sự chuyển biến nơi các đường.

Ở đây không có hành nghiệp là vì đã vượt quá nghiệp, phiền não. Nếu là vô vi tức là chủng tánh Thánh.

Tánh tướng ở đây là tướng của cảnh giới vô vi, nên biết.

Vì thấy rõ vô vi, nên hiển bày sự việc của các Thánh. Nhưng trong hiện pháp kia, đã vượt quá năm việc. Nếu là tánh Thánh, thì không có người trì giới, vì vượt quá sự việc tạo tác. Cũng không có kẻ phá giới, vì vượt quá sự việc không tạo tác. Không hành là vượt quá hành tác. Phi không hành là vượt quá tạo tác phi hành. Cùng phi hành là vượt quá hành không hành tác và vượt quá việc hữu vi trong vị lai. Đó tức là không tâm, không tâm số pháp. Vượt qua các thứ lại có sinh, phát khởi hành. Không có nghiệp là vượt qua hành hữu vi kia. Không có nghiệp báo là vượt qua nơi chốn sinh ra.

Pháp kia không có khổ, cũng lại không có vui, vì đã vượt qua chỗ nương dựa có thể mạnh, không thể mạnh của pháp hữu vi. Ở đây không có nghiệp, không khởi hành nghiệp, nhưng trong tánh của pháp vô vi kia, không phải thân tạo nghiệp, không phải miệng tạo nghiệp, không phải tâm tạo nghiệp. Vì dựa vào khổ, vui, nên tất cả pháp hữu ký đều động chuyển.

Không có nghiệp là vượt quá các học giới. Không khởi hành nghiệp là vượt quá các thứ ước nguyện. Nhưng trong tánh kia không phải thân v.v... tạo nghiệp, là vì đã vượt quá không thọ nhận quả báo.

Trong tánh kia cũng không có trên, dưới sai biệt. Vì vượt quá sự nương dựa nơi vô số thân. Nhưng tánh vô vi kia có đến chín thứ tướng khác nhau về tánh tướng. Khi không tịnh, khi tịnh, khi chứng, khi diệt.

Tánh vô vi này bình đẳng như hư không, là lúc không tịnh thì cùng đến nơi tất cả các tướng, như hư không bao trùm tất cả sắc, tất

cả tướng, chân như cũng thế. Hiện tại khi tịnh, thấy cùng đến, đó là thời gian không tịnh. Một tướng là tánh không phân biệt, vì tất cả pháp đều cùng một vị nên là tánh tịch tĩnh, xa lìa. Thân tâm tịch tĩnh là khi tịnh, vì một vị và thân tâm đều tịch tĩnh.

Khi tịnh có hai thứ tướng, nên biết. Tướng tịch tĩnh này tùy thuận hướng đến Niết-bàn. Tánh này thanh tịnh vì đã xa lìa các thứ phiền não cấu uế, đã hoàn toàn chứng ngộ thể nên tùy thuận, và do thanh tịnh nên tùy thuận đều hướng đến lúc chứng đắc. Đó gọi là lúc chứng ngộ.

Tướng ban đầu, tánh ấy không cùng lìa ngã và ngã sở. Tướng thứ hai vượt quá thân kiến khi chứng đắc.

Tánh này không ác, hoặc hư hoặc thật, từ bình đẳng sinh, vượt quá ác kiến căn bản. Trở lại tướng thứ ba của tánh ấy thì tánh này là chân đế. Đệ nhất nghĩa đế: Đây là nói khi hoàn toàn diệt hết, tánh ấy an trụ, vì là thường, nên thành tựu các thứ an lạc, vượt qua ba thứ chuyển biến. Những gì là ba thứ chuyển biến? Đó là:

- (1) Chuyển biến của sinh tử v.v...
- (2) Chuyển biến của nơi chốn điên đảo.
- (3) Chuyển biến của thanh tịnh bị thoái thất.

Tánh này không cùng tận, hoàn toàn không sinh, vì nó vượt quá sự chuyển biến của sinh tử v.v... Đó gọi là thành tựu tướng thứ nhất khi diệt tận.

Tánh này là thường, lạc, tịnh, vô ngã, vì nó vượt quá sự chuyển biến của nơi chốn điên đảo, trở lại tướng thứ hai trong tánh kia sau khi đạt đến chỗ tận cùng.

Tánh này chân tịnh, từ trước đến nay đều hoàn toàn thanh tịnh, vì đã vượt quá sự chuyển biến của thanh tịnh bị thoái thất, trở lại tướng thứ ba trong tánh kia khi đã đến chỗ cùng tận.

Thế nên, cho đến nẻo thế gian, xuất thế gian, đều chỉ rõ sự hành tạo lợi ích cho người khác, nên Đức Phật nói: Này Ca-diếp! Ông nên tự quán nơi nội tâm, đừng chạy theo bên ngoài. Cho đến: Này Ca-diếp! Tỳ-kheo hành đạo tùy theo tâm bị trói buộc nên cầu giải thoát.

Này Ca-diếp! Ông nên tự quán bên trong, có những thứ lớp nào? Như tánh vô vi kia đã hiển bày sự thanh tịnh nơi các Thánh, tánh kia đã được chỉ rõ. Như hôm nay, tùy thuận như bậc Thánh đã sinh. Lời giải đáp kia sẽ được nói rõ.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 4

Này Ca-diếp! Nơi vị lai có Tỳ-kheo như con chó đuổi theo hòn đất. Ở đây, hướng theo ngoại đạo như chó. Năm thứ cảnh giới như sắc v.v... ví như hòn đất. Ném vào là như sợ sắc, thanh, hương, vị, xúc, chỉ rõ sự sợ hãi các cảnh giới đó. Tỳ-kheo kia sợ cảnh giới, vì không chúng biết nhân của sợ, chỉ rõ có bốn thứ tướng, do chỉ đuổi theo cảnh giới.

Ở chỗ thanh vắng vì muốn chuyển được cảnh giới thù thắng, nên chọn lấy nơi chốn trống trải, vắng vẻ. Tỳ-kheo đó chỉ ở một mình, không có bạn bè, nhằm trừ bỏ tạp nhiễm, nên luôn trụ không hai. Thân đã lìa xa năm dục, nhưng tâm không bỏ, người này có khi hoặc nghĩ nhớ đến các thứ sắc thanh hương vị xúc đẹp đẽ, tâm tham dần khởi, vướng mắc mà không quán bên trong, không hay, không biết, chỉ tưởng nhớ đến các cảnh giới do nhãn chịu, nên vị ấy cũng không biết. Vì sao nên lìa sắc, thanh, hương, vị, xúc? Tỳ-kheo kia do không hay không biết, thời gian sau đi vào thành ấp, xóm làng, hay kinh đô của vua v.v... giữa chốn đông người thì trở lại bị năm thứ dục kia trói buộc, nên thoái chuyển.

Nếu người trụ ở nơi chốn thanh vắng cho đến chết, vì giữ giới thể tục để được sinh lên cõi trời, thì vẫn bị trói buộc do sự yêu thích năm thứ dục lạc trên trời. Khi phước nơi cõi trời hết, cũng không

tránh khỏi rơi vào bốn nẻo ác là: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A-tu-la. Được sinh lên cõi trời lại bị đọa, là do hành hoàn toàn dựa vào tham dục, đó là pháp bạn đen, nên biết. Dựa vào sự thấy biết mà hành, gọi là pháp bạn trắng, nên biết. Do thấy người vô ngã, nên kẻ ấy đã được đối trị để giải thích thành hai thứ bạn đen, trắng v.v...

Tu tập các hành như thế, nếu tâm tán loạn thì thâm giữ lại. Đã thâm giữ thì khiến được giải thoát. Câu kinh trong đây là dụ. Do tâm không nhập định, nhưng vì muốn được giải thoát nên nói các phương tiện về Xa-ma-tha v.v... trừ bỏ các phiền não. Hành Xa-ma-tha là để đối trị tâm xen tạp, nên hiển bày dụ về yết hầu và dụ về người bị trói buộc v.v... cùng do một tâm trong tâm định để nói về phương tiện giải thoát, chỉ rõ tướng kiến, tu trong phiền não, nói phương tiện để trừ diệt chúng.

Chướng ngại của kẻ tu đạo là thân kiến và vui đắm nơi Tam-muội, như dụ về yết hầu và người bị trói buộc v.v... đã nhận biết. Khi chứng đế, dùng trí xuất thế gian hành tác, khiến gặp khó khăn, nên thân kiến như bệnh sinh nơi yết hầu, nên biết.

Đã hành các hạnh như thế, vì ngăn chặn chấp có, ngăn chặn những pháp như vậy nên nói hai thứ không dụ cho tâm không tịnh: (1) Đọc tụng kinh sách, các luận v.v... của thế gian, ngoại đạo. (2) Cát chứa nhiều y bát tốt đẹp, dựa nơi nghiệp, dựa vào thân. Hai pháp này có thể khiến bị hai thứ trói buộc: (1) Trói buộc do kiến chấp. (2) Trói buộc do lợi dưỡng, tiếng khen v.v... Hai thứ này có thể tạo trói buộc khi pháp thiện chưa sinh, khiến không sinh, tạo ra hai chướng khác: (1) Bạn Thánh chủng. (2) Gần gũi các đàn-việt. Còn pháp thiện đã sinh thì khiến bị diệt mất, cùng tạo cấu nhiễm, khiến thành hai thứ cấu uế: (1) Chịu đựng cấu uế của các phiền não. (2) Tham quen biết với các đàn-việt. Vĩnh viễn đoạn dứt pháp căn thiện, khiến hỗ trợ thành hai thứ mưa dữ hủy hoại chánh pháp: (1) Hủy báng chánh pháp. (2) Phá giới mà vẫn thọ nhận của tín thí. Nơi

hiện pháp, kẻ ấy không thể chữa trị, khiến mắc phải hai thứ bệnh ung nhọt: (1) Cầu tìm lỗi của người khác. (2) Tự che giấu các tội của mình.

Trong pháp hiện tại, khổ vì hành ác, khiến bị hai thứ pháp thiêu đốt: (1) Thân tâm cầu ướ mà nhận mặc cà sa. (2) Nhận sự lễ bái, cúng dường v.v... của người giữ giới có công đức.

Dụ về vị lai là dù thế nào cũng không thể sinh căn thiện, nên khiến bị hai thứ bệnh, không thể chữa trị là: (1) Luôn khiến tâm khởi tăng thượng mạn. (2) Hủy hoại sự phát tâm Đại thừa của người khác. Vì phỉ báng Bồ-tát, dựa vào giới Thanh văn lần lượt lại có trong vị lai, nên biết.

Này Ca-diếp ! Phải tự quán bên trong. Như thế, cho đến trong đó có người thông tuệ, điều phục được phiền não như tham v.v..., nên nói dụ về hành giới tăng thượng nghe nhiều, học rộng. nhằm khiến ý sinh chán bỏ, hối hận, nêu rõ hành giới của tâm tăng thượng, nên nói dụ về yết hầu và dụ về người bị trói buộc. Do người vô ngã và pháp vô ngã nên hành giới của trí tăng thượng.

Hỏi: Nếu để điều phục phiền não như tham v.v..., nên hành giới của tâm tăng thượng như kinh đã nói, thì sao trong đây lại nói hành giới tăng thượng?

Đáp: Có thể phát khởi các hành như tham dục, não hại v.v..., nên tội phần nhiều nhân nơi tham sân si cùng sinh, thế nên nói điều phục tham, não v.v... là hành giới tăng thượng.

Hỏi: Thế nào là các thứ tham não khiến có thể phát khởi tội?

Đáp: Có hai thứ tướng nên như người kia không thể sám hối, hoặc như người kia đã sám hối nhưng không thành.

Hoặc có các Sa-môn, Bà-la-môn không nhận biết nhân của phiền não, tức sợ hãi các cảnh giới như sắc v.v..., nên trụ ở chốn

thanh vắng, tự tâm phát khởi tư duy bất thiện, nên cũng khởi cảnh giới tham, não ngã mạn.

Hoặc nhớ nghĩ đến xứ khác nên thấy tham v.v... liền theo đuổi, như con chó đuổi theo hòn đất. Dùng hòn đất ném mạnh nên chó chỉ đuổi theo hòn đất. Như vậy là không trừ bỏ được tham v.v...

Hoặc do những sự gần gũi hiện có nơi xóm làng khiến nhớ nghĩ đến, đó gọi là chưa trừ bỏ. Không thuận theo nghĩa ấy nên gọi là trừ bỏ và trừ bỏ xong.

Hỏi: Vì sao trong pháp bạn đen nói điều phục tham, không nói điều phục não. Còn trong pháp bạn trắng thì nói điều phục não, không nói điều phục tham?

Đáp: Vì cả hai đều ở trong cõi Dục, nên chỉ rõ có trường hợp điều phục, có trường hợp không điều phục.

Như vậy, nghĩa là: Nếu người ở nơi chốn thanh vắng mà mạng chung là chưa điều phục. Người trụ nơi giới thành tựu giới tăng thượng cũng bị hủy hoại, huống chi là người không trụ nơi giới. Như thấy con ngựa đi dưới đường đôi khi còn lẫn lộn. Hành giả hành giới tăng thượng cũng thế, do nhầm lẫn về các niệm cũng gọi là tán loạn. Như chứng bệnh yết hầu có thể khiến tử vong. Như vậy dựa nơi người vô ngã nên hành trí tuệ tăng thượng, vì thân kiến có thể đoạn dứt mạng sống của pháp. Như có người theo xứ bị trói buộc mà cầu giải thoát. Như thế là dựa nơi pháp vô ngã mà hành trí tuệ tăng thượng. Trong vọng niệm khiến tâm chấp trước, nên theo tánh mà thắng vượt chúng.

Nơi ba thứ tu giới này có tám thứ pháp mâu thuẫn với giới, có tám thứ thuận theo tâm không tịnh, như đọc tụng kinh, sách, các luận v.v... của thế gian ngoại đạo. Có nhiều y bát tốt đẹp v.v... mà không dùng. Như nhiễm chấp sai lạc về không, vì nhiễm chấp sai lạc là nhân của trói buộc. Lần lượt nêu về hai thứ trói buộc: (1) Trói buộc

của kiến chấp. (2) Trói buộc của danh tiếng, lợi dưỡng. Ở nơi trói buộc tạo nhân nên nói là lần lượt.

Do kiến chấp trói buộc nên ghét bỏ hủy báng bạn bè của Thánh chúng. Bị lợi dưỡng và danh tiếng trói buộc nên ưa thân cận các bạch y. Như nhân của chứng đắc do cấu uế, nên lần lượt nói hai thứ cấu uế: (1) Oán ghét hủy báng bạn Thánh nên nhận lấy các phiền não. (2) Thân cận các bạch y nên tham muốn quen biết các đàn-việt. Cấu uế này là nhân tạo cơn mưa dữ, nên tiếp theo là nói về mưa dữ. Nhận lấy các phiền não, nên hủy báng chánh pháp. Tham theo đàn-việt do thân cận này là duyên của sự phá giới, nên nói về phá giới nhận lãnh người tín thí. Đối với nhân của mưa dữ, nên tiếp theo có bệnh ung nhọt. Do hủy báng chánh pháp cùng phá giới, thọ hưởng của tín thí nên tự che giấu các tội, là nhân của chứng ung nhọt thiêu đốt, nên tiếp theo là nói về pháp thiêu đốt, cầu thấy lỗi kẻ khác. Nói thân tâm cấu uế mà nhận cà sa, do tự che giấu tội mà nhận lấy sự lễ bái, cúng dường v.v... của người có công đức giữ giới. Nơi nhân của thiêu đốt thành bệnh, nên tiếp theo nói về bệnh không thể chữa trị, nên nói thân tâm cấu uế mà nhận mặc cà sa. Ôm giữ tăng thượng mạn mà tâm tích tập giới nhận lãnh sự lễ bái, cúng dường v.v... của người giữ giới có công đức, là hủy hoại kẻ trụ vào phát tâm Đại thừa.

Nói pháp bạn trắng: Là để đối trị các chứng bệnh trên.

Trong hai loại người này: Thứ nhất là người hành kiến chấp. Thứ hai là người hành tham ái, nên biết.

Có bốn loại Sa-môn do gì để lần lượt chỉ rõ? Như kẻ kia gây tai họa vì sống trái với giới pháp. Hoặc thân cận với bạch y. Hoặc bỏ người bị tai họa. Hoặc được người có công đức rồi gây chướng ngại trong tâm niệm của họ. Hoặc không phải chướng ngại thì chỉ rõ trong ấy người gây tai họa có ba loại, dựa nơi ba thứ người nên nói.

Sa-môn tướng hình phục: Tâm hành đều suy hoại. Dựa nơi ưa ghét nên Sa-môn lừa dối nói dựa nơi nghĩa Sa-môn tham danh tiếng, hạnh thành tựu nhưng tâm suy hoại. Dựa vào hai thứ hỷ, dục lớn cùng hỷ dục hữu lậu.

Ở đây, hỷ, dục xấu: Là như nói Sa-môn nhưng không phải là Sa-môn. Sợ hãi nhiều: Như có các đức, nhưng tự ý vượt quá đức đã có của mình, luôn nghĩ thế này: Người có hỷ, dục, nếu có đức mà cùng sinh tâm với đức.

Loại thứ nhất có hai thứ hành suy hoại: (1) Chưa hoàn toàn. (2) Hoàn toàn.

Chưa hoàn toàn: Là dựa vào bốn hạnh Sa-môn nên nói. Dựa nơi việc thọ giới hữu lậu cho đến ý nghiệp hành bất tịnh. Dựa theo ba thứ không khéo điều phục này, như thứ lớp chỉ rõ. Căn cứ vào việc khát thực nên nói thọ mạng không tịnh. Dựa vào thọ dụng để nói về sự keo kiệt nơi thọ dụng, tức gồm chứa để dành thức ăn qua đêm. Dựa vào hành tu tập để nói thọ mạng bất tịnh. Dựa vào thọ dụng để nói sự keo kiệt nơi thọ dụng, như cất giữ đồ ăn cách đêm v.v... Dựa vào hành tu tập nên nói về lười biếng.

Hoàn toàn: Là do phá giới nên phạm những giáo pháp căn bản của giới.

Tâm suy hoại: Là do pháp ác và cố ý che giấu tội của mình.

Loại thứ hai là hành thành tựu: Là dựa vào hành, mạng, giới, thọ dụng cùng tu đạo.

Ở đây, hành thành tựu là dựa vào hành. Thành tựu về cảnh giới là dựa vào thọ mạng.

Thành tựu về oai nghi là do tâm hiện rõ trong bốn hạnh oai nghi. Dựa vào giới là thọ dụng vật thô xấu, thức ăn dở kém, ít ham muốn.

Tánh của bốn Thánh chủng là dựa vào thọ dụng nên nói, không thân cận các hàng đạo, tục v.v... Dựa vào tu đạo nên ít nói ít lời. Ưa thích nơi chốn thanh vắng là dựa vào luận thuyết an ủi, khuyến dụ v.v... nên biết. Tuy hành các pháp như thế, nhưng đều là lừa dối, không vì khéo làm thanh tịnh tâm, vì tâm đã suy hoại nên hành tu tập nương vào cũng lừa dối, nên biết.

Thường có ngã kiến là dựa vào người vô ngã mà hành, nhưng không diệt trừ được ngã kiến. Nên ở trong pháp không sinh nạn sợ hãi, như thấy mình sắp rơi xuống hang sâu. Nương vào pháp vô ngã, nhưng không phân biệt về không, nên người giảng nói về pháp không thì khởi tưởng như oan gia.

Loại thứ ba là thành tựu hành tùy thuận trụ niệm: Là dựa nơi chỉ và hành, tùy thuận các pháp, nên biết. Ở đây, trụ là giữ giới, niệm là đa văn. Do nhớ nghĩ đó nên tùy thuận được các việc. Dựa nơi chỉ là an tọa nơi chốn thanh vắng. Vì tọa thiền ở chốn thanh vắng, nên tùy thuận nơi các công đức. Tùy thuận các pháp là biết đủ, ít ham muốn v.v... tâm không hề thân cận. Ở đây, không diệt các niệm: Là chỉ rõ có chán lìa dục, nên đối trị chúng, diệt trừ được các dục dấy khởi mạnh. Được tam Bồ-đề hay mất tam Bồ-đề là do quả của hành đạo này.

Loại thứ tư là người: Là cả hai đều thành tựu. Do chín thứ thể mạnh nên thành tựu, nên biết.

- (1) Thể mạnh của thường hành.
- (2) Thể mạnh của đa văn.
- (3) Thể mạnh của mong muốn.
- (4) Thể mạnh của tư duy tịch tĩnh.
- (5) Thể mạnh của chánh kiến.
- (6) Thể mạnh của chứng đắc.

- (7) Thế mạnh của diệt hết.
- (8) Thế mạnh của tu tập.
- (9) Thế mạnh của chứng đắc chân chánh.

Không cầu về thân mạng là do không tham tiếc thân mạng, đó gọi là *thế mạnh của thường hành*.

Ưu nghe, lãnh hội pháp không v.v..., tâm hoan hỷ là nêu rõ *thế mạnh thứ hai là đa văn*. Cũng không vui nơi không kiến v.v... Lại không vui tu các phạm hạnh để cầu Niết-bàn, hướng chi là mong cầu nơi ba cõi. Không mong cầu các kiến về pháp cũng hợp với pháp diệt, ý đạt đến Niết-bàn của quả đó, đạo đó.

Thế mạnh thứ ba là mong muốn: Tức luôn nương dựa nơi pháp, không dựa vào văn tự, chương câu. Cầu nơi nội tâm khiến giải thoát các phiền não, không chạy theo bên ngoài. Vì dựa vào pháp nên cầu thiên định giải thoát, tâm đạt trí tuệ thế gian v.v...

Thế mạnh thứ tư là tư duy tịch tĩnh: Là cầu giải thoát khỏi tất cả phiền não, không hướng bên ngoài, thấy rõ một pháp xưa nay vốn không cấu uế, hoàn toàn thanh tịnh để tự nương dựa. Cũng không nương dựa vào người khác là tánh không nhiễm. Pháp hữu học xuất thế gian là nội tâm mình phải nhận biết.

Thế mạnh thứ năm là chánh kiến: Là dùng Pháp thân chân chánh hãy còn không thấy Phật, hướng gì là sắc thân. Là do không thấy Tam bảo nhưng Tam bảo luôn là chân thật, cũng là do trí xuất thế gian phân biệt nhớ nghĩ.

Thế mạnh thứ sáu là chứng đắc: Đã lìa khỏi tai họa chấp không hãy còn không thấy pháp, hướng chi là tham đắm nơi âm thanh, lời nói. Do vậy nên diệt trừ những gì cần diệt trừ.

Thế mạnh thứ bảy là diệt hết: Là không còn có điều gì phải tu tập nữa.

Thế mạnh thứ tám là tu tập: Không sinh vào nẻo sinh tử, không tham vương Niết-bàn, nhận biết tất cả pháp xưa nay là vắng lặng, không thấy có trời buộc, không cầu giải thoát. Thế nên, không từ bỏ thế gian, không chứng đắc Niết-bàn. Không diệt nhân của thế gian để đạt được Niết-bàn. Không sinh ở thế gian, không cầu nơi Niết-bàn. Không mong cầu chết cùng thọ mạng. Không cầu mở, không mong buộc, vì đã diệt cùng phần hữu dư.

Không hành cũng không diệt. Trong ấy, các pháp vô học thuộc về tánh trí diệt tận, vô sinh v.v... nên biết. Đó gọi là *thế mạnh thứ chín là chứng đắc chân chánh*.

Vì hiện có ba loại Sa-môn kia, nên lập danh Sa-môn. Tên gọi Sa-môn đó không có nghĩa, chỉ rõ là không tương tự, chỉ dùng tên để thay thế.

Nói dụ về bản cùng: Vì sao dùng tên để thay thế? Vì khác với Sa-môn gọi là hình phục dối nhận lợi dưỡng của tín thí. Từ đây trở về sau, chẳng phải là hành chân thật. Sa-môn và sự nhận biết đã khởi ngã mạn. Sa-môn hành chân thật cùng giữ giới nhận biết. Nói diên đảo vì giống như giữ giới. Các trí như văn, tu, tu, dựa vào ngã mạn ấy nên nói hai thí dụ: Như có người bị chìm trong vũng nước sâu mà chết khát. Dụ này chỉ rõ do có văn tuệ nên sinh ngã mạn.

Dụ về thầy thuốc: Là do có tu tuệ nên vui đắm nơi Tam-ma-bạt-đề.

Hàng phàm phu lìa dục thì ưa tham vương nơi lợi dưỡng và sự cung kính.

Hàng hữu học khởi hối, tu Tam-ma-bạt-đề, vì tu tuệ theo hành tà. Chỉ rõ trong hành chánh hạnh đã khởi ngã mạn, nên nói ba dụ còn lại: Dụ đầu là bệnh nhân, dụ thứ hai là vật báu, dụ thứ ba là người chết.

Dựa vào giới khởi ngã mạn, nên chỉ rõ có bốn hạng Tỳ-kheo phá giới. Dụ tợ khéo giữ giới v.v... Ở đây, người thứ nhất là giả thọ giới, người thứ hai là nói không khéo giữ giới luật, làm rõ sự biếng trễ. Người thứ ba do hành giống như người giữ giới. Đối với chướng ngại của sự phá giới đã hủy hoại, nên nói giới hoại chướng. Người thứ tư nói là đã thọ nhận đủ mười hai công đức của hạnh Đầu-đà, là trì giới giả danh. Trong ấy, người thứ nhất thấy lo lắng vì diệt bỏ phá giới nên dùng chướng ngại để đối trị, gọi là phá giới.

Hữu lậu là do phá giới nên không thể giữ được một phần nào trong số các giới.

Ở trong cảnh giới Niết-bàn sinh sợ hãi, vì không có khả năng diệt trừ chướng ngại là phá giới, nên đối trị bằng tu hành.

Người thứ hai do ngã mạn sinh khởi cho là được tướng giải thoát. Để đối trị hành này, nên nói các công đức trì giới chân thật. Phá giới đã hiện rõ điều xấu ác, cùng hiển bày hành tu đạo.

Trong đó, người thứ nhất giữ giới nên chứng nhập từ bên trong, không chứng nhập từ bên ngoài.

Người thứ hai nói: Tạo nghiệp nhiễm, không tạo tác. Khéo không tạo tác. Không phải là thân v.v... tạo tác. Nghiệp nhiễm cũng không phi tạo tác. Là chủ thể tạo tác thiện vô hành, vô phi hành. Dựa nơi tạp nhiễm, không tạp nhiễm. Dựa vào khát thực không chỗ hành cũng không chẳng hành. Dựa nơi tạp nhiễm, không tạp nhiễm để thọ dụng, nên không danh, không sắc, Niết-bàn vô dư. Trong vô tướng, vô phi tướng, vô tướng hành, lia bỏ hết thấy tướng niệm cùng niệm giới vô tướng, vô diệt, vô phi diệt. Hành vô học đối với Niết-bàn là hữu dư, phiền não là vô dư. Không lấy không bỏ, thường hành lia mừng, lo, và bỏ niệm hữu đồng sinh, không gì đáng giữ không gì đáng bỏ, trở lại cảnh giới ban đầu kia, không giữ lấy ưu, hỷ, cùng lấy bỏ niệm đồng sinh, nên không có chúng sinh, không tên gọi chúng

sinh, cho đến không tâm, không có tên gọi của tâm. Dựa vào dụ đề giải thích, đã diệt là tùy theo chỗ có thể ghi nhận, tùy vào việc đã ghi nhận cùng tùy thuận đối tượng được ghi nhận. Không thể gian, không phi thể gian. Dựa nơi khí thể gian xen tạp, không xen tạp người hành tạo các hành. Nên nói không nương dựa, không phi nương dựa, nương nơi tạp nhiễm cùng không tạp nhiễm. Dựa vào cảnh giới của thân, ruộng nơi sáu thức. Nói không dùng giới để tự đề cao. Không hủy báng giới của người khác là thấp. Dù nương vào sự thân cận tại gia, cũng không nhớ tưởng, phân biệt với giới kia. Không phân biệt ta là người trì giới, ta có trì giới như thế, không phân biệt tánh ấy. Vô lậu cũng có thể gian cùng có thể diệt. Tìm kiếm tức hiển bày, nên nói là không chung. Nhưng kẻ kia, hoặc ba cõi không phải là quả, không phải là cầu nhân của ba cõi. Hai câu này chỉ rõ đó gọi là theo thứ lớp, dựa nơi giới có các pháp thuận, không thuận.

Nói: Sa-môn khéo tu học và không khéo tu học có sự sai biệt.

Thế nào là Sa-môn không khéo tu học? Đáp: Ở đây có ba loại, nên biết.

Một là Sa-môn hình phục tương tự: Là Sa-môn không yêu tiếc giới, chỉ hình phục là đồng. Không đồng là về hành tác, mạng sống, thọ dụng và giới mạng, kiến văn, tâm đều không giống nhau v.v... Trong đó, xứ hình tướng và xứ y phục gọi là xứ hình phục tương tự. Về xứ y phục, do cùng mặc y Tăng-già-lê v.v... nên gọi là y phục đồng. Về xứ hình tướng cũng cạo bỏ râu tóc, mang bình bát, nên gọi là hình tướng đồng. Nhưng do hành của thân nghiệp v.v... là bất tịnh, nên gọi là hành không tương tự. Mạng sống bất tịnh, nên thọ mạng không tương tự. Vì keo kiệt nên ở trong thọ dụng không tương tự. Vì biếng trễ nên hành dụng không tương tự. Vì phá giới nên ở trong trì giới không tương tự. Do pháp ác nên kiến văn không tương tự. Vì không điều, không phục, các căn không an ổn, nên đối với tâm không tương tự.

Hai là Sa-môn oai nghi lừa dối: Loại này luôn cầu xin những vật dụng sinh sống, mặc sức thọ dụng, nên biết. Tâm tăng thượng, tuệ tăng thượng thì đồng, nhưng hành và tâm thì không tương tự. Thành tựu trong việc dụng ý, nên giới tăng thượng đồng. Nhất tâm thư thái cho đến không ưa tạp loạn, nên hành của tâm tăng thượng thì đồng. Ít nói ít lời nên hành của trí tăng thượng thì đồng. Nhưng tất cả hành của kẻ kia đều là dối trá, nên tâm không đồng.

Ba là Sa-môn tham tiếng khen: Tức chỉ cầu được tiếng khen, nên biết.

Phần hành Xa-ma-tha đồng. Phần hành Tỳ-bà-xá-na đồng. Tức tu hai phần đó đồng. Trở lại hai hành trợ đạo kia thì tâm đồng nhưng tánh không đồng. Ở đây, do giới nên có phần giới, phần hành Xa-ma-tha đồng vì giới là nhân của Tam-muội. Do đa văn nên phần hành Tỳ-bà-xá-na đồng. Do nghe có thể lãnh hội được trí vô lậu. Do ở chốn A-lan-nhã thanh vắng, nên phần tu tập hai thứ kia cùng tương tự. Vì trụ nơi chốn thanh vắng là nhân tu tập, nên ít ham muốn v.v... tức hai hành trợ đạo kia là đồng. Do thiếu dục là hành hỗ trợ tu tập v.v... Do thân cận với kẻ khác, nên tâm không tương tự, nên biết.

Thế nào là Sa-môn khéo tu học? Đáp: Có bốn thứ tướng, nên biết. Đó là hành, tâm, chứng, và đạt đến cùng tận.

Do không tiếc thân mạng nên ở trong hiện pháp đạt được hành nhàm chán, hối hận. Sa-môn với ý nghĩ vui mừng đối với pháp không v.v... nên vị lai sinh hành của thân giáo hóa. Đó gọi là *thế mạnh của hành*, nên biết.

Do nương vào hành chân như nên ý tin pháp vô ngã, không vui với cảnh Niết-bàn, cùng không mừng đối với không, tức chỗ nên đạt được cùng chốn có thể đạt được đều thuận hợp. Người kia cũng lìa tánh, tướng giả danh. Không chấp nơi pháp, luôn dựa vào kinh liễu nghĩa, không dựa vào văn tự, chỉ mong cầu nơi nghĩa cần đến.

Ở trong phiền não mà cầu giải thoát, không chạy theo bên ngoài. Không như tánh thuận theo âm thanh. Đó gọi là *thế mạnh của tâm*, nên biết.

Thấy rõ thế của tất cả các pháp là hoàn toàn thanh tịnh, không nhiễm. Do pháp chân như nên tạo sự hỗ trợ hình tướng mình và của người khác, không duyên vào trí tánh của kẻ khác, nên sự chứng đắc không nhiễm. Ở đây, các quả báo v.v... đều thấy rõ về giải thoát, không thấy tánh, tướng giả danh. Đó gọi là *thế mạnh của chứng đắc*, nên biết.

Tự tánh của tất cả chúng sinh đều vắng lặng, nên không hành thiện, không tu pháp đối trị hết thảy các phiền não cấu nhiễm v.v..., không nhận lấy Niết-bàn, chân như không đoạn dứt, không quan sát việc sai quấy. Đó gọi là *thế mạnh của sự đạt đến tận cùng*, nên biết.

Dụ về người nghèo: Trong ấy là so với Sa-môn không khéo tu học. Do ba thứ tướng nên đối với danh không như nghĩa, nên biết. Tâm suy hoại mà hành thành tựu. Tâm thành tựu mà hành suy hoại. Tâm suy hoại và hành cũng suy hoại.

Ở đây, tâm suy hoại mà hành thành tựu có ba thứ, nên biết. Chủ thể nghe và đối tượng được nghe, tâm cho là biết đủ. Trong chủ thể giảng nói, kẻ kia cho là biết đủ, vì đạt được Tam-muội thế gian, có được công đức của thế gian, lấy đó làm điều tham đắm.

Ở đây, *dụ về kẻ bị chìm nơi sông*: Là nói về tâm suy hoại mà hành thành tựu, vì chỉ có các sự việc như nghe v.v... nên biết.

Dụ thầy thuốc: Là trở lại sự việc kẻ kia chỉ có nói suông, nên biết.

Dụ về huyền thuật: Là chỉ cho việc đạt được Tam-muội thế gian, chỉ có tham đắm vào đó, nên biết.

Dụ về ngọc báu Ma-ni: Là chỉ rõ tâm thành tựu nhưng hành thì suy hoại, nên biết.

Dụ về sự chết: Là chỉ rõ tâm hành đều suy hoại, nên biết.

Dụ về người con của ông trưởng giả: Là chỉ rõ tâm hành đều thành tựu. Vì nghĩa của một tướng.

Sa-môn khéo tu học, nên biết nói có bốn loại. Tỳ-kheo phá giới giống như khéo trì giới, thứ lớp ra sao? Do Sa-môn chân thật chỉ rõ việc thọ nhận hành chân thật. Do chỉ rõ như giới tương tự trụ nơi giới giả danh là nhằm làm sáng tỏ giới giả danh. Chỉ rõ giới giả danh như thế nào? Là duyên nơi giới giả danh hành có bốn thứ, nên biết.

Hạng Sa-môn ấy lại do ngã mạn hủy hoại, nên gọi là trụ vào giới giả danh mà hành.

Thứ nhất là thành tựu sáu thứ giới, do hai thứ chương làm hư hoại giới. Sáu thứ hành đó là gì? Phần giới trì thành dựa theo Ba-la-đề-mộc-xoa đã nói mà hành thành tựu. Hành thành tựu, suy hoại, cảnh giới thành tựu. Đối với tội rất nhỏ vẫn cảm thấy sợ hãi, nên thọ nhận giới tu hành. Ở trong các giới có hai thứ chương, đó là: Thân kiến quá mạnh khiến trong giới khởi và thọ mạng nhận biết.

Thứ hai là bỏ hai tai họa đó. Lìa bỏ xứ thân kiến quá mạnh, do vị luật sư nên đối với các thứ phạm giới khéo có thể phát hiện. Nhưng vì cùng với thế gian thanh tịnh, nên các thứ lợi dưỡng không thể động đồng sinh thân kiến.

Thứ ba là pháp đồng này được giới thanh tịnh của thế gian, lại đồng sinh thân kiến. Không hiểu pháp vô ngã nên nghe pháp sinh sợ hãi, biếng trễ.

Thứ tư là lìa bỏ tất cả những thứ gây ra tai họa, nhưng do tin pháp tà là vô ngã, nên sinh ngã mạn hủy hoại giới, trụ trong bốn thứ giới không chân chánh, biết rõ giới pháp bị hủy báng tướng đó và pháp vô lậu kia, nên biết.

Thế nào là pháp bị hủy báng? Thứ nhất là trụ vào giới giả danh, cũng thấy có ngã cùng nói có ngã sở. Đối trị hạng đó nên nói không

có ngã và ngã sở. Đã gây tạo phạm giới, đó gọi là không tạo. Để đối trị thì nói về vô tác, vô phi tác. Hành tác, kẻ kia cũng chẳng phải là hành. Để đối trị nên nói không có đối tượng được tạo tác, cũng không có người tạo tác. Hành an tường cũng gọi là chẳng phải hành. Để đối trị nên nói vô hành, vô phi hành. Hành vọng niệm, đó gọi là chẳng phải hành. Để đối trị nên nói không có đối tượng hành, cũng không có chẳng hành.

Thứ hai là hành trụ vào giới giả danh, thân kiến làm bạn với sự tùy thuận phiền não, cũng thấy danh cũng thấy sắc. Để đối trị nên nói là không sắc, không danh. Vị lai sinh tướng quyết định là có cùng tướng kia. Để đối trị nên nói vô tướng, vô phi tướng. Diệt trừ kiết sử dấy khởi mạnh cũng gọi là không diệt. Để đối trị nên nói vô diệt, vô phi diệt. Hạng chấp người vô ngã cùng lấy, bỏ người. Để đối trị nên nói không lấy không bỏ. Còn hạng chấp chúng sinh vô ngã kia, cho là cũng có thể giữ lấy, cũng không thể giữ lấy. Để đối trị nên nói không thể lấy, không thể bỏ. Hạng chấp tướng chúng sinh không phải do sắc v.v... cho đó là rất tốt. Để đối trị nên nói không có chúng sinh, không có tên gọi chúng sinh. lời nói phân biệt cũng cho là tốt đẹp. Để đối trị nên nói không có thân, không có tên gọi thân, không có miệng, không có tên gọi miệng. Phân biệt đó là tâm, cùng giữ lấy phân biệt đó là hay lắm. Để đối trị nên nói không có tâm, không có tên gọi tâm phân biệt.

Thứ ba là hành trụ vào giới, cho sinh nơi thế gian bậc thượng, bỏ hạng dưới vì là phi thế gian. Để đối trị nên nói không có thế gian, không có phi thế gian. Dựa vào Tam-muội cũng là dựa nơi không tham dục. Để đối trị nên nói không nương dựa, không phi nương dựa. Hạng thủ giữ giới của mình, không hủy báng giới của người khác. Để đối trị nên nói không đem giới để tự đề cao, không chê giới của người khác là thấp kém.

Thứ tư là trụ nơi giới giả danh. Nói: “Ta là người có thể giữ giới”, sinh niệm phân biệt. Để đối trị nên nói cũng không phân biệt

giới. Hạng có niệm phân biệt giới như niệm về tánh thù thắng. Để đối trị nên nói giới không phân biệt và không niệm về giới ấy. Đó gọi là hủy báng pháp.

Trong giới vô lậu hoàn toàn có thể diệt trừ hết. Đó gọi là một câu nói các Thánh trì giới vô lậu đầy đủ.

Không có đối tượng chấp trước là xuất thế gian, không đến nơi ba cõi. Lý không thuận nơi tất cả phiền não, nên lìa mọi sự nương dựa. Đối trị là lìa ba cõi. Thế nên đối với cõi trở lại làm thanh tịnh, chỉ rõ sự thù thắng nơi hạnh trì giới, nên nói các kệ:

*Người trì giới đầy đủ
Không cầu, không sở hữu.*

Câu kệ thứ nhất nêu sự lìa cầu ướ nên nói tánh thanh tịnh. Những thứ tham dục còn lại đều đã xa lìa hết, đó là nhân nơi tịnh, nên được giới tánh tịnh, chỉ rõ đồng nhân cùng tịnh.

Ba câu còn lại, trở lại với hành trì giới, chỉ rõ đồng bạn cùng nhân tịnh.

Ở đây, đồng bạn phá giới cùng các đồng nhân đối trị. Đối với giới đồng bạn và các đồng nhân, có ba thứ sai biệt, nên biết. Trong đó, đồng bạn phá giới có ba thứ: Đồng sắc kiêu mạn v.v... Nương dựa nơi nhân khiến ý bị mê hoặc nên thấy biết như ngu si. Đồng ưa Tam-ma-bạt-đề, chế ngự đồng bạn chấp lấy niệm đó.

Đồng sự niệm là như xứ thô, đồng thân yêu thích, vui mừng với bạn. Đó là nghĩa của kệ thứ nhất.

Trở lại với hết thấy tướng trong việc trì giới kia là nêu rõ nương vào giới thanh tịnh, nên nói kệ thứ hai, nên biết.

Tịch diệt thường rốt ráo như vậy. Trong đó có bốn thứ tánh đồng đối trị tai họa, nên nói giới Ba-la-đề-mộc-xoa thanh tịnh, nên biết. Do không thiếu sót nên đối với việc thọ giới thiền tịnh, phần

còn lại đều là giới vô lậu tịnh. Trở lại nương vào hành trì giới kia, vì thanh tịnh, không có tai họa, nên nói kệ thứ ba:

Không tham tiếc thân mạng.

Như vậy có năm thứ tai họa:

(1) Tai họa do lợi dưỡng và sự cung kính, do luyện tiếc thân mạng.

(2) Tai họa do lười biếng, niệm nối tiếp không chết, khởi vui thích sự sống.

(3) Tai họa do khởi nguyện giữ gìn phạm hạnh, mong cầu tất cả cõi sinh.

(4) Tai họa do quan niệm chỉ có giới là đủ, không có phương tiện chân chánh.

(5) Tai họa do không biết nẻo xuất ly, như các ngoại đạo nêu bày, đều thành lối lý luận không đúng đắn.

Giải thích làm rõ sự thanh tịnh, không còn các tai họa, nên biết. Dựa vào thanh tịnh, không phiền não, nên nói kệ thứ tư:

Trì giới không nhiễm đời.

Pháp thế gian không thể khiến cấu nhiễm. Dựa nơi tập đế gồm sáu nhiễm, cùng dẫn đến cấu nhiễm mạnh, phát khởi xứ dục.

Hai thức chấp trước các ái nhiễm, nên nói không dựa nơi pháp thế gian. Không dựa nơi đời là diệt các nhiễm trước, lại có ái nên diệt.

Mau đạt trí tuệ sáng

Do được ánh quang minh

Ở trong đạo kiến đế

Không ngại, không sợ hãi.

Sự việc không ngại, không sợ hãi: Là do tu đạo phá trừ vô minh v.v... và các thứ đối trị khác nên nói:

*Không ngã, không tướng kia.
Nên là tướng ta, người.
Dựa vào đạo vô học.
Là ngã mạn, thanh tịnh.*

Nên nói kệ thứ năm:

*Không bờ này, bờ kia
Cũng không có khoảng giữa.*

Trong hành vô tướng không chấp trước các nhập trong ngoài.

Vô lậu là không bị vương, buộc, do đã diệt trừ phiền não và các kiết sử bùng phát. Không đua nịnh và đạt vô lậu nên không ngã mạn sai biệt, nêu rõ việc hoàn toàn dựa vào thanh tịnh, nên nói kệ thứ sáu:

*Tâm không vương danh, sắc
Khởi nguyện nơi mọi việc
Không rời pháp tịch diệt.*

Người kia, do trì giới không đủ, nên các căn cần được điều phục, ở trong Tam-muội hành không đầy đủ. Không sinh ngã, ngã sở, cho đến cõi Hữu đánh nơi thế gian. Biết đủ nên trụ nơi trì giới. Nói ở trong giới, hoàn toàn chỉ rõ dựa vào thế gian thanh tịnh, nên nói kệ thứ bảy:

*Tuy hành trì các giới
Tâm không hề tự cao.*

Là chỉ rõ do trì giới, nên tâm không sinh sự phân biệt cao, thấp, không chán đủ.

*Cũng không cho là trên
Hơn là cầu đạo Thánh.*

Giữ giới thanh tịnh, tướng này do Tam-muội không đủ, nên cầu đạo xuất thế gian, dựa vào sự thanh tịnh của xuất thế gian, nên nói kệ thứ tám:

*Không cho giới là nhất
 Không cho giới là đủ
 Cũng không chuộng Tam-muội
 Không tham vương Tam-muội.*

Vượt quá hai sự việc ấy là tu tập trí tuệ trên hết.

Không phân biệt là tánh của Thánh. Không phân biệt là tu tập thân giữ trí tăng thượng, luôn được chư Phật khen ngợi. Thế nên, người nhận biết các sự việc còn lại sẽ được tán thán hơn hết. Dựa vào sự thanh tịnh của hữu học, vô học, phi hữu học phi vô học, nên nói kệ thứ chín:

*Tâm giải thoát thân kiến
 Diệt thân kiến phân biệt
 Thị hiện học giới tịnh
 Diệt trừ ngã, ngã sở.*

Do diệt trừ thân kiến đồng sinh, nên chỉ rõ giới vô học thanh tịnh, tin cảnh giới của Phật là không. Do tin nơi không nên chỉ rõ sự thanh tịnh của phi học, phi vô học. Dựa vào sự thanh tịnh trừ bỏ keo kiệt và chấp trước, nên nói kệ thứ mười:

*Nương giới, được Tam-muội
 Tam-muội hay tu tuệ.*

Ở đây chỉ rõ vì chưa được giới của tám đạo Thánh, nên nói không trì giới tịnh.

*Nương nhân chỗ tu tuệ
 Mau được trí thanh tịnh
 Do đạt được trí tịnh
 Giới thanh tịnh đầy đủ.*

Do chúng đấng Thánh trí nên sau đó được giới thanh tịnh.

Lúc giảng nói kệ ấy, có tám trăm vị Tỳ-kheo không còn các lậu, tâm được giải thoát. Có ba vạn hai ngàn người lìa khỏi phiền não cấu

uế, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Điều đó chỉ rõ trong sự chỉ dạy đã có lợi ích lớn như thế. Cũng lại chỉ rõ tức được quả lớn.

Đối với sự hóa độ: Hàng hữu học, vô học đều chứng đắc.

Cùng năm trăm vị Tỳ-kheo đạt được thiền định, tức nghe pháp sâu xa này, tâm không tin hiểu, không thể thông đạt, nên rời khỏi chỗ ngồi, đứng dậy ra đi: Là chỉ rõ những người ấy khó điều phục, đã có thể điều phục xong. Không thể tin hiểu, không thể thông đạt, hội nhập nơi pháp sâu xa.

Có hai thứ tướng khiến không thể thông đạt được các pháp: Là do không tin, có tin nhưng không vui thích, nên trí tuệ không thể thông tỏ các nghĩa.

Kệ này thâm diệu: Vì khó nhận biết.

Bồ-đề của chư Phật Như Lai là hết sức sâu xa: Là ý khó có thể lường xét. Nếu các căn thiện không được thuần thực là do đã bị các tri thức xấu ác thâm giữ. Do sức tự tin quá ít, nên rất khó tin nhận các pháp. Bị tri thức ác gồm thâm, nên không thể tu tập các căn thiện thuần thực, nên không tin nhiều.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Là lúc nhằm hiển bày về Bồ-đề, các Thanh văn là do Đức Như Lai tạo ra, có thể hóa độ theo thẳng nghĩa. Thế nên cho đến giả danh, chân thật đều có sai biệt, nên biết.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền hóa ra hai vị Tỳ-kheo: Là chỉ rõ phương tiện ứng hiện hóa độ của Đức Như Lai.

Chỉ rõ người được hóa có hai thứ tướng: Là hiển bày tin nơi đồng phục và thấy đồng pháp sự. Các Tỳ-kheo kia đều thâm nhận cho là vì mình nên Đức Như Lai đã giảng nói, chỉ dạy đúng đắn. Các Tỳ-kheo kia do chấp giữ sai lạc về Niết-bàn, nên sinh ngã mạn, sinh tâm hoảng sợ. Vì tin nên nói Niết-bàn như thật, không có chúng sinh.

Nếu đã vào Niết-bàn thì không còn các thứ tham dục v.v... chỉ có tịch diệt. Những thứ kia như không sinh, chỉ rõ Niết-bàn chỉ có tịch diệt, không còn sinh khởi các phiền não.

Nói các ông đừng tạo tác những nhớ tưởng, chớ dấy khởi những phân biệt: Là ở trong các nhập nội, ngoại, đều là ngã, ngã sở, như thứ lớp, tức đối với các pháp không chấp trước, vì tham sân xưa nay là không sinh. Không lìa là cả đến vị lai cũng không lìa. Đó gọi là tịch diệt. Để ngăn chặn chấp trước này: Vốn chẳng phải tịch diệt mà có tịch diệt. Nên biết các phẩm như giới hiện có v.v... là không qua, không lại.

Lại cũng không diệt tận: Là do tên gọi chúng sinh là vĩnh viễn tịch diệt.

Không qua, không lại: Là không nhiễm ô.

Lại không diệt tận: Là tánh tự diệt tận. Các thứ kia cũng không còn gì. Nếu xưa không tịch diệt, về sau mới thành tịch diệt, các ông nên lìa bỏ tướng ấy, đó là Niết-bàn không có sự việc ấy.

Nói ta chớ nhập Niết-bàn, chỉ do tướng hướng đến cảnh giới Niết-bàn, nên tạo ra tướng Niết-bàn. Đừng nên dùng tướng như những tham dục v.v... mà hiểu là tướng Niết-bàn, vì chẳng phải là tham dục v.v... không có nên gọi là Niết-bàn. Đó gọi là tướng của các thứ kia. Lại, trong hành vô tướng đều là phương tiện. Nếu đạt vô lậu rồi, sau đó mới nói về hiện pháp lạc, hành phương tiện, hành nhập định diệt tận. Hoặc lại đây là nghĩa khác.

* **Kinh nói:** Nếu Tỳ-kheo kia không tu tập các căn thiện thuần thực, thì công đức trí tuệ hành trợ đạo sẽ thiếu kém, thì bụi bặm phiền não sẽ gia tăng. Nghĩa ấy không phải thuộc về tri thức ác, vì tri thức thiện không gồm thân.

Hư hoại, nghĩa này không thể tin hiểu: Là do lìa trí hành trợ đạo. Có thể tin nơi xứ sâu xa, nghĩa này không thể tin hiểu. Cho nên

nói chung là không có khả năng thông đạt, là không thể lường xét nhận biết trí an trụ trong thể của pháp. Lại, không có khả năng tin hiểu thì không thể có quyết định đúng đắn do trí chân thật.

Phương tiện hóa độ của Như Lai có hai thứ, nên biết. Giáo hóa là do ngã mạn cùng thể nên chỉ rõ đồng cùng sự. Điều được nêu bày có thể thuận theo hành giáo hóa và được chỉ dạy có nhân xuất thể gian. Giảng nói giáo pháp thanh tịnh đúng đắn làm phương tiện truyền trao.

Lại có bốn thứ tướng nên biết:

(1) Kẻ ở trong pháp nhiệm, tịnh sinh sợ hãi, thì nương thuận để giảng nói cho họ nhân xa lìa phiền não. Đối với pháp thanh tịnh thì chỉ dạy trao truyền khiến bỏ nhân sợ hãi thấy được hiện pháp, là phương tiện hành trì đạt an lạc bậc nhất. Thân này lại có ngã kiến, cho là ngã chính thức chứng đạo, nên dựa nơi pháp tịnh nhiệm đem lý không tùy thuận để truyền dạy, bảo: Ta không có tội gì để sinh lo sợ cả, do nhiệm là hành của thể gian. *Đó gọi là tướng thứ nhất.*

(2) Các ông chớ nên khởi nghĩ tưởng, chớ tạo phân biệt. Nhân của phiền não chỉ rõ có hai thứ tánh giả danh. Là tánh kiêu mạn phân biệt chấp nơi phiền não, cùng phân biệt chấp vào công đức cho là hơn kém. *Đó gọi là tướng thứ hai.*

(3) Phần tịnh, lược nêu có hai thứ, nên biết: (a) Tịnh do hành đạo. (b) Tịnh do Niết-bàn. Ở đây có hai thứ tướng. Tịnh do hành đạo là nhân dấy khởi sợ hãi, nên biết.

Này các thầy Tỳ-kheo! Các phẩm giới hiện có là không đến đi, lại không diệt tận mà cho là trong chân như hoàn toàn thanh tịnh.

Nơi phần trước đã giải thích có phân biệt phiền não và lìa phân biệt phiền não, cũng không thành. Phiền não và lìa phiền não trong tịnh do hành đạo kia là đã có phân biệt, nhưng ở trong tịnh do hành đạo dấy khởi sợ hãi có hai thứ tướng, nên biết. Lại ở trong

nhân của tịnh do Niết-bàn đã phát sinh sợ hãi, các ông phải nên liả bỏ tướng này. Đó là Niết-bàn không khác với tánh giả danh, nhưng lại tướng chấp.

Chớ nên tùy nơi tướng, chớ nên theo chẳng phải tướng: Đó gọi là Niết-bàn khác với tướng. Nhớ nghĩ tạo ra tướng của tâm. Đừng có tướng khác. Đừng dùng thức tướng. Chớ lấy tướng khác quán xét danh. Đó gọi là tướng của nội tâm tịch diệt.

Lại chớ nên dùng tướng quán tướng. Không còn hai nhân đó thì ở trong Niết-bàn không sinh sợ hãi. *Đó gọi là tướng thứ ba.*

(4) Bỏ hai nhân kia truyền dạy các phương tiện của hành tác tối thượng. Khi bỏ hai nhân ấy cùng bỏ nhân phiền não, thì ở trong pháp tịnh đã dứt hết nhân sợ hãi. *Đó gọi là tướng thứ tư.*

Ở đây cho đến phương tiện hóa độ của Như Lai đều nên biết.

Từ đây trở về sau: Là nói về chánh trí tạo lợi ích lớn. Dựa vào sáu việc nên nói:

- (1) Sự việc của nhân.
- (2) Sự việc nương dựa.
- (3) Sự việc âm vang
- (4) Sự việc tư duy tịch tĩnh.
- (5) Sự việc chỉ dạy.
- (6) Sự việc chứng pháp và thuyết pháp.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi các Tỳ-kheo kia: Tỳ-kheo các ông đã đi đến nơi và hôm nay từ đâu tới đây?

Các Tỳ-kheo nói: Nay Tôn giả Tu-bồ-đề! Đức Phật đã dạy: Pháp không từ đâu đến và không đi về đâu. Điều ấy có nghĩa gì? Nên nói như thế này: Thứ nhất là dựa vào nhân của Niết-bàn. Do nghĩa gì mà xứ kia không có qua lại? Dụ như thế gian.

Lại hỏi: Ai là thầy ông?

Đáp: Thầy của chúng tôi nếu từ trước đến nay không sinh thì cũng không có diệt. Có nghĩa gì? Nói như thế này: Thứ hai là dựa vào sự việc của nhân. Là dựa vào không phải sắc thân nơi Đức Thế Tôn, Ngài không sinh cũng không diệt, là tánh của Niết-bàn.

Lại hỏi: Vậy thì các vị theo ai để nghe pháp?

Đáp: Không bị trói buộc nên không cầu giải thoát. Có nghĩa gì? Nên nói như vậy: Thứ ba là dựa vào nhân của âm vang để nói pháp, là họ không bị trói buộc. Dựa vào sự đối trị ái nhiễm đã phát sinh ở trên nên không cầu giải thoát, tức người đó đã được giải thoát.

Lại hỏi: Các vị đang tu tập các pháp gì?

Đáp: Không vì diệt trừ vô minh, không vì sinh khởi minh. Có nghĩa gì? Nên nói như thế này: Thứ tư là dựa vào sự việc tư duy tịch tĩnh, không diệt vô minh nên không dựa lẫn với vô minh. Các bậc Thánh đã nghe có hành đó.

Không vì phát sinh minh là vì đã sinh rồi.

Lại hỏi: Thầy của các ông là ai?

Đáp: Vô đắc, vô tri là thầy của chúng tôi. Đệ tử của vị đó hoặc chưa đắc cũng chưa chứng. Do nghĩa gì? Nên nói như vậy: Thứ năm là dựa vào sự việc chỉ dạy.

Giáo hóa, khuyến dụ các Tỳ-kheo hiện có thân, nên thứ sáu là chứng pháp và hành thuận pháp, dựa vào *mười sự việc* để nói, nên biết. Dựa vào Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Diệt phiền não hành kiến đế. Diệt phiền não hành tu đạo, diệt các khổ. Cúng dường Tôn giả. Hành bố thí. Hành vượt quá địa phạm phu. Nhập trụ địa Thánh nhân. Đồng đạt đến giải thoát.

Lại hỏi: Các vị cùng tu tập phạm hạnh với ai?

Đáp: Chúng tôi ở trong ba cõi, không hành, cũng chẳng phải không hành. Có nghĩa gì? Nên nói như vậy: Niết-bàn vô dư có các sự việc còn lại. Bây giờ, cùng với các đồng pháp trụ.

Lại hỏi: Chùng nào các vị chứng Niết-bàn?

Đáp: Những người được Đức Như Lai giáo hóa đều đã chứng nhập Niết-bàn, chúng tôi cũng sẽ chứng nhập. Có nghĩa gì? Nên nói như thế này: Dựa vào Niết-bàn hữu dư do vốn có sinh diệt. Tha lực nơi pháp tương tợ ứng hợp nghiệp gốc. Bây giờ cùng với những người khác trụ.

Lại hỏi: Các vị đã diệt hết phiền não chưa?

Đáp: Tướng của hết thấy các pháp đều đã dứt hết. Nghĩa của câu ấy nên nói như vậy: Do diệt mọi Hoặc (Phiền não) của kiến đế, nên tất cả các pháp đều vĩnh viễn diệt, kể cả xứ của các cõi ác.

Lại hỏi: Các vị đã được được lợi ích cho mình chưa?

Đáp: Nhận biết cách đoạn trừ nên không ngã, không ngã sở. Nghĩa của câu ấy nên nói như thế này: Dựa vào tu tướng để diệt trừ phiền não, cùng diệt trừ thân kiến đồng sinh.

Lại hỏi: Các vị đã phá trừ được ma chưa?

Đáp: Ma năm ấm thì không thể thủ đắc. Nghĩa của câu ấy nên nói như thế này: Là diệt trừ khổ, còn ma năm ấm thì không thể thủ đắc, đời vị lai chúng không còn hiển bày nữa. Thế nên ở đây phải hàng phục tất cả ma oán thù. Do năm ấm đã không nên các ma khác không thể hiện hành.

Lại hỏi: Các vị phụng sự Đức Như Lai như thế nào?

Đáp: Không dùng thân, miệng, tâm. Nghĩa của câu ấy nên nói như thế này: Cung kính Tôn giả không dùng đến thân v.v... đạt được Niết-bàn là được thân cận cung kính.

Lại hỏi: Các vị đã tạo lập phước điền chưa?

Đáp: Không giữ lấy nên không có tạo tác. Do những gì nên nói như thế? Người đàn-việt tạo sự cung kính, chúng tôi không hề giữ lấy cũng không tạo ra, do lìa các kiến chấp ác động.

Cứ như vậy lại hỏi: Các vị đã đoạn dứt sự qua lại nơi sinh tử chưa?

Đáp: Là không thường, không đoạn. Câu này có nghĩa gì, nên nói như thế này: Vì đã vượt quá địa không phải là Thánh nhân, nên không đoạn dứt thế gian, khiến tạo một ít phương tiện, nhưng chẳng phải là bậc thượng, do có Niết-bàn. Đây là chỉ rõ không đoạn dứt thế gian.

Lại hỏi: Các vị đã hành thuận nơi địa của Thánh nhân chăng?

Đáp: Xa lìa tất cả thủ, hữu, nên được giải thoát vô ngại. Câu này có nghĩa gì? Nên nói như thế này: Trụ nơi địa của Thánh nhân, từ bỏ tất cả thủ nên giải thoát. Không chấp sai lạc, lìa bỏ các chấp giữ không đúng đắn.

Lại hỏi: Rốt cùng các vị nương dựa vào đâu?

Đáp: Tùy theo Như Lai để giáo hóa mọi người là nơi đi chôn đến. Nghĩa của câu ấy nên nói như thế này: Là cùng đến giải thoát. Đối với Như Lai không có pháp tương tự hay khác hơn, chỉ rõ giải thoát cùng đến, hoặc là tâm được tự tại.

Các Thiện nam ! Có thể tùy lúc để có thể nhận lãnh sự thọ ký chân chánh. Do đã được Tôn giả Tu-bồ-đề nêu ra các câu hỏi như thế, nên tiếp theo là nói sự thọ ký chân chánh, có thể đem lại lợi ích lớn, nên biết.

Thế nào là mật ngữ? Là trí không có hai tướng cùng tất cả mật ngữ. Nhân nơi tướng không có hai tướng. Cái gì là nơi chôn của câu đănói? Tánh của câu nói đó là không. Đã nói tánh huân tập một tướng, tánh tướng của cảnh giới là có, nên không hai. Trong không

hai ấy sinh khởi chấp. Có hai tướng là nhiễm. Không chấp nơi hai tướng là tịnh. Tuy nói tất cả câu xứ hiện có là có sự, nhưng chúng cũng là giả danh, do ngôn từ huân tập tướng. Tánh của cảnh giới là không nhưng hai thứ kia đã huân tập tướng nên tánh của cảnh giới là có hai thứ kia. Ở nơi không hai chấp hai tướng. Có nhiễm, không chấp đều dứt hết nên là tịnh. Như thế, tất cả chư Phật đều hội nhập nơi mật ngữ kia. Đó là tướng không hai, nên biết.

Trong đây, có năm thứ tướng, đối với xứ tôn quý và sự truyền dạy đó, có năm thứ quả và năm quả của lợi ích. Vì thành tựu việc gìn giữ, nên nói các sự việc bí mật, nên biết.

Thế nào là năm thứ tướng tôn quý? Nếu có tướng nên nói tướng đó thành tựu, là thành tựu sự việc tôn quý, nên biết. Lại có nghĩa gì? Nghĩa là Đức Phật vĩnh viễn chứng đắc Niết-bàn, nên Ngài mới nói: Các pháp không từ đâu tới và không đi đến nơi nào. Xa lìa sáu thứ nên nhập diệt. Các hữu trong cảnh giới kia có hủy báng hay không hủy báng v.v... và không phân biệt nhận biết. Nên tất cả các pháp do đâu chúng tôn trọng để có thể giảng nói? Các pháp ấy có tướng gì? Do chúng trước đến nay chưa sinh nên cũng không diệt, vì dựa vào pháp thân không sinh, không diệt.

Đó là nói các pháp gì? Nếu không bị trói buộc thì không cầu giải thoát. Trói buộc được cởi là tánh, tướng đều không, nên khiến nhận biết được các hành.

Do bao nhiêu thứ tánh, tướng để nói? Là không đoạn diệt vô minh, cũng không sinh khởi minh. Vô minh và minh đều có tánh giả danh, không thể thủ đắc để thấy biết. Vì người nào để thuyết giảng nếu chưa chứng đắc, chưa được quả vị Chánh giác. Chánh giác chưa dừng thì pháp kia không có.

Thế nào là thành tựu quả thù thắng? Nghĩa là cảnh giới Niết-bàn vô dư. Nếu đối với ba cõi không hành thì dựa vào xứ của cõi

Niết-bàn vô dư, chỉ trụ nơi xứ chân như tịnh, nên nói như vậy: Cảnh giới Niết-bàn hữu dư, nếu được Đức Như Lai giáo hóa, chúng nhập cảnh Niết-bàn chân thật, tức chính là có tánh Niết-bàn, tất cả các pháp đều dựa vào Niết-bàn của thế đế. Đó là nói có khả năng hành đầy đủ Thánh đạo. Những việc làm đã hoàn tất nên nói ta đã làm xong mọi việc. Đối với có ngã, không có ngã, ngã sở, đều dựa vào sự chứng đắc pháp vô ngã nên nói: Đã diệt oán bên trong do nội lực. Các thứ phiền não oán do chứng đắc pháp vô ngã, nên đã hoàn toàn trừ bỏ. Nói trừ bỏ oán bên ngoài nhưng chưa thấy biết ma ám. Những thứ hiện có thuộc về ngoại ám.

Ám là oán bên ngoài, là âm thanh, lời nói, nên biết. Vượt hơn năm ám là xa lìa nhớ nghĩ phân biệt. Tánh của năm ám là không giác ngộ, nên biết.

Ở đây, thành tựu sự việc lợi ích của quả là hiện tâm cung kính Đức Thế Tôn, không phải bằng sắc thân v.v... Do thuận hành pháp nên khéo nhận lãnh tín thí thanh tịnh. Hiểu rõ phước điền nên không giữ lấy một pháp nào có thể vượt qua biển khổ thế gian.

Vượt qua thế gian: Là do đạt pháp vô ngã, không đoạn, không thường, không thoái chuyển nơi xứ phước điền. Hành địa phước điền nên từ bỏ chấp giữ pháp kiêu mạn, được pháp giáo hóa thành Phật tử. Dựa vào Đức Như Lai nên nói: Các ông vì sao luôn đi mà không có nơi đến? Như Đức Như Lai đã giáo hóa, đó là đến.

Tôn giả Tu-bồ-đề đã hỏi đáp với các Tỳ-kheo như thế. Bây giờ, có tám trăm vị Tỳ-kheo, không thọ nhận các pháp nên tâm được giải thoát. Ba vạn hai ngàn người đã xa lìa phiền não cấu uế chứng được pháp nhãn thanh tịnh. Sự thọ ký chính thức này đem lại lợi ích lớn. Người hữu học đạt được vô học, phạm phu thành tựu được quả vị hữu học.

Bạch Đức Thế Tôn! Pháp môn Bảo Tích này thật là hy hữu, có thể tạo được lợi ích lớn là giúp cho các thiện nam, thiện nữ trụ trong Đại thừa.

Từ đây về sau: Là hiển bày về pháp môn này, nêu các lợi ích lớn. Do có lợi ích nên đối với các Bồ-tát đã thành tựu pháp Phật cùng giáo hóa chúng sinh, dùng nghĩa trung đạo để dẫn dắt.

Các thiện nam, thiện nữ kia được bao nhiêu công đức: Là chỉ rõ việc lãnh hội trong Tạng Bồ-tát có sự chỉ dạy để tin tưởng tăng trưởng.

Này Ca-diếp ! Nếu có thiện nam, thiện nữ như vậy v.v...: Là chỉ rõ có năm thứ tướng hiện bày lợi ích tin tưởng:

(1) Thế giới vào thời duy trì có đức lớn.

(2) Tự tại tạo thành nhân thoái chuyển.

(3) Chuyển thân.

(4) Xứ sở đó thành tựu việc nêu bày có thể làm pháp khí.

(5) Người nghe làm pháp khí và khi xả thân mạng thấy rõ nghiệp tịnh.

Ở đây, *thế giới lớn:* Là chỉ Đức Phật, các Thanh văn cùng các tháp v.v... *Duy trì:* Là các vật báu đầy khắp các thế giới như y phục v.v... *Thời:* Là vô lượng A-tăng-kỳ kiếp.

Trong ấy, có năm thứ tướng được sự việc thoái chuyển nơi nhân của tự tại lớn, nên biết.

Do nhân có hạn lượng mong cầu quả vô lượng. Do pháp có cùng tận và không cùng tận. Do chẳng phải là trên hết mà được an lạc trên hết, nên hỗ trợ nhận biết tánh hành của đạo, cùng thâm nhận dẫn dắt.

Lại có năm thứ tướng khiến có thể tạo thành sự việc nơi nhân thoái chuyển của tự tại lớn, nên biết:

(1) Nhân an lạc của việc ác nhỏ.

(2) Nhân an lạc hoàn toàn bất tịnh.

(3) Nhân an lạc không vĩnh viễn.

(4) Nhân an lạc của ý thọ nhận điên đảo.

(5) Nhân an lạc dựa nơi thân thọ khổ.

Sau cùng, thọ thân nữ được chuyển đổi thân và nơi chốn đó được cung kính như tháp Thánh.

Xứ ở kia do tạo ra người gánh vác pháp, tùy thuận nơi pháp để đọc tụng, thọ trì v.v... Nói rõ là vì làm pháp khí, gánh vác pháp sự, nên người ấy khi lâm chung thấy Như Lai, được nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh. Lúc xả bỏ thân mạng được thấy thanh tịnh và nghiệp thanh tịnh, không có các hoạn nạn, do lia các khổ thọ, lia nhân của lo âu sâu não, nên tâm ưa nào đã ho tan biến. Hai mắt không còn nhấp nháy, nhưng biết đúng là các ý vẫn hiện hữu. Tay chân không cử động là đã thành tựu oai nghi. Bụng không mất đại, tiểu tiện là tâm không nhiễm ô.

Vì không sợ hãi nên không nắm tay, không quờ quạng nơi hư không, không có tướng xấu, nên theo chỗ ngồi nằm mà xả bỏ thọ mạng. Do thân đã điều phục nên tiếng nói an lành, đúng đắn. Do lia các nạn sợ hãi, nên giọng nói trôi chảy, lanh lợi. Do đã xa lia lời nói khúc mắc, xấu ác, nên tiếng nói càng dễ nghe. Dùng lời nói thượng diệu để nói về pháp màu nhiệm của Như Lai, nên tiếng nói được ưa thích, yêu mến. Tán thán khi nói về các Đức Như Lai, nên tiếng nói được hàng trời người vui ưa ủng hộ và luôn mềm dịu.

Người đồng pháp đem đạo lý để nêu bày đối đáp, nên lời nói không hề bội ước. Do không có các lời nói dối, nên tiếng nói luôn nhanh nhẹn, sắc bén. Lời nói trước sau không mâu thuẫn, nên lời nói có thể được giữ lấy. Lời nói luôn thuận lý không chống trái, nên tiếng nói được chư Thiên ủng hộ. Tin chư Thiên ủng hộ pháp Phật, nên tiếng nói được chư Phật hộ trì, chư Phật đã thâm nhận. Không giận dữ hiện bày, gặp việc ác có thể nhẫn, nên không hề oán hận. Có thể nhẫn nhục với việc ác trong quá khứ, nên không hề phẫn nộ, não hại. Không che giấu các điều ác, nên không mang tâm báo thù. Các thứ nóng bức như u, hôi không thể thiêu đốt, nên không có chấp nơi lỗi lầm.

Do không mong cầu tham dục v.v... nên không hề ôm giữ các thứ ấy. Do không mong cầu báo đáp, nên không có tướng dị biệt, tâm không khiếp nhược đối với giới pháp. Không giữ lấy kiến thức khác biệt, nên không phóng dật, tâm luôn siêng năng tinh tấn. Do tâm vắng lặng không tán loạn, nên tâm không khiếp sợ khi tiếp nhận thể giới thanh tịnh của Phật.

Do không vui mừng nơi tự thân được chư Phật, Bồ-tát che chở, mà chỉ nhận lấy thể giới Phật thượng diệu, nên lìa bỏ kiêu mạn cùng tăng thượng mạn. Do đạt được khí lực hiện có của tất cả pháp Phật, nên luôn từ bỏ kiêu mạn và tăng thượng mạn. Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề của thế gian, thâm tâm phân biệt vi tế nhưng không cầu, chỉ để cầu nhân của khí lực hiện có nơi tất cả pháp Phật, nên được Tam-muội không gì hơn của tất cả chư Phật, là tạng Bồ-tát, được các việc lợi ích của chánh tín trong sự chỉ dạy. Như thế, nơi vô lượng A-tăng-kỳ, hành giả đã phân biệt những sai khác từ gốc. sự tin tưởng tăng trưởng cũng chuyển khắp vô lượng vô biên A-tăng-kỳ.

*Tạo Luận Bảo Tích này
 Con có được công đức
 Do ý tịnh dũng mãnh
 Nguyên thể đạt cứu cánh.
 Pháp diệu, Kinh Bảo Tích
 Đại trí sáng không cầu
 Luận này trừ chướng, lấp
 Tạo, chép được phước đức.
 Mọi kiến chấp hiện có
 Rơi vào lưới không trí
 Mắt Phật không chướng ngại
 Nguyên thể gian chóng được.*

HẾT - QUYỂN 4

SỐ 1524/1
KINH VÔ LƯỢNG THỌ ƯU BA ĐỀ XÁ

Tác giả: Bồ tát Bà Tẩu Bàn Đậu.

Hán dịch: Đồi Nguyên Ngụy, Đại sư Bồ Đề Lưu Chi.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

*** Kệ Nguyên Sinh:**

*Thế Tôn, con nhất tâm
Quy mạng khắp mười phương
Như Lai Vô Ngại Quang
Nguyên sinh nước An Lạc.
Con nương nơi Tạng Kinh
Tướng công đức chân thật
Nói kệ nguyện tổng trì
Tương ưng lời Phật dạy.
Quán tướng thế giới kia
Vượt hơn đường ba cõi
Cứu cánh như hư không
Rộng lớn không biên vực.
Đạo chánh đại từ bi
Sinh căn thiện xuất thế
Đầy đủ hào quang tịnh
Như vàng nhật, nguyệt gương.
Gồm tánh các ngọc báu*

Thâu trang nghiêm vi diệu
Quang vô cấu sáng rực
Sáng sạch chiếu thế gian.
Cỏ công đức tánh quý
Mềm mại cuộn hai bên
Chạm vào sinh thẳng lạc
Vượt Ca-chiên-lân-đà.
Ngàn vạn thứ hoa báu
Giăng khắp ao, suối chảy
Gió nhẹ động hoa lá
Hào quang chiếu lung linh.
Các lầu gác, cung điện
Nhìn mười phương không ngại
Nhiều cây sắc sáng lạ
Lan can báu bao quanh.
Vô lượng báu đan xen
Lưới giăng khắp hư không
Nhiều thứ chuông phát tiếng
Tuôn pháp âm mâu nhiệm.
Mưa hoa, y trang nghiêm
Vô lượng hương xông khắp
Phật tuệ trời sáng, trong
Trừ si ám thế gian.
Tiếng Phạm tử sâu xa
Vi diệu mười phương nghe
A-di-đà chánh giác
Pháp vương khéo trụ trì.
Các hoa tịnh Như Lai
Hoa chánh giác hóa sinh
Yêu thích vị pháp Phật
Thức ăn: Thiền, Tam-muội.

Lìa hẳn thân, tâm não
 Thọ lạc thường không đoạn
 Cõi căn thiện Đại thừa
 Đều không tiếng chê, ngờ.
 Người nữ và căn thiếu
 Chủng Nhị thừa không sinh
 Chúng sinh sở nguyện thích
 Tất cả đều sung mãn.
 Nên con nguyện vãng sinh
 Nước Phật A-di-đà
 Vô lượng vua báu lớn
 Đài hoa tịnh, vi diệu.
 Tướng hảo, sáng một tâm
 Sắc tượng vượt muôn loài
 Tiếng vi diệu Như Lai
 Phạm âm vang mười phương.
 Đồng đất, nước, lửa, gió
 Hư không không phân biệt
 Chúng trời, người không động
 Biến trí thanh tịnh sinh.
 Như núi chúa Tu-di
 Thắng diệu không gì hơn
 Chúng trượng phu, trời, người
 Cung kính quanh, chiêm ngưỡng.
 Quán lực bản nguyện Phật
 Gặp không uổng phí công
 Nên khiến chóng đầy đủ
 Biến báu lớn công đức.
 Nước an lạc thanh tịnh
 Luôn chuyển luân vô cấu
 Hóa Phật, Bồ-tát nhật

*Như Tu-di trụ giữ.
 Sáng trang nghiêm vô cấu
 Một niệm cùng một lúc
 Chiếu khắp chúng hội Phật
 Lợi ích các quần sinh.
 Mưa nhạc, hoa, áo trời
 Hương diệu cùng cúng dường
 Tán các công đức Phật
 Không có tâm phân biệt.
 Những thế giới v.v... nào không
 Pháp Phật công đức báu
 Con đều nguyện vãng sinh
 Nêu pháp Phật như Phật.
 Con tạo luận, nói kệ
 Nguyện thấy Phật Di Đà
 Khắp cùng các chúng sinh
 Vãng sinh nước An Lạc.*

Con dùng kệ tụng để nói tổng quát về chương cú của ***Kinh Vô Lượng Thọ*** xong.

* ***Luận nêu:*** *Kệ nguyện này nêu rõ về nghĩa gì? Là quán thế giới An Lạc, thấy Đức Phật A-di-đà, nên nguyện sinh về cõi nước kia.*

Quán như thế nào? Làm thế nào để sinh tâm tin? Nếu các thiện nam, thiện nữ tu tập năm môn nhớ nghĩ thành tựu, thì rốt cuộc được sinh về cõi nước An Lạc, được thấy Đức Phật A-di-đà. Những gì là năm môn?

1. Môn lễ bái.
2. Môn tán thán.
3. Môn tạo nguyện.

4. Môn quan sát.

5. Môn hồi hướng.

1. Thế nào là lễ bái? Là nghiệp thân lễ bái Phật A-di-đà Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, với ý nguyện được sinh về nước kia.

2. Thế nào là tán thán? Là nghiệp miệng tán thán, xưng danh hiệu Đức Như Lai kia, như tướng, trí tuệ, hào quang của Đức Như Lai ấy, như danh nghĩa đó, mong muốn tu hành như thật về tương ưng.

3. Thế nào là tạo nguyện? Là tâm thường tạo nguyện, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, hoàn toàn sẽ được vãng sinh về cõi nước An Lạc, mong muốn tu hành như thật về Xa-ma-tha (Chi).

4. Thế nào là quan sát? Là trí tuệ quan sát. Chánh niệm quán Đức Phật kia, mong muốn tu hành như thật về Tỳ-bà-xá-na (Quán). Quan sát ấy có 3 thứ:

a. Quan sát công đức trang nghiêm nơi cõi nước của Đức Phật kia.

b. Quan sát công đức trang nghiêm của Đức Phật A-di-đà.

c. Quan sát công đức trang nghiêm của các vị Bồ-tát.

5. Thế nào là hồi hướng? Là không bỏ tất cả chúng sinh khổ não, tâm thường tạo nguyện hồi hướng làm đầu, thành tựu tâm đại bi, dẫn dắt tiếp nhận chúng sinh, vì không bỏ tất cả thế gian.

Ở đây:

a. Thế nào là Quan sát công đức trang nghiêm nơi cõi nước của Đức Phật kia? Công đức trang nghiêm nơi cõi nước của Đức Phật kia là sự thành tựu diệu lực không thể nghĩ bàn, như tánh báu của ngọc Ma-ni Như ý, là pháp tương tự tương đối.

Quan sát công đức trang nghiêm nơi cõi nước của Đức Phật kia có 17 thứ sự nên biết. *Những gì là mười bảy?*

- (1) Thành tựu công đức thanh tịnh.
- (2) Thành tựu công đức vô lượng.
- (3) Thành tựu công đức tánh.
- (4) Thành tựu công đức hình tướng.
- (5) Thành tựu công đức vô số sự việc.
- (6) Thành tựu công đức sắc diệu.
- (7) Thành tựu công đức tiếp xúc.
- (8) Thành tựu công đức trang nghiêm.
- (9) Thành tựu công đức tuôn mưa.
- (10) Thành tựu công đức ánh sáng.
- (11) Thành tựu công đức âm thanh vi diệu.
- (12) Thành tựu công đức chủ.
- (13) Thành tựu công đức quyến thuộc.
- (14) Thành tựu công đức thọ dụng.
- (15) Thành tựu công đức không có các nạn.
- (16) Thành tựu công đức môn nghĩa lớn.
- (17) Thành tựu công đức của tất cả mong cầu.

Thành tựu công đức thanh tịnh, như kệ nói:

*Quán tướng thế giới kia
Vượt hơn đường ba cõi.*

Thành tựu công đức vô lượng, như kệ nói:

*Cứu cánh như hư không
Rộng lớn không biên vực.*

Thành tựu công đức tánh, như kệ nói:

*Đạo chánh đại từ bi
Sinh căn thiện xuất thế.*

Thành tựu công đức hình tướng, như kệ nói:

*Đầy đủ hào quang tịnh
Như vàng nhật, nguyệt gương.*

Thành tựu công đức vô số sự việc, như kệ nói:

*Gồm tánh các ngọc báu
Thâu trang nghiêm vi diệu.*

Thành tựu công đức sắc diệu, như kệ nói:

*Quang vô cấu sáng rực
Sáng sạch chiếu thể gian.*

Thành tựu công đức tiếp xúc, như kệ nói:

*Cổ công đức tánh quý
Mềm mại cuộn hai bên
Chạm vào sinh thắng lạc
Vượt Ca-chiên-lân-đà.*

Thành tựu công đức trang nghiêm. Có 3 thứ nên biết. Những gì là ba? (a) Nước. (b) Đất. (c) Hư không.

Nước trang nghiêm, như kệ nói:

*Ngàn vạn thứ hoa báu
Giăng khắp ao, suối chảy
Gió nhẹ động hoa lá
Hào quang chiếu lung linh.*

Đất trang nghiêm, như kệ nói:

*Các lầu gác cung điện
Nhìn mười phương không ngại
Nhiều cây sắc sáng lạ
Lan can báu bao quanh.*

Hư không trang nghiêm, như kệ nói:

*Vô lượng báu đan xen
Lưới giăng khắp hư không
Nhiều thứ chuông phát tiếng
Tuôn pháp âm màu nhiệm.*

Thành tựu công đức tuôn mưa, như kệ nói:

*Mưa hoa, y trang nghiêm
Vô lượng hương xông khắp.*

Thành tựu công đức ánh sáng, như kệ nói:

*Phật tuệ trời sáng, trong
Trừ si ám thế gian.*

Thành tựu công đức âm thanh vi diệu, như kệ nói:

*Tiếng Phạm tổ sâu xa
Vi diệu mùi phương nghe.*

Thành tựu công đức chủ, như kệ nói:

*A-di-đà chánh giác
Pháp vương khéo trụ trì.*

Thành tựu công đức quyến thuộc, như kệ nói:

*Các hoa tịnh Như Lai
Hoa chánh giác hóa sinh.*

Thành tựu công đức thọ dụng, như kệ nói:

*Yêu thích vị pháp Phật
Thức ăn: Thiên, Tam-muội.*

Thành tựu công đức không có các nạn, như kệ nói:

*Lìa hẳn thân, tâm não
Thọ lạc thường không đoạn.*

Thành tựu công đức môn nghĩa lớn, như kệ nói:

*Cõi căn thiện Đại thừa
 Đều không tiếng chê, ngờ
 Người nữ và căn thiếu
 Chúng Nhị thừa không sinh.*

Quả báo của tịnh độ đều lia 2 thứ lỗi là hủy báng, ngờ vực, nên biết: (a) Thê. (b) Danh. *Thê có ba thứ*: Một là người theo Nhị thừa. Hai là người nữ. Ba là người với các căn không đủ. Không có ba lỗi này nên gọi là lia mọi hủy báng, ngờ vực về Thê. *Danh cũng có ba thứ*: Chẳng những không có ba Thê, cho đến không nghe danh về Nhị thừa, người nữ và người không có đủ các căn. Vì không có ba thứ danh ấy nên gọi là xa lia mọi chê trách, ngờ vực về danh. *Đẳng*: Là cùng một tướng bình đẳng.

Thành tựu công đức của tất cả mong cầu, như kệ nói:

*Chúng sinh sở nguyện thích
 Tất cả đều sung mãn.*

Lược nói về mười bảy thứ công đức trang nghiêm nơi cõi nước của Đức Phật A-di-đà, chỉ rõ lợi ích nơi tự thân của Như Lai, với diệu lực của công đức lớn, thành tựu lợi ích cho chúng sinh, vì mọi công đức đều thành tựu.

Nói về sự trang nghiêm nơi cõi nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ kia, là cảnh giới vi diệu của đệ nhất nghĩa đế, gồm mười sáu câu và một câu nói về thứ lớp, nên biết.

b. Thế nào là quán thành tựu công đức trang nghiêm của Phật? Quán thành tựu công đức trang nghiêm của Phật có 8 thứ, nên biết. *Những gì là tám?*

- (1) Tòa ngồi trang nghiêm.
- (2) Thân trang nghiêm.

- (3) Miệng trang nghiêm.
- (4) Tâm trang nghiêm.
- (5) Chúng trang nghiêm.
- (6) Bạc thượng thủ trang nghiêm.
- (7) Chủ trang nghiêm.
- (8) Trụ trì không hư giả trang nghiêm.

Thế nào là tòa ngôi trang nghiêm? Như kệ nói:

*Vô lượng vua báu lớn
Đài hoa tịnh, vi diệu.*

Thế nào là thân trang nghiêm? Như kệ nói:

*Tướng hảo, sáng một tâm
Sắc tượng vượt muôn loài.*

Thế nào là miệng trang nghiêm? Như kệ nói:

*Tiếng vi diệu Như Lai
Phạm âm vang mười phương.*

Thế nào là tâm trang nghiêm? Như kệ nói:

*Đồng đất, nước, lửa, gió
Hư không không phân biệt.*

Không phân biệt: Là tâm không phân biệt.

Thế nào là chúng trang nghiêm? Như kệ nói:

*Chúng trời, người không động
Biển trí thanh tịnh sinh.*

Thế nào là bạc thượng thủ trang nghiêm? Như kệ nói:

*Như núi chúa Tu-di
Thắng diệu không gì hơn.*

Thế nào là chủ trang nghiêm? Như kệ nói:

*Chúng trượng phu, trời, người
Cung kính quanh, chiêm ngưỡng.*

Thế nào là trụ trì không hư giả trang nghiêm? Như kệ nói:

*Quán lực bản nguyện Phật
Gặp không uống phí công
Nên khiến chóng đầy đủ
Biển báu lớn công đức.*

Tức trông thấy Đức Phật kia, Bồ-tát chưa chứng đắc tâm thanh tịnh, nếu hoàn toàn đạt được Pháp thân bình đẳng thì so với Bồ-tát tâm thanh tịnh không khác. Bồ-tát tâm thanh tịnh so với các Bồ-tát ở Địa trên thì hoàn toàn cùng được tịch diệt bình đẳng.

Lược nói có 8 câu chỉ rõ việc làm lợi mình, lợi người cùng công đức trang nghiêm của Đức Như Lai, theo thứ lớp thành tựu, nên biết.

c. Thế nào là quán thành tựu công đức trang nghiêm của Bồ-tát? Quán thành tựu công đức trang nghiêm của Bồ-tát là quan sát Bồ-tát kia có 4 thứ tu hành chân chánh với công đức được thành tựu, nên biết. *Những gì là bốn thứ tu hành?*

(1) Ở nơi một cõi Phật, thân không lay động mà hiện bày khắp mười phương với vô số ứng hóa, tu hành như thật, thường xuyên hành Phật sự. Như kệ nói:

*Nước an lạc thanh tịnh
Luôn chuyển luân vô cấu
Hóa Phật, Bồ-tát nhật
Như Tu-di trụ giữ.*

Tức nở hoa của các chúng sinh trong bùn lầy.

(2) Thân ứng hóa của Bồ-tát kia, trong tất cả thời gian, không trước, không sau, một tâm, một niệm, phóng hào quang lớn, đều có thể chiếu khắp đến mười phương thế giới, dùng vô số phương tiện tu hành, giáo hóa chúng-sinh đều làm trọn, diệt trừ các thứ khổ não của tất cả chúng sinh. Như kệ nói:

*Sáng trang nghiêm vô cấu
 Một niệm cùng một lúc
 Chiếu khắp chúng hội Phật
 Lợi ích các quần sinh.*

(3) Bồ-tát kia đối với tất cả thế giới không còn sót, hào quang chiếu khắp pháp hội của chư Phật và đại chúng, rộng lớn vô lượng, cung kính cúng dường, tán thán chư Phật, Như Lai. Như kệ nói:

*Mưa nhạc, hoa, áo trời
 Hương diêu cùng cúng dường
 Tán các công đức Phật
 Không có tâm phân biệt.*

(4) Bồ-tát kia đối với tất cả thế giới trong mười phương, nơi nào không có Tam bảo thì tạo sự trụ trì, trang nghiêm biến cả công đức của Phật, Pháp, Tăng bảo, chỉ dạy khắp khiến chúng sinh tin hiểu và tu hành như thật. Như kệ nói:

*Những thế giới v.v... nào không
 Pháp Phật công đức báu
 Con đều nguyện vãng sinh
 Nêu pháp Phật như Phật.*

Lại, vừa nói đến thành tựu công đức trang nghiêm nơi cõi nước của Phật, thành tựu công đức trang nghiêm của Phật, thành tựu công đức trang nghiêm của Bồ-tát, với ba thứ thành tựu này, nguyện trang nghiêm cho tâm.

Lược nói nhập một câu pháp. Một câu pháp nghĩa là câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh nghĩa là Pháp thân vô vi của trí tuệ chân thật. Sự thanh tịnh này có 2 thứ, nên biết. Hai thứ đó là:

- (1) Khí thể gian thanh tịnh.
- (2) Thế gian của chúng sinh thanh tịnh.

Khí thể gian thanh tịnh: Tức vừa nói đến 17 thứ thành tựu công đức trang nghiêm nơi cõi nước của Phật. Đó gọi là khí thể gian thanh tịnh.

Thế gian của chúng sinh thanh tịnh: Như vừa nói đến 8 thứ thành tựu công đức trang nghiêm của Phật, 4 thứ thành tựu công đức trang nghiêm của Bồ-tát. Đó gọi là thế gian của chúng sinh thanh tịnh.

Như thế, một câu pháp gồm thâu hai thứ thanh tịnh, nên biết.

Nói rộng, lược về sự tu tập Xa-ma-tha (Chỉ), Tỳ-bà-xá-na (Quán) của Bồ-tát là như thế.

Nói rộng, lược về thành tựu tâm hòa dịu và nhận biết đúng như thật về các pháp.

Như thế là thành tựu hồi hướng với phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Hồi hướng với phương tiện thiện xảo của Bồ-tát? Hồi hướng với phương tiện thiện xảo của Bồ-tát tức nói về năm thứ tu hành như lễ bái v.v... đã tập hợp tất cả nơi công đức căn thiện, không mong cầu tự thân được an lạc, vững chắc, chỉ nhằm cứu vớt nỗi khổ của tất cả muôn loài, nên lập lời nguyện sẽ thâu nhận dẫn dắt tất cả chúng sinh để cùng được sinh về cõi nước an lạc của Phật. Đây gọi là Hồi hướng với phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Bồ-tát đã khéo nhận biết về sự thành tựu của hồi hướng như thế, là xa lìa 3 thứ pháp mâu thuẫn của môn Bồ-đề. Ba pháp đó là:

- (1) Dựa vào môn trí tuệ, không cầu an vui cho mình, lìa bỏ tâm chấp ngã cùng sự tham đắm tự thân.
- (2) Dựa vào môn từ bi để cứu vớt tất

cả chúng sinh khổ não, xua tan tâm không an ổn của họ. (3) Dựa vào môn phương tiện, khởi tâm thương xót tất cả chúng sinh, xa lìa tâm cung kính cúng dường tự thân. Đó gọi là xa lìa ba pháp mâu thuẫn của môn Bồ-đề.

Bồ-tát xa lìa 3 thứ pháp mâu thuẫn như thế, tức sẽ được đầy đủ 3 pháp của môn tùy thuận Bồ-đề. Ba pháp đó là: (1) Tâm thanh tịnh không cấu nhiễm, do không vì tự thân mà cầu các thứ an lạc. (2) Tâm thanh tịnh an ổn, do cứu vớt tất cả chúng sinh khổ não. (3) Tâm thanh tịnh an lạc, do khiến tất cả chúng sinh đều chứng đắc Đại Bồ-đề. Do thâm nhận dẫn dắt tất cả chúng sinh sinh về nơi cõi nước cực lạc kia. Đó gọi là ba thứ tùy thuận pháp môn Bồ-đề đầy đủ, nên biết.

Vừa nói ba thứ môn trí tuệ, từ bi, phương tiện gồm thâm Bát-nhã. Bát-nhã gồm thâm phương tiện.

Vừa nói xa lìa tâm chấp ngã, không tham đắm tự thân, xa lìa tâm không ổn định của chúng sinh, xa lìa tâm cung kính cúng dường tự thân. Ba thứ pháp xa lìa này nếu không hành trì sẽ gây chướng ngại cho tâm Bồ-đề, nên biết.

Vừa nói đến tâm thanh tịnh không nhiễm, tâm thanh tịnh an ổn và tâm thanh tịnh an lạc. Ba thứ tâm này được gồm thâm vào một xứ là thành tựu tâm diệu lạc chân thật, nên biết.

Các tâm trí tuệ, tâm phương tiện, tâm không chướng ngại và tâm chân thật thù thắng như thế, Bồ-tát có thể sinh về cõi nước của Phật thanh tịnh, nên biết. Đó gọi là Đại Bồ-tát đã tùy thuận năm thứ pháp môn, mọi hành tác đều tùy ý tự tại thành tựu, như vừa nói.

Nghiệp thân, nghiệp miệng, nghiệp ý, nghiệp trí, nghiệp trí phương tiện, là pháp môn tùy thuận.

Lại có 5 thứ môn lần lượt thành tựu 5 thứ công đức, nên biết.
Những gì là năm môn?

- (1) Môn tiếp cận.
- (2) Môn chúng đại hội.
- (3) Môn trụ xứ.
- (4) Môn cảnh giới.
- (5) Môn vườn rừng với thần thông diệu dụng.

Trong năm thứ môn này, bốn môn đầu là thành tựu công đức nhập, còn môn thứ năm là thành tựu công đức xuất.

Môn nhập thứ nhất: Là do lễ bái Đức Phật A-di-đà, nên sinh về cõi nước kia, tức được sinh về thế giới an lạc. Đó gọi là môn nhập thứ nhất.

Môn nhập thứ hai: Do tán thán Đức Phật A-di-đà, tùy thuận danh nghĩa, xưng niệm danh hiệu của Như Lai, nương vào tướng hào quang của Đức Pháp vương để tu hành, nên được nhập vào số chúng của đại hội. Đó gọi là môn nhập thứ hai.

Môn nhập thứ ba: Vì nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, phát nguyện được sinh về cõi nước cực lạc kia, tu tập các pháp Xa-ma-tha hành Tam-muội tịch tĩnh, nên được nhập vào thế giới Liên Hoa Tạng. Đó gọi là môn nhập thứ ba.

Môn nhập thứ tư: Do chuyên tâm nhớ nghĩ và quan sát cảnh giới trang nghiêm màu nhiệm của thế giới an lạc, tu tập Tỳ-bà-xá-na, đến được xứ sở đó, thọ dụng các thứ pháp vị an lạc. Đó gọi là môn nhập thứ tư.

Môn xuất thứ năm: Dùng tâm đại từ bi, quán tất cả chúng sinh sống trong khổ não, thị hiện thân ứng, hóa, trở lại đi vào vườn sinh tử, rừng phiền não, hiện bày thần thông diệu dụng tự tại, đến từng nơi để giáo hóa, đem đại lực của bản nguyện hồi hướng. Đó gọi là môn xuất thứ năm.

Bồ-tát nhập vào bốn thứ môn, tạo lợi ích cho mình, được thành tựu, nên biết. Về môn xuất thứ năm của Bồ-tát chính là Bồ-tát đã thành tựu việc tạo lợi ích cho chúng sinh cùng với hồi hướng, nên biết.

Bồ-tát đã tu tập 5 pháp môn hành tạo tự lợi, lợi tha như thế, nên đã nhanh chóng chứng được quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

HẾT

SỐ 1525/9
LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN

*Hán dịch: Đời Hậu Ngụy, Đại sư Bồ Đề Lưu Chi.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Bà-già-bà trụ tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và một vạn vị Đại Bồ-tát hội đủ.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc từ tòa ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay hướng về Đức Phật, bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con nay muốn dùng một ít pháp để xin được thưa hỏi Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, không biết Đức Thế Tôn có chấp thuận không?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Tùy ý ông hỏi, Như Lai sẽ phân biệt giảng nói để tâm ông được hoan hỷ.

Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như vậy là con rất vui thích muốn được nghe Đức Thế Tôn giảng nói. Bạch Đức Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát phải thành tựu rốt ráo bao nhiêu pháp để *không thoái chuyển nơi*

quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng? Ở trong pháp thắng tán không thoái, không chuyển. Lúc hành trì hạnh Bồ-tát, hàng phục được tất cả các ma oán đối. Nhận biết như thật về tướng tự thể của tất cả pháp. Đối với các thế gian tâm không mệt mỏi. Do tâm không mệt mỏi nên không dựa vào trí của người khác, tức nhanh chóng thành tựu được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Lành thay! Lành thay! Nay Bồ-tát Di-lặc! Ông nay mới có thể thưa hỏi Như Lai về nghĩa sâu xa như vậy.

Đức Phật lại bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Hôm nay, ông nên nhất tâm lắng nghe, Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói về nghĩa sâu xa như thế.

Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con rất muốn được lãnh hội.

Đức Phật lại bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Nay Bồ-tát Di-lặc! Nếu các Đại Bồ-tát đều thành tựu trọn vẹn *tám pháp*, thì không thoái chuyển nơi quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Ở trong pháp thắng tán không thoái, không chuyển. Lúc hành trì hạnh Bồ-tát hàng phục được tất cả các ma oán đối. Nhận biết như thật về tướng tự thể của tất cả pháp. Đối với các thế gian tâm không mệt mỏi. Do tâm không mệt mỏi nên không dựa vào trí của người khác, tức nhanh chóng thành tựu được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Những gì là tám pháp? Nay Di-lặc! Đó là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm sâu xa. Thành tựu tâm hành. Thành tựu tâm xả. Thành tựu tâm khéo nhận biết phương tiện hồi hướng. Thành tựu tâm đại từ. Thành tựu tâm đại bi. Thành tựu sự khéo nhận biết phương tiện. Thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật.

Này Di-lặc! *Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm sâu xa?* Nếu các Đại Bồ-tát nghe những lời tán thán hay hủy báng Phật, tâm luôn kiên cố, không động đổi với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nghe những lời tán thán hay hủy báng Pháp, nghe những lời ca ngợi hay chê bai Tăng, tâm luôn kiên cố, không động đổi với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Này Di-lặc! Như thế là các Đại Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ tâm sâu xa.

Này Di-lặc! *Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm hành?* Nếu các Đại Bồ-tát xa lìa sát sinh, xa lìa trộm cắp, xa lìa tà dâm, xa lìa nói dối, xa lìa lời nói hai lưỡi, xa lìa lời nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt. Này Di-lặc! Như thế là các Đại Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ tâm hành.

Này Di-lặc! *Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm xả?* Nếu các Đại Bồ-tát là những người chủ có thể xả bỏ, là các ông chủ có thể bỏ thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo khổ, người ăn xin, người thấp kém những thứ vật cần dùng như y phục, thức ăn, giường nằm, tùy theo bệnh tật để cho thuốc điều trị. Này Di-lặc! Như thế là các Đại Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ tâm xả.

Này Di-lặc! *Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm khéo nhận biết phương tiện hồi hướng?* Nếu các Đại Bồ-tát đã tu tập các căn thiện, tức là nghiệp thân, miệng, ý, tất cả đều hồi hướng về quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Này Di-lặc! Như thế là các Đại Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ tâm khéo nhận biết phương tiện hồi hướng.

Này Di-lặc! *Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm đại từ?* Nếu các Đại Bồ-tát đã hoàn toàn thành tựu nghiệp thân đại từ, hoàn toàn thành tựu nghiệp miệng đại từ, hoàn toàn thành tựu nghiệp ý đại từ. Này Di-lặc! Như thế là các Đại Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ tâm đại từ.

Này Di-lặc! *Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm đại bi?* Nếu các Đại Bồ-tát đã hoàn toàn thành tựu nghiệp thân không thể chê

trách, hoàn toàn thành tựu nghiệp miệng không thể chê trách, hoàn toàn thành tựu nghiệp ý không thể chê trách. Nay Di-lặc! Như thế là các Đại Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ tâm đại bi.

Này Di-lặc! *Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu sự khéo nhận biết phương tiện?* Nếu các Đại Bồ-tát khéo nhận biết về Thế đế, khéo nhận biết về Đệ nhất nghĩa đế, khéo nhận biết về hai đế. Nay Di-lặc! Như thế là các Đại Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ sự khéo nhận biết phương tiện.

Này Di-lặc! *Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật?* Nếu các Đại Bồ-tát có sự hiểu biết như vậy: Dựa vào pháp này nên có pháp này. Dựa vào pháp này nên sinh pháp này. Đó là Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên sáu Nhập, sáu Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sinh, Sinh duyên Già chết ưu bi khổ não. Như vậy là chỉ có khổ lớn tụ tập.

Này Di-lặc! Pháp này không nên pháp này không. Pháp này diệt nên pháp này diệt. Đó là Vô minh diệt nên Hành diệt, Hành diệt nên Thức diệt, Thức diệt nên Danh sắc diệt, Danh sắc diệt nên sáu Nhập diệt, sáu Nhập diệt nên Xúc diệt, Xúc diệt nên Thọ diệt, Thọ diệt nên Ái diệt, Ái diệt nên Thủ diệt, Thủ diệt nên Hữu diệt, Hữu diệt nên Sinh diệt, Sinh diệt nên Già chết ưu bi khổ não diệt. Như vậy là chỉ có khổ lớn tụ tập diệt.

Này Di-lặc! Như thế là các Đại Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật.

Đó gọi là các Đại Bồ-tát đã thành tựu trọn vẹn *tám pháp*, nên không thoái chuyển nơi quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Ở trong pháp thắng tấn không thoái, không chuyển. Lúc hành trì hạnh Bồ-tát hàng phục được tất cả các ma oán đối. Nhận biết như thật về tướng tự thể của tất cả pháp. Đối với các thế gian tâm không mệt mỏi. Do tâm

không mệt mỏi nên không dựa vào trí của người khác, tức nhanh chóng thành tựu được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Đức Phật thuyết giảng Kinh này xong, Đại Bồ-tát Di-lặc và các Đại Bồ-tát khác, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người, phi nhân v.v... tất cả đại chúng nghe Phật giảng nói đều hết sức hoan hỷ, tin nhận phụng hành.

PHẦN LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN

Quy mạng Đức Thế Tôn Di Lặc.

Hỏi: Vì sao Đức Như Lai giảng nói **Kinh này**?

Đáp: Bốn câu nói về xả v.v... là chỉ rõ tướng tu hành Bồ thí, giữ giới, có ba thứ công đức, là pháp chung cho Bồ-tát, ngoại đạo, Thanh văn và Phật-bích-chi.

Bốn câu nói về tâm sâu xa v.v... là chỉ rõ bốn pháp kia, chỉ là hành của Bồ-tát, không chung cho các ngoại đạo, Thanh văn và Phật-bích-chi. Vì thế Đức Như Lai giảng nói **Kinh này**.

Bồ thí chỉ rõ công đức của thí. Xả lìa sát sinh v.v... chỉ rõ công đức của giới. Hai câu nói về từ bi v.v... chỉ rõ công đức của tu hành.

Nghĩa này là gì? Vì có các ngoại đạo, phàm phu xa lìa tri thức thiện, không nghe chánh pháp, không khéo tư duy, không hành như lời Phật đã giảng nói, vọng chấp là thường có v.v... có thể tích tập nhân của nghiệp, tướng của các thứ kiết sử v.v... dựa vào sức của hữu phát triển thành nhân của thế gian.

Chấp chặt theo vọng chấp là quyết định thành tựu nhân của thế gian. Do lìa kiến văn về Thật đế nên không có tâm đem lợi ích cho

người khác. Do tham đắm dục lạc thế gian, nên các ngoại đạo kia tuy có hạt giống của căn thiện như bồ thí v.v..., nhưng do nghi, hối nên nước ái tưới thấm thức, trụ nơi địa năm thủ uẩn, bị đất vô minh phủ lấp, hợp với thời tiết có thể sinh mầm thức, theo thứ lớp tăng trưởng, thành quả thế gian.

Lại, hàng Thanh văn, Phật-bích-chi, đã thân cận tri thức thiện, từ việc tự mình vượt qua biển sinh tử, muốn độ người khác vượt qua biển sinh tử, nhưng khi nghe nói đến những lỗi lầm, tai họa của thế gian, lại do kiến văn của mình ít ỏi, nên chán lìa khổ nơi thế gian, vui thích Bát Niết-bàn, muốn xả bỏ thế gian, tìm cầu đạo xuất thế gian, nên tuy không thọ nhận các công đức như bồ thí v.v... nhưng cũng không lìa các công đức như bồ thí v.v... Có thể điều phục phiền não, đạt được pháp thù thắng bậc thượng.

Do nghĩa này, nên dù còn tu tập các pháp thiện như bồ thí v.v... nhưng do không đủ bốn pháp nên không chứng đắc Đại Bồ-đề. Còn các Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ rất ráo tám pháp, tạo lập việc lớn, gánh vác trách nhiệm nặng nề, thân cận tri thức thiện chân thật, nhận thấy sâu xa những lỗi lầm tai họa của thế gian, biết rõ Niết-bàn vắng lặng, nhưng vì chúng sinh nên không chán lìa khổ nơi thế gian. Người mới phát tâm Bồ-đề, không mất nhân này, nên thành tựu được tâm sâu xa, xả bỏ an lạc của tự thân, vì tạo lợi ích cho chúng sinh, đem các công đức của tu hành bồ thí v.v... hồi hướng về Đại Bồ-đề, dựa vào sức phương tiện, làm tăng trưởng các công đức vi diệu như bồ thí v.v... như vậy là có thể giữ gìn tự thân, không rơi vào địa Thanh văn, Phật-bích-chi. Do thành tựu rất ráo Bát-nhã Ba-la-mật, nên có thể làm thanh tịnh các công đức như bồ thí v.v... khiến an trụ nơi đạo Bồ-tát.

Bốn câu chỉ rõ về tâm sâu xa có thể thâm giữ bốn câu nói về thí. Đó là pháp không chung của Bồ-tát để có thể chứng được Nhất thiết chủng trí. Thế nên Đức Như Lai giảng nói **Kinh này**.

Hỏi: Lại do nghĩa nào khiến Đức Như Lai giảng nói **Kinh này**?

Đáp: Vì nhằm ngăn chặn những kẻ cho là không có nhân, hoặc là nhân điên đảo, thuận theo nhân quả chân chánh. Thế nên Đức Như Lai giảng nói **Kinh này**.

Nghĩa ấy là thế nào? Nói: *Không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng:* Là do thành tựu tâm sâu xa. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Đại Bồ-tát khi nhận thấy pháp giới, tức là đã vĩnh viễn lìa chướng ngại của tâm Bồ-đề, tức là tất cả phiền não như thân kiến v.v... vượt qua địa Thanh văn, Phật-bích-chi, chứng nhập phần vị Bồ-tát, phát tâm Bồ-đề nơi Địa thứ nhất không mất nhân. Vì chứng đắc *tâm sâu xa*, nên gọi là không thoái chuyển đối với quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lại nói: *Không chuyển đổi:* Là do chứng được pháp thù thắng. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là thành tựu hành bố thí (*Tâm hành, Tâm xả*). Đây lại có nghĩa nào? Do khởi tâm không tổn hại, là nghiệp đạo căn bản, gồm thâu các hành thù thắng tăng thượng, thế nên không chuyển đổi, không lìa bỏ nghiệp đạo căn bản, tu hành bố thí v.v... hành nơi tất cả xứ đều không thoái chuyển. Vì nghĩa này nên gọi là không chuyển đổi.

Lại nói: *Lúc hành trì hạnh Bồ-tát hàng phục được tất cả các ma oán đối:* Là do đã thành tựu tâm khéo nhận biết phương tiện hồi hướng. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Lược nói có bốn loại ma: Ma phiền não, ma ám, ma chết và ma trời. Chỉ ma phiền não là gốc rễ, nương vào ma phiền não nên có ba loại ma kia. Vì sao? Vì tâm của các phàm phu đều bị trói buộc nơi phiền não và dựa nơi tâm bị phiền não trói buộc này, vui thích nơi thế gian, mong cầu an vui ở xứ kia, mới đem các pháp như bố thí v.v... hồi hướng về đạo trời. Do nghĩa đó nên chỗ trói buộc của ma ám, ma chết đều hệ thuộc ma trời. Do đó, Bồ-tát đã đoạn trừ tất cả phiền não như thân kiến v.v... Lại có thể xa lìa sự lo sợ không thể sống v.v... xả bỏ an lạc của tự thân vì nhằm

đem lại lợi ích cho chúng sinh. Tu tập các hành từ bi, bố thí, đạt công đức của căn thiện, thấy đều hồi hướng về Nhất thiết trí, xa lìa mọi nẻo ma ác. Vì vậy gọi là lúc hành trì hạnh Bồ-tát hàng phục được tất cả các ma oán đối.

Lại nói: *Đối với các thế gian tâm không mệt mỏi*: Là do đã thành tựu tâm đại từ, tâm đại bi. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Đại Bồ-tát luôn vì tất cả chúng sinh nơi thế gian đều bị mũi tên ngu bắn vào tâm, chịu bao khổ não, nên đem tâm đại từ, đại bi cứu giúp. Vì thành tựu tâm đại từ đại bi, nên thấy lợi ích chúng sinh tức là lợi ích của mình. Do đó, Bồ-tát sinh khởi tâm đại từ, đại bi, tức có khả năng đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sinh. Vì vậy gọi là đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Lại nói: *Nhận biết như thật về tướng tự thể của tất cả pháp*: Là do đã thành tựu sự khéo nhận biết phương tiện. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là do nhận biết tự tướng và đồng tướng của các pháp. Đây lại có nghĩa thế nào? Là do các Đại Bồ-tát khéo nhận biết về phương tiện của Thế đế cùng Đệ nhất nghĩa đế, không chấp trước nơi hai biên có không. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Bồ-tát tuy thấy rõ các sự nơi cảnh giới của thức, nhưng trước đó Bồ-tát đã quan sát cảnh giới của thức. Vì sao? Vì sức của tâm sâu xa thường không bỏ đệ nhất nghĩa đế, nên Bồ-tát không rơi vào biên chấp có. Tuy thường không bỏ đệ nhất nghĩa đế, nhưng Bồ-tát luôn khéo nhận biết các sự việc của thế đế. Vì sao? Vì luôn thấy rõ các hành hữu vi, nên không bỏ tâm niệm, ngôn thuyết của thế gian, thế nên không rơi vào biên chấp không. Do có khả năng khéo nhận biết hai loại nghĩa đó, nên gọi là nhận biết như thật về tướng tự thể của tất cả pháp.

Lại nói: *Do tâm không mệt mỏi nên không dựa vào trí của người khác, tức nhanh chóng thành tựu được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng*: Là do đã thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là các Đại Bồ-tát đã dùng Bát-nhã quan sát pháp hữu

vi. Đây lại có nghĩa thế nào? Bồ-tát quan sát các hành của hữu vi, thấy không người, không chúng sinh, không chủ, không tự tại, lần lượt cùng làm nhân có sức tăng trưởng. Dựa nơi nghiệp gốc tạo ra tất cả nghiệp, cũng như nhà huyền thuật tạo ra người huyền, khiến họ qua lại, múa nhảy hiện bày vô số động tác không biết mệt mỏi. Thế nên gọi là do tâm không mệt mỏi.

Lại, tâm không mệt mỏi là do đã lìa tướng chúng sinh. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Các hành của hữu vi hết thấy đều không thật, chỉ có vô số các thứ nghiệp sai khiến, nương dựa lẫn nhau, theo lực của chúng, nên có thể thành tựu các hành của hữu vi. Bồ-tát nhận biết rõ pháp hữu vi thật sự không có thần ngã, nên không dựa vào trí của người khác, mà tùy theo chỗ tu hành, đều dùng Tinh tấn Ba-la-mật tăng trưởng thành tựu, mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Do các Đại Bồ-tát luôn cầu Nhất thiết trí, tức chỉ rõ việc xa lìa các thứ không nhân, nhân điên đảo, tùy thuận nhân quả chân chánh, nên Đức Như Lai giảng nói **Kinh này**.

Hỏi: Lại do nghĩa nào khiến Đức Như Lai giảng nói **Tu-đà-la ấy**?

Đáp: Dựa vào tụ bất định, Bồ-tát cầu tụ định, thành tựu những hành gì để được nhập tụ chánh định? Đây là chỉ rõ Bồ-tát nhập tụ chánh định tu tập nhân chánh, thế nên Đức Như Lai giảng nói **Tu-đà-la này**.

Nghĩa ấy là thế nào? Là Bồ-tát khi chưa chứng chánh vị của Địa thứ nhất, tuy đã tích tập các căn thiện trong vô lượng kiếp, nhưng chưa có thể đạt tới vị không thoái chuyển, chưa tới được xứ hoàn toàn không sợ hãi, tâm chưa yên ổn, thường bị khổ não của thế gian bức bách, chưa được diệu lực của tâm từ bi là gốc rễ của tâm Bồ-đề, chưa được sức tăng thượng.

Dùng trí của đạo thể gian quán xét mười hai nhân duyên, quán xét như thật về các hành của hữu vi, dựa vào đạo thể gian quán xét pháp giới tịch tĩnh, cầu Đại Niết-bàn, nhưng vì không có trí phương tiện, nên rơi vào địa Thanh văn, Phật-bích-chi. Nếu Bồ-tát rơi vào địa Thanh văn, Phật-bích-chi, thì có ba điều thoái mất. *Những gì là ba?* Đó là: (1) Thoái mất tất cả hạt giống căn thiện của Đại thừa. (2) Thoái mất nhân có khả năng đem lại an lạc cho chúng sinh. (3) Thoái mất trí Nhất thiết trí.

Do nghĩa ấy, nên Đức Như Lai trong kinh đã nói: *Này Ca-diếp!* Ví như hết thầy các trời người nơi thế gian, tuy đã nhiều lần mài giũa làm đẹp viên ngọc lưu ly giả, nhưng viên ngọc lưu ly giả đó không thể trở thành ngọc báu lưu ly thật được.

Như vậy, *này Ca-diếp!* Tất cả công đức của hàng Thanh văn tu giới, định, tuệ và hành hạnh Đầu-đà v.v... nhưng rốt cuộc không thể được an tọa nơi đạo tràng thành tựu quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Này Ca-diếp! Ví như mài giũa trau giồi viên ngọc tỳ lưu ly lớn, tùy ý có thể nhận được vô lượng trăm ngàn vạn ức châu báu. Cũng vậy, *này Ca-diếp!* Do tu hạnh Bồ-tát nên có thể xuất sinh tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... và cả hàng trời người.

Dựa vào nghĩa này, nên Đức Như Lai trong Kinh Bảo Tích đã nói: Bồ-tát có bốn thứ không phải là tri thức thiện. *Những gì là bốn?* Đó là: (1) Người cầu Thanh văn, chỉ muốn tự độ. (2) Người cầu Duyên giác, chỉ vui thích việc nhỏ. (3) Người đọc tụng những kinh sách của ngoại đạo như Lô-già-da v.v... (4) Người hành tập chỉ chú trọng vào tính chất văn vẻ, bóng bẩy của văn tự. Những thân cận hiện có với bốn hạng người ấy, chỉ thêm lợi ích của thế gian, không thêm lợi ích cho pháp.

Lại có một đoạn trong kinh, Đại đức Ca-diếp bạch Bồ-tát Văn-thù-sur-lợi: Hạng người tạo tội ngũ nghịch có thể phát tâm cầu đạo

quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, tu tập các công đức, chứng đắc Đại Bồ-đề, nhưng A-la-hán thì không thể. Ví như một người, các căn đều suy hoại, nên đối với cảnh giới của năm dục, không thể hành tác, tăng trưởng. Cũng như thế, hàng Thanh văn, Phật-bích-chi đã lia bỏ kiết sử, nhưng đối với tất cả pháp Phật, đều không thể hành tác làm cho tăng trưởng. Do không quan sát diệu lực của pháp Phật như vậy, thế nên, thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tất cả hàng phàm phu báo đáp ơn của Như Lai không phải là hàng Thanh văn? Vì sao? Vì hàng phàm phu được nghe nói đến công đức của Phật là đã không đoạn trừ chủng tánh của Tam bảo, có khả năng phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Còn hàng Thanh văn tuy suốt đời có nghe pháp của chư Phật như mười lực, bốn pháp không sợ hãi v.v... nhưng không có khả năng phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lại, trong Kinh Bát Nhã Ba La Mật nói: Này các Thiên tử! Người chưa phát tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, người đó có thể phát tâm Đại Bồ-đề. Còn người nào đã nhập vào phần vị Thanh văn, Phật-bích-chi thì không thể phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi đều đã đoạn dứt dòng chảy sinh tử, nên không thể thường xuyên thọ sinh trong thế gian để phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Các Đại Bồ-tát trong Địa thứ nhất đã thấy được thật đế, nên phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, do không mất nhân nên gồm thâu được tâm sâu xa. Do Bát-nhã Ba-la-mật nên thâu giữ như thật hành tu giới. Không chấp trước nơi thân mạng, chỉ vì tạo lợi ích cho chúng sinh, nên khi tu hành như vậy gọi là Bồ-tát không thoái chuyển, nên biết. Vì thế trong Kinh Thập Địa Đức Như Lai đã nói: Bồ-tát sinh tâm như thế, tức thì đã vượt quá địa phàm phu, nhập nơi phần vị Bồ-tát, sinh tại nhà Phật, là tộc họ tôn

quý không thể chê trách, vượt hơn hết thấy đạo thế gian, vào đạo xuất thế gian, khéo trụ trong pháp Bồ-tát, khéo trụ nơi chánh xứ của Bồ-tát, nhập trong pháp chân như ba đời bình đẳng, gọi là trong chủng tánh của Như Lai tất định hoàn toàn chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Bồ-tát trụ trong pháp như thế, gọi là Bồ-tát trụ nơi Địa Hoan Hỷ. Do pháp không động, nên Bồ-tát vượt qua năm thứ sợ hãi. Đó là sợ sống không nổi, sợ tiếng xấu, sợ chết, sợ bị đọa vào đường dữ và sợ oai đức của đại chúng. Bồ-tát đều lia khỏi những thứ sợ hãi ấy. Vì sao? Vì các Bồ-tát này đã lia các tướng như ngã v.v...

Đã vượt quá địa phạm phu: Sự vượt quá ấy có 9 thứ, nên biết:

(1) *Nhập nơi phần vị Bồ-tát:* Là vượt quá về Vị. Như vậy, từ buổi đầu đã thành tựu tâm xuất thế gian, như khi còn ở trong thai, là đã có pháp tương tự.

(2) *Sinh tại nhà Phật:* Là vượt quá về Nhà. Do dựa vào phương tiện Bát-nhã nên sinh nhà, sinh pháp tương tự.

(3) *Tộc họ tôn quý không thể chê trách:* Là vượt quá về *Tộc họ*. Do hành Đại thừa sinh con là pháp tương tự.

(4) *Vượt hơn hết thấy đạo thế gian:* Là vượt quá về *Xuất*. Do đạo thế gian không thể gồm thấu đạo xuất thế gian, sinh pháp tương tự.

(5) *Vào đạo xuất thế gian:* Là vượt quá về *Nhập*. Do đạo xuất thế gian thấu giữ nhập đạo, sinh pháp tương tự.

(6) *Khéo trụ trong pháp Bồ-tát:* Là vượt quá về *Thân*. Dùng đại bi làm thể, xem việc làm của người khác như việc làm của mình. Vì thể của tự thân là pháp tương tự.

(7) *Khéo trụ nơi chánh xứ của Bồ-tát:* Là vượt quá về *Xứ*. Không bỏ phương tiện của thế gian, không nhiễm nơi phương tiện thiện xảo, chánh trụ sinh trụ xứ là pháp tương tự.

(8) *Nhập trong pháp chân như ba đời bình đẳng*: Là vượt quá về *Nghiệp*. Do đã thuận theo Thánh trí không, sinh khởi mạng là pháp tương tự.

(9) *Trong chủng tánh của Như Lai tất định hoàn toàn chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng*: Là vượt quá về *Cứu cánh*. Phật chủng không đoạn dứt, cứu cánh là đạo Niết-bàn, là pháp tương tự thành tựu.

Như thế là đã chỉ rõ việc phạm phu sinh với việc Bồ-tát nhập xuất thai là không giống nhau, do có nhiễm và không nhiễm.

Như thế, theo thứ lớp: *Nhà* không tương tự, *Tộc họ* không tương tự, *Xuất* không tương tự, *Nhập* không tương tự, *Thân* không tương tự, *Xứ* không tương tự, *Nghiệp sinh* không tương tự, *Thành tựu* không tương tự. Tôn giả Bà-tâu-bàn-đậu nói là tâm rốt ráo thành tựu. Có Luận sư khác lại đưa ra cách giải thích khác. Kệ nói:

Bồ-tát Ma-ha-tát
Do sinh những tâm gì?
Thấy thế gian hư vọng
Phật nói là tâm đầu.

Ở đây nói rõ về nghĩa gì? *Thấy thế gian hư vọng*: Là do hết thấy thế gian chỉ là nhân duyên sinh, không có thật Thế. Như Bồ-tát Long Thọ nói kệ:

Nhân duyên hòa hợp sinh
Pháp kia không thật Thế
Nếu không có thật Thế
Làm sao gọi có pháp?

Thánh giả Đại Bồ-tát Vô Tận Ý trong Kinh Vô Tận đã nói: Trí phương tiện quan sát về nhân duyên, nhận biết tất cả pháp đều dựa vào nhân, dựa vào duyên hòa hợp mà sinh. Nếu đều do nhân duyên hòa hợp sinh ra, thì hết thấy các pháp không dựa vào ngã, nhân,

chúng sinh, thọ mạng. Nếu pháp không phải là ngã, không phải là nhân, không phải là thọ mạng, thì pháp đó không thể cho là quá khứ, hiện tại, hay vị lai. Bồ-tát nếu có khả năng quan sát như thế, đó gọi là Đại Bồ-tát có trí phương tiện quan sát nhân duyên hòa hợp.

Không dựa vào ngã, nghĩa này là thế nào? Vì pháp đều dựa vào các thứ nhân duyên mới sinh, nên không dựa vào ngã sinh, vì Thể của ngã là không thật. Như các duyên sinh ra lửa, Thể của lửa là có sức nóng, nhưng sức nóng đó không có thật Thể. Vì nhân duyên hòa hợp, nên gọi là lửa có sức nóng. Như vậy, không lìa thân căn để nhận biết bên ngoài lại có ngã thật. Do không có thật Thể.

Không thật thể: Là đồng với hư không, là đồng với hữu vi. Nếu đồng với hư không tức là không có vật. Nếu đồng với hữu vi tức là vô thường.

Ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng v.v...: Là những thứ vì để giáo hóa chúng sinh nên nêu ra nhiều thứ tên gọi, không phải là có ngã thật.

Lại như trong kinh, Bồ-tát Đại Hải Tuệ vì Thánh giả Đại Bi Tư Phạm đã nói về sự thành tựu tất cả pháp Phật. Trong phẩm Vấn Đáp, kê nêu:

*Các pháp nhân duyên sinh
Pháp đó không thật Thể
Pháp nếu thật không Thể
Pháp ấy thật không sinh.
Bồ-tát biết chúng sinh
Không thật tế như thế
Dựa trí thật tế kia
Biết các pháp hư, thật.*

Chính vì nghĩa này, nên Bồ-tát nhận biết tất cả pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà sinh. Chúng sinh không có thật Thể. Nếu như thế, thì tất cả tâm thức của thế gian đều là sự phân biệt hư vọng.

Tâm của Bồ-tát kia đối với thật tế bình đẳng của tất cả pháp, trí vô ngại hành hóa tức là tâm ban đầu. Thế nên gọi là mới phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Như kệ nói:

*Họ không thấy địa phàm
Do Thế kia là không
Thế nên chư Phật nói
Vượt quá địa phàm phu.
Xa lìa pháp Thánh nhân
Nhiễm chấp nơi thân kiến
Trụ năm dục, tài sản
Nên gọi người phàm phu.*

Kệ này nêu rõ về nghĩa gì? Địa là xứ sinh của các phàm phu. Đó gọi là địa phàm phu. Đây là xứ bị phiền não trói buộc trong ba cõi, nương dựa vào phiền não sinh, nên gọi là địa phàm phu. Thế nên tâm ban đầu của Bồ-tát thấy ba cõi đều không, không khởi tướng của một pháp nào. Do không khởi tướng của một pháp nào, nên Bồ-tát không nguyện vui thích sinh nơi tất cả xứ, ngoại trừ do tâm từ bi, nhằm giáo hóa chúng sinh, nhưng luôn quán xét Thế của pháp vắng lặng. Do nghĩa này nên nói Bồ-tát đã *vượt quá địa phàm phu*. Vì thế kệ nêu:

*Thế pháp không, nên không
Không nên không tạo tác
Vì lìa tất cả tướng
Người trí không chón câu.*

Nhập nơi phân vị Bồ-tát: Kệ nói:

*Tức Không gọi Bồ-đề
Phật nói bệnh phiền não
Roi địa Phật-bích chi
Cùng giữ vị Thanh văn.*

Tức Không gọi Bồ-đề: Là hiểu biết đúng như thật về chúng sinh hư vọng, gọi là Bồ-đề. Thế nên Thánh giả Bồ-tát Vô Tận Ý, trong bốn niệm xứ, đã nói: Khi tu tập pháp quán, nếu các Đại Bồ-tát thấy tất cả pháp đều lìa không, vô tướng, vô nguyện, vô hành, vô sinh, vô khởi cùng lìa mười hai nhân duyên, thì đó không gọi là nhận biết đúng như thật. Nếu không thấy một chút pháp nào rời không, vô tướng, vô nguyện, vô hành, vô sinh, vô khởi cùng lìa mười hai nhân duyên, Bồ-tát nếu có thể hiểu biết về tất cả chúng sinh là không có thật Thế như thế, thì đó gọi là nhận biết đúng như thật. Thế nên kệ nói: *Tức Không gọi Bồ-đề.*

Nếu Bồ-tát ở Địa thứ nhất hiểu biết rõ về tất cả chúng sinh là không, từ bỏ việc tạo lợi ích cho họ để nhận lấy quả vị Thanh văn, Phật-bích-chi, thì gọi là Bồ-tát Địa thứ nhất còn phiền não cần đối trị. Thế nên kệ nói: *Phật nói bệnh phiền não, Rơi địa Phật-bích-chi, Cùng giữ vị Thanh văn.*

Lại, kệ viết:

*Biết không, lìa hai biên
Không hai, nhiễm Niết-bàn
Do không nhiễm Niết-bàn
Phật nói Bồ-tát vị.*

Biết không, lìa hai biên: Nghĩa này là thế nào? Như trong Kinh Pháp Ấn, Đức Như Lai nói: Nay Xá-lợi-phất! Pháp không sai biệt tức gọi là không.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nói là không thì lời ấy có nghĩa gì?

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là không, tức chẳng phải là có thể nói, chẳng phải là không thể nói. Nếu chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói, thì điều đó không thể biểu hiện được. Nếu đã không thể biểu hiện được thì điều đó chẳng phải là thế gian,

chẳng phải là xuất thế gian. Do chẳng phải là thế gian, chẳng phải là xuất thế gian nên gọi là không. Nếu có thể hiểu rõ về không như thế, gọi là lia hai biên. Bồ-tát nếu lia được hai biên đó, thì không rơi vào phiền não, không giữ lấy hai thứ Niết-bàn của hàng Thanh văn, Phật-bích-chi.

Phật nói bệnh phiền não: Là do giữ lấy tướng của địa khác.

Giữ lấy tướng của địa khác: Nghĩa là giữ lấy tướng của địa Thanh văn, Phật-bích-chi, cũng gọi là lia bỏ việc tạo lợi ích cho chúng sinh, do giữ lấy an lạc nơi Niết-bàn vô vi, nên gây trở ngại cho Bồ-đề Phật.

Lại có nghĩa khác. *Không có bệnh phiền não:* Là đã lia bệnh phiền não, vì Bồ-tát không giữ lấy Niết-bàn của Nhị thừa. Vì dựa vào lực của bản nguyện, nên Bồ-tát không xả bỏ việc tạo lợi ích cho chúng sinh. Nếu như thế là không có bệnh của Nhị thừa, không có bệnh của phiền não, tu hành như thật về tất cả pháp không. Đó gọi là các Đại Bồ-tát nhập nơi phần vị Bồ-tát, do có thể xa lia tất cả phiền não, xa lia hết thảy các pháp đối trị.

Như thế, Bồ-tát do hành không hai, dựa vào sức mạnh của bản nguyện để không xả bỏ việc đem lại lợi ích cho chúng sinh, không rơi vào địa Thanh văn, Phật-bích-chi, không bị nhiễm vì phiền não của thế gian. Đây là sự việc hết sức thù thắng và rất khó hành trì của Đại Bồ-tát, là do tuy không thấy tất cả chúng sinh mà vẫn vì chúng sinh tu tập các hành. Sự việc như thế là không thể nghĩ bàn, tất cả thế gian không thể hiểu biết. Là việc làm hy hữu bậc nhất mà tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi không thể nhận thấy. Do nghĩa này, nên Đại Bồ-tát Long Thọ trong Luận Tập Bồ Đề Công Đức đã nói kệ:

*Đây là việc hy hữu
Bậc nhất không nghĩ bàn*

*Bồ-tát tu các hành
Mà không thấy chúng sinh.*

Đức Như Lai cũng nói, vì nhằm tán thán công đức hy hữu như thật của Đại Bồ-tát, như trong kinh đã nói: Đại Bồ-tát có bốn thứ công đức chân thật. *Những gì là bốn?*

(1) Có khả năng tin hiểu về không, cũng tin nhân quả.

(2) Nhận biết tất cả pháp đều không có ngã, ngã sở, nhưng đối với các chúng sinh khởi tâm đại bi.

(3) Ưa thích sâu xa về Niết-bàn, nhưng vẫn du hóa trong sinh tử.

(4) Mọi thứ hành tác đều vì chúng sinh, không cầu quả báo.

Nếu được như vậy, tức Bồ-tát được *sinh tại nhà Phật*, nên kệ nói:

*Bồ-tát Ma-ha-tát
Do lìa các phiền não
Tức chứng vị Bồ-tát
Thế nên sinh nhà Phật.*

Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Lại, nhà Phật là phải hành các pháp nào để được sinh vào nhà Như Lai? Là xa lìa phiền não, hiểu biết về hành không, biết rõ phần vị của mình, hành tác lợi ích cho chúng sinh, hành không lầm lỗi. Đạt được các pháp như thế được gọi là Đại Bồ-tát sinh tại nhà Phật. Điều ấy nói rõ về nghĩa gì? Kệ nói:

*Phật nói nhà Như Lai
Là Phương tiện, Bát-nhã
Bồ-tát sinh nhà ấy
Thế nên không hiểm nghi.*

Nghĩa này là thế nào? *Nói Phương tiện*: Tức lược nói không lìa bỏ tất cả chúng sinh. *Nói Bát-nhã*: Là không chấp giữ vào hết thảy các pháp. Hai thứ pháp này là nhà của chư Phật. Vì thế, Đại Bồ-tát dựa vào Phương tiện, Bát-nhã để sinh, dùng hai thứ pháp ấy để gồm thâu.

Đại Bồ-tát vì muốn đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sinh, nên sinh tại thế gian, nhưng thật sự là không dựa nơi nghiệp, phiền não để sinh.

Nếu được như thế, Đại Bồ-tát không thể bị hiềm nghi, thầy đều xa lìa các pháp có thể chê trách của tất cả chư Thiên v.v... Sinh nơi nhà thù thắng của Phật, do nghĩa ấy nên thuộc *tộc họ tôn quý không thể chê trách*. Thế nên trong Tu-đa-la, Đức Như Lai đã vì các Bà-la-môn, nói kệ:

*Trời, người, Càn-thát-bà
Rồng, Dạ-xoa, các chim
Các thứ nghiệp như thế
Thầy đều đã diệt hết.
Lậu kia tan, diệt tận
Như hoa sen không nhiễm
Nếu khéo biết như thế
Không nhiễm vương các dục.*

Đại Bồ-tát như thế được gọi là Phật tử chân chánh, không phải là đứa con dị biệt như trời v.v... Thế nên kệ nói:

*Bồ-tát biết thật tế
Cùng tu Ba-la-mật
Do được đạo vô lậu
Nên vượt quá thế gian.*

Bồ-tát biết thật tế: Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là làm rõ tất cả pháp thầy đều vắng lặng, thế nên Như Lai nói kệ:

*Tất cả pháp vô Thế
Do thật không các sự
Vì không sinh, không diệt
Nên gọi là thật tế.*

Như thế, Bát-nhã Ba-la-mật nhận biết tất cả các pháp đều không Thể, là thật tế chân thật. Do Bát-nhã Ba-la-mật nhận biết về hành của đạo đoạn trừ. Năm Ba-la-mật kia nhận biết về đạo Phương tiện công đức.

Như thế, do công đức, trí tuệ này, nên Đại Bồ-tát có thể thành tựu Bồ-đề Phật, có thể diệt trừ hết các phiền não, có thể đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Lại nữa, tu tập các pháp Ba-la-mật, cũng nhận biết như thật tế. Nhận biết như thế nào? Là không thấy có ba thứ pháp nơi bố thí: người cho, người nhận, của cái vật dụng cho. Tu hành các Ba-la-mật thanh tịnh, Bồ-tát tu hành thật tế như thế, nên là vô lậu, do vô lậu nên vượt hơn hết thấy đạo thế gian. Kệ nói:

*Phân biệt hành thế gian
Trong rừng rậm phiền não
Giữ vị xuất thế gian
Là nhập đạo xuất thế.*

Phân biệt hành thế gian: Lược có hai thứ phân biệt: (1) Phân biệt thật: Nghĩa là sắc là tướng có thể thấy v.v... (2) Phân biệt thắng: Tức là trong sắc kia có các màu xanh vàng đỏ trắng v.v...

Thế gian: Là năm ấm phiền não. *Rừng rậm*: Là sâu hiểm, đen tối, đáng sợ, không thể quan sát, khó thấy, khó biết.

Như thế là Đại Bồ-tát đã quan sát, phân biệt tự Thể, phân biệt thắng, phân biệt năm ấm, như trước đã nói là không vướng mắc trong sự việc, khởi suy nghĩ như vậy: Ta nên làm thế nào khiến chúng sinh hiểu? Thế nên kệ nói:

*Biết như thật các pháp
Thật, thắng, ấm một hai
Không thấy việc chúng sinh
Làm sao hóa chúng sinh?*

*Bồ-tát Ma-ha-tát
 Tu hành trí vô lậu
 Cùng do hành công đức
 Hướng tới đạo xuất thế.*

Thế nên Bồ-tát vào đạo xuất thế gian.

Hỏi: Thế nào là khéo trụ trong pháp Bồ-tát?

Đáp: Kệ nói:

*Vào các địa Bồ-tát
 An trụ trong pháp mình
 Nương thông cùng tự tại
 Độ tất cả chúng sinh.*

Vào các địa Bồ-tát: Như phần sau của kinh nói: “Khéo nhận biết địa thì hành của địa chuyển”.

Độ tất cả chúng sinh: Như phần cuối kinh nói: “Được một trăm Tam-muội, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp không thể tính biết được”.

Được tự tại: Là như nói vô số công đức. Những gì là thời? Những gì là pháp? Những gì là tự tại? Những gì là sự việc thành tựu? Những gì là hành? Được những thứ tự tại thì nghĩa hạt giống của hết thầy pháp Phật không thoái chuyển, là thành tựu tất cả pháp Phật. Nên nói là khéo trụ trong pháp của Bồ-tát.

Hỏi: Thế nào là khéo trụ nơi chánh xứ của Bồ-tát?

Đáp: Kệ nói:

*Nhất thời bên chư Phật
 Văn trì, tư tu nói
 Nghĩa hành, giải thành tựu
 Cúng dường ngôi Chánh giác.*

*Bồ-tát Ma-ha-tát
Tu hành pháp như thế
Đó gọi là an trụ
Trong chánh xứ Bồ-tát.*

Vì thế kinh nói: “Khéo trụ nơi chánh xứ của Bồ-tát”.

Hỏi: Thế nào là *nhập trong pháp chân như ba đời bình đẳng*?

Đáp: Kệ nói:

*Biết Bồ-đề, chư Phật
Cùng hành Bồ-tát, Phật
Biết Phật, ba đời không
Gọi là ý khéo nhập.*

Nghĩa này là thế nào? Là biết tất cả Pháp thân của chư Phật trong ba đời đều bình đẳng. Lại có thể nhận biết tất cả chư Phật đều dựa vào sắc thân, tu tập theo hành của tất cả chư Phật, Bồ-tát, cùng nhận biết tất cả các pháp trong quá khứ, hiện tại, vị lai, đều từ nhân duyên hòa hợp mà sinh, không có thật Thể.

Ý khéo nhập: Là như vừa nói, các pháp trong ba đời đều bình đẳng, không hai. Biết như thật chúng có một vị bình đẳng, không phá hoại nhập. Thế nên kinh nói: “Nhập trong pháp chân như ba đời bình đẳng”.

Hỏi: Thế nào gọi là *trong chủng tánh của Như Lai, tất định hoàn toàn chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng*?

Đáp: Kệ nói:

*Bồ-tát phiền não tịnh
Cùng tâm chúng sinh tịnh
Đầy đủ đại từ bi
Tất định thành Bồ-đề.*

Bồ-tát phiền não tịnh: Nghĩa này là thế nào? Là do ở Địa thứ nhất, Bồ-tát đã đối trị các phiền não như thân kiến v.v..., khi ở trong kiến đạo, thấy đều xa lìa, tức trong kiến đạo kia đã xa lìa phiền não. Như vừa nói là thấy tất cả pháp trong ba đời đều bình đẳng, là nói trong như thật.

Cùng tâm chúng sinh tịnh: Như đoạn kinh sau nói: “Trong khoảng một niệm, giáo hóa hàng trăm chúng sinh, cho đến nếu dùng nguyện lực tự tại thắng thượng v.v...”.

Vì dựa vào lực giáo hóa và làm thanh tịnh các phiền não mà chứng đắc, như đoạn kinh sau nói: “Thế nên, trước hết ta nên trụ trong pháp thiện, cũng khiến người khác trụ nơi pháp thiện”. Vì sao? Vì nếu chính mình không hành thiện, không có đủ hành thiện, vì người khác nói pháp khiến trụ nơi pháp thiện, điều ấy là không thể có. Do đã được tâm đại từ, đại bi, thế nên trong đoạn kinh trước đã nói: “Tâm này lấy đại bi làm đầu”. Vì vậy, Bồ-tát đã tự làm tịnh phiền não, làm tịnh tâm chúng sinh, có đủ tâm đại từ bi, gọi là hoàn toàn chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nên tất định đi đến Đại Bồ-đề. Kệ nói:

*Phật tử Kim Cang Tạng
Nói mười pháp tâm đầu
Tức gọi Bồ-đề Phật
Tất thành tựu Phật đạo.*

Nghĩa này là thế nào? Do Thánh giả Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói mười thứ pháp này là tâm Bồ-đề vô lậu của Bồ-tát ở Địa thứ nhất. Tức mười thứ tâm này gọi là Bồ-đề Phật, nên nói là hoàn toàn chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Lại, kệ nói:

*Ví như hạt giống tốt
Hay sinh ra cộng, lá v.v...*

*Tâm Bồ-đề như thế
Không khác pháp chư Phật.*

Nghĩa này là thế nào? Là do tâm ban đầu chứng pháp, đối với tất cả pháp Phật đều cho là hạt giống, dùng pháp của Địa thứ nhất cùng tất cả pháp Phật làm nhân.

Lại, kệ nói:

*Tâm Địa một tầng trường.
Phật nói là các Địa
Bồ-tát thắng diệu tột
Dụ như trăng đầu tháng.*

Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Như trong Kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn Bồ Đề nói kệ:

*Ví như trăng mới mọc
Tầng trường tức trăng đầy
Như vậy Địa Hoan hỷ
Tầng trường tức là Phật.*

Nghĩa của mười câu như thế, Luận sư khác có giải thích khác, nên biết. Vì thế Đức Như Lai vì các Bồ-tát thuộc tụ bất định cầu tụ định nên giảng nói **Kinh này**.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN

QUYỀN 2

*** Do nghĩa gì nên gọi là không thoái chuyển?** Là do các Bồ-tát đã chứng đắc Địa thứ nhất, là nhân tất định, cho đến khi chưa thành Phật, trong thời gian ấy luôn đem tâm sâu xa tu hành như thật thứ lớp tăng trưởng tâm Bồ-đề, vì pháp được đối trị không còn gây chướng ngại, nên gọi là không thoái chuyển.

Hỏi: Lại do nghĩa nào nên gọi là không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng?

Đáp: Do đã thành tựu được nhân không thoái chuyển, nghĩa là tám thứ pháp như tâm sâu xa v.v...

Lại, các pháp trái ngược với tâm không thoái chuyển, là tất cả phiền não như thân kiến, tham v.v... đều được xa lìa do sức mạnh của kiến đạo.

Lại, tất cả phiền não như thân kiến v.v..., từ vô thủy đến nay, theo vô trí sinh ra, không thể xa lìa, giữ lấy nhân như sự an vui của ngã, lìa phương tiện Bát-nhã, nên bị các thứ khổ não của thế gian bức bách, từ bỏ việc đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, giữ lấy Niết-bàn.

Vì thế tâm sâu xa của Bồ-tát đạt được từ bi thì xa lìa sự chấp trước các nhân như ngã lạc, có phương tiện Bát-nhã, tuy bị vây ngặt trong khổ não của thế gian, vẫn không từ bỏ mọi hành tạo lợi ích cho

chúng sinh. Đến lúc đoạn trừ các phiền não căn bản như thân kiến v.v..., thì Bồ-tát đạt được không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Thế nên, Thánh giả Vô Tận Ý nói: “Tâm Bồ-tát đã xa lìa tất cả những gì do phiền não sinh ra v.v...”.

Hỏi: Nếu xa lìa các phiền não như thân kiến v.v... được gọi là không thoái chuyển, thì Bồ-tát cùng Tu-đà-hoàn đều xa lìa phiền não như thân kiến v.v... Vì sao Bồ-tát không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, còn Tu-đà-hoàn v.v... lại thoái chuyển?

Đáp: Vì tâm hành sai biệt. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Bồ-tát và Thanh văn từ lúc phát tâm trở đi, tướng hành của tâm tất cả đều sai biệt. Sai biệt như thế nào? Ở người Thanh văn không thể tu học, tạo lợi ích cho người khác, chỉ tự cầu Niết-bàn, từ bỏ việc tạo lợi ích cho chúng sinh, thấy lửa phiền não như tham v.v... trong ba cõi đang thiêu đốt, bị vô thường bức bách, nên chán lìa ba cõi, như phải cởi bỏ áo đang mặc bị cháy, quan sát các hành hữu vi của năm ấm như vô thường v.v... cho đến xa lìa kiết của ba cõi. Sau đó, các phiền não như tham v.v... giảm thiểu, mỏng dần mới ra khỏi ba cõi.

Người của Bồ-tát chứng được tâm sâu xa nên luôn vui thích tạo lợi ích cho tất cả thế gian, vì các chúng sinh mà hành tác lợi ích, tuy bị khổ não của thế gian bức bách, nhưng do thành tựu được lực phương tiện trí tuệ, nên tuy có thể tu hành như thật đạo của Thanh văn, nhưng không chứng đắc đạo Thanh văn, do trước đã đoạn trừ các chướng ngại nơi pháp giữ lấy phần vị Thanh văn.

Thế nào là pháp giữ lấy phần vị Thanh văn? Nghĩa là từ bỏ tâm đại bi, nên không thể làm tăng trưởng hành của tâm đại bi.

Nếu các Bồ-tát đã chứng được tâm sâu xa v.v... cùng tu hành các pháp quyền thuộc v.v... của tâm Bồ-đề, tức có thể tác chứng nhân của phần vị Bồ-đề. Lúc đó, Bồ-tát do thấy tất cả pháp, nên có thể

làm tăng trưởng sức mạnh của tâm Bồ-đề, vận dụng phương tiện suy tìm việc tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Khi ấy, Bồ-tát tức thấy rõ pháp giới như thật. Thấy pháp giới, tức thì xa lìa hết thấy phiền não do kiến đạo đối trị, tức đạt được tâm Đại Bồ-đề rốt ráo. Như trong Kinh Thập Địa nói: Đại Bồ-tát sinh tâm như thế, tâm này lấy đại bi làm đầu v.v... Bồ-tát đó đã chứng đắc kiến đạo xong, liền vận dụng phương tiện suy tìm nhân tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, tâm sâu xa khéo học các pháp đại bi v.v... xa lìa sự vui thích của ngã, nên không bị lửa phiền não đốt cháy. Đó là nhân không giống nhau của hai bên.

Đại Bồ-tát thường dùng tâm sâu xa, vì nhằm đem lại lợi ích cho mọi người nên tu hành, tức khi kiến đạo thì Bồ-tát đã dứt trừ tất cả phiền não trong ba cõi. Còn như Thanh văn trước không tu tập phương tiện từ bi, nên không có hành tác lợi ích cho mọi người, chỉ đoạn trừ phiền não dần dần, về sau chứng được quả vị A-la-hán.

Do nghĩa này, nên trong Kinh Đại Hải Tuệ Bồ Tát nói: Bồ-tát trước đã tu tập căn thiện tương ưng với phiền não, đó là đại bi, Ba-la-mật v.v... Các pháp thiện này gọi là phiền não, không phải như các phiền não khác. Dựa vào các phiền não đó, vì nhằm hóa độ chúng sinh nên trụ trong thế gian, do chỗ mong cầu chưa được rốt ráo.

Vì nghĩa này, nên tuy cả hai cùng xa lìa tất cả phiền não như thân kiến v.v... nhưng Bồ-tát không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, còn Thanh văn thì thoái chuyển. Như trong Kinh A Nậu Đại Trì Thánh Giả Long Vương có đoạn nói: “Phật bảo Long vương: Quả vị của Đại Bồ-tát đã chứng đắc là pháp xuất thế gian nhưng không xa lìa thế gian. Nay Long vương! Có Tam-muội phương tiện Bát-nhã Thánh trí, thì đó gọi là quả vị xuất thế gian của Bồ-tát.

Này Long vương! Ví như Thanh văn chứng nhập quả vị Thanh văn, gọi là Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường dữ. Nay Long vương!

Bồ-tát cũng thế, chứng nhập quả vị Bồ-tát gọi là Bồ-tát không thoái chuyển, không rơi vào đường ác.

Này Long vương! Người Thanh văn không đoạn trừ phiền não khi giữ lấy quả vị Thanh văn, do chưa vượt quá pháp không tự tại lúc chứng được quả vị thứ nhất. Này Long vương! Đại Bồ-tát đã vượt quá quả vị Thanh văn khi chứng quả vị Bồ-tát, thế nên không giữ lấy quả nhỏ của Thanh văn, chỉ giữ lấy quả vị Đại Bồ-đề nơi đạo tràng. Từ nghĩa này nên Thanh văn có hạn lượng, còn Bồ-tát thì không hạn lượng.

Này Long vương! Ví như có hai người đều từ trên núi cao rơi xuống, một người thì khỏe mạnh nhiều sức, trước đó đã từng hành tập những kỹ năng leo núi, nên dùng trí phương tiện để leo trở lại lên đỉnh núi. Còn người kia thể lực yếu kém, trước không hành tập những kỹ năng leo núi, lại không có trí phương tiện, nên khi rơi xuống chân núi không thể leo trở lên được.

Này Long vương! Như thế, Đại Bồ-tát quan sát tất cả pháp không, vô tướng, vô nguyện, vô vi, dựa vào diệu lực của Bát-nhã để quan sát chúng sinh, trụ nơi đỉnh núi Nhất thiết chủng trí”.

Lại có kinh nói: “Này Đại đức Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đã đoạn trừ vô lượng phiền não như thân kiến v.v... nhưng không giữ lấy quả vị nhỏ của Thanh văn, chỉ giữ lấy quả Đại Bồ-đề của chư Phật. Bồ-tát quan sát tất cả pháp Phật, luôn đem tâm đại từ bi thương xót tất cả chúng sinh, tu hành hạnh Bồ-tát, đoạn trừ tất cả phiền não như thân kiến v.v... thế nên Bồ-tát không nhận lấy quả nhỏ của Thanh văn, chỉ nhận lấy quả Đại Bồ-đề của chư Phật.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sự việc ấy là hy hữu. Bồ-tát với đại phương tiện này, tuy đã đoạn dứt tất cả phiền não như thân kiến v.v... mà có thể không giữ lấy quả nhỏ của Thanh văn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Nay Đại đức Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có phương tiện lớn gồm thâm trí tánh. Thế nên Bồ-tát tuy nhận biết đúng như thật về tất cả phiền não như thân kiến v.v... kia, mà có thể không giữ lấy quả nhỏ của Thanh văn.

Này Đại đức Tu-bồ-đề! Ví như một đại lực sĩ cầm dao bén mỏng chặt đứt cây Sa-la, thân cây Sa-la kia vẫn đứng yên, không đổ. Nay Đại đức Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cũng lại như thế, vì có trí tánh của đại phương tiện Bát-nhã, nên Bồ-tát đã đoạn dứt được tất cả phiền não như thân kiến v.v... mà có thể không giữ lấy quả nhỏ của Thanh văn.

Này Đại đức Tu-bồ-đề! Vào một lúc khác, thân cây Sa-la kia gặp mưa thấm nhuần, tức thì nó lại ra nhánh lá hoa quả đầy đủ như cũ để chúng sinh thọ dụng. Nay Đại đức Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cũng lại như thế. Được thấm nhuần do nước mưa của tâm đại từ bi, nên tuy đã đoạn dứt tất cả phiền não như thân kiến v.v... nhưng vẫn trở lại nhập nơi ba cõi, dùng phương tiện thị hiện sinh vào nhà thế gian, tùy thuận sự thọ dụng của tất cả chúng sinh.

Này Đại đức Tu-bồ-đề! Vào một thời về sau này, cây Sa-la kia sẽ bị trận gió lớn làm chuyển động gốc, tức thì ngã đổ nơi mặt đất, không còn sống lại nữa. Nay Đại đức Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cũng lại như thế, sẽ có ngọn gió đại trí tuệ thổi mạnh khiến Bồ-tát ở tại đạo tràng vĩnh viễn diệt không sinh”.

Thế nên, Đại Bồ-tát kể từ khi phát tâm trở về sau, tất cả tâm hành đều không đồng với Thanh văn, Phật-bích-chi. Là do các pháp như tâm hành của Đại Bồ-tát xưa nay là bất đồng. Nếu tất cả đều đồng thì Thanh văn làm Bồ-tát, Bồ-tát làm Thanh văn sao!

Hỏi: Như người Thanh văn, trước đoạn trừ phiền não ở kiến đạo, sau đó dần đoạn trừ phiền não nơi tu đạo. Bồ-tát cũng hành trì như vậy, vì sao Bồ-tát không đồng với Thanh văn? *Lại hỏi:* Như Bồ-

tát chấp nhận trụ trong vô lượng đời tu tập vô lượng căn thiện. Còn Tu-đà-hoàn v.v... vì sao không chấp nhận trụ trong vô lượng đời, cũng không tu tập vô lượng căn thiện?

Đáp: Tu-đà-hoàn v.v... thường có tâm ưa đoạn trừ phiền não, dùng ánh sáng đối trị đạt được vô lậu, dần dần càng sợ hãi thế gian. Sinh tâm như vậy: Đến lúc nào thì lia được tất cả khổ để nhập Niết-bàn vô dư? Thế nên trong quả vị tu đạo phiền não còn sót tự nhiên hết dần. Do nghĩa đó, nên Thanh văn không nhận lấy việc trụ trong vô lượng đời, cũng không tu tập vô lượng căn thiện.

Bồ-tát thì trong vô lượng đời đến nay luôn hành tác nhân đem lại lợi ích cho các chúng sinh, luôn vì các chúng sinh làm các việc lợi ích, chứng được tâm rốt ráo như thế. Lại thấy được pháp giới chân như cam lồ, nên Bồ-tát quan sát thân của tất cả chúng sinh thật sự không khác với nơi chốn mình mong cầu. Thế nên Bồ-tát thấy rõ trong tu đạo tất cả phiền não, có thể gây chướng ngại nơi các hành tạo lợi ích cho chúng sinh, vì vậy trong kiến đạo đã đoạn dứt tất cả chúng.

Lại nữa, khi quan sát về việc tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, họ ưa thích sự an lạc của Niết-bàn thù thắng, thế nên Bồ-tát nhận trụ trong vô lượng đời nơi thế gian để tu tập hết thủy hành. Nghĩa là do trí Nhất thiết trí, nên Bồ-tát thấy rõ khi tu tập vô lượng căn thiện Bồ-đề, sẽ đạt được lợi ích của Đại Bồ-đề, nên mới tu tập vô lượng căn thiện.

Hỏi: Bồ-tát nếu thấy phiền não trong tu đạo, có thể gây chướng ngại cho việc làm đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên phải đoạn trừ chúng ngay trong kiến đạo. Do nghĩa nào tức trong kiến đạo không dùng trí thế gian để điều phục phiền não trong tu đạo?

Đáp: Xa lìa tất cả phiền não gọi là nhân không thoái chuyển. Nếu lìa đạo vô lậu mà thấy các pháp, lìa đạo vô lậu mà đoạn trừ được

tất cả phiền não, đó là chuyện khó khăn. Vì sao đạo thế gian không điều phục được phiền não trong tu đạo? Nếu đạo thế gian cùng với đạo thế gian, không có sức như thế, thế nên không được nói là không thoái chuyển. Nhưng Bồ-tát này chính lúc kiến đạo đã vĩnh viễn đoạn dứt tất cả pháp đã được đối trị, chứng đắc tâm đại bi cùng sinh tâm Đại Bồ-đề rất ráo, gọi là Bồ-tát không thoái chuyển.

Thế nên phải biết, Bồ-tát đã thấy đúng như thật về phương tiện pháp thành tựu, nên không giữ lấy địa Thanh văn và Phật-bích-chi. Bồ-tát đã thấy biết như thật về vô số lỗi lầm, tai họa của tất cả thế gian, vì muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên hành trì việc của thế gian, không bỏ thế gian, nhưng không hề bị cấu nhiễm do lỗi lầm tai họa của thế gian, nên Thánh giả Văn-thù-sư-lợi nói với Thiên tử: Này các Thiên tử! Đại Bồ-tát không trụ nơi hữu vi, không trụ nơi vô vi, vì vậy Bồ-tát được gọi là phước điền. Vì sao? Vì Bồ-tát lìa pháp hữu vi, không trụ nơi pháp vô vi. Biết hữu vi có lỗi lầm, biết vô vi không có lỗi lầm. Biết tất cả lỗi lầm nên không trụ nơi hữu vi. Biết rõ pháp vô vi, nhưng không trụ nơi vô vi. Này các Thiên tử! Ví như đại lực sĩ bắn tên vào hư không, mũi tên ấy ở trong hư không chẳng có chỗ dừng trụ, nhưng không rơi xuống đất. Này các Thiên tử! Việc đó là khó, nhưng còn cái khó hơn nữa.

Thiên tử bạch với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Sự việc như thế là hy hữu, là rất khó, không có cái gì khó hơn nữa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử: Những hành tác khó làm của Đại Bồ-tát lại vượt hơn điều ấy. Do Đại Bồ-tát không bỏ hữu vi mà chứng vô vi, không rơi vào hữu vi mà có thể giáo hóa kẻ rơi vào hữu vi.

Hỏi: Định tất cánh, Đức Như Lai nói trong kinh: Nếu người Thanh văn nào thuộc về định tất cánh, xa lìa ba kiết, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào đường dữ, bảy lần trở lại nơi cõi người, trời, vĩnh viễn xa lìa các khổ, thì rốt cùng là chứng đạo A-la-hán. Bồ-

tát cũng đoạn trừ ba kiết v.v... như vậy, do nghĩa nào gọi là không đồng với Thanh văn mà nói là Bồ-tát trụ nơi vô lượng đời?

Đáp: Nghĩa vừa nêu không đúng. Vì sao? Nói định tất cánh là dựa vào kinh của thừa Thanh văn mà nói. Còn Đại Bồ-tát là dựa vào vô lượng hành trì, dựa vào việc cầu Nhất thiết chủng trí, vào đạo xuất thế gian thanh tịnh, có khả năng làm tịnh Nhất thiết trí. Trong kinh thuộc về Đại thừa nói: Do nghĩa đó nên Bồ-tát thâm nhận trụ trong vô lượng đời.

Hỏi: Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì nếu ở Địa thứ nhất, Đại Bồ-tát đã xa lìa hết thấy các pháp được đối trị, đạt tất cánh không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thì do nghĩa gì, trong Kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn Bồ Đề nói: Bồ-tát mới phát tâm có thể vượt quá địa Thanh văn. Phát tâm lần thứ hai có thể vượt quá địa Phật-bích-chi. Phát tâm lần thứ ba là không thoái chuyển vượt quá địa bất định. Phát tâm lần thứ tư là Nhất sinh bỏ xứ, an trụ nơi địa định?

Đáp: Trong kinh ấy là dựa vào sự chứng đắc địa Thắng tán, dựa trong xa lìa để xa lìa các pháp được đối trị. Dựa vào địa của các địa trên nên nói vượt quá địa bất định. Thế nên, những gì nói ở đây không trái với kinh kia. Nghĩa này là thế nào? Như pháp đối trị của thiền thứ nhất. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Như trong thiền vị lai của người Tiểu thừa là đoạn trừ nhân bất định, đoạn trừ phiền não trong tu đạo ở cõi Dục, cho đến trong thiền thứ tư cũng nói là đoạn trừ phiền não trong tu đạo. Dùng xa lìa trong xa lìa là pháp đối trị hơn hết để không mâu thuẫn nhau. Vì sao? Vì do đối trị các nhân. Đại Bồ-tát cũng lại như thế, ở trong Địa thứ nhất đã đoạn dứt nhân thoái chuyển, đi ngược với tâm Bồ-đề, nghĩa là đoạn dứt tất cả phiền não như thân kiến v.v... Vì tu hành, thành tựu được tâm sâu xa, thì rốt cùng xa lìa được nhân thoái chuyển của tâm Bồ-đề, cho đến trong Địa thứ tám, đạt được thắng tán, xa lìa trong xa lìa là pháp đối trị

hơn hết. Đó gọi là vượt quá địa bất định, an trụ nơi địa định. Do các pháp đối trị, do nhân của định, nên nói vượt quá địa bất định nghĩa không mâu thuẫn nhau.

Lại, nói vượt quá địa bất định là do cầu Đại Niết-bàn nơi Bồ-đề của Phật, tâm chưa đoạn dứt nên chỗ khởi những hành công dụng khiến mệt mỏi, gọi là nhân bất định. Vì vậy từ Địa thứ tám trở lên mới nói là vượt quá địa bất định. Nghĩa này là thế nào? Như xứ kia đã vượt qua các khổ v.v... là nói rõ về nghĩa gì? Như trong Tiêu thừa nhằm chán muốn vượt qua các khổ ở cõi Dục, nhưng nơi địa thiên thứ nhất vẫn chưa vượt quá nhân khổ như thức v.v... Do chưa vượt quá pháp được đối trị, cho nên trong kinh, Đức Như Lai nói: Trong thiên thứ hai vượt quá khổ. Như trong kinh nói: Ưu căn đến xứ nào diệt? Đức Phật nói: Trong thiên thứ nhất diệt. *Lại hỏi*: Khổ căn đến xứ nào diệt? Phật nói: Trong thiên thứ hai diệt. *Lại hỏi*: Hỷ căn đến xứ nào diệt? Phật nói: Trong thiên thứ ba diệt. *Lại hỏi*: Lạc căn đến xứ nào diệt? Phật nói: Trong thiên thứ tư diệt. Như thế là vượt quá tất cả sắc tướng. Lúc thiên thứ nhất ở nhằm chán, tức vượt quá tất cả các tướng như sắc v.v... Nhưng trong thiên thứ tư là nhân của chán, vượt, nên nói vượt quá thiên thứ tư. Đại Bồ-tát cũng lại như thế, ở trong Địa thứ nhất đã vượt quá địa bất định. Từ Địa thứ hai trở lên, cho đến bảy địa trở lại, vì tâm mong cầu Đại Niết-bàn nơi Bồ-đề Phật chưa đoạn diệt, nên chỗ khởi nhân hành công dụng mệt mỏi, gọi là địa bất định. Thế nên nơi các địa kia, tâm chưa đầy đủ nhân bất định, nên trong tám địa mới nói là vượt quá địa bất định, là nói không mâu thuẫn.

Lại nữa, rốt cùng được tâm Bồ-đề, vì nhân duyên được hòa hợp đầy đủ.

Nói Bồ-tát mới phát tâm là đã vượt quá địa Thanh văn, như trong Kinh Pháp Ấn, Đức Như Lai đã nói: Nay Bồ-tát Di-lặc! Phát tâm Bồ-đề có bảy thứ nhân. *Những gì là bảy?*

- (1) Do chư Phật giáo hóa nên phát tâm Bồ-đề.
- (2) Thấy chánh pháp sắp diệt nên phát tâm Bồ-đề.
- (3) Đối với các chúng sinh khởi đại từ bi nên phát tâm Bồ-đề.
- (4) Do Bồ-tát giáo hóa nên phát tâm Bồ-đề.
- (5) Nhân nơi bố thí nên phát tâm Bồ-đề.
- (6) Vì học hỏi nơi người khác nên phát tâm Bồ-đề.
- (7) Vì nghe nói đến ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Như Lai, nên phát tâm Bồ-đề.

Này Bồ-tát Di-lặc! Do chư Phật giáo hóa nên phát tâm Bồ-đề, thấy chánh pháp sắp diệt nên phát tâm Bồ-đề và đối với các chúng sinh khởi đại từ bi nên phát tâm Bồ-đề, ba cách phát tâm này có thể hộ trì chánh pháp, nhanh chóng thành tựu quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bốn cách phát tâm còn lại không phải là những cách phát tâm của Bồ-tát đích thực, không thể hộ trì chánh pháp của chư Phật, mau chóng thành tựu quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Điều này nêu rõ về nghĩa gì? Nếu Bồ-tát đã thành tựu tâm sâu xa, thì rốt cùng không thoái chuyển, nên được tâm đại bi và lực đại dũng mãnh. Vì tất cả chúng sinh trong các thế gian đều bị các mũi tên ngu si bắn trúng, Bồ-tát quan sát thấy rõ nên khởi đại từ bi, thâu giữ các căn thiện, tập hợp khiến tăng trưởng, nên nói Bồ-tát mới phát tâm là đã vượt quá địa Thanh văn.

Phát tâm lần thứ hai là vượt quá địa Phật-bích-chi. Người Phật-bích-chi vượt hơn người Thanh văn, hoàn toàn không vì thân người khác mà vì tự thân cầu Niết-bàn tịch diệt. Nếu Bồ-tát mới quán xét pháp tánh càng tăng thượng, cho đến khi quán pháp nhãn vô sinh, tuy chưa vượt quá đạo bất định, nhưng tâm sinh hiện có thấy đều có thể vượt quá địa Thanh văn và Phật-bích-chi, nên nói Bồ-tát phát tâm lần thứ hai là vượt quá địa Phật-bích-chi.

Phát tâm lần thứ ba là vượt quá địa bất định. Là ở trong Địa thứ nhất đã lìa nhân bất định đạt được nhân định, nên tâm sinh hiện có đều vượt quá địa bất định, nên nói Bồ-tát phát tâm lần thứ ba là vượt quá địa bất định.

Phát tâm lần thứ tư là an trụ nơi địa định: Là từ Địa thứ hai trở lên, đã xa lìa hết thảy pháp được đối trị, thế nên an trụ rất ráo nơi địa định, nên nói Bồ-tát phát tâm lần thứ tư là an trụ ở địa định.

*** *Lại, không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng:*** Nghĩa là Bồ-tát xa lìa được các pháp mâu thuẫn khi phát tâm Bồ-đề, gọi là Bồ-tát không thoái chuyển. Như trong Kinh Bảo Nữ nói: Này Bảo Nữ! Đại Bồ-tát có ba mươi hai con đường hàm hồ trở ngại, là pháp mâu thuẫn với việc phát tâm Bồ-đề. *Những gì là ba mươi hai pháp?* Đó là:

- (1) Cầu thừa Thanh văn.
- (2) Cầu thừa Phật-bích-chi.
- (3) Cầu trụ xứ của Đế thích, Phạm thiên.
- (4) Dựa chấp vào chỗ sinh tịnh mới tu tập phạm hạnh.
- (5) Chỉ chuyên vào một gốc đức, rồi nói là ngã sở.
- (6) Nếu được tài sản, vật báu thì sinh tâm keo kiệt, tham tiếc.
- (7) Do tâm thiên vị, bè nhóm mà bố thí cho chúng sinh.
- (8) Xem thường giới cấm.
- (9) Tâm không nhớ nghĩ đến đạo để chuyên tinh tu hành.
- (10) Khởi sự giận dữ chỉ vì muốn được tiếng khen.
- (11) Tâm ý phóng dật.
- (12) Tâm dong ruổi.
- (13) Không mong cầu học rộng.
- (14) Không xét việc mình làm.

- (15) Tự cao, tự đại.
- (16) Không thể làm cho các hành của thân, miệng, tâm thanh tịnh.
- (17) Không bảo vệ được chánh pháp.
- (18) Từ bỏ công ơn của thầy.
- (19) Không dứt bỏ điều ác.
- (20) Xa lìa các pháp yếu chắc chắn.
- (21) Hành tập theo các bạn xấu ác.
- (22) Tùy thuộc vào các thứ ám.
- (23) Không siêng năng hỗ trợ đạo.
- (24) Nhớ nghĩ đến gốc bất thiện.
- (25) Phát khởi tâm đạo, không có phương tiện quyền xảo.
- (26) Không ân cần tán dương Tam bảo.
- (27) Oán ghét các Bồ-tát.
- (28) Đối với pháp chưa được nghe, nghe rồi sinh hủy báng.
- (29) Không biết rõ sự việc.
- (30) Hành tập, giữ lấy sách thế tục.
- (31) Không chịu khuyến hóa các loài chúng sinh.
- (32) Nhàm chán nơi sinh tử.

Lại nữa, sở dĩ không thoái, không chuyển: Là do các Bồ-tát đều hoàn toàn nhận giữ pháp không thoái chuyển. Như trong Kinh Sa Già La Long Vương có nói: Nay Long vương! Đại Bồ-tát đã thành tựu trọn vẹn tám thứ pháp nên được gọi là nhập vào hàng Bồ-tát không thoái chuyển. *Những gì là tám thứ pháp?* Đó là tu hành đúng như ngôn thuyết:

- (1) Quán xét lỗi mình, không xét lỗi người.
- (2) Cho đến không vì thân mạng mình mà hành ác đối với người.

(3) Nếu được lợi dưỡng, tâm không tự cao. Nếu mất lợi dưỡng, tâm không tự hạ.

(4) Đối với các chúng sinh khởi tướng phước điền, không sinh tâm ác.

(5) Tài sản vật dụng hiện có đều đem cho hết thầy chúng sinh cùng có.

(6) Ở trong các pháp không muốn hiểu biết riêng khiến kẻ khác không biết.

(7) Thấy người khác được an vui sinh tâm hoan hỷ, không do niềm vui của mình mới sinh tâm hoan hỷ.

(8) Tâm luôn bình đẳng với điều yêu thích, không yêu thích.

Bồ-tát gồm đủ tám thứ pháp này nên không thoái, không chuyển nơi quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Hỏi: Nên nói về tướng không chuyển. Thế nào là tướng không chuyển?

Đáp: Tôi đang muốn nói thì ông lại hỏi. Bồ-tát thành tựu tướng không chuyển nên biết là trong nhiều chỗ nơi kinh, Đức Như Lai đều có nói rộng. Như trong Kinh Trí Ân Tam Muội có đoạn nói: *Này Di-lặc! Có năm thứ pháp gọi là tướng hoàn toàn không chuyển của Bồ-tát đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Khởi tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. (2) Đối với lợi dưỡng của người khác, không sinh tâm ganh ghét. (3) Cho đến vì thân mạng của mình, vẫn không nêu bày các thứ lỗi lầm của Tỳ-kheo Pháp sư. (4) Trọn không tham vương nơi các sự việc cung kính cúng dường, khen ngợi v.v... (5) Chúng đắc trọn vẹn pháp trí nhãn sâu xa.

Này Di-lặc! Lại có năm pháp, gọi là Bồ-tát không chuyển. Những gì là năm pháp? Đó là: (1) Không thấy có thân mạng mình.

(2) Không thấy có thân mạng người khác. (3) Tâm không phân biệt vọng nói về pháp giới. (4) Không thấy có Bồ-đề. (5) Không dùng tướng để thấy Như Lai.

Lại, trong Kinh Bát Nhã Ba La Mật cũng đã nói rộng về tướng không chuyển, như kinh đó đã nói, nên biết.

Hỏi: Thế nào là được pháp khác với tâm Bồ-đề? Nhân không thoái chuyển tâm Bồ-đề là khác với Bồ-đề Phật, nên gọi là tâm không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng?

Đáp: Do được nhân quyết định. Ở đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát ở Địa thứ nhất đã thành tựu nhân tất cánh. Do dựa nơi nhân ấy nên rốt cùng chứng đắc Đại Bồ-đề, nên gọi là đạt được không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Nói: Vô thượng: Nghĩa là do vượt hơn hẳn tất cả pháp hữu vi.

Chánh đẳng Chánh giác: Nghĩa là lia tất cả phiền não tập khí của các pháp bất thiện nơi tất cả xứ, không hề bị chướng ngại. Vì nhận biết đúng đắn như thật về tất cả chủng loại, tất cả pháp, thế nên nói là Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Nên nói về không thoái, không chuyển nơi công đức. Thế nào là không thoái, không chuyển nơi công đức?

Đáp: Về pháp không thoái, không chuyển nơi công đức, Đức Như Lai đã giảng nói rộng ở nhiều nơi trong kinh, nên biết. Như trong Kinh Thập Địa nói: Nay các Phật tử! Nếu có chúng sinh đã tích tập dày đầy các căn thiện, khéo tập hợp các hành thiện, khéo gom chứa các hành công đức, khéo cúng dường chư Phật, khéo gồm thâu các pháp thanh bạch, tri thức thiện khéo gia hộ, khéo làm thanh tịnh tâm, hội nhập tâm sâu rộng, hoàn toàn tin, chuộng pháp lớn, hiện bày tâm đại từ bi, chúng sinh như thế mới có thể phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Tích tập dày đầy các căn thiện: Là Bồ-tát từ lúc mới phát tâm trở đi, đã có thể vượt quá tánh của Thanh văn và Phật-bích-chi, thế nên có thể dùng làm hạt giống cho quả vị của Bồ-tát không thoái, không chuyển. Tham các căn thiện v.v... không phải là hạt giống chân chánh, mà do từ lâu đã tu tập vô lượng các hành công đức, nên nói tích tập dày đầy các căn thiện.

Khéo tập hợp các hành thiện: Là nói Bồ-tát đang tu các hành gọi là tu các hành thiện. Hành, tu sinh khởi, tên khác nhưng nghĩa là một. Lại, nói hành là nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh, tự sống chân chánh, do các Bồ-tát đều lìa tâm tổn hại, thành tựu các hành tác đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... đều không thể đạt đến biển cả trí tuệ, chỉ có các Bồ-tát mới có thể đạt được, nên nói Bồ-tát khéo tập hợp các hành thiện.

Khéo gom chứa các hành công đức: Tức là do bố thí, nhẫn nhục, không phóng dật cùng bốn nhiếp nhiếp, bốn nhà, làm nhân giáo hóa chúng sinh. Chúng tử của các pháp đã tăng trưởng, đang được tập hợp, nên nói là khéo gom chứa các hành công đức.

Khéo cúng dường chư Phật: Nghĩa là Bồ-tát tăng trưởng sức mạnh của nhân làm lợi ích cho người khác, tức cũng là sự việc của mình, nên Bồ-tát vui thích vô lượng mỗi khi cúng dường, mỗi khi cung kính, hay nghe chánh pháp v.v... từ đời này sang đời khác, luôn cung kính cúng dường chư Phật, nên nói là khéo cúng dường chư Phật.

Khéo gồm thâu các pháp thanh bạch: Là vì các Bồ-tát có vô lượng môn, tập hợp các hành như bố thí v.v... tu tập các pháp bạch, nhận lấy Đại Bồ-đề, thành tựu một vị, tâm hồi hướng chân chánh, nên có thể thành tựu pháp không thoái chuyển, nên nói là khéo gồm thâu pháp thanh bạch.

Tri thức thiện khéo gia hộ: Nghĩa là Đức Phật, Như Lai chính là bậc tri thức thiện, có thể gia hộ Bồ-tát, khiến sự phát tâm được tăng

trường, an trụ trong pháp không thoái, không chuyên, nên nói là tri thức thiện khéo gia hộ.

Khéo làm thanh tịnh tâm: Là do Bồ-tát không mong cầu niềm vui cho chính mình, chỉ chuyên tâm một vị đem lại lợi ích cho người khác. Bồ-tát trong đêm dài sinh tử không bị cấu nhiễm do các thứ phiền não thuộc các môn như tự yêu thích mình v.v..., thế nên nói là khéo làm thanh tịnh tâm.

Hội nhập tâm sâu rộng: Là trong pháp Đại thừa, chuyên niệm về sự rộng lớn thù thắng, thành tựu nhân tất cánh, nên nói là hội nhập tâm sâu rộng.

Hoàn toàn tin, chuộng pháp lớn: Là do khởi tâm lớn không khiếp nhược, không sợ hãi tất cả các khổ của thế gian, thấy những chúng sinh cầu Tiểu thừa, Bồ-tát đều khởi tâm đại từ bi, muốn đem lại an lạc cho tất cả chúng sinh, nhận biết xứ của Nhất thiết chủng trí, dùng lực phượng tiện khiến chúng sinh chứng được, nên nói là hoàn toàn tin, chuộng pháp lớn.

Hiện bày tâm đại từ bi: Là do thấy chúng sinh bị vô số các khổ của sự sống chết bức bách, không nhà, không bến, không ai cứu độ v.v... Bồ-tát vì diệt trừ mọi khổ não cho các chúng sinh ấy, nên hành đại xả, xả bỏ những gì khó xả bỏ nhất, dùng sức mạnh của phương tiện đi vào những nơi khổ lớn nên hiện bày đại từ bi.

Lại nói tâm từ: Là vì Bồ-tát mới phát tâm, do năng lực còn ít, chỉ nguyện thương xót tất cả chúng sinh, thế nên gọi là từ.

Lại nói tâm bi: Là Bồ-tát tu hành vì tất cả chúng sinh như thế, như thế. Như thế, như thế ở trong pháp thù thắng khởi tâm tối thượng, thế nên gọi là bi. Do đó nói là hiện bày đại từ bi.

Lại không thoái chuyển: Là Đại Bồ-tát có tám thứ pháp, có thể thành tựu địa không thoái chuyển. *Những gì là tám pháp?* Đó là:

(1) Đại bi. (2) Tâm an trụ. (3) Trí tuệ. (4) Phương tiện. (5) Không phóng dật. (6) Phát khởi tinh tấn. (7) Khéo trụ niệm. (8) Gặp tri thức thiện. Bồ-tát mới phát tâm nên chóng tu hành tám thứ pháp này, như cứu lửa đang cháy trên đầu, sau đó mới tu tập các pháp không thoái chuyển khác của Bồ-tát. Dựa nơi tám pháp này mà tu tập, ngoài ra còn có không thoái không chuyển nơi tất cả công đức. Pháp không thoái chuyển nơi tất cả công đức đó đã được nói rộng tại nhiều nơi trong các kinh, nên biết.

Hỏi: Chỉ nói không thoái đối với Chánh đấng Chánh giác Vô thượng là đủ, sao lại còn nói không chuyển? Do nếu đã không thoái tức là không chuyển?

Đáp: Do được nhân không thoái là thành tựu hoàn toàn tâm sâu xa, nên gọi là không thoái. Còn nói không chuyển là do dựa nơi tâm sâu xa không thoái, khởi tâm khác, hành thẳng tấn tăng thượng, nên gọi là không chuyển.

Hỏi: Nếu thế, không thoái, không chuyển lại không có nghĩa khác. Vì sao không chuyển đối với không thoái là hơn?

Đáp: Nói không thoái là dựa nơi tâm không tổn hại nơi nghiệp đạo căn bản, khởi hành tác lợi ích cho mọi người, chứng được nghĩa thù thắng hơn hết. Nói không chuyển là nói tu hành thành tựu.

Lại, không thoái là đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não căn bản như thân kiến v.v..., dứt bỏ chướng ngại của pháp thù thắng. Nói không chuyển là ở trong tu đạo đoạn dứt được vô minh căn bản.

Lại, không thoái là khéo tập hợp đầy đủ các công đức. Nói không chuyển là khéo tập hợp đầy đủ trí tuệ.

Lại, không thoái là thành tựu về phương tiện. Nói không chuyển là thành tựu về Bát-nhã.

Lại, không thoái là vượt quá nhân của địa Thanh văn, Phật-bích-chi. Nói không chuyển là khéo tập hợp được các căn thiện Bồ-đề.

Lại, không thoái là thành tựu lực lớn. Nói không chuyên là thành tựu sự tu hành.

Lại, không thoái là thành tựu đầy đủ nhân của mười lực. Nói không chuyên là thành tựu đầy đủ nhân của bốn pháp không sợ hãi.

Lại, không thoái là dựa vào pháp bạch như Bồ thí Ba-la-mật v.v... để đem lại lợi ích cho chúng sinh. Nói không chuyên là đem các căn thiện như bồ thí v.v... vì chúng sinh hồi hướng về Đại Bồ-đề, luôn vui thích tạo lợi ích cho chúng sinh.

Lại, không thoái là do chứng đắc Địa thứ nhất, không mất nhân của tâm Bồ-đề, thành tựu tâm sâu xa v.v... Nói không chuyên là từ Địa thứ hai trở lên, khởi tâm thuộc về mười nghiệp đạo thiện, khác với mười nghiệp đạo thiện khi tu hành bồ thí v.v... thường xuyên tăng trưởng.

*** *Pháp thắng tấn***, nghĩa này là thế nào?

Đáp: Do các Bồ-tát tâm hành tăng trưởng, càng thắng tấn tăng thượng trong pháp bạch tịnh đã đạt được từ trước. Do nghĩa đó nên gọi là *pháp thắng tấn*.

*** *Hàng phục được tất cả các ma oán đối***: Là do hàng phục ma, hàng phục oán, hàng phục các thứ đối địch, thế nên gọi là hàng phục được tất cả các ma oán đối.

Nghĩa này là thế nào? Vì Bồ-tát hàng phục ma phiền não, nên Thiên ma luôn dò xét tìm kiếm nhưng không có được chút lỗi lầm nào, nên nói là hàng phục được tất cả các ma. Do đã được lực dụng của văn tự tu tuệ, đem lại lợi ích cho chúng sinh, các thứ oán đều không thể gây ra chướng ngại được, nên nói là hàng phục được tất cả các oán. Các Luận sư của tất cả ngoại đạo đều không thể tranh biện, vượt hơn được, nên nói là hàng phục hết thảy các thứ đối địch. Do đó gọi là hàng phục được tất cả các ma oán đối.

Lại, do diệu lực của Bát-nhã đoạn trừ ma phiền não, nên nói là hàng phục tất cả các ma. Do sức mạnh của phương tiện nên có thể tu

tập căn thiện Bồ-đề, vượt quá sự đối địch của Niết-bàn do hàng Nhị thừa đã chứng được, nên gọi là hàng phục được tất cả các ma oán đối.

Lại, vì thành tựu các pháp như tâm sâu xa v.v..., vượt qua nhân của nẻo ma, nên nói là hàng phục tất cả các ma. Do tâm cầu địa Nhất thiết trí chưa đoạn dứt, đã hàng phục các pháp đối địch như một mỗi v.v... Tâm cầu địa Nhất thiết trí đã đoạn dứt, cũng hàng phục các pháp đối địch như một mỗi v.v..., nên gọi là hàng phục được tất cả các thứ đối địch.

Lại, vì đạt được mười thứ tự tại, nên Bồ-tát có khả năng hàng phục bốn ma như âm v.v..., nên nói là hàng phục tất cả các ma. Do trụ nơi tự chánh định, vượt quá nẻo đối địch của Bồ-tát là địa Thanh văn và Phật-bích-chi, nên gọi là hàng phục được tất cả các thứ đối địch.

Lại, có thể khéo nhận biết hành nghiệp của các ma, nên nói là hàng phục tất cả ma. Đạt được các nghiệp thiện tịnh, các Bồ-tát lại có khả năng vượt quá nhân của tất cả các nẻo ác, nên gọi là hàng phục tất cả oán đối.

Lại, có thể khéo gìn giữ pháp đối trị v.v... đối với các ma oán đối, thế nên gọi là hàng phục tất cả các ma oán đối. Như trong kinh Phật nói: Này Long vương! Đại Bồ-tát vì thành tựu tám pháp nên có thể hàng phục các ma oán đối. *Những gì là tám pháp?* Đó là: (1) Biết pháp năm ấm như huyễn hóa. (2) Liả tất cả các phiền não như thân kiến v.v..., nhân biết như thật về không. (3) Nhận biết đúng như thật về tất cả hành hữu vi là không sinh mà sinh ra các thế gian. (4) Thường giáo hóa chúng sinh, thường không lìa bỏ tâm Bồ-đề. (5) Tâm luôn kiên cố tu hành tinh tấn, nhưng luôn sợ hãi ba cõi. (6) Hội nhập nơi nẻo không nên hội nhập nhưng luôn cầu đạt trí bậc thượng, vì chúng sinh. (7) Thường tu tập công đức nhưng luôn tin nơi tướng vô thường. (8) Luôn tu tập công đức trí tuệ, nhưng không cầu trí của Thanh văn và Phật-bích-chi.

Hỏi: Nên nói về hành của Bồ-tát. Thế nào là hành của Bồ-tát?

Đáp: Hành của Bồ-tát: Là Bồ-tát nhận thấy sâu xa về lợi ích của Niết-bàn và những lỗi lầm tai họa của thế gian, phát khởi tâm đại từ bi, thuộc về trí tuệ phương tiện, luôn vì tạo lợi ích cho chúng sinh nên tu hành, vì thế gọi là hành trì hành của Bồ-tát.

*** Nhận biết như thật về tướng tự thể của tất cả pháp:** Là nhận biết tất cả pháp, đúng như thật về tướng của chúng. Lại, tướng của tự thể gọi là tướng, như tướng của tướng tự thể nơi tất cả các pháp kia, Bồ-tát nhận biết đúng như thật là như vậy.

Hỏi: Nên nói như vậy: Nhận biết tướng của tất cả pháp, không nên nói là nhận biết tướng tự thể của tất cả pháp chẳng?

Đáp: Vì để làm rõ pháp có thể nhận biết cùng chủ thể nhận thấy là không hai, cho nên nói là nhận biết như thật về tướng tự thể của tất cả pháp. Nghĩa này là thế nào? Là nêu rõ tướng tự thể của các pháp là không lìa các pháp mà có tướng.

Hỏi: Nếu thế nên nói là nhận biết thể của pháp, không nên nói là nhận biết tướng?

Đáp: Không phải vậy. Nếu nói như thế thì không tránh khỏi lỗi vừa nêu. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Như tướng của các pháp, lìa các pháp lại có Thể, thì e như thế là giữ lấy, là che chở cho lỗi kia. Hai thứ nêu, đây là nêu rõ về nghĩa gì? Tức là tướng của tự thể lìa thể thì không có tướng, tự thể và tướng tên khác mà nghĩa là một. Vì thế nên nói nhận biết như thật về tướng tự thể của tất cả pháp, không như đã nói trong vấn nạn vừa rồi.

Hỏi: Vì sao gọi là tướng của tự thể?

Đáp: Nếu nhận biết đúng như thật nhân duyên của tất cả các pháp mà có tướng của thể không thật. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát luôn tùy thuận trí tuệ xuất thế gian, có thể nhận biết đúng

như thật về thể của các pháp kia. Có thể nhận biết đúng như thật về thể của các pháp, là do thấy tất cả các hành của hữu vi đều dựa vào nhân duyên khác mà có, không thường, không đoạn. Vì nghĩa này, nên không vướng mắc vào đoạn, thường, chấp trước hư vọng mà thành tựu trung đạo: Có không không hai, từ đó thấy biết như thật các hành của hữu vi là hư vọng không thật. Do được tâm thanh tịnh nên nhận biết các hành của hữu vi đều là phân biệt, hư vọng, nên xa lìa như phá giới v.v... giới thanh tịnh đầy đủ, cho đến khi chưa thành Phật trong thời gian ấy luôn tu tập căn thiện, ban cho tất cả chúng sinh nhân an lạc khiến đạt được Nhất thiết chủng trí.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 3

** Thế nào là đối với các thế gian tâm Bồ-tát không mệt mỏi?*

Đáp: Lúc ở nơi quả vị kiến đạo, các Bồ-tát đã xa lìa nhân của sự mệt mỏi như thân kiến v.v... Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các phàm phu chấp giữ tướng ngã, luôn bị bức não do vô số các thứ khổ trong sinh tử, nên trong thế gian sinh tâm mệt mỏi. Còn các Bồ-tát khi thấy rõ thể của các pháp, thấy đều xa lìa những vương mắc về tướng ngã. Vì vậy, đối với các thế gian, tâm Bồ-tát không mệt mỏi.

Lại nữa, sở dĩ đối với các thế gian, tâm Bồ-tát không mệt mỏi, vì Bồ-tát đã xa lìa được năm thứ sợ hãi. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là do chúng sinh ở thế gian chưa lìa bỏ năm thứ sợ hãi, như sợ hãi không thể sống nổi v.v... nên đối với các thế gian tâm sinh mỏi mệt. Bồ-tát xa lìa hẳn năm thứ sợ hãi như sợ hãi không sống nổi v.v... là do đã xa lìa tướng ngã v.v... đã tu tập công đức, trí tuệ đầy đủ, nên Bồ-tát đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Lại đạt được tâm một vị tạo lợi ích, nên tâm không mệt mỏi. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là do các Bồ-tát dựa nơi tâm từ bi, khởi hành tạo lợi ích cho người khác, cùng tâm sâu xa khéo tu tập. Như nước trong biển cả đều cùng một vị mặn, Bồ-tát cũng như thế, vì tâm một vị là tạo lợi ích cho mọi người. Do các Bồ-tát hành tạo lợi ích cho người khác cũng tức là tự lợi, vì tạo lợi ích cho chúng sinh

nên tu tập các hành, do đấy đối với các thế gian tâm Bồ-tát không mệt mỏi.

Lại do Bồ-tát đạt được tâm an trụ nên đối với các thế gian tâm không mệt mỏi. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát đối với những khổ não nơi các nẻo ác như địa ngục: địa ngục Hoạt, địa ngục Hắc thành, địa ngục Hợp, địa ngục Khiếu hoán, địa ngục Đa-ba-na, địa ngục Ba-đa-ba-na, địa ngục A-tỳ, địa ngục Cứu cánh la, địa ngục Tử thi, địa ngục Rừng đao, địa ngục Rừng gươm, địa ngục Xê, địa ngục An-phù-đà, địa ngục A-ba-ba, địa ngục A-trá-trá, địa ngục Ưu-bát-la, địa ngục Câu-vật-đầu, địa ngục Hương, địa ngục Phân-đà-lợi, địa ngục Ba-đầu-ma, với vô số thứ lạnh, nóng, nhận chịu đủ thứ khổ bức. Cùng với địa ngục là các nẻo súc sinh, ngựa quý, A-tu-la, người, trời, đều cùng giết hại, cùng theo đuổi tìm kiếm, lôi kéo, cấu xé, ăn nuốt lẫn nhau, hoặc phát sinh, hoặc suy thoái, rồi khởi tâm ngã mạn, ganh ghét, giận dữ, ân ái biệt ly, oán ghét lại gặp nhau, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não. Vô số những tướng khổ não như thế, tuy thấy nghe nhưng Bồ-tát vẫn không lìa bỏ việc đem lại lợi ích cho chúng sinh. Tâm Bồ-tát hoàn toàn không thoái, không chuyển, an trụ trọn vẹn vào tâm Đại Bồ-đề. Đó gọi là Bồ-tát đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Lại, không mệt mỏi là do thệ nguyện kiên cố. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát dựa nơi tâm đại từ bi cùng khởi hành tác lợi ích cho chúng sinh, hoàn toàn được các hành căn bản của tâm sâu xa, khéo nhận biết tâm kiên cố, tùy thuận nơi các nguyện, hành hóa đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên Bồ-tát đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Hỏi: Thế nào là nguyện kiên cố của Đại Bồ-tát?

Đáp: Có năm thứ pháp gọi là nguyện kiên cố của Bồ-tát. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Thừa Thanh vẫn không thể lay chuyển. (2) Thừa Phật-bích-chi không thể lay chuyển. (3) Các Luận của ngoại

đạo không thể lay chuyển. (4) Tất cả các ma không thể lay chuyển được Bồ-tát. (5) Không do các thứ Luận không nhân, không duyên và tự nhiên có thể lay chuyển được. Thế nên nói Bồ-tát đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Lại nữa, có năm pháp đối với các thế gian tâm Bồ-tát không mệt mỏi. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Nếu thấy suy tôn hay lợi ích, tâm không lo hay vui. (2) Mọi việc làm đã hoàn tất, nhận biết đúng như thật về đạo. (3) Nhận biết đúng như thật về đạo quả. (4) Tự thân đạt được tịch tĩnh. (5) Có tâm trừ bỏ khổ não cho các chúng sinh. Thế nên nói Bồ-tát đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Lại, không mệt mỏi là do đạt được tâm đại từ, đại bi. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát đã thành tựu được tâm đại bi, thấy các chúng sinh đang đắm chìm trong vũng bùn đầy dẫy các khổ cực như sinh, già v.v... luôn bị vô minh làm cho mù tối, bị tham ái trói buộc không có nơi chốn để quay về, Bồ-tát vì có được diệu lực của tâm từ bi, lấy trí tuệ làm đầu, siêng hành tinh tấn, diệt trừ các thứ khổ của chúng sinh, vì các chúng sinh nên ở trong thế gian thọ nhận những nghiệp khổ não. Thế nên Bồ-tát đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Lại có năm pháp để nhận biết Bồ-tát có tâm đại từ bi. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Vì ban cho chúng sinh an lạc ổn định, nên không tiếc của cải, vật dụng. (2) Không tiếc tự thân. (3) Không che chở, luyến tiếc thọ mạng. (4) Tu tập tất cả các hành không cần nhiều thời gian. (5) Thương yêu bình đẳng đối với thân, oán. Vì vậy Bồ-tát đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Lại, không mệt mỏi là do có thể nhẫn chịu tất cả khổ não. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát biết dựa vào lực của duyên nên tâm luôn vững mạnh, trải qua vô số kiếp, có thể thọ nhận khổ não. Do có thể nhẫn chịu tất cả khổ não, nên tâm Bồ-tát đối với các thế gian không mệt mỏi.

Có năm thứ pháp đối với các thế gian có thể thọ nhận khổ não. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Tin các pháp vô ngã. (2) Tin các pháp không. (3) Quán xét pháp thế gian. (4) Quán các nghiệp báo. (5) Quán xét các nghiệp đã hết. Bồ-tát vì các chúng sinh nên ở trong vô lượng kiếp thọ nhận khổ não.

Lại, không mệt mỏi là do tâm sâu xa luôn cầu Bồ-đề Phật. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát luôn đem tâm sâu xa ưa thích Niết-bàn, cầu Bồ-đề Phật. Do tâm kiên cố luôn tăng trưởng, nên Bồ-tát đã vì tất cả chúng sinh gieo trồng hạt giống căn thiện, là nhân duyên của Bồ-đề, hành trì các hành của thế gian. Thế nên Bồ-tát đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Lại có năm pháp khiến Bồ-tát luôn cầu Bồ-đề vô thượng. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Không đồng với thừa khác, trí hơn hẳn các thừa khác. (2) Là bậc tối thượng, đứng đầu trong thế gian. (3) Tự độ mình. (4) Hóa độ người khác. (5) Đầy đủ tất cả tạng công đức.

Lại, không mệt mỏi là do lo giáo hóa các chúng sinh. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do Bồ-tát ở trong đêm dài sinh tử luôn vì các chúng sinh có thể hóa độ trong các thế gian, tùy thuận để giáo hóa, vì nhằm đoạn trừ khổ não của chúng sinh nơi thế gian, tuy bị vô số mũi tên khổ bắn tới, nhưng đối với các thế gian tâm Bồ-tát không mệt mỏi.

Lại, giáo hóa chúng sinh là quan sát tâm của chúng sinh, tùy thuận nơi các chúng sinh, đối với pháp của năm thừa, người nào nên thọ nhận sự hóa độ, Bồ-tát truyền trao cho họ. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Thừa Ứng Chánh Biến Tri. (2) Thừa Phật-bích-chi. (3) Thừa Thanh văn. (4) Thừa trời (5) Thừa người.

Lại, không mệt mỏi là do dũng mãnh, không sợ hãi. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát dựa vào năng lực của đại trí tuệ, dựa nơi sức dũng mãnh, không sợ hãi, nên Bồ-tát tuy bị các mũi tên khổ

của thế gian bản phá, nhưng đối với các thế gian tâm Bồ-tát không mệt mỏi.

Có năm pháp nhận biết Bồ-tát dũng mãnh không sợ hãi. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Đối với các thứ suy tổn hư hoại, tâm không lo lắng. (2) Thành tựu hết thảy các pháp lợi ích, tâm không vui mừng. (3) Thọ nhận các khổ não, tâm không buồn bã. (4) Được các an lạc thù thắng, tâm không hân hoan. (5) Hai tướng mừng, giận không thể lường biết được. Đó gọi là Bồ-tát dũng mãnh, không sợ hãi, nên biết.

Lại, không mệt mỏi là do Bồ-tát không chấp nơi thân mạng. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Người thế gian do tham chấp nơi thân mạng, nên luôn bị mũi tên khổ của sinh tử bắn trúng, bèn nhầm chán thế gian sinh tâm mệt mỏi. Bồ-tát vui thích hành tác sự việc đem lại lợi ích cho chúng sinh, nhận biết đúng như thật về thân mạng, nên lia bỏ không vướng chấp, vì nhằm tạo lợi ích cho chúng sinh. Thế nên Bồ-tát đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Bồ-tát có thể nhận biết năm thứ pháp nên không vướng mắc nơi tự thân. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Nhận biết thân không từ đòi quá khứ đến. (2) Nhận biết thân không hướng về đòi vị lai đến. (3) Nhận biết thân không phải là pháp vững chắc. (4) Nhận biết thân không thật có thần ngã. (5) Nhận biết thân không thật có ngã sở. Do vậy, Bồ-tát không chấp trước nơi tự thân.

Bồ-tát có khả năng nhận biết năm thứ pháp nên không tham đắm vào thọ mạng. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Sống dựa vào trí tuệ, không dựa nơi tà mạng. (2) Sợ hãi tất cả các pháp bất thiện. (3) Quán từ đời vô thi đến nay chưa từng không chết. (4) Bình đẳng cùng có với tất cả chúng sinh. (5) Không thể giữ gìn mãi.

Lại, không mệt mỏi là do không tham chấp nơi sự an vui của mình. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Chúng sinh do tham chấp nơi sự an

vui của mình, nên thọ nhận vô số khổ, sinh tâm mệt mỏi, Bồ-tát thì xả bỏ mọi an lạc của tự thân, nhằm diệt trừ các thứ khổ của chúng sinh. Thế nên Bồ-tát đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Bồ-tát nhận biết đúng như thật về năm thứ pháp nên không cầu an lạc cho riêng mình. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Nhận biết niềm vui như bọt nước. (2) Nhận biết niềm vui khi suy hoại thì khổ. (3) Được phương tiện của thế gian. Do các Bồ-tát dựa vào tri thức thiện, lắng nghe chánh pháp, buộc giữ niêm, tư duy dùng làm căn bản để đạt được phương tiện xuất thế cho mình và chúng sinh. (4) Không dựa vào trí của người khác. (5) Dựa vào lực của tự trí.

Lại, không mệt mỏi là do Bồ-tát hiện thấy tất cả các pháp bạch. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát dựa vào lực trọng pho nên được quả báo, vì các pháp bạch đều dựa vào lực trọng pho. Các sự việc đã diễn ra trong vô lượng kiếp. Bồ-tát đều hiện thấy như mộng. Nơi đời vị lai, Bồ-tát không dựa vào lực của người khác, chỉ dựa vào lực trọng pho của chính mình để tu tập các pháp bạch, suy nghĩ như thế này: “Nhất thiết chúng trí không phải người khác có thể ban cho, chỉ dựa nơi tự lực mới có được”. Bồ-tát nhận biết như thế, nên không nương vào người khác, tự phát tinh tấn, tu tập các hành, mau chóng chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Như Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: “Chỉ có Tinh tấn Ba-la-mật mới có thể chứng đắc Bồ-đề”. Thế nên Bồ-tát đối với các thế gian tâm không mệt mỏi.

Lại, không mệt mỏi là do chúng đắc trí tự nhiên. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát đã vượt quá nhân của sự mệt mỏi, nên đã thành tựu tâm không mệt mỏi. Bồ-tát đã khéo nhận biết tất cả các pháp nhân duyên, dựa nơi pháp sinh pháp, thứ lớp tăng trưởng, như các bậc thang. Bồ-tát dựa vào cội rễ của Bát-nhã để thành tựu tinh tấn. Thế nên, Bồ-tát đã mau chóng chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Các câu như: Lại không thoái, không chuyên v.v..., trong tất cả các kinh khác đã nói rộng, nên biết.

Lại còn có nghĩa: Nói không thoái là do đã thành tựu được pháp của tâm sâu xa. Lại, không thoái là do đã thành tựu được tâm hành, tâm xả. Nói không chuyên là do thành tựu được pháp của tâm sâu xa.

Hàng phục được tất cả các ma oán đối là do Bồ-tát đã thành tựu được tâm khéo nhận biết phương tiện hồi hướng. Nhận biết như thật về tướng tự thể của tất cả các pháp là do đã thành tựu sự khéo nhận biết phương tiện, nên đối với các thế gian tâm Bồ-tát không mệt mỏi.

* Do đã thành tựu được tâm đại từ, tâm đại bi, ***do tâm không mệt mỏi, nên không dựa vào trí của người khác, tức Bồ-tát đã mau chóng thành tựu được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng***, vì đã thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật. Thế nên Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Di-lặc: “Đại Bồ-tát đã hoàn toàn thành tựu tám pháp nên không thoái chuyển nơi quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng như thế v.v...”.

* Vì sao Đức Như Lai chỉ nói ***tám pháp*** không nhiều không ít?

Đáp: Đây không phải là câu hỏi chính đáng. Vì sao? Vì nếu Đức Như Lai có nói hoặc nhiều hoặc ít, thì cũng không cần thiết để đặt thành câu hỏi. Tuy nhiên, không phải là không có nhân duyên khiến Đức Phật - Thế Tôn giảng nói tám pháp này. Do tám pháp ấy đã thành tựu đầy đủ nhân của Bồ-đề. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Từ sự thành tựu tâm sâu xa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, là thành tựu hoàn toàn tám pháp này, Bồ-tát mới gồm đủ công đức, trí tuệ, nhanh chóng thành tựu Nhất thiết chủng trí. Do tám pháp này đầy đủ, thì thành tựu nhân của Bồ-đề Phật. Thế nên Đức Như Lai chỉ nói ***tám pháp*** không nhiều không ít.

Lại nữa, sở dĩ Đức Như Lai chỉ nói tám pháp: Là do tám pháp này đã gồm thấu đạo Bồ-tát. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Lược nói, Bồ-tát có hai thứ đạo:

(1) Đạo phương tiện có sai biệt.

(2) Đạo trí tuệ.

Các câu như: Thành tựu tâm sâu xa v.v... cho đến: Thành tựu sự khéo nhận biết phương tiện: Là chỉ rõ Đạo phương tiện có sai biệt. Thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật: Là chỉ rõ Đạo trí tuệ.

Vì thế trong Kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn Bồ Đề, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Nay các Thiên tử! Lược nói về đạo Bồ-tát Ma-ha-tát có hai, đây là lược nói về đạo mau chóng chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Những gì là hai đạo? Đó là: (1) Đạo phương tiện. (2) Đạo trí tuệ. Đạo phương tiện: Là nhận biết, thâm giữ pháp thiện. Đạo trí tuệ: Là trí nhận biết đúng như thật về các pháp.

Lại, phương tiện là quán các chúng sinh. Trí tuệ là trí xa lìa các pháp. Lại, phương tiện là nhận biết các pháp tương ưng. Trí tuệ là trí nhận biết các pháp không tương ưng. Lại, phương tiện là quán con đường của nhân. Trí tuệ là trí diệt trừ con đường của nhân. Lại, phương tiện là nhận biết các pháp có khác nhau. Trí tuệ là trí nhận biết các pháp không khác nhau.

Lại, phương tiện là trang nghiêm cõi Phật. Trí tuệ là trí trang nghiêm cõi Phật bình đẳng, không sai biệt. Lại, phương tiện là đi vào nẻo hành nơi các căn của chúng sinh. Trí tuệ là trí không thấy có chúng sinh. Lại, phương tiện là được đến đạo tràng. Trí tuệ là trí có khả năng chứng đắc tất cả pháp Bồ-đề Phật.

Do nghĩa này, nên Đức Như Lai chỉ nói *tám pháp* không nhiều không ít.

Lại nữa, sở dĩ Đức Như Lai chỉ nói tám pháp: Là để gồm thâu trợ đạo và đoạn đạo. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Tức trong kinh kia nói: Lại nữa, nay các Thiên tử! Các Đại Bồ-tát lại có hai thứ đạo tóm lược. Các Đại Bồ-tát do hai đạo này mà nhanh chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Những gì là hai? Đó là: (1)

Đạo hỗ trợ. (2) Đạo đoạn. Đạo hỗ trợ là năm pháp Ba-la-mật. Đạo đoạn là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại, từ tâm sâu xa cho đến phương tiện, là dùng đạo hỗ trợ, gồm sáu Ba-la-mật. Thành tựu tâm xả là gồm sáu Bồ thí Ba-la-mật. Thành tựu tâm hành là gồm sáu Trì giới Ba-la-mật. Thành tựu tâm sâu xa là gồm sáu Nhẫn nhục Ba-la-mật. Thành tựu tâm khéo nhận biết phương tiện hồi hướng là thành tựu sự khéo nhận biết phương tiện, gồm sáu Tinh tấn Ba-la-mật. Thành tựu tâm đại từ, thành tựu tâm đại bi là gồm sáu Thiên Ba-la-mật. Thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật là gồm sáu đạo đoạn.

Như thế, đạo có trở ngại, đạo không trở ngại, hữu lậu, vô lậu v.v... đều có thể theo loại mà hiểu, nên biết.

Lại, gồm sáu đạo hữu lượng và vô lượng, như trong kinh kia đã nói: Lại có hai thứ đạo tóm lược: (1) Đạo hữu lượng. (2) Đạo vô lượng. Đạo hữu lượng là phân biệt giữ lấy tướng. Đạo vô lượng là không phân biệt giữ lấy tướng.

Lại, bảy câu, từ: Tâm sâu xa cho đến phương tiện: Là phân biệt giữ lấy tướng, gồm sáu đạo hữu lượng, nên biết. Như vậy, thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật là không phân biệt giữ lấy tướng, gồm sáu đạo vô lượng, nên biết.

Như thế, bốn nhà, bốn nhiếp, bốn vô lượng, ba mươi bảy phẩm, tất cả công đức của các Đại Bồ-tát, tùy theo nghĩa tương ưng, *tám pháp* đều gồm sáu, nên biết.

* Nên nói về nghĩa của tâm sâu xa. ***Thế nào là nghĩa của tâm sâu xa?***

Đáp: Nghĩa của tâm sâu xa: Là tâm thật sự không trụ, không phải là tâm tương ưng với tướng khác của mạn, sử, tương ưng với năm ấm, dấy khởi nghiệp. Do tu hành làm tăng trưởng nhân quả, nên nhân của tâm sâu xa không cùng lìa bỏ quả của Niết-bàn, không

cùng lia bỏ sự tu tập căn thiện, vì không phải là tâm tương ưng. Hành thuộc về tụ âm, Thể tùy thuận quả Niết-bàn, như nhân nơi văn tuệ sinh khởi các tuệ khác v.v... Đó gọi là tâm sâu xa.

Lại, tâm sâu xa là tâm ít khi trụ, lia tâm tương ưng, là Thể của hành căn thiện, dựa vào hành đầy khởi hành. Cũng như dòng nước chảy, tuần tự sinh các pháp. Đó gọi là tâm sâu xa.

Lại, tâm sâu xa là dựa vào chủng tử sinh. Cũng như tất cả pháp trắng như sữa v.v... là tùy thuận nơi nhân duyên tu hành pháp thiện. Đó gọi là tâm sâu xa.

Lại, tâm sâu xa ví như vật bị cuốn lại đã lâu, dù có mở kéo ra, tạm thời rồi cũng trở lại như cũ. Tâm sâu xa cũng thế, tùy thuận nhân gốc tạo ra các pháp, rồi lại tiếp tục như cũ, không thể nói là một, không thể nói là khác. Đó gọi là tâm sâu xa.

Lại, tâm sâu xa là tu học pháp trắng, gọi là tâm sâu xa. Lại, tâm sâu xa là tâm tu hành tất cả pháp của căn thiện, thành tựu không mất, không tăng, không giảm pháp Đại Niết-bàn, gọi là tâm sâu xa.

Hỏi: Như trong Kinh Tỳ Ma La Cát Lợi Trí Sở Thuyết có nói: Đại Bồ-tát tu tập vô lượng hành có vô lượng tâm. Tâm sâu xa ấy là khởi hành gì?

Đáp: Tâm sâu xa này đều có thể phát khởi cầu Bồ-đề Phật với hết thảy các hành, đó gọi là tâm sâu xa. Vì sao? Vì do tâm sâu xa này phát sinh tất cả nhân của Bồ-đề, đều có thể tăng trưởng sức mạnh của các công đức. Ví như giới. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Như người giữ giới được căn thiện nơi giới, với vô lượng sai biệt của tất cả pháp thiện đều gọi là giới. Ba nghiệp thân, miệng, ý đều thành tựu, gọi là giới. Vì sao? Vì nghiệp thân, miệng, ý là cội rễ của các pháp thiện. Tâm sâu xa cũng thế, cùng với tất cả hành thiện dùng làm căn bản cho nhân của Bồ-đề Phật. Thế nên, trong Kinh Già Da Sơn Đánh, Thiên tử Nguyệt Tịnh Quang Đức hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Tâm

sâu xa thanh tịnh của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời: Này Thiên tử! Tâm sâu xa thanh tịnh của các Đại Bồ-tát lấy tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng làm gốc. Vì nghĩa đó, nên trong kinh này đã nói đến tâm sâu xa.

Lấy tâm Bồ-đề làm gốc, như trong Kinh Kim Cang Mật Tích đã nói.

Do công đức của tâm sâu xa, các Đại Bồ-tát không hề lừa dối thế gian, vì thế nên nói là nhân của Bồ-đề, nên biết.

Hỏi: Do nghĩa gì để có thể nói các Đại Bồ-tát đã thành tựu tâm sâu xa?

Đáp: Do tất cả pháp được đối trị không thể làm lay chuyển. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Nghĩa là do vô số thứ khổ não không thể lay chuyển được. Tất cả Bồ-tát cầu tâm Bồ-đề, lúc ấy, Bồ-tát được gọi là thành tựu tâm sâu xa, nên biết.

Lại, các Bồ-tát đối với thân khác tâm ưa thích có sức hàng phục tâm ưa thích của tự thân. Câu này nêu rõ về nghĩa gì? Do Bồ-tát đó tự cầu tâm ưa thích, vì ban cho người khác niềm vui, nên tâm sâu xa hàng phục, lúc đó Bồ-tát gọi là thành tựu tâm sâu xa, nên biết.

Lại, thành tựu tâm sâu xa là do đạt đến cứu cánh. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Vì dựa nơi tâm sâu xa, các pháp thấp, vừa, và cao, theo thứ lớp tăng trưởng, cho đến hoàn toàn vững chắc, đó gọi là thành tựu tâm sâu xa, nên biết.

Lại, thành tựu tâm sâu xa là do khởi tâm khó xả mà có thể xả. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Nếu các Bồ-tát tu hành bố thí khó thực hành như bố thí Ba-la-mật v.v..., lúc này tâm sâu xa phát khởi các tâm như tâm tu hành v.v... khi ấy Bồ-tát được gọi là thành tựu tâm sâu xa, nên biết. Như trong Kinh Thánh Giả Vô Tận Ý nói: Dùng đầu để bố thí v.v... là việc làm rất khó xả mà có thể xả, gọi là thành tựu tâm sâu xa, nên biết.

Lại, thành tựu tâm sâu xa là do có khả năng hàng phục các tâm như keo kiệt, ganh ghét v.v... Câu này nêu bày về nghĩa gì? Do các Bồ-tát đã hoàn toàn thành tựu tâm sâu xa, nên có khả năng hàng phục các pháp mâu thuẫn với đạo Bồ-đề, như tánh keo kiệt, ganh ghét v.v..., lúc đó, Bồ-tát gọi là thành tựu tâm sâu xa, nên biết. Như trong Kinh Thánh Giả Vô Tận Ý nói: Nay Đại đức Xá-lợi-phất! Các Bồ-tát có tâm sâu xa, là do họ hàng phục được tâm đồ kỵ, giáo hóa được các chúng sinh keo kiệt, ganh ghét v.v... Như vậy v.v... gọi là thành tựu tâm sâu xa, nên biết.

Lại, thành tựu tâm sâu xa là do nhân quả không cùng tận. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do nhân quả nơi tâm sâu xa của các Bồ-tát là vô tận, lúc đó được gọi là Bồ-tát mềm dịu, nên biết.

Nhân không cùng tận: Là tu hành rộng lớn vô lượng vô biên.
Quả không cùng tận: Là tất cả pháp Phật đều vô lượng vô biên, do nhân của Tam bảo không đoạn dứt.

Lại, trong Kinh Vô Tận Ý có đoạn nói: Tâm sâu xa của Bồ-tát tu hành bố thí v.v... Do có thể xả thí tất cả vật cần dùng, đó gọi là Bồ-tát tu hành thành tựu. Lại nói: Nay Đại đức Xá-lợi-phất! Mười lục, bốn pháp không sợ hãi, mười tám pháp bất cộng của chư Phật Như Lai, lược nói cho đến tất cả các pháp Phật đều không thể cùng tận. Thế nên tâm sâu xa cũng không thể cùng tận. Do quả tu hành không thể cùng tận, nên nói Bồ-tát thành tựu tâm sâu xa.

Lại, thành tựu tâm sâu xa là dựa vào kinh này để nói, nên biết. Trong kinh này nói: Nay Bồ-tát Di-lặc! Nếu Đại Bồ-tát nghe tán thán Phật hay hủy báng Phật, tâm hoàn toàn vững chắc, không lay động đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Như vậy, nếu nghe tán thán Pháp, Tăng, hay hủy báng Pháp, Tăng cũng lại như thế. Bồ-tát nhận biết đúng như thật về mười hai nhân duyên như thế, tức là nhận biết Pháp thân của chư Phật Như Lai, thành tựu tâm kiên cố đối với Tam bảo, do tâm sâu xa chứng được trí vô lậu rốt ráo, nên tất

cả ngoại đạo, các ma oán địch đều không thể làm cho thoái chuyển, thế nên Bồ-tát thành tựu tâm sâu xa.

* Do nghĩa gì trước nói tâm sâu xa, sau đó mới nói tới tu hành (*Thành tựu tâm hành*)?

Đáp: Do sự tu hành kia là nhân của sự chứng đắc trí. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Do tâm tu hành có thể làm nhân chứng đắc của tâm sâu xa. Do khởi tâm đại từ, đại bi, nên tâm này tức hộ trì quả vị Phật, nên biết. Nhưng tâm sâu xa kia không thể thấy được. Do dựa nơi tâm sâu xa, nên các thức như nhãn, nhĩ v.v... ở trong cảnh giới không thể phát sinh tâm gây tổn hại v.v... Vì đem lại lợi ích cho người khác, nên lia bỏ hành giết hại v.v... là chỉ rõ về tâm kia. Vì ý nghĩa này nên trước nói tâm sâu xa, sau đó mới nói về tu hành, nên biết.

Lại nữa, chỉ rõ về nghĩa thứ lớp. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Vì tất cả các pháp đều phải nên sinh khởi theo thứ lớp như thế, nghĩa là trước nói tâm sâu xa, sau nói đến việc tu hành.

Hỏi: Thế nào là nghĩa tu hành?

Đáp: Vì tạo lợi ích cho người khác, nên khởi các nghiệp thân, miệng, ý với tâm sâu xa không gây tổn hại cho họ, gồm thân hành tự lợi cùng hành lợi tha. Đó gọi là tu hành.

Hỏi: Thế nào là Bồ-tát thành tựu tu hành?

Đáp: Do Bồ-tát hành không chung với ngoại đạo, Thanh văn và Phật-bích-chi. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Vì mong cầu an lạc của thế gian nên các ngoại đạo tu tập nghiệp đạo thiện, chỉ tham vương nơi quả báo là an lạc của thế gian, nên các hành tu tập đều thành tựu quả của thế gian. Do chỉ thành tựu quả thế gian, nên không thể thành tựu tu hành.

Lại, do hàng Thanh văn và Phật-bích-chi v.v... đều cầu an vui của Niết-bàn mà tu tập nghiệp đạo thiện, nhưng lia bỏ tâm đại bi

nên chỉ thành tựu quả Niết-bàn của Tiểu thừa. Đối với quả vị Bồ-tát, người Thanh văn kia không được gọi là thành tựu tu hành. Bồ-tát đã vượt quá tất cả thế gian, nhận thấy vô số lỗi lầm của các thế gian, cho đến không tham vương quả báo an lạc của Chuyển luân Thánh vương, tuy có khả năng chứng đắc Niết-bàn của Tiểu thừa, nhưng vì dựa nơi tâm đại từ bi dũng mãnh, nên Bồ-tát xả bỏ Niết-bàn an lạc, cầu Bồ-đề Phật, tu hành mười nghiệp thiện, là để cứu độ hết thảy chúng sinh, thâm giữ những đại nguyện thù thắng. Tâm Bồ-tát chỉ lấy Nhất thiết chủng trí làm cứu cánh, thế nên Bồ-tát không đồng với tất cả ngoại đạo, Thanh văn và Phật-bích-chi v.v... khi tu hành mười nghiệp đạo thiện. Do đó gọi là thành tựu tu hành.

Lại, thành tựu tu hành là do thọ trì mười nghiệp đạo thiện tăng thượng. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do sự tu hành mười nghiệp đạo thiện của Bồ-tát là vượt quá hàng Thanh văn, Phật-bích-chi v.v..., thế nên gọi là thành tựu tu hành.

Các Đại Bồ-tát có năm thứ pháp vượt hơn mười nghiệp đạo thiện của hàng Thanh văn. *Những gì là năm pháp?* Đó là:

- (1) Chuyên tâm tu hành.
- (2) Thường tu hành.
- (3) Vì an ổn cho tự thân.
- (4) Vì an ổn cho thân người khác.
- (5) Khéo thanh tịnh.

Chuyên tâm tu hành: Là tâm hoàn toàn không lìa một vị.

Thường tu hành: Là không đoạn, không dứt, không dừng nghỉ.

Vì an ổn cho tự thân: Là tự thân nhận lấy sự an ổn của hàng trời, người và Đại Bồ-đề.

Vì an ổn cho thân người khác: Là ban cho tất cả chúng sinh sự an ổn và hoàn toàn hồi hướng về Đại Bồ-đề để cứu độ vô số chúng sinh.

Khéo thanh tịnh: Là không phá bỏ, không xét nét, không câu nệ, không bị lệ thuộc, khéo đạt cứu cánh, không ăn, được bậc trí khen ngợi.

Phá bỏ là một phần ít tu trị, một phần ít không tu trị, nên gọi là phá bỏ. Cho nên Bồ-tát đầy đủ sự tu trị, nên gọi là *không phá bỏ*.

Xét nét là tự mình không tu hành, lại khuyên dạy người khác tu hành, nên gọi là xét nét. Bồ-tát luôn tự mình tu hành rồi khuyên bảo người khác tu hành, nên gọi là *không xét nét*.

Nhiễm là tự mình không tu hành, không chỉ dạy người khác tu hành, thấy người khác tu hành tâm không tùy hỷ, nên gọi là nhiễm. Bồ-tát tu hành đầy đủ, gọi là *không câu nệ*.

Lệ thuộc là chủ yếu dựa vào trí của người khác mới có thể tu hành, nên gọi là lệ thuộc. Bồ-tát không dựa vào trí của người khác để có thể tu hành, nên gọi là *không bị lệ thuộc*.

Khéo đạt cứu cánh là chuyên niệm rốt ráo về tâm dục, chuyên niệm rốt ráo về tâm ái, chuyên niệm rốt ráo về tâm cung kính, chuyên niệm rốt ráo về tâm tin, chuyên niệm rốt ráo về tâm lo sợ, chuyên niệm rốt ráo về tâm vô thường. Do nghĩa này nên gọi là *khéo đạt cứu cánh*.

Ăn là hồi hướng về hữu thủ, có của cải để sinh sống, nên gọi là ăn. Bồ-tát không thủ nơi hữu, nên gọi là *không ăn*.

Bậc trí không khen ngợi là trong thừa Thanh văn, Phật-bích-chi hồi hướng về thế gian, trong Đại thừa hồi hướng về thừa Thanh văn và Phật-bích-chi, nên gọi là bậc trí không khen ngợi. Bồ-tát trong thừa Thanh văn và Phật-bích-chi không hồi hướng về thế gian, trong Đại thừa không hồi hướng về thừa Thanh văn và Phật-bích-chi, như vậy gọi là *được bậc trí khen ngợi*.

Lại, thành tựu tu hành là ra khỏi, vượt quá tất cả các thế gian. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát tu hành mười nghiệp đạo thiện, vượt hơn các thế gian, thế nên gọi là thành tựu tu hành, nên biết.

Bồ-tát có năm thứ pháp nên tu hành mười nghiệp đạo thiện, có thể vượt quá tất cả thế gian. *Những gì là năm pháp?* Đó là:

- (1) Nguyện.
- (2) An ổn.
- (3) Tâm sâu xa.
- (4) Khéo thanh tịnh.
- (5) Phương tiện.

Nguyện: Là mọi phát nguyện của Đại Bồ-tát, tất cả hàng phàm phu, Thanh văn và Phật-bích-chi đều không thể phát nguyện như thế. Do đó, Bồ-tát dựa vào nguyện, tu hành mười nghiệp đạo thiện, tức có khả năng vượt quá tất cả thế gian, như trong kinh của Đại thừa, Kinh Vô Cấu Đúc Nữ Sở Thuyết nói: Nay Tôn giả Mục-kiền-liên! Các Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa nơi đạo tràng, thường vì tất cả hàng trời, người của thế gian làm phước điền, vượt hơn các hàng Thanh văn và Phật-bích-chi.

An ổn: Là do các Bồ-tát tuy bị các thứ khổ não sâu nặng của thế gian bức bách, nhưng Bồ-tát không hề xoay chuyển, luôn giữ lấy tâm cầu đạt Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, vì đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng nên Bồ-tát chuyên tâm tu hành mười nghiệp đạo thiện. Thế nên Bồ-tát đã dựa nơi tâm an ổn, tu hành mười nghiệp đạo thiện, tức có khả năng vượt quá tất cả thế gian.

Tâm sâu xa: Là do tu hành tối thắng, do các Bồ-tát có tâm yêu mến vô cùng sâu xa, nên Bồ-tát tu hành mười nghiệp đạo thiện. Bồ-tát đã dựa nơi tâm sâu xa, tu hành mười nghiệp đạo thiện như vậy, nên có khả năng vượt quá tất cả thế gian.

Khéo thanh tịnh: Là từ Địa thứ ba trở lên gọi là Bồ-tát thanh tịnh. Vì sao? Là do các Đại Bồ-tát có ba thứ thanh tịnh để tu hành mười nghiệp đạo thiện. Bồ-tát đã dựa vào thanh tịnh, tu hành mười nghiệp đạo thiện nên có khả năng vượt quá tất cả thế gian.

Phương tiện: Nghĩa là Bồ-tát ở trong các pháp nào, dùng phương tiện gì để tu hành mười nghiệp đạo thiện? Bồ-tát có đủ phương tiện, còn các chúng sinh nơi thế gian đều không có phương tiện như thế. Bồ-tát đã dựa vào lực của phương tiện, tu hành mười nghiệp đạo thiện, nên có khả năng vượt quá tất cả thế gian.

Lại, thành tựu tu hành là do thời gian v.v... vô lượng. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát ở trong vô lượng đời, tu hành vô lượng hành của mười nghiệp đạo thiện, thế nên Bồ-tát thành tựu tu hành.

Lại, các Bồ-tát lại có năm thứ pháp nên tu hành vô lượng mười nghiệp đạo thiện. *Những gì là năm pháp?* Đó là:

- (1) Vô lượng đời.
- (2) Vô lượng pháp thiện.
- (3) Vô lượng quán.
- (4) Vô lượng tận.
- (5) Vô lượng hồi hướng.

Vô lượng đời: Là do các Bồ-tát đã trải qua vô lượng đời tu hành mười nghiệp đạo thiện. Thế nên Bồ-tát trong vô lượng thời gian đã tu hành mười nghiệp đạo thiện.

Vô lượng pháp thiện: Là do các Bồ-tát tu hành vô lượng pháp thiện, vì pháp thiện kia là vô lượng, nên Bồ-tát đã khởi vô lượng nghiệp đạo thiện để tu hành. Như trong Tu-đa-la của Đại thừa, Kinh Thanh Tịnh Tỳ Ni, Đức Như Lai có nói: Này Ca-diếp! Như sinh tô có đầy trong bốn biển lớn, tất cả chúng sinh được thọ dụng. Đại Bồ-tát tu tập tất cả căn thiện hữu vi cũng lại như thế. Do các Bồ-tát hồi hướng đều nhận lấy trí vô lậu kia, nên có thể ban cho chúng sinh thọ dụng.

Vô lượng quán: Là do vô lượng chúng sinh mà quán. Do các Bồ-tát không phải vì chúng sinh hữu lượng mà tu hành mười nghiệp

đạo thiện, không sinh khởi ý niệm này: Ta vì từng ấy chúng sinh mà tu tập căn thiện, hay không vì từng ấy chúng sinh mà tu tập căn thiện. Vì các Bồ-tát đều quán tất cả chúng sinh để tu tập căn thiện, nên Bồ-tát được vô lượng nghiệp thiện.

Vô lượng tận: Là như trong Tu-đa-la Như Lai Thanh Tịnh Tỳ Ni có nói: Đây các Thiên tử! Ví như trưởng giả có vô lượng của cải, là người đại xả, là người hành tâm đại từ, là người hành tâm đại bi, là thương chủ lớn, vì thương xót tất cả chúng sinh làm người tu hành tâm không thoái chuyển, khởi tâm niệm: Ta có thể ban cho tất cả chúng sinh vô lượng vô biên niềm vui an ổn. Đây các Thiên tử! Đại Bồ-tát cũng lại như thế. Do trụ nơi tâm sâu xa, vì các chúng sinh nên trụ trong tâm an ổn phát khởi tâm đại tinh tấn, suy nghĩ như vậy: Ta sẽ giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh đang bị khổ não, khiến đều được ở yên trong Niết-bàn an lạc. Thế nên Bồ-tát tu hành vô tận.

Vô lượng hồi hướng: Là như trong Địa thứ nhất v.v..., khởi vô lượng nguyện hạnh gồm mười câu cùng tận. Bồ-tát đã dùng mười câu cùng tận vô lượng đó để tu hành mười nghiệp đạo thiện, cũng lại vô lượng. Vì do dựa vào hồi hướng vô lượng trước đây, nên Đại Bồ-tát tu hành tất cả nghiệp đạo thiện, quả cũng lại vô lượng. Đó gọi là vô lượng hồi hướng.

Lại, thành tựu tu hành là do chân thật. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Đại Bồ-tát đã tu hành chân thật, hy hữu đối với mười nghiệp đạo thiện, thế nên Bồ-tát thành tựu tu hành.

Bồ-tát có năm thứ pháp thành tựu hy hữu. *Những gì là năm pháp?* Đó là:

- (1) Khởi tâm đại dũng mãnh.
- (2) Tinh tấn.
- (3) Kiên cố.

(4) Tuệ.

(5) Quả.

Khởi tâm đại dũng mãnh: Là phát tâm có thể nhận lấy đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Giả sử có người hoặc dùng hai ngón tay, hoặc một lòng tay, nâng cao Tam thiên đại thiên thế giới, với vô lượng kiếp đứng yên thì sự việc ấy không phải là khó. Phát tâm để chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, sự việc này mới là khó. Thế nên Bồ-tát tu hành nghiệp đạo thiện là sự thành tựu hy hữu.

Tinh tấn: Là Bồ-tát nghĩ như vậy: Chúng sinh có thể phát tâm đại dũng mãnh, vô lượng vô biên người siêng năng tinh tấn vẫn còn quá ít không đủ để nói. Nếu người có thể tinh tấn cầu Bồ-đề, sự việc ấy là hết sức hy hữu. Thế nên Bồ-tát nếu muốn cầu vô lượng công đức hy hữu bậc nhất, thì phải dựa nơi đại tinh tấn, tu tập nghiệp đạo thiện. Vì vậy nói Bồ-tát tu hành nghiệp đạo thiện là sự thành tựu hy hữu.

Kiên cố: Là do các Bồ-tát phát khởi đại tinh tấn, tu hành nghiệp đạo thiện, trụ trong lực kiên cố hy hữu bậc nhất để có thể tiến đến tinh tấn rốt ráo. Thế nên Bồ-tát tu hành nghiệp đạo thiện là sự thành tựu hy hữu.

Tuệ: Là như Bồ-tát nghĩ thế này: Các pháp như dũng mãnh, tinh tấn, kiên cố v.v... đều dựa vào căn bản của Bát-nhã mà có, thế nên Bát-nhã là pháp hy hữu. Vì sao? Vì dựa vào Bát-nhã mới có được sự dũng mãnh, tinh tấn, kiên cố. Thế nên Bồ-tát tự suy nghĩ: “Ta phải dựa vào pháp Bát-nhã hy hữu để tu hành nghiệp đạo thiện”. Vì thế, Bồ-tát thành tựu tâm Bát-nhã.

Quả: Là do dựa vào sự tu hành nghiệp đạo thiện v.v... nên có thể sinh ra quả là chứng được vô lượng vô biên tất cả pháp Phật. Do đó nói Bồ-tát thành tựu pháp hy hữu.

Lại, thành tựu tu hành là do phương tiện thâm giữ. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát đều dựa nơi sức mạnh của phương tiện nên gồm thâm hết thảy. Do vậy, việc tu hành nghiệp đạo thiện của Bồ-tát không đồng với hàng Thanh văn và Phật-bích-chi. Thế nên nói Bồ-tát thành tựu tu hành.

Bồ-tát có năm thứ pháp gồm thâm phương tiện. *Những gì là năm pháp?* Đó là:

- (1) Trí thời xứ.
- (2) Trí hồi chuyển nhập.
- (3) Trí hòa hợp.
- (4) Trí vừa ý.
- (5) Trí thứ lớp.

Trí thời xứ: Nghĩa là do những thời nào nên giảng nói pháp như thế. Do những xứ nào để giảng nói pháp như thế. Tùy theo những thời nào nên giáo hóa chúng sinh như thế. Tùy theo những xứ nào để giáo hóa chúng sinh như thế. Bồ-tát đều nhận biết đúng như thật về tất cả việc đó, do dựa nơi trí thời xứ như thế như thế, giáo hóa chúng sinh như thế như thế. Đó gọi là trí thời xứ

Trí hồi chuyển nhập: Là Bồ-tát đã nhận biết đúng như thật về tất cả chúng sinh, ở trong pháp ngoại đạo nên xoay chuyển như thế, nên nhận biết đúng như thật ở trong pháp Phật nên hội nhập như thế. Nhận biết đúng như thật về sự xoay chuyển như thế. Nhận biết đúng như thật về việc đặt để chúng sinh trong an lạc. Nhận biết đúng như thật về sự đặt để trong pháp Phật như thế, không còn xoay chuyển nữa. Giữ lấy pháp ngoại đạo, nơi đó chẳng phải là quán mười hai nhân duyên, mà quán sự xoay chuyển. Đó gọi là trí hồi chuyển nhập.

Trí hòa hợp: Là tùy thuận nơi các chúng sinh, dùng những pháp môn nào để tương hợp khéo léo. Bồ-tát nhận biết các pháp môn kia,

dựa vào các pháp môn kia để hòa hợp với các chúng sinh kia, như tín, như lực, như phân giáo hóa. Đó gọi là trí hòa hợp.

Trí vừa ý: Là Bồ-tát nhận biết ý định của chúng sinh, nhận biết niềm tin của chúng sinh, nhận biết rõ chúng sinh mong cầu điều gì. Bồ-tát nhận biết chúng sinh như thế, nên nhập vào sự tu hành của các chúng sinh đó, nhập nơi niềm tin, nhập nơi ý định mong cầu, nhập nơi ngôn ngữ. Vì biết tùy thuận như vậy, nên Bồ-tát khởi sự việc có thể giáo hóa. Như thế là khởi không hồi chuyển. Đó gọi là trí vừa ý.

Trí thứ lớp: Là Bồ-tát nhận biết nghiệp của chúng sinh, biết theo thứ lớp, biết một cách lần lượt. Đó là trong thừa Thanh văn, nói đến hành bố thí, trì giới, quả báo là sinh vào hàng trời người. Nói đến lỗi lầm các dục. Nói lỗi lầm cấu nhiễm của đời sống tại gia. Nói lợi ích của đời sống xuất gia v.v...

Lại nói về khổ, tập, diệt, đạo, tiếp theo nói về các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, sau đó nói về nẻo giải thoát không thể hủy hoại, sau nữa là nói về sự vô ngại.

Ở trong thừa Phật-bích-chi nói về tích trữ là lỗi lầm, tán dụng là lợi ích. Nói tại gia thì lỗi lầm, xuất gia là lợi ích. Nói về hý luận là lỗi lầm, tịch tĩnh là lợi ích. Nói nơi xóm làng là lỗi lầm, chốn A-lan-nhã là lợi ích. Nói về phòng hộ các căn môn, biết hạn lượng trong ăn uống. Đầu đêm cuối đêm luôn siêng năng tinh tấn tu hành. Nói đến lỗi lầm của niệm tưởng trong quán, vui thích chốn thanh vắng trống trải. Nói về sự tôn trọng giới cấm, tôn trọng Tam-muội, tôn trọng Bát-nhã, không bị chê trách hay khen ngợi về lợi ích của tự thân, tán thán pháp sâu xa, không phải người khác nhận biết được.

Như thế v.v..., ở trong Đại thừa, thứ lớp giải thích quảng diễn về bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Tiếp đến nói về thật, xả, tuệ diệt. Đó gọi là trí thứ lớp.

Lại, thành tựu tu hành là phát tâm Bồ-đề, mười câu nói về nguyện, mười câu nói về tận, mười câu nói về xa lìa pháp thoái chuyển, tu hành pháp không thoái chuyển, ca ngợi tinh tấn vững chắc, ca ngợi tâm kiên cố, ca ngợi trí an trụ. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu tu hành.

Lại, thành tựu tu hành là khen ngợi pháp của địa an trụ. Khen ngợi toàn bộ pháp của địa tất cánh. Nói về pháp của địa nhiễm thoái. Khen ngợi pháp của địa thanh tịnh. Khen ngợi pháp của địa có thể tiến tới. Khen ngợi pháp có thể đạt được của trung gian trụ địa. Nói pháp thoái chuyển của địa. Khen ngợi pháp của quả vị địa. Khen ngợi pháp quả tập khí của địa. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu tu hành.

Lại, thành tựu tu hành là nói về các Địa. Đó là địa Hoan hỷ, địa Ly cấu, địa Minh, địa Diệm, địa Nan thắng, địa Hiện tiền, địa Viễn hành, địa Bất động, địa Thiện tuệ và địa Pháp vân. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu tu hành.

Lại, thành tựu tu hành là do các Bồ-tát với tâm sâu xa thấu giữ pháp thắng diệu. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Là tâm sâu xa của Bồ-tát thấu giữ pháp diệu vì Tam bảo không đoạn dứt, vì giáo hóa chúng sinh nên hành trì hạnh Bồ-đề, vì Nhất thiết chủng trí nên tu tập nghiệp đạo thiện. Thế nên Bồ-tát thành tựu việc tu hành nghiệp đạo thiện.

Bồ-tát có năm thứ pháp để thấu giữ pháp diệu. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Vì muốn đền đáp công ơn của chư Phật. (2) Vì tự thân nên khiến cho pháp diệu thường trụ. (3) Cúng dường chư Phật. (4) Vì muốn đem lại lợi ích cho vô lượng chúng sinh. (5) Vì pháp diệu khó đạt được.

Lại có năm thứ pháp gọi là thấu giữ pháp diệu. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Tự tu hành như thật. (2) Chỉ dạy kẻ khác tu hành như thật. (3) Hàng phục các thứ ma ác phá hoại. (4) Bỏ A-ba-đề-xá đen. (5) Thấu giữ đại A-ba-đề-xá.

Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là Bồ-tát thành tựu tu hành.

Lại, thành tựu tu hành là do nghiệp đã tạo không thể chê trách. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát trong tất cả việc làm, trụ trì, tu tập nghiệp đạo thiện v.v... đều không thể chê trách. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu tu hành.

Có năm thứ pháp giúp cho các nghiệp thành tựu không thể chê trách. *Những gì là năm pháp?* Đó là: (1) Mọi sự hành tác, tất cả đều có thể thành tựu. (2) Có thể đạt được quả lớn. (3) Không trái với pháp thiện. (4) Tùy thuận pháp thanh tịnh. (5) Đức xứng hợp với danh tiếng. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu tu hành.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN

QUYỀN 4

Lại, thành tựu tu hành là do phát khởi tất cả thứ tu hành thanh tịnh. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát đã đầy khởi tất cả thứ thanh tịnh khi tu hành mười nghiệp đạo thiện. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu tu hành. Như trong Kinh Thập Địa có nói: Bồ-tát này còn suy nghĩ sâu xa: Hành mười nghiệp đạo bất thiện, các nhân duyên đó tích tập lại khiến bị đọa vào các nẻo địa ngục, súc sinh và ngã quỷ. Hành mười nghiệp đạo thiện, các nhân duyên ấy được tích tập, khiến sinh vào cõi người, cho đến sinh nơi cõi trời Hữu Đảnh.

Lại, mười nghiệp đạo thiện trên đây được cùng với trí tuệ quán xét, hòa hợp, nhưng vì tu hành với tâm hẹp kém, tâm nhàm chán, sợ hãi ba cõi, xa lìa đại bi, theo người khác nghe âm thanh mà thông đạt. Do nghe âm thanh, ý nhận hiểu nên thành tựu thừa Thanh văn.

Lại, mười nghiệp đạo thiện thanh tịnh trên đây, do không theo người khác nghe âm thanh mà tự chánh giác, không thể có đầy đủ phương tiện của đại bi, nhưng có khả năng thông đạt được pháp nhân duyên sâu xa, nên thành tựu thừa Phật-bích-chi.

Lại, mười nghiệp đạo thiện thanh tịnh đầy đủ tăng trưởng với tâm rộng lớn vô lượng, vì các chúng sinh khởi tâm thương xót, dùng phương tiện gồm thâu, khéo phát đại nguyện, không bỏ tất cả chúng

sinh, quán trí Phật rộng lớn, địa Bồ-tát thanh tịnh, Ba-la-mật thanh tịnh, nhập hành sâu rộng thành tựu.

Lại, mười nghiệp đạo thiện tăng thượng, tối thượng, là tất cả thứ thanh tịnh như mười lực, tập hợp hết thầy pháp Phật khiến được thành tựu. Vì thế ta nên cùng hành mười nghiệp đạo thiện, tu tập tất cả chủng loại, khiến được thanh tịnh đầy đủ. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu tu hành.

Lại, thành tựu tu hành là do tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên tu tập mười nghiệp đạo thiện. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát không tham chấp nơi niềm vui riêng, tu tập mười nghiệp đạo thiện là nhằm đem lại lợi ích cho chúng sinh, thấy mình có khả năng thực hiện điều ấy. Do tâm từ bi, không phải chỉ trực tiếp hành tự lợi mà có thể tự lợi rồi lợi tha, tức có khả năng khiến nhiều người khác trụ nơi mười nghiệp đạo thiện. Thế nên Bồ-tát thành tựu tu hành. Do nghĩa này nên trong Kinh Thập Địa nói: “Do đó ta nên trước an trụ trong pháp thiện, cũng khiến người khác trụ trong pháp thiện, vì vậy gọi là thành tựu tu hành”.

Lại, như trong Kinh Thập Địa nói: “Bồ-tát này lại ở trong tất cả chúng sinh, khởi tâm an ổn, tâm mềm dịu, tâm từ tâm bi, tâm thương xót, tâm lợi ích, tâm giữ gìn, tâm ngã, tâm bình đẳng, tâm Thầy, tâm Thế Tôn”. Lại, Bồ-tát còn suy nghĩ: “Các chúng sinh này đã rơi vào nẻo tà kiến, ý ác, tâm ác, đã đi vào rừng rậm của nẻo ác. Ta nên khiến các chúng sinh đó đi theo con đường chân thật, trụ trong pháp như thật của đường chánh kiến”. Thế nên gọi là thành tựu tu hành.

Lại, thành tựu tu hành là tu tập nghiệp đạo thiện rất ráo không cùng tận. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát vì không đoạn dứt Tam bảo, nên tu hành không gián đoạn, thường tu hành nghiệp đạo thiện không cùng tận, thế nên gọi là thành tựu tu hành. Như trong Kinh Vô Tận Ý nói: Nay Đại đức Xá-lợi-phất! Các Đại Bồ-tát trì giới Ba-la-mật là không cùng tận, do thường xuyên tu hành. Vì sao? Vì

giới của hàng phàm phu là ở tại chỗ thọ sinh, nên có cùng tận. Trong cõi người mười điều thiện tận, nên có cùng tận. Các trời ở cõi Dục phước báo tận, công đức tận, nên có cùng tận. Các trời ở cõi Sắc, do thiên vô lượng tận, nên có cùng tận. Các trời ở cõi Vô sắc do thọ nhận nhập các định tận, nên có cùng tận. Tiên nhân của ngoại đạo hiện có các giới thoái mất thần thông tận, nên có cùng tận. Tất cả giới học, vô học của hàng Thanh văn vì chứng nhập biên vực cùng tận của Niết-bàn nên có cùng tận. Giới của Phật-bích-chi không có tâm đại bi tận, nên có cùng tận.

Này Đại đức Xá-lợi-phất! Giới thanh tịnh của Bồ-tát đều không có cùng tận. Vì sao? Vì ở trong giới ấy đã xuất sinh hết thảy giới, như gieo trồng không cùng tận thì quả cũng không cùng tận. Vì hạt giống Bồ-đề không thể tận, nên giới cấm của Như Lai cũng không có cùng tận.

Lại, thành tựu tu hành là xa lìa phiền não cấu uế của thân kiến. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do mười nghiệp đạo thiện của Bồ-tát đã xa lìa các cấu uế như ngã kiến v.v..., lúc đó gọi là nghiệp đạo thanh tịnh, thế nên Bồ-tát thành tựu tu hành. Tức như trong kinh kia đã nói: Giới thanh tịnh, đó là không chấp trước vào nẻo hý luận của tướng ngã v.v... Do vậy gọi là thành tựu tu hành.

Lại, thành tựu tu hành là do thành tựu hết thảy các thứ thanh tịnh. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát tu hành tất cả chủng loại, tất cả quyền thuộc thanh tịnh của mười nghiệp đạo thiện. Lúc ấy, Bồ-tát gọi là thành tựu tu hành nghiệp đạo thiện, nên biết. Như trong kinh kia đã nêu rõ: Bồ-tát Vô Tận Ý nói: Chỉ có Tôn giả Xá-lợi-phất là giữ giới Bồ-tát với sáu mươi sáu sự thanh tịnh và việc tu trị cũng không thể cùng tận. *Những gì là sáu mươi sáu sự?* Đó là: (1) Đối với các chúng sinh khác không khởi não hại. (2) Đối với tài sản, vật dụng của người khác, không sinh tâm trộm cắp. (3) Đối với người nữ, vợ của kẻ khác, trọn không ngắm nhìn bất chánh. (4) Đối với các

chúng sinh không hề lừa dối. (5) Trước hết không nói hai lưỡi đối với quyền thuộc của mình, biết dừng đúng lúc.

(6) Không nói lời thô ác, nhẫn nhục đối với kẻ hung dữ. (7) Không nói lời thù dật, thường nói khéo léo. (8) Đối với niềm vui của người khác không tham lam, ganh ghét. (9) Thứ nhất là không giận dữ, nên nhẫn nhục đối với lời nói thô ác. (10) Chánh kiến, không tà vạy theo đạo khác.

(11) Tin sâu đối với Phật, tâm không uế trược. (12) Tin thuận nơi pháp, học theo pháp thiện. (13) Tin kính nơi Tăng, tôn trọng Thánh chúng. (14) Năm vóc gieo sát đất vì tâm chí nhớ nghĩ đến Phật. (15) Năm vóc gieo sát đất vì suy nghĩ về chánh pháp.

(16) Năm vóc gieo sát đất vì tôn kính Tăng. (17) Giữ vững giới cấm, tất cả đều không phạm, cho đến một giới cấm nhỏ cũng không dám buông bỏ. (18) Trì giới không thiếu sót, không dựa vào thừa khác. (19) Giữ giới không để giới bị sót, mất, lia sinh xứ ác. (20) Giữ giới không bỏ dở, không để các kiết xen lẫn.

(21) Giữ giới không cầu nhiễm, chuyên tăng trưởng pháp trắng. (22) Giữ giới sâu xa này, tùy ý hồi hướng được tự tại. (23) Giữ giới được tán thán, bậc trí không chê trách. (24) Giữ giới thuần thiện, nghĩ biết đúng đắn. (25) Giữ giới không bị chê trách, tất cả giới không tán loạn.

(26) Giữ giới khéo vững chắc, ngăn giữ các căn. (27) Giữ giới được tiếng khen, được chư Phật nhớ nghĩ đến. (28) Giữ giới biết đủ, không gì là không đầy đủ. (29) Giữ giới ít dục, đoạn dứt tham tiếc. (30) Giữ giới tánh tịnh, thân tâm tịch diệt.

(31) Giữ giới A-lan-nhã, lia mọi ồn náo. (32) Giữ giới Thánh chúng, không cầu ý khác. (33) Giữ giới oai nghi, tất cả căn thiện đều được tự tại. (34) Giữ giới như ngôn thuyết, mọi người đều hoan hỷ. (35) Giữ giới tâm từ, bảo vệ chúng sinh.

(36) Giữ giới tâm bi, có thể nhẫn chịu các khổ. (37) Giữ giới tâm hỷ, không hề biếng trễ. (38) Giữ giới tâm xả, lìa mọi sân, ái. (39) Giữ giới tự tỉnh giác, tâm khéo phân biệt. (40) Giữ giới không tìm kiếm lỗi lầm, thiếu sót, gìn giữ tâm của người khác.

(41) Giữ giới khéo gồm thâu, khéo hộ trì. (42) Giữ giới tuệ thí, giáo hóa chúng sinh. (43) Giữ giới nhẫn nhục, tâm không giận dữ gây trở ngại. (44) Giữ giới tinh tấn, không thoái chuyển trở lại. (45) Giữ giới thiên định, nuôi lớn các chi thiên.

(46) Giữ giới trí tuệ, đa văn về căn thiện không chán đủ. (47) Giữ giới đa văn, học rộng vững chắc. (48) Giữ giới thân cận tri thức thiện, hỗ trợ thành tựu Bồ-đề. (49) Giữ giới xa lìa tri thức ác, lìa bỏ nẻo ác. (50) Giữ giới không tiếc thân, quán tướng vô thường.

(51) Giữ giới không tiếc thọ mạng, siêng hành căn thiện. (52) Giữ giới không hối, tâm được thanh tịnh. (53) Giữ giới không tà mạng, tâm hành thanh tịnh. (54) Giữ giới không lo buồn, nên thanh tịnh rõ ràng. (55) Giữ giới không thiêu đốt, tu tập nghiệp hành thiện.

(56) Giữ giới không kiêu mạn, tâm khiêm tốn, không kiêu căng. (57) Giữ giới không dâm, xa lìa các dục. (58) Giữ giới không tự cao, tâm bình đẳng ngay thẳng. (59) Giữ giới nhu hòa, tâm không xung đột. (60) Giữ giới điều phục, không gây náo hại.

(61) Giữ giới tịch diệt, tâm không cấu uế. (62) Giữ giới thuận ngữ nói làm luôn thuận hợp. (63) Giữ giới giáo hóa chúng sinh, không lìa nhiếp nháp. (64) Giữ giới bảo vệ chánh pháp, không trái với như thật. (65) Giữ giới thành tựu như tụng, tâm bình đẳng đối với các chúng sinh. (66) Giữ giới thân cận Đức Phật, nhập Tam-muội Phật, đầy đủ tất cả pháp của chư Phật. Thế nên gọi là thành tựu tu hành.

Lại, thành tựu tu hành là do thành tựu quả không chung. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát thành tựu việc tu hành mười

nghiệp đạo thiện thân giữ tâm Bồ-đề. Vì nghĩa này nên khi Bồ-tát chứng được Bồ-đề, là thành quả không chung. Do vậy gọi là thành tựu tu hành, nên biết.

Như trong Kinh Thánh Già Sa Già La Long Vương có đoạn nói: “Này Long vương! Người lia sát sinh được mười thứ pháp thanh tịnh. Do lia sát sinh nên tất cả căn thiện đều hồi hướng về quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Khi người đó chứng đắc Bồ-đề, tâm được tự tại, thọ mạng vô lượng”.

Hỏi: Nên nói về nghĩa của nghiệp đạo. Thế nào là nghĩa của nghiệp đạo?

Đáp: Sẽ nói tiếp. Nói như thế nào? Do tạo tác nên gọi là tướng của nghiệp. Tức nghiệp gọi là đạo, vì có thể dẫn tới địa ngục, nên gọi là nghiệp đạo.

Lại, bảy nghiệp của thân, miệng là tướng của tự thể, gọi là nghiệp đạo. Ba nghiệp còn lại là ý tương ưng với tâm.

Lại, tức các nghiệp đó có thể tạo ra đạo (đường, nẻo), nên gọi là nghiệp đạo. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Chỉ có tâm là nghiệp, bảy nghiệp của tâm kia cùng khởi, gọi là đạo. Ba nghiệp còn lại cùng tương ưng, gọi là nghiệp đạo.

Hỏi: Nếu nghiệp gọi là đạo, thì tất cả nghiệp đều có thể dẫn đến địa ngục v.v... vì sao ba nghiệp còn lại chẳng phải là nghiệp đạo?

Đáp: Như bảy nghiệp kia, ba nghiệp này có thể tạo cội rễ cho bảy nghiệp kia, do tương ưng với nhau. Vì không thể như bảy nghiệp kia, nên không gọi là nghiệp đạo.

Hỏi: Tất cả các hành xấu ác như tham mùi vị ngon, uống rượu, ăn thịt, dùng tay đánh đập, đùa cợt như thế v.v... Tất cả hành thiện như lễ bái, cung kính cúng dường, xa lìa uống rượu v.v... vì sao không gọi là nghiệp đạo?

Đáp: Xa lìa hành uống rượu v.v... chỉ là nghiệp của tâm, có thể khởi bảy nghiệp, không phải là nghiệp của thân và miệng, thế nên không phải là nghiệp đạo. Nếu tạo ra nghiệp tương ứng với tâm, thì cũng là nghiệp đạo.

Hỏi: Nếu nghiệp đó tức có thể tạo ra đạo, gọi là nghiệp đạo, thì tương như thế cũng hiểu là nghiệp đạo. Tất cả pháp đối với tâm đều nên gọi là nghiệp đạo. Nếu như thế vì sao chỉ nói mười thứ nghiệp đạo, không nói là vô lượng nghiệp đạo?

Đáp: Do chú trọng chỗ vượt hơn. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do trong các hành ác cùng hành thiện thì mười nghiệp đạo là quan trọng, còn các hành khác không phải là quan trọng, nên không nói là vô lượng.

Hỏi: Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì nghiệp là bất định. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Hoặc phương tiện có xa gần là quan trọng, còn chính nghiệp thì không quan trọng, do đó không nên chỉ nói mười nghiệp là nghiệp đạo, không nói vô lượng.

Đáp: Không phải vậy. Vì sao? Vì mười nghiệp đa số là quan trọng, còn phương tiện gần, xa đa phần đều là nhẹ. Lại, chúng sinh ở thế gian phần nhiều đều sợ mười nghiệp, không sợ phương tiện gần xa. Lại, mười nghiệp đạo có thể tạo ra sự bức bách sâu nặng, còn những thứ khác thì không thể. Thế nên ông nói nghiệp là bất định, nghĩa này đã giải đáp. Lại, ông vừa nói: Tất cả pháp đối với tâm đều nên gọi là nghiệp đạo. Nghĩa này không đúng? Vì sao? Vì bảy nghiệp hoàn toàn là rất quan trọng. Ba nghiệp của ý thì cũng nhẹ, cũng nặng. Uống rượu v.v... thì không như thế. Do nghĩa này, nên chỉ nói mười nghiệp kia gọi là nghiệp đạo, không nói các nghiệp khác là nghiệp đạo.

Hỏi: **Xa lìa sự giết hại chúng sinh**, nên nói về tướng của sự giết hại chúng sinh?

Đáp: Giết hại chúng sinh có tám thứ. *Những gì là tám?*

- (1) Cố tâm giết hại.
- (2) Bảo người khác giết.
- (3) Định, không định về tướng của chúng sinh.
- (4) Tâm nghi.
- (5) Khởi phương tiện để hủy bỏ mạng sống.
- (6) Tạo tác.
- (7) Tướng không tạo tác.
- (8) Tướng vô tác.

Những tướng này gọi là nghiệp của thân giết hại chúng sinh. Nghiệp của thân, miệng, ý đều là sát sinh.

Về cố tâm giết hại:

Hỏi: Có người nói: Tâm không tạo ra sát sinh mà thành tội sát sinh. Ví như chạm vào lửa. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Như lửa có thể đốt cháy, nếu cố tâm tiếp xúc hay không cố tâm tiếp xúc đều có thể bị đốt cháy. Giết hại chúng sinh cũng như thế. Hoặc cố tâm giết hại hay không cố tâm giết hại, thầy đều mắc tội báo sát sinh?

Đáp: Không phải thế. Vì sao? Nếu không cố tâm giết hại mà mắc tội báo thì A-la-hán không đạt được Niết-bàn. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Do A-la-hán đã đoạn nhân của thế gian. Có tâm không gây tạo mà giết hại chúng sinh, như thế cũng nên sinh trở lại nơi thế gian, nhưng thật ra không phải thế. Do nghĩa này, nên nếu không cố tâm giết hại thì không mắc phải tội báo. Lại, nói như lửa thì nghĩa đó không đúng. Vì sao? Do trong nghiệp ác không có tâm ác ngăn cách. Đây là biện minh về nghĩa gì? Cũng như lửa kia, củi và tro có ngăn cách với tiếp xúc v.v... nhưng không đốt cháy. Như thế, trong nghiệp ác kia không có tâm ác ngăn cách, nên tuy lại giết hại chúng sinh, nhưng không thể mang báo. Thế nên nghĩa của dụ về lửa là không tương ưng.

Hỏi: Thế nào là người chết chịu khổ mà người sát sinh không mắc phải tội báo?

Đáp: Vì do tâm không hoại. Lại, nghĩa này không phải vậy. Vì sao? Vì có khi xa lìa sức bức não chúng sinh lại có tội, xa lìa sự tạo lợi ích cho chúng sinh lại có phước. Như đoạn dứt căn thiện, từ bi vô tránh, định diệt tận v.v... đều vừa mắc tội, vừa được phước.

Hỏi: Vì sao gọi là báo người khác giết?

Đáp: Vì không phải là thân mạng của mình.

Hỏi: Do nghĩa gì tự đoạn mạng mình không mắc tội báo?

Đáp: Do không thể giết mà giết. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Nếu có người khác là người có thể giết. Người có thể giết chết mạng sống thì mắc tội sát sinh. Do kẻ tự sát không có đối tượng để có thể giết hại, tức lại không có kẻ giết hại. Do không có người giết hại, nên tự đoạn thân mình, không mắc báo ác. Lại, ám quá khứ không nối tiếp với ám sát sinh này v.v... Thế nên, kẻ tự sát không mắc tội sát hại.

Hỏi: Kẻ tự sát thân, khởi sự nơi tâm là giết hại, đoạn mạng căn của con người, là đã phá hoại năm ấm, đã lìa bỏ cõi người, là tạo thành nghiệp giết hại. Vì sao không mắc tội báo sát sinh?

Đáp: Nếu thế, thì người A-la-hán nên mắc tội giết hại hay sao? Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do tướng chết của La-hán là tự hại thân, đoạn mạng sống của mình, nên A-la-hán kia cũng phải mắc tội đoạn dứt mạng sống, nhưng họ không có tội. Vì sao? Vì A-la-hán đã xa lìa tâm giận dữ v.v... Thế nên tự sát không mắc tội sát sinh.

Lại, định, không định về tướng của chúng sinh: Là tướng của chúng sinh định, tướng của chúng sinh không định, tức tướng của các chúng sinh ấy gọi là tướng của chúng sinh định, không định. Lại, tướng của chúng sinh định thì có trăm ngàn người khởi tâm, ở đó định giết chết người kia. Đó gọi là định. Hoặc giết người kia để

thành tội giết hại. Hoặc giết một người khác mà không mắc tội giết hại. Không định nghĩa là do lia bỏ tất cả, nên tùy sự giết hại mà mắc tội, do ở xứ ấy không lia tướng chúng sinh.

Tâm nghi ngờ: Là tâm ngờ vực về sát sinh cũng phạm tội giết hại, do kẻ ấy là chúng sinh đã rời bỏ chúng sinh. Tâm tuy nghi nhưng vì bỏ tâm từ bi để sát hại chúng sinh, nên phạm tội sát sinh.

Khởi phương tiện để hủy bỏ mạng sống: Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Nếu người giết hại ở trong sự việc kia khởi tâm bất thiện, tất muốn đoạn mạng căn của chúng sinh ấy. Đó không phải là tâm từ bi, mà là tâm không ngăn chặn tội sát hại, bỏ tâm chúng sinh, tạo phương tiện sát hại. Đó gọi là khởi.

Tạo tác, tướng không tạo tác, tướng vô tác: Tạo tác là sự việc đã gây tạo. Không tạo tác là không gây tạo sự việc, nhưng sự việc hành tác kia cùng khởi, tuy nghiệp giết hại đã diệt, nhưng pháp thiện, vô ký vẫn nối tiếp không dứt.

Hỏi: Thế nào là không tạo tác mà gọi là nghiệp?

Đáp: Do có thể cùng tạo nhân cho việc gây tội và cùng tạo nhân cho việc nhận quả. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Vì xứ xứ đều có trong nhân nói quả, trong quả nói nhân.

Như trong kinh, Đức Như Lai nói: Có thể thấy, có thể tiếp xúc, gọi là sắc không tạo tác. Do tạo tác không thể thấy, không thể tiếp xúc. Nhưng tạo tác gọi là có thể thấy, có thể tiếp xúc. Do người kia không tạo tác gọi là có thể thấy, có thể tiếp xúc. Như thế, nơi xứ kia, hoặc là thân, hoặc là sự việc dựa vào thân, dùng đao gây v.v... để sát sinh, gọi là tạo tác, không tạo tác. Được gọi là nghiệp thân.

Lại, như người Tự tại miệng ra lệnh giết Tiên nhân, do có tâm giận dữ muốn giết hại chúng sinh. Sứ giả nhận lệnh, dựa vào khẩu lệnh của người Tự tại mà giết hại tín Tiên. Dạ-xoa dựa nơi tâm giận

dữ của Tiên nhân mà giết hại chúng sinh. Người Tự tại kia cùng Tiên nhân đồng tạo ra nhân sát sinh. Kẻ được sai khiến, Dạ-xoa, khi thân nghiệp hình thành thì người Tự tại kia và Tiên nhân đều thành thân nghiệp không tạo tác.

Lại, như người thọ giới, lúc sắp thọ giới, thân động miệng nói, đến khi thọ giới thì đứng yên lặng, thân miệng không động. Thầy hành pháp yết-ma xong, người thọ giới kia thành tựu nghiệp thân không tạo tác. Sự việc ở đây cũng như thế. Lại, như sự việc của nghiệp miệng. Nhưng miệng không nói, chỉ biểu lộ bằng cử chỉ, như gật đầu, nháy mắt, nhướn mày, đưa tay lên. Các tướng như vậy biểu hiện nơi sự việc trước cũng được thành tựu nghiệp miệng không tạo tác.

Lại, hợp thân tạo nghiệp, nhưng thân không động, miệng nói vô số phương tiện tạo nghiệp của thân. Lúc sự việc đó hoàn thành, cũng được thành tựu nghiệp thân không tạo tác.

Có người nói: Miệng, ý cũng được tạo thành nghiệp sát sinh. Nghiệp sát sinh này là nghiệp của ý, miệng, không phải là nghiệp của thân. Tuy có lời này, nhưng nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì nếu tức khi miệng nói tâm nghĩ, thành sát sinh, thì đó có thể là nghiệp miệng, có thể là nghiệp ý. Điều này nhằm làm rõ về nghĩa gì? Nếu miệng và ý là thể của nghiệp sát, thì người Tự tại ra lệnh giết chúng sinh kia, tâm của Tiên nhân cũng nghĩ đến sự giết chết chúng sinh kia. Tức khi lệnh và niệm hiện hành thì mạng sống của chúng sinh kia phải chấm dứt. Nhưng sự việc này không như thế. Do kẻ được sai khiến kia tin nơi Tiên nhân, còn thân nghiệp của Dạ-xoa lúc thành là thành sự sát sinh. Nếu không như thế, thì khi người Tự tại kia miệng nói giết đi, và lúc Tiên nhân kia tâm nổi giận, tức nên thành sát sinh, nhưng thật sự là không thành.

Lại còn có lỗi. Vì người Tự tại kia tuy miệng ra lệnh sát sinh, nhưng kẻ được sai khiến chưa kịp giết hại. Người Tự tại kia chứng

được kiến đạo, còn kẻ nhận lệnh sau đây mới sát sinh. Nếu miệng vừa ra lệnh giết xong mà thành sát sinh, thì chúng quả kiến đạo rồi, sau đó là sát sinh, nhưng nghĩa này không phải thế, do được xa lìa nhân sát sinh cùng tâm ác phá giới v.v... Thế nên, không dùng hai nghiệp miệng và ý làm thể của sát sinh. Vì sao? Vì nghiệp không sai biệt. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Vì tướng của nghiệp thiện, bất thiện và vô ký v.v... mỗi thứ đều khác nhau. Do tướng không sai biệt, thế nên nghiệp của thân, miệng, ý tức không sai biệt. Nhưng vì phương tiện xa gần nên thân miệng ý thành nghiệp sát sinh. Đây tức không ngăn được.

Hỏi: Miệng nói giết hại, thì nghiệp sát đã thành trọn vẹn hay chưa?

Đáp: Chưa thành. Vì sao? Vì vượt quá thời gian. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là do những thời gian nào? Do những phương tiện nào? Do những nơi chốn nào? Khi người giết hại kia đã vượt quá thời gian, nơi chốn v.v... như từ nơi người ấy đã nói.

Người giết hại thì mắc tội, người bảo giết hại không có tội. Nghiệp của thân là dựa vào thân để tạo nghiệp, gọi là thân nghiệp. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Dựa nơi thân để tạo nghiệp, tùy theo thân đã tạo, gọi là thân nghiệp.

Hỏi: Không mạng để có thể giết. Vì sao đoạn thân mạng là mắc tội sát sinh?

Đáp: Tuy không có thân mạng thật, nhưng đoạn dứt thể hòa hợp vẫn gọi là sát sinh. Như chặt cây rừng, tắt tim đèn v.v... Nếu có thần ngã thì thần ngã ấy là thường còn, không có nghĩa sát sinh.

Hỏi: Gây tổn hại những âm nào gọi là giết? Hại trong quá khứ, hại nơi vị lai, hay hại trong hiện tại. Nếu giết hại trong quá khứ, thì quá khứ đã diệt. Nếu giết hại nơi vị lai thì vị lai chưa đến. Nếu giết hại ngay nơi hiện tại thì trong hiện tại sát-na không dùng?

Đáp: Có người nói: Trụ nơi đời hiện tại thì hoại diệt, còn đời vị lai thì thể của âm hòa hợp.

Lại có người nêu: Hoại nơi cả đời vị lai và hiện tại. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do trong âm hiện tại đao gậy có thể dẫn đến, có thể tạo sự giết hại.

Lại có người cho: Năm âm tự diệt, không phải nhân duyên diệt.

Lại có người nói: Trong âm hiện tại, chỉ hủy hoại sắc âm. Do đao, gậy v.v... có thể cắt đứt, có thể va chạm. Bốn âm kia thì không thể cắt đứt, chạm.

Lại có người nêu: Giết hại cả năm âm. Bốn âm kia tuy tự nó không thể va chạm, nhưng dựa vào sắc âm để trụ. Sắc âm đã hoại thì bốn âm kia cũng hoại theo. Như chiếc bình đã vỡ thì nước hay sữa cũng mất.

Lại có người cho: Chỉ giết hại âm vô ký, do trong âm vô ký, đao, gậy có thể va chạm, do không va chạm, âm có hai thứ, tất cả nghiệp có ba thứ, như trước đây đã nói, nên biết.

Hỏi: Trong kinh, Đức Như Lai có nói: Có hai thứ nghiệp: Một là nghiệp sinh khởi. Hai là nghiệp tạo tác. Hai thứ nghiệp này nói rộng thì có ba, là nghiệp thân, miệng và ý. Ba thứ nghiệp này sai biệt như thế nào? Từ nơi chỗ dựa mà nói, hay là từ nơi thể mà nói, hay là từ nơi phát sinh mà nói? Nếu từ nơi chỗ dựa mà nói, tức là một nghiệp, do tất cả nghiệp đều nương dựa nơi thân. Nếu từ nơi thể mà nói, tức là một nghiệp, do tất cả nghiệp chỉ là khẩu nghiệp. Nếu từ nơi phát sinh mà nói, tức là một nghiệp, do tất cả nghiệp đều từ tâm phát sinh.

Đáp: Dựa nơi ba thứ lớp có ba thứ nghiệp. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do tâm suy nghĩa tức là nghiệp của tâm. Dựa nơi nghiệp của tâm ấy khởi nghiệp của thân, miệng. Do nương dựa nơi tâm, nên khởi nghiệp của thân và miệng, theo thứ lớp như thế, nên biết.

Có tạo tác hay không tạo tác, nên biết. Nghiệp thân và miệng có sai khác, nên biết. Lại, thân nghiệp tạo tác là dựa vào oai nghi của thân. Nương dựa vào thân để tạo ra vô số hình tướng kia. Đó gọi là nghiệp do thân tạo.

Hỏi: Do thân có đi, lại, có động, chuyển, nên gọi là thân nghiệp. Vậy nếu không đi, không lại, không gọi là nghiệp chăng?

Đáp: Nếu nói đi, lại là thân nghiệp, việc này không đúng. Vì sao? Vì tất cả pháp hữu vi trong từng sát-na không trụ. Sát-na không trụ ấy theo nơi chốn nào diệt? Đã không đi, không đến, thì sao nói là đi, đến, động, chuyển, gọi là nghiệp của thân.

Hỏi: Nghĩa này không phải thế. Vì sao? Vì nếu tất cả pháp trong từng sát-na đều không dừng, có thể nói như thế, nhưng cũng thấy có pháp dừng lại trong sát-na không phải là không dừng. Vậy sao nói là không đi, không đến?

Đáp: Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Do pháp hữu vi hoàn toàn không trụ. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Vì tất cả các pháp hữu vi kia đều không nhân, không duyên, tự nhiên mà diệt. Đây lại là nghĩa gì? Do pháp có thể tạo tác là có nhân duyên, nhưng diệt. Pháp tức là không vật, nếu không vật thì pháp kia không tạo. Do pháp hữu vi không nhân, không duyên, tự nhiên diệt. Nếu chính lúc pháp sinh, không diệt, thì về sau cũng không nên diệt. Nếu không diệt thì nhất định là thật. Nếu nhất định là thật, thì không nên đổi khác. Nếu như thế thì không nên theo nhân duyên diệt kia mà diệt.

Hỏi: Tôi thấy có pháp đã từ nhân duyên diệt. Các pháp như củi v.v... đều từ nhân duyên như lửa v.v... kia mà diệt. Trong tất cả lượng thì lượng hiện thấy là hơn hết. Do nghĩa này nên tất cả pháp đều từ nơi nhân duyên diệt?

Đáp: Làm sao nhận biết các pháp như củi v.v... đều dựa vào nhân duyên như lửa v.v... mà diệt? Tôi đã nói không nhân, tự nhiên

mà diệt. Người này nên suy nghĩ: Vì nhân nơi lửa v.v..., các pháp như củi v.v... diệt, nên không thấy chãng? Hay là không nhân duyên, tự nhiên diệt nên không thấy chãng? Nghĩa này là thế nào? Nhân duyên vốn nối tiếp diệt, cái khác lại không sinh, thế nên không thấy, không phải là nhân duyên diệt, như gió thổi tắt đèn, tay làm dứt tiếng chuông rung. Những sự nhận biết như thế là do trí so sánh nhận biết.

Đã nói không phải là sự việc có thể tạo ra. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Nếu có một pháp từ nhân duyên diệt, nên tất cả pháp đều từ nhân duyên diệt, nên không có pháp nào không phải từ nhân duyên diệt. Cũng như pháp sinh, tất cả thấy đều từ nhân duyên sinh, không có pháp sinh nào không từ nhân duyên. Như tâm, âm thanh, ngọn lửa, không phải do nhân duyên diệt, do chúng không chờ đợi nhân duyên mới diệt.

Hỏi: Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì tâm sau sinh thì tâm trước diệt, âm thanh sau phát ra thì âm thanh trước diệt, do pháp trước đợi pháp sau, thế nên biết được chúng đều từ nhân duyên diệt?

Đáp: Nghĩa này không phải vậy. Vì sao? Vì tâm và âm thanh kia không chờ đợi. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Do nhận biết có nghi nên nhận biết về quyết định. Hai pháp không cùng nhau như khổ, vui, tham, giận đều cũng như thế. Lại, do tâm và âm thanh trước thì nhanh, tâm và âm thanh sau chậm, vậy làm sao tâm và âm thanh không nhanh có thể gây tổn hại cho tâm và âm thanh nhanh kia được? Thế nên, pháp diệt không từ nhân duyên.

Hỏi: Tuy chiếc đèn và ngọn lửa niệm niệm không trụ, do không nhân trụ mà có pháp diệt và phi pháp diệt. Dựa vào pháp diệt kia mà diệt ngọn đèn cháy. Thế nên, phải dựa vào nhân duyên mà diệt?

Đáp: Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì do pháp không vật, làm sao có thể tạo ra nhân diệt. Lại, nhân sinh pháp diệt, không phải

là pháp sát-na không trụ. Trong từng tâm sát-na, tâm sát-na hoàn toàn không thể làm nhân sinh, nhân diệt. Như vậy, tất cả các pháp hữu vi đều không từ nhân duyên diệt, nên biết.

Lại, như đã giải đáp, nếu dựa vào lửa v.v... có thể làm nhân diệt cho củi v.v..., như vậy, nhân sinh tức là nhân diệt. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Dựa vào những ngọn lửa nào, xuất sinh các sắc nào? Tức ngọn lửa kia có thể tạo ra sự nấu chín rất tốt, sự nung chín đó tạo thành nhân diệt. Vì thế, nên chính nhân sinh là nhân diệt, lại không có nhân khác. Nhưng nghĩa này không như thế. Làm sao một pháp ấy có thể khiến pháp sinh, có thể khiến pháp diệt.

Lại, nhân sai biệt như thế trong mỗi mỗi dị biệt của ngọn lửa, đều do phân biệt hư vọng, như nhân tro, nước ép, rượu đắng, tuyết, mặt trời, đất, nước, lúa gạo có thể sinh những màu sắc của sự nấu chín khác nhau ở nơi đó, làm sao phân biệt.

Hỏi: Không đúng. Vì sao? Vì lửa đun nước, nước do lửa mà cạn, vậy lửa là nhân diệt chẳng?

Đáp: Như vừa mới giải thích, làm thế nào nhận biết được nước là nhân nơi lửa mà cạn, không phải tự nhiên cạn.

Hỏi: Nếu thế thì lửa là do cái gì tạo ra?

Đáp: Cảnh giới của lửa tăng thượng, dựa vào lực của lửa kia, lực của nước yếu dần, cho đến thời gian sau này, thể của nước nối tiếp đoạn dứt không khởi. Lửa ấy được tạo ra không phải là lửa đã diệt. Thế nên tất cả pháp hữu vi tự nhiên diệt, không nhân duyên diệt. Do pháp diệt kia sát-na không trụ, nên liền diệt. Thành tựu các pháp không trụ trong sát-na như thế. Do sát-na không trụ, nên pháp này không đi đến xứ kia.

Hỏi: Tôi ở xứ khác cũng thấy pháp này. Nếu pháp không đi, làm sao có thể ở xứ khác thấy và ở xứ khác nhận biết?

Đáp: Như cỏ và ngọn lửa cháy, thế nên không đi. Do đó, thân oai nghi gọi là thân tạo pháp. Nghĩa này đã thành, không phải cho là khác với thân, riêng có pháp thật. Như một phương sinh sắc, gọi là sắc dài. Dựa vào sắc dài đó, lại thấy sắc khác, gọi là sắc ngắn. Dựa nơi bốn phương, nên thấy sắc của bốn phương, Nương dựa vào vật tròn, nên gọi là sắc tròn.

Như vậy là có các sắc dài, ngắn, vuông, tròn, cao, thấp. Ví như kéo một cục lửa đi thẳng không đoạn, không dứt, sẽ thấy lửa nối tiếp gọi là lửa dài. Nếu khối lửa ấy tiếp tục đi vòng quanh không đoạn, không dứt, gọi là lửa tròn. Tùy theo những thứ chuyển đổi mà thấy nhiều thứ hình dáng khác nhau của ngọn lửa.

Như vậy lia lửa thì không riêng có hình tướng nơi pháp thật. Nếu lia lửa, ngoài ra còn có pháp hình tướng tức nên có hai tướng dò xét nhau. Nhãn căn thì thấy thân dài, xúc căn thì thấy thân ngắn. Vì một sắc nhập, chẳng phải là hai căn thấy, giống như pháp tiếp xúc dài, ngắn v.v... Trong sắc như vậy nên biết.

Pháp tiếp xúc chỉ là tâm, không phải là căn hiện tại có thể nắm bắt, có thể nhận biết. Như thấy màu sắc ngọn lửa, trong xúc sinh nhớ nghĩ, nhận biết. Như ngửi mùi thơm của hoa, trong sắc sinh niệm. Pháp này nên như thế, dựa vào pháp khác, nhớ nghĩ pháp khác mà không có một pháp xúc chạm. Ở trong oai nghi, thật có dựa nơi pháp tiếp xúc có được pháp khác. Thế nên không thật có pháp oai nghi của thân.

Hỏi: Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như trong đêm tối lò mờ, thấy từ xa hình sắc của bức tường đất hoặc dài hay ngắn, sự việc này nên là thật?

Đáp: Chỉ thấy màu sắc lò mờ mà phân biệt hư vọng về các màu sắc, hình dáng dài ngắn v.v... không khác như con kiến cùng thấy mình đang đi, cùng thấy vây quanh. Sự việc này cũng như thế. Cái khác với oai nghi của thân lại không có pháp thật, chỉ có oai nghi của

thân mới gọi là pháp tạo tác. Không lìa ngoài thân, có riêng pháp tạo tác. Như vừa nói tâm tư duy, là trong tâm tạo ra sự phân biệt về ta như thế, như thế, có thể sinh ra nghiệp của thân, miệng, gọi là nghiệp của thân. Nếu thân đã tạo gọi là nghiệp của thân. Nếu miệng đã tạo gọi là nghiệp của miệng, không riêng có pháp thật nào khác với ba nghiệp.

Hỏi: Khác với nghiệp của thân, miệng, thật có pháp riêng. Vì sao? Vì có ba thứ sắc vô cầu được tăng trưởng, không tạo ra nghiệp đạo v.v... Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Như trong kinh, Đức Như Lai có nói: “Sắc gồm ba thứ: (1) Có sắc có thể thấy, có thể ngăn ngại. (2) Có sắc không thể thấy, có thể ngăn ngại. (3) Có sắc không thể thấy, không thể ngăn ngại”.

Sắc vô cầu nghĩa là sắc vô lậu. Thế nào là sắc vô lậu? Sắc vô lậu nghĩa là pháp vô lậu. Thế nào là pháp vô lậu? Nghĩa là ở trong sắc quá khứ, hiện tại, vị lai, không sinh tâm sân, ái. Cho đến trong thức không sinh sân giận, tham ái. Do nghĩa này nên gọi là pháp vô lậu. Nếu như thế lìa pháp không tạo tác, ở xứ nào có sắc không thể thấy, không thể gây trở ngại. Là vô lậu. Nên nhận biết tức có pháp không tạo tác là sự tăng trưởng của nghiệp thân, miệng, ý. Trong kinh, Đức Như Lai có nói: Người có tâm tin, là những thiện nam, thiện nữ tu hành bảy thứ công đức, ngày đêm thường sinh công đức, tăng trưởng công đức, trong các hành đi, đứng, ngủ, thức v.v... Nếu lìa nghiệp của thân, miệng lại không còn không tạo tác, làm sao pháp của tâm khác có thể tăng trưởng được? Thế nên phải biết, lìa nghiệp của thân, miệng để có pháp không tạo tác.

Lại, tự không tạo nghiệp mà bảo người khác tạo nghiệp, nếu không có không tạo tác nghiệp này làm sao thành?

Lại nữa, không phải chỉ sai khiến người tạo nghiệp tức được gọi là thành tựu nghiệp đạo, do nghiệp kia chưa thành. Lại còn có lỗi là tuy tạo nghiệp nhưng chưa có thật thể thành tựu. Do như trong

kinh, Đức Như Lai có nói: “Các Tỳ-kheo! Ngoại nhập có mười một nhập, không gồm thâu không thể thấy, không thể ngăn ngại, mà không nói là không phải sắc”. Đây do nghĩa gì nên lại nói thế? Do Đức Như Lai thấy trong pháp nhập gồm thâu sắc không tạo tác, nên mới nói như thế.

Lại có người nêu vấn nạn: Nếu không có pháp không tạo tác cũng nên không có tám Thánh đạo, do trong định không có chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Nên biết, nhất định có pháp không tạo tác.

Lại có vấn nạn: Nếu không có pháp không tạo tác, thì lìa Ba-la-đề-mộc-xoa cũng nên không có giới không tạo tác, vì sau khi thọ giới xong, tức là không tạo tác. Như trong lúc ngủ nghỉ và những người mất trí do điên loạn v.v... cũng gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni. Do đó nên biết nhất định có pháp không tạo tác.

Lại có kinh, trong đó Đức Như Lai nói: Lìa bỏ chỗ chính yếu của phá giới. Nếu không có pháp không tạo tác sao lại nói xa lìa chỗ chính yếu của phá giới. Thế nên phải biết là có pháp không tạo tác.

Đáp: Vấn nạn này thật phức tạp. Tuy dùng nhiều lời lẽ để nêu bày, nhưng về nghĩa đều không đúng. Vì sao? Vì ông vừa dẫn lời Đức Như Lai nói trong kinh có ba thứ sắc, nhưng lại không hiểu ý của Như Lai nơi kinh. Nghĩa này là thế nào? Tất cả lực thiền định của Thánh nhân, nhận thấy sắc của cảnh giới Tam-muội, dựa nơi lực của Tam-muội mà sinh sắc kia. Vì sắc kia không phải là cảnh giới của nhãn căn, nên không thể thấy. Tất cả vật còn lại đã không có khả năng ngăn ngại nên không thể ngăn ngại.

Hỏi: Nếu nói không phải là cảnh giới của nhãn căn, nên không thể ngăn ngại, thì sao gọi là sắc?

Đáp: Ông đã lìa tâm ý về có sắc không tạo tác. Vì sao được gọi là sắc không tạo tác? Lại *đáp:* Sắc này mới thật là sắc nơi Tam-muội

của trí Thánh thuộc cảnh giới vô lậu, không đồng với sắc hữu lậu của thế gian.

Lại, nói sắc vô lậu, tức là dựa vào sắc của lực thiên định, Tam-muội kia, được gọi là vô cấu. Thánh nhân đã ở trong Tam-muội vô lậu nên nói là pháp vô lậu.

Lại có người nói: “Sắc của A-la-hán cùng với sắc bên ngoài, đều gọi là vô lậu, do đã lìa pháp hữu lậu”.

Tôi không chấp nhận nghĩa này.

Lại, tăng trưởng công đức, nghĩa này là thế nào? Vì pháp như thế. Như thế như thế thí chủ dâng thí vật, thường thường thọ dụng.

Như thế như thế thường xuyên thọ dụng, là dựa vào lực công đức của người thọ dụng, nên dù thí chủ có tâm niệm khác nhưng vẫn dựa nơi tâm niệm gốc, thể nối tiếp tu tập một cách tỉ mỉ, chín chắn, thì càng thù thắng. Do chuyển biến tốt đẹp, nên ở đời vị lai sẽ thành tựu được nhiều quả phước đức.

Dựa vào nghĩa này, nên Đức Như Lai nói: Sinh nhiều công đức, tăng trưởng công đức, chẳng phải lìa tâm, lìa sắc mà có pháp không tạo tác.

Hỏi: Thế nào là thân tâm khác, dựa vào thân tâm khác? Trong thân tâm khác, nối tiếp chuyển biến vi tế, tăng trưởng phước đức?

Đáp: Thế nào là thân tâm khác dựa vào thân tâm khác? Trong thân tâm khác có pháp không tạo tác. Lại đáp: Nhưng nghĩa này không đúng. Tôi dựa nơi nghiệp của thân, tâm và nghiệp của miệng nên có được công đức thiện, ác. Dựa nơi tâm gốc, tạo ra tâm gốc không mất, thể luôn tương tục, kể cả các trường hợp ngủ nghỉ, điên loạn v.v... thường được tăng trưởng. Không tạo tác là tự mình không tạo, lại sai người khác tạo, làm sao thành được nghiệp đạo. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Vì dựa vào kẻ được sai khiến đẩy khởi pháp giết

hại chúng sinh kia. Thế nên, thể nối tiếp vi tế của kẻ được sai khiến kia càng chuyển biến sinh thô. Do nghĩa này nên có thể phát sinh nhiều lỗi lầm trong đời vị lai. Cũng lại không chỉ kẻ được sai khiến tạo ác, mà người tự tạo ác và việc tạo ác đã xong, trong đời vị lai cũng sinh nhiều lỗi lầm. Thế nên, ở trong đời vị lai thân thể nối tiếp chuyển sinh, gọi là nghiệp đạo, do ở trong nhân đã nêu rõ về nghĩa của quả. Xa lìa chỗ chính yếu của phá giới: Ông nay vì có bệnh điên loạn nên mới nêu bày như thế chăng? Nếu thật sự có bệnh ấy, thì hãy mau tìm Trần tô mà uống cho chóng khỏi, không nên nói vô số những lời phi pháp.

Hỏi: Vì sao chỉ thêm cho tôi có pháp không tạo tác, mà ông tự lập từ tâm khởi thể tương tục vi tế, có pháp tăng trưởng?

Đáp: Tôi không thêm cho ông có pháp không tạo tác. Nhưng pháp ông đã nói không có nghĩa như thế. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do dựa nơi tâm nên thân, miệng hành sự. Khi công việc xong là đã thành nghiệp đạo. Ông hiện có pháp lìa tâm, thân, miệng. Ở trong pháp Phật không có nghĩa như thế. Các pháp như Vi trần, Thế tánh, Thời, Phương v.v... của Ni-kiền-tử thì lìa tâm mà có.

Các pháp như không có tâm thiện, ác như thế, thì bậc trí không chấp nhận, thế nên không lập việc lìa nơi sắc, tâm, ngoài thân, miệng có pháp không tạo tác.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 5

Xa lia trộm cắp: Trộm cắp có chín thứ. *Những gì là chín thứ?*

Đó là:

- (1) Vật của người khác đang giữ.
- (2) Nghĩ đến vật kia.
- (3) Tâm nghi.
- (4) Nhận biết không theo.
- (5) Muốn cướp đoạt.
- (6) Biết vật của người khác khởi tâm cho là của ta.
- (7) Tạo tác.
- (8) Tướng không tạo tác.
- (9) Tướng vô tác.

Những thứ này gọi là nghiệp thân trộm cắp.

Vật của người khác đang giữ: Đây là nêu rõ việc nhận lấy vật của người khác đang giữ.

Nghĩ đến vật kia: Là nếu không sinh tướng của mình, không nói là vật của tôi, gọi là nghĩ đến vật kia.

Tâm nghi: Như tâm có nghi đây là vật của mình hay của người khác, nhưng vật kia là của người khác.

Nhận biết không theo: Là nhận biết vật của người khác, sinh tâm theo người khác với tưởng đó là vật của mình.

Muốn cướp đoạt: Là khởi tâm gây tổn hại.

Biết vật của người khác khởi tâm cho là của ta: Là hoặc không trông thấy người, hoặc lấy vật ở chỗ tối, hoặc lấy vội, hoặc lấy vật khác, hoặc đã lấy vật của người, lấy rồi tưởng là vật của mình.

Vê tạo tác, tướng không tạo tác và tướng vô tác: Như trước đã nói trong phần sát sinh. Nghiệp đạo thành hay không thành, tùy nơi nghĩa tương ưng để giải thích, nên biết.

Xa lìa tà dâm: Tà dâm có tám thứ. *Những gì là tám thứ?* Đó là:

- (1) Người nữ được bảo hộ.
- (2) Tưởng nghĩ về người kia.
- (3) Tâm nghi.
- (4) Đạo, phi đạo.
- (5) Không hộ.
- (6) Phi đạo, phi thời.
- (7) Tạo tác.
- (8) Tướng vô tác.

Những thứ này gọi là nghiệp thân tà dâm.

Người nữ được bảo hộ: Là người nữ được cha gìn giữ, mẹ gìn giữ v.v...

Tưởng nghĩ về người kia: Là như biết người nữ kia đã được cha mẹ v.v... bảo hộ, nghĩ tưởng về người nữ ấy hoặc được bảo hộ, hoặc không bảo hộ.

Tâm nghi: Như sinh tâm nghi: Người nữ này hay người nữ khác, được cha mẹ gìn giữ hay không gìn giữ. Người nữ của ta hay là của người khác. Nhưng người nữ kia đã được cha mẹ bảo hộ. Đối

với những người nữ đã được cha mẹ bảo hộ, thì mỗi mỗi nghi ngờ đều là tà dâm.

Đạo, phi đạo: Đạo là hiện có đạo. Phi đạo tức không phải là đạo.

Không hộ: Là người kia không bảo hộ người nữ.

Phi đạo, phi thời: Cũng gọi là tà dâm.

Lại, không hộ: Là người nữ tự giữ hay người nữ không tự giữ, hành dâm trái chỗ cũng là tà dâm.

Lại, người nữ không được bảo hộ: Nghĩa là tất cả người nữ không được bảo hộ v.v... đều gọi là tà dâm.

Tạo tác, tướng vô tác: Như trước đã nói trong phần sát sinh, nên biết.

Tướng không tạo tác: Là trong tà dâm không có pháp không tạo tác như thế. Do chính là tự tạo nên, như người bệnh uống thuốc. Nhân uống thuốc nên xa lìa nơi bệnh, sinh không bệnh. Người bệnh được khỏi, nhưng bệnh của thầy thuốc có khi không khỏi. (?)

Xa lìa nói dối: Nói dối có bảy thứ. *Những gì là bảy thứ?* Đó là:

- (1) Sự việc trông thấy v.v...
- (2) Sự việc điên đảo, không điên đảo.
- (3) Tâm nghi.
- (4) Khởi tướng che giấu.
- (5) Tạo tác.
- (6) Tướng không tạo tác.
- (7) Tướng vô tác.

Những thứ này gọi là nghiệp miệng nói dối.

Sự việc trông thấy v.v...: Là thấy, nghe, hiểu biết, đối với những sự việc điên đảo hay không điên đảo.

Sự việc điên đảo: Là như nghe, như sự việc kia. *Không điên đảo:* Là y như sự việc kia.

Tâm nghi: Là sinh nghi ngờ: Là như thế, là không như thế, là hoàn toàn như thế, là hoàn toàn không như thế

Khởi tướng che giấu: Là che giấu sự thật. Trong sự tướng khác, trụ nơi tướng khác để nói.

Tạo tác, tướng không tạo tác, tướng vô tác: Như trước đã nói trong phân sát sinh.

Có người nói: Tướng của thân cùng trong bố-tát im lặng mà đứng đều có tướng không tạo tác của nói dối thành nghiệp của thân ý, vì cho là nói dối. Tuy có nói những lời ấy, nhưng về nghĩa thì không như thế. Vì sao? Vì nghiệp khác với tướng.

Khác với tướng: Là do nghiệp của thân, miệng, ý khác với tướng. Thế nên nghiệp của miệng không phải là Thể của nghiệp thân, ý, nhưng vẫn dựa vào gốc là nghiệp của miệng, là sự việc thế gian thường dùng. Nhưng khi sự việc của nghiệp miệng và nghiệp thân đã hiện rõ, gọi là nghiệp miệng không tạo tác, nhưng nghiệp miệng vẫn mang tên. Hoặc trong Bố-tát, Tỳ-kheo không nói mà thành nghiệp của miệng. Vì sao? Vì do dựa nơi nghiệp miệng mà lập pháp điều phục. Do trước đã thọ nhận lời này: “Ta ở trong pháp Phật, không tạo pháp như thế, tạo nên pháp như thế. Nhưng người kia trước có tâm mong cầu nhưng về sau lại không nói, chỉ đứng yên lặng. Vậy là người kia đã thoái chuyển tâm mong cầu gốc đã thọ nhận. Thế nên đã tạo thành nghiệp miệng nói dối”.

Xa lìa nói hai lưỡi: Nói hai lưỡi có bảy thứ. *Những gì là bảy thứ?* Đó là:

- (1) Khởi ý bất thiện.
- (2) Thật sự hư vọng.

- (3) Tâm phá hoại.
- (4) Trước cố ý phá hoại, không cho hòa hợp.
- (5) Tạo tác.
- (6) Tướng không tạo tác.
- (7) Tướng vô tác.

Những thứ này gọi là nghiệp miệng nói hai lưỡi.

Khởi ý bất thiện: Là nghiệp bất thiện tương ưng với tâm phiền não.

Thật sự hư vọng: Là biết người khác, biết rõ tâm người khác. Do hủy hoại nên nói thật, hoặc nói dối.

Tâm phá hoại: Là hủy hoại tâm kẻ khác, phá bỏ tâm người khác.

Trước cố ý phá hoại, không cho hòa hợp: Là do khởi ý ác, tự thân khởi bất thiện. Đó gọi là nói hai lưỡi.

Tạo tác, tướng không tạo tác, tướng vô tác: Như trước đã nói trong phân sát sinh.

Có người nói: Phá hoại trong nghiệp vô tác nói hai lưỡi không gì nặng hơn là nói hai lưỡi phá hoại Tăng. Nhưng nói ở bên Đức Như Lai thì không thể phá hoại, tức là không thành nghiệp ác phá hoại Tăng.

Như vậy, nghiệp không phá hoại là không nói hai lưỡi.

Xa lìa lời nói thô ác: Lời nói thô ác có bảy thứ. *Những gì là bảy thứ?* Đó là:

- (1) Dựa vào ý bất thiện.
- (2) Khởi tâm não loạn.
- (3) Dựa nơi tâm loạn.
- (4) Nói lời thô ác với người khác.

(5) Tạo tác.

(6) Tướng không tạo tác.

(7) Tướng vô tác.

Những thứ này gọi là nghiệp miệng nói lời thô ác.

Dựa vào ý bất thiện: Là miệng nói lời ác, khiến người khác nghe có thể sinh khổ não.

Khởi tâm não loạn: Là chỉ khởi tâm não loạn, không khởi tâm yên ổn. Nếu là tâm yên ổn thì tuy nói lời thô ác cũng không có tội gây não loạn.

Dựa nơi tâm loạn: Là khởi tâm như thế, tùy lúc khiến người nghe rối loạn. Do không loạn thì tạo tâm ác để nói.

Tạo tác, tướng không tạo tác, tướng vô tác: Như trước đã nói trong phần sát sinh.

Xa lìa lời nói thêu dệt: Nói thêu dệt có bảy thứ. *Những gì là bảy thứ?* Đó là:

(1) Dựa vào ý bất thiện.

(2) Lời nói vô nghĩa.

(3) Phi thời.

(4) Tương ưng với pháp ác.

(5) Tạo tác.

(6) Tướng không tạo tác.

(7) Tướng vô tác.

Những điều này hiện bày khắp tất cả lời nói thô ác. Đó gọi là nói thêu dệt thuộc nghiệp của miệng.

Dựa vào ý bất thiện: Là dựa nơi tâm tương ưng với phiền não cõi Dục do tu đạo đoạn, nên gọi là nói thêu dệt.

Lời nói vô nghĩa: Là lìa nghĩa thật.

Phi thời: Là lời nói tuy có nghĩa, nhưng nói không phải lúc, cũng thành nói thêu dệt. Lại nói có lúc, như ở trong đại chúng, cho là người tự tại nói, cũng thành nói thêu dệt.

Tương ưng với pháp ác: Là mọi lời nói đùa cợt, phi pháp, ca múa v.v... tất cả đều không tương ưng với pháp thiện, đều là nói thêu dệt.

Tạo tác, tướng không tạo tác, tướng vô tác: Như trước đã nói trong phần sát sinh.

Tham: Là tâm ái bị ràng buộc. Muốn có được tiền bạc, tài sản của người khác. Vì tâm ái tâm tham ràng buộc chặt, nên cầu kẻ khác để được tự tại. Đó gọi là tướng của tham, nên biết.

Giận: Là khởi tâm ác đối với chúng sinh khác, muốn đánh đập, giết hại v.v... trái ngược với tâm đại từ bi. Đó gọi là giận.

Chúng sinh: Là lìa sự việc chẳng phải là chúng sinh. Người khác là lìa sự việc của tự thân. Nói giận chúng sinh khác là khởi tâm ác với các chúng sinh khác.

Hại: Là không có tâm từ. Đánh là không có tâm bi, do muốn đoạn mạng kẻ đó. Lại đánh là dùng roi, gậy, đất đá v.v... có thể gây khổ não, đều gọi là đánh.

Trái ngược với từ bi: Muốn giết chết người khác là trái với tâm từ. Đánh đập là trái với tâm bi. Những hành như thế là tướng của giận, nên biết.

Tà kiến: Là ở trong các pháp như bố thí v.v... thấy không có các pháp ấy. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Là trong pháp bố thí thấy không có bố thí. Trong sự ban cho thấy không có ban cho. Ở trong xả thấy không có xả. Những kiến giải như vậy v.v... gọi là tà kiến.

Hỏi: Vì sao như thế gọi là tà kiến? Lại, ba câu bồ thí, ban cho, xả có khác biệt gì?

Đáp: Bồ thí: Là tâm đang thí cho bậc phước điền hay không phải phước điền. *Ban cho:* Cũng là tâm đang thí cho bậc phước điền hay không phải phước điền. *Xả:* Là chỉ tâm đang thí cho bậc phước điền.

Lại nói: Thấy không có bồ thí, là thấy sự bồ thí không thanh tịnh. *Lại nói:* Thấy không có ban cho, là hủy báng thí chủ không có công đức. *Lại nói:* Thấy không có xả, là hủy báng người thọ nhận không có công đức.

Những thứ không chánh kiến như thế đều là tướng của người keo kiệt.

Do thấy người giàu có hay keo kiệt, tham tiếc, người nghèo thì hay xả, người này đã khởi tâm như vậy: Nếu thật có bồ thí, thì người keo kiệt không nên giàu có. Vì sao? Vì đời trước họ đã quen hành keo kiệt từ lâu.

Lại sinh tâm nghi: Người có thể làm thí chủ này không nên nghèo nàn. Vì sao? Vì đời trước họ đã quen bồ thí trong thời gian lâu. Người kia tuy sinh tà kiến như thế, nhưng nghĩa thì không như vậy.

Hỏi: Nếu như thế thì nghĩa này là thế nào?

Đáp: Người kia tuy trong quá khứ đã quen hành keo kiệt, nhưng bỗng nhiên gặp được phước điền thanh tịnh. Ở trong phước điền đó đã hành bồ thí chút ít, thế nên đạt được quả báo giàu có trong đời này, nhưng do thói quen đã thành, tánh keo kiệt vẫn không bỏ.

Người nghèo có thể bồ thí: Sự việc này lại là thế nào? Người nghèo kia trong đời quá khứ, vì không có tâm tin đối với không phải phước điền, vì không chí tâm, nhưng vì muốn được tiếng khen, vì cầu quả báo, vì cầu được tôn trọng, nên người kia có thể bồ thí. Do

nghĩa đó, nên không nhận được quả báo giàu có. Vì đã từng quen bố thí từ trước, nên đời này cũng có thể xả thí.

Không có hành thiện, hành ác: Đây là dựa vào tự thân thấy là thường, vô thường, nên khởi tướng lỗi lầm.

Không có quả báo của hành nghiệp thiện ác: Nghĩa là người kia thấy có người hành thiện mà thọ khổ, kẻ hành ác mà thọ lạc, nên sinh tâm niệm như vậy: Quả báo khổ vui tự nhiên mà có, không phải từ nhân duyên.

Không có đời này, đời khác: Nghĩa là người kia với tâm niệm thấy đời này tức hoại diệt, do không thấy lại sinh, nên người kia khởi tâm nói không có đời sau. Người kia lại sinh tâm niệm này: Thật không có ngã, nếu có ngã thì thế gian tức không có chúng sinh hóa sinh. Do không quan sát mười hai nhân duyên.

Lại sinh tâm nghi cho là tất cả nam nữ vì tự vui thích nên hành dâm dục, không vì sinh ngã, vì ngã dựa vào tự nghiệp và sinh trưởng trong đó. Như chúng sinh thấp sinh nương dựa vào đất ẩm ướt mà sinh. Đất ẩm ướt không phải là cha mẹ của chúng sinh đó, ngã cũng như thế.

Họ lại thấy: A-la-hán cầu lạnh, cầu nóng, cầu thức ăn, thức uống v.v... nên cho là thế gian không có A-la-hán. Vì sao? Vì A-la-hán còn có tâm ái. Người kia tự mình không có lực như tu hành v.v... thế nên không thể đoạn trừ các phiền não, bèn cho thế gian không có A-la-hán.

Hỏi: Nên nói về nghĩa lia sát sinh. Vì do nghĩa nào nên được gọi là lia? Vì có sự việc có thể giết hại nên được gọi là lia, hay là không có sự việc có thể giết hại nên được gọi là lia?

Nếu có sự có thể giết hại nên gọi là lia, thì nghĩa lia không thành. Vì sao? Vì đã tạo thành quả của thói quen, sao lại nói là lia nơi sát sinh.

Nếu không có sự việc có thể giết hại nên gọi là lìa, thì không lìa sát sinh mà được phước. Như không có sừng thỏ để có thể cắt bỏ, tức cũng không có nghĩa lìa cắt bỏ. Lại nói lìa sát sinh gọi là sự việc không sát sinh, không xả bỏ việc gồm thân chúng sinh!

Đáp: Do thọ pháp không sát sinh tức dựa vào gốc nơi tâm thọ nhận mà có lực, nên không tạo ra việc ác tức là sát sinh kia, do đã thọ pháp lìa sát sinh, do khởi pháp thiện như thế, thế nên lìa sát sinh, nhưng không lìa bỏ việc gồm thân chúng sinh.

Hỏi: Vì ở nơi biên có thể giết hại chúng sinh nên lìa sát sinh, hay là ở nơi biên không thể giết hại chúng sinh nên lìa sát sinh? Hay là ở nơi biên có thể giết hại – không thể giết hại nên lìa sát sinh?

Đáp: Ở nơi biên có thể giết hại – không thể giết hại chúng sinh, nên lìa sát sinh. Vì sao? Vì do khởi tâm ác không ngừng nghỉ, thế nên gọi là lìa sát sinh. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Nếu ở nơi biên có thể giết hại chúng sinh, nên lìa sát sinh, ở nơi biên kia không lìa sát sinh, thì nghĩa lìa không thành. Đây lại có nghĩa gì? Do lìa biên tội có thể giết hại chúng sinh, thành biên phước không thể giết hại chúng sinh. Do nghĩa ấy, nên ở nơi biên có thể giết hại chúng sinh, ở nơi biên không thể giết hại chúng sinh, trở thành phước do lìa sát sinh. Nếu không như thế thì không được nói là sự việc lìa sát sinh, không thành sự việc xả bỏ sát sinh, do không nhận sự việc sát sinh, nên được lìa sự việc sát sinh. Nếu không như thế, thì không thọ nhận nên là lìa, thọ nhận là không lìa.

Hỏi: Chính là dựa nơi biên âm, giới, nhập hiện tại nên được lìa sát sinh, không phải là nơi quá khứ, vị lai?

Đáp: Nếu đáp theo như câu hỏi vừa nêu thì không thành nghĩa lìa sát sinh.

Hỏi: Nếu nói về lìa sát sinh v.v... có bao nhiêu thứ lìa?

Đáp: Có ba thứ lìa. *Những gì là ba?* (1) Thành. (2) Dựa. (3) Khởi.

Dựa và Thành: Sát sinh là dựa nơi lời nói ác của chúng sinh, do tâm giận dữ thành. Trộm cắp, tà dâm là dựa nơi tiền của, vật dụng, do tâm tham thành. Nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thêu dệt đều dựa vào danh tự, do tâm tham thành. Tà kiến là dựa vào sắc, do tâm si mê thành.

Khởi: Là mười nghiệp đạo bất thiện, tất cả đều từ tham, sân, si khởi.

Dựa nơi tâm tham nên khởi sát sinh: Là do tâm tham nên sát sinh, hoặc do tham về da, thịt, gân, xương, răng, sừng, tiền bạc, tài sản v.v... nên đoạn mạng của chúng sinh. Hoặc là vì tự thân với những thứ yêu thích, mỗi mỗi đều đầy đủ ba việc.

Dựa nơi tâm sân nên khởi sát sinh: Là do tâm sân nên giết hại kẻ oán cùng sát hại những người được kẻ oán yêu mến. Đó gọi là do tâm sân nên khởi sát sinh.

Dựa nơi tâm si nên khởi sát sinh: Như có người nói: “Giết rắn rít v.v... thì tuy là sát sinh nhưng không có tội”. Vì sao? Vì các loài vật đó gây khổ não cho mọi người.

Lại có người nói: “Nếu giết nai, dê, trâu v.v... đều không có tội báo”. Vì sao? Vì chúng sinh đó bị sự chiêu cảm của nghiệp như vậy.

Lại như người Ba-la-tư v.v... nói: “Giết cha mẹ già yếu và người bệnh nặng thì không có tội báo”. Tất cả những việc như thế gọi là dựa nơi tâm si nên khởi sát sinh.

Dựa nơi tâm tham nên khởi trộm cắp: Là do cần những vật như thế, nên lấy những vật dụng như thế. Hoặc lấy cho mình, hoặc vì người khác, hoặc vì sự ăn uống. Đó gọi là dựa nơi tâm tham nên khởi trộm cắp.

Dựa nơi tâm sân nên khởi trộm cắp: Nghĩa là ở bên người khiến mình sân giận, cùng các vật dụng của người đó ưa thích, đã trộm cắp các vật ấy. Đó gọi là dựa nơi tâm sân nên khởi trộm cắp.

Dựa nơi tâm si nên khởi trộm cắp: Như Bà-la-môn nói: Hết thấy các vật hiện có nơi đại địa này chỉ là của ta có. Vì sao? Vì do quốc vương kia trước đã thí cho ta, vì ta không lực nên đã bị dòng họ khác đoạt mọi thọ dụng của ta. Thế nên nay ta lấy tức là lấy lại vật của mình, không gọi là trộm cắp. Người si kia vì sinh tâm niệm như thế, nên có sự trộm cắp này. Đó gọi là dựa nơi tâm si nên khởi trộm cắp.

Dựa nơi tâm tham nên khởi tà dâm: Nghĩa là đối với các chúng sinh khởi tâm tham nhiễm ô, không tu hành như thật. Đó gọi là dựa nơi tâm tham nên khởi tà dâm.

Dựa nơi tâm sân nên khởi tà dâm: Nghĩa là đối với người nữ, hoặc được người khác bảo hộ, hoặc tự bảo hộ, hoặc do người khác gìn giữ tiền của vật dụng. Dựa nơi tâm giận dữ nên khởi sự tu hành không như thật. Như nơi bên người vợ của kẻ oán và nơi bên người vợ của người được kẻ oán yêu mến. Đó gọi là dựa nơi tâm sân nên khởi tà dâm.

Dựa nơi tâm si nên khởi tà dâm: Nghĩa là như có người nói: Ví như cối giã gạo, hoa chín, quả chín, ăn uống, nước sông, cùng những người nữ đi nơi đường, tà dâm như thế đều không tội. Lại như ở Ba-la-tur có người tà dâm với mẹ v.v... Đó gọi là dựa nơi tâm si nên khởi tà dâm.

Nói dối do tâm tham sinh. Dựa nơi tâm tham khởi tâm sân sinh. Dựa nơi tâm sân khởi tâm si sinh. Dựa nơi tâm si khởi, như thế nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói thêu dệt đều cũng như thế. Nên biết, tham dựa nơi tâm tham khởi, là dựa vào kiết tham thứ lớp sinh hai thứ tâm hiện tiền. Như thế gọi là dựa nơi tâm tham khởi sinh. Dựa nơi kiết sân sinh, gọi là dựa nơi tâm sân khởi. Dựa nơi kiết si sinh, gọi là dựa nơi tâm si khởi. Như tham, sân cùng tà kiến, đều cũng như thế, nên biết.

Hỏi: Vì sao không nói tướng tạo tác, không tạo tác, tướng vô tác, quyết định trong nghiệp nào có, trong nghiệp nào không?

Đáp: Chỉ trừ tà dâm, trong sáu nghiệp đạo còn lại thầy đều thuộc về bất định. Nghĩa này là thế nào? Nếu tự tạo tác, thành tựu nghiệp tạo tác và nghiệp không tạo tác. Nếu sai người khác làm thì chỉ có không tạo tác, không được có tạo tác. Ở trong tà dâm quyết định có tạo tác, không được có không tạo tác. Vì sao? Do hành tà dâm này là hoàn toàn tự tạo tác, không khiến người khác tạo tác. Thế nên kinh nói: Từng có không phải thân tạo nghiệp mà thành tội sát sinh chẳng? *Đáp:* Có. Miệng sai người khác tạo là thành tội sát sinh.

Lại hỏi: Từng có không phải nghiệp miệng tạo mà thành tội nói dối chẳng? *Đáp:* Có. Do thân tạo nghiệp mà thành tội nói dối của nghiệp miệng.

Lại hỏi: Từng có không phải nghiệp thân tạo, không phải nghiệp miệng tạo, mà vẫn thành tựu nghiệp của thân, miệng chẳng? *Đáp:* Có. Do dựa nơi tâm giận dữ của Tiên nhân. Do chỉ có sắc thân ở cõi Dục, trong nghiệp đạo thiện là hoàn toàn có tạo tác cùng do không tạo tác, nên thiên, giới vô lậu, không có giới không tạo tác. Vì sao? Vì dựa nơi tâm, thiên trung gian, bất định. Nếu tâm sâu dày, tâm hoàn toàn cung kính, tạo nghiệp của thân, miệng, thì thành tựu nghiệp tạo tác và nghiệp không tạo tác. Nếu kiết sâu dày khiến tâm phát sinh nghiệp của thân miệng, thì cũng thành nghiệp tạo tác và nghiệp không tạo tác. Nếu không phải tâm sâu dày, không phải tâm hoàn toàn cung kính tạo ra nghiệp thân, miệng, thì chỉ có nghiệp tạo tác, không có nghiệp vô tác. Nếu không phải kiết sâu dày khiến tâm phát khởi nghiệp thân, miệng, thì cũng chỉ có nghiệp tạo tác, không có nghiệp vô tác. Nhưng phương tiện tạo nghiệp tâm trở lại hỏi hận thì chỉ có nghiệp tạo tác, không có nghiệp vô tác.

Hỏi: Trong nghiệp đạo, cái gì là quyền thuộc trước? Cái gì là quyền thuộc sau?

Đáp: Nếu khởi phương tiện sát sinh, như người đồ tể bắt dê, hoặc đem vật đã mua dẫn đến chỗ đồ tể, ông ta mới hạ một nhát đao,

hoặc hai, ba nhát đao, mạng của dê chưa chết nhưng nghiệp ác hiện có. Đó gọi là quyền thuộc trước. Tùy thuộc vào nhát đao nào chém xuống chấm dứt mạng sống của dê, tức lúc ấy nên nhớ nghĩ là hiện có nghiệp tạo tác và nghiệp không tạo tác. Những hành động ấy đều gọi là nghiệp đạo căn bản. Tiếp sau, các hành của thân gây tạo là nghiệp tạo tác. Đó gọi là nghiệp quyền thuộc sau của sát sinh. Cho đến nói lời thêu dệt đều cũng như thế, nên biết.

Ngoài ra, trong tham, sân, tà kiến, không có quyền thuộc trước, do khi tâm mới khởi tức đã thành nghiệp đạo căn bản.

Lại, thân miệng ý nơi mười nghiệp đạo bất thiện, tất cả đều có quyền thuộc trước sau. Nghĩa này là thế nào? Như người khởi tâm muốn giết hại chúng sinh này, nhân đó lại đoạn mạng chúng sinh khác. Như người muốn sát hại chúng sinh để tế trời, liền cướp đoạt vật dụng của người mà ông ta định giết chết kia, lại còn hành dâm vợ của người ấy. Sinh tâm niệm như thế, trở lại xúi giục vợ của người đó giết chồng mình. Lại dùng vô số ngôn thuyết gây rối loạn, phá hoại thân thuộc của người kia. Không lúc nào tỏ ra chân thật. Ở trong các thứ vật dụng kia sinh khởi tâm tham. Tức đối với người kia lại sinh tâm sân, vì muốn giết hại người kia nên sinh tà kiến như thế. Do đoạn mạng người kia nên tà kiến càng tăng trưởng. Lại muốn giết hại cả vợ con của người kia.

Theo thứ lớp như thế là gồm đủ mười nghiệp đạo bất thiện. Những nghiệp như vậy gọi là quyền thuộc trước. Tất cả mười nghiệp đạo bất thiện đều cũng như thế, nên biết.

Lại, lìa nghiệp đạo thiện, chẳng phải là phương tiện tu hành nghiệp đạo thiện. Vì phương tiện này là xa lìa căn bản cùng xa lìa phương tiện.

Nói phương tiện tức như Sa-di kia muốn thọ đại giới, phải đi đến giới tràng lễ bái nơi chân chúng Tăng, xin Hòa thượng cho nhận

giữ ba y, bắt đầu tác bạch lần thứ nhất, rồi tác bạch lần thứ hai. Những hành như thế đều gọi là quyền thuộc trước.

Từ lần tác bạch thứ ba cho đến khi tác pháp Yết-ma xong là đã khởi nghiệp tạo tác và lúc Sa-di kia nhớ nghĩ là khởi nghiệp chương vô tác. Những hành này đều gọi là nghiệp đạo căn bản.

Tiếp theo, nói đến bốn thứ nương dựa, cho đến không bỏ hành thiện đã thọ nhận. Nghiệp tạo tác của thân miệng và nghiệp vô tác như thế, đều gọi là quyền thuộc sau.

Hỏi: Nên nói về nghiệp đạo bất thiện. Ở trong năm nẻo, nẻo nào đầy đủ, nẻo nào không đầy đủ, trong nẻo nào nhiều trong nẻo nào ít?

Đáp: Địa ngục có năm nghiệp đạo bất thiện. Đó là nói hai lưỡi, nói thêu dệt, tham, sân và tà kiến. Nghĩa này là thế nào? Vì không giết hại người khác nên không sát sinh. Không có tâm dối với vật của người khác giữ thế nên không trộm cắp. Không khởi tâm dối với người nữ được bảo hộ nên không tà dâm. Do không phải làm cho tâm ngay thẳng, nên không nói dối. Do luôn không phải làm cho tướng niệm chân chánh, không có tâm phá hoại, nên không nói lời thô ác. Vì thường phá hoại dựa nơi khổ não bức bách nên có nói hai lưỡi, có nói phi thời, nên có lời nói thêu dệt. Do tham, sân, tà kiến đều hoàn toàn có, nên gọi là có, nhưng không phải là hiện có. Vì nghĩa này, nên có xứ nói là có, có xứ nói là không. Như châu Bắc Uất-đơn-việt không có sáu thứ trước, chỉ có bốn thứ sau. Vì mạng sống đã định nên không có sát sinh. Do không có giữ gìn, nên không có trộm cắp. Do người nữ khởi phải bảo hộ, nên không có tà dâm. Người ở châu kia muốn hành dâm, thì dẫn người nữ đến nơi cội cây. Nếu nhánh cây sà xuống che người ấy tức là được hành dâm. Trường hợp nhánh cây không sà xuống che, thì người kia cảm thấy hổ thẹn nên vội bỏ đi.

Vì không lừa dối tâm người khác, nên không nói dối. Do tâm thường định nên không nói hai lưỡi. Do thường nói lời mềm dịu, nên

không nói lời thô ác. Vì có ca vũ nên có lời nói thêu dệt. Nghiệp của ý còn lại, do đã hoàn toàn có, nên không phải là hiện có.

Lại, trừ châu Uất-đơn-việt, cả ba châu thiên hạ còn lại đều nhận mười nghiệp đạo. Châu Bắc Uất-đơn-việt cũng là nghiệp đạo bất thiện.

Trong các nẻo súc sinh, ngạ quỷ và các trời ở cõi Dục, cũng là việc thọ nhận mười nghiệp đạo. Các trời trong cõi Dục là và không thọ giới nghiệp đạo bất thiện. Tuy chư Thiên không giết hại chư Thiên, nhưng chư Thiên cũng giết hại chúng sinh thuộc nẻo khác.

Lại có người nói: “Trong cõi trời cũng có cảnh chặt tay, chân v.v... nhưng tức thời đều sinh trở lại. Nhưng nếu chặt đầu, hoặc khoảng giữa thân mình thì không sống lại”. Cũng có nghiệp đạo bất thiện như giết hại, trộm cắp vật dụng của người khác. Trong các cõi trời thuộc Sắc, Vô sắc giới, không có nghiệp đạo bất thiện.

Hỏi: Nghiệp đạo bất thiện ở trong các nẻo đều có bao nhiêu thứ?

Đáp: Địa ngục, châu Bắc Uất-đơn-việt không có tham, giận, cũng không có tà kiến. Do hoàn toàn có, không phải là hiện có. Ba châu thiên hạ còn lại và các trời ở cõi Dục, là thọ pháp và có thọ pháp. Lại, các trời ở cõi Dục đều có thọ pháp thiện vô lậu, nên biết.

Súc sinh, ngạ quỷ cũng không có thọ pháp. Các trời trong cõi Sắc đều có thọ pháp. Hiện tiền thọ nhận là thân giữ pháp thiện.

Lại, xứ kia hiện có Thánh nhân sinh ra, là có dựa nơi nghiệp đạo thiện vô lậu. Trong cõi Vô sắc, chỉ có nghiệp đạo của tâm, vì thành tựu nghiệp không phải là hiện có. Các trời trong cõi Sắc, tuy lại thành tựu không phải là hiện có, nhưng xứ kia có Thánh nhân sinh ra, tất cả đều hiện có, do nương vào sức trì giới vô lậu.

Hỏi: Nên nói về quả của mười nghiệp đạo bất thiện cùng nhân tùy thuận.

Đáp: Có ba thứ quả: (1) Quả của quả báo. (2) Quả của tập khí. (3) Quả tăng thượng.

Mỗi mỗi nghiệp đạo đều có ba thứ. Nghĩa này là thế nào? Tạo đủ mười nghiệp đạo bất thiện bậc thấp, trung bình và bậc cao, đều sinh trong địa ngục. Đó gọi là *Quả của quả báo*.

Quả của tập khí: Là từ địa ngục thoát chuyên, sinh vào cõi người. Vì dựa nơi hành sát sinh nên có quả là bị đoạn mạng. Dựa nơi trộm cắp nên có quả là không tiền bạc, của cải. Dựa nơi tà dâm nên không thể gìn giữ vợ mình. Dựa nơi nói dối nên có quả là bị người khác hủy báng. Dựa nơi nói hai lưỡi nên có quả là quyến thuộc bị phá hoại. Dựa nơi nói thô ác nên không nghe được âm thanh êm đẹp. Dựa nơi nói thêu dệt nên bị người không tin. Dựa nơi tham gốc nên tâm tham tăng thượng. Dựa nơi giận gốc nên tâm sân tăng thượng. Dựa nơi tà kiến nên tâm si tăng thượng. Tất cả như thế gọi là quả của tập khí.

Quả tăng thượng: Là dựa nơi mười thứ nghiệp đạo bất thiện kia, nên tất cả sự vật bên ngoài đều không có khí thế. Đó là như nơi đất liền thì chỗ cao, chỗ thấp, chim chóc, chuột, mưa đá, gai gốc, bụi bặm, mặt đất đầy mùi hôi thối, có nhiều rắn rít, lúa ít, hạt nhỏ, quả ít, nhỏ và nhiều trái đắng. Tất cả hiện tượng như thế đều gọi là quả tăng thượng.

Lại có quả tương tự. Kẻ giết hại, nên cùng với việc chúng sinh bị hại là vô số các thứ khổ. Do nơi khổ đó nên sinh trong địa ngục chịu mọi nỗi khổ bức. Vì giết người, nên đời sau sinh trong loài người phải bị chết yếu. Vì dứt bỏ sự êm ấm của người khác, nên tất cả vật dụng, tiền của bên ngoài giúp cho sự sống đều không có khí lực.

Như vậy, trong tất cả mười nghiệp đạo này, tùy theo nghĩa tương ứng mà giải thích, nên biết.

Cướp đoạt vật dụng của người, tà dâm vợ người, tuy không gây các nỗi khổ bức bách trầm trọng cho người khác, nhưng vì tâm phá hoại, nên phải nhận tội báo. Tuy không phá hoại, không giận dữ, không nói lời thô ác, nhưng do tâm niệm xấu ác nên phải mắc tội.

Hỏi: Người cố tâm khởi tạo tất cả hành ác, là đã quyết định thành nghiệp ác, bất thiện, quyết định thọ nhận quả khổ trong nẻo ác kia? Hay là không quyết định thành nghiệp ác, không quyết định thọ nhận quả khổ trong nẻo ác?

Nếu các nghiệp ác quyết định thọ nhận, thì nghiệp tội trong nẻo ác đều không thể vượt qua được. Điều này nói rõ về nghĩa gì? Vì hoàn toàn gây tạo nghiệp tội của nẻo ác thì phải đọa vào nẻo ác v.v...

Trừ nghiệp ngũ nghịch, từ đời vô thi đến nay do đã quen gây tạo các nghiệp nên phải nhận lấy tội báo trong nẻo ác. Do định tất cánh nghĩa là tất cả nẻo ác đều không thể vượt qua được.

Lại không do tu tập phạm hạnh, lại cùng trái ngược với Tu-đà-la. Như trong kinh, Đức Như Lai nói: “Có người tu tập nghiệp đạo bất thiện, mắc phải tội báo nên bị đọa vào địa ngục. Người kia tức ở trong thân hiện tại thọ báo. Nếu quả báo của năm tội nghịch kia đều nhất định phải nhận trong địa ngục, thì sao lại nói nghiệp tội trong nẻo ác có thể xoay chuyển được? Vì sao lại nói các tội trong nẻo ác được thọ nhận trong thân hiện tại? Nếu như thế thì đạo nhân quả sẽ thành tạp loạn. Vì sao? Vì quả báo khi thọ nhận có lúc nhẹ lúc nặng, không nhất định”.

Đáp: Có người nói, nhận tội báo nơi địa ngục ngay trong thân hiện tại: Là do người này thấy được thật đế, nên trong thân hiện tại nhận một ít tội báo. Nhưng nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì nghiệp không tự tại. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do tất cả nghiệp tội, nghiệp phước đã gây tạo đều không có lực tự tại, mà tùy thuộc vào các nhân duyên nào đó đã hòa hợp. Dựa nơi nhân duyên đó nên trong thân hiện

tại thọ quả, trong thân sau thọ nghiệp tội. Hoặc thân đời sau thọ quả báo, thân hiện tại thọ nghiệp tội. Nhưng có thắng nghĩa. Nếu nghiệp nên thọ quả báo vui tức được nhận quả vui. Nên thọ quả khổ tức nhận lấy quả khổ. Là do dựa nơi nghiệp không cố định, nên nói như thế. Lại dựa nơi nghiệp tương tự không cố định, nên nói như thế. Cũng không phải dựa vào quả cố định. Vì sao? Vì sẽ không được quả giải thoát. Do hành nghiệp của A-la-hán thọ nhận giới Ba-la-đề-mộc-xoa, giới thiên định và giới vô lậu, cho đến khi thọ mạng chưa dứt, thì vẫn giữ giới Ba-la-đề-mộc-xoa v.v... Nếu có quả báo thì không được giải thoát. Thế nên, hiện nhận quả báo của nghiệp là không nhất định.

Hỏi: Nếu như thế, các nghiệp đều không cố định, thì cũng trái với Tu-đa-la. Vì sao? Vì trong Tu-đa-la, Đức Như Lai đã nói “Hành tập nghiệp mà không nhận quả báo thì không có điều ấy”. Nhưng các nghiệp đã hành tập kia, hoặc trong thân hiện tại, hoặc trong thân đời sau tất phải nhận lấy quả báo trọn vẹn?

Đáp: Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Do các nhân duyên chưa hòa hợp, nên chưa nhận quả báo. Nghĩa này là thế nào? Vì hành tập tạo các nghiệp, tuy thật sự có thể nhận quả báo trong thân hiện tại, nhưng hiện không nhận. Vì sao? Vì các nhân duyên chưa hòa hợp, nên cũng như hạt giống. Việc này là nêu rõ về nghĩa gì? Cũng như hạt giống, nhờ dựa vào các nhân duyên hòa hợp như đất v.v..., mới có thể nảy mầm. Sự việc này cũng như thế. Nghiệp dựa nơi nhân duyên hòa hợp của thức trụ, chủng tử của thức bất tịnh có thể sinh khởi mầm danh sắc v.v... Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Nếu dựa sự tu hành như thật, tùy thuận Bát-nhã như thật, nhận biết đúng như thật về hành của hữu vi, khi đoạn trừ các thứ phiền não, dựa vào diệu lực của đạo Thánh nên tu tập các công đức, có khả năng sinh mầm căn thiện. Lúc đó, tuy có thọ nhận nghiệp của đời sau, nhưng do người đó không có bề bạn là phiền não, thế nên không thể nhận quả của đời sau. Do đoạn trừ các phiền não, nên tuy không phải nhận quả báo

nơi thân sau, nhưng vẫn còn dựa vào nghiệp đạo bất thiện kia, nên ở trong thân hiện tại chỉ nhận một ít quả báo của tập khí, không hoàn toàn thọ nhận nơi nẻo ác. Như trong Tu-đa-la, Đức Như Lai đã nói, nên thọ nhận như thế.

Nên thọ nhận như thế. Đây là nhằm nêu rõ về nghĩa gì? Nghĩa là tuy có nhận một ít hỷ lạc, tuy có nhận một ít ưu não, nhưng nghiệp thiện, bất thiện thì tức thời đều nhận hết, cho đến phải chịu một chút bệnh khổ như đau đầu v.v... Đây là nhận ít tội nơi quả tương tự.

Vừa nói là trái với Tu-đa-la: Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì dựa nơi quả báo không cố định, dựa nơi nghiệp cần đối trị nhưng chưa đối trị, nên trong kinh Đức Như Lai mới nói như thế. Nếu tâm hoàn toàn định tạo nghiệp, nhưng không nhận quả báo, thì không có điều đó. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Hành nghiệp của người A-la-hán là đoạn dứt nghiệp quả của đời sống, kể cả quả báo tội phước của thân sau, nhưng trong thân hiện tại thọ nhận quả báo thì nhân duyên không còn hòa hợp. Nếu như thế, A-la-hán kia dựa vào nghiệp đạo này nên có thể không nhập Niết-bàn. Do nghĩa ấy, nên biết ông đã không hiểu ý của Đức Như Lai đã nói trong Tu-đa-la.

Hỏi: Nên nói giới thanh tịnh và không thanh tịnh. Thế nào là giới thanh tịnh, thế nào là giới không thanh tịnh?

Đáp: Có giới đồng thanh tịnh. Các hàng Thanh văn, Phật-bích-chi và Bồ-tát đều đồng tu tập năm thứ giới pháp thanh tịnh, nên biết. *Những gì là năm thứ giới pháp?* Đó là:

- (1) Căn bản thanh tịnh.
- (2) Quyển thuộc thanh tịnh.
- (3) Giác quán (Tâm tứ) không loạn.
- (4) Thâu giữ niệm.
- (5) Hồi hướng Niết-bàn.

Căn bản thanh tịnh: Là xa lìa tội của nghiệp đạo căn bản.

Quyển thuộc thanh tịnh: Là xa lìa phương tiện dẫn đến hành như sát sinh v.v...

Giác quán không loạn: Là xa lìa các hành ác hiện có của giác, quán như dục, hại, sân hận v.v...

Thâu giữ niêm: Là thâu giữ các niêm: Niêm Phật, Pháp, Tăng v.v...

Hồi hướng Niết-bàn: Là do Niết-bàn mà giữ gìn giới, không vì tiền của ở thế gian. Đây là phần ít nơi giới đồng.

Giới thù thắng của các Đại Bồ-tát, là ban đầu dựa vào phát tâm Bồ-đề, không gây tổn hại, tự giới được khởi tác cho đến tám địa, vô lượng thời gian đều tu tập tất cả tự giới. Vì muốn đem lại lợi ích cho tâm người khác nên hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lìa các tập khí chướng đắc Đại Niết-bàn. Các Đại Bồ-tát này đều khéo làm thanh tịnh tất cả giới, nên biết. Tự mình dựa vào sự chỉ dạy của thầy khác mà trì giới v.v..., đều không thanh tịnh.

Hỏi: Giữ giới có bao nhiêu thứ?

Đáp: *Lược nói thì có một thứ giữ giới:* Là nương dựa nơi tâm không gây tổn hại, tâm không điên đảo phát khởi nghiệp của thân miệng.

Lại có hai thứ: (1) Thọ giới. (2) Giới pháp.

Lại có ba thứ: (1) Học. (2) Vô học. (3) Phi học phi vô học.

Lại có bốn thứ: (1) Thọ giới Ba-la-đề-mộc-xoa. (2) Giới thiên định. (3) Giới vô lậu. (4) Giới xa lìa phiền não.

Giới Ba-la-đề-mộc-xoa: Là thọ giới để giáo hóa thế gian, như bảy chúng đã lãnh nhận giới. *Giới thiên định:* Là giới hữu lậu đã chuyển biến và giới vô lậu đã chuyển biến.

Giới vô lậu: Là giới học, vô học. *Giới xa lìa phiền não:* Là dựa vào sự nhàm chán dục, nẻo trung gian đã được chuyển biến. Sự giữ giới, phá giới của người kia cùng nhân duyên có thể đẩy khởi sự phá giới của người ấy, giới này đối trị phiền não.

Lại, nói hữu lậu: Là dựa vào giới thiên định mà nói. *Nói vô lậu:* Là dựa vào sự thọ giới vô lậu mà nói.

Lại có năm thứ: (1) Giới tạo tác của cõi Dục. (2) Giới tạo tác của cõi Sắc. (3) Giới tạo tác của cõi Vô sắc. (4) Giới không tạo tác. (5) Giới vô lậu không tạo tác.

Lại có sáu thứ như không tham v.v...: Giới tạo tác có ba thứ khác nhau, giới không tạo tác cũng có ba thứ khác nhau.

Lại có bảy thứ: Nghĩa là lia sát sinh cho đến lia lời nói thù dật. Bảy thứ này dựa vào sự sai biệt của tạo tác và không tạo tác, thành mười bốn thứ. Tức bảy thứ này dựa vào không tham v.v... mà khởi, thành ra hai mươi một thứ. Tức bảy thứ này dựa vào sự sai biệt của tạo tác và không tạo tác nên có bốn mươi thứ (?). Dựa vào sự sai biệt lần lượt trong từng sát-na nên có đến vô lượng thứ.

Hỏi: Thế nào là quả của giới?

Đáp: Quả của giới là giới hữu lậu định và giới vô lậu định. Chúng thuộc nơi cõi, dựa vào cõi hệ thuộc, tức là quả tương ưng, nên biết.

Giới vô lậu, do xa lìa phiền não, nên có hai thứ quả. Các Đại Bồ-tát vì cầu đạt Nhất thiết trí nên giữ giới, nhận lấy quả Bồ-đề của Phật. Hành mười nghiệp đạo thiện như lia sát sinh v.v..., được quả tốt đẹp, Đức Như Lai đã giảng nói rộng trong các kinh, nên biết.

Như trong Kinh Sa Già La Long Vương Sở Vấn, Đức Như Lai đã nói: Nay Long vương! Thiện nam, thiện nữ nào lia bỏ sát sinh sẽ được mười thứ pháp mát mẻ xa lìa phiền não nóng bức. *Những gì là mười pháp?* Đó là:

- (1) Thí cho tất cả chúng sinh sự không sợ hãi.
- (2) An trụ trong niệm đại từ.
- (3) Đoạn trừ các thứ tập khí lỗi lầm của những phiền não.
- (4) Nhận lấy quả không bệnh tật.
- (5) Gieo trồng hạt giống sống lâu.
- (6) Được các phi nhân luôn theo bảo hộ.
- (7) Ngủ thức đều yên ổn.
- (8) Không thấy mộng dữ, lia tâm oán hận.
- (9) Không sợ tất cả ngoại đạo.
- (10) Mạng chung sẽ được sinh lên cõi trời.

Đó gọi là mười thứ pháp mát mẻ xa lìa phiền não nóng bức. Nay Long vương! Nếu người nào đem căn thiện không sát sinh hồi hướng về quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thì người đó khi chứng đắc Bồ-đề, tâm sẽ được tự tại. Thế nên, thọ mạng vô lượng, cho đến trong đạo chánh kiến, đều có nói rộng nơi tất cả các kinh, nên biết.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 6

** Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm xả?*

Hỏi: Do nghĩa gì nên nói giữ giới, sau đó mới nói thành tựu tâm xả?

Đáp: Do thấy được lực tạo lợi ích cho người khác. Đây là nêu bày về nghĩa gì? Do Bồ-tát giữ giới, nhờ vào sự giữ giới ấy nên được sinh vào nẻo thiện. Tuy thành tựu tâm xả, nhưng nếu không có đầy đủ của cải vật dụng sinh sống như thế, Bồ-tát không thể tạo lợi ích cho người khác, lại cũng không thể thành tựu tất cả công đức khác. Vì sao? Vì tạo lợi ích cho người khác là thân giữ thế gian, nhưng Bồ-tát kia khi đem lợi ích cho mọi người, lại lìa bỏ tài sản vật dụng, nên không thể thành tựu. Do nghĩa này, dựa vào việc tạo lợi ích cho người khác nên nói giữ giới, sau đó nói về thành tựu tâm xả.

Lại còn có nghĩa: Là giữ giới và tâm xả cùng nương dựa và tạo lợi ích cho nhau. Do sự giữ giới đó có thể làm tăng trưởng tâm xả, tâm xả cũng có thể tạo lợi ích cho giữ giới. Do nghĩa này, nên nói về giữ giới, sau nói đến thành tựu tâm xả.

Lại, vì lìa bỏ giữ giới nên sinh vào nẻo ác, tâm xả không thể nhận giữ quả báo, như quả tương ưng tức không thể hiện tiền đầy đủ. Nhưng nếu người giữ giới sinh vào nẻo thiện, tâm xả tức có thể nhận

quả báo, như quả tương ưng hiện tiền đầy đủ. Do từ nghĩa này, nên giữ giới có thể tạo lợi ích cho tâm xả, tâm xả cũng có thể giúp ích cho giữ giới. Do người giữ giới sinh vào xứ nẻo thiện, nhưng không có tài sản, tức bị nghèo cùng, khổ não bức bách, nên tuy được sinh vào nẻo thiện vẫn coi như là sinh vào đường ác. Thành tựu tâm xả, sinh vào xứ nẻo thiện, là nhân của việc tự lợi và lợi tha. Thế nên Bồ thí có thể tạo lợi ích cho giữ giới.

Lại, do nghĩa thứ lớp tu hành. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là nghĩa Bồ-tát do muốn tạo lợi ích cho chúng sinh nên tu hành. Do đó, theo thứ lớp nhằm tự nhận xét về các công đức được nói ra, nên trước phải trụ nơi giữ giới. Sau đó, dựa nơi tâm không tổn hại, khởi tâm đại từ bi, tạo lợi ích cho người khác bằng pháp thí và tài thí, khiến các chúng sinh kia có thể được thâm giữ để giáo hóa.

Lại, các pháp như Bồ thí v.v... có khả năng làm trang nghiêm cho giới. Câu này nêu rõ về nghĩa gì? Là các Đại Bồ-tát do các pháp như Bồ thí v.v... đã làm trang nghiêm trì giới, nên có thể thành tựu vô số quả thù thắng. Như trong Kinh Sa Già La Long Vương Sở Vấn, Đức Như Lai nói: Nay Long vương! Đại Bồ-tát lìa bỏ sát sinh nên có khả năng hành Bồ thí, tức sẽ thành tựu được giàu có lớn, tài sản không ai có thể phá hoại, được sống lâu. Hành các hành của Bồ-tát, vượt quá mọi việc xấu ác nào hại của các thế gian v.v...

Nay Long vương! Mười nghiệp đạo thiện cũng lại như thế. Bồ thí tức trang nghiêm cho mười nghiệp đạo thiện, thành tựu lợi ích lớn. Giữ giới cũng trang nghiêm cho mười nghiệp đạo thiện, thành tựu hết thảy nguyện của pháp Phật. Nhẫn nhục cũng trang nghiêm cho mười nghiệp đạo thiện, thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, âm thanh vi diệu của Phật. Tinh tấn cũng trang nghiêm cho mười nghiệp đạo thiện, thành tựu pháp Phật, hàng phục tất cả các ma oán địch. Tư duy cũng trang nghiêm cho mười nghiệp đạo thiện, thành tựu văn tuệ, tư tuệ, tư tuệ kiên cố, thanh tịnh. Bát-nhã cũng

trang nghiêm cho mười nghiệp đạo thiện, thành tựu sự xa lìa các thứ tà kiến. Tâm từ cũng trang nghiêm cho mười nghiệp đạo thiện, thành tựu tâm không hại tất cả chúng sinh. Tâm bi cũng trang nghiêm cho mười nghiệp đạo thiện, thành tựu tâm không bỏ tất cả chúng sinh. Tâm hỷ cũng trang nghiêm cho mười nghiệp đạo thiện, thành tựu tâm tu hành pháp Phật không khiến khiếp nhục. Tâm xả cũng trang nghiêm cho mười nghiệp đạo thiện, thành tựu việc xa lìa tâm yêu, ghét. Bốn nhiếp pháp cũng trang nghiêm cho mười nghiệp đạo thiện, thành tựu tâm giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của xả?

Đáp: Là nhằm đối trị tâm tham chấp nơi năm ấm cùng những của cải vật dụng, khởi tâm từ bi, thấu nhận những việc làm đem lại lợi ích cho người khác, nhưng không vướng mắc vào các pháp như nhân quả v.v..., giữ vững sự tu hành, gọi là nghĩa của xả.

Hỏi: Nên nói về nghĩa thành tựu xả. Thế nào là Bồ-tát thành tựu xả?

Đáp: Bồ-tát tự xa lìa những hành vui thích của mình, gọi là thành tựu xả. Nghĩa này là thế nào?

Người ngoại đạo chỉ mong cầu tự giữ lấy an vui nên hành bố thí. Người ngoại đạo đó vì tự thân xả, tuy hành bố thí rộng, nhưng tham ái cảnh giới, nên tâm bị trói buộc, quả báo có được là ít, mỏng.

Lại, hàng Thanh văn, Phật-bích-chi, tuy không cầu quả báo an lạc của thế gian, nhưng tâm hoàn toàn nhận lấy Niết-bàn, từ bỏ việc tạo lợi ích cho chúng sinh, chỉ giữ lấy an vui của Niết-bàn, thế nên công đức của nghiệp đạo như bố thí của họ ít tha, rốt ráo là vì mình, hoàn toàn chỉ nghĩ đến thành tựu quả báo lợi ích cho tự thân.

Lại, Đại Bồ-tát thì vượt quá tất cả thế gian, bậc Đại sĩ vì tạo lợi ích cho mọi người nên phát sinh tâm đại lực kiên cố, khởi tâm đại bi, nhu hòa thuận hợp nên việc bố thí là tối thắng thành tựu rốt ráo.

Lại, thành tựu xả có sáu thứ nhân. Đó là: (1) Từ bỏ an lạc của tự thân. (2) Quán không có chúng sinh. (3) Cầu vô lượng pháp Phật. (4) Thâu giữ vô lượng đời, trụ. (5) Tu tập vô lượng các căn thiện. (6) Không đoạn dứt Tam bảo, do có khả năng thành tựu vô lượng quả báo. Đó gọi là nghĩa Bồ-tát thành tựu xả.

Lại, vì đem lại lợi ích cho người khác với tâm một vị. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Chúng sinh ở thế gian đa phần sống vì tự thân, nên từ bỏ việc làm tạo lợi ích cho mọi người. Vì cầu tự lạc, vì muốn được thọ nhận báo trong hiện tại, vì mong quả vị lai, nên bố thí cho người khác những phẩm vật. Như các Đại Bồ-tát vì nhằm tạo lợi ích cho người khác, chuyên tâm một vị, thấy những chúng sinh nghèo thiếu, không có tài sản là các pháp như Bát-nhã v.v... Do nghĩa này, nên Bồ-tát không tham chấp nơi nhân quả, chỉ dựa vào tài thí, pháp thí, nơi đời hiện tại cùng đời vị lai đều có thể ban cho chúng sinh lợi ích lớn. Thế nên Đại Bồ-tát đã thành tựu xả.

Lại nữa, vì nghĩa của xả là tùy thuận. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Các sự việc như bố thí v.v..., là tùy thuận để thâu giữ hành của chúng sinh. Tức có thể thâu giữ hết thầy chúng sinh, tạo lợi ích lớn. Tuy có tạo lợi ích cho kẻ khác, nhưng các ngoại đạo, hàng Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... thì từ bỏ hành tác lợi ích cho tất cả chúng sinh, chỉ nhằm thành tựu lợi ích cho tự thân. Các Đại Bồ-tát dựa nơi tâm đại từ bi, khởi sự vui thích hành tạo lợi ích cho các chúng sinh như đã cầu được thành tựu như thế. Do từ nghĩa này, nên gọi là thành tựu xả.

Lại, do nghĩa dựa vào việc nhận lấy Bồ-đề Phật nên khởi tâm xả. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Do Đại Bồ-tát, vì ban cho tất cả chúng sinh sự an lạc, nên tự cầu Bồ-đề Phật phát khởi tâm xả. Thấy các chúng sinh thường bị rơi vào nẻo ác, nên Bồ-tát tự bảo: Ta nơi hiện tại cùng đời vị lai, sẽ khiến các chúng sinh xa lìa khổ não. Thế nên Bồ-tát với tâm niệm ấy nên ngày đêm càng tăng thêm việc làm lợi ích cho chúng sinh, gọi là thành tựu xả.

Lại, do có khả năng thâm giữ vô số quả. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Các Bồ-tát hành bố thí là nhằm đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh nơi đời hiện tại và vị lai, vì muốn thâm giữ chúng sinh là khiến họ nhận lấy vô số quả. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu xả.

Như trong Kinh Vô Tận Ý có đoạn nói: “Người cầu xin thức ăn uống thì cho thức ăn uống”. Vì mạng sống, vì yên vui, vì biện tài, vì hình sắc, cả đến thể lực, những thứ mong cầu như thế v.v... Bồ-tát thấy đều thí cho.

Lại, vì xa lìa lối tự sinh sống theo tà mạng cầu tìm của cải. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát hành bố thí Ba-la-mật, là pháp trái ngược với lối sống theo tà mạng tham cầu của cải, nên thấy đều xa lìa. Như trong Kinh Vô Tận Ý, nói: “Đại Bồ-tát không hành theo tà mạng điên đảo, cầu tìm của cải v.v... nơi bố thí”.

Hỏi: Nên nói về xả thanh tịnh và không thanh tịnh. Thế nào là thanh tịnh? Thế nào là không thanh tịnh?

Đáp: Đại Bồ-tát dựa nơi tự tâm thanh tịnh hành bố thí thanh tịnh. Như trong kinh, Đức Như Lai nói: Có bốn thứ bố thí thanh tịnh. Những gì là bốn thứ? Nghĩa là: Có bố thí theo thí chủ thanh tịnh, không phải là người nhận v.v... Ở trong bốn thứ thí thanh tịnh kia, đó là thí chủ thanh tịnh, không phải là người nhận. Đó gọi là Đại Bồ-tát bố thí thanh tịnh.

Lại, từ người thí, người nhận thanh tịnh, cũng gọi là Bồ-tát bố thí thanh tịnh. Vì sao? Vì các Bồ-tát thí cho người khác những phẩm vật, không cầu được quả báo, tức có khả năng thí cho hết thấy chúng sinh.

Lại, người bố thí cầu quả báo, người đó ở nơi biên của người nhận cầu thanh tịnh. Còn Bồ-tát vì xa lìa quả báo, nên nơi tất cả thời thân tâm cũng đều thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh nên bố thí thanh tịnh.

Lại, do xa lìa hốt nhiên bồ thí. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Như trong kinh, Đức Như Lai nói: Có chín thứ thí:

- (1) Thí do gặp.
- (2) Thí do sợ hãi.
- (3) Thí do báo ân.
- (4) Thí do cầu báo ân.
- (5) Thí vì học theo cha mẹ.
- (6) Thí vì cầu sinh lên cõi trời.
- (7) Thí vì nhằm được tiếng khen.
- (8) Thí vì trang nghiêm tâm.

(9) Thí vì pháp quyến thuộc, thí vì công đức tu hành, vì được nghĩa hơn hết.

Thí do gặp: Là được gặp phước điền, cầu sẽ được nhiều quả báo. Lại, thí do gặp nghĩa là quyến thuộc gần, gọi là bồ thí do gặp.

Thí do sợ hãi: Là nhận thấy tất cả vật đều vô thường, hư hoại, nên hành thí.

Thí do báo ân: Là báo ân nên cùng thí. Người đó trước đây đã thí cho ta, ta nay nên thí lại họ.

Thí do cầu báo ân: Là thí để mong sau này sẽ được báo ân.

Thí vì học theo cha mẹ: Là theo đúng việc tu hành trong quá khứ nên khởi tâm như vậy: Cha mẹ ta vốn tinh tấn luôn hành bồ thí, ta cũng nên hành bồ thí như vậy.

Thí vì cầu sinh lên cõi trời: Là thí nhằm cầu có được cảnh giới của năm dục nơi cõi trời.

Thí vì nhằm được tiếng khen: Là thí nhằm khiến các Sa-môn, Bà-la-môn khắp bốn phương đều biết.

Bảy thứ bố thí như thế, đều bị người trí chê trách, do không thanh tịnh.

Lại, người Thanh văn, Phật-bích-chi đều lìa bỏ an vui thế gian cầu an vui của Niết-bàn, nên bố thí như thế cũng không phải là thanh tịnh.

Các Đại Bồ-tát không tham vương nơi tự lạc, chỉ cầu tâm Bồ-đề của chư Phật nên hành bố thí, do vậy ở trong các thứ thí, là thanh tịnh tối thắng. Đó gọi là Bồ-tát bố thí thanh tịnh.

Lại, do Bồ-tát nhận biết đúng như thật về thể của các hành hữu vi. Câu này nêu rõ về nghĩa gì? Do các phàm phu chấp giữ nơi tướng ngã hư vọng, hý luận, tâm điên đảo, nên chỉ mong cầu các sự việc nơi cảnh giới của năm dục lạc. Do lìa mất tuệ, vì bị cấu nhiễm do các thứ phiền não như tham ái v.v..., nên việc xả thí không thanh tịnh.

Đại Bồ-tát thì thấy biết đúng như thật về thể của các hành hữu vi là hư vọng không thật, thế nên xa lìa các tướng như ngã kiến v.v..., cùng có thể xa lìa năm thứ sợ hãi nên không thấy có những vật trong ngoài có thể thí. Không thể xả là do bị ràng buộc, vì mong cầu lợi ích cho kẻ khác. Do có thể xa lìa pháp cấu nhiễm như tự mong cầu an vui. Vì nghĩa này nên gọi là xả thanh tịnh.

Lại, dùng pháp quán không để quán sự phát sinh bố thí. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Tức các Bồ-tát dùng các pháp quán như quán không, để quán về các pháp như bố thí v.v... Do nghĩa này, nên gọi là xả thanh tịnh.

Như trong Kinh Vô Tận Ý, Đức Như Lai nói: “Dùng quán không để quán việc phát khởi bố thí”. Do nghĩa này, nên bố thí là không thể cùng tận v.v...

Hỏi: Nên nói về tướng sai biệt của bố thí?

Đáp: Lược nói tức có một thứ bố thí: Nghĩa là tâm không tham tương ưng với tâm bố thí.

Lại có hai thứ thí: Là thấy có người nhận, không thấy có người nhận. Không thấy có người nhận: Là như đem vật thí để trong lửa, hay trong sông Hằng.

Lại thấy có thí chủ: Là có người thí, có vật thí. Thí này cũng có hai thứ: Là nhiễm và không nhiễm. Nhiễm: Nghĩa là các thứ ăn uống còn lại theo phép nhà, người dâm nữ sửa soạn khéo léo các vật để bố thí. Đó gọi là bố thí nhiễm. Không nhiễm: Nghĩa là thí cho những người nghèo khổ, cô độc v.v... Đó gọi là bố thí không nhiễm.

Lại có hai thứ thí: Là pháp thí và tư sinh thí (Tài thí). Nói pháp thí nghĩa là xa lìa tâm cung kính cúng dường v.v..., ở trong pháp khởi tướng về pháp, xa lìa tâm ái, tâm điên đảo, giảng nói về kinh v.v... Đó gọi là pháp thí.

Lại có ba thứ thí: Là pháp thí, tư sinh thí và vô úy thí. Nói vô úy thí: Là như nói lời thế này: Ông chớ nên sợ hãi! Ông chớ nên sợ hãi! Lại, vô úy thí: Là nhận thấy các chúng sinh có vô số thứ sợ hãi, nên thí cho họ vô úy. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là thấy người khác thường sinh sợ hãi nên ban cho họ tâm không sợ hãi đối với đời này cùng đời vị lai. Nói với họ: Ông chớ nên sợ hãi! Ông không nên sợ gì cả. Tôi sẽ vì ông tạo các phương tiện như thế, như thế. Tùy theo các phương tiện, tôi sẽ trao cho ông nơi chốn hoàn toàn không sợ hãi. Đó gọi là vô úy thí. Sự sợ hãi kia như kẻ nghèo nàn phải chịu nhiều khổ não. Sự sợ hãi này cũng lại như thế, nên đem cho họ pháp đối trị là không sợ hãi.

Lại có bốn thứ thí: Là pháp thí, tư sinh thí, vô úy thí và đại thí. Nói đại thí: Là thọ trì năm giới. Đây là đại thí do Đức Như Lai đã giảng nói, vì có khả năng thâm giữ vô lượng chúng sinh, thành tựu an lạc cho các loài chúng sinh. Tài sản vật dụng, thức ăn uống v.v... dùng bố thí, không thể đem lại lợi ích rộng lớn cho chúng sinh. Thọ trì năm giới tức có thể tạo lợi ích, do có thể suốt đời thọ trì năm giới,

niệm niệm tăng trưởng vô số công đức. Do nương vào tâm căn bản kia, nên các công đức được tích tụ, cho đến mạng căn luôn an trụ không đoạn dứt.

Lại có bốn thứ thí: Bốn thứ thí này tóm lược thành hai: (1) Bất tịnh. (2) Tịnh.

Thí bất tịnh có hai thứ sai biệt: (a) Thí sự sợ hãi. (b) Thí cầu được báo ân. Do nghĩa gì nên gọi là bất tịnh? Như ruộng đất nơi thế gian, vì bị các thứ gai góc, cỏ dại che phủ, nên gọi là bất thiện. Đây cũng như vậy. Do sợ hãi, do cầu được báo ân, nên gọi là thí không tịnh.

Thí tịnh cũng có hai thứ sai biệt: (a) Thí với tâm kính trọng. (b) Thí với tâm từ bi.

Ngoài bốn thứ thí này, còn có *thí thắng thượng*. Như kệ nói:

*Tháp, cầu có tài sản
Tháp nữa, thí vì sợ
Người trí, kính trọng thí
Thắng trí, từ bi thí.*

Lại có bốn thứ thí: (1) Thí vì lợi ích của mình không phải vì lợi ích của người khác. (2) Thí vì lợi ích của người khác không phải vì lợi ích của mình. (3) Thí vì cả hai cùng được lợi ích. (4) Thí vì cả hai cùng không được lợi ích.

Thí vì lợi ích của mình không phải vì lợi ích của người khác: Nghĩa là hàng phàm phu, Thánh nhân điều phục xa lìa phiền não. Hoặc có người không phải điều phục xa lìa phiền não. Hoặc lúc thí cho chư Phật, Như Lai. Hoặc lúc thí cho các hình tượng, chùa tháp. Đó gọi là thí vì lợi ích của mình không phải vì lợi ích của người khác.

Thí vì lợi ích của người khác không phải vì lợi ích của mình: Nghĩa là các vị A-la-hán, A-na-hàm v.v..., vì trừ bỏ quả báo trong hiện tại nên thí cho chúng sinh. Đó gọi là thí vì lợi ích của người khác không phải vì lợi ích của mình.

Thí vì cả hai cùng được lợi ích: Nghĩa là thí cho các phàm phu điều phục, xa lìa phiền não, hoặc là phàm phu chưa điều phục xa lìa phiền não. Đó gọi là thí vì cả hai cùng được lợi ích.

Thí vì cả hai cùng không được lợi ích: Nghĩa là vì trừ quả báo trong hiện tại, nghĩa là các A-la-hán, A-na-hàm v.v... vì chùa, tháp mà bố thí. Đó gọi là thí vì cả hai cùng không được lợi ích.

Lại nữa, lược nói các Đại Bồ-tát có bốn thứ bố thí đều có thể gồm thấu tất cả căn thiện. *Những gì là bốn?* Đó là: (1) Thí với tâm bình đẳng. (2) Thí vì đời trị. (3) Thí vì hồi hướng về Đại Bồ-đề. (4) Thí vì dựa vào tịch diệt. Hành thí như vậy là các Đại Bồ-tát đã hành viên mãn Bồ thí Ba-la-mật, nên biết.

Hỏi: Nên nói về quả của bố thí. Thế nào là quả của bố thí?

Đáp: Lược nói thì bố thí có một quả, đó là thọ dụng.

Lại có hai thứ quả: Là quả thọ nhận nơi hiện tại và quả thọ nhận nơi vị lai.

Lại có ba thứ quả: Là hai thứ này, cộng thêm Bát-nhã.

Lại có bốn thứ quả: (1) Có quả mà không thọ dụng. (2) Có thọ dụng mà không quả. (3) Có quả cũng có thọ dụng. (4) Không quả cũng không thọ dụng.

Có quả mà không thọ dụng: Là thí nhưng không chí tâm, là không tự tay thí, là thí với tâm khinh thường. Người ấy hành thí như thế, tuy được vô lượng các thứ quả báo, nhưng không thể thọ dụng. Như Thiên chủ Xá-vệ, tuy có được vô lượng các thứ châu báu, nhưng không thể thọ dụng.

Có thọ dụng mà không có quả: Là tự mình không thí nhưng thấy người khác hành thí thì khởi tâm tùy hỷ. Do nghĩa này nên tuy được thọ dụng, nhưng tự mình không có quả. Như vật dụng của Thiên tử, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn v.v... tuy được y phục, thức ăn uống để

thọ dụng, nhưng tự mình không có quả. Lại, như bốn binh chủng của Chuyển luân Thánh vương, tuy được y phục, thức ăn uống, nhưng không được quả.

Có quả cũng có thọ dụng: Là chí tâm thí, không thí với tâm khinh thường. Như các Trưởng giả như Trưởng giả Thọ-đề-già v.v...

Không quả cũng không thọ dụng: Là bố thí xong, các nhân bố thí tức diệt hết. Hoặc làm chướng ngại cho đạo Thánh xuất thế. Cũng như Thánh nhân xa lia phiền não.

Lại có năm thứ quả: Đó là được mạng sống, sắc đẹp, năng lực, an lạc, biện tài v.v... Như trong kinh, Đức Như Lai nói: Nhân nơi ăn mà có được mạng sống, vì vậy thí thức ăn tức là thí mạng sống. Do nhân duyên này, nên đời sau sẽ được thọ mạng lâu dài. Như thế, thí sắc đẹp, thí năng lực, thí an vui, thí biện tài v.v... đều cũng như thế.

Lại có năm thứ quả tốt đẹp: Là thí cho cha, mẹ, người bệnh, Pháp sư, Bồ-tát, sẽ được quả báo tốt đẹp.

Cha, mẹ có công ơn sinh thành, nuôi lớn thân mạng mình, nên thí cho cha mẹ sẽ được quả báo tốt đẹp.

Người bệnh là kẻ cô độc đáng thương xót. Vì nghĩa này nên khởi tâm từ bi, bố thí cho người bệnh thì được quả báo tốt đẹp.

Lại, người thuyết pháp có năng lực sinh ra Pháp thân, làm tăng trưởng Pháp thân, chỉ dẫn về nẻo thiện, ác, ngay thẳng, không ngay thẳng, điên đảo, không điên đảo, thế nên người bố thí sẽ được quả báo tốt đẹp.

Lại, các Bồ-tát đều có thể thâm giữ, tạo lợi ích cho chúng sinh. Do tâm luôn vui thích, do không nhân duyên mà có thể khởi tâm từ bi. Do luôn giữ lấy nhân khiến Tam bảo không đoạn dứt. Vì các nghĩa ấy, nên thí cho Bồ-tát sẽ được quả báo tốt đẹp.

Lại có năm thứ quả, tức nơi thân hiện tại đạt được:

- (1) Nhập Tam-muội Từ.
- (2) Nhập Tam-muội Vô tránh.
- (3) Nhập Định diệt tận.
- (4) Kiến đạo.
- (5) Quả vị A-la-hán.

Nếu người Bồ thí, tức được quả báo.

Nhập Tam-muội từ: Là có thể phát tâm ban cho vô lượng chúng sinh sự an lạc ổn định. Vì ban cho vô lượng chúng sinh các an lạc, nên gọi là tâm từ. Do tâm từ này huân tu tự thể, thế nên đầu tiên là khởi Tam-muội tâm từ, tức người Bồ thí thì được quả báo trong hiện tại.

Nhập Tam-muội Vô tránh: Là có khả năng phòng giữ các thứ phiền não của tất cả chúng sinh. Dùng tâm gồm thâm rộng khắp, tạo lợi ích cho chúng sinh, huân tu tự thể, thế nên, đầu tiên khởi nhập Tam-muội Vô tránh, tức người Bồ thí thì được quả báo trong hiện tại.

Nhập Định diệt tận: Là có khả năng thâm giữ vô lượng công đức, dùng vô lượng công đức huân tu tự thể, do Tam-muội này giống như Niết-bàn, thế nên từ đầu, khởi nhập Tam-muội Diệt tận, người Bồ thí tất được quả báo trong hiện tại.

Kiến đạo: Là xa lìa phiền não trong quả vị kiến đạo, dùng lực của đạo Thánh huân tu tự thể. Vì nghĩa này, thế nên đầu tiên khởi nhập kiến đạo, người Bồ thí thì được quả báo trong hiện tại.

Quả A-la-hán: Là xa lìa tất cả phiền não của quả vị tu đạo, tâm được tự tại, thế nên từ đầu, khởi quả của A-la-hán, người Bồ thí tất được quả báo trong hiện tại.

Lại, quả Bồ thí của Đại Bồ-tát như trong Kinh Vô Tận Ý và trong tất cả các kinh khác đều đã nói rộng, nên biết.

Nhưng các Đại Bồ-tát v.v... tu tập và hành trì bồ thí, luôn hơn hẳn các bồ thí của người khác, vì Bồ-tát đã lìa hành tự giữ lấy an vui cho mình, chỉ muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh nên hành bồ thí.

Lại lược nói Bồ-tát vì cầu hai thứ pháp nên hành bồ thí. *Những gì là hai pháp?*

- (1) Cầu có được giàu lớn, nhiều tiền của.
- (2) Cầu được thành tựu Ba-la-mật.

Lại, Bồ-tát khởi tâm như vậy: “Nếu ta không có được nhiều tiền bạc của cải, tuy có tâm bồ thí, nhưng không có tài sản vật dụng để có thể bồ thí”. Thế nên, Bồ-tát mới phát tâm muốn thành tựu sự giàu có lớn, nhiều tiền của để bồ thí cho chúng sinh.

Dựa vào cách bồ thí như thế, Bồ-tát sẽ thí bình đẳng, không phân biệt kẻ oán người thân, mọi người đều nhận được lợi ích như nhau. Bồ-tát thấy rõ, dựa nơi bồ thí sẽ thành tựu được vô lượng phước đức. Lược nêu tức có hai mươi lăm thứ: (1) Có khả năng thâm giữ tất cả oán đối. (2) Luôn cung cấp cứu tế cho hết thảy chúng sinh các vật như y phục, thực phẩm. (3) Tâm niệm không khiếm nhược. (4) Người thân khác không khi dễ. (5) Thường được mọi người kính, tin, tôn trọng. (6) Tất cả quyến thuộc đều tin, nhận lời mình nói. (7) Lúc vào chốn đông người, tâm không sợ hãi. (8) Tất cả kẻ oán địch đều không thể gây tổn hại. (9) Thân thuộc đều hoan hỷ. (10) Quả báo trong hiện tại về tiền của luôn có, không thiếu. (11) Thường được người khác tìm cầu. (12) Mọi việc mình làm đều được thành tựu. (13) Những người vây quanh mình đều có tâm ái kính. (14) Những kẻ không ái kính thảy đều xa lìa. (15) Những thành tựu hiện có là những lợi ích thuộc thế gian và xuất thế gian đều thù thắng, thường được tất cả người thân mến mộ. (16) Nếu không tạo được lợi ích cho tất cả người thân, thì luôn thấy âu lo phiền muộn. (17) Ngăn chặn

hết thấy các điều ác. (18) Tự khiến an trụ trong các pháp thiện. (19) Thấy thân thông của kẻ khác, tâm không vui, chuộng. (20) Luôn tán thán tất cả công đức. (21) Che giấu tất cả lỗi lầm. (22) Từ bỏ hết thấy những gì không phải là tướng trượng phu. (23) Thành tựu tất cả tướng đại trượng phu. (24) Không có kẻ nghèo khổ, thấp kém ăn xin nào thấy mắt của thí chủ. (25) Hết thấy sự việc mong cầu tâm nêu đều đầy đủ.

Do vậy, Đại Bồ-tát thấy rõ hành bố thí có vô lượng công đức như thế v.v... và vì muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên tự mình có thể thành tựu đầy đủ năng lực như vậy.

Tin tưởng, vui vẻ bố thí, là dựa vào sự tin vui khi hành bố thí, nên có thể thực hiện đầy đủ Bố thí Ba-la-mật.

Hỏi: Từ tâm niệm thù thắng nên thành tựu quả báo bố thí thanh tịnh, hay là từ phước điền thù thắng nên thành tựu quả báo bố thí thanh tịnh?

Đáp: Có người nói: Từ tâm niệm thù thắng nên thành tựu quả báo bố thí thanh tịnh. Vì sao? Vì hiện thấy sự việc bố thí là một, mà quả báo có sai biệt, cũng như hạt giống vậy. Nghĩa này là thế nào? Cũng như hạt giống gieo nơi đất v.v... là một, nhưng dựa vào hạt giống tức thấy có quả tốt đẹp. Những vật để thí như thế là một, nhưng dựa nơi tâm niệm thù thắng, kể cả bố thí cho các loài súc sinh v.v... do tâm lực nên được quả báo của hàng người trời, quả báo Chuyển luân Thánh vương, Thanh văn, Phật-bích-chi, Bồ-đề Phật. Chính vì nghĩa này nên dựa nơi tâm thù thắng sẽ được quả báo thù thắng.

Do vậy, được biết tâm thù thắng là quan trọng. Đây lại có nghĩa gì? Nếu sự việc bố thí là quan trọng, thì chỉ dựa nơi sự thí nên thành tựu quả báo bố thí thanh tịnh, vậy thì lia sự bố thí quan trọng đó, chỉ dùng tâm từ bi thí cho các súc sinh, thí cho phước điền, như bố thí cho Phật, tức không thành tựu quả báo của bố thí thanh tịnh. Lại nếu

lia các tâm niệm vui thích, thù thắng, tôn trọng v.v... mà bố thí cho Đức Như Lai, thì phải được thành tựu quả báo của bố thí thanh tịnh, nhưng thật sự thì không thành. Do nghĩa này nên thành tựu quả báo của bố thí thanh tịnh, tâm là nhân thù thắng. Nhưng sự thí nơi phước điền có thể sinh tâm thù thắng. Dựa vào nghĩa ấy, nên trong kinh Đức Như Lai đã ca ngợi phước điền.

Lại có người nói: Dựa vào phước điền thù thắng, dựa vào sự việc bố thí quan trọng nên thành tựu quả báo thanh tịnh. Vì sao? Vì do nghe bố thí, nhưng không biết phước điền đã đạt được quả báo tốt đẹp? Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Tức không biết công đức của Phật v.v... là phước điền, bố thí cho Phật v.v... thì được quả báo thù thắng. Ví như có con khỉ thí mật cho Đức Như Lai và Bà-tu-tra-ca-thi-ca v.v... Lại như người nữ, với tâm ái niệm đem các thứ cờ phướn, lọng, vòng hoa v.v... bản tâm thật sự là nhằm cúng dường tháp đũa trẻ, nhưng thực tế là cúng dường tháp của Phật-bích-chi. Từ việc cúng dường Phật-bích-chi nên được vô lượng phước, không từ bản tâm ở bên đũa trẻ mà được phước. Như thế v.v..., do nghĩa ấy, nên từ phước điền thù thắng, cùng do sự bố thí quan trọng nên được quả báo tốt đẹp, không từ tâm mà được. Vì vậy nên biết, bố thí cho phước điền là quan trọng.

Lại có người nói: Không biết phước điền, không thờ kính phước điền, thì không thành tựu được quả báo của bố thí thanh tịnh. Như có người thí cho Ni-kiền-tử mà sinh tướng là A-la-hán, vẫn không thành tựu được quả báo thanh tịnh.

Lại có người nói: Do ba yếu tố tâm, phước điền và việc bố thí v.v... hòa hợp. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Nếu người bố thí từ chỗ tôn trọng nên khởi tâm bố thí, biết phước điền v.v... có vô lượng công đức, và gặp được phước điền của chư Phật, Như Lai, hoặc đôi khi gặp đệ tử của Như Lai. Từ tâm tôn trọng khởi tâm bố thí, vật có thể thí là sự việc khó xả bỏ nhưng đã xả bỏ để bố thí. Ba thứ ấy hòa hợp

mới thành tựu được quả báo thanh tịnh, nhưng tâm là quan trọng. Do nghĩa ấy, nên trong ba thứ vừa kể, chỉ tâm là quan trọng, là thù thắng, là người chủ có thể xả, là người chủ có thể thí.

Hỏi: Chủ xả bỏ và chủ thí cho có khác biệt gì?

Đáp: Có người đến xin, đem vật của người khác thí cho, đó là chủ có thể thí cho. Còn đem vật dụng của mình thí cho là chủ có thể xả bỏ.

Lại có người đến xin, nếu đem vật dụng của mình thí cho, là chủ có thể thí. Nếu người xin khởi tâm cầu vật quý giá, nhưng im lặng không nói, nhưng mình nhận biết, nên thí cho, là chủ có thể xả bỏ.

Lại, khi bố thí vật, tâm keo kiệt từng lúc hiện ra ngăn cách nhưng vẫn hành thí, là chủ có thể thí cho. Nếu không có tâm keo kiệt, từng lúc khởi như thế, là chủ có thể xả bỏ.

Lại, tuy thí vật cho người khác, do tâm keo kiệt, nên tự cầu quả báo, là chủ có thể thí cho. Nếu thí vật cho người khác, không do tâm keo kiệt để chuyên cầu quả báo cho mình, là chủ có thể xả bỏ.

Tại, lia tâm vui mừng v.v... khi hành bố thí, là chủ có thể thí cho. Cùng tâm hoan hỷ ở trong ba thời hành thí, tâm không hối tiếc, là chủ có thể xả bỏ.

Lại, nếu cầu quả báo thù thắng ở vị lai, là chủ có thể thí cho. Lia quả báo thế gian, cầu quả Niết-bàn, là chủ có thể xả bỏ.

Lại, nếu bố thí mong cầu quả báo hiện tại, vị lai và quả Niết-bàn, là chủ có thể thí cho. Nếu phát tâm cầu quả Đại Bồ-đề, chỉ đem tâm đại bi thí cho chúng sinh, là chủ có thể xả bỏ.

* Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm khéo nhận biết phương tiện hồi hướng?

Hỏi: Vì sao nói giới, thí, sau đây nói về khéo nhận biết phương tiện hồi hướng?

Đáp: Vì muốn chỉ rõ công đức so với đạo khác. Nghĩa này là thế nào?

Người ngoại đạo v.v... thì mong cầu an vui cho mình, nên tu giới, thí là hồi hướng về ba cõi.

Lại, người Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... cũng vì tự thân nên cầu an lạc của Niết-bàn, tức tu giới, thí là hồi hướng về Niết-bàn.

Các Đại Bồ-tát vì tạo lợi ích cho chúng sinh, nên cầu Đại Niết-bàn, dùng tâm từ bi một vị bình đẳng ban vui cho chúng sinh. Vui thích tu hành giới, thí, là hồi hướng về đạo quả Đại Bồ-đề vô thượng. Do giữ giới, bố thí v.v... là đồng với các hàng ngoại đạo, Thanh văn, Phật-bích-chi.

Thế nên, Đức Như Lai chỉ rõ công đức của hồi hướng về đạo thù thắng, nói giới, thí, sau đây nói đến khéo nhận biết phương tiện hồi hướng.

Lại, tu tập giới, thí với tâm tham vương nơi quả báo an lạc của thế gian, thì khó có thể phòng hộ tâm. Do vậy, Đức Như Lai nói về giới, thí, sau đây nói đến sự khéo nhận biết phương tiện hồi hướng. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Vì giữ giới, bố thí v.v... không phải là hành Tam-muội, vì chỉ nhận lấy quả báo của cảnh giới như sắc tinh diệu v.v... trong hàng trời, người nơi cõi Dục. Nhưng cảnh giới như sắc tinh diệu đó, tuy đã đem tâm ngăn chặn các phiền não như tham v.v... nhưng vẫn không thể lìa khỏi được. Vì sao? Vì do từ đời vô thủy nơi quá khứ đến nay, con người đã hành tập theo tham ái, nhiễm đắm nơi cảnh giới, do tâm giữ lấy các cảnh giới như sắc v.v... nên khó phòng hộ. Các Bồ-tát khi tu hành pháp phương tiện của địa, lúc này, tuy chưa lìa các phiền não như tham v.v... nhưng tu tập giới, thí, thì các phiền não như tham v.v... ấy đều không thể cấu nhiễm tâm.

Lại, vì đoạn trừ nghi, vậy nên Đức Như Lai nói giới, thí, tiếp sau mới giảng nói về việc khéo nhận biết phương tiện hồi hướng.

Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Tức trong thế gian có người nghi là Bồ-tát không xa lìa phiền não khi tu tập giới, thí v.v... Do lợi căn, nên quán xét các pháp hữu vi tất cả đều là khổ, không, vô thường. Còn khi tu tập giới, thí, các phiền não như tham v.v... có cấu nhiễm nơi tâm Bồ-tát hay là không cấu nhiễm? Để đoạn trừ nghi ấy, bấy giờ Bồ-tát vì nhằm tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên đã xả bỏ mọi lợi lạc của riêng mình, cho đến không cầu quả báo an lạc nơi xứ của Chuyển luân Thánh vương, chỉ vì đem lại an vui cho hết thảy chúng sinh, nên dốc cầu Bồ-đề Phật, các căn thiện hiện có đều hồi hướng về Niết-bàn. Vì nghĩa này, nên Bồ-tát tuy chưa lìa thế gian, nhưng các thứ lỗi lầm tai họa hiện có của thế gian đều không thể khiến Bồ-tát bị cấu nhiễm.

Lại, dựa vào giới thanh tịnh nên hồi hướng thanh tịnh. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do dựa vào lực của hành giữ giới thanh tịnh, nên Bồ-tát có thể xả bỏ. Do lực của xả, nên các pháp Bồ-tát mong cầu thảy đều thành tựu. Thế nên, Đức Như Lai giảng nói về giới, thí, sau đây mới nói đến phương tiện hồi hướng. Trong kinh, Đức Như Lai đã nói: Người giữ giới, những nguyện ước, các hành tác, thảy đều được thành tựu. Vì sao? Vì giới thanh tịnh.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 7

Hỏi: Nên nói về nghĩa của hồi hướng cùng nghĩa của phương tiện. Thế nào là nghĩa của hồi hướng? Thế nào là nghĩa của phương tiện?

Đáp: Nếu xoay chuyển các công đức của căn thiện có được ở xứ khác, hướng về Bồ-đề Phật, đó gọi là hồi hướng.

Lại, dựa nơi Bồ-đề Phật, khởi tâm tu hành vô lượng thứ môn, nơi tất cả thời, nơi tất cả xứ, đều tập hợp các căn thiện. Vì nhằm chứng đắc Nhất thiết chủng trí, nên dựa vào cảnh giới Bát-nhã của thế đế, tạo phương tiện hồi hướng, khiến các thứ đều chuyển theo. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát đều dựa vào cảnh giới Bát-nhã của thế đế, nhận biết nhân giống quả, tu nhân hữu lượng, tâm sâu xa thành tựu công đức nơi đạo bất cộng của Bồ-tát, tăng trưởng pháp thù thắng, đặt trong vô lượng quả báo. Thế nên gọi là phương tiện hồi hướng.

Lại, do hồi hướng Đồng, Thắng. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Lược nói là Đại Bồ-tát có hai thứ hồi hướng. Đó là:

- (1) Đồng hồi hướng.
- (2) Thắng hồi hướng.

Đồng hồi hướng: Là tất cả căn thiện thay đều hồi hướng về trí Nhất thiết trí.

Thắng hồi hướng: Như trong Kinh Vô Tận Ý, phần Bồ thí quả có đoạn nói: Cần ăn thì cho ăn để có đầy đủ năm thứ quả báo: mạng sống, biện tài, sắc đẹp, năng lực, niềm vui. Cần uống cho uống, để lìa bỏ các khát ái. Như thế, thí y phục thì được sắc đẹp. Thí xe cộ thì được an vui, thí đèn thì được mắt sáng, thí âm nhạc thì được thiên nhĩ thanh tịnh. Như thế, cho đến thí cho cả tùy nã nên được thân kim cang kiên cố, không tan hoại v.v...

Lại, Đồng hồi hướng là ban cho tất cả chúng sinh an vui. Thắng hồi hướng là đối với người chưa có tâm tin, thì khiến có tâm tin. Nếu có người phá giới thì khiến họ trì giới. Người không có văn tuệ thì khiến họ đạt được văn tuệ. Người biếng trễ thì giúp họ được tinh tấn. Người hay quên thì giúp họ nhớ giữ. Người tâm tán loạn thì khiến họ được thiền định. Người không có trí tuệ thì giúp đạt được trí tuệ. Người keo kiệt tham tiếc thì giúp khiến thành tựu tâm xả v.v...

Lại, Đồng hồi hướng là hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Thắng hồi hướng là vì xả bỏ các sự việc bên ngoài. Vì khiến cho tất cả chúng sinh đạt được sự giàu có lớn, nhiều của cải, nên Bồ-tát xả thí tất cả chi phần như tay chân v.v... kể cả các căn, vì muốn cho hết thảy chúng sinh đều đầy đủ tay chân, các căn v.v...

Các thứ hồi hướng như thế v.v... đều được nói rộng trong tất cả các kinh, nên biết.

Lại, Bồ-tát vì muốn làm thanh tịnh cõi nước của chư Phật nên hồi hướng. Nghĩa này là thế nào? Bồ-tát vì muốn làm thanh tịnh bốn thứ nghĩa, nên đối với các pháp trắng như bố thí v.v... đều hồi hướng về Bồ-đề Phật. Những gì là bốn thứ nghĩa? Đó là: (1) Muốn làm thanh tịnh cõi nước của chư Phật. (2) Muốn làm thanh tịnh tâm Bồ-đề. (3) Muốn giáo hóa khiến tâm của chúng sinh được thuận thực, thanh tịnh. (4) Muốn làm thanh tịnh tất cả pháp Phật. Vì không mong đạt được ngôi vị ở thế gian nên Bồ-tát hồi hướng. Không vì

cầu an lạc cho tự thân, nên Bồ-tát hồi hướng. Không vì nhận lấy quả vị Thanh văn, Phật-bích-chi nên Bồ-tát hồi hướng.

Lại, các pháp bố thí được thực hiện để hồi hướng, để xa lìa hết các nhân, là do các Bồ-tát đã nhận lấy nhân của Nhất thiết chủng trí, nên khéo nhận biết phương tiện hồi hướng.

Lại, Bồ-tát có bốn thứ sự việc nếu hành thí thì làm tiêu tan hết các công đức: (1) Không hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. (2) Cầu sinh vào cõi trời, người ở thế gian. (3) Không có phương tiện hồi hướng. (4) Gần gũi tri thức ác. Như thế, tất cả căn thiện có được từ hành thí của Bồ-tát đều mất hết.

Nếu Bồ-tát hành bố thí v.v... có ba thứ pháp thường hiện tiền, bấy giờ các công đức như bố thí v.v... của Bồ-tát nhằm xa lìa hết các nhân, có thể thành tựu Nhất thiết chủng trí. Ba pháp đó là: (1) Chánh biến tri về tâm Bồ-đề. (2) Thương xót chúng sinh. (3) Không trái với lời dạy của Như Lai.

Lại, do thâm nhận phương tiện. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát, cho đến chỉ thâm giữ chút ít căn thiện cũng có thể thành tựu được quả rộng lớn. Là do các chúng sinh ở thế gian hành bố thí, chỉ nhận lấy quả báo của cõi trời, người. Còn các Đại Bồ-tát hành bố thí là nhằm nhận lấy Bồ-đề Phật. Thế nên Bồ-tát thành tựu phương tiện hồi hướng.

Như trong Kinh Phương Tiện, Đức Như Lai có nói: Nay Thiện nam! Đại Bồ-tát dùng trí phương tiện, cho đến đem một bữa ăn để thí cho một người, tức có thể bố thí đầy đủ cho khắp các chúng sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát có trí tuệ phương tiện, nên dùng một bữa ăn, cho đến đem thí cho loài súc sinh, nhưng tâm Bồ-tát luôn nhớ nghĩ đến tất cả chúng sinh, lại đem căn thiện đó đều nguyện hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Bồ-tát bố thí vì hai thứ việc, thế nên bố thí cho các chúng sinh: (1) Cầu địa Nhất thiết trí. (2) Hồi hướng về Đại Bồ-đề.

Lại nữa, này Thiện nam! Đại Bồ-tát dùng sức của phương tiện nên lúc hành bố thí đều đã hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì khi nhìn thấy kẻ đến cầu xin, các Đại Bồ-tát đã tự điều phục tâm keo kiệt, ganh ghét, tăng trưởng tâm đại xả, nên thành tựu được Bồ thí Ba-la-mật.

Lại, các Bồ-tát do tự thân trì giới bố thí cho người trì giới, nếu có người phá giới, đều giúp họ thành tựu trì giới. Đó gọi là Đại Bồ-tát hành Trì giới Ba-la-mật.

Lại, các Bồ-tát hành bố thí với tâm từ, tâm không giận và tâm định. Đó gọi là Đại Bồ-tát hành Nhẫn nhục Ba-la-mật.

Lại, các Bồ-tát bố thí vô số các thức ăn uống đủ loại mềm, cứng v.v... với ba nghiệp thân miệng ý tới lui tiến dùng thuận hợp. Đó gọi là Đại Bồ-tát hành Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại, các Bồ-tát lúc hành bố thí, đều chuyên tâm nơi một niệm, hoan hỷ không tán loạn, không mong cầu việc gì khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát hành Thiền Ba-la-mật.

Lại, các Bồ-tát lúc hành bố thí, đều quán xét pháp tướng: Cái gì là có thể xả bỏ? Cái gì là có thể thọ nhận? Người nào sẽ nhận quả báo? Bồ-tát quán xét như thế và không thấy một pháp nào. Do không thấy một pháp nào, nên không có cái gì là có thể xả bỏ, có thể thọ nhận, có thể nhận quả báo. Đó gọi là Đại Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Những phương tiện như thế v.v... là phương tiện hồi hướng, đã được nói rõ trong các kinh, nên biết.

Hỏi: Nên nói về hồi hướng tịnh, không tịnh. Như trong bố thí có tịnh và không tịnh, thì trong hồi hướng này cũng có tịnh, không tịnh như thế. Vậy thế nào là tịnh, thế nào là không tịnh?

Đáp: Nhân tu hành quả, như trong tất cả các kinh khác đã nói rộng, nên biết.

*** Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm đại từ? Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm đại bi?**

Hỏi: Vì sao Đức Như Lai nói khéo nhận biết phương tiện hồi hướng, sau đây mới nói về thành tựu tâm từ?

Đáp: Vì giữ giới và bố thí là thuộc về công đức tu đạo đối trị tâm tán loạn, nên quyết định sẽ được nhận quả báo ở cõi Dục. Bồ-tát dùng phương tiện hồi hướng để thâm giữ quả báo đã quyết định ở cõi Dục, chuyển đổi đề cầu Đại Bồ-đề, chỉ rõ về quả đó, nhất định không chỉ rõ việc khéo có thể tu tập đạo Bồ-tát.

Lại, trì giới, bố thí là công đức của tu đạo do tâm Tam-muội nên quyết định chiêu cảm quả báo ở địa thiên định. Bồ-tát dùng phương tiện hồi hướng để thâm giữ các quả báo quyết định ở cõi thiên, chuyển đổi đề cầu Đại Bồ-đề, chỉ rõ về quả đó, nhất định không chỉ rõ việc khéo có thể tu tập đạo Bồ-tát. Thế nên, Đức Như Lai giảng nói về phương tiện hồi hướng.

Lại nữa, nói thành tựu tâm từ, câu này nêu rõ về nghĩa gì? Vì các phàm phu không nhận biết đúng như thật về pháp giới chân thật nên từ vô thị đến nay đã hành tập không có trí. Do không có trí nên không thể lìa bỏ các pháp ngã, ngã sở. Vì vọng chấp nơi ngã, ngã sở, nên đối với cảnh giới sắc, tâm bị ái trói buộc. Thế nên, tâm thường cầu quả báo ở thế gian, hành tạo đủ thứ xấu ác, tự nhiên thành quả báo thế gian. Như thế, tu hành giới, thí nhất định thành tựu quả báo đồng cảnh giới.

Nhưng tâm Bồ-tát thấy được hết thấy lỗi lầm tai họa hiện có của thế gian, thấy rõ các lợi ích an lạc của Niết-bàn, khéo có thể nhận biết pháp giới chân thật, khéo nhận biết nhân duyên của các hành hữu vi, tâm của Bồ-tát chỉ vì Bồ-đề vô thượng nên tu tập giới, thí v.v... Vì nhằm cứu độ các chúng sinh nơi thế gian bị đọa lạc vào nẻo hiểm nạn, nên Bồ-tát trì giới, bố thí. Tuy không nhận quả báo thế

gian, nhưng vì các chúng sinh nên Bồ-tát hành tập tất cả pháp thiện. Bồ-tát không vì tự thân để nhận lấy quả báo, chỉ làm tăng trưởng lực công đức lớn từ sự tu tập, để tâm có thể thâm nhận các phương tiện hồi hướng, tùy thuận thành tựu quả báo được cầu.

Hỏi: Nên nói về bốn vô lượng. Thế nào là Bồ-tát thành tựu bốn vô lượng? Thế nào là hành? Thế nào là biện tài của thế gian? Thế nào là thể? Thế nào là tướng? Thế nào là các địa có sai biệt? Dựa vào xứ nào? Quán theo cảnh giới nào? Quán theo pháp nào? Thế nào là tương ưng? Thế nào là chứng đắc? Thế nào là nghĩa thành tựu?

Đáp: Thế nào là Bồ-tát thành tựu bốn vô lượng? Là do bốn vô lượng đó khác với ngoại đạo v.v... Việc này nêu bày về nghĩa gì? Các hàng ngoại đạo tuy cũng tu hành bốn vô lượng, nhưng vì tâm ái tham vương, nên chỉ thành tựu quả báo ở cõi Sắc.

Lại, người Thanh văn, Phật-bích-chi nơi tất cả căn thiện đều vì tự thân, tâm luôn vì sự an vui của tự thân, nên giữ lấy Niết-bàn. Vì sợ phiền não nóng bức, nên điều phục các kiết sử, tu hành vô lượng không phải vì chúng sinh. Còn các Đại Bồ-tát v.v... tâm luôn vì hết thảy chúng sinh nên tu tập các hành, thấy đều chuyển thí cho tất cả chúng sinh, dùng tâm từ bi phát khởi giới, thí v.v..., do muốn đem lợi ích cho các chúng sinh, nên dù bị đủ các thứ bức bách, khổ não, do lỗi lầm tai họa xấu ác của thế gian, nhưng Bồ-tát không hề từ bỏ các chúng sinh. Vì nhằm diệt trừ các khổ não cho mỗi mỗi chúng sinh, khiến các thứ khổ não ấy hoàn toàn vắng lặng, nên Bồ-tát quan sát vô lượng thân của các chúng sinh, trong mỗi mỗi thân có vô lượng vô số khổ não sai biệt.

Lại, Bồ-tát nhận biết đúng như thật về mỗi mỗi phương tiện, nhằm cứu độ chúng sinh ra khỏi vô lượng khổ não. Bồ-tát đã dùng vô lượng thời gian, tuy đã thấy rõ cảnh giới Niết-bàn, nhưng là để quán

vô lượng chúng sinh, có thể thành tựu vô lượng pháp Phật. Do nghĩa này nên gọi là Bồ-tát thành tựu vô lượng.

Lại, do nhận lấy khắp các quả. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Đại Bồ-tát cùng tu hành vô lượng vô biên hành nên hành từ cũng vô lượng v.v... vì vậy Bồ-tát thành tựu vô lượng. Như trong Kinh Vô Tận Ý, Thánh giả Vô Tận Ý nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Này Đại đức Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu tập hành từ cũng không thể cùng tận. Vì sao? Vì hành từ của Bồ-tát là vô lượng vô biên. Tu tập tâm từ là cảnh giới của chúng sinh không có hạn lượng, nên Bồ-tát tu tập tâm từ là phát tâm che trùm khắp.

Này Đại đức Xá-lợi-phất! Ví như hư không, không đâu là không trùm khắp, tâm từ của Bồ-tát này cũng lại như thế. Tất cả chúng sinh đều được che trùm khắp hết.

Này Đại đức Xá-lợi-phất! Như cảnh giới của chúng sinh là vô lượng vô biên, không thể cùng tận, Bồ-tát tu tập tâm từ cũng lại như thế, tức cũng vô lượng vô biên không thể cùng tận. Vì hư không vô tận, nên cảnh giới của chúng sinh vô tận. Vì chúng sinh vô tận, nên Bồ-tát tu tập tâm từ cũng không thể cùng tận v.v....

Lại, vì tạo sự an ổn cho người khác, cho họ công đức, nên Bồ-tát phát tâm tu hành. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Đại Bồ-tát tu tập bốn vô lượng không vì tự thân, mà vì hết thấy chúng sinh, vì muốn đem lại sự an ổn hoàn toàn, cùng cho họ tâm công đức, thế nên Bồ-tát thành tựu. Như trong Kinh Vô Tận Ý, có đoạn nói: Bồ-tát Vô Tận Ý nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Này Đại đức Xá-lợi-phất! Tâm từ này có khả năng tự hộ trì thân mình. Tâm từ này cũng có thể tạo lợi ích cho người khác. Tâm từ này là không tranh cãi. Tâm từ này có khả năng đoạn trừ hết thấy các giận dữ, nghi ngờ, oán hận.

Thế nào là hành giả gọi là có sự chán lia? Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là dựa vào sự chán lia nên đạt được bốn vô lượng. Tức trong lãnh

vực thiền thứ nhất, vô lượng hiện có là do chán lia cõi Dục mà được. Như vậy, cho đến trong thiền thứ tư vô lượng hiện có là do chán lia ba thiền mà được. Về sau này, khi tạo phương tiện là chúng hiện tiền.

Hỏi: Những gì là vô lượng dùng làm phương tiện tu hành?

Đáp: Tâm từ dựa nơi thân ái mà khởi. Câu này nêu rõ về nghĩa gì? Bồ-tát nếu muốn tu hành bốn vô lượng, lúc này tâm đối với hết thảy chúng sinh có ba thứ phân biệt: (1) Phân biệt về thân. (2) Phân biệt về oán. (3) Phân biệt không thân, không oán.

Trong phân biệt về thân lại chia làm ba phần, nơi ba phần đó, đối với những người thân bậc thượng, cùng khởi lên tâm ban cho sự an ổn, vui vẻ. Đó là cha mẹ và những vị Sư Tăng khác được tôn trọng. Do từ vô thủy đến nay, tâm đã quen hành theo nẻo ác, khó có thể bình đẳng, thế nên phải phân biệt báo ân như vậy. Trong phần phân biệt về thân không thể bình đẳng để chuyển tặng cho sự tu tập.

Lại nói đến bình đẳng: Hoặc tâm như trong phần thân tặng thượng kia. Hoặc trong phân biệt về oán tâm trụ nơi bình đẳng, như tâm đem lại an lạc cho cha mẹ không khác. Bấy giờ gọi là thành tựu tâm từ. Tâm bi, hỷ, xả cũng lại như vậy, nên biết.

Nhưng vô lượng xả là từ trong chỗ phân biệt không oán không thân đây khởi mới thành tựu.

Lại, các Đại Bồ-tát không lia phiền não, tu tập địa thiền với vô lượng phương tiện. Nếu đoạn trừ phiền não, thâm giữ thiền thứ nhất vô lượng, như vậy bốn vô lượng theo thứ lớp sẽ thành tựu, nên biết.

Lại, nói bốn vô lượng tức có ba thứ quán: quán chúng sinh, quán pháp, và quán không.

Khi mới phát tâm Bồ-đề, Bồ-tát chưa nhận biết tướng chúng sinh, đồng với quán vô lượng của hàng ngoại đạo, Thanh văn, Phật-bích-chi. Đó gọi là quán chúng sinh vô lượng.

Lại, các Bồ-tát tức quán chúng sinh vô lượng như vậy, theo thứ lớp dần dần tăng trưởng thắng thượng, nhận biết đúng như thật về tướng chúng sinh, tu tập hạnh Bồ-tát, Bồ-tát cũng chưa nhận biết tướng của hết thảy pháp hữu vi, chỉ dựa vào chúng sinh giả danh nơi các hành hữu vi, dấy khởi tướng chúng sinh theo hý luận, tức giữ lấy hành hữu vi này cho là chúng sinh, gọi là quán pháp vô lượng.

Lại, các Bồ-tát có thể nhận biết đúng như thật về hành tướng hữu vi, đạt được pháp nhãn vô sinh. Theo tâm từ, sau đó quán bình đẳng sinh Bát nhã, gọi là tâm từ, là quán không vô lượng.

Như giác phần cùng với tâm từ tương ưng. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Như tâm từ, sau đó sinh giác phần trạch pháp, gọi là từ. Như thế, từ vô lượng kể đến quán bình đẳng được Bát-nhã, gọi là từ vô lượng. Đó gọi là quán không vô lượng.

Lại, các Đại Bồ-tát vì ban cho người khác niềm vui, theo tâm từ, nên khởi tất cả hành. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Đại Bồ-tát dấy khởi các hành đều từ tâm từ sinh ra. Vì đem lại lợi ích cùng tạo an ổn cho các chúng sinh khác, vì chúng được pháp nhãn vô sinh, nên Bát-nhã của Đại Bồ-tát từ nơi tâm từ khởi ban niềm vui và sự an ổn cho tất cả chúng sinh, giống như tâm từ nên gọi là từ.

Lại, pháp nơi cảnh giới Thế đế và pháp nơi cảnh giới Đệ nhất nghĩa đế cùng lần lượt dựa nhau tăng trưởng có lực, nên có thể tu hành rộng, thành tựu quán không, gọi là hoàn toàn thanh tịnh, gọi là tâm từ.

Thế nào gọi là cảnh giới của thế đế làm nhân của Bát-nhã? Do các Bồ-tát thấy rõ thể của các pháp, dựa nơi tâm từ bi quan sát chúng sinh, các hành tác không rơi vào địa Thanh văn và Phật-bích-chi. Do nghĩa này nên các nẻo hành tác không hề bỏ chúng sinh. Đó tức gọi là cảnh giới của thế đế với các pháp như từ bi v.v... làm nhân của Bát-nhã.

Thế nào gọi là cảnh giới của đệ nhất nghĩa đế với từ bi v.v... của cảnh giới thế đế làm nhân của Bát-nhã? Do các Bồ-tát muốn làm thanh tịnh các pháp như từ bi của cảnh giới thế đế, do nhận biết dựa nơi hành tướng khởi các phiền não của chúng sinh, để quan sát hành tướng của chúng sinh bị phiền não cấu nhiễm. Do nhận biết đúng như thật phiền não phát khởi từ hành tướng chúng sinh, thế nên Bồ-tát đã xa lìa hết thảy phiền não, là nhân không thanh tịnh của tâm từ v.v... Đó gọi là Bát-nhã có khả năng làm nhân cho pháp của cảnh giới thế đế. Các Bồ-tát cùng tu hành phương tiện Bát-nhã như thế là tu tập rộng các hành, do vậy thành tựu pháp nhẫn vô sinh. Bấy giờ, Bồ-tát quán không, không bỏ chúng sinh, là nhân của các hành tác.

Tâm từ thanh tịnh rất ráo gọi là tâm từ. Đó gọi là quán không thuộc tâm từ.

Thế nào là biện tài của thế gian? Giải thích về tên gọi vô lượng kia do có thể quan sát vô biên chúng sinh nên gọi là vô lượng.

Thế nào là thế? Thế của tâm từ bi là căn thiện không sân. Vì sao? Vì đó là pháp đối trị sân giận.

Lại, đối trị xử có thể khởi sân giận đó gọi là từ. Đối trị xử không thể khởi sân giận, đó gọi là bi. Lại, đối trị tâm khởi từ bỏ chúng sinh, đó gọi là từ. Đối trị tâm đánh đập chúng sinh, đó gọi là bi.

Đó là do cầu công đức nên có thể sinh ra vô lượng, không phải cầu lỗi lầm nên có thể sinh ra vô lượng. Vì sao? Vì các Bồ-tát cho đến những người đoạn dứt căn thiện, hoặc cầu công đức thấy rõ quả của nghiệp tịnh, cho đến biên A-la-hán, hoặc tìm lỗi lầm thấy rõ quả của nghiệp ác. Vì sao? Vì thấy trong hiện thân của A-la-hán nhận quả của nghiệp bất thiện, không thấy những nghiệp khác của quá khứ không dứt hết, cho là thân hiện tại của A-la-hán tạo ra điều ác. Do nghĩa này, nên đối với A-la-hán không thể phát khởi từ bi vô lượng.

Thê của tâm hỷ là căn hỷ. Thê của tâm xả là căn thiện không tham.

Hỏi: Nếu như thê tức không phải là pháp đối trị của tham dục và căn hại v.v...?

Đáp: Không đúng. Do căn thiện không giận là pháp tương ưng nên nói như thế.

Hỏi: Nếu tâm xả có thê đối trị pháp tham, thì quán bất tịnh cũng đối trị pháp tham chăng?

Đáp: Ông nhận biết những pháp tham nào, tâm xả có thể đối trị? Và những pháp tham nào quán bất tịnh có thể đối trị?

Hỏi: Tôi không biết.

Đáp: Ông có nghe nói: Tham sắc thì quán bất tịnh có thể đoạn trừ. Tham dâm thì tâm xả có thể đoạn dứt. Bốn vô lượng này cùng với tâm lần lượt làm thê cho năm ám.

Thê nào là tướng? Đem tướng an vui ban cho chúng sinh, khiến chúng sinh được yên ổn, đó gọi là tướng của từ. Cứu vớt tướng khổ của chúng sinh, đem lại các tướng vắng lặng, tịch tĩnh, do thương xót chúng sinh, đó gọi là tướng của bi. Xa lìa tâm không vui thích, là pháp đối trị tánh ganh ghét, đó gọi là tướng của hỷ. Bỏ tướng ái, không ái, là pháp trái với nhân hành tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, tự nhiên hiện bày tự tại, đó gọi là tướng của xả.

Thê nào là các địa có sai biệt? Trừ hỷ vô lượng, còn ba vô lượng kia hiện có trong sáu địa, nên biết. Sáu địa đó là thiền vị lai, thiền trung gian và bốn thiền căn bản. Thiền thứ nhất, thiền thứ hai có hỷ vô lượng, ba vô lượng còn lại đều hiện hữu khắp trong bốn thiền, do hỷ vô lượng lấy hỷ căn làm thê.

Dựa vào xứ nào? Dựa vào cõi Dục. Bốn vô lượng hiện khởi trong cõi Dục, không phải ở xứ khác. Vì sao? Vì chúng sinh ở cõi Dục có nhiều khổ não. Thấy chúng sinh khổ, nên khởi tâm ban cho an vui.

Thấy chúng sinh khổ nên khởi tâm cứu vớt khổ. Do ở cõi Sắc, Vô sắc không có khổ não. Lại, là pháp đối trị não hại. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Vì bốn vô lượng là sự đối trị các pháp như hại v.v... Do nghĩa này, nên trong kinh nói: Tu hành tâm Từ ở bậc thấp, vừa và cao, thì thành tựu sự liả bỏ tâm hại. Tu hành tâm Bi ở bậc thấp, vừa và cao, thì thành tựu sự liả bỏ tâm giận. Tu hành tâm Hỷ ở bậc thấp, vừa và cao, thì thành tựu sự liả bỏ tâm không vui thích. Tu hành tâm Xả ở bậc thấp, vừa và cao, thì thành tựu sự liả bỏ tâm tham dục hại. Ở cõi Sắc, Vô sắc, tham dục, hại thấy đều không có v.v... Do nghĩa này, nên không phải ở cõi Sắc và Vô sắc phát khởi bốn vô lượng, mà ở trong cõi Dục, chỉ nơi ba châu thiên hạ không phải ở châu Uất-đơn-việt.

Quán theo cảnh giới nào? Nghĩa là Từ quán về an lạc. Bi quán về cứu khổ. Hỷ quán về cảnh giới hỷ. Xả quán về cảnh giới xả.

Quán theo pháp nào? Nghĩa là quán về thân năm ấm của chúng sinh trong cõi Dục, hoặc quán hai ấm. Lại, nếu đồng tâm, đồng loại, tức là năm ấm. Nếu không đồng tâm, đồng loại, đó là hai ấm. Hoặc quán chúng sinh không có tâm. Hoặc quán chúng sinh có một ấm. Hoặc quán chúng sinh chỉ có hai ấm.

Hỏi: Trong kinh có nói: Từ bi hỷ xả hiện hữu khắp một phương nơi hư không pháp giới, như vậy cho đến trùm khắp cả mười phương thế giới. Ở đây chỉ nói quán chúng sinh, nghĩa đó là thế nào?

Đáp: Hiện hữu khắp mười phương: Nghĩa là quán hết thấy chúng sinh hiện có dựa nơi thế giới mà trụ, nên nói là trùm khắp mười phương thế giới, không phải cho là trùm khắp khí thể gian kia. Nói trùm khắp, là chỉ rõ về chúng sinh hiện có trụ nơi khí thể gian kia.

Lại, ở địa thiên thứ nhất quán vô lượng chúng sinh trong cõi Dục. Ở địa thiên thứ hai quán vô lượng nơi cõi Dục và thiên thứ nhất. Như thế, cho đến địa thiên thứ tư quán vô lượng nơi cõi Dục, cho đến thiên thứ ba.

Lại, ở địa thiên thứ nhất quán vô lượng nơi cõi Dục và thiên thứ nhất. Như thế, cho đến địa thiên thứ tư quán vô lượng nơi cõi Dục, cho đến thiên thứ tư.

Lại, Từ quán ở cõi Dục cho đến thiên thứ ba. Vì sao? Vì tâm từ quán cảnh giới an vui. Lại, căn lạc hiện có từ cõi Dục, cho đến thiên thứ ba.

Bi quán từ cõi Dục cho đến thiên thứ nhất. Vì sao? Vì tâm bi quán cảnh giới khổ, do chúng sinh trong cõi Dục có nhiều khổ não. Lại, căn khổ sinh khởi từ cõi Dục cho đến thiên thứ nhất.

Hỷ quán từ cõi Dục cho đến thiên thứ hai. Vì sao? Vì tâm hỷ có tướng vui vẻ, phấn khích. Lại, căn hỷ phát sinh từ cõi Dục cho đến thiên thứ hai.

Xả quán từ cõi Dục cho đến thiên thứ tư. Vì sao? Vì quán xả là tướng xả bỏ. Lại, căn xả phát sinh từ cõi Dục cho đến thiên thứ tư.

Lại có người nói: “Tất cả vô lượng chỉ quán chúng sinh ở cõi Dục”.

Thế nào là tương ưng? Địa thiên thứ nhất và thiên thứ hai tương ưng với căn hỷ, căn xả. Địa thiên thứ ba tương ưng với căn lạc, căn xả. Thiên vị lai, thiên trung gian và địa của thiên thứ tư đều tương ưng với căn xả.

Thế nào là chứng đắc? Nếu sinh ở thiên thứ ba và thứ tư thì chứng được ba thứ vô lượng, trừ hỷ vô lượng. Vì sao? Vì từ ba thiên trở lên không có căn hỷ.

Lại, sinh ở cõi Dục lìa phiền não cùng sinh ở thiên thứ nhất, thiên thứ hai chứng đắc bốn thứ vô lượng. Như trong kinh Đức Như Lai nói: “Từ vô lượng là đến xứ Biến tịnh, dùng làm biên vực. Bi vô lượng là đến xứ hư không, dùng làm biên vực. Hỷ vô lượng trên đến xứ Thức vô biên, dùng làm biên vực. Xả vô lượng là đến xứ Vô sở hữu, dùng làm biên vực. Vì sao? Vì thuộc về thiên thứ nhất căn bản.

Đây là nói rõ về nghĩa gì? Vì vô lượng là phát sinh từ xứ Vô biên hư không dùng làm biên vực nên nói như thế”.

Lại có người nói: “Đạo Thánh của xứ đó lấy danh từ vô lượng để nêu bày. Vì sao? Vì có thể giáo hóa chúng sinh có căn tánh như thế, vì nhờ nghe danh từ vô lượng, nên được hội nhập đạo Thánh”.

Lại có người nói: “Vì dựa nơi sự đối trị theo phần giác phần Bồ-đề mà nói”. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do phần giác đối trị thiền thứ ba, tức là phần giác của thiền đó dùng tên từ mà nói. Cứ như thế cho đến xứ Vô sở hữu, dựa vào pháp đối trị kia và dùng tên xả mà nói.

Lại có người nói: “Vô lượng kia là pháp tương tự”. Câu này nêu rõ về nghĩa gì? Từ quán an vui, thọ nhận an vui, cho đến trong thiền thứ ba dùng bi quán khổ, nhưng xứ Vô biên hư không lại mâu thuẫn với sắc. Do hỷ quán không vui, nhưng xứ thức vô biên thì thức hỷ an trụ. Do xả quán xả, nhưng xứ Vô sở hữu xả bỏ “vô sở xả”, nên nói là xả.

Lại, trong Tu-đa-la khác cũng có đoạn nói: Nay Đại đức Xá-lợi-phất! Bồ-tát mới phát tâm dùng bốn vô lượng quán nơi chúng sinh, gọi là quán chúng sinh. Đại Bồ-tát hành trì hạnh Bồ-tát, quán những việc mình đã làm, nên gọi là quán pháp. Các Đại Bồ-tát đã chứng được pháp nhẫn vô sinh thâm diệu, nên gọi là quán không.

Hỏi: Bốn vô lượng là quán nơi chúng sinh, vì sao lại nói là quán pháp, quán không?

Đáp: Vì tất cả hành đều nhằm đem lại lợi ích cho người khác, do Từ là pháp tương tự. Câu này nêu rõ về nghĩa gì? Đại Bồ-tát vì các chúng sinh nên tu tập hết thảy hành, đều lấy Bát-nhã làm gốc, thế nên Bát-nhã lấy tên gọi từ để nói. Vì tướng của từ nơi Bát-nhã đó có thể cho người khác niềm vui. Như thế, Bồ-tát xả bỏ an lạc của tự thân, nên Bát-nhã Ba-la-mật là tướng ban an vui cho người khác. Do vậy, Bát-nhã lấy tên gọi Từ để nêu bày. Do đó, quán pháp, quán không đều là từ bi nơi Bát-nhã.

Lại có người nói: Tâm từ quán không là lấy tên gọi Từ để nói. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát quan sát chúng sinh, lại vì tự thân tìm cầu phương tiện xa lìa phiền não, lại quán các hành hữu vi, khi được tâm vô lượng sâu xa, tức là đạt được lực của Bát-nhã rốt ráo. Bồ-tát nghĩ như vậy: Các chúng sinh ấy vì bị không trí che lấp, nên không thể thấy, biết đúng như thật về pháp giới. Ta sẽ khiến họ dần dần theo thứ lớp để được nhập nơi chánh đạo.

Lại, trong Tu-đa-la khác cũng có nói: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Về quá khứ bảy năm Ta tu hành tâm từ thế giới thành hoại đã trải qua, do bảy lần không sinh trở lại nơi này, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn kiếp làm Chuyển luân Thánh vương.

Hỏi: Nếu nói quả báo của bốn vô lượng đạt được, không phải là ở cõi Dục, thì vì sao trong kinh Đức Như Lai lại nói là đạt được quả báo do tu hành vô lượng, cho đến được làm Chuyển luân Thánh vương trong vô lượng trăm ngàn vạn kiếp?

Đáp: Trong kinh đó đã dựa vào vô lượng của ba địa nên nói như thế. Nghĩa này là thế nào? Có quả báo vô lượng của địa nơi cõi Dục là được làm Chuyển luân Thánh vương. Có quả báo vô lượng của địa nơi thiên thứ nhất là được làm Phạm Thiên vương. Có quả báo vô lượng của địa nơi thiên thứ hai là được sinh lên cõi trời Thiếu Quang.

Lại, ở cõi Dục, khởi tâm Tam-ma-bạt-đề, thì quả báo hiện có là được làm vua Đê-thích và Chuyển luân vương. Ở thiên địa căn bản thì quả báo hiện có là được làm Phạm Thiên vương, sinh nơi cõi trời Thiếu Quang.

Lại, trong Tu-đa-la khác có đoạn nói: Phật bảo: Nay các Tỳ-kheo! Về đời quá khứ, lúc ấy có sư ngoại đạo tên là Thiện Nhân Thế Tôn. Sư ngoại đạo Thiện Nhân Thế Tôn kia đạt được thần thông, lìa phiền não thuộc cõi Dục. Nay các Tỳ-kheo! Sư ngoại đạo Thiện Nhân Thế Tôn ấy có vô lượng Thanh văn, còn đệ tử thì có vô lượng trăm, vô lượng ngàn, vô lượng vạn, vô lượng trăm ngàn vạn.

Này các Tỳ-kheo! Sư ngoại đạo Thiện Nhân Thế Tôn ấy hiện có chúng Thanh văn giữ giới đầy đủ. Những người ngoại đạo ấy tu tập bốn phạm hạnh, lia phiền não nơi cõi Dục, tu bốn phạm hạnh, được sinh lên cõi trời Phạm Thế.

Này các Tỳ-kheo! Sư ngoại đạo Thiện Nhân Thế Tôn kia hiện có nhiều đệ tử không thể tu tập đầy đủ bốn phạm hạnh, nên trong số các đệ tử ấy, hoặc có người sinh lên cõi trời Tha-hóa-tự-tại, có người sinh trong cõi người.

Bấy giờ, Sư ngoại đạo Thiện Nhân Thế Tôn ấy khởi tâm như vậy: Nay ta không biết nên làm thế nào để cùng với đệ tử đi đến một xứ, sinh ở một xứ. Lại khởi suy nghĩ: Ta nên dựa nơi tâm từ, tu tập thiền thứ hai, sinh lên cõi trời Thiếu Quang.

Này các Tỳ-kheo! Lúc ấy, Sư ngoại đạo Thiện Nhân Thế Tôn đã tu tập tâm từ thượng đại, nhập thiền thứ hai, sinh nơi thiên thứ ba v.v...

Hỏi: Nếu các Đại Bồ-tát v.v... vì tạo lợi ích cho người khác nên đối với các chúng sinh khởi tâm bình đẳng, thì vì sao lại tự sinh tâm thù thắng, tâm từ tu tập thiền thứ hai, sinh lên cõi trời Thiếu Quang, mà không giảng nói pháp sinh lên cõi trời Thiếu Quang cho các đệ tử?

Lại có vấn nạn: Sư ngoại đạo Thiện Nhân Thế Tôn kia, có pháp đã giảng nói hơn hẳn pháp của Phật. Vì sao? Vì họ đều được sinh trên nẻo thiện, còn hàng Thanh văn của Như Lai có người bị đọa vào nẻo ác?

Đáp: Ở đây không có lỗi lầm. Vì sao? Vì Bồ-tát đều quán xét căn cơ khi giảng nói pháp. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do ngoại đạo Bà-la-môn v.v... kia trong đêm dài sinh tử đã có sự suy nghĩ: Đầu tiên, cho xứ Phạm thiên là nơi chốn tốt cùng, thuận theo tâm ưa thích nên sinh lên xứ đó, không thể tu hành bốn vô lượng để được sinh lên thiên thứ hai. Do nghĩa này, Bồ-tát khéo nhận biết tâm của đệ tử mình, nên không nói pháp tu tập bốn vô lượng cho họ để được sinh lên thiên thứ hai.

Lại, do không có năng lực. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Có người nói: Ngoại trừ Đức Phật xuất hiện ở đời, không ngoại đạo nào có khả năng tu đủ hai thiên vô lượng để sinh lên thiên thứ hai, chỉ trừ các Bồ-tát đại lực v.v...

Lại nói: Pháp của ngoại đạo vượt hơn pháp của Phật: Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì ngoại đạo nhận lấy quả báo ở thế gian.

Lại, do vì thời tiết. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Có thời gian như thế, có nhiều chúng sinh sinh vào xứ của nẻo thiện, hưởng chi lại có vô lượng chúng sinh tu hành vô lượng.

Lại nói: Đệ tử của Như Lai có người bị đọa vào đường ác, điều đó không phải lỗi ở Như Lai.

Lại, trong Tu-đa-la khác có nói: Có ba thứ hạnh: Phạm hạnh, Thiên hạnh, Thánh hạnh. Phạm hạnh là bốn vô lượng. Thiên hạnh là bốn thiên. Thánh hạnh là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề.

Hỏi: Do nghĩa gì nói bốn vô lượng gọi là Phạm hạnh?

Đáp: Do bốn vô lượng là nhân của Phạm thiên. Lại do người tu hành có thể chứng đắc từ trong thân. Lại do để đối trị phi phạm hạnh.

Hỏi: Vì sao các căn thiện ở trong cõi Sắc, chỉ nói vô lượng dùng làm việc phước?

Đáp: Vì tạo lợi ích cho người khác. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Người thế gian phần nhiều ở trong lợi ích của người khác sinh tướng công đức. Còn trong những lợi ích còn lại thì không sinh nhiều như vậy.

Hỏi: Trong Tu-đa-la khác lại có nói: Có bốn hạng người có thể sinh công đức của Phạm thiên. Đó là: (1) Nơi đất thuộc khí thế gian, chốn nào chưa có tháp thì xây tháp. (2) Trồng tạo vườn rừng để thí cho Tăng bốn phương. (3) Hòa hợp lại trước sự phá hoại Tăng. (4) Có thể sinh khởi bốn tâm vô lượng.

Hỏi: Nếu tu bốn vô lượng, được quả sinh lên cõi Phạm thiên, được nói là thành tựu quả của Phạm thiên. Ba thứ như xây tháp v.v... được quả Phạm thiên v.v..., nghĩa này là thế nào?

Đáp: Vì dựa nơi phạm hạnh để nói nên không có lỗi. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Chẳng phải lập dựng tháp v.v... là thành tựu quả Phạm thiên. Nếu có người dựa vào phạm hạnh nơi Như Lai, xây tháp Xá-lợi, người đó có thể sinh công đức của phạm hạnh.

Lại, dựa vào người tu phạm hạnh, bố thí vườn rừng, người thí cho như thế, thành tựu được phước của phạm hạnh.

Lại, dựa vào đạo Thánh tu tập phạm hạnh, tạo hòa hợp trước sự phá Tăng, sẽ được quả báo của Phạm thiên.

Lại do pháp tương tự kia. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Ba thứ thành tựu quả báo Phạm thiên từ việc xây dựng tháp v.v... công đức có được không phải hoàn toàn như nhau. Quả của bốn vô lượng thì công đức kia chỉ có phần ít nghĩa tương tự. Như người thành tựu bốn tâm vô lượng, người đó sẽ thâm nhận thành tựu vô lượng công đức lợi ích cho chúng sinh. Đây cũng như thế. Nếu người ở trong khí thế gian kia, nơi chốn chưa có tháp, xây tháp Xá-lợi, thí cho Tăng vườn rừng, tạo hòa hợp loại bỏ sự phá Tăng, người đó có thể thành tựu vô lượng phước đức. Vì thế nên nói: Tu tập bốn vô lượng cùng ba thứ hành như xây tháp v.v... đều có nghĩa tương tự.

Hỏi: Công đức của phạm hạnh về lượng như thế nào?

Đáp: Có người nói: Tùy thuộc vào những hành nghiệp nào nên được làm Chuyển luân Thánh vương bốn châu thiên hạ, uy lực tự tại. Công đức của phạm hạnh về lượng là như thế.

Lại có người nói: Tùy thuộc vào những hành nghiệp nào nên được làm Đế Thích Thiên vương uy lực tự tại. Công đức của phạm hạnh về lượng là như thế.

Lại có người nói: Tùy thuộc vào những hành nghiệp nào nên được làm Ma vương ở trong cõi Dục sức mạnh tự tại. Công đức của phạm hạnh về lượng là như thế.

Lại có người nói: Tùy thuộc vào những hành nghiệp nào nên được sinh vào cõi Phạm thiên. Công đức của phạm hạnh về lượng là như vậy.

Lại có người nói: Phạm thiên thỉnh Phật chuyển pháp luân, theo đó nên được phước báo, lượng công đức của phạm hạnh là như thế.

Hỏi: Lại có những kinh khác, trong đó Đức Như Lai đã nói: “Nếu người có thể thành tựu tâm từ, thì công đức của người ấy, lửa không thể đốt cháy, nước không thể cuốn trôi, đao không thể chặt đứt, các độc không thể hại, sống lâu không bị chết yểu”. Do nghĩa gì mà nói như thế?

Đáp: Cảnh giới hiện có của chư Phật Như Lai là không thể nghĩ bàn. Tất cả thiên định cũng không thể nghĩ bàn. Tất cả các nghiệp cũng không thể nghĩ bàn.

Lại có người nói: Nếu người có khả năng ban cho vô lượng chúng sinh vô lượng sự yên ổn, do vậy nên nói là người ấy, các nhân duyên bên ngoài đều không thể gây tổn hại.

Lại, người đó nhớ nghĩ đến bốn đại của cõi Sắc. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Do người ấy tu tập tâm từ về con người, nhập vào tâm từ, dựa vào cõi Sắc, thành tựu thân bốn đại của cõi Sắc. Vì nghĩa này nên các nhân duyên bên ngoài không thể tổn hại.

Hỏi: Do nghĩa gì trong kinh này chỉ nói tu hành tâm từ, tâm bi được nhiều công đức, không nói đến tâm hỷ, tâm xả?

Đáp: Do tu hành, phần nhiều là nhằm đem lại lợi ích cho mọi người. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Vì tu tập tâm Từ, Bi là ban vui và cứu khổ. Nương nơi Từ, Bi nên khởi tâm tu hành về xả, thí v.v... được

vô lượng phước. Còn Hỷ, Xả thì không thể như thế. Nghĩa này là thế nào? Do tâm Hỷ kia khi thấy chúng sinh khác tự tu nghiệp thiện, tự nhận được an vui, nên người kia sinh Hỷ. Vì thế nên như Hỷ, Xả cũng như vậy. Do chúng sinh khác tự tâm phân biệt, tâm giận dữ, tâm yêu thương, tâm không tổn hại, nên gọi là Xả. Vì nghĩa này, nên Hỷ, Xả phước ít, Từ, Bi phước nhiều. Do tâm Từ, Bi đã thành tựu việc ban cho người khác vô lượng an vui, lợi ích, không phải do tâm hỷ, tâm xả thành tựu. Vì đối trị với giận dữ, gọi là tâm từ. Căn thiện không giận dữ dùng làm thể, do nghĩa đối trị tối thắng với giận dữ. Vì sao? Vì do tâm giận dữ nên xả bỏ các chúng sinh, trái ngược với việc đem lại lợi ích cho tất cả các loài. Thế nên, Bồ-tát vì muốn đem lại lợi ích cho tất cả các loài, tức nên đối trị những gì là không lợi ích. Nhân đây, trong kinh này đã nói đến tu hành đối trị do tâm Từ, Bi v.v...

Lại, phát tâm Bồ-đề, tu các hành thiện đều lấy tâm từ, bi làm gốc. Câu này nêu rõ về nghĩa gì? Tức trong Tu-đa-la này nói đến tâm không thoái chuyển, thành tựu nhân của việc phát tâm Bồ-đề. Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, đầu tiên mới sinh là đã dựa nơi tâm từ bi làm gốc, nên có thể tu tập vô lượng công đức, không phải là tâm hỷ, tâm xả v.v... Do từ nghĩa ấy, nên trong kinh này chỉ nói tâm từ, bi sinh nhiều công đức, không nói tâm hỷ, tâm xả. Vì vậy, trong Kinh Thập Địa đã nói: “Bồ-tát ấy phát tâm Bồ-đề, tâm này lấy đại bi làm gốc. Như thế v.v... là thành tựu trọn vẹn được nghiệp thân miệng ý đại từ, đại bi”.

Lại, Tam-muội nơi nghiệp thân miệng ý này dựa nơi tâm từ bi mà khởi ban cho tướng an lạc nên gọi là tâm từ. Do thấy nhân trong thế gian nên nói về quả. Ví như vẽ một bức tranh với cây cảnh trang trí, rồi từ trong nhân nói quả, thành tựu nghiệp thân miệng ý không hại, dùng bi để đối trị tâm hại, không sinh nghiệp thân miệng ý nào loạn người khác.

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 8

** Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu sự khéo nhận biết phương tiện?*

Hỏi: Do nghĩa gì nên nói về vô lượng, sau đây mới nói về thành tựu sự khéo nhận biết phương tiện?

Đáp: Vì nhằm chỉ rõ do lực của phương tiện nên thâm giữ việc tu tập, hành trì bốn vô lượng, thuận theo tâm mình thọ nhận quả báo, như nói thuận theo bốn đại. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Lược nói, Bồ-tát có hai thứ phương tiện thiện xảo tạo lợi ích. Vì hết thấy các ngoại đạo đều không có phương tiện thiện xảo của đệ nhất nghĩa đế, nên tu hành vô lượng đã bị tâm ái tước thấm chỉ đạt được quả ở cõi Sắc.

Lại, các người Thanh văn, Phật-bích-chi, vì tâm giữ lấy Niết-bàn, cho là cứu cánh, nên từ bỏ căn thiện tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Từ bỏ Thế đế hành tạo các nghiệp, tâm chuyên vì lợi ích tự thân, nên không thể tu tập đúng như thật về bốn vô lượng, không có khả năng đoạn trừ rốt ráo các thứ phiền não, chỉ có thể điều phục chúng. Các Đại Bồ-tát tức có khả năng nhận biết đúng như thật về hai pháp hữu vi và vô vi. Quan sát chúng sinh nên không bỏ hữu vi, tuy nhận biết đúng như thật về vô vi tịch tĩnh. Do thành tựu tất cả pháp Phật nên không rơi vào nẻo hữu vi. Do mọi việc tu tập hành trì đều vì tạo lợi ích cho chúng sinh. Do nhận biết đúng như thật về tự

tướng và đồng tướng. Do không thể thuận theo tâm tự ý quyết định đạt quả báo thanh tịnh nơi cõi Sắc, nên Bồ-tát hành bốn vô lượng, tâm ái không thể tưới thấm, nhưng tâm tùy thuận thành tựu quả báo, như tùy thuận vào bốn đại. Việc này nêu rõ về nghĩa gì? Như tướng của bốn đại không phải là thành tựu từ đệ nhất nghĩa đế. Như người thiên định thuận theo tâm lực mà có thể lìa bỏ tự tướng của bốn đại. Đây cũng như thế. Tuy lại thành tựu tướng của pháp hữu vi, nhưng vì các Bồ-tát đã làm thanh tịnh các thứ công đức giữ giới, tu tập bốn vô lượng, thuận theo tâm lực, thành tựu quả báo, nhưng không tùy thuận bốn tâm vô lượng. Do từ nghĩa này, nên trong Kinh Thánh Giả Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn, Đức Như Lai đã nói: Nếu các Đại Bồ-tát v.v... thành tựu bốn pháp, tu hành bốn thiện, sinh trong cõi Dục. Bốn pháp đó là: (1) Được tâm tự tại. (2) Đầy đủ các căn lực thiện. (3) Quan sát tất cả chúng sinh. (4) Tu hành phương tiện Bát-nhã. Thế nên chỉ rõ phương tiện thâm giữ tu hành vô lượng theo tâm nhận quả. Do đó, nên Đức Như Lai nói về bốn vô lượng, sau đây mới nói đến phương tiện.

Hỏi: Nên nói về nghĩa của phương tiện. Thế nào là nghĩa của phương tiện?

Đáp: Tiếp theo là nói về nghĩa của phương tiện, có hai thứ: (1) Nghĩa cầu điều khác biệt. (2) Nghĩa không xả bỏ hai. Tâm tu tập các hành, trí tuệ quan sát gọi là phương tiện. Câu này là nêu bày về nghĩa gì?

Nghĩa cầu điều khác biệt: Là các Bồ-tát v.v... không phải vì cầu chứng đắc quả hiện tiền của Thánh đạo, cũng không phải vì tâm chán các thứ khổ não của thế gian, nên muốn từ bỏ thế gian, chỉ vì nhằm đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, còn tự thân thì chứng Đại Bồ-đề. Phương tiện là vì giáo hóa chúng sinh, là phương tiện chứng đắc Bồ-đề, cùng nhằm làm thanh tịnh các hành như đại bi v.v... chứng đắc pháp Bồ-đề, vượt quá quả vị tu chứng của hàng

Thanh văn, Phật-bích-chi. Các pháp được đối trị là đạo công đức v.v... Bồ-tát đã chứng đắc quả vị hiện tiền của đạo Thánh, gọi là nghĩa cầu điều khác biệt.

Nghĩa không xả bỏ hai: Là tâm của Bồ-tát không bỏ Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Bồ-tát đã thấy rõ tất cả pháp hữu vi đều là vô thường, nên quan sát chúng sinh không bỏ các pháp hữu vi, không xa lìa pháp hữu vi, cũng không bỏ pháp vô vi. Như vậy, Đại Bồ-tát hành trì Bát-nhã, tức là tạo nhân không thoái chuyển, nên nói là phương tiện. Như Thánh giả Văn-thù-sư-lợi đã nói trong kinh: Này Thiên tử! Trí Bát-nhã của Đại Bồ-tát nhận biết các Đại Bồ-tát không hành với trí hữu vi, không rơi vào trí vô vi. Đại Bồ-tát như thế được gọi là Bồ-tát không sợ hãi. Lại nữa, này Thiên tử! Nếu các Bồ-tát quan sát chúng sinh, không bỏ hành hữu vi, quan sát các pháp của chư Phật, không rơi vào hành vô vi, Đại Bồ-tát như thế gọi là Bồ-tát không sợ hãi.

Lại, nghĩa thuận theo sự mong cầu của tâm, xứng hợp với đối tượng cầu đạt của tâm, có thể thành tựu các hành tác, gọi là phương tiện.

Lại, do trí đầy đủ rốt ráo nên gọi là phương tiện.

Hỏi: Khéo nhận biết về Thế đế, những câu như thế nói về những nghĩa gì?

Đáp: Khéo nhận biết về Thế đế là khéo nhận biết tự tướng. Khéo nhận biết về Đệ nhất nghĩa đế là khéo nhận biết đồng tướng. Khéo nhận biết cả hai nghĩa là khéo nhận biết tự tướng và đồng tướng

Hỏi: Chỉ nói khéo nhận biết về Thế đế, khéo nhận biết về Đệ nhất nghĩa đế là đủ, sao còn nói là khéo nhận biết cả hai nghĩa?

Đáp: Vì nhằm chỉ rõ về nghĩa thù thắng nơi sự nhận biết phương tiện của Bồ-tát, nên lại nói là khéo nhận biết cả hai nghĩa. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Ngoại đạo thì xa lìa trí Bát-nhã như thật, chỉ có trí thế

gian, không có trí xuất thế gian. Hàng Thanh văn và Phật-bích-chi đều xả bỏ trí thế gian, chỉ có trí Niết-bàn, không có trí thế gian. Đại Bồ-tát vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên cầu pháp diệu, ở trong Thế đế và Đế nhất nghĩa để tu hành trí phương tiện. Đức Như Lai vì muốn chỉ rõ trí phương tiện thù thắng của Bồ-tát, nên lại nói là khéo nhận biết cả hai nghĩa.

*** Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật?**

Hỏi: Vì sao Đức Như Lai giảng nói về phương tiện, sau đó mới nói đến thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Vì Đức Như Lai muốn chỉ rõ phương tiện thâm giữ Bát-nhã. Lại, Đức Như Lai muốn chỉ rõ về nghĩa nơi quả vị của các Bồ-tát đã chứng đắc, thế nên Đức Như Lai nói về nghĩa phương tiện, sau đó mới nói đến việc thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật. Việc này nêu rõ về nghĩa gì? Vì quán biết các Bồ-tát có thể thành tựu căn thiện thanh tịnh của pháp phần Bồ-đề, thấy được thể của pháp chân như, nhưng chưa có thể thấy thật trí chân như, nên trước phải quan sát pháp được đối trị để vượt quá quả vị của hàng Nhị thừa, đại từ bi v.v..., thành tựu đại từ bi căn bản, sau đây mới thấy được pháp chân như kia. Do nghĩa này nên khi Bồ-tát đã thấy pháp chân như thì không rơi vào địa Thanh văn, Phật-bích-chi. Vì vậy, Đức Như Lai chỉ rõ về nghĩa tu hành theo thứ lớp, nên trước nói về phương tiện, sau mới nói thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật, nên nói về nghĩa của Bát-nhã. Tri kiến như thật, gọi là Bát-nhã. Chủ thể quán về cảnh giới của đối tượng được quán gọi là Bát-nhã. Nhận biết đúng như thật về chỗ sâu, cạn, số lượng, gọi là Bát-nhã, là những nghĩa nên nói?

Đáp: Đến nơi bờ kia, nên gọi là nghĩa Ba-la-mật.

Chư Phật, Như Lai đều đã đến bờ kia, nên gọi là Ba-la-mật. Bồ-tát nơi Địa thứ nhất do đã rút ráo đến bờ kia, nên gọi là Ba-la-

mật. Do các Bồ-tát đã hành trì trọn vẹn đến được bờ kia, nên gọi là Ba-la-mật. Thế nên trong kinh, Như Lai nói: “Tùy thuận nơi hành kia gọi là Ba-la-mật”.

Do xứ đó chưa quyết định về nghĩa của bờ kia, nên trong Kinh Vô Tận Ý Sở Vấn, Đức Như Lai có nói: “Hành đầy đủ các hạnh của Bồ-tát gọi là nghĩa Ba-la-mật. Đầy đủ trí sâu xa gọi là nghĩa Ba-la-mật v.v...”.

Hỏi: Nên nói về nghĩa của Bát-nhã là Ba-la-mật. Thế nào là nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Tâm đại từ bi cầu Bồ-đề Phật, thâm giữ trí tuệ phương tiện đã dấy khởi, có thể nhận biết đúng như thật về nghĩa thù thắng của đồng tướng và biệt tướng nơi tất cả các pháp, gọi là nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Nên nói về nghĩa thành tựu. Thế nào là nghĩa thành tựu?

Đáp: Nghĩa rốt ráo là nghĩa thành tựu. Xa lìa hết thấy hàng phàm phu gọi là nghĩa rốt ráo của Bát-nhã Ba-la-mật. Dựa vào Bát-nhã Ba-la-mật xa lìa thế gian đạt được nghĩa rốt cùng, gọi là thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Dựa nơi Bát-nhã Ba-la-mật là tới được xứ hoàn toàn không sợ hãi.

Hỏi: Nếu như thế thì khi Bồ-tát chứng được Địa thứ nhất, tức được gọi là thành tựu rốt ráo Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Bồ-tát kia dựa vào phần thứ lớp, nên biết. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Bồ-tát từ Địa thứ nhất trở đi đến lúc chứng được Bồ-đề Phật, do đạt được pháp đối trị hiện tiền, tức có được pháp đối trị.

Lại, phương tiện của Địa thứ nhất đã thâm giữ phương tiện Bát-nhã, khiến lìa các nẻo ác cùng địa Thanh văn, Phật-bích-chi.

Như vậy, các Địa còn lại theo phần tương ưng phân xử, nên biết.

Bồ-tát nếu có thể nhận biết như vậy, nên tùy thuận trí Bát-nhã như thật, quán hành hữu vi, biết chúng cùng dựa nơi tha lực, không có tự thể.

Hỏi: Dựa vào pháp này nên có pháp này, dựa vào pháp này nên sinh pháp này, nhưng nói lặp lại như vậy là có nghĩa thù thắng gì?

Đáp: Vì muốn chỉ rõ về nghĩa của hai thứ nhân nên nói hai thứ. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Nhân sinh hành hữu vi có hai thứ: (1) Nhân sinh trước. (2) Nhân sinh cùng.

Nhân sinh trước: Là như nhãn thức v.v... khi sắp sinh, trước là sinh ý thức, tương tự như tùy thuận tâm trước không diệt thì không thọ nhận tâm sau. Nên tâm trước diệt tâm sau mới được sinh. Ở đây, tâm trước tuy diệt, nhưng làm nhân cho tâm sau, nên gọi là nhân sinh trước.

Nhân sinh cùng: Là các thức tương ưng. Nghĩa là các pháp như thọ v.v... và tâm pháp không tương ưng cùng pháp kia sinh, thì các pháp như nhãn v.v... có thể làm nhân duyên. Nương dựa vào pháp kia có thể sinh pháp kia, khi pháp kia sinh lại có thể làm nhân, nên gọi là nhân sinh cùng.

Lại, dựa vào pháp này nên nói là nhân sinh trước. Pháp này sinh nên nói là nhân sinh cùng.

Hỏi: Nói dựa vào pháp này sinh ra pháp này, nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì pháp cùng sinh không có nhân cố định, không có nhân quả sai biệt. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Pháp cùng sinh thì pháp này là nhân, pháp này là quả. Không có sự sai biệt về nhân cố định như thế, do không thể nói pháp này là nhân, pháp này là quả nên không có nhân cố định, không có nhân quả sai biệt?

Đáp: Do thấy nên nói. Câu này nêu rõ về nghĩa gì? Cũng thấy nơi thế gian pháp cùng sinh, một pháp là nhân, một pháp không phải là nhân. Cũng như ngọn đèn, tim đèn, cùng chiếu sáng cùng sinh.

Nhưng ngọn đèn, tim đèn có thể làm nhân cho chiếu sáng, còn sự chiếu sáng thì không thể làm nhân cho ngọn đèn, tim đèn. Vì sao? Vì pháp chiếu sáng này thuận theo ngọn đèn và tim đèn. Câu này nêu rõ về nghĩa gì? Vì nhận thấy pháp chiếu sáng thuận theo ngọn đèn, tim đèn, không phải ngọn đèn, tim đèn thuận theo sự chiếu sáng. Do thấy ngọn đèn, tim đèn có tăng có giảm, sự chiếu sáng cũng có tăng có giảm như thế, nên ngọn đèn, tim đèn tắt thì sự chiếu sáng cũng tắt theo.

Lại, khi dời ngọn đèn, tim đèn đi chỗ khác, thì sự chiếu sáng cũng đi theo. Như thế, các pháp cùng sinh như nhãn thức v.v... đều dựa vào mắt, thân v.v... nhân nơi thân, mắt v.v... mà nhãn thức sinh, không phải nhân nơi nhãn thức v.v... sinh ra mắt, thân v.v...

Lại, dựa vào pháp này: Các Bồ-tát v.v... quan sát như vậy: Lúc trước, pháp sinh không có người tạo ra, chỉ là các nhân duyên cùng hòa hợp mà sinh, tức do có pháp này nên sinh ra pháp này.

Lại, các Bồ-tát sinh tâm như vậy: “Nhân đã vô thường, làm sao sinh ra được pháp này”. Thế nên Bồ-tát sinh tâm như vậy: Dựa vào pháp này nên sinh ra pháp này, không phải trước có pháp rồi, thời gian sau mới sinh ra pháp. Nếu trước đã có, lúc sau này mới sinh, tức là pháp thường còn. Do nghĩa này, nên ngay khi pháp sinh là đã có nhân duyên hòa hợp. Không có một pháp nào là thật cố định, là không có các pháp như thật sự cố định chiếu sáng cảnh giới của nhãn thức. Vì nghĩa ấy, nên khi pháp này sinh, quyết định không từ xứ kia đến, lại do tức cùng nhân duyên mà diệt. Nếu pháp tức cùng nhân duyên diệt, thì khi lìa các nhân duyên thì niệm niệm không trụ. Do từ nghĩa ấy, nên khi pháp này diệt, nó không lìa xứ này để đến xứ khác.

Lại, dựa nơi pháp này sinh pháp này: Nghĩa là dựa vào các thứ nhân duyên hòa hợp kia sinh ra các thứ pháp kia thấy rõ các thứ pháp kia, chỉ rõ pháp kia là do nhân duyên sinh, chẳng phải là không có nhân duyên.

Lại, dựa vào pháp này sinh ra pháp này: Là nhân nơi quán, niệm.

Lại, dựa vào pháp này sinh ra pháp này: Là chỉ rõ phần vô minh và hành ở quá khứ. Đây là biện minh về nghĩa gì? Là do dựa vào hai thứ như vô minh v.v... trong quá khứ nên có được tám phần như thức v.v... trong hiện tại, chỉ rõ phần hữu của hiện tại.

Lại, dựa vào pháp này sinh ra pháp này: Là chỉ rõ phần hữu của hiện tại. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là dựa vào phần hữu của hiện tại, chỉ rõ phần mau chóng có sinh, già và chết.

Lại, dựa vào pháp này sinh ra pháp này: Là lấy vô minh, ái, thủ, để chỉ rõ nẻo phiền não. Dựa vào nẻo phiền não này sinh ra nghiệp đạo hành, hữu.

Lại, dựa vào pháp này sinh ra pháp này: Là dựa nơi nghiệp đạo sinh ra chi hữu khác, nghĩa là nẻo khổ v.v...

Lại, dựa vào pháp này sinh ra pháp này: Là dựa vào vô minh, hành và ái, thủ, hữu làm nhân cho tập đế, sinh ra bảy phần khác gọi là khổ đế.

Lại, dựa vào pháp này sinh ra pháp này: Là dựa vào bảy phần pháp khổ đế sinh ra năm phần tập đế như vô minh v.v...

Lại, dựa vào pháp này sinh ra pháp này: Là như trong kinh Đức Như lai đã nói: “Dựa vào vô minh, hành sinh ra thức v.v...”. Lại trong kinh khác cũng nói: “Dựa vào nhân duyên của hành sinh ra vô minh”. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Do khi sinh các tướng, các pháp như vô minh v.v... cùng tương ưng với tâm và tâm pháp không tương ưng, nghiệp của thân miệng thấy đều cùng sinh, không phải đến thời gian sau mới sinh.

Lại, dựa vào pháp này sinh ra pháp này: Tức là lúc vừa sinh niệm, thì vô minh che mờ trí, cùng thời sinh, không phải sinh trước.

Hỏi: Nói nhân duyên của vô minh cho là nhân duyên ban đầu, nếu như thế thì mười hai nhân duyên tức có khởi đầu. Vì sao? Vì

trước vô minh không thấy nói có nhân duyên nào khác. Vậy ở trong các pháp hữu vi của thế gian, cho vô minh đó là đầu tiên chăng?

Đáp: Vì sinh nghiệp, phiền não lần lượt cùng làm nhân duyên lẫn nhau. Nghĩa này là thế nào? Từ sinh sinh ra phiền não, từ phiền não sinh ra nghiệp, từ nghiệp lại sinh ra sinh. Như vậy là bánh xe sinh không có khởi đầu. Do nghĩa ấy nên thế gian là vô thi.

Hỏi: Sự tạo tác như trời Tự Tại v.v... Đây là biện minh về nghĩa gì? Từ trời Tự Tại và vi trần sinh ra thế gian. Vì nghĩa này nên thế gian có khởi đầu?

Đáp: Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì pháp thường không thể sinh ra thế gian. Không thấy một pháp nào từ nơi trời Tự Tại và vi trần sinh ra, chỉ thấy các pháp đều từ trong nhân duyên vô thường sinh ra. Do không thấy từ trong pháp thường sinh ra, chỉ thấy các pháp đều từ trong nhân duyên vô thường sinh ra. Nhưng trong pháp của ông, thì trời Tự Tại v.v... thấy đều là thường. Do nghĩa này, nên trời Tự Tại v.v... không thể sinh ra pháp.

Lại, vì hiện thấy trong các thứ nhân khác nhau sinh ra đủ các thứ quả. Vì sao? Vì thấy các loài voi, ngựa, bò, dê, lừa, lạc đà cho đến người, trời v.v... đều có sự khác biệt. Vì thế, nên các pháp không phải do Tự tại v.v... tạo ra.

Hỏi: Không phải từ nhân duyên sinh ra tất cả pháp. Vì sao? Vì nhận thấy các thứ như gai gốc, con công v.v... đều có nhiều sự không đồng, nên biết không phải từ nhân duyên của vô minh mới có thế gian sinh ra. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Do không có nhân duyên mà có thế gian sinh ra. Vì sao? Vì tôi thấy những thứ gai gốc cùng con công v.v... không phải từ nhân duyên mà có khác biệt. Như thế thì thế gian không phải do vô minh sinh ra.

Đáp: Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì tôi hiện thấy quả từ nhân sinh ra, không phải là không có nhân sinh ra. Cũng như hạt

giống, do đất, nước, thời tiết, sức nóng hòa hợp sinh ra mầm, không phải là lia các thứ nhân duyên ấy mà có mầm sinh.

Nếu lia nơi nhân, không nhân, mà có vạn vật sinh ra thì nghĩa này là không đúng. Vì sao? Vì thấy có sự dị biệt trong pháp khác, đối với sự dị biệt của pháp khác, là do trí so sánh nên biết thế gian cũng như thế. Tôi chưa từng thấy có trường hợp nào lia nhân, không nhân mà có pháp sinh ra. Do nghĩa này, nên biết từ nhân sinh ra quả. Thế nên, tất cả các pháp trong thế gian đều chẳng phải không nhân mà sinh.

Lại, có nhiều lỗi. Vì nếu như thế thì không nên sinh ra các thứ quả. Nhưng đã từ các thứ nhân sinh ra các thứ quả, không lia các thứ nhân, sinh ra các thứ quả. Nhưng ông nói quả không nhân mà có. Nếu như thế thì vạn vật nên đồng với thế gian, không nên sinh ra các thứ quả. Vì tôi hiện thấy từ các thứ nhân sinh ra các thứ quả. Do nghĩa này, nên không phải không nhân sinh ra.

Lại có cách trả lời: Nếu hết thấy vật không nhân mà sinh ra, thì trong một vật sẽ có tất cả pháp sinh ra. Không như thế thì trong tất cả vật, mỗi mỗi vật đều có tất cả vật sinh ra, nhưng nghĩa này thì không đúng. Vì nghĩa này nên chẳng phải là không có nhân quả.

Lại có cách trả lời khác: Tức nên không có sự đối khác. Nghĩa này là thế nào? Nếu tất cả vật không từ nhân sinh ra, thì không có đối khác, cũng như hư không, nhưng nghĩa này là không đúng. Vì sao? Vì do có biến đổi khác biệt. Sự đối khác ấy như thế nào? Trước không sau có, đã có rồi lại không, khác sinh, khác diệt. Trong pháp không nhân không thấy quả như thế, vì pháp luôn chuyển biến. Thế nên các pháp từ nhân sinh ra, không phải là không nhân.

Lại còn có lỗi: Vì tất cả các nghiệp đã gây tạo sẽ là không. Việc này biện minh về nghĩa gì? Nếu không nhân mà tất cả vật sinh ra, thì mọi nghiệp đã tạo đều không, không có lợi ích, nhưng sự thật không

thấy có sự việc như thế. Do đây nên không phải không có nhân mà có quả.

Hỏi: Tôi thấy từ trí sinh ra trí. Việc này nêu bày về nghĩa gì? Hiện thấy vật bên ngoài, chủng tử trong pháp hữu vi là nhân, không phải là nhân quá khứ. Như thế, hiện thấy pháp hữu vi bên trong, do các nhân đồ trắng v.v... hòa hợp mà sinh ra, không phải là nhân quá khứ?

Đáp: Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì trí hiện tại được sinh từ nơi trí quá khứ. Sự việc này làm rõ về nghĩa gì? Vì thấy trí sinh từ nơi nhân của trí quá khứ mà có, không phải từ không có trí sinh. Nếu trí không từ nơi trí trước sinh, thì phải từ nơi đất, đá, cây v.v... sinh ra, cũng không phải từ cái khác nối tiếp nhau mà sinh. Vì sao? Vì nếu từ cái khác nối tiếp sinh nơi trí, thì cha mẹ tức nên cũng có thể sinh ra trí của con. Vì thế, nên tôi nhận biết trí của các chúng sinh như trong bào thai kia, đều sinh ra từ sự nối tiếp. Sự việc này làm rõ về nghĩa gì? Vì trí như trong bào thai v.v... trước lại có trí nữa. Trí như trong thai kia không lìa sự nối tiếp của trí trước mà sinh. Thế nên trí có nhân của đời quá khứ.

Hỏi: Nghĩa này không đúng. Vì sao? Từ những duyên như cọ xát vào cây, công sức của người, phân bón hòa hợp lại để lấy lửa. Trước không có lửa nhưng có thể sinh ra lửa. Trí cũng như thế, trước không có nhân duyên hòa hợp của trí mà có thể sinh ra trí?

Đáp: Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì thấy pháp khác là do trí so sánh mới biết. Đây là nêu bày về nghĩa gì? Vì nhận thấy pháp sinh ra và pháp tương tự kia, trong các pháp nào có thể sinh ra pháp, chẳng phải không có tương tự mà thấy được trong sự sinh khác, như thấy từ lúa sinh ra lúa. Tuy không thấy lúa nhưng thấy từ lúa lại sinh ra lúa, thế nên là do giống lúa. Lửa cũng như thế, vì trông thấy từ sự cọ xát cây, phân trâu v.v... sinh ra lửa. Tuy không thấy lửa ở đâu nhưng từ việc cọ xát ấy lại có lửa như thế. Như vậy, do thấy từ trí sinh

trí, dù không thấy trí ở đâu nhưng vẫn nhận biết trí là từ trí trong quá khứ phát sinh. Do đây như trước ông nói: Không lửa mà có thể sinh ra lửa, trước không có trí mà có thể sinh ra trí. Ông lại nói: Tất cả vật chỉ từ nhân hiện tại sinh ra, không sinh từ nhân quá khứ, nghĩa này là không đúng. Do nghĩa ấy nên từ nghiệp, phiền não sinh ra pháp thế gian. Điều này làm sao nhận biết? Do luận của Thánh nhân và người thế gian đều nói. Nghĩa này là thế nào? Vì tất cả Thánh nhân, chư Phật, Như Lai và các người Thanh văn v.v... đệ tử của Phật đều xa lìa phiền não. Những vị đó nói như vậy: “Từ nhân của nghiệp, phiền não sinh ra thế gian”. Tức nói như vậy: Nếu người tham đắm thân tạo hành ác, miệng tạo hành ác, ý tạo hành ác, kẻ ấy dựa nơi nhân duyên của hành ác, nên sau khi thân này tan hoại sẽ sinh trong đường ác. Tất cả các luận cũng nói: Từ nghiệp mà có sự sinh. Thế nên trong kinh nói: “Từ ánh sáng đi vào ánh sáng, từ bóng tối đi vào bóng tối”. Người thế gian cũng đều nói: Từ nghiệp nên có sinh, tức nói như vậy: Vì sợ tất cả xứ sinh không an vui nên xa lìa các hành ác. Do cầu được sinh vào tất cả xứ có thể an vui nên tu tập các hành thiện. Do nghĩa này, nên dựa vào các Thánh nhân, dựa vào tất cả luận, dựa vào người thế gian nên ta nhận biết như thế: Từ nhân của nghiệp mà thế gian được sinh ra, không phải không nhân mà sinh.

Hỏi: Nhân nơi niệm không dừng trụ thì sao có thể sinh quả? Việc này nêu rõ về nghĩa gì? Nghiệp của các phiền não trong từng sát-na không trụ. Do nghiệp của phiền não này diệt trong từng niệm. Thế nên, không phải từ các nghiệp, phiền não sinh ra thế gian.

Đáp: Tôi nhận thấy nhân nơi diệt mà có thể sinh ra quả. Điều ấy có nghĩa gì? Do thấy nhân diệt, dựa nơi nhân diệt đó, có thể sinh ra quả. Như trong trái Ma-đa-long già có vị chua, nhưng nơi hạt mầm sinh ra cộng nhánh lá hoa v.v... thấy đều không thấy có vị kia, mãi về sau mới thấy vị đó ở trong quả. Vị chua hiện có trong quả Ma-đa-long già ấy, không phải ở nơi nhân kia, cũng không phải ở nơi nhân

khác. Như vậy, thấy nhân và quả từ bên ngoài hòa hợp sinh ra. Pháp như thế, trí so sánh như thế nên nhận biết nhân diệt rồi, dựa nơi nhân diệt đó mà có thể gian sinh ra, không phải không có nhân mà sinh, cũng không phải là nhân khác sinh.

Hỏi: Nếu chẳng phải không nhân, chẳng phải nhân điên đảo sinh ra thế gian, mà dựa nơi nghiệp, phiền não nên có thế gian, việc này làm sao nhận biết được?

Đáp: Không nhận biết lỗi lầm của sinh là do các hành tạo nghiệp. Đây là biện minh về nghĩa gì? Do không nhận biết lỗi lầm của sinh, nên người ở thế gian tham đắm nơi cảnh giới của năm dục, tạo vô số những sự việc không lợi ích. Vì nơi thế gian sinh vô số sự việc không lợi ích, thế nên sự tu tập đều để đạt được quả báo của thế gian, các hành nghiệp không phải là nhằm đoạn trừ phiền não. Đây nêu rõ về nghĩa gì? Hết thấy hàng phàm phu ngu tối nơi thế gian không có trí tuệ nên không thể quan sát. Vì vô minh che lấp trí tuệ, nên ở trong vô lượng trăm ngàn thứ khổ não, thấy có công đức sinh, dốc cầu được thọ nhận quả an vui nơi đời vị lai, do đó mới tạo tác hành trì các công đức như giới, thí v.v...

Lại có người, vì tâm điên đảo, tham chấp nơi cảnh giới của năm dục trong đời hiện tại, cho nơi đời vị lai không có phước đức, nên làm các việc không phước đức, tạo các nghiệp như giết hại chúng sinh v.v...

Lại có người tham vọng nơi Tam-muội, quá yêu thích thiền, chấp giữ thiền, kiêu mạn về thiền, nghi ngờ nơi thiền, tăng thượng về thiền, tu tập tất cả các thứ thần thông v.v...

Như thế, ở trong ba cõi sinh khởi không đoạn không dứt. Từ sinh lại khởi tất cả phiền não. Từ phiền não nên khởi hết thảy nghiệp. Như vậy thế gian từ vô thủy đến nay, không đoạn không dứt.

Hỏi: Nếu từ tất cả phiền não sinh ra các hành của thế gian, thì vì sao trong kinh này Đức Như Lai chỉ nói từ vô minh sinh ra thế gian?

Đáp: Tuy nói vô minh, nhưng là gồm thấu tất cả phiền não như tham v.v... Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Tuy nói vô minh, nhưng bao gồm tất cả các thứ lỗi lầm như tham v.v... Điều này làm sao nhận biết? Do người ngu si nên khởi các thứ tham. Do không trí nên sinh khởi tất cả phiền não như tham v.v... chẳng phải không nhân mà sinh. Như trong kinh nói: Nhân duyên của vô minh dấy khởi những lỗi lầm của tham, dấy khởi những lỗi lầm của giận, dấy khởi những lỗi lầm của si. Thế nên, nói vô minh kia là căn bản gồm thấu hết thấy lỗi lầm của các phiền não khác. Cũng như ở thế gian, vua đến vua đi, thì các quan và quân binh cũng đến cũng đi theo vua.

Hỏi: Do nghĩa gì trong phần quá khứ chỉ nói vô minh, không nói ái? Còn trong phần vị lai chỉ nói ái, không nói minh?

Đáp: Vì cảnh giới lớn. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Do vô minh hiện có khắp tất cả cảnh giới, còn ái thì không như thế. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Vì vô minh kia hiện bày khắp tất cả xứ, còn ái thì không hiện bày khắp.

Lại, do duyên nơi hữu vi, vô vi. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là do vô minh duyên nơi pháp hữu vi và pháp vô vi. Ái thì không như thế, chỉ duyên nơi pháp hữu vi.

Lại, do duyên nơi địa đồng và không đồng. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Là do vô minh duyên nơi địa đồng, không đồng. Ái thì không như thế, chỉ duyên nơi địa đồng.

Lại, vì tương ưng với tất cả phiền não. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là do vô minh và tất cả phiền não đều cùng tương ưng. Ái thì không như thế, chỉ có kẻ ngu mới dấy khởi, không phải người trí sinh khởi.

Lại, là nhân không đoạn dứt của tất cả khổ. Đây là nói về nghĩa gì? Là do vô minh đối với các thứ khổ tụ đều lấy đó làm căn bản. Do từ nghĩa này, nên trong phần đầu chỉ nói vô minh, dựa vào đó, trong

môn phiền não thứ hai, mới chỉ rõ về ái. Do đó, trong phần vị lai kia chỉ nói đến ái, không nói vô minh.

Hỏi: Do nghĩa gì các nghiệp thuộc về đời quá khứ còn tùy theo những phiền não nào để có thể cùng làm nhân? Các phiền não kia đều lấy tên vô minh để nói? Các nghiệp thuộc về đời hiện tại, tùy theo các phiền não nào để có thể cùng làm nhân? Các phiền não kia dùng tên gọi của ái và thủ để nêu bày chăng?

Đáp: Do hiện thấy, do không phải hiện thấy. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Các phiền não hiện có trong đời quá khứ, vì là xa nên không thể hiện thấy. Thế nên trong ấy, phiền não có sai biệt đều không thể chỉ rõ, vì tướng mờ tối của chúng không thể nêu bày được, vì vậy đều lấy tên vô minh để gọi. Các phiền não sinh khởi thuộc đời hiện tại thì có thể hiện thấy, nên sự sai biệt của chúng có thể nêu bày, có thể chỉ rõ: Đây là ái thủ, đây là dục thủ, đây là kiến thủ v.v... Thế nên các phiền não hiện có trong hiện tại đều lấy tên ái, thủ để gọi.

Hỏi: Ở đây là nói về điều vi diệu. Do nhân nơi nghiệp, phiền não mới có sinh tử ở thế gian, không phải do trời Tự Tại và vi trần v.v... Nhưng mười hai hữu chi như vô minh v.v... về nghĩa là thế nào?

Đáp: Không nhận biết đúng như thật về sự việc trong ba đời, gọi là vô minh. Vô minh chuyển khởi, giữ lấy nhân cho thân sau. Các nghiệp phước, nghiệp tội và nghiệp bất động v.v... đó gọi là Hành. Dựa vào nhân của Hành này, có phần sinh nhiễm ý, đó gọi là Thức. Thức ấy trụ lại gọi là Danh sắc. Chỗ nương dựa của Thức thanh tịnh kia gọi là sáu Nhập. Ba sự: Căn, Thức và Cảnh giới hòa hợp, đối lại với pháp của ý địa, gọi là Xúc. Nương nơi Xúc, sinh Ái hay không Ái. Nhận lấy hai niệm điên đảo, đó gọi là Thọ. Tham chấp nơi các tích tập vui thích để thọ nhận, gọi là Ái. Dựa nơi Ái cầu Hữu đoạn Hữu, chấp lấy ngã, dựa vào các phiền não được ưa thích thuận theo chúng, đó gọi là Thủ. Thủ có khả năng chuyển khởi giữ lấy nghiệp thân miệng ý, là nhân của đời sau, đó gọi là

Hữu. Nương vào hành có sự nhận lấy thân đời sau, đó gọi là Sinh. Dựa nơi Sinh nên thân tăng trưởng, đổi thay, thành thực, đó gọi là Già. Thân được trước đây, bây giờ hoại gọi là chết. Xa lìa không xa lìa sự việc Ái, chẳng Ái, cầu được cung cấp nuôi dưỡng, đều từ ý địa sinh. Thiêu đốt tự tâm, đó gọi là Ưu. Nương nơi tâm ưu kể về công đức yêu thích, nội tâm sầu buộc, nên nói vô số lời buồn, đó là than khóc. Dựa nơi sắc, thức, thân tương ưng với ý, không phải nhận lấy vui thích, đó gọi là khổ. Chỉ có ý địa, thân, ý thức tương ưng, đó gọi là sầu. Đối với hai thứ cảnh giới ái, không ái, hoặc có cầu hữu, hoặc không cầu hữu, cầu của cải, nên nhận lấy vô số thứ khổ. Tâm bị bức nã, đó gọi là cùng cực.

Hỏi: Vô minh duyên Hành. Thế nào gọi là Hành?

Đáp: Dựa nơi sự dung nạp, quán xét bạn bè, khởi sự tùy thuận cùng sinh, là nghĩa của Hành.

Hỏi: Nên giải thích về tên gọi nhân duyên. Thế nào gọi là nhân duyên?

Đáp: Có thể thành tựu quả, đó gọi là nhân. Dựa vào pháp này nên có thể hiện bày pháp kia. Nhân nơi pháp này nên có thể sinh ra pháp kia, đó gọi là duyên.

Hỏi: Do đâu chỉ nói vô minh duyên hành, không nói vô minh nhân hành?

Đáp: Vì gồm thấu tất cả các nhân duyên. Nếu nói vô minh nhân hành thì chỉ gồm thấu nhân nơi nhân duyên, không bao gồm cả nhân duyên. Thế nên, không nói vô minh nhân hành. Do bốn nhân duyên nên vô minh v.v... cùng có thể làm nhân duyên hành. Do đó chỉ dựa nơi tên nhân duyên mà nói, do có thể thấu giữ bốn nhân duyên.

Hỏi: Hành cũng có khả năng làm nhân duyên cho vô minh. Nếu như thế, vì sao chỉ nói vô minh duyên hành, không nói hành duyên vô minh?

Đáp: Do có hai nghĩa định và không định. Ở đây là nói về nghĩa gì? Do nhân của vô minh quyết định duyên nơi Hành không phải nghiệp Hành quyết định duyên nơi vô minh. Do đâu nhận biết được? Do các A-la-hán tuy còn có nghiệp, nhưng không có vô minh, thế nên không phải nghiệp quyết định duyên nơi vô minh, vì vậy không nói hành duyên vô minh.

Lại, dựa vào nhân duyên của vô minh nên có nghiệp. Do nghĩa ấy, nên có nghiệp là do dựa nơi vô minh. Nếu như thế thì chỉ dựa vào nhân duyên của vô minh nên có nghiệp, không nên xa lìa vô minh mà có nghiệp. Nhưng thật sự thì xa lìa vô minh vẫn có nghiệp. Thế nên nói dựa nơi vô minh duyên hành, không nói là dựa nơi hành duyên vô minh.

Hỏi: Do nghĩa gì đã thọ nhận quả nơi nghiệp thì dùng tên hành để nói? Còn chưa nhận quả nơi nghiệp thì dùng tên Hữu để gọi?

Đáp: Chưa thọ nhận quả nơi nghiệp, chỉ có phần hữu vi, thế nên nói là Hữu, vì hoàn toàn là Hữu, vì đời vị lai sẽ được quả trọn vẹn. Thế của nghiệp tuy diệt nhưng toàn là Hữu, vì nhất định có thể cho quả trong đời vị lai, thế nên gọi là Hữu, lấy tên Hữu mà gọi. Đã thọ nhận quả nơi nghiệp, là đã nhận phần hữu vi thế nên nói là Hành, do đã nhận được quả nên gọi là Hành, lấy tên Hành để gọi.

Lại nữa, nghĩa của Hữu. Vì sao gọi là Hữu? Vì dựa vào pháp này có thể sinh khởi nên gọi là Hữu. Đây là nói về nghĩa gì? Tùy vào những nghiệp nào để có thể hoàn toàn sinh quả nơi đời vị lai, nên lấy tên Hữu để gọi. Tùy ở các nghiệp nào không phải hoàn toàn có quả nơi đời vị lai, như các nghiệp của Ương-cù-ly-ma-la v.v... vì chưa từng có, nên dùng tên hành để gọi. Vì thế nên trong kinh nói: Hành duyên nơi quả của nghiệp, thì lấy tên thức để gọi chẳng phải dùng tên sinh để gọi. Vì sao? Vì nghiệp của Hành kia không phải là hoàn toàn sinh chi Hữu. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Do trong hiện thân thọ

nhận quả báo nơi nghiệp thì duyên của hành nghiệp có khả năng sinh ra chi Thức, không có khả năng sinh ra chi Sinh.

Lại, do thấy có lực, không lực. Nghĩa này là thế nào? Do đâu gọi là hành? Vì có thể hoàn tất sự việc. Sinh trong đời quá khứ, đã tạo ra các nghiệp, thấy chúng có lực, vì có thể thành quả, nên nghiệp đó dùng tên hành để gọi. Sinh trong đời hiện tại, các nghiệp đã tạo, chưa thấy sức mạnh của chúng do chưa thành quả, vì quả báo của nghiệp đó là ở đời vị lai, thế nên nghiệp ấy không được gọi là Hành, mà lấy tên Hữu để gọi.

Hỏi: Vì nghĩa nào nên gọi là Bất động?

Đáp: Vì địa khác không thể cho quả báo, nên gọi là Bất động.

Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Như nghiệp của cõi Dục, ở trong địa khác có thể cho quả báo. Tùy những căn thiện nơi nghiệp đạo nào nên sinh vào cõi người. Tức nghiệp thiện kia dựa nơi tâm nguyện cầu, cho đến sinh lên cõi trời Tha-hóa-tự-tại. Như dựa vào công đức sinh nên trong kinh Đức Như Lai có nói: Lại tùy thuộc vào những nghiệp ác, bất thiện nào nên sinh vào địa ngục? Kể nhận quả báo là dựa nơi nghiệp đã tạo, sẽ phải thọ khổ trong cõi người. Như Đức Như Lai dựa nơi Kinh Diêm Dụ có nói: Nghiệp của cõi Sắc, Vô sắc không được như vậy. Nghĩa này là thế nào? Nghiệp ở địa thiên thứ nhất không sinh nơi thiên thứ hai, nghiệp của địa thiên thứ hai không sinh nơi thiên thứ nhất. Như thế, đối với các địa khác đều cũng như vậy, nên biết. Thế nên Đức Phật nói: Nghiệp của cõi Sắc, Vô sắc gọi là Bất động.

Lại, các thứ che lấp và chướng ngại đều không thể làm động, nên gọi là Bất động, như ngọn đèn được đặt trong căn phòng kín đáo.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN

QUYỀN 9

Hỏi: Hành do hai nhân của Danh sắc duyên nơi Thức nên được nói lại có gì thù thắng?

Đáp: Ban đầu thác vào thai thì Thức và Hành làm nhân duyên, vì Hành và Thức có thể tạo ra nghĩa chủng tử. Chủng tử đã được gieo trồng thì Danh sắc làm nhân duyên vì có thể hòa hợp thành tựu các việc. Do hai nhân duyên nên nắm giữ tạo thành tựu, nương dựa để có thể nhận lấy việc quán cảnh giới.

Lại, nhân duyên của Hành mà nghiệp được mang tên. Thế nên trong kinh nói: Nhân của các nghiệp là nhân có thể sinh. Nhân duyên của Danh sắc mà Ái được mang tên. Vì thế trong kinh nêu: Duyên của Ái kia là duyên có thể sinh. Do hai nhân duyên, nên ở trong cảnh giới, dựa vào cảnh giới mà trụ.

Lại, nhân duyên của Hành mới sinh, tâm được mang tên, là nhân duyên của Danh sắc đã sinh. Sáu Nhập chưa thành tựu, sáu Nhập được mang tên.

Lại, nhân duyên của Hành dựa vào một môn hành. Nghĩa này là thế nào? Nhân duyên của hành kia chỉ dựa vào môn hành. Nhân duyên của Danh sắc dựa vào hai môn hành. Đây là nói về nghĩa gì? Danh sắc dựa nơi hai môn là thân căn và ý căn mà hành, do hai nhân duyên dựa nơi sáu môn hành.

Lại, nhân duyên của Hành chỉ ở trong đường ác, do dựa nơi nghiệp tội có thể gồm thâu, giữ lấy. Như trong kinh nói: Các chúng sinh kia ở trong đường ác, cho đến khi nghiệp ác chưa hết thì không chết, nghiệp hết mới chết v.v... Nhân duyên của Danh sắc nơi cõi người, trời trong cõi Dục và cõi Sắc do xứ đó có hai sự việc danh, sắc. Trong cõi Vô sắc không có hai nhân duyên.

Hỏi: Như trong Kinh Thành Dụ kia và trong Kinh Đại Nhân Duyên, Đức Như Lai đã nói: Dựa nơi nhân của Danh sắc duyên nơi Thức, vì sao trong kinh này lại nói: Dựa nơi nhân của Thức duyên nơi Danh sắc?

Đáp: Nhân duyên của Danh sắc dựa vào Thức mà có. Đây là nói về nghĩa gì? Vì thật có Thức nên Danh sắc và Thức lần lượt làm nhân cho nhau. Nhưng dựa vào Thức hiện hữu mới có Danh sắc hiện hữu, như dựa vào chỗ dựa, thế nên có dựa. Đây là nói về nghĩa gì? Như vua và quan cùng lần lượt nương dựa lẫn nhau, nhưng vua là hơn, vì lúc vua đi, quan cũng đi theo. Đây cũng như thế. Thức và Danh sắc cùng thay nhau nương dựa, nhưng Thức thì hơn. Vì thế dựa vào Thức mà có Danh sắc. Nếu nhân duyên của Thức không gá vào thai mẹ thì các tâm số pháp không hiện hữu được. Vì Thức đã gá vào thai, nên các tâm số pháp đều cũng tùy tùng. Lại nhân nơi tâm căn bản thành Ca-la-la, do các sắc đồ trắng v.v... hòa hợp, tức có thể thành Ca-la-la, là thành chúng sinh. Tâm thức của xứ kia là nhân căn bản, như trong pháp môn Đại Nhân Duyên có nói: Phật bảo Tôn giả A-nan! Nếu tâm thức kia không nhân vào thai mẹ, thì Ca-la-la và Danh sắc nọ cũng không thành tựu. Vì vậy, Thức là hạt giống của các khổ. Vì nhằm chỉ rõ về nghĩa căn bản, nên Đức Như Lai chỉ nói Thức duyên nơi Danh sắc không nói nhân duyên của Danh sắc nơi Thức.

Hỏi: Có người nói mười hai nhân duyên đều có quan hệ đến hoàn cảnh. Người kia dựa vào nhân duyên của Thức nơi Danh sắc nhưng nghĩa không thành. Vì sao? Vì không có nhân duyên. Đây là

nói về nghĩa gì? Vì Thức diệt rồi, sau mới có thể tạo ra nhân duyên của Danh sắc, hay là Thức không diệt mà có thể tạo ra nhân duyên của Danh sắc? Nếu Thức diệt rồi mới tạo ra nhân duyên của Danh sắc, thì nghĩa này không thành. Vì sao? Vì hạt giống đã tiêu mất, tất nhiên không thể sinh mầm, tạo nhân duyên của sinh. Lại còn có lỗi là vì thể của chúng sinh bị đoạn dứt giữa chừng. Còn nếu Thức không diệt, có thể làm nhân duyên với Danh sắc, thì một thân chúng sinh, ở trong một niệm cùng có hai thức. Do nghĩa này nên Thức không thể làm nhân duyên cho Danh sắc.

Đáp: Nhân duyên nối tiếp không đoạn không dứt, như thể của ngọn đèn cháy nối tiếp không gián đoạn. Việc này nêu rõ về nghĩa gì? Ánh sáng của ngọn lửa nối tiếp không dứt mà có tác dụng. Không phải ngọn lửa trước tắt mất, ngọn lửa sau mới sinh. Nếu ngọn lửa trước đã tắt, rồi từ ngọn lửa đó sinh, tức là diệt rồi thời gian sau lại sinh.

Lại còn có lỗi: Ngọn lửa sau lúc sinh không nhân mà sinh.

Lại còn có lỗi: Nếu không có nhân sinh, tức nên là thường sinh. Lại, cũng không phải ngọn lửa trước sinh rồi trụ, sau đó ngọn lửa khác mới sinh. Nếu ngọn lửa trước trụ lại, ngọn lửa sau mới sinh, thì ngọn lửa trước phải nên trụ nơi niệm thứ hai, nhưng trong pháp Phật không có nghĩa như vậy.

Lại còn có lỗi: Là ngọn lửa trước đã sinh, không nhân mà sinh.

Lại còn có lỗi: Là ngọn lửa nên tăng trưởng.

Lại còn có lỗi: Là nên có nhiều ngọn lửa cùng sinh. Lại, cũng không phải do ngọn lửa trước dừng lại, ngọn lửa khác lại sinh. Vì sao? Vì không có sự dung nạp. Đây lại có nghĩa gì? Tùy thuộc vào ngọn lửa trước sinh, do những nơi chốn nào, những nhân duyên nào, tức nơi xứ sinh kia, tức nơi nhân duyên kia, tức ngọn lửa sinh trước, tức thời cùng diệt, chấm dứt. Thế nên được dung nạp ngọn lửa khác và nhân duyên khác.

Lại còn có lỗi: Là ngọn đèn trước diệt, ngọn đèn sau sinh, không từ nơi nhân duyên không có lửa mà sinh. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì ngọn đèn, tim đèn, ánh lửa theo thứ lớp trước, sau nối tiếp không đoạn không dứt. Thức, Danh sắc v.v... cũng như thế, theo thứ lớp sinh, diệt, có thể thành nhân quả, nên biết. Do nghĩa này nên dựa nơi nhân duyên của Thức có thể sinh ra Danh sắc và nghĩa nhân quả được thành.

Hỏi: Nhân duyên của Danh sắc có sáu Nhập là do những nhân nào?

Đáp: Do nhân của Danh sắc kia. Vì sao? Vì do nhân duyên của sắc thanh tịnh là năm nhập. Do nhân duyên của danh thanh tịnh là ý nhập. Vì thế nơi nhân duyên của Danh sắc là sáu Nhập.

Hỏi: Nếu do Danh sắc duyên nơi sáu Nhập, thì nghĩa này không thành. Vì sao? Vì tuy có Danh sắc nhưng như không có Danh sắc. Điều này có nghĩa gì? Khi là Ca-la-la, tuy có Danh sắc, nhưng không có sáu Nhập v.v... Do vì nghĩa này, nên nghĩa Danh sắc duyên nơi sáu Nhập. Lại nữa, sở dĩ nghĩa ấy không thành là do chúng sinh có người mù, điếc v.v... Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Nếu Danh sắc có thể làm nhân của sáu Nhập, thì không nên có các chúng sinh điếc và mù, tất cả đều nên có các căn đầy đủ.

Đáp: Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì không lìa Danh sắc mà thành sáu Nhập, cũng như mây và mưa. Đây là nói về nghĩa gì? Ví như ông nói trời mưa. Nếu trước đó đã có mây rồi, sau đó mới mưa, thì không phải lìa mây cũng có mưa. Vì có mây nhưng không có mưa. Sáu Nhập cũng vậy. Nếu có Danh sắc là có sáu Nhập, chẳng phải lìa Danh sắc lại có Danh sắc mà không có sáu Nhập.

Hỏi: Do nghĩa gì có Danh sắc mà không có sáu Nhập?

Đáp: Do các nhân duyên không đầy đủ. Câu này nói về nghĩa gì? Cũng như nhãn thức, có mắt như thật, nhưng vì các nhân duyên

không đầy đủ, nên không thành nhân thức. Lại nữa, cũng như thật có hạt giống, nhưng do các nhân duyên không hòa hợp nên không thể thành mầm. Ở đây cũng như vậy. Vì nhân duyên trong thời kỳ Ca-la-la v.v... không gồm đủ, nên các nhập như mắt v.v... cũng không đầy đủ.

Hỏi: Các nhân duyên kia gồm đủ như thế nào?

Đáp: Vì nghiệp, phiền não, Danh sắc hòa hợp thuận thực nên thành.

Hỏi: Làm sao biết được phiền não cũng là nhân duyên của sáu Nhập?

Đáp: Do A-la-hán không còn sinh trở lại. Đây là nói về nghĩa gì? Vì tuy còn có nghiệp, nhưng A-la-hán không có phiền não nên không sinh, vì không sinh nên không có sáu Nhập, thế nên biết được phiền não cũng là nhân xa của sáu Nhập. Nghiệp cũng là nhân duyên của sáu Nhập kia. Vì sao? Vì do thành mù lòa v.v... Thế nên, tuy lại thật có phiền não, nhưng tùy theo chủng loại sinh, gồm đủ sáu thứ nghiệp có mù, điếc v.v... Do đấy biết nghiệp cũng là nhân của sáu Nhập.

Lại, do mười hai nhập có nhiều thứ. Điều này có nghĩa gì? Vì nhập có những thứ cùng lần lượt thay nhau bất đồng, chỉ mỗi một chúng sinh trong một thân thể đã có những thứ bất đồng, huống chi là trong thân của vô số chúng sinh có các nghiệp không đồng. Thế lực của gia đình, sắc đẹp, mạng sống thay đều bất đồng. Đây đều dựa nơi nghiệp. Do từ nghĩa này nên nghiệp kia cũng là nhân duyên của sáu Nhập.

Danh sắc cũng là nhân duyên của sáu Nhập, do sáu Nhập kia đều dựa nơi chúng tử. Việc này có nghĩa gì? Vì tuy đã có nghiệp, phiền não v.v... nhưng chúng tử của Danh sắc sinh nơi sáu nghiệp, không lia Danh sắc mà có thể sinh sáu nghiệp, như không lia hạt giống mà có thể sinh mầm. Thế nên biết được nhân gần là Danh sắc

sinh nơi sáu Nhập. Cũng nương dựa nơi nghiệp kia sinh ra sáu Nhập. Vì sao? Vì tuy có pháp kia mà không có pháp kia. Điều này có nghĩa gì? Vì tuy vẫn có nghiệp, phiền não v.v... nhưng Danh sắc kia không thành tựu đầy đủ. Như trong thời kỳ Ca-la-la v.v... không có các nhập như nhãn v.v..., nhưng dựa vào Danh sắc mà sáu Nhập được thành tựu. Ví như mới bắt đầu kết hạt, thì chung cuộc có thể thành quả. Vì thế biết được nghiệp, phiền não cùng Danh sắc v.v... đã được thuận thực thì có thể tạo ra nhân duyên của sáu Nhập.

Hỏi: Ông nói nhân duyên cũng không đầy đủ. Vì sao? Vì ở đây không nói đến nhân duyên bên ngoài. Đây là nói về nghĩa gì? Chỉ trừ thanh nhập, Danh sắc v.v... cùng duyên nơi sáu Nhập sinh. Nếu như thế thì chỉ nói nhân duyên của sáu Nhập, không nói đầy đủ nhân duyên của Danh sắc. Đây là lỗi lầm.

Đáp: Việc ấy không cần nói. Vì sao? Vì do thấy hai xứ. Đây là nói về nghĩa gì? Do thấy hai xứ của ngoại nhập kia, vì dựa nơi chúng sinh để gồm thân hay dựa vào không phải chúng sinh để gồm thân. Đây lại có nghĩa gì? Ở đây chỉ dựa vào chúng sinh theo thứ lớp để nói mười hai nhân duyên, không dựa vào không phải chúng sinh để nói mười hai nhân duyên. Thế nên, chỉ dựa vào những gì thuộc về chúng sinh để nói về nhập, không dựa vào những gì không phải là chúng sinh để nói. Do nghĩa này, nên ở đây chỉ dựa vào nhân duyên bên trong, thuộc về chúng sinh để nói, không dựa vào nhân duyên bên ngoài để nói.

Hỏi: Như vậy thì không nên nói về Danh sắc. Điều này có nghĩa gì? Nếu như thế thì Danh sắc trong chi Hữu không nên nói là Danh sắc, vì do sắc được thấy ở hai xứ.

Đáp: Thật như ông đã vấn nạn. Tuy nhiên, nếu ở xứ kia không nói Danh sắc, chỉ nói là danh duyên nơi sáu Nhập. Như thế, không nói năm thứ sắc nhập, vì trong sáu Nhập kia sắc cũng thanh tịnh, không phải chỉ có nhập của Danh sắc thanh tịnh. Điều này có nghĩa

gì? Nên nói có thể thấy duyên của nhập như sắc v.v... Thế nên, xứ kia cũng nói tên sắc. Do đây nên nói nhân duyên của thức là Danh sắc duyên nơi ý nhập như thế v.v... Ba thời như vậy là không có phân biệt. Thế nên, Đức Như Lai ở đây nói gọi là chánh thuyết.

Hỏi: Vì sao không nói nhân duyên của ngoại nhập?

Đáp: Nói mắt v.v... tức là đã nói đầy đủ. Đây là nói về nghĩa gì? Tức trong kinh này đã nói đầy đủ sự thành tựu về thể của chúng sinh. Điều này lại có nghĩa gì? Nghĩa là tùy vào những xứ nào, các nhập như mắt v.v... nói xứ kia tất có ngoại nhập như sắc v.v... Vì sao? Vì không xa lìa cảnh giới như sắc v.v... mà có nhãn thức v.v... Vì nghĩa này, nên nói các nhập như mắt v.v... tức đã gồm thấu các ngoại nhập như sắc v.v... Vì vậy, không nói riêng các ngoại nhập. Lại do dựa nơi nội nhập mà được tên gọi. Đây lại có nghĩa gì? Vì dựa vào nội nhập nên được gọi là chúng sinh, không phải là dựa vào ngoại nhập. Do từ nghĩa này nên chỉ nói nội nhập, không nói ngoại nhập.

Hỏi: Vì sao gọi là Xúc?

Đáp: Đôi nơi điều đang đến, nên gọi là Xúc.

Hỏi: Nghĩa này là thế nào?

Đáp: Nơi cảnh giới của niệm, thức cùng đối nơi pháp. Do nhãn thức v.v... ở trong các cảnh giới như sắc kia v.v..., đây kia cùng đối. Đó gọi là Xúc. Xúc lại có nghĩa là đối gần, hòa hợp đến một xứ tên khác, nghĩa là một. Lại, vì pháp hòa hợp, sinh ý địa, nên gọi là Xúc.

Hỏi: Nói về nhân duyên của xúc như thế cũng không đầy đủ. Do ba pháp làm nhân duyên hòa hợp nên sinh ra xúc. Đây là nói về nghĩa gì? Do có ba pháp hòa hợp nên sinh xúc. Đức Phật đã nói như thế. Ở đây chỉ nói nhân duyên của sáu nhập sinh ra xúc như thế là nói không đầy đủ về nhân duyên sinh xúc. Đó là lỗi.

Đáp: Do nói nhân duyên bên trong gồm thân được duyên bên ngoài, ví như tiếng trống. Đây là nêu về nghĩa gì? Như người cầm dùi đánh trống hòa hợp phát ra tiếng, nhưng chỉ nói đó là tiếng trống. Ba pháp như thế hòa hợp sinh xúc. Tuy dựa nơi bên trong mà nói, nhưng đã gồm thân được bên ngoài, thế nên không có lỗi.

Lại, xúc này không đồng nghĩa như hạt giống sinh mầm. Nghĩa này là thế nào? Như tuy có thời tiết cùng đất, nước v.v... hòa hợp, có thể tạo ra nhân duyên cho việc sinh mầm nhưng vẫn nói hạt giống gọi là nhân chính, hạt giống có thể sinh mầm, là nhân tốt nhất của mầm. Đây là mầm lúa nước, đây là mầm lúa mì, không nói là nhân chung. Xúc cũng như thế, có nghĩa bất đồng, tuy có ba pháp hòa hợp nên sinh, nhưng chỉ nói nội nhập, không nói nhân chung.

Lại, do nhân thù thắng. Nghĩa này là thế nào? Tuy có ba sự việc hòa hợp nên sinh xúc, nhưng vì dựa vào gốc có thể sinh nên nói là nhân bên trong. Do nhân ấy là thù thắng, do dựa vào gốc, nên các thức có thể sinh. do những kẻ mù, điếc v.v... không nhận biết v.v... Do các pháp như sắc v.v... là cảnh giới của thức. Thế nên dựa vào căn, ba pháp hòa hợp tức có thể sinh pháp kia. Tuy từ nơi ba pháp sinh, nhưng căn là thù thắng, nên Đức Như Lai chỉ nói pháp thù thắng, như nói sáu Nhập.

Lại, tuy nói sáu Nhập, nhưng gồm thân được ba pháp hòa hợp thành các xúc. Do nói tên nhập, tức là nói sáu thức. Do chúng cùng tùy thuận, nên nói nhập như mắt v.v... tức gồm thân các nhập như mắt v.v... Vì sao? Vì không lìa các nhập như sắc v.v... nên có các nhập như mắt v.v... Do nghĩa ấy nên nói sáu Nhập. Ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Sáu Nhập duyên nơi Xúc, đó là nhân gì?

Đáp: Do người mù v.v... không có các xúc như mắt v.v... Những người khác thì có. Đây là nói về nghĩa gì? Vì có các căn như mắt v.v... nên có các xúc như mắt v.v... Lìa các căn như mắt v.v... thì

không có các xúc như mắt v.v... Như người mù v.v... chỉ có ý thức. Sáu nhập duyên nơi Xúc ở đây cũng như thế.

Hỏi: Dựa vào Xúc duyên Thọ, đây là nhân gì?

Đáp: Do lạc thọ cùng cảnh giới hòa hợp nên có các thọ như lạc thọ v.v... Nghĩa này là thế nào? Như người bị bệnh phong nhiệt, bị nóng bức não nên tìm những thứ gây lạnh như tuyết, ngọc báu ma-ni cùng bóng mát v.v... Lại như người bị lạnh bức não, nên cầu tìm những tiếp xúc tạo ấm nóng như tìm lửa, tìm áo, tìm nước ấm v.v...

Hỏi: Xúc duyên nơi Thọ, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì cùng sinh với xúc. Nghĩa này là thế nào? Tức xúc cùng sinh với thọ. Do vì nghĩa này, nên xúc duyên nơi thọ, nghĩa ấy không thành. Như hai chiếc sừng cùng sinh, sừng bên phải không tạo nhân duyên cho sừng bên trái, sừng bên trái cũng không làm nhân duyên cho sừng bên phải. Đây cũng như thế. Vậy phải dựa nơi nhân duyên khác mà sinh, không phải nhân duyên của xúc. Lại, nếu cùng sinh mà xúc có thể làm nhân duyên cho thọ, thì do nghĩa nào, nên thọ không thể cùng xúc là nhân duyên? Do thọ xúc sinh khởi nhân tương ưng.

Đáp: Tuy lại cùng sinh, nhưng một pháp là nhân, một pháp không phải là nhân. Nghĩa này là thế nào? Có hai thứ pháp, tuy lại cùng sinh, nhưng có một pháp có thể làm nhân cho pháp kia, không phải pháp thứ hai làm nhân cho pháp kia. Như ánh sáng cùng với ngọn lửa tuy lại cùng sinh, nhưng ngọn lửa là nhân của ánh sáng, còn ánh sáng không phải là nhân của ngọn lửa.

Lại, như mặt trời và ánh sáng là hai pháp cùng sinh, nhưng mặt trời có thể làm nhân cho ánh sáng, còn ánh sáng không thể làm nhân cho mặt trời.

Lại, như thân cùng sinh với bóng của thân, thân là nhân của bóng, bóng không làm nhân cho thân.

Xúc cũng như thế. Tuy cùng sinh với thọ, nhưng xúc làm nhân cho thọ, thọ không làm nhân cho xúc.

Nghi này đã đoạn dứt.

Lại có nghĩa khác. Tức trong pháp này, tôi cho không phải xúc cùng sinh mà là thứ lớp làm nhân duyên. Nghĩa này là thế nào? Trong pháp này không phải thọ cùng xúc một thời cùng sinh. vậy chúng sinh khởi như thế nào? Tức dựa nơi thời quá khứ, cùng với thời gian sau nhận pháp làm nhân, thứ lớp duyên sinh. Điều ấy làm sao nhận biết? Do nói một nhân. Đây có nghĩa gì? Do nói dựa vào nhân duyên của xúc sinh thọ, không nói dựa vào nhân duyên của thọ sinh xúc. Đây lại có nghĩa gì? Nếu hai pháp này đều cùng phát sinh thì nên nói là chúng làm nhân lẫn nhau. Do vì nghĩa ấy nên nói là thứ lớp làm duyên, không nói là một thời.

Hỏi: Dựa vào Thọ duyên nơi Ái, đây là nhân gì?

Đáp: Do thọ làm nhân cho dục giữ lấy vui thích nên sinh ra ái.

Hỏi: Nếu như thế thì khổ không nên sinh?

Đáp: Do cầu xuất ly.

Hỏi: Người cầu lạc thọ thấy lạc nên cầu, không nên cầu khổ, do không thọ dụng?

Đáp: Tuy không cầu khổ nhưng cũng có ái, vì không muốn nhận lấy khổ thọ kia. Cầu muốn lìa khổ, đây tức là ái. Thế nên khổ thọ cũng là nhân duyên của ái.

Lại, lạc thọ là nhân duyên của dục ái. Khổ thọ xa lìa là nhân duyên của hữu ái. Đây là nói về nghĩa gì? Như người có khổ, bị khổ bức nã, không nhận biết, không có lực, nên sát hại thân. Do không cầu khổ, do không cầu lạc, nhưng vẫn có nhân duyên của ái.

Lại, dựa nơi vô minh che lấp nên nhận lấy khổ. Như người khát nước, trong đêm tối uống phải nước lã phân. Đây cũng như thế.

Hỏi: Cảnh giới như sắc v.v... đều là duyên của ái. Vì sao chỉ nói Thọ là duyên của Ái?

Đáp: Vì lạc thọ cầu các sắc kia v.v... Đây có nghĩa như thế nào? Lạc thọ sinh khởi tất có bạn bè. Do vì nghĩa này, nên đối với các pháp như sắc v.v... đều sinh tâm ái. Thọ là nhân hơn hẳn không phải sắc, hương v.v... Thế nên chỉ nói thọ làm nhân cho ái, không nói sắc v.v...

Hỏi: Thủ có nghĩa gì?

Đáp: Nhận lấy, gằn gũ, nhiễm, chấp, đều gọi là Thủ. Cầu nơi chi Hữu cùng tất cả những nhiễm chấp như tài sản v.v... Do bị nhiễm đắm không cùng lìa bỏ, nên gọi là Thủ. Thủ này có bốn thứ: Dục thủ, kiến thủ, giới thủ và ngã thủ.

Lại, dục thủ là tham các công dụng nơi cảnh giới của năm dục. Giới thủ là lấy việc trì giới để giữ lấy ba thứ kiến chấp. Kiến thủ là thân kiến và ngã kiến. Lại, chấp trước nơi ngã, gọi là ngã thủ.

Người kia chấp giữ nơi ngã vì ngã cầu lạc. Thế nên cầu cảnh giới của năm dục kia, cầu dục lạc của chư Thiên. Hoặc do muốn được thấy các trời, các pháp tạo ra để hành như thế, gọi là kiến thủ. Nếu đã cầu được cảnh giới của năm dục, tham đắm vào pháp ấy, gọi là dục thủ. Do có nhân tham đắm nơi cảnh giới dục của đời vị lai, không thể xa lìa cảnh giới của năm dục, vì như thế nên trì giới gọi là giới thủ.

Lại, tham chấp nơi thân, tùy thuận cả hai biên thường đoạn gọi là kiến thủ. Nghĩa này là thế nào? Nếu rơi vào biên đoạn, tức là chấp chặt vào cảnh giới của năm dục, đó gọi là dục thủ. Nếu rơi vào biên thường, tham đắm năm dục, cho đó là xứ sinh hơn hết. Vì thế nên giữ giới gọi là giới thủ.

Hỏi: Ái duyên nơi Thủ, đây là nhân gì?

Đáp: Vì ái không đầy đủ, nên lại cầu tăng trưởng, như uống nước mặn lại càng khát thêm.

Lại dựa vào ái nên có bốn thứ thủ. Nghĩa này là thế nào? Vì dựa vào duyên của ái, nên cầu cảnh giới của năm dục trong hiện tại. Như trong kinh nói: Dựa vào nhân duyên của ái để cầu các dục, đó gọi là dục thủ.

Lại, dựa nơi ái nên cầu cảnh giới của năm dục trong đời vị lai. Vì ái ấy nên khởi sự giữ giới, đó gọi là giới thủ. Do người đó chỉ cầu cảnh giới của năm dục, nếu cầu được chúng, không muốn lia bỏ để cầu chư Thiên, ngày tốt, việc cúng tế, là điều mong muốn của ngã, chấp trước nơi ngã như thế gọi là ngã thủ. Đó gọi là dựa vào nhân duyên của Ái đối với Thủ.

Hỏi: Do những Ái nào duyên nơi những Thủ nào?

Đáp: Dục ái duyên nơi dục thủ. Hữu ái có thể chấp giữ giới thủ, ngã thủ. Lìa chi hữu, ái có thể chấp giữ kiến thủ. Lại, ngã của chúng sinh ái kiến thủ, sinh ái giới thủ, thọ ái dục thủ. Nơi tất cả thủ đều tham đắm kiến thủ. Lại, hai thủ là dục thủ và giới thủ trong bốn thủ, là hai thứ ái khác, được xem là căn bản của vô minh.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của Hữu?

Đáp: Đây là chủ thể sinh, dựa nơi chủ thể sinh ấy, nên ở đây có thể siêng năng tu tập. Dựa nơi pháp này nên có thể sinh ra pháp khác, do đó gọi là Hữu.

Hỏi: Dựa nơi duyên sinh của Hữu, đây là nhân gì?

Đáp: Dựa nơi nghiệp nên có sinh, như trước đã nói: Dựa nơi hành có thức, ở đây cũng thế, nên nói đầy đủ.

Hỏi: Phiền não cũng là nhân duyên của chi sinh. Như trong kinh nói: Nhân của ái nên có khả năng phát sinh. Vì sao chỉ nói Hữu là nhân duyên nơi sinh không nói nhân duyên thủ?

Đáp: Vì dựa vào nhân phát sinh thù thắng nên nói như vậy. Nghĩa này là thế nào? Trong đây chỉ nói nhân thù thắng của pháp

sinh. Thế nào là thù thắng? Đây là địa ngục, đây là con người, đây là chư Thiên. Vô số những thân nghiệp như thế v.v... là nhân gần, không phải là phiền não. Vô số những nhân kia lại có nhân đã sinh, sinh trong đồng loại, đều có sai biệt. Nghĩa là tất cả những sai biệt về sắc, lực, nhà cửa, sống lâu, chết yểu, có bệnh, không bệnh, thọ dụng, của cải. Các nghiệp ở đây cũng thế, nên biết ấy là nhân gần, không phải là phiền não. Do đó nói nhân duyên của hữu có sinh, không phải là nhân duyên của tử.

Hỏi: Nếu Hữu có thể làm nhân duyên cho Sinh, thì vì sao nói nhân duyên của Hữu nơi Sinh, không nói nhân duyên của Sinh nơi Hữu?

Đáp: Do có định, không định. Nghĩa này là thế nào? Vì có chi Hữu, tất có chi Sinh, nhưng có chi Sinh không cần có chi Hữu. Cũng như là dựa vào Đế thứ hai kia, nên tất có Đế thứ nhất, nhưng tất phải nhân có Đế thứ nhất mới có Đế thứ hai. Nếu không như vậy sẽ hoàn toàn không có nhân duyên của giải thoát. Thế nên nói dựa vào nhân duyên của chi Hữu, tất có chi Sinh, không phải Sinh duyên Hữu.

Hỏi: Già có nghĩa gì?

Đáp: Da nhăn, lực giảm, gọi là già. Có người nói: Gọi là già vì có sự đổi khác. Nghĩa này không thành. Vì sao? Vì do không trụ, vì hành hữu vi, sát-na không dừng trụ. Nếu hành của hữu vi niệm niệm không trụ, thì vì sao nói đổi khác gọi là già?

Lại còn có lỗi: Nếu pháp có biến đổi tức nên nó phải trụ trong sát-na thứ hai. Nếu pháp có trụ trong sát-na thứ hai thì không phải là nghĩa của pháp Phật.

Lại còn có lỗi: Nói đổi khác là bỏ nơi thật thể. Nếu tức pháp trước có sự đổi khác thì pháp kia phải nên bỏ bản thể. Lại nếu pháp kia không đổi khác, thì không được nói là có đổi thay, có khác biệt. Nếu pháp không bỏ bản thể của nó, cũng không được nói có sự đổi

khác, để gọi là già. Thế nên, không được nói có chuyển biến gọi là già. Trước nói tướng già, đó là nghĩa của già.

Hỏi: Tâm, tâm số pháp, làm sao biết được là già?

Đáp: Do thấy tâm pháp dựa vào pháp đối khác. Nghĩa là các căn, bốn đại tổn giảm, sự nhớ nghĩ yếu kém, quên mất. Các pháp môn hiện có, nghe nhận, không hiểu rõ, thấy cảnh giới khó thấy. Như thế v.v... tức biết là tâm có già.

Hỏi: Chết có nghĩa gì?

Đáp: Chết là xả bỏ mạng sống hoàn toàn mất, lụi diệt, đi đến thế giới khác v.v... Đó gọi là Chết. Như thế chết ở đây cùng với già vừa nói, kết hợp cả hai nên gọi là chi Lão tử.

Lại có người nói: Các căn, bốn đại v.v... thời gian sau tổn giảm, vi tế khó phân biệt, đó gọi là già, bị hủy hoại gọi là chết, như cây khô héo dần.

Lại, bốn đại bị suy hoại gọi là già, tan hết gọi là chết. Như chiếc xe cũ, hư gãy đổ tan nát hết.

Lại, đối với năm âm thuận theo diệt hoại, đó gọi là già, diệt mất gọi là chết, như ngôi nhà cũ đã tan hoại.

Hỏi: Sinh duyên Lão tử đây có nghĩa gì?

Đáp: Pháp kia tan hoại nên có được pháp này. Nếu không có pháp kia thì cũng không có pháp này. Nghĩa ấy là thế nào? Như mới đầu, tạo chiếc bình, thời gian sau bình cũ, hư. Lại, trước tạo chiếc bình, thời gian sau bình bị vỡ nát. Đây cũng như vậy. Có chúng sinh sinh, sau có già chết, không phải là chẳng sinh. Thế nên nói dựa vào sinh duyên nơi lão tử.

Hỏi: Nếu sinh trong một niệm tức thời chết, trong đó làm sao sinh duyên nơi lão tử?

Đáp: Là mạng diệt. Nghĩa này là thế nào? Xứ kia có mạng tồn giảm, năm âm của mạng hiền tiền diệt, nên gọi là chết. Cũng như cơn mưa có mây nên mưa, không mây thì không mưa, nhưng đôi lúc có mây mà không có mưa. Xứ này cũng thế.

Hỏi: Vì sao trong ba tướng của pháp hữu vi, một xứ chỉ nói sinh là chi sinh, một xứ lại nói lão và cho là chi lão?

Đáp: Do nghĩa tùy thuận. Lúc pháp sắp sinh, thì sinh có thể tùy thuận. Lúc pháp sắp diệt thì chi lão tùy thuận.

Lại, chi lão tử tùy thuận pháp hoại. Chi sinh cùng với lão tử kia trái nhau. Hai pháp lão, tử cùng thay nhau tùy thuận.

Nói tùy thuận, tùy thuận nơi sự suy hoại nên gọi là lão, tử cũng như thế. Thế nên lão, tử hợp thành một chi, sinh là chi riêng.

Hỏi: Vì sao không nói Ưu lo v.v... là chi?

Đáp: Vì không hiện hữu khắp trong tất cả chúng sinh. Nghĩa này là thế nào? Các pháp như ưu v.v... không phổ biến trong ba cõi, vì nghĩa này nên không nói là chi.

Hỏi: Vô minh diệt thì Hành diệt có theo thứ lớp nào?

Đáp: Đức Như Lai nói theo thứ lớp: Mười hai nhân duyên như Vô minh v.v... có thể sinh ra Hữu. Do các chúng sinh không thể nhận biết được mười hai nhân duyên, nên rơi vào đoạn kiến. Đức Như Lai đã nói theo thứ lớp là vô minh diệt, những chi khác đều diệt. Do các chúng sinh không thể thấy biết nhân duyên của vô minh, nên rơi vào thường kiến.

Lại, như trước đã nói, thế nào là thế gian có do không thấy biết mười hai nhân duyên, nên rơi vào biên không? Vì nghĩa này, nên Đức Như Lai nói: Thế nào là thế gian diệt? Do không thấy biết những pháp nào nên rơi vào biên có. Vì nghĩa này, nên Đức Như Lai nói tiếp. Như trong Kinh Ca Chiên Diên, Đức Như Lai đã nói. Lại, đã nói

đến thân kiến nơi tập đế, đạo đế, chưa nói đến thân kiến nơi khổ đế, diệt đế, thế nên sắp nói.

Lại, đã nói đến đế nhiễm, chưa nói đến đế tịnh. Lại, đã nói đến đế trói buộc, chưa nói đến đế giải thoát. Nay sắp nói, thế nên nói vô minh diệt hành cũng diệt.

Hỏi: Các nhân duyên này có bao nhiêu thứ?

Đáp: Nói gọn có bốn thứ. Đó là:

- (1) Có thời gian nơi mười hai nhân duyên.
- (2) Sát-na.
- (3) Thứ lớp.
- (4) Không đoạn dứt.

Thời gian: Là thời gian đến, gọi là thời gian của nhân duyên. Nghĩa này là thế nào? Thời gian của vô minh là thời quá khứ. Phiền não sinh là thời gian của Vô minh.

Nói thời gian của hành là nghiệp của thời quá khứ. Đó gọi là thời gian của Hành.

Nói thời gian của thức là tâm thức sinh, cùng sinh với quyền thuộc. Đó gọi là thời gian của Thức.

Thời gian của danh sắc là khi tinh huyết chưa hòa hợp thành, tức Ca-la-la, An-phù-đà, Tỳ-ni-kiên-chi v.v... Trong thời gian như thế, là chưa sinh ra năm tình, các căn như mắt v.v... sáu nhập chưa đủ, lúc này, sinh thể. Đó gọi là thời gian của Danh sắc.

Thời gian của sáu nhập là do sinh các căn như mắt đầy đủ v.v... các căn của sáu nhập chưa thể có sức để tạo ra chỗ nương dựa cho tâm, tâm số pháp. Đó gọi là thời gian của sáu Nhập.

Nói thời gian của xúc là tùy vào những thời gian nào các căn có thể làm chỗ nương dựa cho tâm, tâm số pháp kia, nhưng không

thể tạo phân biệt khổ, vui, cũng không thể tạo ra các sự việc tốt, xấu, chưa có hành vượt hơn. Đó gọi là thời gian của Xúc.

Nói thời gian của thọ là thọ nhận khổ, lạc, phân biệt khổ, vui, gồm thân những việc tốt xấu, yêu thích ăn uống, không yêu thích dục, chưa có sức để giữ lấy tiền của. Đó gọi là thời gian của Thọ.

Nói thời gian của ái là hành yêu thích, ham muốn về tiền của, chẳng phân biệt có không. Đó gọi là thời gian của Ái.

Nói thời gian của thủ là biết phân biệt có, không, khởi sự mong cầu như thế. Đó gọi là thời gian của Thủ.

Nói thời gian của hữu là cầu cảnh giới của năm dục nơi đời này, cả trong đời vị lai, nên ra sức tìm kiếm, vì đời vị lai nên dấy khởi các thứ nghiệp. Đó gọi là thời gian của Hữu.

Nói thời gian của sinh là đời này đã lùi, tức tiếp đến đời sau, gá vào xứ sinh. Đó gọi là thời gian của Sinh.

Nói thời gian của lão tử là từ đây về sau, các căn bị suy hoại dần. Đó gọi là thời gian của Lão tử.

Sát-na: Nghĩa là các chi như Danh sắc v.v... gọi là sát-na. do trong một niệm đã có đủ tất cả mười hai chi. Nghĩa này là thế nào? Như một người dựa vào tâm tham nên sát sinh. Xứ dựa kia hiện có mê lầm, ngu tối v.v... gọi là vô minh. Xứ kia hiện có chỗ tương ưng với tâm tư duy, gọi là hành. Xứ kia hiện có ý pháp tương ưng, gọi là thức. Xứ kia hiện có tướng pháp cùng sinh với thức. Các pháp như bốn đại và bốn trần do dựa nơi bốn đại sinh ra, đó gọi là danh sắc. Xứ kia hiện có dựa nơi nhập tạo nghiệp, chẳng phải là lia nơi nhập, gọi là sáu nhập. Xứ kia hiện có các pháp đối xứng tương ưng, đó gọi là xúc. Xứ kia hiện có chỗ tương ưng với giác, đó gọi là thọ. Xứ kia hiện có sự tương ưng với tâm tham, đó gọi là ái. Xứ kia hiện có tâm không xả bỏ ái, đó gọi là thủ. Xứ kia hiện có nghiệp thân, miệng, ý, đó gọi là hữu. Xứ kia hiện có các pháp như thế đã khởi lên các pháp,

đó gọi là sinh. Xứ kia hiện có các pháp đã đổi khác, đó gọi là lão. Xứ kia hiện có các pháp tan diệt, đó gọi là tử.

Thứ lớp: Là nghĩa vô thí. Nghĩa này là thế nào? Do nhân quả kia không đoạn dứt. Chính do nghĩa này nên không biết chỗ khởi đầu của nhân quả đó.

Không đoạn dứt: Là do nơi mỗi nhân của nhân kia không đoạn dứt. Nghĩa này là thế nào? Là nghĩa từ xa đến.

Lại nữa, không phải chỉ mười hai chi là có khả năng sinh ra nhân duyên, mà tất cả các pháp hữu vi kia đều gọi là nhân duyên.

*** Các pháp như tâm sâu xa v.v... có thứ lớp như thế nào?**

Đáp: Do đã thành tựu tất cả công đức thù thắng. Do trong tất cả pháp không mất tâm Bồ-đề, dùng làm căn bản. Nghĩa này là thế nào? Ở trong công đức tu hành của các Đại Bồ-tát, nói tâm sâu xa dùng làm căn bản. Do các Bồ-tát đã thành tựu tâm sâu xa, dùng làm nhân không mất tâm Bồ-đề.

Như tâm sâu xa, các hành cũng thế. Tự nhiên chỉ vì nhằm đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh nên tu hành. Do đấy Đức Như Lai vì muốn chỉ rõ về nghĩa thứ lớp tu hành như thật, nên nói về tâm sâu xa, kể đến nói về tâm hành.

Lại, do Bồ-tát thành tựu tâm sâu xa và tâm hành, sau đó là tu tập đem lại lợi ích cho người khác. Vì muốn chỉ rõ về nghĩa thù thắng như thế, nên Đức Như Lai nói về sự tu hành, sau đấy nói đến thành tựu tâm xả.

Lại, do Bồ-tát tu hành đúng như thật về giữ giới, bố thí v.v... cùng hồi hướng với thắng pháp. Dựa vào nghĩa như thế để chỉ rõ sự tu hành hỗ trợ đạo Bồ-tát, thế nên tiếp sau là nói về thành tựu hồi hướng.

Lại, từ giữ giới cho đến hồi hướng, đều không phải là căn thiện tất định, nên tiếp theo là nhằm chỉ rõ pháp Tam-muội thù thắng, là muốn khiến chúng sinh trụ trong những căn thiện như từ bi v.v... Do

nơi nghĩa này nên Đức Như Lai nói về hồi hướng, sau đây nói đến thành tựu đại từ bi v.v... Do đã đặt yên vững pháp an lạc vì điều nơi Bồ-đề, vì nhằm xa lìa tâm tham chấp kia, nên nói về từ bi, sau đó nói đến phương tiện. Do có phương tiện, nên có trí tuệ, nhận thấy rõ các pháp. Vì nghĩa này, nên Bồ-tát không rơi vào địa Thanh văn, Phật-bích-chi, mà nhập nơi quả vị Bồ-tát. Thế nên, Đức Như Lai nói về phương tiện, tiếp sau là nói về thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, lược nói thành tựu tâm sâu xa cho đến phương tiện: Là chỉ rõ sự thành tựu công đức trợ đạo. Thành tựu trọn vẹn về Bát-nhã Ba-la-mật: Là chỉ rõ thành tựu trí tuệ trợ đạo.

Lại, từ thành tựu tâm sâu xa cho đến phương tiện: Tức chỉ rõ thành tựu về nẻo công đức của Bồ-đề. Thành tựu trọn vẹn Bát-nhã Ba-la-mật: Tức chỉ rõ thành tựu về nẻo trí tuệ của Bồ-đề.

Lại, thành tựu tâm sâu xa cho đến hồi hướng: Là chỉ rõ thành tựu về thân giới. Thành tựu hai pháp Từ, Bi: Là chỉ rõ thành tựu về thân định. Phương tiện, Bát-nhã: Là chỉ rõ thành tựu về thân tuệ.

Lại, thành tựu tâm sâu xa: Tức là chỉ rõ thành tựu về tâm ngay thẳng. Từ bảy câu còn lại: Tức là chỉ rõ thành tựu về sự tu hành.

Lại, thành tựu tâm sâu xa, thành tựu tâm hành: Là chỉ rõ về nhà giới. Thành tựu tâm xả, thành tựu hồi hướng: Là chỉ rõ về nhà thí. Thành tựu đại từ, thành tựu đại bi: Là chỉ rõ về nhà tịch diệt. Thành tựu phương tiện, thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật: Là chỉ rõ về ngôi nhà trí.

Như thế, tất cả các pháp có chương ngại, không chương ngại, tức trong tất cả kinh khác đã nói rộng, nên biết.

Kinh này là dựa vào nghĩa của giới học nơi các Đại Bồ-tát mà nói. Như thế, tám vạn bốn ngàn vô lượng vô biên các pháp môn v.v... của các Đại Bồ-tát đều nên so sánh để nhận biết.

HẾT - QUYỂN 9

SỐ 1526/1

KINH BẢO KẾ TỬ PHÁP ƯU BA ĐỀ XÁ*Tác giả: Bồ tát Thiên Thân.**Hán dịch: Đồi Nguyên Ngụy, Đại sư Tỳ Mục Trí Tiên.**Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Bà-già-bà trụ tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo Tăng và chúng Đại Bồ-tát hội đủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Bảo Kế:

–Này Thiện nam! Bồ-tát có 4 thứ phát khởi tinh tấn, không lìa bổ thí. *Những gì là bốn?* Đó là:

1. Phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả chúng sinh.
2. Phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả pháp Phật.
3. Phát khởi tinh tấn với tướng tùy hình hảo trọn vẹn.
4. Phát khởi tinh tấn với thế giới Phật thanh tịnh.

Bốn thứ phát khởi tinh tấn như vậy, được nêu bày đầy đủ nơi kinh này.

Bốn thứ chánh pháp của Bồ-tát như thế đã giảng nói, làm rõ các hành vị tha của Bồ-tát được thâu tóm trong kinh thuộc Đại thừa.

Ở đây, nay sẽ giải thích.

Do nghĩa nào Bồ-tát kia có đầy đủ diệu lực lớn lao không thể lường, luôn siêng năng tinh tấn không cầu ược, không động, tinh tấn vững chắc tối thắng? Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thế Tôn, vua Mâu-ni
Tinh tấn không thể lường
Vô cầu, siêng, không động
Lực tinh tấn tối thắng
Nói Tu-đa-la này
Vì lợi ích những gì?*

Lại nữa, do nghĩa gì gọi là Thế Tôn? Có những lợi ích gì nơi thành Vương-xá? Do nghĩa nào nên Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Bảo Kế? Vì sao Bồ-tát được gọi là Bảo Kế?

Này Thiện nam! Bồ-tát có bốn thứ phát khởi tinh tấn, không lìa bố thí. Bồ-tát như thế là thuộc về tộc họ nào? Những nghĩa ấy cần giải thích. Vì sao phát khởi bốn thứ tinh tấn, không nhiều, không ít? Thế nào là bố thí? Có bao nhiêu thứ bố thí?

Thế nào là phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả chúng sinh? Những điều này nên giải thích. Thế nào gọi là chúng sinh? Là có hay là không? Chúng sinh nếu có, nhưng tất cả các pháp đều nói lìa chúng sinh, làm sao có thể tránh khỏi? Chúng sinh nếu không, nhưng nói đầy đủ tất cả chúng sinh thì không tương ưng.

Bồ-tát bố thí vì phải có đầy đủ tất cả chúng sinh hay là không đầy đủ? Nếu đều đầy đủ thì vì nhân duyên gì tất cả chúng sinh không hay, không biết? Như Đức Thế Tôn đã nói với Long vương: “Nếu bốn pháp của Ta đã giữ lấy chúng sinh, thì tất cả các chúng sinh kia đều nên nhận biết pháp Ta giảng nói”. Nếu không đầy đủ thì tự mâu thuẫn với điều đã giảng nói trong Tu-đa-la.

Nếu nói phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả pháp Phật, thì Như Lai giảng nói: Những gì gọi là pháp Phật? Lại nữa, Bồ-tát bố thí

như thế nào? Nếu đã đầy đủ tất cả pháp Phật như thế thì cần gì phải giảng nói sáu pháp Ba-la-mật? Nếu sự bố thí đó đầy đủ như thế, tức là không có năm Ba-la-mật. Nếu có sáu thì tự mâu thuẫn với lời Phật đã nói trong Tu-đa-la.

Nếu nói phát khởi tinh tấn với tướng tùy hình hảo trọn vẹn, thì tướng tùy hình hảo, theo nghĩa này cần giảng nói: Thế nào tướng tốt đẹp? Lại nữa, về nghĩa này Đức Thế Tôn đã giảng nói. Nếu Đức Thế Tôn nói về tướng tốt đẹp trọn vẹn, phát khởi tinh tấn về Thi-la Ba-la-mật, thì Đức Phật đã giảng nói như thế. Nếu có Bồ-tát hy vọng muốn được tướng tùy hình hảo mà bố thí, nên biết đó là Bồ-tát chấp trước.

Do nghĩa gì ở đây thì tùy thuận nói Thi-la Ba-la-mật, còn xử kia thì lại ngăn chặn nhân duyên như thế? Nghĩa ấy cần nên nêu bày.

Nếu nói phát khởi tinh tấn với thế giới Phật thanh tịnh, thì: Thế giới của chư Phật có bao nhiêu thứ thanh tịnh và bao nhiêu thứ không thanh tịnh? Nghĩa này cần nên nói.

Lại, thế giới của Đức Phật Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni này là thanh tịnh hay không thanh tịnh? Nếu đều là thanh tịnh thì mâu thuẫn với lời Như Lai đã nói về cảnh giới trang nghiêm trong Kinh A Di Đà: “Ta nay đã ở nơi thế giới gồm đủ năm thứ ô trược xấu ác, chúng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”. Nếu không thanh tịnh, thì vì sao ở đây lại nói Bồ-tát có bốn thứ phát khởi tinh tấn, không lìa bố thí? Nghĩa ấy cần nên nói.

Nói tóm lại: Thế nào là phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả chúng sinh? Cho đến: Thế nào là phát khởi tinh tấn với thế giới Phật thanh tịnh? Đức Thế Tôn đã giảng nói ở đây đều khó lãnh hội.

Như thế, Tu-đa-la thù thắng, thanh tịnh vô cấu bậc nhất, những vấn nạn đã nêu ấy, nay sẽ giảng nói:

* *Pháp đã nói ở đây, về nghĩa là thế nào?* Do nghĩa gì nên pháp kia không chướng ngại, không thể nêu lường, trí tuệ thù thắng lia câu uế, không thể nghĩ bàn, với thân, miệng, ý tốt đẹp, là Tu-đa-la bậc nhất, được các hàng trời, người, A-tu-la cúng dường, hành hóa thù thắng, tịch tĩnh, không thể tư duy, luận bàn, là pháp sáng suốt không gì sánh, không ai bằng, đã được giảng nói? Kệ nêu:

*Không ngại, rộng, vô lượng
Thắng tuệ trên ba cõi
Thân không thể nghĩ bàn
Miệng, ý cũng như thế.
Trời, người, A-tu-la
Các chúng đã cúng dường
Nghĩa gì nói Kinh này?
Hành vô thượng lia câu.
Chánh giáo Phật đã nói
Tịch tĩnh, hạnh đệ nhất
Hào quang không gì sánh
Không thể nào nghĩ bàn.*

Nay xin nói về nghĩa này vì có người nghi, tức đề đoạn trừ nghi, đem lại lợi ích. Trong đại hội này có trời, người, có A-tu-la, hoặc rồng, Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà v.v... nghe Đức Phật Thế Tôn giảng nói Kinh này cho Bồ-tát.

Từ các thứ ngọc báu, thức ăn uống, xe cộ, y phục trang nghiêm, hoặc ngựa, hoặc voi, nơi chốn tu đạo, vườn rừng vui chơi, thành ấp, thôn xóm đông người đang ở. Hoặc đem cả đất đai, vợ con, các bộ phận như tay chân, tim, da, thịt, máu, xương tủy trong toàn thân để bố thí. Tuy nhiên, vừa nghe Đức Như Lai giảng nói xong, liền sinh tâm nghi: “Bồ-tát phát khởi tinh tấn được bao lâu với những việc bố thí khó hành như thế?”. Đức Như Lai quán xét nhận biết các chúng kia đang sinh khởi tâm nghi, nhằm dứt trừ nghi ấy, nên Đức Phật đã

vì đại chúng thuyết giảng Kinh này, nói: “Này Thiện nam! Bồ-tát có bốn thứ phát khởi tinh tấn, không lìa bỏ thí, là pháp được tất cả người trí đề cập đến, không phải cho là Bồ-tát biếng trễ trong việc bỏ thí. Thế nên, bốn thứ phát khởi tinh tấn đã tạo được lợi ích như thế”.

Lại nữa, vì lợi ích nào Đức Như Lai nói đến hành thí thanh tịnh của Đàn Ba-la-mật như thế? Có người nhớ nghĩ, muốn nghe Đức Phật giảng nói hành thí thanh tịnh nơi Đàn Ba-la-mật, nghe xong là được lợi ích.

Người nào muốn nghe Ta giảng nói kinh này? Đó là các Bồ-tát như Bảo Kế v.v...

Các chúng Bồ-tát Đại Thánh như thế đều hiện diện đầy đủ, đã khéo ứng hiện nơi thế giới rồi đi đến đại hội này, đem các thứ thắng diệu cúng dường Đức Thế Tôn.

Sau khi cúng dường, Bồ-tát hỏi: Bạch Đức Thế Tôn! Con chưa biết Bồ-tát có bao nhiêu hạnh thanh tịnh? Kính xin Đức Thế Tôn giảng nói, con nay muốn được nghe.

Đức Thế Tôn nói: Này Thiện nam! Bồ-tát có đủ bốn thứ hạnh thanh tịnh. Đó là:

- (1) Hạnh thanh tịnh của Ba-la-mật.
- (2) Hạnh thanh tịnh nơi pháp phần Bồ-đề.
- (3) Hạnh thanh tịnh nơi thần thông, trí tuệ cứu cánh.
- (4) Hạnh thanh tịnh nơi hành tác thuần thực chúng sinh.

Thế nào là hạnh thanh tịnh của Bồ thí Ba-la-mật? Đức Như Lai giảng nói như thế nào? Đức Thế Tôn đã giảng nói bốn thứ phát khởi tinh tấn của Bồ-tát không lìa bỏ thí v.v... đạt được lợi ích như thế.

Lại nữa, lợi ích của nghĩa này là gì? Ở đây, tôi nay nói rõ về lợi ích cho mình và lợi ích cho mọi người. Vì không nhận biết nhân của hai thứ lợi ích ấy, nên Đức Như Lai chỉ cho biết rõ nhân của lợi ích

cho mình và cho người, do vậy nên giảng nói Tu-đa-la này. Vì sao tất cả người trí đều đã chỉ rõ? Vì có người đã phát tâm Bồ-đề, đối với bốn thứ phát khởi tinh tấn bố thí, người đó đã tạo đầy đủ lợi ích cho mình và cho người, không phải chỉ là sự nhớ nghĩ.

Phát khởi tinh tấn với tướng tốt đẹp trọn vẹn, phát khởi tinh tấn với đầy đủ pháp Phật, thế nên bố thí tạo được lợi ích đầy đủ cho mình.

Phát khởi tinh tấn với chúng sinh, phát khởi tinh tấn với thế giới Phật thanh tịnh, thế nên bố thí tạo được lợi ích cho người khác, lợi ích là như thế.

Lại nữa, còn có lợi ích nào? Nghĩa này nay sẽ giảng nói. Nếu có Bồ-tát không học trí bố thí, Đức Như Lai sẽ bảo Bồ-tát đó học trí bố thí. Bậc Nhất thiết trí đã tạo lợi ích nên chỉ rõ như thế. Nếu có Bồ-tát không học trí bố thí nhưng cũng hành thí, thì gọi là bố thí, không phải là Ba-la-mật. Như Đức Thế Tôn giảng nói Đàn Ba-la-mật, trong đó nêu dạy: “Nếu người nào trải qua Hằng hà sa số kiếp tu hành bố thí mà không học trí bố thí, Bồ-tát như thế chỉ được gọi là bố thí, không phải là Ba-la-mật”.

Lại nữa, còn có lợi ích nào? Nghĩa này nay sẽ giảng nói. Nếu có Bồ-tát muốn hành bố thí ít nhưng được quả báo nhiều thì dùng phương tiện gì? Nếu Bồ-tát kia không học phương tiện thiện xảo thì bậc Nhất thiết trí sẽ khiến họ học, tạo lợi ích, vì họ giảng nói kinh ấy. Bậc Nhất thiết trí đem bốn thứ ấy chỉ rõ cho họ, do phương tiện này nên hành bố thí ít mà được quả báo nhiều. Như phương tiện thiện xảo nơi Tu-đa-la đã giảng nói, tức khéo dùng phương tiện nên Bồ-tát bố thí ít mà hành hóa sâu rộng, tạo vô lượng lợi ích như thế.

Lại nữa, còn có lợi ích nào? Nghĩa này nay sẽ giảng nói. Nếu có Bồ-tát lìa nơi trí nguyện, Đức Như Lai khiến trí nguyện của Bồ-tát ấy hòa hợp, được lợi ích như thế, bậc Nhất thiết trí chỉ rõ: Bồ-tát

không phát nguyện thì không bố thí. Lại nguyện như thế này: Hôm nay tôi hành bố thí đầy đủ với các thực phẩm v.v... nguyện nơi đời vị lai, sẽ dùng pháp vô thượng để bố thí với đầy đủ mười lực, bốn pháp vô sở úy, pháp bất cộng v.v... Như thế, pháp Phật, tướng tùy hình hảo, đều được chứng đắc. Tôi sẽ khéo làm thanh tịnh thế giới của Phật, lợi ích là như thế.

Lại nữa, còn có lợi ích nào? Nghĩa này nay sẽ giảng nói. Bồ-tát cầu nơi bốn thứ đầy đủ, nhưng không học nhân bố thí. Vì biết rõ lợi ích của nhân, nên bậc Nhất thiết trí đã chỉ rõ: Nếu ông muốn cầu đạt bốn thứ đầy đủ, nên hành bốn thứ phát khởi tinh tấn để hành bố thí. *Những gì là bốn?* Đó là: (1) Chúng Tăng đầy đủ. (2) Trí đầy đủ. (3) Thân đầy đủ. (4) Thế giới Phật đầy đủ. Bậc Nhất thiết trí chỉ rõ: Nếu ông muốn cầu đạt bốn thứ đầy đủ, nên hành bốn thứ phát khởi tinh tấn để hành bố thí. Nếu nói phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả chúng sinh thì được *Chúng Tăng đầy đủ*. Nếu nói phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả pháp Phật thì được *Trí đầy đủ*. Nếu nói phát khởi tinh tấn với tướng tùy hình hảo trọn vẹn thì được *Thân đầy đủ*. Nếu nói phát khởi tinh tấn với thế giới Phật thanh tịnh thì được *Thế giới Phật đầy đủ*.

Lợi ích như thế là lợi ích cho mình và cho người, nên Đức Như Lai giảng nói Kinh này.

** Lại nữa, do nghĩa gì gọi là Thế Tôn? Có những lợi ích gì nơi thành Vương-xá?* Hai vấn nạn này, như nơi phần Ưu-ba-đề-xá về tâm Bồ-đề đã giảng nói, nên biết.

** Vì sao Bồ-tát được gọi là Bảo Kế?* Nghĩa ấy nay sẽ giảng nói. Vì căn thiện đã được trọn vẹn như thế, trải qua vô số, vô lượng trăm ngàn A-tăng-kỳ kiếp, nên Bồ-tát có được nhục kế bằng ngọc báu, giá trị bằng bảy báu đầy khắp trong mười Tam thiên đại thiên thế giới, thế nên vị Thánh ấy tên là *Bảo Kế*. Ví như dùng tay cầm nắm kim

cương, nên gọi là Tay kim cương. Như vậy, vì trong nhục kế có ngọc báu, nên gọi là Bảo Kế. Ba điều khéo đầy đủ, phần Ưu-ba-đề-xá như đã nói trong kinh kia nên biết.

** Vì sao phát khởi bốn thứ tinh tấn, không nhiều không ít?*
Nghĩa ấy nay sẽ giảng nói. Do nhân của suy tưởng, nhớ nghĩ đến bốn thứ phát khởi tinh tấn ấy, nhớ tưởng đến lợi ích đầy đủ rất ráo. Bốn thứ đó có vật gì khiến tưởng, nhớ đến lợi ích? Điều ấy tôi nay sẽ giảng nói về lợi ích của mình và người. Bốn thứ đó không cần nhiều, cũng không được ít. Lại tưởng nhớ đến lợi ích rất ráo nên không được nói ít. Đức Như Lai đã nói bốn thứ phát khởi tinh tấn như thế. Ví như người đàn ông có hai chân thì đi được, lại không dùng nhiều, nhưng một chân thì không đi được. Đây cũng như thế.

** Thế nào là bố thí? Có bao nhiêu thứ bố thí?* Hai thứ vẫn nạn này và ba điều khéo đầy đủ, nơi phần Ưu-ba-đề-xá trong kinh kia đã giảng nói, nên biết.

** Thế nào gọi là chúng sinh? Là có hay là không?* Phần Ưu-ba-đề-xá về tâm Bồ-đề trong kinh kia đã nêu bày, nên biết.

** Bồ-tát bố thí vì phải có đầy đủ tất cả chúng sinh hay là không đầy đủ?* Nghĩa ấy nay sẽ nói.

Bồ-tát hành đầy đủ, thế nào là đầy đủ? Bồ-tát đối khắp hết tất cả muôn loài, tâm đều bình đẳng, xả bỏ tất cả vật, bố thí rộng khắp, đầy đủ thế nguyện đối với tất cả chúng sinh. Bồ-tát làm thế nào xả bỏ tất cả vật hiện có, tất cả các vật trong ngoài, nguyện khiến cho tất cả chúng sinh đều được giải thoát, tâm được thanh tịnh. Thí cho người đến cầu xin, như vật của mình, từ vật mình tưởng cho đến xem tất cả chúng sinh với tâm bình đẳng.

Nếu Bồ-tát bố thí, xa lìa ngã chấp, thí cho y phục, thức ăn uống, là bố thí đầy đủ cho tất cả chúng sinh. Nếu chúng sinh không nhận lấy của bố thí, điều đó không phải lỗi ở Bồ-tát.

Tâm Bồ-tát thí cho tất cả người ăn xin, cũng như Long vương. Ví như Long vương, đối với tất cả người cầu xin thấy đều cho một cách bình đẳng, nếu có người không nhận, thì không phải là lỗi của Long vương. Ví như Long vương nổi lên đám mây dày đặc rộng lớn che khắp hư không, bình đẳng trút xuống trận mưa, thì những đám cỏ thuốc, cây rừng đều sinh trưởng nhanh chóng, các chồn ao hồ đều ngập tràn. Nơi xứ cao không nhận được nước mưa, điều đó không phải là lỗi của Long vương. Cũng như thế, Bồ-tát bình đẳng hành thí đến khắp tất cả người ăn xin. Nếu có người nào không tới nhận lãnh thì không phải lỗi của Bồ-tát, vì Bồ-tát đã hành đầy đủ theo nguyện của tất cả chúng sinh.

Bồ-tát bố thí phát nguyện như thế này: “Tôi vì muốn tạo đầy đủ mọi an lạc vô thượng cho tất cả chúng sinh, nên nguyện đem vô số các vật dụng thí cho tất cả chồn sinh sống, thường xuyên tạo mọi đầy đủ cho hết thấy chúng sinh”. Thế nên, Bồ-tát phát nguyện bố thí cho tất cả nơi sinh sống đều được giàu có an vui. Chính vì diệu lực của sức phát nguyện và diệu lực của bố thí đã huân tập nên Bồ-tát đã đòi đòi, xức xức, hành trì bố thí cho vô lượng chúng sinh thấy đều đầy đủ. Lia các thứ bất thiện như sát sinh là vô úy thí đầy đủ cho hết thấy chúng sinh. Như Đức Thế Tôn đã nói: “Dứt bỏ sự giết hại các loài, đó là bố thí sự không sợ hãi, không oán ghét, cho tất cả chúng sinh”. Vì bố thí như thế v.v... là chỉ cho chúng sinh cảnh giới Niết-bàn rốt ráo, khiến vô lượng chúng sinh đều trụ trong Niết-bàn diệu lạc. Vì thọ nhận lời Phật thọ ký xong, nên Bồ-tát về sau tự chọn lấy Niết-bàn.

Do nhân duyên trừ bỏ khổ đạt được an vui, như thế là Bồ-tát đã tạo mọi đầy đủ cho tất cả chúng sinh.

* *Những gì gọi là pháp Phật?* Nghĩa này nay sẽ giảng nói. Pháp thân là nương dựa vào mười lực, bốn vô sở úy và mười tám pháp bất cộng. Đây là pháp Phật. Do tất cả các pháp đó đều là do Phật nhận biết, nên gọi là pháp Phật, như Thánh giả Văn-thù-sư-lợi nói kệ:

*Chánh giác không nghĩ bàn
 Như Lai không thể lường
 Hàng Thanh văn, Duyên giác
 Đều không thể lượng xét.
 Hướng tất cả chúng sinh
 Biết được Như Lai sao?
 Phàm phu hành hý luận
 Như Lai dứt hý luận.
 Chỉ Phật mới biết Phật
 Nương dựa hành pháp Phật
 Trí, thân, tâm tự nhiên
 Trừ Phật, không ai hiểu.*

** Lại nữa, thế nào là Bồ-tát bố thí đầy đủ tất cả pháp Phật?*
 Như thế thì cần gì phải giảng nói sáu pháp Ba-la-mật. Nghĩa ấy nay sẽ nói rõ. Thật có sáu thứ, do ý gì chỉ nói về bố thí? Nghĩa này nay sẽ nêu.

Đây là ý nói Bồ-tát khéo dùng phương tiện. Như Bồ-tát khéo dùng phương tiện bố thí thì có thể hành trì đầy đủ sáu Ba-la-mật. Như nơi kinh Thiện Phương tiện đã nói, nơi kinh Úc Già La Vấn đã nói. Bồ-tát tại gia bố thí đầy đủ sáu Ba-la-mật. Thế nào là đầy đủ? Nghĩa là Bồ-tát có nhiều thứ của cải vật báu, ai đến xin đều thí cho với tâm không phân biệt. Như thế gọi là Bố thí Ba-la-mật. Dựa nơi tâm Bồ-đề để tu hành bố thí, như thế gọi là Trì giới Ba-la-mật. Đối với người cầu xin, không giận dữ, không loạn động, như thế gọi là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Nếu bố thí cho người khác ta còn gì để dùng? Không có tâm như thế, có được năng lực như thế, gọi là Tinh tấn Ba-la-mật. Như có người cầu xin, nếu bố thí rồi, không bực không hối, tự tâm mừng vui, sinh tâm ý thiện, như thế gọi là Thiền định Ba-la-mật. Nếu bố thí rồi, đối với tất cả pháp, tâm không thủ đắc, không mong được quả báo. Như trí tuệ thông sáng, không chút vướng mắc,

nơi pháp luôn hoan hỷ, vui thích, không tham chấp, chỉ mong cầu quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, như thế gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Nói tóm lại, đều đầy đủ hết thảy sáu pháp Ba-la-mật như thế trong hành bố thí.

Lại, như trong kinh thuộc Đại thừa, Đức Thế Tôn đã giảng nói vô lượng sự đầy đủ nơi sáu Ba-la-mật. Như vậy, tất cả đều gồm thâu trong Kinh này.

Lại, trụ nơi Địa lớn, các Bồ-tát v.v... đều có ý niệm như vậy. Bồ-tát kia trụ nơi Địa lớn theo ý của các Bồ-tát, luôn bố thí đầy đủ với tất cả pháp Phật.

Lại, vì đối trị để giáo hóa các chúng sinh, nên Đức Thế Tôn đã giảng nói pháp. Hoặc có chúng sinh nên dùng môn bố thí để giảng nói đầy đủ tất cả pháp Phật cho họ. Hoặc có chúng sinh nên dùng các môn khác, cho đến dùng môn trí tuệ.

Lại nữa, do chỉ rõ thệ nguyện của Bồ-tát, là Bồ-tát luôn đáp ứng đầy đủ ý muốn của người cầu xin, nên phát nguyện như vậy: “Như tôi đã đáp ứng đầy đủ mọi ý muốn của người cầu xin, xin đem căn thiện này nguyện đạt được đầy đủ tất cả pháp Phật”. Nói như thế thì không có lỗi.

** Thế nào là tướng tốt đẹp?* Nghĩa đó nay sẽ giảng nói.

Có ba mươi hai tướng: Đó là tay chân đều có dấu vân bánh xe, khéo trụ an ổn, bằng phẳng. Tay chân đều mềm mại. Kẽ giữa hai ngón tay, chân đều có màng lưới mỏng. Có bảy nơi bằng phẳng, đầy đặn. Ngón tay dài, thân rộng lớn, ngay ngắn. Cổ như mình con sò, lông trên thân đều xoay hướng lên. Đùi vế như đùi vế của Nai nhân ni. Cánh tay bằng, thẳng, âm mã vương tàng, da tươi màu vàng ròng, ở mỗi lỗ chân lông đều có một sợi lông, trong chân mày đều có hào quang trắng, gương mặt sáng rõ. Vai như vai sư tử, trước sau đều tròn trịa. Lưng Phật ngay ngắn, phẳng, là thượng vị trong các mùi

vị. Thân thể Phật tròn đầy như Ni-câu-đà. Trên đánh cao tròn, cuống lưỡi của Phật rộng dài, nói tiếng Phạm vi diệu. Má tươi nhuận, răng trắng bằng đều, khít, gồm bốn mươi chiếc, mắt trong trẻo, xanh biếc như mắt Ngưu vương.

Tám mươi vẻ đẹp: Mu bàn chân nõn nà, trơn nhẵn, ngón tay tròn có hoa tay, mạch tay không lộ ra, mắt cá, gót chân đều bằng phẳng, đốt xương rắn chắc, sít sao, mép dưới đôi bàn chân bằng, có chỉ vắt ngang, ngay ngắn, sâu, nhẵn, mịn màng, lưỡi nói theo thứ lớp, mạch lạc, sắc môi đỏ tươi, như quả Tần-bà, không cao, không thấp, lưỡi đỏ, mềm, mỏng như lưỡi của voi chúa trắng. Tiếng nói của Phật như sấm vang trong mây, âm thanh tốt đẹp như tiếng nói của Bồ-tát Văn-thù.

Đầy đủ các tướng tốt: Hai cánh tay ngang bằng, thân thể sạch sẽ, xiêm y cũng thế, toàn thân đều mềm mại, các bộ phận đều cân đối, mỗi bộ phận của thân thể đều khít khao, tùy theo chỗ rộng hẹp, cách ngồi của Phật rất tròn đầy, lưỡi ngay thẳng, luận bàn với lời lẽ hay đẹp theo trình tự. Cuống lưỡi đều sâu, nói những điều bí mật của tiên vương, hiện bày những điều thiện tịnh bậc nhất, rất đáng ưa thích, lia tối tăm như ánh chớp sáng soi khắp. Bước đi của Phật luôn xoay về bên phải như bước đi của Sư tử, Ngưu vương, Long vương. Lưỡi không dài, ngắn, mà tròn đẹp. Hai hông không lộ ra, vì đã lia bỏ dục ác. Thân Phật không có nốt ruồi đen, không chút vết bẩn bám bên ngoài, tròn trịa, nhanh nhẹn. Đôi chân không cao, luôn sạch, không nhơ, mỉm cười mà thông thả, mắt như chiếc lá xanh ở Bà-la-da, lúc Phật cười, vị trí chân mày, mặt đều như pháp, đều theo thứ lớp tương ứng. Chân mày ngay ngắn, không cong, lông mày không ít, không nhiều, đều hoàn toàn xa lia mọi lỗi lầm, không ai có thể chê bai, nghi trách.

Các căn đều tốt đẹp hơn hết. Vàng trán rộng, hiện đủ vẻ vui bậc nhất. Gương mặt và trán đều bằng phẳng, đầy đặn, như trên toàn

thân, không trắng không đen, luôn tỏa ra mùi thơm, không chắc, không đục, mạch lạc, khít khao. Về đẹp vi diệu, thù thắng có Nan-đề-toàn-bạt-đà-ma-na (?), thân hình cân đối thích hợp và tóc xoay theo chiều từ phải sang trái, không rối.

** Vì sao ở đây Đức Phật bảo cho biết tướng tốt trọn vẹn là Trì giới Ba-la-mật, nhưng ở chỗ kia lại ngăn ngừa này?* Nay nói về hành nghiệp ban đầu, Bồ-tát nhớ nghĩ về tướng tốt, hy vọng muốn có được. Vì nhằm tạo lợi ích cho Bồ-tát, nên Đức Phật dùng phương tiện để chỉ rõ. Bồ-tát tu hành chưa lâu, nên còn ái mộ tướng tốt, lìa bỏ lợi ích. Tâm bi bố thí luôn tương ưng với lợi ích, điều như thế nên ngăn chặn.

Lại nữa, nếu người tham đắm nơi sắc thân vi diệu, cùng tướng tốt trọn vẹn rồi luôn hy vọng nhớ nghĩ, Bồ-tát nên vì người đó mà ngăn chặn. Nếu có chúng sinh thành tựu đầy đủ lợi ích, thì Bồ-tát cần chỉ bảo cho người đó: Ở đây có chúng sinh thấy thân tướng tốt trang nghiêm của Như Lai, vì phát tâm Bồ-đề nên nói như thế, như trong Tu-đa-la Chuyển Nữ Thân đã nêu.

Lại nữa, người chưa phát tâm Bồ-đề, vì nhằm tạo lợi ích cho họ, nên chỉ dạy.

Lại nữa, người đã phát tâm Bồ-đề từ lâu, vì lợi ích tương ưng với không v.v... nên ngăn chặn. Lại, vì muốn được phước đức và lợi ích đầy đủ, thế nên Bồ-tát chỉ bảo về trí viên mãn, vì lợi ích đầy đủ nên ngăn chặn. Lại, có người cầu tướng tùy hình hảo đầy đủ trọn vẹn của Thế Tôn, do chấp giữ nơi tướng nên ngăn chặn.

Lại nữa, vì lỗi lầm tham vương nơi hỷ lạc v.v..., vì lợi ích của sự tịch tĩnh, nên vì họ mà ngăn chặn.

Do nhân duyên như thế nên trong Kinh này không ngăn chặn.

** Thế giới của chư Phật có bao nhiêu thứ thanh tịnh, có bao nhiêu thứ không thanh tịnh?* Nghĩa ấy không thể nói hết.

Phân không thanh tịnh kia tóm tắt có hai thứ:

- (1) Tướng chúng sinh.
- (2) Tướng hành.

Tướng chúng sinh: Nghĩa là những lời nói lỗi lầm của chúng sinh.

Tướng hành: Nghĩa là lỗi lầm của hành, tức là hành ác và lỗi lầm của các chúng sinh kia, do chúng sinh dựa vào vô số các thứ kiến chấp hư vọng.

Hành lỗi lầm kia là những lỗi lầm khiến sa vào hầm hố, gò đồng, chông gai v.v... ở những địa điểm như thế, đa số những thứ cần dùng như thức ăn uống, y phục, vật báu đều thiếu thốn.

Công đức của chúng sinh cùng đời như thế, nên hành công đức nơi thế giới thanh tịnh. Ở thế giới đó còn có vô lượng diệu lực thế nguyện tự tại của Bồ-tát, nên nhận biết như thế.

Thế giới của chư Phật có vô biên công đức, nên nguyện lực tự tại của Bồ-tát là vô biên, và sự phát khởi tinh tấn ở đây cũng vô biên. Những công đức như thế là không thể kể hết.

Lại, thế giới thanh tịnh của chư Phật này chỉ nói một phần ít. Ngoài ra còn nhiều nữa, nên biết. Như Đức Thế Tôn giảng nói: “Có mười hai thứ đạo tràng các công đức được hòa hợp tụ hội, nơi đó đều thanh tịnh, biết được thế giới Phật”. *Những gì là mười hai đạo tràng?* Đó là:

- (1) Đạo tràng kiếp số hòa hợp tụ hội: Đạt được do đạo tràng công đức đều trọn vẹn.
- (2) Đạo tràng thời gian hòa hợp tụ hội: Đạt được do luôn hành pháp không để thời gian luống qua.
- (3) Đạo tràng chúng sinh hòa hợp tụ hội: Đạt được là do trí pháp.

(4) Đạo tràng thế giới hòa hợp tụ hội: Đạt được là do khéo làm thanh tịnh.

(5) Đạo tràng điều ngự chúng sinh hòa hợp tụ hội: Đạt được là do không bó buộc.

(6) Đạo tràng thừa hòa hợp tụ hội: Đạt được là do hành trì một hạnh.

(7) Đạo tràng Đà-la-ni hòa hợp tụ hội: Đạt được là do không có vật gì khác.

(8) Đạo tràng pháp Phật hòa hợp tụ hội: Đạt được là do không có pháp của tất cả ngoại đạo.

(9) Đạo tràng công đức hòa hợp tụ hội: Đạt được vì không có dua nịnh.

(10) Đạo tràng tâm ngay thẳng sâu xa hòa hợp tụ hội: Đạt được do bản tánh tịnh, đời sống tịnh, chỗ ở của chúng sinh tịnh.

(11) Đạo tràng Thánh hòa hợp tụ hội: Đạt được vì không xa lìa phước điền.

(12) Đạo tràng đạo hòa hợp tụ hội: Đạt được vì nhân nơi Đức Phật trước nên sự hành hóa đạt tới.

** Lại, thế giới của Đức Phật Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni này là thanh tịnh hay không thanh tịnh? Nay nói về sự thanh tịnh.*

Do đâu biết là thanh tịnh? Do tâm của Đức Thế Tôn đã hoàn toàn thanh tịnh.

Nếu gặp phải người do tâm không thanh tịnh nên thấy thế giới của Phật này không thanh tịnh. Dựa nơi ý đó, nên Đức Thế Tôn nói: “Ta nay đã xuất hiện nơi thế giới xấu ác gồm đủ năm thứ ô trược và đã chứng đắc Bồ-đề vô thượng”. Như trong Tu-đa-la Vô Cấu Xung (Kinh Duy Ma) đã nói: “Bồ-tát muốn có được thế giới Phật thanh

tịnh, trước hết phải làm thanh tịnh tâm mình. Tùy theo tâm mình thanh tịnh thì thế giới Phật thanh tịnh”.

Bấy giờ, vâng theo oai thần của Phật, Tuệ mạng Xá-lợi-phất liền suy nghĩ, nghi hoặc: “Nếu tâm Bồ-tát thanh tịnh, thế giới Phật thanh tịnh, thì hiện nay Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni của ta, khi còn làm Bồ-tát, tâm ý của Ngài há không thanh tịnh, sao thế giới của Phật lại không thanh tịnh như thế?”.

Lúc ấy, do nhận biết ý nghĩ của Tuệ mạng Xá-lợi-phất, nên Đức Phật hỏi: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ý của Tôn giả thế nào? Tôn giả chớ nên nghĩ như vậy, vì mặt trời, mặt trăng há không thanh tịnh chẳng nhưng sao người mù không trông thấy?”.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất thưa: “Không phải vậy, bạch Đức Thế Tôn! Vì đó là do lỗi của người mù, không phải là lỗi của mặt trời, mặt trăng”.

Đức Phật bảo: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chúng sinh cũng như vậy. Vì tội là do không trí nên không trông thấy thế giới thanh tịnh của Như Lai, không phải là lỗi ở Như Lai. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế giới này của Ta luôn tự thanh tịnh nhưng Tôn giả không nhìn thấy”.

Khi đó, Phạm vương Loa Kế nói với Tuệ mạng Xá-lợi-phất: “Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Xin Đại đức chớ bảo thế giới của Phật đây là không thanh tịnh. Thế giới của Phật Thích-ca Mâu-ni đây là thanh tịnh”.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi Phạm vương: “Vì sao thế giới của Phật đây là thanh tịnh?”.

Phạm vương đáp: “Này Đại đức Xá-lợi-phất! Ví như cung điện trang nghiêm, thù diệu của trời Tha-hóa-tự-tại, tôi thấy thế giới thanh tịnh của Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni với công đức trang nghiêm cũng lại như thế”.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất lại hỏi Phạm vương: “Nay tôi chỉ thấy thế giới của Đức Phật này toàn là gò nông, hầm hố, gai góc, gạch cát, các núi đất đá, đầy đầy mọi thứ cấu uế, xấu ác”.

Phạm vương Loa Kế nói: “Này Đại đức Xá-lợi-phất! Vì tâm của Nhân giả nghĩ như thế, nên thấy có gò đất, hầm hố cùng những vật cấu uế v.v... Vì Nhân giả tin là không thanh tịnh, nên nhìn thấy thế giới của Đức Phật đây không thanh tịnh. Lại nữa, này Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu người nào có thể đối với tất cả chúng sinh, tâm đều bình đẳng, tâm sâu xa thanh tịnh, thì người đó sẽ trông thấy thế giới của Phật đây đều thanh tịnh”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bèn ấn ngón chân xuống đất, tức thì hiện ra cả Tam thiên đại thiên thế giới đều được trang nghiêm đầy đủ bằng vô lượng trăm ngàn châu báu công đức không thể tính kể. Ví như thế giới Bảo Trang Nghiêm của Đức Phật Bảo Trang Nghiêm có vô lượng châu báu công đức trắng diệp, thì ba ngàn đại thiên thế giới này cũng lại như vậy. Tất cả đại chúng đều trông thấy và khen ngợi là sự việc chưa từng có, hết thấy đều thấy mình đang ngồi trên hoa sen báu.

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Tuệ mạng Xá-lợi-phất: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nay Tôn giả đã nhìn thấy thế giới Phật của Ta với vô lượng công đức thù thắng trang nghiêm chăng?”.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch: “Bạch Đức Thế Tôn! Con đã trông thấy. Con vốn không được thấy, không được nghe, hôm nay, con mới được thấy thế giới thanh tịnh trang nghiêm không thể nghĩ bàn của Đức Thế Tôn”.

Đức Phật nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế giới Phật của Ta thanh tịnh như thế, do chúng sinh thấp kém nên thấy không thanh tịnh. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ví như chư Thiên tuy cùng có một dụng cụ đựng thức ăn bằng ngọc báu, nhưng tùy thuộc vào nghiệp

lực của họ nên phân cơm không đồng nhau. Như thế, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chúng sinh cùng sinh trong một thế giới Phật, nếu tâm người nào thanh tịnh thì sẽ trông thấy thế giới của Đức Thế Tôn thanh tịnh. Hôm nay, Ta đem kinh này để lường xét, nên nói là thanh tịnh”.

** Nói tóm lại: Phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả chúng sinh:* Là Đức Như Lai chỉ rõ tâm của tất cả chúng sinh đều bình đẳng. *Phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả pháp Phật:* Là chỉ rõ sự tự chứng ngộ. *Phát khởi tinh tấn với tướng tốt đẹp trọn vẹn:* Là từ Như Lai hiện rõ. *Phát khởi tinh tấn dựa nơi thế giới thanh tịnh của Bồ-tát Phổ Hiền:* Là chỉ rõ tất cả chúng sinh đều được an lạc sung mãn.

Lại còn có nghĩa:

- (1) Như người bệnh nhàm chán.
- (2) Như nghe nói đến thuốc chữa bệnh.
- (3) Như người mong được thuốc.
- (4) Như nhà cửa nơi người bệnh đang ở.

Lại còn chỉ rõ:

- (1) Là diệu lực của tâm đại bi.
- (2) Chỉ rõ diệu lực của trí tuệ.
- (3) Diệu lực của thân, tâm.
- (4) Diệu lực của sự tu tập tâm ngay thẳng, tâm sâu xa, chỉ rõ như thế.

Lại còn có nghĩa:

- (1) Nói rõ là không bỏ tất cả chúng sinh.
- (2) Chúng đấng tất cả pháp Phật như mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng của Phật.
- (3) Chúng được thân, hiển bày không có gì đáng chê trách.

(4) Đạt được Pháp vương vô thượng của Phật, tương ứng với thế giới.

Lại còn có nghĩa:

(1) *Phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả chúng sinh:* Là chỉ rõ về Bồ thí Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật.

(2) *Phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả pháp Phật:* Là chỉ rõ về Bát-nhã Ba-la-mật, Trí Ba-la-mật.

(3) *Phát khởi tinh tấn với tướng tốt đẹp trọn vẹn:* Là chỉ rõ về Nhẫn nhục Ba-la-mật, Phương tiện Ba-la-mật.

(4) *Phát khởi tinh tấn với thế giới Phật thanh tịnh:* Là chỉ rõ về Trì giới Ba-la-mật, Thiên Ba-la-mật.

HẾT

SỐ 1527/1
LUẬN NIẾT BÀN

Tác giả: Bồ tát Bà Tâu Bàn Đậu.

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Đại sư Đạt Ma Bồ Đề.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

*Đánh lễ biển Tịnh giác
 Trụ trì môn cam lồ
 Cũng lễ chướng nghĩ bàn
 Kho tạt tánh thanh tịnh
 Các môn Độ cứu đời
 Đến thẳng Đạo thật đế
 Cùng như học mà học
 Như pháp chứng nghĩa thật
 Thương chúng sinh mê lâu
 Dem bi truyền thế gian.*

1. Từ: Như thế, cho đến: Máu tuôn chảy khắp trên đất: Gọi là Phần Thị hiện lần nữa thần thông không thể nghĩ bàn.

2. Hai phẩm Thuần-đà than khóc: Gọi là Phần Thành tựu chủng tánh dứt trừ chấp trước.

3. Từ: Ba lần bảo cho biết, đến hết Phẩm Đại Chúng Thừa Hỏi: Gọi là Phần Nêu nghĩa thật của chánh pháp.

4. Năm hạnh, mười công đức: Gọi là Phần Phương tiện tu thành.

5. Phẩm Sư Tử Hồng: Gọi là Phần Lìa các thứ phóng dật, đạt chứng nhập.

6. Phẩm Ca Diếp: Gọi là Phần Ánh sáng từ bi khéo léo trụ trì.

7. Phẩm Kiều Trần Như: Gọi là Phần Hiển bày tướng.

Thế nào là được sống lâu với thân kim cang không tan hoại?
Bồ-tát Ca-diếp vì muốn cho chúng sinh đều cùng được nghe, nên hỏi.

Đại ý câu đáp: Vì Ta tu tập ba nghiệp nên được sống lâu.

Thế nào là thân kim cang không tan hoại?

Hỏi: Tất cả chúng sinh đều tan hoại, vì sao được không hoại?

Đáp: Như chỗ tu hành ở trước nên được không hoại.

Hỏi: Thế nào là diệu lực kiên cố?

Đáp: Vì tâm không phân biệt nên được kiên cố. Vì không đến không đi nên sống lâu. Vì không thể nêu bày nên không hư hoại. Vì không lưu động nên kiên cố.

Hỏi: Thế nào là được sống lâu?

Đáp: Vì thân kim cang không hoại nên được sống lâu.

Hỏi: Thế nào là không hư hoại?

Đáp: Vì được diệu lực kiên cố nên không hư hoại.

Bồ-tát Ca-diếp vì chúng sinh nên không phải chỉ hỏi một lần mà có thể đáp rõ. Vì pháp tướng không cùng tận nên hỏi: Nguyên Phật mở bày chỗ bí mật vi diệu rộng lớn, vì chúng sinh nên thuyết giảng.

Hỏi: Thế nào là bí mật vi diệu?

Đáp: Ngoài thân có Phật cũng không mật. Trong thân có Phật cũng không phải là mật. Chẳng phải có, chẳng phải không, cũng không phải là mật. Chúng sinh là Phật, nên là bí mật vi diệu.

Hỏi: Thế nào là chúng sinh là Phật?

Đáp: Do chúng sinh không phải là có, không phải là không, không phải là phi hữu, không phải là phi vô, thế nên chúng sinh là Phật.

Hỏi: Thế nào là được rộng lớn?

Đáp: Vì làm chỗ nương dựa cho chúng sinh.

Hỏi: Vì sao gọi là rộng lớn?

Đáp: Vì không có tướng nhận biết nên không gì không là Phật.

Không có hạnh nào là không thanh tịnh, không công đức nào là không viên mãn, nên nói là làm chỗ nương dựa cho chúng sinh.

Nhận thấy Đức Thích-ca nương dựa, không gọi là nương dựa, tức giải nghĩa theo Tiểu thừa. Vì tâm từ nên khiến chúng sinh nương dựa.

Thật sự không phải là A-la-hán. Như cùng với A-la-hán bình đẳng là xưa bảo tử cung vua sinh ra được A-la-hán. Nay nói Vương cung không phải là sinh, Song lâm không phải là diệt, thế nào không phải là La-hán, như cùng La-hán bình đẳng?

Bồ-tát Ca-diếp chưa nhờ Phật chỉ dạy, không hỏi về bốn thứ nương dựa, chỉ hỏi Như Lai: Nếu Vương cung không phải là sinh, Song lâm không phải là diệt, tự nhiên được giới, không do bốn quả, thật sự không phải là A-la-hán, làm sao Đức Như Lai lại đồng với A-la-hán?

Giải thích: Nếu Như Lai thật là A-la-hán, thì bốn thứ nương dựa có thể đồng với A-la-hán. Nhưng thật ra Đức Phật không phải là A-la-hán, nên đâu được nói như cùng với A-la-hán bằng nhau.

Thân Thích-ca có 2 danh hiệu:

- (1) Danh hiệu là Ứng Lai.
- (2) Danh hiệu là Bồ-tát thật hành.

Nói Ứng: Là từ thế giới Liên Hoa Tạng, là Phật Đại Trang nghiêm, làm Thái tử, ứng hiện sinh ở cung vua và nhập diệt tại Song

lâm. Đây là pháp diệu dụng của Bồ-tát. Phật chân thật thứ nhất là không từ đâu đến thì làm sao lại đồng với A-la-hán?

Phật có 2 thứ danh hiệu:

(a) Chân Phật hóa đồng với A-la-hán của Thanh văn. Nhưng Phật thật sự không phải là Thanh văn thì làm sao lại đồng với bốn Thanh văn?

Giải thích: Như trước đây là thật có A-la-hán, có thể nói Ta cùng với A-la-hán đồng. Nhưng trước không từng có La-hán mà nói La-hán, đó là thân Ta tự tạo ra, làm sao lại đồng với La-hán được?

Lại giải thích: Thân Thích-ca gọi là A-la-hán, thuộc Bồ-tát tánh địa, làm sao đồng với La-hán?

Nói Bồ-tát thật hành: Ứng Lai cũng có thể hóa làm Phật. Thích-ca thật là A-la-hán, nên có thể nói là đồng. Thích-ca không từng là A-la-hán, làm sao là đồng? Thế nên chỉ có Bồ-tát tánh địa mới là A-la-hán. A-la-hán, Bồ-tát này thật sự không phải là Phật, làm sao La-hán lại đồng với Phật - Thích-ca, thật sự là A-la-hán, có thể nói là đồng. Thích-ca không từng là La-hán, làm sao lại đồng. Thế nên, chính Bồ-tát thật hành là A-la-hán. Do đó nên sinh ở cung vua, thị tịch tại Song lâm, đều là diệu dụng của Bồ-tát ứng hiện tạo thành. Vì trước thật sự không có A-la-hán, do Ta hóa hiện nên chúng sinh có được A-la-hán. Thế nên Ta tạo ra A-la-hán.

(b) Hóa thân của Bồ-tát ở thế giới Liên Hoa Tạng cùng với ta không khác. Thế nên thật sự không phải là A-la-hán, như cùng với A-la-hán đồng. Nếu ta thật sự là A-la-hán, thì Bồ-tát có thể cùng đồng với ta, rồi chấp ta là A-la-hán, thì đây không phải là pháp tướng hóa thông của Bồ-tát, đều là do sự hiểu biết không thật.

Bốn nương dựa: Địa Hoan Hỷ là nương dựa thứ nhất, sáu Địa là nương dựa thứ hai, tám Địa là nương dựa thứ ba, Địa Pháp Vân là nương dựa thứ tư.

Hóa Thanh văn, Thanh văn là giả lập, đoạn diệt, không từng là A-la-hán thì làm sao đồng với A-la-hán? Bồ-tát gọi là pháp Phật, cũng gọi là duyên Phật.

Hỏi: Thế nào là pháp Phật?

Đáp: Từ trong pháp sinh hành pháp, vì được trông thấy nên gọi là pháp Phật.

Hỏi: Thế nào là duyên Phật?

Đáp: Vì có duyên nên trông thấy, gọi là duyên Phật.

Hỏi: Theo ý của Bồ-tát Ca-diếp, nếu tự hiểu thì không cần phải hỏi như thế. Nếu không từng nghe, không từng thấy, làm sao lại hỏi như thế?

Đáp: Bồ-tát Ca-diếp là mười hai Đồng tử, vì đã được Đức Như Lai dùng oai thần, diệu lực để gia hộ, giáo hóa nên có thể hỏi. Bồ-tát Ca-diếp đã hỏi, chính là Niết-bàn, ngoài ra không có gì khác.

Làm thế nào nhận biết được Thiên ma gây trở ngại cho nhiều người? Để giải đáp câu hỏi này, Bồ-tát Ca-diếp chính thức hỏi về thân Như Lai, không hỏi về vị lai do đâu nhận biết được. Do thân chúng sinh tự không tin tưởng, làm sao có ma từ bên ngoài đến để gây trở ngại? Nay Đức Như Lai vừa thành Phật nơi cội cây Bồ-đề và chánh pháp sắp hưng thịnh, đấng Ma vương lo sợ mất hết đồ chúng nên gây trở ngại.

Thế nào là các tâm điều ngự, hoan hỷ giảng nói chân đế?

Thế nào gọi là Điều ngự? Vì phạm phu chúng sinh không nhận biết, nghe nói Đại thừa là Đại thừa, nghe nói Tiểu thừa là Tiểu thừa, nghe nói khổ là khổ, nghe nói an vui là an vui, không suy nghĩ gì thêm.

Do đâu gọi là Điều ngự? Không phải khổ nói là khổ, không phải vui nói là vui, không phải thường nói là thường. Ngày trước nói

Tiểu thừa nay nói Đại thừa, cũng không gọi là tâm hoan hỷ khi nói chân đế, nên không gọi là điều ngự. Nay nói vô thường không phải là vô thường, khổ vui không phải là khổ vui, không đến, không đi, đó là nói chân đế.

Chính thức khéo thành tựu đầy đủ để diễn nói bốn thứ điên đảo.

Chính thức khéo thành tựu đầy đủ, là Bồ-tát hành bốn tâm vô lượng và mười Ba-la-mật, không pháp nào là không bình đẳng. Đó gọi là điều thiện đúng đắn trong tướng. Bồ-tát hành trì không gì là không chánh thiện.

Thanh văn vì còn phân biệt có kia, đây, nên không gọi là chánh thiện. Còn Bồ-tát vì không còn phân biệt kia, đây, nên gọi là chánh thiện.

Chánh thiện thứ hai là xưa kia, giáo huấn không chính thức, Thanh văn không thành tựu đầy đủ, còn ngày nay, diệu lý của Niết-bàn là chân chánh.

Không đến, không đi, không sinh, không diệt, gọi là thành tựu đầy đủ chánh thiện.

Thứ hai, từ Địa Hoan hỷ lên đến Địa Pháp vân gọi là thành tựu đầy đủ.

Diễn nói bốn thứ điên đảo: Người Thanh văn nói: “Ngã là thường, lạc, ngã, tịnh”. Phật nói: “Khổ, không, vô thường là điên đảo”. Khổ, không, vô thường của Thanh văn và thường, lạc, ngã, tịnh của Phật cũng là điên đảo. Thường, lạc, ngã, tịnh của Phật và khổ, không, vô thường của chúng sinh cũng là điên đảo.

Vì sao Như Lai nói bốn thứ điên đảo? Là Phật giảng nói cho Thanh văn. Chính khi nói bốn thứ điên đảo là không điên đảo, lại không có pháp ngoài là điên đảo, không điên đảo. Đó gọi là tâm vui mừng khi giảng nói chân đế. Kinh nói: “Giảng nói pháp chẳng có, cũng chẳng không, đó gọi là chân đế”.

Thể nào là các Bồ-tát có thể thấy tánh khó thấy?

Bồ-tát Ca-diếp hỏi có 2 thứ ý:

(1) Muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều nhận biết mình có Phật tánh.

(2) Không muốn khiến nhận thấy Phật tánh.

Vì sao không muốn khiến chúng sinh thấy biết? Vì muốn khiến Đức Như Lai giải thích sâu về Phật tánh.

Do đâu gọi là sâu? Vì Phật tánh không phải là thứ có thể làm, có thể tạo, có thể tu tập, có thể chứng đắc, nên gọi là sâu.

Thanh văn vì nhỏ hẹp, không rộng rãi, nên không thể nhận thấy. Bồ-tát hành từ bi, cứu độ rộng khắp, không cầu thấy, chỉ vì chúng sinh. Chúng sinh bị ràng buộc, nên gọi là khó thấy.

Cách giải thích thứ hai: Phật tánh không phải là pháp có thể thấy, không phải là chủ thể và đối tượng của thấy, biết, tu, nên gọi là có thể thấy tánh khó thấy.

Hỏi: Thể nào là hiểu nghĩa của Mãn tự, Bán tự?

Đáp: Bán tự là Tiệm giáo. Mãn tự là Niết-bàn, vì giáo hóa đầy đủ nên gọi là Mãn tự. Gồm thâu hết công đức nơi quả của Phật giáo hóa, gọi là Mãn tự. Vì giáo pháp của Thanh văn, Duyên giác không đầy đủ, nên gọi là Bán tự. Niết-bàn gọi là Đốn, cũng gọi là Tiệm.

Nay luận về hai đế của Niết-bàn là đủ trong tương đối. Dựa theo hành có đủ và không đủ, nên gọi là Tiệm giáo. Nhưng căn cứ theo lý thì không có viên mãn hay không viên mãn, thế nên, Niết-bàn gọi là Tiệm giáo. So sánh với Bán tự, Niết-bàn là Đốn giáo.

Lại nữa, thứ hai, nói Mãn, Bán là do vọng tưởng của chúng sinh. Về lý thì không phải là đủ hay không đủ, thế nên nói Niết-bàn là Tiệm giáo.

Thế nào là các BỒ-tát có thể thấy tánh khó thấy, hoặc là chỉ thấy pháp?

Lại nói: Thế nào là hiểu về nghĩa của Mãn tự và Bán tự? Nay lại không thấy và chẳng thấy.

Thế nào là cùng hành với Thánh? Như chim Sa-la-sa, Như Lai khi còn ở cung vua, lấy vợ có con, hoặc khi xuất gia thì đồng với Thanh văn. Ví như chim Sa-la-sa cùng chung một đàn không thể phân biệt. Bậc Thánh là Như Lai cùng với tất cả chúng sinh đồng tu, đồng hành, nên nói thế nào là cùng hành với bậc Thánh, như chim Sa-la-sa.

Cách giải thích thứ hai: Sắc là Thánh nhân. Sắc, tâm của Thanh văn là Thánh nhân. Thánh nhân của BỒ-tát không phải là tâm, sắc. Nói có tâm sắc, nên đó không phải là Thánh nhân. Hình sắc của Thánh nhân nơi Thanh văn là chung. Thánh nhân của BỒ-tát không có tâm thức xanh, vàng, đỏ, trắng. Về lý cùng có tâm thức nơi phàm phu. Thánh nhân không có tâm thức, nên nói là Thánh nhân.

Nói chim Sa-la-sa là tên gọi chung. Ví như Đức Như Lai cùng chung với tất cả chúng sinh, không thể phân biệt.

Ca-lân-đề là ví như Niết-bàn khác với tất cả chúng sinh, là trở lại loại bỏ ý của Thanh văn. BỒ-tát nhận biết: Như Lai cùng với tất cả chúng sinh không sai biệt, nên gọi là chung.

Giải thích có tướng lìa bỏ. Như Lai chưa xuất thế thì có phàm, có Thánh lìa cùng lìa bỏ. Sau khi Như Lai xuất thế, thì tất cả chúng sinh không cùng lìa nhau, đó là theo ý của Thanh văn.

BỒ-tát không cùng lìa bỏ. Đức Như Lai không ra đời, không cùng lìa bỏ. Khi Đức Như Lai xuất thế cũng không lìa nhau. Kiến giải về Thế đế, không có khổ, không, vô thường. Đệ nhất nghĩa đế thì không có thường, lạc, ngã, tịnh.

Có người nói: Không có Thế đế, có thường, lạc, ngã, tịnh là kiến giải nông cạn về nghĩa lý.

Lại có người nói: Có là Thế đế. Không là Đệ nhất nghĩa đế. Cũng có, cũng không là Thế đế. Không phải có, không phải không là Đệ nhất nghĩa đế. Không phải có, không phải không, lại không có pháp nào nữa nên gọi là hành cùng với Thánh.

Ca-lân-đề, mặt trời, mặt trăng, sao Thái bạch, cùng sao Tuế.

Thế nào gọi là mặt trời, mặt trăng? Mặt trời, mặt trăng ở đây là dụ cho phàm phu trông thấy mặt trời, mặt trăng có mọc, lặn, nhưng Thánh nhân thì không từng thấy có mọc, lặn.

Thứ hai là người Thanh văn trông thấy có Phật sinh ở cung vua và nhập diệt tại Song lâm. Bồ-tát không từng thấy Như Lai sinh ở cung vua và nhập Niết-bàn ở Song lâm.

Thứ ba vì mặt trời, mặt trăng lặn, nên sao Tuế, Thái bạch mọc, người đời cho là điều lạ. Đức Như Lai nhập Niết-bàn, Thanh văn, Duyên giác xuất hiện. Vì pháp cùng với Như Lai khác, nên nói là sao mọc.

Chúng sinh vọng thấy có mặt trời, mặt trăng, sao Tuế có mọc, lặn, nhưng thật ra không có mọc, lặn, chúng sinh thấy Như Lai có sinh diệt, nhưng Như Lai thật sự không sinh, không diệt.

Thế nào là chưa phát tâm mà gọi là Bồ-tát? Thanh văn có phát tâm, không phát tâm. Duyên giác cũng có phát tâm, không phát tâm. Bồ-tát cũng có phát tâm, không phát tâm. Ba thứ này Bồ-tát gọi là phát tâm.

Thế nào là phát tâm? Quả vị khác có thể đạt được gọi là phát tâm.

Đức Như Lai từ đầu đã giáo hóa chúng sinh có phát tâm và không phát tâm. Như xưa kia, giáo hóa có phát tâm không gọi là phát tâm.

Vì sao không gọi là phát tâm? Vì thấy có sự sai biệt có thể mong cầu, có thể đạt được khác với Đức Phật, nên không gọi là phát tâm.

Thế nào gọi là phát? Nay nói về lý của Niết-bàn vô tướng huân tập, nên khiến tất cả đều phát tâm, gọi là phát tâm, không có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, có phát tâm, không phát tâm.

Nói chưa phát tâm mà gọi là Bồ-tát, vì Niết-bàn bình đẳng soi sáng hết thấy, nên tất cả những ai chưa phát tâm đều được gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp do đâu lại hỏi: Thế nào là chưa phát tâm mà gọi là Bồ-tát?

Người phát tâm được trông thấy mặt trời, mặt trăng. Người không phát tâm không nhìn thấy mặt trời, mặt trăng.

Phát tâm thứ hai là thấy thường trụ, người không phát tâm thì không thấy.

Trước đây, Đức Như Lai ra đời, có phát tâm, không phát tâm. Người phát tâm thì thấy Như Lai, người không phát tâm thì không thấy.

Hiện nay, Niết-bàn bình đẳng soi sáng nên phát tâm cũng là phát tâm, cũng là không phát tâm.

Thế nào là đối với đại chúng được pháp không sợ hãi? Bồ-tát xuất hiện ở thế gian với tâm từ bi bình đẳng, vì không làm hoại tướng chúng sinh, nên nói là không sợ hãi. Bồ-tát không sợ hãi, chúng sinh cũng không sợ hãi.

Thế nào là chúng sinh không sợ hãi? Vì Bồ-tát xuất hiện nơi thế gian, không hủy hoại tướng chúng sinh, thế nên chúng sinh cũng không sợ hãi. Như Lai xuất hiện ở đời, do bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả luôn bình đẳng, không có khác biệt, nên không có thiên ma, ngoại đạo, cho đến Nhất-xiển-đề. Như tướng nghĩ về đũa con duy nhất, nên không sợ hãi.

Vì sao chúng sinh không sợ hãi? Vì tất cả chúng sinh xem Như Lai như cha mẹ, nên không sợ hãi.

Do đâu gọi là Xiển-đề? Là không biết Phật, không biết đạo trong, ngoài, gọi là Nhất-xiển-đề.

Hỏi: Nhất-xiển-đề không nhận biết trong, ngoài, so với Bồ-tát có gì khác?

Đáp: Nói Bồ-tát không nhận biết trong ngoài, là không giết hại chúng sinh, còn Nhất-xiển-đề vì không nhận biết nên hành sát sinh. Cũng như vàng Diêm-phù không thể nói là có tỳ vết. Nên hiểu đây là nghĩa của chúng hòa hợp.

Vàng Diêm-phù-đàn có bốn loại: xanh, vàng, đỏ, vàng ròng. Xanh là dụ cho ngoại đạo. Vàng là dụ cho chúng Thanh văn, Duyên giác. Đỏ là dụ cho Bồ-tát của sáu Ba-la-mật. Vàng ròng là dụ cho Đức Như Lai.

Vàng Diêm-phù cũng có bốn thứ sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng.

Thứ hai là những vật đẹp trong thế gian tuy rất đoan nghiêm, nhưng vẫn còn có khiếm khuyết. Vàng Diêm-phù không như các vật ấy, vì không thể nói về tỳ vết của nó, dụ cho Đức Như Lai chúng đắc Niết-bàn, cũng có đủ các thứ ngoại đạo, Thanh văn, Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật. Cũng như vàng Diêm-phù, không thể nói về tỳ vết của nó. Vàng Tử-ma có đủ màu sắc, dụ cho Niết-bàn có đủ Thiên ma, ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật. Vì sao như thế? Vì ngoài Niết-bàn này lại không còn pháp nào khác. Vàng Tử-ma có đầy đủ tất cả.

Các màu sắc không thể nói. Vì Thanh văn, Duyên giác, sáu Ba-la-mật, và đủ các thứ ngoại đạo nên không thể nói. Lý của Niết-bàn, không phải là pháp xanh, vàng, đỏ, trắng, cũng là xanh, vàng, đỏ, trắng, nên không thể nói.

Nếu có các màu xanh, vàng, đỏ, trắng có thể nói về tỳ vết của chúng, nhưng vì các màu xanh, vàng, đỏ, trắng này không từng có, nên không thể nói.

Thế nào là sống trong cuộc đời ô trược mà không bị cấu nhiễm như hoa sen? Đời ô trược: Là đây năm thứ ô trược. Đó là kiếp ô trược, phiền não ô trược v.v.....

Đức Thích-ca đã xuất hiện nơi cõi đời năm trược. Sinh ở cung vua, có vợ con, tất cả tài sản, vật dụng, vàng bạc, châu báu đều gọi là ô trược, nhưng Như Lai không bị nhiễm, nên gọi là sống trong đời ô trược mà không bị cấu nhiễm như hoa sen.

Pháp của Thừa thứ hai, thứ ba, gọi là vẫn đục. Nay vì Niết-bàn không bị nhiễm nơi ba Thừa, nên gọi là không cấu uế.

Thế nào là ở trong phiền não, phiền não không thể cấu nhiễm? Như thầy thuốc trị liệu các chứng bệnh, không bị bệnh lây nhiễm. Dựa vào Đức Như Lai, Bồ-tát Ca-diếp ý hỏi về chín mươi tám thứ sử của phiền não trong ba cõi, Đức Như Lai xuất hiện ở thế gian, nhưng không bị cấu nhiễm. Tất cả chúng sinh bị cấu nhiễm do chín mươi tám thứ sử của phiền não trong ba cõi.

Thứ hai, Thanh văn, Duyên giác, sáu Ba-la-mật, vì còn chấp có phiền não có thể đoạn trừ và quả vị Phật có thể chứng đắc, thế nên còn bị phiền não cấu nhiễm. Bồ-tát mười địa hành đại trí thông đạt nên không bị phiền não cấu nhiễm. Thứ tư là Đại Bồ-tát mong cầu quả, nên cũng bị phiền não làm nhiễm ô. Hôm nay Niết-bàn không phải là do nhân quả đạt được, thế nên không bị nhiễm ô.

Thứ năm giáo pháp của bốn đế, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, Pháp hoa, cũng gọi là phiền não khởi nhiễm ô. Nay, với lý Niết-bàn này, không lưu động, không được mất, không khởi diệt, do đó không bị nhiễm ô, như thầy thuốc chữa trị các chứng bệnh, nhưng không bị bệnh gây nhiễm.

Đức Như Lai xuất hiện ở đời, bắt đầu từ ba pháp quy y, năm giới, cho đến giới Bồ-tát, nơi thời gian hành hóa ngăn ngừa đó, dùng Tiệm giáo chữa trị mọi căn bệnh cho chúng sinh, nhận biết phiền não

nên không bị bệnh gây nhiễm ô. Chúng sinh không nhận biết phiền não, nên luôn bị chúng gây bệnh nhiễm.

Thứ hai là giáo hóa theo trình tự, cũng gọi là trị bệnh của chúng sinh. Thứ ba gọi là lực giáo hóa nơi thân thông biến hóa của thân, tất cả đều được hàng phục, cũng gọi trị bệnh của chúng sinh. Thứ tư, hiện nay nói Niết-bàn là nhằm chữa các trở ngại của *Biệt giáo* nêu trước, cũng gọi là trị liệu mọi chứng bệnh.

Thế nào gọi là trở ngại? Tất cả chúng sinh chưa phát tâm, gọi là trở ngại. Thấy thân Phật một trượng sáu khiến phát tâm, lại hiểu chẳng phải là trượng sáu khiến phát tâm. Nhưng Niết-bàn bình đẳng soi sáng, khiến phát tâm, nên gọi là trị liệu mọi chứng bệnh.

Trong biển lớn sinh tử, thế nào là làm Thuyền sư? Ba cõi gọi là sinh tử. Đức Như Lai xuất hiện ở đời cũng gọi là sinh tử.

Do đâu gọi là sinh tử? Pháp của Như Lai có thể cứu độ chúng sinh. Vì khiến không còn sinh tử nên gọi là làm Thuyền sư trong biển lớn sinh tử.

Thứ hai, nói thân trượng sáu, là nói pháp thứ lớp, cho đến Pháp hoa, cũng gọi là pháp sinh tử.

Hôm nay, nói Niết-bàn không đến, không đi, không sinh, không diệt, mà trước vẫn là giáo pháp vượt khỏi sinh tử, nên gọi là Thuyền sư.

Đầu tiên là giải thích thân trượng sáu không sinh tử và chỉ bày không sinh diệt.

Thứ hai, thân trượng sáu cùng chỉ dạy cũng sinh tử, và Niết-bàn không sinh diệt.

Thứ ba, Đức Phật đã diệt độ, ai có thể độ thoát sinh tử? Chỉ có Đại Bồ-tát mới có thể làm được.

Thứ tư, Bồ-tát cũng không thể độ thoát. Diệu lý của Đại Niết-bàn mới có thể độ thoát sinh tử, dụ cho Thuyền sư nơi thế

gian khéo hiểu rõ về phương tiện nên có thể nhận biết chỗ khó khăn của biển. Cũng vậy, đối với biển cả phiền não trong ba cõi, thì thuyền là những phương tiện của Như Lai. Pháp ba Thừa do Như Lai giảng nói là Thuyền sư. Thuyền sư của thế gian chỉ bảo cho chúng sinh về nhân quả leo lên thuyền. Như Lai với phương tiện giảng nói pháp ba Thừa, giảng nói về nhân quả, nói ra khỏi ba cõi vì ba cõi vẫn là sinh tử, thế nên vượt qua ba cõi phải dùng thuyền.

Thứ nhất, giáo hóa theo thứ lớp là do sinh tử nên cứu độ chúng sinh, tức gọi là Thuyền sư. Kinh Pháp Hoa dùng muôn hạnh làm thuyền. Nay Niết-bàn lấy không sinh tử làm thuyền.

Do đâu phải chỉ rõ bệnh gây nhiễm ô? Là vì còn ở trong biển lớn sinh tử. Làm Thuyền sư như thế nào? Trước là trừ bỏ hết các phiền não.

Lại, trong biển lớn phiền não làm Thuyền sư là phải đưa chúng sinh đến bờ bên kia.

Xả bỏ sinh tử như thế nào? Như rứt lột bỏ da cũ. Bồ-tát Ca-diếp hỏi: Như Lai đã ra khỏi sinh tử của thế gian, nay nói nhập nẻo Niết-bàn, ta không còn sinh tử nữa, như rứt đã lột bỏ da cũ, không sinh diệt. Theo thứ lớp đã nói về thân Phật một trạng sáu là pháp sinh tử. Nay nói Niết-bàn không diệt. Nếu đem giáo pháp theo thứ lớp ở trước so với giáo pháp này thì không hợp lý, vì như rứt lột bỏ da cũ, là không lợi ích, không công đức. Nay, Niết-bàn không sinh, không diệt, cũng không mở bày được giáo pháp.

Thứ hai, tất cả chúng sinh, cho đến có lời nói, không có lời nói, hoặc có hình thể, chủng loại đều chỉ có tên gọi suông, trống không, chỉ Niết-bàn là đạo lý chân thật.

Quán Tam bảo như thế nào? Cũng như cây Thiên ý, Tam bảo gọi là phép tắc.

Đức Như Lai xuất hiện ở đời chỉ rõ có Tam bảo, do có Tam bảo mới có lãnh nhận thọ ba quy y và năm giới, có người mau chóng được đạo, có người tùy ý tu tập, tùy ý chứng đắc.

Đức Như Lai cũng gọi là như ý, Tam bảo cũng gọi là Như Lai như ý, chúng sinh như ý.

Thế nào là chúng sinh như ý? Chúng sinh tùy ý thọ nhận pháp ba quy y và năm giới, cho đến giới Bồ-tát đều được quả báo, nên gọi là chúng sinh như ý.

Như Lai như ý: Nghĩa là tùy thuận ở căn cơ, cảm nhận của chúng sinh nên gọi là như ý.

Nay nói Niết-bàn như ý: Vì tất cả sự khổ, vui, thiện, ác, không gì là không đạo lý, nên gọi là như ý. Do đây nói quán Tam bảo cũng như cây Thiên ý.

Dụ như trời Tha-hóa-tự-tại có một cây, có thể thuận theo ý của chư Thiên đều đạt được, nên gọi là cây Như ý. Vì chư Thiên đã hành hóa từ lâu nên chiêu cảm được cây này.

Tam bảo cũng như vậy. Vì chúng sinh tu hành trong thời gian lâu dài sẽ chiêu cảm được tướng thân trượng sáu, nên gọi Tam bảo cũng như cây Thiên ý.

Nếu ba Thừa là vô tánh, làm sao có thể giảng nói về ba Thừa? Không phải Đức Như Lai giảng nói có một pháp, mà giảng nói ba Thừa là thuận theo căn cơ của chúng sinh. Như Lai chỉ nói một thứ tiếng, tùy từng chủng loại mà hiểu. Như Lai giảng nói pháp ba Thừa không gọi là thuyết giảng, tùy theo căn cơ của chúng sinh nên có nhỏ, có lớn. Tuy nói có ba Thừa, nhưng đây không phải là bản ý của Như Lai.

Thế nào là bản ý của Như Lai? Đó chính là Niết-bàn (Giải thoát).

Ý của Bồ-tát Ca-diếp hỏi Như Lai: Nếu ba Thừa là vô tánh thì vì sao lại được nói đến? Đức Như Lai đáp: Tất cả chư Phật đều không

vì chúng sinh để giảng nói pháp ba Thừa. Nay, tướng chân thật của Niết-bàn là nhỏ không phải là nhỏ, và lớn không phải là lớn. Nên biết giáo lý của ba Thừa chỉ là một tướng, không có lớn, nhỏ.

Thứ ba là nói xứ lý của Niết-bàn, không nói lớn, không nói nhỏ. Do trí của chúng sinh có khác nhau, nên giáo pháp có sai biệt, nhưng về lý thì không có sự khác biệt về lớn, nhỏ để được nói là lớn, nhỏ.

Vừa nói về sự khác nhau, đó chính là không khác nhau, lại không có pháp ngoài nào khác.

Cũng như niềm vui chưa sinh thì sao gọi là thọ nhận vui? Bồ-tát Ca-diếp hỏi: Vì chúng sinh không nhận biết vui, sao lại nói là thọ nhận vui. Phạm phu có khổ, không vui, Bồ-tát có vui, không khổ.

Vì sao có vui? Vì Bồ-tát với trí thông đạt đến quả, nên nhận biết vui. Chúng sinh vì không có trí nhận biết nên khổ. Bồ-tát thì nhận biết về quả.

Nói Bồ-tát vui không là vui, chúng sinh khổ không là khổ, vì đó đều là hư vọng. Niết-bàn không khổ, không vui, gọi là nguồn an lạc lớn.

An lạc ấy chưa sinh, vì sao gọi là thọ lạc?

Hỏi: Đức Như Lai giảng nói pháp nơi rừng Sa-la, vì sao không thuần nhất? Giữ giới được phước, giữ giới không được phước, giới nơi ngoại đạo không phải là giới của Phật. Ý của Phật giải đáp là trước đây giáo pháp xen lẫn vẫn là Niết-bàn, không có Niết-bàn của ngoại đạo.

Thế nào là các Bồ-tát đạt được những thứ không hoại?

(1) Vì Bồ-tát đã hiểu rõ về Thanh văn, Duyên giác, sáu Ba-la-mật, cho đến ngoại đạo, có đây kia, có chứng đắc, nên gọi là những thứ hoại.

(2) Bò-tát hành trì theo giáo pháp thâm mật, nên nhận biết căn tánh của chúng sinh, không hoại tướng của chúng sinh, nên gọi là hoại. Nơi chốn không thể hoại của Bò-tát là có thể hoại. Không thể hoại, không phải là Bò-tát. Có thể tạo ra pháp như thể không trái với pháp tướng, nên gọi là những thứ không hoại.

(3) Bò-tát nhận biết Niết-bàn không có màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, không có kia đây, nên gọi là những thứ không hoại.

(4) Không hoại, là lý của Niết-bàn tức không phải đặc, không phải chúng, không phải tạo, không phải làm, nên được những thứ không hoại.

(5) Chân lý không hoại chúng sinh, chúng sinh cũng không hoại lý. Vì sao? Vì chúng sinh là lý, vì ngoài lý, không có chúng sinh nào, nên là những thứ không hoại.

Thế nào là mù bầm sinh mà tạo ra đôi mắt dẫn đường? Bò-tát Ca-diếp hỏi: Thế nào là tạo ra đôi mắt dẫn đường? Một cách giải thích trước theo giáo pháp của Thanh văn, Duyên giác, sáu Ba-la-mật thì tùy theo tướng được giảng giải, nên gọi là mù bầm sinh.

Đức Như Lai đã giải thích về Thanh văn, Duyên giác, sáu Ba-la-mật, nếu từng có chỗ thủ đặc thì không thể mở bày, vì pháp này đã từng có nên mở bày. Ví như người mù không nhận biết được các màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Hoặc có người bảo nên chuyển đổi sự mê lầm về sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Hay có kẻ nêu giải với người mù: Không có màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Đây gọi là nêu bày thí dụ.

Đôi với người ba Thừa, nêu rõ có nhân, có quả sai biệt, có chúng đặc, không chúng đặc.

Nay nói Niết-bàn, hoặc có người nói nên chuyển đổi sự mê lầm về có dài, có ngắn, có chúng, không chúng. Hoặc nói Niết-bàn không có các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, vì Niết-bàn không đặc, không chúng, không dài, không ngắn. Đó gọi là mở bày về nhân. Còn về

thân một trượng sáu, do tu đạo, giữ giới, bố thí, không phải là nhân, do Phật tánh không chứng đắc, không tu tập. Đó gọi là nhân.

Tất cả chúng sinh xem người ba Thừa cho là pháp. Người ba Thừa gọi là mù về màu sắc. Không phải chỉ có người của ba Thừa, tất cả chúng sinh cũng là những người mù về màu sắc.

Pháp không phải có thể thấy, không thể thấy, có thể mở bày, không thể mở bày, có thể đạt đến, không thể đạt đến. Do giáo pháp nên nói là mù về màu sắc. Lý thì không nói như thế. Vậy nên nói là mù về màu sắc, không mù về màu sắc, đều không trái với pháp tướng.

Nếu có hai thứ ấy, có thể nói không từng có, không từng không, vì sao lại nói là có, không có, không phải không có, không mở bày, chẳng mở bày, vì đều không trái, nên nói là mở bày.

Thế nào là thị hiện có nhiều đầu? Ngưỡng mong Đại tiên nói. Ý của Bồ-tát Ca-diếp hỏi, trong lần giáo hóa đầu tiên, Như Lai nói có những chúng sinh có nhiều đầu. Nay vì sao Kinh Niết Bàn này chỉ nói có một, không có hai?

Đức Như Lai đáp: Không phải Ta có nhiều đầu, chúng sinh từ thuở xa xưa hành tác có nhiều căn, thế nên nói có nhiều đầu, tức chỉ rõ nhiều đầu.

Thứ hai, pháp nhiều. Vì sao gọi là nhiều? Vì với pháp tướng như vậy, nên chỉ rõ có nhiều đầu.

Thứ ba, nguyên do nói nhiều. Pháp này nếu có, có thể gọi là nói nhiều, nhưng vì pháp này không từng có, vì thế không nói là nhiều.

Thứ tư, tướng của lý Niết-bàn là như thế, không phải là nhiều, không nhiều.

Thứ năm, gốc ngọn của chân lý không phải là pháp có, không, thế nên nói hay không nói đều không có trở ngại.

HẾT

SỐ 1528/1

LUẬN KINH NIẾT BÀN BẢN HỮU KIM VÔ KỆ*Tác giả: Bồ tát Thiên Thân.**Hán dịch: Đòi Trần, Đại sư Chân Đế.**Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

Nghĩa ba đời của Kinh Niết Bàn.

Giải đáp nghi vấn của Thuần-đà, Luận nói: Nhiều đệ tử Phật đã thành thực, Thuần-đà chưa thành thực. Vì Thuần-đà chưa được thành thực, nên Đức Phật hiển bày, chỉ rõ về Đại Bát Niết Bàn, đồng thời giảng nói Kinh Đại Bát Niết Bàn.

Sau khi thọ nhận công đức lớn, Thuần-đà được thành thực, đi đến thành Câu-thi-na.

Hỏi: Vì sao Thuần-đà có tâm nghi?

Đáp: Có 2 nhân duyên:

- (1) Thấy tướng chung, không thấy tướng riêng, nên sinh tâm nghi.
- (2) Thấy tướng riêng, không thấy tướng chung, nên sinh tâm nghi.

Thấy tướng chung, không thấy tướng riêng, nên sinh tâm nghi:

Như từ xa thấy cây trụi không cành, nghi không biết đó là người hay là gốc cây. Nếu nhìn thấy một số chim, quạ tụ tập trên lưng nai, rồi từ đấy chúng bay vụt qua nơi kia thì biết vật ấy là cây trụi, không phải là người. Nếu thấy một tay cầm chiếc áo giơ lên cao thì biết là người, không phải là gốc cây.

Thấy tướng riêng, không thấy tướng chung, nên sinh tâm nghi:
 Như hư không, tướng không chung là thường trụ. Như thấy đất, tướng không chung là vô thường.

Tướng không chung của người Thanh văn: Là đối với tướng không chung của Thanh văn sinh nghi, đồng với hư không là thường trụ hay là đồng với đất là vô thường?

Hàng phàm phu vì tướng chung, nên khởi tâm nghi. Hàng Thanh văn, Duyên giác vì tướng riêng nên khởi tâm nghi. Hàng phàm phu vì pháp có sinh, nên khởi tâm nghi. Hàng Thanh văn, Duyên giác vì pháp không sinh, nên khởi tâm nghi.

Thuần-đà không vì hai thứ ấy nên khởi tâm nghi. Do muốn đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên sinh nghi này.

Như thế, Đại Bồ-tát đâu được đối với Phật sinh nghi. Nơi đại hội này, có nhiều ngoại đạo tụ tập. Có ngoại đạo nói: “Phật đã chết rồi nhưng sống lại”. Lại có người nói: “Như đèn hết dầu, lửa tắt”. Lại còn có người nói: “Sau khi Phật nhập diệt, có cùng tận, có không cùng tận”.

Giải thích những nghi này, nên Đức Phật nói kệ:

*Xưa có nay không
 Xưa không nay có
 Ba đời có pháp
 Không có điều ấy.*

Đức Phật vì hàng Nhị thừa nên nói kệ.

Phiền não là sinh đắc. Thánh là tu đắc. Tánh phàm phu là sinh đắc. Tánh của Thánh là tu đắc. Phiền não trói buộc là sinh đắc. Giải thoát trói buộc là tu đắc. Sinh tử là sinh đắc. Niết-bàn là tu đắc. Xưa sinh nay tu. Xưa là sinh, nay là tu.

Vì hàng Nhị thừa nên giải nói như vậy, để không hủy báng Đại thừa. Nếu vì Đại thừa mà tạo những giải nói như thế là hủy báng Đại

thừa, vì đây là điều không tương ứng với Đại thừa. Vậy điều gì có thể khiến tương ứng với Đại thừa?

Do đó, chúng tôi căn cứ vào nghĩa để chọn lựa, tư duy về nghĩa, không dựa vào ngôn ngữ. Không lựa chọn, tư duy về ngôn ngữ, vì người tu hành Đại thừa mà nói, vượt quá ba thứ nghĩa nhằm làm sáng tỏ về nghĩa liễu biệt.

Nói: Xưa có nay không, xưa không nay có, ba thời có, là ba thứ nghĩa, thì không có điều đó.

Vì sao ba thứ nghĩa không thành tựu? Vì nếu xưa có nay không: Thì tất cả Như Lai v.v... tức không giải thoát. Vì sao? Vì tánh trụ bất định. Do trước có, sau không, nên tất cả cái Chân có cũng không. Chân có, Tục có cũng không. Vì sao? Vì cái Chân có trước sau không khác. Vì Tục có không gốc. Thế nên, hai nghĩa Chân, Tục không thành tựu, tức nơi hai nghĩa ấy không thấu rõ. Ngoại đạo Tăng khư cũng nói như thế này: “Trong nhân có quả”. Ví như trong sữa có lạc, sinh tô v.v... là nghĩa tăng ích nơi Tăng khư.

Nếu xưa không trở ngại, thì trong thời hiện tại ai có thể làm chướng ngại? Nếu ông tư duy về ngăn ngại, cho nhân duyên hòa hợp là chướng ngại, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì trước sau không khác. Nếu nay không chướng ngại, thì thời xưa kia sao lại không chướng ngại? Có đạo lý nào xưa không dựa vào nhân duyên sinh, về sau dựa vào nhân duyên nào mà diệt?

Nói là xưa (gốc) là lấy pháp gì làm xưa? Là mới khởi hay đang nối tiếp là xưa? Nếu lấy pháp mới khởi làm xưa, thì pháp mới này không vì nhân duyên nên được sinh, sau cũng như ban đầu, cũng không vì nhân duyên nên được sinh.

Nếu nói như thế thì pháp mười hai nhân duyên, nghĩa như như thấy đều bị phá bỏ, tức đồng với ngoại đạo đã nói về nghĩa không có nhân. Nếu lấy pháp đang nối tiếp làm xưa, thì sự nối tiếp đó cũng

không cố định. Vì sao? Vì mỗi mỗi phần đều không nhất định, làm sao lấy sự nối tiếp làm xưa được? Thế nên, tất cả pháp có sinh mà nói xưa không nhân, nói như thế là không hợp đạo lý.

Xưa không nay có: Nếu trước là không xưa mà nay có, thì cái có a61y tức không được giải thoát. Vì phiền não trước chưa khởi, tức là lìa giải thoát. Nhưng sau sinh phiền não thì không có giải thoát.

Nếu trước không nay có: Thì cái cùng cực không sinh, phải nên được sinh, như hư không sinh hoa đóm. Nếu ông tư duy về một thứ, tức không nhân, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như hư không và hoa đóm, cả hai đều là chưa có, thì làm sao là nhân duyên sinh hư không? Không là nhân duyên sinh hoa đóm, vì cùng là không có. Nghĩa này không hợp đạo lý. Nếu xưa không sinh mà nay được sinh, tức phá bỏ nghĩa xưa, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì sự sinh ban đầu là xưa. Nếu ông tư duy về nhân duyên, thì cái mới sinh này tức không phải là mới sinh nữa, thế nên sinh không phải là xưa, là cũng không đúng. Vì sao? Vì ý của ông muốn phá bỏ cái xưa có muốn lập nhân duyên vốn có, thế nên không vượt quá xưa. Trước chưa có nhân của pháp làm sao sinh được. Nếu cho là sinh, thì đó là sinh đầy đủ hay là sinh mỗi mỗi phần?

Nếu sinh đầy đủ thì cùng một lúc sinh hay là sinh trước, sau. Nếu cùng một lúc sinh thì nhân quả đồng thời không thể phân biệt. Nếu quả về sau mới sinh, nhân ở trước đã diệt thì cái gì sinh quả sau. Như gà đã được nấu chín mà sống lại và phát ra tiếng gáy!

Nếu là đầy đủ thì đâu cần phải quán nhân. Nếu sinh mỗi mỗi phần sinh thì đồng với lỗi trước.

Do đây, xưa không nay có, muốn an lập nhân thì nghĩa này không đúng.

Ba thời có: Là không có nghĩa ấy. Nếu có ba đời này, là một nghĩa hiện hữu khắp ba đời hay là mỗi mỗi nghĩa đều có nơi ba đời.

Hai nghĩa như thế đều không đúng. Vì sao? Vì nếu một nghĩa hiện bày khắp ba đời, thì không thể trong một đời mà có ba. Vì sao? Vì cùng chướng ngại. Nếu nghĩa dựa vào thời gian, thì thời gian của quá khứ, vị lai sẽ được chia thành từng phần từng phần đến vô cùng. Nếu thời gian dựa vào nghĩa, thì nghĩa chỉ có một, nên không có ba đời, vì lia nghĩa, tất không có thời gian riêng biệt. Thế nên ba thời đều không thành tựu.

Nếu một vật hiện hữu khắp ba đời: Thì vật đó không thể gọi tên. Vì sao? Vì một vật mà có hai thành tựu. Như thế thì sinh tử và Niết-bàn tức là một.

Nếu mỗi mỗi đời đều có: Thì ba đời đều tự có, như đời hiện tại có thể sinh ra quả, thì đời quá khứ, vị lai vì ý gì không thể sinh? Nếu đủ khả năng sinh thì không có một người nào được giải thoát.

Nếu quá khứ, vị lai không thể sinh ra, thì cái gì đoạn dứt quả báo?

Nói quá khứ, vị lai là có: Thì vì Thể mà nói có, hay là do Dụng mà nói có?

Nếu vì Thể mà nói có, thì làm sao có thể phá vỡ ra chia thành ba phần? Nếu vì Dụng mà nói có, thì quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, làm thế nào khởi dụng được?

Nếu ông tư duy về ba đời là hữu vi có thể nêu bày, thì ba đời không là cái có thể nêu bày, ba đời không vì Thể mà nói.

Nếu đồng có Thể thì: (1) Tức có khả năng. (2) Tức không có khả năng. Nghĩa này không đúng. Nếu ông tư duy về thời tiết cho là có khả năng, nên không nói đến khả năng, tuy biết cây chuối chỉ sinh quả một lần, không thể cho quả lần nữa, nghĩa này cũng không đúng. Vì sao? Vì nghĩa không cố định.

Ba thời này cái gì là hiện có? Nếu có nhân sinh thì vắn nạn tức vô cùng. Nếu không nhân sinh thì nghĩa thời tiết không thành tựu.

Nếu ông tư duy về vị lai là trước, hiện tại là giữa và quá khứ là sau, để tạo ra ba đời. Vì sao? Vì do lực của đời vị lai thúc đẩy xuất sinh hiện tại. Lực của hiện tại thúc đẩy xuất sinh quá khứ. Như nước nơi sông Hằng, dòng nước vị lai thúc đẩy dòng nước hiện tại. Dòng nước hiện tại dồn đẩy dòng nước quá khứ. Nếu một đời thành tựu thì ba đời thành tựu. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nước là đồng thời, nhưng nơi chốn thì khác biệt, nên nói có nghĩa của ba thời nơi ba đời. Thế nên không đúng.

Không, không có điều ấy: Như Tiểu thừa nói: Không có điều ấy. Như ngoại đạo nói: Không có điều ấy.

Phá Tiểu thừa, ngoại đạo như thế, theo nghĩa của kệ:

(1) Phá nghĩa tà.

(2) Lập nghĩa chánh.

Phá nghĩa tà: Là dựa vào ngôn ngữ để nói.

Lập nghĩa chánh: Là dựa nơi nghĩa để nói.

Gọi là nghĩa chánh: Là xưa có nay có, vượt quá ba đời. Đó gọi là nghĩa chánh.

Xưa có nay có: Là từ lúc mới phát tâm cho đến đắc Niết-bàn, là chỉ một vị không khác. Không dựa vào nhân sinh, không dựa vào nhân diệt, có tức thanh tịnh, pháp phàm phu không thể cầu nhiễm, pháp của Thánh nhân không thể làm thanh tịnh. Nếu khởi bốn tội nặng, năm tội nghịch, không thể khiến giảm. Nếu tu tập tuệ, dứt ác cũng không thể khiến tăng. Như có cái thấy được mắt thanh tịnh. Như có cái thấy đưa đến mắt độc ác.

Dựa vào phương tiện tức vượt quá đường ngữ ngôn và hết thầy tư duy. Không thể nói, không thể tư duy thâm nhận. Nhân quả không phải là nhân không phải là quả. Địa này không phải là số lượng một lúc có thể phân biệt được. Đây là cảnh giới của chư Phật, Như Lai. Vì

sinh tử và Niết-bàn là địa thuận, nghịch. Nếu nghịch là sinh tử. Nếu thuận là Niết-bàn. Địa là biên vực trước, là biên vực sau. Là địa phát tâm. Là địa của tâm sau kim cang. Phá hết thủy kiến chấp thì được tất cả kiến thanh tịnh.

Tất cả chúng sinh phải nên thọ dụng. Thể duy nhất của Như Lai là nơi chốn quy y tối thượng. Thân nhận hết thủy báu đó là Đại Niết-bàn.

Vượt quá ba đời: Là dùng để nói công đức của Niết-bàn.

Thế nào là vượt quá ba đời? Vì sinh nên phân biệt có ba đời, Niết-bàn là không sinh, nên không thể phân biệt.

Ba đời: Chưa sinh được sinh, đã sinh tức diệt. Niết-bàn không diệt nên là thường trụ, vì vậy nên tự tại. Vì được tự tại nên rất an lạc.

Vì Thể nên nói là thanh tịnh. Vì dụng nên nói là thường, lạc, ngã.

Vì tự Thể nên thanh tịnh. Vì đối với sinh tử, nên thường, lạc, ngã.

Lại nữa, có hai thứ nghĩa:

Nếu xưa có nay có, tức là thường kiến. Nếu vượt quá ba đời tức là đoạn kiến. Nếu hai nghĩa này đọi đến lúc lìa đoạn, thường là trung đạo. Như thế là Tục đế và Chân đế đối đãi nhau mới có mười hai nhân duyên chân thật như vậy. Vì sao? Vì lìa hai biên, là mười hai nhân duyên chân thật. Nếu có thể khéo lãnh hội tức thấy Như Lai hiện tại ở đời. Thế nên Đức Như Lai nói mười hai nhân duyên là thân của Như Lai.

Đối với Chân đế và Tục đế vì không hai, nên mười hai nhân duyên này là Phật đạo đích thật.

Như thế kệ có hai nghĩa:

- (1) Nghĩa tức đối nhân là đoạn trừ đạo tà.
- (2) Nghĩa lý chứng đắc là hiển bày về thật.

Hai nghĩa như thế là việc làm của Như Lai dựa vào đại trí, đại từ bi, có năm nghĩa thường:

- (1) Thường không cùng tận.
- (2) Thường không khởi hiện.
- (3) Thường hằng tồn tại.
- (4) Thường trong lặng.
- (5) Thường không biến đổi.

Thường không cùng tận: Có mười. Đó là:

- (a) Nhân vô biên nên thường.
- (b) Chúng sinh vô biên nên thường.
- (c) Đại bi vô biên nên thường.
- (d) Bốn như ý túc vô biên nên thường.
- (đ) Tuệ vô biên nên thường.
- (e) Luôn ở nơi định nên thường.
- (f) An lạc, trong mát nên thường.
- (g) Hành nơi thế gian, tám pháp không thể cầu nhiễm nên thường.
- (h) Cam lồ tịch tĩnh, xa lìa bốn ma, nên thường.
- (i) Tánh không sinh nên thường.

v.v...

Nhân vô biên: Là từ vô lượng kiếp đến nay, Bồ-tát luôn xả bỏ thân mạng, tài sản, để thâm giữ chánh pháp. Chánh pháp đã không có biên vực, không cùng tận, thì đây tức do Nhân vô cùng nên được Quả vô cùng. Quả tức là ba thân.

Thường không khởi hiện: Là dựa vào biên vực trước, không phải là xưa không nay có. Không vì được sinh do ý sinh thân

Thường hằng tồn tại: Là dựa vào biên vực sau, lia mọi nẻo chết chóc, tan hoại không thể nghĩ bàn.

Thường trong lặng: Là dựa vào biên vực giữa, không bị hủy hoại do các thứ bệnh vô minh phiền não.

Thường không biến đổi: Là vượt quá ba biên vực trên, không bị quả báo của nghiệp vô lậu khiến đổi khác.

Thứ ba là hằng tồn tại, là lia nẻo chết chóc. Thứ tư là trong lặng, là lia bệnh tật.

Thứ năm là không biến đổi: Từ từ Địa thứ nhất đến Địa Như Lai, gọi chung là không cùng tận. Từ tám Địa đến Địa Như Lai, gọi là không khởi hiện. Từ chín Địa đến Địa Như Lai, cũng phân ra phần chứng đắc, gọi là thường không biến đổi. Chính thức luận về năm nghĩa cùng ở nơi Phật địa.

*Các hành vô thường
Là pháp sinh, diệt
Sinh, diệt diệt rồi
Tịch diệt là vui.*

Tam Tạng Xà-lê giải về nghĩa sâu xa nói: “Các hành vô thường: Các hành tức là các hành của sắc, tâm, hành trong ba đời”.

Vô thường tự có năm nghĩa:

- (1) Mất, diệt là vô thường.
- (2) Cùng lia là vô thường.
- (3) Đổi khác là vô thường. Cũng gọi hồi chuyển là vô thường.
- (4) Có từng phần là vô thường.
- (5) Tự tánh là vô thường.

v.v...

Nói mất, diệt: Là như trăm năm, nghiệp báo hết thì thọ mạng cũng diệt mất.

Cùng lia là vô thường: Tức là xương, thịt lia, tan.

Đổi khác: Là như xương lúc đầu là màu trắng, về sau đổi thành màu xám, như màu lông chim bồ câu. *Hồi chuyển:* Tức chuyển đổi từ màu trắng sang màu xám.

Có từng phần là vô thường: Như ba sự việc: căn, trần, thức, khi chưa hòa hợp, gọi là xưa không, là vô thường. Đã có, trở lại không, gọi là diệt hoại, tức là đã có, trở lại không là vô thường. Căn, trần, thức cùng tập trung, gọi chung là có phần.

Tự tánh: Vì có bốn nghĩa trước, nên gọi là tự tánh vô thường.

Là sinh: Là sự sinh ở đời vị lai.

Pháp diệt: Là pháp đã diệt của đời quá khứ.

Sinh diệt: Là đời hiện tại, vì hiện tại gồm thân cả sinh diệt. Sinh mà tức diệt, nên nói là sinh, diệt xảy ra trong hiện tại.

Nói tịch diệt là vui: Nếu nói pháp diệt là vui, thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì có hiện tại diệt là quá khứ, pháp đã diệt là tàn tạ, do có tàn tạ nên không vui. Nếu hiện tại diệt, sinh diệt là vui, thì sự việc này không đúng. Vì sao? Vì còn có vị lai sinh, là đời hiện tại tàn tạ. Vì có tàn tạ nên không phải là vui.

Nếu nói vị lai sinh là thường, thì nghĩa này không đúng. Vì có sinh tất có diệt, nên không phải là thường. Nếu có thể khiến cho pháp vị lai nên sinh nhưng không được sinh, đó mới có thể là vui. Tịch diệt là vui, tức là nghĩa ấy.

Ba câu trên là nêu rõ sinh tử là pháp hữu vi, nên vô thường. Một câu sau là biện minh về Niết-bàn là pháp vô vi, nên thường trụ.

HẾT

SỐ 1529/1
LUẬN KINH DI GIÁO

*Tác giả: Bồ tát Thế Thân.
 Hán dịch: Đồi Trần, Đại sư Chân Đế.
 Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

*Đảnh lễ Tôn ba đời
 Biến công đức vô thượng
 Thương xót độ chúng sinh
 Thế nên con quy mạng.
 Kho pháp thanh tịnh, sâu
 Tăng trưởng người tu hành
 Thế cùng xuất thế gian
 Chúng con đều quy kính.
 Con kiến lập Luận này
 Giải thích nghĩa kinh Phật
 Vì các Bồ-tát kia
 Khiến biết đạo phương tiện.
 Do nhận biết đạo đó
 Pháp Phật được trụ lâu
 Diệt trừ lỗi phạm, Thánh
 Thành tựu lợi mình người.*

Trong Kinh này, kiến lập pháp tu hành của Bồ-tát gồm có **bảy phần**:

Phần 1: Phần Tự (Mở đầu).

Phần 2: Tu tập công đức thế gian.

Phần 3: Thành tựu công đức của bậc Đại nhân xuất thế gian.

Phần 4: Hiện bày công đức thâm diệu rốt ráo.

Phần 5: Hiện bày quyết định nhập chứng.

Phần 6: Phân biệt chưa nhập chứng bậc tối thượng là đoạn trừ nghi.

Phần 7: Vô ngã thanh tịnh, lia các thứ tự tánh.

** Kinh nói: “Trong lần chuyển pháp luân đầu tiên, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã độ A-nhã Kiều-trần-như, sau cùng là giảng nói pháp độ Tu-bạt-đà-la. Những người nên được độ, đều đã hóa độ xong. Đến khi sắp vào Niết-bàn, Đức Thế Tôn ở nơi Sa-la song thọ, lúc này vào giữa đêm, yên tĩnh không một tiếng động, Ngài đã vì các đệ tử lược nói về pháp yếu”.*

** Luận nêu: Trong **Phần Tự** (Mở đầu) Kinh này hiện bày về lợi ích được thành tựu trọn vẹn. Ở đây, sự thành tựu trọn vẹn có 6 thứ công đức:*

1. Công đức của Pháp sư thành tựu trọn vẹn.
2. Công đức mở bày pháp môn thành tựu trọn vẹn.
3. Công đức của đệ tử thành tựu trọn vẹn.
4. Công đức của tướng chung lớn thành tựu trọn vẹn.
5. Công đức của tự tướng nhân quả thành tựu trọn vẹn.
6. Công đức của tổng tướng phân biệt thành tựu trọn vẹn.

Thành tựu trọn vẹn thứ nhất: Có ba tướng:

- (1) Tướng chung.
- (2) Tướng riêng.
- (3) Tướng chung, riêng.

Tướng chung: Như kinh nói: “Mâu-ni”. *Tướng riêng*: Như kinh nói: “Thích-ca”. *Tướng chung, riêng*: Như kinh nói: “Phật”.

Trong ấy, Thích-ca là chỉ rõ về phương tiện thiện xảo giáo hóa chúng sinh, lại thuộc về tộc họ tôn quý. Mâu-ni là chỉ cho công đức của tất cả chư Phật cùng tự thể thanh tịnh.

Công đức mở bày pháp môn thành tựu trọn vẹn: Có hai pháp cú “bạch tịnh”:

(1) Pháp cú về Đạo tràng bạch tịnh.

(2) Pháp cú về Niết-bàn bạch tịnh.

Hai câu trước sau của hai pháp bạch tịnh này là nói rõ về nghĩa chuyển pháp luân, nên biết.

Pháp cú về Đạo tràng bạch tịnh, như kinh nói: “Lần chuyển pháp luân đầu tiên”.

Pháp cú về Niết-bàn bạch tịnh, như kinh nói: “Lần thuyết pháp sau cùng”.

Công đức của đệ tử thành tựu trọn vẹn: Là chỉ rõ có khả năng thọ trì hai pháp môn bạch tịnh. Thành tựu hành tự lợi ích hiển bày rõ Đức Như Lai rất hài lòng khi nói đến công đức của pháp môn. Như kinh nói: “Độ A-nhã Kiền-trần-như và Tu-bạt-đà-la”. Hai câu kinh này chỉ rõ tám thứ thành tựu là: Hai thứ thọ trì thành tựu. Hai thứ pháp môn bạch tịnh thành tựu. Hai thứ hành tự lợi ích thành tựu. Hai thứ Như Lai hài lòng khi nói đến công đức của pháp môn thành tựu.

Công đức của tướng chung lớn thành tựu trọn vẹn: Là thành tựu chung hai phần thứ hai, thứ tám. Như kinh nói: “Những người nên được độ, đều đã hóa độ xong”.

Công đức của tự tướng nhân quả thành tựu trọn vẹn: Có bốn thứ tự tướng:

(1) Tụ tướng của nhân. Như kinh nói: “Ở nơi Sa-la song thọ”.

(2) Tụ tướng của nhân và quả. Như kinh nói: “Sắp vào Niết-bàn”.

(3) Tụ tướng chung. Như kinh nói: “Lúc này vào giữa đêm”.

(4) Tụ tướng của quả. Như kinh nói: “Yên tĩnh không một tiếng động”.

Ở đây, tụ tướng chung là xa lìa hai biên, thành tựu hai thứ trung đạo: (a) Trung đạo của chánh giác. (b) Trung đạo lìa chánh giác.

Trung đạo lìa chánh giác ở đây tức là tụ tướng của quả, nên biết.

Quả này có hai thứ: Một là Quả Niết-bàn, tụ tánh không nói năng, xa lìa nhớ nghĩ. Hai là Quả Niết-bàn, xa lìa giác quán.

Công đức của tổng tướng thành tựu trọn vẹn: Là phân biệt về sự sai khác của hai phần vị.

Sai khác về phần vị người: Là sự khác biệt về quyền thuộc của bậc Thượng thủ. Như kinh nói: “Vì các đệ tử”.

Sai khác về phần vị pháp: Là các pháp thế gian, xuất thế gian v.v... Như kinh nói: “Lược nói về pháp yếu”.

Đã nói xong *Phần Tụ*. Tiếp theo là nói đến **phần 2: Tu tập công đức thế gian**. Công đức này có ba:

1. Công đức tu tập đối trị nghiệp tà.
2. Công đức tu tập đối trị diệt trừ khổ.
3. Công đức tu tập đối trị diệt trừ phiền não.

1. Thế nào là Công đức tu tập đối trị nghiệp tà?

* **Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy! Sau khi Ta nhập diệt, các thầy phải tôn kính, trân trọng Ba-la-đề-mộc-xoa, như trong bóng tối gặp được ánh sáng, như người nghèo khổ được của báu. Nên biết giới pháp này là bậc Đại sư của các thầy. Nếu Ta còn sống ở đời thì cũng không khác gì giới pháp này”.

* **Luận nêu:** Trong kinh này, mỗi khi nói Tỳ-kheo là Đức Như Lai chỉ rõ tướng xa lìa, lại chỉ rõ nẻo phương tiện của Đại thừa và chung cho cả Nhị thừa.

Lại nữa, đối với bốn chúng cũng đồng một hành xa lìa.

“Sau khi Ta nhập diệt”: Lời nói này chỉ rõ về nghĩa Di giáo, là pháp không tận diệt. Dem Pháp thân thanh tịnh là pháp không tận, luôn vì thế gian làm công việc hóa độ rốt ráo. Như kinh nói: “Phải tôn kính, trân trọng Ba-la-đề-mộc-xoa”. Vì Mộc-xoa này cũng là pháp cùng thuận hợp với Tỳ-ni, lại là nghĩa điều phục các hành. Pháp thân không diệt của Như Lai là tự thể giải thoát nơi Ba-la-đề-mộc-xoa.

Dựa vào Pháp thân này có thể vượt qua hai thứ chướng:

(1) Chướng về có, là phiền não tối tăm.

(2) Chướng về không, là không có căn thiện.

Vượt qua được chướng có, là phiền não tối tăm, như người mù được mắt sáng. Pháp tương tự, như kinh nói: “Như trong bóng tối gặp được ánh sáng”.

Vượt qua được chướng không, là không có căn thiện, tức đầy đủ tài sản, vật báu. Pháp tương tự, như kinh nói: “Như người nghèo khổ được của báu”. Phần còn lại Đức Như Lai chỉ rõ Ba-la-đề-mộc-xoa là Đại sư của người tu hành, như kinh nói: “Nên biết giới pháp này là bậc Đại sư của các thầy”. Lại chỉ rõ pháp tương tự, là trụ trì và đem lại lợi ích cho mọi người, như kinh nói: “Nếu Ta còn sống ở đời thì cũng không khác gì giới pháp này”.

Dựa vào giới thanh tịnh căn bản đã nói xong. Tiếp đến là nói về phương tiện xa lìa thuộc giới thanh tịnh.

* **Kinh nói:** “Người giữ giới thanh tịnh, không được mua rẻ bán đắt, buôn bán kiếm lời, dối chác, tạo ruộng vườn, nhà cửa, nuôi

chứa người dân, nô tỳ, súc sinh, tất cả công việc trồng trọt, cùng các thứ tài sản vật báu, đều nên xa lìa như tránh xa hầm lửa. Không được đốn chặt cây cỏ, khai khẩn đất hoang, đào hầm hào, hợp chế thuốc thang, bói xem tướng tốt xấu, ngược trông sao hạn, suy đoán, dựa lịch số để tính toán biết thịnh suy, đều không nên làm. Phải biết tiết chế nơi tự thân, ăn uống đúng giờ, tự sinh sống thanh tịnh, không được tham dự công việc của thế gian, đưa tin đi sứ. Những thứ chú thuật, tạo thuốc tiên, giao kết với hạng quyền quý, gán gửi kẻ kiêu mạn, đều không nên làm. Nên tự giữ tâm cho ngay, nên chánh niệm để cầu độ thoát. Không được che giấu những lỗi lầm của mình, bày đặt những hành kỳ dị để lừa dối nhiều người. Đối với bốn thứ cúng dường, phải nên lượng xét, biết đủ. Được vật dụng cúng dường không nên thu giữ, cất chứa”.

*** Luận nêu:** Trong kinh nói phương tiện xa lìa, đạt được thanh tịnh, nghĩa là do giữ gìn giới căn bản được thanh tịnh. Như kinh nói: “Người giữ giới thanh tịnh”. *Thế nào là giữ gìn căn bản? Thế nào là căn bản?*

Giữ gìn căn bản: Nay nói có hai thứ:

- a.** Giữ gìn không đồng với việc tăng thêm lỗi của hàng phàm phu.
- b.** Giữ gìn không đồng với việc tổn hại trí tuệ của ngoại đạo.

Giữ gìn không đồng với việc tăng thêm lỗi của hàng phàm phu:
Có mười một việc:

(1) Phương tiện cầu lợi tăng thêm lỗi. Như kinh nói: “Không được mua rẻ bán đắt”.

(2) Hiện tiền cầu lợi tăng thêm lỗi. Như kinh nói: “Không được buôn bán kiếm lời”.

(3) Giao dịch cầu lợi tăng thêm lỗi. Như kinh nói: “Không được dối chác”. Nếu dựa vào giá cả của thế gian, tâm không mong lợi, thì

không phạm về tội mua bán. Về pháp thức như đã nói rộng trong Tỳ-ni.

(4) Nơi cư trú hành nghiệp, cầu được yên ổn nhiều, tăng thêm lỗi. Như kinh nói: “Không được tạo ruộng vườn, nhà cửa”.

(5) Quyển thuộc tăng thêm lỗi. Như kinh nói: “Không được nuôi chứa người dân”. Đây là chỉ rõ về quyển thuộc bên ngoài, không phải là người đồng ý. Vì sao không chỉ nói người mà còn nói dân? Vì người dân ấy cũng đồng ở trong loài người. Đối với pháp thiện không biết rõ, là thuộc về súc sinh.

(6) Sự khó khăn dễ sinh tâm ti tiện tăng thêm lỗi. Như kinh nói: “Không được nuôi chứa nô tỳ”.

(7) Vì sự nuôi dưỡng cầu lợi tăng thêm lỗi. Như kinh nói: “Không được nuôi chứa súc sinh”.

(8) Hành nhiều việc tăng thêm lỗi. Như kinh nói: “Không được làm tất cả công việc trồng trọt”.

(9) Thâu giữ, tích trữ tăng thêm lỗi. Như kinh nói: “Cùng các thứ tài sản vật báu”.

(10) Không nhận biết, tăng thêm lỗi. Như kinh nói: “Đều nên xa lìa như tránh xa hầm lửa”.

(11) Không thuận theo oai nghi, cùng tổn hại chúng sinh, tăng thêm lỗi. Như kinh nói: “Không được đốn chặt cây cỏ, khai khẩn đất hoang, đào hầm hào”.

Mười một thứ việc làm này đều tăng thêm lỗi. Người tu hạnh Bồ-tát, nên mau xa lìa, không nên gần gũi, như tránh đồng lửa lớn, pháp cũng như vậy. Như kinh nói: “Đều nên xa lìa như tránh xa hầm lửa”.

Giữ gìn không đồng với việc tổn hại trí tuệ của ngoại đạo:
Nghĩa là kiến chấp phân biệt của thế gian. Kiến chấp phân biệt

này có năm câu với mười phân biệt. Như kinh nói: “Hợp chế thuốc thang v.v... cho đến: Điều không nên làm”, là ngăn chặn kiến chấp dị biệt.

Thế nào là căn bản? Đây là chỉ rõ có hai thứ căn bản:

a. Căn bản của pháp hành.

b. Căn bản của xứ hành.

Căn bản của pháp hành: Là Ba-la-đề-mộc-xoa.

Căn bản của xứ hành: Là thân, miệng, ý. Đối với xứ hành của thân, miệng, ý là hành theo Ba-la-đề-mộc-xoa. Tiết chế nơi tự thân, ăn uống đúng giờ v.v... là chỉ rõ về xứ hành của thân, miệng, ý theo Ba-la-đề-mộc-xoa. Người tu hạnh Bồ-tát nên biết rõ ba xứ Ba-la-đề-mộc-xoa này, vì không còn có pháp giải thoát nào khác hơn là xứ Ba-la-đề-mộc-xoa của thân.

Có năm thứ giải thoát đối trị ba thứ chướng ngại, hai thứ không nên làm và không làm:

(1) Chướng ngại do ở nơi kẻ khác cầu phóng dật. Đối trị chướng này, như kinh nói: “Tiết chế nơi tự thân”.

(2) Chướng ngại do tư trợ bên trong không biết chán đủ. Đối trị chướng này, như kinh nói: “Ăn uống đúng giờ”.

(3) Chướng ngại do cùng theo đuổi mong cầu. Đối trị chướng này, như kinh nói: “Tự sinh sống thanh tịnh”.

(4) Tự tánh dứt bỏ đa sự, như kinh nói: “Không được tham dự công việc của thế gian”.

(5) Tự tánh là tôn trọng, không làm các việc hèn kém, như kinh nói: “Không được đưa tin, đi sứ”.

Hai câu sau là chỉ rõ điều không nên làm và không làm.

Thế nào là năm thứ thân giải thoát? Đó là:

- (1) Thân giải thoát duyên nơi bên ngoài.
- (2) Thân giải thoát duyên nơi bên trong.
- (3) Thân giải thoát duyên nơi tự tướng.
- (4) Thân giải thoát duyên nơi các sự việc.
- (5) Thân giải thoát duyên nơi phương tiện xa lìa khác.

Trong năm thứ thân giải thoát, câu đầu là nêu chung, các câu còn lại là nêu riêng, nên biết.

Xứ Ba-la-đề-mộc-xoa của miệng có hai thứ tà ngữ không nên làm và không làm:

(1) Dựa vào lời của pháp tà, có hai thứ không nên làm: (a) Lời tà thuật, gây náo hại cho chúng sinh. (b) Lời dựa vào những thứ thuốc tà, tạo những biện giải bất chánh theo thế gian. Như kinh nói: “Chú thuật, tạo thuốc tiên v.v...”.

(2) Dựa theo lời nói của kẻ tà, cũng có hai thứ không nên làm: (a) Cùng với tộc họ đều ưa thích, nói nhiều thứ xấu xa, thấp kém. (b) Thân cận với tộc họ giàu sang, nói nhiều về ngã mạn. Như kinh nói: “Giao kết với hạng quyền quý, gần gũi kẻ kiêu mạn, đều không nên làm”.

Xứ Ba-la-đề-mộc-xoa của ý có sáu câu nói về ba thứ chướng:
 Đối trị ba thứ này là không nên làm và không làm:

(1) Chướng ngại do thấy nhiều lỗi lầm của người khác, đó là phạm việc tự làm tịnh tâm mình. Đối trị hành này, như kinh nói: “Nên tự giữ tâm cho ngay”.

(2) Chướng ngại do tư duy tà vạy, vì không thể tự vượt qua địa dưới. Đối trị hành này, như kinh nói: “Nên chánh niệm để cầu độ thoát”.

(3) Chướng ngại do thọ dụng các thứ vật dụng không biết hạn chế, không biết chán đủ. Đối trị chướng ngại này, nơi câu thứ năm, nói: “Đối với bốn thứ cúng dường, phải nên lượng xét, biết đủ”.

Sự cúng dường này có hai thứ:

(1) Cúng dường cho phần thân: Nghĩa là cung cấp các thức ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc thang.

(2) Cúng dường cho phần tâm: Nghĩa là cúng dường với tâm không chung, cúng dường với tâm không chán đủ.

Hai sự cúng dường cho tâm trái nhau và cúng dường cho tâm đồng phần.

Bốn thứ cúng dường cho tâm này, các chúng sinh si loạn luôn thọ dụng không biết hạn chế, xét lường. Nếu nhập phần Tam-muội thì nên biết về lượng. Nếu nhập nơi phần đạo thì nên biết đủ.

Có ba thứ không nên làm và không làm:

(1) Không làm nhiễm ô giới thanh tịnh, tâm không nhận giữ điều cầu uế. Như kinh nói: “Không được che giấu những lỗi lầm của mình”.

(2) Xa lìa, không duyên nơi hành nổi bật để hiển bày về mình khiến người khác không hiểu đúng. Như kinh nói: “Bày đặt những hành kỳ dị để lừa dối nhiều người”.

(3) Xa lìa tâm tham cất giấu, tích chứa các thứ vật dụng. Như kinh nói: “Được vật dụng cúng dường không nên giấu cất chứa”.

Đã nói từ giới căn bản. Tiếp đến là nói từ giới cùng giải thích có thể sinh các công đức.

*** Kinh nói:** “*Đây tức lược nói về hành tướng giữ giới. Giới là hành thuận hợp đúng đắn, là gốc của giải thoát, nên gọi là dựa nơi Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhân nơi giới này có thể phát sinh các thiện định và trí tuệ diệt khổ*”

*** Luận nêu:** *Thuận theo giới:* Là tướng của giới. Không thể nói rộng: Là hiển bày việc nói tóm lược, nên biết. Như kinh nói: “*Đây tức lược nói về hành tướng giữ giới*”.

Giới là hành thuận hợp đúng đắn: Câu này chỉ rõ về nghĩa thuận theo giới. Nơi xứ đây kia nói thuận theo có hai thứ:

- (1) Theo giới căn bản.
- (2) Theo giới căn bản khởi tạo được thành tựu.

Theo giới căn bản: Là chỉ rõ nên thuận theo Ba-la-đề-mộc-xoa căn bản không tạo tác, như trước đã nói.

Theo giới căn bản khởi tạo được thành tựu: Là chỉ rõ nhân giải thoát của biên vực sau. Biên vực giữa từ giới phát sinh. Như kinh nói: “Là gốc của giải thoát”.

Giới là thể của giải thoát, vì có năng lực độ thoát chân chánh. Như kinh nói: “*Nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa*”: Câu này chỉ rõ có thể độ thoát thân, miệng, ý xấu ác, đến bờ bên kia là thành tựu giải thoát ba nghiệp.

Có thể phát sinh các công đức: Là chỉ rõ về công đức giải thoát có sắc và công đức giải thoát không sắc. Hai thứ công đức giải thoát ấy cùng thuận cùng nghịch đều từ nơi giới sinh. Như kinh nói: “Nhân nơi giới này nên có thể sinh các thiên định và trí tuệ diệt khổ”.

Tiếp theo là nói về việc khuyên bảo tu tập giới đạt lợi ích.

* **Kinh nói:** “*Vì thế các thầy Tỳ-kheo nên giữ giới thanh tịnh, chớ khiến hủy phạm thiếu sót. Nếu người có thể giữ giới thanh tịnh tức là có khả năng đạt được pháp thiện. Nếu không giữ giới thanh tịnh, thì các công đức thiện đều không thể sinh. Do đó nên biết giới là trụ xứ của công đức an ổn bậc nhất*”.

* **Luận nêu:** *Thế nào là việc khuyên bảo tu tập giới đạt lợi ích?*
Ở đây có năm thứ khuyên bảo:

(1) Khuyên không làm mất tự thể. Như kinh nói: “*Nên giữ giới thanh tịnh*”.

(2) Khuyên không bỏ phương tiện. Như kinh nói: “Chớ khiến hủy phạm thiếu sót”.

(3) Khuyên xa lìa các lỗi lầm của nghiệp thân, miệng, ý, vì thường tích tập các công đức. Như kinh nói: “Nếu người có thể giữ giới thanh tịnh tức là có khả năng đạt được pháp thiện”.

(4) Khuyên nhận biết về thân, miệng, ý có nhiều lỗi xấu ác, nên nơi tất cả thời công đức không thể phát sinh. Như kinh nói: “Nếu không giữ giới thanh tịnh, thì các công đức thiện đều không thể sinh”.

(5) Nên bày rõ về Bồ-tát giữ giới, ở trong chỗ tu hành ba thứ giới có người được, mất như thế, ta nên trụ vào xứ yên ổn, không trụ nơi xứ không yên ổn. Như kinh nói: “Do đó nên biết giới là trụ xứ của công đức an ổn bậc nhất”. Câu này là chính thức chỉ rõ về nghĩa thù thắng của việc khuyên tu tập giới đạt lợi ích.

2. Thế nào là Công đức của sự tu tập đối trị diệt trừ khổ? Ở đây, có ba thứ khổ:

a. Khổ do căn phóng dật theo dục.

b. Khổ do ăn nhiều.

c. Khổ do biếng nhác, ham ngủ nghỉ.

Dùng môn Tam-muội lạc để đối trị ba thứ khổ này, nên biết.

a. Thế nào là pháp đối trị khổ do căn phóng dật theo dục?

*** Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy đã có thể trụ nơi giới, nên chế ngự năm căn chớ khiến phóng dật nhập nơi năm dục. Ví như người chăn bò cầm roi trông coi, không cho chúng chạy nhảy xâm phạm ăn phá lúa mạ của người. Nếu buông thả năm căn thì không phải chỉ là năm dục mà lan tràn không bờ bến, không thể chế ngự. Cũng như ngựa chững không dùng dây cương để buộc giữ, tất sẽ lòi người roi xuống hàm hổ. Như bị giặc cướp hãm hại, khổ chỉ dùng ở một đời. Giặc năm căn gây tai họa thì khổ nào đến nhiều đời. Vì chúng gây

hại rất nặng nề, nên không thể không thận trọng. Do vậy, người trí luôn tìm chế mà không thuận theo, giữ gìn các căn như canh chừng đám giặc, không khiến chúng buông lung. Giả như khiến buông thả, điều cũng không tồn tại lâu, thấy chúng đều bị hoại diệt”.

*** Luận nêu:** *Khổ do căn phóng dật:* Là nhân khổ và quả khổ. Dựa vào phương tiện Tam-muội của giới thanh tịnh để thâm giữ niệm nhằm đối trị. Như kinh nói: “Đã có thể trụ nơi giới, nên chế ngự năm căn”.

Vì sao chỉ nói năm căn? Là chỉ rõ sự sai biệt giữa sắc và phi sắc. Lại chỉ rõ trong ý căn có năm căn. Có hai thứ đối trị:

- (1) Đối trị bằng niệm động.
- (2) Đối trị bằng không động.

Nhớ nghĩ đến giới, giữ gìn căn đạt lợi ích là pháp tương tợ. Như kinh nói: “Chớ khiến phóng dật nhập nơi năm dục. Ví như người chăn bò cầm roi trông coi, không cho chúng chạy nhảy xâm phạm ăn phá lúa mạ của người”.

Vì giới thân thanh tịnh, nên đối với vô số thứ sắc không buông lung. Cách chăn bò là pháp tương tợ. Do thành tựu chánh niệm, nên các thứ tâm không còn hoạt động. Cầm roi gây là pháp tương tợ.

Do thành tựu giới niệm, công đức của phương tiện Tam-muội cùng chánh thọ không giảm, không mất. Nên không xâm phạm ăn phá lúa mạ của người là pháp tương tợ.

Lại chỉ rõ không nhớ nghĩ đến giới thì lỗi lầm càng tăng thêm, tổn hại tâm, phân khí lực hình thành thì khó đối trị. Như kinh nói: “Nếu buông thả năm căn thì không phải chỉ là năm dục mà lan tràn không bờ bến, không thể chế ngự”.

Tiếp theo là nói đến không đối trị và khó đối trị. Ngựa chứng là pháp tương tợ. Như kinh nói: “Cũng như ngựa chứng không dùng dây cương để buộc giữ, tất sẽ lôi người rơi xuống hầm hố”.

Lại chỉ rõ lỗi lầm nặng nề, giống và không giống.

Lại, nhân quả đều là khổ não sâu nặng nơi vô lượng đời. Đó là chỉ rõ về biên vực trước, trong đó nên thận trọng. Như kinh nói: “Như bị giặc cướp hãm hại, khổ chỉ dừng ở một đời. Giặc năm căn gây tai họa thì khổ não đến nhiều đời. Vì chúng gây hại rất nặng nề, nên không thể không thận trọng”.

Vừa nói do nhớ nghĩ đến giới nên phòng hộ năm căn, nay sẽ nói về trí để phòng hộ các căn.

Người trí quán Tam-muội, vì năm căn kia là chướng ngại nặng của Tam-muội. Như kinh nói: “Do vậy người trí luôn tìm chế mà không thuận theo”.

Phòng hộ năm căn như phòng hộ giặc giết hại mình, là pháp tương tự. Như kinh nói: “Giữ gìn các căn như canh chừng đám giặc, không khiến chúng buông lung”.

Trường hợp nặng đã như thế, còn trường hợp nhẹ thì chế ngự như thế nào? Ở đây, nhẹ nghĩa là chướng ngại của tập khí với tướng rất nhỏ nhặt, ẩn hiện không định rõ vào lúc nào, vì không có tác ý dấy khởi, như kinh nói: “Giả như khiến buông thả”. Tức thể mạnh của chúng không tự lập, như kinh nói: “Đều cũng không tồn tại lâu”. Vì tánh của năm căn là *vô đối* nên không trông thấy nhau, như kinh nói: “Thấy chúng đều bị hoại diệt”.

Ở đây, vì sao nói là thấy? Là chỉ rõ dựa vào lúc thấy mà nói. Các căn kia không thấy nên dứt bỏ thấy.

Thứ đến là nói về đối trị khổ do căn phóng dật theo dục.

* **Kinh nói:** “Năm căn này, tâm là chủ. Thế nên các thầy phải khéo chế ngự tâm. Tâm thật đáng sợ hơn cả rắn độc, thú dữ, giặc oán. Lửa lớn cháy tràn cũng chưa đủ để ví dụ về nó. Ví như có người tay bưng bát mật, chuyển động nhanh vội chỉ chăm chú nhìn nơi bát

mật nên không thấy hầm sâu. Ví như voi say, không có móc sắt, khi vượn có được cây cành, leo trèo, nhảy nhót, khó có thể ngăn cấm. Phải gấp điều phục tâm không khiến nó buông lung. Buông thả tâm này thì các pháp thiện của con người đều bị mất hết. Chế ngự tâm vào một chỗ thì không việc gì là không hoàn thành. Vì thế các Tỷ-kheo nên siêng năng tinh tấn điều phục tâm mình”.

* **Luận nêu:** Ở đây, *khổ do dục*: Là sự sai biệt của tâm tánh. Cũng là nhân khổ, quả khổ. Là chỉ rõ vô số các thứ khổ về sắc, đều dựa nơi tâm mà có. Như kinh nói: “Năm căn này, tâm là chủ”. Nên biết chúng đã gây lỗi lầm cho mình và người, nên phải siêng năng ngăn chặn. Như kinh nói: “Thế nên các thầy phải khéo chế ngự tâm”.

Vì sao phải siêng năng ngăn chặn? Đây là chỉ rõ tâm này là pháp chướng ngại của Tam-muội. Thế nào là tướng của Tam-muội? Thế nào là tướng của pháp chướng ngại?

Tướng của Tam-muội có ba thứ:

- (1) Tướng của Tam-muội không hai niệm.
- (2) Tướng của Tam-muội thuận hợp không động.
- (3) Tướng của Tam-muội khởi nhiều công đức.

Tướng của pháp chướng ngại cũng có ba thứ:

- (1) Chướng ngại do tâm tánh có sai biệt.
- (2) Chướng ngại do chuyển động nhẹ không được điều phục.
- (3) Chướng ngại do mất các công đức.

Chướng ngại do tâm tánh có sai biệt: Như kinh nói: “Tâm thật đáng sợ hơn cả rắn độc, thú dữ, giặc oán. Lửa lớn cháy tràn cũng chưa đủ để ví dụ về nó”.

Ở đây, sai biệt là sự khác nhau của bốn thứ như tham v.v..., nên tu tập Tam-muội không hai niệm. Đối với sự sai biệt ấy là xử đáng

sợ, nên biết bốn thứ ví dụ là pháp tương tợ. Lại chỉ rõ về pháp không tương tợ, là hết sức đáng sợ.

Chướng ngại do chuyển động nhẹ không được điều phục: Như kinh nói: “Chuyển động nhanh vội chỉ chăm chú nhìn nơi bát mật nên không thấy hàm sâu. Ví như voi say, không có móc sắt, khi vượn có được cây cành, leo trèo, nhảy nhót, khó có thể ngăn cấm. Phải gấp điều phục tâm không khiến nó buông lung”.

Ở đây, *chuyển động*: Là chỉ rõ sự chuyển động về nhận thức trong các căn. Lại rất mau chóng nên nói như khi, vượn là pháp tương tợ. *Chỉ nhìn nơi bát mật*: Là chỉ rõ mắt bị che nên không thấy được vị lai.

Hàm sâu: Là nghĩa chướng ngại. Chướng ngại này có hai thứ: (a) Chướng ngại của xứ sinh. (b) Chướng ngại do trong lúc tu tập các hành, gặp khốn khổ nên không thể thành tựu. Voi say là pháp tương tợ.

Phải gấp điều phục: Là chỉ rõ sự hạn chế, hạ thấp để vào xứ không động. *Không khiến buông lung*: Là nêu bày rõ việc gồm thâu để đi vào nhóm điều phục.

Chướng ngại do mất các công đức: Như kinh nói: “Buông thả tâm này thì các pháp thiện của con người đều bị mất hết”.

Tướng của Tam-muội không hai niệm: Như kinh nói: “Chế ngự tâm vào một chỗ”.

Tướng của Tam-muội khởi nhiều công đức: Như kinh nói: “Thì không việc gì là không hoàn thành”.

Tướng của Tam-muội thuận hợp không động: Như kinh nói: “Nên siêng năng tinh tấn điều phục tâm mình”.

b. Thế nào là pháp đối trị khổ do ăn nhiều?

* **Kinh nói**: “Tỳ-kheo các thầy khi thọ dụng các thức ăn uống nên xem như uống thuốc. Đối với thức ăn ngon dở chớ nên sinh ý

ngữ tăng giảm. Ăn uống là để nuôi thân, dứt trừ đói khát. Như ong hút nhụy hoa, chỉ nhận lấy vị, không tổn đến sắc, hương. Tỳ-kheo cũng như thế, thọ nhận sự cúng dường của người là để tự trừ bỏ phiền não, không được cầu nhiều, làm hủy hoại tâm thiện. Ví như người trí, biết lượng định về sức kéo của bò có thể chở được nhiều ít, không khiến chở quá nặng đến nỗi kiệt sức”.

* **Luận nêu:** Ăn nhiều: Là chướng ngại của Tam-muội. Ăn có hai thứ:

- (1) Thân ăn.
- (2) Tâm, tâm số pháp ăn.

Nếu có nhiều đoạn thực thì khó điều khiển hơi thở, xa cách thiền định.

Tâm, tâm số pháp ăn là phương tiện đối trị trong pháp cùng xa lìa cõi Dục.

Lại có tâm thuộc đệ nhất nghĩa hoàn toàn ở trong Tam-muội, thành tựu Tam-muội không ăn.

Hai thứ Tam-muội như thế thành tựu sáu thứ công đức:

- (1) Thành tựu công đức đối trị sự thọ dụng.
- (2) Thành tựu công đức quán xét bình đẳng.
- (3) Thành tựu công đức đối trị trọn vẹn.
- (4) Thành tựu công đức tương tự hiển bày quán bình đẳng.
- (5) Thành tựu công đức thọ dụng không hư dối.
- (6) Thành tựu công đức nhận biết về thời gian.

Sáu thứ thành tựu công đức này chỉ rõ về sự thành tựu hai thứ Tam-muội. Thành tựu công đức thứ nhất, thứ năm và thứ sáu là chỉ rõ về Tam-muội ăn ít. Ba thứ thành tựu công đức còn lại là hiển bày về Tam-muội không ăn.

Thành tựu công đức đối trị sự thọ dụng, như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy khi thọ dụng các thức ăn uống nên xem như uống thuốc”.

Thành tựu công đức quán xét bình đẳng, như kinh nói: “Đối với thức ăn ngon dở chớ nên sinh ý nghĩ tăng giảm”.

Thành tựu công đức đối trị trọn vẹn, như kinh nói: “Ăn uống là để nuôi thân, dứt trừ đói khát”. Đây là chỉ rõ về Pháp thân bình đẳng gồm thân quán xét bình đẳng, hoàn toàn không còn đói khát.

Thành tựu công đức tương tự hiển bày quán bình đẳng, như kinh nói: “Như ong hút nhụy hoa, chỉ nhận lấy vị, không tổn đến sắc, hương. Tỳ-kheo cũng như thế”. Ở đây, không tổn hại là chỉ rõ quán pháp không hoại.

Thành tựu công đức thọ dụng không hư dối, như kinh nói: “Thọ nhận sự cúng dường của người là để tự trừ bỏ phiền não”.

Thành tựu công đức nhận biết về thời gian, như kinh nói: “Không được cầu nhiều, làm hủy hoại tâm thiện”.

Cầu nhiều: Là chỉ rõ có nhiều tâm, tâm số pháp, nên công đức của Tam-muội không hiện tiền.

Lượng định về sức kéo của bò v.v...: Là chỉ rõ về pháp tương tự của sự nhận biết thời.

Chỉ rõ sự nhận biết về thời có hai thứ:

- (1) Dùng phương tiện để so biết về thời.
- (2) Thành tựu thời tương ưng.

Là chỉ rõ về lỗi do ăn nhiều.

c. Thế nào là pháp đối trị khổ do biếng nhác, ham ngủ nghỉ?

* **Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy, ban ngày thì chuyên tâm tu tập các pháp thiện, không khiến phí mất thì giờ. Đầu đêm, cuối đêm cũng chớ có bỏ phí. Giữa đêm tụng kinh để tự điều hòa, không do nhân

duyên ngủ nghỉ khiến một đời luống qua, không đạt được gì cả. Phải nhớ nghĩ đến lửa vô thường đang thiêu đốt các thế gian. Nên sớm cầu tự độ, chớ ham ngủ nghỉ. Các thứ giặc phiền não thường rình rập để giết người còn hơn là kẻ oán, thì sao có thể ngủ say không tự thức tỉnh? Rắn độc phiền não đang nằm ngủ trong tâm của các thầy. Ví như rắn hổ đất đang ngủ nơi phòng của các thầy, phải dùng móc sắt trì giới để mau xua đuổi nó đi. Khi nào con rắn ngủ đã ra khỏi nhà rồi, các thầy mới có thể ngủ yên. Nếu nó chưa ra khỏi mà ngủ là người không biết xấu hổ. Xấu hổ là thứ y phục tốt đẹp bậc nhất để trang nghiêm thân. Xấu hổ cũng như móc sắt, có thể chế ngự con người hành tác phi pháp. Thế nên các Tỳ-kheo thường phải biết xấu hổ, không được bỏ qua dù trong chốc lát. Nếu lìa xấu hổ, tức mất hết các công đức. Người có hổ thẹn là có pháp thiện, nếu kẻ nào không biết hổ thẹn thì chẳng khác gì cầm thú”.

*** Luận nêu:** Đối trị khổ do biếng nhác và ham ngủ nghỉ: Pháp đối trị là tư duy, không biết mệt mỏi.

Ở đây, vì sao nói ham ngủ nghỉ và biếng nhác đều là pháp chướng ngại? Vì chỉ rõ biếng nhác là tâm niệm chệnh mảng, lười trễ. Ham ngủ nghỉ thì thân nặng nề, phiền muộn. Hai tướng này thuận hợp với nhau, cùng thành một thứ khổ, nói chung là chướng ngại của năm thứ định. Trong ấy, đẩy khởi ham ngủ nghỉ có ba thứ:

- (1) Từ ăn đầy khởi.
- (2) Từ thời tiết đầy khởi.
- (3) Từ tâm đầy khởi.

Nếu từ ăn và từ thời tiết đầy khởi, đó là sự ngủ nghỉ của A-la-hán, vì không từ tâm sinh, vì không bị che lấp.

Trong ba thứ ngủ nghỉ này, hai thứ đầu dùng tinh tấn để đối trị, vì không có thời tiết, vì từ vô thi đến giờ chưa từng đoạn dứt. Lại, chỉ rõ đạo Thánh khó đạt được. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy, ban

ngày thì chuyên tâm tu tập các pháp thiện, không khiến phí mất thì giờ. Đầu đêm, cuối đêm cũng chớ có bỏ phép. Giữa đêm tụng kinh để tự điều hòa, không do nhân duyên ngủ nghỉ khiến một đời luống qua, không đạt được gì cả”. Từ nơi các kinh khác chỉ rõ cách đối trị sự ham ngủ nghỉ từ tâm dấy khởi (Sự dấy khởi thứ ba).

Ở đây, đối trị có hai thứ:

(1) Đối trị bằng tư duy, quan sát: Là quán xét các thứ sinh diệt hủy hoại năm âm. Như kinh nói: “Phải nhớ nghĩ đến lửa vô thường đang thiêu đốt các thế gian”. Lại, chỉ rõ độc cầu đạt thiền định, trí tuệ để tự độ cùng độ những kẻ khác. Như kinh nói: “Nên sớm cầu tự độ, chớ ham ngủ nghỉ”. Lại nữa, quán xét về âm, giới, nhập thường gây tai hại, ở đây thật đáng sợ nên phải cầu tự giác ngộ chân chánh. Như kinh nói: “Các thứ giặc phiền não thường rình rập để giết người còn hơn là kẻ oán, thì sao có thể ngủ say, không tự thức tỉnh”.

(2) Dùng giới thanh tịnh để đối trị: Là tâm giữ giới tương ưng với thiền định, vì tâm của sáu thứ cảnh giới an trụ nơi tâm mình. Đáng sợ như rắn, là pháp tương tự. Như kinh nói: “Rắn độc phiền não đang nằm ngủ trong tâm của các thầy. Ví như rắn hổ đất đang ngủ nơi phòng của các thầy”. Dùng tâm giữ giới thanh tịnh để đối trị. Như kinh nói: “Phải dùng móc sắt trì giới để mau xua đuổi nó đi”.

Lại chỉ rõ về xa lìa, về yên ổn. Như kinh nói: “Khi nào con rắn ngủ đã ra khỏi nhà rồi, các thầy mới có thể ngủ yên”.

Tiếp theo là nói về pháp tương tự ở địa dưới, do yên ổn không đối trị. Như kinh nói: “Nếu nó chưa ra khỏi mà ngủ là người không biết xấu hổ”.

Lại chỉ rõ pháp đối trị hơn hẳn, có thể khiến tự địa được thanh tịnh, trang nghiêm, cũng khiến cho địa của kẻ khác không có lỗi lầm. Như kinh nói: “Xấu hổ là thứ y phục tốt đẹp bậc nhất dùng để trang nghiêm thân. Xấu hổ cũng như móc sắt, có thể chế ngự con

người hành tác phi pháp”. Ở đây, là bậc nhất hơn hết, tức chỉ rõ chỗ hơn hẳn các giới trang nghiêm khác. “Thế nên các Tỳ-kheo thường phải biết xấu hổ, không được bỏ qua dù trong chốc lát”: Là nêu rõ về nghĩa gì? Là chỉ rõ việc khuyên tu tập trang nghiêm thù thắng, thường xuyên tu tập.

Lại, chỉ rõ kẻ xa lìa là làm tổn hại tự địa. Như kinh nói: “Nếu lìa xấu hổ, tức mất hết các công đức”.

Lại, chỉ rõ về nẻo có - không, được - mất. Như kinh nói: Nên biết.

3. Thế nào là Công đức của sự tu tập pháp đối trị diệt trừ phiền não? Ở đây có ba chương cần được đối trị, chỉ rõ về nghĩa của đạo, nên biết.

Thế nào là đạo đối trị phiền não chương thứ nhất?

* **Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy, nếu có người đến cắt xẻ từng phần nơi thân thể mình, các thầy phải tự thâu giữ tâm, không khiến sân hận. Cũng phải gìn giữ miệng chớ thốt ra lời thô ác. Nếu để tâm giận dữ bùng phát, tức tự hại đạo làm mất lợi ích của công đức. Nhẫn nhục là đức mà khổ hạnh trì giới không thể sánh kịp. Người có thể hành nhẫn mới có thể gọi là bậc Đại nhân có sức mạnh. Nếu người không thể hoan hỷ nhẫn chịu những lời mạ lỵ ác độc, xem như được uống cam lồ, thì không được gọi là người trí tuệ nhập đạo. Vì sao? Vì cái hại của sự giận dữ tức phá bỏ hết các pháp thiện, hủy hoại cả tiếng tăm tốt đẹp, danh dự, đời này, đời sau, không ai thích gặp mặt. Nên biết tâm sân hận còn hơn lửa dữ, thường phải phòng hộ không cho vào tâm. Giặc cướp mất công đức không gì vượt qua sân hận. Người bạch y còn thọ dục, không phải là người hành đạo, không pháp để tự chế ngự giận dữ, nên còn có thể tha thứ. Xuất gia hành đạo là người không dục, nhưng mang tâm sân hận thì thật không thể chấp nhận. Ví như trời quang mây tạnh mà lửa sấm sét nổi lên thì không phải là hiện tượng thích hợp”.

* **Luận nêu:** *Đạo đối trị phiền não chương thứ nhất:* Là đối trị phiền não chương giận dữ, chỉ rõ đạo gắng nhẫn chịu. Tu hạnh Bồ-tát là trụ trong địa nhẫn chịu, có thể nhẫn đối với vô số các khổ não, nên đối trị bằng hành xử không còn thấy có nhẹ, nặng. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy, nếu có người đến cắt xẻ từng phần nơi thân thể mình, các thầy phải tự thâm giữ tâm, không khiến sân hận”. Đây là chỉ rõ về sự thành tựu Pháp thân huyễn hóa.

Lại nữa, miệng hành thanh tịnh, luôn nói lời dịu dàng. Như kinh nói: “Cũng phải gìn giữ miệng chớ thốt ra lời thô ác”.

Lại nói đến pháp chương ngại đối với đạo đức của lợi ích tự tha. Như kinh nói: “Nếu để tâm giận dữ bùng phát, tức tự hại đạo làm mất lợi ích của công đức”. Đây là hiển bày hai thứ tâm hành thanh tịnh, là trí tuệ và công đức. Đối chiếu là hơn hẳn các hành quyền thuộc. Như kinh nói: “Nhẫn nhục là đức mà khổ hạnh trì giới không thể sánh kịp”. Trong ấy, nói hành là dùng công đức của Tam-muội để đối trị khổ.

Ba thứ nghiệp thanh tịnh, cùng đối chiếu về tướng thù thắng, chỉ rõ hành an ổn nơi đạo khổ, nên biết.

Tiếp theo: Là nói về pháp quán chân như thanh tịnh, hiển bày đạo an lạc. Thành tựu trí quán xét là lực của bậc Đại nhân. Như kinh nói: “Người có thể hành nhẫn mới có thể gọi là bậc Đại nhân có sức mạnh”.

Lại hiển bày việc không vào được nẻo thành tựu lực của bậc trượng phu, vì không có trí tuệ quán sát. Đây là dựa vào chỗ mâu thuẫn để làm rõ chỗ hơn hẳn, nên biết. Như kinh nói: “Nếu người không thể hoan hỷ nhẫn chịu những lời mạ lỵ ác độc, xem như được uống cam lồ, thì không được gọi là người trí tuệ nhập đạo”. Ở đây, *không hoan hỷ:* Là không tin nhập nơi quán. *Lời mạ lỵ ác độc:* Là chỉ rõ không thọ dụng như pháp trong tướng của pháp môn vô sinh. *Cam lồ:* Là làm rõ pháp tương tự của tự thể tướng nơi pháp vô sinh. *Đạo nói ở đây:* Là chỉ rõ tự thể của trí tuệ.

Lại nói đến việc phải phòng hộ đối với các tai họa. Như kinh nói: “Vì sao? Vì cái hại của sự giận dữ tức phá bỏ hết các pháp thiện, hủy hoại cả tiếng tăm tốt đẹp, danh dự, đời này, đời sau, không ai thích gặp mặt. Nên biết tâm sân hận còn hơn lửa dữ, thường phải phòng hộ không cho vào tâm. Giặc cướp mất công đức không gì vượt qua sân hận”. Trong ấy, *các pháp thiện*: Là tướng của trí tuệ tự lợi. *Tiếng tăm tốt đẹp*: Là công đức được khen ngợi của pháp thiện lợi tha. *Người không thích gặp mặt*: Là cuộc đời của tự tha đều không thể có được quả báo vui. *Sự phòng hộ* ở đây có hai thứ: (1) Phòng hộ pháp thiện của mình, như phòng hỏa hoạn, là pháp tương tự. (2) Phòng hộ công đức của lợi tha, như đề phòng giặc, là pháp tương tự.

Lại nêu rõ về công đức của thế gian có sự thọ dụng trong pháp thuận nghịch, chưa hoàn toàn trái nhau. Như kinh nói: “Người bạch y còn thọ dục, không phải là người hành đạo, không pháp để tự chế ngự giận dữ, nên còn có thể tha thứ”. Ở đây, *không pháp*: Là không có pháp bạch tịnh để đối trị.

Ké tiếp: Là chỉ rõ đạo xuất thế gian. Ở trong thế gian thọ dụng hai pháp là hoàn toàn trái nhau. Như kinh nói: “Xuất gia hành đạo là người không dục, nhưng mang tâm sân hận thì thật không thể chấp nhận”.

Phần còn lại: Là chỉ rõ về phần đạo, trong ấy không nên có, là pháp tương tự. Như kinh nói: “Ví như trời quang mây tạnh mà lửa sấm sét nổi lên thì không phải là hiện tượng thích hợp”.

Thế nào là đạo đối trị phiền não chướng thứ hai?

* **Kinh nói**: “Tỳ-kheo các thầy nên tự xoa vào đầu, đã từ bỏ các thứ trang sức đẹp đẽ, mặc y hoại sắc, mang bình bát, lấy việc xin ăn để tự nuôi sống, nên tự nhận thấy như thế, nếu khởi kiêu mạn thì nên mau chóng diệt trừ. Tăng trưởng kiêu mạn hãy còn không

phải là điều thích hợp của người bạch y thế tục, hướng chi là người xuất gia nhập đạo, vì giải thoát nên tự hàng phục thân mình mà hành nhất thực”.

*** Luận nêu:** Đạo đối trị phiền não chương thứ hai: Là chỉ rõ tự mình không tạo thành tâm, cho là tôn quý, hơn hết, xem thường hành của thân tâm, nên xa lìa phiền não cao ngạo.

Trong đây có bảy câu nói về hành xa lìa:

(1) Đối với các xứ tôn thặng, tăng thượng, trước tiên là nên tự điều phục, luôn nên tự nhận biết. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy nên tự xoa vào đầu”.

(2) Đối với các xứ còn lại, không thọ dụng các thứ vật trang sức. Như kinh nói: “Đã từ bỏ các thứ trang sức đẹp đẽ”.

(3) Đối với xứ y phục, pháp đối trị là tâm ưa thích. Như kinh nói: “Mặc y hoại sắc”.

(4) Tự thọ dụng vật dụng, luôn tự giữ gìn. Như kinh nói: “Mang bình bát”.

(5) Đối với các sự việc thọ dụng trong ngoài, không tạo phương tiện khác để sinh lỗi lầm, phải tự điều phục. Như kinh nói: “Lấy việc xin ăn để tự nuôi sống”.

(6) Trí tuệ thành tựu: Là thường tự quán xét. Như kinh nói: “Nên tự nhận thấy như thế”.

(7) Đối trị thành tựu: Là xa lìa mọi sự dấy khởi nhỏ nhặt. Như kinh nói: “Nếu khởi kiêu mạn thì nên mau chóng diệt trừ”.

Phần còn lại là nêu rõ nghĩa gì? Là chỉ rõ sự so sánh. Tự hàng phục là không nên dấy khởi kiêu mạn, vì nó là chương ngại cho mọi phần trước sau nơi công đức. Như kinh nói: “Tăng trưởng kiêu mạn hãy còn không phải là điều thích hợp của người bạch y thế tục, hướng

chi là người xuất gia nhập đạo, vì giải thoát nên tự hàng phục thân mình mà hành khất thực”.

Thế nào là đạo đối trị phiền não chương thứ ba?

* **Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy, tâm dua nịnh quanh co là trái ngược với đạo. Thế nên cần phải giữ cho tâm luôn chất trực. Phải biết dua nịnh quanh co chỉ là lừa dối. Người đã nhập đạo tức không có điều ấy. Do đó các thầy phải nên khiến cho tâm được ngay thẳng, lấy chất trực làm gốc”.

* **Luận nêu:** Đạo đối trị phiền não chương thứ ba: Tức chỉ rõ tâm chất trực là căn bản, xa lìa phiền não chương là dua nịnh quanh co. Miệng nói, ý nghĩ đều tự trái ngược với các phiền não đó. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy, tâm dua nịnh quanh co là trái ngược với đạo”.

Lại chỉ rõ cách đối trị chương ngại trái ngược với đạo. Như kinh nói: “Thế nên cần phải giữ cho tâm luôn chất trực”.

Lại nữa, pháp trái ngược trong khi hành phân đạo không nên có. Như kinh nói: “Phải biết dua nịnh quanh co chỉ là lừa dối. Người đã nhập đạo tức không có điều đó”. Trong đây, nói lừa dối là tâm và miệng cùng lúc đều không dùng sự thật.

Ngoài ra, đều chỉ rõ về tâm ngay thẳng, là gốc của tâm đạo. Như kinh nói: “Do đó các thầy phải nên khiến cho tâm được ngay thẳng, lấy chất trực làm gốc”.

Đã nói xong *phần Tu tập công đức thế gian*. Sau đây là nói đến **phần 3: Tu tập công đức của bậc Đại nhân xuất thế gian**. Phần công đức của bậc Đại nhân có tám thứ: Tất cả bậc Đại nhân luôn dùng tám thứ này để tự xét biết, nuôi lớn phương tiện thành tựu trọn vẹn.

Thế nào là nhận biết về công đức của bậc Đại nhân thứ nhất?

* **Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy! Nên biết người nhiều dục, cầu lợi nhiều, nên khổ não cũng nhiều. Người ít dục, không cầu, không

ham muốn, thì không có tai họa đó. Ngay như ít ham muốn hãy còn nên tu tập, huống nữa là sự ít ham muốn còn có thể sinh ra các công đức. Người ít ham muốn tức không đua nịnh quanh co để cầu theo ý người khác, cũng lại không bị các căn lồi dấp. Người hành ít ham muốn thì tâm thẳng nhiên, không có lo sợ. Các sự tiếp xúc đây đó thường không gì là không đủ. Người có ít ham muốn là có Niết-bàn. Đó gọi là thiếu dục”.

*** Luận nêu:** Ở đây, *bậc Đại nhân thứ nhất*: Là người thành tựu công đức không mong cầu, biết rõ lỗi lầm của nhiều dục. Nhận biết rõ được nói ở đây có năm thứ tướng:

(1) Tướng nhận biết rõ về chướng ngại: Là ba thứ chướng: phiền não, nghiệp, khổ. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy! Nên biết người nhiều dục, cầu lợi nhiều, nên khổ não cũng nhiều”. Đây là chỉ rõ sự xoay chuyển không dứt.

(2) Tướng nhận biết rõ đối trị thành tựu: Là xa lìa ba thứ vọng tưởng. Như kinh nói: “Người ít dục, không cầu, không ham muốn, thì không có tai họa đó”.

(3) Tướng nhận biết rõ nhân quả tập khởi: Là thành tựu vô lượng hạnh. Như kinh nói: “Ngay như ít ham muốn hãy còn nên tu tập, huống nữa là sự ít ham muốn còn có thể sinh ra các công đức”.

(4) Tướng nhận biết rõ hoàn toàn không có các chướng: Là ba chướng đã rốt ráo lìa dứt. Như kinh nói: “Người ít ham muốn tức không đua nịnh, quanh co để cầu theo ý người khác, cũng lại không bị các căn lồi dấp”.

(5) Tướng nhận biết rõ về quả thành tựu: Là thành tựu ba thứ quả công đức như Bát-nhã v.v... Như kinh nói: “Người hành ít ham muốn thì tâm thẳng nhiên, không có lo sợ. Các sự tiếp xúc đây đó thường không gì là không đủ. Người có ít ham muốn là có Niết-bàn. Đó gọi là thiếu dục”.

Thế nào là nhận biết về công đức của bậc Đại nhân thứ hai?

*** Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy! Nếu muốn thoát khỏi các thứ khổ não, phải nên quán xét về biết đủ. Pháp biết đủ tức là xứ giàu vui, yên ổn. Người biết đủ tuy nằm trên đất cũng được an lạc. Người không biết đủ tuy sống nơi cõi trời cũng không vừa ý. Người không biết đủ tuy giàu có mà nghèo cùng. Người biết đủ tuy nghèo cùng mà là giàu có. Người không biết đủ luôn bị năm dục lôi kéo, được người biết đủ thương xót. Đó gọi là biết đủ”.

*** Luận nêu:** Nhận biết về công đức của bậc Đại nhân thứ hai: Là thành tựu hành biết đủ để đối trị nhân quả khổ. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy! Nếu muốn thoát khỏi các thứ khổ não, phải nên quán xét về biết đủ”. Ở đây, nào: Là chỉ rõ lỗi lầm của phiền não từ khổ sinh.

Lại nêu pháp đối trị là thành tựu nhân quả thanh tịnh. Như kinh nói: “Pháp biết đủ tức là xứ giàu vui, yên ổn”.

Nếu như thế, hai thứ nhận biết vì sao khác biệt? Ở đây chỉ rõ về nhận biết thứ nhất là xa lìa sự việc của cảnh giới khác. Biết đủ là ở trong sự việc của mình.

Lại nữa, có ba thứ sai biệt chỉ rõ về biết đủ và không biết đủ: (1) Thọ dụng sai biệt thuộc những nơi chốn nào. (2) Thọ dụng sai biệt thuộc những sự việc nào. (3) Sai biệt do không tự lợi, có tự lợi, lợi tha trong những pháp nào. Như kinh nói: “Người biết đủ tuy nằm trên đất v.v...” như kinh, nên biết.

Thế nào là công đức xa lìa của bậc Đại nhân thứ ba?

*** Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy! Nếu muốn cầu sự vắng lặng, vô vi, an lạc, nên lìa khỏi cảnh ồn ào, náo nhiệt, ở riêng nơi thanh vắng. Người ở chốn thanh vắng được Đế thích, chư Thiên cung kính, tôn trọng. Vì thế nên rời bỏ chốn đông đảo của mình và của người khác, ở riêng nơi thanh vắng, suy nghĩ để diệt trừ gốc khổ. Nếu ra

thích ở nơi đông đảo thì sẽ nhận lấy nhiều phiền não. Ví như cây to lớn, nhiều chim chóc tụ tập, thì có họa bị khô gãy. Thế gian bị trời buộc chìm trong các khổ, như voi già rơi vào vũng lầy, không thể tự ra khỏi. Do vậy phải xa lìa”.

*** Luận nêu:** Công đức xa lìa của bậc Đại nhân thứ ba, ở đây có ba môn gồm thâm nghĩa, nên biết:

- (1) Môn tự tánh xa lìa, xuất phát từ thể.
- (2) Môn tu tập xa lìa, xuất phát từ phương tiện.
- (3) Môn thọ dụng các kiến, vì luôn bị trời buộc.

Môn tự tánh xa lìa: Là chỉ rõ bốn thứ đối trị:

(a) Chương ngại do chấp trước tướng ngã. Đối trị chương này, như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy! Nếu muốn cầu sự vắng lặng, vô vi, an lạc”. Ở đây, *vắng lặng*: Là chỉ rõ pháp vô ngã không. *Vô vi*: Là vô tướng không. *An lạc*: Là không lấy bỏ, là nguyện không.

(b) Chương ngại do ngã sở, vì năm ấm khởi loạn không có thứ lớp. Đối trị chương này, như kinh nói: “Nên lìa khỏi cảnh ồn ào, náo nhiệt”.

(c) Chương ngại do không có hai tướng kia. Đối trị chương này, như kinh nói: “Ở riêng nơi thanh vắng”.

(d) Chương ngại do vô vi đứng đầu công đức: Vì các vị trời kia tôn trọng chánh pháp. Đối trị chương này, như kinh nói: “Người ở chốn thanh vắng được Đế thích, chư Thiên cung kính, tôn trọng”.

Môn tu tập xa lìa: Là xa lìa ngã, ngã sở, không còn tụ tập sinh khởi. Như kinh nói: “Vì thế nên rời bỏ chốn đông đảo của mình và của người khác”.

Thành tựu tuệ phương tiện vì như pháp, như trụ. Như kinh nói: “Ở riêng nơi thanh vắng”.

Thành tựu trí khéo lựa chọn, là xa lìa nhân phát sinh. Như kinh nói: “Suy nghĩ để diệt trừ gốc khổ”.

Môn thọ dụng các kiến: Là ưa thích tụ tập ngã, ngã sở, sinh khởi tâm cảnh của tụ tha cùng não hại. Như kinh nói: “Nếu ưa thích ở nơi đông đảo thì sẽ nhận lấy nhiều phiền não”.

Các thứ kiên chấp tụ tập phát sinh, sinh rồi tụ hại. Cây to là pháp tương tợ. Như kinh nói: “Ví như cây to lớn, nhiều loài chim chóc tụ tập, thì có họa bị khô gãy”.

Lại chỉ rõ không có tướng xuất ly, do nghiệp, phiền não cấu nhiễm sinh khởi. Voi già rơi vào vũng lầy là pháp tương tợ. Như kinh nói: “Thế gian bị trói buộc chìm trong các khổ, như voi già rơi vào vũng lầy, không thể tự ra khỏi. Do vậy phải xa lìa”.

Thế nào là công đức không mệt mỏi của bậc Đại nhân thứ tư?

* **Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy! Nếu siêng năng tinh tấn thì sự việc không có gì khó. Thế nên các thầy phải siêng năng tinh tấn. Ví như dòng nước nhỏ, nhưng cứ chảy mãi thì có thể xuyên thủng đá. Nếu tâm của Hành giả cứ luôn biếng nhác, bê trễ, thì khác gì cọ cây lấy lửa, cây chưa nóng mà đã dừng, tuy muốn được lửa nhưng khó có được. Đó gọi là tinh tấn”.

* **Luận nêu:** Ở đây, *không mệt mỏi:* Là chỉ rõ không đồng với tinh tấn của ngoại đạo. Nhưng là đối với tất cả pháp, tất cả hành hướng đến thiện, đều khiến thành tựu không thoái chuyển. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy! Nếu siêng năng tinh tấn thì sự việc không có gì khó”.

Do có thể thành tựu không thoái chuyển, nên cần tu tập, nuôi lớn. Như kinh nói: “Thế nên các thầy phải siêng năng tinh tấn”.

Lại dùng thí dụ để chỉ rõ sự việc không ngừng nghỉ, do có sức mạnh của tinh tấn được thành tựu. Như kinh nói: “Ví như dòng nước nhỏ, nhưng cứ chảy mãi thì có thể xuyên thủng đá”.

Tiếp sau là nói đến lỗi của lười biếng. Không thể luôn tinh tấn, nên niệm xứ thoái mất, không thành tựu được tâm tuệ. Dựa vào thí dụ để hiển bày, nên biết. Như kinh nói: “Nếu tâm của Hành giả cứ luôn biếng nhác, bê trễ, thì khác gì cọ cây lấy lửa, cây chưa nóng mà đã dừng, tuy muốn được lửa nhưng khó có được. Đó gọi là tinh tấn”.

Thế nào là công đức không quên niệm của bậc Đại nhân thứ năm?

*** Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy! Cầu tri thức thiện, cầu được khéo che chở, giúp đỡ, không bằng không quên niệm. Nếu có người không quên niệm thì các giặc phiền não không thể xâm nhập. Vì thế các thầy thường nên thâm giữ niệm tại tâm. Nếu người mất niệm tức mất các công đức. Nếu có niệm lực mạnh mẽ thì tuy đi vào trong giặc năm dục vẫn không bị chúng hại. Ví như người mặc áo giáp chắc chắn vào trận thì không lo sợ. Đó gọi là không quên niệm”.

*** Luận nêu:** Công đức không quên niệm của bậc Đại nhân thứ năm: Là chỉ rõ tất cả hành ấy là đứng đầu, có thể phá tan mọi oán địch trầm trọng từ vô thi.

Tất cả hành ở đây lược nêu có ba thứ:

(1) Hành cầu nghe pháp. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy! Cầu tri thức thiện”.

(2) Hành nội tâm khéo tư duy. Như kinh nói: “Cầu được khéo che chở”.

(3) Hành cầu tu như pháp. Như kinh nói: “Cầu khéo giúp đỡ”.

Lại chỉ rõ hành không quên niệm là đứng đầu, là hơn hết trong các hành. Như kinh nói: “Không bằng không quên niệm”.

Có khả năng ngăn chặn mọi oán địch trầm trọng từ vô thi, không tổn hại ba thứ căn thiện. Như kinh nói: “Nếu có người không quên niệm thì các giặc phiền não không thể xâm nhập”. *Phiền não:* Là chỉ rõ những Hoặc, loạn trong tướng của tâm. *Giặc:* Là sự tụ tập từ ngoài, gây tội lỗi.

Lại chỉ rõ sự khuyển tu, khiến niệm trước sau đều được thành tựu. Chỉ rõ việc ngăn chặn tâm không có thứ lớp đầu cuối. Như kinh nói: “Vì thế các thầy thường nên thâm giữ niệm tại tâm”.

Do không thứ lớp đầu cuối nên mất niệm, tạo nên nhiều lỗi lầm. Như kinh nói: “Nếu người mất niệm tức mất các công đức”.

Lại, thành tựu nhiều công đức, tùy thuận môn thế gian, tập hợp các hành. Như kinh nói: “Nếu có niệm lực mạnh mẽ thì tuy đi vào trong giặc năm dục vẫn không bị chúng hại”.

Niệm lực kiên cường nên dũng mãnh vào trận không lo sợ, là pháp tương trợ. Như kinh nói: “Ví như người mặc áo giáp chắc chắn vào trận thì không lo sợ. Đó gọi là không quên niệm”.

Thế nào là công đức thiên định của bậc Đại nhân thứ sáu?

* **Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy! Nếu thâm giữ tâm thì tâm tại định. Vì tâm tại định nên có thể nhận biết tướng nơi pháp sinh diệt của thế gian. Do đó các thầy thường nên tinh tấn tu tập các định. Nếu người đạt được định thì tâm không phân tán. Ví như nhà nông chăm lo giữ nước tức khéo tu sửa đê điều. Người tu hành muốn có nước trí tuệ thì nên khéo tu tập thiên định khiến trí tuệ không bị lưu tán. Đó gọi là định”.

* **Luận nêu:** Công đức thiên định của bậc Đại nhân thứ sáu: Là tám thứ thiên định v.v... nhân nơi thâm giữ niệm sinh. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy! Nếu thâm giữ tâm thì tâm tại định”.

Thế nào là thâm giữ tâm thì có thể sinh thiên định? Là chỉ rõ thâm giữ khắp xứ, là đối tượng hành của tâm, đối trị mọi hành duyên dựa của tâm. Tiếp đến là giữ lấy các việc vừa, thấp, nhằm đối trị các duyên của tâm hành. Khi đối trị thành tựu ba thứ xứ duyên ấy tức gần với thiên định. Thiên định thành tựu là có dụng của quả thuộc phương tiện. Như kinh nói: “Vì tâm tại định nên có thể nhận biết tướng nơi pháp sinh diệt của thế gian”.

Lại, biếng nhác không tu tập là chướng ngại của phương tiện. Như kinh nói: “Do đó các thầy thường nên tinh tấn tu tập các định”.

Trong ấy, biếng nhác có ba thứ: (1) Biếng nhác do không an ổn. (2) Biếng nhác do không có vị. (3) Biếng nhác do không biết sợ hãi.

Thế nào là tu tập đối trị mỗi mỗi thứ? Là chỉ rõ tinh tấn tu tập đối với các thứ ăn uống, ngủ nghỉ đều có hạn lượng cùng điều hòa hơi thở ra vào. Tinh tấn tu tập hiểu biết các định, có công đức của thông tuệ và dứt hết nguồn khổ, là sự việc hy hữu lớn. Tinh tấn tu tập quan sát các khổ của sinh, già, bệnh, chết và các khổ của bốn đường dữ, vì ta chưa thể xuất ly, là đối trị ba chướng.

Lại tu tập công đức thành tựu, không còn đối tượng để đối trị. Như kinh nói: “Nếu người đạt được định thì tâm không phân tán”.

Lại dùng thí dụ để chỉ rõ việc khéo tu tập công đức, càng tăng trưởng hơn lên. Như kinh nói: Nên biết.

Thế nào là công đức trí tuệ của bậc Đại nhân thứ bảy?

*** Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy! Nếu có trí tuệ thì không tham vương, thường tự tỉnh xét, không khiến có lỗi, tức là ở trong pháp của Như Lai có thể đạt được giải thoát. Nếu không được như thế thì đã không phải là đạo nhân, lại cũng không phải là bạch y, không biết gọi là gì. Trí tuệ thật tức là chiếc thuyền vững chắc vượt qua biển khổ già bệnh chết, cũng là ngọn đèn sáng lớn xua tan màn vô minh đen tối, là phương thuốc hay của các thứ bệnh, là chiếc búa bén chặt đứt cây phiền não. Vì thế các thầy nên dùng tuệ văn, tư, tu để tự tăng trưởng. Nếu người có trí tuệ soi chiếu, thì tuy là nhục nhãn, nhưng là người thấy biết sáng suốt hơn hết. Đó là trí tuệ”.

*** Luận nêu:** Ở đây, công đức của trí tuệ: Là khả năng xa lìa xứ chướng ngại đối với nghĩa chân thật cùng xứ chướng ngại của các

sự việc thế gian. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy! Nếu có trí tuệ thì không tham vướng”.

Nơi tất cả thời thường tu tâm tuệ do điều ấy khó đạt được. Như kinh nói: “Thường tự tỉnh xét, không khiến có lỗi”.

Lại chỉ rõ việc khó đạt được nhưng có thể làm được, tức đối với xứ đệ nhất nghĩa là giải thoát. Như kinh nói: “Tức là ở trong pháp của Như Lai có thể đạt được giải thoát”.

Lại chỉ rõ không phải tự tánh tuệ thì không hội nhập được nơi thế gian và xuất thế gian, nên không nêu bày. Như kinh nói: “Nếu không được như thế thì đã không phải là đạo nhân, lại cũng không phải là bạch y, không biết gọi là gì”.

Lại dùng bốn thứ thí dụ để hiển bày bốn thứ công đức về văn, tư, tu, chứng. Như kinh nói: Nên biết. Nói trí tuệ thật: Là chỉ rõ thật sự có thể đối trị. Ở trong bốn thứ công đức thì đó là nghĩa tối thắng nơi tự lợi ích của công đức thứ tư.

Lại, bốn thứ công đức tu học đối với phần nội xứ là có nhận biết soi chiếu. Như kinh nói: “Nếu người có trí tuệ soi chiếu, thì tuy là nhục nhãn, nhưng là người thấy biết sáng suốt hơn hết. Đó là trí tuệ”.

Thế nào là công đức của sự thành tựu trọn vẹn nơi bậc Đại nhân thứ tám?

** Kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy! Nếu hành theo vô số hý luận thì tâm tán loạn, tuy là xuất gia nhưng vẫn chưa được giải thoát. Thế nên Tỳ-kheo phải gấp lìa bỏ tâm loạn hý luận. Nếu các thầy muốn đạt được an lạc của tịch diệt, phải nên mau chóng dứt trừ tai họa của hý luận. Đó gọi là không hý luận”.*

** Luận nêu: Công đức của sự thành tựu trọn vẹn nơi bậc Đại nhân thứ tám: Là chỉ rõ về tự tánh xa lìa, không phải là pháp đối trị.*

Bốn thứ chướng ngại nơi trí sai biệt là pháp phân biệt có thể phân biệt. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy! Nếu hành theo vô số hý luận thì tâm tán loạn”.

Trí tu đạo không phải là tự tánh. Như kinh nói: “Tuy là xuất gia nhưng vẫn chưa được giải thoát”.

Hai câu còn lại này là khuyên tu tập hành xa lìa, thành tựu không hý luận:

(1) Xa lìa tướng có đối, vì có tướng công đức của người này, người kia. Như kinh nói: “Thế nên Tỳ-kheo phải gấp lìa bỏ tâm loạn hý luận”.

(2) Xa lìa tướng không đối, vì không có tướng công đức của người nọ, người kia. Như kinh nói: “Nếu các thầy muốn đạt được an lạc của tịch diệt, phải nên mau chóng dứt trừ tai họa của hý luận”. Đây là chỉ rõ hành thành tựu khác của thể tánh. Như kinh nói: “Đó gọi là không hý luận”.

Đã nói xong *phần Thành tựu công đức của bậc Đại nhân xuất thế gian*. Sau đây là nói về **phần 4: Hiện bày công đức thâm diệu rất ráo**.

*** Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy! Đối với các công đức thường nên nhất tâm từ bỏ các thứ phóng dật, như lìa giặc oán. Những lợi ích được Đức Thế Tôn đại bi giảng nói đều đã trọn vẹn. Các thầy chỉ nên siêng năng hành trì. Hoặc ở trong núi, hoặc bên đầm trống lặng, hoặc ở nơi tĩnh thất, chốn thanh vắng bên cội cây, phải luôn nhớ nghĩ về pháp đã thọ nhận chớ khiến quên mất. Phải luôn tự cố gắng tinh tấn tu tập. Không làm gì để luống qua cho đến chết đến nỗi về sau phải hối hận. Ta như lương y biết bệnh nói thuốc, bệnh nhân có uống hay không uống, không phải là lỗi của lương y. Lại như người khéo dẫn đường, chỉ rõ về đường

thiện, người nghe rồi nhưng không đi, không phải là lỗi của người dẫn đường”.

* **Luận nêu:** *Hiển bày công đức thâm diệu rất ráo:* Tức có hai thứ rất ráo làm sáng tỏ hai thứ công đức thâm diệu.

(1) Công đức rất ráo của Đức Như Lai phân biệt thuyết pháp, hiển bày công đức thâm diệu của việc phân biệt giảng nói pháp này không phải là thuyết giảng pháp thường.

(2) Công đức rất ráo của tu hạnh Bồ-tát, tu tập giáo hóa thế gian, hiển bày công đức thường tu tập khác cũng thâm diệu.

Hai thứ công đức tu hành này như trên đã nêu, trong mỗi mỗi thứ đều tu tập hai thứ công đức, nên biết.

Ở đây: Công đức thường tu tập thì nghĩa thứ nhất là tu tâm. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy! Đối với các công đức thường nên nhất tâm”.

Xa lìa các hành tương tự hay trái ngược với nhất tâm, xem như oán đối. Như kinh nói: “Từ bỏ các thứ phóng dật, như lìa giặc oán”.

Tâm đại bi không giới hạn thường đem lại lợi lạc có hạn lượng một cách trọn vẹn. Như kinh nói: “Những lợi ích được Đức Thế Tôn đại bi giảng nói đều đã trọn vẹn”.

Tiếp theo: Lại nói rộng về công đức thường tu tập. Có bảy thứ tướng tu tập:

(1) Vì sao phải tu? Chỉ rõ luôn siêng năng hành trì. Như kinh nói: “Các thầy chỉ nên siêng năng hành trì”.

(2) Tu tập ở nơi nào? Chỉ rõ ở nơi chốn vắng vẻ. Như kinh nói: “Hoặc ở trong núi, hoặc bên đầm trống vắng, hoặc ở nơi tĩnh thất, chốn thanh vắng bên cội cây”.

(3) Tu tập pháp gì? Chỉ rõ tu tập pháp chân thật không có hai niệm. Như kinh nói: “Phải luôn nhớ nghĩ về pháp đã thọ nhận”.

(4) Tu tập như thế nào? Là tu tập khiến được hiện tiền. Như kinh nói: “Chớ khiến quên mất”.

(5) Dùng phương tiện nào để tu tập? Như kinh nói: “Phải luôn tự cố gắng tinh tấn tu tập”.

(6) Đối với pháp tương tự ở chốn sinh hoạt ngủ nghỉ, tâm phải dốc hết sức xa lìa. Như kinh nói: “Không làm gì để luống qua cho đến chết”.

(7) Vào lúc tuổi già, tự nhận biết sự việc dù có hối hận bao nhiêu cũng không kịp. Như kinh nói: “Đến nỗi về sau phải hối hận”.

Sau đây: Là nói rộng về công đức rất ráo của Đức Như Lai phân biệt thuyết pháp. Chỉ rõ hai thứ tướng rất ráo:

(1) Nói pháp giáo hóa rất ráo, hoàn toàn tương ưng. Như kinh nói: “Ta như lương y biết bệnh nói thuốc, bệnh nhân có uống hay không uống, không phải là lỗi của lương y”.

(2) Cùng với niệm rất ráo là pháp cứu độ hoàn toàn tương ưng. Như kinh nói: “Lại như người khéo dẫn đường, chỉ rõ về đường thiện, người nghe rồi nhưng không đi, không phải là lỗi của người dẫn đường”.

Ở đây, uống thuốc hay không uống, là chỉ rõ Như Lai ở trong hai thứ rất ráo hoàn toàn không có lỗi. Vì Như Lai không bỏ rơi pháp thế gian của chúng sinh.

Tiếp theo là nói về **phần 5: *Hiện bày quyết định nhập chứng.***

*** Kinh nói:** “*Này các thầy! Đối với pháp Tứ Đế như khổ v.v..., nếu có chỗ nghi thì nên mau chóng thưa hỏi, chớ nên mang giữ điều nghi, không cầu giải quyết. Bây giờ, Đức Thế Tôn nói ba lần như*

thế, nhưng không có vị nào thưa hỏi. Vì sao? Vì đại chúng không còn nghi ngờ. Lúc ấy, Tôn giả A-nậu-lâu-đà quán xét tâm của đại chúng, rồi bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Mặt trăng có thể khiến thành nóng, mặt trời có thể khiến thành lạnh, nhưng Phật giảng nói về Tứ Đế thì không thể khiến đổi khác. Phật nói Khổ để thật sự là khổ, không thể khiến thành vui. Tập thật sự là nhân lại không có nhân nào khác. Khổ nếu diệt tức là nhân diệt. Nhân diệt nên quả diệt. Con đường diệt khổ thật sự là con đường chân thật, lại không có con đường nào khác. Bạch Đức Thế Tôn! Các Tỳ-kheo này đối với Tứ Đế đều quyết định không nghi”.

* **Luận nêu:** *Quyết định nhập chứng:* Là chỉ rõ đối với pháp được chứng đắc đã thành tựu sự quyết định, không có nghi ngờ.

Ở đây có ba môn gồm thâm nghĩa, chỉ rõ sự quyết định không nghi.

1. Môn phát khởi hiển bày phương tiện.
2. Môn thành tựu đầy đủ.
3. Môn phân biệt nêu bày.

Môn phát khởi hiển bày phương tiện: Là chỉ rõ ở nơi xứ các pháp thật đã phát khởi, bày rõ. Do người tu hành thường quan sát pháp đó cùng nương vào đây để đẩy khởi việc tu trì. Như kinh nói: “Này các thầy! Đối với pháp Tứ Đế như khổ v.v...”.

Ở trong Tứ Đế pháp tạo tác, không tạo tác: Là chỉ rõ về chỗ có nghi, không nghi có sai biệt. Như kinh nói: “Nếu có chỗ nghi thì nên mau chóng thưa hỏi, chớ nên mang giữ điều nghi, không câu giải quyết”.

Nên mau chóng thưa hỏi: Là chỉ rõ hai thứ sắp đạt được trọn vẹn như vừa nói hai thứ rất ráo. *Chớ nên mang giữ điều nghi:* Là đối với xứ tứ đế vô tác cùng xứ tứ đế tu hành có tạo tác, hai lãnh vực đó trái ngược nhau, đều không được nghi.

Môn thành tựu đầy đủ: Là có ba thứ chỉ rõ:

(1) Chỉ rõ pháp luân thành tựu đầy đủ, vì ba lần chuyển pháp chân thật. Như kinh nói: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói ba lần như thế”.

(2) Chỉ rõ thành tựu đầy đủ về pháp chứng đắc. Như kinh nói: “Nhưng không có vị nào thừa hỏi”.

(3) Chỉ rõ thành tựu đầy đủ về công đức của sự đoạn trừ. Như kinh nói: “Vì sao? Vì đại chúng không còn nghi ngờ”.

Môn phân biệt nêu bày: Là chỉ rõ bậc thượng thủ của đại chúng nhận biết tâm hành của đại chúng, thành tựu quyết định. Lại biết rõ về nghĩa thật đã chứng, nên Tôn giả A-nậu-lâu-đà phân biệt nói các sự việc trả lời cho Đức Như Lai. Như kinh nói: “Lúc ấy, Tôn giả A-nậu-lâu-đà quán xét tâm của đại chúng v.v...”.

Mặt trời, mặt trăng, lạnh, nóng: Là chỉ rõ về việc hành quán thuận nghịch trong tứ đế, cũng không thể đổi khác.

Thật sự là khổ, không thể khiến thành vui: Là do Phật nói nên khổ vui mỗi thứ đều thật, không đổi khác.

Lại không có nhân nào khác: Là chỉ rõ khổ diệt đều từ nhân. Lại chỉ rõ diệt, đạo đồng là quán tự tánh.

Quyết định: Là nhân quả khổ, vui đều nhập nơi hành quyết định.

Không nghi: Là nghĩa hoàn toàn không khác.

Đã nói về *phần Hiển bày quyết định nhập chứng*. Sau đây là nói đến **phần 6: Phân biệt chưa nhập chứng bậc tối thượng là đoạn trừ nghi**.

* **Kinh nói:** “Ở trong chúng này, người chưa làm xong công việc, thấy Phật diệt độ sẽ có nhiều cảm động, xót thương. Nếu có người mới vào pháp, nghe Phật giảng nói tức đều được độ, ví như đi trong đêm tối, thấy làn chớp sáng lóe lên liền thấy đường đi. Nếu

là người đã hoàn thành công việc, đã vượt qua biển khổ, thì chỉ nghĩ như vậy: Sao Đức Thế Tôn diệt độ mau chóng như vậy?”.

*** Luận nêu:** *Phân biệt người chưa nhập chứng pháp trên hết:*
Có ba thứ phân biệt làm rõ chỗ chưa chứng nhập pháp tối thượng.

(1) Đối với đệ hữu tác, trong khi tu tập, là chưa ngộ nhập được pháp trên hết. Như kinh nói: “Ở trong chúng này, người chưa làm xong công việc, thấy Phật diệt độ sẽ có nhiều cảm động, xót thương”.

(2) Đối với đệ vô tác, trong khi kiến đạo, mau chóng đạt được quyết định, chỉ rõ phần pháp tu tập không đồng. Pháp tối thượng càng thêm cách xa. Như kinh nói: “Nếu có người mới vào pháp, nghe Phật giảng nói tức đều được độ”. Lại còn dùng thí dụ để chỉ rõ nghĩa mau chóng quyết định khi kiến đạo, nên biết. Như kinh nói: “Ví như đi trong đêm tối, thấy làn chớp sáng lóe lên liền thấy đường đi”.

(3) Ở trong đạo vô học và hành không dụng công là hai thứ trái nhau, nên đối với cảnh giới của pháp tối thượng còn có chút nghi ngờ. Lại có nghĩa khác: Là từ trong tự địa đều thấy Đức Phật diệt độ mau chóng. Như kinh nói: “Nếu là người đã hoàn thành công việc, đã vượt qua biển khổ, thì chỉ nghĩ như vậy: Sao Đức Thế Tôn nhập diệt mau chóng như vậy?”.

Tiếp theo: Là nói đến việc đoạn trừ các thứ nghi ngờ.

*** Kinh nói:** “*Tôn giả A-nậu-lâu-đa tuy nói trong đại chúng thấy đều thấu tỏ về nghĩa của bốn Thánh đế, nhưng Đức Thế Tôn muốn khiến cho đại chúng này đều được tâm tin kiên cố, nên đem tâm đại bi lại vì đại chúng nêu rõ: Tỳ-kheo các thầy chớ nên giữ lấy điều buồn sầu. Nếu Ta trụ nơi đời một kiếp thì hội ngộ cũng sẽ diệt. Hội ngộ mà không lìa là điều hoàn toàn không thể được. Pháp lợi mình và lợi người, Ta đều giảng nói đầy đủ. Nếu Ta trụ lâu hơn thì*

cũng không ích gì. Những người đáng được độ, hoặc trên cõi trời hay ở nhân gian thấy đều đã độ. Những người chưa được hóa độ đều cũng đã tạo nhân duyên để được hóa độ. Từ nay trở về sau, các đệ tử của Ta lần lượt hành trì như lời Ta dạy, tức là Pháp thân của Như Lai thường trụ không diệt”.

*** Luận nêu:** Ở đây, đoạn trừ phần nghi: Là đoạn trừ phần nghi hơn hẳn kia, ở trong tự địa trước đã thành tựu. Như kinh nói: “Tôn giả A-nậu-lâu-đà tuy nói trong đại chúng thấy đều thấu tỏ về nghĩa của bốn Thánh đế”.

Lại khiến thành tựu pháp hơn hết nên đối với chỗ chứng đắc rốt ráo là không thoái chuyển. Tâm bi ấy của Đức Như Lai là vô cùng tốt đẹp, đã không giữ lấy pháp tối thượng. Như kinh nói: “Nhưng Đức Thế Tôn muốn khiến cho đại chúng này đều được tâm tin kiên cố, nên đem tâm đại bi lại vì đại chúng nêu rõ”.

Nói như thế nào? Nói về công đức của hữu vi, tự tha cùng diệt.

Tự, tha là sự khác biệt giữa người nói và người nghe. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy chớ nên giữ lấy điều buồn sâu. Nếu Ta trụ nơi đời một kiếp thì hội ngộ cũng sẽ diệt. Hội ngộ mà không lia là điều hoàn toàn không thể được”.

Lại nói về pháp môn thường trụ không diệt. Như kinh nói: “Pháp lợi mình và lợi người, Ta đều giảng nói đầy đủ”.

Lại nói về sự việc lợi tha đã trọn vẹn không còn hành tác. Như kinh nói: “Nếu Ta trụ lâu hơn thì cũng không ích gì”.

Lại nói các sự việc tự lợi trong toàn bộ đại chúng, cũng đã trọn vẹn không còn làm gì nữa. Như kinh nói: “Những người đáng được độ, hoặc trên cõi trời hay ở nhân gian, thấy đều đã độ”.

Lại nói về người chưa tu tập. Nương vào pháp môn không diệt có thể tạo nên nhân duyên để được hóa độ. Như kinh nói: “Những

người chưa được hóa độ đều cũng đã tạo nhân duyên để được hóa độ”. Còn có nghĩa khác: Ở trong pháp tối thượng chưa được hóa độ thì dựa nơi pháp môn thường trụ cũng được độ.

Lại nói về công đức không hoại của trụ trì, trong đó có hai thứ: (1) Trụ trì trong phần nhân thường tu tập không hoại, tu tập không dứt. Như kinh nói: “Từ nay trở về sau, các đệ tử của Ta lần lượt hành trì như lời Ta dạy”. (2) Trụ trì trong phần quả thường hiển bày không hủy hoại. Như kinh nói: “Tức là Pháp thân của Như Lai thường trụ, không diệt”. Công đức không hoại của hai thứ trụ trì này là chỉ rõ pháp tối thượng có thể đoạn trừ nghi, nên biết.

Tiếp theo: Là nói lần nữa về tướng vô thường của công đức hữu vi.

** Kinh nói:* “*Vì vậy nên biết thế gian đều là vô thường, hội họp tất có chia lìa, chớ nên mang giữ điều sâu nã. Tướng của thế gian là như thế. Nên siêng năng tinh tấn, sớm cầu giải thoát. Dùng ánh sáng của trí tuệ diệt trừ các thứ si ám. Thế gian thật sự là nguy khó, mong manh, không vững chắc. Nay Ta được diệt độ, như trừ bỏ bệnh ác. Đây là vật của tội lỗi nên từ bỏ, giả gọi là thân, luôn chìm nhập trong biển cả sinh, già, bệnh, chết. Người có trí nào được diệt trừ, như giết giặc oán mà không hoan hỷ*”.

** Luận nêu:* Ở đây vì sao đã nói lần nữa về tướng vô thường là công năng của hữu vi?

Tức chỉ rõ ở xứ này khuyên tu tập hành sinh chán lìa thế gian. Ở trong tướng hữu vi đạt được giải thoát. Như kinh nói: “Vì vậy nên biết thế gian đều là vô thường, hội họp tất có chia lìa, chớ nên mang giữ điều sâu nã. Tướng của thế gian là như thế. Nên siêng năng tinh tấn, sớm cầu giải thoát”.

Lại chỉ rõ việc thành tựu quán như thật về vô ngã, có thể diệt trừ cội rễ của chấp ngã và chấp ngã sở. Như kinh nói: “Dùng ánh sáng

của trí tuệ diệt trừ các thứ si ám”. Vì các pháp như âm v.v... đúng là không thật. Như kinh nói: “Thế gian thật sự là nguy khó, mong manh, không vững chắc”.

Lại nêu bày Đức Như Lai là bậc Đại sư vượt qua thế gian, vì đã xác nhận điều đáng lo sợ. Như kinh nói: “Nay Ta được diệt độ, như trừ bỏ bệnh ác”.

Lại nói điều dị biệt, là tướng của tai họa đáng chán lia, chỉ trí tuệ mới có thể diệt trừ, chỉ rõ khuyên tu tập trí để đối trị dứt trừ đạt được pháp không đối hiện tiền. Như kinh nói: “Đây là vật của tội lỗi nên từ bỏ, giả gọi là thân, luôn chìm nhập trong biển cả sinh, già, bệnh, chết. Người có trí nào được diệt trừ, như giết giặc oán mà không hoan hỷ”.

Sau đây là nói đến **phần 7: Vô ngã thanh tịnh, lia các thứ tự tánh**.

* **Kinh nói:** “Tỳ-kheo các thầy, thường nên nhất tâm, siêng cầu đạo xuất ly. Tất cả các pháp động và không động của thế gian đều là tướng suy hoại hư nát, không an. Các thầy nên im lặng, đừng nói lời nào nữa, thì giờ đang qua, Ta sắp diệt độ. Đây là lời dạy khuyên cuối cùng của Ta”.

* **Luận nêu:** Ở đây, các thứ tự tánh: Là ở trong pháp năm âm đã tạo ra đủ thứ tai họa của kiến chấp, nên vọng tưởng về tự tánh là chướng ngại. Đối trị chướng này, như kinh nói: “Tỳ-kheo các thầy, thường nên nhất tâm”.

Lại do nhất tâm là tuệ như thật khó có thể đạt được. Như kinh nói: “Siêng cầu đạo xuất ly”.

Lại chỉ rõ, ngoại trừ tuệ như thật, thì các pháp tương đối hiện có đều là vô thường, chỉ rõ về các pháp như danh, tướng, nên biết. Như kinh nói: “Tất cả các pháp động và không động của thế gian đều là tướng suy hoại hư nát, không an”. Động, không động ở đây là sự sai biệt của tướng tĩnh, loạn nơi ba cõi.

Vô ngã thanh tịnh: Là chỉ rõ sự vắng lặng sâu diệu trong pháp tịch diệt. Như kinh nói: “Các thầy nên im lặng v.v...”.

Nên im lặng, đừng nói lời nào nữa: Là chỉ rõ khuyên ba nghiệp không động.

Sự tịch diệt này: Là pháp khí tương ưng với vô ngã.

Lời dạy khuyên cuối cùng: Là chính thức hiển bày về nghĩa Di giáo. Nghĩa Di giáo này ở trong pháp trụ trì là tối thắng, vì đây là những lời Di giáo sau cùng.

HẾT

SỐ 1530/7
LUẬN KINH PHẬT ĐỊA

*Tác giả: Luận sư Thân Quang.
 Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.
 Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 1

*** Kệ nói:**

*Đánh lễ phước điền quý vô thượng
 Ba thân, hai đế, chúng một thừa
 Nay còn tùy lực tạo Luận này
 Để pháp trụ lâu cứu quần sinh.
 Xem ý các Sư, con đã tịnh
 E trí kém khác chưa thể thông
 Vì khiến thanh tịnh sinh đức thắng
 Nên con lược giải Địa Mâu-ni.*

* **Luận nêu:** Kinh Phật Địa gồm đủ Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, lìa phiền não chướng và sở tri chướng. Đối với hết thầy tướng của tất cả pháp đều có thể tự mở bày giác ngộ, cũng có khả năng mở bày giác ngộ cho hết thầy hữu tình. Như người ngủ với mộng vừa tỉnh giấc, như hoa sen vừa nở, nên gọi là **Phật Địa**. Nghĩa là các đối tượng được nương dựa, hành trì, thâm giữ, tức là nói đến sự thọ dụng hòa hợp một vị của Trí đại viên cảnh, Trí bình đẳng tánh,

Trí diệu quan sát, Trí thành sở tác trong pháp giới thanh tịnh. Đó là những gì Phật đã nương dựa, đã hành trì, đã thâm giữ, nên gọi là **Phật Địa**. Có khả năng xuyên suốt, gồm thâm, nên gọi là **Kinh**. Do Thánh giáo của Phật đều xuyên suốt thâm giữ về nghĩa nên thuyết giảng về chúng sinh được hóa độ. Nên biết ở đây tuyên thuyết về Phật địa nhằm đem lại lợi ích cho hữu tình. Dựa vào nghĩa của đối tượng được giảng giải, gọi là **Kinh Phật Địa**, như Kinh Duyên Khởi, như Luận Tập Bảo.

Lược nói về nghĩa được gồm thâm nơi Kinh này: Là hiển bày về Phật địa của Đức Thế Tôn với *công đức viên mãn, quyền thuộc viên mãn, an lập Phật địa viên mãn, có năm pháp thọ dụng chung riêng hòa hợp thành một vị, sự trí dựa vào pháp giới thanh tịnh, gồm đủ các công đức nơi ba thân có sai biệt*. Đây là thứ lớp chỉ rõ Như Lai ngự nơi *xứ như thế, đầy đủ đức như thế, chúng như thế* cùng an lập. Nghĩa của địa như thế là có sai biệt.

Xứ như thế: Là *tịnh độ của Phật*, tức là mười tám thứ cung điện rộng lớn, trang nghiêm viên mãn.

Đức như thế: Là hai mươi một thứ *công đức thù thắng của Phật*, Thế Tôn.

Chúng như thế: Là vô số lượng các chúng *Đại Thanh văn, Ma-ha-tát*, đều thành tựu vô số công đức vi diệu.

Nghĩa riêng của Địa: Là Địa Đại giác có *năm pháp thọ dụng chung, riêng hòa hợp một vị* v.v... Phần sau sẽ nói rộng.

Trong Kinh này tổng quát có 3 phần:

Phần 1: Nhân duyên khởi giáo.

Phần 2: Thánh giáo được thuyết giảng.

Phần 3: Y theo giáo pháp phụng hành.

Phần chung: Là hiển bày về thời gian đã nghe pháp cùng giáo pháp khởi sự. *Phần riêng*: Là làm rõ về giáo chủ và nơi chốn khởi lên giáo pháp.

Giáo pháp đã bao gồm đủ căn cơ, tức là các nhân duyên đã có được để khởi lên giáo pháp, nên gọi là phần *Nhân duyên khởi giáo*. Chính thức hiển bày về Thánh giáo được thuyết giảng với pháp môn, phẩm loại khác nhau, nên gọi là phần *Thánh giáo được thuyết giảng*. Hiển bày, bấy giờ đại chúng nghe Thánh giáo của Phật đều hoan hỷ phụng hành, nên gọi là phần *Y theo giáo pháp phụng hành*.

*** Kinh nói:** “*Tôi nghe như vậy: Một thời, Đức Bạc-già-phạm v.v...*”.

*** Luận nêu:** *Tôi nghe như vậy*: Là hiển bày chung về điều đã nghe. Là lời nói của người truyền lại giáo pháp của Phật: Sự việc như thế, tôi từ trước từng nghe như vậy. Nói chung dựa vào bốn nghĩa để chuyển. *Những gì là bốn nghĩa?*

- (1) Dựa vào ví dụ.
- (2) Dựa vào lời dạy răn.
- (3) Dựa vào sự hỏi đáp.
- (4) Dựa vào sự chấp thuận.

Dựa vào ví dụ, như có người nói: “Giàu sang như thế, như Thiên vương Tỳ-sa-môn”.

Dựa vào lời dạy răn, như có người nói: “Ông nên đọc tụng Kinh, Luận như thế v.v...”.

Dựa vào sự hỏi đáp, như có người nói: “Tôi nghe như vậy, tuyên thuyết như vậy”.

Dựa vào sự chấp thuận, như có người nói: “Tôi sẽ vì ông tư duy như thế, hành tác như thế, nêu bày như thế”. Hoặc khi tin tưởng thì có thể nói: “Việc này có nghĩa như thế”.

Ở đây, *chỉ dựa vào sự chấp thuận*: Nghĩa là khi kết tập, các chúng Bồ-tát đều có lời thỉnh: “Nhu những gì thầy đã nghe, nên nói như thế”. Bồ-tát truyền pháp nên chấp thuận lời nói kia.

Nhu thế nên nói: “Nhu những gì tôi đã nghe”. Lại nói như thế là tin có thể thẩm định. Nghĩa là pháp như thế, trước kia tôi đã từng nghe, sự việc này là như thế. Ngang với đây nên nói, nhất định không có khác.

Nghĩa *Có* ở đây cũng dựa vào hỏi đáp. Nghĩa là có người hỏi: “Điều ông sẽ nói, trước đây nhất định đã nghe, phải vậy chăng?”, nên người này đáp: “Tôi nghe như thế”.

Nghĩa *Có* ở đây dựa chung nơi bốn thứ: *Dựa vào ví dụ*: Nghĩa là chỗ nói sẽ theo câu văn như thế: “Nhu tôi trước đây đã nghe”. *Dựa vào lời dạy răn*: Nghĩa là khi nói với chúng nên nghe những điều trước đây tôi đã nghe như thế. *Phần còn lại*: Như trước đã nói.

Tôi nghĩa là các uẩn giả hợp của thể tục. *Nghe* nghĩa là nhĩ căn phát sinh thức nghe nhận. Vì bỏ cái riêng, dựa theo cái chung, nên nói là *Tôi nghe*.

Có nghĩa: Là bản nguyện từ bi của Như Lai với duyên lực tăng thượng. Nghe nghĩa là nhận biết về văn nghĩa trên cùng sinh. Tướng của văn nghĩa này tuy trực tiếp dựa vào lực căn thiện của chính mình phát khởi, nhưng căn cứ theo duyên phát triển mạnh, tức gọi là Phật nói. Do lực của nhĩ căn từ tâm biến hiện, nên nói là *Tôi nghe*.

Có nghĩa: Người nghe là căn thiện nơi bản nguyện với duyên lực tăng thượng. Đức Như Lai nhận biết văn nghĩa trên cùng sinh. Tướng của văn nghĩa này là sự phát khởi từ căn thiện lợi tha của Đức Phật, gọi là Phật nói. Người nghe, tâm thức tuy không thủ đắc, nhưng do tướng kia hiển hiện rõ ràng, nên nói là *Tôi nghe*.

Nên biết, nói: “*Tôi nghe như vậy*” ý là nhằm tránh lỗi lầm của phần tăng giảm đối khác. Nghĩa là pháp như thế, tôi được nghe từ Đức

Phật, không phải do người khác lần lượt chỉ rõ. Người nghe có đủ khả năng nhận lãnh, nên những gì đã được nghe đều lìa lỗi lầm của phần tăng giảm đối khác, không phải như hàng ngu tối, không đủ năng lực nên những gì được nghe là không thể lìa phần tăng giảm đối khác.

Khi kết tập giáo pháp, truyền lại lời Phật dạy, dựa nơi lời giáo huấn của Đức Như Lai, nên đầu tiên là nói lời này, vì nhằm khiến cho đại chúng sinh cung kính, tin nhận.

Nói pháp như thế thì từ Đức Phật được nghe văn nghĩa quyết định không tăng giảm. Vì thế người nghe nên lãnh hội đúng đắn rồi, tư duy như lý, phải siêng năng tu học.

Một thời: Là nói về thời gian nghe pháp. Đây là căn cứ vào sát-na nối tiếp nhau không dứt. Nói nghe rớt ráo nên gọi chung là *Một thời*. Nếu không như thế thì những chữ, danh từ, câu văn v.v... lúc nói và nghe sẽ khác.

Thế nào gọi là Một thời? Người có thể nói là người đã chứng đắc Đà-la-ni, nghĩa là ở trong một chữ, nơi một sát-na, có thể nhận giữ, có thể nêu bày tất cả pháp môn. Hoặc người có thể nghe, là người có được nhĩ căn thanh tịnh, nơi một sát-na, khi nghe một chữ, thì đối với tất cả các chữ khác đều không chướng ngại, đều có thể lãnh nhận, nên gọi là Một thời. Hoặc cùng gặp gỡ thì thời gian không khác biệt, nên gọi là Một thời. Tức là nói và nghe, cùng có nghĩa là gặp gỡ nhau đồng một thời gian. Thời tức là phần vị giả lập trên pháp hữu vi, hoặc là phần vị trên tâm, vì giả lập chung như ảnh tượng dựa nơi sắc tâm v.v... là thuộc về hành uẩn không tương ưng.

Vì sao không hiển bày riêng như nơi xứ tiếp sau v.v... mà chỉ nói Một thời? Vì thời gian của ngày đêm nơi các phương không cố định, nên không thể nói riêng. Lại, vì nghĩa không cố định, hoặc một sát-na, hoặc lại nối tiếp, không thể nói cố định. Thế nên theo tướng chung chỉ nói là Một thời.

Bạc-già-phạm: Từ này dựa nơi sáu nghĩa để chuyển. *Những gì là sáu nghĩa?*

- (1) Nghĩa tự tại.
- (2) Nghĩa sáng rực.
- (3) Nghĩa đoan nghiêm.
- (4) Nghĩa danh xưng.
- (5) Nghĩa an lành.
- (6) Nghĩa tôn quý.

Như có Tụng nói:

*Tự tại, sáng rực cùng đoan nghiêm
Danh xưng, an lành và tôn quý
Sáu thứ nghĩa sai biệt như thế
Nên biết gọi chung là Bạc-già.*

Như vậy, tất cả Như Lai đều có đủ Nhất thiết chủng, đều không lìa nhau. Thế nên Như Lai gọi là *Bạc-già-phạm*.

Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là các Đức Như Lai vĩnh viễn không còn hệ thuộc nơi các phiền não nên đầy đủ *Nghĩa tự tại*. Lửa trí tỏa sáng, đốt cháy hết các thứ phiền não, nên gồm đủ *Nghĩa sáng rực*. Do được trang nghiêm với ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ, nên gồm đủ *Nghĩa đoan nghiêm*. Do tất cả công đức thù thắng đều viên mãn, không gì là không biết, nên đầy đủ *Nghĩa danh xưng*. Do tất cả thế gian đều gần gũi cúng dường, khen ngợi, nên có đủ *Nghĩa an lành*. Do đủ tất cả đức, thường khởi phương tiện tạo lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, không hề biếng trễ, nên gồm đủ *Nghĩa tôn quý*. Hoặc có khả năng phá trừ bốn thứ ma oán nên gọi *Bạc-già-phạm*. Bốn thứ ma oán là ma phiền não, ma uẩn, ma chết và ma Tự Tại thiên.

Phật có đủ mười thứ danh hiệu công đức. Vì sao Đức Như Lai dạy về việc truyền pháp, nơi phần đầu của tất cả kinh, chỉ để danh

hiệu *Bạc-già-phạm* như thế? Nghĩa là thế gian đều tôn trọng một danh hiệu này. Các ngoại đạo đều xưng danh hiệu của Bốn sư là Bạc-già-phạm (Thế Tôn). Lại, một danh hiệu này đã gồm thâu chung các đức, các danh hiệu khác thì không như thế. Vì vậy phần đầu nơi các kinh đều đề danh hiệu này.

Về đức của Bạc-già-phạm: Phần sau sẽ nói rộng.

* **Kinh nói:** “*An trụ nơi chốn do bảy báu trang nghiêm tỏa sáng rực rỡ, phóng ra hào quang lớn soi chiếu khắp tất cả vô biên thế giới, vô lượng phương sở đều được tô điểm hiện bày đủ các vẻ đẹp, trong một chu vi bao gồm không giới hạn, số lượng khó lường. Vượt quá nơi chốn hành tác của ba cõi, hơn hẳn căn thiện xuất thế gian đã dấy khởi. Thức thanh tịnh tự tại tột cùng làm tướng Như Lai đều hiện đủ.*”

Các chúng Đại Bồ-tát đã vân tập, vô lượng chúng trời, rồng, người, phi nhân v.v... thường theo hộ vệ. Pháp vị rộng lớn luôn vui thích gìn giữ, tạo ra tất cả nghĩa lợi cho các chúng sinh. Diệt trừ hết thảy trôi buộc cấu uế nơi tai họa của các phiền não, xa lìa các ma.

Nơi chốn nương dựa của Như Lai trang nghiêm vượt quá các thứ trang nghiêm khác. Hành niệm tuệ lớn dùng làm đường du hóa. Chỉ lớn, Quán diệu dùng làm xe cộ vận hành. Ba nẻo giải thoát là Đại không, vô tướng, vô nguyện làm cửa vào. Do vô lượng các công đức dùng để trang nghiêm được kiến lập bằng các thứ hoa chủa báu lớn trong cung điện lớn”.

* **Luận nêu:** Đây là hiển bày: **Trụ xứ viên mãn của Đức Như Lai**, nghĩa là **Tịnh độ của Phật**. Tịnh độ này lại do mười tám sự viên mãn, nên gọi là viên mãn. Nghĩa là: *Hiển sắc viên mãn. Hình sắc viên mãn. Phần lượng viên mãn. Phương sở viên mãn. Nhân viên mãn. Quả viên mãn. Chủ viên mãn. Phụ trợ viên mãn. Quyển thuộc viên mãn. Trụ trì viên mãn. Sự nghiệp viên mãn. Thâu giữ lợi ích viên*

mãn. Vô úy viên mãn. Trụ xứ viên mãn. Đường đi viên mãn. Sự vận hành viên mãn. Cửa vào viên mãn. Nương giữ viên mãn.

Do *mười chín* câu theo thứ lớp trên đã làm sáng tỏ *mười tám thứ viên mãn* như thế. Tức sự viên mãn này được dùng để trang nghiêm cung điện gọi là Tịnh độ của Phật. Đức Phật đang trụ trong cung điện lớn như thế để giảng nói Khế kinh này.

Thọ dụng biến hóa trong hai cõi Phật. Nay, Tịnh độ này là thuộc về cõi nước nào? Giảng nói kinh này Phật dùng thân nào?

Có nghĩa: Cõi nước này thuộc về cõi nước được biến hóa. Giảng nói kinh này, Phật dùng thân biến hóa. Các chúng như Thanh văn v.v... đều ở trong cõi nước ấy, hiện đối diện trước Đức Như Lai để nghe giảng nói kinh ấy, hoan hỷ tin nhận và phụng hành.

Những gì do tâm Phật biến hiện vượt khỏi ba cõi, Thức thanh tịnh là tướng, vì giảng nói pháp thù thắng nhằm giáo hóa các loài hữu tình thuộc hàng trước địa này, khiến họ đều vui thích hành trì nhân kia, nên Đức Như Lai tạm hóa làm cõi Phật thanh tịnh. Hóa thân thắng diệu, dùng thần lực gia bị đại chúng khiến họ tạm được trông thấy. Nếu không như thế thì các chúng như Thanh văn v.v... tức nên đều không trông thấy.

Có nghĩa: Cõi nước ấy thuộc về cõi thọ dụng. Phật giảng nói kinh này là thân thọ dụng. Dung lượng của Tịnh độ này là không biên vực, nên các cửa, đường đi, sự vận hành v.v... là đức chân thật.

Thọ dụng cõi Phật thanh tịnh như thế là hoàn toàn tịnh diệu, hoàn toàn an lạc, hoàn toàn không tội và hoàn toàn tự tại. Các xứ khác đã nói đến.

Kinh Giải Thâm Mật nói: Từ ba Địa trở lên mới được sinh vào. Giảng nói kinh này, Phật nói đầy đủ hai mươi một thứ công đức chân thật, nên về sau, khi thuyết giảng kinh khác không liệt kê các công đức của Phật như vậy.

Nếu tạm hóa làm tịnh độ như thế, diêu thân như thế, gia bị cho chúng khiến họ trông thấy, nên như ở kinh khác, hiện nói phân minh nhưng không nói đến cõi nước thọ dụng và thân thọ dụng ấy, nên các chúng như Thanh văn v.v... là do Phật hóa ra, hoặc các Bồ-tát hóa hiện làm thân này.

Cõi Phật trang nghiêm vì đây là hội giảng nói pháp. Nếu như thế thì đây là hàng Bồ-tát trên địa đã ứng hiện để nghe thấy. Do đâu lại kết tập, lưu hành và truyền pháp cho Bồ-tát trong cõi Phật được biến hóa ấy? Là do Đức Như Lai muốn thị hiện là bậc Nhất thiết trí và trụ xứ là vượt quá tất cả pháp thế gian. Thị hiện như thế là nhằm khiến cho chúng sinh được giáo hóa càng vui thích, để họ phát nguyện sẽ được sinh về cõi Phật thanh tịnh như thế, sẽ được trông thấy Phật như thế, nghe pháp như thế. Vì tu tập nhân đó nên hữu tình phát sinh được thắng giải rộng lớn, và các Bồ-tát đều vô cùng hoan hỷ. Vì muốn cho ý lạc tăng thượng thắng giải về cảnh giới vững chắc, nên kết tập và lưu hành rộng khắp.

Lại, pháp ấy là hơn hẳn so với cõi này nên cần nghe. Tuy nhiên xứ sở không thù thắng và tướng hóa thân thô thì không thể diễn nói.

Vì vậy nên thân thọ dụng cư trú trong cõi thọ dụng, vì các Bồ-tát trên Địa thứ nhất giảng nói, khiến người truyền pháp, kết tập và lưu thông. Nếu như thế thì do đâu không chỉ nói mỗi Phật đã giảng nói pháp? Do nếu không nói đến nơi chốn và chủ thể thuyết giảng pháp thì không nhận biết được pháp này là ở nơi xứ nào, do ai nói, sợ tất cả sinh nghi nên cần nói đủ.

Về nghĩa như thật: Là khi Đức Thích-ca Mâu-ni giảng nói kinh này, đại chúng thuộc hàng trước địa trông thấy thân biến hóa của Đức Phật đang ở nơi cõi nước uế trước này giảng nói pháp cho họ, còn đại chúng thuộc hàng trên địa lại trông thấy thân thọ dụng của Phật đang ở cõi nước thanh tịnh, vì họ nên giảng nói pháp. Tuy pháp được nghe là như nhau, nhưng Phật được trông thấy thì khác biệt. Dù cùng hoan

hỷ, tin nhận phụng hành, nhưng sự lãnh hội có cạn sâu, nên nẻo hành đều khác. Nhưng người truyền pháp vì nhằm khiến cho chúng sinh được nghe pháp, khởi nguyện ước thù thắng siêng năng tu tập nhân kia, sẽ được sinh nơi tịnh độ, chứng đắc các công đức của Phật. Thế nên, dựa theo chỗ hơn hẳn đã được trông thấy rồi kết tập và nói Đức Bạc-già-phạm trụ nơi xứ sở tối thắng v.v... cho đến nói rộng về công đức của Như Lai.

An trụ nơi chốn do bảy báu trang nghiêm tỏa sáng rực rỡ: Nghĩa là cung điện lớn, dùng bảy báu với ánh sáng rực rỡ hơn hết để trang nghiêm. Hoặc là cung điện lớn, do bảy báu trang nghiêm nên ánh sáng rực rỡ tối thắng. *Những gì là bảy báu?* (1) Vàng. (2) Bạc. (3) Phệ lưu ly. (4) Mâu-bà-lạc-yết-bà. (5) Át-thấp-ma-yết-bà. (6) Chân châu đỏ: Nghĩa là trùng đỏ xuất sinh gọi là chân châu đỏ. Hoặc vì thể của ngọc màu đỏ nên gọi là chân châu đỏ. (7) Yết-kê-đát-nặc-ca. Căn cứ theo chỗ được quý trọng ấy nên nói là bảy báu. Thực sự thì Tịnh độ kia có vô lượng thứ báu diệu trang nghiêm tạo nên sự đẹp đẽ, không phải là điều thế gian có thể nhận biết.

Phóng ra hào quang lớn soi chiếu khắp tất cả vô biên thế giới: Nghĩa là từ nơi cung điện lớn, phóng ra hào quang lớn, soi chiếu khắp tất cả vô biên thế giới. Hoặc là thể của cung điện lớn đó hiện hữu khắp vô biên thế giới, nên phóng ra hào quang lớn soi chiếu khắp tất cả.

Do hai câu này hiển bày Tịnh độ của Phật là *Hiển sắc viên mãn*.

Tịnh độ như thế với ***Hiển sắc viên mãn***, còn Hình lượng thì thế nào? *Vô lượng phương sở đều được tô điểm hiện bày đủ các vẻ đẹp:* Nghĩa là cung điện lớn được tô điểm hết sức đẹp đẽ bày ra khắp vô lượng phương sở. Hoặc là nơi cung điện lớn có vô lượng phương sở vô cùng đẹp đẽ được hiện bày.

Nói vô lượng: Hoặc số lượng là vô lượng, hoặc xứ sở là vô lượng. Như tuệ là thứ tô điểm trước hết để sắp đặt bày biện, thế nên gọi là sự tô điểm vô cùng đẹp để được hiện bày.

Thế nào là cõi Phật do tâm tịnh làm tướng? Tức cõi nước ấy không phải do các thứ vật dụng công sức bên ngoài theo thợ thế gian tạo thành mà có.

Như thế, như tuệ là thứ tô điểm trước hết để sắp đặt bày biện. Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn xưa kia khi còn là Bồ-tát, đã phát khởi tuệ phương tiện thiện xảo. Như thế, như thế, gia hạnh thế nguyện trang nghiêm cõi Phật. Do uy lực của thế nguyện được gia hạnh từ trước, nên ở trong quả vị tuy không có giác tuệ về hý luận như xưa, nhưng do thức thanh tịnh của Phật đã biến hiện như thế, cũng khiến cho Bồ-tát nhận biết về sự biến hiện như vậy, nên không mâu thuẫn.

Xứ khác cũng nên dựa nơi lý này để nói.

Tịnh độ như thế với **Hình sắc viên mãn**, còn về Phần lượng thì thế nào? Là *chu vi không giới hạn, số lượng khó lường*: Nghĩa là phần lượng của cung điện lớn ấy, chu vi không biên vực, nên khó có thể đo lường. Hoặc là phần lượng của cung điện lớn ấy là không biên vực, nên chu vi là khó đo lường. Lại nữa, phần vị của các phương như phương Đông v.v... là không đồng, nên có các hình tướng dài, ngắn v.v... khó có thể đo lường.

Có nghĩa: Là thân và cõi thọ dụng của Đức Như Lai đều thuận theo chỗ thích nghi của chúng sinh đã được giáo hóa mà hiện bày, hoặc lớn hoặc nhỏ, về lượng không nhất định. Tuy hóa hiện phần lượng rộng lớn, nhưng cũng có biên vực. Nhưng căn cứ theo trí của hàng Bồ-tát trước địa nên nói là không biên vực, phần lượng ấy là khó đo lường.

Có nghĩa: Là thân và cõi thọ dụng của Đức Như Lai trải qua ba vô số kiếp đã tu tập vô biên căn thiện, nên đã chiêu cảm hiện bày

khấp pháp giới. Các Bồ-tát trên địa và chư Như Lai cũng không thể lường được phần lượng có biên vực đó, do vô biên nên như thời gian vô thủy.

Về nghĩa như thật: Là thân và cõi thọ dụng của Phật lược có 2 thứ:

(1) Tự thọ dụng: Là chư Như Lai trải qua ba vô số kiếp, đã tu tập vô biên căn thiện, nên chiêu cảm hiện bày khắp pháp giới, là tự thọ dụng pháp lạc lớn. Từ khi mới chứng đắc quả vị Phật, cho đến tận cùng biên vực vị lai, luôn nối tiếp không biến đổi, như các công đức của Phật, các Đại Bồ-tát cũng không thể thấy, chỉ có thể được nghe. Tịnh độ như thế, do vô lượng nên chư Phật tuy trông thấy, cũng không thể lường xét về phần lượng có biên vực ấy.

(2) Tha thọ dụng: Nghĩa là chư Như Lai vì khiến các chúng Bồ-tát hàng trên địa đều thọ nhận pháp lạc lớn, tiên tu các hành thù thắng, nên tùy nghi hóa hiện, hoặc hơn, hoặc kém, hoặc lớn, hoặc nhỏ, thay đổi không định như cõi nước biến hóa. Tịnh độ như thế, do có biên vực nên các Bồ-tát trên địa và chư Như Lai đều lường xét được về phần lượng, song căn cứ theo hàng trước địa mà nói thì không thể đo lường.

Do hai thứ sai biệt ấy, nên nói chu vi là không giới hạn, số lượng là khó lường.

Tịnh độ như thế với **Phần lượng viên mãn** là ở trong ba cõi hay là không phải? Do *vượt quá nơi chốn hành tác của ba cõi*: Nghĩa là cung điện lớn này về xứ sở, phương vực đều vượt quá nơi chốn hành tác của ba cõi, không phải như tự địa trong ba cõi còn chấp các ái là sở hữu của mình, là đối tượng duyên tương ưng với hai thứ trói buộc ấy tùy tăng, là quả dị thực và quả tăng thượng kia.

Tịnh độ như thế, không phải là chỗ chấp thọ của ái thuộc ba cõi, nó lìa hai thứ trói buộc nêu trên nên không phải là quả dị thực,

quả tăng thượng kia. Như Niết-bàn v.v... là đã vượt quá địa của quả dị thực nơi ba cõi.

Nếu như thế thì tịnh độ không phải thuộc về ba cõi, nên là vô lậu. Nếu là vô lậu thuộc về hữu vi, tức là đạo đế, nên là tánh thiện vì sao còn được dùng sắc, thanh, hương v.v... làm thể tánh? Do mười tám giới, mười lăm hữu lậu, tám vô ký v.v... đã nói ở xứ khác.

Có nghĩa: Mười tám giới là chung cho cả hữu lậu và vô lậu, đều có tánh thiện. Tuy nhiên, căn cứ vào tướng thô tương tự thuộc cảnh giới của hàng Nhị thừa, nên nói trong mười tám giới có mười lăm thứ hữu lậu và tám thứ vô ký v.v...

Có nghĩa: Tịnh độ là do tâm định biến hiện, nên tuy có sắc v.v... trông giống như tướng của mười tám giới, nhưng không phải thuộc về mười tám giới, không phải là năm thức của các thế gian đạt được. Như các màu sắc xanh, vàng v.v... là đối tượng duyên của biến xứ đều là sắc tự tại được sinh.

Đã thuộc về pháp giới nên tịnh độ tuy có dùng sắc v.v... làm thể tánh, nhưng vì đều là thiện vô lậu, nên cũng không trái nhau.

Nếu như thế thì năm thức của Bồ-tát không duyên nơi cõi thọ dụng chăng? Tuy dựa vào lực của tâm do tự thức đối khác, nhưng do tướng thô, diệu không giống nhau. Không phải các pháp thuộc về năm cảnh, năm thức của Như Lai không thể duyên được. Vì sự việc Phật duyên là do tác dụng tương tự của tâm, giả gọi là năm thức, thật sự không phải là năm thức, vì Như Lai luôn ở trong định. Có nơi khác giảng nói về thể của năm thức là sự tán loạn của tự tánh, vì chúng không có định.

Nếu như vậy thì cảnh giới tịnh độ không từ năm căn phát sinh chăng? Năm căn của Như Lai và sắc, thanh v.v... đều tương đồng, vì căn, cảnh do giả gọi là năm căn, và các cảnh như sắc v.v... đều do tâm định biến hiện nên thật là pháp giới tự tại sinh ra sắc.

Nếu như thế thì bốn trí tức nên không đồng thời, do không có cùng một lúc, một loại, lại có nhiều thức nơi một thân đấy khởi được thừa nhận, thì cũng đâu có lỗi?

Về nghĩa như thật: Thân và cõi nước của Như Lai là hết sức sâu xa vi diệu: Không phải có, không phải không, không phải là hữu lậu, cũng không phải là vô lậu, không phải thiện, không phải ác, cũng không phải là vô ký, không phải là các pháp môn thuộc về uẩn, giới v.v... chỉ tùy thuận nơi đối tượng được thích nghi mà nói có vô số thứ dị biệt.

Có xứ khác nêu: Trong mười tám giới có mười lăm thứ hữu lậu, tám thứ vô ký v.v... là chỉ căn cứ vào sự phân biệt về tướng thô nơi cảnh giới của hàng Nhị thừa, phàm phu, mà không căn cứ theo cảnh giới thâm diệu của chư Phật và Đại Bồ-tát.

Có xứ khác cho: Như Lai không phải thuộc về uẩn, xứ giới thật. Các thứ thiện v.v... hiện có đều là thị hiện, cho đến nói rộng.

Tịnh độ như thế là cùng đồng một nơi chốn với ba cõi hay là đều khác biệt?

Có nghĩa: Là đều khác biệt, như có nơi nói: Ở trên cõi trời Tịnh Cư. Có xứ nói: Ở phương Tây v.v...

Có nghĩa: Là đồng xứ. Tịnh độ bao gồm cùng khắp, không có biên vực, do hiện hữu khắp pháp giới.

Về nghĩa như thật: Thì cõi thọ dụng thật đều hiện bày khắp pháp giới, không nơi chốn nào là không có, nên không thể nói là lìa khỏi ba cõi, hay là ở trong ba cõi. Nếu tùy thuận chỗ thích nghi của Bồ-tát mà hóa hiện, thì hoặc ở trên trời Tịnh Cư của cõi Sắc, hoặc ở xứ sở như phương Tây, không nhất định.

Tịnh độ như thế với *Phương sở viên mãn* đã vượt quá địa của quả dị thực nơi ba cõi, như Niết-bàn v.v... nên không có nhân. Nếu có

nhân thì thuộc về ba cõi. Nếu nói Tịnh độ vượt quá ba cõi, tức trở lại có nhân của pháp vượt quá ba cõi.

Ở đây điều cần nên nói là tướng của Tịnh độ.

Thế nào là *hơn hẳn căn thiện xuất thế gian đã đầy khởi*? Nghĩa là cung điện lớn dùng căn thiện của trí không phân biệt xuất thế gian cùng trí hậu sở đắc làm nhân để được sinh khởi, không phải là không có nhân, không phải là do Đại Tự Tại thiên v.v... làm nhân. Vì sao Tịnh độ vượt quá ba cõi, nhưng dùng trí không phân biệt xuất thế gian và trí hậu sở đắc? Chỉ nói pháp thanh tịnh thế gian làm nhân dị thực, không nói cùng làm nhân dị thực cho thế gian thanh tịnh kia. Nhưng vì nhân khác mà dị thực nọ được sinh khởi. Như pháp Thế đệ nhất làm nhân trong phẩm Khổ pháp trí nhân. Ở đây, do trí xưa nay không phân biệt và trí hậu đắc là chủng tử của pháp thiện vô lậu trong ba vô số kiếp đã tu tập, khiến được tăng rộng. Vì tịnh độ này biến hiện nhân sinh trí không phân biệt gọi là xuất thế gian. Về sau, vượt qua được trước, nên gọi là dụng thù thắng, hơn hẳn căn thiện vô lậu xuất thế, vì đây là nhân sinh khởi. Hoặc Thánh đạo của các hàng Thanh văn, Độc giác gọi là xuất thế gian. Căn thiện của Như Lai vượt quá hàng Nhị thừa nên gọi là thù thắng. Tịnh độ của Phật này do căn thiện vô lậu trong thức của Như Lai làm nhân sinh khởi.

Có nghĩa: Chỉ là duyên tăng thượng sinh khởi, vì do pháp bên ngoài.

Có nghĩa: Cũng là do nhân duyên sinh khởi, vì gần gũi nên có thể sinh khởi. Nếu không như thế tức không có nhân duyên, do pháp bên ngoài cùng đối chiếu nên không phải là nhân duyên.

Tất cả pháp bên ngoài đều dùng pháp bên trong huân tập làm nhân. Nếu như thế thì pháp bên ngoài đã là cùng có, vì sao hữu tình đều có chủng tử riêng, cùng làm nhân duyên hợp sinh ra một quả?

Chớ nên dùng tâm nhỏ để lường xét pháp lớn. Vì vật bên ngoài đâu phải là do các cực vi hợp thành mà thật có thể tánh, do nhiều nhân cùng chiêu cảm, song là do thức khác của hữu tình đều biến hiện, đồng xứ tương tự nên không cùng tạo chướng ngại. Như các ngọn đèn sáng, như nhiều giác chiêm bao. Nhân giống nhau là tướng của quả đồng nên tương tự. Xứ sở không khác biệt, giả gọi là chung, nhưng thật sự đều có dị biệt.

Tịnh độ của chư Phật cũng lại như thế. Mỗi cõi Phật đều do thức riêng biệt biến hiện, đều hiện hữu khắp pháp giới, đồng xứ sở tương tự nên gọi là chung.

Tịnh độ như thế **Tướng nhân đã viên mãn**, còn tướng Quả thì thế nào? Dùng *thức thanh tịnh tự tại tột cùng làm tướng*. Nghĩa là cung điện lớn, tự tại tột cùng, dùng tâm vô lậu của Phật làm thể tướng, vì chỉ có thức, không phải là ngoài thức mà riêng có các thứ châu báu v.v... Tức là do tâm tịnh của Phật đã biến hiện giống các thứ châu báu như thế.

Như trước đã nói về tướng của cảnh giới. Như các biến xứ cố định, như nhập màu xanh v.v..., tướng do thức biến hiện, đây tức là Trí Đại viên cảnh của Như Lai tương ứng với thức thanh tịnh, do xưa kia Như Lai đã tu tập pháp vô lậu tạo lợi ích cho mình cùng lực của nhân duyên nơi chủng tử của Tịnh độ, nên nơi tất cả thời đều hiện bày khắp hết thủy xứ, không chờ tác ý mà tự nhiên biến hiện.

Các thứ châu báu trang nghiêm nơi cõi Phật thọ dụng cùng thân tự thọ dụng đã tạo nên nơi chốn nương dựa. Tu tập các pháp vô lậu tạo lợi ích cho người cùng lực của nhân duyên nơi chủng tử của Tịnh độ, tùy thuận chỗ thích nghi của Bồ-tát trên địa khác mà biến hiện Tịnh độ, hoặc nhỏ, hoặc lớn, hoặc hơn, hoặc kém cùng với thân tha thọ dụng tạo nên nơi chốn nương dựa. Nghĩa là tùy theo chỗ thích nghi của Bồ-tát Địa thứ nhất mà hóa hiện tướng nhỏ, biến hiện tướng

kém. Như thế, lần lượt cho đến mười Địa là lớn nhất, thù thắng nhất trong các địa. Đầu, giữa và sau v.v... cũng lại như thế.

Tịnh độ như thế *Tướng quả đã viên mãn*, còn về Chủ thì như thế nào? Vì đã có cung điện, nhất định phải có chủ để nương dựa, duy trì.

Trụ xứ chính của Như Lai là cung điện lớn, chư Phật - Thế Tôn là chủ, không phải là nơi chốn thù thắng khác, nên chỉ thuộc về Đức Thế Tôn, hoặc chính là Đức Thế Tôn trụ trì thân nhận, không phải là những ai khác có thể làm được.

Cõi nước tự thọ dụng tuy hiện bày khắp pháp giới, nhưng mỗi cõi nước đều tự biến hiện và đều tự làm chủ, không cùng ngăn ngại nhau.

Cõi nước tha thọ dụng tuy do chư Phật biến hiện nhưng một hợp tướng, cũng là một tướng thân thân nhận làm chủ, nên không cùng gây chướng ngại.

Tịnh độ như thế vị *Chủ đã viên mãn*, phải có người phụ giúp. Chủ tất thân nhận người phụ giúp, nên *các chúng Đại Bồ-tát đã vân tập*. Nghĩa là cung điện lớn luôn có vô lượng Tăng Đại Bồ-tát cùng tập hợp. Những vị đến yết kiến, gọi là phụ giúp. Vì đã có vô số Tăng Đại Bồ-tát thường đến phụ giúp, nên không kẻ oán địch nào có thể gây hại.

Các Thanh văn v.v... không làm được việc như thế. Nghĩa là các chúng Bồ-tát trên Địa thứ nhất, tuy không thể tập hợp được Tịnh độ thọ dụng tự lợi của chư Phật, nhưng có thể tập hợp pháp hội nơi tịnh độ thuộc lợi tha thọ dụng của chư Phật.

Ở trên tự thức từ bi của chư Phật, tùy thuận chỗ thích hợp của Bồ-tát mà biến hiện cõi nước thô diệu.

Bồ-tát tùy theo nguyện lực nơi căn thiện của chính mình để biến hiện, từ trên tự thức, giống như Tịnh độ do Phật đã sinh cùng hiện.

Tuy là do tự tâm nhưng đều biến hiện khác biệt, nhưng đồng một xứ với hình tướng tương tự, nghĩa là cùng tập hợp trong một cõi nước đó.

Tịnh độ của Bồ-tát thuộc trên địa như thế, là hữu lậu hay là vô lậu?

Có nghĩa: Là vô lậu. Tức sau khi đạt được chủng tử Tịnh độ vô lậu trong tự tâm và do nguyện lực hỗ trợ, biến hiện sinh Tịnh độ, trong đó thọ dụng pháp lạc của Đại thừa. Do các chúng Bồ-tát trên Địa thứ nhất đều chứng đắc lý chân như, đạt được trụ xứ vô lậu chân thật, pháp lưu chân thật, an trụ nơi Tịnh độ chân thật, thường thấy chư Phật, nên các cõi nước được biến hiện đều là vô lậu chân thật, thuộc về đạo đế.

Có nghĩa: Là hữu lậu. Tức trong tự tâm, gia hạnh nơi chủng tử của tịnh độ hữu lậu cùng nguyện lực hỗ trợ, nên biến sinh Tịnh độ, ở đó thọ dụng pháp lạc của Đại thừa. Do Bồ-tát kia tuy đã chứng chân như, đạt được vô lậu chân thật, nhưng từ bảy địa trở lại, vẫn còn phiền não hiện khởi, cho đến mười địa cũng còn có chủng tử của phiền não do tu đạo đoạn cùng sở tri chướng. Vì Thể của thức thứ tám có thể duy trì các chủng tử kia. Hiện thọ nhận sự huân tập, nên cũng là hữu lậu nơi tánh vô ký, thuộc về đạo đế vô lậu hữu vi, quyết định là thiện.

Nếu trong mười địa Thể của thức thứ tám là thiện vô lậu thì nên như Phật địa, không thể cầm giữ chủng tử hữu lậu, không nên nhận sự huân tập.

Thể của thức thứ tám đã là hữu lậu, thuộc tánh vô ký, thì Tịnh độ được biến hiện vì sao thuộc về tánh thiện vô lậu?

Lại, một hữu tình không có hai thân thật. Bảy giờ, thân đó đã là hữu lậu, thì chỗ dựa là Tịnh độ làm sao lại vô lậu.

Thể nên Tịnh độ của Bồ-tát mười địa này là hữu lậu vi diệu thuộc khổ đế.

Về nghĩa như thật: Là tự tâm của Bồ-tát mười địa đã biến hiện Tịnh độ có hai.

Nếu Tịnh độ do thức thứ tám biến hiện thì nó thuộc về tướng phần của thức hữu lậu, là nơi chốn nương dựa của thân hữu lậu. Tuy nhờ lực của thiện vô lậu đã hỗ trợ huân tập tướng tịnh diệu của Tịnh độ kia, nhưng nó vẫn thuộc về khổ đế hữu lậu, theo chỗ biến hiện của gia hạnh v.v... cũng thế. Nếu tùy theo tâm vô lậu hậu đắc biến hiện ảnh tượng của Tịnh độ, là thuộc về tướng phần của thức vô lậu, nên từ chúng tử vô lậu thiện sinh, nên Thế là thuộc về đạo đế vô lậu.

Tịnh độ như thế phần **Phụ trợ đã viên mãn** phải có quyền thuộc, nên tiếp theo là nói *vô lượng chúng trời, rồng, người, phi nhân v.v... thường theo hộ vệ*. Nghĩa là cung điện lớn chỉ có quyền thuộc như hàng trời v.v... vây quanh, không có loài nào khác v.v... Chử đấng (Vân vân) là chỉ cho các chúng Dược-xoa, Kiên-đạt-phược, A-tổ-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già v.v... Mạc-hô-lạc-già tức gồm thâu loài mãng xà lớn.

Vì sao Tịnh độ đã vượt quá nơi chốn hành tác của ba cõi mà lại có các chúng như trời v.v... dùng làm quyền thuộc? Trời v.v... đều thuộc về ba cõi. Vì thức thanh tịnh đã thấu nhận sự biến hiện như thế, vì để làm trang nghiêm Tịnh độ nên không mâu thuẫn. Hoặc vì nhằm làm thành thực các hữu tình được giáo hóa, nên thị hiện các chủng loại được biến hóa như thế, như để điều phục kiếp Tỷ noa vương nên hiện hóa vô lượng các quyền thuộc vây quanh Chuyển luân vương. Hoặc các Bồ-tát hóa làm vô lượng thân trời, rồng v.v... an trụ trong Tịnh độ để cúng dường Phật, hoặc tự hóa thân làm các chúng trời, rồng v.v... để theo hộ vệ Như Lai nên không có lỗi.

Tịnh độ như thế đã có **Quyền thuộc viên mãn**, ở yên trong ấy là để trụ trì những gì? *Pháp vị rộng lớn luôn vui thích gìn giữ*. Nghĩa là ở trong ấy pháp vị Đại thừa được vui thích trụ giữ, thọ dụng có

thể khiến trụ. Nghĩa trụ trì này đã nói nơi phần Tịnh độ vượt quá nơi chốn hành tác của ba cõi. Vì sao có thọ dụng (ăn)? Lại, pháp vô lậu không nên gọi là thọ dụng. Thọ dụng có thể nuôi lớn chúng sinh trong ba cõi. Ở đây, đoạn trừ hữu nên không gọi là thọ dụng. Nhưng là nhân của trụ trì nên cũng gọi là thọ dụng.

Như trong Tông chỉ của ông, sinh lên cõi Sắc, nhập định vô lậu cũng nên gọi là thọ dụng. Không phải là sự thọ dụng trong quá khứ nên gọi là thọ dụng. Vì quá khứ không có. Đây cũng nên như thế. Vì nhân của sự trụ trì ấy nên nói là thọ dụng. Như pháp hữu lậu tuy gây chướng ngại đối với pháp vô lậu, nhưng vì gìn giữ hữu lậu nên được gọi là thọ dụng. Vô lậu cũng như thế, tuy đoạn dứt hữu lậu, nhưng giữ gìn vô lậu thì sao không phải là thọ dụng? Trong Tịnh độ này, chư Phật - Bồ-tát về sau chúng được vô lậu, có thể nêu bày, có thể thọ nhận pháp vị của Đại thừa sinh vui thích lớn.

Lại, chính trí của Thể thọ nhận vị chân như, sinh vui thích lớn lao, có khả năng trụ giữ thân mạng, khiến không đoạn hoại, nuôi lớn pháp thiện, nên gọi là thọ dụng (ăn).

Tịnh độ như thế ***Trụ trì đã viên mãn*** tạo nên sự nghiệp gì? Là *tạo ra tất cả nghĩa lợi cho các chúng sinh*. Nghĩa là người trong Tịnh độ này tự có thể hành tác hết thảy nghĩa lợi cho tất cả hữu tình. Hoặc khiến tất cả hữu tình tự hành hết thảy nghĩa lợi. Hiện lợi ích gọi là nghĩa, sẽ lợi ích gọi là lợi. Thế gian gọi là nghĩa, xuất thế gian gọi là lợi. Lìa ác gọi là nghĩa, thân giữ thiện gọi là lợi. Phước đức gọi là nghĩa, trí tuệ gọi là lợi.

Những dị biệt như thế tuy tại định tịch tĩnh, nhưng do trước đã tu tập gia hạnh nguyện lực, nên tự nhiên có khả năng hành tác hết thảy nghĩa lợi cho tất cả hữu tình.

Tịnh độ như thế ***Sự nghiệp đã viên mãn*** thì gồm thâu lợi ích gì? Là *diệt trừ hết thảy trôi buộc cấu uế nơi tai họa của các phiền*

não. Nghĩa là trong Tịnh độ này xa lìa các thứ cấu uế buộc trói của tất cả phiền não cùng những tai họa bức bách. Tức các phiền não gọi là trói buộc cấu uế, như thế tức gọi là nhân của những tai họa bức bách. Những trói buộc cấu uế của phiền não ở đây là không có, nên những thứ gây tạo các tai họa bức bách cũng không.

Lại, phiền não nghĩa là một trăm hai mươi tám thứ phiền não căn bản. Trói buộc là không có hổ thẹn v.v... Cấu uế tức là dục vọng, lừa dối, kiêu mạn v.v... Tai họa bức bách tức là nghiệp đã phát khởi cùng quả đã nhận.

Nếu sở tri chướng hoặc các tùy miên gọi là phiền não, tức chúng hiện khởi, gọi là trói buộc cấu uế. Hoặc gốc gọi là trói buộc. Hoặc tùy thuận gọi là cấu uế. Sở tri chướng v.v... gọi là tai họa bức bách.

Trong đây, *pháp nào gọi là thâm giữ lợi ích?* Tức là pháp lìa các thứ trói buộc cấu uế của phiền não, của tai họa bức bách, gọi là thâm giữ lợi ích. Như thế gian phong ngôi vị chủ, tuy không thâm nhận, nhưng không bị tai họa. Phong hộ cũng nói là chủ, vì đã thâm giữ lợi ích cho mình. Đây cũng như thế.

Lại, hiện chứng được giải thoát khỏi các thứ trói buộc cấu uế của phiền não và tai họa bức bách chứng được phước trí thù thắng nên gọi là thâm giữ lợi ích.

Tịnh độ như thế đã lìa các thứ tai họa bức bách bên trong, ***Thâm giữ lợi ích viên mãn***, nên cũng không có nhân sợ hãi bên ngoài, do đó tiếp theo là chỉ rõ về *Vô úy viên mãn*. *Xa lìa các ma*: Nghĩa là ở đây đã xa lìa tất cả ma phiền não, ma uẩn, ma chết, ma trôi, hoặc có thể khiến người khác xa lìa bốn thứ ma ấy.

Bốn thứ ma như thế là nhân của sợ hãi, do đây nên có thể sinh mọi sợ hãi khác. Trong Tịnh độ này không có sự sợ hãi do ma nên không có sợ hãi nào nữa.

Ma phiền não: Là một trăm hai mươi tám phiền não và tùy phiền não. Ma uẩn: Là năm thủ uẩn.

Ma chết: Là các tướng vô thường của nội pháp hữu lậu. Ma trời: Là thiên tử Tự Tại thứ sáu của cõi Dục.

Bốn thứ như thế đều có thể gây tổn hại các pháp thiện, nên gọi là ma. Do bốn thứ ma này sinh ra các sợ hãi. Đức Như Lai đã vĩnh viễn lìa bốn thứ ma ấy, nên không có các sợ hãi. Các Đại Bồ-tát từ Địa thứ nhất trở lên, ở trong Tịnh độ ấy, đã lìa phần thô nơi bốn thứ ma, không có năm sự sợ hãi.

Tịnh độ như thế ***Vô úy đã viên mãn***, nên trụ xứ ấy cũng là thù thắng. Thế nên tiếp theo là nói đến *Trụ xứ viên mãn*. *Nơi chốn nương dựa của Như Lai trang nghiêm vượt quá các thứ trang nghiêm khác*: Nghĩa là trụ xứ của Phật trong Tịnh độ này thù thắng hơn hẳn trụ xứ của tất cả Bồ-tát và các trụ xứ trang nghiêm khác, vì đây chính là do Như Lai trang nghiêm tạo nên sự đẹp đẽ vi diệu hơn hẳn các trụ xứ trang nghiêm khác. Do đó gọi là trụ xứ viên mãn.

Tịnh độ như thế ***Trụ xứ đã viên mãn***, thì đường đi qua lại trong đó như thế nào? *Hành niệm tuệ lớn dùng làm đường du hóa*. Nghĩa là trong ấy dùng niệm lớn, tuệ lớn, hành lớn để làm đường đi. Bước đi trên con đường ấy, nên gọi là đường du hóa, là tên gọi khác của đạo. Tuệ do văn tạo thành, gọi là niệm lớn. Vì lãnh hội (Văn) rồi thì ghi nhớ, vâng giữ nghĩa không điên đảo. Tuệ do Tư tạo nên gọi là tuệ lớn. Dựa vào lý để thẩm xét nên được quyết định. Tuệ do Tu tạo thành gọi là hành lớn, do năng lực tu tập hướng đến chân lý.

Lớn, nghĩa là các niệm duyên nơi pháp Đại thừa mà sinh khởi, là quả của Đại thừa, vì thuộc về Đại thừa. Bước đi lui tới trên ba tuệ vi diệu nơi Tịnh độ, nên gọi là đường du hóa. Đây là nói Bồ-tát nhân nơi ba tuệ vi diệu nên được được vào Tịnh độ, vì thế gọi là đường du hóa. Nếu là niệm lớn của các Như Lai, tức là trí không phân biệt, do

niệm an trụ nơi lý chân như. Tuệ lớn tức là trí hậu sở đắc, do phân biệt tướng chân tục của các pháp.

Hai trí này đều có tạo tác nghiệp dụng tăng thượng của Tịnh độ, nên cùng gọi là hành. Do hai trí này đều sinh chung trong Tịnh độ, nên gọi là đường du hóa tự tại. Hoặc hành của niệm lớn là hành tự lợi, do thân giữ ghi nhớ bên trong. Hành của tuệ lớn là hành lợi tha, do phân biệt bên ngoài.

Như thứ lớp sinh chung trong hai thứ Tịnh độ của Như Lai, nên gọi là đường du hóa tự tại.

Tịnh độ như thế **Đường đi đã viên mãn**, nên có xe cộ vận hành chở người đi trên đường ấy. Do vậy, tiếp theo là nói đến *Chỉ lớn, Quán diệu dùng làm xe cộ vận hành*.

Chỉ là Tam-ma-địa. Quán là Bát-la-nhã. Nghĩa của Đại như trước đã nói.

Vì Chỉ và Quán này cùng vận hành song song nên gọi là chuyên chở. Ngồi nơi xe Chỉ, Quán ấy, tùy theo chỗ ứng hợp đi trên con đường phía trước. Con đường là vị trí chung, trong vị trí đó, theo Chỉ, Quán riêng gọi là vận hành, chuyên chở.

Tịnh độ như thế **Sự vận hành đã viên mãn**, tức nên có cửa vào. Từ nơi cửa vào ấy, ngồi trên xe này để vào, vì vậy tiếp theo là nói đến *ba ngõ giải thoát là Đại không, vô tướng, vô nguyện làm cửa vào*. Nghĩa là ba cửa giải thoát trên là lối vào cung điện lớn ấy.

Giải thoát tức là xuất ly, là Niết-bàn, tức Đại không v.v... gọi là cửa giải thoát. Dựa theo cửa này mà đi vào Tịnh độ.

Biến kế sở chấp sinh khởi pháp vô ngã nên gọi là không. Duyên nơi Tam-ma-địa ấy gọi là cửa giải thoát không.

Tướng là mười tướng: (1) Sắc. (2) Thanh. (3) Hương. (4) Vị. (5) Xúc. (6) Nam. (7) Nữ. (8) Sinh. (9) Lão. (10) Tử. Tức là Niết-bàn

không có các tướng này nên gọi là vô tướng. Duyên nơi Tam-ma-địa ấy gọi là cửa giải thoát vô tướng.

Nguyện là cầu nguyện. Quán các khổ trong ba cõi, không có nơi chốn nào đáng cầu nguyện, nên gọi là vô nguyện. Duyên nơi Tam-ma-địa ấy gọi là cửa giải thoát vô nguyện.

Do ba cửa giải thoát như Không v.v... này mà được vào Tịnh độ, nên gọi là cửa.

Đại: Như trước đã nói.

Trong Tịnh độ này cũng nên có công việc như đường đi, xe cộ chuyên chở, cửa v.v... khiến hữu tình hân hoan vui thích với đức chân thật, nên căn cứ theo hành mà nói.

Tịnh độ như thế **Cửa vào đã viên mãn**, như cung điện khác phải có chỗ nương dựa, nên tiếp sau là nói đến **Nương giữ viên mãn**. Do vô lượng các công đức dùng để trang nghiêm được kiến lập bằng các thứ hoa chúa báu lớn trong cung điện lớn: Nghĩa là như đất v.v... dựa vào phong luân v.v... hoặc như cung điện của thế gian dựa vào đất.

Tịnh độ như thế được trang nghiêm do vô lượng các công đức, được kiến lập do các hoa sen hồng chúa báu lớn, nghĩa là Tịnh độ được tạo thành bằng hoa sen hồng báu lớn.

Như thế, vô lượng các công đức báu lớn đã khéo dựng lên cõi Tịnh độ. Vì trong các báu là hơn hết nên gọi là lớn.

Những hoa sen hồng báu này ở trong các hoa là tối thắng, nên gọi là Hoa chúa, hoặc hoa báu ấy so với căn thiện của các Bồ-tát. Các hoa sen hồng đã khởi là hơn hết nên gọi là lớn. Phật là Pháp vương. Hoa sen này phát sinh từ căn thiện tối thắng của Phật nên gọi là Hoa chúa.

Lại, hoa báu này là rất khó được, nên gọi là lớn. Vì là tối thắng trong các hoa báu, nên gọi là Hoa chúa. Hoa này không phải là duy

nhất. Hoặc vì cánh hoa nhiều nên gọi là chúng. Đức Thế Tôn ở nơi chúng hoa ấy, kiến lập cung điện lớn, trong đó giảng nói Khế kinh này, thế nên gọi là trong cung điện lớn.

Nếu căn cứ nơi thân thọ dụng thật của Đức Như Lai dựa vào Tịnh độ, gọi là cung điện lớn, lượng đồng với pháp giới, trong đó thân thọ dụng của mỗi mỗi Đức Phật là chủ thể giảng nói về phần gốc, gọi là nói kinh này. Hoặc căn cứ nơi Đức Như Lai tùy theo chỗ thích ứng của Bồ-tát nên hiện thân thọ dụng, dựa vào Tịnh độ, gọi là cung điện lớn với lượng không nhất định, trong ấy chư Phật đồng hiện một thân, chính thức thuyết giảng kinh này, nên nói phần lượng và phương sở của cung điện ấy là không thể định.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN KINH PHẬT ĐỊA

QUYỂN 2

** Kinh nói: “Bạc-già-phạm này là bậc giác ngộ thanh tịnh tối thượng, hiện hành không hai, hướng đến pháp vô tướng, trụ nơi Phật an trụ, đạt được tánh bình đẳng của tất cả Phật, đến được xứ không chướng ngại, là pháp không gì có thể chuyển đổi, nẻo hành hóa hoàn toàn tự tại, hết thấy mọi việc được thành lập là không thể nghĩ bàn. Hiện bày diệu dụng nơi pháp tánh bình đẳng của ba đời. Thân tướng hiện hành khắp tất cả thế giới. Nơi hết thấy các pháp, trí không ngờ vực, vướng mắc. Nơi tất cả hành đều thành tựu sự giác ngộ vĩ đại. Đối với các pháp, trí không có nghi hoặc. Phạm những sự hiện thân đều không thể phân biệt. Tất cả Bồ-tát chính thức cầu đạt trí, chứng đắc pháp không hai của Phật, an trụ nơi bờ giác thù thắng, hoàn toàn thuận hợp đối với phần giải thoát của Như Lai là diệu trí rốt ráo, chứng đắc ‘không có trung biên’ là Phật địa bình đẳng, tận cùng nơi pháp giới, tận cùng nơi tánh hư không, tận cùng nơi đời vị lai”.*

** Luận nêu: Tiếp theo: Là hiện bày chư Phật không giống với Đại sư khác nên nói về **Công đức thù thắng của Đức Thế Tôn**.*

Lại, vì muốn cho hết thấy đều sinh niềm tin thanh tịnh, nên nói đến *Công đức viên mãn của Đức Thế Tôn*.

Nên biết, ở đây hai mươi một thứ công đức thù thắng là để làm rõ Đức Bạc-già-phạm là bậc giác ngộ thanh tịnh tối thượng. Nghĩa

là Đức Phật, Thế Tôn đối khắp với tất cả pháp hữu vi, vô vi nơi những cảnh giới cần giác ngộ đều đã chính thức mở bày, nhận biết.

Lại, đối với tất cả các cảnh giới cần giác ngộ, Đức Thế Tôn đều đã chính thức mở bày, nhận biết viên mãn tịnh diệu. Lại, đối với tất cả tánh như hiện có, toàn bộ tánh hiện có, đều chính thức mở bày, giác ngộ, nên gọi là *Bạc-già-phạm là bậc giác ngộ thanh tịnh tối thượng*.

Hiện hành không hai: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn hoàn toàn không chướng ngại. Nghĩa là hàng phàm phu, Nhị thừa đều hiện hành theo hai chướng, Đức Thế Tôn thì không có. Do các phàm phu hiện hành theo sinh tử, dấy khởi các thứ tạp nhiễm, trụ chấp nơi sinh tử. Hàng Thanh văn, Độc giác hiện hành theo Niết-bàn, hoàn toàn từ bỏ nẻo hành tạo lợi lạc cho người khác, trụ chấp vào Niết-bàn. Đức Thế Tôn thì không hiện hành theo hai chướng đó, nên gọi là hiện hành không hai.

Hướng đến pháp vô tướng: Là chỉ rõ công đức thù thắng nơi phương tiện điều phục, giáo hóa của Đức Thế Tôn. Nghĩa là pháp vô tướng tức là Niết-bàn. Đức Phật đã khéo thấu rõ hữu tình nơi ba Thừa, hành dụng phương tiện nhằm điều phục và hóa độ theo khả năng giác ngộ của họ, như thật giảng nói khiến họ hướng chứng pháp vô tướng.

Trụ nơi Phật an trụ: Là hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn quán xét chúng sinh đã được điều phục, hóa độ. Nghĩa là trụ nơi đại bi, ngày đêm sáu thời quan sát thế gian.

Đạt được tánh bình đẳng của tất cả Phật: Là nêu rõ về công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã đạt được, sự nghiệp tương tợ của tất cả Đức Phật. Nghĩa là chúng được tánh bình đẳng trong sự nghiệp tương tợ chư Phật.

Đến được xứ không chướng ngại: Là làm rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã vĩnh viễn đoạn trừ các thứ cần đối trị. Tức là đã

chứng được trí giải thoát tất cả hai chướng phiền não, sở tri cùng đã vĩnh viễn đoạn dứt tất cả chướng.

Là pháp không gì có thể chuyển đổi: Là hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã hàng phục ngoại đạo. Nghĩa là chánh pháp của Phật, tất cả ngoại đạo đều không thể làm cho thoái chuyển. Ngoại đạo được hàng phục rồi nên chánh đạo được sáng tỏ.

Nẻo hành hóa hoàn toàn tự tại: Là làm rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã hàng phục các thứ ma oán. Nghĩa là đối tượng hành hóa tức các cảnh giới như sắc v.v... Ở đây luôn khiến tâm nhiễu loạn, gây chướng ngại cho pháp thiện, nên gọi là ma oán. Chư Phật - Thế Tôn, tâm khéo yên định, nên cảnh có thể khiến ý hết sức vui thích cũng không thể nhiễu loạn được. Công đức hiện có đều thành tựu viên mãn hết sức tốt đẹp. Tất cả cảnh ma đều không thể gây trở ngại. Do có thể điều phục, chế ngự hết thảy cảnh giới, nên mọi nẻo hành tác đều không bị vướng mắc. Thế nên nói là nẻo hành hóa hoàn toàn tự tại.

Hết thảy mọi việc được thành lập là không thể nghĩ bàn: Là hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã an lập giáo pháp. Nghĩa là Đức Phật an lập tất cả giáo pháp, vượt quá hết thảy cảnh giới tầm tư.

Hiện bày diệu dụng nơi pháp tánh bình đẳng của ba đời: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã ký biệt về ba đời. Nghĩa là như trong hiện tại, Đức Thế Tôn đã ký biệt về sự việc của đời quá khứ, vị lai đều không chướng ngại.

Thân tướng hiện hành khắp tất cả thế giới: Là nêu rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn từ cung trời Đâu-sử giáng trần. Nghĩa là hiện bày hóa thân khắp tất cả châu, bãi thế giới, đồng thời giáng thân vào thai mẹ.

Nơi hết thảy các pháp, trí không ngờ vực, vướng mắc: Là hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã đoạn dứt tất cả nghi.

Nghĩa là đối với các pháp, Như Lai đã chứng được trí quyết định, có khả năng diệt trừ các thứ nghi ngờ.

Nơi tất cả hành đều thành tựu sự giác ngộ vĩ đại: Là hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, tự thân thị hiện, đối với hết thảy hữu tình được hóa độ theo ba Thừa, đều có thể tùy thuận chỗ ứng hợp mà hóa hiện tự thân.

Đối với các pháp, trí không nghi hoặc: Là nêu rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, trí tuệ vi diệu đã khéo thấu đạt tất cả pháp, có thể tùy thuận nẻo thích ứng, luôn chỉ dạy khuyên bảo. Nghĩa là đối với người còn mang giữ nghi hoặc nơi các pháp, không ai có khả năng tùy thuận ứng hợp để dẫn dắt, chỉ có Đức Phật - Thế Tôn chứng đắc trí thấy rõ các pháp khéo quyết định mới có thể thuận theo chỗ ứng hợp để dẫn dắt khuyên bảo, không hề ngừng nghi hay bỏ dở.

Phàm những sự hiện thân đều không thể phân biệt: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn có thể thâm nhận chính đáng tự thân không nhiễm. Nghĩa là thân của chư Phật không phải là do phân biệt hư vọng dấy khởi, ở đây không có nghiệp phiền não phát sinh tạp nhiễm, do thân của Như Lai không phải là sự phân biệt dấy khởi của tạp nhiễm, nên không phân biệt.

Tất cả Bồ-tát chính thức cầu đạt trí: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã hành tác phương tiện thành tựu Phật chủng không đoạn dứt. Nghĩa là các Bồ-tát vì khiến cho Phật chủng không đoạn dứt, nên siêng năng tu tập gia hạnh, không phải là các Thanh văn v.v... Vì thế, nên trí Phật chỉ có các Bồ-tát mới đúng là người nên mong cầu.

Chứng đắc pháp không hai của Phật, an trụ nơi bờ giác thù thắng: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Thế Tôn về tự tánh phần thân. Nghĩa là tướng không sai biệt nơi Pháp thân Phật, nên gọi là không hai. Trụ nơi pháp không hai của Phật, tức là Pháp thân, chân

như làm thể, tướng không sai biệt, trong đó tất cả sự phân biệt về hai tướng đều không hiện hành. Duyên nơi định hơn hẳn kia thường trụ trong đó, nên gọi là trụ, tức trụ nơi không hai, gọi là bờ giác thù thắng. Phật đã đạt đến chốn tận cùng nên gọi là chứng đắc.

Hoàn toàn thuận hợp đối với phần giải thoát của Như Lai là diệu trí rốt ráo: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn về phần thân thọ dụng. Tức là thân thọ dụng không xen tạp. Thân thọ dụng của tất cả Như Lai thể đều riêng biệt. Diệu trí của Như Lai có thể khiến tất cả chúng sinh đều được giải thoát, nên gọi là diệu trí giải thoát của Như Lai. Đức Phật đối với trí này đã đạt đến cứu cánh. Như thế là nói diệu trí của Như Lai là không cùng xen tạp, nên nơi thân hiện thọ dụng trong cõi Phật thanh tịnh cũng không cùng xen tạp. Trong đại hội tập hợp đã hiện vô số thân, cùng với các Bồ-tát thọ dụng pháp lạc cũng không xen tạp. Đức Như Lai đã hiện thân nơi trí ấy cũng đạt đến cứu cánh.

Chứng đắc “không có trung biên” là Phật địa bình đẳng: Là làm rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã chứng đắc tướng chân như. Nghĩa là tướng chân như không có *trung biên*. Xa lìa tướng trung biên của tất cả pháp hữu vi, vô vi. Xa lìa tướng trung biên của mọi nơi chốn, phương hướng. Chân như như thế tức là pháp tánh của Phật địa bình đẳng. Chứng đắc tánh của Phật địa bình đẳng này, nên nhận biết khắp tất cả là vô vi, trong ấy không nhiễm.

Tận cùng nơi pháp giới: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã chứng được tướng quả. Nghĩa là đã chứng đắc pháp giới thanh tịnh tột cùng. Pháp giới như thế là quả của tu đạo, nên tiếp theo hai thứ công đức thù thắng sau là hiển bày về công đức vô tận của Đức Thế Tôn.

Tận cùng nơi tánh hư không, tận cùng nơi đời vị lai: Là nêu rõ về công đức thù thắng của Đức Thế Tôn với hai đức vô tận là tự lợi, lợi tha. Nghĩa là như hư không tuy trải qua bao kiếp thành, hoại,

nhưng tánh thường vô tận. Tất cả công đức chân thật của Như Lai cũng lại như thế, là thường không đoạn hết. Như biên vực của đời vị lai không có thời kỳ cùng tận, công đức lợi tha cũng lại như thế, tận cùng đời vị lai, luôn hành tạo lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình.

Lại nữa, ở đây đã hiển bày chung, riêng về ***công đức thù thắng của Đức Thế Tôn***. Câu đầu là chung. Do các câu còn lại đã mở bày, làm rõ về nghĩa ấy. Như thế gọi là khéo giảng nói pháp yếu.

Do hai mươi một thứ công đức thù thắng, thế nên gọi là *Bạc giác ngộ thanh tịnh tối thượng*.

Hiện hành không hai: Là chỉ rõ về công đức nơi trí chuyển của Đức Thế Tôn đối với cảnh giới của đối tượng nhận thức, là hoàn toàn không chướng ngại. Nghĩa là hàng Thanh văn v.v... nơi các cảnh giới trí có chướng ngại, nên còn cách rất xa đối với thời, phương không có biên vực sai biệt. Do trong pháp của chư Phật không có trí chuyển. Như Lai thì không như thế, nơi tất cả thời, phương đều không có biên vực sai biệt. Trí nhất thiết chủng trong pháp của chư Phật đều chuyển biến không chướng ngại. Nơi tướng của các pháp, Phật không còn hai thứ nhận biết – không nhận biết hiện hành, thế nên nói là hiện hành không hai. Do đó, nên gọi là *bạc giác ngộ thanh tịnh tối thượng*. Các câu còn lại đều nên phối thuộc như thế.

Hướng đến pháp vô tướng: Là nêu rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn có khả năng hội nhập nẻo không hai. Nghĩa là tự mình có khả năng nhập nơi tự tướng, vĩnh viễn lìa bỏ tất cả phân biệt, giải thoát mọi trói buộc cấu uế của hết thân phiền não, xa lìa tướng có – không, đạt chân như thanh tịnh, cũng khiến kẻ khác có thể hội nhập.

Trụ nơi Phật an trụ: Là hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn hành tác Phật sự tự nhiên không ngừng nghỉ. Nghĩa là không dụng công trong việc tạo lợi ích cho hữu tình, không hề gián đoạn. An trụ nơi Thánh trụ, Thiên trụ và Phạm trụ.

Đạt được tánh bình đẳng của tất cả Phật: Là nêu rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã dựa nơi ý lạc ở trong Pháp thân hành nghiệp không sai biệt. Nghĩa là trí chân như thanh tịnh của tất cả Phật, với tất cả ý lạc tạo lợi ích yên vui, thọ dụng biến hóa nơi hai sự việc lợi tha là không khác nhau.

Đến được xứ không chướng ngại: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã tu tập pháp đối trị tất cả chướng ngại. Nghĩa là đã tu tập Thánh đạo đối trị tất cả phiền não cùng sở tri chướng, đã đến được xứ giải thoát tất cả chướng. Nơi chốn nương dựa, hướng tới nên gọi là xứ.

Là pháp không gì có thể chuyển đổi: Tức hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn không bị khuất phục theo tất cả ngoại đạo. Nghĩa là giáo pháp cùng chứng pháp của Đức Thế Tôn đều không bị kẻ khác làm cho thoái chuyển.

Néo hành hóa hoàn toàn tự tại: Là hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, tuy sinh nơi thế gian, nhưng pháp thế gian không gây trở ngại. Nghĩa là sinh trong thế gian, nhưng tám thứ pháp như như lợi v.v... đều không thể gây chướng ngại.

Hết thấy mọi việc được thành lập là không thể nghĩ bàn: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã an lập chánh pháp. Nghĩa là mười hai phần giáo pháp thù thắng, vượt quá tất cả hành tác của tầm tư, không phải là nơi chốn của hàng phàm phu ngu tối có thể suy lường được. Vì Đức Như Lai diễn nói về tất cả tự tướng và cộng tướng nên gọi là an lập.

Hiện bày diệu dụng nơi pháp tánh bình đẳng của ba đời: Là nêu bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã có thể ký biệt đúng đắn. Nghĩa là các cú nghĩa lưu chuyển trong ba đời, từng hiện hay sẽ sinh đều lần lượt ký biệt không điên đảo. Ký biệt về quá khứ, vị lai đều như trong hiện tại. Vì rõ ràng thuận hợp nên gọi là bình đẳng.

Thân tướng hiện hành khắp tất cả thế giới: Là nêu rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, đồng thời đối khắp tất cả thế giới, thị hiện thân thọ dụng và thân biến hóa. Nghĩa là nơi tất cả thế giới vô biên, tùy nơi chốn giáo hóa ứng hợp. Đức Như Lai đều hóa hiện sắc thân vi diệu như lưu ly v.v...

Nơi hết thấy các pháp, trí không ngờ vực, vương mắc: Là hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã đoạn trừ các thứ nghi. Tức là luôn tự quyết định mới có thể khiến kẻ khác sinh quyết định.

Nơi tất cả hành đều thành tựu sự giác ngộ vĩ đại: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã nhập vào vô số các hành. Nghĩa là tùy thuận nơi các hữu tình được giáo hóa, đã hiện thân đồng loại, khiến họ hội nhập.

Đối với các pháp, trí không có nghi hoặc: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, thấu đạt pháp vị lai, phát sinh diệu trí. Nghĩa là đối với cảnh giới đã vượt quá hàng Thanh văn v.v..., Đức Thế Tôn đã khéo gieo trồng các chủng tử vi tế như những vàng li ti trong đồng ngói đá. Những cảnh giới như thế không hề có tướng điên đảo, đều được nhận biết rõ khắp.

Phàm những sự hiện thân đều không thể phân biệt: Là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, theo chỗ thắng giải ứng hợp về chúng sinh, đều thị hiện đầy đủ. Nghĩa là Phật Thế Tôn tuy không phân biệt, như ngọc báu Mạt-ni, vì do lực tăng thượng của các Như Lai, cũng do sức thắng giải của tự thân, nên trông thấy thân Như Lai sắc như vàng ròng v.v... Nhưng các Như Lai không có phân biệt, không phân biệt khác, nói rộng như trong kinh. Hoặc đồng với chúng loại kia nên không thể phân biệt.

Tất cả Bồ-tát chính thức cầu đạt trí: Là hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, là chỗ nương dựa cho vô lượng hữu tình được hóa độ, tạo phương tiện để điều phục. Nghĩa là do vô lượng Bồ-

tát làm chỗ dựa cho tất cả hữu tình tạo phương tiện để điều phục họ. Đây là do lực tăng thượng của Như Lai, nên Bồ-tát được nghe chánh pháp, tư duy tu tập theo thứ lớp, chứng được diệu trí. Bồ-tát thuộc chủng loại khác thì thâm nhận lời phó chúc của Như Lai, lần lượt nối tiếp vận chuyển chánh pháp không hề gián đoạn.

Chứng đắc pháp không hai của Phật, an trụ nơi bờ giác thù thắng: Là nêu rõ công đức thù thắng của Đức Như Lai đã thành tựu cùng tột Pháp thân bình đẳng và các Ba-la-mật-đa. Nghĩa là đối với Pháp thân không hai của Phật địa, tất cả Ba-la-mật-đa như bồ thí v.v... đều bình đẳng viên mãn không cùng xen tạp.

Hoàn toàn thuận hợp đối với phần giải thoát của Như Lai là diệu trí rốt ráo: Là hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, theo chỗ thắng giải thuận hợp của hữu tình thị hiện cõi Phật thanh tịnh. Nghĩa là quan sát sự sai biệt về kiến giải của các hữu tình, thị hiện vô số các cõi Phật như bằng vàng ròng v.v... không cùng lẫn lộn.

Chứng đắc “không có trung biên” là Phật địa bình đẳng: Tức làm rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn với ba thân nơi phương xứ đều không có hạn lượng. Nghĩa là chứng đắc bình đẳng không có đầu, giữa, sau. Ba thân của chư Phật ở trong Tịnh độ của Phật thuộc Phật địa không có tất cả phương xứ phần hạn.

Tận cùng nơi pháp giới: Tức chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã đạt đến tận cùng biên vực sinh tử, thường hiện khởi tạo lợi ích yên vui cho tất cả hữu tình. Nghĩa là pháp giới này hoàn toàn thanh tịnh, nên đến hết biên vực của sinh tử, thường khởi các pháp như Khế kinh đẳng lưu, vì các hữu tình được hóa độ nơi đời vị lai, như sự ứng hợp, như theo thời gian, luôn hiện khởi, tạo lợi ích an vui.

Tận cùng nơi tánh hư không, tận cùng nơi đời vị lai: Là hiển bày công đức thù thắng của Đức Thế Tôn là rốt ráo vô tận. Nghĩa là như hư không thường không cùng tận. Pháp giới của chư Phật khởi

hiện công đức cũng lại như thế, là không cùng tận. Như biên vực của vị lai không có thời kỳ cùng tận, nên vì lợi ích an vui của hết thảy hữu tình mà gia hạnh tu tập, không dừng nghỉ.

Công đức của chư Phật vì tánh là thường nên vô tận. Cứu cánh là tánh vô thường, nối tiếp không dứt. Cứu cánh vô tận không thể nói là cố định. Do Pháp thân của Phật thanh tịnh, là lý tánh của pháp giới, là tánh của công đức nên là thường. Công đức của hai thân thọ dụng, biến hóa, tuy tánh là vô thường nhưng không đoạn tận, nên rất ráo là vô tận. Tất cả Như Lai vốn phát nguyện rộng lớn, vì các hữu tình nên cầu Đại Bồ-đề. Nếu các hữu tình thảy đều được diệt độ, bấy giờ công đức hữu vi của chư Phật sao không đoạn dứt? Nhưng vì các cõi hữu tình đều không có tất cả cùng được diệt độ, nên công đức của Phật cũng không có đoạn dứt. Vì sao? Vì pháp là như vậy.

Từ vô thủy đến nay tất cả hữu tình có năm chủng tánh:

- (1) Chủng tánh Thanh văn.
- (2) Chủng tánh Độc giác.
- (3) Chủng tánh Như Lai.
- (4) Chủng tánh bất định.
- (5) Chủng tánh không có công đức xuất thế.

Như các Kinh Luận khác đã nói rộng về các tướng này. Phân biệt kiến lập bốn chủng tánh trước, tuy không có thời hạn, nhưng có thời kỳ được diệt độ rất ráo. Do tâm từ bi dùng phương tiện thiện xảo của chư Phật. Chủng tánh thứ năm không có nhân công đức xuất thế, nên hoàn toàn không có thời kỳ được diệt độ. Chư Phật chỉ có thể vì họ dùng phương tiện thị hiện thần thông, giảng nói pháp xa lìa nẻo ác, sinh nẻo thiện, tuy họ dựa theo lời Phật dạy, siêng năng tu tập nhân thiện, được sinh trong cõi người, cho đến xú Phi tướng phi phi tướng, tất trở lại thoái chuyển rơi vào các nẻo ác. Chư Phật lại dùng phương tiện vì họ hiện thần thông giảng nói pháp để giáo hóa. Họ lại tu tập pháp thiện,

được sinh nơi cõi thiện, về sau trở lại thoái chuyển, đọa lạc chịu mọi khổ não. Chư Phật lại vận dụng phương tiện cứu vớt.

Lần lượt như thế, đến cùng tận đời vị lai, cũng không thể khiến các hữu tình kia hoàn toàn được diệt độ. Tuy trong kinh khác đã diễn nói: “Tất cả các loài hữu tình đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật”, nhưng căn cứ nơi Phật tánh của Pháp thân, Chân như, hoặc dựa theo một phần ít phương tiện của tất cả hữu tình mà nói là để khiến cho hữu tình thuộc chủng tánh bất định, có quyết định nhanh chóng hướng về quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Do đạo lý này nên công đức đem lại lợi ích an vui cho hữu tình của chư Phật là không có đoạn dứt. Công đức lợi tha này do dựa vào công đức tự lợi, nên không đoạn dứt. Thế nên, công đức hữu vi của Như Lai tuy từ nhân sinh, tuy niệm niệm diệt nhưng không dứt hết. Do công đức của Phật rốt ráo không cùng tận, vì vậy đã thành tựu sự giác ngộ thanh tịnh tối thượng.

Ngoài ra, các câu còn lại đều nên mỗi mỗi phối thuộc như thế để quảng diễn.

Vì sao trước nói **Tịnh độ của chư Phật**, sau lại nói về **công đức của Đức Thế Tôn** như vậy? Là nhằm hiển bày công đức của chư Phật như thế đều nương vào Tịnh độ. Là làm sáng tỏ Đức Thế Tôn nhờ dựa vào cõi Phật thanh tịnh nên đạt được đầy đủ công đức như thế mới giảng nói Kinh này.

Tiếp theo: Là hiển bày **Quyến thuộc viên mãn của Đức Thế Tôn**. Nghĩa là **Đại Thanh văn** và **Đại Bồ-tát**. Trong kinh khác nói: “Điều thuận, điều thuận mà làm quyến thuộc. Giải thoát, giải thoát mà thành quyến thuộc”. Đó gọi là quyến thuộc viên mãn của Đức Như Lai.

Ở đây nói vô lượng chúng Đại Thanh văn và vô lượng Đại Bồ-tát đều hội đủ. Tất cả điều thuận đều là Phật tử v.v... đều an trụ trong Đại thừa, đều hành theo Đại thừa.

Như thứ lớp đó, Thanh văn, Bồ-tát là quyền thuộc viên mãn, vì sao trong đây trước nói Thanh văn sau nói Bồ-tát? Vì có người đối với Đại thừa sinh nghi. Nhằm trừ bỏ nghi hoặc đó, nên nêu dẫn chúng chủng tánh bất định, cũng là để Bồ-tát sinh tin tưởng quyết định. Vì các Đại Thanh văn đã được thanh tịnh đều từ bỏ sự tôn quý, kiêu mạn của tự thân. Nghĩa là đối trước chúng, hàng Đại Thanh văn đều được hầu cận bên Đức Thế Tôn, được trực tiếp thọ nhận sự giáo hóa.

Lại, các Thanh văn thường đi theo Phật, hình tướng giống với Phật, nên là quyền thuộc bên trong.

Lại, khiến cho các Bồ-tát sinh tâm cung kính đối với chúng Thanh văn, như Khế kinh nói: “Bồ-tát không nên đối với chúng Thanh văn không sinh tâm cung kính”. Do đó, tán thán công đức của Thanh văn, cũng là khiến cho những kẻ khác đối với chúng Thanh văn đều sinh tin tưởng thanh tịnh.

Ở trong hội này cũng có các chúng khác kết tập pháp, sở dĩ chỉ lược nói hai chúng là do tính chất thù thắng của họ. Như phần sau của kinh này nói: “Các chúng trời, người, A-tổ-lạc v.v... trong thế gian, cùng tất cả đại chúng nghe Phật giảng nói đều vô cùng hoan hỷ, tin nhận phụng hành”.

Trước nói Tịnh độ là tự tại cùng tột, lấy thức thanh tịnh làm tướng, vì sao trong hội lại có Thanh văn v.v... mà không mâu thuẫn? Có mâu thuẫn gì? Nếu các Thanh văn v.v... đồng thấy như Bồ-tát thì thành mâu thuẫn. Còn như Thanh văn v.v... cũng nhận thấy như thế, thì có thể nói lời như vậy: Các Thanh văn v.v... tuy được tham dự hội này, nhưng đối với cảnh giới tịnh diệu đã bị nghiệp gây chướng ngại nên cũng như người mù không trông thấy.

Như thế, cảnh giới tịnh diệu là không thể nêu vấn nạn. Đã không thể trông thấy thì xem như không ở trong chúng. Do tuy không thấy

cảnh giới tịnh diệu như thế, nhưng vẫn thấy cõi nước cấu uế, do hóa thân Phật giảng nói. Vì tuy đồng ở trong một hội, nhưng vì nghiệp lực của tự thân, nên đối tượng được trông thấy đều khác nhau, như trông thấy vàng ròng cho là lửa v.v... Như bốn loại chúng sinh cùng ở một xứ, nhưng mỗi loài đều thấy khác biệt. Hoặc lại do thần lực của Đức Như Lai gia bị, khiến tạm thời được trông thấy cõi nước thanh tịnh và nghe thuyết giảng pháp diệu. Đây là diệu lực không thể nghĩ bàn của Đức Như Lai, nên không thể vẩn nạn. Do sự giáo hóa theo căn trí thuận hợp v.v... cũng không có lỗi, vì muốn trang nghiêm cho hội giảng nói pháp, nên hoặc Phật hóa tác hay các Bồ-tát biến hóa tạo thành.

** Kinh nói: “Cùng với vô lượng chúng Đại Thanh văn hội đủ. Tất cả đều đã điều thuận, đều là Phật tử. Tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, giới khéo thanh tịnh, hướng cầu pháp lạc. Đều là hàng đa văn, nghe giữ, tích tập những pháp đã được nghe. Khéo tư duy những pháp cần tư duy, khéo giảng nói những gì cần giảng nói, khéo làm những gì cần làm. Tuệ mãn tiếp, tuệ cấp tốc, tuệ sắc bén, tuệ xuất ly, tuệ quyết định lựa chọn thù thắng, tuệ lớn lao, tuệ rộng khắp và tuệ không ai sánh bằng. Tuệ báu đã thành tựu đầy đủ ba minh, đạt được hiện pháp lạc trụ bậc nhất. Là phước điền thanh tịnh lớn, oai nghi tịch tĩnh, đại nhân nhu hòa thành tựu không giảm. Đã khéo phụng hành Thánh giáo của Như Lai”.*

** Luận nêu: Cùng với vô lượng chúng Đại Thanh văn hội đủ: Là số lượng rất nhiều, khó có thể tính kể, nên gọi là vô lượng. Nghe ngôn thuyết của Phật mà chứng nhập đạo Thánh, nên gọi là Thanh văn. Cùng là Tăng xuất gia nên gọi là chúng. Tất cả đều là hàng lợi căn tốt bậc, là Thanh văn thuộc chủng tánh Ba-la-mật-đa nên gọi là Đại. Nghĩa là đều trụ nơi quả vị vô học nên gọi là Đại.*

Về nghĩa như thật: Thì chữ vị đều là Thanh văn của chúng tánh không định, chứng được quả nhỏ, do hướng tới Đại Bồ-đề, nên gọi là Đại. Hoặc vì số lượng của chúng nhiều, nên gọi là Đại.

Như đại chúng hôm nay, tất cả đều được điều thuận: Nghĩa là bậc hữu học đã lìa một trăm mười hai thứ phiền não phân biệt thô trọng do kiến đạo đoạn trừ. Vì không còn thô ác khó chế ngự nữa, cũng như ngựa đã thuần, nên gọi là điều thuận.

Có nghĩa: Là bậc vô học đã lìa một trăm hai mươi tám thứ phiền não không còn bền chắc do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ, cũng như vàng ròng, nên gọi là điều thuận.

Về nghĩa như thật: Thì đều là bậc hồi hướng về chúng tánh Bồ-đề, tất cả đều có thể phát tâm hướng tới quả Đại thừa, theo ý Phật để chuyển đổi, như voi thông sáng, nên gọi là điều thuận.

Do diệu lực giáo hóa của Phật, tức đều được sinh trong đạo Thánh, nên gọi là *Phật tử*. Như nói: “Đều từ miệng của Đức Thế Tôn sinh ra, là từ chánh pháp sinh”.

Có nghĩa: Đều là Thanh văn hướng đến Đại thừa, có thể nối kết Phật chúng khiến không đoạn dứt, nên gọi là Phật tử.

Tâm khéo giải thoát: Là lìa tham trong ba cõi, như nói: “Lìa tâm tham được giải thoát”.

Tuệ khéo giải thoát: Là đã lìa tất cả vô minh cấu nhiễm, như nói: “Lìa nơi vô minh, tuệ được giải thoát”.

Giới khéo thanh tịnh: Là như Khế kinh nói: “Đầy đủ sáu chi, gọi là giới khéo thanh tịnh”. Nghĩa là an trụ trong Thi-la thanh tịnh, khéo tự giữ gìn, luật nghi biệt giải phép tắc hành trì đầy đủ. Đối với tội dù rất nhỏ, đều thấy hết sức sợ hãi. Thọ học, học xứ, hoặc đều chứng được giới vô lậu, nên gọi là khéo thanh tịnh.

Về nghĩa như thật: Là an trụ nơi quả vị vô học, hồi hướng về Đại thừa. Tự phần giới, tịnh tu giới Bồ-tát, nên gọi là khéo thanh tịnh.

Hướng cầu pháp lạc: Là khi cầu chánh pháp nhằm hướng đến an lạc lớn. Nghĩa là cầu Bồ-đề Phật, không cầu việc gì khác. Hoặc

lúc cầu pháp, vì khiến cho người khác được an lạc nên không tìm kiếm lỗi của họ, xa lìa oai nghi xấu ác.

Về nghĩa như thật: Là hàng Đại Thanh văn này chuyên cầu pháp lạc, không mong cầu tiếng khen, lợi dưỡng và sự cung kính.

Vô lượng kinh sách, nơi các phần đầu, giữa và sau đều có thể nghe, nhận, nên gọi là *đa văn*. Theo nghĩa đã lãnh hội được đều có thể nhớ giữ, khiến không quên mất, nên gọi là *nghe giữ*. Thường xuyên hành tập văn nghĩa khiến được vững chắc, thế nên gọi là *tích tập những pháp đã được nghe*.

Người ngu tối nơi thế gian nghĩ tưởng ác khi tư duy, nói lời hung dữ khi nói năng, làm việc ác khi hành tác. Bậc Thánh xuất thế vượt quá các thứ pháp đó, trái ngược với chúng, nên gọi là *khéo tư duy những pháp cần tư duy, khéo giảng nói những gì cần giảng nói, khéo làm những gì cần làm*.

Ba nghiệp thanh tịnh hành theo trí tuệ, đối với pháp, Tỳ-nại-da do Phật giảng dạy đều nhanh chóng hội nhập nơi nghĩa, nên gọi là *tuệ mẫn tiếp*. Tức ở trong pháp ấy, hội nhập nhiều nơi nghĩa, nên gọi là *tuệ cấp tốc*. Do có thể hành nhiều nên gọi là rất nhanh, ngộ nhập nghĩa vi tế, nên gọi là *tuệ sắc bén*.

Diệu tuệ có khả năng ra khỏi sinh tử, nên gọi là *tuệ xuất ly*. Tuệ này có thể làm liễu nhân cho Niết-bàn, thế nên gọi là *tuệ quyết định lựa chọn thù thắng*. Quyết định lựa chọn thù thắng tức là Niết-bàn, do tuệ này có thể làm liễu nhân cho Niết-bàn, nên dựa vào Niết-bàn mà đặt tên. Vì hỏi đáp có tính chất quyết trạch không cùng tận, nên gọi là *tuệ lớn lao*.

Vì khéo thông đạt sâu rộng viên mãn, nên gọi là *tuệ rộng khắp*. Có gốc lại giảng nói về tuệ hết mực thâm diệu, nghĩa là người khác không thể đạt tới chỗ cội nguồn của nó. Đối với các chúng Thanh văn

thuộc căn tánh yếu kém thì tuệ này là hơn hẳn, nên gọi là *tuệ không ai sánh bằng*.

Tuệ này có khả năng tập hợp dẫn về nghĩa tối thượng nên gọi là tuệ báu. Các Thanh văn này có đủ tuệ báu ấy, nên gọi là *tuệ báu thành tựu*.

Đầy đủ ba minh: Là chứng được ba thứ minh của bậc vô học. Sao gọi là ba minh của bậc vô học? Đó là:

(1) Túc trụ tùy niệm trí chứng thông minh (Minh chứng đặc thần thông là trí theo nhớ nghĩ biết được đời sống nơi kiếp trước).

(2) Sinh tử trí chứng thông minh (Minh chứng đặc thần thông là trí nhận biết về sinh tử).

(3) Lưu tận trí chứng thông minh (Minh chứng đặc thần thông là trí dứt hết lậu).

Bậc vô học lợi căn chứng được ba thông, trừ bỏ sự ngu tối nhiễm ô, không nhiễm ô trong ba đời nên gọi là có ba minh.

Có nghĩa: Minh: Là dùng tuệ làm tánh, vì tuệ có thể xua trừ tối tăm, nên gọi là minh.

Có nghĩa: Không ngu si: Tức dùng căn thiện làm tánh nên trái ngược với vô minh.

Đạt được hiện pháp lạc trụ bậc nhất: Là chứng được tĩnh lự thù thắng không thoái chuyển.

Phước điền thanh tịnh lớn: Là vĩnh viễn xa lìa phiền não, như ruộng tốt ở thế gian có thể nhanh chóng sinh trưởng quả rộng lớn.

Oai nghi tịch tĩnh: Là tất cả oai nghi đều trụ trong sự nhận biết đúng đắn (chánh tri).

Đại nhẫn nhu hòa thành tựu không giảm: Là đối với khổ luôn có khả năng chịu đựng để cùng trụ.

Đã khéo phụng hành Thánh giáo của Như Lai: Là mọi công việc đã làm đều được viên mãn. Thánh giáo của Như Lai vốn nhằm đưa chúng hữu tình ra khỏi sinh tử khổ. Các Thanh văn này đã chứng đắc quả vị vô học, đều ra khỏi sinh tử, nên đã khéo phụng hành Thánh giáo của Như Lai.

Nếu thế thì sao lại còn giảng nói pháp cho họ? Vì Đức Như Lai muốn họ hồi hướng tới Đại Bồ-đề.

Các Thanh văn này đều trụ nơi bậc vô học. Khi báo thân của một đời này chấm dứt, tất nhập nơi Niết-bàn vô dư, hoàn toàn vắng lặng, tịch tĩnh an lạc không khác với Phật, như nơi luận khác nói. Vì sao Như Lai lại dẫn họ hướng đến Đại Bồ-đề, phải chịu khổ trong thời gian dài? Nhưng trong phần vị biến dịch sinh tử, chư vị không có các khổ thọ. Vậy đây có lỗi gì? Vì còn có hành khổ nên đây là một lỗi lớn. Tuy trải qua khổ này nhưng khiến được ba thân công đức của Như Lai với đại hỷ đại lạc, nên không có lỗi.

Hết thấy sự an lạc lớn không gì hơn Niết-bàn, các Thanh văn kia đã chứng đắc, sao còn có một số ít lại cầu Bồ-đề?

Niết-bàn tuy có an lạc tịch diệt, nhưng không thọ nhận an lạc, còn an lạc của tam Bồ-đề thì đoạn trừ các thứ thọ lạc v.v... và đã có vô lượng công đức thì đâu cần phải hành khổ để được niềm vui hữu vi.

Hữu vi vô lậu cũng như Niết-bàn, vì vô lậu này không phải thuộc về hành khổ. Lại, nếu thành Phật thì có thể giáo hóa vô lượng hữu tình cần được hóa độ ra khỏi sinh tử. Đã thành Phật thì không có khả năng này sao?

Kể từ vô thủy đến nay, chúng sinh là như vậy. Chủng tánh của chủ thể giáo hóa và đối tượng được giáo hóa luôn tùy thuộc vào nhau. Nếu không cùng tùy thuộc tức không thể giáo hóa. Thế nên Đức Như Lai đã vận dụng vô số phương tiện để giáo hóa các hữu tình khiến họ đều được quả vị Phật.

Giáo hóa chúng sinh cần được hóa độ, nếu vậy thì Thanh văn hoặc trừ bảy đời, hoặc trừ một đời, hoặc trừ một đời nơi mỗi mỗi xứ thuộc cảnh giới trên, tất cả đời còn lại đều được phi trạch diệt, hoặc tất cả đời đều là phi trạch diệt. Sao lại phải trải qua ba vô số kiếp tu tập nhân Bồ-đề mới được thành Phật?

Tuy các phiền não đã làm tăng thêm phần đoạn và được phi trạch diệt, nhưng do nguyện lực nên thọ nhận biến dịch sinh tử, trải qua ba vô số kiếp tu tập nhân Bồ-đề nên không có lỗi lầm. Phi trạch diệt là các duyên không đủ, ở trong thời này hoàn toàn không sinh, nhưng không phải là vĩnh viễn không sinh. hàng Thanh văn kia tuy trụ nơi sinh tử trong thời gian dài, nhưng do định nơi nguyện lực nuôi dưỡng, chiêu cảm nhân sinh, khiến cho công năng của nhân có thể sinh quả trong nhiều thời. Tức nơi một thân này lần lượt tăng trưởng cho đến thành Phật. Như pháp kéo dài sự sống lại không thọ sinh, nên luận mới nêu bày.

Hỏi: Thanh văn hồi hướng Bồ-đề là trụ nơi cảnh giới Niết-bàn vô dư y hay là trụ trong cảnh giới Niết-bàn hữu dư y để phát tâm hướng về đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng?

Đáp: Chỉ trụ trong cảnh giới Niết-bàn hữu dư y mới có thể có việc này. Vì sao? Vì trong cảnh giới Niết-bàn vô dư y, đã xa lìa tất cả sự nghiệp phát tâm hướng đến v.v... tất cả công dụng thảy đều ngưng dứt.

Hỏi: Nếu chỉ trụ trong cảnh giới Niết-bàn hữu dư y để phát tâm hướng đến đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, thì làm sao chỉ một đời có thể chứng được Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng? Vì sao? Vì A-la-hán v.v... đâu còn một đời nào nữa, huống chi là có nhiều đời nối tiếp nhau?

Đáp: Do các Thanh văn kia cần phải gia tăng các hành sống lâu mới có thể hoàn thành. Đức Thế Tôn phần nhiều dựa vào số Thanh

vấn hồi hướng Bồ-đề này mà mật ý nói: Nếu có người khéo tu tập bốn thân tức thì có thể sống một kiếp, hoặc hơn một kiếp.

Hơn một kiếp: Ở đây ý nói là vượt quá một kiếp. Thanh văn kia dù gia tăng hành sống lâu thêm như thế cùng phát tâm hướng về Bồ-đề vô thượng, nhưng sự tu hành rất chậm chạp, nên ra chuộng Niết-bàn, không như Bồ-tát mới phát tâm hành tác nghiệp ban đầu. Thanh văn kia đã tăng hành tuổi thọ như thế xong, còn lưu lại căn thân hữu vi để riêng tạo ra hóa thân.

Pháp đồng: Là nơi phương tiện trước, thị hiện ở trong Niết-bàn vô dư y mà bát Niết-bàn. Do nhân duyên này nên đều khởi cảm nghĩ: Tôn giả kia, với danh hiệu đó ở trong cảnh giới Niết-bàn vô dư y đã bát Niết-bàn. Thanh văn ấy vì đã để lại thân thật với căn hữu lậu, tức tùy thuộc vào những gì họ ưa thích trong châu Thiệm-bộ thuộc cõi này, xa lìa mà an trụ. Tất cả chư Thiên hãy còn không thể thấy, huống chi là các chúng sinh khác có thể trông thấy. Vì các Thanh văn ấy phần nhiều đều thích trụ trong cảnh giới Niết-bàn, hiện bày diệu dụng đến khắp các thế giới thân cận cúng dường Phật, Bồ-tát cùng tu tập tư lương Bồ-đề trong các Thánh đạo. Nếu khi phóng dật, chư Phật, Bồ-tát thường xuyên giác ngộ cho họ. Khi Thanh văn kia đã giác ngộ rồi, có thể không còn phóng dật trong công việc tu tập.

Lại nữa, Thanh văn hồi hướng Bồ-đề, hoặc đối với quả vị hữu học, tức có thể từ bỏ ước nguyện cầu Thanh văn, hoặc ở quả vị vô học mới có thể từ bỏ, vì căn tánh của các Thanh văn ấy có sai biệt, nên chỗ chờ đợi các duyên đều có khác biệt.

Như vậy, nếu ở trong quả vị vô học, Thanh văn hồi hướng Bồ-đề, do nguyện lực của định nên thường xuyên nuôi dưỡng nhân xưa kia chiêu cảm nơi thân hiện tại, khiến sinh quả báo nối tiếp trong thời gian dài, dần dần tăng trưởng cho đến khi thành Phật thì công năng mới hết. Quả báo này tuy trực tiếp chiêu cảm từ nhân hữu lậu, nhưng do sức hỗ trợ, nuôi dưỡng của định, nguyện vô lậu, gọi là biến dịch

sinh tử không thể nghĩ bàn. Do định, nguyện vô lậu là không thể nghĩ bàn, nên nếu ở quả vị hữu học hồi hướng Bồ-đề, thì hoặc thuận theo phiền não chiêu cảm sinh uy lực. Chiêu cảm sinh uy lực rồi, đến đời sau cùng, Thanh văn hàng phục được các phiền não, khởi diệu lực của định, nguyện, giúp đỡ cho nhân của thân sau, như đạo lý trước, cho đến khi thành Phật. Hoặc khi tâm xoay chuyển liền hàng phục phiền não, phát sinh lực của định nguyện, hỗ trợ cho nhân của hiện thân, như đạo lý trước, cho đến khi thành Phật.

Những hành dụng vô lậu hỗ trợ cho định, nguyện không phải là phiền não, là đều thuộc về thân biến dịch không thể nghĩ bàn, hoặc sức của phiền não đã chiêu cảm dị thực thuộc về thân phần đoạn.

Nếu nói Thanh văn là người đã được hóa tác thì không cần phải phân biệt hỏi đáp như thế.

** Kinh nói: “Lại có vô lượng Đại Bồ-tát từ cõi nước của chư Phật cùng đến tập hội, đều trụ nơi Đại thừa, hành theo pháp Đại thừa, đối với các chúng sinh tâm đều bình đẳng, lia các thứ phân biệt cùng không phân biệt nơi vô số thứ phân biệt. Diệt hết các ma oán, xa lia hết thảy phân biệt do niệm trói buộc của hàng Thanh văn, Độc giác. Pháp vị rộng lớn vui thích giữ gìn, vượt quá năm thứ sợ hãi, hoàn toàn hướng nhập vị không thoái chuyển, dứt hết tất cả cảnh giới khổ não bức bách của các chúng sinh, tâm ấy luôn hiện tiền. Bồ-tát Diệu Sinh là bậc thượng thủ”.*

** Luận nêu: Nói là Đại Bồ-tát: Nghĩa là các vị Tát-đỏa cầu Bồ-đề. Đây là chung cho cả ba Thừa, vì giản lược nên chỉ lấy Đại thừa. Lại cần nói về Ma-ha-tát. Do duyên lấy Bồ-đề Tát đỏa làm cảnh, nên gọi là Bồ-tát. Là người gồm đủ đại nguyện lợi mình, lợi người, cầu Đại Bồ-đề, tạo lợi ích cho các hữu tình.*

Lại, Tát đỏa là nghĩa dũng mãnh, tinh tấn, cầu đạt Đại Bồ-đề, nên gọi là Bồ-tát. Đây là chung cho các quả vị. Nay, chỉ chọn lấy các Đại Bồ-tát ở trên địa, do đó lại nói từ Ma-ha-tát.

Vì sao tán thán nói về công đức của Bồ-tát? Vì họ đã từ bỏ tâm khinh mạn chúng sinh.

Có người nói thế này: Các chúng Thanh văn đã tu tập phạm hạnh từ lâu, các chúng Bồ-tát phải nên kính lễ, lại khiến cho chúng sinh phát khởi niềm tin thanh tịnh.

Bồ-tát hãy còn có công đức như thế, huống chi là Đức Như Lai. Ở đây tán thán nói về công đức của Bồ-tát là nhằm hiển bày các vị ấy có 3 sự việc lớn, nên gọi là Ma-ha-tát.

(1) *Số lượng lớn*: Là do vô lượng.

(2) *Đức lớn*: Nghĩa là trụ nơi Đại thừa, hành hóa theo pháp Đại thừa v.v...

(3) *Nghiệp lớn*: Nghĩa là dứt trừ mọi khổ não của chúng sinh, đem lại lợi ích an vui cho hữu tình là sự nghiệp của Bồ-tát.

Từ cõi nước của chư Phật cùng đến tập hội: Nghĩa là từ vô số các cõi Phật trong mười phương, vì muốn được nghe pháp nên cùng đến dự đông đủ. Cũng nêu có chư vị Bồ-tát ở thế giới Sách ha (Ta bà) tham dự pháp hội, nhưng người kết tập kinh chỉ nói các Bồ-tát ở phương khác vân tập đến, nhằm đối trị những Bồ-tát biếng nhác, kiêu mạn, không đến tập hợp trong chúng hội để cầu nghe pháp.

Bồ-tát từ phương khác đến như thế là tự mình cầu được nghe pháp, không phải do người khác dẫn dắt, vì tất cả đều có đủ thần lực lớn. Các Bồ-tát ấy đã từ những cõi rất xa của các thế giới khác đến đây để dự hội, huống chi là các Bồ-tát ở cõi này lại không đến tập hợp sao?

Chúng Thanh văn nêu trước, không nói việc đến tập hợp, vì họ đang ngụ tại phương này. Nay nói các Bồ-tát từ phương khác đến đây để dự hội, nên biết cũng có các Bồ-tát ở nơi phương này, do vì giản lược nên không nói.

Căn cứ nơi đức lớn nên biết lược nói có 9 thứ đức lớn:

(1) *Tinh tấn lớn*: Nghĩa là đều trụ nơi Đại thừa do lực của tinh tấn. An trụ trong Đại thừa là nhằm cứu độ hữu tình khiến lia sinh tử cùng tự phát tâm hướng đến Bồ-đề vô thượng.

(2) *Nhân lớn*: Nghĩa là Bồ-tát hành hóa theo pháp Đại thừa, tức là mười địa v.v... Dùng nghe, tư duy, tu tập v.v... lần lượt hành trì.

(3) *Đối tượng duyên lớn*: Nghĩa là đối với các chúng sinh tâm Bồ-tát luôn bình đẳng. Tức ở nơi tất cả hữu tình đều có được tự tha bình đẳng, do các phương tiện bình đẳng như tâm đại bi v.v...

(4) *Thời gian lớn*: Nghĩa là Bồ-tát lia mọi phân biệt, không phân biệt về vô số các thứ phân biệt, tức là đối với tất cả thời gian cũng như nơi một niệm, đều bình đẳng chuyên biến. Kiếp gọi là phân biệt, do đối với tất cả kiếp và không phải kiếp, đều đoạn dứt phân biệt. Lại do không phân biệt kiếp và phi kiếp, nên Bồ-tát có thể trong thời gian dài tu hành không chán.

(5) *Không cấu nhiễm lớn*: Nghĩa là phá trừ các thứ ma oán, vì xả bỏ tất cả những gì đã thọ nhận, nên có thể hàng phục các ma oán. Như nói: “Bồ-tát nếu đối với tất cả các sự việc đã thọ nhận, biết rõ là không chắc thật, tâm không tham cầu, tức có thể diệt trừ các thứ thứ ma oán”.

(6) *Tác ý lớn*: Nghĩa là xa lia tất cả phân biệt, trói buộc nơi niệm của hàng Thanh văn, Độc giác, tức là bỏ phần đoạn, dứt trừ các tác ý của hàng Nhị thừa.

(7) *Nhận giữ lớn*: Nghĩa là pháp vị rộng lớn nên vui thích gìn giữ, tức dùng sự vui thích nơi pháp vị của Đại thừa làm thức ăn.

(8) *Thanh tịnh lớn*: Nghĩa là vượt quá năm sự sợ hãi, tức ba nghiệp thanh tịnh, thoát khỏi các sợ hãi, không phạm giới v.v..., vì phạm giới là nhân của sự sợ hãi bị đọa vào các nẻo ác v.v... Những gì

là năm thứ sợ hãi? (a) Sợ không sống nổi. (b) Sợ tiếng xấu ác. (c) Sợ chết. (d) Sợ cõi ác. (đ) Khiếp sợ đại chúng. Năm thứ sợ hãi đó, khi chúng đắc Địa ý lạc thanh tịnh thì đều xa lìa.

(9) *Chứng đắc lớn*: Nghĩa là hoàn toàn hướng nhập vào vị không thoái chuyển, tức được bậc Nhất thiết trí thọ ký: Bồ-tát ở địa hiện tại hoàn toàn không thoái chuyển. Trong bảy địa trước còn có công dụng vận chuyển của gia hạnh, chưa chứng được đạo không dụng công, không thoái chuyển. Các địa còn lại đều đạt được không gia hạnh không còn công dụng vận chuyển, hoàn toàn hướng nhập nơi địa không thoái chuyển. Vì đạo không dụng công của địa không thoái chuyển hoàn toàn hướng nhập, thế nên gọi là toàn bộ hướng nhập nơi địa không thoái chuyển.

Dựa trong nghiệp lớn là dứt trừ tất cả khổ não bức bách các chúng sinh, hành ấy luôn hiện tiền: Nghĩa là các Bồ-tát có thể dứt trừ mọi khổ não trong ngoài luôn bức bách tất cả chúng sinh theo quả vị hiện có của mình.

Trong địa này có đại bi, đại từ. Do hai thứ này có khả năng dứt trừ khổ não nơi tất cả bệnh bên trong v.v... Bên ngoài bị các thứ não như bần cùng v.v... bức bách, thì hai thứ ấy phần nhiều tạo lợi ích an vui cho hữu tình. Có được những hành tác ấy nên gọi là nghiệp lớn.

Lại nữa: *Đều trụ nơi Đại thừa*: Nghĩa là trụ ở Địa thứ nhất, khi Bồ-tát chứng đạt được chân pháp giới viên mãn hiện khắp, mới chứng được pháp Đại thừa chân thật, nên gọi là trụ nơi Đại thừa.

Hành theo pháp Đại thừa: Nghĩa là nơi Địa thứ hai tu hành ba tụ giới của Bồ-tát. Pháp hành của Đại thừa tức là ba tụ giới.

Đối với các chúng sinh tâm đều bình đẳng: Nghĩa là nơi Địa thứ ba chứng được các định thù thắng, mở ra bốn vô lượng bình đẳng, đem lại lợi ích an lạc cho các hữu tình.

Lìa các thứ phân biệt: Là ở Địa thứ tư chứng được ba mươi bảy pháp phân Bồ-đề, lìa các thứ phân biệt cùng không phân biệt nơi vô số thứ phân biệt.

Các thứ phân biệt: Là ngã kiến phân biệt, do kiến đạo đoạn trừ, nơi Địa thứ nhất đã lìa.

Các thứ không phân biệt: Là ngã kiến câu sinh, do tu đạo đoạn trừ, trong Địa này đã lìa.

Hai thứ ấy tương ưng với các pháp, nên gọi là vô số các thứ phân biệt. Do hành, giải khác nhau, nên tuy trước, sau đã lìa hết các xứ, nhưng nói chung như nơi định thứ tư nói lìa khổ vui, như ở quả vị thứ ba lìa năm phần dưới (Năm hạ phần kiết sử).

Có nghĩa: Nơi Địa này trong thức thứ bảy, tất cả phiền não câu sinh đều xa lìa.

Có nghĩa: Trong thức thứ sáu của Địa này, hết thấy ngã kiến câu sinh đều xa lìa, chứ không phải trong thức thứ bảy. Do từ bảy Địa trở lại vẫn còn có phiền não vi tế hiện hành.

Nếu không có thức thứ bảy thì sẽ không có chỗ dựa của cấu nhiễm, nên không giống năm thức trước. Nếu đã xa lìa các Hoặc vi tế nơi thức thứ bảy, thì các Hoặc thô sơ của sáu thức không hiện hành ở các Địa thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, tức là trái với phần Du Già đã nói trong Kinh Giải Thâm Mật.

Lại như trong Định kim cang dụ của Nhị thừa, các Hoặc của thức thứ bảy và phiền não vi tế nơi sáu thức đều được đoạn trừ trong cùng một lúc, thì vì sao ở đây, trước thì nói lìa phiền não vi tế của thức thứ bảy, sau nói lìa phiền não thô của sáu thức?

Thế nên, bốn Địa đã chứng được trí vô ngã, diệt trừ ngã kiến câu sinh trong ý thức, nhưng chưa lìa phiền não vi tế trong thức thứ bảy, cùng các Hoặc còn lại trong sáu thức, do tu đạo đoạn.

Đây là nói điều phục và xa lìa, không phải là vĩnh viễn trừ diệt. Phải đến khi đạt tâm kim cương trong Địa thứ mười mới nhanh chóng đoạn trừ, do tu đoạn chủng tử.

Diệt hết các ma oán: Nghĩa là Địa thứ năm quán xét bốn Thánh đế đều là tánh bình đẳng, diệt hết các ma oán chấp giữ sinh tử, Niết-bàn có sai biệt.

Xa lìa hết thấy phân biệt do niệm trói buộc của hàng Thanh văn, Độc giác: Nghĩa là Địa thứ sáu quan sát mười hai chi duyên khởi nhiễm tịnh, đều là tánh bình đẳng. Tức xa lìa phân biệt trói buộc niệm về sự chán sợ tạp nhiễm và ưa thích thanh tịnh của hàng Nhị thừa.

Pháp vị rộng lớn vui thích gìn giữ: Nghĩa là Địa thứ bảy chứng đắc lý vô tướng, ở trong trí không khởi lên hành hữu thù thắng, thọ nhận pháp lạc lớn.

Vượt quá năm thứ sợ hãi: Nghĩa là Địa thứ tám, tất cả phiền não đều không còn hiện hành. Lìa nhân của năm thứ sợ hãi, nên gọi là vượt quá năm thứ sợ hãi. Về quả của năm thứ sợ hãi nơi Địa thứ nhất đã lìa.

Hoàn toàn hướng nhập vị không thoái chuyển: Nghĩa là Địa thứ chín quyết định hướng nhập nơi vị không thoái chuyển thuộc hành viên mãn của chúng Bồ-tát thứ mười.

Dứt hết tất cả cảnh giới khổ não bức bách của các chúng sinh v.v...: Nghĩa là nơi Địa thứ mười chứng được đại Pháp thân, dấy lên mây đại bi, mưa xuông trận mưa pháp lớn, dứt trừ hết thấy sự khổ não bức bách của tất cả chúng sinh.

Lại nữa, mười câu văn kinh như thế, có mười lượt đến bờ giác và mười nguyện lớn v.v..., cũng nên phối hợp giải thích.

Do từ trên Địa thứ nhất, trong mỗi mỗi Địa đều thâm gồm khắp tất cả hành của các Địa.

Bồ-tát Diệu Sinh (Văn Thù Sư Lợi) là bậc thượng thủ: Vì Bồ-tát ấy có khả năng phát khởi công đức viên mãn nơi các Tam-ma-địa, nên gọi là Diệu Sinh. Vì Bồ-tát ấy đã chứng được Tam-ma-địa này, nên đặt hiệu là Diệu Sinh. Vì danh hiệu của Bồ-tát phần nhiều đều dựa vào pháp, như Từ Thị v.v...

Vì trong chúng hội này Bồ-tát Diệu Sinh là bậc thứ nhất, nên gọi là thượng thủ. Thế nên từ đây trở về sau, Đức Phật chỉ nói với Bồ-tát Diệu Sinh. Do nhằm phát khởi điều được giảng nói nơi kinh này là giản lược, nên chỉ nêu một danh hiệu. Các chúng còn lại nơi pháp hội chỉ nêu số lượng, vì người kết tập pháp chú ý ở sự giản lược.

Như thế là đã nói xong phần 1: Nhân duyên khởi giáo.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN KINH PHẬT ĐỊA

QUYỀN 3

*** Kinh nói:** “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Diệu Sinh: Diệu Sinh nên biết! Có năm thứ pháp đã gồm thấu Địa Đại giác. Những gì là năm? Đó là:

1. Pháp giới thanh tịnh.
2. Trí Đại viên cảnh.
3. Trí Bình đẳng tánh.
4. Trí Diệu quan sát.
5. Trí Thành sở tác”.

*** Luận nêu:** Tiếp theo là hiển bày phần 2: Thánh giáo được thuyết giảng.

Chỉ nói với một Bồ-tát Diệu Sinh: Là do giáo pháp tối thắng này đã trùm khắp. Vì sao không nói với chúng Thanh văn? Vì các Bồ-tát chuyên ý mong cầu Nhất thiết trí, nghe pháp như thế sẽ sinh thắng giải. Đã sinh thắng giải rồi thì có thể hướng nhập. Đã hướng nhập thì có thể hành đúng. Tu hành đúng đắn thì mới nhanh chóng thành tựu. Hàng Thanh văn thì không có khả năng cầu Nhất thiết trí. Tuy có thể mong cầu được nghe pháp như thế, cũng không sinh thắng giải. Tuy có sinh thắng giải, nhưng không thể hành đúng. Tuy có thể hành đúng, nhưng không nhanh chóng thành tựu, thế nên không nói với hàng Thanh văn.

Như vậy, vì sao lúc Đức Phật giảng nói Kinh này, các Thanh văn vẫn tham dự vào chúng hội? Vì nhằm hiển bày lúc đó số chúng đến dự rất đông. Đức Như Lai hóa hiện loại này nhằm khiến Thanh văn hồi hướng đến Bồ-đề, phát tâm hướng tới Đại thừa, nên dẫn dắt khiến họ nhập đại chúng. Hoặc các Bồ-tát hóa hiện tạo ra danh hiệu ấy, nên không mâu thuẫn.

Lược nói do 4 tướng **an lập Phật địa**:

- a. Do số lượng.
- b. Do thâm giữ.
- c. Do danh hiệu.
- d. Do quyết định lựa chọn nghĩa sai biệt.

Nay ở đây sẽ nói về số lượng, sự thâm giữ, danh hiệu và sự sai biệt.

a. *Do số lượng*: Nghĩa là có năm thứ pháp. Về sau sẽ nói đến tự tướng. Số lượng của pháp này tự hiển bày. Vì sao nói về số lượng? Vì quyết định nên chỉ có năm pháp, không tăng không giảm. Pháp tức là nghĩa giữ lấy tự tướng, không phải là nghĩa dị thực của quả đem lại điều khả ái.

b. *Do thâm giữ*: Nghĩa là thâm giữ địa Đại giác. Đại giác là Phật, có đủ ba thứ thân: (1) Thân Tự tánh. (2) Thân Thọ dụng. (3) Thân Biến hóa. Phần sau sẽ nói rộng. Địa là cảnh giới nương dựa, thâm giữ, hành hóa của bậc Đại giác. An lập đối tượng duyên của tự tướng có sai biệt. Do tất cả pháp là cảnh giới, nên an lập đối tượng duyên là thâm giữ tất cả. An lập tự tướng thì chỉ thâm giữ tự thể hợp làm một. Trong địa Đại giác có vô biên công đức, lược nêu có hai thứ: (a) Hữu vi. (b) Vô vi.

Công đức vô vi thuộc về *Pháp giới thanh tịnh*. Pháp giới thanh tịnh tức là công đức vô vi của chân như, đều là thể tướng sai biệt của chân như.

Công đức hữu vi thuộc về *bốn trí*. Trong phần vi vô lậu dụng của trí rất mạnh, nên dùng trí để hiển bày tên gọi. Hết thấy thứ tâm, tâm sở hữu pháp cùng phẩm loại của pháp đó. Nếu căn cứ vào nghĩa thật, thì mỗi mỗi phẩm trí đều gồm đủ hết thấy pháp môn công đức. Nếu căn cứ vào tướng thô thì Trí Diệu quan sát thâm giữ bốn niệm trụ, quan sát tất cả pháp như thân v.v...

Trí Bình đẳng tánh thâm nhận bốn chánh đoạn và bốn vô lượng. Do bốn chánh đoạn tuy dùng tinh tấn làm tự tánh, nhưng do Trí Bình đẳng tánh của Như Lai đã thâm giữ, nên không có tướng cao thấp. Bốn vô lượng là hành bình đẳng nên thuộc về trí này. Bốn như ý túc vì lấy Tam-ma-địa làm tự tánh, nên thuộc về trí quan sát, nắm giữ tất cả môn Đà-la-ni. Về môn Tam-ma-địa, phần kinh sau sẽ nói đến.

Như thế, các tĩnh lự giải thoát còn lại như đẳng trì, đẳng chí, môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, vô tránh nguyện trí thông, vô ngại giải, mười tám pháp bất cộng của Phật, mười lực, bốn vô sở úy của Như Lai phần nhiều đều gồm thâm nơi Trí Diệu quan sát. Thần cảnh trí thông phần nhiều được gồm thâm nơi Trí Thành sở tác.

Lậu tận trí thông, lậu tận trí lực, hoặc nói là có bốn trí gồm thâm trong lậu tận tương tục, hoặc nói duyên nơi Niết-bàn lậu tận kia, phần nhiều đều được gồm thâm nơi Trí Đại viên cảnh và Trí Bình đẳng tánh.

Trí lực nơi hành của biến hành thứ bảy thuộc về bốn trí. Các căn như tuệ v.v... các lực như tuệ v.v..., phần nhiều được gồm thâm nơi Trí Đại viên cảnh và Trí Bình đẳng tánh. Giác chi, đạo chi phần nhiều được gồm thâm nơi Trí Bình đẳng tánh.

Mười trí chân vô lậu như khổ v.v... phần nhiều được gồm thâm nơi Trí Đại viên cảnh và Trí Bình đẳng tánh. Pháp không quên mất phần nhiều được gồm thâm nơi Trí Đại viên cảnh. Vĩnh viễn đoạn trừ tất cả các tập khí tương tục, phần nhiều được gồm thâm nơi Trí Đại viên cảnh của pháp giới thanh tịnh.

Ba-la-mật-đa, hoặc là vô lậu, hoặc giống như hữu lậu, phần nhiều được gồm thâm nơi hai trí sau. Các tướng tùy hình hảo, phần nhiều được gồm thâm nơi Trí Thành sở tác.

Các pháp Phật còn lại, như chỗ thích ứng, thuận theo sự thâm tóm tương ưng.

Bốn trí như thế gồm thâm đầy đủ tất cả Phật địa. Tâm vô lậu và tâm pháp, hoặc pháp cùng có, hoặc phẩm loại được biến hiện khác nhau, pháp giới thanh tịnh thâm giữ công đức của các tướng trên chân như. Thế nên, năm pháp gồm thâm đủ tất cả công đức của Phật địa.

c. Do danh hiệu: Là Pháp giới thanh tịnh nói rộng cho đến Trí Thành sở tác.

Pháp giới thanh tịnh: Là xa lìa các thứ chướng ngại cấu uế của tất cả khách trần nơi đối tượng nhận biết của phiền não. Tất cả các pháp hữu vi, vô vi v.v... đều ở nơi thật tánh thuận hợp. Hết thấy Thánh pháp là nhân cho sự nương dựa, sinh trưởng. Tự thể chân thật của tất cả Như Lai, từ vô thị đến nay, tự tánh luôn thanh tịnh, đầy đủ các thứ tánh tướng công đức, nhiều hơn số cực vi trần trong mười phương thế giới, không sinh, không diệt, như hư không, hiển bày nơi khắp tất cả pháp, tất cả hữu tình, bình đẳng cùng có, so với tất cả pháp, không một, không khác, không phải có, không phải không, xa lìa tất cả tướng, tất cả phân biệt, tất cả danh từ, lời nói, đều không thể thủ đắc, chỉ là Thánh trí thanh tịnh đã chứng đắc. Hai không vô ngã đã hiển bày chân như, là tự tánh của chân như. Các Thánh chứng đắc từng phần, chư Phật chứng đắc viên mãn. Như thế gọi là *Pháp giới thanh tịnh*.

Trí Đại viên cảnh: Là xa lìa tất cả chấp trước về ngã, ngã sở, xa lìa các thứ phân biệt về chủ thể nắm giữ, đối tượng được nắm giữ, xa lìa những hành tướng của đối tượng duyên, không thể thấu tỏ, không ngu si, không quên mất, nhận biết tất cả cảnh giới không phân biệt,

sự sai khác của tướng cảnh, tất cả thời gian, phương hướng không gián đoạn, vĩnh viễn xa lìa các chủng tử hữu lậu, mọi cấu uế của tất cả phiền não chướng. Hết thấy chủng tử của công đức vô lậu thanh tịnh viên mãn, có thể hiện khởi, có thể sinh ảnh tượng nơi các trí của tất cả cảnh giới, làm nơi nương dựa cho hết thấy ảnh tượng của thân tướng, cõi nước, nhận giữ tất cả công đức của Phật địa, cùng tận đời vị lai vẫn không dứt hết. Như thế gọi là *Trí Đại viên cảnh*.

Trí Bình đẳng tánh: Là quan sát mình và người, tất cả đều bình đẳng, đại từ, đại bi luôn cùng tương ưng, thường xuyên không gián đoạn, kiến lập Phật địa với Niết-bàn vô trụ, tùy thuận sự ưa thích của các hữu tình, thị hiện các thứ ảnh tượng của thân, cõi thọ dụng, không cùng chỗ dựa với Trí Diệu quan sát. Như thế gọi là *Trí Bình đẳng tánh*.

Trí Diệu quan sát: Là đối với sự sai biệt của tất cả cảnh giới, thường xuyên quan sát không trở ngại, thâm chứa tất cả môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, cùng các định vi diệu v.v... Đối với các chúng hội lớn, có khả năng hiện bày tất cả tác dụng tự tại, đoạn dứt mọi nghi ngờ, tuôn con mưa pháp lớn. Như thế gọi là *Trí Diệu quan sát*.

Trí Thành sở tác: Là trí này có thể hiện hữu khắp các thế giới, tùy thuận các hữu tình cần được giáo hóa, khiến họ thành thực, thị hiện vô lượng, vô số những sự việc biến hóa của Phật không thể nghĩ bàn, hành tác phương tiện tạo lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình không gián đoạn. Như thế gọi là *Trí Thành sở tác*.

Lại nữa, kiến lập năm pháp như thế là vì nhân, vì quả, vì sự khác nhau của quả. Vì nhân, tức là Pháp giới thanh tịnh, là nhân này có thể sinh trưởng Thánh pháp. Vì quả, nghĩa là Thánh trí duyên nơi quả kia mà sinh, nên nương dựa vào đấy. Vì quả của Thánh trí này về sai biệt có bốn, được kiến lập theo sự khởi hiện, nghĩa là duyên nơi pháp giới nhận giữ tất cả, tùy thuận nghe pháp, đối với các hữu tình

chúng được tánh bình đẳng giữa mình và người, mở bày chánh pháp bằng các phương tiện thù thắng, là nhân của lợi tha.

Lại nữa, kiến lập năm pháp như thế là vì tự thể của Phật, vì nhân, vì quả. Vì tự thể của Phật: Nghĩa là lấy chân như thanh tịnh làm thể tướng và trí không phân biệt duyên nơi cảnh ấy làm thể tướng. Vì nhân: Nghĩa là vô lượng thường xuyên, không gián đoạn, hiện Trí Bình đẳng tánh đối với các hữu tình. Vì quả: Nghĩa là đem lại lợi ích cho tất cả hữu tình. Vì hai trí thù thắng quan sát hữu tình có thể giáo hóa hay không giáo hóa, theo chỗ thích nghi của họ mà hoàn thành mọi việc.

Lại nữa, kiến lập năm pháp như thế, nghĩa là đối với quả vị của Phật địa có sai biệt, tức lấy quả của trí đoạn làm thể của Phật địa. Quả đoạn tức là Pháp giới thanh tịnh, vì trong đó tất cả chướng ngại đều vĩnh viễn đoạn dứt. Trí có bốn thứ như Trí Đại viên cảnh v.v... đối với Địa thuộc quả vị Phật, các phần vị của tâm, tâm pháp đã hiện hiện, do trong các công đức trí là thù thắng hơn hết nên lấy trí đặt tên, thâm giữ chung tất cả công đức hữu vi.

Lại nữa, kiến lập năm pháp theo pháp môn đã giảng nói như thế, thâm nhận tổng quát tất cả pháp Phật của Phật địa, thâm giữ chung các công đức vô vi. Do văn tuệ huân tập thành thực, nên nhận giữ tất cả các công đức thuộc về Phật địa. Nơi các hữu tình thường hiện khởi các sự việc đem lại lợi ích an lạc, bình đẳng, đã theo đuổi các môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, với vô biên, vô lượng phước trí trang nghiêm, có thể hoàn thành tất cả sự việc biến hóa, đem lại lợi ích an vui cho hữu tình.

Lại nữa, đã nói về bốn trí như thế, do chuyển từ pháp nào mà được? Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Do chuyển thức uẩn mà được trí”.

Vì sao chuyển tâm mà được tâm pháp và không phải được tâm pháp? Vì bốn tâm vô lậu và trí đều tương ưng, vì giả nêu nên gọi là trí, nên Luận đã nói như thế.

Hỏi: Chánh trí nên nói là thật có hay nên nói là giả có?

Đáp: Nên nói là có cả hai, ở đây trí là thật có. Nếu quyền thuộc của trí là các tâm, tâm pháp cũng gọi là trí, thì nói đó là giả, nên có hai thứ, trong ấy, tâm, tâm pháp vô lậu v.v... trí làm chủ nên đều gọi là trí. Chuyển chỗ dựa của thức uẩn được bốn trí vô lậu tương ứng với tâm, nghĩa là tâm Đại viên cảnh, nói rộng cho đến tâm Thành sở tác.

Chuyển thức thứ tám được Trí Đại viên cảnh tương ứng với tâm, có thể duy trì tất cả chủng tử của công đức, có thể biến hiện, có thể sinh ra tất cả thân, cõi, là ảnh tượng của trí.

Chuyển thức thứ bảy được Trí Bình đẳng tánh tương ứng với tâm, xa lìa hai chấp về tự, tha có sai biệt, vì đã chứng đắc tánh bình đẳng của tất cả các pháp.

Chuyển thức thứ sáu thành Trí Diệu quan sát tương ứng với tâm, vì có thể quan sát tất cả đều không ngăn ngại.

Chuyển năm hiện thức được Trí Thành sở tác tương ứng với tâm, vì có thể hiện hoàn thành mọi hành tác bên ngoài.

Lại có nghĩa: Chuyển thức thứ sáu được Thành sở tác, chuyển năm hiện thức được Diệu quan sát. Việc này không phải thế, vì không phải theo thứ lớp, do công việc giảng nói nói pháp dứt trừ nghi, cùng quan sát cùng khắp đều không phải là tác dụng của năm hiện thức.

Như thế, chuyển biến loại trừ trong phân vị sinh tử, bốn phẩm tương ứng với tâm và tâm pháp để thành bốn phẩm tương ứng với tâm và tâm pháp với quả vị Phật, nên đều gọi là trí.

Lại nữa, như thế là đã nói bốn trí tương ứng với phẩm tâm, là thuộc nơi đối tượng duyên nào? Trí Đại viên cảnh tương ứng với phẩm tâm, hoặc nói là một tướng, là trí không phân biệt chỉ duyên nơi chân như, không phải là trí hậu đắc, vì hành tướng của đối tượng

duyên đó không thể nhận biết. Hoặc nói là đủ các tướng, duyên nơi tất cả pháp. Luận Trang Nghiêm nói: “Trí Đại viên cảnh hiện bày khắp tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức, không tối tăm mê muội”. Trong kinh này nói, như dựa vào gương sáng tròn, mọi ảnh tượng đều hiện. Như thế, dựa vào gương trí của Như Lai, mọi ảnh tượng của các xứ, cảnh thức đều hiện bày.

Nói các xứ là sáu xứ bên trong. Nói các cảnh là sáu cảnh bên ngoài. Nói các thức là sáu thức.

Như vậy, trên trí có mọi ảnh tượng của mười tám giới ảnh hiện. Nên biết trí này duyên nơi tất cả pháp. Do trí cảnh này trong tất cả thời duyên nơi tất cả pháp, nên nói Đức Như Lai gồm đủ tất cả trí. Nếu không như thế thì các trí còn lại không nhất định nhận biết tất cả pháp và Đức Như Lai không thể gọi là bậc Nhất thiết trí.

Trí cảnh như thế, bên trong duyên nơi chủng tử công đức của tự thể, bên ngoài duyên nơi tất cả cảnh giới của đối tượng được nhận biết, hoặc chân, hoặc tục, hiện bày tất cả ảnh tượng như thân tướng, quốc độ v.v...

Duyên nơi biên nghĩa chân, gọi là trí không phân biệt. Duyên nơi biên nghĩa tục, gọi là trí hậu đắc. Tuy duyên nơi tất cả, nhưng các hành tướng vi tế thì không thể nhận biết rõ, như A-lại-da, dù duyên nơi ba cảnh, vì do vi tế, nên cũng nói là duyên nơi cảnh, nhưng không thể nhận biết rõ. Chẳng nên đem chỗ không thể nhận biết rõ đó để chứng tỏ trí cảnh này chỉ duyên nơi chân như là trí không phân biệt, không phải là trí hậu đắc. Các tâm, tâm pháp, thể tuy là một nghĩa, nhưng dụng thì có nhiều, tùy nơi dụng có khác biệt nên chia làm hai trí, cũng không có lỗi.

Cần đạt lý chân mới thấy rõ sự tục, nên tuy là nghĩa của một tâm nhưng nói có trước sau, hoặc giống như ở sau được nên gọi là trí hậu đắc.

Các trí khác cũng như thế. Trí Bình đẳng tánh tương ưng với phẩm tâm. Có nghĩa là trí này chỉ duyên nơi Trí Đại viên cảnh. Như ý nhiễm ô duyên nơi A-lại-da làm cảnh giới.

Có nghĩa trí này chỉ duyên nơi thật tế, chân như, duyên nơi tánh bình đẳng làm cảnh giới.

Về nghĩa như thật: Trí này cũng duyên nơi hết thảy làm cảnh, tức duyên khắp tất cả tánh bình đẳng. Luận Trang Nghiêm nói: “Trí Bình đẳng tánh duyên nơi tất cả hữu tình, vì tự tha đều bình đẳng, theo thắng giải của các hữu tình, thị hiện ảnh tượng của Phật”.

Trong kinh này nói: Vì chúng được tánh bình đẳng của mười tướng, tánh bình đẳng này chung cho cả chân, tục, nên duyên nơi tất cả cũng không có lỗi. Nếu không duyên nơi tục, tức không thể theo chỗ thắng giải của hết thảy hữu tình và thị hiện ảnh tượng của chư Phật. Cũng không nên cho thức Mạt-na nhiễm ô giống với trí bình đẳng, chỉ duyên nơi trí cảnh, vì phạm phu và Thánh nhân khác nhau, vì trái với Thánh giáo, vì những thứ còn lại không giống nhau.

Trí Diệu quan sát tương ưng với phẩm tâm, quán khắp tất cả tự tướng, cộng tướng đều không có chướng ngại khi duyên nơi tất cả cảnh giới của đối tượng nhận biết.

Trí Thành sở tác tương ưng với phẩm tâm. Có nghĩa chỉ duyên nơi năm thứ hiện cảnh. Luận Trang Nghiêm nêu: “Năm căn của Như Lai, mỗi mỗi đều chuyển biến nơi năm cảnh”.

Về nghĩa như thật: Thì Trí Thành sở tác cũng duyên nơi tất cả cảnh, đều không bị chướng ngại đối với cảnh nào.

Luận Trang Nghiêm nói: Trí Thành sở tác đối với tất cả cảnh giới khởi hiện vô số thứ biến hóa, không có số lượng, chẳng thể nghĩ bàn, tạo ra tất cả nghĩa lợi cho các hữu tình.

Trong kinh này cho: Trí Thành sở tác khởi tạo các sự việc biến hóa của ba nghiệp, quyết định lựa chọn về tám mươi bốn ngàn tâm

hành khác nhau của chúng sinh, diễn nói pháp đối trị, tạo ra bốn ký luận, nhận lãnh các nghĩa của quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì thế nếu trí này không duyên khắp tất cả cảnh giới, sẽ không có công năng ấy.

Lại nói tâm của Phật vốn tự tại, không chướng ngại, vì mỗi mỗi tâm đều có thể soi sáng tất cả cảnh, chỉ do lực của tác ý, hoặc duyên nơi một pháp hay duyên nơi tất cả. Và lại, nói năm căn đối với năm cảnh chuyển, vì không nói như thế thì không thành tự chứng.

Luận Tập Lượng nói: “Các tâm, tâm pháp đều chứng tự thể, gọi là hiện lượng”. Nếu không như thế thì như không từng thấy, không nên nhớ nghĩ. Thế nên bốn trí tương ưng với phẩm tâm, và mỗi mỗi trí cũng đều có thể soi sáng, nhận biết tự thể. Vì sao không mâu thuẫn với pháp thế gian? Như con dao không tự cắt đứt đầu ngón tay, nếu không thể chạm đến đầu ngón tay ấy. Không thấy ngọn đèn v.v... có thể tự soi sáng, làm thế nào nhận biết được đèn v.v... tự soi sáng? Hiện thấy không có bóng tối mà là ánh sáng hiện rõ. Nếu ngọn đèn không tự soi sáng thì phải có sự che khuất của bóng tối, nên không hiện thấy. Do đó, nên biết ngọn đèn v.v... đã tự soi sáng. Mà đèn v.v... không phải là bóng tối thì đâu cần soi chiếu nữa. Như cái bình, chiếc áo v.v... thể của chúng tuy không phải là bóng tối, nhưng nếu không có ngọn đèn v.v... soi sáng đến phía bị che khuất do bóng tối thì không được hiện thấy. Lúc ngọn đèn v.v... soi sáng trừ phía có bóng tối khiến được hiện thấy, được gọi là soi sáng. Ngọn đèn v.v... cũng thế, khi tự thể sinh khởi thì phía có bóng tối che khuất bị loại trừ, khiến hiện được thấy nên gọi là tự soi sáng.

Các tâm, tâm pháp tuy có hơn kém khác nhau, nhưng đều có thể duyên nơi bên ngoài, bên trong chứng đạt tự thể. Cũng như hào quang, đã có thể soi sáng cho người khác, cũng có thể tự soi sáng mình, không phải như các pháp như dao v.v... Pháp như thế không thể cùng một loại như nhau. Đây là căn cứ theo tướng thô nơi các

tâm, tâm pháp, đều có hai phần: Tướng, kiến mà nói. Như phân biện giải về tâm, tâm pháp trong Luận Tập Lượng đều nói có 3 phần:

- (1) Phần đối tượng được giữ lấy.
- (2) Phần chủ thể giữ lấy.
- (3) Phần tự chứng.

Ba phần như thế là không một, không khác: Phần thứ nhất là đối tượng được lường xét, phần thứ hai là chủ thể lường xét, phần thứ ba là quả của lường xét. Nếu phân biệt tỉ mỉ, cần phải có bốn phần, thì nghĩa trên mới được thành lập. Tức ba phần như trên, lại có phần thứ tư là phần chứng tự chứng. Hai phần đầu là bên ngoài, hai phần sau là bên trong. Phần thứ nhất chỉ là đối tượng được nhận biết, các phần còn lại chung cho cả hai thứ. Nghĩa là phần thứ hai chỉ nhận biết phần thứ nhất, hoặc hiện lượng, phi lượng, hoặc hiện lượng hoặc tỷ lượng. Phần thứ ba tự chứng có thể chứng cho phần thứ hai và chứng cho phần thứ tư. Phần thứ tư tự chứng có thể chứng cho phần thứ ba. Phần thứ ba và thứ tư đều thuộc về hiện lượng.

Do đạo lý này, nên tuy là một thể, nhưng vì nhiều phần hợp thành, nên là bất tức, bất ly, trong ngoài đều nhận biết, nên không phạm lỗi vô cùng. Vì thế kinh nói:

*Tâm chúng sinh hai tánh
Trong ngoài tất cả phần
Buộc do năng, sở thủ
Thấy vô số sai biệt.*

Tụng này ý nói: Tâm tánh của chúng sinh là do hai phần hợp thành. Hoặc trong hoặc ngoài đều bị trói buộc do chủ thể nhận lấy cùng đối tượng được nhận lấy, nên thấy có đủ các thứ hoặc lượng hay phi lượng, hoặc hiện lượng hoặc tỷ lượng phần nhiều đều sai biệt.

Bốn trí nơi phẩm tâm tuy có nhiều phần, nhưng đều thuộc về hiện lượng vô lậu. Về nghĩa này, như ở chỗ khác đã phân biệt rộng.

Về dụng của nghĩa thì có nhiều phần, nhưng không phải là thể có khác biệt. Như nơi một pháp có khô, vô thường v.v..., các thứ nghĩa đều riêng biệt nhưng thể là một.

Lại nữa, như thể là đã nói bốn trí tương ưng với phẩm tâm, là có tướng phần, kiến phần chẳng? Quyết định có kiến phần soi sáng và cảnh của đối tượng được soi sáng. Có phần tự chứng soi sáng chung cho kiến phần và phần chứng tự chứng. Vì phần chứng tự chứng soi sáng cho phần tự chứng, cũng quyết định là có. Nếu không có ba phần khác biệt như thế, tức không có đối tượng duyên, nên không gọi là trí, vì tướng phần không cố định.

Có nghĩa: Vì phẩm tâm vô lậu chân thật, không có chướng ngại, trực tiếp soi sáng cảnh trước, không đuổi theo tâm biến hiện, giống như tướng của cảnh trước. Vì tâm vô lậu, nên gọi là vô tướng, không phân biệt. Lại nói là duyên nơi cảnh không thể nghĩ bàn.

Có nghĩa: Phẩm tâm vô lậu chân thật, cũng có tướng phần, các tâm, tâm pháp, pháp như thế giống như cảnh hiển hiện, gọi là duyên, không phải như động tác giữ lấy vật dụng của chiếc kim v.v... không phải như ngọn đèn v.v... tỏa ra ánh sáng để soi chiếu cảnh vật, mà như gương sáng v.v... hiện ra hình ảnh soi sáng cảnh vật. Do cảnh giống nhau, ảnh hiện rõ và soi sáng, gọi là không chướng ngại. Không chấp giữ, không suy tính, gọi là vô tướng, cũng không phân biệt. Diệu dụng khó lường, gọi là không thể nghĩ bàn, không phải là không hiện ảnh. Nếu nói vô tướng thì không có tướng phần. Nói không phân biệt nên không có kiến phần, đều không có tướng phần và kiến phần nên như hư không, hoặc như sừng hổ v.v... do vậy không gọi là trí.

Vì không chấp giữ, không suy tính, nên nói là không có các tướng của chủ thể giữ lấy, đối tượng được giữ lấy, không phải là không dùng nghĩa soi sáng nơi cảnh, duyên tương tự. Nếu tâm vô lậu hoàn toàn không có tướng phần thì chư Phật không thể biến hiện các ảnh tượng của thân tướng và quốc độ v.v...

Như thế là trái ngược với nhiều nơi trong kinh luận. Nên chuyển chỗ dựa của sắc uẩn thì không được sắc, chuyển chỗ dựa của bốn uẩn nên không có thức v.v... là trở thành lỗi lớn.

Có nghĩa: Trí không phân biệt vô lậu, tương ưng với phẩm tâm, vì không phân biệt. Vì chân như của đối tượng duyên không xa lìa tự thể, nên như soi sáng tự thể, không có tướng phần riêng. Hoặc trí hậu đắc tương ưng với phẩm tâm, có phân biệt về cảnh giới của đối tượng duyên, hoặc lìa thể. Như cảnh tượng giống nhau của tâm hữu lậu, hiện bày rõ ràng nhờ duyên soi sáng. Nếu tâm vô lậu duyên lìa nơi cảnh của thể, không giống với tướng của thể mà được duyên, thì theo Luận Quán Sở Duyên: Không nên nói trên năm thức vì không có tướng giống như cực vi, nên không phải là đối tượng duyên của tâm vô lậu. Như thế, tướng cảnh đồng với tâm vô lậu, khi chủng tử vô lậu dậy khởi tác dụng, tuy có giống như pháp hữu lậu, nhưng vẫn không phải là hữu lậu. Như tâm hữu lậu tuy có giống với tướng vô lậu, như vẫn không phải là vô lậu.

Nên dừng sự bàn luận rộng. Phân biệt như thế là chỉ căn cứ theo đạo lý, ngôn thuyết của thể tục, không phải căn cứ nơi thắng nghĩa. Nếu căn cứ nơi thắng nghĩa thì lìa ngôn từ, dứt bật suy nghĩ. Đã không có kiến phần, tướng phần thì không thể nói nêu về tâm, tâm pháp v.v... vì lìa các thứ hý luận, nên không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, như thế là đã nói bốn trí tương ưng với phẩm tâm, có bao nhiêu tâm pháp cùng tương ưng với bốn trí? Có hai mươi một, nghĩa là năm biến hành, năm biệt cảnh và mười một pháp thiện.

Do đối với mọi nơi chốn thường hiện hành khắp. Đức Như Lai luôn ưa thích hiểu rõ về cảnh của đối tượng được nhận biết, mong muốn không giảm. Dấu ấn nơi cảnh được thắng giải luôn không giảm. Từng hiểu rõ cảnh thọ nhận về niệm không giảm, nên Đức Như Lai không có tâm bất định, luôn quyết định lựa chọn, vì thường

tương ưng với niềm tin cực tịnh v.v... nên Đức Như Lai không nhiễm ô, không ham ngủ nghỉ, vì không hồi hận, vì hiện chứng, tất cả không có tầm tứ. Phẩm tâm hữu lậu có hơn kém không nhất định, nhưng đối tượng duyên bị ngăn ngại, tương ưng với tâm pháp hoặc nhiều hay ít. Phẩm tâm vô lậu luôn tự tại không ngăn ngại, tâm pháp bình đẳng, không gây chướng ngại cho nhau.

Lại nữa, như thế là đã nói bốn trí tương ưng với phẩm tâm, với quả vị nào mới chứng đắc đầu tiên? Ở phân vị nào đang hiện hành chủng tánh vô lậu, vốn có từ vô thi, dựa vào thức dị thực, sinh diệt nối tiếp?

Sau khi phát tâm xong, do sức huân tập bên ngoài, dần dần tăng trưởng, Trí Đại viên cảnh tương ưng với phẩm tâm, khi Định kim cang dụ hiển hiện ở trước, chuyển biến diệt trừ tất cả chủng tử hữu lậu nơi thức dị thực v.v... Bây giờ mới được hiện hành đầu tiên tất cả chủng tử vô lậu của quả vị Phật, nương dựa viên mãn, tận cùng nơi đời vị lai, thường không gián đoạn nên Trí Bình đẳng tánh tương ưng với phẩm tâm.

Bồ-tát Địa thứ nhất, lúc mới hiện quán lần đầu, mới khởi hiện hành. Từ đây trở đi, trong các Địa về sau, tu tập khiến tăng trưởng, thanh tịnh viên mãn. Khi quan sát vô lậu v.v... đã hiển hiện trước mắt thì luôn luôn hiện hành. Nếu khi tâm hữu lậu hiện tiền, tức là gián đoạn. Cứ lần lượt như thế, cho đến mười Địa, là lúc tâm sau cùng, từ đây trở đi, tận cùng nơi đời vị lai, thường không gián đoạn.

Như ở phần vị hữu lậu, thức A-lại-da luôn cùng khởi hiện với toàn bộ thức Mạt-na.

Trí Đại viên cảnh trong phân vị vô lậu, cũng thường xuyên khởi hiện cùng một lúc với Trí Bình đẳng tánh, nên Trí Bình đẳng tánh cũng không gián đoạn. Trí Diệu quan sát tương ưng với phẩm tâm, cũng ở tại Địa thứ nhất. Khi mới hiện quán, lần đầu mới hiện

hành. Từ đây về sau, tu tập dần được tăng trưởng. Nếu khi tâm hữu lậu chính thức hiện tiền, hoặc khi không có tâm thức đã gián đoạn. Lần lượt như thế cho đến quả vị Phật. Nếu nhập định diệt tận cũng không hiện hành. Trí Thành sở tác tương ưng với phẩm tâm. Nghĩa là các quả vị từ Địa thứ nhất trở lên đều được hiện hành, vì đã đi vào dòng pháp.

Về nghĩa như thật: Nơi quả vị Phật mới khởi, do trong mười địa còn có thức dị thực đã biến đổi năm căn, không phải là vô lậu, nên có thể dựa vào năm thức, cũng không phải là vô lậu. Năm căn hữu lậu phát sinh thức vô lậu là điều chưa từng thấy. Ở trên quả vị Phật, trí ấy cũng không thường hiển hiện trước mắt, vì tác ý khởi hiện thường xuyên bị gián đoạn.

Bốn trí như thế tương ưng với chủng tử của phẩm tâm, vốn có từ vô thủy, vì pháp như thế là không từ sự huân tập sinh, gọi là bản tánh trụ nơi chủng tánh. Sau khi phát tâm lần đầu, do duyên bên ngoài huân tập, phát triển tăng dần, gọi là chủng tánh do tu tập thành.

Từ Địa thứ nhất trở lên, tùy vào chỗ thích ứng mới được hiện khởi. Thường là do sự huân tập ngày càng thêm tốt đẹp, cho đến khi chứng đắc Định kim cương dụ. Từ đây về sau, tuy thường hiện hành, không còn huân tập, nhưng lại khiến tăng trưởng công đức được viên mãn, không thể gia tăng nữa. Sự duy trì chủng tử nơi thức tịnh đã không phải là vô ký, nên không thể huân tập. Do đó công đức của Phật trước và Phật sau cho là nhiều, ít đều trở thành lỗi lầm.

Bốn trí như thế tương ưng với phẩm tâm, hoàn toàn là thiện, hoàn toàn thuộc về Đạo đế vô lậu. Vì chư Phật không có chủng tử của tất cả các pháp hữu lậu, nên tuy trong hiện tại, chư Phật còn hóa làm thân sinh tử với nghiệp, phiền não v.v... giống như là Khổ đế, Tập đế, nhưng thật ra là thuộc về Đạo đế vô lậu. Do tùy thuận tướng thế tục nên gọi là năm uẩn, mười hai xứ và mười tám giới v.v..., nhưng

thật sự không phải là thuộc về uẩn, xứ, giới. Vì đã lia hý luận, nên lia các tướng. Năm pháp như thế đều chung có giả, thật, không nhờ vào ngôn thuyết, tên gọi, vì căn cảnh còn lại này đều là thật có. Nếu nhờ vào tên gọi, ngôn thuyết, thì căn, cảnh còn lại ấy đều là giả có.

Lại, lấy chân như của pháp giới thanh tịnh làm thể, là thật có. Dựa vào chân như để kiến lập các tướng như trạch diệt v.v... là giả có. Các tâm, trí v.v... các sắc xanh, vàng v.v... là thật có. Không phóng dật v.v... các hình sắc dài ngắn v.v... là giả có. Nên dừng, không bàn luận rộng, nên giải thích bản văn.

d. Do quyết định lựa chọn nghĩa sai biệt: Lược nêu có 3 phần:

(1) Quyết định lựa chọn năm pháp sai biệt.

(2) Quyết định lựa chọn thọ dụng hòa hợp một vị với sự, trí.

(3) Tụng tổng kết về tướng của pháp giới thanh tịnh, gồm đủ các công đức.

Trong ba thân sai biệt và năm pháp khác nhau, theo thứ lớp, mỗi mỗi thứ đều có quyết định lựa chọn.

** Kinh nói:* “*Diệu Sinh nên biết! Pháp giới thanh tịnh ví như hư không tuy hiện bày khắp các sắc với vô số thứ tướng, nhưng không thể nói có vô số thứ tướng, vì thể của hư không chỉ có một vị. Như thế, Pháp giới thanh tịnh của Như Lai tuy hiện hữu rộng khắp đến vô số loại tướng nơi cảnh giới của đối tượng được nhận thức, nhưng không thể nói là có vô số tướng, vì thể chỉ có một vị*”.

** Luận nêu:* Sau đây sẽ nêu bày về tướng của **Pháp giới thanh tịnh**. Giải thích vấn nạn về quyết định lựa chọn pháp giới sai biệt.

Nghĩa là có vấn nạn: Nếu các Như Lai cho pháp giới là tánh, thì pháp giới là dụng, chân như là thể. Chân như tức là tướng chung của các pháp. Các pháp đã có các thứ sai biệt, thì pháp giới cũng theo các pháp đó, làm sao pháp giới lại không có các thứ sai biệt? Nếu

pháp giới có vô số thứ sai biệt thì làm sao thanh tịnh? Vì không phải là Phả-chi-ca (pha lê) với vô số sự nương dựa cùng tương ưng chung, nên không có vô số tướng.

Nhằm giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai đã nêu dẫn dụ thứ nhất về hư không rộng lớn.

Ví như hư không tuy hiện bày khắp các sắc với vô số thứ tướng: Tức như hư không của thế gian tuy hiện bày khắp nơi tất cả sắc có hình tướng trở ngại v.v... không cùng loại trong tướng sai biệt, do phẩm loại sai biệt, nên gọi là vô số chủng loại. Tự thể của chúng đều tập trung nơi phần trên như giác tuệ v.v... và hiển hiện rõ ràng nên gọi là tướng, tức là hành tướng.

Nhưng không thể nói là có vô số thứ tướng: Tức như hư không ấy không thể nêu bày là có vô số các sắc tướng với hình thể ngăn ngại. Do hư không này, tánh của nó là tự như thế, là không nên nói, nên gọi là không thể nêu bày, hoặc không có khả năng nói nên gọi là không thể nói. Nghĩa là vì tánh của hư không ấy là như thế, không thể nói là có vô số chủng loại là chủ thể biểu thị các sắc tướng, cũng không thể nói là có vô số chủng loại là đối tượng được biểu thị các sắc tướng. Nhưng thấy hư không có vô số các thứ tướng, cùng có thể nói là có vô số các thứ tướng, tức sự thấy vô số sắc tướng trong hư không ấy không phải là thấy hư không. Cùng giả nêu là có vô số sắc tướng như xanh, vàng v.v..., hoặc dài, ngắn v.v..., đều không phải thật là có. Không phải giả nói là có tức có thật sự. Vì sao hiện bày khắp trong hết thảy các sắc? Vì không có vô số các thứ tướng.

Vì Thể của hư không chỉ có một vị: Không phải hư không này do cùng với vô số các sắc tương ưng nên thành vô số chủng loại tướng. Không bỏ tự tánh vì Thể chỉ có một vị, không chướng ngại, không có tướng khác biệt.

Như thế, Pháp giới thanh tịnh của Như Lai v.v...: Như hư không của thế gian có thể tánh hay không có thể tánh? Tuy hiện bày khắp

trong tất cả hình sắc có chất ngăn ngại, nhưng không tùy thuộc để trở thành các hình thể trở ngại có sai biệt. Cũng không thể nói là hư không có các sắc tướng. Tuy cũng nói là có, nhưng chỉ là giả, không phải là thật. Do hư không ấy không bỏ tự tướng của nó để nhận lấy tướng khác. Như tuy giả nói là hư không, nhưng tánh của hư không thật ra không thể nêu bày. Pháp giới thanh tịnh cũng lại như thế. Tuy giả nói là chân không, chân không, nhưng tánh của chân không thật sự là không thể nêu bày. Do hư không ấy như trước đã nói, nhân nơi vô số các thứ nương dựa cùng tương ưng như Phả-chi-ca (pha lê).

Pháp giới nên có vô số chủng loại riêng biệt, tức có lỗi không nhất định. Hiện thấy hư không, tuy tương ưng với vô số sắc tướng, nhưng không có các chủng loại sắc tướng như khói, sương mù v.v... cùng tương ưng với hư không, nên có lúc trông thấy khoảng không gian có các thứ tướng, do sức phân biệt hư vọng của mình, nên chỉ trông thấy có vô số tướng như khói v.v..., không phải trông thấy hư không, vì tánh của hư không là không thể trông thấy.

Như thế, do sức tăng thêm của tự thân phân biệt hư vọng, nên chỉ thấy có các thứ tướng như sắc v.v..., không phải là pháp giới thanh tịnh.

Trong Pháp giới thanh tịnh, tuy không có vô số giáo pháp, ngôn thuyết của cảnh giới chân thật, nhưng vẫn có sự chuyển biến nơi tướng sai biệt của giáo pháp và các thứ cảnh giới, vì không phải do pháp giới kia có vô số tướng, nên cũng khiến cho pháp giới có vô số tướng.

Vì Pháp giới thanh tịnh vốn là những danh từ, ngôn thuyết. Tất cả danh, ngôn đều dùng sự phân biệt được đầy khởi làm cảnh. Nhưng các giáo pháp cũng không vô ích, vì là nhân để lần lượt chứng được pháp giới. Như vừa nhìn thấy chữ trong sách là hiểu ngay nghĩa được giảng nói. Do giáo pháp này là tâm đại bi của chư Như Lai đã lưu xuất, nên có thể lần lượt giảng nói nghĩa xa lìa mọi ngôn thuyết. Như dùng các màu sắc rực rỡ để vẽ chúng trong hư không là việc rất hy

hữu. Nếu dùng ngôn thuyết để nói về nghĩa lìa ngôn thuyết, lại hơn cả ví dụ kia.

Như nói: Đây Hải Tuệ! Ví như có người dùng các thứ màu sắc rực rỡ để vẽ vào hư không là nơi không sắc, không thấy, không đối, không biểu thị, như vẽ lên bức tường thì thật là chuyện hy hữu. Chư Phật Thế Tôn đã chứng đắc pháp hết sức thâm diệu, lìa mọi ngôn thuyết, nhưng có thể dùng ngôn thuyết, vì các hữu tình, Bồ-đặc-già-la nêu bày, khai thị, giảng nói, lại còn khó hơn dụ vừa nêu trên. Nói rộng như thế.

Lại, pháp giới dùng Phả-chi-ca (pha lê) làm tánh, cũng là thanh tịnh, không phải là dụ đồng pháp, vì nghĩa của chỗ lập nhân, nếu tùy thuộc một thì không thành, hoặc cả hai cũng đều không thành.

** Kinh nói: “Lại như hư không tuy hiện bày khắp các sắc không cùng lìa bỏ, nhưng không bị các sắc làm cho nhiễm ô. Như thế, pháp giới thanh tịnh của Như Lai tuy hiện hữu khắp tâm tánh của tất cả chúng sinh, do chân thật nên không cùng lìa bỏ, nhưng không bị các lỗi lầm của chúng sinh làm cho cấu nhiễm”.*

** Luận nêu: Lại có vấn nạn: Nếu Pháp giới thanh tịnh hiện bày khắp trong tất cả cảnh giới của đối tượng được nhận biết, tức cũng cùng với các thứ phiền não cấu uế như tham v.v... tương ưng, thì vì sao không như các phẩm tâm, tâm pháp hữu lậu khác là không thanh tịnh?*

Để giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai đã nêu dẫn dụ thứ hai về hư không rộng lớn.

Lại như hư không tuy hiện bày khắp các sắc không cùng lìa bỏ: Tức không có xứ riêng, nên gọi là không cùng lìa bỏ. Vì hư không hiện bày khắp tại hành bên trong, không thấy hiện bên ngoài. Đã ở nơi hành bên trong, không thấy hiện ra bên ngoài, nên không thể nói nhất định là một hay là khác. Nếu có xứ riêng, thì hư không ấy phải có hình tướng trở ngại, nên là vô thường.

Nhưng không bị các sắc làm cho nhiễm ô: Tức như hư không rộng lớn kia, tuy hiện bày khắp tất cả hình sắc nội có chất ngăn ngại, nhưng vẫn không bị nhiễm ô do lỗi lầm của sắc.

Lỗi lầm của sắc: Nghĩa là nhân làm sinh trưởng các thứ như tham, giận v.v... không phải do các thứ tướng dị biệt như xanh, vàng v.v...

Lại ở trong hư không, hết thấy các thứ màu sắc hình ảnh hiện có như mây, sương mù v.v... có thể khiến cho hư không xả bỏ tướng thanh tịnh, cũng có thể gây chướng ngại cho phát sinh cái thấy thanh tịnh về hư không, nên gọi là lỗi lầm của sắc.

Lại, tướng của cảnh nơi sự gia tăng trên tâm đó gọi là lỗi lầm của sắc. Vì tùy thuận ý của người khác, nên Như Lai mới nói như trước, không phải hư không rộng lớn bị nhiễm ô do lỗi lầm của các sắc kia, vì tự tánh của hư không vốn thanh tịnh.

Như thế, Pháp giới thanh tịnh của Như Lai tuy hiện hữu khắp trong tâm tánh của tất cả chúng sinh, do chân thật nên không cùng lìa bỏ: Tức như tự tâm của Phật là thanh tịnh chân thật, là bản tánh sáng sạch, bản tánh thanh tịnh, nên tâm tánh của hết thấy chúng sinh cũng thế, là bản tánh chân thật, bản tánh thanh tịnh.

Bản tánh của tâm, tức là chân như. Tâm của tất cả chúng sinh tánh đều bình đẳng. Như nói: Do đâu nói là tâm bình đẳng? Do tánh không nên nói là tâm bình đẳng. Như thế cho đến nói rộng. Bản tánh của tâm, tức pháp tánh của tâm hiện bày khắp trong tâm tánh của tất cả chúng sinh. Thế nên gọi là tánh bình đẳng của tâm.

Vì biện giải về pháp tánh của tâm như thế, nên nói do chân thật nên không cùng lìa bỏ, vì tâm tánh của hữu tình ấy vốn thanh tịnh. Tuy bản tánh thanh tịnh, nhưng do khách trần hiện có gây nhiều trở ngại cấu uế nên phải xa lìa, an lập nơi chân tâm thanh tịnh của Như Lai.

Lại, tánh bình đẳng nơi tâm của các hữu tình tức là sự chân thật thuộc về tự tánh viên thành thật. Do tướng chân thật của tánh bình đẳng nơi tâm các hữu tình, nên biểu thị là không lìa bỏ, vì tâm của các chúng sinh lại là tướng chân thật của tâm tánh, biểu thị là không lìa bỏ. Vì tâm tánh của tất cả hữu tình đều được chuyển biến. Ở đây ý nói: Do chuyển biến khắp, nên không cùng lìa bỏ.

Nhưng không bị các lỗi lầm của chúng sinh làm cho cấu nhiễm:
Do bản tánh vốn thanh tịnh.

Lỗi lầm tức là như tham v.v... có thể khiến cho tướng của tâm thành lỗi lầm, thành cấu nhiễm. Tuy bị khách trần phân biệt chuyển biến, nhưng chúng không phải là thể của tâm, nên không thể hoàn toàn bỏ để có thể khiến được thanh tịnh.

Dựa nơi mật ý này nên nêu bày như vậy. Tâm ấy, bản tánh thanh tịnh, sáng sạch, là pháp tánh của tâm nên gọi là tâm, chẳng phải là lìa pháp tánh của tâm mà có tâm thanh tịnh của tánh khác. Vậy vì sao tâm của hữu tình có tham v.v...? Là do lực tự phân biệt đã nhận giữ nên chỗ điên đảo của tâm chưa vĩnh viễn đoạn trừ. Đây là do lực của vô minh đã đẩy khởi. Nghĩa này ý nói: Ví như hư không, bản tánh tuy tịnh, nhưng người đang bị đau mắt tướng điên đảo hiện, nên thấy hư không tựa như không thanh tịnh. Như thế, bản tánh của pháp giới tuy thanh tịnh, nhưng do tự phân biệt nên đã đẩy khởi lực của các nhân duyên như tham v.v... Màng mắt bệnh vô minh gây tổn hại cho mắt tuệ, tướng điên đảo hiện khiến thấy pháp giới như là không thanh tịnh. Như mắt tuệ của bậc Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên vĩnh viễn không thấy cấu uế.

Lại, Pháp giới thanh tịnh nếu không sai biệt, thì Nhất thiết chủng tịnh được gọi là Pháp thân của tất cả Như Lai, cũng gọi là thể tánh chân thật của Như Lai, nơi tất cả thời thường không biến đổi.

Do pháp giới này, nên tâm của tất cả hữu tình bình đẳng hiện hữu trong sự tương tục, thế nên nói như vậy: “Tất cả hữu tình là Như

Lai tạng. Tất cả hữu tình đều có Phật tánh”, vì nhằm dẫn dắt số hữu tình thuộc chủng tánh không nhất định, khiến tâm quyết định hướng về Đại thừa.

Theo các hữu tình có chủng tánh Như Lai nên nói như thế này: “Tất cả hữu tình đều sẽ thành Phật”.

Như có chỗ nói: “Tất cả vô thường, tất cả đều khổ”.

Như thế đều là nói một phần ít nơi tất cả, không phải nói là toàn phần trong tất cả. Nếu không như thế thì trái với điều đã giảng nói về năm thứ chủng tánh. Hoặc cho công đức của chư Phật sẽ phải cùng tận, không có ai được hóa độ, tức trái với chỗ đã nêu giảng: “Công đức của Như Lai là thường còn, không dứt hết, chẳng phải là vô ích, vì thường trụ ở thế gian, vì bản nguyện độ sinh khiến cho chúng sinh đều cầu quả vị Phật”.

Pháp giới thanh tịnh này tuy hiện bày khắp tất cả, bình đẳng đều có, nhưng do sức chướng ngại của mình đã giữ lấy, như người mù bẩm sinh ở thế gian không thấy được mặt trời, mặt trăng. Như có tụng nói:

*Tội chúng sinh không hiện
Như trăng nơi chấu vỡ
Đầy khắp các thế gian
Pháp sáng như mặt trời.*

Do đạo lý này, như trước đã nói, cũng cùng tương ưng với các phiền não cấu uế như tham v.v... như phẩm tâm, tâm pháp hữu lậu khác, nên Pháp giới thanh tịnh trở thành không thanh tịnh: Tức có lỗi không quyết định. Hư không tuy tương ưng với chỗ cấu uế của sắc, nhưng hư không chẳng phải là không tịnh. Phẩm tâm, tâm pháp, tuy tương ưng với các phiền não như tham v.v..., nhưng lại dùng Pháp giới thanh tịnh làm tánh, nên chúng không phải là không thanh tịnh. Đây không phải là dụ đồng pháp.

Như nói ý lạc không thanh tịnh: Là do thấy tâm không tịnh, theo đó cũng nói pháp giới không tịnh, vì tướng thanh tịnh không hiển hiện.

Ý lạc thanh tịnh: Tuy thấy cùng với các cấu uế như tham v.v... tương ưng, nhưng bản tánh của tâm là thanh tịnh, không cấu nhiễm, nên pháp giới thường thanh tịnh.

Nhân đã lập kia, như trước là không thành, do pháp giới này hiện bày khắp tất cả. Ví như hư không, lỗi của các hữu tình không thể làm cho cấu nhiễm. Đây là nói pháp giới hiện bày khắp tất cả, là chỗ giữ lấy pháp không thấy đều là có, không đợi để thành lập.

** Kinh nói: “Lại như hư không hàm chứa tất cả nghiệp nơi thân, ngữ, ý, nhưng hư không ấy không có khởi tác. Như thế, Pháp giới thanh tịnh của Như Lai hàm chứa Nhất thiết trí với tất cả sự biến hóa tạo lợi ích cho chúng sinh, nhưng Pháp giới thanh tịnh không có khởi tạo”.*

** Luận nêu: Lại có vấn nạn:* Nếu Pháp giới thanh tịnh của chư Như Lai lấy chân như làm thể, thì không hý luận, cũng không khởi tác, thì vì sao có thể dung nạp nhân duyên phát sinh trí để tạo lợi ích cho hữu tình? Nếu dung nạp trí phát sinh tức có khởi tác, vậy sao nói Như Lai lại lấy chân như làm tướng?

Nhằm giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai đã nêu dẫn dụ thứ ba về hư không rộng lớn.

Lại như hư không hàm chứa tất cả nghiệp nơi thân, ngữ, ý: Tức như hư không rộng lớn, tuy không tác ý mà vẫn có thể dung nạp ba nghiệp của hữu tình. Hai nghiệp thân, ngữ vì có hình tướng ngăn ngại, có thể cần sự dung nạp. Còn ý nghiệp thì thế nào? Không có hình chất, không có đối ngại, vì sao vẫn cần hư không dung nạp? Tức do sự này, nên gọi là dung nạp. Nghĩa là khi chúng phát sinh thì không bị chướng ngại. Vật có đối ngại cũng do lúc phát sinh không

có chướng ngại, nên gọi là chỗ dung nạp của hư không. Pháp này cũng như thế. Khi sinh không bị chướng ngại mà được sinh, nên cũng được gọi là hư không dung nạp. Lại, vật có đối, lúc không bị đối ngại, có thể dung nạp các vật khác được qua lại.

Dựa vào pháp ấy, nên trên đây đã giả lập về hư không. Nghiệp của ý cũng thế. Khi sắp sửa diệt thì thọ nhận vật khác khiến được sinh khởi. Vậy sao lại không được dựa vào pháp ấy nên ở trên giả lập về hư không. Nếu khác với pháp này mà thật có hư không hiện bày khắp tất cả nơi chốn thì làm sao dung nạp? Nếu thể của hư không là thật có vì không chướng ngại, pháp khác được sinh, gọi là dung nạp: Tức tất cả pháp không có sắc thật có thể đều không chướng ngại, đều có thể dung nạp, nên gọi là hư không.

Có nơi khác nói: Vì chỉ không có sắc nên gọi là hư không: Là căn cứ theo tướng thô cả thể gian cùng biết mà nói. Thế nên hư không dung nạp cả ba nghiệp cũng không có lỗi.

Nhưng hư không ấy không có khởi tác: Nghĩa là không phải hư không này phân biệt như vậy: “Ta dung nạp vật này không thọ nhận vật kia”. Tuy không tác ý mà có thể dung nạp.

Mặt trời, mặt trăng, ngọn đèn v.v... với ánh sáng hiện có cũng lại như thế. Tuy không tác ý phân biệt kia đây, nhưng pháp như thế khi phát sinh có thể soi chiếu các sắc. Ngọc báu Như ý cũng lại như thế, dù không tác ý nhưng có thể làm thỏa mãn ý nguyện của chúng sinh. Các thí dụ khác cũng vậy. Lại nêu chỗ giống với hư không để hiển bày tất cả.

Như thế, Pháp giới thanh tịnh của Như Lai hàm chứa Nhất thiết trí với tất cả sự biến hóa tạo lợi ích cho chúng sinh: Nghĩa là Pháp giới thanh tịnh của các Như Lai theo tánh mà an trụ, không có tác ý, an lập tất cả các việc lợi ích cho chúng sinh.

Nhất thiết trí: Là Trí Đại viên cảnh v.v...

Tất cả sự biến hóa: Là thân, ngữ, ý biến hóa.

Tất cả sự việc tạo lợi ích cho chúng sinh: Là có thể hoàn thành sự việc tạo lợi lạc thù thắng cho tất cả hữu tình.

Pháp giới thanh tịnh có thể hàm chứa: Tức khi pháp kia sinh khởi thì pháp giới làm nhân hỗ trợ.

Nhưng Pháp giới thanh tịnh không có khởi tác: Tức tác ý gọi là khởi. Có thể khiến cho tâm của hữu tình bỏ cảnh giới khác hướng đến duyên khác. Nên tâm động gọi là tác. Tâm suy nghĩ, dao động tức có đối tượng được tạo tác. Nghĩa là Pháp giới thanh tịnh tuy không tác ý, nhưng tâm suy nghĩ, dao động, vẫn có thể dung nạp các thứ biến hóa của trí tạo lợi ích cho hữu tình.

Lại nữa, thọ nhận, dung nạp sự biến hóa của Nhất thiết trí nhằm tạo lợi ích cho chúng sinh: Nghĩa là Pháp giới thanh tịnh thọ nhận tất cả hai thân thọ dụng, biến hóa, vì tạo ra nhân tạo lợi ích cho hữu tình là không cùng tận, nên hết sức rộng lớn, vì không đối ngại. Tuy không phân biệt, nhưng do lực tăng thượng nên có thể phát sinh việc lợi ích.

Nghĩa tổng quát này nói: Như hư không bình đẳng dung nạp những chuyển biến, tác dụng của sắc khi phát sinh v.v... tuy không có các thứ tác ý phân biệt, hý luận của ngã, ngã sở, nhưng do lực của pháp như thế đã tạo ra tất cả tác dụng sai biệt rộng khắp.

Như vậy, Đức Như Lai an trụ nơi cảnh giới vô lậu, tuy không có tất cả những thứ phân biệt, tác ý, hý luận của ngã và ngã sở v.v..., nhưng do trước đây Như Lai đã tu tập thệ nguyện lớn với diệu lực nên có khả năng khởi các biến hóa của Nhất thiết trí, làm lợi ích cho chúng sinh.

Như thế, Như Lai an trụ nơi Pháp thân khó nghĩ bàn bậc nhất. Do diệu lực của thệ nguyện trước đã nhận giữ vững nên tất cả tướng tốt, công đức trang nghiêm, tận cùng biên vực sinh tử, số lượng kiếp

nối tiếp nhau, tuy không phân biệt, nhưng tạo ra những biến hóa của Nhất thiết trí tạo lợi ích cho chúng sinh.

Đức Như Lai tuy không phân biệt như thế này: Ta đối với sự nghiệp như thế, như thế, nên làm hay không làm, nhưng do diệu lực của bản nguyện, nên có thể hành tác hết thảy. Như trước kia đã phát nguyện, hoặc đi vào giấc ngủ, hoặc nhập Định diệt tận, tuy không tác ý, nhưng vẫn tùy thuận chúng sinh cần được giác ngộ mà xuất định.

Như Kinh Hải Tuệ, Đức Phật đã nói: “Như các Bì-sô cần chờ được nghe tiếng chuông mới nhập định diệt tận, nhưng không nghe tiếng chuông cũng không phân biệt, do diệu lực nơi sự mong cầu nên xuất định đúng giờ”. Nói rộng như thế.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN KINH PHẬT ĐỊA

QUYỀN 4

** Kinh nói: “Lại như trong hư không có vô số các sắc tướng hiện sinh, hiện diệt, nhưng hư không ấy không sinh, không diệt. Như thế, trong Pháp giới thanh tịnh của Như Lai, việc tạo lợi ích cho chúng sinh do các trí biến hóa hiện sinh, hiện diệt, nhưng Pháp giới thanh tịnh thì không sinh, không diệt”.*

** Luận nêu: Lại có vấn nạn: Nếu Pháp giới thanh tịnh hiện bày khắp trong cảnh giới của đối tượng được nhận biết, không cùng lìa bỏ, hoàn toàn tùy chuyển, thì pháp giới nên có sinh, diệt. Nếu không sinh diệt, thì không phải là hiện bày khắp cảnh giới của đối tượng được nhận biết, không cùng lìa bỏ, hoàn toàn tùy chuyển.*

Nhằm giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai đã nêu dẫn dụ thứ tư về hư không rộng lớn.

Lại như trong hư không có vô số các sắc tướng hiện sinh, hiện diệt v.v...: Nghĩa này ý nói: Như hư không rộng lớn hiện bày khắp tại các sắc, thọ nhận sắc tướng, không cùng lìa bỏ, hoàn toàn tùy chuyển. Tuy các sắc lại hiện sinh, hiện diệt, nhưng tánh của hư không thì không sinh, không diệt. Như thế, Pháp giới thanh tịnh của Như Lai hiện bày khắp tất cả cảnh, hàm chứa Nhất thiết trí đã biến hóa tạo các việc làm lợi ích cho chúng sinh, không cùng lìa bỏ, hoàn toàn tùy

chuyển. Trí tuy có hiện sinh, hiện diệt, nhưng Pháp giới thanh tịnh thì không sinh, không diệt.

Căn cứ theo mật ý này, trong Khế kinh nói: “Này Mạn-thù-thất-lợi! Không sinh, không diệt, nên gọi là Như Lai”, cho đến nói rộng.

Căn cứ vào Thắng nghĩa đế, thì các pháp như sắc v.v... cũng không sinh, không diệt.

Dựa theo Tục đế: Nêu bày sinh, diệt, nên nói là hiện. Ý này nói: Căn cứ nơi tướng thể tục thì hiện có sinh, diệt, không phải là thể của Thắng nghĩa, thật có sinh, diệt. Trong Pháp giới thanh tịnh, các trí biến hóa tạo lợi ích cho chúng sinh, cũng lại như thế.

*** Kinh nói:** *“Lại như trong hư không có vô số các sắc tướng hiện tăng, hiện giảm, nhưng hư không ấy thì không tăng, không giảm. Như thế, trong Pháp giới thanh tịnh của Như Lai đã hiển bày Thánh giáo cam lồ của Như Lai có tăng, có giảm, nhưng Pháp giới thanh tịnh thì không tăng, không giảm”*.

*** Luận nêu:** *Lại có vấn nạn:* Nếu Pháp giới thanh tịnh hiện bày khắp tất cả, không cùng lìa bỏ, Thánh giáo của Như Lai hiện thấy có tăng, về sau sẽ giảm diệt. Pháp giới đồng với Thánh giáo kia, nên có tăng, giảm. Nếu như thế thì pháp giới phải là không thanh tịnh.

Để giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai đã nêu dẫn dụ thứ năm về hư không rộng lớn.

Lại như trong hư không có vô số sắc tướng hiện tăng, hiện giảm v.v...: Tức Thánh giáo của Đức Như Lai đối với những giáo pháp hơn kém của các ngoại đạo nơi tất cả thế gian là chân thật, thù thắng, thanh tịnh hơn hết, cũng như đề hồ, cũng như cam lồ, khiến chúng sinh chứng đắc Niết-bàn, vĩnh viễn không còn sinh tử. Thánh giáo như thế, nếu phụng hành sẽ chứng đắc bậc Thánh, đạt được quả vị vô học, ngàn năm về trước phần nhiều là có.

Nói chánh pháp của Phật chỉ trải qua ngàn năm, không phải là nói giáo pháp của Phật chỉ trụ nơi thế gian có ngàn năm. Lại, tạng Thanh văn, tuy từ Phật nhập diệt một trăm năm trở về sau, tức phân làm nhiều Bộ, nhưng tạng Bồ-tát thì hàng ngàn năm trở về trước, vẫn một vị thanh tịnh, không hề có tranh cãi. Cho đến ngàn năm trở về sau mới dấy khởi hai thứ dị luận có, không. Thế nên, nói chánh pháp của Như Lai chỉ trải qua ngàn năm.

Nhưng Pháp giới thanh tịnh thì không tăng, không giảm: Nghĩa là Thánh giáo của Như Lai căn cứ nơi đạo lý thế tục nên có tăng, có giảm, không phải là dựa vào thắng nghĩa, lấy pháp giới làm tánh tức không tăng, không giảm.

Sắc v.v... cũng thế, lấy pháp giới làm tánh, nên không tăng, không giảm. Dựa theo lý của thắng nghĩa thì cũng như hư không, không tăng, không giảm.

Vì thế, nên nói hiện, tức là dựa theo những biến hiện nơi thức v.v... của thế tục nên giống như có tăng, giảm, không phải căn cứ nơi chân tánh trong pháp giới thanh tịnh, ở đây, các pháp như sắc v.v... đều xa lìa tướng phân biệt, hý luận.

** Kinh nói:* “*Lại như trong hư không có các sắc tướng vô biên, vô tận khắp cả mười phương, là cảnh giới vô biên, vô tận của hư không, nhưng hư không ấy không đi, không đến, không động, không chuyển. Như thế, trong Pháp giới thanh tịnh của Như Lai đã kiến lập vô số các tác dụng vô biên, vô tận nhằm đem lại lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh khắp mười phương, là pháp giới thanh tịnh vô biên, vô tận, nhưng Pháp giới thanh tịnh không đi, không đến, không động, không chuyển*”.

** Luận nêu:* *Lại có vấn nạn:* Nếu các Như Lai lấy pháp giới làm thể, Như Lai ban cho tất cả hữu tình những lợi ích an lạc, nên phải hoặc đi hoặc đến. Do pháp giới cùng với Như Lai vốn không cùng lìa. Còn đối với các pháp khác phải có đi, đến, phải có sinh v.v...

Nếu thế thì pháp giới nên là không thanh tịnh. Pháp giới nếu không có các sự việc như đi, đến v.v... thì không thể nói là ban lợi ích an lạc cho các hữu tình trong khắp mười phương.

Nhằm giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai đã nêu dẫn dụ thứ sáu về hư không rộng lớn.

Lại như trong hư không có các sắc tướng vô biên, vô tận khắp cả mười phương: Tức như cảnh giới của hư không là vô biên, vô tận, thì mười phương thế giới cũng vô biên vô tận, thế nên vô số sắc tướng trong ấy cũng vô biên vô tận. Không có một phương biên là không, còn các phương kia thì tận mà thời xứ thành tựu. Do đó gọi là vô biên, vô tận.

Nhưng hư không ấy không đi, không đến, không động, không chuyển: Tức là do hư không rộng lớn bao hàm tất cả, hiện bày khắp tất cả, đều không có tác dụng.

Như thế, trong Pháp giới thanh tịnh của Như Lai đã kiến lập vô số các tác dụng vô biên, vô tận nhằm đem lại lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh khắp mười phương: Tức tác dụng đem lại lợi ích an vui cho chúng sinh là vô biên, vô tận, nghĩa như trước đã nói.

Là pháp giới thanh tịnh vô biên, vô tận: Do pháp giới thanh tịnh là vô biên vô tận, tuy không hành động nhưng với lực tăng thượng, nên có thể chuyển biến tạo sự việc lợi ích an vui cho vô biên hữu tình trong vô biên thế giới khắp mười phương.

Nhưng Pháp giới thanh tịnh không đi, không đến, không động, không chuyển: Bỏ chốn này đến nơi kia, gọi là đi. Bỏ chốn kia tới nơi này, gọi là đến. Không động là không chuyển.

Đầu tiên là nêu lên, sau là giải thích.

Pháp giới không: Là không có biên vực, không có hình tướng, chướng ngại. Nếu pháp giới có biên vực, hình tướng và chướng ngại, thì các pháp có thể nói là có phương khác, có đi đến, có động chuyển

thì không phải là không biên vực, không hình tướng và chương ngại. Pháp giới như hư không v.v... nên có thể nói là tạo nghiệp đi, đến, động, chuyển.

Ở đây, nêu nghĩa tổng quát: Pháp giới thanh tịnh là tự thể thắng nghĩa của chư Như Lai. Pháp giới bao trùm khắp trong sự nối tiếp của tất cả hữu tình, vì các hữu tình kia có năng lực tự thành tựu đầy đủ các chủng tử thiện, do lực của duyên tăng thượng nơi pháp giới thanh tịnh, nên khi thức của hữu tình kia phát sinh, tức tác dụng như thể được biến hiện mà chuyển, gọi là Như Lai đã tạo ra lợi ích an vui cho các chúng sinh. Nếu loại trừ tác dụng và lực của duyên tăng thượng ấy, thì không có Pháp thân nào của Như Lai có thể tạo ra được các sự việc lợi ích an lạc cho chúng sinh. Như Khế kinh nói: “Này Thiện nam! Như Lai đều không có các việc như đi, đến v.v... Nhưng nói Như Lai có đi, đến v.v... là căn cứ nơi thân thọ dụng và thân biến hóa, nên không có lỗi trái nhau”.

** Kinh nói: “Lại như trong hư không, ba ngàn thế giới, hiện hoại, hiện thành, nhưng cõi hư không thì không hoại, không thành. Như thế, trong Pháp giới thanh tịnh của Như Lai, Như Lai đã hiện vô lượng tướng thành Đẳng chánh giác, hoặc lại thị hiện nhập Đại Niết-bàn, nhưng Pháp giới thanh tịnh thì không thành Đẳng chánh giác, không nhập tịch diệt”.*

** Luận nêu: Lại có vấn nạn: Nếu Pháp giới thanh tịnh lìa sự đi, đến v.v..., thì vì sao không có phương sở đi đến mà có thể thành tựu Chánh giác, nhập Niết-bàn v.v... Nếu có đi đến thì trở lại mắc phải lỗi trước?*

Để giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai đã nêu dẫn dụ thứ bảy về hư không rộng lớn.

Lại như trong hư không, ba ngàn thế giới v.v...: Vấn nạn này không đúng. Ví như thế giới hiện hoại, hiện thành, nhưng cõi hư

không thì không thành, không hoại. Trong Pháp giới thanh tịnh tuy có chư Phật hiện thành Chánh giác, nhập Niết-bàn v.v..., nhưng Pháp giới thanh tịnh chân thật thì không có các sự việc thành Đẳng chánh giác, nhập Niết-bàn v.v... Nếu có các sự việc này, thì có thể nói là do đẩy nên có đi, đến v.v... Như trong hư không hiện bày các thể giới sinh thành, hoại diệt, là căn cứ theo lý của thể tục, không phải căn cứ nơi nghĩa chân thật, vì như hư không kia đều là tánh không.

Như thế, Pháp giới thanh tịnh của Như Lai hiện bày vô lượng tướng thành Đẳng chánh giác, hoặc nhập Niết-bàn, đều cũng do thể tục, không phải theo nghĩa chân thật.

Thành Chánh giác và nhập Niết-bàn đều không có, vì các uẩn là duyên sinh, không phải là tánh của ngã. Nếu Pháp giới thanh tịnh căn cứ nơi nghĩa chân thật mà có hai sự việc trên đây thì không phải là chân thật. Vì pháp chân thật không bỏ tự tướng để nhận lấy tướng khác.

Nếu cho pháp giới xả bỏ pháp không phải là Chánh giác để thành Đẳng chánh giác, xả bỏ pháp không phải là Niết-bàn để được nhập Niết-bàn, tức không phải là chân thật.

Nếu có ý cho: Tức do nghĩa ấy gọi là Đẳng chánh giác chân thật, thì từng không có lúc nào không thành Đẳng chánh giác. Nhập Niết-bàn: Tức cũng từng không có lúc nào không nhập Niết-bàn. Do đó nên chân thật. Nếu thế thì những sự việc khác cũng nên như vậy. Nghĩa là kiếp hoại thì luôn hoại, không lúc nào là không hoại. Kiếp thành thì luôn thành, không lúc nào là không thành. Như cái bình v.v... không lúc nào không là cái bình.

Những sự việc như thế đều nên là chân thật. Nếu vậy không nên tu tập hành quán, có thể vượt qua kiếp lửa cháy cùng khắp thế giới này để đến thế giới khác, tất bị chết cháy trong biển lửa đó. Như vậy, người đạt được lực Thắng giải tăng thượng, nơi phần vị của mình tất không có tác dụng chuyển biến tự tại.

Người không phải chứng được lực tự tại của định thù thắng, hiện Đăng chánh giác chẳng phải là Đăng chánh giác, hiện Bát Niết-bàn không phải là Bát Niết-bàn. Thế nên, tuy có trước là quả vị Đăng chánh giác, nay là quả vị Niết-bàn, nhưng chân như thanh tịnh không bỏ tự tướng của mình.

Pháp giới thanh tịnh không phải là thành Đăng chánh giác, không phải là nhập Niết-bàn, trong đó, hai thứ ấy đều là tự tướng được tăng ích, không phải là có chân thật.

Tác là tác dụng, đều là tướng của biến kế sở chấp, nên đều là không thật có. Nhưng nói tùy giác nơi tất cả pháp, gọi là Bồ-đề, thì đây là trí không phân biệt xuất thế gian, thành Đăng chánh giác. Ở đây cũng do duyên nơi trí chân như với hai thứ phân biệt, không hiện hành nên không phải là Đăng chánh giác, không phải là nhập Niết-bàn. Tức dựa vào mật ý như thế, nên nói: “Thiên tử phải biết! Do tất cả pháp đều không sinh, nên chư Phật thị hiện sinh, đều là vô đắc, vô chứng, cho đến nói rộng”.

Vì biến kế sở chấp là không thật có, nên sự phân biệt như sinh v.v... cũng không có. Do lý thế tục nên nêu bày có hai. Do thân biến hóa nên thị hiện có hai, là tùy theo ý nguyện của hữu tình được giáo hóa, nên Đức Như Lai mới thị hiện hai việc như thế.

Chỉ nêu lên hai việc giống nhau nhằm hiển bày tất cả.

*** Kinh nói:** “Lại như dựa nơi hư không có vô số các thứ sắc tướng có thể bị tan hoại, tiêu hủy, đổi khác, nhưng cõi hư không thì không phải đã biến hiện ra những sự việc đó, nên cũng không suy tổn hư xấu. Như thế, dựa vào Pháp giới thanh tịnh của Như Lai, các thứ học xứ, các nghiệp nơi thân, ngữ, ý đã hủy phạm trong cảnh giới của chúng sinh có thể phát khởi, nhưng Pháp giới thanh tịnh không bị đổi khác vì những hành tác đó, nên cũng không suy tổn hư xấu”.

* **Luận nêu:** *Lại có vấn nạn:* Nếu Pháp giới thanh tịnh hiện bày khắp tất cả loài hữu tình, thì vì sao hữu tình lại có hủy phạm? Không phải là trong pháp giới có các hủy phạm, vì tánh là thanh tịnh. Do đó, việc chế lập học xứ cũng thành vô ích, do các hữu tình không hủy phạm. Nếu có hủy phạm thì phải có suy tổn hư xấu, là đồng với Nhi thừa, không phải là hoàn toàn thanh tịnh.

Nhằm giải thích vấn nạn này, *Đức Như Lai đã nêu dẫn dụ thứ tám về hư không rộng lớn.*

Lại như dựa nơi hư không có vô số các thứ sắc tướng v.v...: Vấn nạn này không hợp, vì như hư không: Ví như các thứ cỏ cây v.v... dựa vào hư không. Vô số sắc tướng tan hoại v.v...: Là có vô số sắc tướng đổi khác luôn hiện bày, nhưng hư không thanh tịnh không hề bị biến chuyển đổi khác do các sự vật kia. Tuy ở trong đó nhưng không đổi khác, cũng không suy tổn hư xấu v.v..., tức không có các thứ khổ như hoại khổ bức bách.

Như thế, dựa vào Pháp giới thanh tịnh của Như Lai, trong cảnh giới của chúng sinh tuy có vô số những hủy phạm hiện hành, nhưng Pháp giới thanh tịnh không có đổi khác, cũng không suy tổn hư xấu. Tuy trong Pháp giới thanh tịnh hiện thấy hữu tình tự phân biệt đầy khởi hai thứ hủy phạm nơi ba nghiệp thân, ngữ, ý. Nghĩa là người tại gia, có thể có những hủy phạm, vì hành các việc bất thiện như giết hại cha mẹ v.v... Các người xuất gia, tùy theo chỗ thích hợp, cũng có những hủy phạm hiện hành. Để ngăn chặn, nên Đức Như Lai chế lập các học xứ. Những việc đầy đều theo chỗ vi phạm của thế tục, nhưng Pháp giới thanh tịnh thì không hề bị đổi khác do những sự việc như thế, vì tánh của pháp giới là không đổi khác. Cũng không suy tổn, hư xấu, tức không bị bức bách. Nếu bị khổ bức bách, không thể chịu đựng, tức có suy tổn hư xấu, như hàng Thanh văn v.v... không phải là pháp giới thanh tịnh, nên không thể chịu đựng được những sự bức bách của tất cả khổ. Nếu không suy tổn hư xấu tức cũng như hư không.

Lại như trong hư không, các pháp như sắc v.v... tuy có tan hoại v.v... chỉ là theo thể tục, không phải là nghĩa chân thật.

Như thế, trong Pháp giới thanh tịnh của Như Lai, tuy có hủy phạm nơi học xứ được chế lập, nhưng chỉ là giả an lập, không phải là thật có. Vì sao? Vì ba nghiệp như thân v.v... với các tánh như bất thiện v.v... đều do thể mạnh của sự phát khởi tương ưng, được kiến lập trên giả danh, không do tự tánh, không phải là khối đá v.v..., do sức phát khởi nên có thể kiến lập được. Thân nghiệp là bất thiện v.v... cũng như thế. Do đất v.v... hòa hợp mà được thành tánh. Nghiệp nơi ngôn ngữ cũng như tiếng chuông, trống v.v... không phải là các nghiệp vô biểu như bất thiện v.v..., chỉ do không tạo tác làm thành tánh, nên cũng không phải là thật có. Nghiệp nơi ý cũng do thể mạnh của sự tương ưng tạo nên những hành bất thiện, như các tương ưng khác, nên cũng không phải là thật có. Nhân đã không phải là thật, thì quả cũng như thế.

Vì vậy, trong pháp giới hoặc nghiệp hay quả, tất cả đều do phân biệt phát khởi, do biến hiện của thức theo thể tục v.v... nên sinh, như tướng biến hiện, nên kiến lập như thế đều không phải là chân thật.

** Kinh nói: “Lại như dựa nơi hư không, các đại địa, núi lớn, ánh sáng, nước, lửa, quyền thuộc của Đế thích, cho đến mặt trời, mặt trăng, vô số chủng loại có thể tồn tại, nhưng cảnh giới của hư không không phải là các hình tướng đó. Như thế, nương dựa nơi Pháp giới thanh tịnh của Như Lai, các uẩn như uẩn giới, uẩn định, uẩn tuệ, uẩn giải thoát, và uẩn giải thoát trí kiến đã tồn tại, nhưng Pháp giới thanh tịnh không phải là các hình tướng đó”.*

** Luận nêu: Lại có vấn nạn: Nếu Pháp giới thanh tịnh hiện bày khắp tất cả pháp thì phải không có các tướng uẩn vô lậu như giới v.v... do không cùng lia, nên như pháp giới cũng không phải là tánh của uẩn?*

Để giải thích vấn nạn này, *Đức Như Lai* đã nêu dẫn dụ thứ chín về hư không rộng lớn.

Lại như dựa nơi hư không, các đại địa, núi lớn, ánh sáng, nước, lửa, v.v...: Vấn nạn này không đúng, vì như hư không: Ví như dựa nơi hư không, đại địa v.v... được tồn tại, chẳng phải là cùng với đại địa v.v... tương ứng, nên hư không thành tánh của uẩn.

Như thế, nương dựa nơi Pháp giới thanh tịnh của Như Lai, tuy có các uẩn như giới v.v... hiện hành, nhưng Pháp giới thanh tịnh kia không phải là các uẩn như giới v.v...

Nên biết ở đây, giới tịnh vô lậu gọi là uẩn giới. Định tuệ vô lậu gọi là uẩn định tuệ. Thắng giải vô học gọi là uẩn giải thoát. Chánh kiến vô học gọi là uẩn giải thoát trí kiến. Ba thứ trước là nhân, hai thứ sau là quả.

Có thuyết cho: Hết thấy đều là vô học duyên nơi tuệ giải thoát, gọi là trí kiến giải thoát. Các tuệ còn lại gọi là tuệ.

Có thuyết nói: Hết thấy đều chung cho học và vô học. Quả vị hữu học chứng đắc từng phần và vô học viên mãn, chư Phật, Bồ-tát đều có đủ năm thứ đó.

Như thế, năm uẩn tuy dựa vào pháp giới, nhưng Pháp giới thanh tịnh không đồng với các tướng đó và chúng cũng không làm mất tự tướng của năm uẩn.

Trong đây cũng nên nói năm thủ uẩn. Các pháp vô lậu như giới v.v... vì đồng với pháp giới, nên lại lược nói, trong Pháp giới thanh tịnh tuy không có các thứ công đức như giới v.v..., nhưng vẫn có chân lý nơi pháp môn công đức. Nhờ duyên tăng thượng của pháp môn đó giúp sinh trưởng tất cả công đức hữu vi, chẳng đồng với pháp giới hư không, vì chân lý nơi pháp môn công đức là vô vi nên không thuộc về uẩn. Dựa vào đây nên sinh trưởng tất cả công đức hữu vi sinh diệt

là thuộc về uẩn. Vì không đoạn tận nên cũng gọi là thường, nhưng không phải là vĩnh viễn không diệt vì sinh tất quy về diệt, nên hoàn toàn ghi nhận như thế. Do thuộc về uẩn nên không phải là pháp vô vi, vì có nghĩa tác dụng như duyên, nghĩ v.v..., nên tác dụng của chúng là thù thắng.

Lại nói pháp giới của năm uẩn thật sự là chỗ nương dựa của tất cả công đức nơi ba Thừa.

*** Kinh nói:** “*Lại như trong hư không có vô số nhân duyên lần lượt sinh khởi nên ba ngàn đại thiên nơi vô lượng thế giới đều xoay vòng khắp mà tồn tại, nhưng cõi hư không thì không hề có sự dấy khởi tạo tác. Như thế, trong Pháp giới thanh tịnh của Như Lai có đủ vô lượng tướng, chúng hội của chư Phật đều nối tiếp hiện hành, nhưng Pháp giới thanh tịnh không hề có sự dấy khởi tạo tác*”.

*** Luận nêu:** *Lại có vấn nạn:* Nếu tất cả chư Phật dùng pháp giới làm Thể, tất không có thọ dụng đây kia sai biệt, vậy làm sao lại có chúng hội không đồng? Còn như chỗ thọ dụng có sai biệt, thì vì sao nói pháp giới của chư Phật là thanh tịnh?

Nhằm giải thích vấn nạn này, *Đức Như Lai đã nêu dẫn dụ thứ mười về hư không rộng lớn.*

Lại như trong hư không có vô số nhân duyên lần lượt sinh khởi: Vấn nạn này không đúng, vì như hư không: Tức như trong hư không, có nhân duyên sinh khởi. Ba ngàn đại thiên thế giới v.v... đều vây quanh dựa nơi phong luân để tồn tại. Hư không tuy không có những phân biệt, lo nghĩ về sự sai khác nơi ngã sở, nhưng có khả năng dung nạp vô số những thế giới sai biệt xoay vòng, nối tiếp.

Như thế, trong Pháp giới thanh tịnh của Như Lai, tự nghiệp tăng thượng dấy khởi, vô số các tướng viên mãn đạt được Nhất thiết trí. Bồ-tát quán đánh đồng một tập hội nối tiếp hiện hành, với nơi chốn sinh khởi theo nhân duyên riêng biệt, không phải như nhân duyên

nơi một chúng hội của Phật. Nhân duyên thứ hai, thứ ba cũng lại như thế. Trong Khế kinh khác đã dựa vào đây để nói về tịnh độ của chư Phật với vô số chủng loại có được. Chúng hội của chư Phật cũng có thể có được vô số chủng loại, nhưng Pháp giới thanh tịnh không có những thọ dụng sai biệt của ngã và ngã sở, cùng sự phân biệt, tạo tác của chủ thể giữ lấy và đối tượng được giữ lấy.

Ở đây, nghĩa tổng quát nêu: Pháp thân của Như Lai tuy không có những hý luận về màu sắc, ảnh tượng sai biệt, nhưng thân thọ dụng và thân biến hóa, từ diệu lực của bản nguyện và sức mạnh nơi thắng hành của mình, nên hai thân đó đã sinh khởi vô số các tướng viên mãn.

Tịnh độ của chư Phật, chúng hội của chư Phật có sai biệt hiện hành đều do thức thanh tịnh biến hiện như thế, đó là những sai khác không phải là có chân thật. Như Chuyển luân Thánh vương do nguyện lực từ kiếp trước, cũng nhằm đem lại lợi ích cho các hữu tình, nên đã hành tác các việc thù thắng, sinh khởi những thứ diệu lạc gồm đủ vô số sự khác nhau như Ngọc nữ báu v.v...

Chư Phật cũng như thế, vì muốn đem lại lợi ích cho các hữu tình, nên tạo tác những hành hóa thù thắng. Đó là tự nghiệp tăng thượng sinh khởi các cõi nước thanh tịnh, gồm đủ sự khác nhau về thọ dụng pháp lạc, chúng hội, chỉ khác với ở trước là không phân biệt.

Lại nữa, như thế là đã nói về các tướng thâm diệu, nghiệp dụng thâm diệu và xứ sở thâm diệu của pháp giới.

Tướng thâm diệu: Nghĩa là xa lìa mười thứ lỗi lầm không thanh tịnh, nên biết đó tức là mười tướng thanh tịnh.

Những gì là mười thứ lỗi lầm không thanh tịnh?

- (1) Lỗi lầm do sai biệt.
- (2) Lỗi lầm do tạp nhiễm.

- (3) Lỗi lầm do có hành.
- (4) Lỗi lầm do hữu vi.
- (5) Lỗi lầm do tăng giảm.
- (6) Lỗi lầm do hành động.
- (7) Lỗi lầm do chấp đoạn, thường.
- (8) Lỗi lầm do suy tôn hư hoại.
- (9) Lỗi lầm do tích tụ.
- (10) Lỗi lầm do thâm nhận chúng.

Những gì là mười tướng thanh tịnh?

- (1) Tướng không sai biệt.
- (2) Tướng không tạp nhiễm.
- (3) Tướng không phải là có hành.
- (4) Tướng không phải là hữu vi.
- (5) Tướng không tăng giảm.
- (6) Tướng không hành động.
- (7) Tướng không chấp đoạn thường.
- (8) Tướng không suy tôn, hư hoại.
- (9) Tướng không tích tụ.
- (10) Tướng không có ngã sở.

Về thứ lớp nơi *nghiệp dụng thâm diệu* như thế, nên biết tức là các nghiệp như biến hóa v.v...

Xứ sở thâm diệu: Nên biết tức là các tướng không có hành động viên mãn, là tất cả chúng hội trong tịnh độ của Như Lai. Nơi hết thấy xứ sở đều lấy hư không làm thí dụ: Là nhằm hiện bày tất cả tướng thô của pháp giới đều đồng với hư không. Như Khế kinh nói: Cho đến việc nêu bày các thí dụ hiện có, dụ cho các công đức như giới của các

Như Lai v.v... tất cả đều là hủy báng các Như Lai, chỉ trừ một dụ là thí dụ về hư không. Vì vô lượng công đức của Như Lai như giới v.v... đều đồng với hư không, cho đến nói rộng.

*** Kinh nói:** “*Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Sinh! Trí Đại viên cảnh như các ảnh tượng đều hiện bóng nơi tấm gương tròn. Như thế, nương dựa nơi gương trí của Như Lai, các ảnh tượng nơi cảnh thức của các xứ đều hiện bày. Chỉ dùng tấm gương tròn làm thí dụ: Nên biết, tấm gương tròn là biểu hiện về gương trí bình đẳng, bình đẳng của Như Lai. Thế nên, gương trí gọi là Trí Đại viên cảnh*”.

*** Luận nêu:** Đã kiến lập sự đoạn trừ, nên kiến lập trí. Dựa vào đây nên nói: “*Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Sinh! Trí Đại viên cảnh v.v...*”. Nên biết, ở đây Đức Như Lai dùng dụ để hiển bày về **Trí Đại viên cảnh** là nhân duyên có khả năng sinh hiện ảnh tượng của các pháp bình đẳng. Nghĩa là thức thanh tịnh thứ tám của các Đức Như Lai có khả năng biến hiện, sinh khởi ảnh tượng như trí, như tấm gương tròn lớn, có thể hiện bày tất cả ảnh tượng của thế gian, vì tương ưng với trí, nên giả gọi là trí.

Nói các xứ: Là sáu xứ bên trong, tức là mắt v.v... **Nói các cảnh:** Là sáu cảnh bên ngoài, tức là sắc v.v... Sáu xứ bên trong và sáu cảnh bên ngoài này tức là mười hai xứ. Duyên nơi mười hai xứ này sinh ra ba trí nơi phàm tâm và tâm pháp. Vì thức làm chủ, nên gọi chung là các thức. Tức các thức ấy gọi là các ảnh tượng, là sự biến hiện sai biệt của vô số hành tướng.

Đoạn sau của kinh này nói: Trí Đại viên cảnh nơi tất cả thời dựa vào các duyên, sinh khởi vô số các thứ tướng mạo là ảnh tượng của trí. Nhiều đoạn văn đều nói như thế. Tức có thể làm nhân sinh ra ảnh tượng của trí, nên gọi là gương trí (Cảnh trí).

Trí Bình đẳng tánh dùng sự việc duyên sinh nơi Trí viên cảnh v.v... làm cảnh giới. Trí Diệu quan sát lấy tự tướng, cộng tướng

của tất cả pháp làm cảnh giới. Trí Thành sở tác, nên biết cũng như thế.

Ba trí như thế đều tương ứng với phẩm tâm. Đối với sáu xứ bên trong, sáu cảnh giới bên ngoài, tất cả đối tượng được duyên, đối tượng được giữ lấy nơi cảnh trên đều biến hiện, giống như tất cả tự tướng, cộng tướng với vô số ảnh tượng được hiển hiện rõ ràng.

Các ảnh tượng như thế, đều nhân nơi Trí Đại viên cảnh của Như Lai nên được sinh khởi. Hiện bày sáng rõ, nên gọi là hiện. Đây chính là chỗ hiện bày nơi trí bình đẳng của Như Lai, vì trí bình đẳng nơi quả vị của Phật cùng là tự tánh. Nên khi trí bình đẳng sinh khởi, thì như tự mình hiện có hành tướng sai biệt và đều có thể chứng biết. Chỉ có tuệ giác của Như Lai mới phân tích và chỉ rõ về tướng sai biệt đó, ngoài ra không ai có được khả năng ấy. Trí Đại viên cảnh được gọi là chủ thể biến hiện. Do đây làm duyên sinh ra ảnh tượng kia, cũng như gương sáng hiện ra các hình ảnh.

Lại nữa, ba sự xứ, cảnh và thức đều riêng biệt. Xứ tức là sáu căn, cảnh là sáu trần, thức là sáu thức, tức là mười tám giới, nơi đó các ảnh tượng được hiện bày. Các ảnh tượng này đều tùy nơi chỗ thích ứng với ba phẩm trí mà hiển hiện. Trí Diệu quan sát đều cùng hiện hữu với tánh hiện có. Như tánh hiện có đều có thể hiện. Trí cảnh của Như Lai tương ứng với thức thanh tịnh làm duyên, sinh ra ảnh tượng của ba trí này, nên gọi là hiện, và cũng chỉ có trí bình đẳng của Như Lai đã được hiện bày. Nói rộng, cho đến chỉ có tuệ giác của Như Lai mới phân tích và chỉ rõ về tướng đó. Phần còn lại, như trước đã nói.

Lại, mười tám giới đều ở nơi Trí Đại viên cảnh của Đức Như Lai tương ứng với phẩm tâm hiển hiện ảnh tượng. Vì khi cảnh trí của các Như Lai phát sinh, đều có thể soi tỏ tất cả cảnh. Các xứ, cảnh, thức cũng như các ảnh tượng, tồn tại và hiển hiện rõ ràng trong trí ấy. Do cảnh trí này thâm nhận các tướng đó rồi mới sinh khởi.

Cảnh trí tuy không có chủ thể giữ lấy, đối tượng được giữ lấy để phân biệt một khác, nhưng có ảnh hiện của tất cả đối tượng được nhận biết như tấm gương tròn to lớn. Lúc trí này sinh, hành tướng như thế là tự tánh. Đức Như Lai tuy không có chủ thể giữ lấy, đối tượng được giữ lấy để phân biệt về một khác, nhưng có thể hiện chứng về chỗ hiện của tự tâm, là ảnh tượng của các pháp theo tự tướng, cộng tướng. Do chứng biết, nên không thể nêu giảng diên đảo về tự tướng, cộng tướng của tất cả các pháp. Vì các ảnh tượng này, nên Đức Như Lai thành tựu pháp không quên mất. Hết thấy ảnh tượng nơi cảnh giới của đối tượng được nhận biết, đều hiển hiện rõ ràng trên cảnh trí trong tất cả thời gian, nên không quên mất. Nếu không như vậy, làm sao Như Lai được xưng là bậc Nhất thiết trí? Không có cảnh trí bình đẳng thì không thể nào chứng biết được tự tướng và cộng tướng của tất cả pháp hiển hiện trong mọi thời gian. Hoặc cho do sự nối tiếp mới có khả năng làm được mọi việc nên gọi là Nhất thiết trí, như có tụng nêu:

*Nói tiếp có thể tạo
Như lửa ăn hết thấy
Như thế Nhất thiết trí
Không tức khắc biết hết.*

Đây chỉ là lời nói suông. Vì khi tha tâm trí cùng nhận lấy một công việc thì không nhận lấy việc khác, không biết công việc khác nên không phải là Nhất thiết trí. Căn cứ theo hiện tượng nối tiếp kia, cũng không thể nhận lấy để nhận biết về hiện tại.

Theo tông chỉ của ông, một niệm chỉ nhận biết một phần nơi tướng chung của các pháp. Nếu thế, Đức Như Lai nên giả gọi là Nhất thiết trí, không thể giả nói không phải là Nhất thiết trí, vì Nhất thiết trí tức thành người đạt Nhất thiết trí chân thật.

Lại, do lấy cảnh trí của Như Lai làm duyên, các ảnh tượng nơi các xứ, cảnh, thức thiện ở thế gian và xuất thế gian trong sự nối tiếp

khác đều hiện bày. Do pháp thiện của thể gian và xuất thể gian nơi các thể gian nếu không có cảnh trí thì đều không được sinh, vì mỗi khi các pháp đó sinh đều do lực của trí này cũng có thể chứng biết. Nghĩa này ý nói cảnh trí của Như Lai là diệu lực của duyên tăng thượng nên các xứ, cảnh, thức thiện trong tất cả thể gian và xuất thể gian đều được sinh khởi, như mọi ảnh tượng đều hiện bóng nơi tấm gương sáng. Tuy các hữu tình đều có lực của nhân, nhưng do cảnh trí làm duyên tăng thượng nên mới được sinh khởi. Cũng như tuy có hạt giống, nhưng nếu không có đất v.v... thì mầm v.v... không thể sinh. Như tuy có vật, nhưng nếu không có gương v.v... thì các ảnh tượng sẽ không hiện.

Nếu thế thì Đức Thế Tôn nên đồng với vọng kiến về trời Tự Tại v.v... là nhân của thể gian. Nhưng đây là xác lập nhân bình đẳng sinh ra tất cả quả của thể gian nên không có lỗi. Vì lúc quả kia sinh thì chỉ có thể làm duyên tăng thượng, không phải là tác giả, vì là vô thường.

Đức Như Lai đã tu tập hai thứ tư lương phước, trí trong vô lượng kiếp, mới được sinh khởi. Tất cả chúng sinh thiện và duyên thiện đều do phước, trí ấy mà được sinh. Ngoại đạo vọng kiến về trời Tự Tại v.v... cho trời kia là chủ thể tạo ra các thể gian, vì tánh của trời Tự Tại là thường trụ nên không giống nhau.

Nếu không có ảnh thật hiện ra trong chiếc gương tròn (viên cảnh), thì làm sao nêu ví dụ được. Phải có vật thật và gương sáng hòa hợp làm duyên, như thế cùng hiện mới nêu ví dụ. Nghĩa là các hữu tình do chấp trước điên đảo về ảnh tượng là do lực huân tập được thành thực.

Chiếc gương và mặt làm duyên, do tự thức chuyển khác, trông giống như khuôn mặt mình hiện bóng. Vì vậy thể gian khởi tăng thượng mạn, cho là ta đã thấy ảnh của mặt mình, vì không có ảnh nào khác hiện ra trong gương.

Kinh chỉ nói các ảnh tượng hiện bày, không nói là sinh khởi. Như thế nên biết, tất cả cảnh tượng đều là tự thức biến đổi khác và hiện ra, không phải là riêng thật có.

Do thức thù thắng, nên chỉ nói là duy thức, không phải là không có tâm pháp, cũng không nói chỉ có một thức, vì các hữu tình đều có tám thức và tâm pháp.

Tất cả sắc v.v... tuy mỗi thứ đều có chủng tử riêng, nhưng đều là tự thức biến khác và huân tập trên thức, lấy công năng sai biệt làm tánh, nên khi thức biến hiện thì chúng đều quay trở lại không rời thức.

Dựa theo thế tục mà nói, tức có tâm pháp riêng, không phải là nghĩa chân thật. Căn cứ nơi thắng nghĩa thì các pháp đều không có tánh quyết định riêng, cho đến chân như, tuy không phải do thức biến hiện, nhưng cũng không lìa khỏi thức, vì tánh chân thật của thức, vì hai thứ không, vô ngã trên thức đã cùng làm chỗ hiển bày cho nhau.

Ở đây nói duy thức, vì nhằm ngăn chặn người ngu cố chấp cho ngoài tất cả tâm, tâm pháp, nhất định có tánh biến kể sở chấp như sắc v.v... Các pháp như sắc v.v... không loại trừ, không lìa các tâm, tâm pháp.

Tánh y tha khởi và tánh viên thành thật không phải là không có, vì do bình đẳng nên hai thứ này bình đẳng, thế nên nói là bình đẳng, bình đẳng.

Chiếc gương tròn của thế gian và gương trí của Như Lai đều không phân biệt, đều có thể hiện ra ảnh không có sai biệt. Do nhân duyên này nên gọi là Trí viên cảnh.

*** Kinh nói:** “*Như tám gương tròn to lớn (Đại viên cảnh), người nào có phước lạc thì được treo lên nơi chốn cao hơn hết không gì lay chuyển. Đã có vô lượng chúng sinh qua lại nơi ấy, đối chiếu với*

gương này để quan sát về chỗ được mắt của tự thân, vì muốn giữ lấy phần được, bỏ các phần mất. Như thế, Trí Đại viên cảnh của Đức Như Lai treo cao nơi pháp giới thanh tịnh, không gián đoạn, không gì lay động, là để khiến cho vô lượng, vô số chúng sinh tự quán về sự nhiễm, tịnh, nhằm giữ lấy tịnh, bỏ nhiễm”.

* **Luận nêu:** Nơi chốn cao hơn hết: Nghĩa là ngọn cờ cao, hoặc là nơi chốn thù thắng khác.

Pháp giới thanh tịnh: Nghĩa là chân như không cấu uế.

Xứ: Nghĩa là nơi chốn yên ổn, hoặc nương dựa, hoặc duyên không gián đoạn.

Không lay động: Nghĩa là do cảnh trí này nương dựa, duyên nơi pháp giới, tận cùng biên vực sinh tử, thường xuyên gắn bó, nối tiếp không gián đoạn nên không lay động.

Nghĩa này ý nói: Trí Đại viên cảnh vĩnh viễn xa lìa tất cả sự phân biệt lay động. Khi chứng đắc trí ấy rồi, về sau đến tận cùng đời vị lai, luôn nối tiếp không đoạn. Còn ba trí kia, tuy không vọng chấp, nhưng vẫn còn tác ý phân biệt chấp có, không. Sau khi chứng được trí này, hoặc hành hay không hành, không phải là không dao động.

Có thuyết cho: Trí Bình đẳng tánh nơi định diệt cũng không hiện hành.

Luận nói: Nơi định diệt tận không có thức thứ bảy.

Lại nói: Cũng diệt một phần tâm, tâm pháp thường hiện hành.

Nếu như thế, luận nói ở trong ba quả vị đều không có thức thứ bảy. Tức là từ Địa thứ nhất trở lên, khi hành hiện quán vô lậu và Địa Như Lai, thì không có trí này. Đó là sai lầm lớn, vì trái với kinh luận. Nhưng sở dĩ nói là không tức ý muốn nói không có thức thứ bảy nhiễm ô, không phải tất cả đều không. Khi chưa chứng được trí pháp không vô ngã, thì phân biệt chấp pháp thường hiện, dựa vào nhau.

Như Bồ-đặc-già-la chưa chứng đắc trí không, vô ngã, thì hữu tình kia vẫn luôn hành chấp ngã vì dựa vào thức này.

Trong phần Quyết Trạch nói: “Thức A-lại-da nhất định cùng với thức Mạt-na làm một cùng chuyển”. Nếu ý thức khởi hiện thì nhất định cùng với hai thức nhất thời cùng chuyển. Nếu trong năm thức tùy ý khởi hiện một thức, thì nhất định cùng với ba thức một thời cùng chuyển. Cho đến cùng một lúc, nếu khởi cả năm thức thì nhất định cùng với bảy thức một thời cùng chuyển. Nhận biết về định diệt của Thánh đạo, bậc vô học cũng có. Pháp không nhiễm phân biệt chấp trí bình đẳng, cùng với các hành tướng vi tế như thức thứ bảy nên không trái với định diệt. Vì định diệt này là đạo vô lậu đã dẫn phát, vì thể vô lậu, nên cùng với ý chấp ngã nhiễm ô là trái nhau, vì đây là một phần diệt, không phải là diệt tất cả.

Trí Bình đẳng ở nơi quả vị Phật tối thượng, tuy luôn hiện hành nhưng trong mười địa từ khi chứng đắc trở về sau, hoặc lúc tâm hữu lậu dấy lên phiền não thì trí này không khởi hiện, vì có gián đoạn, nên không phải là không dao động. Ngoài ra hai trí kia đối với quả vị Phật trên hết, cũng không thường hiện hành, nên không phải là không dao động.

Vì sao nêu đặt Trí Đại viên cảnh ở nơi pháp giới thanh tịnh? Vì khiến cho vô lượng vô số chúng sinh quán xét về nhiễm, tịnh.

Vì sao quán xét đối tượng đó? Vì muốn giữ lấy tịnh và bỏ các nhiễm.

Nhiễm: Nghĩa là phiền não và tướng sinh khởi của nghiệp. Bồ: Nghĩa là điều phục và đoạn dứt. Do đạo thế gian và đạo xuất thế gian, nên tức thời điều phục và đoạn dứt trọn vẹn các phiền não. Tịnh: Nghĩa là các điều thiện có thể khiến cho tâm chúng sinh được thanh tịnh. Thủ: Nghĩa là nhận giữ. An lập, nuôi lớn và làm thành thực chủng tử, tùy thuận chỗ nguyện cầu mà chứng đắc giải thoát.

Ý ở đây nói: Tất cả Như Lai khi xưa còn ở quả vị Bồ-tát, vì muốn hoàn thành tất cả sự việc đem lại lợi ích an lạc đủ các hình tướng cho tất cả hữu tình, với ý lạc tạo được lợi ích an lạc như thế, nên thường tùy thuận dựa vào pháp giới thanh tịnh, thuận hợp với tư lương phước, trí đã tu tập, chuyển cầu nối tiếp. Vì phương tiện thiện xảo đối với Trí Đại viên cảnh, nên siêng năng tu tập nhằm chứng đắc trí này, luôn nương dựa và duyên nơi pháp giới tương tục không động. Tuy không tác ý, phân biệt hý luận, nhưng vẫn chuyển biến nối tiếp làm duyên tăng thượng khiến các hữu tình theo chỗ nguyện cầu, thiết lập sự yên ổn, nuôi lớn và làm thành thực vô lượng chủng tử của căn thiện, đạt được an lạc thế gian và sự giải thoát xuất thế gian.

Đây là do sự khởi hiện nơi Trí Đại viên cảnh của Như Lai, hóa sinh diệu dụng vì các hữu tình diễn nói pháp yếu khiến họ nhận biết về niêm tịnh, lầy tịnh, bỏ niêm, tức là căn bản của sự việc đem lại hữu ích an vui cho hữu tình.

** Kinh nói:* “Lại như chiếc gương tròn rất tốt, như một thứ đá ngọc được mài nhẵn trong suốt. Gương soi này toàn tịnh, không cấu uế, nên ánh sáng soi chiếu khắp. Như vậy, Trí Đại viên cảnh của Như Lai nơi trí Phật là hơn hết, vĩnh viễn xa lìa mọi cấu uế của phiền não chướng và sở tri chướng, lầy sự tốt đẹp trong suốt kia làm nơi nương dựa, được định thâm giữ. Dùng chiếc gương soi toàn tịnh, không chút cấu uế ấy để tạo các việc đem lại lợi ích an vui cho các chúng sinh, nên ánh sáng soi khắp tất cả”.

** Luận nêu:* Gương soi: Là tự tánh hết sức thanh tịnh.

Tịnh: Là lìa mọi sai biệt nơi khách trần.

Không cấu uế: Là nói chung về hai thứ trước là tròn đầy, soi khắp, vì lìa cấu uế nên rất trong sạch.

Ánh sáng: Là do từ gương soi.

Sự tỏa sáng: Là do thanh tịnh.

Soi chiếu khắp: Là do không có cấu uế.

Nơi trí Phật là hơn hết: Tức là phiền não chướng và sở tri chướng cùng gọi là cấu uế, đã hoàn toàn đoạn dứt, nên gọi là vĩnh viễn xuất ly. Do có nghĩa vĩnh viễn xuất ly những cấu uế của các chướng, nên nói trí gương hết sức tốt đẹp, như ngọc đá được mài nhẵn trong suốt.

Lại, phiền não: Nghĩa là tham, giận v.v... Tất cả phiền não triển nơi phần vị tùy miên hoặc hiện hành hay không hiện hành đều có sức mạnh gây chướng ngại cho đạo Thánh phát sinh, cản trở việc tu chứng Niết-bàn, gây loạn thân tâm nên gọi là *phiền não chướng*.

Sở tri chướng: Là ở nơi cảnh của đối tượng được nhận biết không nhiệm, nhưng không nhận biết, gây chướng ngại cho Nhất thiết trí, không chướng ngại Niết-bàn. Tuy còn có chướng này, nhưng vẫn có Thanh văn v.v... chứng đắc Niết-bàn. Tức hai chướng ấy cũng gọi là sự trở ngại của cấu uế. Vì khiến cho trí thanh tịnh không sinh. Là trí nhiệm, tịnh.

Do đạt được chỗ đối trị chướng ngại cấu uế của khách trần, nên khi chúng hoàn toàn không sinh gọi là vĩnh viễn xuất ly. Do vĩnh viễn lìa chướng, nên Trí Đại viên cảnh luôn rất thanh tịnh, do đó nói là hết sức tốt đẹp như ngọc đá trong suốt.

Do nương dựa vào định, được định thân giữ, là đối tượng được nương dựa nên gọi là nương dựa. Trí Đại viên cảnh dựa vào đây để sinh. Chỗ nương ấy tức là định, nên gọi là nương dựa. Định hoặc trí nương dựa, nên định gọi là nơi nương dựa. Định phát sinh từ đạo giải thoát, đạo vô gián ấy nên rất thanh tịnh. Định của chỗ dựa này tức là Định kim cang dụ thù thắng. Do sức mạnh của định ấy nên các chướng vĩnh viễn đoạn trừ, vì thế trí này lấy định làm chỗ dựa. Lực

của định được gom giữ nên gọi là thấu giữ. Vì định kia không gián đoạn, nên trí này được sinh. Do lực của định kia hết sức thanh tịnh, lìa mọi phân biệt, không có phân biệt, nên trí cảnh phát sinh.

Trí này đã là đối tượng được nương dựa, nên do định thấu giữ. Vì gương sạch không cấu uế là tự thể thanh tịnh, nên gọi là gương soi. Do lìa hết phiền não chướng nên gọi là tịnh. Do lìa hẳn sở tri chướng nên gọi là không cấu uế. Vì tạo nên sự việc đem lại lợi ích an vui cho chúng sinh, nên gọi là ánh sáng soi chiếu khắp chốn. Vì trí này do định thấu giữ nên cũng có thể khởi tạo sự việc đem lại mọi lợi ích an vui cho tất cả hữu tình. Do hành tác như thế, nên ánh sáng soi chiếu trải khắp. Vì tự tánh của gương soi là thanh tịnh, nên gọi là ánh sáng, vì đã lìa phiền não chướng và sở tri chướng.

Như thứ lớp của gương soi, gọi là sáng chiếu tỏa khắp. Ở đây ý nói: Như tấm gương tròn lớn, rất tốt đẹp, như gương soi ngọc đá nhẵn bóng, trong suốt, không chút cấu uế. Vì khiến cho người khác đều thấy chỗ được, mất nơi gương mặt mình, vì sự việc tạo lợi ích, nên nói là ánh sáng soi chiếu trải khắp.

Trí Đại viên cảnh với tự tánh thanh tịnh, xa lìa hai chướng, như chiếc gương soi trong sạch không cấu bẩn. Tuy không thể thấy, nhưng vẫn khởi hiện thân thọ dụng và thân biến hóa, có thể sinh ra các trí, hoàn thành các sự việc tạo lợi ích cho chúng sinh, thế nên gọi là ánh sáng soi chiếu trải khắp.

*** Kinh nói:** “*Lại như chiếc gương tròn dựa duyên nơi bản chất, nên có vô số các ảnh tượng và tướng mạo sinh khởi. Như thế, Trí Đại viên cảnh của Như Lai, nơi tất cả thời gian dựa vào các duyên, nên vô số ảnh tượng, tướng mạo của trí mới sinh khởi*”.

*** Luận nêu:** Nếu Trí viên cảnh là nhân sinh ra ảnh tượng của tất cả trí v.v... nơi các hữu tình, thì vì sao tướng của ảnh tượng có sai biệt? Vì sao thể của trí này lại không khác biệt? Lại, trí này nơi tất cả

thời gian thường có thể làm nhân cho mọi ảnh tượng, thế sao trí này không luôn phát sinh tức khắc ảnh tượng của tất cả chúng sinh cùng tự trí của họ?

Vì giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai nói: Lại như chiếc gương tròn dựa duyên nơi bản chất, nên có vô số các ảnh tượng, tướng mạo sinh khởi v.v...: Tức không phải do ảnh tượng khác nên thể của gương khác biệt, cũng không phải luôn lúc nào các ảnh tượng đều sinh khởi tức khắc, vì còn phải đợi các duyên.

Như thế, trí gương nơi tất cả thời gian cũng đều chờ các duyên mới phát sinh các thứ sai biệt về ảnh tượng của trí v.v..., nhưng không phải vì khác với ảnh tượng nên trí mới thành. Những màu sắc khác biệt như xanh, vàng v.v... không phải lúc nào cũng sinh tức khắc ảnh tượng của tự Thánh trí và nơi tất cả chúng sinh, mà cần phải đợi thời gian, đợi duyên mới có thể phát sinh.

Ý ở đây nói: Trí Đại viên cảnh tương ứng với thức thanh tịnh có hai thứ dụng:

(1) Dụng của Nhân duyên: Là trong thức tịnh có đủ tất cả chủng tử của pháp thanh tịnh có khả năng hiện bày, có khả năng sinh ra thân tướng cõi nước, cảnh, trí. Nếu gặp duyên bên ngoài, tức liền biến hiện vô số ảnh tượng nơi cảnh giới của thân tướng cõi nước, cùng có thể sinh khởi các trí bình đẳng v.v... tương ứng với các hành tướng sai biệt của phẩm tâm.

(2) Dụng của Duyên tăng thượng: Là các căn thiện trong thức thanh tịnh của Phật, do nguyện lực nên được sinh khởi. Nếu các chúng sinh đều tự có đủ nhân duyên, bấy giờ thức thanh tịnh của Phật liền hỗ trợ họ khiến không bị chướng ngại, sinh trưởng, thành tựu viên mãn. Thế nên thể của cảnh trí tuy là một, nhưng vẫn có thể hiện khởi, có thể xuất sinh ảnh tượng của các pháp, nhưng chờ các duyên bên ngoài, nên không phải hiện khởi tức khắc.

*** Kinh nói:** “*Như nơi chiếc gương tròn, không phải là một mà là rất nhiều các ảnh tượng hiện khởi, nhưng trên gương tròn không có các ảnh tượng, tức gương tròn ấy không lay động, không tạo tác. Như thế, trên Trí Đại viên cảnh của Như Lai không phải là một mà là rất nhiều ảnh tượng của các trí khởi hiện, nhưng trên trí viên cảnh không có ảnh tượng của các trí, tức gương trí này không lay động, không tạo tác*”.

*** Luận nêu:** Nếu các ảnh tượng của trí ở trên trí cảnh trước đây đã có Thể, thì vì sao trí cảnh phải làm duyên mới được sinh? Nếu trước không có Thể, thì làm sao có thể xuất sinh các ảnh tượng của trí mà không có động tác. Không thấy thợ gốm nào không có động tác mà có thể tạo ra chiếc bình trước khi không có bình v.v...?

Vì giải thích vấn nạn này, nên nói: Lại như chiếc gương tròn, không phải là một mà là rất nhiều các ảnh tượng v.v...: Như tấm gương tròn lớn có thể đầy khởi các ảnh tượng đồng loại với số nhiều, nên gọi không phải là một, khác loại là vô số nên gọi là rất nhiều. Quán đối đồng loại, giản lược chỉ có một thứ, nên nói không phải là một. Quán đối với dị loại, hiển bày vô số nên nói là rất nhiều.

Như thế, trên mặt gương tuy trước không có ảnh tượng, đầy khởi nhiều ảnh tượng, nhưng gương vẫn không lo nghĩ, phân biệt, tác động. Cảnh trí cũng thế, tuy trước không có ảnh tượng của trí v.v..., nhưng vẫn có thể sinh khởi vô số ảnh tượng nơi các pháp của trí v.v... Quán đối đồng loại, nên nói không phải là một. Quán đối dị loại, nên nói là rất nhiều. Tuy xuất sinh các ảnh tượng của trí v.v... như thế, nhưng gương trí không lo nghĩ, phân biệt, tác động.

Ở đây ý nói: Như tấm gương tròn lớn, tuy không phân biệt, nhưng có thể sinh khởi vô số ảnh tượng. Trí gương cũng như thế, tuy không chấp ngã và chấp ngã sở, chủ thể giữ lấy, đối tượng được giữ lấy, tác ý phân biệt, nhưng có thể sinh khởi vô số ảnh tượng nơi các pháp của trí v.v...

*** Kinh nói:** “*Lại như chiếc gương tròn và các ảnh tượng không phải là hợp, không phải là lia, vì không tụ tập, nên hiện khởi duyên kia. Như thế, Trí Đại viên cảnh của Như Lai, cùng với ảnh tượng của các trí không phải là hợp, không phải là lia, vì không tụ tập nên không tan mất*”.

*** Luận nêu:** Nếu Trí viên cảnh cùng với ảnh tượng của các trí v.v... hòa hợp, thì vì sao không khác biệt với ảnh tượng đó, vì đây là trở thành sai biệt. Nếu không hòa hợp thì sao lại làm nhân? Không thấy hạt giống v.v... và quả của các mầm v.v... không hòa hợp mà có thể làm nhân? Không phải ánh sáng mặt trời và đá, tro v.v... không hòa hợp mà có thể cùng chiếu sáng?

Vì giải thích vấn nạn này, nên nói: Lại như chiếc gương tròn và các ảnh tượng không phải là hợp, không phải là lia v.v...: Tức như chiếc gương của thế gian, tuy có thể làm nhân khởi hiện các ảnh tượng, nhưng gương không cùng hòa hợp với ảnh tượng đó. Ảnh tượng đó trước khi chưa sinh do chưa có tụ thể, nên không tụ tập. Không phải gương này và ảnh tượng đó hoặc cùng nhau hay không cùng nhau, có thể gọi là hòa hợp. Gương tròn và ảnh kia cũng không phải cách ly riêng để hiện khởi duyên kia. Tức do nghĩa ấy, nên không phải là không hòa hợp. Chính là do đây có nên kia mới có được. Tuy gương là nhân hiện khởi, xuất sinh ảnh tượng, nhưng không vì ảnh tượng có sai biệt mà gương trở thành sai biệt.

Trí Đại viên cảnh cũng lại như thế. Tuy có thể làm nhân sinh ảnh tượng của trí v.v..., nhưng cùng với trí không phải là hợp, không phải là lia, vì không tụ tập, vì không tan mất.

Nói không phải là hợp: Tức trước ảnh tượng chưa sinh, do chưa có tụ Thể nên không tụ tập.

Nói không phải là lia: Tức chính là phải có trí gương thì ảnh của trí v.v... mới sinh, nếu không thì không sinh, vì không tan mất. Lia, hoại nẻo có không, gọi là tan mất. Cùng với tướng kia trái nhau,

nên gọi là không tan mất. Vì trí gương thấu nhận và phát sinh ảnh tượng kia, nên hoặc không quên mất tướng nơi cảnh của đối tượng duyên, gọi là không tan mất, do trong trí gương hiển hiện tất cả tướng của đối tượng được nhận thức.

Trí ba đời v.v... và các chúng sinh, nếu không nhận biết khắp nơi trí cảnh, thì sẽ không phát sinh, nên cần nhận biết tất cả, thì trí này mới sinh khởi. Thế nên trí này không quên tất cả tướng nơi cảnh của đối tượng duyên, nên gọi là không tan mất. Vì không tan mất, nên do đó không phải là lìa. Tuy trí gương này có khả năng làm nhân khởi hiện ra ảnh tượng của trí v.v..., nhưng không phải do ảnh kia có sai biệt, nên trí gương này trở thành sai biệt. Như gương tròn lớn không đổi thay, khác biệt.

Ở đây ý nói: Như chiếc gương tròn của thế gian, tuy có thể làm nhân dấy khởi các ảnh tượng, nhưng không phải do sự sai biệt của hợp và lìa đã tiếp xúc. Cảnh trí cũng như thế. Tuy có thể làm nhân dấy khởi ảnh tượng của trí, nhưng không phải hợp lìa có sai biệt đã tiếp xúc. Hạt giống v.v... tuy có thể làm nhân cho mầm v.v..., nhưng các hạt giống cũng đều không thể nói là hợp hay lìa. Vì chỉ một phần ánh sáng yếu ớt, cũng không phải là sắc v.v... vì tướng chung hòa hợp, do cả hai đều có, khiến cho trên thức kia giống như cùng với sắc v.v... hòa hợp cùng sinh. Do thế gian hiện thấy tất cả nhân, quả, tuy không phải hợp, lìa, nhưng vẫn có thể làm nhân. Do đấy, không có hai tướng nhân quả quyết định hòa hợp.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN KINH PHẬT ĐỊA

QUYỂN 5

** Kinh nói: “Lại như nơi mặt chiếc gương tròn được cân bằng ngọc đá sáng, nơi tất cả xứ đều là chốn duyên dựa cho các ảnh tượng phát khởi. Như thế, Trí Đại viên cảnh của Như Lai không đoạn dứt vô lượng hành tác thiện sáng, là chỗ duyên dựa cho khắp các trí ảnh khởi phát. Nghĩa là ảnh tượng nơi các trí của thừa Thanh văn, ảnh tượng nơi các trí của thừa Duyên giác, ảnh tượng nơi các trí của Đại thừa vô thượng. Đó là Như Lai muốn cho các người của thừa Thanh văn, nương vào thừa Thanh văn mà xuất ly, người của Độc nhất giác dựa vào thừa Độc giác mà xuất ly, người của Đại thừa nương vào Thừa vô thượng mà xuất ly”.*

** Luận nêu: Thế nào là một trí nơi tất cả thời đều có thể xuất sinh ảnh tượng nơi các pháp của Nhất thiết trí v.v... trong ba Thừa?*

Vì giải thích vấn nạn này, nên nói: Lại như nơi mặt chiếc gương tròn được cân bằng ngọc đá hiển sáng bóng v.v...: Tức như gương tròn sáng của thế gian vì soi khắp nên tất cả ảnh tượng v.v... đều xuất hiện nơi mặt. Nếu dùng ngọc đá trong sáng cân quanh mặt khuôn gương ở phía trước, sau và cả hai bên thì nơi tất cả xứ, gương sẽ làm duyên để hiện lên tất cả ảnh tượng.

Gương trí cũng thế. Tất cả Như Lai khi còn làm Bồ-tát, tuy có chủng tánh, nhưng vì bị chướng ngại, nên chưa có thể sinh khởi

khắp ảnh tượng nơi các pháp của Nhất thiết trí v.v... trong ba Thừa. Sau đó, siêng năng tinh tấn tu tập không đoạn dứt vô lượng việc làm thiện sáng. Đến khi Định kim cương dụ hiển hiện ở trước, lia hết thấy chướng đạt được thanh tịnh viên mãn, có khả năng sinh khởi trí v.v... của khắp ba Thừa. Tất cả ảnh tượng không đoạn dứt, theo phương không phân giới hạn, nên vô lượng theo thời, là vô lượng thời.

Đây là nói về phần vị nhân hiện bày khắp nơi chốn trong vô lượng thời gian, siêng năng tu tập các hành, dứt sạch hết thấy chướng ngại cản trở nẻo thiện, sáng nơi Trí Đại viên cảnh, có thể sinh khởi ảnh tượng nơi trí v.v... của ba Thừa.

Lại, tức như trí gương là hiện bày khắp nơi chốn, luôn lia các thứ cấu uế nên vô số hạnh đức đều viên mãn, trang nghiêm, thanh tịnh trọn vẹn, nơi tất cả thời, xứ đều có thể khởi hiện các ảnh tượng. Như nói Định kim cương thù thắng đã đoạn dứt tất cả chướng, chứng được Trí Đại viên cảnh của Như Lai, vô số công đức đều viên mãn, trang nghiêm: Nơi tất cả xứ cùng vô lượng thời, trí này có thể khởi hiện tất cả ảnh tượng của ba Thừa.

Ở đây ý nói: Các căn thiện đều riêng nên được thành thực khác nhau. Khi đạo thù thắng phát sinh Trí Đại viên cảnh, hoặc gần, hoặc xa, tùy theo chỗ ứng hợp của nó để làm trợ duyên mạnh mẽ. Nơi chủng tánh quyết định đều dựa vào thừa mình để được xuất ly. Đối với chủng tánh bất định, hoặc dựa vào Đại thừa, hoặc dựa vào các thừa khác để được xuất ly.

Nói xuất ly tức là Niết-bàn. Các người của ba Thừa dùng chủng tánh của mình làm nhân duyên, trí cảnh của Như Lai làm duyên tăng thượng, siêng năng tinh tấn tạo phương tiện tu tập tư lương, dẫn sinh đạo Thánh, trừ phiền não chướng, dứt sở tri chướng, tùy thuận căn cơ thích hợp, đều chứng được Niết-bàn.

Thanh văn, Độc giác thuộc chủng tánh quyết định, đều an trụ nơi quả vị vô học, vì ưa thích tịch diệt, các nghiệp làm tăng ích

cho các phiền não chướng sinh khởi đều dứt trừ hết. Phiền não của nghiệp trước đã chiêu cảm nơi thân tâm, đều tự nhiên diệt hết, lại không thọ sinh và không có chỗ dựa, tất cả chủng tử của các hành hữu vi, hữu lậu, vô lậu đều theo đấy đoạn dứt, chỉ có chuyển y không còn tướng hý luận, xa lìa cấu uế, đạt pháp giới thanh tịnh của chân như, thân giải thoát tự tại, gọi là cảnh giới Niết-bàn vô dư y, thường trụ an lạc, hoàn toàn tịch diệt, không rơi vào số đông, không thể nghĩ bàn, đồng với các Như Lai. Chỉ vì không có công đức vô lậu, hữu vi được trang nghiêm, nên không còn khởi tạo sự việc đem lại lợi ích an lạc cho hữu tình, nên không đồng với Như Lai.

Thanh văn, Độc giác thuộc chủng tánh bất định, an trụ nơi quả vị vô học, tuy không có phiền não, vì ưa thích Bồ-đề, nhưng do lực của định nguyện, để lại thân nối tiếp tu tập hành Đại thừa, cho đến đạt được Định kim cương, tất cả chướng đều diệt, chúng ba thân Phật, tuy có công đức vô lậu, hữu vi, nhưng không có thân tâm hữu lậu tồn tại, nên chúng được cảnh giới Đại Niết-bàn vô dư y.

Dựa, nghĩa là thân tâm hữu lậu của ba cõi. Nếu các Bồ-tát khi đoạn dứt hai chướng, đều chúng được quả vị Phật, tức được gọi là chúng cảnh giới Đại Niết-bàn vô dư y. Thế nên, hàng Nhị thừa trước chúng nhập cảnh giới Niết-bàn hữu dư y, về sau mới chúng cảnh giới Niết-bàn vô dư y.

Bồ-tát lúc đầu tiên chúng địa Như Lai, là đã chúng đắc liền hai thứ cảnh giới Đại Niết-bàn, vì đã dứt hết hữu lậu của thân tâm nên gọi là vô dư y, cũng còn có biến hóa giống như tướng hữu lậu, vì thân tâm tồn tại nên gọi là hữu dư y. Vì bi và trí không đoạn dứt nơi quả vị đã được chúng đắc, nên cũng gọi là cảnh giới Đại Niết-bàn vô trụ. Niết-bàn tức là nghĩa thể của chân như vĩnh viễn diệt các thứ chướng, do tuệ vô lậu chọn lựa lý của đế, đoạn các tạp nhiễm để chúng đắc, cũng gọi là trạch diệt.

Như thế, trạch diệt nơi bình diện chân như, là giả nêu đặt nên có, không có vật thật riêng biệt, đến phần vị rốt ráo, gọi là Niết-bàn, không có nơi chốn hướng đến, không có xú uế, lia khỏi sự vây buộc, ra khỏi vùng rừng rậm phiền não, gọi là Niết-bàn.

Thanh văn, Độc giác còn có tập khí của sở tri chướng chưa diệt, làm sao chúng được Niết-bàn rốt ráo. Còn tập khí của sở tri chướng là do không biết, không phải là nhiễm ô, chỉ chướng ngại nơi quả Bồ-đề, không chướng ngại Niết-bàn. Vì không có phiền não nên không tăng ích nẻo sinh. Nếu không có nguyện lực hồi tâm hướng về Đại thừa, thì đến quả vị vô học, khi thọ mạng đã hết tất vĩnh viễn tịch diệt.

** Kinh nói: “Như trong chiếc gương tròn, ảnh tượng lớn có thể có được. Đó là ảnh tượng của các đại địa, núi lớn, cây to, cung điện, nhà cửa lớn rộng, nhưng gương tròn này không ngang đồng với phần lượng kia. Như thế, trên trí gương tròn (Trí viên cảnh) của Như Lai, từ Địa Cực hỷ cho đến Địa Phật, ảnh tượng của trí có thể có được cùng với tất cả ảnh tượng của trí nơi pháp thế gian, xuất thế gian có thể có được, nhưng trí gương tròn không phải là phần lượng của các pháp đó”.*

** Luận nêu: Nếu trí gương tròn có thể khởi hiện ảnh tượng của trí, nên đồng với phần lượng có sai biệt kia, có thể được chăng?*

Vì giải thích vấn nạn này, nên nói: Như trong chiếc gương tròn, ảnh tượng lớn có thể hiện được, nghĩa là các đại địa v.v...: Tức như gương tròn của thế gian, tuy có thể làm duyên để khởi hiện ảnh tượng như đại địa v.v..., nhưng gương tròn này không ngang đồng với phần lượng kia. Trong một chiếc gương nhỏ, hiện lên nhiều ảnh tượng lớn như núi v.v... là có thể có được. Rất nhiều ảnh tượng nhỏ như đá v.v... hiện ra trong một chiếc gương to, là có thể có được. Tuy có hình ngăn ngại, nhưng số lượng của các ảnh lớn, nhỏ đều không đồng.

Trí gương cũng như thế. Tuy khởi hiện ảnh tượng của các trí thế gian, xuất thế gian, không có hình tướng ngăn ngại, nhưng không đồng với số lượng lớn nhỏ của ảnh tượng nơi trí kia. Do nhân duyên này, nên trí gương của chư Phật gọi là kho tàng của đại trí, vì đó là căn bản của trí thế gian, xuất thế gian. Như nói: Đức Thế Tôn đã thành tựu trí gương của kho tàng đại trí, có thể sinh ra Nhất thiết trí. Nên biết ở đây dùng tên trí để nói về tất cả công đức, do trí gương này tương ứng với thức tịnh, đầy đủ chủng tử của tất cả công đức lợi mình, lợi người, có khả năng làm nhân duyên sinh ra ảnh tượng của trí v.v... trong tự thân và làm duyên tăng thượng để sinh ra ảnh tượng của trí v.v... trong thân người khác. Do trí gương này có thể hiển hiện thân, sinh ra trí thuyết pháp và lần lượt sinh ra ảnh tượng của trí v.v... nơi người khác. Hoặc nguyện lực của bi huân tu tạo thành, tự nhiên làm duyên tăng thượng cho pháp thiện nơi trí v.v... của người khác, khiến được sinh trưởng dễ dàng.

Thế nên kinh nói: Tất cả chúng sinh với pháp thiện hiện có cùng quả vị thù thắng đều là do nguyện lực của bi tăng thượng nơi Như Lai nên được phát sinh.

** Kinh nói: “Lại như gương tròn là duyên khiến khởi hiện chất ảnh tượng, không phải là xứ che lấp chất ảnh tượng. Như thế, Trí Đại viên cảnh của Như Lai là duyên khởi hiện ảnh tượng nơi trí của chúng sinh, không phải thuộc về bạn xấu, thấu giữ việc nghe pháp không chân chánh, làm trở ngại ảnh tượng nơi trí của chúng sinh, vì chúng không phải là pháp khi”.*

** Luận nêu:* Nếu trí gương tròn của Như Lai khiến cho ba Thừa đều được xuất ly, sinh ra ảnh tượng của các trí. Lại do nguyện lực của bi, huân tu tạo thành làm duyên tăng thượng và xuất sinh ảnh tượng của các trí thế gian, xuất thế gian, thì vì sao chánh trí của các ngoại đạo nơi thế gian lại không thể sinh ra nhân duyên thường hòa hợp với trí đó. Các ngoại đạo v.v... nên là không điên đảo chẳng?

Vì giải thích vấn nạn này, nên nói: Lại như gương tròn là duyên khiến khởi hiện chất ảnh tượng, không phải là xứ che lấp chấp ảnh tượng v.v...: Như chiếc gương của thế gian, tuy có khả năng làm duyên để hiện lên các ảnh tượng, nhưng gương không phải là duyên gây trở ngại chất ảnh tượng như nơi tường vách đã cản trở.

Trí cảnh của Như Lai cũng lại như thế. Tuy có khả năng làm duyên sinh ra ảnh tượng của trí, nhưng không phải ở tại chỗ yêu thích của tri thức ác, ưa thích nghe pháp tà gây cản trở: Ảnh của trí làm duyên phát sinh do tác động của tri thức ác kia chẳng phải là điều có thể thêm sức cho người có tâm nghe chánh pháp. Thế nên, đạo Thánh không sinh khởi với ngoại đạo, vì luôn giữ tâm diên đảo, chủng tử của pháp thiện bị tổn giảm, chìm mất, còn chủng tử của pháp ác thì gặp duyên để phát sinh. Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, thời gian tu tập thiện thì ít, thời gian gây tạo ác thì nhiều. Do đó, pháp thiện tuy có gặp duyên mạnh mẽ, cũng khó sinh trưởng, còn pháp ác tuy chỉ gặp một ít duyên nhỏ bên ngoài, tức liền sinh khởi nhanh, nhiều.

*** Kinh nói:** *“Lại như chiếc gương tròn là duyên để khởi hiện ảnh tượng của trí, không phải là nơi làm mờ tối chất ảnh tượng. Trí Đại viên cảnh của Như Lai cũng như vậy, là duyên để khởi hiện ảnh tượng nơi trí của chúng sinh, không phải là nơi chốn ưa thích xấu ác ngu muội, vì những thứ ấy không phải là pháp khĩ”.*

*** Luận nêu:** Như duyên bên ngoài gây chướng ngại, khiến ảnh tượng của trí không sinh. Thói quen ưa thích việc ác từ kiếp trước là duyên bên trong, bị vô minh tối tăm ngăn che nên ảnh tượng của trí không khởi hiện.

Những người ưa thích việc ác: Tuy tất cả phiền não như tham, giận v.v... thấy đều bùng phát, nhưng nặng hơn cả là si mê. Do không nhận biết rõ về sự việc nhân quả hơn kém của thiện ác, không biết trong thế gian hiện có chánh pháp của chư Phật, luôn đem lại lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh. Thừa ruộng tốt là Tam bảo luôn sinh

trưởng vô lượng khối phước cho tất cả thế gian và xuất thế gian. Nhưng họ không muốn nghe, nhận giáo pháp, không thích về nương dựa. Ngược lại, ưa thích nghe pháp tà của ngoại đạo, không lợi ích, không an vui, nương dựa vào đó khiến sinh trưởng và rước lấy các khổ do vô lượng nghiệp ác nơi các thần tà, há không phải là do sức ngăn che của vô minh tối tăm? Vì thế, ngăn che điều thiện thì vô minh là nặng nhất, nên cần phải siêng năng tu tập trí tuệ sáng tỏ. Vô minh nặng nề không phải là căn khí tốt.

* **Kinh nói:** “*Lại như chiếc gương tròn là duyên khiến khởi hiện chất ảnh tượng, không phải là nơi chốn lìa xa. Như thế, Trí Đại viên cảnh của Như Lai là duyên khiến khởi hiện ảnh tượng nơi trí của chúng sinh, không phải là nơi chốn tạo pháp bất tịnh, chiêu cảm sự thiếu thốn nghiệp pháp nơi chúng sinh bất tín, vì các loại đó không phải là pháp khĩ*”.

* **Luận nêu:** Do sức mạnh nơi chướng ngại của hai duyên trong ngoài như thế, nên ảnh tượng của trí không sinh. *Những gì là hai duyên?*

(1) Do nghiệp tạo từ đời trước đã chiêu cảm sự thiếu thốn pháp nghiệp khiến cho trong nhiều thời gian không được nghe chánh pháp. Nghĩa là nơi đời trước đã hủy báng chánh pháp, do nghiệp chướng này, nên trải qua vô lượng kiếp không được nghe pháp của Phật. Chính sự việc không nghe chánh pháp của chư Phật này là chướng của quả nghiệp kia. Ảnh tượng của trí kia khiến không sinh khởi là do không được nghe chánh pháp. Tự thể của ảnh trí kia đã là không thì làm sao gọi là hủy báng chánh pháp? Quả như thế nào? Có thể tạo chướng ngại, có thể sinh ra ảnh tượng của trí, không nói là chúng sinh kia không nghe chánh pháp, là quả báo, là chướng ngại. Nhưng nói là do chúng sinh chiêu cảm sự thiếu thốn pháp nghiệp có sự việc đó, tức không thể nghe nhận chánh pháp, thân tâm ngu độn, các căn không đủ v.v... là quả báo, là chướng ngại.

(2) Do không tin tưởng. Nghĩa là không có chủng tánh, không có pháp Niết-bàn, không ưa thích Niết-bàn, không có chủng tử của đạo Thánh xuất thế gian. Đối với sự chứng đắc chân như, còn có chướng rốt cùng, nên khi nghe pháp xuất thế đều không tin nhận, hoàn toàn không đạt được Niết-bàn của ba Thừa. Như thế, tất cả thân tâm nối tiếp đều không thanh tịnh, vì không phải là pháp khí của bậc Thánh, nên tức thời hoàn toàn không phát sinh ảnh tượng nơi trí của công đức xuất thế gian. Như nước đục như không thể lộ hình ảnh của mặt trăng. Trí gương cũng như thế, nếu không tin tưởng thì ảnh tượng của trí không thể phát sinh.

Như vậy, lược nói về Trí Đại viên cảnh gồm có chín thứ tướng thù thắng. Còn các trí khác, nghĩa là tướng huân từ, tướng không phân biệt, tướng thanh tịnh bị chướng ngại.

Dựa vào nhân duyên trên phát sinh tướng của ảnh trí, không có tướng ngã sở, không có tướng thâm nhận, không quên tất cả tướng nơi cảnh giới của đối tượng được nhận biết, luôn hiện bày khắp mọi nơi chốn, thời gian phát sinh tướng của ảnh trí, có thể sinh ra tướng căn bản của Nhất thiết trí. Đối với xứ không phải là pháp khí, tức không thể phát sinh tướng. Đây có ba thứ không phải là pháp khí của bậc Thánh:

(1) Gần gũi tri thức bất thiện, nghe pháp không chân chánh, tức thời có chướng ngại, không phải là pháp khí của bậc Thánh.

(2) Vì bị chướng ngại do phiền não si ám, nên không phải là pháp khí của bậc Thánh.

(3) Vì bị chướng ngại do nghiệp chướng rất nặng, cũng không có chủng tử của đạo Thánh xuất thế.

Trong thời gian khá lâu, hoàn toàn không phải là pháp khí của bậc Thánh.

Ba thứ như thế gọi chung là tướng thứ chín, không phải là pháp khí, nên tướng không thể phát sinh.

* **Kinh nói:** “*Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Sinh! Trí Bình đẳng tánh là do mười thứ tướng thành tựu viên mãn*”.

* **Luận nêu:** *Trí Bình đẳng tánh là do mười thứ tướng thành tựu viên mãn:* Nên biết mười thứ tướng này là quả tu chứng của mười địa.

Nói lược là trong mỗi mỗi địa đều chứng đắc một tánh bình đẳng, nên tu tập thành tựu viên mãn Trí Bình đẳng tánh của Phật địa. Thế nên nói Trí Bình đẳng tánh là do mười thứ tướng thành tựu viên mãn.

Nếu nói rộng thì trong mỗi mỗi địa đều chứng đắc vô lượng pháp tánh bình đẳng, nên tu tập thành tựu viên mãn Trí Bình đẳng tánh của Phật địa.

* **Kinh nói:** “*Chứng được các tướng khiến sự vui mừng, yêu thích tăng thượng, nên thành tựu viên mãn pháp tánh bình đẳng*”.

* **Luận nêu:** *Các tướng:* Tức là các tướng của bậc Đại sĩ cùng các tướng tùy hảo có sai biệt đều gọi là tướng. Các tướng như thế vì xa lìa tự tánh của biến kế sở chấp, nên gọi là bình đẳng. Như Khế kinh nói: “Các tướng của bậc Đại sĩ, Như Lai tức nói do không phải là tướng, thế nên nói là các tướng của bậc Đại sĩ”.

Tăng thượng: Tức là dồi dào, tự tại. Các uẩn như sắc v.v... đều riêng biệt, đều không phải là sự dồi dào tự tại. Hòa hợp cũng không phải là dồi dào, tự tại, tức vì tánh riêng biệt của chúng. Các pháp khi hòa hợp không bỏ tự tánh. Nếu lìa tự tánh này thì không có Bồ-đặc-già-la thật. Do đó tất cả sự dồi dào, tự tại đều xa lìa tự tánh của biến kế sở chấp, nên gọi là bình đẳng. Như Khế kinh nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Hôm nay con đã hiểu rõ, tất cả do vô ngã nên không giàu, không nghèo”.

Vui mừng yêu thích: Tức là sự vui mừng yêu mến hiện có, do sức của biến kế. Thuận nơi pháp yêu mến kia nên phát sinh hoan hỷ,

trái ngược với pháp yêu mến thì sinh khởi buồn lo. Vì các pháp nơi biến kế sở chấp đã không có, nên đối với tất cả sự vui mừng, yêu thích của biến kế sở chấp cũng là không có, nên gọi là thấu đạt về bình đẳng giải thoát.

Như thế là đã nói về các tướng vui mừng, yêu thích tăng thượng nơi pháp tánh bình đẳng, gọi là chứng đắc Địa thứ nhất. Bồ-tát mới chứng đắc lần đầu tiên pháp tánh bình đẳng, về sau dùng phương tiện tu tập dần dần trong các địa nối tiếp, khiến được tăng trưởng, sau cùng đến Phật địa là thành tựu viên mãn. Từ đây về sau, không còn tăng trưởng. Do sự chứng đắc được thành tựu viên mãn ấy, nên Trí Bình đẳng tánh mới được thành tựu viên mãn.

Sự thành tựu viên mãn ở đây, đối với xứ thứ ba, nói là sự biến chuyển thứ năm, tất cả nên nói là do thành tựu viên mãn, là nghĩa loại tương tự, ngôn từ thuận hợp, nên nói như thế.

** Kinh nói: “Chứng đắc pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn của tất cả sự lãnh nhận duyên khởi”.*

** Luận nêu:* Duyên khởi gồm có hai nghĩa: (1) Trong. (2) Ngoài.

Duyên khởi bên trong là mười hai chi hữu như vô minh v.v... Duyên khởi bên ngoài là tất cả sự vật bên ngoài như hạt giống, mầm v.v...

Trong: Là nên dùng pháp quan sát về hành tướng thuận nghịch của hai phần tạp nhiễm, thanh tịnh. Ngoài: Là nên dùng pháp quan sát các hành tướng: Do đây có nên kia có, vì đây sinh nên kia sinh. Nghĩa là vì chủng tử này có, nên chủng tử kia sinh. Mầm này v.v... được có, nên mầm kia được sinh. Hai duyên khởi này, tất cả đều do nhân có, nên quả có, vì nhân sinh nên quả sinh. Nghĩa không tác dụng là nghĩa duyên khởi. Nghĩa không, vô ngã, nghĩa không Bồ-đặc-già-la là nghĩa duyên khởi.

Tự tướng của các nghĩa duyên khởi như thế là đối tượng được lãnh nhận, nên gọi là lãnh nhận. Hoặc vì hữu tình có thể lãnh nhận nên gọi là lãnh nhận.

Các pháp duyên khởi là đối tượng được lãnh nhận. Tất cả duyên khởi được lãnh nhận như thế, vì không tác dụng, vì không, vô ngã, vì không Bồ-đặc-già-la, nên xa lìa tự tánh của biến kế sở chấp, gọi là thấu hiểu bình đẳng.

Như thế là đã nói về sự lãnh nhận tất cả duyên khởi nơi pháp tánh bình đẳng, nên gọi là chứng đắc.

Do sự chứng đắc này, như trước tu tập thành tựu viên mãn, nên Trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

Pháp tánh bình đẳng của duyên khởi như thế tức là pháp tánh bình đẳng của tất cả pháp. Như nói với Phạm chí, tất cả pháp tánh, tức là pháp tánh của duyên sinh, duyên khởi. Hiểu rõ về điều này nên gọi là Bồ-đề. Như Đức Phật đã nhận thấy tất cả pháp tánh như thế, tức là pháp tánh duyên khởi.

Lại như Khế kinh nói: “Không thấy có một chút pháp nào lìa tánh duyên khởi”. Ở đây pháp tánh bình đẳng duyên khởi gọi là tánh duyên khởi. Dựa vào mật ý ấy nên nói lời này: “Nếu thấy duyên khởi, tức thấy pháp tánh. Nếu thấy pháp tánh, tức là thấy chư Phật”.

Thật tánh của duyên khởi tức là pháp thắng nghĩa, vì thắng nghĩa là Phật.

Pháp tánh bình đẳng đối với tất cả mọi nơi chốn, vì đều không sai biệt nên nói như thế.

*** Kinh nói:** “*Chứng đắc sự xa lìa dị tướng, phi tướng, vì pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn*”.

*** Luận nêu:** Vì tướng của các pháp như sắc v.v... là biến hoại, không giống nhau, nên gọi là dị tướng. Xa lìa dị tướng đều riêng biệt như thế, tức là tướng chung.

Tương chung như vậy lấy gì làm tướng? Lấy phi tướng làm tướng. Như Khê kinh nói: “Hết thấy pháp tánh chỉ có một tướng, đó là phi tướng. Phi tướng tức là pháp tánh bình đẳng”.

Hiểu thấu về biến kế sở chấp như thế, tất cả pháp tánh rốt ráo, vĩnh viễn không có pháp tánh bình đẳng, nên gọi là chứng đắc.

Do sự chứng đắc này, theo như trước tu tập thành tựu viên mãn, nên Trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

Lại có nghĩa: Xa lìa dị tướng tức là không có tướng. Xa lìa phi tướng tức là không “Không tướng”. Không có, không không, gọi là tánh bình đẳng. Ngoài ra như trước đã nói.

** Kinh nói: “Tâm đại từ cứu giúp rộng lớn, nên pháp tánh bình đẳng đã thành tựu viên mãn”.*

** Luận nêu:* Từ có ba thứ: (1) Từ duyên nơi hữu tình. (2) Từ duyên nơi pháp. (3) Từ không duyên.

Các Bồ-tát ở phần vị mới phát tâm, phần nhiều đều tu tập tâm từ duyên nơi hữu tình, đa số là hữu lậu, do cảnh giới hữu vi của thế tục. Các Bồ-tát ở quả vị tu tập chánh hạnh, phần nhiều đều tu tập tâm từ duyên nơi pháp, cũng phần nhiều là hữu lậu. Do dùng giáo pháp Đại thừa làm cảnh giới tu tập, nên các Bồ-tát này v.v... chứng được nhãn vô sinh, phần nhiều đều tu tập tâm từ không duyên, tuy có sở duyên duyên là pháp giới. Ví như các pháp dị thực như mắt v.v... không có phân biệt, không tạo gia hạnh, chuyển biến tự nhiên, nên gọi là không duyên. Trí Bình đẳng tánh tương ưng với đại từ.

Hoặc có nghĩa: Chỉ duyên nơi pháp giới làm đối tượng duyên, nhưng vĩnh viễn không có phân biệt. Vì không duyên nơi hữu tình và các pháp nên gọi là tâm từ không duyên.

Lại có nghĩa: Cũng duyên nơi các pháp.

Về nghĩa như thật: Cũng duyên nơi hữu tình, song không phân biệt, hành tướng đều bình đẳng, biết rõ tất cả là giả lập. Vì tánh của hữu tình là bình đẳng, nên duyên sinh cùng pháp tánh bình đẳng, vì tánh của chân như vô ngã bình đẳng nên gọi là trí bình đẳng. Trí này tương ưng theo cảnh của đối tượng duyên, có đủ ba thứ từ, chính là hành bình đẳng không phân biệt, nên nói là không duyên.

Trí Bình đẳng tánh trong Địa Như Lai tương ưng với đại từ, các tướng thành tựu viên mãn nên đều luôn hiện hành. Đức Như Lai đã có đại từ không duyên, còn hai thứ từ kia không nói đến, tự nhiên thành tựu. Do ba thứ từ này, nên Đức Như Lai cứu độ bình đẳng tất cả hữu tình, không những chỉ ban cho an vui nơi phần ít chúng sinh mà là chuyển biến khắp hết thấy hữu tình nhận biết về pháp vô ngã trở thành tánh chân như bình đẳng. Vì luôn hiện hành cứu độ tất cả, nên gọi là đại từ, không phải như Thanh văn và hàng phàm phu v.v... chỉ tạm thời chuyển vận hành tác ban vui một phần ít, không có khả năng cứu độ tất cả hữu tình.

Vì vượt hơn tất cả hàng Thanh văn v.v..., vì cứu độ tất cả các hữu tình, do trong thời gian dài đã tích tập tư lương phước tuệ, được thành tựu viên mãn, nên gọi là sự cứu giúp rộng lớn.

Như thế, chỗ nói về tâm đại từ cứu giúp rộng lớn hiện bày khắp tất cả nơi chốn, chuyển vận không sai biệt, nên gọi bình đẳng. Tức sự bình đẳng này được gọi là pháp tánh. Hoặc đã nói tâm đại từ cứu giúp rộng lớn, vì pháp tánh bình đẳng là đối tượng duyên, căn cứ nơi cảnh nên gọi là pháp tánh bình đẳng. Do tâm đại từ này, theo như trước tu tập thành tựu viên mãn, nên Trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

*** Kinh nói:** “*Tâm đại bi không đối đãi vì pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn*”.

*** Luận nêu:** *Tâm đại bi* của hàng Thanh văn v.v... không thể cứu độ tất cả hữu tình, chỉ duyên nơi một ít phần hành tướng của cõi

Dục, tạm thời chuyển biến. *Tâm đại bi* của Như Lai có thể cứu độ khắp tất cả hữu tình, duyên suốt cả ba cõi, hiện hữu khắp các hành tướng và luôn chuyển biến.

Nói không đối đãi: Là không có đối tượng quán đối chỉ luôn cứu độ, không bỏ. Nghĩa là không có đối tượng được đối đãi, mà tùy thuận chỗ ứng hợp để cứu độ ba khổ. Đối với mọi khổ nơi các hữu tình, tâm bi hằng chuyển không bỏ. Cũng như Trưởng giả hết lòng thương yêu con một. Nơi các hữu tình đều hành hóa bình đẳng, do cảnh giới của hữu tình là không có biên vực. Khi tạo các thành thực cho hữu tình, không hề bỏ dở. Khi đem lại những thành thực cho hữu tình tâm bi kia luôn hiện bày thuận hợp.

Đức Như Lai thường cùng với tâm đại bi tương ưng, không thể nói là tạm khởi, tạm chuyển. Như kinh nêu: “Này Thiện nam! Không nên nói chur Phật, Thế Tôn hiện có tâm đại bi, đối với các hữu tình tạm khởi, tạm chuyển. Vì sao? Vì tâm đại bi ấy là hằng chuyển”.

Tâm đại bi của chur Phật, Thế Tôn hiện bày khắp, cho đến những kẻ không có căn cơ, chưa lập căn thiện và trọn không chứng được Bồ-đề vô thượng. Đức Như Lai sau khi chứng đắc Đại Bồ-đề rồi, luôn nghĩ như thế này: “Ta sẽ an lập các thứ gốc căn thiện cho hết thảy hữu tình. Nếu có người chưa giác ngộ được tất cả pháp, Ta sẽ khai ngộ cho họ”.

Đức Như Lai thường khởi đại bi đối với các hữu tình như thế, cho đến nói rộng, như Khế kinh nói: “Ngày đêm trong sáu thời, Đức Như Lai luôn quan sát thế gian, vì sao hôm nay nói đại bi hằng chuyển? Đây là nói tác dụng nơi sáu thời luôn nối tiếp kéo dài không gián đoạn, nên không mâu thuẫn”.

Đại từ, đại bi lấy căn thiện không giận, không hại, không si làm tự tánh, còn hành tướng ban vui, cứu khổ thì có khác nhau, cùng có đủ ba thứ duyên nơi hữu tình v.v...

Từ là không sân, Bi là không hại. Từ duyên nơi không lạc dục để ban cho an vui. Bi duyên nơi có khổ, nhằm cứu vớt dứt bỏ nỗi khổ. Đại bi không đối đãi vận hành không sai biệt, nên gọi là bình đẳng.

Đây tức là pháp tánh, hoặc duyên nơi pháp tánh bình đẳng làm cảnh. Do đại bi này, theo như trước tu tập thành tựu viên mãn, nên Trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

*** Kinh nói:** “*Thuận theo những điều các chúng sinh ưa thích, Như Lai thị hiện pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn*”.

*** Luận nêu:** Tùy thuận các hữu tình ưa thích trông thấy sắc thân của Đức Như Lai có sai biệt, Đức Như Lai sẽ thị hiện sắc thân như thế.

Đức Như Lai tuy ở nơi phần vị không hý luận, do lực tăng thượng của Trí Bình đẳng tánh, Trí Đại viên cảnh tương ưng với thức thanh tịnh nên Đức Như Lai đã biến hiện sắc thân vi diệu như lưu ly v.v... khiến căn thiện của các hữu tình đều được thành thực. Tự tâm biến hiện tướng thân như thế, nghĩa là ngoài tự tâm được thấy thân Như Lai, như Khế kinh nói: “Do lực của căn thiện nơi tâm từ của các Như Lai đã thị hiện, khiến tự tâm của hàng trời, người v.v... biến đổi, được thấy thân Như Lai như sắc vàng ròng v.v...”.

Lại như kinh nói: “Nếu vô lượng hữu tình đáng được giáo hóa, cần trông thấy sắc thân báu như lưu ly, mặt ni, tức Đức Như Lai có thể thị hiện thuận hợp vô số sắc tướng báu như lưu ly, mặt ni, khiến cho tự tâm của các hữu tình đó cũng biến hiện như thế, cho đến nói rộng”.

Như thế là thị hiện tất cả hình tướng bình đẳng của Như Lai. Bình đẳng như vậy tức là pháp tánh, do đó gọi là pháp tánh bình đẳng. Nghĩa là tùy thuận hữu tình được hóa độ ưa thích được thấy hình tướng, sắc thân, các Đức Như Lai tức đều thị hiện đồng xứ, đồng thời, đồng loại, khiến tự tâm họ cũng biến hiện như vậy để tạo lợi ích an vui.

Như chúng tử đã thành thực trong tướng chung nơi thức A-lại-da của các hữu tình, đều biến hiện ra tướng của thế giới v.v... đồng xứ, giống nhau nhưng không cùng ngăn ngại.

Đây cũng như thế. Như tướng nơi sắc thân, các sự việc khác cũng vậy, do chỗ thị hiện này, theo như trước tu tập thành tựu viên mãn, nên Trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

* **Kinh nói:** “*Tất cả chúng sinh đều cung kính thọ nhận giáo pháp do Đức Như Lai giảng nói, nên pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn*”.

* **Luận nêu:** Nếu có chúng loại nghiệp ngữ như thế, tức có thể khiến căn thiện của hữu tình được thành thực. Nghe xong đều sinh hoan hỷ, vì được niềm tin, ưa thanh tịnh. Đức Như Lai liền thị hiện nghiệp ngữ như thế, khiến cho các hữu tình kia đều được nghe. Đức Như Lai tuy không hý luận, phân biệt, nhưng do nguyện lực của tâm bi, nên Như Lai đã thị hiện như thế. Hữu tình được giáo hóa từ nơi sức thắng giải nên đã biến hiện khác như vậy. Nghĩa là ngoài tự tâm, họ nghe được tiếng nói của Phật. Vì Đức Như Lai đã xuất sinh tất cả ngôn ngữ thích hợp với mọi căn cơ, các hàng người, trời v.v... đều không trái nghịch, nên nói là cung kính thọ nhận. Nếu không phù hợp với căn cơ thì Đức Như Lai đã không thị hiện, nên lời nói của chư Phật không hề là vô ích. Tuy có chúng sinh không thuận theo lời Phật, nhưng đây là hóa hiện, hoặc sẽ có ích, vì về sau tất tin nhận.

Theo phần chung mà nói, tất cả chúng sinh đều kính nhận lời Phật đã giảng nói. Ngôn ngữ như thế là do đạo lý trước vì chư Phật đồng hiện, nên gọi là bình đẳng. Bình đẳng như vậy, tức gọi là pháp tánh. Vì sự thị hiện ấy, theo như trước tu tập được thành tựu viên mãn, nên Trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

* **Kinh nói:** “*Pháp tịch tĩnh của thế gian đều đồng một vị, vì pháp tánh bình đẳng đã thành tựu viên mãn*”.

* **Luận nêu:** Năm uẩn hữu lậu gọi là thế gian, vì niệm niệm đối trị hai thứ tan hoại. Tức trạng thái diệt hẳn của năm uẩn, gọi là tịch tĩnh. Do đó, ở ngay trong năm uẩn này mà được tịch tĩnh, chính là đạo Thánh cùng do tánh y tha khởi của Niết-bàn. Sự tịch tĩnh của thế gian đồng quy về chân như, vì tánh viên thành thật, nên gọi là một vị.

Lại, thế gian là biến kế sở chấp, nhưng bản tánh này là không, nên gọi là tịch tĩnh. Tịch tĩnh như thế đã hiển bày chân như không sai biệt, nên gọi là một vị. Đây tức gọi là pháp tánh bình đẳng. Do một vị này, nên như trước tu tập thành tựu viên mãn, nên Trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

* **Kinh nói:** “*Các pháp khổ vui của thế gian đều là một vị, vì pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn*”.

* **Luận nêu:** Các pháp thế gian lược có tám thứ: (1) Lợi. (2) Suy. (3) Chê bai. (4) Đề cao. (5) Khen ngợi. (6) Trách cứ. (7) Khổ. (8) Vui.

Sự việc được vừa ý gọi là lợi. Sự việc không vừa ý gọi là suy. Không bài bác trước mặt gọi là chê bai. Không tán dương trước mặt gọi là đề cao. Tán thán ngay trước mặt gọi là khen ngợi. Bài bác ngay trước mặt gọi là trách cứ. Bức não thân tâm gọi là khổ. Thân tâm thích thú gọi là vui.

Tám thứ như thế hợp chung có hai loại: Bốn thứ trái nghịch gọi là khổ, bốn thứ thuận hợp gọi là vui, vì chúng sinh khởi hân hoan hay buồn bã.

Hoặc ở đây lược nói, sau cùng thì khổ vui là một đối. Nhưng bậc Thánh ở trong ấy luôn là một vị, được lợi không thấy cao, gặp suy không thấy thấp. Như thế cho đến khổ không giận dữ, vui không yêu thích. Như Khế kinh nói: Bậc Thánh ở trong thế gian đều bình đẳng một vị, cũng như hư không. Hàng phàm ngu sống nơi thế gian luôn chấp có sai biệt. Vì Thánh nhân đã xa lìa biến kế sở chấp, nên

tám pháp của thế gian nơi tất cả xứ đều đồng một vị. Đây tức gọi là pháp tánh bình đẳng. Do một vị này nên như trước tu tập thành tựu viên mãn, do đó Trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

*** Kinh nói:** “*Tu tập, gieo trồng vô lượng công đức vì pháp tánh bình đẳng rốt ráo, thành tựu viên mãn*”.

*** Luận nêu:** Công đức tức là các pháp công đức như ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề v.v...

Huân tập chủng tử, nuôi lớn, thành thực, đạt được giải thoát, gọi là tu tập gieo trồng.

Trí Bình đẳng tánh tuy không phân biệt, nhưng do lực tăng thượng của trí Phật và Bồ-tát, như viên ngọc Như ý, khiến công đức trong thân khác được sinh trưởng, thành thực, giải thoát.

Nói cứu cánh: Là có thể chứng đắc Niết-bàn của ba Thừa. Đã khiến được giải thoát, khiến được an vui của thế gian, không nói tự nhiên thành trí như thế, gọi là pháp tánh bình đẳng, vì đã xa lìa tánh biến kế sở chấp. Hoặc các Bồ-tát đã tu tập, gieo trồng vô lượng công đức thù thắng như các phần pháp Bồ-đề v.v... cho đến cứu cánh. Tức ở đây gọi là pháp tánh bình đẳng. Do công này, theo như trước tu tập thành tựu viên mãn, nên Trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

*** Kinh nói:** “*Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Sinh! Trí Diệu quan sát v.v...*”.

*** Luận nêu:** Dựa vào mười thứ nhân, nên biết, phân biệt về **Trí Diệu quan sát** có mười thứ nhân:

- (1) Nhân kiến lập.
- (2) Nhân sinh khởi.
- (3) Nhân hoan hỷ.
- (4) Nhân phân biệt.
- (5) Nhân thọ dụng.

- (6) Nhân sai biệt về nẻo.
- (7) Nhân sai biệt về cõi.
- (8) Nhân tuôn trận mưa pháp lớn.
- (9) Nhân hàng phục oán địch.
- (10) Nhân đoạn trừ tất cả nghi.

* **Kinh nói:** “*Vì như thế giới đã giữ gìn cảnh giới của chúng sinh. Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai đã nhận giữ tất cả môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa và Biện thuyết vô ngại, pháp diệu của chư Phật*”.

* **Luận nêu:** Trong đoạn kinh này là chỉ rõ về tướng của *Nhân kiến lập*.

Vì như thế giới đã giữ gìn cảnh giới của chúng sinh: Như tự tâm của các hữu tình đã biến hiện tướng của các thế giới như bên dưới phong luân v.v..., có thể duy trì chỗ biến hiện của tự tâm về cảnh giới của các hữu tình như mắt v.v...

Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai đã nhận giữ tất cả môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa và Biện thuyết vô ngại, pháp diệu của chư Phật: Vì tương ưng với các môn ấy nên cùng có thể dẫn khởi.

Đà-la-ni: Là niệm tuệ tăng thượng, có thể nhận giữ chung về vô lượng pháp Phật, khiến không quên mất. Ở trong một pháp duy trì tất cả pháp, ở trong một câu văn nắm giữ tất cả lời văn, ở trong một nghĩa nắm giữ tất cả nghĩa, thâm nhận chứa giữ vô lượng công đức nên gọi là kho tàng vô tận. Đà-la-ni này lược nêu có bốn thứ: (1) Đà-la-ni pháp. (2) Đà-la-ni nghĩa. (3) Đà-la-ni chú. (4) Đà-la-ni có thể chứng đắc nhãn của Bồ-tát. Như trong Luận Du Già đã nói rộng về tướng của nhãn đó.

Làm thế nào chỉ ở trong một pháp v.v... có thể nhận giữ được tất cả pháp v.v...? Nghĩa là do diệu lực không thể nghĩ bàn nơi tuệ tăng

thượng của Phật, Bồ-tát, nên ở trong một pháp tướng thuộc tướng phần của tự tâm đã hiện ra tất cả pháp. Văn nghĩa cũng như thế.

Lại có thể thị hiện vô lượng pháp môn công đức vô tận. Vì tự thể của kiến phần cũng gồm đủ vô biên công năng thù thắng, nhận giữ tất cả khiến không quên mất. Diệu lực của niệm tuệ không thể nghĩ bàn như thế, gọi là Đà-la-ni.

Tam-ma-địa: Là định tăng thượng, tức là các Tam-ma-địa như kiến hành v.v... có khả năng vượt hơn hẳn tất cả các thứ Tam-ma-địa của thế gian, xuất thế gian. Vì các Tam-ma-địa khác không thể hơn nên gọi là kiến hành. Lại nữa, Phật, Bồ-tát là những kiến sĩ trên mọi nẻo hành hóa, nên gọi kiến hành. Vì chỉ có Bồ-tát mười địa và Phật mới chứng được định này. Các Tam-ma-địa khác theo chỗ kinh đã nói, nên giải thích về tên gọi. Tức Đà-la-ni và Tam-ma-địa, đều gọi là môn, như ba môn không, vô nguyện, vô tướng, vì có khả năng phát sinh chung vô lượng công đức đồng loại, dị loại.

Biện thuyết vô ngại: Tức là bốn vô ngại Pháp, Nghĩa, Tỳ, Biện. Do bốn pháp này có khả năng vì chúng sinh biện luận, diễn nói pháp diệu nên gọi là biện thuyết.

Pháp diệu của chư Phật: Tức là vô lượng pháp Phật như mười lục, bốn pháp vô sở úy của Như Lai v.v..., nói tất cả hay nói từng pháp một.

Trí Diệu quan sát chuyển từ ý thức, được tác dụng rộng lớn, có thể nhận giữ tất cả công đức. Trí này tương ưng với thức thứ sáu là ý thức, tương ưng với khắp hết thủy công đức cùng có khả năng dẫn phát các công đức, nên gọi là có thể nhận giữ.

* **Kinh nói**: “*Lại như thế giới là các chúng sinh, khởi hiện tức khắc tất cả các thứ tướng vô lượng, nhân duyên của thức. Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai, có thể làm nhân duyên cho thức khởi*

hiện tức khắc tất cả đối tượng được nhận biết không trở ngại về vô số tướng vô lượng của diệu trí”.

*** Luận nêu:** Ở đây là chỉ rõ về tướng của *Nhân sinh khởi*.

Trí Diệu quan sát có khả năng làm nhân cho thức khởi hiện tức thì tất cả tướng của đối tượng được nhận biết.

Thế giới tức là các khí thể gian. Như khí thể gian có thể làm nhân phát sinh thức của chúng sinh với vô lượng tướng trong hư không và trên đại địa.

Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai, trong cùng một lúc tức khắc đi đến tất cả cảnh giới, cũng như trong hư không, có thể hiểu rõ, không ngăn ngại, có thể làm nhân sinh ra thức tướng của tất cả các thứ thể gian và vô lượng cảnh giới của đối tượng duyên xuất thể gian. Nghĩa này ý nói: Trí Diệu quan sát của tất cả Như Lai có khả năng nhận biết rõ tức thì hết thấy cảnh giới, giống như cảnh giới của đối tượng được nhận biết, có nhiều nhóm tướng, như dùng màu sắc rực rỡ vẽ màu sắc có vô số các thứ tướng, thể của trí nơi kiến phần có khả năng làm nhân sinh tướng thức như thế. Đây gọi là có thể hiện bày, còn kia nói là nhân sinh ra, không phải là nhân trực tiếp sinh ra vì các thứ từ chủng tử sinh. Đây tức là nhân của duyên nên gọi nhân duyên.

Do kiến phần khởi hiện tướng phần, hoặc thể khởi sinh dụng. Tuy không có thể khác, do không là một, nên cũng được làm nhân, như từ tướng phần sinh ra kiến phần, đây cũng như thế.

*** Kinh nói:** “*Lại như thế giới có vô số các thứ đáng ngắm xem như vườn rừng, ao hồ v.v.. đã được trang nghiêm thật đáng yêu thích. Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai với vô số các thứ để chiêm ngưỡng như là Ba-la-mật-đa, pháp phần Bồ-đề, mười lực, pháp không sợ hãi, các pháp bất cộng đã được trang nghiêm, thật đáng yêu thích”.*

* **Luận nêu:** Ở đây là chỉ rõ về tướng của *Nhân hoan hỷ*.

Như khí thể gian (Thế giới) có vô số các thứ đáng ngắm xem như vườn rừng, ao hồ v.v... được trang hoàng đan xen nhiều hàng lớp, ánh sáng rực rỡ, uy nghiêm, khiến các hữu tình đều cảm thấy hoan hỷ yêu thích.

Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai có vô số các thứ đáng chiêm ngưỡng như Ba-la-mật-đa, pháp phân Bồ-đề v.v... được bày biện đan xen với hào quang uy nghiêm, rực rỡ, khiến các Bồ-tát đều hoan hỷ yêu thích.

Ba-la-mật-đa lược có sáu thứ, nghĩa là như Bồ thí v.v... Hoặc chia ra thành mười, tức lại thêm bốn thứ như Phương tiện thiện xảo v.v... Hoặc lại mở rộng làm tám vạn bốn ngàn, như kinh đã nói rộng. Nếu phân biệt riêng thì số Ba-la-mật là vô lượng.

Pháp phân Bồ-đề lược có ba mươi bảy, nói rộng cũng là vô lượng.

Nói mười lực: Nghĩa là trí lực xứ phi xứ v.v..., thuộc về tuệ căn trong thân Như Lai và cụ tri căn.

Nói không sợ hãi: Nghĩa là bốn thứ vô úy, do năm căn thâm nhận và cụ tri căn tức năm căn như tín v.v...

Pháp bất cộng của Phật có mười tám thứ như kinh đã nói rộng.

Công đức như thế, phần nhiều thuộc về trí này, tương ưng cùng có thể dẫn phát. Thế nên, tất cả đều trang nghiêm cho trí này.

* **Kinh nói:** “*Lại như thế giới có những bãi châu, mặt trời, mặt trăng, trời Tứ Thiên vương, trời Ba Mươi Ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại, trời Phạm thân v.v... đều hiện bày đẹp đẽ theo hàng lớp. Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai, đối với nhân quả thịnh suy của thế gian, xuất thế gian, hàng Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát đều tu chứng viên mãn, trọn vẹn, đều quan sát sự uy nghiêm vi diệu theo hàng lớp*”.

* **Luận nêu:** Ở đây là chỉ rõ về tướng của *Nhân phân biệt*.

Như khí thể gian có vô lượng châu báu v.v... trang hoàng đan xen đẹp đẽ không cùng lẫn lộn.

Châu: Nghĩa là bốn châu lớn, như châu Thiệm-bộ v.v... *Bãi:* Nghĩa là tám châu nhỏ như Già-mạt-la v.v...

Lược nêu về mặt trời, mặt trăng: Nghĩa là gồm thân các vì sao.

Trời Tứ Thiên vương: Nghĩa là tầng cấp thứ tư nơi núi Diêu cao, bốn mặt đều trụ.

Trời Ba Mươi Ba: Nghĩa là bốn mặt nơi đỉnh núi này, mỗi mặt có tám Đại Thiên vương Đế Thích cư trú ở giữa, nên có số lượng như thế.

Trời Dạ-ma: Nghĩa là trong cõi trời này, theo thời thọ lạc, nên gọi là Thời phần.

Trời Đổ-sử-đa: Nghĩa là thân sau cùng của Bồ-tát giáo hóa ở đó, vì đa số đều tu tập pháp hỷ túc, nên gọi là Hỷ túc.

Trời Lạc-biến-hóa: Là ưa thích tự biến hóa, tạo ra các thứ an lạc để tự vui vẻ.

Trời Tha-hóa-tự-tại: Là ưa thích khiến người khác hóa tác các thứ đem lại an lạc, chứng tỏ mình được tự tại.

Trời Phạm thân: Vì xa lìa dục, đạt tịch tĩnh, nên gọi là Phạm. Thân là nhiều, đẳng (vân vân) là cùng nhận lấy các cõi trời trên đây.

Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai có thể quan sát khắp mọi ngõ nhân quả thịnh suy của thế gian và xuất thế gian. Ba Thừa theo đây tu chứng viên mãn, hiện bày vẻ đẹp vi diệu theo thứ lớp không hề lẫn lộn.

Nhân quả của cõi ác gọi là *thế gian suy*. Nhân quả của cõi thiện gọi là *thế gian thịnh*. Lại, thế gian hoại cùng thế gian thành, như thứ lớp gọi là suy thịnh. Lại, tổn giảm gọi là suy, tăng trưởng gọi là thịnh.

Nhân quả của Nhị thừa gọi là *xuất thế gian suy*. Nhân quả của Đại thừa gọi là *xuất thế gian thịnh*. Lại, thoái chuyển gọi là suy, tiến tới gọi là thịnh.

Chứng đắc viên mãn: Tức là quả vị. Ba Thừa nêu trước gọi là hiển bày phần vị của nhân. Lại, chứng đắc viên mãn là chỉ nói về quả vị Phật.

Trí Diệu quan sát quán xét pháp tướng dị biệt của các pháp này. Trí như cảnh đó, hành tướng không xen tạp mà hiển hiện rõ ràng. Thế nên nói là hiện bày vẻ đẹp vẻ vi diệu theo thứ lớp.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN KINH PHẬT ĐỊA

QUYỂN 6

** Kinh nói:* “Lại như thế giới là chốn thọ dụng lớn của các chúng sinh. Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai thị hiện chúng hội của tất cả chư Phật, tuôn trận mưa pháp lớn khiến chúng sinh thọ nhận pháp lạc lớn”.

** Luận nêu:* Ở đây là hiển bày về tướng của Nhân thọ dụng.

Như khí thể gian tùy thuộc vào sức tăng thượng nơi nghiệp của hữu tình với chủng tử của tướng chung nơi thức A-lại-da biến hiện sinh ra các thứ vật dụng, tiền của cho tướng chung, vì khiến hữu tình được thọ dụng lớn.

Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai trợ giúp Trí bình đẳng tánh, làm duyên tăng thượng kích phát Trí Đại viên cảnh tương ưng với thức thanh tịnh, hiện thân thọ dụng nơi vô số các chúng hội, uy đức nổi bật tuôn trận mưa pháp lớn, khiến cho các Đại Bồ-tát trên địa được thọ nhận pháp lạc lớn, cũng hỗ trợ cho Trí Thành sở tác của Như Lai, làm duyên tăng thượng, kích phát trí cảnh tương ưng với thức thanh tịnh, thể hiện thân biến hóa nơi vô số chúng hội, oai đức sáng chói, tuôn trận mưa pháp lớn để cho các hữu tình trước địa được giáo hóa thọ dụng pháp lạc.

** Kinh nói:* “Như năm nẻo trong thế giới được tồn tại, là nẻo địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh, người, trời. Như thế, Trí Diệu quan

sát của Như Lai đã hiện rõ đầy đủ vô biên nhân quả nơi năm nẻo có sai biệt”.

*** Luận nêu:** Ở đây là hiển bày về tướng của *Nhân sai biệt về nẻo (Thú)*.

Như năm nẻo trong thế giới tùy thuộc vào lực tăng thượng nơi nghiệp của hữu tình, chủng tử của tướng không chung nơi thức A-lại-da biến hiện sinh ra vô số nhân quả nơi năm nẻo có sai biệt đang tồn tại.

Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai, vì lấy nhân quả của năm nẻo làm cảnh giới, nên giống như hai tướng nhân quả có sai biệt nơi năm nẻo biến hiện, không phải sinh ra các chủng loại bất định của năm nẻo như A-tổ lạc, hoặc trời, hoặc ngạ quỷ, hoặc lại bàng sinh, nên không nói riêng.

Nhân của năm nẻo: Nghĩa là thân trung hữu do cùng với năm nẻo làm phương tiện. Nẻo là nơi chốn hướng đến, vì thân trung hữu có thể hướng đến, không phải thuộc về nẻo. Căn cứ vào loài có sự sống kiến lập riêng bốn loài, thế nên thân trung hữu cũng thuộc về loài có sự sống. Có nghĩa trung hữu là phương tiện hướng đến, nên nói là ở trong nẻo.

Ở đây, nói nhân là nghiệp phiền não v.v..., còn quả là năm nẻo.

*** Kinh nói:** “*Như trong thế giới các cõi Dục, Sắc, Vô sắc hiện tồn tại. Như thế, nơi Trí Diệu quan sát của Như Lai, vô biên nhân quả nơi ba cõi có sai biệt đều hiển hiện đầy đủ”.*

*** Luận nêu:** Ở đây là hiển bày về tướng của *Nhân sai biệt về cõi (Giới)*.

Như trong thế giới, tùy theo lực tăng thượng nơi nghiệp của hữu tình, chủng tử của tướng chung và không chung nơi thức A-lại-da biến hiện, sinh khởi nhân quả nơi ba cõi có sai biệt. Thế giới trong đây là

chung cho cả tình, phi tình, nghĩa là thể giới hữu tình và khí thể giới. Nếu không như thế thì nơi thể giới ấy không nên có cõi Vô sắc, vì trong cõi ấy chỉ có định sinh ra sắc, không có nghiệp sinh ra sắc, không có phương hướng, xứ sở. Ở trong thể giới tùy thuộc vào chỗ thích ứng, kiến lập ba cõi. Nghĩa là trong khí thể giới, chỉ có cõi hữu tình và phi hữu tình thuộc cõi Dục, cõi Sắc. Trong cõi hữu tình có đủ ba thứ. Chỉ có cõi hữu tình dùng khí thể giới nắm giữ chung cho cả cõi hữu tình và phi hữu tình, vì thể giới hữu tình chỉ có khả năng nhận giữ cõi hữu tình.

Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai, vì lấy nhân quả của ba cõi làm cảnh giới, giống như hai tướng nhân quả nơi ba cõi có sai biệt đã hiện rõ, không phải sinh ra nhân quả của ba cõi đồng như trước có hai thứ phân biệt.

Ở đây ý nói: Vì Trí Diệu quan sát có thể quan sát khắp hết thấy các cảnh, bao trùm sự sống nơi tất cả các cõi, tức các cõi đã chiêu cảm do nghiệp, phiền não v.v... với các hành thành thực, đã thâm giữ tướng nhân quả của tâm, tâm pháp v.v... biến hiện. Nghĩa là Trí Đại viên cảnh của các Như Lai được sức tăng thượng đã sinh ra Trí Diệu quan sát. Tuy không có chủ thể giữ lấy và đối tượng được giữ lấy để chấp trước, nhưng xa lìa tất cả cấu uế của hai chương phiền não và sở tri, quan sát tất cả các sự việc của nhân quả v.v... cùng có thể nói như chiếc gương tròn sạch, hiện bày các ảnh tượng, tất cả tướng của cảnh đều hiện rõ trong gương đó, nhưng trí gương không có lỗi sai biệt. Trí Đại viên cảnh do đối với tất cả đều không ngu tối, tuy có khả năng hiện rõ hết thấy ảnh tượng, tự nhiên chuyển biến, nhưng không phân biệt. Trí này có khả năng hiện bày tất cả tướng của cảnh cũng có phân biệt. Nếu không phân biệt thì không thể quan sát các sự việc của nhân quả v.v... và vì chúng hội giảng nói pháp, dứt trừ nghi.

Đoạn văn này chứng minh xác định: Tâm vô lậu v.v... cũng có tướng phân. Trên trí Như Lai, vô biên nhân quả của ba cõi và năm nẻo đều hiển hiện đầy đủ.

Có thuyết nói: Vì trí của Như Lai luôn sáng sạch, nên tất cả tướng cảnh tuy hiện bày trong đó, nhưng cảnh tướng ấy không phải do trí đã biến hiện, không thanh tịnh, mà chỉ là do tâm v.v... của chúng sinh đã biến hiện ảnh tượng của các pháp.

Điều ấy không hợp lý, vì ảnh tượng này nếu là chỗ biến hiện của tâm v.v... chúng sinh thì vì sao lại hiện rõ trên trí Phật? Không thể nào từ nhân khác sinh tâm khác, vì mâu thuẫn với lý chân chánh.

Như tướng của tâm khác, đây cũng như thế. Nhưng cảnh tướng này là do tâm vô lậu của Như Lai biến hiện. Như ảnh tượng của phân uestap trong gương sáng, tuy giống như không sạch, nhưng thật ra không phải là không sạch. Tâm và tâm pháp duyên nơi cảnh theo pháp như thế, nếu duyên nơi cảnh khác thì không phải, như cây kim, chiếc đèn, không động tác. Chỉ như tính chất của gương sáng vốn trong sạch, nên biến hiện giống như cảnh tướng, mà có thể duyên nghĩ. Nếu các cảnh tướng không phải là ảnh hiện nơi tâm, thì chúng tuy có chúng có lực sinh khởi tâm, tâm pháp như năm căn v.v... cũng không gọi là đối tượng duyên. Như nơi chỗ khác đã nêu bày, trí không phân biệt nhất định cũng như thế. Đối tượng duyên là chân như không lìa thể của trí, nên không thể xác định như vậy. Trí thể tục hậu đắc tuy không lìa chân nhưng có phân biệt, nên không chúng được thể của chân, chỉ tự biến tạo tướng của chân để duyên, nên không thể vấn nạn. Như các phàm phu, tâm duyên nơi tâm vô lậu, các cảnh tướng vô lậu hiện có, tuy giống như vô lậu nhưng thật sự là hữu lậu. Đây cũng như thế. Đạo lý duy thức đã quyết định như vậy: Tướng được biến hiện do tâm, tuy giống như là có, nhưng thật thì không có tự thể. Nếu không như vậy thì nên có sắc v.v... như tâm, tâm pháp không thành duy thức. Nếu chúng thật có song không lìa thức, gọi là duy thức, thì tâm, tâm pháp cũng không lìa các sự tương ưng của sắc kia, gọi chỉ là cảnh trở thành lỗi lớn.

*** Kinh nói:** “*Như trong thế giới có núi chúa báu lớn Tô-mê-lô v.v... tồn tại hiện rõ. Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai có oai thần của chư Phật và Bồ-tát đã dẫn phát giáo pháp thâm diệu rộng lớn, có thể hiện hữu*”.

*** Luận nêu:** Ở đây là hiển bày về tướng của *Nhân tuôn trận mưa pháp lớn*.

Như khí thế gian, do lực tăng thượng nơi nghiệp của chúng sinh sinh khởi các núi báu.

Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai, do lực tăng thượng nơi nghiệp của các hữu tình chiêu cảm chánh pháp, nên đẩy khởi uy thần của Phật - Bồ-tát đã dẫn phát giáo pháp sâu, lớn. Giáo pháp này mở bày chỉ rõ uy thần tự tại của chư Phật, Bồ-tát. Cũng có thể dẫn phát diệu lực của uy thần kia. Thế nên gọi là đã dẫn khởi uy thần của chư Phật, Bồ-tát. Đây là nói Trí Diệu quan sát của Như Lai có thể phát sinh ảnh tượng của giáo pháp trên thức, tương ứng với trí cảnh. Hoặc tự có thể hiện bày ảnh tượng của giáo pháp. Do đấy làm duyên khiến căn thiện thành thực, tự tâm của hữu tình được hóa độ biến hiện.

*** Kinh nói:** “*Như trong thế giới có biển cả rộng sâu không thể nghiêng động hiện tồn tại. Như thế, trên Trí Diệu quan sát của Như Lai có giáo pháp của pháp giới thâm diệu hiện tồn tại, tất cả Thiên ma, Di luận của ngoại đạo đều không thể làm cho nghiêng động*”.

*** Luận nêu:** Ở đây là hiển bày về tướng của *Nhân hàng phục oán địch*.

Như khí thế gian do sức tăng thượng nơi nghiệp của các chúng sinh nên khởi các biển cả, không thể nghiêng động.

Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai, do sức tăng thượng nơi nghiệp của các hữu tình chiêu cảm chánh pháp, nên khởi hiện giáo

của pháp giới không thể nghiêng động. Pháp giới ở đây là lý không, vô tướng. Nói lý của pháp giới gọi là giáo pháp của pháp giới.

Các ngoại đạo v.v... đều dựa vào các kiến chấp nơi lý không của pháp giới. Để đối trị các kiến chấp đó là xa lia các lãnh vực kiến chấp. Thế nên đối với giáo pháp không, các ngoại đạo v.v... không thể lường xét, không thể làm nghiêng động giáo pháp của uy thần nêu trước. Do uy thần cao rộng, nên dụ về núi báu. Giáo pháp của pháp giới này là pháp giới rất sâu xa, nên nêu dụ về biển cả. Vì Trí Diệu quan sát là nhân có thể soi chiếu rõ tất cả cảnh, nên có thể khởi nói tất cả giáo pháp.

Lược nêu về sự thù thắng, do đây Khế kinh nói: “Phật - Thế Tôn được gọi là mặt trời đại trí, vì có khả năng soi sáng khắp hết thảy các pháp”.

** Kinh nói:* “Lại như thế giới được vây bọc xung quanh do những vòng núi lớn, nhỏ. Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai không hề ngu tối, được vây quanh do tất cả tự tướng, cộng tướng”.

** Luận nêu:* Ở đây là hiển bày về tướng của Nhân đoạn trừ tất cả nghi.

Như khí thế giới, một núi Diệu Cao, có bảy đại kim sơn, tám biển cả và bốn châu lớn v.v...

Gồm chung bên ngoài có các vòng núi nhỏ với nhiều lớp bao quanh. Như vậy là một mà nhân thành đến ngàn.

Lại, gồm chung bên ngoài có vòng núi kế tiếp, bao bọc nhiều lớp chung quanh, gọi là Tiểu thiên thế giới. Như vậy là một lại tính đếm đến ngàn.

Lại, gồm chung bên ngoài có vòng núi tiếp theo với nhiều lớp vây bọc chung quanh, gọi là Trung thiên thế giới. Như vậy là một lại tính đếm đến ngàn.

Lại, gồm chung bên ngoài có vòng núi lớn, nhiều lớp vây bọc chung quanh, có phong luân lớn duy trì tổng quát phía dưới, gọi là Tam thiên đại thiên thế giới. Như vậy gọi là được bao bọc do các vòng núi lớn, nhỏ.

Như thế, Trí Diệu quan sát của Như Lai đã nhận biết khắp hết thủy tượng, cộng tượng, có thể đoạn trừ tất cả nghi hoặc và ngu muội đối với tự tượng, cộng tượng của thế gian, là nhân của nghi hoặc khi nhận biết tự tượng, cộng tượng. Trí Diệu quan sát không có cái ngu đó, nên tự mình không nghi hoặc, cũng có thể đoạn dứt nghi ngờ của người khác.

Trí Đại viên cảnh vĩnh viễn xa lìa hai chướng, nên không ngu tối. Tất cả tự tượng, cộng tượng đều có khả năng sinh ra trí này, thâm giữ trí ấy nên gọi là vây quanh.

Trí gương chỉ có thể nhận biết được tự tượng, cộng tượng của tất cả pháp, không phân biệt, nhưng không thể giảng nói pháp để đoạn trừ nghi cho người khác.

Trí Diệu quan sát này có thể nhận biết, có phân biệt, nên có thể vì tất cả giảng nói pháp để dứt trừ nghi.

Lại, thể của trí này có thể nhận biết rõ tự tượng, cộng tượng của các pháp, có hai thứ hành tướng vây quanh: Hành tướng của tự tượng như vòng núi nhỏ, hành tướng của cộng tượng như vòng núi lớn. Trí gương có khả năng duy trì, như phong luân bảo trì phần dưới. Trí thanh tịnh của Như Lai thuộc về hiện lượng, làm sao có thể nhận biết được cộng tượng của các pháp? Nếu cảnh của cộng tượng thuộc về hiện lượng thì vì sao hai lượng lại dựa vào hai tướng để thành lập?

Có nghĩa: Vì hai lượng kia ở nơi phân vị tâm tán loạn, nên dựa vào hai tướng để thành lập, không nói ở phân vị định. Nếu tại tâm định duyên nơi tất cả tướng thì đều thuộc về hiện lượng.

Có nghĩa: Tâm định chỉ duyên nơi tự tướng, nhưng do phương tiện của cộng tướng đã dẫn phát, duyên nơi các cộng tướng, lý đã được sáng tỏ: Là căn cứ theo phương tiện mà nói, gọi là nhận biết được cộng tướng. Nếu không như thế, gọi là nhận biết tự tướng. Do đạo lý này, nên hoặc nói chân như gọi là cộng tướng của các pháp không, vô ngã. Hoặc nói hai thứ không của chân như đã hiển bày không phải là cộng tướng.

Về nghĩa như thật: Luận Nhân Minh thành lập tự tướng và cộng tướng so với đây có khác biệt đôi chút. Nhân minh nói nghĩa thật trên tất cả pháp, đều gọi là tự tướng, do tự tướng và cộng tướng trên các pháp đều nhờ dựa vào thể của mình không cùng với thể khác. Nếu tâm phân biệt thiết lập một chủng loại gồm chủ thể và đối tượng nêu giảng thì thông suốt nơi các pháp, như dây xâu hoa, gọi là cộng tướng. Cộng tướng này cần xét tâm tán loạn, phân biệt giả lập, là cảnh của tỷ lượng. Tất cả tâm định cần xa lìa phân biệt này, đều gọi là hiện hượng. Tuy duyên vào các pháp khô, vô thường v.v... nhưng mỗi mỗi pháp đều có các pháp riêng, nên gọi là tự tướng. Chân như tuy là tướng chung đã sáng tỏ, do là tự tánh chân thật của các pháp, tự có tướng nhưng cũng không phải là cộng tướng. Không thể do tướng đó cùng với tất cả pháp không một, không khác mà gọi là cộng tướng. Tự tướng cũng cùng với tất cả cộng tướng không một, không khác, thế nên Luận kia nói nghĩa thật hiện có trên các pháp, đều gọi là tự tướng. Kinh này không như thế, nên không mâu thuẫn nhau.

* **Kinh nói:** “Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Sinh, **Trí Thành sở tác** v.v...”.

* **Luận nêu:** **Trí Thành sở tác** nên biết thành lập hóa thân của Như Lai. Ở đây lại có ba thứ:

- (1) Thân hóa.
- (2) Ngũ hóa.
- (3) Ý hóa.

Thân hóa lại có ba thứ: (a) Hóa hiện thân thông. (b) Hóa hiện thọ sinh. (c) Hóa hiện nghiệp quả.

Ngữ hóa cũng có ba thứ: (a) Ngữ hóa chúc mừng, an ủi. (b) Ngữ hóa phương tiện. (c) Ngữ hóa biện luận, tán dương.

Ý hóa lại có bốn thứ: (a) Ý hóa quyết định lựa chọn. (b) Ý hóa tạo tác. (c) Ý hóa phát khởi. (d) Ý hóa lãnh nhận.

Trí Thành sở tác có thể khởi hiện dụng hóa của ba nghiệp như thế. Ba nghiệp hóa này tức là hóa thân.

Nên biết trong đây dùng dụng hiển bày thể, không phải ba nghiệp ấy là thể của trí, chỉ là tướng phần được hiện bày trên trí. Do sức nơi duyên tăng thượng của Trí Thành sở tác kích phát cảnh trí tương ưng với thức thanh tịnh, khiến hiện lên hóa dụng của ba nghiệp như thế, nên tự nó cũng có thể hiện bày. Phải biết bốn trí, mỗi mỗi trí đều có thể phát khởi tất cả tác dụng.

Căn cứ vào phần nhiều và mạnh, nên nói Trí Bình đẳng tánh khởi hiện thân thọ dụng. Trí Thành sở tác khởi hiện thân biến hóa. Trí Diệu quan sát quán xét tất cả tự tướng, cộng tướng nơi các môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa v.v... Trí Đại viên cảnh có thể hiện bày ảnh tượng của tất cả các pháp. Như mỗi mỗi căn nhận lấy tất cả cảnh, không phải là không có dụng mạnh mẽ.

Đây cũng như thế. Văn trong đoạn kinh này chứng minh xác định: Ba nghiệp nơi tâm, tâm pháp v.v... đều có biến hóa. Trên trí của Đức Như Lai hiện lên tất cả công đức của tướng thô nơi tâm, tâm pháp v.v... ấy, khiến các quả vị dưới có thể nhận biết rõ về hiện hành. Nếu không như thế thì hàng phàm phu, Nhị thừa làm thế nào nhận biết được? Đức Như Lai hiện có các công đức có sai biệt của tâm, tâm pháp v.v... Vì sao Như Lai đã thành Phật từ lâu lại còn có thể hiện tác các thứ hóa thân với đủ cả tham, giận v.v...? Kinh khác cũng nói: Hóa ra vô lượng loại đều khiến có tâm.

Lại, nói hóa thân cũng gọi là có tâm, cũng gọi là không có tâm, có tâm y tha, không có tâm tự dựa vào mình. Nghĩa là dựa nơi tâm thật hiện ra tâm biến hóa, song tướng phần trên tâm thật giống như có tác dụng duyên dựa, lo nghĩ v.v... Như lửa trong gương không có tự thể riêng, mà tùy vào các duyên mới phát sinh, như các tâm v.v... khác, ở xứ khác tuy nói là không có tâm biến hóa v.v... do không có tác dụng thật, nhưng tâm như thật cùng biến hóa ra sắc v.v... là có tác dụng thật, như vì sắc thật v.v... nên nói riêng là có. Do tướng thô của tâm biến hóa hiện rõ, dễ nhận biết, cho đến loài khỉ vượn cũng biết được tâm của Như Lai. Nếu là thật của Phật, thì các Đại Bồ-tát cũng không thể hiểu.

** Kinh nói: “Như các chúng sinh siêng năng cố gắng trong nghiệp thân, do các chúng sinh ấy hướng đến, mong cầu những việc lợi ích, nên họ siêng năng nơi các nghề nông, phụng sự vua v.v... Như thế, Trí Thành sở tác của Như Lai, thân siêng năng với nghiệp hóa hiện, do đó Như Lai thị hiện vô số các xứ như công xảo v.v... điều phục các chúng sinh kiêu mạn. Do lực của phương tiện thiện xảo ấy nên dẫn dắt các chúng sinh, khuyên họ thâm nhập Thánh giáo, thành tựu đầy đủ về giải thoát”.*

** Luận nêu: Đoạn này là hiển bày về tướng của Như Lai hóa hiện thân thông nơi nghiệp Thân hóa.*

Khiến tâm dũng mãnh, nên gọi là siêng năng, cố gắng. Ở trong tánh thiện, gồm luật nghi việc tinh tấn, ngoài ra chỉ là tác ý. Do đây phát khởi thân nghiệp siêng năng, cố gắng.

Căn cứ theo nhân để gọi tên. Do thân nghiệp này nên hữu tình nơi thế gian đã tạo tác ba nghiệp chân chánh. Chữ đẳng (vân vân) là chỉ cho các sự việc xen tạp khác.

Trí Thành sở tác tương ưng với tinh tấn, khởi hiện nghiệp của hóa thân. Do hóa nghiệp này nên khi còn làm Bồ-tát, Như Lai đã thể hiện vô số loại xứ như xứ công xảo, như thợ gốm v.v... Đây là

tướng của thân nghiệp trên trí được biến hiện. Vì nhằm điều phục kẻ kiêu mạn về kỹ thuật, nên biến hiện sự việc ấy theo phương tiện thiện xảo, tức từ bi, trí tuệ bình đẳng, hành hóa là trước, mới hiện bày thần thông. Lúc đầu, vì khiến sinh khởi tin tưởng, nên gọi là dẫn dắt chúng sinh, khuyên nhập Thánh giáo, như hiện thần thông hóa độ Ca-diếp v.v... Tiếp theo khiến điều phục, thuận hợp, có thể nhận lấy giáo pháp, gọi là thành thực, dẫn dắt khiến nuôi lớn các căn thiện. Về sau, giúp họ giải thoát khỏi nẻo ác nơi ba cõi, có chủng tánh hay không, đều theo như thứ lớp ấy, nên gọi là giải thoát.

Do lực giáo hóa, đối với kẻ có chủng tánh, khiến họ sinh vào đạo Thánh, giải thoát khỏi ba cõi. Kẻ không chủng tánh, tức khuyên tu tập pháp thiện nơi thế gian, được sinh vào nẻo thiện, nhớ nghĩ về căn thiện kia, vì họ giảng nói pháp nhằm thoát khỏi ba cõi. Lại phóng hào quang diệt khổ, an lập cõi thiện.

Lại khuyên khiến phát sinh các tuệ văn, tư, tu, theo thứ tự nơi ba câu. Lại khuyên sinh khởi tâm thuận theo phần giải thoát, thuận theo phần quyết định lựa chọn cùng sinh nơi đạo Thánh, là ba câu kế tiếp. Lại khiến hội nhập nơi kiến đạo, tu đạo và vô học đạo, là ba câu theo thứ lớp.

Giải thích nên tùy thuận nơi tướng như thế v.v... để nêu bày. Các phần sau cũng vậy.

** Kinh nói: “Lại như thân nghiệp thọ dụng của chúng sinh, là do các chúng sinh ấy thọ dụng vô số cảnh giới như sắc v.v... Như thế, Trí Thành sở tác của Như Lai thọ nhận nghiệp hành hóa của thân. Do vậy, Như Lai đã đi đến vô số xứ sinh của chúng sinh, thị hiện làm đồng loại, nhưng thuộc ngôi vị tôn quý. Do sự thị hiện sống đồng loại đó, nên đã thân phục được tất cả các chúng sinh thuộc loại khác, lại dùng lực của phương tiện thiện xảo dẫn dắt các chúng sinh khiến nhập Thánh giáo, đạt được giải thoát thành thực”.*

* **Luận nêu:** Đoạn này là hiển bày về *tướng hóa hiện thọ sinh nơi nghiệp Thân hóa*.

Hữu tình của thế gian nơi các xứ sinh các căn đã nhận lãnh những cảnh giới như sắc v.v... nên gọi là thân thọ dụng. Vì có vận hành chuyển biến, nên gọi là nghiệp thân.

Ở tất cả xứ sinh này, Trí Thành sở tác đồng thời hiện sinh nơi cảnh giới thọ dụng. Nghĩa là hiện hóa thân nơi tất cả xứ sinh trong cõi trời, người. Thị hiện đồng loại sinh nơi chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, điều phục các loài thấp kém, giúp họ được lợi ích yên vui. Đây cũng là tướng của thân nghiệp được biến hiện trên trí, hoặc kích thích cảnh trí, hoặc tự hiện rõ.

Các trường hợp khác cũng như thế.

* **Kinh nói:** “*Lại như chúng sinh thọ nhận nghiệp thân. Do đấy, chúng sinh thọ nhận quả của nghiệp thiện ác đã gây tạo. Như thế, Trí Thành sở tác của Như Lai nhận lãnh nghiệp hành hóa của thân. Do vậy, Như Lai thị hiện lãnh nhận các hành khó tu tập nơi Bản sự, bản sinh, dùng lực của phương tiện thiện xảo ấy dẫn dắt các chúng sinh khiến nhập nơi Thánh giáo, đạt được giải thoát thành thực*”.

* **Luận nêu:** Đoạn này là hiển bày về *tướng hóa hiện nghiệp quả nơi nghiệp Thân hóa*.

Thân tức là nghiệp nên gọi là thân nghiệp. Vì quả của nghiệp trước nên quả được nói theo tên của nhân. Hoặc khi thân lãnh nhận quả của nghiệp trước, vì có sự vận chuyển tác dụng, nên gọi là thân nghiệp, do nghiệp thân này lãnh nhận quả đáng yêu thích hay không yêu thích của nghiệp trước.

Trí Thành sở tác biến hiện giống như hóa thân lãnh nhận nghiệp hành hóa. Do nghiệp này nên thị hiện, thọ nhận tất cả các hành khó tu tập nơi bản sự, bản sinh. Các sự việc khác hiện có tương ưng với đời trước gọi là bản sự. Chủng loại thọ sinh có sai biệt từ đời trước

gọi là bản sinh. Như tất cả sự việc bản sinh của Tỳ-thấp-phạn-đát-la v.v... Dựa nơi bản sinh ấy, nên đã từng tu tập vô số các thứ hạnh khổ từ trước, gọi là tu tập những hành khó. Hoặc ở đời này, dựa vào thân biến hóa, trước tu tập hạnh khổ, về sau bỏ cách tu đó, tu theo lối trung đạo mới chứng đắc Bồ-đề, gọi là tu tập những hành khó. Nghĩa là các chúng sinh cho phải tu tập hạnh khổ, dứt ác, khởi thiện mới chứng đắc Bồ-đề, vì nhằm hóa độ nên trước hết Như Lai thị hiện đồng với họ, tu các hạnh khổ nhằm chứng tỏ không phải chỉ có giữ giới là được thanh tịnh mà còn do định, tuệ mới được thanh tịnh.

Việc Đức Như Lai thị hiện bỏ lối tu hạnh khổ, tu tập theo trung đạo mới chứng được Bồ-đề, có Khế kinh nói: “Về đời quá khứ, thời Đức Phật Ca-diếp, Như Lai đã có lời mạ lỵ thế này: Nơi chốn nào có Sa-môn cạo bỏ râu tóc, nơi đó đạo quả Đại Bồ-đề nơi Bồ-đề vô thượng rất khó đạt được”. Do nghiệp ác ấy, nên nay phải chịu quả là hành những việc khó, khổ.

Lời nói đó cũng là nhằm chấm dứt hành ác, hiện hóa nơi chốn tạo tác. Nếu không như thế, làm sao có Bồ-tát Nhất sinh bỏ xứ đã từng thân cận, phụng sự vô lượng Như Lai, gieo trồng tánh gốc của các căn thiện, nhớ nghĩ về túc mạng, lại khởi lên hành ác theo lời nói nặng như thế. Nên biết Đức Phật nói lên lời này là nhằm để hóa độ, vì người nghe lời ấy mà được hóa độ, tức khiến đối với Đức Phật biết là đã xa lìa lời ấy.

** Kinh nói: “Lại như ngữ nghiệp của chúng sinh nói lời chúc mừng, an ủi. Do đó chúng sinh lần lượt luận đàm, an ủi, chúc tụng lẫn nhau. Như thế, Trí Thành sở tác của Như Lai với lời chúc mừng là nghiệp giáo hóa. Do nghiệp ấy nên Đức Như Lai đã tuyên dương vô số các pháp theo chỗ ưa thích của mọi người, với văn, nghĩa hay khéo, các chúng sinh trí nhỏ hẹp vừa nghe qua hãy còn tin tưởng, là do diệu lực của phương tiện thiện xảo ấy đã dẫn dắt chúng sinh khiến nhập nơi Thánh giáo, đạt giải thoát thành thực”.*

* **Luận nêu:** Đoạn này là hiển bày về *tướng của sự hóa hiện lời nói chúc mừng, an ủi nơi nghiệp Ngũ hóa.*

Chúc mừng, an ủi tức là chỗ sai biệt của sự vui mừng thích thú. Lời nói có thể sinh khởi các điều ấy, nên gọi là chúc mừng, an ủi. Vì nghe lời nói này, mọi người đều lần lượt phát sinh hoan hỷ lớn. Nghĩa là các hữu tình, do sức tăng thượng của tâm nên phát ra lời nói, đều là tướng của nghiệp ngũ được biến hiện trên thức riêng của mỗi chúng sinh, làm duyên tăng thượng, khiến các thức khác biến hiện giống như tướng của nghiệp ngũ, đều cho nghe lời nói của người khác là sinh vui mừng.

Trí Thành sở tác hóa tạo nghiệp ngũ nên biết cũng như thế. Tự hóa hiện ra tiếng nói vi diệu, khiến tâm của người khác đổi thay. Nghĩa là nghe lời Phật giảng nói đều sinh khởi hoan hỷ.

Tùy theo pháp được ưa chuộng là tùy vào lực nơi nhân của chúng sinh kia ưa thích nghe thuận hợp. Người, trời nơi ba Thừa có pháp khác nhau.

Văn khéo diệu là chữ và câu sáng tỏ, đẹp đẽ, khiến mọi người đều ưa thích nghe. Nghĩa khéo diệu là nghĩa lý sâu xa, phân minh, dễ lãnh hội.

Những chúng sinh trí nhỏ mới nghe hãy còn tin, vì tiếng nói của Phật có đủ sáu mươi đức. Các hàng phàm phu ngu tối mới nghe qua hãy còn tin hiểu, hướng chi là những người thông sáng khác.

Tuệ nơi Trí Thành sở tác gọi là an ủi chúc mừng: Vì có khả năng hiển bày lời nói giáo hóa, tuyên thuyết tất cả văn nghĩa khéo diệu, khiến các hữu tình sinh tâm hoan hỷ, cũng có thể gia bị cho các chúng sinh khéo biến hiện v.v..., do ngôn âm của Phật diễn nói pháp thâm diệu thật khó lường xét. Như thế, trí này có thể gia bị cho người khác.

Tất cả luận: Là tất cả loại luận về sắc cho đến hư không, cũng có khả năng phát khởi lời nói giáo hóa, thuyết giảng pháp. Nên biết sự việc này là không thể nghĩ bàn.

*** Kinh nói:** “Lại như nghiệp ngữ phương tiện của chúng sinh, do vậy chúng sinh lần lượt chỉ dạy, truyền trao nghề chuyên môn đã làm, như chê, bỏ điều ác, ca ngợi việc thiện, dùng mệnh lệnh triệu tập nhau lại. Như thế, Trí Thành sở tác của Như Lai đã khởi hiện phương tiện nơi nghiệp ngữ biến hóa. Do đó, Như Lai đã thành lập học xứ chân chánh nhằm quở trách mọi sự phóng dật, khen ngợi hành không phóng dật. Lại nữa, Như Lai còn kiến lập hành tùy tín, hành tùy pháp, dùng diệu lực của phương tiện thiện xảo ấy để dẫn dắt chúng sinh khiến nhập Thánh giáo, đạt được giải thoát thành thực”.

*** Luận nêu:** Đoạn này là hiển bày về tướng của sự hóa hiện lời nói phương tiện nơi nghiệp Ngữ hóa.

Như phương tiện nơi nghiệp ngữ hóa của chúng sinh ở các thế gian, lại cùng chỉ bảo nhau về các điều nên làm, không nên làm, những lợi ích cho bạn bè thân thuộc.

Đối với các chúng sinh phóng dật phải khởi tác gia hạnh khiến họ làm thiện, nên gọi là phương tiện.

Như thế, Đức Như Lai do tâm đại bi, vì các hữu tình nên an lập học xứ, khiến điều phục các thứ ác, tu tập các pháp thiện nơi thế gian, kiến lập Thánh đạo với những phần vị sai biệt, khiến chúng sinh đi vào đạo chánh, xuất ly ba cõi.

Trí Thành sở tác của Như Lai có thể phát khởi ngữ hóa, làm xong sự việc này, nghĩa là chấm dứt các điều ác, phát sinh các việc thiện. Đây là tác dụng của lời nói.

*** Kinh nói:** “Lại như chúng sinh biện biệt, biểu dương nghiệp ngữ, do vậy chúng sinh lần lượt chỉ bày những chỗ nghĩa chưa hiện rõ bằng cách đọc tụng các luận. Như thế, Trí Thành sở tác của Như Lai biện giải về nghiệp ngữ hóa. Do đó, Như Lai đã đoạn trừ vô lượng thứ nghi hoặc của các chúng sinh. Nhờ diệu lực của phương

tiện thiện xảo ấy nên dẫn dắt khiến nhập Thánh giáo, đạt được giải thoát thành thực”.

*** Luận nêu:** Đoạn này là hiển bày về tướng của sự hóa hiện lời nói biện luận, tán dương nơi nghiệp Ngũ hóa.

Trí Thành sở tác tùy thuận nơi ý lạc có sai biệt của các chúng sinh, hiện khởi nghiệp ngũ biến hóa, nói vô số nghĩa đoạn dứt mọi nghi hoặc. Nghĩa là phát ra một âm biểu thị tất cả nghĩa, khiến các hữu tình tùy từng loại đều được lợi ích. Như Khế kinh nói: Phật dùng một âm thanh diễn nói các pháp, chúng sinh tùy từng chủng loại đều được mở bày, hiểu rõ. Hoặc có kẻ sợ hãi, hoặc có người hoan hỷ, hoặc sinh tưởng chán lìa, hoặc lại đoạn nghi. Đây là bản nguyện của Như Lai đã dẫn phát diệu lực không thể nghĩ bàn, mở ra ngũ biến hóa: Một âm có thể đoạn trừ tất cả các nghi. Nếu thực hiện với hóa thân, cũng khiến cho chúng sinh nơi một chỗ nhưng thấy khác nhau về chỗ thành tựu sự việc lợi lạc.

*** Kinh nói:** “*Lại như chúng sinh với nghiệp ý quyết định lựa chọn. Do vậy, chúng sinh đã quyết định lựa chọn điều nên làm và không nên làm. Như thế, Trí Thành sở tác của Như Lai với ý quyết định lựa chọn nghiệp giáo hóa. Do đó Như Lai đã quyết định lựa chọn nơi tám vạn bốn ngàn tâm hành của chúng sinh có sai biệt. Do sức mạnh của phương tiện thiện xảo này, nên dẫn dắt các chúng sinh khiến nhập Thánh giáo, đạt được giải thoát thành thực”.*

*** Luận nêu:** Đoạn này là hiển bày về tướng của sự hóa hiện ý quyết định lựa chọn nơi nghiệp Ý hóa.

Trí Thành sở tác tương ưng với nghiệp ý, có thể khởi hiện biến hóa, nên gọi là nghiệp ý biến hóa.

Nghiệp ý biến hóa này có thể quyết định lựa chọn nơi tám vạn bốn ngàn tâm hành của chúng sinh có sai biệt, là đối tượng được giáo hóa. Hoặc lại hiện bày nghiệp ý biến hóa tương tự trong tướng phần

của trí này, có khả năng quyết định lựa chọn tám vạn bốn ngàn tâm hành của chúng sinh, khiến họ biết rõ lợi ích của nghiệp thù thắng.

Thế nào là tám vạn bốn ngàn tâm hành? Nghĩa là tám vạn bốn ngàn tâm hành của các hữu tình có sai biệt, với những cấu uế của phiền não nơi chúng. Những thứ này có thể gây chướng ngại cho tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật, môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa v.v... Như nơi Kinh Hiền Kiếp đã nói rộng về tướng của chúng. Nghĩa là đầu tiên tu tập hành pháp Ba-la-mật, cho đến sau cùng phân bố Ba-la-mật-đa của thân Phật, gồm có ba trăm năm mươi phân, mỗi mỗi phân thân Phật đều có đủ sáu pháp đến bờ kia. Như thế, tổng cộng có hai ngàn một trăm pháp đối trị.

Phần tham, giận, si và phần cùng có nơi tâm hành của hữu tình nên là tám ngàn bốn trăm. Trừ bốn đại chủng và sáu thứ vô nghĩa sinh ra các lỗi lầm. Mười lần chuyển hợp thành số tám vạn bốn ngàn. Do tu tập tâm hành này nên lại thành tựu được tám vạn bốn ngàn môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa v.v... Đây là lược nêu, nếu nói rộng là vô lượng.

*** Kinh nói:** “*Lại như chúng sinh gây tạo nghiệp ý, do đó chúng sinh đã gây tạo vô số các nghiệp khởi hiện. Như thế, Trí Thành sở tác của Như Lai đã tạo nghiệp ý giáo hóa. Do đó, Như Lai quan sát các sự việc nơi đối tượng được hành của các chúng sinh nên làm và không nên làm, hoặc được, hoặc mất để khiến họ nhận lấy hoặc dứt bỏ. Như Lai đã tạo ra pháp đối trị. Do sức mạnh của phương tiện thiện xảo này, nên dẫn dắt chúng sinh khiến họ bước vào Thánh giáo, đạt được giải thoát thành thực*”.

*** Luận nêu:** Đoạn này là hiển bày về tướng của sự hóa hiện ý tạo tác nơi nghiệp Ý hóa.

Tùy chỗ quán về hành của đối tượng được hành trì nơi tất cả hữu tình. Nếu các hành ác, không hành tác là được, nếu hành tác là có lỗi. Còn các hành thiện, hành tác là có đức, không hành tác là có lỗi.

Quan sát như thế là muốn khiến cho chúng sinh nhận lấy cái được, từ bỏ cái mất. Đối với cái được tạo tác thì nhận giữ là pháp đối trị. Đối với cái mất nếu gây tạo thì dùng pháp đối trị là xa lìa.

Trí Thành sở tác tương ưng với nghiệp ý, có khả năng khởi hiện biến hóa, nên gọi là nghiệp ý biến hóa. Tuy các Đức Như Lai không dụng công đối với mọi sự việc, nhưng để khiến cho tâm của chúng sinh biến hiện giống như có tạo tác, nên gọi là tạo tác. Hoặc lại hiện bày giống như nghiệp ý biến hóa trong tướng phân của trí ấy, có thể quan sát các hành được, mất của hết thảy hữu tình, khiến họ nhận biết rõ nghĩa lợi thù thắng đạt được.

** Kinh nói: “Lại như chúng sinh phát khởi nghiệp ý. Do vậy, chúng sinh phát khởi các nghiệp. Như thế, Trí Thành sở tác của Như Lai phát khởi nghiệp ý biến hóa. Vì thế, Như Lai nhằm giảng nói pháp đối trị nghiệp ý của chúng sinh kia, nên đã làm sáng tỏ danh cú tự thân được các chúng sinh ưa chuộng. Do sức mạnh của phương tiện thiện xảo ấy, nên dẫn dắt các hữu tình khiến nhập Thánh giáo, đạt được giải thoát thành thực”.*

** Luận nêu: Đoạn này là hiển bày về tướng của sự hóa hiện ý phát khởi nơi nghiệp Ý hóa.*

Trí Thành sở tác tương ưng với nghiệp ý, vì có thể phát khởi hai thứ nghiệp thân, ngữ, nên căn cứ theo dụng nói là phát khởi nghiệp ý. Hoặc nghiệp ý này do trí phát khởi nên gọi là phát khởi nghiệp ý, vì có khả năng giáo hóa, hoặc tướng phân của trí hiện bày giống ý nghiệp kia. Nghiệp ý biến hóa này là nhằm diễn nói pháp đối trị ý nghiệp kia, là nói pháp đối trị các hành của hữu tình.

Pháp đã giảng nói đây là dùng danh cú tự thân làm tự tánh, thế nên cần làm sáng tỏ các thứ ấy. Đức Như Lai thuận theo điều các hữu tình ưa thích, nên giảng nói danh thân v.v... khiến họ khởi tâm yêu thích, phát sinh pháp đối trị. Đó là hiện bày nghiệp ý biến hóa trong

tương phần nơi Trí Thành sở tác của Như Lai, phát khởi danh thân v.v... diễn nói pháp đối trị các hành của hữu tình. Do lực ấy khiến tự tâm của các hữu tình biến hiện giống như pháp Phật đã giảng nói, nên họ phát sinh sự yêu thích sâu xa, khởi tạo pháp đối trị, vì thế gọi là phát khởi nghiệp ý.

*** Kinh nói:** “*Lại như chúng sinh thọ nhận nghiệp ý. Do vậy, các chúng sinh nhận lãnh các thứ khổ vui. Như thế, Trí Thành sở tác của Như Lai thọ nhận nghiệp ý giáo hóa. Vì thế, Như Lai đối với hữu tình định, bất định, hỏi lại việc đặt để, ghi nhận, thọ ký, tùy chỗ thuận hợp của các chúng sinh đó nên nhận lãnh được các nghĩa của quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì sức mạnh của phương tiện thiện xảo ấy, nên dẫn dắt chúng sinh khiến nhập Thánh giáo, đạt được giải thoát thành thực*”.

*** Luận nêu:** Đoạn này là hiển bày về tướng của sự hóa hiện ý lãnh nhận nơi nghiệp Ý hóa.

Sự thọ nhận tương ưng với tư duy có thể tác động nơi tâm khiến nhận lấy khổ vui, thế nên nói là lãnh nhận nghiệp ý.

Trí Thành sở tác thọ nhận tương ưng với tư duy, có thể khởi hiện giáo hóa, nên gọi là nghiệp ý biến hóa. Nghiệp ý biến hóa hiện bày trong tướng phần của Trí Thành sở tác gọi là nghiệp ý hành hóa.

Đối với bốn thứ ghi nhận hỏi đáp để được thọ ký, tùy chỗ ứng hợp của chúng sinh đều biết rõ như thật về tất cả câu hỏi xong, nhận lãnh vô lượng nghĩa pháp trong ba đời v.v... hiểu biết đúng như thật nơi mỗi mỗi tự thể đều nhận biết đúng như thật, theo chỗ thuận hợp, mỗi mỗi ký biệt không có điên đảo.

Những gì là bốn thứ ghi nhận? Đó là:

- (1) Ghi nhận toàn bộ.
- (2) Ghi nhận phân biệt.

(3) Ghi nhận bằng cách hỏi lại.

(4) Ghi nhận bằng cách im lặng để qua một bên.

Ghi nhận toàn bộ: Như có người hỏi: Tất cả sự sinh quyết định là diệt chăng? Phật, Pháp, Tăng bảo là phước điền tốt đẹp chăng? Các câu hỏi như thế, nên ghi nhận toàn bộ, nghĩa này là quyết định.

Ghi nhận phân biệt: Như có người hỏi: Các thứ bị diệt đó nhất định sinh lại chăng? Phật, Pháp, Tăng bảo chỉ là một chăng? Những câu hỏi như thế nên phân biệt ghi nhận, vì nghĩa ấy không nhất định.

Ghi nhận bằng cách hỏi lại: Như có người hỏi: Bô-tát mười địa là cao hay thấp? Phật, Pháp, Tăng bảo là hơn hay kém? Những câu hỏi như thế nên ghi nhận bằng cách hỏi lại: Ông mong muốn gì khi hỏi như thế?

Ghi nhận bằng cách im lặng để qua một bên: Như có người hỏi: Tánh thật có nơi ngã là thiện hay là ác? Con của Thạch nữ màu đen hay trắng? Những câu hỏi như thế nên ghi nhận bằng cách im lặng để qua một bên, không nên ghi nhận vì vì chỉ là hý luận dài dòng.

Nên biết trong đây, nghiệp thân ngữ giáo hóa hoặc tương ưng với tự thân, hoặc tương ưng với thân người khác, hoặc không tương ưng với nghiệp biến hóa của ý, chỉ tương ưng với mình và người. Do đó, tức giải thích ba thứ thần biến, nghĩa là thần thông, thần thông dạy khuyên, thần biến ký thuyết.

Nghiệp biến hóa của Phật ở đây là luôn gắn liền với tất cả chủng loại, không thể nghĩ bàn. Do tác dụng đến số lượng cõi nước có sai biệt là không thể nghĩ bàn, nên công dụng tạo lợi ích cho hữu tình luôn chuyển biến không ngừng nghỉ, cũng không thể nghĩ bàn.

Ba thứ nghiệp giáo hóa của tất cả Như Lai muốn ưu tiên tạo mọi thành thực cho các hữu tình, nên gọi là phương tiện thiện xảo thứ nhất. Do đó, Khế kinh nói: “Đức Phật, Thế Tôn gọi là Thuốc đại trí, có thể chữa lành hết thầy bệnh phiền não”.

* **Kinh nói:** “*Bấy giờ, Đại Bồ-tát Diệu Sinh bạch Phật: Thế Tôn! Chỉ một mình Như Lai ở nơi pháp giới thanh tịnh thọ dụng sự hòa hợp một vị theo trí, các Bồ-tát cũng có thể thực hiện được như vậy? Đức Phật bảo Bồ-tát Diệu Sinh: Bồ-tát cũng có khả năng thọ dụng sự hòa hợp một vị theo trí.*”

* **Luận nêu:** Nay dựa nơi **Sự thọ dụng hòa hợp một vị theo trí** để hỏi.

Trước đây biện luận về Phật địa, chỉ nói về Thế nơi pháp giới thanh tịnh của Như Lai chỉ là một vị. Cảnh trí v.v... của Phật ở trong sự thọ dụng hòa hợp một vị không động, không tạo tác. Bồ-tát Diệu Sinh có ý nghi ngờ về sự việc này: Việc đó chỉ mỗi Như Lai hay cũng chung cho cả Bồ-tát, nên nêu lên câu hỏi ấy. Hoặc trước chỉ nói có năm thứ pháp gồm thâu quả vị Đại giác. Thế của pháp giới thanh tịnh chỉ là một vị. Cảnh trí dựa vào pháp giới ấy để duyên hợp, dựa vào pháp giới ấy để sinh khởi không có phân biệt, nên cũng chỉ có một tướng. Trí Bình đẳng tánh duyên chung nơi chân như, lia hai phân biệt, nên cũng chỉ có một tướng. Hai trí còn lại vì đem lại lợi ích cho chúng sinh, cũng dựa nơi chân như, không phân biệt riêng khác, nên cũng chỉ có một tướng. Như vậy, chỉ có Đức Phật thọ dụng sự hòa hợp một vị theo trí, nên không chung với quả vị khác. Vì muốn thẩm định nên đặt ra câu hỏi ấy.

Ở đây đã nói, đối với pháp giới thanh tịnh, sự thọ dụng hòa hợp một vị theo trí dù chứng tỏ nơi khác không có sự thọ dụng hòa hợp một vị theo trí. Chủ thể thọ dụng, đối tượng được thọ dụng hòa hợp làm một vị, là cảnh giới của chân như, nên gọi là thọ dụng. Cùng chung một việc nên gọi là hòa. Tuy đồng một sự, hoặc lại ly biệt, vì để làm rõ trong đó là thường, không ly biệt, nên lại nói hợp chủ thể duyên, đối tượng được duyên là bình đẳng rốt ráo, bình đẳng hòa hợp không chia lìa.

Vị: Nghĩa là chắc thật, tức là đối tượng được thọ dụng, đối tượng được duyên là chân như của pháp giới một vị.

Sự: Nghĩa là dụng của sự. Trí tức là trí của chủ thể thọ dụng, chính thức nhận lấy Trí cảnh, Trí Bình đẳng tánh, nhận lấy luôn hai trí còn lại, vì phần nhiều là duyên nơi chân như. Hoặc một vị, là trí của chủ thể thọ dụng không phân biệt.

Sự: Là quả, duyên nơi pháp giới thanh tịnh mà sinh khởi. Hoặc chủ thể thọ dụng tức là xả thọ, là không khổ, không vui, bình đẳng một loại, nên gọi là một vị.

Sự: Là quả. Tức quả này tương ứng với trí viên cảnh v.v... do lực của quả đó phát sinh nên gọi là quả kia. Hoặc là hành xả không có tướng công dụng, nơi tất cả xứ đều theo một vị mà chuyển biến. Trí của chủ thể thọ dụng gọi là trí sự. Hoặc trí tự có thể lãnh nhận thể của mình, nên gọi là thọ dụng. Hai thứ tự, tha vì không phân biệt nên gọi là một vị.

Sự: Là quả, là từ các nhân duyên, xa lìa hai tướng, vì chuyển biến mãi.

Bồ-tát cũng có thể ngang đồng, là trong ấy ý nói thọ dụng hòa hợp một vị với sự trí đó, không phải riêng một mình Như Lai.

Nếu các Bồ-tát cũng có khả năng thọ dụng như thế thì vì sao chỉ nói có năm thứ pháp gồm thâm quả vị Đại giác? Ở đây ý nói, Phật địa chỉ thuộc về năm pháp, không nói năm pháp chỉ gồm thâm Phật địa, vì cũng có thể gồm thâm địa của các Bồ-tát.

** Kinh nói: “Bồ-tát Diệu Sinh lại bạch Phật: Các Bồ-tát nào được thọ dụng hòa hợp một vị nơi sự, trí? Đức Phật bảo Bồ-tát Diệu Sinh: Bồ-tát chứng được pháp nhẫn vô sinh. Do Bồ-tát kia khi chứng được nhẫn giải trong pháp vô sinh đã đối trị hai tướng. Vì dứt trừ hai thứ tướng về tự, tha nên được tâm bình đẳng. Từ đấy trở lên, các Bồ-tát kia tướng xem tự, tha khác nhau không còn hiện tiền, nên được thọ dụng hòa hợp một vị nơi sự, trí”.*

* **Luận nêu:** Vì chỉ rõ Bồ-tát chưa chứng được pháp nhẫn vô sinh của Đại thừa, hoặc Bồ-tát còn trụ nơi công dụng có đạo gia hạnh, chưa có thọ dụng hòa hợp một vị nơi sự, trí, nên lại hỏi: Các Bồ-tát nào được thọ dụng hòa hợp một vị nơi sự, trí? Đó là Bồ-tát đã chứng đắc pháp nhẫn vô sinh. Nghĩa là Bồ-tát từ Địa thứ nhất trở lên chứng được hai không, hiển bày chân như, quán biến kế sở chấp nơi tất cả pháp bản tánh là không sinh, cũng không có diệt, xưa nay vắng lặng, là tự tánh Niết-bàn, nên được thọ dụng hòa hợp một vị nơi sự, trí, chẳng phải như hàng Nhị thừa đạt hiện quán kiến đạo, chỉ chứng sinh không hiển bày chân như, chưa chứng pháp không hiển bày về lý chân, nên chưa thể hiện quán các pháp bình đẳng để thọ dụng hòa hợp một vị nơi trí, sự. Bồ-tát trước Địa cũng chưa thể chứng đắc, chưa thấy chân như hòa hợp một vị, vì Trí Bình đẳng tánh chưa hiện hành.

Có thuyết cho: Từ Địa thứ nhất trở lên, Bồ-tát lại có ba thứ:

(1) Mới phát tâm: Là ở Địa thứ nhất đã nhập chánh tánh ly sinh của kiến đạo, vì tâm vô lậu đích thực bắt đầu hiện hành.

(2) Đã tu hành: Nghĩa là sáu Địa trên đã được tu đạo, tu hành tinh tấn.

(3) Không thoái chuyển: Nghĩa là ba Địa trên, tu đạo đã viên mãn, lia các công dụng, không còn đạo gia hạnh, tự nhiên hiện tiền, tất cả phiền não hoàn toàn không còn dấy khởi, mỗi niệm niệm đều thẳng tấn, không thoái chuyển.

Ở đây chỉ nhận lấy từ tám Địa trở lên, quán tất cả pháp xưa nay không sinh, hiện tại cũng không khởi, được nhẫn phẩm thượng hoàn toàn thanh tịnh, luôn phát khởi vô lậu, chuyển biến tự nhiên. Vì đạt được như vậy nên nói là chứng đắc pháp nhẫn vô sinh. Như Khế kinh nói: Các chúng Bồ-tát từ tám Địa trở lên, đã lia tướng pháp, nên không có ngã, ngã sở, quán tất cả pháp không phải là thường, vô

thường, không sinh, không khởi, tự, tha đều bình đẳng, cho đến nói rộng. Do tự nhiên đối trị được hai tướng, nên nơi tất cả xứ đều được tâm bình đẳng.

Từ đây trở lên, vì lia hai tướng nên lia các công dụng và gia hạnh, hoàn toàn vô lậu, hết sức thanh tịnh, nên trí không phân biệt đạt được tự tại, chuyển biến tự nhiên, mới được gọi là thọ dụng hòa hợp một vị nơi sự, trí.

Bồ-tát Địa thứ nhất tuy đã chứng đắc tự – tha bình đẳng, nhưng có dụng công, tác ý gia hạnh, vì chưa thanh tịnh nên chưa kiến lập.

*** Kinh nói:** “*Bồ-tát Diệu Sinh lại bạch Phật: Ngưỡng mong Đức Như Lai nói rộng bằng thí dụ khiến các Bồ-tát đều tỏ ngộ được nghĩa thâm diệu, tùy thuận nơi duyên được giáo hóa, tuyên dương rộng khắp cho mọi người được biết, khiến các chúng sinh nghe xong đều mau chóng tỏ ngộ pháp nhãn vô sinh*”.

*** Luận nêu:** Bồ-tát Diệu Sinh vì muốn cho nghĩa trên nhân nơi môn thí dụ mà được sáng tỏ, dễ nhận thấy để các Bồ-tát sau khi nghe pháp này đạt được nghĩa thâm diệu, tỏ ngộ về nhãn vô sinh, nên lại thưa hỏi.

*** Kinh nói:** “*Đức Phật bảo Bồ-tát Diệu Sinh: Ví như chư Thiên trời Ba Mươi Ba chưa đi vào khu rừng tạp, nên hoàn toàn không thể thọ dụng sự hòa hợp đối với hoặc sự, hoặc nhận lãnh về vô ngã, ngã sở. Nếu đã vào rừng tạp, tức không phân biệt, tùy ý thọ dụng, do khu rừng ấy có công năng như thế, có thể khiến chư Thiên đi vào đấy, thì thọ dụng hòa hợp đối với các quả báo của cõi trời, hoặc sự, hoặc nhận lãnh, không có nơi chốn tư duy.*

Như thế, Bồ-tát nếu chưa chứng được pháp nhãn vô sinh, thì hoàn toàn không thể chứng được tâm bình đẳng, xả bình đẳng, nên không có khác biệt với tất cả Thanh văn, Độc giác, vì còn có hai tướng. Bồ-tát đó không thể an trụ trong sự thọ dụng hòa hợp một vị

nơi sự, trí. Nếu đã chứng được pháp nhãn vô sinh, trừ dứt hai tướng đó, nên được tâm bình đẳng tức sai khác so với Thanh văn, Độc giác.

Do tâm bình đẳng nên có thể an trụ nơi xả, thọ dụng hòa hợp một vị nơi sự, trí”.

* **Luận nêu:** Tròi Ba Mươi Ba có một khu rừng tạp, chiêu cảm do phước lực hòa hợp của chư Thiên, khiến chúng chư Thiên nếu không ở tại khu rừng này, thì sự thọ nhận khổ vui ở nơi cung điện v.v... có hơn kém khác nhau, vì còn có sự thọ dụng sai biệt của ngã và ngã sở.

Nếu ở tại khu rừng ấy thì hoặc sự, hoặc việc thọ nhận đều không có hơn kém, đều đồng thượng diệu không có ngã, ngã sở, hòa hợp thọ dụng có thể khiến bình đẳng. Vì hòa hợp thọ dụng nên gọi là rừng tạp.

Đây là do chư Thiên đều tu tập bình đẳng, do sức tăng thượng nơi nghiệp phước hòa hợp, khiến thức A-lại-da của chư Thiên kia biến hiện ra khu rừng này, đồng xứ, đồng thời và đồng một tướng trạng. Do lực tăng thượng của khu rừng tạo nên khiến chuyển thức của chư Thiên kia cũng đồng biến hiện, tuy đều cùng thọ dụng nhưng cho là không khác biệt.

Như vậy, Bồ-tát, hàng Nhị thừa ở trước địa, chưa chứng nhập hai không, chưa hiển bày chân như cùng pháp nhãn vô sinh, còn có chấp khác nhau do kiến đạo đoạn nên chưa lìa hai tướng tự tha có khác nhau, nên chưa được tâm bình đẳng về nhận, bỏ, tương ưng với Trí Bình đẳng tánh vô lậu. Hoặc lại vì hành xả nên không thể an trụ trong sự thọ dụng hòa hợp một vị nơi sự, trí.

Có nghĩa: Bồ-tát từ bảy Địa trở xuống còn có công dụng, có đạo gia hạnh, còn có phiền não vi tế hiện hành, chưa thanh tịnh, chưa tự nhiên đạt được pháp nhãn vô sinh, Trí Diệu quan sát tương ưng bình đẳng, hoặc tâm, hoặc xả, nên không thể trụ nơi sự thọ dụng hòa hợp một vị theo sự, trí.

*** Kinh nói:** “Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Sinh! Ví như có vô số dòng sông lớn nhỏ, khi chưa đổ vào biển cả, mỗi dòng sông đều có chỗ nương dựa riêng, nước khác nhau, nước ít, nước có tăng giảm, tùy theo sự vận hành của nước đã tạo ra các thứ đều khác biệt, một phần ít nước làm nơi nương dựa, duy trì sinh mạng của các thứ thủy tộc. Nếu các dòng sông đổ vào biển cả thì không còn có nơi nương dựa riêng. Ở biển, nước không khác nhau, nước không có hạn lượng, nước không tăng giảm, đã tạo ra một sự vận hành rộng lớn làm nơi nương dựa, duy trì sinh mạng của thủy tộc.

Như thế, Bồ-tát nếu chưa chứng nhập biển cả pháp giới thanh tịnh của Như Lai, thì mỗi Bồ-tát đều có nơi nương dựa riêng, trí khác nhau, trí ít, trí có tăng giảm. Tùy theo nghiệp trí của mỗi Bồ-tát nên chỗ tạo tác đều dị biệt. Một phần ít chúng sinh được dựa vào trí, nên căn thiện được thành thực. Nếu Bồ-tát đã chứng nhập biển cả pháp giới thanh tịnh của Như Lai, thì không còn chỗ dựa riêng, trí không sai biệt, trí không hạn lượng, trí không tăng giảm, thọ dụng hòa hợp một vị nơi sự trí, là chốn nương dựa cho vô lượng chúng sinh thành thực căn thiện của mình”.

*** Luận nêu:** Các dòng sông lớn: Nghĩa là bốn con sông lớn như Căng-già (Hằng hà) v.v... Các dòng sông nhỏ: Nghĩa là các sông nhỏ khác.

Chưa đổ vào biển cả, mỗi dòng sông đều có chỗ nương dựa riêng: Nghĩa là mỗi mỗi dòng sông đều nương dựa vào các địa phương.

Nước khác nhau: Là nước trong, đục, nước tro, nước tốt khác nhau.

Nước ít: Là so với biển cả.

Nước có tăng giảm: Là do thời gian mưa ít, mưa nhiều có sai biệt.

Tùy theo sự vận hành của nước đã tạo nên các thứ đều khác: Tức các thể mạnh về sự bốc hơi, về vị nước, về sự thành thực có sai biệt.

Một phần ít nước làm nơi nương dựa, duy trì sinh mạng của các thứ thủy tộc: Là một số ít, dung lượng nước ít, làm nơi nương dựa, duy trì sự sống cho các hữu tình là loài thủy tộc.

Nếu các dòng sông đổ vào biển cả thì không còn có nơi nương dựa riêng: Là so với phần đã nói ở trước, tất cả đều ngược lại, nên biết.

Tướng của biển kia rộng lớn làm nơi nương dựa, duy trì: Là dựa vào số lượng rộng lớn mà nói.

Như thế, Bồ-tát nếu chưa chứng nhập biển cả pháp giới thanh tịnh của Như Lai: Là chưa chứng được pháp giới thanh tịnh của chư Phật.

Mỗi Bồ-tát đều có nơi nương dựa: Là đều có mỗi mỗi Đức Như Lai riêng làm nơi nương dựa.

Trí khác nhau: Là mỗi Bồ-tát đều có thắng giải riêng đã tu tập thành tựu.

Trí ít: Là so sánh với trí Phật.

Trí có tăng giảm: Là các địa cùng so sánh, tức có hơn kém và định cùng so sánh cũng có chỗ hơn kém.

Tùy theo nghiệp trí của mỗi Bồ-tát nên chỗ tạo tác đều dị biệt: Do các Bồ-tát đã quyết định về số lượng riêng biệt, nên chỗ tạo tác đều khác nhau. Tùy vào uy lực thắng giải của các Bồ-tát khi duyên nơi cảnh giới của hữu tình, nên có thể có đối tượng được tạo tác. Nếu vượt quá sự việc này thì không chuyển biến, thế nên mỗi hành tu tập đều sai biệt.

Một phần ít chúng sinh v.v...: Là số ít, lượng ít, làm nơi nương dựa cho việc thành thực các căn thiện. Do lực tăng thượng của các Bồ-tát, theo từng phần, nhưng vẫn khiến căn thiện của người khác được thành thực. Định của các Bồ-tát so sánh với định của Như Lai, số lượng ít, nên việc tạo lợi ích cho các hữu tình cũng ít.

Nếu Bồ-tát đã chứng nhập biến cả pháp giới thanh tịnh của Như Lai: Là đã chứng đắc pháp giới thanh tịnh của chư Phật.

Không còn chỗ dựa riêng: Vì chân như thanh tịnh là nơi chốn nương dựa. Trong cảnh giới vô lậu, không thể kiến lập chư Phật có dị biệt, huông chi là Bồ-tát.

Trí không sai biệt: Là trí viên cảnh v.v... đều là tương tự, vì không còn có phân biệt khác nhau giữa mình, người.

Trí không hạn lượng: Là do đã thấu tỏ về vô biên cảnh của đối tượng được nhận biết.

Trí không tăng giảm: Là bình đẳng thanh tịnh, vì nhận biết khắp về các cảnh giới không có ít, nhiều.

Thọ dụng hòa hợp một vị nơi sự trí: Là tất cả hành tác cùng với trí bình đẳng v.v... đều giống nhau.

Vô lượng chúng sinh v.v...: Là hoặc về số, hoặc về lượng đều là vô lượng, tư lương về phước đức, trí tuệ là không cùng tận, đều bình đẳng. Do Bồ-tát đã chứng được Pháp thân, đi đến tận cùng nơi biên vực sinh tử, là nơi chốn nương dựa cho tất cả hữu tình thành thực căn thiện.

Hai dụ trước và sau có sai biệt: Nghĩa là dụ trước nói các Bồ-tát chưa chứng nhập, đã chứng nhập, hoặc nơi Địa Hoan hỷ, hoặc nơi Địa Bất động. Dụ về biến cả ở sau là nói về các Bồ-tát chưa nhập, đã nhập hoặc nơi Địa Bất động, hoặc nơi Địa Như Lai.

Còn có nghĩa: Hai dụ đồng nói về Bồ-tát chưa chứng đắc, đã chứng đắc pháp nhẫn vô sinh. Dụ trước nói công đức của Bồ-tát trừ mật, dụ như rừng tạp. Dụ sau nói công đức của Bồ-tát là vô tận, dụ như biển cả.

LUẬN KINH PHẬT ĐỊA

QUYỂN 7

* **Kinh nói:** “*Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói tụng*”.

* **Luận nêu:** Sẽ nói **bốn tụng**, gồm thâu chung các nghĩa trên, hiển bày tóm lược về tướng nơi pháp giới thanh tịnh của Địa Phật.

Tất cả công đức hữu vi, vô vi trong Địa Như Lai đều được pháp giới thanh tịnh thâu giữ, đều là tướng của pháp giới thanh tịnh. Tướng của chủ thể hay tướng của đối tượng đều gọi là tướng.

Trong **bốn tụng**, *ba tụng rưỡi trước* là hiển bày riêng về tướng đó, *nửa tụng sau* là tổng kết.

Nơi phân hiển bày riêng về tướng (Ba tụng rưỡi), có nghĩa: Trong ấy, nửa tụng đầu là chỉ rõ về *Pháp giới thanh tịnh*. Nửa tụng tiếp theo là chỉ rõ về *Trí Đại viên cảnh*. Nửa tụng kế là hiển bày về *Trí Bình đẳng tánh*. Nửa tụng tiếp là chỉ rõ về *Trí Diệu quan sát*. Nửa tụng kế là nêu bày về *Trí Thành sở tác*. Nửa tụng tiếp sau là chỉ rõ về *Công đức quyền thuộc thuộc về bốn trí*. Phần nửa sau là hiển bày về *Năm pháp tạo thành ba thân có sai biệt*.

Lại có nghĩa: Là hiển bày về Pháp giới thanh tịnh, có sáu thứ tướng thâu tóm tổng quát tất cả công đức của Phật Địa. Nghĩa là tướng tự tánh, tướng nhân, tướng quả, tướng hoặc tạo nghiệp, tướng hoặc tương ung, tướng hoặc sai biệt. Theo thứ lớp của mỗi tướng, phần đầu có một tụng, phần còn lại đều có nửa tụng.

*** Kinh nói:**

“*Tất cả pháp chân như
Tướng thanh tịnh hai chướng*”.

*** Luận nêu:** *Có nghĩa:* Đây là hiển bày về **Pháp giới thanh tịnh**. Nghĩa là hết thấy pháp, tánh là không, vô ngã, đã hiển bày chân như, vĩnh viễn lìa hai chướng. Bản tánh thanh tịnh, nay lại lia cấu nhiễm, nên có khả năng làm nơi nương dựa cho tất cả pháp thiện, vì vậy gọi là Pháp giới thanh tịnh.

Tất cả pháp: Nghĩa là các pháp uẩn xứ giới hữu lậu, vô lậu v.v... thuộc thế gian và xuất thế gian.

Chân như: Tức là tánh chân thật của các pháp, không có tánh điên đảo, cùng với tất cả pháp không một, không khác. Thế chỉ một vị, tùy theo tướng nên phân làm nhiều.

Hoặc nói có hai thứ: Nghĩa là sinh không vô ngã, pháp không vô ngã. Chân như thật sự không phải là tánh không, vô ngã, vì lìa hết thấy phân biệt, dứt tuyệt hý luận, song do tu tập pháp quán không, vô ngã, diệt trừ chướng ngại nơi chân như, diệt tướng chấp ngã, ngã sở để chứng đắc, nên gọi là không, vô ngã.

Hoặc nói có ba thứ: Nghĩa là thiện, bất thiện, vô ký. Chân như là tánh chân thật của ba pháp này.

Hoặc nói có bốn thứ: Nghĩa là hệ thuộc vào ba cõi và không hệ thuộc. Chân như là tánh chân thật của bốn pháp ấy.

Hoặc nói có năm thứ: Nghĩa là chân như của tâm, nói rộng cho đến chân như vô vi. Chân như cũng là tánh chân thật của năm pháp.

Hoặc nói có sáu thứ: Nghĩa là chân như của sắc, nói rộng cho đến chân như vô vi. Năm uẩn vô vi là tánh chân thật.

Hoặc nói có bảy thứ:

(1) *Chân như lưu chuyển*: Nghĩa là thật tánh của tất cả các hành lưu chuyển từ vô thủy đến nay.

(2) *Chân như thật tướng*: Nghĩa là thật tánh của tất cả các pháp là hai không - vô ngã được hiển bày.

(3) *Chân như duy thức*: Nghĩa là thật tánh của tất cả các pháp chỉ là thức.

(4) *Chân như an lập*: Nghĩa là thật tánh của pháp hữu lậu là Khổ đế.

(5) *Chân như tà hạnh*: Nghĩa là thật tánh của nghiệp, phiền não là Tập đế.

(6) *Chân như thanh tịnh*: Nghĩa là thật tánh của pháp vô vi thiện là Diệt đế.

(7) *Chân như chánh hạnh*: Nghĩa là thật tánh của các pháp hữu vi, vô lậu thiện là Đạo đế.

Hoặc nói có tám thứ: Nghĩa là không sinh, không diệt, không đoạn, không thường, không một, không khác, không đến, không đi. Tám môn tướng loại trừ đó đã hiển bày chân như.

Hoặc nói có chín thứ: Nghĩa là chín phẩm đạo dứt trừ chín thứ chướng, đã làm rõ về chân như.

Hoặc nói có mười thứ: Nghĩa là mười địa trừ diệt mười thứ vô minh, hiển bày chân như, tức là mười pháp giới, như Luận Nhiếp Đại Thừa đã biện minh rộng về tên gọi, hình tướng.

Như thế, cứ thêm số cho đến vô cùng.

Hết thấy pháp môn đều là tướng sai biệt của chân như, nhưng thể của chân như không phải là một, không phải là nhiều. Phân biệt, nêu bày đều không thể biện giải, do đã lia tất cả điên đảo hư vọng. Giả gọi là chân như, vì có thể làm nơi nương dựa cho tất cả

pháp thiện. Giả gọi là pháp giới, vì đã lia các thứ hủy báng về tôn giảm. Giả gọi là thật hữu, vì đã lia các thứ hủy báng về tăng ích. Giả gọi là không vô, vì những phân tích, suy tìm các pháp chỉ là hư giả, cùng tột đến nơi ấy lại không thể vượt qua nữa. Chỉ ở đây, chân ấy giả gọi là thật tế, là cảnh giới tối thắng không phân biệt, trí tuệ bậc Thánh đã chứng đắc, giả gọi là Thắng nghĩa. Nói rộng như thế.

Nói: *Hai chướng*:

(1) Phiền não chướng.

(2) Sở tri chướng.

Những gì nhiễu loạn thân, tâm khiến không tịch tĩnh, gọi là *phiền não chướng*. Che lấp cảnh giới của đối tượng được nhận biết, khiến tánh không điên đảo không hiển hiện, gọi là *sở tri chướng*.

Phiền não chướng: Nghĩa là chấp thật ngã, Tát-ca-da-kiến (Thân kiến) là đứng đầu, làm chủ của một trăm hai mươi tám phiền não căn bản và phiền não tùy thuận. Hoặc nghiệp đã phát khởi, hoặc quả đã thọ nhận, đều được gồm thâu trong phiền não, đều lấy phiền não làm căn bản.

Sở tri chướng: Nghĩa là nắm giữ các pháp nơi biến kế sở chấp, Tát-ca-da-kiến (Thân kiến) là đứng đầu. Hết thấy các tâm, tâm pháp như vô minh, ái, giận dữ v.v... hiện có cùng nghiệp đã phát khởi, quả đã thọ nhận, đều được gồm thâu trong đó, đều lấy chỗ chấp pháp và vô minh v.v... làm căn bản.

Có nghĩa: Pháp chấp và vô minh v.v... có mặt khắp nơi tất cả pháp thiện, ác, vô ký. Phẩm tâm hữu lậu cùng với phẩm tâm vô lậu của hai Thừa đều không thấu đạt về pháp vô ngã, đều giống với tướng phần, kiến phần dấy khởi, có nghĩa chỉ ở nơi phẩm tâm bất thiện, vô ký, hữu lậu. Luận Du Già Sư Địa nói: Các vô minh chỉ có hai thứ: (1) Bất thiện. (2) Vô ký.

Lại có hai thứ: (1) Nhiễm ô. (2) Không nhiễm ô.

Không nói có thiện, không thể không có thiện, vì tâm thiện tương ưng, vì mâu thuẫn với tánh.

Lại, phẩm tâm thiện tất tương ưng với căn thiện không si. Si tức là vô minh, không thể một tâm si, không si, cùng hiện hành. Như tham, không tham; sân, không sân v.v... đều không tương ưng. Không thể pháp chấp không cùng với si kết hợp. Vì nếu không có vô minh thì không có chấp điên đảo. Như chấp có ngã, nhất định có vô minh kết hợp. Đây cũng nên như thế.

Lại, các tâm thiện, tánh không mê chấp đều cùng thuận theo kiến giải vô ngã, như tín v.v... làm phương tiện trước cho pháp quán hai không. Không thể có pháp chấp dẫn đường cho pháp quán không, vì nơi chấp ngã chưa từng thấy sự việc này. Thế nên, tâm thiện hữu lậu, vô lậu quyết định không cùng với hai chấp vô minh, ái tương ưng, vì trái với giáo lý. Tất cả phẩm tâm dị thực, vô ký, cũng không có pháp chấp và vô minh v.v... Vì sức phân biệt yếu kém, nên không thể giữ lấy. Nếu có chấp điên đảo sẽ thành pháp ngã kiến, có thức A-lại-da cùng vô minh v.v... không phải chỉ cùng tương ưng với năm pháp. Thấy được vô minh v.v... đó là việc của tuệ v.v...

Lại, nếu thức này có chấp pháp, vì không có đối tượng huân tập, nên mỗi mỗi niệm đều mất hết, không cần pháp đối trị sẽ thành lỗi lầm lớn, vì trong phiền não chương không có sự việc này.

Lại, quán pháp không, khi mới hiện tiền, thức này nên đoạn chương, đối trị mâu thuẫn, không cùng đi với chúng.

Nếu như thế, bao nhiêu chủng tử hữu lậu còn lại tức nên không có nơi nương dựa, các công đức tu tập tức nên không huân tập, không thể nói huân tập nơi trí cảnh tương ưng với thức thanh tịnh, không phải là vô ký, cũng chưa chứng đắc.

Thức A-lại-da đã không có chấp pháp, thì quả dị thực trong chuyển thức còn lại cũng nên có tánh đồng loại như thế.

Ở trong năm thức cũng không có chấp pháp, vì không có dụng phân biệt mạnh mẽ, nhạy bén, vì không suy xét tìm tòi. Luận Nhiếp Đại Thừa nói: Tâm của chủ thể biến kế chỉ là ý thức. Nên biết năm thức không duyên nơi tự tánh của biến kế sở chấp. Như không có kiến giải phân biệt, không suy tìm, nên không thể chấp ngã, nên cũng không thể tính toán so xét về các pháp. Nhưng do ý thức chấp ngã, chấp pháp, dấy khởi ái, giận v.v... dẫn dắt năm thức, trong đó, các thứ ái, giận khởi hiện không thuộc về kiến chấp. Tuy không có kiến chấp nhưng vẫn có các pháp ái, giận, vô minh v.v..., nên thuộc về hai chương. Do đó, hai chấp phân biệt, suy tìm chỉ ở thức thứ sáu và thức thứ bảy. Nếu các thứ ái, giận v.v... không thuộc về kiến chấp, thì không suy tìm, cũng ở tại năm thức. Thể của phiền não chương như các thứ chấp ngã v.v... chỉ có trong hai tâm bất thiện, vô ký hữu phú. Nếu thể của sở tri chương như chấp pháp v.v..., thì cũng ở trong tâm vô ký vô phú, vì nơi bậc vô học của hàng Nhị thừa cũng hiện hành.

Nơi quả vị vô học không có bất thiện, vô ký hữu phú. Đây là căn cứ theo Nhị thừa gọi là vô phú. Nếu đối chiếu với Bồ-tát là nhiễm ô, cũng gọi là hữu phú, nên sở tri chương cũng gọi là vô phú, cũng gọi là hữu phú. Một thể hai tên, vì chỗ so sánh có dị biệt.

Trong phiền não chương có sở tri chương. Đó là chỗ nương dựa, tất chấp có pháp và chấp ngã, nên thể tuy không hai, nhưng dụng lại có khác. Như thể của một thức nhận lấy cảnh có nhiều dụng. Do thức này huân tập sinh ra một chủng tử, thể cũng có nhiều dụng. Khi khởi hiện tuy cùng khởi nhưng đoạn dứt thì dần dần, vì uy lực của đạo Thánh có giới hạn, mức độ. Nếu sở tri chương dựa theo Nhị thừa mà nói là vô ký vô phú. Trong bốn thứ vô ký, thuộc về vô ký nào? Thuộc về dị thực sinh, do từ thức dị thực sinh khởi. Nếu thể thì

vô ký nào không phải là dị thực sinh? Như duyên tăng thượng, ngoài ra, chỗ không thấu nhận đều thuộc về thức này. Oai nghi v.v... tâm không giữ vững, vì không phải là phổ biến, nên thể không có hai chương. Nếu trong tâm thiện, vô ký vô phú, không có chấp pháp, thì vì sao không thể thấu đạt pháp không? Cũng không có chấp ngã thì vì sao không thể thấu đạt sinh không?

Pháp chấp này vì đã cùng với chấp ngã trong thức thứ bảy kết hợp, nên không thấu đạt về sinh không. Cũng do đã cùng với chấp pháp trong thức thứ bảy kết hợp, nên cũng không thấu đạt về pháp không.

Đã giống như tướng phần, kiến phần mà khởi hiện, thì vì sao không gọi là thuộc về pháp chấp? Trí vô lậu v.v... của chư Phật và Bồ-tát cũng có hai phần, vì sao không phải là chấp? Thế nên tướng phần kiến phần của duyên sinh đều thuộc về pháp y tha khởi. Hoặc dựa nơi pháp y tha khởi này mà vọng chấp ngoài tâm. Hoặc nơi định tánh có mới gọi là chấp, nên chương sơ tri ở nơi thức thứ bảy, hiện hữu khắp cùng một lúc với tâm ba tánh của sáu thức, không phải là phẩm tương ưng.

Nên dùng sự tranh biện rộng, trở lại việc giải thích bản văn.

Tướng thanh tịnh: Nghĩa là bản tánh của chân như này luôn thanh tịnh, nhưng bị hai chương che lấp. Như hư không vốn tịnh, nhưng bị mây, khói v.v... phủ mờ, che ngăn, nên trông giống như là không tịnh sạch.

Đến khi chứng được đạo chân như xuất thế gian, mới dần trừ bỏ chủng tử hiện có của hai chương này, cũng như gió lớn thổi bạt hết các mây khói v.v..., khi Định kim cương dụng hiện tiền, thì lìa diệt hết chủng tử của tất cả chương, chứng được pháp giới thanh tịnh, hoàn toàn chuyển y, gọi là tướng thanh tịnh.

Như thế là đã hiển bày *Pháp giới thanh tịnh* trong năm pháp trước.

Có nghĩa: Đây là hiển bày về tự tánh và một phần tướng thanh tịnh của pháp giới, tức là phần của tự tánh trong sáu tướng, vẫn giải thích đồng như trước.

*** Kinh nói:**

“*Pháp trí, sở duyên kia
Tướng tự tại vô tận*”.

*** Luận nêu:** *Có nghĩa:* Đây là hiển bày về pháp của **Trí Đại viên cảnh**.

Tức tánh y tha khởi duyên nơi pháp trí cảnh, gọi là *Pháp trí*. Trí Đại viên cảnh cũng duyên nơi tánh y tha khởi của thể tục, hiện khởi hình bóng, nhưng không mê chấp hình bóng đó.

Đối tượng duyên (Sở duyên) kia: Kia, nghĩa là chân như, không phải kia là pháp trí, tuy lại có câu cách biệt, nhưng cách diễn đạt của nghĩa tương ưng, nên không có lỗi. Vì pháp trí dùng chân như làm đối tượng duyên, nên gọi *Đối tượng duyên kia*, không phải cho pháp trí là đối tượng duyên kia.

Trí Đại viên cảnh cũng duyên nơi tánh viên thành thật của thắng nghĩa, vì tận cùng biên vực sinh tử, nội chứng chân như. Đây là nói trí cảnh duyên nơi tự tướng, cộng tướng của tất cả pháp, vì tánh y tha khởi và tánh viên thành thật đều là cảnh. Còn biến kế sở chấp chỉ là chỗ chấp nơi tâm vọng của hàng phàm ngu, không phải là cảnh của Thánh trí, nên không nói là duyên.

Như trong luận nói: Biến kế sở chấp chỉ là cảnh của trí phàm phu. Tánh viên thành thật chính là cảnh của Thánh trí. Tánh y tha khởi cũng là cảnh của trí phàm phu, cũng là cảnh của trí Thánh. Biến kế sở chấp không có thể tánh, nên không phải là đối tượng chứng đắc của bậc Thánh. Nếu thế thì Thánh trí không nhận biết hết thấy.

Tánh biến kế sở chấp kia đã là không có, thì trí làm sao nhận biết được? Nếu biết là có thì thành điên đảo, nếu biết là không tức

không phải là biến kế sở chấp, vì tâm của tự tánh đã biến hiện, không thuộc nơi y tha khởi.

Lý của chân như không thuộc về viên thành thật, thế nên Thánh trí tuy nhận biết là có, không, nhưng không duyên nơi tự tánh của biến kế sở chấp kia làm cảnh.

Nói: *Tự tại*: Vì Trí Đại viên cảnh có được là nhờ tu tập sáu pháp đáo bỉ ngạn (Ba-la-mật) gồm đủ mười diệu dụng tự tại, không bị ngăn ngại.

Tướng vô tận: Là tận cùng biên vực sinh tử, vì thường còn, nối tiếp không gián đoạn.

Tướng: Nghĩa là tướng của đối tượng, hoặc tướng của chủ thể vì biểu thị cho tự thể.

Như thế là đã hiển bày chung về *Trí Đại viên cảnh* trong năm pháp trước.

Có nghĩa: Đây là hiển bày một phần của tự tánh. Bốn trí nơi quả vị Phật tức là một phần của tự tánh trong sáu tướng.

Pháp công đức hữu vi là Trí Đại viên cảnh, do lực đối trị chuyển biến, dứt bỏ hết thấy chỗ nương dựa thô trọng nơi thức A-lại-da, chuyển đặc tánh y tha khởi thanh tịnh, xa lìa các thứ tâm suy lường phân biệt. Đối tượng duyên, chủ thể duyên đều bình đẳng, bình đẳng không thể nêu bày. Vì pháp tánh duyên sinh không tăng, không giảm, nên nội chứng về hành tướng có thể biến hiện ảnh tượng của tất cả các pháp, vì đối với tất cả cảnh có khả năng soi sáng khắp, không phân biệt.

Nói chung, gọi là pháp trí, tức là Trí Bình đẳng tánh. Do lực đối trị chuyển biến, trừ bỏ các thứ chấp trước nơi chúng sinh và pháp nơi mặt-a thứ bảy, chuyển được tánh y tha khởi thanh tịnh, duyên nơi trí cảnh v.v... cùng pháp giới thanh tịnh bình đẳng, bình đẳng. Vì là hành tướng của nội chứng, nên gọi là trí.

Đối tượng duyên (Sở duyên) kia: Tức là hai trí còn lại. Do lực đối trị, chuyển biến loại trừ, nên sáu thức phân biệt của thế gian chuyển thành tánh y tha khởi thanh tịnh, hoặc xuất thế gian, hoặc thế gian, xuất thế gian.

Trí hậu sở đắc đó duyên nơi chân như và trí pháp v.v..., lấy tánh y tha khởi làm cảnh giới, không chấp phân biệt, giống như cảnh của đối tượng duyên hiện khởi, phân biệt về đối tượng chứng, chủ thể chứng tự bên trong. Vì dùng pháp trí của chân như đã nói trên kia làm đối tượng duyên, nên gọi là đối tượng duyên (sở duyên) kia.

Vì diệu dụng của bốn trí không ngăn ngại như thế, nên gọi là tự tại. Tận cùng biên vực sinh tử, thường dùng không dứt, nên gọi là vô tận. Trí Đại viên cảnh, Trí Bình đẳng tánh, vì thường không gián đoạn nên gọi là vô tận. Trí Diệu quan sát, Trí Thành sở tác, tuy có gián đoạn, nhưng vừa tác ý, tức có thể hiện tiền, thường khởi hiện không cùng, nên cũng gọi là vô tận.

Tướng: Nghĩa là tướng của thể đều từ duyên sinh, nên gọi là tánh y tha khởi thanh tịnh, đều không điên đảo nên gọi là thanh tịnh.

Tánh viên thành thật đều có nội chứng. Tác dụng soi chiếu cảnh giống như cảnh hiển hiện gọi là trí.

Các nghĩa như thế có thể biểu thị cho tự thể, nên gọi là tướng.

*** Kinh nói:**

*“Trí chân như hiện khắp
Tu tập chứng viên mãn”.*

*** Luận nêu:** Có nghĩa: Đây là hiển bày về **Trí Bình đẳng tánh**. Nghĩa là khi hiện quán trong Địa thứ nhất, chứng được Trí bình đẳng không phân biệt này. Quán chân như cùng tất cả bình đẳng. Về sau, nơi các địa lần lượt tu tập, chuyển biến tốt đẹp, càng trở nên thanh tịnh, cho đến Phật địa chứng đắc viên mãn, thanh tịnh rất ráo, chứng đạt pháp giới v.v... tất cả lý, sự thấy đều bình đẳng.

Như thế là đã hiển bày về *Trí Bình đẳng tánh* trong năm pháp trước.

Có nghĩa: Đây là chỉ rõ về tướng nhân trong sáu pháp. Nghĩa là trí không phân biệt trong Địa thứ nhất. Quán kiến đạo của pháp giới ban đầu, ba tâm đoạn, kiến đạo đoạn một trăm mười hai phiền não căn bản và phiền não tùy thuận. Cùng diệt trừ vô minh không nhiễm do kiến đạo đoạn, pháp chấp phân biệt nơi một phần rất thô hiển bày sự tăng trưởng nơi trí chủng của pháp giới lúc đầu.

Từ đây về sau, nơi hết thấy các địa, trong quả vị tu đạo, trí không phân biệt quán pháp giới khác là như như. Ở nơi tất cả pháp môn kia, trí gia hạnh như nghe, tư duy, tu tập v.v... lãnh vực phương tiện v.v... đều lần lượt tu tập.

Như thế, như thế, tùy chỗ ứng hợp, điều phục dần, tu tập đoạn trừ mười sáu phiền não và tùy phiền não, theo điều kiện thích ứng, diệt dần do tu đạo đoạn, pháp chấp của vô minh câu sinh không nhiễm.

Các phần còn lại đều làm sáng tỏ và tăng trưởng chủng tử của trí nơi pháp giới. Do chủng tử làm nhân, cho đến Phật địa chứng được bốn trí của pháp giới viên mãn.

*** Kinh nói:**

“*An lập chúng sinh, hai
Các chủng, quả vô tận*”.

*** Luận nêu:** *Có nghĩa:* Đây là hiển bày về *Trí Diệu quan sát*. Nghĩa là diệu trí này có thể vì các chúng sinh giảng nói pháp vi diệu.

Vì *an lập* lợi ích, an lạc cho *chúng sinh*, nên gọi là *hai*. Tức hai thứ này có nhiều phẩm loại, nên gọi là *các chủng*.

Hai sự việc như thế, cùng tận nơi biên vực sinh tử, hành tác không đoạn dứt, nên gọi là *vô tận*. Đây tức gọi là *quả*, là quả của trí.

Như vậy là đã làm rõ về *Trí Diệu quan sát* trong năm pháp trước.

Có nghĩa: Đây là hiển bày tướng của quả trong sáu pháp. Nghĩa là pháp giới thanh tịnh và bốn trí vi diệu đều có khả năng an lập lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh. Khiến tu tập nhân thiện, gọi là tạo lợi ích. Khiến đạt được quả vui thích, gọi là an lạc.

Lại, khiến lìa điều ác, gọi là tạo lợi ích. Khiến thân giữ điều thiện, gọi là an lạc.

Lại, cứu vớt dứt khổ gọi là tạo lợi ích. Ban cho niềm vui, gọi là an lạc.

Đời này, đời khác, thế gian, xuất thế gian v.v... nên biết cũng như thế.

Vì phẩm loại rất nhiều, nên gọi là các chủng. Vì tận cùng nơi đời vị lai, nên gọi là vô tận.

Các chủng, vô tận, hai sự việc như thế, là pháp giới thanh tịnh cùng quả của bốn trí đều do đây nên khởi hiện.

*** Kinh nói:**

*“Thân, ngữ và tâm hóa
Nghiệp phương thiện xảo”.*

*** Luận nêu:** *Có nghĩa:* Đây là hiển bày về **Trí Thành sở tác**. Nghĩa là trí có khả năng khởi tạo sự giáo hóa của thân, ngữ, tâm.

Trương xứng, thuận hợp với căn cơ, nên gọi là *thiện xảo*. Do gia hạnh không dứt, nên gọi là *phương tiện*. Đây tức gọi là *nghiệp*. Hoặc lại trí này có phương tiện thiện xảo có thể đẩy khởi ba nghiệp giáo hóa là *thân, ngữ và tâm*.

Như thế là đã hiển bày về *Trí Thành sở tác* trong năm pháp trước.

Có nghĩa: Đây là chỉ rõ về tướng của nghiệp trong sáu pháp. Nghĩa là pháp giới thanh tịnh và bốn trí vi diệu có thể khởi hiện ba nghiệp giáo hóa của thân, ngữ, tâm, cùng với nghiệp phương tiện

thiện xảo. Trí Thành sở tác khởi hiện ba thứ nghiệp giáo hóa của thân, ngữ, tâm. Trí Diệu quan sát thì khởi tạo nghiệp thiện xảo, vì quán căn cơ thích hợp là hết sức khéo léo. Hai trí còn lại và pháp giới thanh tịnh đều khởi hiện nghiệp phương tiện, vì có thể tự nhiên làm phương tiện cho tất cả nghiệp.

Thân giáo hóa có ba thứ:

(1) Tương ứng với tự thân: Nghĩa là tự thân biến hóa thành vô số hình tướng, chủng loại như Luân vương v.v... và thể hiện vô số những sự việc về bản sinh.

(2) Tương ứng với thân khác: Nghĩa là biến hóa Ma vương làm thân Phật v.v..., biến hóa Tôn giả Xá-lợi-tử thành Thiên nữ v.v... Dựa nơi thân người khác, thị hiện vô số hình loại biến hóa.

(3) Tương ứng với không phải thân: Nghĩa là biến hiện đại địa thành bảy thứ châu báu v.v... Hoặc hiện vô lượng hóa thân Phật v.v... Hoặc phóng hào quang soi chiếu vô biên thế giới.

Các loại như thế, lia ngoài tự thân và tha thân, hóa hiện riêng các sắc nơi vô số hình loại về hữu tình và phi tình, cùng các sự kiện chấn động đại địa, phóng hào quang, gió thoảng đưa hương v.v... đều nhằm tạo lợi ích an lạc cho các hữu tình, tất cả đều gọi là nghiệp thân giáo hóa của Phật.

Ngữ giáo hóa cũng có ba thứ:

(1) Tương ứng với tự thân: Nghĩa là tự thân Phật hóa hiện Phạm âm, nói nêu khắp vô biên thế giới v.v... với vô số nghiệp ngữ.

(2) Tương ứng với thân khác: Nghĩa là khiến các đại đệ tử Thanh văn v.v... dùng Phạm âm của Phật, diễn nói các pháp Đại thừa thâm diệu. Thế nên, Thanh văn và các Bồ-tát giảng nói không phải là phần pháp thâm diệu của mình, đều do Như Lai biến hóa tạo ra, không phải do tự lực của các Thanh văn, Bồ-tát.

(3) Tương ứng với không phải thân: Nghĩa là hóa ra các loại như núi, biển, cỏ cây v.v... cho đến hư không, cũng phát ra âm thanh điển nói pháp Đại thừa v.v... Như thế, đều gọi là nghiệp ngữ giáo hóa.

Tâm giáo hóa chỉ có hai:

(1) Tương ứng với tự thân: Nghĩa là trên tự tâm, hóa hiện vô số các thứ ảnh tượng của tâm và tâm pháp có sai biệt.

(2) Tương ứng với thân khác: Nghĩa là khiến tâm người khác cũng hóa hiện vô số các thứ ảnh tượng tâm và tâm pháp có sai biệt. Tướng phần này cùng giống với kiến phần đã hiện ra.

Có nghĩa: Do lực của định nên có thể khiến tự tâm nhận hiểu không phải là phân pháp, gọi là tự tâm hóa hiện. Gia bị cho hữu tình, khiến kẻ ngu muội có thể hiểu được pháp sâu xa, vi tế, khiến người mất chánh niệm có được nhớ nghĩ đúng đắn, gọi là tâm người khác hóa hiện. Nhưng tâm không hóa hiện, vì không có hình chất, như Luận nói: “Tâm không có hình tướng nên không thể biến hóa”.

Lại nói: Hóa thân không có tâm, tâm pháp.

Đây là căn cứ vào hàng Nhị thừa và định lực của hàng phàm phu mà nói. Sức định đó rất yếu kém, không thể hóa hiện pháp không có hình chất. Định lực của chư Phật, Bồ-tát là không thể nghĩ bàn, nên đều có khả năng hóa hiện được hết thảy. Vì nếu không như thế thì làm sao Đức Như Lai hóa hiện được tham, giận v.v...? Làm thế nào hàng Thanh văn và bần sinh v.v... biết được tâm của Như Lai? Làm sao như kinh nói: Hóa hiện vô lượng chủng loại, đều khiến có tâm? Làm sao như trên đây đã nói: Các nghiệp ý hóa hiện? Làm sao như kinh nói: Có tâm y tha? Chỉ vì các sắc hóa hiện đều đồng với sắc thật, căn hóa hiện cùng với tâm, chỉ có tướng hiện khởi, không đồng với tác dụng thật.

Lại, căn cứ vào chủng loại thấp nên nói lời ấy. Nếu thế, thì vì sao không hóa hiện loại phi tình, khiến tâm cùng hiện khởi? Phi tình đã là tướng phần của tâm v.v... thì sao lại khiến có tâm cùng hiện?

Nếu tâm cùng hiện khởi thì gọi là hữu tình, không phải thuộc về phi tình. Thế nên tâm hóa hiện chỉ nói có hai thứ, như trước đã nói.

Trí Diệu quan sát có khả năng quán tự chứng đắc môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa v.v..., có thể quan sát căn cơ, tánh tham dục v.v... của hữu tình, giảng nói thuốc pháp vi diệu, gọi là nghiệp thiện xảo.

Hai trí còn lại và Pháp giới thanh tịnh làm nơi nương dựa cho các công đức, có khả năng khởi hiện vô số các việc lợi ích cho hữu tình, gọi là nghiệp phương tiện.

*** Kinh nói:**

“*Định cùng môn Tổng trì
Vô biên hai thành tựu*”.

*** Luận nêu:** Có nghĩa: Tụng này hiển bày về **Công đức quyền thuộc thuộc về bốn trí**.

Có nghĩa: Đây là làm rõ về tương ứng trong sáu thứ tướng.

Môn Định: Tức là tám vạn bốn ngàn môn Tam-ma-địa. *Môn Tổng trì:* Tức là tám vạn bốn ngàn môn Đà-la-ni. Hai thứ như thế sinh khởi chung tất cả công đức hữu vi, hiển bày chung về hết thảy công đức vô vi, dẫn phát chung các tác dụng của thần lực, tạo các lợi ích cho chúng sinh, nên gọi là *môn*.

Vô biên hai: Là phước đức, trí tuệ, là hai thứ trang nghiêm, trong đó, sai biệt có vô lượng thứ. Tám vạn bốn ngàn phước đức, trí tuệ là do tu tập, hoàn thành trong vô lượng kiếp, nên nói là vô biên.

Năm Ba-la-mật-đa trước gọi là phước đức, năm Ba-la-mật-đa sau gọi là trí tuệ. Hoặc tùy thuận chỗ ứng hợp nơi tự tánh quyền thuộc, nên mỗi mỗi thứ đều có đủ cả hai.

Hai môn như thế là hai thứ trang nghiêm. Trong bốn phẩm trí, mỗi mỗi thứ đều đầy đủ, luôn tương ứng với nhau, cũng lại dựa vào pháp giới thanh tịnh không cùng lia bỏ, nên gọi là *thành tựu*.

*** Kinh nói:**

“*Pháp tự tánh, thọ dụng
Biến hóa, chuyển sai biệt*”.

*** Luận nêu:** Có nghĩa: Ở đây là nêu rõ về **Năm pháp tạo thành ba thân có sai biệt**.

Có nghĩa: Đây là hiển bày về tướng sai biệt trong sáu thứ tướng. Tuy các Đức Như Lai đều dựa vào pháp giới thanh tịnh, thể tánh không có sai biệt, nhưng có vô số các thứ tướng của ba thân được chuyển biến dị biệt, không đồng, nên gọi là sai biệt.

Pháp tự tánh: Tức là thân tự tánh ban đầu của Như Lai. Thể là thường, không biến đổi, nên gọi là tự tánh. Vì dựa vào các pháp công đức như mười lực, bốn pháp vô sở úy v.v..., nên cũng gọi là Pháp thân.

Thọ dụng: Là thân thọ dụng kế tiếp, có thể khiến mình, người đều được thọ dụng vô số pháp lạc lớn.

Biến hóa: Tức là thân biến hóa sau, vì muốn đem lại lợi ích an lạc cho chúng sinh, nên thị hiện vô số sự biến hóa.

Nghĩa của thể, nghĩa của nương dựa, nghĩa tích tụ các đức, gọi chung là thân.

Như thế là giải thích tóm lược về danh nghĩa của ba thân.

Lại, *Pháp thân:* Là chuyển y rốt ráo lấy chân như làm tướng, là chỗ dựa cho hết thảy pháp Phật bình đẳng, có thể khởi hiện những tác dụng tự tại, hết thảy sức tăng thượng của pháp trắng được hiển bày, tất cả tự tánh bình đẳng của Như Lai là vi diệu, khó lường xét, vì đã diệt trừ mọi phân biệt, chấm dứt các thứ hý luận, nên Khế kinh nói: Pháp thân của chư Phật là không nên tầm tư, vì không phải là cảnh giới của tầm tư, siêu việt trên tất cả tầm tư, hý luận.

Thân thọ dụng: Là thấu nhận hết thấy công đức viên mãn làm tướng, tất cả pháp Phật cùng chỗ tập thành, có thể đầy khởi những tác dụng tự tại, tất cả pháp trắng được tăng thượng đã khởi hiện. Tất cả Như Lai đều có tự thể riêng biệt vi diệu, khó lường xét, trụ nơi cõi nước thuần tịnh, trong lặng tự nhiên, cùng tận nơi đời vị lai, tự thọ nhận pháp lạc, hiện bày các thứ hình tướng, giảng nói đủ các thứ pháp, khiến các Đại Bồ-tát cũng thọ nhận pháp lạc.

Thân biến hóa: Là dùng tất cả thân biến viên mãn làm tướng, tất cả tác dụng biến hóa cùng hợp thành, thị hiện những tác dụng tự tại, tất cả sức tăng thượng nơi pháp trắng đã dẫn phát. Tất cả Như Lai đều có tác dụng biến hóa riêng, vi diệu, khó lường xét, trụ nơi cõi nước thanh tịnh hay cấu uế, hóa hiện vô số hình tướng, giảng nói đủ các thứ pháp, làm thành thực các Bồ-tát ở quả vị dưới, hàng Nhị thừa cùng chúng phàm phu, khiến nhập nơi cảnh giới Đại thừa, xuất ly ba cõi, thoát khỏi các nẻo ác.

Như thế là đã giải thích tóm lược về tướng, dụng của ba thân.

Lại, năm pháp trước gồm thân ba thân. Có nghĩa: Hai pháp trước gồm thân thân tự tánh, hai pháp giữa gồm thân thân thọ dụng, Trí Thành sở tác gồm thân thân biến hóa.

* **Kinh nói:** “*Chân như là Pháp thân*”.

* **Luận nêu:** Chuyên biến, trừ bỏ thức A-lại-da, được thân tự tánh. Trí Đại viên cảnh chuyển từ thức thứ tám mà được. Nên biết, hai thức trước gồm thân thân tự tánh. Trong kinh này nói: Trí Thành sở tác khởi hiện các nghiệp biến hóa.

Luận Trang Nghiêm nêu: Trí Thành sở tác đối với tất cả cảnh giới, phát khởi vô lượng sự việc biến hóa khó nghĩ bàn, nên biết một thức sau là gồm thân thân biến hóa.

Trí Bình đẳng tánh như nơi luận khác nói: Có khả năng ở nơi Tịnh độ, theo chỗ ưa thích của các Bồ-tát, thị hiện vô số thân Phật.

Trí Diệu quan sát cũng như luận nói: Nơi Đại tập hội, có thể hiện hết thấy tác dụng tự tại, thuyết pháp, đoạn trừ nghi.

Lại nói: Chuyển biến, trừ bỏ các chuyển thức, nên được thân thọ dụng. Do đây nên biết hai thứ giữa gồm thân thọ dụng.

Lại, ba thân của Phật đều thuộc về trí thù thắng trong mười nghĩa. Nên biết, ba thân đều được xem là có trí.

Có nghĩa: Thức thứ nhất gồm thân thọ dụng tự tánh, tương ứng với tự tánh của bốn trí cùng có và Bồ-tát trên địa đã hiện bày một phần tướng vi tế gồm thân thọ dụng. Nếu là các Bồ-tát v.v... trước địa đã hiện bày một phần tướng thô hóa dụng gồm thân thọ dụng biến hóa.

Các kinh đều nói: “Chân như thanh tịnh là Pháp thân”.

Luận Tán Phật nói: “Pháp thân của Như Lai là không sinh, diệt”.

Luận Trang Nghiêm nêu: “Thân tự tánh của Phật, bản tánh là thường trụ”.

Luận Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã nói: “Thọ trì, diễn nói công đức của kinh kia là nhân chứng đắc Pháp thân Phật. Nơi hai thân còn lại là nhân sinh khởi”.

Các Kinh, Luận đều nói: “Chuyển y rốt ráo tức là Pháp thân. Chuyển y là chân như thanh tịnh, không phải là đạo đối trị. Nên biết Pháp thân chỉ lấy chân như của pháp giới thanh tịnh làm tánh”.

Luận Trang Nghiêm nói: “Trí Đại viên cảnh là thọ dụng của Phật”.

Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Chuyển các chuyển thức, được thân thọ dụng. Nhưng nói chuyển đổi, trừ bỏ thức A-lại-da nên được Pháp thân, đó là nói chuyển bỏ chủng tử của hai chướng trong thức thứ tám, hiển bày được Pháp thân của chuyển y thanh tịnh, không phải nói đến trí cảnh, do đã nói trí cảnh là thọ dụng”.

Lại nữa, thân thọ dụng lược nêu có hai thứ:

(1) Tự thọ dụng: Thân này do tu tập trong ba vô số kiếp mới được thành tựu.

(2) Tha thọ dụng: Là các Bồ-tát thọ nhận pháp lạc, thế nên bốn trí tương ưng cùng có và một phần hóa hiện làm thân thọ dụng. Kinh, Luận đều nói: Hóa thân là hiện ra các thứ hình tướng cho chúng sinh trước địa. Đã là cảnh giới của chúng sinh trước địa, nên biết không phải là công đức chân thật, chỉ là dụng của biến hóa.

Kinh, Luận chỉ nói Trí Thành sở tác có khả năng khởi hiện nghiệp biến hóa, không phải là hóa thân. Tuy là ba thứ thân, nhưng thuộc về trí thù thắng, vì Pháp thân là chỗ dựa của trí để chứng đắc. Hóa thân là diệu dụng được phát khởi của trí, vì giống như trí hiện bày, nên giả nói là trí, cũng không có lỗi.

Ba thân như thế thì thân thọ dụng, biến hóa đã có sinh, diệt, thế sao kinh nói: Thân của chư Phật là thường trụ? Vì do hai thân đã dựa nơi Pháp thân là thường còn.

Lại, thân thọ dụng và thân biến hóa tuy có sinh, diệt, nhưng luôn thọ dụng pháp lạc không dừng, nên đối với mười phương thế giới thường xuyên hiện khởi, biến hóa không đoạn dứt. Như thường thọ nhận an lạc, như thường bố thí thức ăn nên gọi là thường.

Luận Trang Nghiêm nêu: “Thường có ba thứ: (1) Thường của bản tánh: Nghĩa là thân tự tánh. Vì tánh của thân này xưa nay là thường trụ. (2) Thường do không đoạn: Nghĩa là thân thọ dụng, vì luôn thọ nhận pháp lạc không gián đoạn. (3) Thường do nối tiếp: Nghĩa là thân biến hóa, mất rồi lại hiện ra, biến hóa không cùng tận”. Thế nên, Pháp thân tuy đã lia tất cả phân biệt, hý luận, nhưng không sinh, diệt, nên gọi là thường. Hai thân kia tuy có niệm niệm sinh diệt, nhưng do dựa vào thân thường không gián đoạn, luôn nối tiếp nên gọi là thường.

Kinh nói: Các pháp như sắc, thọ v.v... của Như Lai hết thảy đều thường trụ. Dựa nơi đạo lý này nên không phải là không sinh, diệt, vì

đã sinh khởi từ chủng tử vô lậu, tu tập tăng trưởng. Sinh là đều diệt hoàn toàn, vì sắc tâm đều thấy là vô thường. Sắc, tâm thường trụ là từng chưa thấy.

Ba thân như thể, hình lượng thể nào? Pháp thân lấy chân như thanh tịnh làm thể. Chân như tức là thật tánh của các pháp. Pháp đã không biên vực, thì Pháp thân cũng thể, hiện hữu khắp nơi tất cả pháp, nơi nào cũng có. Cũng như hư không, không thể nói về hình lượng lớn nhỏ. Căn cứ theo tướng mà nói là hiện hữu khắp tất cả xứ.

Thân thọ dụng: Là có sắc và phi sắc. Phi sắc là các pháp không có hình chất nên cũng không thể nói về hình lượng lớn nhỏ. Nếu căn cứ vào chỗ thân nương dựa và cảnh của đối tượng được nhận biết, cũng có thể nói là hiện hữu khắp tất cả nơi chốn.

Sắc có hai thứ: (1) Sắc thật. (2) Sắc biến hóa.

Sắc thật: Là trải qua ba vô số kiếp, do nghiệp tu tập, chiêu cảm được sắc thân với các tướng tốt v.v... Chuyển biến sắc thân hữu lậu như năm căn v.v... được sắc tướng như năm căn v.v... vô lậu của Phật, với vô lượng tướng tốt trang nghiêm. Thân Phật hiện hữu khắp pháp giới, tương xứng với cõi nước thanh tịnh chân thật. Ở trong sinh tử nghiệp có phần hạn. Thức A-lại-da đã biến hiện thân hình lớn nhỏ không nhất định.

Lại như người của châu Thiệm-bộ nơi cõi này, vì nghiệp thiện quá kém nên sắc thân đạt được dài nhất là bốn khuỷu tay. Nghiệp thiện của người thuộc châu Đông thắng thân hơn một bậc, nên thân dài là tám khuỷu tay. Nghiệp thiện như thế dần dần thêm hơn, nên đã được sắc thân với hình lượng lớn dần. Cho đến trời Sắc cứu cánh nơi cõi Sắc, vì chiêu cảm được sự thù thắng tốt bậc trong nghiệp sắc, nên được sắc thân dài khoảng một vạn sáu ngàn du-thiện-na. Bồ-tát mười địa vì được huân tập, nuôi dưỡng do căn

thiện vô lậu, nên thân hình được chuyển theo hướng lớn dần, như kinh đã nói rộng.

Khi Định kim cương dụ hiện tiền, tức diệt trừ các chướng, nên uy lực của căn thiện lượng là vô biên, chứng được sắc thân sung mãn pháp giới, hiện hữu khắp tịnh độ chân thật.

Vì Trí Đại viên cảnh tương ưng với thức thanh tịnh, nên đã biến hiện thân và cõi nước không hạn lượng. Thức của chư Phật biến hiện cùng nơi, cùng lúc. Tướng ấy giống nhau, không cùng gây chướng ngại, tận cùng nơi đời vị lai, không gián đoạn.

Dựa vào thức thanh tịnh ấy, nên có thể khiến chư Phật thọ dụng sự vui mừng, an lạc rộng lớn, vì thế gọi là thân, cõi thọ dụng.

Thân, cõi như thế, chỉ có Phật mới nhận biết, không phải là đối tượng được chứng đắc của Bồ-tát tại năm căn. Mỗi mỗi sắc căn có khả năng chứng đạt tất cả cảnh giới đã thọ nhận, không chướng ngại. Do đó, từ tướng vô kiến đánh của chư Phật phát ra vô biên pháp âm, tất cả tác dụng của sắc căn đều không giới hạn, do hiện bày đầy khắp.

Sắc biến hóa: Là do nguyện lực của bi, vì các chúng Bồ-tát nhập nơi địa lớn, nên đã biến hóa các thứ thân, các thứ tướng tốt đẹp, các thứ tiếng nói, dựa vào các cõi nước, với hình tướng, số lượng không nhất định.

Thân biến hóa cũng là do nguyện lực của bi, vì nhằm giáo hóa các hữu tình trước địa, nên đã hiện thân biến hóa chung cho sắc, phi sắc. Phi sắc tức là nghiệp ý biến hóa, tướng của các công đức như mười lực, bốn pháp vô sở úy. Vì không hình chất nên không có hình thể, dung lượng. Sắc, là nghiệp ngữ của thân biến hóa v.v... tùy thời, tùy xứ, tùy sự thích hợp nơi mọi người nên biến hiện thân hình với số lượng không nhất định, như kinh đã nói rộng.

Ba thân như thế nơi tất cả Như Lai là có sai biệt hay không sai biệt? Tánh thật của Pháp thân, hết thảy Như Lai đều cùng có, nên không có sai biệt. Căn cứ theo nhân của chủ thể chứng đắc thì có sai biệt, nên giả nói là sai biệt. Hai thân còn lại đều chiêu cảm với nhân riêng, đều có tự tánh riêng, nên thật có sai biệt. Chỉ là không giữ lấy riêng, đồng xứ, tương trợ với sự nghiệp tạo lợi ích an vui, ý lạc đều bình đẳng, nên nói là không sai biệt. Vì vậy nói: Tất cả chư Phật do nơi nương dựa là pháp giới không sai biệt, nên tạo được ý lạc nơi sự nghiệp, đối với ba thứ thân, theo như thứ lớp nói là không sai biệt, nên lợi lạc theo ý lạc không sai biệt, do đầy tạo tác, hành hóa không sai biệt.

Ba thân như thế, mỗi thân đều có các công đức riêng biệt chăng? Pháp thân thanh tịnh của Như Lai lấy chuyên y của chân như làm tướng, là điều thiện chân thật, có bản tánh thanh tịnh, vì xa lìa tất cả pháp tạp nhiễm, là nơi nương dựa của hết thảy công đức, là tánh chân thật của các thứ công đức, nên gọi là đầy đủ tất cả công đức, không có công đức của sắc, tâm sai biệt. Thân thọ dụng của Phật đầy đủ tất cả công đức chân thật của các pháp như sắc, tâm, và vì người khác hiện bày công đức của tướng biến hóa. Thân biến hóa của Phật chỉ gồm đủ các công đức hiện bày nơi tướng biến hóa của sắc, tâm v.v... Thế nên, ba thân đều nói là gồm đủ số lượng công đức vượt hơn số cát sông Hằng.

Tất cả Như Lai đã hóa độ các hữu tình là chung hay không chung?

Nghĩa là đều chung: Do mỗi mỗi Đức Phật đều có thể hóa độ hết thảy hữu tình, tất cả phước đức, trí tuệ đều bình đẳng, siêng năng tu tập hạnh nguyện trong ba vô số kiếp, đồng vì cứu vớt tất cả chúng sinh, cầu đạt Bồ-đề. Như nói: “Một Đức Phật hóa độ hữu tình, tức là tất cả chư Phật hóa độ”.

Nghĩa là không chung: Do các loài hữu tình là đối tượng được hóa độ của Phật, vốn cùng hệ thuộc. Thế nên, vào thời Phật Đê-sa,

Như Lai đã cùng với Đức Từ Thị làm đệ tử Phật ấy. Phật Đê-sa quán xét hữu tình được Đức Thích-ca giáo hóa, căn thiện thành thực trước, còn căn thiện của các hữu tình do Đức Từ Thị hóa độ thì thành thực sau.

Lại, Phật Đê-sa quán nhân hành của Đức Từ Thị viên mãn trước, còn Đức Thích-ca thì viên mãn sau. Bèn ở một xứ, Đức Như Lai Đê-sa nhập định Hỏa quang, khiến Đức Thích-ca trông thấy, suốt bảy ngày bảy đêm không rời khỏi một bước, dùng một bài tụng tán thán nên Đức Thích-ca đã vượt qua và thành Phật trước Đức Từ Thị.

Lại, khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, đã nói như thế này: “Những người đáng được hóa độ, Ta đã hóa độ xong”.

Lại, như Khế kinh nói: Khi sắp nhập Niết-bàn, Đức Phật quán một nơi chốn đã được hóa độ trong hiện tại, là xứ Phi tướng phi phi tướng. Hữu tình sẽ sinh vào cõi ấy để nhận sự hóa độ của Phật, nên đã để lại một hóa thân ở ẩn trong cõi này. Thân hiện nhập Niết-bàn là thân đã được thọ nhận từ trước. Người từ xứ Phi tướng phi phi tướng mất đi và sinh vào cõi này. Hóa thân của Đức Phật đã lưu lại sẽ giảng nói pháp vi diệu, khiến kẻ kia thành tựu quả vị A-la-hán, bấy giờ, hóa thân ấy mới mất hẳn, không hóa hiện nữa.

Lại, nhiều nơi trong các kinh đều nói rõ chủ thể giáo hóa và đối tượng giáo hóa đều quyết định hệ thuộc nhau. Do đó, sự giáo hóa của chư Phật là không chung.

Về nghĩa như thật: Thì có chung và không chung. Từ thời vô thỉ đến nay, chúng tánh nơi pháp như thế lại hệ thuộc nhau. Hoặc nhiều hệ thuộc một. Hoặc một hệ thuộc nhiều. Khi nhân của Bồ-tát tạo mọi thành thực cho các hữu tình cũng không quyết định là chung, hoặc là không chung, nên thành Phật rồi, hoặc hóa độ chung, hoặc hóa độ riêng.

Nếu chúng sinh được hóa độ hoàn toàn là chung, thì đâu cần nhiều Đức Phật. Một Đức Phật có thể hóa độ tất cả chúng sinh. Chỉ nên có một Đức Phật thường trụ nơi thế gian giáo hóa chúng sinh, còn các Đức Phật khác thì nên vĩnh viễn nhập Niết-bàn. Đức Phật cũng không nên hóa độ các chúng sinh còn lại, khiến hướng về Đại thừa, do không hữu dụng, chỉ nên hóa độ các chúng sinh kia khiến đạt được ba Thừa, vĩnh viễn nhập tịch diệt, vì dễ chứng đắc.

Vậy ai là người có trí, hãy bỏ dễ theo khó, là đốt đèn hỗ trợ cho mặt trời? Thế nên, đối tượng được hóa độ không phải hoàn toàn là chung. Nếu chúng sinh được hóa độ hoàn toàn là không chung, thì Bồ-tát không nên phát thệ nguyện rộng lớn, phụng sự trải qua nhiều chư Phật, tu học Tô-đạt-na v.v... của Đại thừa, cũng không nên gàn gũi nhiều bậc tri thức thiện, chư Phật, chẳng nên đem những gì mình đã hóa độ để giao phó dẫn dò Đức Phật sau.

Những sự việc như thế thấy đều là mâu thuẫn. Vì vậy không nên cho toàn bộ là không chung. Tuy mỗi mỗi Đức Phật đều có công năng hóa độ tất cả hữu tình, nhưng các hữu tình nếu không có duyên với Đức Phật thì chắc họ không thể thọ nhận sự hóa độ, họ cũng không thấy, nghe. Tuy mỗi mỗi Đức Phật đều gắn bó tận cùng nơi đời vị lai, thường trụ ở thế gian, giáo hóa vô lượng các loại hữu tình, thuận theo căn cơ thích hợp hiện vô số các thứ để hóa độ. Hoặc hiện đẳng giác, hoặc hiện Niết-bàn, hoặc gọi là Thích-ca, hoặc gọi là Từ Thị v.v... Theo một tướng hóa hiện nơi các hữu tình được hóa độ để nói là đều đã hóa độ xong.

Người sinh nơi xứ phi tướng, cần phải trông thấy tướng hóa độ của Đức Phật Thích-ca mới được hóa độ, nên Đức Phật đã lưu lại hóa thân để chờ đợi, cũng không mâu thuẫn. Nếu các Như Lai đồng một đối tượng được hóa độ, thì Đức Phật nào hiện tiền để hóa độ chúng sinh kia? Vì chư Phật đều có nguyện lực của bi, nên không thể một lần hóa độ, các lần khác đều ngừng nghỉ. Chỉ do có

duyên với Phật, đồng xứ, đồng thời, trên trí hậu đắc đều hiện một lần hóa độ.

Trạng thái đó tương tự nên không chướng ngại nhau. Lại cùng hòa hợp đan xen làm duyên tăng thượng, khiến thức của chúng sinh được hóa độ biến hiện như vậy. Nghĩa là trông thấy một Đức Phật, hiện thân thông hay giảng nói chánh pháp cho mình. Những sự việc như thế v.v... là không thể nghĩ bàn, không phải là lý duy thức thì không thể hiểu rõ.

Lại, thân tự tánh tịch diệt, an lạc, chính là thuộc về công đức lợi mình, là duyên tăng thượng cho việc tạo lợi ích nơi chúng sinh, nên gồm cả việc lợi người. Hơn nữa, hai thân cùng làm lợi, vì đều là nơi nương dựa của công đức, thuộc về hai thứ lợi.

Thân thọ dụng có đủ hai phần:

(1) Phần tự thọ nhận pháp lạc: Nghĩa là trong ba vô số kiếp, tu tập hạnh lợi mình đầy đủ, đã chứng đắc thân thật như các sắc v.v..., khiến tự thọ dụng hỷ lạc vi diệu.

(2) Phần kẻ khác thọ nhận pháp lạc: Nghĩa là tu tập hạnh lợi người đầy đủ trong ba vô số kiếp, đã chứng đắc hóa thân như các sắc v.v..., vì nhập vào các chúng Bồ-tát thuộc địa lớn, hiện vô số các thứ hình tướng, giảng nói các thứ pháp, khiến các Bồ-tát thọ nhận pháp lạc lớn. Do hai phần ấy, hoặc nói thân này chỉ thuộc về tự lợi, hoặc nói thân này chỉ thuộc về lợi tha, hoặc nói thuộc về cả hai, đều không mâu thuẫn.

Thân biến hóa chỉ vì lợi tha, hiện các tướng hóa độ, nên thuộc về lợi tha.

Ba thân như thế có bốn phần, được nêu dẫn trong bốn trường hợp:

(1) Thọ dụng không phải là Biến hóa: Nghĩa là phần tự lợi nơi thân thọ dụng thật.

(2) Biến hóa không phải là Thọ dụng: Nghĩa là thân biến hóa, vì hóa độ cho nhiều loại chúng sinh thuộc hàng trước địa, hoặc thô, hoặc diêu, hoặc khiến hoan hỷ, hoặc khiến sợ hãi, đổi thay không nhất định, chỉ gọi là biến hóa, không gọi là thọ dụng, vì không cần khiến thọ nhận pháp lạc hiện tại.

(3) Cũng Thọ dụng cũng Biến hóa: Nghĩa là các Bồ-tát trên địa đã hiện vô số hóa thân, khiến các Bồ-tát được thọ nhận pháp lạc, thuận theo thời gian đổi thay chuyển biến không quyết định.

(4) Không phải là Thọ dụng cũng không phải là Biến hóa: Là thân tự tánh.

Hoặc có chỗ nói Phật có hai thứ thân:

- (1) Sinh thân.
- (2) Pháp thân.

Hoặc thân tự tánh, hoặc thân thọ dụng thật, đều gọi là pháp thân, là chỗ nương dựa của các pháp công đức, là nơi chốn tích tập hợp thành của các pháp công đức. Hoặc thân biến hóa, hoặc tha thọ dụng, đều gọi là sinh thân, vì tùy chỗ thích ứng của chúng sinh nên thường hiện thọ sinh.

Lại nữa, kinh khác nói: Có mười loại Phật:

- (1) Phật hiện đẳng giác.
- (2) Phật thế nguyện rộng lớn.
- (3) Phật dị thực của nghiệp.
- (4) Phật trụ trì.
- (5) Phật biến hóa.
- (6) Phật pháp giới.
- (7) Phật tâm.
- (8) Phật định.

(9) Phật bản tánh.

(10) Phật tùy thuận an lạc.

Năm loại Phật trước thuộc về Thế tục. Năm loại Phật sau thuộc về Thắng nghĩa. Tùy thuận nơi chốn ứng hợp nên thuộc về ba thân. Các loại như vậy v.v... theo tướng nên biết.

*** Kinh nói:**

*“Pháp giới tịnh như thế
Điều chư Phật đã nói”.*

*** Luận nêu:** Pháp giới thanh tịnh của Như Lai như thế là chư Phật đồng nói.

Phật Địa đầy đủ năm thứ công đức nơi ba thân có sai biệt. Hoặc nghĩa tướng của sáu câu như tự tánh v.v...

Do bốn tụng này lược nói về tất cả công đức của Phật Địa, cùng như trước đã nói rộng, nên biết gọi chung là **Thánh giáo đã nêu giảng**.

*** Kinh nói:** *“Bấy giờ, Đức Bạc-già-phạm giảng nói kinh này xong. Đại Bồ-tát Diệu Sinh v.v... các Đại Thanh văn, các chúng trời, người, A-tổ-lạc v.v... ở thế gian cùng tất cả đại chúng, nghe Phật thuyết giảng, đều vô cùng hoan hỷ, tin nhận, phụng hành”.*

*** Luận nêu:** Đoạn này là hiển bày về chúng hội nghe pháp, **Y theo giáo pháp phụng hành**.

Do tâm bi và thệ nguyện nơi thức thanh tịnh của Phật đã dẫn phát, biến hiện tương tự diệu lực nơi duyên tăng thượng của Khế kinh, lúc ấy căn thiện trong tự tâm của chúng hội đều được thành thực, giống như tướng Phật hiện bày. Nghĩa là nghe Phật giảng nói đều sinh tâm hoan hỷ, tin nhận, phụng hành.

Các Thanh văn v.v... hoặc do biến hiện hóa ra, hoặc là chân thật, hai cõi Thọ dụng và Biến hóa đồng một xứ.

Đại chúng nghe pháp, chỗ nghe tuy đồng nhưng kiến giải đều khác, nhưng không gây chướng ngại nhau: Trên cũng thấy dưới, dưới không thấy trên, nhưng đều thành tựu sự việc lợi ích an lạc.

*Các câu, nghĩa thâm diệu Phật Địa
Nay con theo phần đã lược giải
Công đức thí khắp các quần sinh
Nguyện sớm cùng thành quả vô thượng.
Những ai viết chép được sinh phước
Sau được quả Đẳng lưu thắng thiện
Mong đây nối tiếp tận vị lai
Lợi ích, an lạc các hàm thức.*

HẾT - QUYỂN 7

SỐ 1531/2
**LUẬN KINH VĂN THÙ SỰ LỢI BỒ TÁT
VĂN BỒ ĐỀ**

(Còn có tên là: **LUẬN KINH GIÀ DA SƠN ĐẢNH**)

*Tác giả: Bồ tát Thiên Thân.
Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Đại sư Bồ Đề Lưu Chi.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỀN THƯỢNG

*Thấy chúng sinh bị phiền não buộc
Phát nguyện Bồ-đề để cứu độ
Chánh giác, từ bi tôn như thế
Đảnh lễ tạo Luận giải thích Kinh.
Luận con hay dứt oán phiền não
Cứu hộ các cõi, đoạn đường ác
Hai thứ lợi tối thắng như vậy
Tất cả luận ngoại đạo không có.*

Kinh này gồm có **9** phần:

Phần 1: Tựa (Mở đầu).

Phần 2: Đệ tử thành tựu đáng được nghe.

Phần 3: Tam-muội.

Phần 4: Chủ thể quán thanh tịnh.

Phần 5: Pháp của đối tượng được quán xét.

Phần 6: Phát khởi.

Phần 7: Giảng nói.

Phần 8: Uy lực công đức của Bồ-tát.

Phần 9: Hành của Bồ-tát có sai biệt.

*

Phần 1 và 2: Mở đầu - Đệ tử thành tựu đáng được nghe.

*** Kinh nói:** “Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Bà-già-bà đang trụ tại ngôi tháp nơi đỉnh núi Già-da, thuộc thành Già-da khi mới chứng đắc Bồ-đề, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo gồm một ngàn người đều hội đủ, trước kia đều là Phạm chí bện tóc. Các vị ấy, những việc nên làm đã làm, những việc làm ấy đều đã hoàn thành, đã bỏ gánh nặng xuống, đạt được lợi mình, là bậc chánh trí, dứt hết các thứ kiết hữu, tâm được giải thoát, tất cả tâm đều được tự tại, đã đến bờ kia, đều là bậc A-la-hán.

Chúng Đại Bồ-tát là vô lượng vô biên, đều từ mười phương thế giới tập hợp đến đây, có oai đức lớn, đều chứng đắc các nhẫn, các Đà-la-ni, các Tam-muội thâm diệu, đầy đủ các thần thông. Danh hiệu của chư vị là: Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Dũng Thí, Bồ-tát Dũng Tu Hành Trí v.v... là bậc thượng thủ.

Các Đại Bồ-tát như thế, số lượng là vô lượng, cùng các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người, không phải người v.v..., tất cả đại chúng đều vây quanh Phật”.

*** Luận nêu:**

Tôi nghe như vậy: Một thời v.v...: Là lời nêu của người kết tập pháp.

Trụ nơi thành Già-da: Là chỉ rõ nơi chốn cư trú được thành tựu.

Đỉnh núi Già-da: Là chỉ rõ về hình tướng của núi kia, nơi đại chúng hành trụ.

Tháp: Là chỉ rõ về nơi chốn ấy, có thể là sự cúng dường và hưng khởi sự cúng dường.

Mới chứng đắc Bồ-đề: Tức là Như Lai mới thành Phật.

Cùng với chúng Đại Tỳ-kheo: Tức số chúng là rất lớn, vì không tăng không giảm nên đầy đủ một ngàn Tỳ-kheo.

Phạm chí bện tóc: Đây là nêu rõ về các Tỳ-kheo hữu học, vô học.

Đó gọi là các người nghe đã thành tựu.

Phần còn lại: Tiếp theo là nói đến hành của các Bồ-tát có sai biệt. Hành của Bồ-tát có 2 thứ, thuộc về pháp thân nhận:

(1) Thuộc về nhân.

(2) Thuộc về quả.

Lại, tháp nơi đỉnh núi Già-da là căn bản nơi phần Tụ. Do đây là trụ xứ của vô lượng chư Phật, chỉ rõ trụ xứ đó là nơi tập hợp của chư Phật, Như Lai.

Pháp môn này là đã được chư Phật Như Lai thân nhận, bảo hộ.

Nên nghe Tu-đà-la này là sự thân nhận thành tựu.

Học, vô học, trước kia đều là Phạm chí bện tóc.

Lại, bậc vô học có 8 thứ đức:

(1) Việc làm đều hoàn tất, như kinh nói: “Những việc nên làm đã làm”.

(2) Hoàn toàn vượt quá công việc nên làm, đã làm, như kinh nói: “Những việc làm ấy đều đã hoàn thành”.

(3) Xa lia chướng ngại của Tam-muội, như kinh nói: “Đã bỏ gánh nặng xuống”.

(4) Lia bỏ gánh nặng mình đã nhận, như kinh nói: “Đạt được lợi mình”. Gánh nặng kia đó là năm ám.

(5) Chứng đắc Niết-bàn, như kinh nói: “Dứt hết các thứ kiết hữu”.

(6) Vượt qua ba cõi, như kinh nói: “Là bậc chánh trí, tâm được giải thoát”.

(7) Dựa vào chỗ không điên đảo, thọ nhận giáo pháp để tu hành, như kinh nói: “Tất cả tâm đều được tự tại, đã đến bờ kia”. Do khéo xa lia các phiền não.

(8) Tu hành như thật bốn như ý túc, như kinh nói: “Điều là bậc A-la-hán”. Lại, A-la-hán là người có khả năng thọ nhận tín thí, là đối tượng được bố thí các vật nên gọi là ứng cúng.

Lại, bậc hữu học có 2 thứ:

(1) Khéo học đạo giữ giới trọn vẹn.

(2) Như điều tâm mong cầu đều được hoàn toàn viên mãn.

Tiếp theo là nói phần Tam Muội.

Kinh nói: “*Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang một mình ở nơi yên tĩnh, không một bóng người, nhập Tam-muội thâm diệu của chư Phật, quan sát pháp giới*”.

Luận nêu: *Nhập Tam-muội, quan sát:* Là chỉ rõ đây không phải là cảnh giới của tư duy, lường xét.

Lại, nhập Tam-muội là chỉ rõ không đồng với hàng Thanh văn và Phật-bích-chi. Tức xác minh đây không phải là cảnh giới của hàng Thanh văn, Phật-bích-chi.

Đã nói xong phần Tam Muội. Kế tiếp là nói phần Chủ thể quán thanh tịnh.

*** Kinh nói:** “Phật suy nghĩ như thế này: Ta đã chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, đạt được tất cả trí tuệ, mọi việc làm đều đã hoàn thành, lìa bỏ các gánh nặng, vượt qua hết thảy đường hiểm, diệt trừ vô minh, chứng được chân minh, nhỏ hết các mũi tên, đoạn dứt các thứ khát ái, thành tựu thuyền pháp, đánh trống pháp, thổi loa pháp, dựng cờ pháp, chuyển đổi hạt giống sinh tử, chỉ rõ tánh Niết-bàn, lấp nẻo tà, mở đường chánh, lìa các ruộng tội, hiển bày ruộng phước”.

*** Luận nêu:** Chủ thể quán thanh tịnh: Là chỉ rõ Đức Phật đã chứng đắc Bồ-đề. Như kinh nói: “Phật suy nghĩ như thế này: Ta đã chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác vô thượng v.v...”.

Chứng đắc Bồ-đề: Là hiển bày trí chứng nhập vượt hơn hàng Thanh văn và Phật-bích-chi. Như kinh nói: “Đạt được tất cả trí tuệ”.

Đức Phật đã chứng được tất cả trí tuệ: Có 17 thứ:

(1) Bản nguyện đầy đủ, như kinh nói: “Mọi việc làm đều đã hoàn thành”.

(2) Lìa bỏ gánh nặng đã nhận lấy, như kinh nói: “Đã lìa bỏ các gánh nặng”. Gánh nặng đó là năm ấm.

(3) Khéo đoạn dứt chướng của tất cả phiền não, như kinh nói: “Đã vượt qua hết thảy đường hiểm”.

(4) Khéo đoạn trừ tất cả chướng của trí, như kinh nói: “Đã diệt trừ vô minh”.

(5) Chứng pháp diệu như thật, như kinh nói: “Đã chứng được chân minh”.

(6) Lìa hết thảy mũi tên tà, như kinh nói: “Đã nhỏ hết các mũi tên”.

(7) Lìa xa các thứ điên đảo, như kinh nói: “Đã đoạn dứt các thứ khát ái”.

(8) Thành tựu tuệ xuất thế gian, như kinh nói: “Đã thành tựu thuyên pháp”.

(9) Chuyển pháp luân mầu nhiệm, như kinh nói: “Đánh trống pháp”.

(10) Phát ra âm thanh vô ngã vi diệu, khéo có thể hàng phục tất cả các ma, như kinh nói: “Thổi loa pháp”.

(11) Khéo có thể hàng phục hết thầy ngoại đạo, như kinh nói: “Dụng cờ pháp”.

(12) Khéo đoạn trừ nhân duyên của tất cả các kiết, như kinh nói: “Chuyển đổi hạt giống sinh tử”.

(13) Giảng nói pháp diệu thế gian và xuất thế gian, như kinh nói: “Chỉ rõ tánh Niết-bàn”.

(14) Khéo có thể xa lìa những sự chấp tướng điên đảo, như kinh nói: “Lấp nẻo tà”.

(15) Vận chuyển tám Thánh đạo, như kinh nói: “Mở đường chánh”.

(16) Khéo có thể xa lìa ruộng phước của ngoại đạo, như kinh nói: “Lìa các ruộng tội”.

(17) Thị hiện phước điền Tam bảo, như kinh nói: “Hiện bày ruộng phước”.

Sau đây là nói phần Pháp của đối tượng được quán.

* **Kinh nói:** “*Nay Ta sẽ quán pháp đó. Vậy ai đã chứng được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng? Vận dụng các trí nào để chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng? Những gì là pháp của đối tượng được chứng nhập nơi quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng?*”.

* **Luận nêu:** *Những người nào có khả năng chứng đắc Bồ-đề? Do những trí nào có thể chứng nhập Bồ-đề? Thế nào là đối tượng được chứng đắc nơi Bồ-đề?*

Quán xét ba pháp đó, ở trong ba đời, đều là do phân biệt hư vọng, không có thật thể.

* **Kinh nói:** “*Là do thân chứng đắc hay là do tâm chứng đắc? Nếu do thân chứng đắc, nhưng thân thì không biết không hay, như cỏ, như cây, như khối đất, như ảnh tượng, không nhận biết được các thứ do bốn đại tạo tác. Xuất sinh từ cha mẹ, tánh của thân là vô thường, chỉ nhờ vào y phục, thức ăn uống, giường nằm, tắm gội mà được thành lập, tồn tại. Các pháp này tất quy về hư hoại, mòn diệt*”.

* **Luận nêu:** Kinh nói: *Là do thân hay do tâm chứng đắc Bồ-đề?* Đây là chỉ rõ cả thân lẫn tâm đều không chứng đắc Bồ-đề. Điều này làm sáng tỏ về nghĩa gì? Vì li thân tâm, lại không gì là thật có, như người ngu si phân biệt hư vọng, vì không có việc chứng đắc Bồ-đề như thế. *Vậy do những người nào có khả năng chứng đắc Bồ-đề?* Pháp ấy ở trong ba đời đều do phân biệt hư vọng, không có thật thể, là chỉ rõ không phải do thân chứng được Bồ-đề.

Có tám thứ pháp chỉ rõ thân kia không chứng được Bồ-đề:

(1) Không có người tạo ra (Tác giả), như kinh nói: “Nếu do thân chứng đắc, nhưng thân thì không biết không hay”.

(2) Do chấp tướng hư vọng tạo thành, như kinh nói: “Nhu cỏ, như cây, như khối đất, như ảnh tượng”.

(3) Xa lìa các tướng, như kinh nói: “Không nhận biết được”.

(4) Do các nhân duyên hòa hợp nên sinh, như kinh nói: “Do bốn đại tạo tác”.

(5) Thể vốn bất tịnh, như kinh nói: “Xuất sinh từ cha mẹ”.

(6) Niệm không dừng trụ, như kinh nói: “Tánh của thân là vô thường”.

(7) Như vật hư mục, nguy khốn, không thể thường giữ, như kinh nói: “Chỉ nhờ vào y phục, thức ăn uống, giường nằm, tắm gội mà được thành lập, tồn tại”.

(8) Thể là không thật, như kinh nói: “Các pháp này tất quy về hư hoại, mòn diệt”.

Đã nói: Không phải do thân chứng được Bồ-đề. Vậy do những người nào có khả năng chứng đắc Bồ-đề? Pháp ấy ở trong ba đời đều do phân biệt hư vọng, không có thể thật.

Tiếp theo nói: Do những trí nào có thể chứng nhập Bồ-đề? Pháp ấy ở trong ba đời đều do phân biệt hư vọng, không có thể thật, là chỉ rõ không phải do tâm chứng được Bồ-đề.

* **Kinh nói:** “Nếu do tâm chứng đắc, nhưng tâm thì như huyễn, từ các duyên sinh, không chốn, không tướng, không vật, không sở hữu”.

* **Luận nêu:** Có 6 thứ pháp chỉ rõ tâm kia không chứng được Bồ-đề:

(1) Do phạm phu ngu si, lầm dối, nên thấy pháp điên đảo, hư vọng, như kinh nói: “Nhưng tâm thì như huyễn”.

(2) Dựa vào các nhân duyên thiện, bất thiện sinh ra, như kinh nói: “Từ các duyên sinh”.

(3) Không có trụ xứ nhất định, như kinh nói: “Không chốn”.

(4) Phân biệt hư vọng chấp giữ tướng, thật sự không thể thủ đắc, như kinh nói: “Không tướng”.

(5) Tự tánh là không, như kinh nói: “Không vật”.

(6) Đi xa, như kinh nói: “Không sở hữu”.

Đã nói: Chỉ rõ không phải do tâm chứng được Bồ-đề. Vậy do những trí nào có thể chứng nhập Bồ-đề? Pháp đó ở trong ba đời là do phân biệt hư vọng, không có thể thật.

Kể tiếp nói: Những gì là pháp của đối tượng được chứng nhập nơi quả vị Bồ-đề? Vì pháp ấy ở trong ba đời đều do phân biệt hư vọng, không có thể thật.

** Kinh nói: “Bồ-đề chỉ có tên chữ, theo thế tục nên nói. Không có âm thanh, không có hình sắc, không thành lập, không vận hành, không có nhập, không thể nhận thấy, không thể nương dựa, đoạn dứt mọi đường đi đến, vượt quá những nẻo ngôn thuyết. Ra khỏi ba cõi, không thấy, không nghe, không giác, không vướng, không quán, không hý luận, không tranh cãi, không chỉ bày, không thể quán xét, không thể nhận thấy, không tiếng vang, không có chữ, lìa hết thấy lời nói”.*

** Luận nêu: Kinh nói: Bồ-đề chỉ có tên chữ, theo thế tục nên nói: Là chỉ rõ pháp có thể chứng đắc chỉ có tên gọi, do phân biệt hư vọng, vì thế của nó không thật.*

Bồ-đề chỉ có tên chữ, theo thế tục nên nói: Có 23 thứ:

- (1) Không có sự việc, như kinh nói: “Không có âm thanh”.
- (2) Vượt qua cảnh giới của giác, như kinh nói: “Không có hình sắc”.
- (3) Thế của các pháp là không, như kinh nói: “Không thành lập”.
- (4) Lìa các tướng, như kinh nói: “Không vận hành”.
- (5) Vượt quá tất cả cảnh giới của hàng phàm phu thế gian, như kinh nói: “Không có nhập”.
- (6) Vượt quá cảnh giới của thức, như kinh nói: “Không thể nhận thấy”.
- (7) Không có nơi chốn để có thể nương dựa, như kinh nói: “Không thể nương dựa”.
- (8) Không sinh diệt, như kinh nói: “Đoạn dứt mọi đường đi đến”.

(9) Vượt quá tất cả tên, chữ của thế gian, như kinh nói: “Vượt quá những nẻo ngôn thuyết”.

(10) Các pháp thuộc hành thiện, không thiện đều không thể thủ đắc, như kinh nói: “Ra khỏi ba cõi”.

(11) Lìa kiến giải, như kinh nói: “Không thấy”.

(12) Vượt qua cảnh giới của nhĩ thức, như kinh nói: “Không nghe”.

(13) Vượt qua cảnh giới của ý thức, như kinh nói: “Không giác” (Tâm).

(14) Không dùng trụ, như kinh nói: “Không vươngng”.

(15) Như hư không, như kinh nói: “Không quán” (Tứ).

(16) Vô vi, như kinh nói: “Không hý luận”.

(17) Không có hoạn nạn, lìa các lậu, như kinh nói: “Không tranh cãi”.

(18) Vượt qua cảnh giới của trí nhỏ hẹp, như kinh nói: “Không chỉ bày”.

(19) Vô lượng, như kinh nói: “Không thể quán xét”.

(20) Người khác không thể thấy, như kinh nói: “Không thể nhận thấy”.

(21) Vì tâm bên trong không nhận biết, như kinh nói: “Không tiếng vang”.

(22) Không vật gì có thể thấy, như kinh nói: “Không có chữ”.

(23) Không thể nêu bày, như kinh nói: “Lìa hết thầy lời nói”.

** Kinh nói: “Như thế, chủ thể chứng đắc Bồ-đề, do những trí nào để chứng nhập Bồ-đề? Pháp của đối tượng được chứng đắc Bồ-đề là gì? Các pháp như thế chỉ có danh tự, chỉ giả danh mà nói, chỉ là sự hòa hợp giữa tên gọi và lời nói, là dựa vào tên gọi*

của thể tục mà nói, không phân biệt phân biệt mà nói, giả thành lập, không thành lập, không vật, lìa vật, không nhận lấy, không thể nêu, không vướng mắc. Xứ Bồ-đề kia, không người chứng, không nơi chốn dùng để chứng, cũng không có pháp nào để có thể chứng. Thông đạt như thế, tức gọi là chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, không khác biệt, lìa khác biệt, không có tướng Bồ-đề”.

*** Luận nêu:** *Tiếp theo nói: Chứng đắc Bồ-đề là thể nào? Sự chứng đắc này cũng chỉ có danh tự, giả danh, dựa vào thể tục mà nói, phân biệt hư vọng, không có thể thật.*

Sự chứng đắc đó dựa vào tên gọi của thể tục mà nói, có 6 thứ:

(1) Phân biệt không thật, như kinh nói: “Không phân biệt phân biệt mà nói”.

(2) Thể là không, như kinh nói: “Giả thành lập, không thành lập”.

(3) Ngã không thể thủ đắc, như kinh nói: “Không vật, lìa vật”.

(4) Vượt qua tuệ thể gian, như kinh nói: “Không nhận lấy”.

(5) Vượt quá đường ngôn ngữ, như kinh nói: “Không thể nêu”.

(6) Xa lìa ngã và ngã sở, như kinh nói: “Không vướng mắc”.

Lại, kinh nói: “Xứ Bồ-đề kia không người chứng, không nơi chốn dùng để chứng, cũng không có pháp nào để có thể chứng. Thông đạt như thế, tức gọi là chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”: Đây là làm sáng tỏ về nghĩa gì? Là hiển bày người của chủ thể chứng đắc, hiển bày trí được sử dụng để chứng đắc và hiển bày cảnh giới của đối tượng được chứng đắc.

Pháp như thế, tức nên dùng những pháp nào? Là dùng trí tuệ chân chánh vi diệu, nhận biết đúng như thật về đối tượng được nhận thức, đối tượng được hiểu biết, đối tượng được chứng đắc. Đó gọi là chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lại, kinh nói: “Không khác biệt, lìa khác biệt, không có tướng Bồ-đề”: Đây là làm sáng tỏ về nghĩa gì? Hai câu không khác biệt, lìa khác biệt: Là làm rõ pháp được chứng đắc kia là thanh tịnh, vắng lặng. Không có tướng Bồ-đề: Nghĩa này như trước đã nói.

Đã nói xong phần Pháp của đối tượng được quán xét. Tiếp theo là nói Phần Phát khởi.

Ở đây lại có nghĩa gì? Do sự việc nhập Tam-muội đã xong, tức giờ thuyết pháp đã đến, do đó nên khởi sự.

Lại, ở đây có hai thứ nghĩa:

(1) Do nghĩa đã được quan sát trong Tam-muội, Đức Phật muốn nói cho Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

(2) Vì Bồ-tát Văn-thù hỏi, Đức Như Lai trả lời. Vì sao Đức Như Lai chỉ nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, không nói với các vị khác? Vì nương nơi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Như Lai giảng nói pháp này.

Lại nữa, vì sao chỉ giảng nói pháp này với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi? Vì pháp môn Như Lai giảng nói ở đây là rất sâu xa, thế nên Đức Như Lai nói cho Bồ-tát có trí tuệ thâm diệu kia (Bồ-tát Văn-thù).

Lại nữa, vì lý do gì chỉ có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa hỏi? Vì Đức Như Lai chỉ bảo với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, thế nên Bồ-tát Văn-thù hỏi là nghĩa tùy thuận.

Bồ-tát Văn-thù nêu ra câu hỏi là do từ tâm thanh tịnh, nên hỏi - đáp đều thanh tịnh.

Sau đây là hiển bày Phần Giảng nói.

*** Kinh nói:** “Bấy giờ, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi ở trong đại hội, đứng bên phải Đức Phật, tay cầm lọng báu lớn che phía trên Đức Phật. Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi thăm biết Đức Thế Tôn đã nghĩ như thế, liền bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bồ-đề có tướng

như thế, thì thiện nam và thiện nữ làm thế nào để phát tâm trụ vào Bồ-đề?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Thiện nam, thiện nữ nên nhận biết tướng Bồ-đề như thế mới phát tâm an trụ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Tướng Bồ-đề nên làm sao nhận biết?

Đức Phật bảo: Tướng Bồ-đề ấy ra khỏi ba cõi, vượt quá tất cả ngôn ngữ, danh tự của thế gian, vượt quá tất cả tiếng vang của phát tâm không phát tâm, diệt trừ các thứ phát tâm khác, đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề. Thế nên, này Văn-thù-sư-lợi! Các Đại Bồ-tát vượt qua tất cả sự phát tâm, đó là phát tâm an trụ. Này Văn-thù-sư-lợi, không phát đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề.

Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề là không phát tâm trụ vào vật nào, đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề. Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề, không trụ vào chướng ngại, đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề. Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề như pháp tánh trụ đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề.

Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề không chấp trước nơi tất cả pháp đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề.

Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề không phá hoại thật tế của Như đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề. Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề không dòi dỏ, không thêm, không khác, không một, đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề.

Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề như ảnh tượng trong gương, như ngọn nắng khi trời nóng, như hình bóng, như tiếng vang, như hư không, như trăng trong nước, phải nên như thế để phát tâm trụ nơi Bồ-đề”.

*** Luận nêu:** Người phát tâm thanh tịnh có chín thứ:

(1) Xả bỏ tất cả hý luận, như kinh nói: “Này Văn-thù-sư-lợi! Không phát đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề”.

(2) Xả bỏ sự chấp giữ các pháp, như kinh nói: “Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề là không phát tâm trụ vào vật nào đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề”.

(3) Như hư không, như kinh nói: “Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề không trụ vào chướng ngại đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề”.

(4) Đạt tịch tĩnh, như kinh nói: “Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề như pháp tánh trụ đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề”.

(5) Từ bỏ chấp tướng là thường, vô thường, như kinh nói: “Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề không chấp trước nơi tất cả pháp đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề”.

(6) Không hủy báng đạo, không bỏ đạo, như kinh nói: “Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề không phá hoại thật tế của Như đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề”.

(7) Lìa sự hủy báng, lìa vướng mắc, như kinh nói: “Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề không dòi dôi, không thêm, không khác, không một, đó là phát tâm trụ nơi Bồ-đề”.

(8) Hội nhập nơi một tướng của tất cả pháp, như kinh nói: “Này Văn-thù-sư-lợi! Người phát tâm Bồ-đề như ảnh tượng trong gương, như dợn nắng khi trời nóng, như hình bóng, như tiếng vang, như hư không, như trăng trong nước, phải nên như thế để phát tâm trụ nơi Bồ-đề”.

(9) Lại như thật tu hành Bát-nhã Ba-la-mật. Bốn luận chứng còn lại đều vượt quá ba cõi v.v... như trước đã nói, nên biết.

Đã nêu rõ Phần Giảng nói pháp. Tiếp theo là nói Phần Uy lực nơi công đức của Bồ-tát.

*** Kinh nói:** “Bấy giờ, trong chúng hội có Thiên tử tên là Nguyệt Tịnh Quang Đức, đã chứng được tâm không thoái chuyển đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Các Đại Bồ-tát trước hết nên quán nói pháp nào để hành tác hạnh Bồ-tát? Dựa vào pháp nào để hành tác hạnh Bồ-tát?”

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Này Thiên tử! Nẻo hành hóa của các Đại Bồ-tát là lấy đại bi làm gốc, luôn vì các chúng sinh.

Thiên tử lại hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đại bi của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Này Thiên tử! Đại bi của các Đại Bồ-tát lấy trực tâm (Tâm ngay thẳng) làm gốc.

Thiên tử lại hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Trực tâm của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Này Thiên tử! Trực tâm của các Đại Bồ-tát lấy tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh làm gốc.

Thiên tử lại hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Này Thiên tử! Tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh của các Đại Bồ-tát lấy hành không khác, hành lìa khác biệt làm gốc.

Thiên tử lại hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hành không khác, hành lìa khác biệt của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Này Thiên tử! Hành không khác, hành lìa khác biệt của các Đại Bồ-tát lấy tâm thanh tịnh sâu xa làm gốc.

Thiên tử lại hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tâm thanh tịnh sâu xa của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Này Thiên tử! Tâm thanh tịnh sâu xa của các Đại Bồ-tát lấy tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng làm gốc.

Thiên tử lại hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát

Văn-thù-sư-lợi đáp: *Này Thiên tử! Tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng của các Đại Bồ-tát lấy sáu Ba-la-mật làm gốc.*

Thiên tử lại hỏi: *Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sáu Ba-la-mật của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi* đáp: *Này Thiên tử! Sáu Ba-la-mật của các Đại Bồ-tát lấy tuệ phương tiện làm gốc.*

Thiên tử lại hỏi: *Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tuệ phương tiện của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi* đáp: *Này Thiên tử! Tuệ phương tiện của các Đại Bồ-tát lấy không phóng dật làm gốc.*

Thiên tử lại hỏi: *Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hạnh không phóng dật của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi* đáp: *Này Thiên tử! Hạnh không phóng dật của các Đại Bồ-tát lấy ba hành thiện làm gốc.*

Thiên tử lại hỏi: *Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ba hành thiện của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi* đáp: *Này Thiên tử! Ba hành thiện của các Đại Bồ-tát lấy mười nghiệp đạo thiện làm gốc.*

Thiên tử lại hỏi: *Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Mười nghiệp đạo thiện của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi* đáp: *Này Thiên tử! Mười nghiệp đạo thiện của các Đại Bồ-tát lấy trì giới làm gốc.*

Thiên tử lại hỏi: *Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Trì giới của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi* đáp: *Này Thiên tử! Trì giới của các Đại Bồ-tát lấy sự nhớ nghĩ chân chánh làm gốc.*

Thiên tử lại hỏi: *Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sự nhớ nghĩ chân chánh của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi* đáp: *Này Thiên tử! Sự nhớ nghĩ chân chánh của các Đại Bồ-tát lấy chánh quán làm gốc.*

Thiên tử lại hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chánh quán của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Nay Thiên tử! Chánh quán của các Đại Bồ-tát lấy sự nhớ nghĩ kiên cố không quên mất làm gốc”.

*** Luận nêu:** Uy lực nơi công đức của các Đại Bồ-tát có hai thứ:

- a. Như tâm mong cầu điều gì, tất cả đều được đầy đủ.
- b. Biện tài lạc thuyết giảng nói pháp không chướng ngại.

Thế nào là Như tâm mong cầu điều gì, tất cả đều được đầy đủ?
Là do phát khởi pháp thù thắng, thù thắng hơn hết. Phát khởi pháp thù thắng, thù thắng hơn hết có mười bốn thứ:

(1) Nhận lãnh giáo pháp không hề quên, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Chánh quán của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Chánh quán của các Đại Bồ-tát lấy sự nhớ nghĩ kiên cố không quên làm gốc”.

(2) Khéo nhận lấy chánh giáo, quán xét pháp hữu vi, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Sự nhớ nghĩ chân chánh của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Sự nhớ nghĩ chân chánh của các Đại Bồ-tát lấy chánh quán làm gốc”.

(3) Không vượt qua nơi chôn thích hợp, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Trì giới của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Trì giới của các Đại Bồ-tát lấy sự nhớ nghĩ chân chánh làm gốc”.

(4) Không thuận theo các lỗi lầm, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Mười nghiệp đạo thiện của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Mười nghiệp đạo thiện của các Đại Bồ-tát lấy trì giới làm gốc”.

(5) Khéo tu mười nghiệp đạo thiện, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Ba hành thiện của các Đại Bồ-tát lấy gì làm

gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Ba hành thiện của các Đại Bồ-tát lấy mười nghiệp đạo thiện làm gốc”.

(6) Ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Hạnh không phóng dật của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Hạnh không phóng dật của các Đại Bồ-tát lấy ba hành thiện làm gốc”.

(7) Giới thanh tịnh, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Tuệ phương tiện của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Tuệ phương tiện của các Đại Bồ-tát lấy không phóng dật làm gốc”.

(8) Tùy thuận lợi ích nơi tất cả chúng sinh, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Sáu Ba-la-mật của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Sáu Ba-la-mật của các Đại Bồ-tát lấy tuệ phương tiện làm gốc”.

(9) Đầy đủ tất cả pháp trợ Bồ-đề, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng của các Đại Bồ-tát lấy sáu Ba-la-mật làm gốc”.

(10) Không mệt mỏi, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Tâm thanh tịnh sâu xa của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Tâm thanh tịnh sâu xa của các Đại Bồ-tát lấy tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng làm gốc”.

(11) Quả - nghiệp thanh tịnh, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Hành không khác, hành li khác biệt của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Hành không khác, hành li khác biệt của các Đại Bồ-tát lấy tâm thanh tịnh sâu xa làm gốc”.

(12) Tu hành thanh tịnh, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh của các Đại Bồ-

tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh của các Đại Bồ-tát lấy hành không khác, hành lìa khác biệt làm gốc”.

(13) Tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh một cách thanh tịnh, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Trục tâm của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Trục tâm của các Đại Bồ-tát lấy tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh làm gốc”.

(14) Tâm thanh tịnh, như kinh nói: “Thiên tử lại hỏi Văn-thù-sư-lợi: Đại bi của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Đại bi của các Đại Bồ-tát lấy trực tâm làm gốc”.

Lại như kinh nói: “Bấy giờ, trong chúng hội có Thiên tử tên là Nguyệt Tịnh Quang Đức, đã chứng được tâm không thoái chuyển đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Các Đại Bồ-tát trước hết nên quán nơi pháp nào để hành tác hạnh Bồ-tát? Dựa vào pháp nào để hành tác hạnh Bồ-tát? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Nẻo hành hóa của các Đại Bồ-tát là lấy Đại bi làm gốc, luôn vì các chúng sinh”. Tu-đa-la như thế v.v... càng về sau lại hướng tới trước để giải thích, nên biết.

Thế nào là Biện tài lạc thuyết giảng nói pháp không chướng ngại?

*** Kinh nói:** “Thiên tử lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Các Đại Bồ-tát có bao nhiêu thứ tâm, có khả năng thành tựu nhân, thành tựu quả?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Đây Thiên tử! Các Đại Bồ-tát có bốn thứ tâm, có khả năng thành tựu nhân, thành tựu quả. Đó là:

- (1) Tâm mới phát nguyện.
- (2) Tâm đang hành trì phát nguyện.
- (3) Tâm phát nguyện không thoái chuyển.
- (4) Tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ.

Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như mới gieo hạt giống. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như hạt đã nảy mầm và tăng trưởng. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển như cọng, lá, hoa, quả, đầu tiên mới thành tựu. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ như quả cùng có công dụng.

Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như thợ đóng xe là do kết hợp các vật dụng như gỗ v.v... và trí óc. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như dùng trí thanh tịnh để đẽo, bào, sửa sang gỗ. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển như trí sắp đặt sử dụng gỗ vào việc đóng xe. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ như trí thực hiện hoàn thành chiếc xe vận tải.

Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như trăng mới mọc. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như trăng đêm mừng năm. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển như trăng đêm mừng mười. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ như trăng đêm mười bốn. Trí tuệ của Như Lai như trăng đêm rằm.

Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện có khả năng vượt qua địa Thanh văn. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện có khả năng vượt qua địa Phật-bích-chi. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển có khả năng vượt qua địa bất định. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ an trụ nơi địa định.

Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như trí học chương đầu tiên. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như trí nhận biết sự sai biệt nơi các chương. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển như trí tính toán, cân nhắc. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ như trí thông suốt các luận.

Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện là từ nhân sinh. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện là từ trí sinh. Thứ

ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển là từ đoạn trừ phiền não sinh. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ là từ quả sinh.

Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện là nhân thân nhận. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện là trí thân nhận. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển là đoạn trừ thân nhận. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ là quả thân nhận.

Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện là nhân sinh. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện là trí sinh. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển là đoạn trừ sinh. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ là quả sinh.

Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện là phần nhân khác nhau. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện là phần trí khác nhau. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển là phần đoạn trừ khác nhau. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ là phần quả khác nhau.

Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như phương tiện chọn lấy cỏ thuốc. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như phương tiện phân biệt cỏ thuốc. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển như phương tiện cho bệnh nhân uống thuốc. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ như nhờ phương tiện nên bệnh được khỏi.

Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như học pháp sinh nơi nhà Pháp vương. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như học pháp của Pháp vương. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển có thể học đầy đủ pháp của Pháp vương. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ như học pháp của Pháp vương đạt được tự tại”.

*** Luận nêu:** Biện tài lạc thuyết giảng nói pháp không chướng ngại: Có bốn thứ phát tâm Bồ-đề thân nhận mười Địa. Do nói về vô

số sai biệt, nên có mười hai câu nói về những thứ ấy. Như kinh nói: Thiên tử lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Các Đại Bồ-tát có bao nhiêu thứ tâm, có khả năng thành tựu nhân, thành tựu quả?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Này Thiên tử! Đại Bồ-tát có bốn thứ tâm, có khả năng thành tựu nhân, thành tựu quả. Đó là:

- (1) Tâm mới phát nguyện.
- (2) Tâm đang hành trì phát nguyện.
- (3) Tâm phát nguyện không thoái chuyển.
- (4) Tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ.

Tâm mới phát nguyện có khả năng làm nhân cho tâm đang hành trì phát nguyện thứ hai. Tâm đang hành trì phát nguyện thứ hai có khả năng làm nhân cho tâm phát nguyện không thoái chuyển thứ ba. Tâm phát nguyện không thoái chuyển thứ ba có khả năng làm nhân cho tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ thứ tư. Câu này làm rõ cho nhân tối thượng thù thắng hơn hết, không mất.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như mới gieo hạt giống. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như hạt đã nảy mầm và tăng trưởng. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển như cọng, lá, hoa, quả bắt đầu thành tựu. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ như quả cùng có công dụng: Là chỉ rõ từ nhân thanh tịnh nên thành tựu quả thanh tịnh.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như thợ đóng xe, là do kết hợp các vật dụng như gỗ và trí óc: Tức dựa vào các các thệ nguyện nên có thể thâm nhập tất cả pháp Phật. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như dùng trí thanh tịnh để đẽo, bào, sửa sang gỗ: Do đã thành tựu giới thanh tịnh. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển như trí sắp đặt sử dụng gỗ vào việc đóng xe: Vì do dựa vào phương tiện tuệ, tu tập tất cả hành đều tương ưng. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ như

dùng trí v.v... thực hiện hoàn thành chiếc xe vận tải: Do không bỏ lời hứa nhận lấy gánh nặng từ trước.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như trăng mới mọc. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như trăng đêm mừng năm. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển như trăng đêm mừng mười. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bỏ xứ như trăng đêm mười bốn. Trí tuệ của Như Lai như trăng đêm rằm v.v...: Là chỉ rõ lực tinh tấn lớn lao hơn hết.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện có khả năng vượt quá địa Thanh văn: Vì Bồ-tát trước Địa thứ nhất là hàng lợi căn đã quan sát tất cả pháp phần Bồ-đề. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện có khả năng vượt quá địa Phật-bích-chi: Vì Bồ-tát trước Địa thứ nhất đã dựa vào trí Bát-nhã thù thắng, có thể tích tập vô lượng hành của các Bồ-tát. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển có khả năng vượt quá địa bất định: Do Bồ-tát này đã hội nhập Địa thứ nhất và chứng đắc trí. Lại nữa, vượt quá địa Thanh văn, Phật-bích-chi là đã vượt qua tất cả hành còn dụng công. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bỏ xứ an trụ nơi địa định, vì khéo an trụ nơi địa vương tử.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như trí học chương đầu tiên: Do pháp quán nơi địa dưới. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như trí nhận biết sự sai biệt nơi các chương: Do trí tuệ tăng trưởng có sai biệt. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển như trí tính toán cân nhắc: Do trí phương tiện có thể tính xét về tất cả pháp. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bỏ xứ như trí thông suốt các luận: Vì trí đã chứng đắc.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện là từ nhân sinh: Vì tự tánh thanh tịnh, xưa nay luôn thành tựu. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện là từ trí sinh: Do thâm nhập phương tiện là văn tuệ thế gian và xuất thế gian. Thứ ba, tâm phát

nguyện không thoái chuyển là từ đoạn trừ phiền não sinh: Do đã vượt quá các thứ hý luận của thế gian. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ là từ quả sinh: Vì tự nhiên thành tựu tất cả hành.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện là nhân thân nhận: Vì tín, hạnh hỗ trợ đạo thuần thực, lại do quán cảnh giới của Địa thứ nhất. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện là trí thân nhận: Do dựa vào cảnh giới quán đã thuần thực với các hành có công dụng. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển là đoạn trừ thân nhận: Vì dựa vào cảnh giới tu hành chưa được quán pháp Phật. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ là quả thân nhận: Do dựa vào quả thuần thực, tùy thuận nơi cõi nước Phật hiện có, nên thành lập xứ sở Phật, tức là thành Phật.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện là nhân sinh: Do tu hành tánh căn thiện không điên đảo. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện là trí sinh: Vì tánh cứu cánh của pháp không điên đảo. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển là đoạn trừ sinh: Vì tánh tu hành không điên đảo. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ là quả sinh: Vì được tâm tự tại.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện là phần nhân khác nhau: Vì do thân nhận vô lượng căn thiện. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện là phần trí khác nhau: Do vô lượng vô biên pháp môn đều hoàn toàn rốt ráo. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển là phần đoạn trừ khác nhau: Do chứng nhập vô lượng môn Tam-muội. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ là phần quả khác nhau: Là do vô lượng thần thông phần tấn với công dụng tùy ý tự tại.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như phương tiện chọn lấy cỏ thuốc: Do nhận lấy pháp đối trị bệnh phiền não. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như phương tiện phân biệt cỏ thuốc: Vì biết cách đối trị bệnh phiền não,

cho thuốc được thích ứng. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển như phương tiện cho bệnh nhân uống thuốc: Vì dựa vào các phương tiện của trí, tùy sự thọ dụng tương ứng. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ như nhờ phương tiện nên bệnh được khỏi: Vì bệnh phiền não đã diệt trừ.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiên tử! Thứ nhất, tâm mới phát nguyện như học pháp sinh nơi nhà Pháp vương: Do đã hàng phục hàng Thanh văn và Phật-bích-chi. Thứ hai, tâm đang hành trì phát nguyện như học pháp của Pháp vương: Do học mọi thứ đạt được Thắng xứ. Thứ ba, tâm phát nguyện không thoái chuyển có thể học đầy đủ pháp của Pháp vương: Vì được quả tu đạo thù thắng. Thứ tư, tâm phát nguyện nhất sinh bổ xứ như học pháp của Pháp vương đạt được tự tại: Là do đạt được tự tại vô ngại trong tất cả pháp.

HẾT - QUYỂN THƯỢNG

LUẬN KINH VĂN THÙ SỰ LỢI BỒ TÁT VẤN BỒ ĐỀ QUYỀN HẠ

** Luận nêu: Đã nói phần Uy lực công đức của Bồ-tát. Tiếp sau là nói về Phần Hành của Bồ-tát có sai biệt.*

** Kinh nói: “Bấy giờ, trong đại chúng có Thiên tử tên là Định Quang Minh Chủ, đã phát tâm không thoái chuyển đối với quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thưa hỏi Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi: Những gì là đạo tóm gọn đầy đủ của các Đại Bồ-tát nào? Các Đại Bồ-tát đã do đạo ấy nên mau chóng chứng được quả vị Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng chăng?”*

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Này Thiên tử! Đạo tóm gọn đầy đủ của các Đại Bồ-tát có hai thứ. Các Đại Bồ-tát do hai thứ đạo này nên nhanh chóng chứng được đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Những gì là hai?

(1) Đạo phương tiện.

(2) Đạo trí tuệ.

Phương tiện là trí nhận biết thấu giữ pháp thiện. Trí tuệ là trí nhận biết đúng như thật về các pháp.

Lại, phương tiện là trí quán tất cả chúng sinh. Trí tuệ là trí lìa các pháp.

Lại, phương tiện là trí nhận biết các pháp tương ưng. Trí tuệ là trí nhận biết các pháp không tương ưng.

Lại, phương tiện là trí quán nhân nơi đạo. Trí tuệ là trí diệt nhân nơi đạo”.

*** Luận nêu:** *Pháp vương Thế Tôn, thân đang ở trong chúng, vì sao Thiên tử kia lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi? Là để chỉ rõ công đức của các Đại Bồ-tát. Đây là do nghĩa gì? Là do các chúng sinh hay sinh khởi tâm khinh mạn đối với các Bồ-tát, nên ở đây nhằm khiến họ sinh tâm tôn trọng, cung kính.*

Hành sai biệt của các Đại Bồ-tát: Có 2 thứ đạo:

- (1) Đạo thanh tịnh của nhân.
- (2) Đạo thanh tịnh của công đức.

Đạo thanh tịnh của nhân: Là chỉ rõ nhân thù thắng thanh tịnh. Nhân thù thắng thanh tịnh là do bốn thứ phát tâm để nói: (a) Đạo nói về sự hỗ trợ thanh tịnh. (b) Đạo nói về trí công đức. (c) Đạo nói về chứng nhập thật tế. (d) Đạo nói về tu hành như thật.

Đạo thanh tịnh của công đức: Có 8 thứ:

(a) Trí thâm nhận, giáo hóa tất cả chúng sinh. Như kinh nói: “Phương tiện là trí nhận biết thâm giữ pháp thiện”.

(b) Có khả năng nhẫn đối với các hành bất thiện của tất cả chúng sinh. Như kinh nói: “Trí tuệ là trí nhận biết đúng như thật về các pháp”.

(c) Tích tập các pháp bạch, tịnh. Như kinh nói: “Lại, phương tiện là trí quán các chúng sinh”.

(d) Quán tất cả pháp phần Bồ-đề. Như kinh nói: “Trí tuệ là trí lià các pháp”.

(đ) Nhận biết tướng hòa hợp của các pháp. Như kinh nói: “Lại, phương tiện là trí nhận biết các pháp tương ưng”.

(e) Nhận biết tướng bất đồng của các pháp. Như kinh nói: “Trí tuệ là trí nhận biết các pháp không tương ưng”. Lại, trí tuệ là trí nhận biết các pháp không tương ưng do vô số các nguyên.

(f) Nhận biết đúng như thật về chúng sinh có thể hóa độ. Như kinh nói: “Lại, phương tiện là trí quán nhân nơi đạo”.

(g) Tập hợp các thứ hỗ trợ đạo. Như kinh nói: “Trí tuệ là trí diệt nhân nơi đạo”.

Đã nói về *Đạo thanh tịnh của công đức*. Sau đây là nói về *Đạo thanh tịnh của nhân*.

* **Kinh nói:** “Lại, phương tiện là trí nhận biết các pháp có sai biệt. Trí tuệ là trí nhận biết các pháp không sai biệt.

Lại, phương tiện là trí làm trang nghiêm cõi Phật. Trí tuệ là trí bình đẳng không sai biệt làm trang nghiêm cõi Phật.

Lại, phương tiện là trí hội nhập các căn, hành của chúng sinh. Trí tuệ là trí không có kiến chấp về chúng sinh.

Lại, phương tiện là trí được đến đạo tràng. Trí tuệ là trí có thể chứng đắc tất cả pháp Bồ-đề của Phật”.

* **Luận nêu:** *Đạo thanh tịnh của nhân:* Cũng có 8 thứ:

(a) Quán các pháp thiện, bất thiện. Như kinh nói: “Lại, phương tiện là trí nhận biết các pháp có sai biệt”.

(b) Lià các nhân duyên căn bản của tất cả pháp. Như kinh nói: “Trí tuệ là trí nhận biết các pháp không sai biệt”.

(c) Lià tất cả chướng ngại. Như kinh nói: “Lại, phương tiện là trí làm trang nghiêm cõi Phật”.

(d) Đoạn dứt tất cả sự hòa hợp. Như kinh nói: “Trí tuệ là trí bình đẳng không sai biệt làm trang nghiêm cõi Phật”.

(đ) Nhận biết đúng như thật. Như kinh nói: “Lại, phương tiện là trí hội nhập các căn, hành của chúng sinh”.

(e) Chứng nhập một pháp môn. Như kinh nói: “Trí tuệ là trí không có kiến chấp về chúng sinh”.

(f) Nhận biết đúng như thật về sự phân biệt hư vọng của tất cả phàm phu. Như kinh nói: “Lại, phương tiện là trí được đến đạo tràng”.

(g) Chứng nhập cảnh giới tịch tĩnh. Như kinh nói: “Trí tuệ là trí có thể chứng đắc tất cả pháp Bồ-đề của Phật”.

** Kinh nói: “Lại nữa, này Thiên tử! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ đạo tóm gọn. Các Đại Bồ-tát do hai thứ đạo này nên nhanh chóng chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Những gì là 2 thứ đạo tóm gọn?”*

(1) Đạo hỗ trợ.

(2) Đạo đoạn trừ.

Đạo hỗ trợ là năm Ba-la-mật. Đạo đoạn trừ là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại có 2 thứ đạo tóm gọn:

(1) Đạo có chướng ngại.

(2) Đạo không chướng ngại.

Đạo có chướng ngại là năm Ba-la-mật. Đạo không chướng ngại là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại có 2 thứ đạo tóm gọn:

(1) Đạo hữu lậu.

(2) Đạo vô lậu.

Đạo hữu lậu là năm Ba-la-mật. Đạo vô lậu là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại có 2 thứ đạo tóm gọn:

(1) Đạo hữu lượng.

(2) Đạo vô lượng.

Đạo hữu lượng là phân biệt chấp giữ tướng. Đạo vô lượng là không phân biệt chấp giữ tướng.

Lại có 2 thứ đạo tóm gọn:

(1) Đạo trí.

(2) Đạo đoạn.

Đạo trí nghĩa là Bồ-tát từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ bảy. Đạo đoạn nghĩa là Bồ-tát từ Địa thứ tám cho đến Địa thứ mười”.

* **Luận nêu:** Kinh nói: Lại có 2 thứ đạo tóm gọn:

(1) Đạo công đức.

(2) Đạo trí.

Đạo công đức là tập hợp vô số các căn thiện. Như kinh nói: “Đạo hỗ trợ là năm Ba-la-mật”. Đạo trí là thông đạt tất cả các pháp. Như kinh nói: “Đạo đoạn trừ là Bát-nhã Ba-la-mật”.

Lại như kinh nói: Lại có 2 thứ đạo tóm gọn:

(1) Đạo có chướng ngại.

(2) Đạo không chướng ngại.

Đạo có chướng ngại là năm Ba-la-mật, vì hành hóa trong ba cõi, từ Địa thứ nhất này trở về trước. Đạo không chướng ngại là Bát-nhã Ba-la-mật, do vượt quá ba cõi, nhập nơi Địa thứ nhất, chứng đắc trí.

Lại như kinh nói: Lại có 2 thứ đạo tóm gọn:

(1) Đạo hữu lậu.

(2) Đạo vô lậu.

Đạo hữu lậu là năm Ba-la-mật, vì thành tựu quả ở thế gian, đây là Bồ-tát từ Địa thứ nhất trở về trước. Đạo vô lậu là Bát-nhã Ba-la-mật, vì thành tựu quả xuất thế gian, đây là đã được trí xuất thế gian.

Lại như kinh nói: Lại có 2 thứ đạo tóm gọn:

(1) Đạo hữu lượng.

(2) Đạo vô lượng.

Đạo hữu lượng là phân biệt chấp giữ tướng, do giữ lấy khắp cảnh giới của thức. Đạo vô lượng là không phân biệt chấp giữ tướng, vì vượt quá cảnh giới của thức, không thấy có sự giữ lấy khắp.

Lại như kinh nói: Lại có 2 thứ đạo tóm gọn:

(1) Đạo trí.

(2) Đạo đoạn.

Đạo trí nghĩa là Bồ-tát từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ bảy, do nhận biết đúng như thật về cảnh giới hữu vi. Đạo đoạn nghĩa là Bồ-tát từ Địa thứ tám cho đến Địa thứ mười, vì nhận biết đúng như thật về cảnh giới vô vi.

** Kinh nói: “Bấy giờ, trong chúng hội có Đại Bồ-tát tên là Dũng Tu Hành Trí hỏi Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi: Thế nào gọi là nghĩa của Đại Bồ-tát? Thế nào gọi là trí của Đại Bồ-tát?”*

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Này Thiện nam! Nghĩa gọi là không tương ưng. Trí gọi là tương ưng.

Bồ-tát Dũng Tu Hành Trí nói: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao nghĩa gọi là không tương ưng? Vì sao trí gọi là tương ưng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: Này Thiện nam! Nghĩa gọi là vô vi. Do nghĩa kia không có một pháp nào cùng tương ưng, không có một pháp nào không cùng tương ưng. Vì sao? Vì không biến đổi, vì không có tướng.

Nghĩa, tức không có một pháp nào cùng tương ưng, không có một pháp nào không cùng tương ưng. Do nghĩa vốn không thành tựu, thế nên không có một pháp nào cùng tương ưng, không có một pháp nào không cùng tương ưng.

Nghĩa, tức không dòi, không tăng, nên không có một pháp nào cùng tương ưng, không có một pháp nào không cùng tương ưng”.

*** Luận nêu:** Kinh nói: *Này Thiện nam! Nghĩa gọi là không tương ưng. Trí gọi là tương ưng:* Tức chỉ rõ về thật tế có bốn thứ.

Lại như kinh nói: *Này Thiện nam! Nghĩa gọi là vô vi. Do nghĩa kia không có một pháp nào cùng tương ưng, không có một pháp nào không cùng tương ưng. Vì sao? Vì không biến đổi, vì không có tướng:* Là do lia các lỗi của vô thường.

Thế nên kinh nói: *Nghĩa, tức không có một pháp nào cùng tương ưng, không có một pháp nào không cùng tương ưng, do tánh của tự thể là trụ. Như kinh nói: Do nghĩa vốn không thành tựu. Vì vậy kinh nói: Thế nên không có một pháp nào cùng tương ưng, không có một pháp nào không cùng tương ưng. Do thật thể của pháp giới, chân như là thường trụ. Vì thế kinh nói: Nghĩa, tức không dòi, không tăng, nên không có một pháp nào cùng tương ưng, không có một pháp nào không cùng tương ưng.*

Lại, không có một pháp nào không dòi đổi, không thêm lên, do pháp giới là không tăng, không giảm.

*** Kinh nói:** “*Này Thiện nam! Trí gọi là đạo, đạo là tâm cùng tương ưng, không phải là không tương ưng. Này Thiện nam! Do nghĩa ấy nên trí gọi là tương ưng, không phải là không tương ưng.*

Lại nữa, này Thiện nam! Trí gọi là đoạn dứt sự tương ưng. Thế nên, này Thiện nam! Trí gọi là pháp tương ưng, không phải là pháp không tương ưng.

Lại nữa, này Thiện nam! Trí gọi là khéo quán năm âm, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, là xứ, không phải xứ. Này Thiện nam! Do nghĩa ấy nên trí gọi là tương ưng, không phải là không tương ưng”.

*** Luận nêu:** Kinh nói: “Này Thiện nam! Trí gọi là đạo, đạo là tâm cùng tương ưng, không phải là không tương ưng”: Từ đoạn đây trở xuống, thứ lớp nói về: **Sự chứng nhập pháp giới:** Có ba thứ luận chứng với sáu thứ, mười pháp. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? *Do những trí nào? Thế nào là chứng đắc? Vì nghĩa nào? Trụ nơi xứ nào để có thể chứng nhập pháp giới?*

Do những trí nào? Lấy ba thứ luận chứng, sáu thứ mười pháp để chỉ rõ.

Ba thứ luận chứng chỉ rõ những trí nào? Trí nghĩa là đạo. Đạo là pháp tương ưng với tâm, không phải là pháp không tương ưng. *Thế nên kinh nói:* “Này Thiện nam! Do nghĩa ấy nên trí gọi là tương ưng, không phải là không tương ưng”. Lại, trí cùng quyền thuộc có thể chứng đắc pháp giới. Vì sao? Do tâm thanh tịnh nên đạo thanh tịnh. Do đạo thanh tịnh nên tâm thanh tịnh.

Lại như kinh nói: “Lại nữa, này Thiện nam! Trí gọi là đoạn dứt sự tương ưng. Thế nên, này Thiện nam! Trí gọi là pháp tương ưng, không phải là pháp không tương ưng”: Vì cùng lần lượt dựa vào nhau.

Lại như kinh nói: “Lại nữa, này Thiện nam! Trí gọi là khéo quán năm âm, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, là xứ, không phải xứ. Này Thiện nam! Do nghĩa này, nên trí gọi là tương ưng, không phải là không tương ưng”: Do nhận biết đúng như thật về cảnh giới có thể nhận biết.

Thế nào là sáu thứ mười pháp? Đầu tiên nói về pháp thứ nhất:
Mười thứ trí.

* **Kinh nói:** “*Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát có mười thứ trí:*

- (1) *Trí nhân.*
- (2) *Trí quả.*
- (3) *Trí nghĩa.*
- (4) *Trí phương tiện.*
- (5) *Trí tuệ.*
- (6) *Trí thâm nhận.*
- (7) *Trí Ba-la-mật.*
- (8) *Trí đại bi.*
- (9) *Trí giáo hóa chúng sinh.*
- (10) *Trí không chấp trước nơi tất cả pháp.*

Này Thiện nam! Đó gọi là mười thứ trí của các Đại Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** Kinh nói: Các Đại Bồ-tát có mười thứ trí:

(1) *Trí nhân:* Là khéo nhận biết về chúng tử giải thoát từ đời vô thi đến nay.

(2) *Trí quả:* Là nhận biết đúng như thật về vô số thứ nghiệp báo từ đời vô thi đến nay.

(3) *Trí nghĩa:* Là khéo nhận biết về tự lợi, lợi tha.

(4) *Trí phương tiện:* Là có thể tăng trưởng chút ít căn thiện khiến trở nên vô lượng.

(5) *Trí tuệ:* Là có thể quan sát các pháp thiện, pháp bất thiện.

(6) *Trí thâm nhận:* Là thâm giữ pháp thí và tư sinh thí (Tài thí).

(7) *Trí Ba-la-mật:* Là khéo nhận biết về sự thành tựu vô số các căn thiện.

(8) *Trí đại bi*: Là dựa vào căn thiện để có thể phát khởi hành thiện.

(9) *Trí giáo hóa chúng sinh*: Là khéo quán về thời, không phải thời.

(10) *Trí không chấp trước nơi tất cả các pháp*: Là do lia hai biên, tu hành trung đạo.

Như kinh nói: Này Thiện nam! Đó gọi là mười thứ trí của các Đại Bồ-tát.

Tiếp theo là nói về pháp thứ hai: Mười thứ phát khởi.

* **Kinh nói**: “Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát có mười thứ phát khởi:

(1) *Phát khởi về thân, là muốn khiến nghiệp thân của tất cả chúng sinh đều thanh tịnh.*

(2) *Phát khởi về miệng, là muốn khiến nghiệp miệng của tất cả chúng sinh đều được thanh tịnh.*

(3) *Phát khởi về ý, là muốn khiến nghiệp ý của tất cả chúng sinh đều thanh tịnh.*

(4) *Phát khởi bên trong, là không phân biệt hư vọng đối với tất cả các chúng sinh.*

(5) *Phát khởi bên ngoài, là hành bình đẳng đối với tất cả chúng sinh.*

(6) *Phát khởi về trí, là đạt đầy đủ trí Phật thanh tịnh.*

(7) *Phát khởi về cõi nước thanh tịnh, là chỉ rõ về tất cả công đức trang nghiêm nơi cõi nước của Phật.*

(8) *Phát khởi sự giáo hóa chúng sinh, là nhận biết các thứ thuốc chữa trị tất cả bệnh phiền não.*

(9) *Phát khởi sự thật, là thành tựu về tự định.*

(10) *Phát khởi trí vô vi và tâm đầy đủ, là không chấp trước nơi tất cả ba cõi.*

Này Thiện nam! Đó gọi là mười thứ phát khởi của các Đại Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** Kinh nói: Các Đại Bồ-tát có *mười thứ phát khởi.*

(1) Phát khởi về thân là muốn khiến nghiệp thân của tất cả chúng sinh đều được thanh tịnh.

(2) Phát khởi về miệng là muốn khiến nghiệp miệng của tất cả chúng sinh đều được thanh tịnh.

(3) Phát khởi về ý là muốn khiến nghiệp ý của tất cả chúng sinh đều được thanh tịnh: Do vì phát khởi sức tinh tấn lớn, xa lìa tất cả hành ác nơi ba nghiệp thân, miệng, ý.

(4) Phát khởi bên trong là để hóa độ tất cả chúng sinh, khiến học nơi xứ kia. Vì không phân biệt hư vọng đối với tất cả chúng sinh, nên không chấp trước nơi các pháp.

(5) Phát khởi bên ngoài là hành bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, do xa lìa các thứ yêu ghét.

(6) Phát khởi về trí là đạt đầy đủ trí Phật thanh tịnh, vì giáo hóa bình đẳng tất cả chúng sinh.

(7) Phát khởi về cõi nước thanh tịnh là chỉ rõ về tất cả công đức trang nghiêm nơi cõi nước của Phật. Vì trí của văn tuệ không câu pháp điên đảo.

(8) Phát khởi sự giáo hóa chúng sinh là nhận biết các thứ thuốc chữa trị tất cả bệnh phiền não, vì đạt được tự tại trong tất cả pháp.

(9) Phát khởi sự thật là thành tựu tự định, do nhận biết đúng như thật về tâm, khiến tùy thuận, tương ưng với việc giảng nói pháp.

(10) Phát khởi trí vô vi và tâm đầy đủ là chứng nhập pháp chân thật, vì không chấp trước nơi tất cả ba cõi. Vì tâm không vương mắc pháp hư vọng. Lại, tâm xa lìa các thứ chấp giữ tướng hư vọng về thật không thật.

Như kinh nói: Nay Thiện nam! Đó gọi là mười thứ phát khởi của các Đại Bồ-tát.

Sau đây là nói về pháp thứ ba: Mười thứ hành.

* **Kinh nói:** “Lại nữa, nay Thiện nam! Các Đại Bồ-tát có mười thứ hành.

(1) Hành Ba-la-mật.

(2) Hành Nhiếp sự.

(3) Hành tuệ.

(4) Hành phương tiện.

(5) Hành đại bi.

(6) Hành cầu pháp hỗ trợ tuệ.

(7) Hành cầu pháp hỗ trợ trí.

(8) Hành tâm thanh tịnh.

(9) Hành quán các đế.

(10) Hành không tham chấp đối với tất cả sự việc yêu thích, không yêu thích.

Nay Thiện nam! Đó gọi là mười thứ hành của các Đại Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** Kinh nói: Các Đại Bồ-tát có mười thứ hành:

(1) Hành Ba-la-mật để hỗ trợ đầy đủ cho pháp Bồ-đề.

(2) Hành Nhiếp sự để có thể giáo hóa các chúng sinh.

(3) Hành tuệ để quán như thật về pháp sinh diệt.

(4) Hành phương tiện để nhận biết đúng như thật về tất cả các pháp.

(5) Hành đại bi do tâm Bồ-tát không cầu chứng Niết-bàn.

(6) Hành cầu pháp hỗ trợ tuệ là để đạt được bốn pháp vô sở úy.

(7) Hành cầu pháp hỗ trợ trí là để tự nhiên đạt được tất cả các pháp.

(8) Hành tâm thanh tịnh để không nghi hoặc đối với tất cả các pháp.

(9) Hành quán các đế là để chứng nhập đệ nhất nghĩa đế.

(10) Hành không tham chấp đối với tất cả sự việc yêu thích, không yêu thích: Tức như trước đã nói, vì lìa những sự yêu ghét.

Như kinh nói: Này Thiện nam! Đó gọi là mười thứ hành của các Đại Bồ-tát.

Đã nói: Do những trí nào? Tiếp theo là nói: **Thế nào là chứng đắc?** Là chỉ rõ có **mười một pháp quán không cùng tận**.

* **Kinh nói:** “Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát có mười một thứ quán không cùng tận. Đó là:

(1) Quán thân không cùng tận.

(2) Quán sự việc không cùng tận.

(3) Quán phiền não không cùng tận.

(4) Quán pháp không cùng tận.

(5) Quán ái không cùng tận.

(6) Quán kiến không cùng tận.

(7) Quán pháp trợ đạo không cùng tận.

(8) Quán sự nhận lấy không cùng tận.

(9) Quán sự không vướng mắc không cùng tận.

(10) Quán sự tương ưng không cùng tận.

(11) Quán tánh trí của đạo tràng không cùng tận.

Này Thiện nam! Đó gọi là mười một pháp quán không cùng tận của các Đại Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** Kinh nói: Các Đại Bồ-tát có mười một pháp quán không cùng tận.

(1) Quán thân không cùng tận, là quán như thật về thân hữu vi, vô vi của Thánh, không phải Thánh.

(2) Quán sự việc không cùng tận, là quán như thật về nghĩa thật và không thật.

(3) Quán phiền não không cùng tận, là quán như thật về pháp tịnh, nhiễm.

(4) Quán pháp không cùng tận, là quán như thật về tất cả pháp thượng, trung, hạ.

(5) Quán ái không cùng tận, là quán như thật về pháp thiện, bất thiện.

(6) Quán kiến không cùng tận, là quán như thật về kiến điên đảo, không điên đảo.

(7) Quán pháp trợ đạo không cùng tận, là quán như thật về vô số môn tu tập căn thiện, hồi hướng đến Đại Bồ-đề.

(8) Quán sự nhận lấy không cùng tận, là quán như thật về vô biên cảnh giới của chúng sinh.

(9) Quán sự không vướng mắc không cùng tận, về nghĩa không vướng mắc như trước đã nói.

(10) Quán sự tương ưng không cùng tận, là quán như thật về là nghĩa, không phải nghĩa.

(11) Quán tánh trí của đạo tràng không cùng tận, là tùy theo chúng sinh tin tưởng, chỉ rõ việc an tọa nơi đạo tràng.

Như kinh nói: Này Thiện nam! Đó gọi là mười một pháp quán không cùng tận của các Đại Bồ-tát.

Đã nói về: **Thế nào là chứng đắc?** Kế tiếp là nói: **Vì nghĩa nào?** Tức chỉ rõ về pháp thứ năm: **Mười thứ pháp đối trị.**

* **Kinh nói:** “Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát có mười thứ pháp đối trị. Những gì là mười? Đó là:

(1) Đối trị tâm tham lam keo kiệt là tuôn trận mưa bố thí.

(2) Đối trị tâm phá giới là dùng ba pháp thanh tịnh của nghiệp thân, miệng, ý.

(3) Đối trị tâm giận dữ là tu hành tâm đại từ bi thanh tịnh.

(4) Đối trị tâm biếng nhác là cầu pháp của chư Phật không biết mệt mỏi.

(5) Đối trị tâm giác quán bất thiện là chứng được thiên định phần tấn giải thoát, tự tại.

(6) Đối trị tâm ngu si là phát sinh pháp hỗ trợ quyết định phương tiện tuệ.

(7) Đối trị tâm phiền não là sinh khởi pháp trợ đạo.

(8) Đối trị đạo điên đảo là dùng Tập để thật để hỗ trợ đạo, sinh đạo không điên đảo.

(9) Đối trị tâm không tự tại là giảng nói pháp đúng thời, phi thời đều được tự tại.

(10) Đối trị chấp có tướng ngã là quán các pháp đều vô ngã.

Này Thiện nam! Đó gọi là mười pháp đối trị của các Đại Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** Kinh nói: Các Đại Bồ-tát có mười thứ pháp đối trị: Tức là dùng mười pháp Ba-la-mật thanh tịnh. Những gì là mười pháp?

(1) Bồ thí Ba-la-mật thanh tịnh. Như kinh nói: “Đối trị tâm tham lam, keo kiệt là tuôn trận mưa bồ thí”.

(2) Trì giới Ba-la-mật thanh tịnh. Như kinh nói: “Đối trị tâm phá giới là dùng ba pháp thanh tịnh nơi nghiệp thân, miệng, ý”.

(3) Nhẫn nhục Ba-la-mật thanh tịnh. Như kinh nói: “Đối trị tâm giận dữ là tu hành tâm đại từ bi thanh tịnh”.

(4) Tinh tấn Ba-la-mật thanh tịnh. Như kinh nói: “Đối trị tâm biếng nhác là cầu pháp của chư Phật không biết mệt mỏi”.

(5) Thiền định Ba-la-mật thanh tịnh. Như kinh nói: “Đối trị tâm giác quán bất thiện là chứng được thiền định phần tấn, giải thoát, tự tại”.

(6) Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh. Như kinh nói: “Đối trị tâm ngu si là phát sinh pháp hỗ trợ quyết định phương tiện tuệ”.

(7) Phương tiện Ba-la-mật thanh tịnh. Như kinh nói: “Đối trị tâm phiền não là sinh khởi pháp trợ đạo”.

(8) Nguyện Ba-la-mật thanh tịnh. Như kinh nói: “Đối trị đạo điên đảo là dùng Tập để thật để hỗ trợ đạo, sinh đạo không điên đảo”.

(9) Lực Ba-la-mật thanh tịnh. Như kinh nói: “Đối trị tâm không tự tại là giảng nói pháp đúng thời, phi thời đều được tự tại”.

(10) Trí Ba-la-mật thanh tịnh. Như kinh nói: “Đối trị chấp có tướng ngã là quán các pháp đều vô ngã”.

Như kinh nói: Này Thiện nam! Đó gọi là mười pháp đối trị của các Đại Bồ-tát.

Đã nói về: *Vì nghĩa nào?* Tiếp đến là nói: *Trụ nơi xứ nào?* Tức chỉ rõ về pháp thứ sáu: *Mười thứ địa tĩnh lặng*.

* **Kinh nói:** “Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát có mười thứ địa tĩnh lặng. Những gì là mười? Đó là:

- (1) Thân tĩnh lặng, do đã lìa ba thứ nghiệp bất thiện của thân.
- (2) Miệng tĩnh lặng, do bốn thứ nghiệp của miệng đã thanh tịnh.
- (3) Tâm tĩnh lặng, do đã lìa ba thứ hành ác của ý.
- (4) Bên trong tĩnh lặng, do không vướng mắc về tự thân.
- (5) Cảnh giới bên ngoài tĩnh lặng, do không chấp nơi tất cả pháp.
- (6) Công đức trí tĩnh lặng, do không chấp giữ nơi đạo.
- (7) Thủ thắng tĩnh lặng, do quán như thật về cảnh giới của bậc Thánh.
- (8) Đòi vị lai tĩnh lặng, do tuệ bờ kia hỗ trợ cho hành.
- (9) Mọi việc làm ở thế gian tĩnh lặng, vì không lừa dối tất cả chúng sinh.
- (10) Thân tâm không luyến tiếc tĩnh lặng, vì tâm đại từ bi giáo hóa tất cả chúng sinh.

Này Thiện nam! Đó gọi là mười địa tĩnh lặng của các Đại Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** Kinh nói: Các Đại Bồ-tát có mười thứ địa tĩnh lặng.

- (1) Thân tĩnh lặng, do đã lìa ba thứ nghiệp bất thiện của thân.
- (2) Miệng tĩnh lặng, do bốn thứ nghiệp của miệng đã thanh tịnh.
- (3) Tâm tĩnh lặng, do đã lìa ba thứ hành ác của ý, do ba thứ giới thiện thanh tịnh.
- (4) Bên trong tĩnh lặng, do không vướng mắc về tự thân, tức lìa bỏ ngã kiến tà vạy.
- (5) Cảnh giới bên ngoài tĩnh lặng, do không chấp nơi tất cả pháp, tức lìa pháp thường, vô thường.
- (6) Công đức trí tĩnh lặng, do không chấp giữ nơi đạo, tức không chấp giữ có vật, không vật.

(7) Thù thắng tĩnh lặng, do quán như thật về cảnh giới của bậc Thánh, tức không nhận thấy cảnh giới của Thanh văn, Phật-bích-chi, nhưng quan sát đúng như thật về cảnh giới Thánh của chư Phật, Bồ-tát.

(8) Đòi vị lai tĩnh lặng, do tuệ bờ kia hỗ trợ cho hành, tức xa lìa tất cả chấp tướng hư vọng.

(9) Mọi việc làm ở thế gian tĩnh lặng, vì không lừa dối tất cả chúng sinh, tức nhận biết đúng như thật về Thế đế cùng Đệ nhất nghĩa đế, nên giảng nói pháp không điên đảo.

(10) Thân tâm không luyến tiếc tĩnh lặng, vì tâm đại từ bi giáo hóa tất cả chúng sinh, tức do giáo hóa chúng sinh, nên Bồ-tát thọ sinh khắp các chốn đều không mệt mỏi.

Như kinh nói: Nay Thiện nam! Đó gọi là mười thứ địa tĩnh lặng của các Đại Bồ-tát.

Đã nói về: **Sự chứng nhập pháp giới**. Từ đây trở xuống là nói về: **Nghĩa tùy thuận tu hành như thật của các Đại Bồ-tát**.

*** Kinh nói:** “Lại nữa, nay Thiện nam! Các Đại Bồ-tát tu hành như thật mới chứng đắc Bồ-đề, không phải là không tu hành như thật mà chứng đắc Bồ-đề. Nay Thiện nam! Sao gọi là các Đại Bồ-tát tu hành như thật? Tu hành như thật là có khả năng hành trì như lời đã giảng nói. Tu hành không như thật là người chỉ có ngôn thuyết, không thể hành trì như thật.

Lại nữa, nay Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật: (1) Đạo tu hành như thật của trí. (2) Đạo tu hành như thật của đoạn. Nay Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát.

Lại nữa, nay Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật: (1) Tu hành như thật điều phục tự thân. (2) Tu hành như thật giáo hóa chúng sinh. Nay Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật: (1) Tu hành như thật với trí công dụng. (2) Tu hành như thật với trí không công dụng. Này Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật: (1) Tu hành như thật khéo nhận biết phân biệt các địa. (2) Tu hành như thật theo phương tiện khéo nhận biết các địa không sai biệt. Này Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật: (1) Tu hành như thật xa lìa lỗi của các địa. (2) Tu hành như thật theo phương tiện khéo nhận biết sự chuyển biến của mỗi địa. Này Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật: (1) Tu hành như thật có thể giảng nói địa Thanh văn, Phật-bích-chi. (2) Tu hành như thật theo phương tiện khéo nhận biết pháp Bồ-đề Phật không thoái chuyển. Này Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát”.

*** Luận nêu:** Kinh nói: Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát tu hành như thật mới chứng đắc Bồ-đề, không phải là không tu hành như thật mà chứng đắc Bồ-đề. Này Thiện nam! Sao gọi là các Đại Bồ-tát tu hành như thật? Tu hành như thật là có khả năng hành trì như lời đã giảng nói. Tu hành không như thật là người chỉ có ngôn thuyết, không thể hành trì như thật: Tức do như điều đã giảng nói, tu hành như thật, không mâu thuẫn với lời nói trước.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật:

(1) Đạo tu hành như thật của trí.

(2) Đạo tu hành như thật của đoạn.

Này Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát. Vì nhận biết đúng như thật về trí chứng nhập của hàng Thanh văn, Phật-bích-chi, nhưng không giữ lấy xứ ấy cho là cứu cánh.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật:

(1) Tu hành như thật điều phục tự thân: Tức tự chọn lấy đạo vi diệu để tu hành như thật.

(2) Tu hành như thật giáo hóa chúng sinh: Tức hóa độ các chúng sinh khác, khiến nhập nơi chánh đạo, giảng nói pháp như thật.

Như kinh nói: Này Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật:

(1) Tu hành như thật với trí công dụng: Vì trí công dụng tạo ra tâm hành nơi hành của Bồ-tát.

(2) Tu hành như thật với trí không công dụng: Tức Bồ-tát trụ trong quả vị tu đạo, dùng tâm không tạo tác hành hạnh Bồ-tát với trí hành không công dụng.

Như kinh nói: Này Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát.

Lại như kinh nói: Lại nữa, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật:

(1) Tu hành như thật khéo nhận biết phân biệt các địa: Tức khéo dùng phương tiện trí tuệ.

(2) Tu hành như thật theo phương tiện khéo nhận biết các địa không sai biệt: Tức đã hội nhập một tướng.

Như kinh nói: Nay Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát.

Lại như kinh nói: Lại nữa, nay Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật:

(1) Tu hành như thật xa lìa lỗi của các địa: Do lìa chấp hai biên.

(2) Tu hành như thật theo phương tiện khéo nhận biết sự chuyển biến của mỗi địa: Tức do tu hành pháp thiện, tinh tấn không ngừng nghỉ.

Như kinh nói: Nay Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát.

Lại như kinh nói: Lại nữa, nay Thiện nam! Các Đại Bồ-tát còn có hai thứ tu hành như thật:

(1) Tu hành như thật có thể giảng nói địa Thanh văn, Phật-bích-chi: Vì khéo nhận biết tất cả pháp.

(2) Tu hành như thật theo phương tiện khéo nhận biết pháp Bồ-đề Phật không thoái chuyển: Tức do chứng nhập pháp chân như, nhận biết đúng như thật về phương tiện tu hành.

Như kinh nói: Nay Thiện nam! Đó gọi là hai thứ tu hành như thật của các Đại Bồ-tát.

** Kinh nói:* “Nay Thiện nam! Các Đại Bồ-tát có vô lượng vô biên pháp tu hành như thật như thế v.v.. Các Đại Bồ-tát nên tu học và hành trì như thật như vậy. Các Đại Bồ-tát nếu có thể tu hành như thật như vậy, sẽ mau chóng chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, không lấy làm khó”.

** Luận nêu:* Tu hành bốn thứ nhân thù thắng nên thành tựu bốn thứ quả thù thắng, cùng các pháp tu hành như thật khác. Quả thù thắng: Đó là trí của các Như Lai, trong khoảng một niệm nhận biết sự việc nơi ba đời thấy đều tương ưng.

* **Kinh nói:** “*Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi: Lành thay! Lành thay! Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hôm nay, ông khéo có thể vì các Đại Bồ-tát giảng nói về đạo bản nghiệp, thật đúng như ông đã nêu bày*”.

* **Luận nêu:** Lành thay! Là do giảng nói pháp không điên đảo, vì tùy thuận nơi pháp Như Lai đã giảng nói.

* **Kinh nói:** “*Khi thuyết giảng pháp này, có mười ngàn Bồ-tát chứng được pháp Nhân vô sinh. Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi v.v... tất cả hàng trời, người, A-tu-la v.v... ở thế gian, nghe Phật giảng nói đều vô cùng hoan hỷ, tin nhận phụng hành*”.

* **Luận nêu:** Có 3 thứ nghĩa thế nên hoan hỷ:

(1) Người giảng nói thanh tịnh: Do được tự tại đối với các pháp.

(2) Pháp được giảng nói thanh tịnh: Do đã chứng biết như thật về thể của pháp thanh tịnh.

(3) Dựa vào pháp đã giảng nói đạt được quả thanh tịnh: Vì chứng được cảnh giới tịnh diệu. Như kinh nói: “Mọi người đều vô cùng hoan hỷ, tin nhận, phụng hành”.

HẾT - QUYỂN HẠ

SỐ 1532/4
**LUẬN KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN
SỞ VẤN**

Tác giả: Bồ tát Thiên Thân.

Hán dịch: Đồi Nguyên Ngụy, Đại sư Bồ Đề Lưu Chi.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

QUYỂN 1

Quy mạng Phật Thích-ca Mâu-ni v.v...: Nghĩa của bốn câu nơi phần đầu của các kinh đều có luận giải thích. Như chỗ giải thích đó, nên biết.

Ở trong đại chúng giảng nói pháp môn này: Là nhằm chỉ rõ pháp thù thắng thuộc về đại chúng nơi trụ xứ giảng nói pháp, vì dựa vào xứ thù thắng như núi kia để giảng nói.

Sáu vạn bốn ngàn Tỳ-kheo Tăng: Đây là chỉ rõ tính chất trang nghiêm nơi đại chúng của Như Lai.

Pháp môn của kinh này rất sâu xa, vi diệu, hoàn toàn vượt quá cảnh giới của hàng Thanh văn: Là chỉ rõ Đức Như Lai có thể giảng nói nghĩa thù thắng.

Bảy vạn hai ngàn các Bồ-tát: Vì sao số lượng các Bồ-tát nhiều hơn Thanh văn? Do kinh điển này vì các Đại Bồ-tát giảng nói pháp hết mực thâm diệu.

Điều là chỗ nhận biết của bậc trí: Đã nhận biết rồi vì sao phải nói lại? Vì dựa vào pháp thế gian. Thế gian nói thù thắng trong sự thù thắng. Như nói đoan nghiêm tột bậc trong sự đoan nghiêm, mới có thể hướng đến vị lai. Đối với người có đức tốt đẹp trong những người có đức, mới có thể tạo dựng cho vị lai.

Các Bồ-tát kia đều có trí riêng, không phải là có chung. Lại còn có nghĩa: Điều là chỗ nhận biết của bậc trí. Nhận biết: Là nhập vào địa nơi đối tượng được nhận biết của Bồ-tát. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do các Đại Bồ-tát này trước đã từng hành hạnh Bồ-tát, nên biết được Bồ-tát kia. Vì thế nên nói: Điều là chỗ nhận biết của bậc trí.

Các Bồ-tát kia là bậc trí, về đối tượng được nhận biết có 7 thứ đức, đều dựa vào biện tài lạc thuyết, nên biết. *Những gì là bảy?*

- (1) Biện tài lạc thuyết vô số thứ loại.
- (2) Biện tài lạc thuyết lưu loát.
- (3) Biện tài lạc thuyết kiên cố.
- (4) Biện tài lạc thuyết rõ ràng, dễ hiểu.
- (5) Biện tài lạc thuyết không khiếm nhược.
- (6) Biện tài lạc thuyết tương ưng.
- (7) Biện tài lạc thuyết tùy ý mở rộng.

Các biện tài ấy như kinh nói: “Chúng đấng đầy đủ Đà-la-ni, cho đến chúng đấng pháp Nhẫn vô sinh”.

Bảy câu như thế theo thứ lớp giảng nói, nghĩa này nên biết.

Nên biết như thế nào? Đà-la-ni là do tuệ đa văn, ưa giảng nói đủ các pháp môn, nên gọi là *Biện tài lạc thuyết vô số thứ loại*.

Vì giảng nói rất nhanh nhẹn, không dừng lại, nên gọi là *Biện tài lạc thuyết lưu loát*.

Vì đã thâm nhận được các Tam-muội nên không hề quên mất, do đó gọi là *Biện tài lạc thuyết kiên cố*.

Do các Đại Bồ-tát v.v... đã trụ trì, dựa vào diệu lực thần thông thù thắng nên không sợ tất cả các ma v.v..., vì vậy gọi là *Biện tài lạc thuyết rõ ràng, dễ hiểu*.

Bồ-tát đã đạt được bốn pháp không sợ hãi, uy đức thắng diệu, đối với chúng của mình, của người đều không sợ hãi, nên gọi là *Biện tài lạc thuyết không khiếp nhược*.

Dựa vào giả danh, nhờ oai lực Phật gia bị, nên Bồ-tát đã thành tựu thể tướng của ba pháp, không điên đảo, do đó gọi là *Biện tài lạc thuyết tương ưng*.

Chúng được pháp Nhẫn vô sinh trong tám địa, tùy ý giảng nói pháp, lia hết thảy các chướng ngại khi nói pháp, nên gọi là *Biện tài lạc thuyết tùy ý mở rộng*.

Bậc Thánh: Là chỉ cho các vị Bồ-tát như Văn-thù-sư-lợi v.v...

Do nghĩa gì gọi là Pháp vương tử? Do từ khi mới phát tâm trở về sau, thường đoạn pháp dâm dục. Ngay lúc mới phát tâm đã chứng nhập chánh vị nơi tâm định của Bồ-tát, nên nhận biết như thế.

Tất cả Bồ-tát đều là Đại Hiền sĩ. Vì sao chỉ nói Thánh giả Bạt-đà-bà-la v.v... gọi là Đại Hiền sĩ? Vì nhằm chỉ rõ về tâm hành thù thắng. Các Bồ-tát như Bạt-đà-bà-la v.v... đều có tâm niệm như thế này: Ta đã giáo hóa chúng sinh, đều khiến họ phát tâm Bồ-đề, cầu đạt quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đã được như thế, lại hóa độ chúng sinh, khiến chúng đắc quả vị Bồ-đề Vô thượng. Thế nên hành tự lợi, lợi tha là sự tu hành như thật thù thắng, vì tự cầu Bồ-đề, cũng hóa độ chúng sinh khiến chúng được Bồ-đề. Vì thế nên nói Bạt-đà-bà-la v.v... kia là Đại Hiền sĩ.

Có trăm ngàn vạn đại chúng vây quanh: Là nhằm chỉ rõ về quyền thuộc lớn của Như Lai.

Tất cả đều là những vị đạt được tâm định: Đây là do Đức Như Lai có thể thông lĩnh đại chúng, là bậc tối thắng trong đại chúng. Dùng trăm ngàn vạn chúng nhằm chỉ rõ về đại sự, thế nên vây quanh.

Nói vây quanh: Là chỉ rõ đại chúng thấy đều khéo điều phục các phiền não.

Nên gọi là giảng nói pháp: Là chỉ rõ Đức Như Lai thường xuyên giảng nói pháp, không đoạn dứt, vì đã lia các lỗi lầm.

Đầu gối bên phải chাম đất: Là chỉ rõ tướng oai nghi khi sắp thưa hỏi Phật. Lại nhằm chỉ ra tướng nhất tâm của các đại chúng v.v...

Hai gối đều chạm đất: Là tướng không thành lễ bái, cũng không thành tướng thưa hỏi Phật, vì theo các thế gian, gối bên phải chạm đất là tướng cung kính, tôn trọng.

Làm chấn động cả ba ngàn đại thiên thế giới này: Là do các ma thường gây trở ngại cho người nói pháp, nhằm khiến các ma sinh hoảng sợ. Lại, khi Phật giảng nói pháp, đại chúng không khởi tâm tán loạn.

Lại vì có thể hóa độ chúng sinh. Nếu là người phóng dật, khiến tự hiểu biết. Lại khiến chúng sinh nhớ nghĩ đến tướng của pháp.

Lại còn có nghĩa: Gây chấn động nơi các chúng sinh v.v... trong ba ngàn đại thiên thế giới này, khiến họ quan sát được các đại chúng này đang hiện diện nơi xứ giảng nói pháp.

Lại vì giáo hóa chúng sinh đã thuần thực, khiến được giải thoát. Lại nhằm khiến tùy thuận hỏi về nghĩa đúng đắn.

Phật nói với Bồ-tát Vông Minh: Tùy ý Bồ-tát thưa hỏi, Ta sẽ giải nói khiến tâm ông vui thích. Đức Như Lai nghe hỏi, chỉ rõ tự thân Ta là người Nhất thiết trí, vì khiến người nghe, nghe Như Lai giảng nói pháp, sinh tâm tôn trọng.

Có thể thấy được thân Phật: Là tùy thuận quán phần thân nào của Như Lai không thể lìa bỏ, lại quán phần thân khác của Như Lai, vì thân tướng của Như Lai là vi diệu.

Vượt hơn ánh sáng của trăm ngàn vạn mặt trời, mặt trăng: Là chỉ rõ tướng thù thắng tương ứng với tướng vi diệu.

Chỉ rõ tướng xuất thế gian của Như Lai, vì thân Như Lai có tướng như thế. Như Lai vì ban cho chúng sinh niềm vui và sự an ổn, nên thị hiện sự nhận biết tương ứng với tâm ngay thẳng và sự tu hành tương ứng với quả của trí, nên biết.

Nên biết như thế nào? Nên biết Đức Như Lai dựa vào sắc tướng kia, phát ra các hào quang, có thể tạo nên hai thứ lợi ích cho chúng sinh. Nghĩa là chư Phật ban cho chúng sinh sự an ổn và niềm vui, tương ứng với trí, soi sáng quốc độ của chư Phật.

Ta tự nhớ nghĩ: Nếu có chúng sinh có thể trông thấy thân Phật và tư duy. Ở đây, thấy là đầu tiên thấy sắc tướng của Phật. Nói tư duy tức tiếp sau quan sát.

Nói các hào quang tỏa sáng: Là dựa vào ba thứ pháp sai biệt, nên biết. Ba pháp đó là *Nhân*, *Danh* và *Hoàn thành*.

Gọi là *Nhân*: Tức chư Phật ban cho chúng sinh niềm vui và sự an ổn, tu hành tương ứng với trí, nghĩa này nên biết.

Danh: Tức như kinh nói là sự vắng lặng, trang nghiêm, cho đến gọi là thị hiện tất cả các thứ sắc như thế. Dựa vào chính mình, mỗi mỗi chúng sinh tạo nghiệp sai biệt, về nghĩa này nên biết.

Hoàn thành: Tức sự việc đều đã hoàn thành, nêu tóm lược có bốn thứ. Dựa nơi nghĩa kia nên lược nói tức có bốn thứ hào quang tỏa sáng. Đó là *thọ dụng*, *tăng trưởng công đức*, *dứt điều ác*, *kiến tin tưởng*.

Nói: *Thọ dụng*: Nghĩa là chư Phật Như Lai có thể hóa độ chúng sinh, cùng thọ nhận pháp lạc. Chúng sinh thọ dụng niềm vui, nghĩa

là được thấy Như Lai, cúng dường Như Lai, lễ bái Như Lai, thưa hỏi Như Lai, nên biết.

Được thấy Như Lai, cúng dường Như Lai là dựa vào hào quang tỏa sáng thứ nhất, được thấy Như Lai, tư duy về Như Lai. Được thấy, cúng dường Như Lai là hào quang tỏa sáng thứ nhất.

Lễ bái Như Lai là chỉ rõ nghiệp thân cúng dường. Thấy Như Lai, không phải là cúng dường, nên biết.

Thưa hỏi Như Lai là hào quang tỏa sáng thứ hai, là nói trong phần đã hỏi, vì có thứ lớp sai biệt về quả báo của thế gian và xuất thế gian.

Lại có sáu thứ hào quang tỏa sáng, soi rọi về sự sai biệt của quả báo thắng diệu nơi thế gian, dựa vào 2 thứ địa:

- (1) Địa không phải định.
- (2) Địa dựa vào định.

Địa không phải định: Nghĩa là do thệ nguyện nên thâm nhận 2 thứ quả báo: (a) Quả báo thắng diệu của Chuyển luân Thánh vương. (b) Quả báo thắng diệu của vua trời Đế Thích.

Địa dựa vào định: Nghĩa là quả báo thắng diệu của vua Phạm thiên. Vì sao không nhận lấy các quả báo của trời Dạ-ma v.v...? Do các kinh nơi thế gian đều không nói đến. Đức Phật phóng hào quang tỏa sáng, cũng nên soi sáng cõi trời đó, nhưng vì trong các kinh không có, nên không nêu rõ.

Nói: *Quả báo xuất thế gian có sai biệt:* Nghĩa là dựa vào ba thứ sai biệt của ba Thừa, nghĩa này nên biết.

Nói: *Tăng trưởng công đức:* Nghĩa là tăng trưởng 3 thứ công đức.

(1) Chúng sinh ở trong nẻo ác, khiến lìa khỏi nơi đó, nơi đời vị lai được sinh nơi đường thiện.

(2) Chúng sinh đang thọ khổ, Bồ-tát liền hiện thân trong cảnh đó, ban cho họ an vui, khiến được hoan hỷ.

(3) Có thể khiến những chúng sinh phóng dật sinh nơi pháp thiện.

Nói: *Dứt điều ác*: Nghĩa là khiến các chúng sinh lìa các nẻo, lìa các cảnh giới, lìa các nạn, lìa các chướng, đó gọi là dứt điều ác.

Các nẻo có 2 thứ: (1) Nẻo ác. (2) Nẻo thiện.

Nẻo ác có 3 thứ: (a) Khiến các chúng sinh lìa các nạn, nghĩa là khiến chúng sinh lìa vô số các thứ khổ nạn nơi ba nẻo ác. (b) Khiến các chúng sinh lìa các chướng, nghĩa là khiến chúng sinh lìa vô số các chướng như: các căn không đầy đủ, tạo nghiệp ác, mù, điếc, tâm thức mê lầm trong nẻo thiện. (c) Lìa vô số chướng ngại trong các Địa.

Các Địa có 3 thứ: Một là Địa Bồ-tát. Hai là Địa Thanh văn. Ba là Địa phàm phu.

Trong Địa Bồ-tát: Nghĩa là khiến chúng sinh xa lìa sáu thứ chướng do các Ba-la-mật đối trị.

Trong Địa Thanh văn: Nghĩa là khiến chúng sinh lìa ba thứ chướng, chướng không cung kính và chướng không có trí. Phiền não tăng thượng không thể ngăn cấm, còn đẩy khởi phiền não, nên gọi là chướng. Lại, không cung kính là chướng do không tin. Lại, không có trí là chướng do không có tuệ đa văn. Lại như phiền não tăng thượng, không thể ngăn cấm, còn để chúng đẩy khởi, nên gọi là chướng, tức chướng do không biết hổ thẹn.

Trong Địa phàm phu: Nghĩa là khiến chúng sinh lìa bốn thứ chướng, dựa vào gốc tu tập. Chướng do các phiền não như tham sân si hiện hành, nghĩa là các thứ hiện hành như tà niệm. Chướng do tất cả phiền não hiện hành, nghĩa là các thứ phiền não xen tạp hiện hành.

Đây là dứt điều ác.

Dựa vào thứ lớp của hai mươi một thứ hào quang tỏa sáng để nói, nên biết.

Nói: *Khiến tin tưởng*: Nghĩa là trông thấy thân Như Lai, hào quang tỏa sáng vi diệu, thù thắng, thế nên sinh khởi tin tưởng, hy vọng muốn được trông thấy.

Vô số các thứ sắc dị biệt: Là trông thấy các màu sắc.

Thấy: Là hy vọng muốn được thấy.

Lại, vô số sắc dị biệt: Là các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng v.v..., mỗi thứ đều khác nhau.

Vô lượng các thứ sắc: Là các màu sắc xanh, vàng v.v..., mỗi màu đều có vô lượng thứ.

Vượt quá trăm, ngàn, vạn sắc: Tức là hào quang tỏa sáng thù thắng, vượt quá nơi các sắc xanh v.v... khác.

Vượt quá: Nghĩa là lại vượt quá vô lượng vô biên trong các sắc như xanh, vàng v.v...

Hoặc kiếp còn lại: Là nói vượt qua một kiếp, cho đến vô lượng vô biên kiếp.

Công đức vô lượng vô biên của hào quang tỏa sáng không thể cùng tận: Là công đức của hào quang tỏa sáng vô lượng vô biên, không thể dùng toán số, thí dụ để có thể diễn đạt, cho đến cảnh giới Niết-bàn vô dư cũng không cùng tận, nên biết.

Tất cả hào quang tỏa sáng, cho đến A-tăng-kỳ kiếp, vô số vô lượng ánh sáng vẫn không ra ngoài sự tương ứng của bốn thứ hào quang tỏa sáng như thọ dụng v.v...

Như thế, nhận biết là Đức Như Lai đã thị hiện vô lượng vô biên hào quang tỏa sáng trang nghiêm, phương tiện thiện xảo không thể nghĩ bàn, tương ứng với việc giảng nói pháp: Tức thị hiện người

thuyết pháp, pháp được giảng nói khiến chúng sinh có thể hóa độ, sinh tâm tôn trọng. Thị hiện sự việc hy hữu khiến chúng sinh phát khởi nhân thù thắng với tâm cung kính, tôn trọng.

Bạch Đức Thế Tôn! Con chưa nghe nói đến danh hiệu của các hào quang tỏa sáng này: Là chỉ rõ về vô lượng vô biên công đức nơi hào quang của Như Lai. Mọi sự nêu bày đều được tán thán!

Nếu như thế, vì sao nay lại nói: Chỉ rõ nhân của công đức vô thượng. Do đây nên tiếp theo, nói: Bạch Đức Thế Tôn! Như con lãnh hội được nghĩa nơi pháp Phật đã giảng nói. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có chúng sinh nào được nghe danh hiệu của các thứ hào quang tỏa sáng như thế, có thể sinh khởi tin tưởng thanh tịnh với tâm cung kính, thì các chúng sinh đó nhất định sẽ được thân có hào quang tỏa sáng như vậy của Đức Như Lai.

Trước hết là phóng hào quang tỏa sáng. Bồ-tát Vông Minh đã nhận biết việc làm đem lại lợi ích cho chúng sinh của tất cả Như Lai, khiến họ thọ nhận vô số pháp lạc, nên Bồ-tát này muốn cùng với vô lượng các Bồ-tát khác nhận lấy pháp lạc, do vậy đã thỉnh Đức Như Lai phóng hào quang tỏa sáng. Như kinh nói: Bạch Đức Thế Tôn! Kính mong hôm nay phóng hào quang thỉnh mời các Bồ-tát, giác ngộ các Bồ-tát. Hào quang này không ra ngoài hào quang đã thọ nhận pháp lạc trong bốn thứ hào quang trước.

Khiến chư vị Bồ-tát ở thế giới khác đều hay biết: Tức hào quang này nhập với hào quang phân tán trước, cũng nhập nơi hào quang tỏa sáng tăng trưởng công đức, nên nhận biết như thế.

Dùng các hào quang tỏa sáng nào soi chiếu vô lượng vô biên thế giới? Ở đây, chỉ rõ vượt khỏi sự việc có thể tính đếm, nên gọi là vô lượng. Đi tới phương khác cũng như hư không, biên vực không thể đạt được, nên gọi là vô biên.

Nói hiện trụ: Là không đi đến thế giới khác, xứ khác, nên gọi là hiện trụ.

Không nhập Niết-bàn nên gọi là hiện thọ mạng. Do không có các bệnh gọi là hiện tại.

Lại nói các pháp tương ưng với thanh tịnh, thế nên gọi là không có bệnh, nên biết.

Được trông thấy Đức Phật kia: Là do hiện thấy Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Cúng dường Đức Phật kia: Là tất cả các phẩm loại vật dụng, nên cúng dường, đều đem cấp thí.

Thưa hỏi Đức Phật kia: Là thỉnh hỏi như pháp.

Đáp lại Đức Phật kia: Là trả lời đúng như pháp.

Ý của câu hỏi sâu xa vi tế: Là nhằm đoạn dứt các lưới nghi.

Lại còn có nghĩa: Vì hiện tại được diện kiến, được cúng dường Phật, vì dựa vào oai nghi của bản hạnh, nghe hỏi không cố ý.

Như thế, theo thứ lớp dựa nơi pháp, nơi nghĩa để hỏi về pháp, về nghĩa.

Từ đây trở xuống: Dựa nơi nghĩa để hỏi đáp, nên nhận biết như thế.

Mười thứ tâm kiên cố thanh tịnh: Lược nêu là dựa vào 2 thứ tâm:

(1) Dựa nơi tâm không nhiễm để nói.

(2) Dựa nơi tâm cung kính để nói.

Dựa nơi tâm không nhiễm: Là dựa vào 7 thứ sai biệt nơi pháp nhiễm, lìa nhiễm của thế giới nhiễm tịnh, nên biết. Những gì là bảy thứ sai biệt?

(a) *Pháp sai biệt*: Sai biệt do pháp tịnh và pháp không tịnh.

(b) *Thọ nhận sai biệt*: Do thọ nhận khổ và thọ nhận lạc có sai biệt.

(c) *Nghiệp sai biệt*: Do sai biệt về nơi sinh trong gia đình, tộc họ theo thượng, trung, hạ. Sai biệt giữa hành ác, hành thiện, hành xen tạp.

(d) *Tâm sai biệt*: Do các chúng sinh đối với pháp Phật có tin không tin sai biệt.

(đ) *Hành sai biệt*: Do có hành chánh, hành tà khác nhau.

(e) *Tâm tu hành sai biệt*: Do hạnh nguyện của ba thừa có sai biệt.

(f) *Đạo sai biệt*: Do đạo thiện, đạo ác có sai biệt.

Các thứ nhiễm như tâm ác như thế, nên dùng tướng không nhiễm để đối trị.

Nói *tám thứ tâm kiên cố thanh tịnh*, về nghĩa này nên biết. Nên biết như thế nào? Là pháp nhiễm có sai biệt. Ở đây có hai loại:

(a) *Dựa nơi nghĩa*: Là khéo nói về tướng và không khéo nói về tướng, phân biệt như thế.

(b) *Dựa nơi pháp*: Là nghe tướng thiện, nghe tướng không thiện, phân biệt như thế.

Đối trị: Tức câu thứ nhất dùng tâm không giận dữ đối trị tâm giận dữ. Nghĩa là tâm không dấy khởi đối với lời nói thiện hay lời nói không thiện. Trước lời nói thô ác, không khởi tâm niệm: Ta có thể nhẫn chịu. Về nghĩa này nên biết.

Câu thứ hai nói dùng tâm từ: Là dùng tính chất của các văn tự như thế, để giảng nói pháp không điên đảo, khiến các chúng sinh trụ nơi xứ yên ổn. Đối trị với thọ nhiễm có sai biệt là các thọ hiện có

thầy đều là khổ. Như vậy, trong tất cả sự việc, nên cùng sinh tâm bi thương xót chúng sinh.

Đối trị nghiệp nhiễm có sai biệt: Là tu hành chân chánh, như thế nơi tất cả xứ, tâm đều bình đẳng cùng với trí tu hành ban cho an lạc.

Đối trị tâm nhiễm có sai biệt: Là đối với việc cúng dường, đều lia tâm khinh chê có cao, thấp.

Đối trị hành nhiễm có sai biệt: Là không thấy các lỗi lầm nên không sinh tâm tạo lợi ích.

Đối trị tâm tu hành nhiễm có sai biệt: Là bình đẳng một vị, do đối với ba Thừa, không có tâm đây kia, phải trái.

Đối trị đạo nhiễm có sai biệt: Là không sinh sợ hãi, tùy thuận nghiệp của mình. Khéo nhận biết như thế do quan sát thể của pháp.

Trên đây gọi là tám thứ tâm kiên cố thanh tịnh, là dựa vào bảy thứ tâm không nhiễm để nói, nên nhận biết như thế.

Dựa nơi tâm cung kính: Có 2 thứ:

(a) Đối với hết thầy Bồ-tát sinh tưởng về Đức Thế Tôn. Đây là làm sáng tỏ về nghĩa gì? Là tưởng nghĩ về Đức Như Lai do các Bồ-tát đã phát sinh khi sống trong thế giới có đủ năm trước này. Trong cõi nước của Phật như thế, thấy các Bồ-tát hành khổ hạnh, mong cầu Đại Bồ-đề không biết mệt mỏi, hoàn toàn tu hành như thật. Do vậy, Bồ-tát sinh tưởng về Đức Như Lai. Vì vậy nên nói sinh tưởng nghĩ về Đức Thế Tôn. Lại sinh tưởng hy hữu, nghĩa này nên biết. Nên biết về những gì? Như việc Phật xuất hiện ở đời là rất hy hữu. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy. Do không bỏ việc phát tâm Bồ-đề cũng gọi là hy hữu. Thế nên nói đối với các Bồ-tát đã tưởng đến Đức Thế Tôn.

(b) Đối với Phật sinh tưởng hy hữu. Đây là nói về nghĩa gì? Như ở thế giới không cầu nhiễm, chúng sinh sinh nơi chốn ấy thọ mạng vô lượng trăm ngàn vạn kiếp, chư Phật Như Lai luôn tạo lợi

ích cho họ. Như vậy, khi Đức Phật sinh vào thế giới có nhiều lỗi lầm của phiền não này, nơi thời gian ngắn, có thể tạo vô lượng lợi ích cho chúng sinh. Ở đây, thấy Phật sinh tương hy hữu, nghĩa này nên biết. Nhờ vậy, tâm kiên cố thanh tịnh có thể tăng trưởng và thành tựu, nghĩa này nên biết.

Nhập nơi hành tịch tĩnh, dựa nơi tâm kiên cố thanh tịnh, cùng với Bồ-tát nhớ nghĩ về Bồ-tát nhận lấy. Ở thế giới thanh tịnh kia, trăm ngàn vạn kiếp, Phật không lia chánh niệm, luôn tu phạm hạnh. Còn nơi thế giới Ta Bà, từ sáng tới trưa, luôn giữ vững giới cấm, tâm hành không nhiễm, thị hiện sự thù thắng. Ở đây nhằm làm sáng tỏ nghĩa gì? Như chữa trị bệnh nặng, khiến bệnh mau khỏi, chỉ có cách cho thuốc hay, khiến uống mới giảm. Vì vậy chúng sinh có nhiều lỗi lầm của phiền não tức mau được diệt trừ, khiến đạt được các pháp thù thắng, đối trị là khỏi ngay, nghĩa ấy nên biết. Đây là chỉ rõ chúng sinh sống ở cõi nước xấu ác, có nhiều các khổ, có nhiều phiền não, là thế giới cấu nhiễm. Để khiến các Bồ-tát khác được thấy Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Phật, lễ bái cúng dường, nên đã hỏi đáp với Như Lai.

Bậc Thánh giả: Là Phạm Thiên Thắng Tư Duy, là vị thượng thủ, thưa hỏi. Hỏi đáp dựa nơi Phạm Thiên Thắng Tư Duy, để đại chúng sinh tâm cung kính. Chỉ rõ Phạm Thiên Thắng Tư Duy rốt cùng *đạt được những biện tài lạc thuyết gì? Được những quả gì của biện tài lạc thuyết?* Dựa vào hai cách giảng nói ấy là bậc nhất hơn hết trong sự thưa hỏi đúng đắn, nghĩa này nên biết.

Đầu tiên là nói: *Đạt được những biện tài lạc thuyết gì?* Là hỏi về sự tương ưng của tất cả xứ, do năng lực thiện xảo khiến chúng sinh lãnh hội, do ngôn ngữ tối thắng, do lời lẽ tôn trọng, do giảng nói về nhân chính, vì dựa vào nghĩa thật mà nói, dựa vào sự an ổn mà nói. Đó gọi là điều hay đẹp, do có tình người, do ở bên cạnh vị trời, người lớn, được tâm thanh tịnh hành cúng dường, do các thứ ma oán

đôi đều không thể quá nhiều, vì giảng nói ý nghĩa sâu kín. Tức tám câu ấy là nói về biện tài lạc thuyết của Phạm Thiên Thắng Tư Duy, với những ngôn ngữ hay, đẹp. Nghĩa đó nên biết. Nên biết về những gì? Đó là:

- (1) Tương ưng.
- (2) Khiến lãnh hội.
- (3) Tôn trọng.
- (4) Yên ổn.
- (5) Tình người.
- (6) Thanh tịnh lớn đến cùng cực.
- (7) Không thể hàng phục.
- (8) Hết mục thâm diệu.

Kế tiếp là nói về nhân của biện tài lạc thuyết, chỉ rõ khi giảng nói pháp với ngôn ngữ như thế, có nhiều thứ công đức. Nếu các chúng sinh có người không tu tập hạnh chân chánh như thật, nhưng vẫn không rời bỏ họ. Do cùng với sự an lạc thù thắng khéo tương ưng. Do mong cho các chúng sinh lìa mọi khổ, được an vui hơn hết. Do ban cho công đức thù thắng như an lạc v.v... khi hoan hỷ, chúc mừng. Do cầu mong đạt tâm an ổn không cấu nhiễm cùng sự an lạc tột bậc.

Dùng năm câu này để nói về nhân nơi biện tài lạc thuyết, với ngôn ngữ hay đẹp của Phạm Thiên Thắng Tư Duy. Về nghĩa này nên nhận biết. Nên nhận biết những gì? Là chỉ rõ ba thứ tâm:

- (1) Tâm không bỏ.
- (2) Tâm ban vui
- (3) Tâm yên ổn.

Như thế, nói theo thứ tự một, ba, một, nên biết.

Tiếp theo là nói về: *Được những quả gì của biện tài lạc thuyết?* Đó là khả năng đoạn dứt những nghi ngờ của hết thầy chúng sinh trong tất cả nghĩa.

Về nghĩa của kệ: Như trong kinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Phạm Thiên Thắng Tư Duy:
Lành thay! Lành thay! Phạm Thiên!

Lại nêu: *“Lành thay, Phạm Thiên!”*: Vì Phạm Thiên đã mở ra nghi thức đến trước Phật để thỉnh vấn, tương ưng với sự việc trong ba thời gian này.

Nên biết: *Lành thay, Phạm Thiên! Nay ông nên chí tâm lắng nghe, Ta sẽ vì ông nêu giảng:* Tức thứ lớp như thế là tâm không điên đảo, tâm chánh niệm.

Tâm ấy kiên cố, không mệt mỏi: Là tâm chánh trực. Trong đây, đối với Đại Bồ-đề, tâm tin tưởng làm gốc, là tạo ra tướng nguyện dựa nơi nguyện ấy, nên có thể đạt đầy đủ tất cả công đức của Địa Như Lai.

Dựa vào phương tiện kiên cố của tâm Bồ-đề, nên có câu hỏi thứ nhất.

Ở trong Đại thừa lược nói có bốn sự việc mệt mỏi. Do bốn sự việc mệt mỏi đó, nên Bồ-tát tuy có phát tâm Bồ-đề, tạo nên nguyện Bồ-đề, nhưng vẫn làm mất tâm ấy:

(1) Vì các chúng sinh không tu hành như thật.

(2) Vì tạo tác nhiều sự việc.

(3) Vì tốn nhiều thời gian trong hành hữu vi.

(4) Trong sự giải thoát bình đẳng, tâm thường muốn được mau chóng giải thoát, vì Bồ-tát ấy có lực dụng.

Pháp đối trị bốn chương này, nghĩa là khởi tâm đại bi đối với hết thầy chúng sinh.

Bốn pháp như thế, theo thứ lớp sẽ nói đến, nghĩa này nên biết. Nên biết như thế nào? Nghĩa là các Bồ-tát dựa nơi tâm đại bi, khi nhận thấy chúng sinh như thế, như thế không thể tu tập hạnh chân chánh như thật, chuyển biến tăng trưởng như thế, như thế, sinh tâm thương xót vì các chúng sinh đó khiến đạt được giải thoát. Càng chuyển biến tăng trưởng thêm lên như thế như thế, tạo nên ngụyện.

Lại, các Bồ-tát thường siêng năng tinh tấn, không hề mệt mỏi đối với các công việc đã hành tác nhiều và đều có thể hoàn thành.

Lại, các Bồ-tát với các khổ trong quá khứ, từ đời vô thủy đến nay, đều tin hiểu như giấc mộng, không chấp về khổ trong đời vị lai ở thời gian sau.

Lại, các Bồ-tát vì Nhất thiết trí, tuy đồng với hàng Nhị thừa giải thoát các phiền não, tuy nhận lấy vô lượng công đức không chung, nhưng vì Bồ-tát có lực dụng đoạn dứt mọi phiền não, với tâm muốn được nhanh chóng giải thoát.

Nói không cùng: Tức không chung về công đức, vì không có cùng.

Nói là cùng: Tức một phần ít của hàng Nhị thừa cùng đoạn phiền não, thế nên gọi là cùng. Vì ý nghĩa ấy, nên gọi là không cùng, không gì hơn.

Bốn thứ tâm không mệt mỏi như thế là đối trị bốn thứ chương ngại khiến tâm mệt mỏi.

Do đây, đối với Đại thừa, tâm Bồ-tát luôn vững chắc, không mệt mỏi. Tâm như thế nương dựa nơi pháp Phật, tự thân thuần thực tu hành như thật.

Chính thức nói pháp xong, sau đây, dựa vào phần vì người khác tu hành như thật, lược nói về bốn pháp: Là nói về sự quyết định, không khiến nửa chừng phải hối tiếc. Ở nơi hai nghĩa:

(1) Không nghĩa.

(2) Có nghĩa.

Nói không nghĩa: Là do vô ngã. Do vô ngã nên lia nơi pháp.

Nói không pháp: Vì không có tướng của pháp đó, tức Bồ-tát nói các pháp này hoàn toàn là vô ngã. Các Bồ-tát đều hoàn toàn nói tất cả pháp đều là vô ngã.

Nói có nghĩa: Có ba thứ nghĩa:

(1) Nghĩa có lỗi.

(2) Nghĩa công đức.

(3) Nghĩa có cả hai.

Do sai biệt nên là nghĩa có lỗi: Tức là tất cả xứ sinh đều đều nhận hết thấy phiền não. Vì không muốn sinh vào xứ đó nên không vui thích giảng nói. Thế nên Bồ-tát đều nói một cách trọn vẹn: Tất cả xứ sinh đó đều không an vui. Các Bồ-tát cùng nói như thế, tức các xứ sinh không có an lạc.

Nghĩa công đức: Là tán thán pháp vô thượng của Đại thừa, do các công đức đều tương ứng với tất cả. Thế nên Bồ-tát hoàn toàn quyết định thường ca ngợi Đại thừa, tức các Bồ-tát đều hoàn toàn tán thán pháp Đại thừa như thế.

Nghĩa có cả hai: Tức Bồ-tát đã vượt quá hai pháp công đức chẳng không. Thế nên Bồ-tát hoàn toàn nói hai pháp đó là chẳng không. Các Bồ-tát đều hoàn toàn nói hai pháp tội, phước kia là chẳng không. Điều này nêu rõ về nghĩa gì? Tuy trải qua vô lượng thời gian, khi nhân duyên tương ứng thì có thể dẫn đến quả báo.

Như thế, nương dựa vào tự lợi lợi tha, tu hành như thật, nói pháp đầy đủ xong. Tiếp đến là nói về việc các căn thiện tăng trưởng, là nói dựa vào nhân của quả báo thế gian và xuất thế gian, nói về căn thiện đượ lớn mạnh thêm.

Nhân của quả báo thế gian: Có hai thứ:

- (1) Nhân tự thân thành tựu tốt đẹp.
- (2) Nhân thành tựu vật dụng cho đời sống.

Nhân tự thân thành tựu tốt đẹp: Có hai thứ: (a) Nhân tự thân thành tựu tốt đẹp trong Địa bất định: Nghĩa là căn thiện của giới được tăng trưởng. (b) Nhân tự thân thành tựu tốt đẹp trong Địa định: Nghĩa là căn thiện của trí được tăng trưởng. Do vượt quá công đức của trí thuộc các Địa dưới trên, vì dựa vào trí căn bản, dựa vào lia dục nên thành trí ấy.

Nhân thành tựu vật dụng cho đời sống: Là bỏ tất cả vật, đó là nhân bố thí, nên căn thiện được tăng trưởng.

Nhân của quả báo xuất thế gian: Nghĩa là nhân giải thoát, là tướng xuất gia, nhân lia tham chấp. Do nhân nơi đó nên được nhân giải thoát.

Tất cả căn thiện của công đức đã tăng trưởng, lại tăng trưởng là các căn thiện này dựa vào các biện luận của thế gian mà nói, có 5 nghĩa tăng thượng, nên gọi là tăng trưởng:

(1) Các căn thiện hàng phục tăng thượng, nên gọi là tăng trưởng. Do căn thiện này vượt hơn hẳn các căn thiện của hàng Thanh văn, Phật-bích-chi v.v...

(2) Do tăng thượng không trái ngược, nên gọi là tăng trưởng. Do không thoái chuyển, do được vững chắc.

(3) Do sự không sợ hãi tăng thượng, nên gọi là tăng trưởng. Chính vì nương vào căn thiện này, nên vượt quá mọi sợ hãi về nẻo ác như địa ngục v.v...

(4) Do không thiên lệch được tăng thượng nên gọi là tăng trưởng. Vì có khả năng phá bỏ hết các thứ pháp bị đối trị.

(5) Do sự không khác biệt tăng thượng, nên gọi là tăng trưởng. Vì làm lợi mình, lợi người, không có tướng khác.

Các căn thiện tăng trưởng như thế, nên đối với người không tin pháp Phật, không tu hành như thật, cũng không sinh tâm giận họ. Ở trong phần khéo hành trì như đọc tụng v.v... nêu bày đúng như pháp không chút sợ hãi, oai nghi không thay đổi. Thế nên, theo thứ lớp giảng nói về tướng của pháp Phật. Nghĩa là đối với các chúng sinh không tin pháp Phật, không tu hành như thật, cũng không chút e sợ vì oai nghi không thay đổi.

Có ba hạng sợ hãi là hạng kém, trung bình, bậc thượng.

Yếu kém là lo sợ về mạng sống không có được của cải.

Hạng trung bình có hai:

(1) Thường sợ bị hủy nhục.

(2) Thường sợ bị tiếng xấu ác, nói xấu ngay trước mặt và lúc vắng mặt.

Sợ hãi bậc thượng là thường sợ thân phải chịu khổ não.

Không chút sợ hãi, oai nghi không thay đổi, như thế là tùy thuận nơi pháp trắng. Vì thế, sau đó là nói về các pháp trắng tăng trưởng.

Nương vào bốn thứ pháp trắng để nói:

(1) Pháp trắng mong muốn.

(2) Pháp trắng của hành.

(3) Pháp trắng đầy đủ công đức.

(4) Pháp trắng chứng đắc.

Pháp trắng mong muốn: Là các Bồ-tát dùng Đại Bồ-đề giáo hóa chúng sinh khiến sinh tâm mong muốn kia. Các Bồ-tát khiến chúng sinh mong muốn tương tự thể trong các pháp trắng ở đời vị lai.

Pháp trắng của hành: Là các Bồ-tát từ bỏ đời sống giàu có về tiền của, châu báu v.v... tất cả đều dùng vào việc bố thí, không mong cầu quả báo cho thân mình trong vị lai.

Pháp trắng đầy đủ công đức: Là các Bồ-tát đều dựa vào nhân từ bỏ các thứ của cải châu báu, nên thành tựu được pháp vi diệu, tâm không tham vướng, lại dốc tu hành pháp trắng, thâm nhận pháp diệu. Do tương ứng với đa văn, nên tất cả pháp trắng đều được huân tập đầy đủ, vì thế các công đức của Bồ-tát đều viên mãn.

Pháp trắng chứng đắc: Là các Đại Bồ-tát đều nương vào trí để chứng đắc, vì đối với Đại Bồ-đề của tự thân, nên nói là trí phương tiện đạt được pháp thù thắng của trí chứng nhập các pháp trắng kia.

Các pháp trắng tăng trưởng như thế xong, Bồ-tát tùy thuận để khéo nhận biết từ Địa này đến Địa khác. Do vậy, nên tiếp theo là nói đến tướng của pháp đó. Nghĩa là dựa nơi bốn thứ pháp để nói.

- (1) Công đức đầy đủ.
- (2) Các chướng đều thanh tịnh.
- (3) Tâm thành tựu.
- (4) Tu hành đầy đủ.

Tập hợp các căn thiện: Vì được các công đức đầy đủ từ Địa này đến Địa khác.

Lìa các lỗi lầm: Vì tất cả các chướng ngại đều được thanh tịnh.

Phương tiện hồi hướng: Là lìa mọi thứ của cải, từ bỏ tâm muốn giải thoát mau chóng của hàng Tiểu thừa. Tất cả căn thiện hiện có đều hồi hướng, nhận lấy Đại Bồ-đề nên siêng năng tinh tấn, chí tâm tu hành, nơi tất cả thời thường không đoạn dứt, vì nương vào chỗ căn bản nên nhận lấy xứ thù thắng.

Như thế là đã nói về phương tiện xong. Tiếp theo là nói về phương tiện nơi pháp tướng, khéo nhận biết về phương tiện giáo hóa chúng sinh.

Dựa nơi 4 thứ pháp để nói:

- (1) Có khả năng giáo hóa chúng sinh.
- (2) Tập hợp vô lượng công đức của trí.
- (3) Tập hợp vô lượng trí tuệ.
- (4) Tạo phương tiện.

Có khả năng giáo hóa chúng sinh: Là nương vào bồ thí, ái ngữ v.v... tùy thuận các chúng sinh, để thâm giữ họ. Thế nên Bồ-tát có khả năng giáo hóa chúng sinh.

Tập hợp vô lượng công đức của trí: Là tuy lìa được địa định, bất định, nhưng do nương vào các hành như bồ thí v.v..., nên đối với hết thảy các thứ công đức của tất cả chúng sinh trong ba đời đều tùy hỷ. Thế nên Bồ-tát được vô lượng công đức của trí.

Tập hợp vô lượng trí tuệ: Là tuy không có đối trị chướng ngại nơi trí, nhưng do thường xuyên tu hành, pháp lộ sám hối, nên Bồ-tát tập hợp được vô lượng trí tuệ.

Tạo phương tiện: Là dựa vào tất cả pháp tu hành, đối trị của Bồ-tát nên khuyến thỉnh chư Phật. Dựa vào vì các chúng sinh ban cho trí tuệ sáng suốt, tập hợp các trí tuệ vì dùng phương tiện thiện xảo làm căn bản, nên gọi là tạo phương tiện.

Như thế là đã nói về phương tiện tu hành. Sau đây là nói về việc vì chúng sinh, Bồ-tát giảng nói tướng của pháp.

Tùy thuận các chúng sinh: Là giảng nói pháp cho họ. Nghĩa là dựa vào bốn hạng các chúng sinh để nói.

- (1) Dựa vào chúng sinh trung gian.
- (2) Dựa vào chúng sinh nhập pháp.
- (3) Dựa vào chúng sinh hủy báng pháp.
- (4) Dựa vào chúng sinh đã tôn trọng.

Do tùy thuận chúng sinh đó nên dùng phương tiện của oai nghi.

Dựa vào chúng sinh trung gian: Là dựa vào các chúng sinh chưa tin pháp Phật, Bồ-tát tu hành, tùy theo những chúng sinh đã tin tưởng pháp Phật, Bồ-tát giảng nói pháp, trao cho họ mọi sự yên ổn, không những chỉ cho họ sự cung kính cúng dường mà còn không lừa dối họ. Bồ-tát luôn hành trì như thế.

Dựa vào chúng sinh nhập pháp: Là tâm của các Bồ-tát, vì khiến cho chúng sinh được nhập nơi nghĩa của pháp, nên cung cấp cho họ, khiến các chúng sinh còn tham đắm lợi dưỡng, được gần gũi nơi Bồ-tát để có thể hội nhập nơi nghĩa của pháp. Đối với pháp như thế, người nào chưa được hóa độ, Bồ-tát sẽ khiến họ được hóa độ. Bồ-tát không hề mệt mỏi trong việc bố thí, chu cấp y phục, thức ăn uống, tiền của cho những ai cần. Hành tác như vậy, Bồ-tát không vì tự thân tham đắm nơi thú vui cho mình. Bồ-tát luôn hành trì như thế.

Dựa vào chúng sinh hủy báng pháp: Là Bồ-tát tự hành không có các lỗi lầm. Nương vào sự nhu hòa, nhẫn nhục, không chấp tội của chúng sinh, chỉ dạy khiến sám hối, Bồ-tát luôn hành hóa như thế.

Dựa vào chúng sinh đã tôn trọng: Bồ-tát đối với các chúng sinh đã được điều phục thuận hợp, theo lời nói mà thọ nhận. Bồ-tát luôn hành hóa như thế.

Như vậy là đã nói Bồ-tát tùy thuận chúng sinh, tu hành như thật, giảng nói pháp cho họ không biết mệt mỏi. Sau đây là nói về việc không làm mất tâm Bồ-đề. Do không mất tâm Bồ-đề nên mới tùy thuận giảng nói pháp, thấy rõ quả vị Phật màu nhiệm, biết là tối thắng.

Nương nơi 4 thứ pháp để nói:

- (1) Nương vào việc không xâm đoạt vật của người khác.
- (2) Nương vào nhân của định.
- (3) Nương vào lực của duyên.
- (4) Nương vào lực của nhân.

Thường xuyên nhớ nghĩ Phật: Là tâm thường xuyên nhớ nghĩ đến quả của tâm Bồ-đề nơi Phật, do nhận thấy quả vị Phật đã thành tựu vô lượng công đức không chung. Đây là dựa vào việc không chiếm đoạt vật của người khác, thế nên không mất tâm Bồ-đề.

Hết thấy căn thiện đã làm không lia tâm Bồ-đề: Tức các căn thiện đều lấy tâm Bồ-đề làm gốc. Do nương vào tâm Bồ-đề là nhân lâu dài trong vô lượng đời.

Vì dựa vào nhân của định, nên không bị lôi kéo để chịu nơi chôn quả báo ở thế gian. Đây là dựa vào nhân của định đưa tới đâu thì ở đó, nên không mất tâm Bồ-đề.

Gần gũi tri thức thiện: Là do tu hành chân chánh, nương vào duyên lực bên ngoài là tri thức thiện v.v... Đây là nương vào lực của duyên, nên không mất tâm Bồ-đề.

Tán thán Đại thừa: Là do các chúng sinh nên phát tâm Bồ-đề tán thán Đại thừa, nên đời đời kiếp kiếp đều tăng trưởng tất cả chủng tử của căn thiện làm lực nơi nhân cho thân mình. Đó là lực của nhân to lớn vững chắc. Nhờ dựa vào lực của nhân này nên không mất tâm Bồ-đề. Vì không mất tâm Bồ-đề như thế và hoàn toàn nhất tâm hành hạnh Bồ-tát, do đấy theo thứ lớp giảng nói tướng của các pháp kia.

Người có khả năng buộc giữ tâm mình vào một chỗ khiến không tán loạn, là do dùng đối trị bốn thứ chướng ngại khiến tâm tán loạn, nên nói bốn thứ tâm không tán loạn.

Những gì là bốn thứ chướng ngại khiến tâm tán loạn?

- (1) Chướng ngại nơi thừa.
- (2) Chướng ngại nơi việc giáo hóa chúng sinh.
- (3) Chướng ngại nơi việc tích tập đầy đủ công đức của pháp Phật.
- (4) Chướng ngại nơi việc tích tập trọn vẹn tất cả pháp Phật.

Những gì là bốn thứ tâm không tán loạn? Đối trị như thế nào?
Đó là:

(1) *Tâm xa lìa hàng Thanh văn*: Là đối trị chướng ngại nơi thừa, vì không rơi vào tâm Tiểu thừa của Thanh văn, nên Bồ-tát ở trong Đại thừa, tâm không tán loạn.

(2) *Từ bỏ tâm niệm về Phật-bích-chi*: Là đối trị chướng ngại nơi việc giáo hóa chúng sinh, vì không vướng mắc vào việc ưa thích hành Tam-muội của tự thân. Thế nên Bồ-tát giáo hóa chúng sinh, tâm không tán loạn.

(3) *Cầu pháp không hề biết chán đủ*: Là đối trị chướng ngại nơi việc tích tập đầy đủ công đức của pháp Phật. Do cầu đạt pháp Phật không hề chán đủ, vì nhằm tập hợp tất cả pháp của chư Phật, vì tăng trưởng vô số các thứ căn thiện, vì tạo đầy đủ các công đức của pháp Phật, nên Bồ-tát tụ tập đầy đủ công đức của pháp Phật, tâm không tán loạn.

(4) *Như chỗ pháp đã được nghe, nên vì mọi người giảng nói rộng*: Là nhằm đối trị chướng ngại nơi việc tích tập trọn vẹn tất cả pháp Phật. Theo như chỗ lãnh hội pháp như thế như thế, chánh niệm quán xét, do nhận biết đúng đắn, tích tập rột ráo tất cả pháp Phật, do vậy, Bồ-tát đã tích tập hết thảy pháp Phật một cách trọn vẹn, tâm không tán loạn.

Đó gọi là bốn thứ tâm không tán loạn, đối trị bốn thứ chướng ngại khiến tâm tán loạn, nghĩa này nên biết.

Đạt được nhất tâm hoàn toàn như thế, là nhờ khéo mong cầu pháp. Vì vậy sau đây là nói về việc khéo cầu nơi pháp, đối trị bốn thứ quả báo thành tựu ở thế gian, giống như nói về sự thành tựu của bốn thứ quả báo xuất thế gian.

Nên biết là chỉ rõ việc Bồ-tát chỉ cầu thành tựu quả báo xuất thế gian.

Mong cầu nơi các pháp nào gọi là thành tựu bốn thứ quả báo thế gian? Đó là:

- (1) Thành tựu sự đoan nghiêm, vui thích vi diệu.
- (2) Thành tựu không bệnh tật.
- (3) Thành tựu sự giàu sang.
- (4) Thành tựu việc không sợ người khác.

Thế nào là cùng đối trị? Như người thế gian cho là thành tựu tự thân đoan nghiêm làm nhân hy hữu nên cầu châu báu.

Như thế, Bồ-tát cho là thành tựu các tướng tốt đẹp, vui thích vi diệu: Là từ nhân của pháp thiện, sinh tướng quý báu, tướng hy hữu, nên cầu các pháp. Như người thế gian vì muốn không bệnh, nên mong cầu cỏ thuốc vi diệu. Bồ-tát cũng như vậy, vì đoan trừ tất cả bệnh phiền não, ở trong pháp Phật sinh tướng là thuốc mầu nhiệm nên cầu các pháp.

Như người thế gian, vì muốn được giàu sang nên mong cầu của cải, lợi lộc. Bồ-tát cũng như thế, vì mong cầu các thần thông thành tựu, không thoái chuyển, vì mong cầu tướng nghĩa khiến được không mất, ở trong pháp Phật sinh khởi tướng về của cải, lợi ích, nên cầu các pháp.

Như người thế gian đã xa lìa giặc v.v... không còn lo sợ gì, nên họ mong cầu của báu. Bồ-tát cũng như thế, vì đã xa lìa tất cả phiền não chướng, khiến chúng không thể ràng buộc, nên Bồ-tát không sợ bất cứ nơi chốn nào.

Bồ-tát không sợ bất cứ nơi chốn nào: Đó là tất cả khổ ở thế gian. Vì nhằm vượt qua tất cả thế gian, xa lìa tất cả tướng khổ của thế gian, được tướng tịch tĩnh, vì đạt được Niết-bàn, thành tựu vô úy, ở trong pháp Phật sinh tướng không có khổ nên mong cầu các pháp.

LUẬN KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN QUYỂN 2

Lại có nghĩa khác: Dựa vào bốn thứ công đức của châu báu thể gian, tương đối tương tự để nói về pháp bảo xuất thể gian, nên biết.

Những gì gọi là bốn thứ công đức của châu báu thể gian? Vì sao gọi là tương đối tương tự?

(1) Giá trị quý trọng to lớn hơn hết. Như người thể gian được vật báu kia có thể xuất sinh vô lượng tài sản quý báu. Bồ-tát cũng như thế, được pháp báu xuất thể gian của Phật, nên có khả năng sinh ra vô lượng căn thiện.

(2) Tương ưng với pháp tối thắng. Như người thể gian được vật báu kia, nên có khả năng chữa lành vô số chứng bệnh. Bồ-tát cũng như thế, vì được pháp báu xuất thể gian của Phật, nên có thể đoạn trừ tất cả bệnh phiền não, như thuốc vi diệu kia.

(3) Như ý. Như người thể gian được thể của ngọc báu Ma-ni Như ý kia, dựa nơi ngọc báu ấy, như tâm cần cầu điều gì đều được. Bồ-tát cũng như vậy, do được pháp báu xuất thể gian của Phật, nên dựa vào pháp, tư duy về hết thấy công đức đầy đủ căn thiện.

(4) Thể báu. Như người thể gian được ngọc báu Ma-ni kia, theo tâm cần cầu điều gì cũng đều được, không cùng tận. Bồ-tát cũng như

vậy, vì vượt quá tất cả các khổ nơi thế gian, được pháp bảo xuất thế gian của Phật, nên có được quả không cùng tận, có thể vì chúng sinh nói pháp báu không sinh, không tử.

Lại còn có nghĩa: Chúng sinh ở thế gian được vô lượng của báu. Có của báu trong tay nên có thể tùy ý thành tựu vô lượng sự việc thù thắng. Bồ-tát cũng như thế, được pháp bảo xuất thế gian của Đại thừa, nên có thể tùy ý thành tựu tất cả quả báo thù thắng nơi tất cả công đức của thế gian và xuất thế gian. Như thế, được vô lượng vật báu, đối trị các chứng bệnh v.v..., dựa vào câu đầu để giải thích câu khác, nên biết.

Cầu pháp như thế, tùy thuận nơi việc học rộng nghe nhiều, có phương tiện thiện xảo, có khả năng lia các lỗi lầm. Thế nên theo thứ lớp giảng nói tướng của pháp kia, khéo ra khỏi tội hủy phạm giới cấm. Tức nương vào pháp quán như thật, không lấy, không bỏ. Nương vào không sinh, không diệt, không đi, không đến. Nương vào đời vị lai, không còn làm điều ác. Nương vào khả năng xa lia tất cả những nghi hoặc.

Đạt được nhẫn vô sinh: Là nhẫn nội tâm, khiến các pháp nhẫn vắng lặng, quán như thật không lấy, không bỏ.

Được nhẫn không diệt: Là quan sát như thật về thể của tội lỗi là do phân biệt hư vọng, vì nó không sinh, không diệt, nên không đi, không đến.

Được nhẫn nhân duyên: Là quan sát nhân duyên xưa nay không sinh vì thuộc về thể tánh khác. Quan sát như thật về thể nhiễm do hủy phạm giới cấm, là lia nhân phát sinh, nơi đời vị lai, không còn làm ác nữa.

Chúng được nhẫn vô trụ: Là tâm đối khác lần lượt sinh khởi ăn năn. Quan sát như thật về căn bản của các tội tức ở trong thân, không lia nơi tâm. Không thấy tội lỗi kia, như thế là không thấy tất cả tội

lỗi, xa lìa tất cả những gì đã nghi trong tâm, vì có khả năng diệt bỏ hối tiếc nên khéo vượt khỏi tội lỗi.

Như vậy, căn bản của các lỗi là pháp nhiễm hư vọng. Nếu muốn chấm dứt lỗi, cần phải đoạn trừ gốc của lỗi. Thế nên, sau đây là nói đến việc đoạn trừ gốc của lỗi.

Khéo đoạn trừ các phiền não: Là nương vào ba đời để nói.

Quan sát đúng đắn: Là như thật chánh niệm. Dựa vào hành của niệm tà nên phiền não khởi lên. Do quán đúng đắn như thật nên không thấy thể của lỗi kia, xa lìa các chướng ở vị lai.

Tăng trưởng các pháp trắng: Là trong đời vị lai không còn tạo ác, do chí tâm không tạo điều ác ấy, nên được tâm thanh tịnh.

Được sức mạnh của pháp thiện: Là quan sát các lỗi của phiền não hư vọng, không thấy tất cả phiền não trong quá khứ, đó là do có được sức mạnh của pháp trắng.

Ở riêng một mình, xa lìa: Là do đã đạt được chủng tử của tâm tịch tĩnh.

Như thế, theo thứ lớp nơi căn thiện tăng thượng, tùy thuận, không sinh cảnh giới phiền não, không che giữ các phiền não, là do được sức mạnh của nhân duyên, nên phiền não không khởi lên trong đời vị lai.

Như vậy, điều phục các phiền não xong, Bồ-tát khéo đến với các đại chúng, thế nên theo thứ lớp nêu bày về tướng của pháp kia.

Khéo đến với các đại chúng: Có 2 thứ sai biệt:

(1) Dựa vào sự sai biệt về người.

(2) Dựa vào sự sai biệt của tâm.

Dựa vào sự sai biệt về người: Là đến với những người nào? Đến đó để làm gì? Đến do nghĩa gì? Vì sao lại phải đến? Đây là làm rõ về

nghĩa nào? Người tôn quý xuất gia, có tuệ đa văn vì cầu pháp, nên sinh tâm quý trọng, đi đến chỗ kẻ kia không tìm kiếm lỗi của họ. Người này vì không tìm kiếm lỗi lầm của người kia như thế, đến với người thấp kém xuất gia, có tuệ đa văn, vì cầu pháp nên sinh tâm tôn trọng, đi tới chỗ người kia với tâm không kiêu mạn. Người này tâm không kiêu mạn như vậy, đi đến với người nơi A-lan-nhã, là người không có tuệ đa văn, nhưng không có tâm khinh khi, chỉ mong cầu một ít pháp thiện, nên đến nơi ấy, không tự đề cao mình. Như vậy, người này không tự đề cao mình, nên đi đến chỗ kẻ kia là xử ôn ào náo nhiệt, là người không có tuệ đa văn, nhưng Bồ-tát không khinh thường họ, không đề cao mình, cho ta là người hơn hết, sao lại đi tới đó, chỉ cho thân mình vì đối với thân người khác, vì cầu đạt căn thiện nên đi đến chỗ người kia, không vì thân mình được cung kính cúng dường, tiếng khen, tán thán. Người này như thế là không vì thân mình được cung kính cúng dường, tiếng khen, tán thán, nên đến chỗ người kia.

Dựa vào sự sai biệt của tâm: Là do nương vào bốn thứ tâm thành tựu:

(1) *Tâm cầu pháp thành tựu:* Là do thấy pháp thù thắng, cũng như chân thật, vì cầu đạt pháp đó, nên đến với đại chúng.

(2) *Tâm oai nghi thành tựu:* Là cõi bỏ mào vàng, dép, dù quý báu v.v... với oai nghi dịu dàng thuận hợp, đến với đại chúng.

(3) *Tâm căn thiện mong cầu nghĩa tối thượng thành tựu:* Là tuy đạt được pháp vô thượng, nhưng không cho là đủ, lại cầu pháp thù thắng trong sự tối thắng, vì pháp thí nên đến với đại chúng.

(4) *Tâm bản nguyện thành tựu:* Là không mong cầu thân mình được cung kính cúng dường, tôn xưng, tán thán, vì lợi mình, lợi người, nên đến với đại chúng.

Như thế, khéo đến với các đại chúng, nên hành pháp thí, do vậy, theo thứ lớp nói tướng của pháp đó.

Khéo mở bày pháp thí: Là dùng pháp nào để nói? Dùng nghĩa gì để nói? Nương vào sự việc gì để nói? Nói như thế nào? Vì nhân nơi sự việc kia nên nói.

Dùng pháp nào để nói: Là dùng pháp để thâm nhận pháp, như được văn tuệ để giảng nói pháp như thế.

Dùng nghĩa gì để nói: Là do được nghĩa, nên tự lập thế nguyện xong, hoàn toàn nên bên trong tự tư duy, giảng nói cho kẻ khác.

Nương vào sự việc gì để nói: Là tạo sự việc vi diệu của bậc Hiền. Như pháp đã giảng nói, hành tác như thế do điều mình giảng nói không hư dối.

Nói như thế nào: Là chỉ rõ pháp nhiệm, tịnh, chỉ rõ theo thứ lớp tướng của hai pháp với hai đế.

Như thế, giảng nói pháp cho người khác, khiến sinh căn thiện. Tăng trưởng lực nơi nhân vững chắc của thân mình, do đó theo thứ lớp giảng nói tướng của pháp kia.

Trước hết là được lực của nhân, không mất căn thiện: Là nương vào 4 thứ pháp để nói:

- (1) Giáo hóa chúng sinh.
- (2) Có thể nhẫn chịu các khổ.
- (3) Xa lìa tà kiến.

(4) Tu hành tất cả căn thiện của công đức, do nương vào lực vững chắc của nhân mà nói.

Nơi sai lầm thiếu sót của kẻ khác, không thấy lỗi của họ, là không thấy lỗi của người khác nhưng luôn phòng hộ lỗi nơi thân mình, nên đối với lỗi lầm của chúng sinh, giáo hóa được là nhờ sức mạnh kiên cố của các nhân, đời đời kiếp kiếp thường có thể giáo hóa tất cả chúng sinh, là nhờ nương vào lực của nhân tăng trưởng vững chắc hiện tiền. Do lực của nhân vững chắc như thế, nên giáo hóa chúng sinh trong đời

vị lai một cách bền vững, tăng trưởng và được thành tựu. Đó gọi là Bồ-tát được lực của nhân từ trước do không mất căn thiện.

Đối với người giận dữ, Bồ-tát thường tu tập tâm từ: Là ưa thích tu tập tâm đại từ, nên có khả năng nhẫn nhục đối với sự giận dữ của người kia. Chúng sinh gây khổ não, Bồ-tát có thể nhẫn chịu các khổ. Vì lực của nhân kiên cố nên đời đời, kiếp kiếp Bồ-tát ưa thích tu tập đại từ, nên thường có khả năng nhẫn chịu mọi sân giận. Chúng sinh sân hận gây khổ não, nhưng với lực của nhân tăng trưởng, vững chắc hiện tiền, Bồ-tát nương vào đó, nương vào lực của nhân vững chắc như thế, nên có thể nhẫn chịu mọi khổ trong đời vị lai, nhờ sự tăng trưởng kiên cố mà được thành tựu. Đó gọi là Bồ-tát được lực của nhân từ trước do không mất căn thiện.

Thường nói nhân duyên của các pháp: Là ở trong các pháp chỉ rõ cho kẻ khác về nhân không điên đảo, chỉ sức mạnh của nhân đạt được quả là lia tà kiến, ưa chuộng chánh kiến. Do sức của nhân kiên cố, nên đời đời, kiếp kiếp ở trong các pháp, vì người khác chỉ rõ nhân không điên đảo. Lực của nhân đạt được quả, vì lia tà kiến, ưa thích chánh kiến, nên sức của nhân tăng trưởng vững chắc hiện tiền. Bồ-tát nương vào sức của nhân kiên cố đó, nên thân mình trong đời vị lai ưa chuộng chánh kiến, không thích tà kiến, do sự kiên cố tăng trưởng nên được thành tựu. Đó gọi là Bồ-tát được lực của nhân từ trước do không mất căn thiện.

Thường nhớ nghĩ Bồ-đề: Là không bỏ nguyện lực của tâm Bồ-đề, thường xuyên không lìa bỏ tâm Bồ-đề, tu hành tất cả căn thiện của công đức. Thấy tâm của Đại Bồ-tát với nguyện lực kiên cố, nên Bồ-tát đời đời, kiếp kiếp thường tu tập tất cả sức nhân nơi căn thiện của công đức, được tăng trưởng vững chắc hiện tiền. Nương vào sức của nhân kiên cố đó, Bồ-tát tu hành tất cả công đức nơi căn thiện trong đời vị lai, nên sự kiên cố tăng trưởng đều được thành tựu. Đó gọi là Bồ-tát được lực của nhân từ trước do không mất căn thiện.

Như thế, do có lực của nhân từ trước, tuy chưa có người giảng nói về hành Ba-la-mật, nhưng Bồ-tát có phương tiện hành Ba-la-mật. Thế nên, sau đây là nói đến việc không do người khác dạy bảo nhưng có khả năng tự hành pháp hạnh Ba-la-mật.

Vì dùng bố thí làm người dẫn đường: Nghĩa là bố thí ở trong Ba-la-mật là đứng đầu. Đầu tiên tự tu hành sau mới dạy người khác, khiến họ hội nhập nơi sự tu hành. Bồ-tát tu hành bố thí như thế sẽ thành tựu hạnh bố thí trong đời vị lai, nên đời đời, kiếp kiếp không do người khác chỉ dạy, Bồ-tát vẫn có khả năng tự hành Bồ thí Ba-la-mật.

Không nói tội hủy phạm giới cấm của người khác: Là chỉ rõ không thấy lỗi lầm của người khác, tức Bồ-tát khéo an trụ nơi trì giới. Do khéo trụ nơi trì giới như thế, nên nơi đời vị lai không làm mất tất cả các hạnh của giới cấm, đời đời kiếp kiếp không do người khác dạy bảo, nhưng Bồ-tát vẫn có khả năng tự hành Trì giới Ba-la-mật.

Khéo nhận biết thấu giữ pháp giáo hóa chúng sinh: Là giáo hóa các chúng sinh, khiến họ được nhẫn yên ổn. Các chúng sinh kia không tu tập các hạnh, Bồ-tát siêng năng giảng nói các pháp, không hề mệt mỏi, biết tâm, biết sai khiến, để thấu nhận chúng sinh. Bồ-tát tu hành nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định như vậy, nên nơi đời vị lai tức thành tựu được tinh tấn, nhẫn nhục và thiên định. Đời đời, kiếp kiếp theo thứ lớp như thế, không do người khác chỉ dạy, nhưng Bồ-tát vẫn có khả năng tự hành nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định Ba-la-mật.

Hiểu thấu pháp sâu xa: Là khéo nhận biết tất cả các pháp không có ngã. Bồ-tát vì tin hiểu pháp sâu xa như thế, nên thành tựu trí tuệ nơi vị lai, đời đời kiếp kiếp không do người khác chỉ dạy, nhưng vẫn có khả năng tự hành Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát tu hành Ba-la-mật như thế, thực hành được hạnh thù thắng, hòa dịu, có thể xoay chuyển các thiên định, trở lại hóa sinh trong cõi Dục.

Thế nên theo thứ lớp giảng nói tướng của pháp ấy. Tâm hòa dịu là do Bồ-tát chứng được Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề nên có lực tự tại, lại nhờ nơi phương tiện thiện xảo nên có khả năng chuyển biến, khởi hiện cảnh giới thắng diệu. Bồ-tát kia đã được lực tự tại trong thiền định, nhưng không vì thiền định để sinh lên cõi Sắc. Được sức mạnh của các căn thiện, nghĩa là các Bồ-tát có thể lia bỏ thắng xứ, không chấp lấy thắng xứ, tuy sinh nơi cõi dưới, nhưng đối với thiền định kia Bồ-tát vẫn không thoái chuyển.

Khéo tu tập sức mạnh của phương tiện trí tuệ: Là các Bồ-tát do có lực của phương tiện Bát-nhã nên khéo tu tập các hành, nên không thoái chuyển nơi Địa dưới. Ở trong nhàm chán, không thọ nhận Địa đó, cũng không tu hành hạnh gì để sinh vào xứ ấy.

Chỉ rõ về chánh nhân, nên không bỏ tất cả các chúng sinh: Nghĩa là các Bồ-tát vì không rời bỏ chúng sinh, nên đã rời bỏ xứ thắng diệu, chấp nhận sinh vào chốn thấp kém, chỉ rõ là nhằm giáo hóa các chúng sinh.

Như thế, Bồ-tát không tham chấp nơi an lạc riêng mà đem niềm vui cho người khác, chỉ rõ ban vui cho chúng sinh, vì đã được pháp luân không thoái chuyển, nên theo thứ lớp nói đến tướng của pháp đó.

Chứng được Địa của pháp luân không thoái chuyển: Vì đối với ba thứ pháp thoát tất cần đối trị nên nói bốn thứ pháp đối trị. Nghĩa này nên biết. Nên biết như thế nào? Đó là trong việc tu tập hạnh Bồ-tát, có ba thứ pháp khiến Bồ-tát thoái chuyển:

(1) Thời gian lâu xa vô lượng. Do không thể nhẫn chịu mọi thứ khổ não như sinh v.v... nên sinh tâm thoái chuyển.

(2) Vì công đức trí tuệ ít ỏi, nên sinh tâm thoái chuyển.

(3) Lia bỏ tất cả chúng sinh, vì không có tâm từ bi, nên sinh tâm thoái chuyển.

Có thể thọ nhận vô lượng sinh tử: Là Bồ-tát có tâm hoàn toàn chấp nhận thời gian lâu xa vô lượng, nên tuy có vô số các khổ như sinh v.v... vẫn có thể chịu đựng, không sợ hãi, không sinh mệt mỏi.

Cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai: Là Bồ-tát cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, theo Phật nghe pháp, đạt được vô lượng công đức trí tuệ. Thế nên Bồ-tát thành tựu được công đức trí tuệ thượng diệu.

Tu hành vô lượng tâm đại từ, đại bi: Là Bồ-tát theo thứ lớp như thế, ban cho tất cả chúng sinh sự yên ổn, đem niềm vui đến cho hết thảy chúng sinh, vì Bồ-tát không hề lia bỏ họ.

Như thế, do chúng được Địa không thoái chuyển, nên không đoạn dứt chủng tử Phật, tu hành như thật, do vậy, theo thứ lớp sẽ nói đến pháp tướng đó. Không mất giống Phật, tu hành như thật, là do chúng được Phật Địa nơi đệ nhất nghĩa, vì chúng được Phật Địa nơi thế gian.

Phật Địa nơi đệ nhất nghĩa do ba thứ nhân nên chúng được:

- (1) Tâm mong muốn căn bản.
- (2) Chí tâm mong muốn chứng đắc.
- (3) Tâm mong muốn tối thượng.

Bản nguyện không thoái chuyển: Là vì không mất phần căn bản. Đó gọi là tâm mong muốn căn bản, chỉ rõ về tâm mong muốn căn bản như thế, là làm rõ về tướng nơi sức mạnh của nguyện gốc.

Tu hành như lời nói: Là theo pháp Như Lai đã giảng nói để tu hành, như thế gọi là tu hành như lời nói, chỉ rõ các Bồ-tát chí tâm muốn được chứng đắc.

Đối với các pháp thiện có sự tinh tấn mong muốn lớn: Là tâm mong muốn tăng thượng, tuy được một phần ít vẫn không cho là đủ, vì còn mong cầu pháp thù thắng.

Tâm sâu xa hành trì Phật đạo: Là chỉ rõ sự giả gọi về nhân của Phật Địa.

Giả gọi Phật: Là chỉ rõ về sinh Phật khi Ngài nhập Niết-bàn.

Nói tâm sâu xa: Là chỉ rõ việc tâm cầu sinh Phật đó.

Hành nơi Phật đạo: Là tu hành như thật, là sinh Phật thị hiện Phật trụ trì. Lại vì thị hiện nên sinh Phật ấy lại có nói pháp, chuyển pháp luân, thâm nhận chúng sinh.

Vì thọ nhận an lạc của các nghĩa pháp nào? Đức Phật phóng ra hào quang tỏa sáng để dẫn dắt, tiếp nhận. Vì Thánh giả Phạm Thiên Thắng Tư Duy muốn thọ nhận vô số pháp lạc kia. Nương vào lời hỏi trước của Phạm Thiên về sự thù thắng, Thánh giả Bồ-tát Võng Minh Đồng tử hỏi Phạm Thiên về vô số pháp tướng nổi bật đã nêu bày.

Từ đây trở xuống: Là nói rộng về Phạm Thiên Thắng Tư Duy, nên biết.

Phản hồi của Phạm Thiên có tám thứ câu hỏi về tà và chánh được ghi nhận để giảng nói về pháp đó. Như kinh nêu: Phạm Thiên nói: Này Võng Minh! Nếu Bồ-tát thấy có ngã nên hỏi, đó là hỏi tà, không phải là hỏi chánh, như thế v.v... *Những gì là tám thứ?* Đó là:

- (1) Nương vào.
- (2) Thê.
- (3) Nương dựa.
- (4) Nương vào sự.
- (5) Lỗi lầm.
- (6) Lợi ích.
- (7) Dấy khởi.
- (8) Căn bản.

Nương vào: Nghĩa là nương nơi Đại thừa, do nương vào thừa đó nên ở đây là câu hỏi chánh.

Thế: Hỏi tà là thế. Thế ấy có ba thứ: Là ngoại đạo, Thanh văn và Bồ-tát mới phát tâm.

Nương dựa: Có ba thứ không trí: Thô, trung bình, vi tế. Ba thứ ấy là tối tăm. Nghĩa là theo thứ lớp như ngoại đạo v.v... nên biết. Nên biết như thế nào? Nên biết người ngoại đạo dựa vào thứ không trí thô. Vì thế nên không nhận thức được thể tướng của vô ngã trong thân mình và thân người, chấp trước có ngã, vì không thể nhận biết tướng của các pháp. Nương vào tâm mình, nhận thấy luận tà đã giảng nói, theo nghĩa câu của luận đó, chấp trước nơi pháp tướng. Như vậy theo thứ lớp nơi thân mình, thân người, nhận thức hư vọng mà hỏi.

Hết thấy như thế đều không phải là hỏi của chánh niệm, nên đều là hỏi tà.

Thanh văn phân biệt nhận biết tướng của pháp vô ngã, còn có điều không biết. Thế nên gọi là hạng không trí, tối tăm trung bình. Dựa vào chỗ không trí trung bình ấy, nhận lấy việc tạo tác các nghiệp như nghiệp của mình v.v... tức nhân nơi nghiệp đó nên nhận quả báo, chứ không phải đâu khác. Và vương chấp nơi tự thể theo đồng tướng, dị tướng, thành tựu các pháp tất có như sắc v.v.

Thừa hỏi như thế là chấp trước nơi pháp của thân mình và thân kẻ khác. Do có tùy thuận việc đoạn trừ phiền não chướng, dựa vào thừa mình gọi là chánh niệm. Dựa vào việc đoạn trừ phiền não chướng, nhưng không tùy thuận nơi việc đoạn trừ chướng của trí, nên gọi là tà niệm. Căn cứ theo Đại thừa nên gọi là hỏi tà.

Bồ-tát mới phát tâm một phần ít có khả năng nhận biết các pháp vô ngã. Lại do không nhận biết về chỗ không có trí vi tế, dựa vào đấy, nương vào chỗ vật có không, lìa bỏ tướng có, giữ lấy tướng không.

Ở trong hai pháp, một mực giữ lấy pháp không, duyên nơi tướng của pháp không để hỏi, là hỏi không chân chánh.

Nói dựa vào sự việc: Sự việc có sáu thứ:

- (1) Âm, giới, nhập.
- (2) Nhân duyên tập hợp.
- (3) Đế (Chân lý).
- (4) Chứng trí.
- (5) Đối với đối trị.
- (6) Pháp Phật.

Dựa vào sự việc của âm, giới, nhập: Là dựa vào ngã để hỏi về ngã.

Dựa vào sự việc của nhân duyên tập hợp: Là dựa vào nẻo thuận nghịch mà hỏi. Do sinh nên hỏi. Do diệt nên hỏi. Do thị xứ phi xứ nên hỏi. Tức hỏi về nhân duyên tập hợp kia. Sinh, diệt tức là thị xứ phi xứ. Như trong kinh nói: “Nghịệp của thân, miệng v.v... tu hành các điều thiện, nếu sinh vào đường dữ thì không có điều đó”.

Dựa vào sự việc của Đế: Là thuận với nhân duyên tập, nghịch với nhân duyên tập.

Thuận với nhân duyên tập: Là hai Đế với thể cấu nhiễm có nhân, có quả, vì là thể của pháp hành hữu lậu. *Nghịch với nhân duyên tập:* Là hai Đế với thể tịnh, nương vào đạo có khả năng diệt trừ, thể nên Đạo để gọi là Diệt đế.

Như thế, nương vào hai Đế với hai thứ nhiễm, tịnh để hỏi. Dựa vào hai Đế với thể của pháp nhiễm đó nên hỏi về thế gian có sinh tử. Dựa vào hai Đế với thể của pháp tịnh nên hỏi về Niết-bàn tịch diệt. Như thế, theo thứ lớp sinh trong thế gian, vượt quá thế gian, chứng được Niết-bàn.

Như thế Niết-bàn và thế gian hai thứ có sai biệt, là nương vào Niết-bàn hữu dư và Niết-bàn vô dư. Như vậy, hỏi những sự việc thế gian, là dựa vào thật đế mà hỏi, nghĩa này nên biết. Do ý nghĩa đó, dựa vào bốn thứ sự việc của đế ngăn chặn pháp vô ngã.

Dựa vào sự việc của chứng trí: Là dựa vào sự hiểu biết, dựa nơi xa lìa mà hỏi, vì chứng đắc, vì tu tập mà hỏi. Theo thứ lớp như thế, trí đó, khi kiến đạo được gọi là trí.

Đã chứng trí, nên từ đây trở lên được gọi là tu đạo. Vì có được sự chứng biết đó, nên dựa vào trí chứng đắc để hỏi, được tên trí, gọi là tu hành, nghĩa này nên biết.

Vì xa lìa tập kia, nên được quả của chánh đạo xuất thế gian, do lìa khỏi các kiết sử phiền não nơi thân, nên dựa vào chỗ xa lìa sự việc đó mà hỏi. Như kinh nói: Thế nên Vông Minh! Dùng những nơi chôn không thủ đắc, không nhận lấy, không chứng nhập, không phân biệt, không nhận biết, không nương dựa, không tu tập, không tu kiến mà hỏi, đó là hỏi chân chánh. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Ở trong chân như đã nói về câu chữ, là nói không có trí như thế, là để ngăn chặn xứ chân như không có pháp như thế. Như nơi mỗi mỗi câu có xứ phân biệt cũng là để ngăn chặn vị trí của chúng không có pháp như thế.

Không nhận lấy: Là không còn phân biệt hư vọng cho là ta đã chứng được.

Không phân biệt: Là không phân biệt hư giả là ta đã chứng nhập.

Không nương dựa: Là không phân biệt hư vọng là ta đã nhận biết Niết-bàn.

Không phân biệt: Là đệ nhất nghĩa.

Nói nương dựa: Là nương vào kiến đạo. Kiến đạo này dựa vào tu đạo mà nói.

Không tu kiến: Là không còn chấp ta tu đạo. Nói pháp như thế tức gọi là chánh.

Dựa vào sự việc của đối với đối trị: Là các pháp thiện, bất thiện v.v... Pháp bất thiện gọi là đối, pháp thiện gọi là đối trị.

Lại, pháp thiện có hai thứ khác nhau là hữu lậu và vô lậu có sai biệt.

Lại, các ngoại đạo do gắn với tà kiến ô trược, nên trong cõi sinh tử luôn có lỗi lầm, nghĩa này nên biết.

Không có lỗi lầm cũng có hai thứ sai biệt là hữu vi và vô vi.

Pháp thiện lại có hai thứ sai biệt là thế gian và xuất thế gian.

Kẻ kia có phân biệt, lấy không phân biệt, dựa vào đó để hỏi về các sự việc của chủ thể đối trị và đối tượng cần đối trị.

Này Võng Minh! Nếu Bồ-tát không thấy có hai, không thấy không hai, là không thấy hai số, không thấy một số. Đó là để ngăn chặn có thể chấp giữ pháp vô ngã.

Hỏi về vô minh, vô tướng, hành bình đẳng, gọi là hỏi chánh: Là do giữ lấy tướng của pháp kia nên phải ngăn chặn khả năng chấp giữ, có thể chấp giữ tướng đó.

Lại, hỏi về vô tướng, hành bình đẳng vô tướng: Là để ngăn chặn chủ thể nói, có thể nói về tướng.

Lại, chủ thể nói gọi là bình đẳng, có thể nói gọi là tướng, vì nhận biết tất cả sự bình đẳng.

Pháp kia có thể nói, cũng gọi là bình đẳng, nhiều thứ pháp tướng đồng gọi là nói.

Dựa vào sự việc của pháp Phật: Là dựa vào Phật, dựa vào pháp, dựa vào sự tu hành, dựa vào xứ, dựa vào chúng sinh có thể hóa độ, dựa vào sự tinh tấn, giữ lấy chứng trí.

Theo thứ lớp về Phật v.v.. như thế: Là thị hiện nhân nơi sự sai biệt đó, nên hỏi.

Đủ chủng loại Phật v.v...: Nên biết.

Đủ chủng loại Phật: Là sự sai biệt về thời kỳ, gia đình, dòng họ, đời sống.

Đủ chủng loại Pháp: Là sự sai biệt nơi các thể loại của Kinh, Kỳ-dạ v.v...

Đủ chủng loại Tăng: Là toàn bộ sự sai biệt ít nhiều về Bồ-tát, Thanh văn, Tăng xen tạp.

Đủ chủng loại quốc độ: Là toàn bộ sự sai biệt về quốc độ tịnh và nhiễm.

Đủ chủng loại chúng sinh: Là sự sai biệt về các thứ phiền não như tham, giận, si xen tạp v.v...

Đủ chủng loại thừa: Là sự khác nhau về các thừa như Thanh văn v.v...

Gọi là lỗi lầm: Là các ngoại đạo v.v... hỏi về pháp sinh, pháp diệt, thị xứ phi xứ. Thấy pháp sinh hỏi. Thấy pháp diệt hỏi. Thấy pháp nhiễm hỏi. Thấy pháp tịnh hỏi. Các câu hỏi như thế đều là hỏi nhiễm, thế nên gọi là lỗi lầm.

Người của hàng Thanh văn nơi tất cả câu hỏi cũng như vậy, vì diệt, vì tịnh, vì thành tựu Niết-bàn nhưng không đạt được Đại Bồ-đề, do đó gọi là lỗi lầm.

Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề cũng hỏi không chánh niệm. Do không thành tựu trí thanh tịnh như thật, nên gọi là lỗi lầm.

Gọi là lợi ích: Là nếu không có người hỏi như thế tức gọi là lợi ích, nghĩa này nên biết.

Các câu hỏi như vậy đều không phải là những câu hỏi chân chánh. Còn các câu hỏi khác, gọi là những câu hỏi chân chánh vì nhằm chỉ rõ nghĩa lợi ích.

Gọi là dấy khởi: Tức không phải câu hỏi đúng đắn, các câu hỏi đúng đắn do đã chỉ rõ nghĩa lợi ích kia. Như kinh nói: “Lại nữa, này Bồ-tát Võng Minh! Tất cả các pháp là chánh, tất cả các pháp là tà”.

Điều này có ý nghĩa gì? Các âm, giới, nhập v.v... thầy đều được gồm thâu trong pháp Phật để nói, như trước đây đã nói các sự tướng của âm, giới, nhập v.v...

Các pháp như đã giảng nói, không thể nghĩ bàn gọi là chánh. Nhưng dấy lên sự nghĩ bàn gọi là tà: Là sự việc hỏi không chân chánh và hỏi chân chánh. Như kinh nêu: “Phạm Thiên nói: Này Võng Minh! Do nghĩa nào nên các pháp là không thể nghĩ bàn?”. Tất cả pháp gọi là chánh. Nếu không thể nghĩ bàn mà nghĩ bàn, nên tất cả các pháp đều gọi là tà. Do nghĩa gì? Do hết thầy các pháp là không thể nghĩ bàn. Như kinh nói: “Tất cả pháp tịch tĩnh gọi là chánh tu duy, vì thể luôn xa lìa mọi phân biệt hư vọng, nên gọi là tịch tĩnh, do lìa hý luận, nên cũng gọi là tịch tĩnh”. Vì không tin pháp tịch tĩnh là vô ngã nên rơi vào biên tăng thượng mạn. Phân biệt hư vọng là có thể phân biệt pháp, để tu tập các hạnh, do phân biệt bốn đại, nên khởi lên câu hỏi về pháp, chỉ rõ không phải hỏi chân chánh.

Pháp chánh tánh: Là lìa cảnh giới của mình, lìa biên vực mong muốn khác, gọi là pháp tánh. Đây là chỉ rõ về nhân của hỏi chân chánh.

Đây là do nghĩa nào, dùng các pháp quán nào có thể lìa dục? Do các trí nào để phân biệt về pháp đó? Hai pháp không hai kia gọi là chân như, trong đó, trí không phân biệt như thể là tướng của trí chân như, gọi là thật tế.

Nói thật tế: Là lìa biên vực hơn hẳn của mong muốn khác. *Nói thật tế:* Là lìa khỏi các thứ dục, do tướng của trí chân như là không

phân biệt. Đây là tướng quán của Địa, quán sát như thật trong tự cảnh giới của nội tâm.

Theo thứ lớp như thế là nêu rõ về pháp tánh tịch tĩnh, nên biết.

Địa: Là cảnh giới của tự tâm thành tựu, cùng quán chân như là Địa của đối tượng được quán.

Các pháp nào nêu trên nghĩa là như đã nói về sự việc của âm, giới v.v... Sự việc của âm v.v.. đó lia chân như, do chân như không có hý luận. Trí không phân biệt quán chân như. Trí đó tĩnh lặng, vì chân như lia mọi nơi chốn có thể giữ lấy và chủ thể giữ lấy.

Nói pháp hết mực sâu xa như thế, nên biết chánh pháp này rất thâm diệu, khó hiểu. Như kinh nói: “Bồ-tát Vông Minh nói: Phạm Thiên, ít có chúng sinh có thể hiểu được về tánh chánh của các pháp như thế”.

Như ở đây nói tánh chánh của các pháp, tức lia tánh của pháp chánh mà cầu trí thì không thể được. Vì pháp tánh kia vượt quá số lượng một, khác nơi thế gian, ngăn che thể của pháp hữu vi. Gọi là ít, vì nương vào một số. Lia một số kia lại không có phần ít. Như thế là để ngăn chặn sự chấp có về thể của vật. Thể của pháp đó không phải hoàn toàn là không. Không hay, không biết, là nhằm ngăn chặn cho là không có tướng pháp. Đó là biện minh về nghĩa gì? Ở đây, nói tin tưởng các pháp căn bản của ba đời, không thấy pháp tướng, không phải cho là ngăn chặn chứng thật. Các Đại Bồ-tát đều có pháp chứng thật, chỉ rõ về nghĩa này vì thuận theo nghĩa ấy, nên gọi là tin không phải là chứng.

Chứng nhập pháp ấy: Gọi là không nhận thấy một sự việc. Đây Vông Minh! Nếu có thiện nam, thiện nữ được nghe tánh chánh của các pháp như thế, siêng năng, tinh tấn hành trì, đây gọi là tu hành như thật, tức nương vào văn tuệ, tư tuệ, ở trong trí tuệ giảng nói về pháp tướng kia.

Như trước đã nói: Là do nương vào tâm nào? Nương vào ý nào, Đức Như Lai thuyết giảng pháp? Về nghĩa này nên biết. Vì không hý luận nơi tất cả pháp, nên gọi là chứng pháp. Vì nhận biết như thật, nên Bồ-tát không trụ nơi thế gian, không trụ nơi Niết-bàn. Do nơi thế gian có phiền não cấu nhiễm không một pháp nào xả bỏ, thế nên không giảm. Do trong Niết-bàn, không một pháp nào được nhận lấy, thế nên không thêm. Đó là chỉ rõ các Đại Bồ-tát không trụ nơi tướng Niết-bàn, thế gian.

Nghe giảng nói về tướng của chánh pháp như thế: Là theo thứ lớp, theo người khác nghe pháp, sau đó nội tâm tự chánh tư duy. Theo thứ lớp có thể phát sinh chánh kiến xuất thế gian, đạt được quả đó. Lìa các tướng là chỉ rõ về thật thể không trụ nơi tướng, là chỉ rõ nhân của Niết-bàn không trụ. Ấy là do Đức Như Lai nhận thấy pháp vô ngã đồng một vị, chỉ rõ các Bồ-tát đối với các lỗi nơi công đức của Niết-bàn, thế gian không có phân biệt, vì tướng bình đẳng.

Như thế là các Bồ-tát chứng được lý không trụ thế gian, không trụ Niết-bàn.

Nói pháp theo thứ lớp đến đây đã xong. Lại dựa vào nghĩa khác, nên tiếp sau đây lại hỏi. Đây là biện minh về nghĩa gì? Đức Như Lai nói pháp không thể vượt quá sự dị biệt, tức không thể vượt quá chỗ khác với thân, không thể vượt quá chỗ khác với thời gian. Lại có một pháp, vì vậy nên không một pháp nào giảm ở thế gian, không một pháp nào thêm lên ở trong Niết-bàn để ngăn chặn việc lìa bỏ một vật, hay lấy một vật. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Không phải cho là hoàn toàn không vượt quá thế gian, có vượt quá thế gian. Đó là để ngăn chặn kẻ chấp thấy không có vật gì cả. Đây là chỉ rõ về nghĩa gì? Là chỉ rõ việc vượt quá hai tướng. Nghĩa này là thế nào? Nói hai tướng là:

- (1) Hành của thế gian.
- (2) Niết-bàn.

Phân biệt lỗi lầm ở thế gian, phân biệt lỗi lầm nơi công đức, Đại Bồ-tát hoàn toàn xa lìa hai thứ lỗi lầm đó. Nghĩa này là thế nào? Là trong pháp bình đẳng, không có nhiễm, tịnh, vì dựa trên pháp tánh của thật tế để lìa dục. Nói như thế vì thật tế kia hoàn toàn không đồng với sinh tử. Vì thế gian cho sinh tử là thường, thế nên không có người chứng nhập Niết-bàn. Do nghĩa này nên là không nhiễm, không tịnh.

Theo thứ lớp như thế, bất tất phải nói pháp, nên yên lặng an trụ, cũng được tu tập các hành như pháp.

Nếu muốn giảng nói, phải nên như Phạm Thiên kia đã nói. Thế nên Đức Như Lai khen: Lành thay! Lành thay! Pháp không thể giảng nói mà có thể giảng nói, thế nên Đức Như Lai lại khen: Lành thay! Ta không vướng mắc nơi sinh tử, không chứng đắc Niết-bàn.

Như thế v.v... nhận lãnh nghĩa trước đã nêu, lại không có pháp nào để có thể nói. Vì sao Đức Như Lai lại nói pháp này? Do năm trăm Tỳ-kheo khi nghe nói pháp này sinh khởi hoảng sợ, Đức Như Lai vì muốn khiến các Tỳ-kheo kia đều hoàn toàn quyết định trong nghĩa ấy. Đây là hiển bày về nghĩa nào? Là chỉ rõ ý của Như Lai cũng như thế, không phải riêng gì Phạm Thiên. Chúng sinh đều rơi vào biên không có vật, thế nên Đức Như Lai và Phạm Thiên đều nói lý không, nhưng người tu phạm hạnh không hiểu ý nghĩa sâu xa nên phân biệt hư vọng.

Thế nào là phạm hạnh? Nghĩa là thọ trì giới, tu hành như thật và không hủy phạm.

Tu hành chánh đạo: Là tu hành, quán xét về bốn Đế có sai biệt.

Các thiền: Là bốn thiền như thiền thứ nhất v.v...

Tam-muội: Là vô số các hành có giác, có quán v.v...

Tam-ma-bạt-đề: Là bốn định của cõi Vô sắc.

Các Tỳ-kheo kia do thấy có pháp, thấy không pháp, nên vừa nghe nói như trên, vội cho Đức Như Lai nói hoàn toàn không có vật,

cũng không có tu hành phạm hạnh, như thế nên sinh hoảng sợ, vì họ chấp pháp là có, là không. Vì nhằm đoạn trừ chấp có, chấp không của các Tỳ-kheo ấy, nên đối với những người ấy, Phật không xuất hiện ở đời v.v... nên Niết-bàn họ cũng cho là vật có, nên mong cầu chứng Niết-bàn. Đối trị chấp có vật, như kinh nói: “Hạng người kia cho đến mong cầu tướng quyết định. Như thế là dựa vào không danh, tướng để giảng nói pháp đúng đắn rồi, Đức Như Lai dùng hai ví dụ để quở trách số Tỳ-kheo sinh tâm sợ hãi kia”.

Hai thí dụ này khiến phát sinh hai thứ nhân nhớ nghĩ, nghĩa là phát sinh nhân nhớ nghĩ nhằm chán, và phát sinh nhân nhớ nghĩ quán xét vui mừng. Do hai nhân ấy nên đạt được Niết-bàn, vì thế Đức Như Lai quở trách. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Tức chỉ rõ từ chỗ dựa nơi đây để cầu pháp, thấy tâm bị lỗi lầm bức bách, nên khởi quán về nhằm chán.

Dụ thứ nhất giống như pháp đối trị tướng, chỉ rõ quán về lợi ích, là vui cùng thân chuyển, nên sinh quán hoan hỷ. Dụ thứ hai tương tự như pháp đối trị tướng.

Tiếp theo là làm sáng tỏ người kia, tuy hành tướng chánh nhưng lại là tướng của hành tà vì khởi lên tướng sinh, tướng diệt, để được tướng Niết-bàn, để chứng tướng đạo.

Từ trước đến giờ, nghe Đức Như Lai giảng nói pháp, các Tỳ-kheo được giảm thiểu các hành xấu ác. Từ đây trở xuống, vì khiến cho các Tỳ-kheo hội nhập nơi pháp, nên Bồ-tát Vông Minh nói với Phạm Thiên Thắng Tư Duy, giúp họ có thể chứng nhập pháp. Ở đây chỉ rõ hai thứ pháp tướng:

- (1) Chỉ rõ về thể thật.
- (2) Chỉ rõ về đặc quả.

Nói thể thật: Là khiến tin pháp. *Gọi là quả:* Tức khiến các Tỳ-kheo lìa tà kiến đạt được giải thoát, hoàn toàn chỉ rõ tướng chánh

kiến. Vì thân Tỳ-kheo, trong khi nghe giảng nói pháp, có thể sinh khởi chủng tử. Do chư Phật Như Lai ở quốc độ khác cũng đều giảng nói pháp này, chỉ rõ cho các Tỳ-kheo kia biết sợ nơi chốn nào, không thể bỏ nơi chốn đó mà đi, không thể xa lìa pháp tướng đã giảng nói, do tất cả nơi chốn đều không lìa pháp, vì không thể tránh khỏi. Chỉ rõ tướng như thế, để khiến các Tỳ-kheo kia không ra đi.

Nói hư không là dùng để thí dụ, chỉ rõ về nghĩa này, là sợ hãi nơi chốn nào, bỏ nơi chốn đó mà đi, chung quy vẫn không xa lìa khỏi nơi chốn sợ hãi. Như người sợ hãi hư không, không thể vượt quá hư không, đến một nơi không có hư không để có thể tìm cầu.

Nương vào pháp chúng kia là để chỉ rõ tướng chúng đặc.

Không, vô tướng, vô nguyện: Là chân như, nên biết.

Muốn cầu Niết-bàn, hành trong Niết-bàn, nhưng không chứng đắc Niết-bàn: Vì Niết-bàn là tướng thanh tịnh của chân như. Đây là do nghĩa nào? Do chân như kia trong tất cả pháp thấy đều bình đẳng, nên gọi là Niết-bàn. Miệng nói ra vì không thể giữ lấy. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Vì để ngăn chặn quan niệm cho Thế thật có thể giữ lấy.

Như thế là xa lìa pháp vật có, không, có thể nhận biết đúng như thật về thể tướng của các pháp.

Các Tỳ-kheo kia nhận thấy như thế rồi, tâm được giải thoát. Được tâm giải thoát rồi, tức được pháp thật. Được pháp thật rồi, tự nói về pháp tướng. Các Tỳ-kheo kia, trước đây là phàm phu, sau đó làm học nhân, kể đến là chứng thành La-hán. Do nghĩa này, nên sau ba thời, dựa như trước đây không thành, họ nói lên lời này: Bạch Đức Thế Tôn! Hôm nay chúng con đây không phải là phàm phu, không phải hàng hữu học, không phải là bậc vô học, không phải là A-la-hán.

Không ở nơi thế gian: Là vĩnh viễn đoạn dứt tất cả xứ thọ sinh trong cảnh giới Niết-bàn vô dư.

Không ở nơi Niết-bàn: Là trong Niết-bàn hữu dư tướng thủ âm chưa dứt hết. Như thật chỉ rõ là có Phật ra đời, hiện bày tướng giác tri.

Gọi là động: Tức là tâm tán loạn.

Nói ngã tướng: Tức là ngã kiến.

Nói phát khởi: Là có khả năng khởi tạo hành nơi tướng của tâm.

Gọi là hý luận: Là tâm phân biệt về ba trường hợp như động v.v...

Nhân quả như thế hoặc hoàn toàn chỉ rõ cho người kia là có Phật ra đời. Thánh giả Xá-lợi-phất nương vào đạo, nương vào sự chứng đắc, nương vào diệt, nương vào sự chứng nhập để hỏi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo nên trả lời như thế. Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói, nhưng các Tỳ-kheo lại nói: Tôi đã được bảy điều không thể tạo tác mà có thể tạo tác nói năng, vấn đáp. Đó là chỉ rõ câu trả lời thật bằng cách đáp ngược lại. Đây có hai thứ:

(1) Trả lời về chỗ chứng đắc.

(2) Trả lời về sự giảng nói.

Do có người như thế, nên thiết lập sự ghi nhận.

Các Tỳ-kheo đồng hành, nói pháp, nhưng không thể đạt đến chỗ cùng cực, càng sinh tâm tôn trọng. Do Tỳ-kheo kia nói về thể của pháp, nên sinh tâm tôn trọng.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN

QUYỂN 3

Trụ nơi phước điền, có thể tiêu hóa vật dụng cúng dường:
Nghĩa là dựa nơi Địa phước điền, trụ nơi đạo La-hán, có đủ sức nhận cúng dường. Đại sư Thế Tôn hãy còn không thể tiêu hóa các thứ cúng dường, huống chi là chúng ta có thể tiêu hóa các vật dụng cúng dường. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Là nhận biết đúng như thật về pháp tánh xưa nay thanh tịnh. Do đây nên nói: Đại sư Thế Tôn hãy còn không thể tiêu hóa các thứ cúng dường, huống chi là chúng ta v.v... Đây là biện minh về nghĩa gì? Là lìa pháp giới, lại không có người thọ nhận vật cúng dường, do pháp giới kia xưa nay thanh tịnh. Đây là do nghĩa gì? Do trụ nơi Địa phước điền, trụ nơi quả vị La-hán, nên có đủ sức thọ nhận cúng dường. Vì nhận biết đúng như thật về pháp giới thanh tịnh, vì các thế gian không nhận biết Như Lai là phước điền thù thắng, thế nên nói: Đại sư Thế Tôn hãy còn không thể tiêu hóa các thứ cúng dường. Đây là biện minh về nghĩa gì? Vì lìa pháp giới, lại không có riêng pháp tướng thanh tịnh, vì tự tánh của pháp giới kia là thanh tịnh.

Do dựa vào sự thọ nhận cúng dường nên hỏi về phước điền. Câu hỏi kế tiếp nên thọ nhận người cúng dường phước điền. Những người đó là ai? Như kinh nêu: Tiếp theo nói: Không bị lôi kéo theo pháp thế gian.

Thưa Thế Tôn: Dựa nơi các Bồ-tát như thế, là phước điền của thế gian, nên nói tướng của sự thọ nhận cúng dường phước điền. Do vậy đáp: Không bị lôi kéo theo pháp thế gian. Đây là do nghĩa gì? Do các Đại Bồ-tát thường ở thế gian, hành trì pháp thế gian, không bị pháp thế gian làm cho cấu nhiễm, các môn pháp thế gian như hơn, thua, được, mất, khen, chê, tán dương trách cứ khổ, vui nhưng đều không thể lôi kéo. Thể của tâm Bồ-tát không hề có được, mất, hơn, thua, khen, chê, khổ, vui. Tâm Bồ-tát luôn vững chắc, nên không tùy theo tám thứ pháp thế gian như thế. Đối với các sự việc như vậy, tâm luôn kiên cố, không động, nên tham, giận, si không thể lôi kéo.

Người như thế là người của phước điền thọ nhận sự cúng dường. Đây gọi là phước điền, có thể thọ nhận cúng dường, đó là thanh tịnh.

Do nghĩa này, nhân nơi người của phước điền, nên hỏi về tướng của phước điền thanh tịnh.

Vì các Bồ-tát, tuy phần nhiều còn thọ nhận lợi dưỡng của quyến thuộc, nhưng không khởi tâm thân nhận lấy một pháp, chấp trước nơi một pháp. Do nghĩa ấy, nên có khả năng tiêu hóa vật dụng cúng dường, là phước điền thù thắng có thể tiêu hóa vật dụng cúng dường. Chỉ rõ về nghĩa ấy, nên câu hỏi kế tiếp là về khả năng tiêu hóa cúng dường, vì không chấp trước, là nêu rõ tướng tốt đẹp của phước điền có thể thọ nhận. Do vậy được mang tên là hai tướng phước điền công đức.

Do các Bồ-tát, vì các chúng sinh không mất sự an ổn, nên khởi tâm Bồ-đề, vì các chúng sinh nên tu hành các công đức của xứ kia. Được công đức cúng dường, cung kính ấy là sự thù thắng trong phước điền, chỉ rõ về nghĩa này. Thế nên, kế tiếp là hỏi về phước điền thanh tịnh. Do Bồ-tát không hủy hoại tâm Bồ-đề, mà là người có khả năng thọ nhận sự cúng dường làm phước điền thanh tịnh, vì Bồ-tát ấy có khả năng làm phước điền, làm tri thức thiện dẫn dắt chúng sinh. Chỉ

rõ về nghĩa ấy, thế nên, sau đây là hỏi về tri thức thiện. Là người trực tâm tu hành theo thứ lớp như thế, nhập thiên định. Từ thiên định khởi, ban cho các chúng sinh niềm vui của sự yên ổn, vì không bỏ tất cả các chúng sinh, nên chỉ rõ Bồ-tát là bậc tri thức thiện thù thắng.

Như vậy, Bồ-tát có khả năng làm người bạn lành, nương theo lời Như Lai dạy, lợi mình, lợi người, tu hành các hạnh, không quên mất ơn sư. Chỉ rõ về nghĩa ấy, do vậy sau đây là hỏi về việc có thể báo ân Phật, vì đạt được Bồ-đề Phật, không đoạn dứt chủng tử Phật. Tâm đem lại lợi ích cho người khác, nên đối với Như Lai, tự hành tác các sự việc tốt đẹp để báo ân Phật.

Để báo ân: Là hành tác như cúng dường có các công đức. Chỉ rõ về nghĩa này, nên sau đây là hỏi việc đó. Cúng dường Phật là dùng tự thể của thật tế, nơi pháp thân không sinh, đối với thân Như Lai, có khả năng nhận biết tướng chứng đắc của thật tế không sinh. Do mong cầu pháp đó, tất sẽ được không mất, nên cúng dường Như Lai nơi tất cả thời. Thế nên Bồ-tát đem sự cúng dường thù thắng để cúng dường chư Phật.

Do cúng dường các Như Lai là gần gũi chư Phật. Chỉ rõ về nghĩa này, thế nên sau đây là hỏi về việc thân cận nơi Phật. Nghĩa là các Bồ-tát thà bỏ thân mạng chứ quyết không bỏ các hành nơi mười Địa, vì đã gồm thâu các hành của mười Địa nên không bỏ giới cấm để được thể như pháp, vì gần gũi nơi chư Phật và các Bồ-tát, là chỉ rõ về hành thù thắng.

Do thân cận nơi chư Phật và Bồ-tát, nên sinh tâm tôn trọng, cung kính Như Lai. Chỉ rõ về nghĩa này, thế nên sau đây là hỏi về sự cung kính Phật.

Do tất cả các căn không sai biệt, vì hết thảy các căn đều được phòng hộ và hành trì các hạnh, nên không sinh tâm phiền não, có khả năng tu hành, khéo giữ gìn các căn, vì thế được người tôn trọng là

tâm thù thắng. Bồ-tát tu hành đúng đắn như thế, sẽ được quả báo lớn. Chỉ rõ về nghĩa này, nên sau đây là hỏi về của cải giàu có, là được bảy thứ pháp tài tối thắng xuất thế gian như tín v.v... Chỉ rõ pháp tài thù thắng to lớn ấy là được tướng của tâm mong muốn tốt đẹp, hơn hết, đã được đoạn trừ chướng, hành các mong muốn, lìa tướng của các dục, thọ nhận pháp lạc, thọ nhận sự an vui nơi ăn uống, được chứng nhập pháp như thật, tu hành như thật về tín, giới, tâm, quý, văn, xả, tuệ v.v... Nói bố thí tài sản, vật dụng là nói theo thứ lớp.

Lại, hai thứ pháp tài là tâm (hổ) và quý (thẹn), đây là nương vào pháp đoạn trừ phiền não nóng bức, nên nhận biết như thế.

Bồ-tát tuy có bảy thứ pháp tài, nhưng vẫn không sinh tâm niệm: Ta đã có đủ, không đủ. Chỉ rõ về nghĩa này, nên theo thứ lớp hỏi về sự biết đủ, là để dẫn dắt, thọ nhận các chúng sinh.

Bồ-tát tuy mong cầu cúng dường, nhưng tâm thường mong cầu Bát-nhã vô thượng, không cho là đủ, không sinh khởi tâm đầy đủ, gọi là biết đủ. Để biết đủ rồi là nơi các dục. Chỉ rõ về nghĩa này, nên sau đây là hỏi về sự xa lìa.

Bồ-tát tuy ở trong ba cõi hành hóa nhưng không cầu về xứ kia, nên được tâm tịch tĩnh thù thắng tột bậc. Đã đạt được tâm tịch tĩnh tối thắng như thế là thân tâm xa lìa. Chỉ rõ về nghĩa này, vì thế sau đây là hỏi về không có các hành ác.

Bồ-tát tuy còn thọ dụng vô số cảnh giới thắng diệu, nhưng tâm không bị cấu nhiễm theo phiền não, do được tâm thù thắng, gìn giữ các căn. Bồ-tát đã gìn giữ được các căn nên nơi tất cả xứ đều không sợ hãi. Vì không sợ hãi nên được thọ nhận an lạc. Chỉ rõ về nghĩa ấy, nên sau đây là hỏi về con người an lạc.

Bồ-tát tuy thọ nhận sự cung kính cúng dường, nhưng không hề tham đắm, thường không lìa bỏ tất cả chúng sinh. Khéo nhận biết đúng như thật về các hành hữu vi, lìa mọi phiền não, nên được an lạc

thù thắng. Không vương mắc như thế là lia các phiền não, đạt được an lạc hơn hết, tức được gắn liền với sự thọ nhận niềm vui của chúng sinh. Như thế là Bồ-tát đã đến nơi bờ kia. Chỉ rõ về nghĩa này, nên sau đây là hỏi về khả năng đi đến bờ kia.

Do các Bồ-tát thị hiện thân sáu nhập của các nẻo, thâm nhận tất cả chúng sinh của sáu nhập, nhằm đoạn trừ tham dục của họ, khiến đến được bờ kia, lia hẳn tâm tham dục. Do vậy gọi là có khả năng bỏ sáu nhập. Vì bỏ sáu nhập nên được tâm thù thắng, được đến nơi bờ kia. Bồ-tát như thế là đã được tâm thù thắng và đến bờ kia, nên chính thức an trụ nơi xứ sở đó. Chỉ rõ về nghĩa này, nên sau đây là hỏi về việc trụ nơi bờ kia.

Do không phân biệt đạo Niết-bàn, thế gian, nên trí không phân biệt chứng nhập pháp vô ngã. Trụ nơi Niết-bàn vô trụ, được pháp nhãn vô sinh. Do vì nghĩa ấy, nên đã chứng được trí đồng, bất đồng trong Địa thứ tám, thế nên gọi là đã đến bờ kia, an trụ nơi xứ sở thù thắng đó. Bồ-tát trụ như thế nơi bờ kia với đầy đủ các pháp Ba-la-mật xuất thế gian. Chỉ rõ về nghĩa ấy, nên sau đây là hỏi làm sao tăng trưởng các Ba-la-mật?

Do tâm mong cầu Nhất thiết trí, tăng trưởng bồ thí v.v... Đề cho bồ thí v.v... lần lượt được tăng trưởng, vì vậy Bồ-tát luôn vì các chúng sinh giảng nói về tâm cầu đạt Nhất thiết trí. Các Bồ-tát đều khuyên bảo khiến chúng sinh phát tâm Bồ-đề, tăng trưởng hành bồ thí. Tức trong đời trước, Bồ-tát đã từng khiến các chúng sinh phát tâm Bồ-đề, tu hành bồ thí.

Bồ-tát tự hành trì bồ thí như thế, chỉ dạy mọi người hành bồ thí. Ngoài ra, còn bồ thí giáo pháp để hóa độ chúng sinh, khiến họ hành bồ thí. Các Bồ-tát kia cũng khuyên bảo khiến chúng sinh phát tâm Bồ-đề, tu hành bồ thí. Các Bồ-tát lại còn khiến chúng sinh phát tâm hành bồ thí. Tự tâm an trụ nơi bồ thí, lần lượt như thế, cũng khiến

người khác an trụ nơi bồ thí. Do nghĩa này, nên Bồ thí Ba-la-mật lần lượt được tăng trưởng, vì thường không bỏ tâm Bồ-đề.

Nói Trì giới Ba-la-mật, tức đối với người hủy phạm giới cấm thì giúp họ đạt được trì giới, do không lìa bỏ tâm hành Bồ-đề, vì mong được Đại Bồ-đề, khiến đến trụ trong giữ giới, vì nhận thấy Nhất thiết trí nên tâm không thoái chuyển.

Nói Nhẫn nhục Ba-la-mật, là nói Bồ-tát nơi tâm Bồ-đề, gọi là khiến nơi mọi lãnh vực khác, các chúng sinh khác, đều phát sinh tâm nhẫn: Nhẫn tất cả tội, nhẫn tất cả điều ác vì tư duy về Nhất thiết trí tâm không thủ đắc.

Nói Tinh tấn Ba-la-mật, là dựa vào tinh tấn Ba-la-mật, không chấp nơi bờ kia, không giữ lấy tướng khổ hạnh, thế nên không sinh tâm mệt mỏi, vì đã chứng đắc Nhất thiết trí tâm luôn tịch tĩnh.

Nói Thiên định Ba-la-mật, là tự tánh của tâm thanh tịnh, không sinh, không diệt. Do nhận biết trí vắng lặng, nên tâm tán loạn hoàn toàn không hiện hành, không hý luận đối với tất cả pháp.

Nói Bát-nhã Ba-la-mật, là do trí không phân biệt thâm nhận, là nhằm chỉ rõ Ba-la-mật thiện, thanh tịnh còn lại, vì Ba-la-mật còn lại đó đều dựa vào tâm của Nhất thiết trí mà nói.

Pháp đối trị phiền não chướng hiện hành: Là các Bồ-tát chỉ nhận thấy vô ngã trong hành thù thắng của Ba-la-mật như thế, do pháp Phật đã thuần thực, do giáo hóa chúng sinh, nên nương nơi pháp kia.

Sau đây là hỏi về Bồ-tát đối với vô lượng các chúng sinh, không sinh khởi tâm hữu lậu nhưng phát sinh tâm từ. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do thấy không có gì khác với tự thân, nên tâm yên ổn, không sinh tưởng thân mình khác với thân chúng sinh.

Bồ-tát dựa vào các chúng sinh ấy, không sinh tưởng pháp để hành tâm bi. Vì nhận thấy các thứ khổ khổ không đem lại thành tựu,

vì các chúng sinh đang vướng mắc trong vòng khổ khổ, nên sinh tâm bi. Bồ-tát dựa nơi các chúng sinh không có tướng ngã khi hành tâm hỷ. Dựa nơi kẻ kia thấy tự thân cùng lìa tâm hỷ. Thấy người khác thành tựu về của cải, đời sống thì khởi tâm ý tham lam, ganh ghét, không hề sinh tâm hỷ. Bồ-tát thì không như thế, đã không có tướng tham mà lại tùy hỷ cùng với người kia. Thế nên Bồ-tát xa lìa tâm ganh ghét cần được đối trị. Từ chỗ lìa bỏ tâm đố kỵ, Bồ-tát hành tâm hỷ, nương vào tâm hỷ đó, Bồ-tát không dấy khởi tướng ta và người kia để hành tâm xả. Dựa nơi tướng chấp thấy có ta, người ở đây đã đối trị nên Bồ-tát hành tâm xả.

Trong Địa thứ tám, hành không dụng công là do chúng được diệu lực của trí không phân biệt. Do đạt được lực của trí tuệ đồng và bất đồng, nên có thể xa lìa tướng của hai tâm phân biệt mình, người, đối với các chúng sinh ban cho họ phương tiện tạo vui vẻ, là nhân xa lìa cấu nhiễm.

Như vậy, nương vào Ba-la-mật, nương vào bốn vô lượng, vì lợi nơi tự thân cũng là lợi người nên tu hành. Lại nương vào tâm mong muốn tốt cùng, nương vào sự thọ nhận pháp lạc, nương vào việc đoạn trừ phiền não, như đã nói về tất cả công đức đều được tăng trưởng.

Do đó tiếp sau là hỏi: *Thế nào là an trụ nơi tín v.v...?* Như thứ lớp ấy, tức có thể tin vào pháp vô ngôn, trụ nơi pháp tín là tin vô ngã, là pháp thâm diệu bậc nhất, nên các pháp thâm diệu khác tuy khó tin vẫn tin được. Do không chấp giữ nơi hết thảy âm thanh, trụ trong văn tuệ, như pháp đã được nghe, không có tâm chấp giữ như thế, luôn dốc cầu pháp, nên tuy ít văn tuệ, nhưng có khả năng làm được nhiều sự việc, chỉ cần nghe một kệ là có thể nói về tuệ đa văn.

Nương vào tướng của nội tâm, nên có hổ thẹn. Nghĩa là nương vào thân người khác cùng thân mình, hành không đúng pháp. Vì

nhận biết lỗi lầm nên lia bỏ xứ đó, dứt bỏ ngoại nhập, nên hành thẹn được thành tựu. Nói pháp cho kẻ khác nhưng không hành như pháp, lia lỗi lầm đó, do thân người khác, là ngoại nhập.

Ganh ghét là nói về người khác, xả bỏ pháp như thế là từ bỏ ngoại nhập, nghĩa này nên biết.

Ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh, hiện bày khắp tất cả xứ, thành tựu công đức là có thể nhận cúng dường. Phước điền thanh tịnh v.v... cho đến hồ thẹn, các công đức đã được nêu bày như thế, nhằm đối trị các nghiệp thân, miệng, ý cần được đối trị, là tương ưng với pháp thiện ác. Do nghĩa này nên gọi là thanh tịnh. Nương nơi ba nghiệp thanh tịnh kia, dẫn đến các công đức đầy đủ, thế nên gọi là hiện hữu khắp tất cả xứ công đức, nên nhận biết như thế.

Lại còn có nghĩa: Hiện bày khắp đến tất cả xứ công đức, điều ấy gọi là tất cả công đức đều an trụ trong pháp.

Về nghĩa của mười kệ, mỗi mỗi bài đều như kinh đã nói.

Như thế, nương vào pháp thế gian để nói là có thể nhận lấy các công đức như được cung cấp phước điền thù thắng, tức là dựa trên nghĩa kia.

Theo thứ lớp như thế, Phạm Thiên nêu ra việc thỉnh hỏi. Nghĩa này nên biết.

Thế nào là Bồ-tát vượt quá pháp thế gian? Do các Thanh văn cũng vượt quá thế gian, thế nên Đức Như Lai chỉ rõ pháp thù thắng, vượt quá các pháp xuất thế gian của hàng Thanh văn. Do đó nói là ra khỏi pháp thế gian.

Lại nữa, Như Lai còn chỉ rõ, Bồ-tát tuy ở thế gian, hành pháp thế gian, nhưng vượt quá pháp thế gian, không bị nhiễm vương theo pháp thế gian, luôn hiện hành nơi thế gian giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: “Khéo nhận biết đúng như thật về các pháp thế gian”.

Lại nữa, vì tập hợp các chúng sinh nên hiện bày phương tiện thiện xảo, nhằm dẫn dắt khiến hội nhập pháp thế gian. Nhận biết tập đế của thế gian, nhận biết nơi chốn đi đến của thế gian nương vào trí nguyên sinh về xứ đó, không bị sinh theo tập khởi của thế gian.

Nhận lấy sự sinh như thế là thị hiện sự thành tựu Thế đế của thế gian. Nương vào Thế đế, vì các chúng sinh giảng nói pháp, khiến họ ra khỏi thế gian. Bô-tát tuy hành hóa trong thế gian, nhưng trọn không hề bị thế gian cấu nhiễm. Bô-tát chứng được pháp vô ngã, trụ nơi đạo vô trụ, là để giáo hóa tất cả chúng sinh, tuy sinh trong thế gian, nhưng vì các chúng sinh kia nên đã thâm nhận mọi đạo của thế gian.

Về ba mươi lăm kệ như kinh đã nói. Nương nơi pháp thế gian được nêu bày, Đức Như Lai cũng nương vào tự thân thế gian và pháp thế gian, nhận biết cảnh giới, dùng biện tài lạc thuyết giảng nói về pháp tướng nhập thế gian, do pháp của Như Lai vượt quá pháp xuất thế gian của hàng Thanh văn. Thanh văn cũng vượt quá cảnh giới thế gian. Đức Như Lai lại vượt quá cảnh giới của hàng Thanh văn kia.

Lại giảng nói pháp thù thắng là nói về pháp kia, để các chúng sinh khác vượt quá thế gian, chỉ rõ về phương tiện xuất thế gian như thế.

Phạm Thiên nói: Thế gian, ta nói năm âm gọi là thế gian. Ở đây chỉ rõ về năm thủ âm, nên biết là nương vào thế gian mà nói.

Tham chấp nơi năm âm, tức tham chấp đó là ái. Gọi là tập của thế gian, là do dựa nơi ái kia nên thế gian mới tụ tập. Khi các âm quá khứ, hiện tại, vị lai diệt, do nhân của âm nơi đời vị lai đã dứt hết, do không gieo trồng chủng tử của vị lai nữa, nên gọi là diệt.

Quan sát năm âm, không thấy có hai pháp, gọi là Đạo diệt của thế gian. Cầu đạo, không cầu đạo, cả hai hoàn toàn không đạt được đạo Thánh, chỉ rõ sự thù thắng. Đây là biện minh về nghĩa gì? Là đối trị thế gian, không phải là toàn bộ đã định. Nếu có đối trị thì có thể

nhằm chán về khổ. Nếu không đối trị thì pháp kia thoái chuyển. Nếu có một pháp đối trị pháp này, thì không đối trị pháp khác. Nếu có một pháp đối trị Địa dưới, thì không phải đối trị Địa trên. Đối trị của đạo Thánh thì không như thế, vì đối trị tất cả pháp nơi tất cả thời.

Như thế là dựa nơi nghĩa đối trị của thừa Thanh văn, để nói về tướng sai biệt của thế gian v.v... xong, sau đây là nương vào tướng sai biệt nơi nghĩa của pháp đối trị thuộc Đại thừa để nêu bày.

Nương nơi tướng sai biệt của Đại thừa để nói về pháp tướng: Như kinh nêu: Lại nữa, này Phạm Thiên! Nói về năm âm, tức năm âm đó chỉ có nơi ngôn thuyết. Sự thấy, nghe, nhận biết trong năm âm v.v... chỉ là tên, chữ được phân biệt mà nói. Vì nương vào sự tích tập từ vô thỉ lâu xa đến sau này, dựa nơi thể phân biệt, thế nên chấp giữ pháp ấy. Bỏ-tát quan sát, nếu dựa nơi sự phân biệt về tên, chữ như thế, đó là ngôn ngữ của thế gian. Nếu như ngôn ngữ, tên chữ được phân biệt, tham chấp nơi tướng thì đều là tà kiến. Là hành thuận theo, gọi là Tập khởi của thế gian. Như tướng tịch diệt của thế gian kia, quan sát đúng như thật về thể của tướng diệt đó, quan sát đúng như thật về diệt của đối tượng duyên, nên gọi là diệt của thế gian. Dùng những đạo gì để không giữ lấy kiến chấp kia, gọi là Đạo diệt của thế gian?

Vừa nói về chủ thể đối trị phân biệt, là chỉ rõ trí không phân biệt.

Cảnh giới của thế gian như thế v.v... Đức Như Lai đã vượt qua, đã chứng đắc Đại Niết-bàn. Sự thâm nhận của Ngài không phải là vượt quá thế gian, không phải là lìa đạo thế gian.

Nương nơi thế gian như vậy để nói về khổ đế v.v... của thế gian v.v... là đã nương vào Thánh đế thù thắng.

Phần tiếp sau là Phạm thiên lại hỏi Đức Như Lai về việc giảng nói bốn Thánh đế. Do Thánh nhân kia đã phân biệt hư vọng về các Đế như khổ v.v..., nên Đức Như Lai đã chỉ rõ Thánh đế chân thật thì không như thế. Đây là do nghĩa gì?

Đế có hai thứ:

(1) Đế tướng.

(2) Đế tâm.

Do đều nương nơi hai thứ Đế như thế.

Nương nơi Đế tướng: Là nói về các pháp tướng, pháp thể, thật thể hiện có của khổ đế. Dựa vào phi Thánh đế, và Thánh đế không sai biệt nên nói về đạo Thánh đế.

Nương nơi Đế tâm: Là nói về Thánh đế thù thắng, tức trong Thánh đế kia, nhận biết tâm điên đảo, tâm không điên đảo. Đây là do nơi nghĩa gì? Là do chẳng phải là Thánh giả.

Nói khổ đế: Là nói người kia chỉ thọ nhận khổ, nhưng không nhận biết Khổ đế.

Nói tập đế: Là nói người kia chỉ nghe nói pháp tích tập hư vọng, nhưng không nhận biết Tập đế.

Nói diệt đế: Là nói người kia chỉ nghe tên diệt, rơi vào đoạn kiến nhưng không nhận biết Diệt đế.

Nói đạo đế: Là nói người kia chỉ nghe nói pháp hữu vi như nghiệp và phiền não, cho pháp như thế chỉ là sự tích tập của pháp hữu vi nơi thế gian, nhưng không nhận biết Đạo đế.

Phân biệt về bốn Đế như khổ đế v.v... là như vậy.

Nếu như thế v.v... cùng đều có đế: Thì các chúng sinh v.v... sinh trong ba đường ác, đều nên có đế, nhưng họ không có đế. Vì vậy phải chỉ rõ về nghĩa như thế. Như kinh nói: “Phạm thiên! Nếu khổ kia là thật Thánh đế, thì tất cả các loài súc sinh như bò, heo v.v... phải có thật đế. Vì sao? Vì chúng đều nhận chịu vô số thứ khổ”. Do nghĩa này, nên khổ không phải là thật đế v.v... Là do nghĩa nào? Sao trong các loài súc sinh chỉ nói bò, heo, còn những súc sinh khác không thấy

nói đến? Vì bò, heo là loài ngu độn nhất trong súc sinh. Vì các thể gian đều nhận biết bò, heo là hết sức đần độn. Như thế, không phải là Thánh phân biệt hư vọng cho đó là đế, nghĩa này nên biết.

Do người thể gian nương vào môn khổ, chấp trước hư vọng cho đó là Khổ đế. Nương vào môn tập chấp trước hư vọng cho là Tập đế. Nương vào môn diệt, muốn lia pháp hữu lậu, chấp trước hư vọng cho là Diệt đế. Nương vào môn đạo đối trị, chấp trước hư vọng cho là Đạo đế.

Lại, hai đế khổ tập, không có thể tướng, do tự thể của chúng không thành tựu. Do tự thể của chúng xưa nay không sinh, không hòa hợp. Vì dựa vào sự chấp trước hư vọng, về tâm đối trị, nên nói nhận biết không sinh, không hòa hợp, đó gọi là Thánh đế của Thánh nhân.

Các pháp hữu lậu cũng không có Thể như thế trong tất cả thời, do Thể của pháp kia là không lia. Vì dựa nơi sự chấp trước hư vọng, nên có tâm đối trị. Dựa vào chân như thanh tịnh vì tất cả pháp kia xưa nay vắng lặng, nên nói nhận biết không sinh không diệt, đó gọi là pháp đối trị nơi Thánh đế của Thánh nhân. Cả pháp đối trị cũng không có thể tướng, vì tự thể của chúng không thành tựu.

Do đạo đế kia không phải là đế đối trị, nên dựa nơi tâm thanh tịnh của tự tánh để đối trị tâm chấp trước vào hư vọng ấy.

Nương nơi pháp quán bình đẳng để có thể quán xét. Nương nơi trí thuần thực, nương nơi trí quan sát, nương vào các pháp kia, tất cả các pháp đều bình đẳng không hai, vì không có tu đạo, nói do pháp không hai nên chứng được đạo, đó gọi là Thánh đế của Thánh nhân. Do nói Thánh đế thứ nhất là tên khác của Niết-bàn, nên gọi là Đạo đế, đó gọi là Thánh đế của Thánh nhân.

Do không hư dối, do không sinh, nên gọi là Thánh đế.

Lại, từ không sinh cho đến không hai, nghĩa là nương vào đạo Niết-bàn đã tu tập, dựa nơi Thánh đạo đế, hết thấy pháp đều bình đẳng, nên nói tất cả pháp không hai, là nói Niết-bàn: Là do pháp chân

như thanh tịnh nên được mang tên. Do Niết-bàn kia luôn lia các pháp của chủ thể giữ lấy, có thể giữ lấy, do dựa nơi pháp ấy nên được gọi tên là Thánh đế, theo thứ lớp như thế.

Lại, các đế kia: Nhân nơi không chánh niệm, nên gọi là lời nói hư vọng, không phải Thánh đế thật.

Lại, đế kia nhân nơi chánh niệm nên gọi là lời nói thật, nhưng cũng không phải là Thánh đế thật. Thế nên Đức Như Lai chỉ rõ lời nói hư vọng hay lời nói thật đều không thành tựu. Như kinh nói: Phạm thiên! Thánh đế thật, Thánh đế thật ấy không phải là lời nói dối, không phải là lời nói thật. Chúng không phải là chánh niệm vì còn giữ lấy tướng ngã, đã chỉ rõ nên biết.

Các câu ở trong mỗi mỗi pháp sinh khởi chấp trước như thế, nơi các tướng bị trói buộc do các nghĩa đều khác nhau, nên biết.

Nghĩa là có một ngã, thể của ngã là có, cho là căn bản. Vì nương vào ngã căn bản nên mới có các thứ. Vì ngã không đoạn dứt, nên gọi là chúng sinh. Vì dựa nơi mạng căn để trụ nên gọi là thọ mạng. Thường rơi vào sáu đường, nên gọi là trượng phu.

Các kiến chấp như thế v.v... cho tự thân là duy nhất, là chấp trước hư vọng, chấp giữ nơi tướng ngã, tức phân biệt hư vọng về ngã kia, nên thường và vô thường đều rơi vào chấp thường và chấp đoạn.

Chấp ngã là sắc, chấp ngã là vô sắc, những thứ phân biệt hư vọng như thế đều là chấp trước nên có đủ các thứ chấp sai khác, ngã là một, do ngã là vật, theo phân biệt hư vọng, thế nên chấp giữ nơi tướng.

Dựa nơi sự phân biệt hư vọng về ngã kia, nên chấp giữ vô minh cùng sinh phân biệt hư vọng, chấp lấy tướng ngã, tức dựa vào chỗ phân biệt hư vọng về ngã kia, chấp giữ nơi vô minh cùng diệt.

Từ phân biệt hư vọng chấp giữ lấy tướng đoạn diệt, như vậy, sinh diệt là dựa vào tướng ngã. Theo thứ lớp trở thành phân biệt hư vọng, là chấp giữ tướng thế gian, chấp giữ tướng Niết-bàn.

Chấp giữ tướng thể gian và Niết-bàn, như trước đã nói về các thứ chấp tướng v.v... Gọi là chấp trước tức hy vọng, ưa thích, tin tưởng v.v... đều là những phân biệt hư vọng nơi chấp giữ chặt, cố định, cho chỉ đây là thật, các thứ khác là hư vọng. Đó gọi là chấp trước.

Do không thể lìa bỏ mọi kiến chấp kia, nên cứ chấp giữ nơi hư vọng, đó gọi là tiếp xúc, vì không lìa sự tiếp xúc ấy, đó gọi là nhận lấy.

Theo thứ lớp như thế, là không chấp trước, không tiếp xúc, không giữ lấy, đó gọi là lời nói thật, chỉ rõ về chánh niệm.

Như vậy là dựa nơi tượng phụ vô ngã, không phải là lời nói dối, không phải là lời nói thật, tức đã nói pháp xong, sau đây dựa vào pháp vô ngã, phân biệt nói về khổ v.v...

Lìa trí không phân biệt, gọi là lừa dối. Do sự lừa dối này nên gọi là lời nói dối. Vì vậy chỉ rõ để nơi hai thừa kia là hư vọng không thật. Vì phân biệt hết thấy pháp trong ba đời, nên sự nhớ nghĩ của hàng Nhị thừa kia là hư vọng, vì vậy phải chỉ rõ trí không phân biệt. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Đó là do nhớ lại tất cả pháp môn trong quá khứ, phân biệt hết thấy các pháp trong hiện tại và nhớ nghĩ đến các pháp môn nơi đời vị lai. Do nghĩa này, nên lìa nơi chánh niệm.

Bồ-tát an trụ trong trí không phân biệt, không hý luận nơi tất cả pháp tướng, quán pháp vô ngã, chứng được Niết-bàn vô trụ. Do không trụ trong Niết-bàn, thể gian, nên được tri kiến bình đẳng.

Bồ-tát khéo nhận biết pháp như thế rồi, các đế như đã nêu bày chỉ rõ, tức không thấy đế thành tựu. Đế của Thánh nhân là ở nơi xứ không có lời thật, không có lời dối. Do nghĩa này nên chỉ rõ về nghĩa kia.

Tuy có tâm chánh niệm, không chánh niệm hai thứ sai biệt nhưng Thánh đế kia vẫn không thành tựu. Nếu trụ vào tướng thật để thành tựu đế, thì trong tất cả thời gian xưa nay đều thường như vậy, luôn trụ như thế.

Từ đây trở xuống là chỉ rõ về nghĩa đó. Như kinh nói: Phạm thiên! Nói thật tức xưa nay đều thật. Đây là làm rõ về nghĩa nào?

Pháp thể của pháp tánh kia chỉ rõ thể của pháp thù thắng, là nhân của pháp thể nơi bậc Thánh.

Niết-bàn, thế gian không sai biệt. Do vậy mà gọi là Thánh đế thường trụ. Nương vào Niết-bàn, thế gian nên chỉ rõ hai Thánh đế thành tựu. Như thế, Thánh đế dựa vào tướng chân như là chỉ rõ Thánh đế không lia thế gian, là chỉ rõ Thánh đế không chấp giữ Niết-bàn.

Như thế nói pháp tướng nơi đế, đã chứng nhập rồi nên nói ra, là nhằm chỉ cho người kia gọi là nói thật, còn người kia nói về Thánh đế gọi là nói tà.

Từ đây trở xuống là chỉ rõ về nghĩa này. Là chỉ rõ về người kia không có nhân của giới học tăng thượng. Người ấy không có khả năng gìn giữ các căn, chỉ rõ là do nhân kém, chỉ rõ là người không có giới học tăng thượng. Không có nhân của định học tăng thượng, chỉ rõ là người không có định học tăng thượng. Không có nhân của tuệ học tăng thượng, chỉ rõ là kẻ không có tuệ học tăng thượng. Chỉ rõ tướng sinh là khổ đế cùng chấp trước pháp hư vọng. Theo thứ lớp tự phối hợp nơi nghĩa này, nên biết.

Như thế, Đức Bà-già-bà kia là Thế Tôn nhưng Thanh văn kia chỉ là ngoại đạo.

Tiếp sau đây là chỉ rõ người Thanh văn kia trở thành ngoại đạo. Đây là người ngu kia mất vật là đế, nói vật là đế, là chỉ rõ người kia bị rơi vào đường ác, do tự không chứng nhập. Như Lai vì đã chứng đắc pháp không ngôn ngữ. Tự thể của các đế như khổ v.v... không thành, nên thị hiện nói tướng của đế.

Ta chứng đắc như thế, là chỉ rõ không lập pháp tướng hữu vi, chỉ rõ không nhận lấy cái gì khác. Bò-đề không thể nắm bắt được,

do thể là không phân biệt, nên không thể nhận giữ cho là ta đã chứng đắc pháp Bồ-đề.

Không chấp giữ như thế, là do đã lia các thứ hữu vi, do lia ba cõi, lia năm nẻo. Vì đã vượt quá các pháp hữu vi kia, nên Như Lai đã chứng được pháp của đạo Thánh xuất thế gian.

Như thế, không nhận thấy tất cả các pháp là tướng Bồ-đề. Không chứng nhập một pháp mà chứng nhập các pháp. Thế nên gọi là Ứng Chánh Biến Tri. Nếu Đức Như Lai, đối với pháp là “vô sở đắc” thì do nghĩa gì lại nói Như Lai an tọa nơi đạo tràng được gọi là Phật?

Đây là hỏi về Như Lai, là nhằm ngăn chặn cho là có vật đạt được, nên Đức Như Lai nói: Ta không được vật gì, vì nghe nói đến tên pháp là thuộc về Thế đế rồi, vì do phân biệt tướng. Nương vào tướng không có thể tánh và nghĩa của pháp vô ngã, nên tiếp theo là nương vào pháp vô ngã để hỏi. Pháp tướng kia, pháp vô ngã kia, dùng cái không có tự thể của tất cả pháp làm thể, ấy là để ngăn chặn chấp pháp là có, là không. Là chỉ rõ về nghĩa gì? Tức chỉ rõ pháp đó không phải là có vật để có thể chứng nhập, không phải là không vật để có thể chứng nhập. Vì pháp ấy lia ngoài hai tướng có, không, do đây nói là chứng nhập.

Đã nêu bày như thế. Từ đây trở xuống là nói không phải cho là hoàn toàn không chứng nhập pháp thật, do nhận thấy chấp trước nơi pháp hư vọng là không nên khéo nhận biết đúng như thật về tự tánh không sinh. Do dựa vào thể diên đảo khác nên sinh, đó là câu nhiệm cùng phân biệt về thể tánh, vì luôn nơi tất cả thời, tự tánh đều không sinh.

Nhận biết ngã của chân như như thế, pháp chứng nhập làm sao biết được? Như thường không biết, không rõ mà nhận biết được.

Nói tri thức: Đây là chỉ rõ tướng chân như kia cũng không phân biệt. Do không thấy được thể của pháp chân thật, vì thể của pháp ấy,

tất cả ngôn ngữ đều không thể diễn đạt. Do vậy, tức chỉ rõ nhân của trí chúng đắc kia.

Pháp không nhận biết, không nhận thức, không thể thấy v.v... vì thấy, nghe, hiểu, biết là rơi vào bốn thứ lời nói. Các câu này v.v... được nêu thành câu hỏi ở các phần trên là để chỉ rõ, nên biết.

Như thể của pháp kia là không thể giữ lấy v.v..., do vậy, pháp kia không thể dùng sự nhận thấy v.v... đó để giữ lấy. Đây là do nghĩa nào? Do các danh, tự không thể diễn tả được, vì vượt quá cảnh giới của tâm, do không có hý luận, nên trong pháp tương ưng không thể cùng sánh, vì các thứ ngôn ngữ đều không thể đạt tới. Do trong pháp tương ưng không thể cùng sánh, nên không thể hỏi đáp. Vì vượt quá sáu căn, vượt quá danh, tự, vì thân bên trong, tất cả đều không thể nêu bày. Không có tướng thế gian, nên pháp thế gian không hiện hành. Là các nẻo tạo tác, vì pháp hữu vi đều không cùng hành. Do không có tâm ý của thế gian, là tướng phân biệt của ý thức, vượt khỏi thế gian, do không có tự thể, do vượt quá mọi hý luận, vì không sự việc gì có thể đối lập.

Như thế, chỉ rõ thể của pháp được nêu bày không có tất cả các thứ phân biệt xong, tức làm rõ pháp kia giống như hư không, nên biết.

Tương tự như hư không, pháp kia có hai thứ tướng, nên biết:

(1) Đi đến khắp: Do lia khỏi pháp hý luận có không, nên đạt được pháp rốt ráo không thể nghĩ bàn của chư Phật.

(2) Không ngăn ngại: Do tâm từ lớn lao, nhẫn chịu khổ bậc nhất, điều không thể làm nhưng có khả năng làm được. Do pháp vô ngôn đã nương vào ngôn thuyết. Vì nương vào pháp đó, nên khiến các chúng sinh đều được hội nhập pháp. Đó là chỉ rõ về nghĩa gì?

Các chúng sinh hiện có dựa vào tuệ sáng với tâm ngã mạn, do vậy, nên không thể tin nơi pháp tướng đã giảng nói. Ở đây là để chỉ rõ các chúng sinh kia căn thiện mỏng kém, nên giảng nói về pháp tướng.

Đây là biện minh về nghĩa gì? Là làm sáng tỏ pháp môn ấy là pháp môn tất cả thế gian đều khó tin, do ý của thế gian ở trong pháp đồng thường điên đảo. Nghĩa này là thế nào? Ý của người thế gian nghĩ: Chúng ta nên chứng nhập thật đế. Nương vào pháp ba học, tu hành là đầy đủ. Dựa vào pháp đó, chúng ta chứng được Niết-bàn, hoàn toàn tu tập pháp thiện, nương vào đây nên trong hiện tại thọ nhận pháp lạc. Hạnh thiện này tuân tự nương theo Phật ra đời, dùng làm điều căn bản. Kế đến có nói pháp, sau đó có tu hành như thật bè bạn là chúng Tăng.

Như thế, an trụ như thật nơi pháp này là thật đế v.v..., vì không có hý luận.

Người của các thế gian không thể tin pháp ấy, nghĩa này nên biết.

Bạch Đức Thế Tôn! Ví như trong nước phát ra lửa, trong lửa chảy ra nước: Đây là nhằm chỉ rõ về nghĩa gì? Là chỉ rõ phiền não như lửa, do thể không hề vắng lặng. Xa lìa thể đó, nên Bồ-đề như nước, vì nước Bồ-đề có khả năng diệt trừ lửa phiền não. Do các chúng sinh kia không tin và tin cùng trái nhau, nên nơi pháp tương ưng mà không tương ưng, nghĩa này nên biết.

Nói phiền não: Đó là tất cả phạm phu ngu si đều chấp trước như thể cùng hý luận, cho là có phiền não cấu nhiễm, ra vì những kẻ kia nên ngăn chận khiến thể của phiền não không thành tựu. Do quan sát pháp không thể nắm bắt, chỉ có trí xuất thế gian mới chứng được. Do thức không thể phân biệt nhận biết, phải lấy học, tu đạo để đối trị chỗ cần đối trị. Vì không chấp giữ nơi pháp của hai tướng chủ thể và đối tượng được đối trị nên chứng được pháp chân như thanh tịnh. Do không có tâm thủ đắc nơi pháp, nên có khả năng làm cho chướng kia không còn thế lực, vì bản tánh của pháp chướng kia là không sinh.

Như pháp tướng đã nói, nếu người không đẩy khởi tướng của các pháp, tức được xa lìa các thứ tà kiến và đạt giải thoát, vì đã xa lìa tâm phân biệt của chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị, chấp giữ tướng không thật.

Từ đây trở xuống: Nương vào các Đại Bồ-tát, tin tưởng nơi công đức của pháp, tán thán các Bồ-tát kia có bảy thứ công đức. Nghĩa ấy nên biết. *Những gì là bảy?*

- (1) Công đức do các thứ hành tác đã đầy đủ.
- (2) Công đức do tu hành.
- (3) Công đức do hội nhập quả vị.
- (4) Công đức do tâm tụ tại nên sinh nơi cõi.
- (5) Công đức do khéo luyện tập.
- (6) Công đức do tu hành có thể tập hợp pháp Phật.
- (7) Công đức do chứng đắc quả.

Thế nào là công đức do các thứ hành tác đã đầy đủ? Là chỉ rõ ở nơi trụ xứ của chư Phật trong quá khứ, đã có khả năng tạo tác vô số công đức, đều đã hoàn thành.

Lại có nghĩa gì? Dựa vào hai thứ nghĩa:

- (a) Dựa vào công đức.
- (b) Dựa vào trí tuệ.

Do có khả năng cung kính cúng dường, cung cấp, hầu hạ, như oai nghi trong các việc tu hành, lãnh hội chánh pháp.

Theo thứ lớp, hành tác của Bồ-tát đã đầy đủ công đức, trí tuệ như thế rồi, sau đó nên tu tập, hội nhập các hành của Địa.

Thế nên, sau đây là bốn câu nói về *Công đức do tu hành* của Bồ-tát, chỉ rõ có các công đức, trí tuệ tăng thượng, do pháp nuôi sống vì thuộc về hai thứ ăn uống.

Dựa nơi tri thức thiện, lại tu tập các hành nên có thể ở trong nghĩa, có thể ở trong pháp, tạo phương tiện thiện xảo, tùy thuận chánh pháp, tu hành như thật, là để có được sức của căn thiện thượng diệu, do nương vào phương tiện thiện xảo.

Vi diệu có hai thứ:

(a) Vi diệu của chủ thể tạo tác và đối tượng được tạo tác.

(b) Vi diệu sâu xa: Là có khả năng tin tưởng nơi xứ kia, do nghe nói đến hai thứ vi diệu lớn như thế đều không kinh không sợ. Vì khéo hộ trì tạng pháp mầu nhiệm của Như Lai, như pháp đã giảng nói, mỗi mỗi đều tùy thuận tu hành như thật. Do không tự tạo kiến chấp, do không tự tiếp xúc nơi pháp.

Bồ-tát tu hành như thật như vậy thì tự thân chứng nhập hoàn toàn quả vị Bồ-tát. Thế nên tiếp theo là nói về *Công đức do hội nhập quả vị*. Có hai mươi lăm câu chỉ rõ về nghĩa ấy.

Thế nào gọi là sinh vào nhà Như Lai? Là Bồ-tát này từ nhà Phật sinh ra, đạt được pháp Phật, nên có thể trừ bỏ phiền não phân biệt. Bấy giờ, thấu giữ trí không phân biệt, chỉ rõ tu hành các hạnh như bố thí v.v... Để đoạn trừ đối tượng cần đối trị là pháp phá giới. Đây là do nơi nghĩa gì? Là do trì giới để đối trị phá giới, có thể phát khởi việc diệt trừ các phiền não phá giới, vì thế trì giới là đối trị đối tượng cần đối trị.

Do đã đối trị sự luyến tiếc thân mạng, do tâm lười biếng đã được đối trị. Do đã đối trị các thứ ác, bất thiện của cõi Dục, do đã đối trị tất cả các kiến giải bất chánh, cho đến đối trị kiến chấp của hàng Tiểu thừa, như thế gọi là công đức do hội nhập quả vị.

Đây là công đức của hành Ba-la-mật xuất thế gian, nên biết. Do Đức Như Lai đã giảng nói pháp như thật sâu xa, chính thức hội nhập nơi công đức không điên đảo, thì các thứ ma thiên, ma phiền não v.v... đều không thể tạo được chướng ngại đối với các công đức ấy.

Theo thứ lớp như thế, vì có khả năng nêu bày pháp hội nhập công đức, do ý nghĩa sâu xa, do công đức nói pháp không điên đảo nên chứng nhập.

Công đức nói pháp do như Thế đế, do như Đệ nhất nghĩa đế là nói chân thật. Như thứ lớp được nêu bày, đây là nêu rõ về nghĩa gì?

Tự tánh của pháp: Là tướng nơi tự thể của các pháp đều nhập nơi tự tánh. Nên biết, trụ giữ công đức, nhập pháp môn, lưu hành quả vị, nên được pháp thanh tịnh. Dựa vào diệu lực trụ trì của Đức Như Lai nên có thể hành tác các việc cần làm. Các Bồ-tát này tuy đồng phạm hạnh, nhưng không cùng trụ nơi công đức, do đạt được hành giữ giới bình đẳng. Do Bồ-tát này có phần công đức tăng trưởng của pháp thiện. Do công đức xuất thế gian như tín v.v... đều hiện tiền. Đó là các công đức do không tiếp xúc đến các thứ thức ăn. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Tùy thuận nơi chỗ thích hợp mà được, nghĩa là dựa nơi trụ xứ khát thực, với tọa cụ và thuốc thang v.v... nên công đức biết đủ, Thánh nhân đã hành trì, tùy theo thứ tài sản nào đều không tiếp xúc.

Công đức không tiếp xúc của tướng tu hành ưa thích lìa bỏ các dục là đối trị mọi sự xúc chạm. Nên biết đây lại do nghĩa gì? Là mạng sống không dựa vào trí tuệ của người khác, thế nên dễ đủ, dễ nuôi, nên biết do có thể tùy thuận công đức do chúng đặc trí, tự thân hoàn toàn đạt được quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, do tâm đã rốt ráo nên ta nhất định đạt được. Nên biết người này có khả năng hóa độ do người ấy có thể hóa độ kẻ chưa được hóa độ. Tám câu như thế v.v... là nói về công đức do tu hành, vì đem lại lợi ích cho người khác, nên nhận biết như thế.

Bồ-tát vì có khả năng an ủi các chúng sinh v.v... đang bị phiền não trói buộc, khiến họ hội nhập đạo. Vì có khả năng đặt yên chúng sinh trong pháp giải thoát, nên có thể khiến chúng sinh đạt được giải thoát. Hai câu kế tiếp là chỉ rõ về thắng xứ, do có thể giảng nói đạo, nên có thể ban cho mọi người pháp giải thoát. Hai câu theo thứ lớp chỉ rõ là khả năng nhận biết pháp đối trị, nên chỉ rõ là có thể đem cho pháp đối trị gồm cả chủ thể đối trị và đối tượng được đối trị.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN QUYỂN 4

Bồ-tát như thế, hội nhập quả vị Bồ-tát rồi, vì muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên tâm sinh khởi về cõi, dẫn đến sinh trong các nẻo. Do đó, tiếp đến là nói về Đại Bồ-tát, *do tâm tự tại nên sinh nơi ba cõi*, vì vậy gọi là công đức do thâm giữ.

Bốn câu chỉ rõ: Do lực tự tại nên gồm thâm sinh vào thắng xứ. Tuy sinh vào xứ đó, nhưng không bị cấu nhiễm theo cảnh giới ấy. Vì trong thời gian lâu dài, Bồ-tát đã thâm nhận xứ sinh không mệt mỏi vì không bị lực khác là nghiệp, phiền não khiến sinh, nhưng là tự tại như ý nhận lấy sự sinh. Do các Bồ-tát nơi tất cả xứ sinh đều không hề sợ hãi đối với việc phải thọ nhận vô số khổ não của xứ ấy.

Bồ-tát như thế, vì tạo lợi ích cho tất cả các loài nên tu hành các hạnh, thường làm bậc thượng thủ của hết thảy chúng sinh. Vì vậy, sau đây là nói Bồ-tát có khả năng làm thượng thủ, có khả năng lãnh đạo đại chúng, có thể hoàn thành công đức (*Công đức do khéo luyện tập*). Có mười lăm câu chỉ rõ về nghĩa này.

Tự thân Bồ-tát, theo như pháp Phật đã giảng nói để tu hành, siêng năng học tập, dạy bảo người khác, không phạm lỗi, do trong thời gian lâu dài đã hành tập giới cấm, thọ trì, không hủy phạm, giữ gìn cẩn thận vững chắc. Như thế, do có hai thứ công đức nơi thời

gian trước sau, nên tự khéo an trụ. Vì nghĩa ấy, Bồ-tát có khả năng lãnh đạo đại chúng. Nghĩa này nên biết.

Vì các chúng sinh, Bồ-tát có khả năng làm bậc thượng thủ khiến họ quy phục. Do vậy, Bồ-tát có khả năng lãnh đạo đại chúng, các ma không thể gây tạo trở ngại, nên xa lìa tất cả các nghiệp ma. Do đã đạt được hoàn toàn “*Bát Hộ*” nơi các nghiệp thân, miệng, ý, nên Bồ-tát không sợ người khác nói lỗi của mình. Do hiện thấy được pháp sâu xa, nên có thể giải đáp các vấn nạn, không hề khiếm khuyết, do dùng phương tiện thiện xảo để giảng nói pháp, do lãnh đạo đại chúng hành tác những việc lớn, tu hành các hạnh là phần căn thiện của tự thân không thoái chuyển.

Hai câu chỉ rõ về các chúng sinh đáng được hóa độ, sinh nơi sáng, nên Bồ-tát có khả năng làm nhân duyên để hóa độ chúng sinh lìa bỏ vô minh, theo thứ lớp như thế, nghĩa này nên biết. Do các chúng sinh có người tùy thuận, kẻ không tùy thuận, nhưng tâm Bồ-tát luôn kiên cố. Tuy các phiền não v.v... có chống trái hay không chống trái, mâu thuẫn, tâm Bồ-tát vẫn không đổi khác. Đối với các chúng sinh, Bồ-tát không có tâm sai biệt, luôn giúp họ thành tựu tất cả các thứ công đức, do có khả năng thọ nhận tất cả số lượng công đức. Tạo ân cho người khác, không cầu báo ân, vì mọi chướng ngại không trói buộc được tâm. Do vì diệt trừ tất cả các sử cùng với pháp đối trị tất cả chúng sinh, nên tuy được đại chúng vây quanh, nhưng tâm Bồ-tát không hề tự cao.

Bồ-tát tu tập các hành tự lợi, lợi tha như thế, là tu tập thành tựu pháp Phật. Do vậy, tiếp theo là nói đến Công đức tu hành thành tựu pháp Phật (*Công đức do tu hành có thể tập hợp pháp Phật*). Có hai mươi chín câu chỉ rõ về nghĩa ấy.

Nên biết người này như núi Tu-di, kiên cố không thể lay động: Là do nương vào tất cả các công đức thù thắng nơi trí không phân biệt. Những phân biệt của bảy địa còn lại đều không thể làm động. Do dựa vào pháp đó, vì tính chất kiên cố, nên mọi ý niệm của hàng

Thanh văn, Phật-bích-chi đều không thể hủy hoại được. Vì dựa vào nội pháp của Như Lai để tu hành, nên những gì đi ngược với pháp Phật đều không thể phá hoại. Do có được lực thù thắng, nên chứng nhập pháp vô ngã của nghĩa sâu xa bậc nhất.

Người này do được chuyển thân với pháp thù thắng, dựa nơi pháp đó nên được thắng giải thoát diệt trừ phiền não. Vì dựa vào sự tu hành, chuyển thân, được thân, nên mọi chủng tử phiền não cấu nhiễm dựa vào thân đều diệt hết. Do thường nghe chánh pháp của tất cả các Đức Như Lai không chán đủ, nên chứng nhập thật tế không còn cảnh giới. Chưa chứng nhập tức có thể chứng nhập lại không mong cầu. Vì các chúng sinh nên chuyển pháp luân, diễn nói chánh pháp. Do các tướng tốt trang nghiêm nơi thân, trụ giữ an lạc thích hợp, như vua Đế thích được các chúng sinh ưa thích do đạt được mùi lực tự tại trong tám Địa.

Hai câu chỉ rõ ở trong chín Địa do dựa vào biện tài lạc thuyết để giảng nói pháp giúp các chúng sinh tương ưng với chánh niệm. Như thứ lớp được nêu bày, nghĩa này nên biết.

Do ở trong Địa thứ mười của Bồ-tát đạt được pháp của chủ thể đối trị, khéo tăng trưởng, nên xa lìa được pháp chướng của đối tượng cần đối trị.

Gọi là yếu kém: Là pháp của đối tượng cần đối trị nên nói là yếu kém.

Do các Bồ-tát đã an trụ nơi xứ như thế, gọi là Phật địa. Do Bồ-tát này tuy là Địa có chướng, nhưng không bị chướng ngại. Vì Bồ-tát này trụ nơi chôn thù thắng, hơn các Bồ-tát khác, do Bồ-tát ấy an trụ nơi Địa không gì bằng thuộc Bồ-tát bình đẳng.

Lại nữa, không gì bằng, không sai biệt, ngang đồng, lại có sai biệt, nói pháp như Tu-đa-la, cùng với pháp vô ngã bình đẳng, vì chứng nhập một vị.

Do các Bồ-tát an trụ nơi xứ đó, người khác không thể dùng giác, quán để lường xét.

Vì biện tài lạc thuyết, giảng nói tất cả các pháp, không ngưng trệ, nên Bồ-tát có khả năng thọ trì hết thảy các pháp do vô lượng Như Lai đã giảng nói, không để quên mất. Tức tiếp sau là nói về văn tuệ, thọ nhận trận mưa pháp lớn. Sau đó, do nhận biết như thật, nên hội nhập nơi đối tượng được nhận biết. Do hiểu rõ pháp kia, tùy thuận đi sâu vào các pháp một cách đúng đắn, nên hội nhập tám vạn bốn ngàn môn hành của chúng sinh, do như hành kia cùng pháp đối trị không mệt mỏi, thế nên Bồ-tát tuy thấy rõ thế gian nhưng luôn tách biệt với thế gian. Do các pháp ghét, yêu, tham, giận của thế gian luôn được mất v.v..., nên các thứ sử phiền não không thể tăng trưởng. Do Bồ-tát kia tuy có đạt được các sự việc lợi ích lớn, nhưng đối với phần tu tập các căn thiện không thể bị diệt hoại.

Bồ-tát tu tập các pháp Phật như thế, tu tập đúng đắn các hành, nên được các thứ quả thù thắng. Do vậy, sau đây là nói đến *Công đức do chứng đắc quả*, gồm hai mươi sáu câu chỉ rõ về nghĩa ấy.

Nương nơi phân chưa thắng giải thành tựu, nương nơi sắc thành tựu, nương nơi nghiệp thành tựu. Nương nơi địa Bồ-tát thành tựu hoàn toàn đầy đủ. Nương nơi chỗ chứng nhập Phật địa thành tựu hoàn toàn. Nghĩa này theo thứ lớp như thế, nên biết.

Nên biết người này có được sự vui thích, đáng yêu mến do các bậc thông tuệ đều mến mộ. Vì Bồ-tát này chứng đắc như thật, nên làm bè bạn đồng hành với tâm cung kính, mến mộ, nhớ nghĩ. Do dựa theo pháp cú, dựa nơi sự lãnh hội về pháp tướng, nhận biết pháp kia nên trân trọng cúng dường.

Như thứ lớp giảng nói, do tôn trọng pháp Phật tức có thể cúng dường, do dựa nơi người trung gian, do dựa nơi người không tin pháp Phật, thấy Bồ-tát kia có sự nghiệp thù thắng lớn lao nên quy y

với Bồ-tát, lễ bái v.v... do hết sức tinh tấn tu tập hạnh Bồ-tát, nên các Bồ-tát khác đối với Bồ-tát này cũng cúng dường. Người của hàng Nhị thừa, tuy vẫn tinh tấn tu tập, chứng đắc đạo quả, nhưng do Bồ-tát này có công đức hơn hẳn nên người Nhị thừa kia cũng cầu đạt công đức ấy. Vì thế, Bồ-tát này nương nơi hành thù thắng của mình, không cầu Tiểu thừa. Đây là tâm thành tựu, đạt được tướng công đức của quả.

Nên biết người này là không dua nịnh, tà vạy, do không chút cầu nhiễm theo pháp dua nịnh, vì đã xa lìa pháp tướng hữu vi của thế gian, như các thứ xu phụ quanh co. Do có khả năng sinh khởi sự hoan hỷ của thế gian, vì các oai nghi như đi, đến, ngồi, nằm, đã thành tựu với các hình tướng sắc diệu cao thấp. Do đầy đủ oai nghi, nên được các thế gian sinh tâm cung kính, tôn trọng, vì thân tướng của Bồ-tát đầy đủ ba mươi hai tướng.

Do tất cả thân của Bồ-tát kia có tám mươi vẻ đẹp tùy theo điều hiển hiện, nên đây là sắc tướng thành tựu, đạt được tướng công đức của quả. Dựa nơi sự hành hóa trụ trì của Phật, Pháp, Tăng v.v... là nghiệp thành tựu nên đạt được tướng công đức của quả. Chư Phật đã trông thấy người này: Do tất cả Phật đều hiện thấy, tức là các công đức của chư Phật ấy nên nhận biết đúng như thật.

Do được hiện thấy Pháp thân của Như Lai, do đạt được vô lượng pháp chứng nhập, nhận lấy quả vị, do có được pháp nhẫn hạ, trung, thượng. Nói nhẫn bậc hạ là thuộc trong bảy Địa. Nói nhẫn bậc trung là ở trong các Địa tám, chín. Nói nhẫn bậc thượng là ở trong Địa thứ mười. Đây là Địa Bồ-tát hoàn toàn thành tựu đầy đủ, đạt được tướng công đức của quả.

Người này an tọa nơi đạo tràng đầy đủ: Là chứng đắc nhất thiết chủng, tất cả công đức đều đầy đủ. Người này có khả năng hàng phục các thứ ma, cho đến có thể hoàn thành những sự việc Đức Phật đã làm. Do hàng phục ma, theo thứ lớp như thế, dựa vào đầy đủ hành trì,

đem lại lợi ích cho chúng sinh. Nên biết người này đã thành tựu việc chứng nhập Phật Địa, đạt được tướng công đức của quả.

Không sợ hãi: Vì sao sợ hãi? Vì nghe pháp sâu xa, cho là đạo dị biệt, nên gọi là sợ hãi. Do nơi sợ hãi đó càng chuyển tăng thêm, nối tiếp không dứt, nên gọi là sợ hãi tăng thượng. Sự sợ hãi không đoạn dứt, tương ưng với chấp trước, gọi là sợ hãi tăng thượng tội bậc. Do rơi trong sự sợ hãi, do gắn liền với sự sợ hãi, do sợ hãi cả không vật, thứ lớp như thế, cho thấy người kia không sợ hãi, không có sợ hãi tăng thêm, không có các sự sợ hãi tăng thượng tội bậc. Nghĩa này nên biết.

Nói về các công đức kia vẫn không thể hết: Là dựa vào sự tu hành như lời Phật đã giảng nói, gồm bảy thứ công đức với vô số các thứ sai biệt không thể tính kể.

Bồ-đề Phật: Như trước đã nói, do Bồ-đề đó khó có thể nhận biết, nên có hai câu nêu bày sự khó thấy, khó biết, chỉ rõ vì là trí xuất thế gian, dựa nơi trí xuất thế gian, đạt được cảnh giới của trí, còn các thứ trí thế gian khác thì không thể nhận biết được cảnh giới đó.

Nói có thể tin tưởng: Là nương vào sự nhận lấy, thọ trì, đọc tụng, giải thích, có thể tự tùy thuận pháp, tu hành như lời giảng nói, giúp người khác nhận biết, nên gọi là tin. Đó là khiến người khác có trí phương tiện thiện xảo, tu hành đúng như thật, nghĩa này nên biết. Tin, giữ, thọ trì, đọc tụng, diễn nói v.v... thì công đức hiện có là không thể lường tính, vì đây là cảnh giới của Nhất thiết trí.

Tiếp theo: Là nương vào việc Phạm Thiên không thể nhận biết trọn vẹn về trí đầy đủ kia, như kinh nói: Bấy giờ, Đức Như Lai bảo Đại Phạm Thiên Thắng Tư Duy: Này Phạm Thiên! Ông chỉ nhận biết một phần ít về sắc thân và công đức của các Đại Bồ-tát kia để tán thán họ. Đây là dựa vào nghĩa gì? Là dựa vào sự tán thán, dựa nơi công đức và dựa nơi sự việc hành hóa, theo thứ lớp như thế, dựa vào nghĩa thâm diệu mà nói. Nghĩa là ở trong từng chữ, câu, nghĩa đều

thâm diệu, nên biết, là chỉ rõ việc nhận biết nơi chốn đi tới, hướng đến thấy rõ ý nghĩa sâu xa.

Đây là do nghĩa gì? Là biết được ý sâu xa: Tức biết ý của người có khả năng giảng nói pháp, là chỉ rõ dựa nơi lượng pháp tương ứng nên nghĩa pháp trước sau đều khế hợp, nên biết.

Do không thuận theo nghĩa của văn tự, do dựa nơi nghĩa không dựa nơi chữ, do dựa vào câu hỏi chân chánh, lời nói chân chánh, do năm thứ lực tu hành để nói, thế nên, tức nói năm lực nơi ngôn ngữ gọi là ưa thích giảng nói, nghĩa này nên biết.

Năm lực: Vì sao gọi là lực? Do có bốn thứ lực tương ứng:

- (1) Lực trụ giữ công việc Phật đã làm.
- (2) Lực hàng phục tất cả các ngoại đạo.
- (3) Lực có thể nhận biết tất cả nghiệp ma. Nhận biết rồi, tức có thể xa lìa chúng.
- (4) Lực nhận lấy hoàn toàn về ba thừa.

Ở trong pháp kia, mỗi mỗi lực đều tương ứng. Do nương vào pháp đó, nên Đức Như Lai có thể giảng nói về chỗ khéo tương ứng.

Năm lực này dựa vào năm pháp thâm diệu để nói:

- (1) Dựa vào tướng thâm diệu.
- (2) Dựa vào ý thâm diệu.
- (3) Dựa vào thời xứ thâm diệu.
- (4) Dựa vào nẻo tiến thủ thâm diệu.
- (5) Dựa vào việc thường giảng nói pháp tùy thuận thâm diệu.

Dựa vào tướng thâm diệu: Là do tướng sai biệt rất khó nhận biết của tất cả các pháp trong ba đời. Các pháp như quá khứ v.v... nương nơi bốn thứ để nói.

- (a) Nương nơi sự việc để nói.
- (b) Nương nơi chỗ đối lập với pháp đối trị để nói.
- (c) Nương nơi nghĩa của Thế đế để nói.
- (d) Nương nơi sự tiến thủ theo Thừa có sai biệt để nói.

Đây là làm rõ về nghĩa gì?

Nương nơi sự việc để nói: Là nương vào sự việc của ba đời để nói về pháp tướng của các sự việc kia. Sự việc của ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai, tức ở đây gọi là nói về việc nơi ba đời. Vì nương nơi trí không chướng ngại của Đức Như Lai, để nói về sự việc ba đời, nên gọi là ghi nhớ về ba đời.

Nương nơi chỗ đối lập với pháp đối trị để nói: Tức phiền não cấu nhiễm là đối tượng được đối trị, còn pháp thanh tịnh là chủ thể đối trị. Pháp thanh tịnh và phiền não kia có hai thứ sai biệt là thiện, bất thiện. Lại, pháp thiện cũng có hai thứ sai biệt là thế gian và xuất thế gian. Thế gian lại có hai thứ sai biệt là hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu cũng có hai thứ sai biệt là có lỗi và không lỗi. Không lỗi cũng có hai thứ sai biệt là hữu vi và vô vi.

Nương nơi nghĩa của Thế đế để nói: Là nương vào danh, tự giả danh để nói về tướng sai biệt của ngã, chúng sinh v.v...

Nương nơi sự tiến thủ theo Thừa có sai biệt để nói: Là đạt được nghĩa đệ nhất, chứng nhập chân như, vì chánh trí dựa vào sự thanh tịnh.

Chứng nhập theo thứ lớp như thế là tiến tới nhận lấy Niết-bàn của thế gian. Đây là biện minh về nghĩa gì? Người của thế gian nhằm tiến tới tức là hàng Nhị thừa của thế gian thâm nhận pháp chứng nhập của Địa khác, cho là Niết-bàn, do giữ lấy biên vực tịch diệt nơi Niết-bàn. Các Đại Bồ-tát không trụ nơi hai xứ đó.

Do nói về lực thứ nhất của Bồ-tát không chấp trước, không có lỗi lầm, nên nói dụ về huyễn v.v... Đây là làm rõ về nghĩa gì? Như các huyễn thuật tạo ra thân thể voi v.v... đều không thành tựu.

Như thế, ngôn ngữ nêu bày về các pháp, với những thân tướng như sắc v.v đều không thành tựu, như trong mộng thấy thọ dụng các thứ cảnh giới, nhưng những cảnh giới trong mộng đó đều là điên đảo. Thấy ngôn thuyết như thế về nghĩa thọ dụng pháp lạc thì nẻo ấy chỉ là sự phân biệt hư vọng.

Ngôn ngữ, tiếng vang, là có khi thân nghe trong hư không, nhưng tiếng ấy không có trụ xứ. Như vậy, nói pháp với ngôn ngữ, âm thanh trong Đệ nhất nghĩa đế là khéo trụ nơi vô trụ. Cũng như ảnh kia hiện trông thấy chỉ có tướng, tuy thấy chúng có các thứ hình tướng như sắc v.v..., nhưng các hình tướng đó đều không tương ưng với thể của pháp. Mà nương vào pháp đó, tùy thuận để sinh, nên nói như thế, là nói tất cả các pháp cũng chỉ là tướng. Tuy có vô số danh tự sai biệt, nhưng các danh, tự đó không tương ưng với pháp đã giảng nói, vì dựa vào pháp ấy để thuận theo tướng. Như dùng các dấu in, in vào bùn đất v.v... thấy rõ dấu in thứ hai, nhưng thể của các dấu in vẫn không chuyển, không hòa nhập. Nói về các pháp với thấy như thế, ngôn ngữ như thế, tuy nhân nơi lời nói, nghe về nghĩa như sắc v.v... có sai biệt nơi tướng khác, nhưng mọi ngôn ngữ đều không ở trong nghĩa của pháp mà vẫn nghe như vậy.

Như sóng nắng kia thật sự không có nước, nhưng cũng thấy có nước. Như vậy, ngôn ngữ nói về các pháp thì thể tướng của các pháp không phải như lời nói, nhưng cũng nhận thấy thể tướng của pháp đó. Như hư không kia, xưa nay vốn không sinh, không diệt, tuy có dùng ngôn ngữ để nói về hư không, nhưng hư không kia vẫn không có tự thể để có thể nêu bày.

Như vậy, ngôn ngữ nói về nghĩa của pháp nơi Đệ nhất nghĩa đế là không thể nói về thể do tất cả pháp không có ngôn ngữ có thể diễn đạt.

Thế nên nói pháp là không có một pháp nào để nói cả, vì lời nói về pháp kia đều như huyễn, nên Đức Như Lai đã dùng dụ về huyễn để chỉ rõ.

Như thế, không vướng mắc vào lời khi nói về nghĩa pháp, là được trí không chướng ngại nơi biện tài lạc thuyết, đó gọi là lợi ích, nghĩa này nên biết. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Tất cả pháp ngôn ngữ không lìa nơi pháp giới để nói, không sai biệt với pháp giới để nói. Đây là do nghĩa gì? Do tất cả pháp được nêu bày như sắc v.v... có những sai biệt, không lìa nơi pháp giới để nói, vì pháp giới luôn hòa hợp. Do nói về các pháp có sai biệt như sắc v.v... nhưng không chấp trước.

Dựa vào ý thâm diệu: Là nương vào sáu thứ mật ý của Đức Như Lai, Bồ-tát có thể nhận biết là Như Lai có ý rất sâu xa. Nghĩa này nên biết. Sáu thứ mật ý là:

- (a) Mật ý về sự nhớ nghĩ.
- (b) Mật ý không nêu bày.
- (c) Mật ý đối với đối trị.
- (d) Mật ý về pháp.
- (đ) Mật ý về tâm.
- (e) Mật ý về chữ chuyển biến.

Phạm thiên! Như Lai hoặc pháp nhiệm nói là tịnh v.v...: Đây là chỉ rõ *Mật ý về sự nhớ nghĩ*. Nghĩa này là thế nào? Là do không thấy Thể của pháp phiền não cấu nhiễm. Nếu có thấy là do chấp chặt vào thể của pháp tịnh, do nhiễm nơi chánh niệm, vì nhiễm tịnh đều không có tự Thể. Do không dao động, chấp trước, đây là thể tướng của pháp nhiễm. Do tâm dao động, chấp trước đây là thể tướng của pháp tịnh. Vì pháp nhiễm kia tuy không phải là chánh niệm, nhưng nó không thành pháp nhiễm. Đó gọi là Mật ý về sự nhớ nghĩ của Đức Như Lai.

Lại nữa, *Phạm Thiên*: Ta nương vào *bổ thí*, tức chỉ rõ về *Niết-bàn* v.v...: Đây là chỉ rõ về *Mật ý không nêu bày*. Nghĩa này là thế nào? Là do Phật không khởi tâm khi giảng nói các pháp. Tất cả pháp đều không có lực như thế để có thể từ đời này chuyển biến đến đời kia. Pháp của Ta là vô thể, thế nên không có một pháp nào có thể chuyển đổi. Do từ nghĩa ấy, nên không có một mảy may pháp nào chuyển đến đời khác. Vì vậy nương vào *bổ thí*, nói đạt được *Niết-bàn* là không có điều ấy. Đó gọi là *Mật ý không nêu bày* của Đức Như Lai.

Từ trì giới cho đến *Bát-nhã* là để chỉ rõ về *Niết-bàn*. Đây là biện minh về nghĩa gì? Đây là chỉ rõ về *Mật ý đối với đối trị*. Nghĩa này là thế nào? Là pháp của đối tượng được đối trị như sự dứt bỏ giới. Là nương vào hành *Ba-la-mật*, ưa thích hành trì.

Nói trì giới v.v... gọi là *Niết-bàn*, do đoạn dứt khả năng dấy khởi phiền não phá giới nơi thân, miệng, ý v.v... không hành theo hành ác. Do lià tất cả tâm giết hại v.v... dựa vào tâm hại kia là không, do không còn sinh tâm nhẫn nhục. Do lià biếng trễ, thường hành tinh tấn, là tăng trưởng thiện, là diệt hành ác. Không có tâm như thế thì hành thiện không tăng trưởng, hành ác không diệt.

Lại nữa, tâm không còn dao động, do không có giác, quán. Đây là do nơi nghĩa gì? Do lià tất cả tâm dao động, do không còn tâm phân biệt tán loạn, do lià bỏ tất cả cảnh giới của đối tượng được nhận biết nên không sinh.

Ta đã được tâm, do không thủ đắc, nên gọi là được, vì không thấy pháp: Đó gọi là *Mật ý đối với đối trị* của Đức Như Lai.

Tham dục là pháp tánh của thật tế không có tướng dục. Cho đến ngu si là pháp tánh của thật tế không có tướng ngu si. Lià nơi chân như thì thật tế như tham v.v... là không có pháp để có thể nói, nên chỉ rõ *Mật ý về pháp*. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Pháp tánh của

thật tế không có tướng si, nên đây là chỉ rõ Mật ý về pháp. Điều ấy là do nghĩa gì? Do lia chân như, thì thật tế như tham v.v... là không có pháp để có thể nói. Nghĩa này nên biết. Đó gọi là Mật ý về pháp của Đức Như Lai.

Thế gian là Niết-bàn, không thoái chuyển, không sinh, cho đến hư vọng là lời nói thật, vì người tăng thượng mạn. Đây là chỉ rõ *Mật ý về tâm*. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do hiểu thế gian xưa nay không sinh, không diệt, tức là Niết-bàn. Chấp trước nơi Niết-bàn, nơi thế tướng của Niết-bàn, chấp giữ tướng như thế là do lỗi lầm của tâm ấy, tức là thế gian. Ngôn ngữ thật: Là nương vào môn ngôn ngữ để nói. Nếu chấp cho là thật tức là hư vọng. Nói hư vọng là người ngã mạn phân biệt hư vọng, cho đó là thật, chấp lấy tướng thật nhưng là không thật. Đó gọi là Mật ý về tâm của Đức Như Lai.

Lại nữa, Phạm thiên! Như Lai do tùy ý, hoặc tự nói ngã là nói thường biên (Chấp thường): Đây là chỉ rõ *Mật ý về chữ chuyển biến*. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Do nói Niết-bàn v.v... là pháp thường. Do nói các pháp nhiễm như phiền não v.v... Do nói đoạn trừ các kiết sử phiền não như tham v.v... Do nói không tạo tác hành ác. Do nói không có hành nghiệp như thân v.v... Do thấy rõ hết thảy tà kiến, hý luận. Do Nhất thiết trí là không tùy thuộc vào nhân duyên của người khác. Do chứng nhập pháp giới của Niết-bàn vô vi. Do không dựa nơi nghiệp phiền não, nên sinh trong mọi nẻo không dấy khởi trói buộc. Do hoàn toàn có thể đoạn dứt nghiệp ái. Do không trụ nơi ba cõi, nên không hệ thuộc ba cõi. Như kinh nói: “Nhưng Như Lai không có các sự việc như thế”. Đây là do nơi nghĩa gì? Đây là do Như Lai dựa nơi biên thường nên thấy hết thảy là vô thường v.v... Lại nói không có các sự việc như thế, là do trong pháp Phật không nêu bày như thế, vì mọi nơi chốn được thuyết giảng đều không thể nhận thấy.

Phạm Thiên nên biết! Đó là tùy ý của Như Lai: Do nương nơi ý nào? Là chúng sinh kiêu mạn có thể trừ bỏ ngã mạn. Đây là biện

minh về nghĩa gì? Tức chỉ rõ nghĩa khác trong pháp đã nói như thế. Chấp trước nơi danh, nghĩa cũng như vậy.

Phạm Thiên! Nếu Bồ-tát nhận biết Như Lai tùy theo phương tiện để giảng nói: Là lìa chỗ chấp trước nơi danh nghĩa như thế, nên tiếp sau lại nêu dẫn. Đây là do nơi nghĩa nào? Là do trong việc giảng nói pháp có hai thứ hành:

- (1) Hành của chữ.
- (2) Hành của nghĩa.

Đây là làm rõ về nghĩa gì? Là danh, tự hiện hành trong nghĩa như thế, là nghĩa hiện hành trong danh, tự như thế. Đây là ý thâm diệu của Như Lai. Nương nơi ý thâm diệu này, khéo nhận biết về trí, hành, nghĩa, chữ, tướng của phương tiện thiện xảo như thế, nên biết hành này tức gọi là hành nơi Bồ-tát, đi đến hành như ý. Như ý thâm diệu của Đức Như Lai đã nói, thì phương tiện thiện xảo đã tập hợp các pháp, tức có thể khéo nhận biết về vô số thứ pháp đã nói, thế nên Bồ-tát có khả năng không sợ, không hãi trước các âm thanh, ngôn ngữ giảng nói pháp của chư Phật. Nên biết như thế. Do các chúng sinh tùy theo vô số thứ tâm, thế nên Bồ-tát nương vào phương tiện kia là có thể tin nhận. Nghe Phật xuất thế, không xuất thế v.v... do không giống với tướng khác, nên như sự việc Như Lai xuất thế, không xuất thế v.v... mỗi mỗi đều chỉ rõ không chấp, không vướng nơi phương tiện thiện xảo, khiến các chúng sinh tin nhập nơi các pháp. Do có thể hóa độ các chúng sinh, thân không thuần thực khiến được thuần thực, vì họ giảng nói pháp cạn dựa vào chỗ ưa thích chỉ rõ điều ưa thích. Vì chúng sinh thân thọ lạc, thân đã thuần thực thì giảng nói pháp sâu xa.

Thế nên, theo thứ lớp dựa vào thời gian để giảng nói pháp, nghĩa này nên biết. Nên biết như thế nào? Trước hết vì chúng sinh giảng nói pháp cạn thô. Đây là biện minh về nghĩa gì? Là thân giữ nhân quả, là thân nhận nẻo quán xét, là dẫn dắt nghiệp của chúng

sinh, dùng phương tiện để giáo hóa thân giữ họ, dẫn dắt tu hành nơi quả: Bồ thí sẽ được giàu, cho đến có tuệ để trừ bỏ các phiền não. Nương nơi pháp thiện tu hành để thân giữ nhân quả. Dùng nhân để đối trị đối với các thứ xấu xa, thô bỉ, do nhân có thể sinh tâm hoan hỷ, do nhân có thể làm nhân cho sự đốn nghiêm. Siêng tu các hành của văn tuệ v.v..., nên có thể làm nhân cho trí. Do có thể vượt qua nhân của khổ khổ, do tuệ quán như thật, nên có thể lìa các phiền não, khiến nhân của các phiền não tan diệt, không thể tích tập.

Lại nữa, hành của văn tuệ này là tu tập, quán các pháp thiện. Vì sao nhân của quán này lại do tuệ đa văn dẫn dắt? Vì nó thân giữ quán kia, tiếp nhận mùi nghiệp đạo thiện tu hành của thân v.v... Nương nơi mùi thứ nghiệp thiện ấy để dẫn dắt hàng trời, người thành tựu các công đức, đều do sự thân giữ của nghiệp kia. Thân nhận vô lượng nghiệp do thương xót chúng sinh, nên Bồ-tát dùng phương tiện để giáo hóa, thân nhận họ. Theo phương tiện thân nhận chúng sinh thuần thực là do Bồ-tát dựa nơi pháp Xa-ma-tha, tu hành tất cả pháp thiện, do đó, từ Xa-ma-tha nên đạt được Tỳ-bát-xá-na. Đây là tu hành để thân nhận.

Do nương nơi ba thừa, đạt được Niết-bàn của ba thừa, là quả của sự tu hành thân nhận.

Vì nhận lấy việc khát thực, ít ham muốn, hành Đầu-đà, vì các chúng sinh tạo ít lợi ích, không có khả năng giảng nói pháp, vì khiến cho mọi người tùy thuận hội nhập.

Như Lai giảng nói pháp cạn như thế xong, sau đó mới giảng nói pháp sâu xa. Đây là biện minh về nghĩa gì? Giảng nói pháp cạn thô là làm rõ về nhân quả. Vì căn chưa thuần thực thì có thể giáo hóa khiến tự tâm hiểu biết rõ về sự việc nhân quả. Chúng sinh được thân nhận gồm chủ thể tạo tác, đối tượng được tạo tác, Như Lai đều cùng thấy rõ. Do vậy, Như Lai trước hết là làm rõ về nhân quả, tiếp theo mới nói đến pháp đối trị gồm chủ thể đối trị và đối tượng được đối trị,

chỉ rõ tự thân lia bỏ tà kiến kia. Như Lai thật sự không có tướng về ngã, chúng sinh, thọ mạng và trượng phu v.v... Nghĩa này là thế nào? Nghĩa về ngã, chúng sinh, thọ mạng, trượng phu như trước đã nói, nên nhận biết như thế. Do không nhận thấy pháp nhân quả của chủ thể đối trị và đối tượng được đối trị, nên lược nói là dựa theo quả báo của thế gian. Do không thấy chỗ thọ nhận quả báo của bố thí v.v... Do không thấy sự keo kiệt v.v... không thọ nhận quả báo. Do đã xa lia pháp tu hành của chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị. Do không thấy quả của việc lia thế gian, quả của việc đạt được Niết-bàn, theo tướng của pháp có, không.

Phạm thiên! Như Lai thường giảng nói pháp cho chúng sinh và các chúng sinh đã nương theo lời dạy của Như Lai, như pháp đã nêu bày, tu hành như thật, siêng tu các hành. Do nghĩa gì mà tu tập, siêng hành các hành, cho đến không thủ đắc Niết-bàn, không thấy có Niết-bàn? Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Như giảng nói pháp cạn, chúng sinh thâm nhận, thấy tướng của các pháp, tu hành như vậy về quả xuất thế gian, nhưng không chấp giữ quả vị đó.

Như Lai thị hiện giảng nói pháp như thế là nhân của thế gian. Đây là nói về nghĩa gì? Là dựa vào pháp Phật giảng nói để tu hành. Đó là tùy thuận nơi pháp thiện căn bản.

Tu các hành: Là giải thích do nương vào pháp không thủ đắc, nương vào pháp không kiến chấp, theo thứ lớp như thế để nói.

Pháp không thủ đắc: Là dùng tuệ quan sát, không thể thủ đắc.

Pháp không chấp giữ: Là do thân không thể chứng nhập Niết-bàn.

Vì khiến chúng sinh thâm nhận pháp diệu, đây là biện minh về nghĩa gì? Giảng nói pháp cạn, sâu, là Như Lai giảng nói để cho các chúng sinh đều được hội nhập cả hai thứ pháp sâu, cạn kia. Vì nhằm chỉ rõ sự chứng nhập pháp tướng. Đây là do nơi nghĩa nào? Khiến hội nhập pháp, là dựa nơi bốn thứ nhập. Vì có thể hóa độ

chúng sinh, nên chỉ rõ sự giải thoát, khiến chúng được pháp đó. Nghĩa này nên biết.

Bốn thứ hội nhập: Là nói về hành tướng, được các căn như mắt v.v... lia ngã, ngã sở, vì thể của hai tướng ấy đều là không, nên hiểu được tướng đó rồi tức không thể lừa dối, vì được hội nhập nơi giải thoát, nên gọi là tướng. Hội nhập, dựa vào tướng như mắt v.v... tức có thể hội nhập nơi giải thoát, do vậy gọi là hội nhập nơi tướng giải thoát.

Như thế, trong tướng không kia tu tập hành chánh, nên được nhập nơi tướng giải thoát, đều không lừa dối vì trái ngược với tướng lừa dối.

Do nơi nghĩa này, nên dựa vào sự tu hành để nói các chúng sinh hội nhập tướng giải thoát. Thế nên, nương nơi hành tướng của hai pháp này, chỉ rõ các môn không v.v... là để đối trị nghiệp phiền não cấu nhiễm và nhiễm sinh khởi v.v... Đây là biện minh về nghĩa gì? Là đối trị chỗ cần được đối trị. Là pháp đối trị các nhiễm của tướng, nguyện bị chấp giữ do nghiệp phiền não nhiễm cùng các nhiễm đang sinh khởi. Đây là làm rõ: Do các môn không, vô tướng, vô nguyện, là đối trị nghiệp nhiễm và phiền não nhiễm. Do môn không hành đối lập với sinh tử, nên đối trị phần nhiễm của sinh. Môn không sinh, không diệt, là biện minh: Tức trong phần nhiễm của sinh có pháp đối trị những sai biệt. Nghĩa là đối tượng được đối trị kia lại có đối trị. Do môn không từ đâu đến và không đi về đâu, lại có đối trị. Do môn không thoái chuyển, không đi tới đã hội nhập tướng giải thoát.

Như thứ lớp đó, môn tự tánh thanh tịnh mới là tịch tĩnh. Đây là biện minh về nghĩa gì? Do tự tánh của pháp thoái chuyển kia là tịch tĩnh, tức chỉ rõ sự cấu nhiễm kia thấy đều vắng lặng. Do đâu mà nói tự tánh tịch tĩnh? Do nương vào tánh tịnh để nói về pháp chúng nhập. Thế nên phần tiếp theo nói: Lại nữa, này Phạm thiên! Từ nơi tất cả danh, tự, Như Lai chỉ cho biết đó là cửa giải thoát.

Như thế v.v... đây là do nơi nghĩa nào? Do có lần lượt cùng không tương ưng, vì tự tánh tối, độn. Đây là do nghĩa gì? Là do nương vào nhiều thứ pháp khác, nói về nhiều thứ danh, tự khác. Do các danh tự, chữ trước, chữ sau không đi đôi với nhau, nên lại có sai biệt do ý nghĩa của ngôn ngữ không cùng tương ưng.

Nói như thế là nêu rõ về nghĩa gì? Do nói các pháp không có ngôn ngữ nào có thể dùng để nêu bày. Nương nơi pháp tướng của chỗ không có ngôn ngữ, danh tự để nói như thế rồi, là chỉ rõ tất cả ngôn ngữ, danh tự do Đức Như Lai nói ra, là nhân của giải thoát. Đây là biện minh cho nghĩa gì? Là nói về đế thật. Dựa nơi như thật của đế thật ấy, chính thức giảng nói các pháp xong, làm thế nào để được giải thoát? Do vậy, phần tiếp theo nêu: “Phạm thiên! Như Lai nói pháp, không có pháp nhiệm”. Đây là làm rõ: Do thân thuần thực, nên Như Lai nói pháp cạn rồi, vì tùy thuận sự đoạn trừ nhân của các pháp phiền não cấu nhiễm, nương vào pháp môn chứng nhập, nên nói trong tất cả các pháp được nêu giảng, đều chỉ rõ về môn giải thoát. Đây là chỉ rõ nơi nghĩa gì? Tức chỉ rõ về Niết-bàn. Là chỉ rõ người tu học kiến đế, thấy rõ các thứ phiền não tàn dư, chỉ rõ kẻ tu học lìa phiền não, đạt được giải thoát. Người chưa thấy đế thật thì giúp khiến họ hội nhập nơi tất cả pháp chân như bình đẳng, dùng phương tiện giảng nói pháp chỉ rõ về Niết-bàn.

Có hai thứ nghĩa nên biết về đại bi:

- (1) Hoàn toàn đối trị pháp của đối tượng được đối trị.
- (2) Tâm đại bi của Nhất thiết chủng.

Đây là làm sáng tỏ về nghĩa gì? Là xa lìa tất cả pháp của đối tượng được đối trị và dứt bỏ các tập khí phiền não, do đạt được thân Như Lai, đạt được Nhất thiết chủng.

Lược nương vào bốn thứ tâm đại bi:

- (1) Tâm đại bi xa lìa tương ưng.

(2) Tâm đại bi tương ưng.

(3) Tâm đại bi của tâm.

(4) Tâm đại bi tu hành.

Xa lìa tương ưng: Là dùng thức lìa thức, không tương ưng, vì nhận thấy ngã cùng tâm tương ưng. Đây là chỉ rõ về nghĩa: Chỉ rõ tâm đại bi xa lìa tương ưng, chỉ rõ tâm đại bi tương ưng.

Như thế theo thứ lớp, các pháp đều không ngã, cho đến tất cả các pháp đều không trọng phụ. Dựa vào người, vô ngã để nói tất cả pháp là không thật có. Dựa vào pháp vô ngã để nói, tức là hai thứ tương người vô ngã, tương pháp vô ngã kia gọi là vô trụ.

Nói vô trụ: Là không chấp trước nơi thể v.v... của các pháp, nên không trụ vào tất cả các pháp. Nên biết như thế. Đây là biện minh về nghĩa: Gọi là trụ, là trụ nơi các nhập. Dựa nơi môn ái của ngã kiến, rồi trụ nơi xứ đó. Phàm là vô trụ thì không có nơi chốn quay về. Đã không có chốn quay về thì làm sao có sự quay về. Quy về nơi ba cõi, quy về nơi sáu đường. Do nương nơi nhập kia để thâm nhận thân, từ đó nên sinh, do nơi xứ ấy nên luôn chìm đắm.

Nói chìm đắm: Là nơi ngã, ngã sở, do nơi xứ xứ kia sinh ra thân, tâm, nên có sinh tử.

Không có nơi chốn quay về: Tức không có tướng ngã. Không có tướng về ngã thì không có ngã sở.

Có nơi chốn quay về: Tức chấp giữ nơi tướng ngã. Vương mắc nơi tướng về ngã tức có ngã sở. Chấp nơi ngã sở thì các pháp cùng sinh ra. Nhưng các chúng sinh phân biệt hư vọng nên ngã càng gia tăng. Đây là biện minh về nghĩa: Là nương vào sự việc để thâm nhận mọi chấp trước.

Nói nương vào sự việc: Là nương vào ruộng nương, nhà cửa, vườn rừng v.v... nương vào cha mẹ, vợ con v.v... nương vào y phục, thức ăn uống, giường nằm v.v...

Nương vào sự thấu nhận: Là nhận lấy mọi sự thọ dụng.

Nương vào chấp trước: Là chấp giữ cho là tự mình hiện có, là ruộng nương, nhà cửa v.v... là sở hữu riêng của ta. Chấp trước như thế sinh ra vương mắc nơi cuộc sống thoái chuyển.

Nói vướng mắc nơi cuộc sống: Là từ xứ này đến xứ khác, đều do chấp giữ cả. Nghiệp phiền não cấu nhiễm luôn tăng thượng hiện bày khắp. Thời gian, nơi chốn đến đi, đã sinh đầy cấu nhiễm. Dựa nơi ba thứ tham, giận, si đã trói buộc cấu nhiễm, đi theo những gì đã cấu nhiễm. Nghĩa này là thế nào? Tham, sân, si theo chỗ bị nhiễm là do nghĩa gì? Hai thứ tên gọi nêu bày, là nương vào nhiễm căn bản. Nghĩa là từ đời quá khứ đến đời này, từ đời này đến đời kia đều cho những thứ ấy là đứng đầu.

Nói như thế là chỉ rõ đời đời kiếp kiếp nối tiếp nhau không đoạn dứt. Có sự tạo tác là chúng sinh cứ sống như vậy, không đoạn dứt, luân chuyển mãi. Học theo các thứ kỹ thuật, các thứ ngành nghề, đều do sức của trượng phu làm nên pháp hữu vi, hý luận tích tập thành cảnh giới có cảnh giới thọ dụng.

Chúng sinh phân biệt hư vọng như thế, tất cả sự việc như vậy đều dựa vào phần hạn của người thế tục, nghĩa này nên biết.

Lại nữa, có người dựa nơi phần vị xuất gia, chỉ là hình tướng theo tà kiến của ngoại đạo, tà kiến tướng nguyện. Đây là làm rõ về nghĩa gì?

Nói tà kiến: Là chấp ngã v.v...

Gọi tướng: Là phân biệt hư vọng về đủ loại tướng của nghĩa ấy.

Gọi nguyện: Là tâm thường ưa thích cầu được sinh nơi thế gian v.v... Tức trên đây đã nói tâm bi xa lìa, tâm bi không xa lìa, là chỉ rõ về tâm bi của tâm. Nghĩa này nên biết.

Vì tâm bi xa lìa hay không xa lìa đều nhằm nói về pháp tu hành. Dựa vào dục để mong cầu. Dựa vào hữu để mong cầu. Dựa vào phạm

hạnh để mong cầu các đạo điên đảo, là pháp của chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị. Thế nên phần tiếp theo là nói về việc tu hành tâm bi. Đây là biện minh về nghĩa gì?

Dựa vào dục để mong cầu các đạo điên đảo: Là do thân giữ nên lần lượt cùng tranh chấp. Vì các dục nên từ nơi cha mẹ và vợ con cùng nhau tranh chấp. Nương nơi lỗi lầm của giận dữ nên kiện thưa, thứ lớp như thế.

Dựa nơi hữu để mong cầu các đạo điên đảo: Là tương ưng với điên đảo. Cầu Phạm thiên v.v... là cùng với chấp thường điên đảo. Do chấp giữ điên đảo nên gọi là điên đảo. Vì điên đảo là lia bỏ đạo điên đảo, khiến được nhập nơi đạo không điên đảo. Lại, dựa nơi hữu để cầu đạo điên đảo: Là trụ nơi dị đạo. Vì nhằm giáo hóa các chúng sinh của dị đạo kia khiến nhập nơi Phật đạo, là đạo không thể thủ đắc.

Dựa nơi phạm hạnh để cầu các đạo điên đảo: Lược nêu có ba loại: Là cầu không được, cầu tà vạy và cầu thấp kém. Đây lại có nghĩa gì?

Tất cả thế gian đều có lỗi là không tự tại, lỗi do tà mạng, lỗi lầm đối với người thân. Các pháp phiền não cấu nhiễm, nghiệp khổ cấu nhiễm là ngôi nhà an vui của người thế tục. Vì vậy nên chúng sinh không cầu phạm hạnh. Không cầu phạm hạnh là không cầu đạo giải thoát. Đây có nghĩa là sự bôn sên đã khiến con người chìm đắm nơi hành tham, dối và tập khí của biếng nhác.

Theo thứ lớp như thế, Bồ-tát hành hóa để cứu vớt chúng sinh không hề biết chán đủ.

Chiếm đoạt tài sản của kẻ khác là tự tạo của cải theo phi pháp. Bồ thí cho các chúng sinh thiếu thốn, do họ luôn vì các thứ tài sản, vật dụng, nhà cửa, vợ con, ân ái để làm tội tở. Đây chỉ rõ là tâm của chúng sinh không được tự tại.

Đối với các thứ vật dụng nguy khốn, không vững chắc này lại sinh khởi tướng vững chắc: Là mọi thứ tiền của, vật dụng đều là vô thường lại sinh tướng thường còn.

Cung kính cúng dường, đây là nói về nghĩa gì? Là sự trói buộc của ăn uống, không thành tựu. Chúng sinh tuy cho là tri thức thiện nhưng là tri thức ác của họ, chỉ rõ đó là oán gia.

Tự sống theo tà mạng là sử dụng cân, học v.v... để lừa dối người khác.

Trong tất cả các pháp, luôn siêng năng tu tập các hành mới có thể chúng được Đại Bồ-đề trọn vẹn. Nhưng các chúng sinh đó lại biếng nhác, mệt mỏi.

Cảnh giới giải thoát tối thắng của Thánh nhân là do người tu hành với nhân không điên đảo đạt được. Nhưng vì các chúng sinh mong cầu phạm hạnh tà vạy, lại dựa vào nhân điên đảo tu tập các hành, hy vọng chứng đắc, ấy là kẻ cầu giải thoát của ngoại đạo.

Nhằm khiến họ không hành theo đạo tà kia. Vì sao? Vì họ không đạt được pháp giải thoát của Thánh nhân.

Chúng sinh đã từ bỏ Đại thừa tối thượng, không ngăn ngại: Là chỉ mong cầu phạm hạnh thấp, như bỏ Đại thừa vô thượng bậc nhất để chỉ cầu được phân thấp của pháp Tiểu thừa.

HẾT - QUYỂN 4

SỐ 1533/1

KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN ƯU BA ĐỀ XÁ*Tác giả: Bồ tát Thiên Thân.**Hán dịch: Đồi Nguyên Ngụy, Đại sư Tỳ Mục Trí Tiên.**Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Bà-già-bà trụ tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo Tăng và chúng Đại Bồ-tát hội đủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Trí Viên Đại Hải Lạc Thuyết Biện Tài: Này Trí Viên Đại Hải Lạc Thuyết Biện Tài! Có 2 loại trụ trì chuyển pháp luân của Như Lai. Đó là:

1. Trụ trì chúng sinh.
2. Trụ trì pháp.

Này Trí Viên Đại Hải Lạc Thuyết Biện Tài! Hai loại trụ trì chuyển pháp luân của Như Lai ấy, cho đến hết kinh này đều nói tới.

Kinh thù thắng chánh pháp luân này do nơi nghĩa gì? Đấng Mâu-ni vương kia là không thể nghĩ bàn, không thể xưng nêu, không thể nói, không thể lường, không thể dụ, như hư không, không đoạn, không thường, thuận nhập nhân duyên tịch tĩnh, tịch tĩnh thù thắng, tịch tĩnh tối thắng, tịch tĩnh bậc nhất, như đế thật, không hư vọng. Đức Như Lai chuyển pháp luân vô thượng giảng nói kinh này. Người

Thanh văn, đệ tử của Đức Như Lai, hàng đệ tử Thanh văn ấy được các vị Tiên nhân v.v... tán thán. Vì nhân duyên ấy, nên nay con xin được giải thích. Giải thích như thế nào? Đấng Đại Mâu-vi vương với vô lượng công đức:

1. Vì sao chuyển pháp luân này là không thể nghĩ bàn, không thể xưng lường, toàn thiện không cấu nhiễm, vắng lặng bậc nhất?

2. Do nghĩa gì gọi là Kinh thù thắng?

3. Do nghĩa gì gọi là Thế Tôn?

4. Vì sao Đức Như Lai ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương-xá? Hai loại trụ trì chuyển pháp luân ở tại nơi đây, không ở nơi khác.

5. Do nghĩa gì gọi là Như Lai?

6. Do nghĩa gì gọi là Pháp luân?

7. Lại nữa, Đức Thế Tôn có bao nhiêu Chuyển, bao nhiêu Hành để Chuyển pháp luân?

8. Lại nữa, Đức Thế Tôn ở đây nói là chuyển. Vì sao pháp môn không sinh của Đức Như Lai nói tất cả pháp là không chuyển, không xoay? Nên nhận biết như thế là hoàn toàn không phát khởi. Nếu ở đây chuyển làm sao có thể trái với Tu-đa-la kia? Tu-đa-la kia tức không cần chống trái?

9. Lại nữa, nếu ở đây nói về trụ trì chúng sinh, trụ trì pháp, thì trụ trì ấy là thế nào? Trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật, Đức Như Lai bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Giả sử Như Lai còn trải qua hàng kiếp để nói về chúng sinh, thì chúng sinh từng có là chúng sinh sinh diệt chăng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Không. Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay đều thanh tịnh. Đức Như Lai lại ở nơi Kinh Vô Cấu Danh Xung (Kinh Duy Ma) nói: Nếu trụ vào tướng pháp thì đó là bệnh lớn. Nếu pháp của chúng sinh đều không thể thủ đắc, vậy thì Đức Thế Tôn trụ trì nơi chốn nào để chuyển pháp luân? Ở đây cần được giải thích.

10. Lại nữa, do nghĩa gì Đức Thế Tôn đã từ bỏ trụ xứ rộng lớn, nơi có nhiều người tụ tập, có vô lượng người thù thắng, có các vườn đầy cây hoa trắng diêu, trang nghiêm, đến tại Ba-la-nại, nơi ít người lui tới, dưới bóng mát của cây Ba-trá-ly, trong vườn Lộc, để chuyển pháp luân. Về nhân duyên này cũng cần giải thích.

11. Lại nữa, lần đầu tiên Đức Thế Tôn đã an tọa nơi chốn nào để chuyển pháp luân?

12. Lại nữa, khi Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, có bao nhiêu chúng sinh bỏ điều ác, hành điều thiện?

Nói tóm lại: Làm sao chỉ rõ về trụ trì chúng sinh và trụ trì pháp? Đây đều là những vấn nạn.

Từ đây trở xuống là phần giải thích:

* Nay nói pháp kia, do nghĩa gì mà đạt được rộng lớn vào bậc nhất, hơn hết, không cấu uế, không thể xung lường, không thể nghĩ bàn, không thể hủy hoại, là chánh giác hết sức sâu xa, không lay động? Đức Thế Tôn đã giảng nói kinh này. Nay lại nói về sự rộng lớn, không cấu nhiễm, không thể xung lường, đã được chúng sinh trong ba cõi đều tán thán.

** Vì sao Đức Thế Tôn lại nói Tu-đa-la thù thắng này không thể xung lường, là tất cả lỗi?* Về nghĩa ấy nay sẽ giải thích.

Đức Thế Tôn e ngại trong pháp hội kia có các chúng trời, A-tu-la, người, rồng, Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà v.v... nghe chuyển pháp luân, tâm sinh nghi hoặc, không biết Đức Thế Tôn có bao nhiêu loại trụ trì để chuyển pháp luân? Đức Thế Tôn quan sát tâm ngờ vực của chúng sinh, vì nhằm đoạn dứt mọi nghi ấy, nên Ngài nói hai loại trụ trì để chuyển pháp luân. Nghĩa này là thế nào? Kệ nói:

*Người thế gian và trời
Pháp chủ quán tâm nghi*

*Vì đoạn dứt nghĩa nghi
Nói Tu-đa-la này.*

Lại nữa, vì Đức Thế Tôn có diệu lực đại bi, nhằm đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên giảng nói kinh này.

Thế nào là diệu lực đại bi của Đức Thế Tôn giảng nói về nghĩa này? Nay nêu rõ Đức Thế Tôn đối với các chúng sinh như thế, biết là không có chúng sinh, vì các pháp đều như thành Càn-thát-bà. Trụ trì chúng sinh và trụ trì pháp, nhận biết như vậy rồi mới chuyển pháp luân. Nghĩa này là thế nào? Kệ nói:

*Biết thế gian vô ngã
Như Càn-thát-bà huyễn
Trụ trì chúng sinh, pháp
Như Lai đại bi nói.*

Thị hiện tự lực nên có thể nói nghĩa. Thế gian lại không có khả năng trụ trì, chỉ có Phật mới có thể tạo ra hai loại trụ trì. Lại không người nào có thể chuyển pháp luân, như ta chuyển. Lại còn có nghĩa, kệ nói:

*Không phải cung điện trời
Không phải nhà Tu-la
Không phải người Long cung
Có chúng sinh như thế.
Thứ nhất không thể nêu
Lìa lỗi, diệt ba khổ
Trời, người cung kính lễ
Khéo chuyển luân thứ nhất.*

Lại, vô lượng khổ, đầy đủ vô lượng, sau đó mới đạt được quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Khi mới hành Bồ-tát, nếu nghe nói điều này, tâm sinh khiếp nhọc. Đức Như Lai vì nhằm trừ bỏ sự khiếp nhọc đó, nên chỉ rõ nghĩa giác ngộ thanh tịnh không cấu nhiễm này. Nếu vô lượng khổ, đầy đủ vô lượng, sẽ đạt được quả

vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng với vô lượng công đức chỉ rõ pháp luân này. Kệ nói:

*Vàng, ngọc, các chân châu
Thí thành, nước, vợ con
Mắt, xương, tủy, phần đầu
Tay, chân v.v... thấy đều thí.
Vô số khổ, giữ giới
Hy hữu được thân Phật
Công đức không thể lường
Vi nghi, sợ, chỉ rõ.*

Ý tăng thượng của Phật, quan sát tâm chúng sinh, đủ vô lượng công đức nên chuyển pháp luân.

Lại nữa, người chưa phát tâm Bồ-đề, thừa Thanh văn, Duyên giác, muốn hội nhập cảnh giới Niết-bàn, trụ nơi Đại thừa, do vậy đem nghĩa này để chỉ rõ.

Lại nữa, ý tốt đẹp, nếu có người nơi thừa Thanh văn, Duyên giác v.v... chứng nhập cảnh giới Niết-bàn, tức không còn chuyển pháp luân vô thượng nữa. Kệ nói:

*Tâm Tiểu thừa là bi
Muốn nhập hai Niết-bàn
Mâu-ni nói kinh này
Khiến trụ thừa bậc nhất.*

Lại, người có phước này được lợi ích hoan hỷ. Nghĩa ấy chỉ rõ những sự tốt đẹp nhất nơi thế gian cũng không thể sánh với sự việc chuyển pháp luân. Không thầy nào bằng thầy của ta. Kệ nói:

*Nếu đã quy y Phật
Nay quy, sẽ lại quy
Mâu-ni muốn họ vui
Nói Tu-đa-la này.*

Nếu người khác nương theo ngoại đạo, cũng dẫn đến lợi ích. Nghĩa này chỉ rõ về thân vi diệu không cấu, các công đức trang nghiêm. Thầy của ông không thể sánh, vì thầy của ông không có khả năng khiến ông đạt được pháp thiện vô lậu. Kệ nói:

*Nương dựa tri thức ác
Như Lai thấy thế gian
Để dẫn dắt người kia
Vì họ nói kinh báu.*

Người xung là Nhất thiết trí kiêu mạn, tự cho đạt tịch tĩnh, lợi ích, để chỉ rõ về nghĩa này, bậc Nhất thiết trí của ta hôm nay mới chuyển pháp luân vô thượng. Vì sao ông là người Nhất thiết trí? Kệ nói:

*Phật sơ chuyển pháp luân
Trừ đảo, chấp thường, đoạn
Không thể chuyển luân tịnh
Họ không Nhất thiết trí.*

Cầu quả tốt đẹp rộng lớn vô thượng, làm phước điền lợi ích, là chỉ rõ quả báo không thể nghĩ bàn, có khả năng ban cho chúng sinh, nếu người có khả năng chuyển pháp luân vô thượng, bổ thí cho vị ấy, chắc chắn sẽ được quả báo lớn. Kệ nói:

*Nếu có người hay chuyển
Chánh pháp luân vô thượng
Thí ít người như thế
Được quả báo không sánh.*

Lại, Bồ-tát hành hóa được quả báo tạo lợi ích. Để chỉ rõ nghĩa này, Đức Thế Tôn nói: Pháp luân của Ta có thể đem lại lợi ích lớn. Ta đã hành trì với trăm ngàn khổ hạnh, trải qua vô lượng ức Na-do-tha kiếp, có khả năng xả thí những thứ khó xả thí, ví như tâm biển luân tuôn chảy không dứt.

Lại nói về Bản sinh, khi làm thân Ma-na-bà, cả vợ con ta đều xả thí.

Lại nói về Bản sinh, khi làm vua Phạm Đức, ta đã thí cho cả hai người con đáng yêu mến, tâm không sinh hối tiếc.

Lại nói về Bản sinh, lúc làm vua Thiện Nha hết sức đoan nghiêm, ta đã đem đưa con gái tên Tôn-đà-lợi - đẹp nhất trong số các người nữ - để cho Bà-la-môn.

Lại nói về Bản sinh, khi làm vua Đức Tạng chứng đắc Đà-la-ni, trong suốt bảy ngàn năm ta chưa từng nằm một lần nào.

Lại nói về Bản sinh, khi làm Thái tử của vua Bất Tư Nghị Công Đức Bảo Đức, thân là đồng tử, nhưng tất cả nghĩa luận ta đều đạt được, đã vì chúng sinh giảng nói.

Lại nói về Bản sinh, lúc làm tiên Thân Tráp, bị cắt chặt tay chân nơi thân, ta đều không sinh oán hận, lại còn vì họ giảng nói pháp nhẫn.

Lại nói về Bản sinh, khi làm vua Nguyệt Quang, ta đã tự dùng đầu để bố thí, không hề khởi sân hận.

Lại nói về Bản sinh, lúc làm thân đồng tử của vua, tất cả mọi người đều ưa thích gặp, lúc ta lên mười hai tuổi, đã ăn hương, đốt mình để cúng dường pháp Phật, tâm không sinh hối tiếc.

Lại nói về Bản sinh, khi ta làm y sư trị thân bệnh cho vua, cũng đã chữa khỏi hết thầy bệnh khổ cho tất cả người trong cõi Diêm-phù-đề.

Vô lượng vô số điều khổ não như thế, ta đều đã làm để đem lại cho chúng sinh rất nhiều lợi ích. Ta đã chứng đắc đủ các thứ hạnh khổ của Bồ-tát như vậy, chỉ rõ việc đắc quả, chỉ rõ việc tạo lợi ích. Đức Thế Tôn đã giảng nói kinh này. Kệ nêu:

*Nếu nhân đầu như thế
Khổ hạnh, rộng xả thân*

*Kẻ bần cùng ăn xin
 Tùy họ đều thí cho.
 Là tất cả các lỗi
 Luân tịch tĩnh đệ nhất
 Nói không hủy thứ nhất
 Thế nên, nay ta chuyển.*

* *Do nghĩa gì gọi là Thế Tôn?* Là do có thể nhận lãnh tất cả sự cúng dường, nên gọi là Thế Tôn.

Lại có nghĩa khác: Như phần giải thích về tâm Bồ-đề, ở đó đã chỉ rõ.

* *Vì sao Đức Như Lai ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương-xá?* Hai loại trụ trì chuyển pháp luân ở tại nơi đây, không ở nơi khác, rất khó vì không tương ưng. Tùy thuộc nơi xứ nào, sự khó khăn sẽ không cùng. Đức Thế Tôn, nếu ở tại nơi chốn khác để du hành, cũng có khó khăn ấy, tức là vô cùng.

Lại có nghĩa khác: Như phần giải thích về tâm Bồ-đề, ở đó đã chỉ rõ.

* *Do nghĩa gì gọi là Như Lai?* Nghĩa ấy nay sẽ giải thích. Như thật mà đến, nên gọi là Như Lai. Pháp nào gọi là Như? Niết-bàn gọi là Như. Chúng sinh và pháp, hai thứ đó không như. Như Đức Thế Tôn nói: Các Tỳ-kheo! Thánh đế thứ nhất là pháp không hư vọng, gọi là Niết-bàn. Nhận biết nên gọi là Lai.

Giới Dị thanh luận, giới Tri tự luận, như người đời nói: Người này sinh đến đây. Đó là biện minh về nghĩa gì? Là làm rõ về trí tuệ đầy đủ. Nghĩa của Lai như thế này: Niết-bàn gọi là Như. Hiểu biết gọi là Lai. Vì chánh giác về Niết-bàn, nên gọi là Như Lai.

Lại, không, vô tướng, vô nguyện, gọi là Như. Vì Như tất cả hành kia nên gọi là Như Lai.

Lại, bốn Thánh đề ấy gọi là Như. Không phải là người khác thấy rõ tất cả hành đó, nên gọi là Như Lai.

Lại, hết thấy pháp Phật như thế, đó gọi là Như. Từ pháp đó đi đến trong cõi người này, nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, Như là sáu Ba-la-mật như Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát-nhã. Chánh giác về các pháp ấy đã đến, nên gọi là Như Lai.

Thật sự thí xả, tuệ tịch tĩnh an trụ là Như. Như các pháp vô thượng đều đạt đến Chánh biến tri, nên gọi là Như Lai.

Tất cả Bồ-tát như thế nơi các Địa: Hoan hỷ, Ly cấu, Minh, Diệm, Nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ, Pháp vân là mười, đó gọi là Như. Như các pháp vô thượng đều đạt đến Chánh biến tri, nên gọi là Như Lai.

Như tám đạo đạt đến nên gọi là Như Lai. Do có Bát-nhã Ba-la-mật, do đủ phương tiện đạt đến đầy đủ, nên gọi là Như Lai.

Hoặc gọi là Như khứ. Nói Như khứ, là hoặc do như mà nói, nên gọi là Như khứ. Lại, Như khứ là không đi, lại đến, nên gọi là Như khứ.

** Do nghĩa gì gọi là Pháp luân?* Nghĩa ấy nay sẽ giải thích. Do thể của pháp là luân, nên gọi là Pháp luân. Ví như ở thế gian, thể của chất đồng là bình, nên gọi là chiếc bình đồng. Vì thể của gỗ là bánh xe, nên gọi là bánh xe gỗ. Đây cũng như thế. Thể của pháp là luân (bánh xe), nên gọi là pháp luân (bánh xe pháp). Chỉ rõ như vậy.

Sao gọi là pháp? Nghĩa là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề. Pháp này là luân (bánh xe), nên gọi là pháp luân (bánh xe pháp).

Lại, tự thể của tất cả pháp là nghĩa giác ngộ, là nghĩa của pháp luân. Lại, nghĩa của tất cả pháp là trang nghiêm thù thắng.

Lại, là nghĩa lấy, bỏ. Những nghĩa như thế, đều gọi là pháp luân. Bỏ đi những vật gì? Là bỏ hữu vi. Nhận lấy những vật gì? Là nhận lấy Niết-bàn.

Lại, có khả năng phá trừ tất cả phiền não, thế nên gọi là luân (bánh xe). Pháp vương vận chuyển bánh xe đúng thời, bánh xe trị vì thiên hạ như bánh xe của Luân vương. Vàng (luân) ánh sáng tỏa chiếu trong tất cả thế gian, như vàng tinh tú.

Lại, nói pháp luân là luân không có hai biên đoạn, thường, bất định. Lại, luân (bánh xe) không sinh, như nhân duyên sinh. Lại, luân không hai, như mắt và sắc, cho đến ý, pháp đều không hai, nên biết. Luân không thủ đắc, do pháp ba đời không thể thủ đắc. Lại, luân không, vì lìa các thứ kiến chấp. Lại, luân vô tướng, vì quán tất cả tướng, lìa các tướng. Lại, luân vô nguyện, vì lìa ba cõi, tất cả phân biệt, không phân biệt về luân khác, do tất cả pháp đều không phân biệt.

Lại, trong Kinh A Na Bà Đạt Đa Long Vương, Đức Thế Tôn bảo Long vương: Hiền Thủ Long vương! Lại pháp luân thật sự không hủy hoại hành, như thế gọi là luân, vì ba đời v.v... không có luân tự thể, do lìa hai thứ kiến chấp có, không.

Lại, luân lìa, vì thân không nhiễm. Lại, luân không vướng mắc, vì lìa tâm, ý, ý thức v.v... Luân không có xứ sở, vì xả bỏ tất cả hành hữu sinh. Lại, luân thật, vì tri kiến thật, lớn. Lại, luân đế, vì tu tập chân chánh, không hoại. Lại, luân không cùng tận, vì chỉ bày về vô tận. Lại, luân pháp giới, vì tất cả pháp thủy đều hành hóa.

Lại, luân thật tế, vì biên vực trước, sau không phải là luân biên vực. Lại, luân như như, vì tự thể của các pháp là không có tự thể. Lại, luân đã vô vi, vì tất cả pháp nghi, lo đều quan sát định rõ. Lại, luân thường còn, vì tánh Thánh được tích tập. Lại, luân không, vì không thấy tất cả vật trong ngoài. Lại, luân vô tướng, vì tất cả tướng đều không phân biệt. Lại, luân vô nguyện, vì tất cả pháp không duyên dựa. Lại, luân vô vi, vì tất cả ngôn ngữ giảng nói đều không, không thể nêu bày.

Như vậy, Đức Thế Tôn đã thuyết giảng pháp luân. Những điều nêu trên đây đều là nghĩa của pháp luân.

** Lại nữa, Đức Thế Tôn có bao nhiêu Chuyển, bao nhiêu Hành để Chuyển pháp luân?* Nghĩa ấy nay sẽ giải thích. Pháp luân ba lần chuyển có mười hai hành.

Chuyển lần thứ nhất: Đây là Thánh đế khổ. Đây là Thánh đế tập. Đây là Thánh đế diệt. Đây là Thánh đế khổ diệt đạo. *Chuyển lần thứ hai:* Đây là Thánh đế khổ, nên nhận biết. Đây là khổ tập, nên đoạn trừ. Đây là khổ diệt, nên chứng đắc. Đây là khổ diệt đạo, nên tu tập. *Chuyển lần thứ ba:* Đây là Thánh đế khổ, đã nhận biết. Đây là khổ tập, đã đoạn trừ. Đây là khổ diệt, đã chứng đắc. Đây là khổ diệt đạo, đã tu tập. Đây nói như thế là có ba lần chuyển.

Trí khổ, trí tập, trí diệt, trí đạo như thế. Khổ đế có ba lần trí chuyển như thế. Tập đế như thế, Diệt đế như thế. Đạo đế có ba lần trí chuyển. Đức Phật giảng nói như thế, có mười hai hành. Vì sao? Vì hành khác như thế ở trong Khổ đế có ba lần trí chuyển, hành khác nơi Tập đế, hành khác nơi Diệt đế, hành khác nơi Đạo đế, đều có ba lần trí chuyển. Đây nói như vậy là có mười hai hành.

Nói Khổ nghĩa là năm ấm. Tướng Khổ của năm ấm, đó gọi là Khổ. Tướng khổ kia là không, thông đạt về không ấy, đó gọi là Trí khổ Thánh đế.

Sử ái là nhân của năm ấm kia, thấy nhân, đó gọi là Tập. Nếu không phân biệt, không nhận lấy, không tiếp xúc nhân của ái, thấy rõ nhân, đó gọi là Trí tập Thánh đế.

Nếu năm ấm kia hoàn toàn diệt hết, biên vực trước không đến, biên vực sau không đi, biên vực giữa không thủ đắc, đây gọi là Diệt. Nhận biết như thế, đó gọi là Trí diệt Thánh đế.

Nếu Đạo đã được rồi, duyên lấy trí khổ, trí tập, trí diệt, thì tướng bình đẳng kia là trí không hai, đó gọi là Trí khổ diệt đạo Thánh đế.

Lại nữa, do đâu không phải ít, không phải nhiều, khi nói Thánh đế như thế? Vì nếu phân biệt thì đế này là không cùng.

Lại nữa, nhận biết bốn Thánh đế như vậy tức được giải thoát. Đó là nhận biết khổ, nhân của khổ, diệt khổ, sau mới được phương tiện. Bốn Thánh đế như thế, nghĩa như vậy, ở đây nói theo thứ lớp.

Lại nữa, thế nào là tướng bình đẳng? Gọi Thánh đế là pháp không hư vọng. Do không hư vọng nên gọi là đế. Mỗi mỗi tự tướng đều không hư vọng. Pháp không hư vọng như thế là tướng bình đẳng.

Lại nữa, thế nào là tướng thù thắng? Tướng thù thắng nơi khổ là tướng bức bách. Tướng của tập là có khả năng sinh khởi. Tướng của diệt là tịch tĩnh. Tướng của đạo là xuất ly.

Lại nữa, mười hai hành hoặc nghịch, hoặc thuận, có mười hai phần chuyển theo nhân duyên sinh.

Lại nữa, rộng khắp các kinh đều nói: Phân biệt đúng đắn là có thể phân biệt. Quan sát bất thiện nên xuất sinh vô minh, không phải là pháp hữu sinh, như thế cho đến khi khối khổ lớn tích tụ, đầy khởi. Khổ kia có và diệt như thế.

Chuyển pháp luân có mười hai hành là ở gần, nếu nhận biết đầy đủ về Tam bảo.

** Lại nữa, Đức Thế Tôn ở đây nói là chuyển. Vì sao pháp môn không sinh của Đức Như Lai nói tất cả pháp là không chuyển, không xoay? Nên nhận biết như thế là hoàn toàn không phát khởi. Nếu ở đây chuyển làm sao có thể trái với Tu-đa-la kia? Tu-đa-la kia tức không cần chống trái? Nghĩa ấy nay sẽ giải thích. Kia là nói về Chân đế, đây là nói về Thế đế. Lại, đây là nói về thời. Lại, đây là đối trị sự tin nhận, nên nói nghĩa này. Đã nói, thế nên nay nói.*

Lại nữa, đây là hành nghiệp ban đầu nơi Bồ-tát, nên nói như thế. Người đạt được Địa lớn nên không tranh tụng như thế.

** Nếu pháp của chúng sinh đều không thể thủ đắc, vậy thì Đức Thế Tôn trụ trì nơi chốn nào để chuyển pháp luân?* Nghĩa ấy nay sẽ giải thích. Đức Phật do tâm đại bi, không chấp giữ chúng sinh, cũng không chấp giữ pháp, nhưng thường trụ trì nơi chúng sinh và pháp, nên đã chuyển pháp luân.

Lại nữa, trong Kinh Long Vương Vấn, Đức Thế Tôn nói: “Nhu hư không chuyển gọi là chuyển pháp luân”.

Lại nữa, đây là Đức Thế Tôn dùng phương tiện, vì các pháp không có tên, chỉ tạm dùng tên và chữ để giảng nói. Thế nên có kệ:

*Tất cả pháp không tên
Nhờ tên để gọi pháp.*

Đức Thế Tôn theo pháp như thế không chấp giữ chúng sinh, nhưng vì nhằm đối trị để giáo hóa chúng sinh nên nói pháp. Tuy không chấp giữ pháp, nhưng thường xuyên giảng nói rộng tất cả pháp.

Lại nữa, trong Kinh Bát Nhã Ba La Mật và Kinh Vô Cấu Danh Xưng nói: “Vì nhận biết chân đế, nên nói Thế đế. Như vậy là không lỗi”.

** Lại nữa, do nghĩa gì Đức Thế Tôn đã từ bỏ trụ xứ rộng lớn, nơi có nhiều người tụ tập, có vô lượng người thù thắng, có các vườn đầy cây hoa thắng diệu, trang nghiêm, để đến thành Ba-la-nại, nơi ít người lui tới, dưới bóng mát của cây Ba-trá-ly, trong vườn Lộc, để chuyển pháp luân?* Nghĩa ấy nay sẽ giải thích. Về thời xa xưa, Đức Thế Tôn đã từng ở nơi đó (Ba-la-nại), trong sáu mươi ngàn ức na-do-tha hội, Đức Thế Tôn đã từng hành tác bố thí rộng khắp, đã từng cúng dường sáu mươi ngàn ức na-do-tha Phật. Lại ở xứ ấy, đã từng có đến chín mươi một ức ngàn Phật chuyển pháp luân. Chốn đó thường có nhiều Tiên nhân tu hạnh tịch tĩnh. Do có các công đức lớn như thế, nên Đức Thế Tôn đã đến nơi chốn ấy để chuyển pháp luân. Nghĩa này đã giải thích, nay lại nói thêm.

Lại nơi Kinh Quảng Phổ có kệ nói:

*Ta, sáu mươi ngàn ức
Na-do-tha hội thí
Cúng sáu mươi ngàn ức
Na-do-tha chư Phật.
Xứ Ba-la-nại thắng
Có Tiên nhân xưa hơn
Trời, rông đều bậc nhất
Thường khen xứ nói pháp.
Chín mươi một ức trước
Ta nhớ vô thượng thắng
Ở trong rừng diệu này
Chuyển pháp luân vô thượng.
Đây có na-do-tha
Tịch tĩnh, thắng Tiên nhân
Thường ngụ trong vườn Lộc
Nên gọi chốn Tiên nhân
Như thế trong rừng đẹp
Chuyển pháp luân vô thượng.*

Đã chuyển như thế, lại vì pháp, người nên đã chuyển như vậy.

* Lại nữa, lần đầu tiên Đức Thế Tôn đã an tọa nơi chốn nào để chuyển pháp luân? Nghĩa ấy nay sẽ giải thích. Đức Thế Tôn đã an tọa nơi điện Đại viên có vô lượng màu sắc vi diệu, thanh tịnh với nhiều châu báu trang nghiêm, trên tòa Sư tử để chuyển pháp luân. Đây là nói ở xứ nào? Trong Kinh Quảng Phổ nói như thế này: Các Tỳ-kheo! Có chư Thiên ở các cõi, biết nơi thành Ba-la-nại sắp chuyển pháp luân, để có lợi ích lớn, nên tạo điện Đại viên rất rộng lớn, trang nghiêm và tráng lệ. Cung điện đó dài rộng bảy trăm do-tuần. Trên hư không, chư Thiên dùng lọng báu, cờ phướn để trang nghiêm. Các Thiên tử ở cõi Dục trong hư không nơi tầng trên, đem tám mươi bốn

ngàn tòa Sư tử phụng thí Như Lai. Cúng dường xong, mỗi mỗi Thiên tử đều thừa thỉnh: Kính mong Đức Như Lai an tọa nơi tòa Sư tử của con để chuyển pháp luân. Mỗi mỗi vị Thiên tử đều trông thấy Đức Thế Tôn an tọa trên tòa Sư tử do họ phụng thí để chuyển pháp luân. Đức Thế Tôn đã làm thỏa mãn ý nguyện của tất cả các Thiên tử.

** Lại nữa, khi Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, có bao nhiêu chúng sinh bỏ điều ác, hành điều thiện? Nghĩa ấy nay sẽ giải thích. Có năm Tỳ-kheo như Kiều-trần-như v.v... Lại có chư Thiên số lượng là sáu mươi ức vị. Lại có tám mươi ức chư Thiên ở cõi Sắc. Lại còn có tám mươi bốn ngàn ức loài người.*

Đây là nơi nào nói? Kinh Quảng Phổ kia đã có kê nêu:

*Nhóm A-nhã-cư-lân
Năm Tỳ-kheo như vậy
Sáu mươi ức chư Thiên
Đều được pháp nhãn tịnh.
Tám mươi ức trời sắc
Pháp nhãn tịnh, vô thượng
Người pháp nhãn tịnh thắng
Tám vạn bốn ngàn ức.*

Nói tóm lại: *Trụ trì chúng sinh:* Là chỉ rõ nói pháp cho chúng sinh. *Trụ trì pháp:* Là chỉ rõ việc nói pháp.

Lại còn có nghĩa: *Trụ trì chúng sinh:* Là chỉ rõ khiến nhận biết tám vạn bốn ngàn pháp tâm hành của chúng sinh. *Trụ trì pháp:* Là chỉ rõ khiến nhận biết tám vạn bốn ngàn nhóm pháp với hào quang tỏa sáng đem lại nhiều lợi ích.

Lại còn có nghĩa: *Trụ trì chúng sinh:* Là chỉ rõ chúng sinh bình đẳng. *Trụ trì pháp:* Là chỉ rõ pháp bình đẳng. Lại nữa, hai Thế đế này đã chỉ rõ.

HẾT

SỐ 1534/1
KINH TAM CỤ TỨC ƯU BA ĐỀ XÁ

Tác giả: Bồ tát Thiên Thân.

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Đại sư Tỳ Mục Trí Tiên.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Bà-già-bà ngụ tại Tinh xá Đại Lâm thuộc thành Tỳ-xá-ly, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo Tăng và chúng Đại Bồ-tát hội đủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Lực sĩ Vô Cấu Oai Đức: Này Thiện nam! Bồ-tát có 3 thứ đầy đủ. Đó là:

1. Thí đầy đủ.
2. Giới đầy đủ.
3. Nghe đầy đủ.

Này Thiện nam! Đây là ba thứ đầy đủ của Bồ-tát.

Đức Thế Tôn giảng nói xong, Đại Lực sĩ Vô Cấu Oai Đức lãnh hội, tâm sinh hoan hỷ. Các Tỳ-kheo, các Bồ-tát kia sau khi nghe Đức Thế Tôn giảng nói thấy đều tán thán.

Ba thứ đầy đủ của Bồ-tát như thế, nay tôi xin giải thích.

Do nghĩa gì Vô Cấu Thắng kia có vô lượng đầy đủ, siêng năng tinh tấn, chính thức hiện bày tướng tốt trang nghiêm thân, vượt qua

trăm ngàn hào quang sáng chói như mặt trời, nơi Đức Thế Tôn nói kệ của kinh này:

*Vô lượng thứ đầy đủ
Xuất thân chủ ba cõi
Tập tướng tốt thứ nhất
Mâu-ni vượt mặt trời
Đem lại lợi ích gì
Nói Tu-đa-la này?*

Do nghĩa gì gọi là Thế Tôn? Vì sao Đức Thế Tôn đi đến Tinh xá Đại Lâm ở thành Tỳ-xá-ly mà không ở nơi khác?

Vì các thiện nam, Đức Thế Tôn giảng nói ba thứ đầy đủ của Bồ-tát này. Do nhân duyên gì Đức Như Lai chỉ nói ba thứ đầy đủ như thế, không nhiều, không ít?

Lại nữa, Bồ-tát chỉ có ba thứ đầy đủ như vậy hay là còn có pháp đầy đủ nào khác? Nếu ở đây nói là Kinh Tam Đại Hải Tuệ thì sao lại trái nhau? Vì kinh kia nói Bồ-tát có bốn mươi thứ đầy đủ. Đó là Bồ-tát bố thí đầy đủ, cho đến Bồ-tát có phương tiện đầy đủ. Trong Kinh Di Lặc Giải Thoát nói: Nay Thiện nam! Bồ-tát gồm đủ vô lượng thứ đầy đủ.

Lại, trong Tu-đa-la Đại thừa có nói, ở một nơi kia, Đức Thế Tôn đã vì Bồ-tát nói vô lượng thứ đầy đủ. Kinh kia sao lại trái?

Lại nữa, Thánh giả Long Thọ đã nói kệ:

*Đạo tịnh đều đầy đủ
Người khác không thể nói
Phật, vô lượng trí tuệ
Nên giảng nói đầy đủ.
Phật vô biên công đức
Đầy đủ căn thiện này
Nếu Bồ-đề như thế
Có vô lượng đầy đủ.*

Hoặc ở xứ khác nói BỒ-tát tức có vô lượng đầy đủ, còn kinh này vì sao cùng trái?

Này Thiện nam! Là nghĩa chung tánh. Do đâu BỒ-tát gọi là chung tánh? Nghĩa này cần nên nói.

Do nghĩa gì nên gọi là đầy đủ?

Thí đầy đủ. Thế nào gọi là thí? Có bao nhiêu thứ thí?

Giới đầy đủ. Thế nào gọi là giới? Có bao nhiêu thứ giới?

Nghe đầy đủ. Thế nào gọi là nghe? Có bao nhiêu thứ nghe?

Lại nữa, hai thứ thí, giới đầy đủ. Hữu lậu nghe, lãnh hội đầy đủ, tức là không hữu lậu, là do nhân duyên gì? Do hai thứ lậu cùng với không lậu đều đầy đủ nên được pháp không lậu của Nhất thiết trí. Nghĩa này cần nên nói.

Lại nữa, Thí đầy đủ có bao nhiêu nhân duyên? Giới, Nghe đầy đủ có bao nhiêu nhân duyên?

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói ba thứ đầy đủ, vì sao ban đầu là Thí, giữa là Giới, sau là Nghe? Ý này nên nói.

Nói tóm lại: Đức Thế Tôn đã chỉ rõ: Thế nào là Thí đầy đủ? Thế nào là Giới đầy đủ? Thế nào là Nghe đầy đủ? Đây đều tạo nên vấn nạn.

Nay tôi xin giải thích:

** Vì sao Đức Thế Tôn nói Thí, Giới, Nghe v.v... là vô lượng, không cấu, không thể xưng lường về bố thí đầy đủ? Thân Như Lai như hư không, trụ nơi pháp không cấu để giảng nói kinh này. Nghĩa đó, nay sẽ nói. Kệ nêu:*

*Thí, Giới, Nghe bậc nhất
Hành chánh, lạng thân khổ
Như không, trì thắng pháp
Đầy đủ ánh sáng thiện.*

*Người trời lễ Mâu-ni
Giác thế gian bậc nhất
Vô cầu trừ ba khổ
Nghĩa gì nói kinh này?*

Nghĩa ấy nay sẽ nói. Phát tâm Bồ-đề, học tương ưng với hành nghiệp của Bồ-tát, lợi ích nơi bậc Nhất thiết trí là chỉ rõ nghĩa này.

Bồ-tát đã phát tâm Bồ-đề rồi, sau đó hành đầy đủ ba thứ như Thí v.v... thì Bồ-tát này không phải chỉ phát tâm mà còn có thể chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Kệ nói:

*Nếu phát tâm Bồ-đề
Thương chúng sinh khổ ão
Nghiệp thiện tương ưng kia
Phật nói kinh thắng này.*

Lại nữa, do nghĩa gì Đức Phật giảng nói kinh này? Vì người khiếp nhược trừ bỏ sự khiếp nhược. Vì người mới hành trì hạnh Bồ-tát, nghe nói phải tu tập vô lượng các thứ pháp mới chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì sinh tâm khiếp sợ. Đức Phật biết rõ tâm ý đó, để trừ bỏ sự khiếp nhược, đem lại lợi ích cho họ, nên giảng nói kinh này, nói: Nay Thiện nam! Bồ-tát chỉ có ba thứ đầy đủ. Đức Thế Tôn chỉ rõ: Ông chớ nên khiếp nhược. Nếu Ta nói rộng thì không thể kể hết sự đầy đủ của Bồ-tát.

Tóm lại, ba thứ đầy đủ là gồm thâm hết thảy. Kệ nói:

*Nếu có các Phật tử
Sợ trái vô lượng kiếp
Khiếp nhược nơi pháp thiện
Lâu xa đắc Bồ-đề.
Trí tự nhiên Như Lai
An ủi tạo lợi ích*

*Thế nên giác bậc nhất
Nói Tu-đa-la này.*

Lại nữa, do nghĩa gì Đức Phật giảng nói kinh này? Bồ-tát muốn có thể hướng đến ngôi nhà thù thắng bậc nhất là Nhất thiết trí, cần có tư lương nơi Thừa và đạo phương tiện là chỉ rõ về nghĩa này. Nên bậc Đại Đạo sư nói: Nếu ông muốn được tiến tới ngôi nhà thù thắng bậc nhất là Nhất thiết trí, cần có tư lương của đạo, hành bố thí đầy đủ. Nếu cần được Thừa, phải hành trì giới đầy đủ. Cần nhận biết đạo phương tiện, phải hành trì nghe đầy đủ, là chỉ rõ về nghĩa ấy. Kệ nói:

*Phật tử nếu muốn đến
Nhà tốt Nhất thiết trí
Người đó tương ưng lạc
Tư lương đạo đẳng giác
Thế Tôn tạo lợi ích
Nói Tu-đa-la này.*

Lại nữa, do nghĩa gì Đức Phật giảng nói kinh này? Bồ-tát mong cầu được ba thứ đầy đủ: Cảnh giới, sinh, trí. Do không hiểu lợi ích của nhân đó, là nhân giác ngộ, nên Đức Thế Tôn đã chỉ rõ: Nếu ông muốn được cảnh giới, sinh, trí, thì không phải chỉ có mong cầu mà phải tu tập viên mãn ba thứ đầy đủ. Nếu hành thí đầy đủ, ông sẽ được cảnh giới. Nếu trì giới đầy đủ, ông sẽ được sinh. Nếu nghe pháp đầy đủ, ông sẽ được trí. Kệ nói:

*Nếu Bồ-tát trông mong
Cảnh giới vi diệu, thiện
Muốn sinh hơn, không kém
Trí tăng thượng bậc nhất
Chỉ rõ nhân lợi ích
Thế Tôn nói kinh này.*

Lại nữa, do nghĩa gì Đức Phật giảng nói kinh này? Bồ-tát muốn được vượt qua năm thứ sợ hãi, vì không hiểu lợi ích của nhân

kia, là nhân giác ngộ. *Những gì là năm?* (1) Sợ không sống. (2) Sợ tiếng xấu. (3) Sợ chết. (4) Sợ đường ác. (5) Sợ oai đức của đại chúng. Đức Thế Tôn đã chỉ rõ: Nếu ông muốn vượt qua năm thứ sợ hãi, cần phải tu tập viên mãn ba thứ đầy đủ. Nếu hành thí đầy đủ, thì lìa sự sợ không sống nổi, sợ tiếng xấu. Nếu trì giới đầy đủ, thì sẽ lìa sự sợ chết, sợ đường dữ. Nếu nghe pháp đầy đủ, tức lìa sự sợ oai đức của đại chúng. Kệ nói:

*Con Thiện Thệ thứ nhất
Muốn lìa các sợ hãi
Người trí tuệ giác chỉ
Nhân tốt, rộng thứ nhất
Thế nên, Mâu Ni Tôn
Nói Tu-đa-la này.*

Lại nữa, do nghĩa gì Đức Phật giảng nói kinh này? Là do người nghi kia được đoạn trừ nghi. Trong đại chúng ấy, có trời, người, A-tu-la, rồng, Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà v.v... thấy, nghe, hành thân, miệng, ý thù thắng của Thế Tôn là không thể nghĩ bàn, nên sinh tâm như thế này: Không biết Đức Thế Tôn đã nói bao nhiêu thứ đầy đủ để đạt được ba sự việc không thể nghĩ bàn này? Do vậy, Đức Thế Tôn vì nhằm dứt trừ nghi ấy, nên đã giảng nói kinh này, nói: Này Thiện nam! Bỏ-tát tu hành ba thứ đầy đủ.

Đây là đã chỉ rõ, Đức Thế Tôn về xưa kia, đã từng phát tâm Bồ-đề với ba thứ đầy đủ viên mãn, thế nên Ngài đã được ba sự việc không thể nghĩ bàn. Kệ nói:

*Nếu người, trời, Tu-la
Rồng và Cưu-bàn-trà
Nghe công đức của Phật
Nhưng không hiểu được nhân
Mâu-ni đoạn trừ nghi
Vì họ nói kinh này.*

Lại nữa, do nghĩa gì Đức Phật giảng nói kinh này? Bồ-tát sinh nơi chủng tánh của Như Lai, trong pháp chủng tánh đó chỉ rõ sự tương ưng. Đức Thế Tôn đã chỉ rõ: Nếu người được sinh nơi tộc họ Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, người đó như thế là tương ưng với pháp tánh. Nếu lìa pháp chủng tức là thấp kém. Nếu người đó được sinh trong chủng tánh của Như Lai thì không lìa pháp tánh. Nếu sinh trong chủng tánh của Như Lai theo pháp tánh thì phải có ba thứ đầy đủ như thí v.v... Nếu không đầy đủ, đó là thấp kém. Do vậy, Đức Như Lai đã có lời dạy như thế này: Ông nên hành trì viên mãn ba thứ đầy đủ, chớ nên để sau phải thấp kém. Kệ nói:

*Nếu sinh tánh Thiện Thệ
Lìa lỗi, vui, giàu lớn
Trời, người lễ bái khen
Mâu-ni vương khiến họ
Không lìa tự nghĩa pháp
Nói Kinh Vô Cấu này.*

Lại nữa, do nghĩa gì Đức Phật giảng nói kinh này? Nếu người tự cho đã hành pháp Đại thừa kiên cố bậc nhất, là chúng sinh lớn, chỉ dạy bằng miệng: Muốn cứu giúp tất cả chúng sinh nơi thế gian, nên học hạnh Bồ-tát, tu tập các công đức, nhưng không chân thật. Người như thế như nói như hành tương ưng với lợi ích. Do vậy, Đức Như Lai vì họ giảng nói kinh này, khiến nhận biết, tu tập tất cả hành Như Lai, Thế Tôn vì người đó nói: Không phải Bồ-đề này chỉ với ngôn ngữ mà đạt được, cần phải tu tập nhiều khổ hạnh mới được thành tựu. Phần Ta thì làm sao đạt được? Về thời quá khứ xa xưa, Ta đã nhận lấy Nhất thiết trí hành của Bồ-đề, mong đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên tại nhiều xứ, nẻo sinh tử, Ta đã hành trì biết bao hạnh khổ với mọi thứ xả thí. Đó là các thức ăn uống thượng diệu, những phương tiện di chuyển, cỡi, chở, nơi chốn nằm, ngồi, vườn hoa, rừng cây, ao nước, chốn vui chơi, nhà ở, ruộng nương, thành ấp,

thôn xóm, vật dụng trang nghiêm báu như: Hia, mào nạm ngọc trai và tỳ-lưu-ly, chuỗi anh lạc bằng vàng ròng, các thứ kim cương, các loài voi trắng, bò, ngựa, trâu, kiệu, xe đủ loại cùng nô bộc tùy tùng, Ta đều đem bỏ thí tất cả.

Trong đời quá khứ lâu xa, bấy giờ Ta làm thân vua Nhất Thiết Trang Nghiêm Kiến, đã đem tất cả thành ấp, thôn xóm, quốc độ, bến bãi, núi sông, đất đai, và cả dân chúng, với hết thảy những thứ lúa mạ, rừng cây, các loại cỏ thuốc, vô lượng các thứ hoa quả tươi sạch, các thứ bắp đậu v.v... vô số vật dụng trang nghiêm cho đến kho tàng của cải quý giá, Ta đều đem bỏ thí cho tất cả người nghèo khổ.

Lại nữa, xưa kia Ta làm đồng tử Thiện Nha, lúc ấy Ta đã bỏ thí cả vợ con đáng yêu, không hề luyến tiếc.

Lại nữa, trong đời quá khứ xa xưa, khi Ta làm Thiện Vương, đã đem cả mười ngàn thể nữ nơi hậu cung để xả thí, cũng không hề luyến tiếc.

Lại nữa, thời xưa khi Ta làm vua Bảo Kế, ngay trên thân, ở cõi Diêm-phù-đề, được trang nghiêm vi diệu do bảo kế, nhưng Ta đã cởi bỏ mào báu đó để bỏ thí, không hề luyến tiếc.

Lại nữa, khi Ta làm vua Ca Thí, đã cắt chặt từng bộ phận đáng yêu trên thân thể để xả thí, không hề luyến tiếc.

Lại nữa, trong quá khứ, lúc Ta làm vua Vô Oán Thắng, đã cắt bỏ tai, mũi nơi thân mình để bỏ thí, không chút luyến tiếc.

Lại nữa, thời xa xưa, khi Ta làm vua Nguyệt Quang, có đôi mắt thật đẹp, dài rộng, bằng phẳng, không nhợt, như hoa sen xanh. Trên gương mặt hoa sen, Ta đã tự tay móc lấy đôi mắt của mình để bỏ thí.

Lại nữa, xưa kia khi Ta làm vua Hoa Đức, trắng sạch không nhợt như khối tuyết, có hàm răng đẹp màu sữa, như hoa Quân-đà, Ta đã nhổ đem cho không chút luyến tiếc.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi Ta làm vua Thiện Diện, lưỡi Ta dài rộng, mềm mỏng, rất trong sạch, không cấu ứ, trông như cánh hoa sen, Ta đã tự tay rút lấy cuống lưỡi để bố thí.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi làm vua Cấp Cầu Giả, tất cả những người nghèo khổ, ăn xin trong thế gian luôn nhớ nghĩ đến Ta, Ta đều khiến tâm họ được vui mừng. Hết thấy các thứ vàng ngọc châu báu tạo tác tinh xảo đều đem bố thí hết.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi làm vua Tri Túc, Ta đã dùng tay chân để bố thí.

Lại nữa, xưa kia Ta từng làm vua Quang Kim Diêm Phù Đề, đã cắt bỏ các ngón tay chân để bố thí.

Lại nữa, xưa kia khi Ta làm vua Cầu Thiện Ngữ Đại Phú, vì ái mộ chánh pháp, nên đã dùng móng tay xé rách thịt mình để bố thí.

Lại nữa, khi xưa Ta làm con của vua Thị Nhất Thiết Nhiêu Ích, tự rút lấy máu của mình để cho bệnh nhân.

Lại nữa, xưa kia khi làm vua Lợi Ích Tiên, Ta đã lóc thịt, cắt chân để bố thí.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi Ta làm vua Cư-tổ-ma, lúc còn thơ ấu, đã tự xẻ thân mình, lấy xương, mỡ, tủy để bố thí.

Lại nữa, xưa kia lúc làm Đồng tử Ni-la-noa, Ta đã cắt bỏ trái tim để bố thí.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi làm vua Hàng Ác, Ta đã cắt bỏ ruột non, ruột già, vú, mật, gan, phổi, tim, thận, bao tử, lá lách, đầu não v.v... để bố thí.

Lại nữa, trong đời quá khứ, lúc làm vua Tịnh Tạng, Ta đã tự lột da mình để bố thí.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi làm vua Kim Hiệp Lộc, Ta đã dùng da nơi thân mình để bố thí.

Lại nữa, trong đời quá khứ, lúc làm vua Quang Minh, Ta đã cắt bỏ từng bộ phận nơi phần thân mình để bố thí.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi Ta làm đạo chủ Thành Tụ Nhất Thiết Nhiêu Ích, tất cả vật dụng yêu quý thầy đều xả thí. Đối với kẻ sắp bị giết hại, Ta lại xả thân hy sinh để cứu họ.

Lại nữa, trong thời xa xưa, lúc làm kẻ nô bộc, Ta đã xả thân cung cấp cho tất cả chúng sinh.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi Ta làm vua Cầu Thiện Ngữ Đại Phú, đã từ trên núi cao hàng ngàn thước, gieo mình xuống đồng lửa lớn, tạo nhân duyên cho người khéo giảng nói pháp cú sử dụng.

Lại nữa, trong đời quá khứ, lúc làm vua Nhất Thiết Thí, Ta đã cắt hết thịt trên thân độ một cân đem thí cho, để cứu lấy kẻ quá sợ hãi chạy đến nơi Ta.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi làm vua Bất Lẫn, đối với kẻ bị sát hại, Ta đã tự xả bỏ thân mạng để cứu họ, đem lại lợi ích cho nhiều người.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi làm Trưởng giả Đại Bi, nếu Ta đi vào trong thành, những kẻ bị giam giữ nơi lao tù, đều khiến họ được phóng thích.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi làm Tượng vương, chính thân Ta đã làm cầu, đò, để giúp các chúng sinh qua lại.

Lại nữa, trong đời quá khứ, Ta đã làm thân cá trạnh Cù-đà, thọ nhận tất cả nỗi khổ tự thân luôn nhẫn chịu.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi làm vua sư tử, vua nai, Ta đã không tiếc gân, mạch để cứu vớt cả đàn, không giữ thân mình, chỉ lo cứu mạng kẻ oán.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi làm Tiên Bi Tâm, Ta đã tự đốt cháy cánh tay mình làm ánh sáng chỉ đường cho chúng sinh bị lạc lối.

Lại nữa, trong đời quá khứ, lúc làm Tiên Thuyết Nhẫn, Ta đã tự lóc thịt nơi thân để cứu kẻ oán kia.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi Ta làm Bồ-tát Bất Hưu Tức Kiên Đăng Trụ, một người khác đã đột nhập vào nhà, xâm phạm vợ, nhưng vì đã có lực tự tại nên Ta có thể nhẫn nhục, không giận.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi làm thân gấu, người nợ sợ mất mạng, chạy đến chỗ Ta, Ta đều an ủi, tự bỏ thân yêu quý để cứu giúp.

Lại nữa, xưa kia lúc Ta làm Thượng Tiên, tâm ái mộ chánh pháp. Do chánh pháp thiếu, không có pháp, nên rất khao khát, vì mến mộ nên Ta tự cắt xẻ thân lấy da, lấy máu, lấy xương để biên chép pháp.

Lại nữa, thời xa xưa, khi Ta làm Đồng tử Vương, vì người bệnh, nên đã tự bỏ mạng mình làm thứ thuốc khó có bậc nhất để bố thí.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi Ta làm vua Thắng Phước Đức, gặp đời loạn lạc, tài sản, vật dụng đều hết sạch, lại sống gần với kẻ oán, Ta đã tự trói lấy mình nộp mạng để đem lợi ích an lạc cho mọi người.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi Ta làm Ma Na Bà, nơi một hang núi sâu, trông thấy một con cọp đói vừa thức giấc bị con đói khát giày vò, Ta đã tự xả bỏ thân mạng mình để bố thí cho cọp, khiến nó được no bụng.

Lại nữa, trong đời quá khứ, Ta làm Tỳ-kheo Tinh Tấn, luôn phát tâm siêng năng tinh tấn cầu đạt trí Nhất thiết trí tương ưng với hành, khiến chúng sinh đều thuận thực để hộ trì chánh pháp, tất cả khổ não cùng những thứ khinh khi, nhục mạ, Ta đều có thể chịu đựng, không hề giận dữ.

Lại nữa, trong đời quá khứ, khi làm “*Kiên giáp*” nơi bậc Chánh Biến Tri trong thời kỳ Chánh pháp, Tượng pháp, Ta đã siêng năng, khó nhọc giữ giới như thế, với tám vạn bốn ngàn thân như vậy, đã nhận chịu trăm ngàn khổ não qua A-tăng-kỳ Na-do-tha kiếp Ta luôn

hành trì, từ đó đến nay, là nhằm cầu đạt trí Nhất thiết trí, đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên không từng thoái chuyển tâm Bồ-đề, không chìm ngập trong Đại thừa, không bỏ bản nguyện, không lơ là với áo giáp lớn. Đối với hành nghiệp của Bồ-tát, không hề sinh tướng khiếp nhược, không từng lia Bồ thí Ba-la-mật. Không từng bỏ Trì giới Ba-la-mật. Không từng thoái lui Nhẫn nhục Ba-la-mật. Không từng hủy hoại Tinh tấn Ba-la-mật. Không từng buông rời Thiền định Ba-la-mật. Không hề biết mệt mỗi khi tu tập Bát-nhã Ba-la-mật. Không hề xả pháp dẫn dắt thân phục, tu tập tất cả đạo Bồ-tát, đầy đủ thanh tịnh, không nhằm lẫn, trụ vững trong hết thảy Địa Bồ-tát, an trụ nơi môn Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề của Bồ-tát, chỉ dạy các chúng sinh phát tâm Bồ-đề, tập hợp hết thảy các pháp phần Bồ-đề, không phải là không được ân, phát nguyện hành tác tất cả hạnh Bồ-tát an trụ kiên cố, tâm không thoái thất. Ta luôn muốn hành trì viên mãn các pháp môn, các nguyện của tất cả Bồ-tát, không sinh lo sợ. Tích tập, hành hóa hết thảy công đức, không khởi tướng hèn yếu. Vì sao? Vì đó là nơi chốn tối thắng của tất cả thế gian, hết thảy trí của hàng hữu học, vô học, Phật-bích-chi, đều không thể chứng đắc, không thể hội nhập, không có khả năng quan sát. Danh hiệu của pháp Phật này, các hàng ấy đều không dễ đạt đến. Nếu chỉ là công đức nhỏ, kết hợp tu trì tức không thể được. Người căn thiện nhỏ thì không thể hành tác. Như thế, nếu người có tâm nguyện: Nguyện tôi sẽ thành Phật, do đó dốc sức tu hành tinh tấn, như khởi pháp công đức được tích tập, kết hợp hành trì, đối với lãnh vực ấy, ta hy vọng đạt được.

Do ý nghĩa như thế, nên Đức Phật giảng nói kinh này.

** Do nghĩa gì gọi là Thế Tôn? Nghĩa ấy nay sẽ giải thích:*

Thế Tôn: Nghĩa là cúng dường.

Lại có nghĩa khác: Như phần giải thích tâm Bồ-đề đã nói về nghĩa đó, nên biết.

** Vì sao Đức Thế Tôn đi đến Tinh xá Đại Lâm ở thành Tỳ-xá-ly mà không ở nơi khác? Nghĩa ấy nay sẽ giải thích: Vấn nạn như thế là không tương ưng, tùy ở xứ nào? Nơi tất cả xứ kia đều có vấn nạn ấy. Nếu ở vào xứ khác, cũng không lia vấn nạn đó.*

Lại có nghĩa khác: Như phần giải thích tâm Bồ-đề đã nêu rõ, nên biết.

** Do nhân duyên gì Đức Như Lai chỉ nói ba thứ đầy đủ như thế, không nhiều, không ít? Nghĩa ấy nay sẽ giải thích: Do có nghĩa cùng đôi của ba phần. Vì dùng ba thứ này đôi trị tham ganh, phá giới và ngu si. Do thí đầy đủ đối trị tham ganh. Do giới đầy đủ đối trị phá giới. Do nghe đầy đủ đối trị ngu si. Lại nữa, là chỉ rõ ba thứ phước đức: Thí đầy đủ là chỉ rõ phước đức của bố thí. Giới đầy đủ là chỉ rõ phước đức của hành chân chánh. Nghe đầy đủ là chỉ rõ phước đức của sự tu tập.*

Lại còn có nghĩa: Tất cả chúng sinh tùy thuận thuần thực nơi thí, giới đầy đủ. Hết thấy chúng sinh đã thuần thực rồi, sau đó mới có thể nghe, nghe rồi, quan sát tương ưng với sự thuần thực. Như thế, tùy thuận tương ưng với tất cả chúng sinh đã thuần thực, thế nên nói có ba thứ.

Lại còn có nghĩa: Hai thứ đầy đủ: Tất cả pháp Phật đều tích tập ở một trụ xứ, tất được pháp không tán loạn, dựa nơi chỗ không tán loạn tức nghe sẽ đầy đủ như pháp, nên chánh giác về tất cả pháp Phật đều đầy đủ, được như thế thì tất cả pháp Phật đều tích tập nơi trụ xứ.

Do nhân duyên như vậy, nên Đức Như Lai chỉ nói có ba thứ đầy đủ như thế.

** Là chỉ có ba thứ đầy đủ như vậy hay là còn có pháp đầy đủ nào khác? Nghĩa ấy nay sẽ giải thích: Ba thứ như thế là gồm thấu chung các thứ đầy đủ. Nếu Đức Phật nói rộng về vô lượng thứ đầy đủ, thì cũng đều được thấu tóm trong ba thứ ấy. Nếu theo như lời Đức*

Thế Tôn đã nói trong Kinh Đại Hải Tuệ, thì tất cả các thứ đầy đủ hiện có của Bồ-tát đều được thu tóm trong phước đức đầy đủ và trí đầy đủ, nên nhận biết như thế. Vì sao? Thưa Đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu tập phước đức đầy đủ, do nhân duyên này nên được tôn quý, tốt đẹp, giàu sang, lại có khả năng làm cho người khác cũng được tôn quý, tốt đẹp, giàu sang. Còn khi trí đầy đủ thì miệng nói lời thiện, khiến tất cả chúng sinh nghe đều hoan hỷ. Như vậy, phước đức của thí, giới kia đầy đủ, trí của nghe đầy đủ, như thế là không mâu thuẫn.

* *Do đâu Bồ-tát gọi là chủng tánh?* Nghĩa ấy nay sẽ giải thích: Có Sư nói: Có bốn thứ nhà là xứ sinh của Như Lai. Như kệ nói:

*Đế, xả, tuệ, tịch tĩnh
Bốn nhà chân thắng này
Sinh nhà Chánh biến tri
Sư nói là chủng tánh.*

Lại, phương tiện thiện xảo là cha của Bồ-tát. Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát.

Như Kinh Vô Cấu Danh Xung (Kinh Duy Ma) kia đã nói: Bát-nhã là mẹ Bồ-tát, phương tiện dùng làm cha, tất cả các Đạo sư đều sinh ra từ đây. Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát là giữ vững nên như mẹ. Phương tiện sinh như cha sinh ra con. Do như cha mẹ nên nói là chủng tánh.

Như vậy, chủng tánh, cha mẹ, hai thứ có nghĩa giống nhau.

Lại, Xa-ma-tha (Chỉ), Tỳ-bà-xá-na (Quán), chủng tánh như thế sinh ra Chánh biến tri. Trong tất cả tánh môn này là thứ nhất. Tất cả pháp thiện là tánh, là môn, như trong kinh nói: Trong chánh pháp của Phật hai pháp song hành. Xa-ma-tha kia là cha, Tỳ-bà-xá-na là mẹ. Hai pháp chủng tánh đó, kệ nêu:

*Tỳ-bà-xá-na: mẹ
Xa-ma-tha là cha*

*Sinh tất cả Bồ-tát
 Nhân Tỳ-bà-xá-na
 Nên nơi Xa-ma-tha
 Có tất cả chánh giác.*

Lại còn có nghĩa: Chư Phật, Bồ-tát hiện tiền chánh trụ nơi Tam-muội, Đại bi. Hai pháp này là chủng tánh của Như Lai, do nhân nơi hai pháp ấy, sinh ra Như Lai. Chư Phật, Bồ-tát hiện tiền chánh trụ, Tam-muội là cha, Đại bi là mẹ.

Lại nữa, như thế Phật, Bồ-tát này hiện tiền chánh trụ, Tam-muội là cha, nhân là mẹ của Bồ-tát. Đây là chủng tánh. Kệ nói:

*Phật, Bồ-tát hiện tiền
 Chánh trụ, Tam-muội cha
 Hoặc Đại bi, giới, nhân
 Là mẹ của Bồ-tát.*

Kệ này nêu rõ về nghĩa gì? Đây là nói về nghĩa chủng tánh của Bồ-tát.

* *Do nghĩa gì nên gọi là đầy đủ?* Nghĩa ấy nay sẽ giải thích: Suy xét, tìm kiếm các sự vật khắp mọi xứ, tương lai nêu giữ, tích tụ, so sánh, hoàn bị, thành tựu, tăng ích, hòa hợp, nên gọi là đầy đủ.

Lại nữa, nghĩa nhiều pháp hòa hợp, tập trung, nên gọi là đầy đủ.

Lại còn có nghĩa: Do gánh vác Bồ-đề, nên gọi là đầy đủ. Như đại hội trai đàn đầy đủ của ngoại đạo. Đầu tiên là dùng dê v.v... về sau là bày biện, hoàn thành. Bồ-đề như thế, như trước phải đầy đủ, sau là nhận biết về Bồ-đề.

Lại nữa, có nhiều pháp gọi là đầy đủ. Như thuốc phải pha trộn mới thành thuốc tán, như thế là đầy đủ.

Lại còn có nghĩa: Pháp chủng tánh trước là giữ vững không mất, lại hướng về bờ kia, như tàu thuyền to, trước là tập hợp xong, sau đó mới hướng về bãi châu báu.

Lại còn có nghĩa: Tròn, thẳng, không cong vạy, như quán xét. Nghĩa như thế nên gọi là đầy đủ.

Lại nữa, thường tu tập tất cả hành thù thắng, nên gọi là đầy đủ.

Lại nữa, đầy đủ là nhằm vượt qua, ra khỏi nơi gánh nặng đội vác. Ra khỏi, đạt đến, là nghĩa của vượt qua. Gánh nặng đội vác là nghĩa không lười biếng, là nghĩa vượt quá ba cõi, nên gọi là đầy đủ.

Lại nữa, đầy đủ là tu tập bình đẳng, tu đảm bình đẳng, tu hành bình đẳng, tu khởi bình đẳng, tu tác bình đẳng, tu trì bình đẳng, tu trụ bình đẳng, tu dưỡng bình đẳng, nên gọi là đầy đủ.

Tu dưỡng: Là đối với các chúng sinh, cũng như thầy thuốc theo dõi người bệnh, chữa khỏi các chứng bệnh. *Tu đảm*: Là sáu Ba-la-mật, như chèo lái tàu thuyền v.v...

Tu hành: Là như Đại thừa đã giảng nói v.v... *Tu khởi*: Là Bồ-tát tu học, như học bắn v.v..., trước hết là chân đứng thẳng, vững v.v...

Tu tác: Là khéo tạo các hành nghiệp của tất cả Bồ-tát, như làm thầy thiện xảo v.v... *Tu trì*: Là thường, vô thường như cái cân đều ngang nhau, đều bình đẳng.

Tu trụ: Là tất cả Bồ-tát đều có khả năng chống đỡ ngôi nhà pháp, như chống đỡ giảng đường Lộc Mẫu. *Tu tập*: Là tất cả pháp trắng, như ong hút mật tích tập.

Do các nghĩa như thế, nên gọi là đầy đủ.

Lại nữa, nghĩa tự tại, nghĩa hòa hợp, hoặc nghĩa nhiều, hoặc nghĩa dị biệt, hoặc nghĩa rộng, hoặc nghĩa uyên bác, hoặc nghĩa thù thắng, hoặc nghĩa kiên cố, hoặc nghĩa bền vững, hoặc nghĩa cùng

tụ tập, hoặc nghĩa hòa hợp, hoặc nghĩa vật dụng, hoặc nghĩa tài sản, hoặc nghĩa nhận lấy, hoặc nghĩa tích tụ, hoặc nghĩa hỗ trợ, nên gọi là đầy đủ.

* *Thế nào gọi là Thí?* Nghĩa ấy nay sẽ giải thích:

Trừ bỏ tham lam, nghèo khổ, được giàu có, an vui lớn, phước đức đầy đủ, nên gọi là thí.

Thí có bao nhiêu thứ? Nghĩa đó nay sẽ nói. Lược nói có **3** thứ:

- (1) Tư sinh thí (Tài thí).
- (2) Vô úy thí.
- (3) Pháp thí.

Tư sinh thí: Là thí cho các thứ như thức ăn uống v.v... Tư sinh thí ấy là cho các thứ sắc, hương, vị trong sạch, tinh khiết như pháp, xa lìa cấu uế của tham, không có cấu uế của keo kiệt, thiếu thốn. Xa lìa cấu uế của tham: Là tâm không nhỏ hẹp, xả thí như thế là tự tay cho nhiều. Không có cấu uế của keo kiệt: Là không giữ riêng sự giàu vui, như thế là xả thí.

Vô úy thí: Là có thể cứu giúp những tai nạn đáng sợ như sư tử, cọp, beo, giặc, vua quan, nước cuốn trôi v.v...

Thế nào là pháp thí? Nói pháp không điên đảo đó là thuyết giảng đúng đắn. Chỉ dẫn người kia học từng câu theo thứ lớp, khuyên dạy thọ nhận chân chánh. Nói rộng thì có vô lượng thứ loại, vì ý của bậc Thánh là vô tận, nên giảng nói không thể lường xét.

Hành thí của Bồ-tát là người cần ăn, Bồ-tát cho ăn, tức là bố thí sắc, lực, thọ mạng, sự an lạc, biện tài cho tất cả chúng sinh.

Lại, tâm thí của Bồ-tát thấy đều xa lìa các lỗi như cấu đục. Tâm bố thí còn cấu đục đó có **14** thứ:

- (1) Tâm vẫn đục.

- (2) Trước hết là đồ kỵ.
- (3) Tâm ganh ghét.
- (4) Tâm kiêu mạn.
- (5) Kiêu mạn không giảm.
- (6) Tâm giận dữ.
- (7) Lựa chọn.
- (8) Tâm nghi ngờ.
- (9) Não hại.
- (10) Tâm tán loạn.
- (11) Cầu danh.
- (12) Dựa theo pháp trên, chọn ngày giờ v.v... theo thứ lớp hành bổ thí.
- (13) Biếng trễ.
- (14) Trước vì mong cầu quả báo.

Hành thí trước hết là do vẫn đực: Các pháp như thế có thể làm nhiệm ô tâm, nên gọi là tâm vẫn đực. Vì thế của tâm có vẫn đực, nên gọi là đực.

Hành thí trước hết là do đồ kỵ: Là được giàu vui, nhưng có ít hàng quyền thuộc, không ai yêu thích.

Hành thí trước hết là do ganh ghét: Tuy được giàu vui, nhưng không ưa thích quả báo thù thắng, chỉ vui mừng với các thứ thấp kém về chỗ ngồi, giường nằm, nghỉ ngơi v.v... Đối với sự giàu có, vui thú về ăn uống luôn tham đắm không lìa.

Hành thí trước hết là do kiêu mạn: Là tuy được giàu có, an vui, nhưng sinh vào dòng họ thấp kém, tâm không ngay thẳng.

Trước hết kiêu mạn không giảm mà bổ thí: Về sau, khi nhận quả báo phải sống nhờ vào người khác, như các kỹ nhi, đi sứ, lính

phụng sự vua, kẻ dôi gạt, lính tuần canh, người gác cổng, giữ nhà, chăn các gia súc, làm kẻ hầu hạ tiện v.v... Những sự việc như thế, tạo lập phương tiện rộng, dùng sức mạnh để chiếm lấy vật dụng, người có sức mạnh có thể trở thành kẻ trộm cướp.

Những hành nghiệp như vậy đều vì lợi ích cho mình.

Hành thí trước hết là do giận dữ: Về sau phải sinh làm thân trong các loài súc sinh có sức mạnh, như sư tử, cọp, báo, mãng xà, gấu, beo, vượn v.v...

Hành thí do chọn lựa: Về sau, khi nhận quả báo là làm con nhà nông, làm con thợ rừng, làm người trồng rừng, khai thác rừng v.v... có được quả báo ít để tự sinh sống.

Hành thí do nghi ngờ: Về sau mắc phải quả báo tuy giàu, vui nhưng bất thường.

Hành thí do não hại: Tuy có được giàu vui, nhưng sinh trong hạng người man di, hèn hạ. Hoặc sinh vào chốn biên ải, chật hẹp. Hoặc sinh ở các biên Địa có nhiều tai ương.

Hành thí với tâm tán loạn: Về sau sẽ ít được giàu, vui, hoặc không được quả báo.

Hành thí trước là cầu danh: Tuy được giàu, vui, nhưng được của cải rồi, thì sự vui mừng bị mất.

Dựa theo pháp trên, chọn ngày giờ theo thứ lớp để bố thí: Tuy thọ nhận giàu vui, nhưng phải lao nhọc, khổ sở, khó được.

Hành thí do biếng trễ: Về sau thọ nhận giàu, vui, tuy được nhưng không thường có.

Hành thí trước vì mong được quả báo: Về sau tuy có quả báo nhưng rất khó được, lại ít.

Như thế, về lỗi đầu tiên, Bồ-tát đều phải quan sát như vậy. Đã quan sát rồi, tự tâm được thanh tịnh. Tâm tịnh đã sinh tức xa lìa tâm

vấn đực. Là tâm vấn đực, thì tương ưng với chánh tín, khế hợp với công đức của tâm bi v.v...

Hòa hợp, tự tay thí cho, trước hết là tin ở sự bố thí sẽ được thân sắc, năng lực, tộc họ, trụ xứ tốt đẹp, thọ nhận sự giàu vui, quyền thuộc tự tại, tiếng tốt lan xa, biện tài, thân mạng được an lạc, người khác không khi dễ, lấn át. Được người khen ngợi, là hàng tự tại bậc nhất. Nơi chốn nằm, ngồi, cư trú đều hơn hẳn, nhà cửa nghiêm trang, thức ăn uống, y phục, hương xoa, các thứ hương, sắc, âm thanh, mùi vị, tiếp xúc đều có đủ nơi trụ xứ giàu có, an ổn như thế.

* *Thế nào gọi là Giới?* Nghĩa này nay sẽ giải thích: Như có thể tạo sự tịch tĩnh, tránh điều trái với luật nghi, ghét bỏ pháp ác, bất thiện, tức có khả năng sinh khởi đạo thiện, có thể đạt được Tam-muội, như thế gọi là giới.

Giới có bao nhiêu thứ? Nghĩa ấy nay sẽ nói: Lược nêu có **3** thứ:

- (1) Giới luật nghi.
- (2) Giới thân giữ pháp thiện.
- (3) Giới dẫn dắt chúng sinh.

Giới luật nghi: Là Bồ-tát tiếp nhận đúng đắn bảy thứ luật nghi, là giới của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Xuất gia, tại gia theo thứ lớp như thế đều thuộc về luật nghi.

Thế nào là giới thân giữ pháp thiện của Bồ-tát? Bồ-tát hiện có pháp thiện và giới, đều được nhận lấy đúng đắn, sau đó mới tu tập phần thiện của Đại Bồ-đề, hoặc thân, hoặc miệng, hoặc ý đều thiện như thế, lược nói là giới thân giữ pháp thiện.

Lại nữa, Bồ-tát nương dựa vào đâu? Là nương vào giới, an trụ trong giới, sau đó mới tu tập văn (nghe), kế đến tu tập tư duy, sau thì chuyên một hành vui là Xa-ma-tha (Chỉ) và Tỳ-bà-xá-na (Quán).

Như đối diện trước vị Tôn trưởng thưa nói, trước hết là lễ bái, sau đó đứng dậy chấp tay, lúc nào cũng luôn như thế. Thường thường như thế, kính trọng, cung cấp đối với các bậc Tôn trưởng.

Luôn thể hiện tâm bi đối với người bệnh. Hoặc nghe lời nói thiện thì khen: Lành thay! Đối với người có công đức thì nêu bày công đức thật, sinh tâm niệm: “Khấp vì mười phương”. Như tất cả phước đức của hết thầy chúng sinh trong mười phương, Bồ-tát luôn khởi tâm tùy hỷ. Tâm hỷ sinh rồi, sau đây mới nói. Đối với mọi sự xúc phạm đến mình, Bồ-tát đều có thể nhẫn chịu. Tất cả chỗ tu tập nơi thân, miệng, ý thiện, thầy đều nguyện chứng được quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Luôn luôn dùng nhiều thứ phẩm vật cúng dường Tam bảo. Bày biện các thứ vật dụng cúng dường xong, miệng phát nguyện chân chánh, tương ưng với tinh tấn, thường giữ gìn phần thiện. Thân không phóng dật, miệng tụng đọc điều đã học, ý nhớ nghĩ phát sinh hành, luôn giữ gìn các căn, ăn uống nên biết đủ. Đầu đêm, cuối đêm, luôn tương ưng với sự tỉnh giác. Gần gũi người tốt, nương dựa tri thức thiện. Tự nhận biết đã sai lầm, phạm lỗi, thấy rõ tức tự biết sửa đổi. Tận tâm sám hối trước những người phước đức, Phật và Bồ-tát.

Những phần như thế đều thâm nhận pháp thiện. Được pháp thiện rồi, Bồ-tát luôn gìn giữ khiến tăng trưởng.

Nếu giới như thế, đó gọi là giới thâm giữ pháp thiện của Bồ-tát.

Thế nào là giới dẫn dắt chúng sinh của Bồ-tát? Giới đó lược nói có 11 thứ. Nghĩa này nên biết. Những gì là mười một?

(1) Hành những sự việc tạo lợi ích cho chúng sinh, vô số nhân duyên tương ưng với đồng sự.

(2) Chúng sinh có bệnh hay không bệnh v.v... luôn cung cấp hỗ trợ trong mọi hoàn cảnh khó, khổ.

(3) Về nghĩa thế gian, xuất thế gian, theo như pháp đó đề giảng nói. Trước hết, chỉ rõ về phương tiện, chỉ rõ về đạo lý.

(4) Báo ân của chúng sinh, là không quên báo đáp công ơn, tùy chỗ thích hợp để giúp đỡ, theo đây để báo ân.

(5) Bồ-tát luôn cứu giúp chúng sinh thoát khỏi những nơi chốn sợ hãi, như sư tử, cọp beo, nạn vua quan, nước cuốn, lửa cháy, giặc cướp v.v...

(6) Đối với các bạn bè thân thiện bị mất hết sự giàu có, an vui, lo buồn vì tai ương, Bồ-tát có thể vì họ mà dứt trừ.

(7) Nơi các chúng sinh nghèo cùng, khổ não, ăn xin, Bồ-tát luôn hết lòng cung cấp tất cả vật cần dùng. Người hành tác thiện nương vào pháp xả chân chánh để thâm nhận công đức.

(8) Trước, Bồ-tát dùng lời thăm hỏi vấn an, sau cũng dùng lời thăm hỏi vấn an, lui tới đúng lúc.

(9) Hoặc người khác gọi Bồ-tát nhận lấy các thứ thức ăn uống v.v... vì lợi ích cho thế gian, Bồ-tát nên qua lại với họ. Nói tóm lại, tất cả sự việc hiện có không đem lại lợi ích cho chúng sinh, đều là các hành Bồ-tát không thể yêu thích, thấy đều nên liả bỏ, tâm tùy thuận chuyển.

(10) Đối với công đức thật sự của mình, tâm sinh hoan hỷ. Tác bạch công khai để giữ lấy sự đúng đắn, hoàn toàn nêu bày để tâm được thêm thâm nhuần. Bồ-tát dùng pháp đối trị, hoặc đuổi đi, hoặc xử phạt, hoặc phế bỏ, hoặc đôi khi vừa khiển trách vừa xua đuổi. Trừ bỏ những xử bất thiện như thế, khiến trụ nơi xử thiện tương ưng với lợi ích.

(11) Bồ-tát dùng sức thần thông thị hiện cảnh giới như Địa ngục v.v... nhằm chê trách những sự việc bất thiện, khiến hội nhập pháp Phật, giáo hóa chúng sinh khiến họ hoan hỷ đạt được điều chưa từng có.

Lại nữa, như Thánh giả Vô Tận Ý nói: Có sáu mươi bảy thứ. Nghĩa là đối với tất cả các chúng sinh, không đẩy khởi những sự việc nào hại như thế v.v...

Lại nữa, trong kinh thuộc Bồ-tát Tạng đã nói rộng về vô lượng giới của Như Lai.

Lại nữa, giới này là do vô lượng, vô biên công đức được tích tập hòa hợp. Công đức như thế, nay chỉ nói phần ít: Gọi là giới, là giới của người xuất gia. Như người giàu có, thân ít mừng vui. Ở trong pháp thiện, tăng trưởng như mẹ, đối với pháp ác, có khả năng ngăn giữ như cha. Như người ở thế tục có tài sản, vật dụng, tất cả lợi ích thay đều thành tựu. Giới của người xuất gia cũng lại như thế. Dẫn dắt đúng đắn như thế, như người hành đúng tức không có suy tổn. Như người thiện đã báo ân đầy đủ. Như người thế gian yêu tiếc thân mạng.

Lại nữa, như người có trí tuệ thù thắng được thế gian khen ngợi. Như lời nói của vua luôn thận trọng. Người giữ giới cầu giải thoát cũng như thế. Muốn cầu giải thoát phải quy y Phật. Muốn sinh vào đường thiện phải quy y giới. Gốc của sự an thân, giới là tri thức bậc nhất. Gặp bạn lành, hoặc dữ, không bỏ giới, cũng lại như thế. Muốn được lợi ích cho mình, đến chết cũng không bỏ giới. Như người nữ biết hổ thẹn đối với người đời luôn đon nghiêm. Như người hành tác tốt đẹp, không đua nịnh là hơn hết. Như trong phạm hạnh, kiến giải nhu hòa là hơn hết. Như muốn được quý trọng bậc nhất, không hư huyền là gốc. Như không phóng dật, tức được nhiều công đức. Muốn chứng nhập pháp thù thắng, phải nương vào quan sát mới có được. Như gần gũi bạn lành trong thời gian đầu, giữa, sau, mới hy vọng thành người tu học. Hoàn cảnh như biển khó có thể vượt qua. Như các chúng sinh đều nương vào đất mà trụ, nương vào giới để giữ vững các pháp thù thắng.

Như nước có khả năng làm thấm nhuần tất cả hạt giống, giới có năng lực làm tươi thấm chủng tử của các pháp thiện. Như sức của lửa trở thành căn. Như gió có khả năng khiến mở bày từng phần. Như vật đi đứng trong hư không, không bị trở ngại. Người muốn chứng

quả, giới như chiếc bình vững chắc, giới kho báu. Như loài bò ham muốn đuôi dài của mình. Như lương thực dùng để ăn. Như người dựa vào gậy nên đi, đứng được. Như hơi thở nương vào thân mạng. Như thọ mạng, trí tuệ là hơn hết. Như nước có vua là nơi nương dựa của người dân. Như quân sĩ có đại tướng. Như công năng nơi đoàn quân, giới là thống tướng.

Như người phụ nữ, tất cả các hành vui thích đều nhờ nơi người chồng. Như người đi đường đã có sẵn lương thực, tiền của. Như đi theo đạo trời, giới là hành trang. Như lữ hành đi qua vùng đồng rộng hoang vắng, thì chủ tướng là kẻ khéo dẫn đường. Người hành pháp thiện, giới là sự dẫn dắt đi trước. Như thuyền trên biển cả, nếu người dùng phương tiện để vượt qua biển sinh tử, phải lấy giới làm thuyền. Như người bệnh cần uống thuốc, người bị bệnh phiền não, giới là phương thuốc hay. Như nơi chốn chiến đấu đã có sẵn đao gậy, binh khí, chiến đấu với Ma vương, dùng giới để ngăn cản, phòng vệ.

Như người bạn thân tình, không thể lìa bỏ, giới là bậc Hiền Thánh. Như trong chốn tăm tối âm u, ngọn đèn là ánh sáng. Bóng tối lớn của đời vị lai, lấy giới làm đèn. Như muốn sang sông v.v... nhân nơi cầu mà qua. Trong các phương tiện để ra khỏi ba đường ác, giới là lớn lao hơn hết. Như ngôi nhà mát mẻ, có khả năng lìa mọi sự nóng bức. Sự nóng bức của phiền não, giới có khả năng khiến được mát mẻ. Như người sợ hãi, quay về nương dựa nơi dũng sĩ tay đang cầm đao gậy, người sợ nẻo ác, thì giới là nơi chốn quay về, nương dựa.

Người tu hạnh Bồ-tát như trụ nơi ngôi nhà thật, kẻ phạm phu thiện như vật của chính mình. Người tu hạnh Bồ-tát, như ở ngôi nhà thí xả. Người hành đạo như con đường đã đi qua. Người tu hạnh Bồ-tát như trụ ở gia gia, là người chứng đắc quả có thể vì người khác giảng nói. Người tu hạnh Bồ-tát, như trụ nơi ngôi nhà trí tuệ, là người không động, vẫn bình thản, thanh tịnh. Như tánh đua nịnh bỏ sự ngay thẳng. Như tham lam bỏ bố thí. Như người có tâm ganh ghét bỏ tâm

không ganh ghét. Như người huyễn hư dối, tâm không quan sát. Như người trầm tĩnh, suy xét, lìa bỏ tâm kiêu mạn. Như người cẩn thận từ bỏ lỗi lầm của phóng dật. Như vua có mắt sáng, người tối tăm không mắt không phải là cảnh giới của vua.

Tám Thánh đạo phần tương ứng với giải thoát, người không biết quán đã bỏ đạo ấy rất xa. Như A-la-hán yêu mến pháp Niết-bàn, như người tự yêu mình. Như Phật xuất hiện nơi thế gian, theo thứ lớp chuyển biến tốt đẹp. Như trụ nơi chánh pháp tức an trụ nơi quả tu chứng. Như Phật - Thế Tôn đem lại lợi ích cho mình và mọi người. Như tôi tớ phụng sự chủ, tất cả vật dụng, thời gian, phương xứ đều phải tương ứng.

Như người chứng được quả Tu-đà-hoàn thì tâm yên ổn. Như gặp lúc thuận hợp thì tạo tác, không hối tiếc. Như nguyện của Bồ-tát chung quy là cầu đạt giải thoát. Như thửa ruộng tốt được gieo giống tốt, sự sinh trưởng sẽ được thu hoạch rộng lớn. Như nhân duyên của thời gian, phương hướng, tài sản đã đầy đủ, thì trí, sắc, sự yêu thích, tự có nhiều thọ dụng. Như căn thiện đã thuần thực tức có uy lực. Như tự hành thiện thì tự tâm hoan hỷ. Như người không tạo tội thì đời này, đời sau, tức không có lo sợ. Những người dũng mãnh đã nương vào hành đúng đắn. Giới như hành chân chánh khéo tạo hoan hỷ cho việc tự tu tập. Như người tu tâm từ, tâm thiện an lạc. Như người tu tâm hỷ, tâm thường vui vẻ. Như người tu tâm bi, tức tâm chánh tín. Như người tu tâm xả thì luôn tùy thuận.

Bốn thứ pháp chân chánh, tin tưởng như thật, chắc chắn. Như pháp thế gian gây chướng ngại cho sự tịch tĩnh, nên thuận theo hành ưa thích. Như nhân nơi nghe pháp nên được biện tài. Như người nói năng khéo léo thì không sợ hãi. Như người có trí sáng tức có tiếng tăm. Như người nói lời thiện thì không thể bị hủy hoại. Như pháp, tùy thuận pháp, có thể thành tựu sự chứng đắc, được giải thoát sáng rõ. Người chánh giác, chánh đạo như ngọn cờ.

Như người có trí, tất có khả năng tu thiên. Như bạn tu đạo, như nhân duyên mạnh mẽ tức không sợ hãi. Như núi có nhiều vật báu, tức có nhiều công đức quý báu. Như biển là trụ xứ có nhiều thứ hy hữu. Đệ tử của Như Lai, giới như biển cả, là đi vào đạo, như tin được quả. Như người hiểu biết, nương nơi đạo lý để tu hành, tuy gọi là không có nước, nhưng vẫn có thể tắm gội. Không có rễ, cộng, cành, lá, nhưng vẫn sinh ra vật có mùi hương. Không xuyên suốt, không lấp lánh, không phải vàng, không phải là chân châu nhưng là vật trang nghiêm. Tuy không phải là cảnh giới nhưng có khả năng sinh quả báo vui cho đời sau, được các chúng người, trời, A-tu-la, Ma, Phạm, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn v.v... trong thế gian tán thán. Không phải nhân nơi niềm vui của người khác mà là đạt được phương tiện Niết-bàn của đạo trời.

Như sự cứu giúp đúng đắn, tức không có sự chìm đắm. Lìa đá được đá như thế, chúng sinh đáng độ có thể hóa độ, chúng sinh tin tưởng có thể cứu giúp, như lìa bỏ các thứ lỗi lầm của tài sản, vật dụng.

Như vượt qua quãng đường dài cần phải có đủ lương thực, củi, nước uống cùng khe suối. Đi thẳng, không xoay lại, không cao, không thấp. Lìa bỏ đoạn đường đầy những loài vật dữ như rắn, rít, sâu độc, ruồi nhặng, muỗi mòng, lạnh nóng, trộm giặc v.v...

Như những thửa ruộng phì nhiêu, nếu không cần cày xới, không gieo trồng thì không có lúa thóc thành thực. Tuy không trồng cây, không có thuốc, không có rùng, nhưng vẫn được trái ngon, vị như cam lồ. Không ở nơi vùng đất cao, không ở nơi ẩm thấp, sinh ra cũng không phải do người khác làm.

Lại nữa, không có người xâu nổi nhưng vẫn thường mang tràng hoa mới, không khô héo, úa tàn. Như được tắm gội nước mát lạnh, trong, thiện, xua trừ mọi sự nóng bức.

Tuy không phòng hộ, nhưng không có đao gậy, binh khí chiến đấu. Không ban cho của cải vật dụng, không khiến sợ hãi mà vẫn được mọi sự an lạc, thường được giàu, vui, lìa chốn tranh chấp.

Như núi báu lớn, giá trị là vô lượng, vẫn không vượt hơn biển. Lỗi sợ nơi đại chúng, sợ thọ mạng, sợ bị trừng phạt, sợ không sống nổi, sợ nơi đường ác, như bóng theo hình, đời này đời sau, luôn gắn liền với thân.

Vô số những công đức như thế đều tương ứng với giới.

* *Thế nào gọi là Nghe?* Nghĩa ấy nay sẽ giải thích: Nghĩa là pháp thiện tương ứng với sự tịch tĩnh. Nếu không như thế tức không phải là lời nói có ý nghĩa.

Mười hai bộ kinh như Tu-đa-la v.v... gọi là ngôn ngữ giảng nói pháp, thế nên gọi là nghe.

Thánh giả Vô Tận Ý nói có tám mươi thứ. Nghĩa là nhằm tu tập thuận hợp nơi tâm hành v.v...

* *Do nghĩa gì hai thứ lậu cùng với không lậu đều đầy đủ để đạt được Nhất thiết trí?* Pháp không lậu, nghĩa ấy nay sẽ nêu bày. Do trí tuệ quan sát chỉ có một vị. Như ong chúa tạo mật, hút vô số thứ hoa, nhưng đều làm thành một vị mật. Bồ-tát cũng như thế, hai thứ lậu, không lậu đều đầy đủ, do lực của trí tuệ đều làm thành một vị.

Lại, phương tiện của nguyện khiến hai thứ lậu, không lậu đều đầy đủ, đạt được Nhất thiết trí.

Pháp không lậu, như trong Kinh Bảo Tích, Phật nói với Ca-diếp: Ví như sông lớn và các phụ lưu nơi tất cả phương, nhưng mọi dòng nước đều cùng đổ ra biển cả, và hết thủy các thứ nước đó đều bình đẳng một vị, đó là vị mặn. Như thế, này Ca-diếp! Bồ-tát dùng các thứ pháp môn, tập hợp các căn thiện, nguyện đạt Bồ-đề, tất cả chỉ một vị, đều là vị Nhất thiết trí.

* *Thí, Giới, Nghe đầy đủ có bao nhiêu nhân duyên?* Nghĩa ấy nay sẽ giải thích:

Thí đầy đủ có **2** nhân duyên:

(1) Lìa bản cùng.

(2) Được giàu có lớn.

Giới đầy đủ có 2 nhân duyên:

(1) Lìa đường ác.

(2) Sinh đường thiện.

Nghe đầy đủ có 2 nhân duyên:

(1) Lìa ngu si.

(2) Được trí tuệ lớn.

Lại nữa, Bồ-tát có 3 thứ đầy đủ:

(1) Hành thí, tạo lợi ích cho mình, người.

(2) Dẫn dắt chúng sinh. Dẫn dắt chúng sinh rồi:

(3) Khiến an trụ nơi giới, nghe.

Hành tạo lợi ích cho người đầy đủ như thế, tự lợi là thành tựu quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Như thế là đầy đủ hành lợi ích cho mình.

** Nói ba thứ đầy đủ, vì sao ban đầu là Thí, giữa là Giới, sau là Nghe? Nghĩa này nay sẽ giải thích: Nương nơi nghĩa lần lượt để chỉ rõ pháp Phật như biển cả. Ví như biển cả là theo thứ lớp sâu dần. Pháp Phật cũng thế, đầu tiên nói Thí, giữa là Giới và sau là Nghe.*

Lại còn có nghĩa: Bồ-tát tại gia bố thí các thứ thức ăn v.v... xong, thời gian tiếp theo, nghe nói công đức của việc xuất gia, nghe xong, tin sâu xa nên bỏ nhà xuất gia. Đã xuất gia mới được giới tịnh. Do trụ nơi giới, nên xa lìa nghiệp thế gian, được nghe pháp vô thượng. Thế nên, sau cùng là nói về nghe đầy đủ.

Lại còn có nghĩa: Theo thứ lớp sinh bậc trên, Bồ-tát trước hết vì đem lại lợi ích cho mình và người nên hành thí.

Bồ thí rồi tiếp đến nên hành pháp gì? Tư duy như thế này: Đức Thế Tôn nói giới và người giữ giới.

Lại có thứ lớp tương ứng với pháp gì? Đó là nói về nghe.

* **Nói tóm lại:** *Thí đầy đủ:* Là Đức Thế Tôn chỉ rõ về Bồ thí Ba-la-mật. *Giới đầy đủ:* Là chỉ rõ về Trì giới Ba-la-mật. *Nghe đầy đủ:* Là chỉ rõ về Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ Ba-la-mật.

Lại còn có nghĩa: *Thí, Giới:* Là chỉ rõ về phước đức đầy đủ. *Nghe:* Là chỉ rõ về trí đầy đủ.

Lại còn có nghĩa: *Thí, Giới đầy đủ:* Là chỉ rõ về đạo còn chướng ngại. *Nghe đầy đủ:* Là chỉ rõ về đạo không chướng ngại.

HẾT

SỐ 1535/1
THÍCH KINH ĐẠI THỪA TỬ PHÁP

Hán dịch: Không có tên người dịch.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

*** Gồm có:**

Nói về sự thành lập tông chỉ: Về tông chỉ của thế gian ghi nhận tóm lược có 2: (1) Ngoài. (2) Trong.

Tông chỉ bên ngoài nhận thấy: Tuy có rất nhiều, nhưng không ngoài hai thứ, nghĩa là đoạn và thường, nói rộng như nơi luận.

Tông chỉ bên trong nhận thấy: Đại sư tại thế, đồng học một thầy, không có sai biệt. Sau khi Phật diệt độ, tông chỉ của Đại Tiểu thừa chia ra thành nhiều bộ.

Như Tông phái của Tiểu thừa thấy có hai mươi hai, như Luận Tông Luân (Luận Dị Bộ Tông Luân) mỗi mỗi đều biện minh rộng.

Tông chỉ của Đại thừa thấy phân ra làm ba phần riêng: (1) Tông nêu thẳng nghĩa đều không. (2) Duy thức Trung quán. (3) Pháp tánh viên dung.

Ba tông này thấy rõ là mỗi mỗi đều được nói rộng, như Luận Trung Quán Bách Tam Thập v.v...

Nay kinh này nói: Như có Bồ-tát hiệu là Thế Thân, quả vị đều là gia hạnh, đã tạo luận giải thích. Vì thế nên biết đều thuộc về Tông Trung Quán Duy Thức.

Nói về phân biệt minh việc quy về Thừa: Đức Như Lai do tâm đại bi, dẫn dắt quần mê, theo căn cơ lập giáo, nói có ba và năm.

Nói có ba: (1) Thừa Thanh văn. (2) Thừa Duyên giác. (3) Thừa Bồ-tát.

Nói có năm: Là thêm Nhân thừa, Thiên thừa.

Năm thừa như thế, hành nghĩa hiện có, Kinh – Luận đã phân biệt, quảng diễn nơi nhiều chỗ.

Nay theo kinh này, mỗi mỗi chỉ thuyết minh về hành của Bồ-tát, là Đại, không phải là Tiểu, do đây nên biết thuộc về tông Đại thừa.

Nói việc làm rõ phân quy về: Là chư Phật, Bồ-tát và Thanh văn đã giảng nói giáo pháp, tuy có rất nhiều, nhưng tùy theo loại tướng nên có mười hai phần, nghĩa là như Khế kinh v.v... về mỗi mỗi hành tướng, như nơi các chỗ khác đã nói rõ. Nay kinh này vì không thỉnh mà giảng nói nên thuộc về phần *Tự thuyết*. Không bỏ tâm Bồ-đề vô thượng v.v... là vì hành rộng lớn của Bồ-tát, nên thuộc về phần *Phương quảng*. Do có Già-tha (Kệ) nên thuộc về phần *Ứng tụng*. Là liễu nghĩa nên thuộc về phần *Luận nghị*. Có đủ thí dụ nên thuộc về phần *Thí dụ*. Vì thế nên biết là thuộc về năm phần.

Nói sự biện minh quy về Tạng: Như trên đã nói về mười hai phần giáo. Nói tóm lược là quy về 3 Tạng:

(1) Tạng Tố-đát-lãm, đây dịch là Khế kinh. Quán xuyên liên kết chặt chẽ, đối tượng được giảng giải (nghĩa lý) là Định học. Vì khế lý, khế cơ, tạo lợi ích cho mọi người. Tạng là thâm giữ.

(2) Tạng Tỳ-nại-da, đây dịch là Điều phục, thuộc về Giới học. Điều hòa ba nghiệp, chế phục hành ác mà thâm tóm lợi ích.

(3) Tạng A-tỳ-đạt-ma, đây dịch là Đối pháp, đối tượng được nêu giảng là Tuệ học. Đối là đối hướng Niết-bàn, đối quán bốn đế, để thâm tóm lợi ích.

Phần như Khế kinh v.v... sao lại cùng thuộc về ba Tạng? Luận Đối Pháp Tập nói: Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, đây là Tạng Tổ-đất-lấm (Kinh) của Thanh văn. Duyên khởi, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh cùng Già quyển thuộc gọi là Tạng Tỳ-nại-da. Phương quảng, Hy pháp (Pháp hy hữu) đây là thuộc về Tạng Tổ-đất-lấm của Bồ-tát. Nếu chỉ có liễu nghĩa cũng thuộc về Tạng A-tỳ-đạt-ma. Như lý nên xét.

* **Tiếp theo là giải thích phần chánh văn của kinh:** Về môn chia làm 2:

- (1) Giải thích về đề mục của kinh.
- (2) Giải thích về chánh kinh.

Giải thích về đề mục: Hết thầy Thánh giáo, phạm lập tên đều căn cứ theo bốn thứ để thành lập. Nghĩa là: *Người, Nơi chốn, Pháp, Thí dụ.* Nay theo kinh này là căn cứ nơi *Pháp* để lập.

Nói **Đại:** Là có bảy nghĩa Đại:

(1) *Đối tượng duyên đại:* Như Kinh Bát Nhã v.v... đã nói rõ: Tất cả hạnh khổ khó làm, cảnh giới rộng lớn, là cảnh giới nơi đối tượng duyên của Bồ-tát.

(2) *Tu hành đại:* Là tu tập rộng về hành của mình và hành của người khác.

(3) *Trí đại:* Là có khả năng thấu đạt hai thứ vô ngã là người và pháp.

(4) *Tinh tấn đại:* Là hành trì các việc khó làm trong ba vô số kiếp.

(5) *Phương tiện đại:* Là không trụ nơi sinh tử và Niết-bàn.

(6) *Hành nghiệp đại:* Là tận cùng nơi biên vực sinh tử, vì có khả năng hành tác tất cả nghiệp của chư Phật.

(7) *Thành tựu đại:* Là có khả năng thành tựu các công đức lớn như mười lục, bốn vô úy, mười tám pháp bất cộng v.v... Do bảy Đại này vượt khỏi hàng Nhị thừa, nên nói là Đại.

Thừa: Là nghĩa vận tải. Sinh tử là bờ này. Niết-bàn là bờ kia. Hữu tình gọi là giữa dòng. Kinh này đã nói bốn thứ: Thuyền pháp vận chuyển đưa hữu tình vượt qua biển sinh tử, khiến đến Niết-bàn, nên gọi là Thừa.

Tứ (Bốn): Là số lượng. Vì sao nêu ra số lượng? Trong Luận đã tự nêu rõ.

Pháp: Là nghĩa giữ lấy, phép tắc. Phần tiếp sau của kinh nói về bốn thứ pháp hành, tức là phép tắc phải tuân theo của Bồ-tát.

Kinh: Tiếng Phạn là Tổ-đất-lãm, có bốn nghĩa, tức là: *Y, Diên, Tịch, Kinh*. Nay lấy nghĩa *Diên*. Như sợi chỉ khâu các hoa, dù gió có thổi mạnh, hoa cũng không rơi. Tức nghĩa có thể dùng giáo pháp khâu lại, kẻ tà không thể phá được. Người giữ Kinh, Luật, lấy giáo pháp gồm thân chúng sinh, như tấm vải mới dệt thành, khiến họ chứng được quả vị Thánh, chẳng phải là do giáo pháp mà thấy rõ được sao!

Sợi chỉ kinh, nếu theo Luận Chân Thật nói thì có 5 nghĩa:

- (1) Tượng tuyền. (Suối tràn)
- (2) Thăng mặc. (Mực thước)
- (3) Kết man. (Kết tràng hoa)
- (4) Xuất sinh. (Sinh ra)
- (5) Hiện thị. (Chỉ rõ)

Nếu dựa theo phương này (Trung Hoa), thì kinh là thường, là pháp, là đường thẳng, xưa nay không thay đổi, định rõ về chánh tà, làm thấm nhuần, thông suốt lý vật.

Luận Kinh Trang Nghiêm nói: “Chỉ bày về nơi chốn và nghĩa pháp tướng, gọi là kinh”.

HẾT

SỐ 1536/20
LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

*Tác giả: Tôn giả Xá Lợi Tử.
Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 1
Phẩm 1: DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn du hóa đến ngụ tại khu rừng Chiết-lộ-ca, thuộc ấp Ba Ba, nơi sinh sống của các lực sĩ.

Bấy giờ, trong ấp ấy, tại khoảng đông tây của thôn, nơi các lực sĩ thường đến tụ họp vui chơi, có ngôi tháp cổ Ôt-bạt-nặc-ca, ở đây vừa mới xây xong một đài có trang trí ngọc báu, chưa có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... cùng các lực sĩ từng thọ dụng đài quán ấy. Khi biết được Đức Thế Tôn cùng các Bí-sô Tăng đến ngụ nơi khu rừng gần đó, chúng lực sĩ hết sức vui mừng, hội họp nhau lại và bàn: “Chúng ta vừa mới sửa sang xong tòa đài đẹp đẽ bậc nhất kia. Vậy trước hết nên thỉnh Đức Phật cùng các Bí-sô Tăng, là những phước điền vô thượng đến ở tại đây. Sau đó chúng ta sẽ theo nghiệp thắng thiện đạt được nhiều tiền bạc vật dụng để chi dùng, do đó suốt cả đời, luôn có được lợi ích an lạc há chẳng tốt sao!”. Các lực sĩ sau khi bàn luận xong, đều tập hợp chúng bạn bè và các quyến thuộc cùng ra khỏi thôn Ba Ba đến thẳng chỗ Đức Như Lai. Đến nơi, cùng lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật theo phía bên phải ba vòng rồi cùng ngồi sang một phía.

Lúc này, Đức Bạc-già-phạm dùng lời lẽ dịu dàng hiền từ thăm hỏi an ủi các lực sĩ và đám quyến thuộc của họ, lại đem đủ các pháp môn vi diệu để chỉ bày dẫn dắt và khen ngợi khích lệ hết sức vui vẻ. Khi nói xong sự việc Đức Thế Tôn im lặng ngồi yên.

Đám các lực sĩ nghe Đức Phật giảng nói xong thì vui mừng hớn hở, liền đứng dậy và chấp tay cung kính cùng bạch Phật:

–Các lực sĩ chúng con trong ấp này thường đến tụ tập vui chơi tại khoảng đồng tây của thôn nơi ngôi tháp cổ Ót-bạt-nặc-ca, tại đó vừa mới xây dựng một đài quán có trang trí ngọc báu, nhưng chưa có Sa-môn, Bà-la-môn cùng với các lực sĩ từng thọ dụng đài quán ấy. Nay kính mong Đức Thế Tôn thương xót chúng con, hãy cùng quý vị đệ tử đến ở nơi ấy, khiến chúng con suốt cả đời được nhiều lợi ích, an lạc.

Khi ấy, Đức Như Lai do thương xót họ nên đem chúng đệ tử đến ở tại đây, lại dùng pháp âm vi diệu vì các lực sĩ giảng nói về những sự sai biệt của quả báo bố thí, hỏi qua đáp lại đến quá đầu đêm. Đám các lực sĩ cùng số quyến thuộc được nghe pháp đều hết sức vui mừng, đồng lễ Phật rồi ra về.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-tử:

–Ta nay lưng bị đau, cần nghỉ ngơi. Vậy thầy có thể thay Ta giảng nói các pháp thiết yếu cho chúng Bí-sô, chớ nên bỏ phí thời giờ.

Tôn giả Xá-lợi-tử yên lặng vâng lời. Bấy giờ, Đức Phật liền dùng bốn lớp y Ót-đát-la-tăng trải làm nệm, xếp đại y làm gối, rồi thẳng mình chông chân nằm nghiêng về hông bên phải, tác ý như lý trụ nơi tướng quang minh. Trong khi khởi tướng vẫn thân giữ đủ các niệm chánh tri. Như ngọn núi báu lớn, bất động.

Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-tử bảo chúng Bí-sô:

–Thôn Ba Ba này trước đây có một Thân tử ly hệ, ở chốn đông người không biết hổ thẹn tự cho mình là bậc thầy. Vị ấy qua đời chưa quá tuần tháng, các hàng đệ tử bày ra việc kết bạn thành từng đôi một, tranh cãi phân vân, có khi lại miệt thị chê bai nhau. Mỗi người đều nói mình là người thông hiểu pháp luật của thầy không phải là người khác. Như chỗ nhận biết của mình là pháp là luật, điều mình nói ra là đúng lý hợp lẽ. Các ông đối với sự việc này là hết phần. Thế là những điều thầy dạy mỗi người đều theo chỗ chấp của mình tự tiện đối trước ra sau, hoặc thêm hoặc bớt, phân chia vụn vặt tạo thành nhiều phái, muốn biết hơn thua nên cùng tranh luận kích bác. Để tránh lỗi lầm khó khăn, họ càng chê bai, bài xích lẫn nhau, tuy có luận lời nhưng không luận đạo chỉ từ miệng tuôn ra những thứ dao mác dễ tàn hại nhau. Những người bạch y tin theo pháp đó thấy đám đệ tử kia tranh chống như thế liền nổi giận, chế giễu bỏ đi.

Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng:

–Thân tử ly hệ ở thôn Ba Ba ấy pháp luật hiện có là nêu giảng ác, thọ nhận ác, không thể xuất ly, không hướng đến chánh giác. Đây là pháp có thể hư hoại, không thể hướng tới, không thể nương dựa. Còn Đức Như Lai của chúng ta là bậc Ứng Chánh Đẳng Giác, pháp luật của bậc Đại sư là thuyết giảng thiện, thọ nhận thiện, có thể vĩnh viễn xuất ly, có thể hướng đến chánh giác, không phải là pháp có thể hư hoại, có thể hướng tới, có chỗ nương dựa. Chúng ta hiện nay nên nghe những giáo pháp do Phật giảng nói, hiện Ngài đang trụ thế, hãy hòa hợp kết tập thành pháp Tỳ-nại-da. Chớ để sau khi Đức Như Lai nhập Niết-bàn rồi lại xảy ra việc đệ tử của Đức Thế Tôn tranh cãi, chống đối nhau. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, đem lại lợi lạc cho vô lượng hữu tình. Lại thương xót hàng trời, người ở thế gian, khiến họ có được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Phẩm 2: MỘT PHÁP

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại nói với đại chúng: Các Cụ thọ nên biết! Đức Phật đối với **một pháp** đã tỵ khéo thông đạt, hiện Đăng giác rồi, vì các đệ tử tuyên thuyết khai thị. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập, để sau khi Đức Phật diệt độ chớ nên có tranh cãi, chống đối. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, đem lại lợi lạc cho vô lượng hữu tình. Lại thương xót các chúng trời, người ở thế gian, khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Thế nào là **một pháp**? *Tụng nêu tổng quát:*

***Một pháp là hữu tình
Nương ăn, nương hành trụ
Đối tất cả pháp thiện
Không phóng dật là quý.***

Tất cả hữu tình (Chúng sinh) đều nương nơi việc ăn uống để trụ. Tất cả hữu tình đều nương nơi hành để trụ. Đối với các pháp thiện không phóng dật là hơn hết. Đó gọi là **một pháp**.

**

* ***Tất cả hữu tình đều nương nơi việc ăn uống để trụ:*** *Những gì là ăn để nói hữu tình đều nương nơi việc ăn uống để trụ? Bí-sô nên biết! Như Đức Thế Tôn đã nói: Ăn có bốn thứ, có thể khiến cho nhiều loại hữu tình được an trụ cùng có thể giúp ích cho các kẻ cầu sống. Những gì là bốn? 1. Đoạn thực (Ăn từng phần) hoặc thô hoặc tế. 2. Xúc thực (Ăn bằng xúc chạm). 3. Ý tư thực (Ăn bằng ý tưởng tư duy). 4. Thức thực (Ăn bằng thức nhận biết). Do bốn thứ ăn này nên nói các hữu tình đều nương nơi ăn để trụ.*

Do nguyên cơ gì nhận biết các loài hữu tình đều nương nơi ăn để trụ? Nghĩa là các hữu tình đối với các tụ hợp (Uẩn) kia, do các

thứ ăn ấy chưa hết hẳn làm nhân, có tướng cùng tướng thiết lập ngôn ngữ, sinh sống tồn tại, chuyển biến có sai biệt. Hoặc các hữu tình đối với các tụ hợp (Uẩn) kia, do các thứ ăn ấy đã hết hẳn làm nhân, có tướng cùng tướng thiết lập ngôn ngữ, chết chóc tan mất, chuyển biến có sai biệt. Do đó nên nhận biết các loài hữu tình đều nương nơi ăn để trụ.

*

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là hữu vi hay vô vi?

Đáp: Nên nói là hữu vi.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là thường hay vô thường?

Đáp: Nên nói là vô thường.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là còn mãi hay không còn mãi?

Đáp: Nên nói là không còn mãi.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là biến đổi hay không biến đổi?

Đáp: Nên nói là biến đổi.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là do duyên sinh hay nói không phải do duyên sinh?

Đáp: Nên nói là do duyên sinh.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói thuộc về danh hay thuộc về sắc?

Đáp: Đoạn thực nên nói thuộc về sắc, ba thứ ăn kia nên nói thuộc về danh.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là hữu kiến hay vô kiến?

Đáp: Nên nói là vô kiến.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là hữu đối hay vô đối?

Đáp: Đoạn thực nên nói là hữu đối, ba thứ ăn kia nên nói là vô đối.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là tâm hay không phải tâm, nên nói là tâm sở hay không phải tâm sở, nên nói là tâm tương ưng hay tâm không tương ưng?

Đáp: Đoạn thực nên nói là không phải tâm, không phải tâm sở và tâm không tương ưng. Xúc thực, Ý tư thực nên nói là tâm sở và tâm tương ưng. Riêng Thức thực nên nói chỉ là tâm.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là thiện, bất thiện hay vô ký?

Đáp: Đoạn thực nên nói là vô ký. Còn ba thứ ăn kia nên nói hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Thế nào là Xúc thực thiện? *Đáp:* Nếu xúc chạm do pháp thiện hữu lậu làm duyên, có thể khiến các căn được nuôi lớn, đại chủng tăng trưởng, lại có thể làm thâm nhuần thì theo đấy khiến được thâm nhuần, có thể làm sung mãn thì theo đấy khiến được sung mãn, có thể che chở, chuyển đổi, giữ gìn thì theo đấy khiến được che chở, chuyển đổi, giữ gìn. Đó gọi là Xúc thực thiện.

Thế nào là Xúc thực bất thiện? *Đáp:* Nếu xúc chạm do pháp bất thiện làm duyên, có thể khiến các căn được nuôi lớn, đại chủng tăng trưởng, lại có thể làm thâm nhuần thì theo đấy khiến được thâm nhuần v.v..., cho đến có thể giữ gìn thì theo đấy khiến được giữ gìn. Đó gọi là Xúc thực bất thiện.

Thế nào là Xúc thực vô ký? *Đáp:* Nếu xúc chạm do pháp vô ký làm duyên, có thể khiến các căn được nuôi lớn, đại chủng tăng trưởng, lại có thể làm thâm nhuần thì theo đấy khiến được thâm nhuần v.v..., cho đến có thể giữ gìn thì theo đấy khiến được giữ gìn. Đó gọi là Xúc thực vô ký.

Thế nào là Ý tư thực thiện? *Đáp:* Nếu các tư duy v.v... tương ưng với những xúc chạm hữu lậu thiện, như tư duy các sự việc hiện tiền, tư duy về những sự việc, những ý đã nghĩ qua, tư duy về các loại nghiệp ý tạo nên tâm. Đó gọi là Ý tư thực thiện.

Thế nào là Ý tư thực bất thiện? Đáp: Nếu các tư duy v.v... tương ứng với xúc bất thiện, như tư duy các sự việc hiện tiền v.v..., cho đến tư duy về các loại nghiệp ý tạo nên tâm. Đó gọi là Ý tư thực bất thiện.

Thế nào là Ý tư thực vô ký? Đáp: Nếu các tư duy v.v... tương ứng với xúc vô ký, như tư duy các sự việc hiện tiền v.v..., cho đến tư duy về các loại nghiệp ý tạo nên tâm. Đó gọi là Ý tư thực vô ký.

Thế nào là Thức thực thiện? Đáp: Nếu tư duy thiện hữu lậu tương ứng với các tâm ý thức. Đó gọi là Thức thực thiện.

Thế nào là Thức thực bất thiện? Đáp: Nếu tư duy bất thiện tương ứng với các tâm ý thức. Đó gọi là Thức thực bất thiện.

Thế nào là Thức thực vô ký? Đáp: Nếu tư duy vô ký tương ứng với các tâm ý thức. Đó gọi là Thức thực vô ký.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Nên nói là hữu lậu.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là học, vô học, hay phi học phi vô học?

Đáp: Nên nói là phi học phi vô học.

Hỏi: Bốn thứ ăn như thế, nên nói là thuộc cõi Dục, cõi Sắc, hay cõi Vô sắc?

Đáp: Đoạn thực nên nói là thuộc cõi Dục. Ba thứ ăn kia nên nói là hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Các thứ ăn đều là Đoạn thực chăng?

Đáp: Các Đoạn thực đều là ăn, nhưng có những thứ ăn không phải là Đoạn thực, tức là ba thứ ăn kia và thể tục.

Hỏi: Các thứ ăn đều là Xúc thực chăng?

Đáp: Các Xúc thực đều là ăn, nhưng có những thứ ăn không phải là Xúc thực, tức là ba thứ ăn kia và thể tục.

Hỏi: Các thứ ăn đều là Ý tư thực chăng?

Đáp: Các Ý tư thực đều là ăn, nhưng có những thứ ăn không phải là Ý tư thực, tức là ba thứ ăn kia và thể tục.

Hỏi: Các thứ ăn đều là Thức thực chăng?

Đáp: Các Thức thực đều là ăn, nhưng có những thứ ăn không phải là Thức thực, tức là ba thứ ăn kia và thể tục.

*

Hỏi: Các phần ăn đều là ăn chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Có trường hợp là phần ăn nhưng không phải là ăn: Nghĩa là phần ăn duyên với các căn tổn giảm, đại chúng biến hoại.

2. Có trường hợp là ăn nhưng không phải là phần ăn: Nghĩa là ba thứ ăn kia và thể tục.

3. Có trường hợp là phần ăn cũng là ăn: Nghĩa là phần ăn làm duyên khiến các căn được nuôi lớn, đại chúng tăng trưởng, lại có thể làm thắm nhuận thì theo đấy khiến được thắm nhuận v.v..., cho đến có thể giữ gìn thì theo đấy khiến được giữ gìn.

4. Có trường hợp không phải là phần ăn cũng không phải là ăn: Nghĩa là trừ các tướng nêu trước.

Hỏi: Các xúc chạm đều gọi là ăn chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Có xúc chạm nhưng không phải là ăn: Nghĩa là xúc vô lậu và xúc hữu lậu làm duyên với các căn tổn giảm, đại chúng biến hoại.

2. Có thứ ăn nhưng không phải là xúc chạm: Nghĩa là ba thứ ăn kia và thế tục.

3. Có xúc chạm cũng là ăn: Nghĩa là xúc hữu lậu làm duyên với các căn được nuôi lớn, đại chúng tăng trưởng, lại có thể làm thắm nhuần thì theo đấy khiến được thắm nhuần v.v..., cho đến có thể giữ gìn thì theo đấy khiến được giữ gìn.

4. Có không phải là xúc chạm cũng không phải là ăn: Nghĩa là trừ các tướng nêu trước.

Như Xúc thực có bốn trường hợp, Ý tư thực, Thức thực nên biết cũng như thế.

*

Hỏi: Từng có khi nào do ăn làm duyên sinh ra ăn, sinh ra không phải ăn, hoặc sinh ra ăn không phải ăn chẳng?

Đáp: Có sinh ra.

Thế nào là do ăn làm duyên sinh ra ăn? *Đáp:* Đoạn thực làm duyên sinh ra ba thứ ăn kia.

Thế nào là do ăn làm duyên sinh ra không phải ăn? *Đáp:* Đoạn thực làm duyên sinh ra thọ, tưởng, tác ý v.v...

Thế nào là do ăn làm duyên sinh ra ăn không phải ăn? *Đáp:* Đoạn thực làm duyên sinh ra ba thứ ăn kia và thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Từng có khi nào do không phải ăn làm duyên sinh ra không phải ăn, sinh ra ăn, hoặc sinh ra ăn không phải ăn chẳng?

Đáp: Có sinh ra.

Thế nào là không phải ăn làm duyên sinh ra không phải ăn? *Đáp:* Như mắt và sắc làm duyên sinh ra thọ, tưởng, tác ý v.v...

Thế nào là không phải ăn làm duyên sinh ra ăn? *Đáp:* Như mắt và sắc làm duyên sinh ra Xúc thực, Ý tư thực và Thức thực.

Thế nào là không phải ăn làm duyên sinh ra ăn không phải ăn?
Đáp: Như mắt và sắc làm duyên sinh ra Xúc thực, Ý tư thực và Thức thực cùng thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Từng có khi nào ăn, không phải ăn làm duyên sinh ra ăn không phải ăn, sinh ra ăn, sinh ra không phải ăn chẳng?

Đáp: Có sinh ra.

Thế nào là ăn, không phải ăn làm duyên sinh ra ăn không phải ăn?
Đáp: Như mắt, sắc và nhãn thức làm duyên sinh ra Xúc thực, Ý tư thực và Thức thực cùng thọ, tưởng, tác ý v.v...

Thế nào là ăn, không phải ăn làm duyên sinh ra ăn?
Đáp: Như mắt, sắc và nhãn thức làm duyên sinh ra Xúc thực, Ý tư thực và Thức thực.

Thế nào là ăn, không phải ăn làm duyên sinh ra không phải ăn?
Đáp: Như mắt, sắc và nhãn thức làm duyên sinh ra thọ, tưởng, tác ý v.v...

*

Hỏi: Nếu Đoạn thực đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì Xúc thực cũng như thế chẳng?

Đáp: Nếu Xúc thực đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp thì Đoạn thực cũng như thế. Có Đoạn thực đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhưng không phải là Xúc thực. Nghĩa là đã lìa dục nhiễm, chưa lìa nhiễm cõi trên. Như dùng Đoạn thực đối chiếu với Xúc thực, thì đối chiếu với Ý tư thực, Thức thực cũng như thế.

Hỏi: Nếu Xúc thực đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì Ý tư thực cũng như thế chẳng?

Đáp: Cũng như thế. Như dùng Xúc thực đối chiếu với Ý tư thực thì đối chiếu với Thức thực cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Ý tư thực đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì Thức thực cũng như thế chăng?

Đáp: Cũng như thế.

*

Hỏi: Nếu đối với ăn đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì người kia đối với cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc đã lìa nhiễm chăng?

Đáp: Nếu đối với Đoạn thực đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì người kia chỉ lìa nhiễm ở cõi Dục, không phải ở cõi Sắc và Vô sắc.

Như đối với ba thứ ăn kia đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì người kia đã lìa nhiễm ở cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Bấy giờ, đối với tất cả, tất cả sự việc, tất cả chủng loại, tất cả phần vị, tất cả xứ, tất cả kiết đều đã lìa nhiễm.

**

*** Tất cả hữu tình đều nương nơi hành để trụ:** Những gì là hành mà nói hữu tình đều nương nơi hành để trụ? Bí-sô nên biết! Như Đức Thế Tôn đã nói: Nếu các hữu tình đối với các tụ hợp (Uẩn) kia không chết, không mất, không vỡ, không chìm, không lồi, không thoái, đều do thọ mạng trụ khiến mạng căn nổi tiếp. Thọ mạng nơi mạng căn này gọi là hành. Do hành ấy nên tất cả hữu tình tồn tại, hoạt động, an trụ. Hành này đối với mạng căn kia có thể giữ gìn, chuyển đổi, đều tùy theo đấy mà giữ gìn, chuyển đổi. Vì vậy nên nói tất cả hữu tình đều nương nơi hành để trụ.

Do duyên có gì nhận biết các loài hữu tình đều nương nơi hành để trụ? Nghĩa là các hữu tình đối với thân tụ hợp này do hành của thọ mạng ấy chưa tận làm nhân, có tướng cùng tướng thiết lập ngôn ngữ, hoạt động tồn tại, chuyển biến có sai biệt. Hoặc các hữu tình đối với thân tụ hợp này do hành của thọ mạng ấy đã tận làm nhân, có tướng

cùng tướng thiết lập ngôn ngữ, chết chóc, tan hoại, chuyển biến có sai biệt. Do đó nên biết các loài hữu tình đều nương nơi hành để trụ.

*

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là hữu vi hay vô vi?

Đáp: Nên nói là hữu vi.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là thường hay vô thường?

Đáp: Nên nói là vô thường.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là còn mãi hay không còn mãi?

Đáp: Nên nói là không còn mãi.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là biến đổi hay không biến đổi?

Đáp: Nên nói là biến đổi.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là do duyên sinh hay không phải do duyên sinh?

Đáp: Nên nói là do duyên sinh.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói thuộc về sắc hay thuộc về danh?

Đáp: Nên nói thuộc về danh.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là hữu kiến hay vô kiến?

Đáp: Nên nói là vô kiến.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là hữu đối hay vô đối?

Đáp: Nên nói là vô đối.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là tâm hay không phải tâm, nên nói là tâm sở hay không phải tâm sở, nên nói là tâm tương ưng hay tâm không tương ưng?

Đáp: Nên nói là không phải tâm, không phải tâm sở và tâm không tương ưng.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là thiện, bất thiện hay vô ký?

Đáp: Nên nói là vô ký.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Nên nói là hữu lậu.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là học, vô học, hay phi học phi vô học?

Đáp: Nên nói là phi học phi vô học.

Hỏi: Như thế hành của thọ mạng, nên nói là thuộc cõi Dục, cõi Sắc, hay cõi Vô sắc?

Đáp: Nên nói là hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc.

Vì sao nói là thuộc cõi Dục? *Đáp:* Vì thọ mạng ở cõi Dục.

Vì sao nói là thuộc cõi Sắc? *Đáp:* Vì thọ mạng ở cõi Sắc.

Vì sao nói là thuộc cõi Vô sắc? *Đáp:* Vì thọ mạng ở cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Nếu thọ mạng ở cõi Dục đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì thọ mạng ở cõi Sắc cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu thọ mạng ở cõi Sắc đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì thọ mạng ở cõi Dục cũng như thế. Có thọ mạng ở cõi Dục đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhưng không phải là thọ mạng ở cõi

Sắc. Nghĩa là đã lìa nhiễm ở cõi Dục, nhưng chưa lìa nhiễm ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thọ mạng ở cõi Dục đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì thọ mạng ở cõi Vô sắc cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu thọ mạng ở cõi Vô sắc đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp thì thọ mạng ở cõi Dục cũng như thế. Có thọ mạng ở cõi Dục đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhưng không phải là thọ mạng ở cõi Vô sắc. Nghĩa là đã lìa nhiễm ở cõi Dục, nhưng chưa lìa nhiễm ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thọ mạng ở cõi Sắc đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì thọ mạng ở cõi Vô sắc cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu thọ mạng ở cõi Vô sắc đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì thọ mạng ở cõi Sắc cũng như thế. Có thọ mạng ở cõi Sắc đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhưng không phải là thọ mạng ở cõi Vô sắc. Nghĩa là đã lìa nhiễm ở cõi Sắc, nhưng chưa lìa nhiễm ở cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Nếu đối với hành của thọ mạng đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì người kia có lìa nhiễm của cả ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu hành của thọ mạng ở cõi Dục đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì người kia đã lìa nhiễm ở cõi Dục, không phải ở cõi Sắc và Vô sắc.

Nếu hành của thọ mạng ở cõi Sắc đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì người kia đã lìa nhiễm ở cõi Dục, cõi Sắc, không phải ở cõi Vô sắc.

Nếu hành của thọ mạng ở cõi Vô sắc đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì người kia đã lìa nhiễm của cả ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc.

Bấy giờ, đối với tất cả, tất cả sự việc, tất cả chủng loại, tất cả phần vị, tất cả xứ, tất cả kiết đều đã lìa nhiễm.

**

* *Nơi tất cả các pháp thiện không phóng dật là hơn hết:* Thế nào là không phóng dật? *Đáp:* Nếu đoạn trừ các pháp bất thiện, hành đầy đủ các pháp thiện, thường tập, thường tu, hành tác kiên cố, thường xuyên, luôn tu trì không dừng, đó gọi là không phóng dật.

Phẩm 3: HAI PHÁP, phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại nói với đại chúng: Các Cụ thọ nên biết! Đức Phật đối với *hai pháp* đã tự khéo thông đạt, hiện Đăng giác rồi, vì các đệ tử tuyên thuyết khai thị. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập, để sau khi Đức Phật diệt độ chớ nên có tranh cãi, chống đối. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, đem lại lợi lạc cho vô lượng hữu tình. Lại thương xót các chúng trời, người nơi thế gian, khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Thế nào là *hai pháp*? *Tụng nêu tổng quát:*

*Hai pháp là danh, sắc
Cho đến tận, vô sinh
Gồm hai mươi bảy môn
Nên thứ lớp giải thích.*

Có hai pháp: Đó là danh, sắc.

Lại có hai pháp: Đó là vô minh, hữu ái.

Lại có hai pháp: Đó là hữu kiến, vô kiến.

Lại có hai pháp: Đó là không hỏ, không thẹn.

Lại có hai pháp: Đó là hỏ, thẹn.

Lại có hai pháp: Đó là lời ác, bạn ác.

Lại có hai pháp: Đó là lời thiện, bạn thiện.

Lại có hai pháp: Đó là khéo léo nhập tội, khéo léo xuất tội.

Lại có hai pháp: Đó là khéo léo nhập định, khéo léo xuất định.

Lại có hai pháp: Đó là biết giới khéo léo, tác ý khéo léo.

Lại có hai pháp: Đó là ngay thẳng, nhu hòa.

Lại có hai pháp: Đó là gắng nhẫn, đáng vui.

Lại có hai pháp: Đó là hòa thuận, cúng dường.

Lại có hai pháp: Đó là niệm đủ, biết đúng.

Lại có hai pháp: Đó là lực xét chọn, lực tu tập.

Lại có hai pháp: Đó là chẳng giữ gìn căn môn, ăn không biết lường định.

Lại có hai pháp: Đó là có thể giữ gìn căn môn, ăn biết lường định.

Lại có hai pháp: Đó là thiếu giới, thiếu kiến.

Lại có hai pháp: Đó là phá giới, phá kiến.

Lại có hai pháp: Đó là đủ giới, đủ kiến.

Lại có hai pháp: Đó là tịnh giới, tịnh kiến.

Lại có hai pháp: Đó là thấy đúng, như lý thù thắng.

Lại có hai pháp: Đó là chán lia đúng, như lý thù thắng.

Lại có hai pháp: Đó là đối với pháp thiện không sinh biết đủ, đối với pháp đoạn trừ không ngăn cản.

Lại có hai pháp: Đó là Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Lại có hai pháp: Đó là sáng suốt, giải thoát.

Lại có hai pháp: Đó là trí tận, trí vô sinh.

*

* Ở đây, có 2 pháp: 1. Danh. 2. Sắc.

1. Thế nào là danh?

Đáp: Đó là thọ uẩn, tướng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, cùng hư không trạch diệt, phi trạch diệt. Đó gọi là danh.

2. Thế nào là sắc?

Đáp: Bốn đại chủng (Đất, nước, gió, lửa) và sắc do đại chủng tạo ra. Đó gọi là sắc.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Vô minh. 2. Hữu ái.

1. Thế nào là vô minh?

Đáp: Như trong Luận Pháp Uẩn đã nói.

2. Thế nào là hữu ái?

Đáp: Là nơi cõi Sắc và Vô sắc có các thứ tham cùng tham, nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, chấp chặt, yêu mến, cấu nhiễm. Đó gọi là hữu ái.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Hữu kiến. 2. Vô kiến.

1. Thế nào là hữu kiến?

Đáp: Như cho ngã, thế gian là thường, do đó dấy khởi sự thọ nhận vui thích, thấy biết. Đó gọi là hữu kiến.

2. Thế nào là vô kiến?

Đáp: Như cho ngã, thế gian là đoạn diệt, do đó dấy khởi sự thọ nhận vui thích, thấy biết. Đó gọi là vô kiến.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Không hồ. 2. Không thẹn.

1. Thế nào là không hồ?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Có người không biết hồ, là đối với các pháp đáng xấu hổ lại không sinh xấu hổ. Pháp đáng xấu hổ đó là các pháp ác bất thiện, thuận theo các thứ tạp nhiễm, tùy thuận nơi thân sau có các dị thực khổ bức bách, thuận theo cuộc sống nơi vị lai có đủ sinh, già, chết. Người ấy khi các pháp ác bất thiện như thế sinh khởi nhưng không biết hồ, không biết chỗ đáng hổ, không tự hổ riêng, không biết xấu hổ, không biết chỗ cần xấu hổ, không sùng kính, không biết chỗ nên sùng kính, không biết tùy thuộc, không biết chỗ nên tùy thuộc, đối với chính mình lúc nào cũng tự ý không hề biết e ngại sợ sệt. Đó gọi là không hồ.

2. Thế nào là không thẹn?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Có người không biết thẹn, là đối với các pháp đáng thẹn lại không sinh tâm thẹn. Pháp đáng thẹn đó là các pháp ác bất thiện, cho đến thuận theo đời vị lai có đủ sinh, già, chết. Người ấy khi các pháp ác bất thiện như thế sinh khởi nhưng không biết thẹn, không biết chỗ đáng thẹn, không tự thẹn riêng, không biết hổ thẹn, không biết chỗ cần hổ thẹn, không biết tự hổ thẹn riêng, ở trong các tội không sợ không hãi, không thấy sợ hãi. Đó gọi là không thẹn.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Hồ. 2. Thẹn.

1. Thế nào là hồ?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các người có hồ, là đối với các pháp đáng hổ thì sinh tâm hồ. Pháp đáng hổ đó là các pháp ác bất thiện, cho đến thuận theo cuộc sống nơi vị lai có đủ sinh, già, chết. Người ấy khi các pháp ác bất thiện như thế sinh khởi thì có hồ, có

chỗ nên hồ, có tự hồ riêng, có xấu hồ, có chỗ nên xấu hồ, có xấu hồ riêng, có sùng kính, có chỗ nên sùng kính, có tùy thuộc, có chỗ nên tùy thuộc, đối với tự ý có sợ hãi. Đó gọi là hồ.

2. Thế nào là then?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các người có then, là đối với các pháp đáng then thì sinh tâm then. Pháp đáng then đó là các pháp ác bất thiện, cho đến thuận theo đời vị lai có đủ sinh, già, chết. Người ấy khi các pháp ác bất thiện như thể sinh khởi thì có then, có chỗ cần then, có tự then riêng, có hồ then, có chỗ nên hồ then, có hồ then riêng, ở trong các tội có sợ có hãi, có thể thấy sợ hãi. Đó gọi là then.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Lời ác. 2. Bạn ác.

1. Thế nào là lời ác?

Đáp: Như Luận Pháp Uẩn đã nói.

2. Thế nào là bạn ác?

Đáp: Cũng như Luận Pháp Uẩn đã nói.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Lời thiện. 2. Bạn thiện.

1. Thế nào là lời thiện?

Đáp: Như có một loại: Hoặc là Thân giáo, hoặc đồng Thân giáo. Hoặc là Quĩ phạm, hoặc đồng Quĩ phạm. Hoặc tùy nơi người khác được tôn trọng, đáng tin, lui tới thành bạn bè, như pháp khuyến bảo. Như nói: Ông từ nay trở đi chớ hủy hoại thân nghiệp, chớ hủy hoại ngữ nghiệp, chớ hủy hoại ý nghiệp, chớ nên làm điều không nên làm, chớ gận gũi bạn ác, chớ tạo nghiệp của ba đường dữ. Luôn chỉ dạy khuyến bảo hợp pháp đúng thời như thế. Đối với việc tu đạo

cần tùy thuận như mãi giữa ngọc báu để vẻ đẹp được tăng trưởng, tiện nghi luôn thuận hợp. Nên trợ giúp các thứ tư lương nhân đầy đủ để khuyên dẫn, vui vẻ yêu thích, tin nhận tùy thuận. Không lấy trộm, cái gì cho mới được nhận. Không nên chống cự, trái nghịch, cũng không chê bai, bài bác. Đó gọi là lời thiện.

2. Thế nào là bạn thiện?

Đáp: Như Luận Pháp Uẩn đã nói.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Khéo léo nhập tội. 2. Khéo léo xuất tội.

1. Thế nào là khéo léo nhập tội?

Đáp: Tội: Nghĩa là năm thứ tội của thân năm uẩn. Năm thứ tội đó là: a. Tha thắng (Ba-la-di). b. Chúng dư (Tăng-tàn). c. Đọa chử (Ba-dật-đề). d. Đối thú (Đề-xá-ni). đ. Ác tác (Đột-cát-la).

Khéo léo nhập tội: Nghĩa là thấy biết đúng như thật: Bí-sô như thế là phạm tội Tha thắng. Bí-sô như thế là phạm tội Chúng dư. Bí-sô như thế là phạm tội Đọa chử. Bí-sô như thế là phạm tội Đối thú. Bí-sô như thế là phạm tội Ác tác.

Lại nữa, thấy biết đúng như thật: Bí-sô như thế là phạm tội hướng đến Tha thắng. Bí-sô như thế là phạm tội hướng đến Chúng dư. Bí-sô như thế là phạm tội hướng đến Đọa chử. Bí-sô như thế là phạm tội hướng đến Đối thú. Bí-sô như thế là phạm tội hướng đến Ác tác.

Lại nữa, thấy biết đúng như thật: Bí-sô này đã phạm tội Tha thắng như thế. Bí-sô này đã phạm tội Chúng dư như thế. Bí-sô này đã phạm tội Đọa chử như thế. Bí-sô này đã phạm tội Đối thú như thế. Bí-sô này đã phạm tội Ác tác như thế.

Lại nữa, thấy biết đúng như thật: Bí-sô này đã phạm tội hướng đến Tha thắng như thế. Bí-sô này đã phạm tội hướng đến Chúng dư

như thế. Bí-sô này đã phạm tội hướng đến Đọa chứ như thế. Bí-sô này đã phạm tội hướng đến Đối thú như thế. Bí-sô này đã phạm tội hướng đến Ác tác như thế.

Lại nữa, thấy biết đúng như thật: Các Bí-sô đã phạm tội hoặc nặng hoặc nhẹ, hoặc sâu hoặc cạn, hoặc hữu dư hoặc vô dư, hoặc che giấu hoặc không che giấu, hoặc rõ ràng hoặc không rõ ràng, hoặc đã phát lộ hoặc chưa phát lộ, hoặc đã trừ diệt hoặc chưa trừ diệt, hoặc có thể nói hoặc không thể nói, hoặc có thể làm được hoặc không thể làm được. Tức ở trong việc nhập các thứ tội như thế đã hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, hiểu khắp, trí sáng nơi cơ duyên thông đạt thẩm xét thấu suốt, tuệ nhận biết rõ hành Tỳ-bát-xá-na (Quán).

Đó gọi là khéo léo nhập tội.

2. Thế nào là khéo léo xuất tội?

Đáp: Tội: Nghĩa là năm thứ tội của thân năm uẩn, như trước đã nói.

Khéo léo xuất tội: Nghĩa là thấy biết đúng như thật về bốn tội Chúng dư, Đọa chứ, Đối thú, Ác tác, có thể ra khỏi. Sự việc ấy như thế nào? Như có thuyết nói: Tôi xin nói như thế, hiển bày như thế, đối với tội như thế không nói, không hiển bày. Tôi xin nói như thế, hiển bày như thế, đối với tội như thế là nói, là hiển bày. Tôi đã hiển bày như thế, đã phát lộ như thế, tác pháp như thế, đối với tội như thế không phát lộ, không trừ diệt. Tôi đã hiển bày như thế, đã phát lộ như thế, tác pháp như thế, đối với tội như thế là đã phát lộ, là đã trừ diệt. Tức ở trong việc xuất các thứ tội như thế đã hiểu rõ v.v..., cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là khéo léo xuất tội.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 2

Phẩm 3: HAI PHÁP, phần 2

* Lại có 2 pháp: 1. Khéo léo nhập định. 2. Khéo léo xuất định.

1. Thế nào là khéo léo nhập định?

Đáp: Định: Nghĩa là tám thứ định của tám uẩn, tức là bốn tĩnh lự và bốn định vô sắc.

Khéo léo nhập định: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la (Hữu tình) như thế đã thấy biết đúng như thật, Bồ-đặc-già-la như thế đã nhập định nơi tĩnh lự thứ nhất, Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến nhập định nơi xứ phi tướng phi phi tướng.

Lại nữa, Bồ-đặc-già-la như thế đã thấy biết đúng như thật, đối với định nơi tĩnh lự thứ nhất có tác ý khéo léo, Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến đối với định nơi xứ phi tướng phi phi tướng có tác ý khéo léo.

Lại nữa, Bồ-đặc-già-la như thế đã thấy biết đúng như thật, nhập nơi đạo của tĩnh lự thứ nhất, Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến nhập nơi đạo của xứ phi tướng phi phi tướng.

Lại nữa, Bồ-đặc-già-la như thế đã thấy biết đúng như thật, đối với đạo của tĩnh lự thứ nhất có tác ý khéo léo, Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến đối với đạo của xứ phi tướng phi phi tướng có tác ý khéo léo.

Sự việc ấy là thế nào? Như có người nói: Tôi tác ý như thế là tác ý như vậy: Đối với việc nhập định nơi tĩnh lự thứ nhất, cho đến nhập định nơi xứ phi tưởng phi phi tưởng, đã khéo cùng hiểu biết, khéo hiểu biết gần, khéo phân biệt, khéo suy nghĩ, khéo thông đạt. Tôi tưởng như thế, quán như thế, thắng giải như thế, nhận giữ như thế, phân biệt như thế. Đối với việc nhập định nơi tĩnh lự thứ nhất, cho đến nhập định nơi xứ phi tưởng phi phi tưởng đều khéo cùng hiểu biết, cho đến khéo thông đạt. Tôi đã thâm tóm tâm, thúc đẩy tâm, điều phục tâm, giữ gìn tâm, phát khởi tâm, buông bỏ tâm, chế ngự tâm, thuận theo tâm như thế. Đối với việc nhập định nơi tĩnh lự thứ nhất, cho đến nhập định nơi xứ phi tưởng phi phi tưởng đều khéo cùng hiểu biết, cho đến khéo thông đạt. Tôi theo pháp như thế để nhập định cùng khéo léo nhập định nhưng không tác dụng, không lợi ích, không làm được nhiều việc chỉ vì bị chướng ngại. Tôi nay đối với pháp này khéo cùng hiểu biết, cho đến khéo thông đạt. Tôi theo pháp như thế để nhập định cùng khéo léo nhập định nên có tác dụng, có lợi ích, làm được nhiều việc không bị chướng ngại. Tôi đối với pháp này đã khéo cùng hiểu biết, cho đến khéo thông đạt. Ở trong việc nhập các thứ định như thế đã hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, hiểu khắp, trí sáng nơi cơ duyên thông đạt thẩm xét thấu suốt, tuệ nhận biết rõ hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là khéo léo nhập định.

2. Thế nào là khéo léo xuất định?

Đáp: Định: Nghĩa là tám thứ định của tám uẩn, tức là bốn tĩnh lự và bốn định vô sắc.

Khéo léo xuất định: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la như thế đã thấy biết đúng như thật, Bồ-đặc-già-la như thế đã xuất định nơi tĩnh lự thứ nhất, Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến xuất định nơi xứ phi tưởng phi phi tưởng.

Lại nữa, Bồ-đặc-già-la như thế đã thấy biết đúng như thật, đối với việc xuất định nơi tĩnh lự thứ nhất có tác ý khéo léo, Bồ-đặc-già-

la như thế, cho đến đối với việc xuất định nơi xứ phi tướng phi phi tướng có tác ý khéo léo.

Lại nữa, Bồ-đặc-già-la như thế đã thấy biết đúng như thật, xuất đạo của tỉnh lự thứ nhất, Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến xuất đạo của xứ phi tướng phi phi tướng.

Lại nữa, Bồ-đặc-già-la như thế đã thấy biết đúng như thật, đối với việc xuất đạo của tỉnh lự thứ nhất có tác ý khéo léo, Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến đối với việc xuất đạo của xứ phi tướng phi phi tướng có tác ý khéo léo.

Sự việc ấy là thế nào? Như có người nói: Tôi tác ý như thế là tác ý như vậy: Đối với việc xuất định nơi tỉnh lự thứ nhất, cho đến xuất định nơi xứ phi tướng phi phi tướng, đã khéo cùng hiểu biết, khéo hiểu biết gân, khéo phân biệt, khéo suy nghĩ, khéo thông đạt. Tôi tướng như thế, quán như thế, thắng giải như thế, nhận giữ như thế, phân biệt như thế. Đối với việc xuất định nơi tỉnh lự thứ nhất, cho đến xuất định nơi xứ phi tướng phi phi tướng đều khéo cùng hiểu biết, cho đến khéo thông đạt. Tôi đã thâm tóm tâm, thúc đẩy tâm, điều phục tâm, giữ gìn tâm, phát khởi tâm, buông bỏ tâm, chế ngự tâm, thuận theo tâm như thế. Đối với việc xuất định nơi tỉnh lự thứ nhất, cho đến xuất định nơi xứ phi tướng phi phi tướng đều khéo cùng hiểu biết, cho đến khéo thông đạt. Tôi theo pháp như thế để xuất định cùng khéo léo xuất định nhưng không tác dụng, không lợi ích, không làm được nhiều việc chỉ vì bị chướng ngại. Tôi nay đối với pháp này, khéo cùng hiểu biết, cho đến khéo thông đạt. Tôi theo pháp như thế để xuất định cùng khéo léo xuất định nên có tác dụng, có lợi ích, làm được nhiều việc không bị chướng ngại. Tôi đối với pháp này đã khéo cùng hiểu biết, cho đến khéo thông đạt. Ở trong việc xuất các thứ định như thế đã hiểu rõ v.v..., cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là khéo léo xuất định.

* Lại có 2 pháp: 1. Biết giới khéo léo. 2. Tác ý khéo léo.

1. Thế nào là biết giới khéo léo?

Đáp: Như có Bí-sô thấy biết đúng như thật về mười tám giới: Đó là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới. Nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới. Tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới. Thiết giới, vị giới, thiết thức giới. Thân giới, xúc giới, thân thức giới. Ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Lại nữa, thấy biết đúng như thật về sáu giới: Đó là giới địa, thủy, hỏa, phong, không, thức. Lại nữa, thấy biết đúng như thật về sáu giới: Đó là giới dục, giận, hại, xuất ly, không giận, không hại. Lại nữa, thấy biết đúng như thật về sáu giới: Đó là giới vui, khổ, mừng, sầu, buồn xả, vô minh.

Lại nữa, thấy biết đúng như thật về bốn giới: Đó là giới thọ, tưởng, hành, thức.

Lại nữa, thấy biết đúng như thật về ba giới: Đó là giới dục, sắc, vô sắc. Lại nữa, thấy biết đúng như thật về ba giới: Đó là giới sắc, vô sắc, diệt. Lại nữa, thấy biết đúng như thật về ba giới: Đó là giới quá khứ, vị lai, hiện tại. Lại nữa, thấy biết đúng như thật về ba giới: Đó là giới kém, trung bình, vi diệu. Lại nữa, thấy biết đúng như thật về ba giới: Đó là giới thiện, bất thiện, vô ký. Lại nữa, thấy biết đúng như thật về ba giới: Đó là giới học, vô học, phi học phi vô học.

Lại nữa, thấy biết đúng như thật về hai giới: Đó là giới hữu lậu, vô lậu. Lại nữa, thấy biết đúng như thật về hai giới: Đó là giới hữu vi, vô vi.

Đối với các thứ giới như thế đã biết rõ, cùng biết rõ, biết gần, biết khắp, trí sáng nơi cơ duyên thông đạt thâm xét thấu suốt, tuệ nhận biết rõ hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là biết giới khéo léo.

2. Thế nào là tác ý khéo léo?

Đáp: Như có Bí-sô hoặc thọ trì Tổ-đất-lãm (Kinh), hoặc thọ trì Tỳ-nại-da (Luật), hoặc thọ trì A-tỳ-đạt-ma (Luận). Hoặc nghe Thân

giáo sư (Hòa thượng) giảng nói, hoặc nghe Quĩ phạm sư (A-xà-lê) dạy bảo. Hoặc nghe Tạng lần lượt truyền trao nói. Hoặc nghe theo vị đạt Lý nhất như nói. Nương nơi như lý như thế, dẫn đến tuệ do văn tạo thành.

Đối với nhãn giới cho đến ý thức giới đều có tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Đối với giới địa cho đến giới thức đều có tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới dục, giận, hại, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới xuất ly, không giận, không hại, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới vui, khổ, mừng, sầu, buồn xả, vô minh, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Đối với giới thọ, tưởng, hành, thức, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Đối với giới dục, sắc, vô sắc, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới sắc, vô sắc, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới diệt, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới quá khứ, vị lai, hiện tại, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới kém, trung bình, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới vi diệu, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới thiện, bất thiện và vô ký, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới học, vô học, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới phi học phi vô học, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Đối với giới hữu lậu, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới vô lậu, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới hữu vi, tác ý khéo léo, tư

duy là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với giới vô vi, tác ý khéo léo, tư duy là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Lại nữa, như có Bí-sô thấy biết như thật về quá khứ, vị lai, hiện tại mà tác ý. Thấy biết như thật về thiện, bất thiện, vô ký mà tác ý. Thấy biết như thật về sự hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc mà tác ý. Thấy biết như thật về học, vô học, phi học phi vô học mà tác ý. Thấy biết như thật về do kiến đạo đoạn trừ, do tu đạo đoạn trừ, không đoạn trừ mà tác ý. Đối với các thứ tác ý như thế đều đã biết rõ v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là tác ý khéo léo.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Ngay thẳng. 2. Nhu hòa.

1. Thế nào là ngay thẳng?

Đáp: Tánh của tâm không cứng rắn, tánh của tâm không mạnh mẽ, tánh của tâm không ương ngạnh, tánh của tâm thuần chất, tánh của tâm chánh trực, tánh của tâm linh hoạt, tánh của tâm dịu dàng, tánh của tâm điều thuận. Đó gọi là ngay thẳng.

2. Thế nào là nhu hòa?

Đáp: Tánh của thân không cứng rắn, tánh của thân không mạnh mẽ, tánh của thân không ương ngạnh, tánh của thân thuần chất, tánh của thân chánh trực, tánh của thân linh hoạt, tánh của thân dịu dàng, tánh của thân điều thuận. Đó gọi là nhu hòa.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Gắng nhẫn. 2. Đáng vui.

1. Thế nào là gắng nhẫn?

Đáp: Nghĩa là có thể nhẫn chịu, chịu đựng các thứ tiếp xúc như lạnh nóng, đói khát, gió thổi, ánh nắng mặt trời, ruồi muỗi, rắn

rít v.v... Lại có thể nhẫn chịu những lời thô ác của người khác. Từ trong thân có thể đẩy khởi tâm tha thiết mãnh liệt thọ khổ như bị đoạt mạng. Đó gọi là gắng nhẫn.

2. Thế nào là đáng vui?

Đáp: Nếu như có sự việc xảy đến khiến không thể dung nạp, không thể tự kìm chế, không thể xoay chuyển, không thể nhẫn nại. Nhưng có thể đối với sự việc ấy, tự thân không hung không ác, không thô không dữ, gắng nhẫn để có thể vui thích, dễ có thể cùng trụ, dứt bỏ các ác. Hoặc có sự việc xảy đến khiến có thể dung nạp, có thể tự kìm chế, có thể xoay chuyển, có thể nhẫn nại. Cũng có thể đối với sự việc ấy, tự thân không hung không ác, không thô không dữ, gắng nhẫn để có thể vui thích, dễ có thể cùng trụ, dứt bỏ các ác. Đó gọi là đáng vui.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Hòa thuận. 2. Cúng dường.

1. Thế nào là hòa thuận?

Đáp: Như có người vui tạo những lời nói đáng thích thú, những lời nói đáng yêu mến, dung mạo tươi tắn, xa lìa buồn bực. Trước nói lời an ủi, thăm hỏi: Nhân giả hôm nay đến đây công việc có dễ chịu chăng? Cuộc sống thế nào, luôn được an lạc chăng? Ăn uống, ngủ nghỉ vẫn như mọi ngày chăng? Các sự việc vui vẻ như thế được tạo ra gồm những lời nói dịu dàng thật đáng thích thú. Đó gọi là hòa thuận.

2. Thế nào là cúng dường?

Đáp: Cúng dường có hai loại: Một là cúng dường bằng tiền của vật dụng. Hai là cúng dường bằng pháp.

Thế nào là cúng dường bằng tiền của vật dụng? Nghĩa là đem các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc vừa ý, các thứ vật dụng như y

phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang cùng những vật dụng cần thiết khác, đối với các hữu tình kia đều có thể thí cho, ban cho, có thể theo đầy mà thí cho, ban cho, có thể xả bỏ hết thảy. Đó gọi là cúng dường bằng tiền của vật dụng.

Thế nào là cúng dường bằng pháp? Nghĩa là dùng các pháp như Tô-đất-lãm (Kinh), hoặc Tỳ-nại-da (Luật), hoặc A-tỳ-đạt-ma (Luận), hoặc các lời thuyết giảng dạy bảo của các Thân giáo sư (Hòa thượng), các Quĩ phạm sư (A-xà-lê), hoặc trong các Tạng kinh điển được truyền trao, hay tùy theo một bậc khác đáng tin cậy v.v..., đối với các hữu tình kia đều có thể thí cho, ban cho, có thể theo đầy mà thí cho, ban cho, có thể xả bỏ hết thảy. Đó gọi là cúng dường pháp.

Hai thứ này gọi chung là cúng dường.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Niệm đủ. 2. Biết đúng.

1. *Thế nào là niệm đủ?*

Đáp: Như dựa nơi xuất ly, xa lìa là pháp thiện, đối với các niệm, tùy niệm, chuyên niệm, nhớ niệm, đều không quên, không mất, không bỏ sót, không rơi rớt, không mất pháp tánh, tâm tánh luôn sáng suốt ghi nhớ. Đó gọi là niệm đủ.

2. *Thế nào là biết đúng?*

Đáp: Như dựa nơi xuất ly, xa lìa là pháp thiện, đối với các pháp cần xét chọn nên xét chọn tận cùng, xét chọn tột bậc, nhân đây đã hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, hiểu khắp, trí sáng nơi cơ duyên thông đạt thâm xét thấu suốt, tuệ nhận biết rõ hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là biết đúng.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Lực xét chọn. 2. Lực tu tập.

1. Thế nào là lực xét chọn?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Những đệ tử đa văn của Phật nên tu học như thế này: Các hành ác do thân gây tạo sẽ chiêu cảm các quả báo xấu ác cho hiện pháp và đời sau. Nghĩa là nếu thân ta hành ác thì hiện đời tự mình chán ghét, cũng lại bị người khác, trời, thần, chư Phật chê trách, cũng như bị người trí và kẻ đồng phạm hạnh khinh giận, tiếng xấu lan truyền khắp thế gian, thân hoại mạng chung bị đọa vào các đường dữ sinh nơi địa ngục. Do nhận biết rõ các hành của thân sẽ chiêu cảm quả báo xấu ác nơi hiện đời và đời sau, nên có thể siêng năng đoạn trừ các hành ác của thân, lại cũng có thể siêng tu các hành diệu của thân. Đối với hành ác của ngữ và hành ác của ý, nói rộng cũng như thế, cho đến siêng tu các hành diệu của ngữ và hành diệu của ý. Nếu có thể nhân nơi xét chọn như thế, dựa nơi xét chọn, trụ nơi xét chọn, để đoạn trừ pháp bất thiện, tu tập các pháp thiện, đó gọi là xét chọn, cũng gọi là lực, nên gọi là lực xét chọn.

2. Thế nào là lực tu tập?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Những đệ tử đa văn của Phật tu tập các giác chi như niệm v.v..., nương dựa nơi chán, nương dựa nơi lìa, nương dựa nơi diệt, hồi hướng về xả. Tu tập các giác chi như trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả v.v..., nương dựa nơi chán, nương dựa nơi lìa, nương dựa nơi diệt, hồi hướng về xả. Nếu có thể nhân nơi tu tập như thế, dựa nơi tu tập, trụ nơi tu tập, để đoạn trừ pháp bất thiện, tu tập các pháp thiện, đó gọi là tu tập, cũng gọi là lực, nên gọi là lực tu tập.

Vì sao gọi là lực? Do nhân nơi lực ấy, dựa nơi lực ấy, trụ nơi lực ấy, nên có thể đoạn trừ, có thể loại bỏ, có thể phá trừ tất cả các thứ kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, nên gọi là lực.

* Lại có 2 pháp: 1. Chăng giữ gìn căn môn. 2. Ăn không biết lượng định.

1. Thế nào là chăng giữ gìn căn môn?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Những phàm phu kém hiểu biết, khi mắt thấy sắc, do nhãn căn, nên giữ lấy tướng thuận theo sự ưa thích. Tức nơi xứ ấy chăng giữ gìn nhãn căn, trụ vào chỗ không phòng hộ, nên tâm tham ái thế gian dấy khởi, các pháp ác bất thiện theo tâm sinh trưởng. Kẻ kia đối với nhãn căn chăng biết phòng giữ, do đấy nên nói là chăng giữ gìn nhãn căn, do chăng giữ gìn nhãn căn nên tham sân si sinh trưởng. Các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.

Lại nói về ý căn, khi ý nhận biết các pháp, do ý căn, nên giữ lấy tướng thuận theo sự ưa thích. Tức nơi xứ ấy chăng giữ gìn ý căn, trụ vào chỗ không phòng hộ, nên tâm tham ái thế gian dấy khởi, các pháp ác bất thiện theo tâm sinh trưởng. Kẻ kia đối với ý căn chăng biết phòng giữ, do đấy nên nói là chăng giữ gìn ý căn, do chăng giữ gìn ý căn nên tham sân si sinh trưởng.

Kẻ kia do phát khởi sự xét chọn không đúng lý, nên khi mắt thấy các sắc, tai nghe các tiếng, mũi ngửi các mùi, lưỡi nếm các vị, thân xúc chạm các vật, ý hiểu biết các pháp, nơi sáu căn môn như thế chăng phòng hộ, chăng cùng phòng hộ, chăng phòng hộ khắp, chăng giấu kỹ, chăng che, chăng ngăn, chăng tĩnh lặng, chăng điều phục, chăng bảo vệ. Đó gọi là chăng giữ gìn căn môn.

2. Thế nào là ăn không biết lượng định?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Những phàm phu kém hiểu biết, không biết xét chọn nên ăn. Do để được mạnh mẽ, do tánh phóng túng kiêu mạn, do để có dung mạo đẹp đẽ, do vóc dáng oai nghiêm v.v... nên ăn các thức ăn.

Không biết xét chọn nên ăn: Nghĩa là do trụ nơi phi lý dẫn đến việc biết xét chọn nên ăn các thức ăn.

Do để được mạnh mẽ nên ăn: Nghĩa là như có một loại hữu tình khi ăn khởi tâm suy nghĩ: Ta ăn các thức ăn này tất sẽ no đủ, khiến thân ta mạnh mẽ, có thể làm được những việc nặng nhọc, có thể gánh vác các sự việc quan trọng, của cải thêm nhiều, sống lâu trên đời, có thể trừ diệt mọi oán địch, có thể vượt hơn xe cộ, có thể nhảy xa, ném mạnh, có thể hiện bày vô số động tác vui đùa nơi thế gian v.v...

Do tánh phóng túng kiêu mạn nên ăn: Nghĩa là như có một loại hữu tình khi ăn khởi tâm suy nghĩ: Ta ăn các thức ăn này tất sẽ no đủ, khiến tánh phóng túng kiêu mạn của ta thêm tự đắc. Tâm như thể sinh khởi, cùng sinh khởi, nối tiếp dẫn phát, nên xem thường tất cả, mặc tình theo ý thích hành tác phóng túng.

Do để có dung mạo đẹp đẽ nên ăn: Nghĩa là như có một loại hữu tình khi ăn khởi tâm suy nghĩ: Ta ăn các thức ăn này tất sẽ bổ dưỡng, khiến thân ta có dung mạo tươi đẹp hơn hẳn, da dẻ mịn màng.

Do vóc dáng oai nghiêm nên ăn: Nghĩa là như có một loại hữu tình khi ăn khởi tâm suy nghĩ: Ta ăn các thức ăn này tất sẽ no đủ, khiến thân ta thành tựu hình sắc oai nghiêm, đẹp đẽ bậc nhất, mọi người đều yêu mến kính trọng.

Có nhiều loại người coi trọng việc ăn uống như vậy, tức đối với các thức ăn uống, tánh không bình đẳng, tánh không biết lường xét, tánh không sáng suốt, nên không hiểu rõ sự tướng của chúng, không thể tự giảm số lượng: Ta nay chỉ nên như thế mà ăn. Đó gọi là ăn không biết lượng định.

* Lại có 2 pháp: 1. Có thể giữ gìn căn môn. 2. Ăn biết lượng định.

1. Thế nào là có thể giữ gìn căn môn?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Những đệ tử đa văn của Phật, khi mắt thấy sắc, do nhãn căn, nhưng không giữ lấy tướng của chúng, cũng không thuận theo sự ưa thích. Tức nơi xứ ấy có thể giữ gìn nhãn căn, trụ vào chỗ có thể phòng hộ, nên tâm tham ái thế gian không khởi, các pháp ác bất thiện không theo tâm sinh trưởng. Kẻ kia đối với nhãn căn đã có thể phòng giữ, do đấy nên nói là có thể giữ gìn nhãn căn, vì hay giữ gìn nhãn căn nên tham sân si không khởi. Các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.

Lại nói về ý căn, khi ý nhận biết các pháp, do ý căn, nhưng không giữ lấy tướng của chúng, cũng không thuận theo sự ưa thích. Tức nơi xứ ấy có thể giữ gìn ý căn, trụ vào chỗ có thể phòng hộ, nên tâm tham ái thế gian không khởi, các pháp ác bất thiện không theo tâm sinh trưởng. Kẻ kia đối với ý căn đã có thể phòng giữ, do đấy nên nói là có thể giữ gìn ý căn, vì hay giữ gìn ý căn nên tham sân si không khởi.

Kẻ kia do phát khởi sự xét chọn như lý, nên khi mắt thấy các sắc, tai nghe các tiếng, mũi ngửi các mùi, lưỡi nếm các vị, thân xúc chạm các vật, ý hiểu biết các pháp, nơi sáu căn môn như thế có thể phòng hộ, có thể cùng phòng hộ, có thể phòng hộ khắp, có thể giấu kỹ, che ngăn, có thể tĩnh lặng, có thể điều phục, có thể bảo vệ. Đó gọi là có thể giữ gìn căn môn.

2. Thế nào là ăn biết lượng định?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Những đệ tử đa văn của Đức Phật có thể xét chọn nên ăn. Chẳng do để được mạnh mẽ, chẳng do tánh phóng túng kiêu mạn, chẳng do để có dung mạo đẹp đẽ, chẳng do vóc dáng oai nghiêm nên ăn. Chỉ vì thân này được tạm an trụ, tồn tại, chỉ vì dứt trừ đói khát, chỉ vì thân nhận phạm hạnh nên ăn các thức ăn này. Vì đoạn trừ thọ nhận cũ, không đầy khởi thọ

nhận mới, do để có được sự sống không tội, vì mong được sức lực an vui, vì muốn được an trụ nên ăn các thức ăn này.

Có thể xét chọn nên ăn: Nghĩa là do trụ nơi như lý dẫn đến việc biết xét chọn nên ăn các thức ăn.

Chẳng do để được mạnh mẽ nên ăn: Tức chẳng phải như có một loại hữu tình khi ăn khởi tâm suy nghĩ: Ta ăn các thức ăn này tất sẽ no đủ, khiến thân ta mạnh mẽ, có thể làm được những việc nặng nhọc, có thể gánh vác các sự việc quan trọng, của cải thêm nhiều, sống lâu trên đời, có thể trừ diệt mọi oán địch, có thể vượt hơn xe cộ, có thể nhảy xa, ném mạnh, có thể hiện bày vô số động tác vui đùa nơi thế gian.

Chẳng do tánh phóng túng kiêu mạn nên ăn: Tức chẳng phải như có một loại hữu tình khi ăn khởi tâm suy nghĩ: Ta ăn các thức ăn này tất sẽ no đủ, khiến tánh phóng túng kiêu mạn của ta thêm tự đắc. Tâm như thể sinh khởi, cùng sinh khởi, nối tiếp dẫn phát, nên xem thường tất cả, mặc tình theo ý thích hành tác phóng túng.

Chẳng do để có dung mạo đẹp đẽ nên ăn: Tức chẳng phải như có một loại hữu tình khi ăn khởi tâm suy nghĩ: Ta ăn các thức ăn này tất sẽ bổ dưỡng, khiến thân ta có dung mạo tươi đẹp hơn hẳn, da dẻ mịn màng.

Chẳng do vóc dáng oai nghiêm nên ăn: Tức chẳng phải như có một loại hữu tình khi ăn khởi tâm suy nghĩ: Ta ăn các thức ăn này tất sẽ no đủ, khiến thân ta thành tựu hình sắc oai nghiêm, đẹp đẽ bậc nhất, mọi người đều yêu mến kính trọng.

Chỉ vì thân này được tạm an trụ, tồn tại nên ăn: Nghĩa là thân thể cũng gọi là thân. Thân căn cũng gọi là thân. Phần sắc của năm căn cũng gọi là thân. Bốn đại chủng hợp tạo nên cũng gọi là thân. Trong nghĩa này, là nói bốn đại chủng hợp tạo thành thân. Các đệ tử của chư Phật khi ăn các thức ăn chỉ nghĩ: Ta ăn các thức ăn này để khiến cho thân do bốn đại chủng hợp tạo tạm trụ, cùng trụ, trụ gần, an, nên

gọi là tạm trụ. Các đệ tử của Đức Phật khi ăn chỉ nghĩ: Ta ăn các thức ăn này là nhằm khiến cho thân do bốn đại chủng hợp tạo được tồn tại, theo đấy mà tồn tại, được cứu giúp, theo đấy mà cứu giúp, được chuyển biến, theo đấy mà chuyển biến. Nên gọi là sự sống còn.

Chỉ vì dứt trừ đói khát nên ăn: Nghĩa là ở đây đói khát đã đầy khởi khổ thọ, nên nói là đói khát. Các đệ tử của Đức Phật khi ăn chỉ nghĩ: Ta ăn các thức ăn này là nhằm khiến cho đói khát gây khổ thọ tạm thời dừng dứt, không còn nữa hại.

Chỉ vì thân nhận phạm hạnh nên ăn: Nghĩa là lìa bỏ dâm dục cũng gọi là phạm hạnh, tám chi Thánh đạo cũng gọi là phạm hạnh. Nghĩa được nêu ở đây thì tám chi Thánh đạo gọi là phạm hạnh. Các đệ tử của Đức Phật khi ăn chỉ suy niệm: Vì muốn thân nhận tùy thuận làm tăng trưởng tám chi Thánh đạo.

Vì đoạn trừ thọ nhận cũ, không đầy khởi thọ nhận mới nên ăn: Không ăn làm duyên đầy khởi khổ thọ, nên gọi là thọ nhận cũ. Còn ăn no thì làm duyên đầy khởi khổ thọ, nên gọi là thọ nhận mới. Các đệ tử của Đức Phật khi ăn chỉ suy niệm: Ta ăn các thức ăn này vì để đoạn trừ thọ nhận cũ, không đầy khởi thọ nhận mới, không phải vì muốn được vui thích sung mãn.

Do để có được sự sống không tội nên ăn: Sự sống có hai thứ: Một là sự sống có tội. Hai là sự sống không tội.

Thế nào là sự sống có tội? Như có một loại người xảo trá, lừa dối hiện bày vẻ thiết tha cảm động, do lợi cầu lợi để tìm kiếm sự ăn uống. Theo phương tiện như thế để được ăn uống, vui vẻ thọ dụng, tham ái mê muội, đăm chấp chẳng bỏ, không thấy được lỗi lớn mình đã làm, không biết nẻo xuất ly. Như thế gọi là sự sống có tội.

Thế nào là sự sống không tội? Tức không phải như loại người lừa dối, xảo trá kia làm ra vẻ thành thật thiết tha, do lợi cầu lợi để được ăn uống. Ở đây đã dùng phương tiện như thật, được các thức

ăn uống rồi thì như pháp thọ dụng, không tham ái, mê muội, không vương mắc, đả chấp, có thể thấy được lỗi lầm tai họa, khéo nhận biết nẻo xuất ly. Đó gọi là sự sống không tội. Các đệ tử của Đức Phật chỉ vì sự sống không tội như thế nên thọ dụng các thức ăn.

Vì mong được sức lực an vui nên ăn: Tức các đệ tử của Đức Phật khi ăn chỉ suy niệm: Vì muốn cho sức khỏe của thân không bị suy giảm, tâm ý thọ nhận hỷ lạc, có thể hành tác mọi việc thiện.

Vì muốn được an trụ nên ăn: Tức các đệ tử của Đức Phật khi ăn chỉ suy niệm: Ta thọ dụng các thức ăn này là để cho các việc đi đứng ngồi nằm, đọc tụng, các thời gian tu định thân tâm được yên ổn an lạc. Các người như thế không hề coi trọng việc ăn uống, đối với các sự việc ấy luôn có tánh bình đẳng, có tánh biết lượng định, có tánh trí sáng, nên có thể hiểu rõ về tướng, nhân đầy tự biết giảm: Ta nay chỉ nên ăn như thế.

Đó gọi là ăn biết lượng định.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Thiếu giới. 2. Thiếu kiến.

1. *Thế nào là thiếu giới?*

Đáp: Nghĩa là đoạn dứt sinh mạng, không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh, nói dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói lời uế tạp. Lại nữa, hoặc đoạn dứt sinh mạng, hoặc không cho mà lấy, hoặc phi phạm hạnh. Lại nữa, là các thứ giới bất thiện hiện có, các thứ giới phi lý hiện có đã nêu dẫn, các thứ giới hiện có gây chướng ngại nơi định. Đó gọi là thiếu giới.

Do đâu gọi là thiếu giới? Do tự tánh của pháp ấy là không đáng yêu mến, không đáng ưa thích, không đáng hoan hỷ, không đáng vừa ý, không an ổn, không ngay thẳng, không đáng vui mừng, không thuận hợp tâm ý, trái với chánh lý. Lại nữa, pháp ấy có thể đạt được

quả không đáng yêu mến, quả không đáng ưa thích, quả không đáng hoan hỷ, quả không đáng vừa ý, quả không an ổn, quả không ngay thẳng, quả không đáng vui mừng, quả không thuận hợp tâm ý, quả trái với chánh lý. Lại nữa, pháp ấy có thể chiêu cảm được các thứ dị thực (quả báo) không đáng yêu mến, dị thực không đáng ưa thích, dị thực không đáng hoan hỷ, dị thực không đáng vừa ý, dị thực không an ổn, dị thực không ngay thẳng, dị thực không đáng vui mừng, dị thực không thuận hợp tâm ý, dị thực trái với chánh lý. Đó gọi là thiếu giới.

2. Thế nào là thiếu kiến?

Đáp: Nghĩa là các thứ kiến hiện có: Không có tuệ thí, không có thân ái, không có cúng tế, không có hành diệu, không có hành ác, không có dị thực nơi nghiệp quả của hành diệu và hành ác, không có đời này, không có đời khác, không cha, không mẹ, không có hữu tình hóa sinh, không có bậc A-la-hán chánh chí chánh hạnh ở thế gian, nghĩa là nơi đời này và đời khác, chư vị A-la-hán kia đã tự thông đạt, tác chứng an trụ đầy đủ, chứng biết đúng như thật: Nẻo sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau. Lại nữa, các thứ kiến bất thiện hiện có, các thứ kiến phi lý hiện có đã nêu dẫn, các thứ kiến hiện có gây chướng ngại nơi định. Đó gọi là thiếu kiến.

Do đâu gọi là thiếu kiến? Do tự tánh của pháp ấy là không đáng yêu mến v.v... cho đến trái với chánh lý. Lại nữa, pháp ấy có thể đạt được quả không đáng yêu mến v.v... cho đến quả trái với chánh lý. Lại nữa, pháp ấy có thể chiêu cảm được các thứ dị thực không đáng yêu mến v.v... cho đến dị thực trái với chánh lý. Đó gọi là thiếu kiến.

*

* Như thiếu giới và thiếu kiến, thì phá giới và phá kiến nên biết cũng như vậy.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Đủ giới. 2. Đủ kiến.

1. Thế nào là đủ giới?

Đáp: Nghĩa là lìa bỏ việc đoạn dứt sinh mạng, lìa bỏ không cho mà lấy, lìa bỏ dâm dục tà hạnh, lìa bỏ nói dối, lìa bỏ nói lời ly gián, lìa bỏ nói lời thô ác, lìa bỏ nói lời ướm tạt. Lại nữa, lìa bỏ việc đoạn dứt sinh mạng, lìa bỏ không cho mà lấy, lìa bỏ phi phạm hạnh. Lại nữa, là các thứ giới của bậc hữu học hiện có, các thứ giới của bậc vô học hiện có, các thứ giới của phi học phi vô học thiện hiện có. Đó gọi là đủ giới.

Do đâu gọi là đủ giới? Do tự tánh của pháp ấy là đáng yêu mến, đáng ưa thích, đáng hoan hỷ, đáng vừa ý, là an ổn, ngay thẳng, đáng vui mừng, là thật hợp tâm ý, thuận với chánh lý. Lại nữa, pháp ấy có thể đạt được quả đáng yêu mến, quả đáng ưa thích, quả đáng hoan hỷ, quả đáng vừa ý, quả an ổn, quả ngay thẳng, quả đáng vui mừng, quả thật hợp tâm ý, quả thuận với chánh lý. Lại nữa, pháp ấy có thể chiêu cảm được các thứ dị thực đáng yêu mến, dị thực đáng ưa thích, dị thực đáng hoan hỷ, dị thực đáng vừa ý, dị thực an ổn, dị thực ngay thẳng, dị thực đáng vui mừng, dị thực thật hợp tâm ý, dị thực thuận với chánh lý. Đó gọi là đủ giới.

2. Thế nào là đủ kiến?

Đáp: Nghĩa là các thứ kiến hiện có: Có tuệ thí, có thân ái, có cúng tế, có hành diệu, có hành ác, có dị thực nơi nghiệp quả của hành diệu và hành ác, có đời này, có đời khác, có mẹ, có cha, có hữu tình hóa sinh, có bậc A-la-hán chánh chí chánh hạnh ở thế gian, nghĩa là nơi đời này đời khác, chư vị A-la-hán kia đã tự thông đạt, tác chứng an trụ đầy đủ, chứng biết đúng như thật: Nẻo sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau. Lại nữa, là các thứ kiến của bậc hữu học, các thứ kiến của bậc vô học, các thứ kiến của phi học phi vô học thiện. Đó gọi là đủ kiến.

Do đâu gọi là đủ kiến? Do tự tánh của pháp ấy là đáng yêu mến v.v... cho đến thuận với chánh lý. Lại nữa, pháp ấy có thể đạt được quả đáng yêu mến v.v... cho đến quả thuận với chánh lý. Lại nữa, pháp ấy có thể chiêu cảm được các thứ dị thực đáng yêu mến v.v... cho đến dị thực thuận với chánh lý. Đó gọi là đủ kiến.

*

* Như đủ giới và đủ kiến, thì tịnh giới và tịnh kiến nên biết cũng như vậy.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Thấy (Nhận thức) đúng. 2. Như lý thù thắng.

1. Thế nào là thấy đúng?

Đáp: Là dựa nơi xuất ly, xa lìa là pháp thiện, đối với các pháp cần lựa chọn nên lựa chọn tận cùng, lựa chọn tốt bậc, nhân đầy đủ hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, hiểu khắp, trí sáng nơi cơ duyên thông đạt thâm xét thấu suốt, tuệ nhận biết rõ hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là thấy đúng.

2. Thế nào là như lý thù thắng?

Đáp: Nghĩa là như có Bí-sô theo như chỗ thấy biết của mình, hoặc do hình tướng của các hành như thế, nên chánh kiến của thế gian chưa sinh liền sinh. Vị ấy liền suy xét như lý về hình tướng của các hành như thế, nhân đầy nên khiến Thánh đạo dấy khởi cùng dấy khởi, phát sinh cùng phát sinh, chuyển đổi hiện chuyển đổi, tu tập xuất hiện. Đó gọi là đạo như lý thù thắng.

Lại nữa, hoặc có Bí-sô theo như chỗ thấy biết của mình, hoặc do hình tướng của các hành như thế, tùy theo một pháp thiện xuất ly, xa lìa chưa sinh liền sinh. Vị ấy liền suy xét như lý về hình tướng của các hành như thế, nhân đầy nên khiến Thánh đạo dấy khởi cùng dấy

khởi, phát sinh cùng phát sinh, chuyển đổi hiện chuyển đổi, tu tập xuất hiện. Đó gọi là đạo như lý thù thắng.

Hai thứ như thế gọi chung là như lý thù thắng.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Chán lia đúng. 2. Như lý thù thắng.

1. Thế nào là chán lia đúng?

Đáp: Nghĩa là dựa vào bốn thứ pháp của xứ thuận theo chán, sinh khởi chán lia. Đó gọi là chán lia đúng.

2. Thế nào là như lý thù thắng?

Đáp: Nghĩa là do chánh tư duy dẫn đến việc sinh ra Thánh đạo.

Bốn pháp của xứ thuận theo chán lia là gì? Đó là: a. Pháp của xứ do tự suy tôn thuận theo chán lia. b. Pháp của xứ do người khác suy tôn thuận theo chán lia. c. Pháp của xứ do tự hưng thịnh thuận theo chán lia. d. Pháp của xứ do người khác hưng thịnh thuận theo chán lia.

Dựa vào pháp của xứ do tự suy tôn thuận theo chán lia, sinh khởi chán lia như lý thù thắng: Là như có một loại hữu tình theo chỗ quán thấy: Tự thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, cuối cùng đã tạo quá nhiều việc ác, nên suy nghĩ: Ta nhân nơi phóng dật, nương vào phóng dật, trụ nơi phóng dật, do phóng dật nên gây tạo nhiều thứ ác như thế. Ta nay nên khiến cho các pháp ác bất thiện chưa sinh thì không sinh, đã sinh ra thì đoạn dứt hẳn. Người ấy do dũng mãnh xuất ly như thế, dẫn đến sinh chán lia. Đó gọi là chán lia. Đã sinh chán lia rồi thì tư duy đúng như lý, lại khiến cho Thánh đạo đầy khởi cùng đầy khởi, phát sinh cùng phát sinh, chuyển biến cùng hiện chuyển, tu tập xuất hiện. Đó gọi là đạo như lý thù thắng. Như thế gọi là dựa vào pháp của xứ do tự suy tôn sinh khởi chán lia như lý thù thắng.

Dựa vào pháp của xứ do người khác suy tôn thuận theo chán lia, sinh khởi chán lia như lý thù thắng: Là như có một loại hữu tình theo chỗ quán thấy người khác thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, cuối cùng đã tạo quá nhiều việc ác, nên suy nghĩ: Người kia nhân nơi phóng dật, nương vào phóng dật, trụ nơi phóng dật, do phóng dật nên tạo các thứ xấu ác đó. Ta nay nên khiến các pháp ác bất thiện kia nếu chưa sinh thì không sinh, đã sinh ra thì đoạn dứt hẳn. Người kia do dũng mãnh xuất ly như thế, nên dẫn đến sinh ra chán lia. Đó gọi là chán lia. Đã sinh chán lia rồi thì tư duy đúng như lý, lại khiến cho Thánh đạo dậy khởi cùng dậy khởi, phát sinh cùng phát sinh, chuyển biến cùng hiện chuyển, tu tập xuất hiện. Đó gọi là đạo như lý thù thắng. Như thế gọi là dựa vào pháp của xứ do người khác suy tôn sinh khởi chán lia như lý thù thắng.

Dựa vào pháp của xứ do tự hưng thịnh thuận theo chán lia, sinh khởi chán lia như lý thù thắng: Là như có một loại hữu tình theo chỗ quán thấy tự thân làm điều tốt, miệng nói lời tốt, ý nghĩ điều tốt, cuối cùng đã được đầy đủ thuận thực tăng trưởng, nên suy nghĩ: Ta nhân nơi không phóng dật, nương nơi không phóng dật, trụ nơi không phóng dật, do không phóng dật nên đã tạo được các điều thiện ấy. Nay ta nên khiến các pháp thắng thiện nếu chưa sinh thì sinh, đã sinh rồi thì càng thêm gấp bội. Người ấy do dũng mãnh xuất ly như thế nên sinh ra chán lia. Đó gọi là chán lia. Đã sinh chán lia rồi thì tư duy đúng như lý, lại khiến Thánh đạo dậy khởi cùng dậy khởi, phát sinh cùng phát sinh, chuyển biến cùng hiện chuyển, tu tập xuất hiện. Đó gọi là đạo như lý thù thắng. Như thế gọi là dựa vào pháp của xứ do tự hưng thịnh sinh khởi chán lia như lý thù thắng.

Dựa vào pháp của xứ do người khác hưng thịnh thuận theo chán lia, sinh khởi chán lia như lý thù thắng: Là như có một loại hữu tình theo chỗ quán thấy người khác thân làm điều tốt, miệng nói lời tốt, ý nghĩ điều tốt, cuối cùng đã được đầy đủ thuận thực tăng trưởng,

nên suy nghĩ: Người kia nhân nơi không phóng dật, nương nơi không phóng dật, trụ nơi không phóng dật, do không phóng dật nên đã tạo được các điều thiện ấy. Ta nay nên khiến các pháp thắng thiện, nếu chưa sinh thì sinh, đã sinh thì càng thêm gấp bội. Người kia do dừng mãnh xuất ly như thế nên dẫn đến sinh ra chán lìa. Đó gọi là chán lìa. Đã sinh chán lìa rồi thì tư duy đúng như lý, lại khiến Thánh đạo dậy khởi cùng dậy khởi, phát sinh cùng phát sinh, chuyển biến cùng hiện chuyển, tu tập xuất hiện. Đó gọi là đạo như lý thù thắng. Như thế gọi là dựa vào pháp của xứ do người khác hưng thịnh sinh khởi chán lìa như lý thù thắng.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Đối với pháp thiện không sinh biết đủ. 2. Đối với pháp đoạn trừ không ngăn cản.

1. Thế nào là đối với pháp thiện không sinh biết đủ?

Đáp: Đối với pháp thiện sinh biết đủ: Là như có một loại hữu tình chỉ mới được một ít giới liền sinh biết đủ, chỉ giữ được ít điều cấm liền sinh biết đủ, chỉ mới lìa dục liền sinh biết đủ, chỉ mới được pháp quán bất tịnh liền sinh biết đủ, chỉ mới được pháp trì tức niệm (Quán số tức) liền sinh biết đủ. Hoặc chỉ mới được tĩnh lự thứ nhất cho đến tĩnh lự thứ tư liền sinh biết đủ. Hoặc chỉ mới được Từ vô lượng cho đến Xả vô lượng liền sinh biết đủ. Hoặc chỉ mới được định xứ Không vô biên cho đến định xứ Phi tướng phi phi tướng liền sinh biết đủ. Hoặc chỉ mới chứng được quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, liền sinh biết đủ. Hoặc chỉ mới được Thần cảnh thông chứng trí, Thiên nhĩ thông chứng trí, Tha tâm thông chứng trí, Túc trụ tùy niệm thông chứng trí, Tử sinh thông chứng trí, liền sinh biết đủ. Đó gọi là đối với pháp thiện sinh biết đủ.

Đối với pháp thiện không sinh biết đủ: Là như có một loại hữu tình không phải chỉ được một ít giới liền sinh biết đủ, nói rộng cho

đến không phải chỉ được Tử sinh thông chứng trí liền sinh biết đủ. Người ấy suy nghĩ: Ta tu các pháp thiện, cho đến khi chưa chứng được quả A-la-hán, trong suốt thời gian ấy trọn không nên sinh biết đủ. Đó gọi là đối với pháp thiện không sinh biết đủ.

2. Thế nào là đối với pháp đoạn trừ không ngăn cản?

Đáp: Đối với pháp đoạn trừ đã ngăn cản: Là như có một loại hữu tình, vì nhằm đoạn trừ pháp bất thiện, vì nhằm làm viên mãn pháp thiện, nên tinh tấn dũng mãnh, hết lòng yêu thích, siêng năng tu tập không dừng, khởi suy nghĩ: Làm thế nào để khiến ta mau chóng chứng được các pháp thiện như lý? Người ấy như thế lại càng tinh tấn dũng mãnh, hết lòng yêu thích siêng năng tu tập, khi ấy vẫn chưa thể chứng được các pháp thiện như lý, liền khởi suy nghĩ: Ta đã tu pháp đoạn trừ thật là uổng phí công sức, không quả, không lợi, vô nghĩa, vô vị, vô ích. Do đó người ấy đối với pháp đoạn trừ cho là không có thắng lợi, liền sinh chán nản, chê bai hủy báng. Như thế gọi là đối với pháp đoạn trừ đã ngăn cản.

Lại có một loại hữu tình vì nhằm đoạn trừ pháp bất thiện, vì nhằm làm viên mãn pháp thiện, nên tinh tấn dũng mãnh, hết lòng yêu thích, siêng năng tu tập không dừng, khởi suy nghĩ: Làm thế nào để khiến ta mau chóng chứng được các pháp thiện như lý? Người ấy như thế lại càng tinh tấn dũng mãnh, hết lòng yêu thích siêng năng tu tập, khi ấy vẫn chưa thể chứng được các pháp thiện như lý, hoặc đã chứng được nhưng không nhận biết, liền khởi suy nghĩ: Ta đã tu pháp đoạn trừ thật là uổng phí công sức, không quả, không lợi, vô nghĩa, vô vị, vô ích. Do đó người ấy đối với pháp đoạn trừ cho là không có thắng lợi, liền sinh chán nản, chê bai hủy báng. Như thế cũng gọi là đối với pháp đoạn trừ đã ngăn cản.

Đối với pháp đoạn trừ không ngăn cản: Là như có một loại hữu tình, vì nhằm đoạn trừ pháp bất thiện, vì nhằm làm viên mãn pháp thiện, nên tinh tấn dũng mãnh, hết lòng yêu thích, siêng năng tu

tập không dừng, khởi suy nghĩ: Làm thế nào để khiến ta mau chóng chứng được các pháp thiện như lý? Người ấy như thế lại càng tinh tấn dũng mãnh, hết lòng yêu thích, siêng năng tu tập, khi ấy vẫn chưa thể chứng được các pháp thiện như lý, liền khởi suy nghĩ: Như Đức Thế Tôn đã nói: Không điều gì là không nên nghe theo. Các hàng thiện nam siêng năng tu tập chánh hạnh, nhưng không chứng được các pháp thiện như lý, là do việc tu tập chánh hạnh của mình chưa được đầy đủ, thế nên chưa chứng được các pháp thiện như lý. Vì vậy việc tu tập pháp đoạn trừ của mình không hề uổng phí công sức, nhất định có quả, có lợi, có nghĩa, có vị, có ích. Do đó người ấy đối với pháp đoạn trừ nhận biết có thắng lợi, nên không sinh chán nản, chê bai hủy báng. Đó gọi là đối với pháp đoạn trừ không ngăn cản.

Lại có một loại hữu tình, vì nhằm đoạn trừ pháp bất thiện, vì nhằm làm viên mãn pháp thiện, nên tinh tấn dũng mãnh, hết lòng yêu thích, siêng năng tu tập không dừng, khởi suy nghĩ: Làm thế nào để khiến ta mau chóng chứng được các pháp thiện như lý? Người ấy như thế lại càng tinh tấn dũng mãnh, hết lòng yêu thích, siêng năng tu tập, khi ấy vẫn chưa thể chứng được các pháp thiện như lý, hoặc tuy đã chứng được nhưng không nhận biết, liền khởi suy nghĩ: Như Đức Thế Tôn đã nói: Không điều gì là không nên nghe theo. Các hàng thiện nam siêng năng tu tập chánh hạnh, nhưng không chứng được các pháp thiện như lý, là do việc tu tập chánh hạnh của mình chưa được đầy đủ, thế nên chưa chứng được các pháp thiện như lý. Vì vậy việc tu tập pháp đoạn trừ của mình không hề uổng phí công sức, nhất định có quả, có lợi, có nghĩa, có vị, có ích. Do đó người ấy đối với pháp đoạn trừ nhận biết có thắng lợi, nên không sinh chán nản, chê bai hủy báng. Đó gọi là đối với pháp đoạn trừ không ngăn cản.

Lại có một loại hữu tình, vì nhằm đoạn trừ pháp bất thiện, vì nhằm làm viên mãn pháp thiện, nên tinh tấn dũng mãnh, hết lòng

yêu thích, siêng năng tu tập không dừng, khởi suy nghĩ: Làm thế nào để khiến ta mau chóng chứng được các pháp thiện như lý. Người ấy như thế lại càng tinh tấn dũng mãnh, hết lòng yêu thích, siêng năng tu tập, bấy giờ bèn có thể chứng được các pháp thiện như lý, liền khởi suy nghĩ: Nhất định việc tu tập pháp đoạn trừ của ta không hề uổng phí công sức, vì có quả, có lợi, có nghĩa, có vị, có ích. Do đó người ấy đối với pháp đoạn trừ nhận biết có thắng lợi, nên không sinh chán nản, chê bai hủy báng. Đó gọi là đối với pháp đoạn trừ không ngăn cản.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN A TỖ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 3

Phẩm 3: HAI PHÁP, phần 3

* Lại có 2 pháp: 1. Xa-ma-tha. 2. Tỳ-bát-xá-na.

1. Thế nào là Xa-ma-tha?

Đáp: Tức là tánh khéo chú tâm nơi một cảnh. Đó gọi là Xa-ma-tha.

2. Thế nào là Tỳ-bát-xá-na?

Đáp: Tức là tương ưng với pháp Xa-ma-tha, đối với các pháp cần lựa chọn nên lựa chọn tận cùng, lựa chọn tột bậc, nhân đầy đủ hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, hiểu khắp, trí sáng nơi cơ duyên thông đạt thắm xét thấu suốt, tuệ nhận biết rõ hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Tỳ-bát-xá-na.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Chẳng có định không tuệ
Chẳng có tuệ không định
Cần có định có tuệ
Mới chứng được Niết-bàn.*

Chẳng có định không tuệ: Nghĩa là như có loại tuệ như thế, tất có đạt được loại định như thế. Nếu không có loại tuệ như vậy, tức không đạt được loại định như vậy, nên nói: “*Chẳng có định không tuệ*”.

Chẳng có tuệ không định: Nghĩa là như có tuệ là do định sinh ra, do định làm nhân, chủng loại của định ấy do định mà phát khởi. Nếu có loại định như thế tức có đạt được loại tuệ như thế. Nếu không có loại định như vậy tức không đạt được loại tuệ như vậy, nên nói: “*Chẳng có tuệ không định*”.

Cần có định có tuệ, Mới chứng được Niết-bàn: Nghĩa là khi ái đã lia dứt hết đạt được tịch diệt gọi là Niết-bàn. Khi đó, cần đủ cả định, tuệ mới có thể chứng đắc, nếu theo đây thiếu một thứ tất không thể chứng được. Do nhân duyên ấy nên nói: “*Cần có định có tuệ, Mới chứng được Niết-bàn*”.

Lại nữa, hoặc có Bồ-đặc-già-la đạt được nội tâm yên dứt, chưa được pháp quán của tuệ tăng thượng. Hoặc có Bồ-đặc-già-la đạt được pháp quán của tuệ tăng thượng, chưa được nội tâm yên dứt. Hoặc có Bồ-đặc-già-la đạt được nội tâm yên dứt cũng đạt được pháp quán của tuệ tăng thượng. Hoặc có Bồ-đặc-già-la không được nội tâm yên dứt cũng không được pháp quán của tuệ tăng thượng.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la đạt được nội tâm yên dứt, chưa được pháp quán của tuệ tăng thượng? Nghĩa là như Bồ-đặc-già-la đạt được bốn tĩnh lự của thế gian, chưa được Thánh tuệ xuất thế gian.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la đạt được pháp quán của tuệ tăng thượng, chưa được nội tâm yên dứt? Nghĩa là như Bồ-đặc-già-la đạt được Thánh tuệ xuất thế gian, chưa được bốn tĩnh lự của thế gian.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la đạt được nội tâm yên dứt cũng đạt được pháp quán của tuệ tăng thượng? Nghĩa là như Bồ-đặc-già-la đạt được bốn tĩnh lự của thế gian, cũng đạt được Thánh tuệ xuất thế gian.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la không được nội tâm yên dứt cũng không được pháp quán của tuệ tăng thượng? Nghĩa là như Bồ-đặc-già-la không được bốn tĩnh lự của thế gian, cũng không được Thánh tuệ xuất thế gian.

Như nói bốn tĩnh lự của thế gian đã tương ưng, thì tâm trụ đều trụ nơi tất cả, trụ gần, an trụ pháp đẳng trì thâm giữ khiến không hề tán loạn.

Tánh khéo chú tâm nơi một cảnh: Tức là hiển bày nội tâm được yên dừ.

Như nói được Thánh tuệ xuất thế gian gồm thâu: Tức là đối với các pháp cần lựa chọn nên lựa chọn tận cùng, lựa chọn tột bậc, nhân đầy đã hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, hiểu khắp, trí sáng nơi cơ duyên thông đạt thâm xét thấu suốt, tuệ nhận biết rõ hành Tỳ-bát-xá-na. Đây là chỉ rõ pháp quán của tuệ tăng thượng.

Đó gọi là Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Minh. 2. Giải thoát.

1. *Thế nào là minh?*

Đáp: Nghĩa là ba thứ minh của bậc vô học. Những gì là ba? Đó là: a. Là minh vô học tức trụ tùy niệm trí tác chứng. b. Là minh vô học tử sinh trí tác chứng. c. Là minh vô học lậu tận trí tác chứng. Đó gọi là minh.

2. *Thế nào là giải thoát?*

Đáp: Nghĩa là ba thứ giải thoát. Đó là: a. Tâm giải thoát. b. Tuệ giải thoát. c. Vô vi giải thoát.

Tâm giải thoát: Nghĩa là tâm tương ưng với căn thiện không tham, đã thắng giải, đang thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là tâm giải thoát. *Tuệ giải thoát:* Nghĩa là tâm tương ưng với căn thiện không si, đã thắng giải, đang thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là tuệ giải thoát. *Vô vi giải thoát:* Nghĩa là trạch diệt. Đó gọi là vô vi giải thoát.

Ở đây:

Tâm giải thoát hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. *Thế nào là tâm giải thoát học?* Tức là bậc hữu học, tâm tương ưng với căn thiện không tham, đã thắng giải, đang thắng giải, sẽ thắng giải. *Thế nào là tâm giải thoát vô học?* Tức là bậc vô học, tâm tương ưng với căn thiện không tham, đã thắng giải, đang thắng giải, sẽ thắng giải. *Thế nào là tâm giải thoát phi học phi vô học?* Tức là tâm tương ưng với căn thiện không tham hữu lậu, đã thắng giải, đang thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là phi học phi vô học.

Tuệ giải thoát cũng có hoặc học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học. *Thế nào là tuệ giải thoát hữu học?* Tức là bậc hữu học, tâm tương ưng với căn thiện không si, đã thắng giải, đang thắng giải, sẽ thắng giải. *Thế nào là tuệ giải thoát vô học?* Tức là bậc vô học, tâm tương ưng với căn thiện không si, đã thắng giải, đang thắng giải, sẽ thắng giải. *Thế nào là tuệ giải thoát phi học phi vô học?* Tức là tâm tương ưng với căn thiện không si hữu lậu, đã thắng giải, đang thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là phi học phi vô học.

Vô vi giải thoát chỉ có phi học phi vô học.

Đó gọi là minh, giải thoát.

*

* Lại có 2 pháp: 1. Trí tận. 2. Trí vô sinh.

1. *Thế nào là trí tận?*

Đáp: Tức là nhận biết như thật: Ta đã nhận biết Khổ, ta đã đoạn trừ Tập, ta đã chứng đắc Diệt, ta đã tu tập Đạo. Đây là nơi sinh ra trí thấy biết sáng suốt và tuệ hiểu quán tỏ. Đó gọi là trí tận.

2. *Thế nào là trí vô sinh?*

Đáp: Tức là nhận biết như thật: Ta đã nhận biết Khổ, không còn nhận biết nữa. Ta đã đoạn trừ Tập, không còn đoạn trừ nữa. Ta đã chứng đắc Diệt, không còn chứng đắc nữa. Ta đã tu tập Đạo, không

còn tu tập nữa. Đây là nơi sinh ra trí thấy biết sáng suốt và tuệ hiểu quán tỏ. Đó gọi là trí vô sinh.

Lại nữa, nếu nhận biết đúng như thật đã diệt hết dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, đó gọi là trí tận. Nếu nhận biết như thật ba thứ lậu đã diệt hết, không còn sinh nữa, đó gọi là trí vô sinh.

Lại nữa, nếu nhận biết đúng như thật đã diệt hết tất cả sự trói buộc của các tùy miên, tùy phiền não, kiết, phược, đó gọi là trí tận. Nếu nhận biết đúng như thật đã diệt hết tất cả sự trói buộc của các tùy miên, tùy phiền não, kiết, phược, không còn dấy khởi nữa, đó gọi là trí vô sinh.

Phẩm 4: BA PHÁP, phần 1

Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại nói với đại chúng: Các Cụ thọ nên biết! Đức Phật đối với **ba pháp** đã tợ khéo thông đạt, hiện Đăng giác rồi, vì các đệ tử tuyên thuyết khai thị. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập, để sau khi Đức Phật diệt độ chớ nên có tranh cãi, chống đối. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, đem lại lợi lạc cho vô lượng hữu tình. Lại thương xót các chúng trời, người ở thế gian, khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Những gì là **ba pháp**? Ở đây có 5 Tụng tổng quát:

**

1. Tụng nêu tổng quát thứ nhất:

*Ba pháp đầu có mười
Là căn, tâm, hành, giới
Ba trước đều có hai
Một sau có bốn thứ.*

Gồm có: Ba căn bất thiện và ba căn thiện, ba tâm bất thiện và ba tâm thiện, ba hành ác và ba hành diệu.

Gồm có nhiều thứ ba giới: Ba giới: Dục, giận, hại. Ba giới: Xuất ly, không giận, không hại. Ba giới: Dục, sắc, vô sắc. Ba giới: Sắc, vô sắc, diệt.

*

*** Ba căn bất thiện:** 1. Căn bất thiện tham. 2. Căn bất thiện sân. 3. Căn bất thiện si.

1. *Căn bất thiện tham: Thế nào là tham?* Nghĩa là đối với cảnh dục có các thứ tham cùng tham, nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, chấp chặt, yêu thích, mê muội, đắm vương, đam mê ưa muốn khắp, trói buộc nội tâm, dục cầu, tham đắm, là khổ tập, là loại tham, sinh ra tham v.v... gọi chung là tham. *Thế nào là căn bất thiện?* Tức pháp tham này tánh là bất thiện, có thể gây tạo vô lượng gốc của pháp bất thiện, thế nên pháp ấy có thể làm gốc bệnh, gốc ung nhọt, gốc tên độc, gốc sâu não, gốc khổ, gốc uế trực, gốc tạp nhiễm, gốc không thanh tịnh, gốc không trắng sạch. Do đây gọi là căn bất thiện tham.

2. *Căn bất thiện sân: Thế nào là sân?* Nghĩa là đối với các hữu tình muốn gây tổn hại, tâm luôn ôm giữ sự tàn hại, muốn gây não loạn cho mọi người. Đã giận, đang giận, sẽ giận, ưa gieo họa hay các thứ tai họa trầm trọng cho người khác, ý luôn phần hận, hành tác trái ngược, tàn bạo đối với các hữu tình. Đã gây tội lỗi, hiện gây tội lỗi, sẽ gây tội lỗi v.v..., gọi chung là sân. *Thế nào là căn bất thiện?* Tức pháp sân giận này tánh là bất thiện, có thể gây tạo vô lượng gốc của pháp bất thiện, thế nên pháp ấy có thể làm gốc bệnh, gốc ung nhọt, gốc tên độc, gốc sâu não, gốc khổ, gốc uế trực, gốc tạp nhiễm, gốc không thanh tịnh, gốc không trắng sạch. Do đây gọi là căn bất thiện sân.

3. *Căn bất thiện si*: Thế nào là si? Nghĩa là đối với biên vực trước không nhận biết, biên vực sau không nhận biết, cả biên vực trước sau đều không nhận biết. Không nhận biết trong, không nhận biết ngoài, cả trong ngoài đều không nhận biết. Không nhận biết nghiệp, không nhận biết dị thực, không nhận biết dị thực của nghiệp. Đối với việc tạo nghiệp thiện không nhận biết, tạo nghiệp ác cũng không nhận biết, cả tạo nghiệp thiện ác cũng không nhận biết. Không nhận biết nhân, không nhận biết pháp do nhân sinh ra. Không nhận biết Phật, không nhận biết Pháp, không nhận biết Tăng. Đối với Khổ không nhận biết, Tập không nhận biết, Diệt không nhận biết, Đạo cũng không nhận biết. Không nhận biết pháp nào là thiện, pháp nào là bất thiện. Không nhận biết pháp nào là có tội, pháp nào là không tội. Không nhận biết pháp nào nên tu, pháp nào không nên tu. Không nhận biết pháp nào là thấp kém, pháp nào là thắng diệu. Pháp đen không nhận biết, pháp trắng cũng không nhận biết. Không nhận biết pháp nào là đối địch, pháp nào là duyên sinh. Đối với sáu xúc xứ cũng không nhận biết đúng như thật. Như thế là không thấy, không biết, không hiện quán. Tất cả đều tối tăm, ngu si, mờ mịt. Luôn bị vây bọc buộc ràng trong một màn lưới mông muội, ngờ nghệch, đầy những vắn đục ngăn che. Từ đó phát sinh đui mù, đần độn, vô trí, diệt hết tuệ sáng, chướng ngại các pháp thiện, khiến không nhận biết Niết-bàn. Nó là lậu vô minh, là bộc lưu vô minh, là ách vô minh, là gốc độc vô minh, thân độc vô minh, cành độc vô minh, lá độc vô minh, hoa độc vô minh, quả độc vô minh. Là si cùng si, si cùng cực, si tàn tệ, là loại si sinh ra si, tàn tệ sinh ra tàn tệ v.v... gọi chung là si. *Thế nào là căn bất thiện?* Tức pháp si này tánh là bất thiện, có thể gây tạo vô lượng gốc của pháp bất thiện, thế nên pháp ấy có thể làm gốc bệnh, gốc ung nhọt, gốc tên độc, gốc sâu não, gốc khô, gốc ứ trọc, gốc tạp nhiễm, gốc không thanh tịnh, gốc không trắng sạch. Do đây gọi là căn bất thiện si.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Các ác tham, sân, si
 Não hại nơi tâm mình
 Như ruột cây có sâu
 Vỏ và trái đều hư.*

*

* **Ba căn thiện:** 1. Căn thiện không tham. 2. Căn thiện không sân. 3. Căn thiện không si.

1. *Căn thiện không tham: Thế nào là không tham?* Nghĩa là đối với cảnh dục có các thứ không tham không cùng tham, không nắm giữ, không cất giấu, không phòng hộ, không chấp chặt, không yêu thích, không mê muội, không đắm vướng, không đam mê ưa muốn khắp, không trói buộc nội tâm, không dục cầu, không tham đắm, không phải là khổ tập, không phải là loại tham, không phải sinh ra tham v.v... gọi chung là không tham. *Thế nào là căn thiện?* Tức pháp không tham này tánh là thiện, có thể gây tạo vô lượng gốc của pháp thiện, thế nên pháp ấy có thể làm gốc không bệnh, gốc không ung nhọt, gốc không tên độc, gốc không uế trước, gốc không tạp nhiễm, là gốc thanh tịnh, là gốc trắng sạch. Do đây gọi là căn thiện không tham.

2. *Căn thiện không sân: Thế nào là không sân?* Nghĩa là đối với các hữu tình không gây tổn hại, tâm không ôm giữ tàn hại, không muốn gây não loạn cho mọi người. Không phải là đã từng giận, đang giận, sẽ giận, không ưa gieo họa hay các thứ tai họa trầm trọng cho người khác, ý không phẫn hận, không hành tác trái ngược, tàn bạo đối với các hữu tình. Không hề đã, đang và sẽ gây tội lỗi v.v... gọi chung là không sân. *Thế nào là căn thiện?* Tức pháp không sân này tánh là thiện, có thể gây tạo vô lượng gốc của pháp thiện, thế nên pháp ấy có thể làm gốc không bệnh, gốc không ung nhọt, gốc không

tên độc, gốc không uế trước, gốc không tạp nhiễm, là gốc thanh tịnh, là gốc trắng sạch. Do đây gọi là căn thiện không sân.

3. *Căn thiện không si: Thế nào là không si?* Nghĩa là trí nhận biết biên vực trước, trí nhận biết biên vực sau, trí nhận biết cả biên vực trước sau. Trí nhận biết trong, trí nhận biết ngoài, trí nhận biết cả trong ngoài. Trí nhận biết nghiệp, trí nhận biết dị thực, trí nhận biết cả dị thực của nghiệp. Trí nhận biết việc tạo nghiệp thiện, trí nhận biết việc tạo nghiệp ác, trí nhận biết cả việc tạo nghiệp thiện ác. Trí nhận biết nhân, trí nhận biết pháp do nhân sinh ra. Trí nhận biết Phật, Pháp, Tăng. Trí nhận biết khổ, tập, diệt, đạo. Trí nhận biết pháp thiện và pháp bất thiện. Trí nhận biết pháp có tội, pháp không tội. Trí nhận biết pháp nào nên tu, pháp nào không nên tu. Trí nhận biết pháp thấp kém, pháp thắng diệu. Trí nhận biết pháp đen, pháp trắng. Trí nhận biết pháp đối địch, pháp duyên sinh. Trí nhận biết sáu xúc xú đúng như thật. Như thế là trí thấy biết sáng tỏ, tuệ hiểu, quán thấu suốt, gọi chung là không si. *Thế nào là căn thiện?* Tức pháp không si này tánh là thiện, có thể gây tạo vô lượng gốc của pháp thiện, thế nên pháp ấy có thể làm gốc không bệnh, gốc không ung nhọt, gốc không tên độc, gốc không uế trước, gốc không tạp nhiễm, là gốc thanh tịnh, là gốc trắng sạch. Do đây gọi là căn thiện không si.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu lìa tham, sân, si
Thì gọi là bậc trí
Cũng gọi là Thượng sĩ
Không nào hại tự tâm.
Thế nên phải xa lìa
Tham sân cùng vô minh
Siêng tu khởi tuệ sáng
Mau dứt hết các khổ.*

* **Ba tâm bất thiện:** 1. Tâm dục. 2. Tâm giận. 3. Tâm hại.

1. *Thế nào là tâm dục?*

Đáp: Nghĩa là dục tham tương ưng với các tâm tìm cầu, tìm cầu khắp, tìm cầu gần, tâm hiển bày, hiển bày cùng cực, hiển bày hiện tiền, suy lường, nêu kế sách, tư duy, phân biệt. Gọi chung là tâm dục.

2. *Thế nào là tâm giận?*

Đáp: Nghĩa là sân giận tương ưng với các tâm tìm cầu, tìm cầu khắp, tìm cầu gần, tâm hiển bày, hiển bày cùng cực, hiển bày hiện tiền, suy lường, nêu kế sách, tư duy, phân biệt. Gọi chung là tâm giận.

3. *Thế nào là tâm hại?*

Đáp: Nghĩa là hại tương ưng với các tâm tìm cầu, tìm cầu khắp, tìm cầu gần, tâm hiển bày, hiển bày cùng cực, hiển bày hiện tiền, suy lường, nêu kế sách, tư duy, phân biệt. Gọi chung là tâm hại.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tâm ác phục chúng sinh
 Khiến nơi uế thấy tịnh
 Càng thêm lớn tham ái
 Tự buộc trói chặt mình.*

*

* **Ba tâm thiện:** 1. Tâm xuất ly. 2. Tâm không giận. 3. Tâm không hại.

1. *Thế nào là tâm xuất ly?*

Đáp: Nghĩa là suy xét về các lỗi lầm tai họa do tâm dục gây ra. Do tâm dục này là pháp bất thiện, chỉ có hạng thấp kém mới tin hiểu hành tác. Tất cả chư Như Lai cùng các đệ tử, những bậc Hiền quý, Thiện sĩ đều cùng chê trách, chán lìa, vì pháp ấy hại mình, hại người và hại cả hai, có thể diệt mất trí tuệ, tạo chướng ngại cho các

đạo phẩm và Niết-bàn. Nếu hành theo pháp ấy thì không sinh thông tuệ, không dẫn đến Bồ-đề, không chứng được Niết-bàn. Khi suy xét về các lỗi lầm tai họa của tâm dục như thế, các tâm luôn tìm cầu, tìm cầu khắp, tìm cầu gần, tâm hiển bày, hiển bày tận cùng, hiển bày hiện tiền, suy lường, nêu kế sách, tư duy, phân biệt. Đó gọi là tâm xuất ly.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ tâm dục nên suy xét về các công đức của tâm xuất ly. Nghĩa là tâm xuất ly này là pháp thắng thiện, được những bậc tôn thắng luôn tin hiểu hành trì. Tất cả chư Như Lai cùng các đệ tử, những bậc Hiền quý, Thiện sĩ đều cùng khen ngợi, vì pháp ấy không hại mình, không hại người hay không hại cả hai, cũng không diệt mất trí tuệ, không tạo chướng ngại cho các đạo phẩm và Niết-bàn. Nếu hành theo pháp ấy thì có thể phát sinh thông tuệ, có thể dẫn đến Bồ-đề, có thể chứng đắc Niết-bàn. Khi suy xét về các công đức của tâm xuất ly như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v..., cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm xuất ly.

Lại nữa, suy xét về tâm dục như bệnh, như ung nhọt, như tên độc gây não hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã v.v... chuyển động, gây khó nhọc, mệt mỏi, suy yếu v.v..., là pháp hư hoại. Nó hiện ra nhanh chóng, không hề dừng nghỉ, luôn suy tàn, mục nát, không phải thường hằng, không thể bảo vệ tin cậy, vì là pháp biến hoại. Khi suy xét về các tâm dục như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v..., cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm xuất ly.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ tâm dục, nên tư duy về diệt là sự tịch tĩnh chân thật, tư duy về đạo là nẻo xuất ly chân thật. Khi tư duy về diệt, đạo như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v..., cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm xuất ly.

Lại nữa, khi tư duy về định tâm xả và đạo tâm xả tương ưng với định, là định vô tướng, định diệt tận và trạch diệt. Khi tư duy như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v..., cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm xuất ly.

Lại nữa, khi tư duy về nẻo xuất ly và xuất ly tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, và khi người ấy cùng khởi nghiệp thân, ngữ, nhưng tâm không tương ưng với hành v.v..., các tâm luôn tìm cầu v.v... cho đến phân biệt. Đó gọi là tầm xuất ly.

2. Thế nào là tầm không giận?

Đáp: Nghĩa là suy xét về các lỗi lầm tai họa do tầm giận gây ra. Do tầm giận này là pháp bất thiện, chỉ có hạng thấp kém mới tin hiểu hành tác. Tất cả chư Như Lai cùng các đệ tử, những bậc Hiền quý, Thiện sĩ đều cùng chê trách, chán lia, vì pháp ấy hại mình, hại người và hại cả hai, có thể diệt mất trí tuệ, tạo chướng ngại cho các đạo phẩm và Niết-bàn. Nếu hành theo pháp ấy thì không sinh thông tuệ, không dẫn đến Bồ-đề, không chứng được Niết-bàn. Khi suy xét về các lỗi lầm tai họa của tầm giận như thế, các tâm luôn tìm cầu, tìm cầu khắp, tìm cầu gần, tâm hiển bày, hiển bày tận cùng, hiển bày hiện tiền, suy lường, nêu kế sách, tư duy, phân biệt. Đó gọi là tầm không giận.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ tầm giận nên suy xét về các công đức của tầm không giận. Nghĩa là tầm không giận này là pháp thắng thiện, được những bậc tôn thắng luôn tin hiểu hành trì. Tất cả chư Như Lai cùng các đệ tử, những bậc Hiền quý, Thiện sĩ đều cùng khen ngợi, vì pháp ấy không hại mình, không hại người hay không hại cả hai, cũng không diệt mất trí tuệ, không tạo chướng ngại cho các đạo phẩm và Niết-bàn. Nếu hành theo pháp ấy thì có thể phát sinh thông tuệ, có thể dẫn đến Bồ-đề, có thể chứng đắc Niết-bàn. Khi suy xét về các công đức của tầm không giận như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v... cho đến phân biệt. Đó gọi là tầm không giận.

Lại nữa, suy xét về tầm giận như bệnh, như ung nhọt, như tên độc gây não hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã v.v... chuyển động, gây khó nhọc, mệt mỏi, suy yếu v.v..., là pháp hư hoại. Nó hiện ra nhanh chóng, không hề dừng nghỉ, luôn suy tàn, mục nát, không phải thường hằng, không thể bảo vệ tin cậy, vì là pháp biến

hoại. Khi suy xét về các tâm giận như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v... cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm không giận.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ tâm giận, nên tư duy về diệt là sự tịch tĩnh chân thật, tư duy về đạo là nẻo xuất ly chân thật. Khi tư duy về diệt, đạo như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v... cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm không giận.

Lại nữa, khi tư duy về định tâm từ và đạo tâm từ tương ưng với định, là định vô tướng, định diệt tận và trạch diệt. Khi tư duy như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v... cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm không giận.

Lại nữa, khi tư duy về không giận và không giận tương ưng với thọ, tướng, hành, thức, và khi người ấy cùng khởi nghiệp thân, ngữ, nhưng tâm không tương ưng với hành v.v..., các tâm luôn tìm cầu v.v... cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm không giận.

3. Thế nào là tâm không hại?

Đáp: Nghĩa là suy xét về các lỗi lầm tai họa do tâm hại gây ra. Do tâm hại này là pháp bất thiện, chỉ có hạng thấp kém mới tin hiểu hành tác. Tất cả chư Như Lai cùng các đệ tử, những bậc Hiền quý, Thiện sĩ đều cùng chê trách, chán lia, vì pháp ấy hại mình, hại người và hại cả hai, có thể diệt mất trí tuệ, tạo chướng ngại cho các đạo phẩm và Niết-bàn. Nếu hành theo pháp ấy thì không sinh thông tuệ, không dẫn đến Bồ-đề, không chứng được Niết-bàn. Khi suy xét về các lỗi lầm tai họa của tâm hại như thế, các tâm luôn tìm cầu, tìm cầu khắp, tìm cầu gần, tâm hiển bày, hiển bày tận cùng, hiển bày hiện tiền, suy lường, nêu kể sách, tư duy, phân biệt. Đó gọi là tâm không hại.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ tâm hại nên suy xét về các công đức của tâm không hại. Nghĩa là tâm không hại này là pháp thắng thiện, được những bậc tôn thắng luôn tin hiểu hành trì. Tất cả chư Như Lai cùng các đệ tử, những bậc Hiền quý, Thiện sĩ đều cùng khen ngợi, vì

pháp ấy không hại mình, không hại người hay không hại cả hai, cũng không diệt mất trí tuệ, không gây chướng ngại cho các đạo phẩm và Niết-bàn. Nếu hành theo pháp ấy thì có thể phát sinh thông tuệ, có thể dẫn đến Bồ đề, có thể chứng đắc Niết-bàn. Khi suy xét về các công đức của tâm không hại như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v..., cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm không hại.

Lại nữa, suy xét về tâm hại như bệnh, như ung nhọt, như tên độc gây não hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã v.v... chuyển động, gây khó nhọc, mệt mỏi, suy yếu v.v..., là pháp hư hoại. Nó hiện ra nhanh chóng, không hề dừng nghỉ, luôn suy tàn, mục nát, không phải thường hằng, không thể bảo vệ tin cậy, vì là pháp biến hoại. Khi suy xét về các tâm hại như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v..., cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm không hại.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ tâm hại, nên tư duy về diệt là sự tịch tĩnh chân thật, tư duy về đạo là nẻo xuất ly chân thật. Khi tư duy về diệt, đạo như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v..., cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm không hại.

Lại nữa, khi tư duy về định tâm bi và đạo tâm bi tương ưng với định, là định vô tướng, định diệt tận và trạch diệt. Khi tư duy như thế, các tâm luôn tìm cầu v.v..., cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm không hại.

Lại nữa, khi tư duy về không hại và không hại tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, và khi người ấy cùng khởi nghiệp thân, ngữ, nhưng tâm không tương ưng với hành v.v..., các tâm luôn tìm cầu v.v..., cho đến phân biệt. Đó gọi là tâm không hại.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ưu diệt các tâm ác
Siêng tu quán bất tịnh
Thường nghĩ đoạn tham ái
Hay hoại trói buộc chắc.*

*

* **Ba hành ác:** 1. Thân hành ác. 2. Miệng nói ác. 3. Ý nghĩ ác.

1. *Thế nào là thân hành ác?*

Đáp: Nghĩa là đoạn dứt sinh mạng, không cho mà lấy và dâm dục tà hạnh. Lại nữa, là đoạn dứt sinh mạng, không cho mà lấy và phi phạm hạnh. Lại nữa, hết thấy nghiệp thân bất thiện hiện có, hết thấy nghiệp thân hiện có dẫn đến không đúng lý, hết thấy nghiệp thân hiện có gây chướng ngại nơi định, gọi chung là thân hành ác.

2. *Thế nào là miệng hành ác?*

Đáp: Nghĩa là nói dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói lời uế tạp. Lại nữa, hết thấy nghiệp ngữ bất thiện hiện có, hết thấy nghiệp ngữ hiện có dẫn đến không đúng lý, hết thấy nghiệp ngữ hiện có gây chướng ngại nơi định, gọi chung là miệng hành ác.

3. *Thế nào là ý hành ác?*

Đáp: Nghĩa là tham dục, giận dữ, tà kiến. Lại nữa, hết thấy nghiệp ý bất thiện hiện có, hết thấy nghiệp ý hiện có dẫn đến không đúng lý, hết thấy nghiệp ý hiện có gây chướng ngại nơi định, gọi chung là ý hành ác.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu thân tạo hành ác
Miệng, ý hành ác rồi
Không tu pháp đối trị
Nên đọa nơi địa ngục.*

*

* **Ba hành diêu:** 1. Thân hành diêu. 2. Miệng hành diêu. 3. Ý hành diêu.

1. *Thế nào là thân hành diêu?*

Đáp: Nghĩa là lia bỏ đoạn dứt sinh mạng, lia bỏ không cho mà lấy, lia bỏ dâm dục tà hạnh. Lại nữa, lia bỏ đoạn dứt sinh mạng, lia bỏ không cho mà lấy, lia bỏ phi phạm hạnh. Lại nữa, các nghiệp thân của hàng hữu học, các nghiệp thân của bậc vô học, các nghiệp thân thiện của hàng phi học phi vô học, gọi chung là thân hành diệu.

2. Thế nào là miệng hành diệu?

Đáp: Nghĩa là lia bỏ nói dối, lia bỏ nói lời ly gián, lia bỏ nói lời thô ác, lia bỏ nói lời ướm tạt. Lại nữa, các nghiệp ngữ của hàng hữu học, các nghiệp ngữ của bậc vô học, các nghiệp ngữ thiện của hàng phi học phi vô học, gọi chung là miệng hành diệu.

3. Thế nào là ý hành diệu?

Đáp: Nghĩa là không tham, không giận và chánh kiến. Lại nữa, các nghiệp ý của hàng hữu học, các nghiệp ý của bậc vô học, các nghiệp ý thiện của hàng phi học phi vô học, gọi chung là ý hành diệu.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu thân tu hành diệu
Miệng, ý hành diệu rồi
Duyên trở ngại đều không
Nên sinh Thiên thọ lạc.*

*

*** Các giới dục, giận, hại. Các giới xuất ly, không giận, không hại:** Như nơi Luận Pháp Uẩn đã nêu.

*

*** Giới dục, giới sắc, giới vô sắc:** Cũng như nơi Luận Pháp Uẩn đã nêu. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Các hữu hay biết khắp
Giới dục, sắc, vô sắc*

*Khởi nương nơi tất cả
Sẽ chạm vô dư y.
Thân chứng giới cam lồ
Vô lậu không nghĩ bàn
Thế Tôn nói Niết-bàn
Vì lợi ích quần sinh.*

*

* **Giới sắc, giới vô sắc và giới diệt:** Cũng như nơi Luận Pháp Uẩn đã nêu. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Hữu tình trụ giới sắc
Cùng trụ giới vô sắc
Không chứng biết nơi diệt
Nhất định đến thân sau.
Nếu biết khắp giới sắc
Không trụ nơi vô sắc
Hướng đến diệt cứu cánh
Tức giải thoát sinh tử.*

**

2. Tụng nêu tổng quát thứ hai:

**Hai: Ba pháp có mười
Đòi, ngôn y, xứ, hành
Tâm, sở thú, Thượng tọa
Tụ, cử, không hộ, ba.**

Gồm có: Ba đòi, ba ngôn y, ba xứ sắc, ba hành, ba tâm, ba Bồ-đặc-già-la, ba Thượng tọa, ba tụ, ba sự nêu tội, ba không phòng hộ.

*

* **Ba đời:** 1. Đời quá khứ. 2. Đời vị lai. 3. Đời hiện tại.

1. *Thế nào là đời quá khứ?*

Đáp: Nghĩa là các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, đã tụ tập, đã xuất hiện, đều tàn tạ đi qua, là diệt hết, là lìa biến, là tánh quá khứ, là loại quá khứ, thuộc về đời quá khứ. Đó gọi là đời quá khứ.

2. *Thế nào là đời vị lai?*

Đáp: Nghĩa là các hành chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển, chưa hiện chuyển, chưa tụ tập, chưa xuất hiện, là tánh vị lai, là loại vị lai, thuộc về đời vị lai. Đó gọi là đời vị lai.

3. *Thế nào là đời hiện tại?*

Đáp: Nghĩa là các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, tụ tập, xuất hiện, trụ dừng, chưa tàn tạ, chưa diệt hết, chưa lìa biến, đang hòa hợp hiện tiền, là tánh hiện tại, là loại hiện tại, thuộc về đời hiện tại. Đó gọi là đời hiện tại.

Đời là nghĩa thế nào? Đáp: Đời là hiển bày các hành tăng ngữ.

*

* **Ba ngôn y:** 1. Quá khứ ngôn y. 2. Vị lai ngôn y. 3. Hiện tại ngôn y.

1. *Quá khứ ngôn y:* Quá khứ là gì, ngôn là gì, y là gì, mà nói là Quá khứ ngôn y?

Đáp: Các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã tàn tạ đi qua, là diệt hết, là lìa biến, là tánh quá khứ, là loại quá khứ, thuộc về đời quá khứ, đó gọi là *quá khứ*. Tức y (Nương dựa) vào quá khứ như thế các hành đã khởi: Nói năng, nêu bày, bình luận, kêu gọi, tuyên

thuyết, hiển thị, dạy khuyên nơi ngữ lộ, ngữ âm, ngữ nghiệp, ngữ biểu, đó gọi là *ngôn*. Tức như những điều đã nói ở trước, các hành của quá khứ cũng gọi là *y* (Nương dựa). Là *ngôn* nhân nơi gốc, theo con đường của mắt duyên khởi nên liên tục phát sinh, có thể tạo sinh duyên tập cùng khởi, vì dựa vào các hành của quá khứ khởi các ngôn thuyết, nên các hành của quá khứ gọi là *Quá khứ ngôn y*.

2. *Vị lai ngôn y*: Vị lai là gì, ngôn là gì, y là gì, mà nói là Vị lai ngôn y?

Đáp: Các hành chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển, chưa hiện chuyển, chưa tụ tập, chưa xuất hiện, là tánh vị lai, là loại vị lai, thuộc về đời vị lai, đó gọi là *vị lai*. Tức *y* (Nương dựa) vào vị lai như thế các hành đã khởi: Nói năng, nêu bày, bình luận, kêu gọi, tuyên thuyết, hiển thị, dạy khuyên nơi ngữ lộ, ngữ âm, ngữ nghiệp, ngữ biểu, đó gọi là *ngôn*. Tức như những điều đã nói ở trước, các hành của vị lai cũng gọi là *y* (Nương dựa). Là *ngôn* nhân nơi gốc, theo con đường của mắt duyên khởi nên liên tục phát sinh, có thể tạo sinh duyên tập cùng khởi, vì dựa vào các hành của vị lai khởi các ngôn thuyết, nên các hành của vị lai gọi là *Vị lai ngôn y*.

3. *Hiện tại ngôn y*: Hiện tại là gì, ngôn là gì, y là gì, mà nói là Hiện tại ngôn y?

Đáp: Các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, tụ tập, xuất hiện, trụ dừng, chưa tàn tạ, chưa diệt hết, chưa lìa biến, đang hòa hợp hiện tiền, là tánh hiện tại, là loại hiện tại, thuộc về đời hiện tại, đó gọi là *hiện tại*. Tức *y* (Nương dựa) vào hiện tại như thế các hành đã khởi: Nói năng, nêu bày, bình luận, kêu gọi, tuyên thuyết, hiển thị, dạy khuyên nơi ngữ lộ, ngữ âm, ngữ nghiệp, ngữ biểu, đó gọi là *ngôn*. Tức như những điều đã nói ở trước, các hành của hiện tại cũng gọi là *y* (Nương dựa). Là *ngôn* nhân nơi gốc, theo con đường của mắt duyên khởi nên liên tục phát sinh, có

thể tạo sinh duyên tập cùng khởi, vì dựa vào các hành của hiện tại khởi các ngôn thuyết, nên các hành của hiện tại cũng gọi là *Hiện tại ngôn y*.

Không có loại thứ tư, thứ năm, vì dựa vào hữu vi mà nói. Nghĩa là pháp hữu vi chỉ có ba thứ, lại không có loại thứ tư, thứ năm có thể đạt được. Có thuyết nói đây là dựa vào tất cả pháp mà nói, các pháp vô vi tức thuộc vào hiện tại ngôn y. Lại không có loại thứ tư, thứ năm có thể đạt được. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Hữu tình ưa ngôn tưởng
Hàng nương ngôn tưởng trụ
Chưa biết khắp ngôn tưởng
Vào sinh tử vô cùng.
Nếu biết khắp ngôn tưởng
Nơi khác không ngôn thuyết
Cũng chẳng ưa khác nói
Thường vui tu tĩnh lự.
Định tịch siêng tinh tấn
Thấy bờ sinh tử hết
Diệt trừ các quân ma
Vượt sinh tử, bờ kia.*

*

* **Ba xứ sắc:** Nghĩa là có ba xứ gồm thân tất cả sắc. *Những gì là ba?* 1. Có sắc, có kiến, có đối. 2. Có sắc, không kiến, có đối. 3. Có sắc, không kiến, không đối.

1. *Thế nào là có sắc, có kiến, có đối?*

Đáp: Đó là một xứ.

2. *Thế nào là có sắc, không kiến, có đối?*

Đáp: Đó là chín xứ.

3. Thế nào là có sắc, không kiến, không đối?

Đáp: Đó là phần ít của một xứ.

*

* **Ba hành:** 1. Hành của thân. 2. Hành của miệng. 3. Hành của ý.

1. Thế nào là hành của thân?

Đáp: Thân cũng gọi là hành của thân. Nghiệp thân cũng gọi là hành của thân. Hít vào thở ra cũng gọi là hành của thân. Ở trong nghĩa này ý nói hít vào thở ra là hành của thân. Vì sao? Vì hít vào, nghĩa là hô hấp đưa khí từ ngoài vào trong thân. Thở ra, tức là đưa khí từ trong thân ra ngoài. Do lực của cách thế đó nên khiến thân chuyển động thông suốt và được yên ổn. Thế nên hít vào thở ra gọi là hành của thân.

2. Thế nào là hành của miệng?

Đáp: Lời nói cũng gọi là hành của miệng. Nghiệp ngữ cũng gọi là hành của miệng. Tầm tứ (giác, quán) cũng gọi là hành của miệng. Ở trong nghĩa này ý nói tầm tứ là hành của miệng. Vì sao? Vì cần phải tầm tứ rồi mới phát ra lời nói, không phải là không tầm tứ. Thế nên tầm tứ gọi là hành của miệng.

3. Thế nào là hành của ý?

Đáp: Ý cũng gọi là hành của ý. Nghiệp ý cũng gọi là hành của ý. Tưởng, tư cũng gọi là hành của ý. Ở trong nghĩa này ý nói tưởng tư là hành của ý. Vì sao? Vì tưởng và tư là pháp tâm sở, nương dựa nơi tâm, hệ thuộc vào tâm, nương vào tâm mà chuyển lại hỗ trợ cho tâm. Thế nên tưởng tư gọi là hành của ý.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 4

Phẩm 4: BA PHÁP, phần 2

* **Ba tâm:** 1. Tâm dụ như lậu nhọt. 2. Tâm dụ như ánh chớp. 3. Tâm dụ như kim cương.

1. *Thế nào là tâm dụ như lậu nhọt?*

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại hữu tình bầm tánh rất hung ác, nói năng thô dữ. Khi có chút xúc não liền khởi nhiều phần nộ, kết oán gây hận, nói năng hung bạo. Như lậu nhọt ác vừa bị vật chạm thì vỡ ra, máu mủ đầm đìa. Tâm kia cũng như vậy, chỉ cần gặp chút nghịch duyên là liền giận dữ, oán hận không dứt.

Vì sao tâm của kẻ ấy gọi là dụ như lậu nhọt? Vì tâm ý thức của kẻ ấy vừa xúc chạm nơi duyên tức thì phát sinh vô số các thứ uế ác. Thế nên gọi là tâm dụ như lậu nhọt.

2. *Thế nào là tâm dụ như ánh chớp?*

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại hữu tình thường ở chốn A-lan-nhã, hoặc ở bên các gốc cây, hay trụ nơi trống vắng, siêng năng tu tập, tu tập nhiều, nên chứng được tâm định tịch tĩnh như thế. Do nương nơi tâm định ấy nên có thể vĩnh viễn đoạn trừ năm kiết thuận phần dưới, chứng được quả Bất hoàn,

thọ hóa sinh bậc thượng tức trụ nơi cõi trên, đấng Bát Niết-bàn, không còn sinh trở lại nơi cõi Dục. Giống như trời cuối hạ sang đầu thu, từ đám mây dày đặc kia phát ra ánh chớp, vừa hiện hình sắc thì liền ẩn mất. Như thế, một loại hữu tình thường ở chốn A-lan-nhã cho đến nói rộng. Vị ấy đã có được tâm gọi là dụ như ánh chớp.

Vì sao tâm của vị ấy gọi là dụ như ánh chớp? Vì tâm ý thức của vị ấy chứng quả Bất hoàn, vừa có thể tỏa sáng liền trở lại ẩn mất. Thế nên gọi là tâm dụ như ánh chớp.

3. Thế nào là tâm dụ như kim cương?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại hữu tình thường ở chốn A-lan-nhã, hoặc ở bên các gốc cây, hay trụ nơi trống vắng, siêng năng tu tập, tu tập nhiều, nên chứng được tâm định tịch tĩnh như thế. Do nương nơi tâm định ấy nên có thể dứt hết các lậu, chứng được tâm vô lậu, tuệ giải thoát. Ở trong hiện pháp nhờ có thông tuệ thù thắng, nên tự chứng biết thọ nhận các công đức viên mãn. Nghĩa là tự chứng biết: Nẻo sinh tử của Ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Ví như kim cương, không có một chút vật nào mà không thể cắt đứt, hoặc xuyên thủng, hoặc phá vỡ. Đó là những vật hoặc là sắt, ngà voi, sò ốc, hoặc sừng, hoặc châu báu, ngọc đá v.v... Như thế, một loại hữu tình thường ở chốn A-lan-nhã cho đến nói rộng. Vị ấy đã có được tâm gọi là dụ như kim cương.

Vì sao tâm của vị ấy gọi là dụ như kim cương? Vì tâm ý thức của vị ấy đã chứng được quả vô học, không có các kiết trói buộc nào mà không thể phá trừ. Thế nên gọi là tâm dụ như kim cương.

*

* **Ba hữu tình:** 1. Hữu tình trí tuệ bị che kín. 2. Hữu tình trí tuệ ở nơi đầu gối. 3. Hữu tình trí tuệ rộng lớn.

1. Thế nào là hữu tình trí tuệ bị che kín?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại hữu tình, vì muốn được nghe pháp nên ngồi trước vị Bí-sô, Bí-sô thương xót nên giảng nói các pháp yếu, chỉ bày các pháp trước, giữa, sau đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần nhất viên mãn, phạm hạnh trong trắng. Hữu tình ấy, ở nơi pháp tòa, đối với các pháp đã giảng nói gồm đủ các phần trước, giữa, sau đều không thể nhận biết, nhưng từ nơi tòa đứng dậy, đối với các pháp đã giảng như trước cũng không thể hiểu rõ. Vì sao? Vì hữu tình ấy đều không có trí tuệ, giống như một cái bình đầy kín, tuy rót nhiều nước nhưng không chảy vào được giọt nào. Như thế, một loại hữu tình vì muốn được nghe pháp nên ngồi trước vị Bí-sô, nói rộng cho đến hữu tình ấy hoàn toàn không có trí tuệ. Đó gọi là hữu tình trí tuệ bị che kín.

Do đâu gọi là hữu tình trí tuệ bị che kín? Vì người ấy có trí tuệ như thế, khi ở nơi pháp tòa, đối với các pháp đã giảng nói gồm đủ các phần trước, giữa, sau, tuy đều muốn nghe hiểu, nhưng do không có trí tuệ nên không thể hiểu được gì. Vị ấy có trí tuệ như vậy, nên từ tòa ngồi đứng dậy, đối với các pháp đã giảng nói như trước, tuy đều muốn hiểu nhưng vì không có trí tuệ nên cũng không thể hiểu được. Vì vậy gọi là hữu tình trí tuệ bị che kín.

2. Thế nào là hữu tình trí tuệ ở nơi đâu gói? (Rất hạn chế)

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại hữu tình, vì muốn được nghe pháp nên ngồi trước vị Bí-sô, Bí-sô thương xót nên giảng nói các pháp yếu, chỉ bày các pháp trước, giữa, sau đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần nhất viên mãn, phạm hạnh trong trắng. Hữu tình ấy, ở nơi pháp tòa, đối với các pháp đã giảng nói gồm đủ các phần trước, giữa, sau thấy đều có thể nhận biết, nhưng từ nơi tòa ngồi đứng dậy ra về thì đều không thể hiểu rõ, tức trước tuy lãnh nhận nhưng sau lại quên mất cả. Ví như có người

được thức ăn uống ngon đem để nơi đầu gối, do mất niệm nên khi đứng lên thì tất cả thức ăn đều rơi hết. Như thế, một loại hữu tình vì muốn được nghe pháp nên ngồi trước vị Bì-sô, nói rộng cho đến sau đó quên mất cả. Đó gọi là hữu tình trí tuệ ở nơi đầu gối.

Do đâu gọi là hữu tình trí tuệ ở nơi đầu gối? Vì người ấy có trí tuệ như thế, khi ở nơi pháp tòa, đối với các pháp đã giảng nói gồm đủ các phần trước, giữa, sau đều có thể nhận biết, nhưng từ nơi tòa ngồi đứng dậy ra về thì nơi các giáo pháp ấy tuy trước đã lãnh nhận nhưng sau đây đều quên mất. Vì vậy gọi là hữu tình trí tuệ ở nơi đầu gối.

3. Thế nào là hữu tình trí tuệ rộng lớn?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bì-sô nên biết! Thế gian có một loại hữu tình, do muốn được nghe pháp nên ngồi trước vị Bì-sô, Bì-sô thương xót giảng nói các pháp yếu, chỉ bày các pháp trước, giữa, sau đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần nhất viên mãn, phạm hạnh trong trắng. Hữu tình ấy, ở nơi pháp tòa, đối với các pháp đã giảng nói gồm đủ các phần trước, giữa, sau thấy đều có thể nhận biết, nhưng từ nơi tòa ngồi đứng dậy ra về vẫn còn nhớ hiểu các pháp đã lãnh nhận, lại có thể khéo nhận biết về nghĩa lý sâu xa nơi các pháp kia. Như các thiếu nữ thuộc tộc họ Sát-đế-lợi, hoặc tộc họ Bà-la-môn, hoặc là con các gia đình Trưởng giả, Cư sĩ v.v..., dùng nước sạch tắm gội, thoa các thứ dầu thơm, chải tóc, trang điểm diện mạo, mặc quần áo đẹp, mang chuỗi ngọc, vòng vàng khiến nhan sắc tăng thêm, chỉ còn thiếu các tràng hoa để cài lên mào đội đầu. Bấy giờ, nhiều người giàu sang mang các thứ tràng hoa quý, đẹp như Ôt-bát-la, Chiêm-bác-ca v.v... đem trao cho các thiếu nữ theo ý ưa thích của mình. Khi ấy, các cô gái vô cùng vui mừng, cung kính nhận lấy các tràng hoa, cài giắt lên mào đội đầu, thâm tâm yêu thích, hoàn toàn không để rơi mất. Như thế, một loại hữu tình do muốn được nghe pháp nên ngồi trước vị Bì-sô, nói rộng cho đến khéo nhận biết về nghĩa lý sâu xa nơi các pháp kia. Đó gọi là hữu tình trí tuệ rộng lớn.

Do đâu gọi là hữu tình trí tuệ rộng lớn? Vì người ấy có trí tuệ như thế, khi ở nơi pháp tòa, đối với các pháp đã giảng nói gồm đủ các phần trước, giữa, sau, do có trí tuệ nên thấy đều có thể nhận biết. Vị ấy có trí tuệ như vậy, nên từ nơi tòa ngồi đứng dậy ra về, thì nơi các pháp đã lãnh nhận ấy đều ghi nhớ, hiểu rõ, lại có thể khéo nhận biết về nghĩa lý sâu xa nơi các pháp kia. Vì vậy gọi là hữu tình trí tuệ rộng lớn.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tuệ che, không thông sáng
 Tuy nhiều lần nghe pháp
 Không trí nên chẳng hiểu
 Như rót nước bình kín.
 Tuệ đâu gói hơn trước
 Ngồi nghe tuy hiểu được
 Đứng dậy đều quên hết
 Như cơm để đầu gói.
 Tuệ rộng là thù thắng
 Ngồi nghe hoặc đứng dậy
 Văn nghĩa đều hiểu đủ
 Như thiếu nữ cài hoa.
 Đủ biện tài nhớ, giữ
 Ưa tu tịnh, trừ nhiễm
 Dứt kiêu mạn, phóng dật
 Hay bỏ các nẻo ác.*

*

* **Ba Thượng tọa:** 1. Thượng tọa lớn tuổi. 2. Thượng tọa thế tục. 3. Thượng tọa pháp tánh.

1. Thế nào là Thượng tọa lớn tuổi?

Đáp: Là có nhiều vị già cả, lớn tuổi. Đó gọi là Thượng tọa lớn tuổi.

2. Thế nào là Thượng tọa thế tục?

Đáp: Như có các Trưởng giả giàu sang hiểu biết pháp, cùng lập quy ước: Các hữu tình hiểu biết pháp, có nhiều tài sản, ngôi vị, thuộc tộc họ lớn, có thế lực, quyền thuộc, đồ chúng đông đảo hơn chúng ta, thì chúng ta đều nên suy tôn làm Thượng tọa, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi. Do nhân duyên ấy, nên có người tuy tuổi mới hai mươi, hai mươi lăm, nếu có khả năng hiểu biết pháp, có nhiều tài sản, ngôi vị, thuộc tộc họ lớn, có thế lực, quyền thuộc, đồ chúng đông đảo, thì đều nên hòa hợp suy tôn là Thượng tọa, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi. Như các nơi thành ấp, quận huyện, kinh đô trong nước, có những người học rộng, khéo hiểu biết về toán số, biện tài, luận thư, in ấn, hoặc thành thạo tinh xảo trong các ngành nghề, đều hơn người khác, thì nên cùng hòa hợp suy tôn là Thượng tọa, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi. Như trong lãnh vực buôn bán, những người giàu có nhất cũng được nhiều người cùng hòa hợp suy tôn là Thượng tọa, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi. Hoặc như các bậc vua chúa, đại thần v.v... cũng được dân chúng cùng cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán. Như chuyện vua Nan-đà thuộc dòng vua Trường Phát, muốn hưng binh chiến đấu nên chiêu mộ vua Mã Thắng thuộc dòng Sát-đế-lợi đến ban thưởng tiền bạc, vật báu, khiến vị ấy hiện bày vô số tài nghệ. Khi nhà vua biết rõ tài nghệ của Mã Thắng rồi, bèn bảo đại thần: Các vị nên biết! Ta muốn kính lễ nơi chân vua Mã Thắng thuộc dòng Sát-đế-lợi. Đại thần tâu: Thiên chủ không nên lễ nơi chân vua Mã Thắng thuộc dòng Sát-đế-lợi. Vì sao? Vì họ vốn là hàng quan phò tá nhà vua, vua không nên lay nơi chân hàng quan phò tá được. Các sự việc như thế có vô lượng thứ. Nay ở trong nghĩa này ý nói vua Nan-đà thuộc dòng vua Trường Phát thời ấy là Thượng tọa thế tục.

3. Thế nào là Thượng tọa pháp tánh?

Đáp: Những bậc trưởng thượng, cao niên đã thọ giới cụ túc, gọi là Thượng tọa pháp tánh. Có chỗ nói đây cũng là Thượng tọa lớn tuổi. Vì sao? Vì như Đức Phật nói: Xuất gia thọ giới cụ túc, gọi là sống chân chánh. Hoặc như các Bí-sô đã chứng quả A-la-hán, các lậu hoàn toàn dứt hết, những việc cần làm đã làm xong, đã buông bỏ gánh nặng, đạt được lợi mình, trừ sạch các kiết, chánh tri giải thoát, tâm khéo tự tại v.v... Ở trong nghĩa này ý nói như thế gọi là Thượng tọa pháp tánh.

Như Đức Thế Tôn nói về các Thượng tọa, có tụng:

*Tâm động nhiều thêu dệt
 Ý nhiễm, tư duy loạn
 Tuy ẩn lâu vườn rìng
 Không phải Thượng tọa thật.
 Đủ giới, trí, chánh niệm
 Tịch tĩnh, tâm giải thoát
 Hay quán đúng các pháp
 Là Thượng tọa chân chánh.*

*

* **Ba tụ:** 1. Tụ tà tánh định. 2. Tụ chánh tánh định. 3. Tụ bất định.

1. Thế nào là tụ tà tánh định?

Đáp: Tức là tạo năm thứ nghiệp vô gián.

2. Thế nào là tụ chánh tánh định?

Đáp: Tức là pháp hữu học và vô học.

3. Thế nào là tụ bất định?

Đáp: Tức là ngoại trừ năm nghiệp vô gián, là pháp hữu lậu khác, cùng vô vi.

*

* **Ba sự nên nêu tội:** 1. Do thấy nên nêu tội. 2. Do nghe nên nêu tội. 3. Do nghi nên nêu tội.

1. *Do thấy nên nêu tội:* Thế nào là thấy, thế nào là nêu tội, thế nào là sự việc, để nói là do thấy nên nêu tội?

Đáp: Thấy: Nghĩa là thấy có Bí-sô cố ý đoạn sinh mạng, vật không cho mà lấy, hành phi phạm hạnh, dâm dục, đã nhận biết đúng mà nói. Hoặc thấy có Bí-sô nói lời hư dối, cố ý xuất chất bất tịnh, ăn phi thời, uống các thứ rượu, tự tay đào đất, chặt phá cây cỏ, ca múa đàn nhạc, giắt cài hoa nơi mào đội đầu, hành tác phóng dật v.v... Đó gọi là do thấy nên nêu tội.

Tức có năm thứ nêu tội: a. Xét biết nên nêu tội. b. Nhớ nghĩ nên nêu tội. c. Nên tác pháp Yết-ma để nêu tội. d. Khi Bồ-sái-tha (Bồ-tát) an lập nên nêu tội. đ. Lúc Tứ cử (Tự tứ) an lập nên nêu tội.

Thế nào là xét biết nên nêu tội? Nghĩa là xét biết về Bí-sô khác, nói: Cụ thọ đã phạm tội như thế như thế, nên phát lồ sám hối, chớ nên che giấu. Nếu phát lồ sẽ được an ổn, không phát lồ tội càng nặng thêm. Đó gọi là xét biết nên nêu tội.

Thế nào là nhớ nghĩ nên nêu tội? Nghĩa là có chỉ dạy Bí-sô khác khiến họ tự nhớ nghĩ, bảo: Cụ thọ, ông đã từng phạm tội như thế như thế, nên phát lồ sám hối, chớ có che giấu. Nếu phát lồ sẽ được an ổn, không phát lồ tội càng nặng thêm. Đó gọi là nhớ nghĩ nên nêu tội.

Thế nào là nên tác pháp yết-ma để nêu tội? Nghĩa là nên bảo: Cụ thọ, chớ nên khiến tôi nhận biết mà im lặng. Ông nên ra khỏi trụ xứ này, tôi muốn nói với ông vài lời v.v... Đó gọi là nên tác pháp yết-ma để nêu tội.

Thế nào là khi Bồ-sái-tha (Bồ-tát) an lập nên nêu tội? Nghĩa là khi Bồ-sái-tha, nêu chỗ sai phạm, nói như vậy: Chúng Bí-sô đây hòa

hợp cùng ngồi hành pháp Bồ-tát. Tôi là Bí-sô tên v.v... nay vì hành Bồ-tát nên nêu chỗ sai phạm v.v... Đó gọi là khi Bồ-sái-tha an lập nên nêu tội.

Thế nào là khi Tứ cử (Tự tứ) an lập nên nêu tội? Nghĩa là khi Tứ cử, nêu chỗ sai phạm, nói như vậy: Chúng Bí-sô đây hòa hợp, cùng ngồi hành pháp Tứ cử. Tôi là Bí-sô tên v.v... nay vì chúng Tứ cử nên nêu chỗ sai phạm v.v... Đó gọi là khi Tứ cử an lập nên nêu tội.

Như vậy gọi là nêu tội. Còn sự việc tức như trước đã nói, là thấy các sự việc phạm tội. Đó gọi là sự việc. Như thế hợp gọi là do thấy nên nêu tội.

2. *Do nghe nên nêu tội*: Thế nào là nghe, thế nào là nêu tội, thế nào là sự việc, để nói là do nghe nên nêu tội?

Đáp: Nghe: Nghĩa là nghe có Bí-sô cố ý đoạn sinh mạng, vật không cho mà lấy, hành phi phạm hạnh, dâm dục, đã nhận biết đúng mà nói. Hoặc nghe có Bí-sô nói lời hư dối, cố ý xuất chất bất tịnh, ăn phi thời, uống các thứ rượu, tự tay đào đất, chặt phá cây cỏ, ca múa đàn nhạc, giắt cài hoa nơi mào đội đầu, hành tác phóng dật v.v... Đó gọi là do nghe nên nêu tội. Nghĩa là năm thứ nêu tội như trước đã nói. Như vậy gọi là nêu tội. Còn sự việc tức như trước đã nói, là nghe các sự việc phạm tội. Đó gọi là sự việc. Như thế hợp gọi là do nghe nên nêu tội.

3. *Do nghi nên nêu tội*: Thế nào là nghi, thế nào là nêu tội, thế nào là sự việc, để nói là do nghi nên nêu tội?

Đáp: Nghi: Nghĩa là do năm duyên nên sinh ra nghi: a. Do sắc. b. Do âm thanh. c. Do hương. d. Do vị. đ. Do xúc.

Do sắc nên sinh nghi: Tức như thấy có Bí-sô phi thời vào ra nơi thôn xóm, hoặc cùng với người nữ vào ra nơi tòng lâm, hoặc chơi thân với ngoại đạo, hoặc giao du với đám người Bán trạch ca, hoặc

lui tới thân mật với Bí-sô-ni, với dâm nữ, với đám trai trẻ, với các người nữ lớn tuổi, các quả phụ v.v... Thấy những việc đáng nghi như thế liền sinh nghi, nên suy nghĩ: Xem Bí-sô ấy hiện làm những việc không thanh tịnh như thế, đó không phải là Sa-môn, không phải là hạnh tùy thuận. Như vậy Bí-sô ấy nhất định đã phạm tội về pháp phi phạm hạnh. Đó gọi là do sắc nên sinh nghi.

Do âm thanh nên sinh nghi: Tức như nghe việc Bí-sô phi thời vào ra nơi thôn xóm, hoặc cùng với người nữ vào ra nơi tông lâm, hoặc chơi thân với ngoại đạo, hoặc giao du với đám người Bán trạch ca, hoặc lui tới thân mật với Bí-sô-ni, với dâm nữ, với đám trai trẻ, với các người nữ lớn tuổi, các quả phụ v.v... Nghe những việc đáng nghi như thế liền sinh nghi, nên suy nghĩ: Nghe Bí-sô ấy đã làm những việc không thanh tịnh như thế, đó không phải là Sa-môn, không phải là hạnh tùy thuận. Như vậy Bí-sô ấy nhất định đã phạm tội về pháp phi phạm hạnh. Đó gọi là do âm thanh nên sinh nghi.

Do hương nên sinh nghi: Tức như có Bí-sô hoặc do rửa tay, hoặc do rửa mặt, hoặc do uống nước, hoặc vì một lý do nào đấy nên vào chỗ ở của Bí-sô khác, ở đây có mùi hôi tạp nhiễm như là mùi của người nữ, mùi rượu thịt, hay mùi dầu thơm thoa, xông, hoặc một thứ mùi nào khác của sự dâm dật v.v... Ngửi các mùi như thế liền sinh nghi, nên suy nghĩ: Nay nơi trụ xứ của Bí-sô này đã có các thứ mùi không thanh tịnh như thế, đó không phải là Sa-môn, không phải là hạnh tùy thuận. Như vậy Bí-sô ấy nhất định đã phạm tội về pháp phi phạm hạnh. Đó gọi là do hương nên sinh nghi.

Do vị nên sinh nghi: Tức như có Bí-sô hoặc do rửa tay, hoặc do rửa mặt, hoặc do uống nước, hoặc vì một lý do nào đấy nên vào chỗ ở của Bí-sô khác, thấy Bí-sô kia trong miệng có ngậm nhai những vị tạp nhiễm như chất Đam-bồ-la, long não, đậu khấu, hoặc những chất

khác có vị của dâm dật v.v... Thấy như thế rồi liền sinh nghi, nên suy nghĩ: Bí-sô này nay đã nếm các vị không thanh tịnh như thế, đó không phải là Sa-môn, không phải là vị tùy thuận. Như vậy Bí-sô ấy nhất định đã phạm tội về pháp phi phạm hạnh. Đó gọi là do vị nên sinh nghi.

Do xúc nên sinh nghi: Tức như có Bí-sô hoặc do rửa tay, hoặc do rửa mặt, hoặc do uống nước, hoặc vì một lý do nào đấy nên vào chỗ ở của Bí-sô khác, thấy Bí-sô kia đang nằm trên giường tòa có hương báu, trang sức bằng những thứ lụa là mềm mại, cùng gắm vóc nhưng tơ làm phu cụ. Ở hai đầu giường đều có đặt một chiếc gối đỏ, dùng vải Ca-lăng-già-hạt phủ lên. Ở chỗ vị ấy lại thấy có người nữ trẻ tuổi đẹp đẽ, hoặc nằm hay ngồi. Thấy sự việc như thế rồi liền sinh nghi, nên suy nghĩ: Nay thân của Bí-sô ấy đã tiếp xúc những việc không thanh tịnh như vậy, đó không phải là Sa-môn, không phải là xúc tùy thuận. Như vậy Bí-sô ấy nhất định đã phạm tội về pháp phi phạm hạnh. Đó gọi là do xúc nên sinh nghi.

Như vậy gọi là do nghi nên nêu tội. Nghĩa là có năm thứ nêu tội như trước đã nói. Đó gọi là nêu tội. Còn sự việc, nghĩa là các sự nghi về phạm tội ở trước, gọi là sự. Như thế hợp gọi là do nghi nên nêu tội.

*

* **Ba không phòng hộ:** Nghĩa là ba nghiệp của chư Như Lai đều không có lỗi lầm, đâu cần phải ẩn giấu vì sợ người khác hay biết, nên gọi là không phòng hộ. *Những gì là ba thứ?* 1. Hết thấy nghiệp thân hiện có của Như Lai luôn hiện hành thanh tịnh, không gì là không thanh tịnh. Nghiệp thân hiện hành do sợ người khác thấy biết nên mới phải che giấu, giữ gìn. 2. Hết thấy nghiệp ngữ hiện có của Như Lai luôn hiện hành thanh tịnh, không gì là không thanh tịnh. Nghiệp ngữ hiện hành do sợ người khác thấy

biết nên mới phải che giấu, giữ gìn. 3. Hết thầy nghiệp ý hiện có của Như Lai luôn hiện hành thanh tịnh, không gì là không thanh tịnh. Nghiệp ý hiện hành do sợ người khác thấy biết nên mới phải che giấu, giữ gìn.

1. Thế nào là nghiệp thân hiện có của Như Lai luôn hiện hành thanh tịnh?

Đáp: Nghiệp thân hiện hành thanh tịnh: Đó là lìa đoạn dứt sinh mạng, lìa không cho mà lấy, lìa dâm dục tà hạnh.

Lại nữa, lìa đoạn dứt sinh mạng, lìa không cho mà lấy, lìa phi phạm hạnh.

Lại nữa, nghiệp thân của hàng hữu học hiện có luôn hiện hành thanh tịnh, nghiệp thân của bậc vô học hiện có luôn hiện hành thanh tịnh, nghiệp thân của hàng phi học phi vô học thiện hiện có luôn hiện hành thanh tịnh, gọi chung là nghiệp thân hiện hành thanh tịnh. Ở trong nghĩa này ý nói Như Lai hiện có nghiệp thân của bậc vô học luôn hiện hành thanh tịnh cùng hiện có nghiệp thân của hàng phi học phi vô học thiện luôn hiện hành thanh tịnh. Như Lai đã thành tựu đầy đủ viên mãn nghiệp thân luôn hiện hành thanh tịnh như thế, nên nói Như Lai hiện có nghiệp thân hiện hành thanh tịnh.

Vì sao nghiệp thân của Như Lai không gì là không hiện hành thanh tịnh? *Nghiệp thân hiện hành không thanh tịnh:* Đó là đoạn sinh mạng, không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh.

Lại nữa, là đoạn sinh mạng, không cho mà lấy, phi phạm hạnh.

Lại nữa, nghiệp thân bất thiện hiện có, nghiệp thân dẫn đến việc phi lý hiện có, nghiệp thân hiện có có thể gây chướng ngại nơi định, gọi chung là nghiệp thân hiện hành không thanh tịnh. Đối với nghiệp thân hiện hành không thanh tịnh ấy, Như Lai đã đoạn dứt, đã nhận

biết khắp, như diệt trừ gốc rễ cỏ dại, hay chặt đứt ngọn cây Đa-la khiến nó chết hẳn không còn sinh lại nữa. Do đó, Như Lai không cần phải ẩn giấu, ngăn che cất giữ v.v..., vì người khác không thể thấy nơi nghiệp thân của Như Lai có ứ tạp gì, nên nói nghiệp thân của Như Lai không gì là không hiện hành thanh tịnh.

2. *Thế nào là nghiệp ngữ hiện có của Như Lai luôn hiện hành thanh tịnh?*

Đáp: Nghiệp ngữ hiện hành thanh tịnh: Đó là lia các thứ nói dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói lời ứ tạp.

Lại nữa, nghiệp ngữ của hàng hữu học hiện có luôn hiện hành thanh tịnh, nghiệp ngữ của bậc vô học hiện có luôn hiện hành thanh tịnh, nghiệp ngữ của hàng phi học phi vô học thiện hiện có luôn hiện hành thanh tịnh, gọi chung là nghiệp ngữ hiện hành thanh tịnh. Ở trong nghĩa này ý nói Như Lai hiện có nghiệp ngữ của bậc vô học luôn hiện hành thanh tịnh cùng hiện có nghiệp ngữ của hàng phi học phi vô học thiện luôn hiện hành thanh tịnh. Như Lai đã thành tựu đầy đủ viên mãn nghiệp ngữ luôn hiện hành thanh tịnh như thế, nên nói Như Lai hiện có nghiệp ngữ hiện hành thanh tịnh.

Vì sao nghiệp ngữ của Như Lai không gì là không hiện hành thanh tịnh? *Nghiệp ngữ hiện hành không thanh tịnh:* Đó là nói dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói lời ứ tạp.

Lại nữa, nghiệp ngữ bất thiện hiện có, nghiệp ngữ dẫn đến phi lý hiện có, nghiệp ngữ hiện có có thể gây chướng ngại nơi định, gọi chung là nghiệp ngữ hiện hành không thanh tịnh. Đối với nghiệp ngữ hiện hành không thanh tịnh ấy, Như Lai đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, như diệt trừ gốc rễ cỏ dại, hay chặt đứt ngọn cây Đa-la khiến nó chết hẳn không còn sinh lại nữa. Do đó, Như Lai không cần phải ẩn giấu, ngăn che cất giữ v.v..., vì người khác không thể thấy nơi

nghiệp ngữ của Như Lai có uế tạp gì, nên nói nghiệp ngữ của Như Lai không gì là không hiện hành thanh tịnh.

3. *Thế nào là nghiệp ý hiện có của Như Lai luôn hiện hành thanh tịnh?*

Đáp: Nghiệp ý hiện hành thanh tịnh: Đó là không tham, không sân và chánh kiến.

Lại nữa, nghiệp ý của hàng hữu học hiện có luôn hiện hành thanh tịnh, nghiệp ý của bậc vô học hiện có luôn hiện hành thanh tịnh, nghiệp ý của hàng phi học phi vô học thiện hiện có luôn hiện hành thanh tịnh, gọi chung là nghiệp ý hiện hành thanh tịnh. Ở trong nghĩa này ý nói Như Lai hiện có nghiệp ý của bậc vô học luôn hiện hành thanh tịnh cùng hiện có nghiệp ý của hàng phi học phi vô học thiện luôn hiện hành thanh tịnh. Như Lai đã thành tựu đầy đủ viên mãn nghiệp ý luôn hiện hành thanh tịnh như thế, nên nói Như Lai hiện có nghiệp ý hiện hành thanh tịnh.

Vì sao nghiệp ý của Như Lai không gì là không hiện hành thanh tịnh? *Nghiệp ý hiện hành không thanh tịnh:* Đó là tham, sân và tà kiến.

Lại nữa, nghiệp ý bất thiện hiện có, nghiệp ý dẫn đến phi lý hiện có, nghiệp ý hiện có có thể gây chướng ngại nơi định, gọi chung là nghiệp ý hiện hành không thanh tịnh. Đối với nghiệp ý hiện hành không thanh tịnh ấy, Như Lai đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, như diệt trừ gốc rễ cỏ dại, hay chặt đứt ngọn cây Đa-la, khiến nó chết hẳn không còn sinh lại nữa. Do đó, Như Lai không cần phải ẩn giấu, ngăn che cất giữ v.v..., vì người khác không thể thấy nơi nghiệp ý của Như Lai có uế tạp gì, nên nói nghiệp ý của Như Lai không gì là không hiện hành thanh tịnh.

3. Tụng nêu tổng quát thứ ba:

*Ba: Ba pháp có chín
Là ba ái, lậu, cầu
Cùng hữu, thân tối tăm
Sợ, thọ, khổ, loại mạn.*

Gồm có: Ba ái, ba lậu, ba cầu, ba hữu, ba thân tối tăm, ba sợ, ba thọ, ba tánh khổ, ba loại mạn.

*

* **Ba ái:** 1. Ái dục. 2. Ái sắc. 3. Ái vô sắc.

1. *Thế nào là ái dục?*

Đáp: Nghĩa là ở trong các dục, có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm cháp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái dục.

Lại nữa, ở trong cõi Dục bị trói buộc nơi các pháp của mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm cháp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái dục.

Lại nữa, dưới từ đại địa ngục Vô gián, trên lên đến trời Tha-hóa-tự-tại, ở trong các pháp đã gồm thân sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm cháp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái dục.

2. *Thế nào là ái sắc?*

Đáp: Nghĩa là ở trong các sắc, có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm cháp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái sắc.

Lại nữa, ở trong cõi Sắc bị trói buộc nơi các pháp của mười bốn giới, mười xứ, năm uẩn, có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm cháp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái sắc.

Lại nữa, dưới từ trời Phạm chúng, trên lên đến trời Sắc cứu cánh, ở trong các pháp đã gồm thâm sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm chấp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái sắc.

3. Thế nào là ái vô sắc?

Đáp: Nghĩa là ở trong các vô sắc, có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm chấp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái vô sắc.

Lại nữa, ở trong cõi Vô sắc bị trói buộc nơi các pháp của ba giới, hai xứ, bốn uẩn, có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm chấp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái vô sắc.

Lại nữa, như cõi Dục và cõi Sắc, quyết định có các nơi chốn trên dưới cao thấp có sai biệt, không cùng xen tạp. Trong cõi Vô sắc không có sự việc như thế. Nhưng có thể dựa nơi định, dựa nơi sinh có hơn kém để nói có cao thấp. Nghĩa là dưới từ trời Không vô biên xứ, trên lên đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ, ở trong các pháp đã gồm thâm thọ, tưởng, hành, thức, có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm chấp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái vô sắc.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Những sĩ phu có ái
Nhiều đời luôn lưu chuyển
Luôn thọ thai tạng khổ
Qua lại nơi các cõi.
Các hữu tình đoạn ái
Bộc lưu đã đoạn dứt
Vì không ái trợ lực
Không lưu chuyển thân sau.*

* **Lại có ba ái:** 1. Ái dục. 2. Ái hữu. 3. Ái không hữu.

1. *Thế nào là ái dục?*

Đáp: Là ở trong các dục, có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm cháp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái dục.

2. *Thế nào là ái hữu?*

Đáp: Là ở nơi cõi Sắc và Vô sắc, có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm cháp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái hữu.

3. *Thế nào là ái không hữu?*

Đáp: Là vui mừng nơi không hữu. Ở trong không hữu có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm cháp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái không hữu.

Sự việc này lại như thế nào? Như có một loại người bị sợ hãi bức bách gây não hại, bị sầu khổ bức bách gây não hại, tiếp xúc khổ thọ, do đó đã suy nghĩ: Làm thế nào khiến thân ta sau khi chết thì đoạn hoại, là không hữu, dứt hẳn các bệnh, há chẳng an vui sao? Thế nên người ấy vui với không hữu, ở trong không hữu có các thứ tham cùng tham, sinh ra nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đấm cháp, yêu mến, cầu nhiễm. Đó gọi là ái không hữu.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Hữu tình còn cháp ái
 Tâm tham hữu, không hữu
 Ma ách tạo nên ách
 Thân thường không an lạc.
 Lưu chuyển trong các hữu
 Sinh rồi quy già, chết*

*Như ghé con ham sữa
Theo mẹ bú không lia.*

*

* **Ba lậu:** 1. Lậu dục. 2. Lậu hữu. 3. Lậu vô minh.

1. *Thế nào là lậu dục?*

Đáp: Trừ vô minh hệ thuộc cõi Dục, các thứ kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền hệ thuộc cõi Dục còn lại, đó gọi là lậu dục.

2. *Thế nào là lậu hữu?*

Đáp: Trừ vô minh hệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc, các thứ kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền hệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc còn lại, đó gọi là lậu hữu.

3. *Thế nào là lậu vô minh?*

Đáp: Nơi ba cõi đều không có trí, đó gọi là lậu vô minh.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu Bí-sô đã đoạn
Lậu dục, hữu, vô minh
Các lậu đã dứt hẳn
Bát Niết-bàn không ảnh.*

*

* **Ba cầu:** 1. Cầu dục. 2. Cầu hữu. 3. Cầu phạm hạnh.

1. *Thế nào là cầu dục?*

Đáp: Trụ nơi cõi Dục, đối với các pháp ở cõi Dục, chưa được thì cầu được, các thứ cầu theo đây mà cầu, cùng thuận cầu, mong cầu, vui cầu, xét cầu, siêng cầu. Đó gọi là cầu dục.

2. Thế nào là cầu hữu?

Đáp: Trụ nơi cõi Sắc và Vô sắc, đối với các pháp ở cõi Sắc, Vô sắc, chưa được thì cầu được, các thứ cầu v.v... cho đến siêng cầu. Đó gọi là cầu hữu.

3. Thế nào là cầu phạm hạnh?

Đáp: Tức là hai thứ giao tiếp, gọi là phạm hạnh. Tám chi Thánh đạo cũng gọi là phạm hạnh. Ở trong nghĩa này ý nói tám chi Thánh đạo là phạm hạnh. Các hữu tình đối với tám chi Thánh đạo này pháp nào chưa được thì cầu được, các thứ cầu v.v... cho đến siêng cầu. Đó gọi là cầu phạm hạnh.

Lại nữa, *cầu dục* không phải là cầu sau khi chết sẽ được sinh nơi các cõi, nhưng đối với cuộc sống hiện tại ham thích các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men, tiền bạc, vật dụng hằng ngày v.v..., thứ nào chưa được thì mong đạt được, có các thứ cầu v.v... cho đến siêng cầu, đó gọi là cầu dục.

Cầu hữu: Hữu nghĩa là nắm giữ uẩn, là sắc giữ uẩn, thọ giữ uẩn, tưởng giữ uẩn, hành giữ uẩn, thức giữ uẩn. Như có một loại người khởi suy nghĩ: Làm thế nào nơi đời vị lai khiến ta có được các loại sắc, thọ, tưởng, hành, thức như vậy. Người ấy sau khi chết sẽ sinh nơi các cõi, đối với nắm giữ uẩn như sắc v.v... luôn có các thứ cầu v.v... cho đến siêng cầu, đó gọi là cầu hữu.

Cầu phạm hạnh: Nghĩa là từ pháp Thế đệ nhất, khi hướng đến khổ pháp trí nhãn, có cầu phạm hạnh không có phạm hạnh. Vì sao? Vì tám chi Thánh đạo được gọi là phạm hạnh. Bây giờ, đối với pháp ấy chưa được, chưa được gần, chưa có, chưa hiện có. Khi từ khổ pháp trí nhãn hướng đến khổ pháp trí, thì có cầu phạm hạnh cũng có phạm hạnh. Vì sao? Vì tám chi Thánh đạo gọi là phạm hạnh. Lúc này, đối với phạm hạnh là đã được, đã được gần, đã có, đã hiện có.

Như thế, từ khổ pháp trí hướng đến khổ loại trí nhãn, từ khổ loại trí nhãn hướng đến khổ loại trí, từ khổ loại trí hướng đến tập pháp trí nhãn, từ tập pháp trí nhãn hướng đến tập pháp trí, từ tập pháp trí hướng đến tập loại trí nhãn, từ tập loại trí nhãn hướng đến tập loại trí, từ tập loại trí hướng đến diệt pháp trí nhãn, từ diệt pháp trí nhãn hướng đến diệt pháp trí, từ diệt pháp trí hướng đến diệt loại trí nhãn, từ diệt loại trí nhãn hướng đến diệt loại trí, từ diệt loại trí hướng đến đạo pháp trí nhãn, từ đạo pháp trí nhãn hướng đến đạo pháp trí, từ đạo pháp trí hướng đến đạo loại trí nhãn, từ đạo loại trí nhãn hướng đến đạo loại trí, từ đạo loại trí hướng đến đạo loại trí. Hoặc khi hướng đến các trí vô lậu khác thì có cầu phạm hạnh cũng có phạm hạnh. Vì sao? Vì tám chi Thánh đạo được gọi là phạm hạnh. Người kia lúc đó đối với phạm hạnh là đã được, đã được gần, đã có, đã hiện có.

Lại nữa, nếu nơi đạo thế gian, khi đã chứng được quả Nhất lai, quả Bất hoàn, thì có cầu phạm hạnh không có phạm hạnh. Vì sao? Vì tám chi Thánh đạo được gọi là phạm hạnh. Bây giờ, đối với pháp ấy là chưa được, chưa được gần, chưa có, chưa hiện có. Nếu đối với đạo vô lậu chứng được quả Dự lưu, hoặc khi chứng được các quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, thì có cầu phạm hạnh cũng có phạm hạnh. Vì sao? Vì tám chi Thánh đạo được gọi là phạm hạnh. Lúc này, vị kia đối với phạm hạnh là đã được, đã được gần, đã có, đã hiện có.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đủ niệam định chánh tri
 Chân đệ tử chư Phật
 Biết đúng câu đạo Thánh
 Trọn không cầu việc khác.
 Nếu mong cầu đã diệt
 Thánh đạo sẽ hướng tận*

*Bí-sô cầu dứt hết
Nhập Niết-bàn không ảnh.*

*

* **Ba hữu:** 1. Hữu dục. 2. Hữu sắc. 3. Hữu vô sắc.

1. Thế nào là hữu dục?

Đáp: Nếu nghiệp thuộc cõi Dục, thủ làm duyên, chiêu cảm về dục sẽ có, là dị thực của nghiệp kia. Đó gọi là hữu dục.

2. Thế nào là hữu sắc?

Đáp: Nếu nghiệp thuộc cõi Sắc, thủ làm duyên, chiêu cảm về dục sẽ có, là dị thực của nghiệp kia. Đó gọi là hữu sắc.

3. Thế nào là hữu vô sắc?

Đáp: Nếu nghiệp thuộc cõi Vô sắc, thủ làm duyên, chiêu cảm về dục sẽ có, là dị thực của nghiệp kia. Đó gọi là hữu vô sắc.

*

* **Ba thân tối tăm:** 1. Thân tối tăm quá khứ. 2. Thân tối tăm vị lai. 3. Thân tối tăm hiện tại.

1. *Thân tối tăm quá khứ:* Quá khứ là gì, tối tăm là gì, thân là gì, để gọi là thân tối tăm quá khứ?

Đáp: Quá khứ: Nghĩa là các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã từ tạ đi qua, đã diệt hết, đã lìa biến, thuộc tánh quá khứ, loại quá khứ, đời quá khứ. Đó gọi là quá khứ.

Tối tăm: Nghĩa là đối với các hành quá khứ, phát khởi các thứ mong cầu các tuệ hiểu biết dị biệt, nói rộng cho đến tên độc của nghi ngờ, do dự. Đó gọi là tối tăm.

Thân: Tức có thuyết nói nghi tương ưng với vô minh gọi là thân. Ở trong nghĩa này thì nghi gọi là thân. Vì sao? Vì hắc (Đen) tức là vô trí, do hắc nên có ám (Tối) gọi là hắc ám (Tối tăm). Đây tức là nghi, tức do tối tăm này nên gọi là thân. Thế nên nói là thân tối tăm quá khứ.

2. *Thân tối tăm vị lai:* Vị lai là gì, tối tăm là gì, thân là gì, để gọi là thân tối tăm vị lai?

Đáp: Vị lai: Nghĩa là các hành chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển, chưa hiện chuyển, chưa tụ tập, chưa xuất hiện, thuộc tánh vị lai, loại vị lai, đời vị lai. Đó gọi là vị lai.

Tối tăm: Nghĩa là đối với các hành vị lai, phát khởi các thứ mong cầu các tuệ hiểu biết dị biệt, nói rộng cho đến tên độc của nghi ngờ, do dự. Đó gọi là tối tăm.

Thân: Tức có thuyết nói nghi tương ưng với vô minh gọi là thân. Ở trong nghĩa này thì nghi gọi là thân. Vì sao? Vì đen tức là vô trí, do đen nên có tối, gọi là tối tăm. Đây tức là nghi, tức do tối tăm này nên gọi là thân. Thế nên nói là thân tối tăm vị lai.

3. *Thân tối tăm hiện tại:* Hiện tại là gì, tối tăm là gì, thân là gì, để nói là thân tối tăm hiện tại?

Đáp: Hiện tại: Nghĩa là các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, tụ tập, xuất hiện, dừng trụ, chưa từ tạ, chưa diệt hết, chưa lìa biến, đang hòa hợp hiện tiền, thuộc tánh hiện tại, loại hiện tại, đời hiện tại. Đó gọi là hiện tại.

Tối tăm: Nghĩa là đối với các hành hiện tại, phát khởi các thứ mong cầu các tuệ hiểu biết dị biệt, nói rộng cho đến tên độc của nghi ngờ, do dự. Đó gọi là tối tăm.

Thân: Tức có thuyết nói nghi tương ưng với vô minh gọi là thân. Ở trong nghĩa này thì nghi gọi là thân. Vì sao? Vì đen tức là vô

trí, do đen nên có tối, gọi là tối tăm. Đây tức là nghi, tức do tối tăm này nên gọi là thân. Thế nên nói là thân tối tăm hiện tại.

*

* **Ba sợ:** 1. Sợ bệnh. 2. Sợ già. 3. Sợ chết.

1. *Thế nào là sợ bệnh?*

Đáp: Bệnh tức là như đau đầu v.v..., nói rộng như trong Luận Pháp Uẩn. Đó gọi là bệnh

Thế nào là sợ? Như có một loại người, thấy người khác bị bệnh thì hết sức lo sợ, tự nghĩ: Thân ta cũng có phần đó, cũng có tánh đó, cũng có pháp đó, chưa thể vượt qua pháp đó, do đấy nên hết sức sợ hãi, sợ hãi dựng cả lông tóc. Đó gọi là sợ.

Do bệnh dấy khởi sợ hãi nên gọi là sợ bệnh.

2. *Thế nào là sợ già?*

Đáp: Già tức là tóc bạc, rụng v.v..., nói rộng như trong Luận Pháp Uẩn. Đó gọi là già.

Thế nào là sợ? Như có một loại người, thấy người khác già cả thì sinh lo sợ v.v..., nói rộng cho đến sợ hãi dựng cả lông tóc. Đó gọi là sợ.

Do già dấy khởi sợ hãi nên gọi là sợ già.

3. *Thế nào là sợ chết?*

Đáp: Chết tức là các hữu tình kia ở nơi các tụ hữu tình ấy dời chuyển, hoại mất, nói rộng như trong Luận Pháp Uẩn. Đó gọi là chết.

Thế nào là sợ? Như có một loại người, thấy người khác chết thì hoảng sợ v.v..., nói rộng cho đến sợ hãi dựng cả lông tóc. Đó gọi là sợ.

Do chết chóc dấy khởi sợ hãi nên gọi là sợ chết.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Phàm phu tuy có thể
Chán pháp bệnh, già, chết
Nhưng không thể như thật
Chán là thân dựa này.
Ta vì chán thân này
Hiểu sâu rõ pháp ấy
Nên không vui trụ lâu
Mau nhập vô dư y.
Ta quán tất cả thứ
Tuổi trẻ không bệnh, chết
Bệnh, già, chết hủy hoại
Chỉ xuất ly an ổn.
Ta đã siêng tinh tấn
Thấu đạt nẻo cứu cánh
Nên không tập theo dục
Xả bỏ, tu phạm hạnh.*

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 5

Phẩm 4: BA PHÁP, phần 3

* **Ba thọ:** 1. Thọ vui. 2. Thọ khổ. 3. Thọ không khổ không vui.

1. *Thế nào là thọ vui?*

Đáp: Nghĩa là tiếp xúc thọ nhận các điều vui thuận hợp khiến thân tâm đều vui, bình đẳng thọ nhận, thuộc về thọ. Đó gọi là thọ vui. Lại nữa, khi tu tập tĩnh lự thứ nhất, thứ hai, thứ ba tiếp xúc thọ nhận các điều vui thuận hợp khiến thân tâm an vui, bình đẳng thọ nhận, thuộc về thọ. Đó gọi là thọ vui.

2. *Thế nào là thọ khổ?*

Đáp: Nghĩa là tiếp xúc thọ nhận các điều khổ thuận hợp khiến thân tâm đều khổ, bình đẳng thọ nhận, thuộc về khổ. Đó gọi là thọ khổ.

3. *Thế nào là thọ không khổ không vui?*

Đáp: Nghĩa là tiếp xúc thọ nhận các điều không khổ không vui thuận hợp khiến thân tâm xả bỏ, không bình đẳng thọ nhận, không phải không bình đẳng thọ nhận, đều thuộc về thọ. Đó gọi là thọ không khổ không vui.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

Đủ niệm, định, chánh tri

Đệ tử thật chư Phật

*Nên biết đúng các thọ
 Khiến các tham không sinh.
 Đối các thọ cùng đạo
 Điều khiến lần lượt diệt
 Bí-sô hết các thọ
 Bát Niết-bàn không ảnh.*

*

* **Ba tánh khổ:** 1. Tánh khổ khổ. 2. Tánh hoại khổ. 3. Tánh hành khổ.

1. Thế nào là tánh khổ khổ?

Đáp: Các hành ở cõi Dục do khổ khổ nên khổ.

2. Thế nào là tánh hoại khổ?

Đáp: Các hành ở cõi Sắc do hoại khổ nên khổ.

3. Thế nào là tánh hành khổ?

Đáp: Các hành ở cõi Vô sắc do hành khổ nên khổ.

Lại nữa, các hành không vừa ý do khổ khổ nên khổ. Các hành vừa ý do hoại khổ nên khổ. Các hành thuận với xả do hành khổ nên khổ.

Lại nữa, nếu các thọ khổ, hoặc pháp đó tương ưng, hoặc pháp đó cùng có, hoặc từ pháp đó sinh, hoặc chủng loại đó cho quả dị thực không đáng yêu thích, do khổ khổ nên khổ. Nếu các thọ vui, hoặc pháp đó tương ưng, hoặc pháp đó cùng có, hoặc từ pháp đó sinh, hoặc chủng loại đó cho quả dị thực đáng yêu thích, do hoại khổ nên khổ. Nếu các thọ không khổ không vui, hoặc pháp đó tương ưng, hoặc pháp đó cùng có, hoặc từ pháp đó sinh, hoặc chủng loại đó cho quả dị thực không đáng yêu thích, không phải là không đáng yêu thích, do hành khổ nên khổ.

Lại nữa:

1. *Thế nào là tánh khổ khổ?*

Đáp: Các thân này hiện có do khổ khổ nên khổ. Vì sao? Vì dựa nơi thân này nên có vô số các thứ khổ như sinh, già, bệnh, chết.

2. *Thế nào là tánh hoại khổ?*

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bạn bè hợp ý, quyến thuộc hợp ý, các cảnh giới như thế, nếu vào lúc biến hoại, hoặc gặp phải sự hủy báng, khinh miệt, tức sinh khởi bao thứ sầu khổ buồn thương, bấy giờ do hoại khổ nên khổ.

3. *Thế nào là tánh hành khổ?*

Đáp: Ngoại trừ tánh khổ khổ và tánh hoại khổ, các hành hữu lậu khác do hành khổ nên khổ.

*

* **Ba loại mạn:** 1. Kiêu mạn vì ta hơn. 2. Kiêu mạn vì ta bằng. 3. Kiêu mạn vì ta kém.

1. *Thế nào là kiêu mạn vì ta hơn?*

Đáp: Như có người khởi suy nghĩ: Xét về tộc họ, hình sắc, nghề nghiệp, tài năng, tiền của, địa vị, tuổi thọ, sức lực v.v... của ta, hoặc nhìn chung hay riêng đều hơn hẳn người kia. Do đó khởi kiêu mạn, đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm cao ngạo ý thị khinh miệt. Đó gọi là kiêu mạn vì ta hơn.

2. *Thế nào là kiêu mạn vì ta bằng?*

Đáp: Như có người khởi suy nghĩ: Xét về tộc họ, hình sắc, nghề nghiệp, tài năng, tiền của, địa vị, tuổi thọ, sức lực v.v... của ta, hoặc nhìn chung hay riêng đều ngang bằng người kia. Do nhân duyên riêng nên khởi kiêu mạn, đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm cao ngạo ý thị khinh miệt. Đó gọi là kiêu mạn vì ta bằng.

3. Thế nào là kiêu mạn vì ta kém?

Đáp: Như có người khởi suy nghĩ: Xét về tộc họ, hình sắc, nghề nghiệp, tài năng, tiền của, địa vị, tuổi thọ, sức lực v.v... của ta, hoặc nhìn chung hay riêng đều kém so với người kia. Do nhân duyên riêng nên khởi kiêu mạn, đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm cao ngạo ỷ thị khinh miệt. Đó gọi là kiêu mạn vì ta kém.

**

4. Tụng nêu tổng quát thứ tư:

***Bốn: Ba pháp có mười
Là lửa, phước, dục, lạc
Và tuệ, căn, nhãn, nương
Sáu một, lửa, tuệ hai.***

Gồm có: Ba thứ lửa, ba sự phước nghiệp, ba dục sinh, ba lạc sinh, ba thứ tuệ, ba thứ căn, ba thứ nhãn, ba nương dựa. Lửa, tuệ mỗi thứ có hai, sáu thứ còn lại mỗi thứ có một.

*

* ***Ba thứ lửa:*** 1. Lửa tham. 2. Lửa sân. 3. Lửa si.

1. Thế nào là lửa tham?

Đáp: Nghĩa là đối với cảnh dục có các thứ tham cùng tham, sinh ra cát giầu, giữ gìn, chấp chặt, yêu thích, mê muội đắm vương, tự trói buộc nội tâm, cầu dục, ham muốn, là nơi tích tập các khổ, là loại tham, sinh ra tham, gọi chung là tham. Do tham ái này che lấp nên phát sinh các thứ nóng bức nơi thân, nóng bức nơi tâm, hoặc cả thân tâm, thiêu đốt thân, thiêu đốt tâm, hoặc cả thân tâm, não hại thân, não hại tâm, hoặc cả thân tâm. Lại do tham ái trói buộc làm duyên nên suốt trong đêm dài sinh tử phải nhận lấy các quả dị thực không thể yêu thích, không thể vui mừng, không thể vừa ý. Đó gọi là lửa tham.

2. Thế nào là lửa sân?

Đáp: Nghĩa là đối với các hữu tình muốn gây tổn hại, tâm luôn ôm giữ sự tàn hại muốn gây nhiễu loạn cho mọi người. Đã sân, đang sân, sẽ sân, ưa gieo họa hay các thứ tai họa trầm trọng cho người khác, ý luôn phẫn hận, hành tác trái ngược, tàn bạo đối với các hữu tình. Đã gây tai họa, hiện gây tai họa, sẽ gây tai họa, gọi chung là sân. Do sân hận này che lấp nên phát sinh các thứ nóng bức nơi thân, nóng bức nơi tâm, hoặc cả thân tâm, thiêu đốt thân, thiêu đốt tâm, hoặc cả thân tâm, não hại thân, não hại tâm, hoặc cả thân tâm. Lại do sân giận trói buộc làm duyên nên suốt trong đêm dài sinh tử phải nhận lấy các quả dị thực không thể yêu thích, không thể vui mừng, không thể vừa ý. Đó gọi là lửa sân.

3. Thế nào là lửa si?

Đáp: Nghĩa là đối với biên vực trước không nhận biết, biên vực sau không nhận biết, cả biên vực trước sau đều không nhận biết v.v..., nói rộng cho đến là thuộc loại si, sinh ra si chuyên đối sinh khởi, gọi chung là si. Do ngu si này che lấp nên phát sinh các thứ nóng bức nơi thân, nóng bức nơi tâm, hoặc cả thân tâm, thiêu đốt thân, thiêu đốt tâm, hoặc cả thân tâm, não hại thân, não hại tâm, hoặc cả thân tâm. Lại do ngu si trói buộc làm duyên nên suốt trong đêm dài sinh tử phải nhận lấy các quả dị thực không thể yêu thích, không thể vui mừng, không thể vừa ý. Đó gọi là lửa si.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Các hữu tình ngu si
Lửa tham sân si đốt
Đắm chấp các cảnh dục
Hại đời, ghét pháp Thánh.
Lửa ba độc thiêu đốt
Nếu không biết như thật*

Nên tham vương có thân
 Không thể đến tịch diệt.
 Do đi theo đường tà
 Đọa trong ba nẻo ác
 Luân hồi chịu khổ não
 Không thoát khỏi lưới ma.
 Đệ tử bậc Chánh giác
 Đêm ngày luôn siêng năng
 Dùng tướng uest, từ, tuệ
 Thứ lớp diệt ba lửa.
 Từ đây vào Thánh đạo
 Hàng phục các quân ma
 Chứng đắc hai Niết-bàn
 Mát mẻ không còn lậu.

*

*** Lại có ba thứ lửa:** 1. Lửa nên phụng sự. 2. Lửa nên cấp thí.
 3. Lửa nên cúng dường.

1. Thế nào là lửa nên phụng sự?

Đáp: Cha mẹ là chỗ nên phụng sự của người con. Như Đức Thế Tôn đã nói với Bà-la-môn có thân hình cao thẳng:

Thế nào gọi là lửa nên phụng sự? Nghĩa là ở đời, cha mẹ cần được thọ nhận vô số các thứ vật dụng đem lại an lạc do con mình đem lại, tùy lúc tùy nơi phụng sự thuận hợp.

Vì sao người con dùng các thứ vật dụng đem lại an lạc, tùy lúc tùy nơi phụng sự thuận hợp, là lửa nên phụng sự? Nghĩa là vị thiện nam kia do sức tinh tấn, cùng sức của tay chân, hoặc sức của mồ hôi nước mắt, đúng như pháp tạo ra những của cải vật dụng, các thứ đem lại an lạc, tùy lúc tùy nơi thuận hợp phụng dưỡng cha mẹ.

Vì sao cha mẹ gọi là lửa nên phụng sự? Tức do cha mẹ sinh ra, nuôi lớn vị thiện nam ấy, nay được thành đạt. Thế nên chư Phật nói cha mẹ là lửa nên phụng sự.

2. Thế nào là lửa nên cấp thí?

Đáp: Đó là vợ con, nô tỳ, người giúp việc, cùng các bạn thân phải được gia chủ cấp thí. Như Đức Thế Tôn đã nói với Bà-la-môn có thân hình cao thẳng:

Thế nào gọi là lửa nên cấp thí? Nghĩa là ở đời, vợ con, nô tỳ, người giúp việc, cùng các bạn thân phải được thọ nhận từ gia chủ vô số các thứ vật dụng đem lại an lạc, tùy lúc tùy nơi cấp thí thuận hợp.

Vì sao gia chủ dùng các thứ vật dụng đem lại an lạc, tùy lúc tùy nơi cấp thí thuận hợp, là lửa nên cấp thí? Nghĩa là vị thiện nam kia do sức tinh tấn, cùng sức của tay chân, hoặc sức của mồ hôi nước mắt, đúng như pháp tạo ra những của cải vật dụng, các thứ đem lại an lạc, tùy lúc tùy nơi cấp thí thuận hợp cho vợ con, nô tỳ, người giúp việc, cùng các bạn thân.

Vì sao gọi là lửa nên cấp thí? Tức vị thiện nam kia, khi ở nhà, đúng như pháp nên hành sự thuận hợp đối với vợ con v.v... Như chỉ dạy cách làm việc, các việc nên làm, khiến không thiếu sót, nhanh chóng hoàn thành. Thế nên chư Phật nói vợ con, nô tỳ, người giúp việc, cùng các bạn thân là lửa nên cấp thí.

3. Thế nào là lửa nên cúng dường?

Đáp: Các bậc Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh là chỗ nên cúng dường của các thí chủ. Như Đức Thế Tôn đã nói với Bà-la-môn có thân hình cao thẳng:

Thế nào gọi là lửa nên cúng dường? Nghĩa là các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc đã liã tham, hoặc lại tu hành điều phục hành tham.

Hoặc đã lìa sân, hoặc lại tu hành điều phục hành sân. Hoặc đã lìa si, hoặc lại tu hành điều phục hành si. Các vị Sa-môn, Bà-la-môn như thế nên được thọ nhận vô số các thứ vật dụng đem lại an lạc của thí chủ, tùy lúc tùy nơi cúng dường thuận hợp.

Vì sao thí chủ dùng các thứ vật dụng đem lại an lạc, tùy lúc tùy nơi cúng dường thuận hợp, là lửa nên cúng dường? Nghĩa là vị thiện nam kia do sức tinh tấn, cùng sức của tay chân, hoặc sức của mồ hôi nước mắt, đúng như pháp tạo ra những của cải vật dụng, các thứ đem lại an lạc, tùy lúc tùy nơi cúng dường thuận hợp cho các Sa-môn, Bà-la-môn, như trước đã nói.

Vì sao gọi là lửa nên cúng dường? Tức vị thiện nam kia đã cúng dường các vị A-la-hán và những bậc hữu học, do họ là phước điền chân chánh ở thế gian có thể khiến các thí chủ ở đó gieo trồng cây phước, chiêu cảm được quả dị thực giàu vui ở đời này và đời khác cùng quả giải thoát tối thượng. Thế nên chư Phật nói các bậc Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh là lửa nên cúng dường.

Các loại lửa khác ở thế gian, không phải là nên phụng sự, cấp thí, cúng dường, vì chúng không thể khiến các loài hữu tình đạt được các quả thù thắng.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Bậc trí hay như pháp
Tể thờ ba lửa trước
Sinh an lạc thế gian
Chúng giải thoát hết khổ.*

*

* **Ba sự phước nghiệp:** 1. Sự phước nghiệp loại thí. 2. Sự phước nghiệp loại giới. 3. Sự phước nghiệp loại tu.

1. *Sự phước nghiệp loại thí*: Thế nào là loại thí, là phước, là nghiệp, là sự, để gọi là Sự phước nghiệp loại thí?

Đáp: Loại thí: Nghĩa là thí chủ bố thí cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, những người nghèo khổ, tu khổ hạnh và kẻ ăn xin, các thứ như: thức ăn uống, thuốc men, y phục, hoa cài đầu, các thứ hương bột, hương xoa, hoặc các thứ nhà cửa, phòng ốc, giường nằm, tọa cụ, đèn đuốc. Đó gọi là loại thí. Lại nữa, hoặc do thân bố thí: Nghĩa là hoặc bố thí thân, hoặc bố thí thân nghiệp, hoặc bố thí vật mình đã xả bỏ. Hoặc do ngữ bố thí: Nghĩa là hoặc bố thí lời nói, hoặc bố thí ngữ nghiệp, hoặc bố thí vật mình đã xả bỏ. Hoặc do ý bố thí: Nghĩa là hoặc bố thí ý, hoặc bố thí ý nghiệp, hoặc bố thí tâm xả. Đó gọi là loại thí.

Phước: Nghĩa là bố thí cùng hành thân luật nghi, ngữ luật nghi và đời sống thanh tịnh. Đó gọi là phước.

Nghiệp: Nghĩa là bố thí cùng hành các tư duy, cùng tư duy, hiện cùng tư duy, đã tư duy, các loại tư duy tạo nên tâm ý nghiệp. Đó gọi là nghiệp.

Sự: Nghĩa là người bố thí, kẻ nhận và vật bố thí. Đó gọi là sự.

Ở đây: Loại thí gọi là loại thí, cũng gọi là phước, cũng gọi là nghiệp, cũng gọi là sự. Phước gọi là phước, cũng gọi là nghiệp, cũng gọi là sự, cũng gọi là loại thí. Nghiệp gọi là nghiệp, cũng gọi là sự, cũng gọi là loại thí, cũng gọi là phước. Còn sự chỉ gọi là sự.

2. *Sự phước nghiệp loại giới*: Thế nào là loại giới, là phước, là nghiệp, là sự, để gọi là Sự phước nghiệp loại giới?

Đáp: Loại giới: Nghĩa là lia hại sinh mạng, lia không cho mà lấy, lia dâm dục tà hạnh, lia nói dối, lia bỏ uống chất Tốt-la-mê-lê-da-mạt-đa, lia bỏ phóng dật nơi rượu chè v.v... Đó gọi là loại giới.

Phước: Nghĩa là giới cùng hành thân luật nghi, ngữ luật nghi và đời sống thanh tịnh. Đó gọi là phước.

Nghiệp: Nghĩa là giới cùng hành các tư duy, cùng tư duy, hiện cùng tư duy, đã tư duy, các loại tư duy tạo nên tâm ý nghiệp. Đó gọi là nghiệp.

Sự: Nghĩa là hoặc phòng hộ, hoặc dừng dứt, hoặc ngăn chặn, nếu lìa bỏ sự hại sinh mạng, là sự lìa hại sinh mạng. Hoặc phòng hộ, hoặc dừng dứt, hoặc ngăn chặn, nếu lìa bỏ sự không cho mà lấy, là sự lìa không cho mà lấy. Hoặc phòng hộ, hoặc dừng dứt, hoặc ngăn chặn, nếu lìa bỏ sự dâm dục tà hạnh, là sự lìa dâm dục tà hạnh. Hoặc phòng hộ, hoặc dừng dứt, hoặc ngăn chặn, nếu lìa bỏ sự nói dối, là sự lìa nói dối. Đó gọi là sự.

Ở đây: Loại giới gọi là loại giới, cũng gọi là phước, cũng gọi là nghiệp, cũng gọi là sự. Phước gọi là phước, cũng gọi là nghiệp, cũng gọi là sự, cũng gọi là loại giới. Nghiệp gọi là nghiệp, cũng gọi là sự, cũng gọi là loại giới, cũng gọi là phước. Sự gọi là sự, cũng gọi là loại giới, cũng gọi là phước, cũng gọi là nghiệp.

3. *Sự phước nghiệp loại tu:* Thế nào là loại tu, là phước, là nghiệp, là sự, để gọi là Sự phước nghiệp loại tu?

Đáp: Loại tu: Nghĩa là bốn thứ tâm vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đó gọi là loại tu.

Phước: Nghĩa là bốn vô lượng cùng hành thân luật nghi, ngữ luật nghi và đời sống thanh tịnh. Đó gọi là phước.

Nghiệp: Nghĩa là vô lượng cùng hành các tư duy, cùng tư duy, hiện cùng tư duy, đã tư duy, các loại tư duy tạo nên tâm ý nghiệp. Đó gọi là nghiệp.

Sự: Nghĩa là sự của đối tượng duyên duyên nơi pháp kia để khởi bốn vô lượng. Đó gọi là sự.

Ở đây: Loại tu gọi là loại tu, cũng gọi là phước, cũng gọi là nghiệp, cũng gọi là sự. Phước gọi là phước, cũng gọi là nghiệp, cũng gọi là sự, cũng gọi là loại tu. Nghiệp gọi là nghiệp, cũng gọi là sự, cũng gọi là loại tu, cũng gọi là phước. Riêng sự chỉ gọi là sự.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Bậc trí hay nương pháp
Siêng học thí, giới, tu
Sinh thế gian không khó
Nhận ba thứ quả vui.*

*

* **Ba dục sinh:** *Những gì là ba?* 1. Có các hữu tình ưa thích thọ nhận các cảnh dục diệu hiện tiền. Những kẻ ấy đối với các cảnh dục diệu hiện tiền có được giàu sang tự tại chuyển. Nghĩa là hoàn toàn nẻo người và một phần cõi trời, là dục sinh thứ nhất. 2. Có các hữu tình ưa thích thọ nhận các cảnh dục diệu do tự mình hóa ra. Những kẻ ấy đối với các cảnh dục diệu tự hóa tác có được giàu sang tự tại chuyển. Nghĩa là cõi trời Lạc-biến-hóa, là dục sinh thứ hai. 3. Có các hữu tình ưa thích thọ nhận các cảnh dục diệu do người khác biến hóa. Những kẻ ấy đối với các cảnh dục diệu do người khác biến hóa có được giàu sang tự tại chuyển. Nghĩa là cõi trời Tha-hóa-tự-tại, là dục sinh thứ ba.

Ở đây:

1. *Có các hữu tình:* Là các hữu tình theo nghĩa đế, nghĩa thắng, không thể thủ đắc, không thể gần được, không phải có, không phải hiện có, chỉ ở nơi các uẩn, giới, xứ, do tương cùng tương giả nêu nói là chuyển. Nghĩa là hữu tình, Na-la, ý sinh, nho đồng, thọ mạng, sự sinh, nuôi dưỡng, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la v.v... Do đấy nên nói là có các hữu tình.

Ưu thích thọ nhận các cảnh dục diệu hiện tiền: Nghĩa là các hữu tình kia luôn ưa thích thọ dụng những thứ đã được cất chứa, giữ gìn, tích tập, gói gắm, đặt đẽ, theo gốc sinh ra các cảnh dục hiện tiền.

Những kẻ ấy đối với các cảnh dục diệu hiện tiền có được giàu sang tự tại chuyển: Nghĩa là các hữu tình kia đối với các thứ được thọ dụng, được cất chứa, giữ gìn, tích tập, gói gắm, đặt đẽ, theo gốc sinh ra các cảnh dục hiện tiền, có uy lực được tự tại tùy ý thọ dụng.

Nghĩa là hoàn toàn nẻo người: Nghĩa là nêu rõ tất cả con người.

Một phần cõi trời: Nghĩa là hiển bày về bốn cõi trời dưới của Dục giới.

Là thứ nhất: Tức là tùy theo sự tính đếm, dần dần thuận theo thứ lớp, nối tiếp theo thứ tự, đây là ở vào thứ nhất.

Dục sinh: Nghĩa là pháp ấy ở nơi cõi Dục sinh ra.

2. *Lại nữa: Có các hữu tình:* Là các hữu tình theo nghĩa để, nghĩa thẳng, không thể thủ đắc v.v..., nói rộng như trước.

Ưu thích thọ nhận các cảnh dục diệu do tự mình hóa ra: Nghĩa là cõi trời Lạc-biến-hóa tạo tác tăng trưởng loại nghiệp như thế. Những kẻ kia do nghiệp này, tùy chỗ yêu thích hóa tác vô số sự việc như các nam nữ để tự vui chơi. Nghĩa là, nếu là các thiên nữ thì hóa làm thiên nam để tự vui đùa, nếu là các thiên nam thì hóa làm thiên nữ để tự vui chơi.

Những kẻ ấy đối với các cảnh dục diệu do tự mình hóa ra có được giàu sang tự tại chuyển: Nghĩa là cõi trời Lạc-biến-hóa tạo tác tăng trưởng loại nghiệp như thế. Những kẻ kia do nghiệp này, tùy chỗ yêu thích hóa tác vô số sự việc như các nam nữ, có uy lực được tự tại tùy ý thọ dụng.

Nghĩa là cõi trời Lạc-biến-hóa: Nghĩa là hiển bày về tất cả trời Lạc-biến-hóa.

Là thứ hai: Tức là tùy theo sự tính đếm, dần dần thuận theo thứ lớp, nối tiếp theo thứ tự, đây là ở vào thứ hai.

Dục sinh: Nghĩa là pháp ấy ở nơi cõi Dục sinh ra.

3. *Lại nữa: Có các hữu tình:* Là các hữu tình theo nghĩa đế, nghĩa thắng, không thể thủ đắc v.v..., nói rộng như trước.

Ưu thích thọ nhận các cảnh dục diệu do người khác biến hóa: Nghĩa là cõi trời Tha-hóa-tự-tại tạo tác tăng trưởng loại nghiệp như thế. Những kẻ kia do nghiệp này cùng với chư Thiên trời Tha-hóa-tự-tại, tuy đồng một loại, thân đồng một nẻo, đồng một đời sống, đồng một hướng tiến tới, nhưng có cao thấp hơn kém sai biệt. Các Thiên tử thấp kém hóa tác vô số thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc nơi các cảnh dục diệu khiến các Thiên tử cao hơn ở đây thọ dụng.

Những kẻ ấy đối với các cảnh dục diệu do người khác biến hóa có được giàu sang tự tại chuyển: Nghĩa là cõi trời Tha-hóa-tự-tại tạo tác tăng trưởng loại nghiệp như thế. Những kẻ kia do nghiệp này, tùy theo chỗ yêu thích khiến các Thiên tử thấp kém khác hóa tác vô số thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc nơi các cảnh dục diệu để cho các Thiên tử cao hơn kia ở nơi cảnh dục diệu ấy có uy lực được tự tại tùy ý thọ dụng. Ví như Phạm thiên tuy là đồng loại, đồng một nẻo, đồng một đời sống, đồng một hướng tiến tới, nhưng lại có cao thấp hơn kém sai biệt. Nghĩa là trời Phạm chúng thấp kém, trời Phạm phụ cao hơn. Trời Phạm phụ thấp kém, trời Đại phạm cao hơn. Trời Tha-hóa-tự-tại cũng lại như vậy, tạo tác, tăng trưởng loại nghiệp như thế, nên họ do nghiệp ấy v.v... nói rộng như trước.

Nghĩa là cõi trời Tha-hóa-tự-tại: Nghĩa là hiển bày về tất cả trời Tha-hóa-tự-tại.

Là thứ ba: Tức là tùy theo sự tính đếm, dần dần thuận theo thứ lớp, nối tiếp theo thứ tự, đây là ở vào thứ ba.

Dục sinh: Nghĩa là pháp ấy ở nơi cõi Dục sinh ra.

*

* **Ba lạc sinh:** *Những gì là ba?* 1. Có các hữu tình, tức thân như thế, đạt ly sinh hỷ lạc, nên đều được thấm nhuần, thấm nhuần khắp; đều được vui thích, vui thích khắp; đều được sung mãn, sung mãn khắp. Khi được thấm nhuần cho đến sung mãn khắp xong thì trụ vào an lạc. Nghĩa là trời Phạm chúng, là lạc sinh thứ nhất. 2. Có các hữu tình, tức thân như thế, đạt định sinh hỷ lạc, nên đều được thấm nhuần, thấm nhuần khắp; đều được vui thích, vui thích khắp; đều được sung mãn, sung mãn khắp. Khi được thấm nhuần cho đến sung mãn khắp xong thì trụ vào an lạc. Nghĩa là trời Cực quang tịnh, là lạc sinh thứ hai. 3. Có các hữu tình tức thân như thế, đạt lạc của lia hỷ, nên đều được thấm nhuần, thấm nhuần khắp, đều được vui thích, vui thích khắp, đều được sung mãn, sung mãn khắp. Khi được thấm nhuần cho đến sung mãn khắp xong thì trụ vào an lạc. Nghĩa là trời Biên tịnh, là lạc sinh thứ ba.

Ở đây:

1. *Có các hữu tình:* Là các hữu tình theo nghĩa đế, nghĩa thắng, không thể thủ đắc, không thể được gần, không phải có, không phải hiện có, chỉ ở nơi các uẩn, giới, xứ, do tưởng cùng tưởng giả nên nói là chuyển. Nghĩa là hữu tình, Na-la, ý sinh, nho đồng, thọ mạng, sự sinh, nuôi dưỡng, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la v.v... Do đây nên nói là có các hữu tình.

Tức thân như thế: Nghĩa là thân gọi là thân, thân nghiệp cũng gọi là thân, thân căn cũng gọi là thân, năm căn có sắc cũng gọi là thân, bốn đại chủng tụ hợp cũng gọi là thân. Nay trong nghĩa này ý nói bốn đại chủng tụ hợp là thân, nên nói là tức thân như thế.

Ly sinh hỷ lạc: Nghĩa là trong tĩnh lự thứ nhất đã đạt được an lạc, bình đẳng thọ nhận, thuộc về thọ. Đó gọi là ly sinh hỷ lạc.

Đều được thấm nhuần, thấm nhuần khắp; đều được vui thích, vui thích khắp; đều được sung mãn, sung mãn khắp: Nghĩa là trời Phạm chúng. Ở đây, ly sinh hỷ lạc tùy ý muốn mà được, không chút khó khăn. Tức ly sinh hỷ lạc ấy dấy khởi cùng dấy khởi, phát sinh cùng phát sinh, tụ tập xuất hiện, nên có thể khiến cho thân do bốn đại chủng hợp thành như thế đều được thấm nhuần, thấm nhuần khắp; đều được vui thích, vui thích khắp; đều được sung mãn, sung mãn khắp.

Được thấm nhuần cho đến sung mãn khắp xong thì trụ vào an lạc: Nghĩa là vị ấy bấy giờ do ly sinh hỷ lạc nên thân tâm không khổ não, tức trụ vào an lạc.

Như trong Kinh Phân Biệt Sinh Ký, Đức Thế Tôn đã nói: “Bí-sô nên biết! Như người tu định, từ cõi này qua đời sinh lên trời Phạm chúng, thường thường hiện thọ ly sinh hỷ lạc”. Vị ấy trước đây khi trụ nhập nơi tĩnh lự thứ nhất cũng nhiều lần hiện thọ ly sinh hỷ lạc. Ly sinh hỷ lạc đã được thọ nhận trước sau không khác, không sai biệt.

Nếu nương vào định v.v..., nghĩa là thời gian trước đây ở trong tĩnh lự thứ nhất, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, về sau mới sinh lên trời Phạm chúng. Cả hai thứ ly sinh hỷ lạc được thọ nhận ấy, phẩm loại giống nhau.

Nghĩa là trời Phạm chúng: Là hiển bày về các trời như Phạm chúng v.v... thuộc tĩnh lự thứ nhất.

Là thứ nhất: Tức là tùy theo sự tính đếm, dần dần thuận theo thứ lớp, nối tiếp theo thứ tự, đây là ở vào thứ nhất.

Lạc sinh: Nghĩa là xứ sinh này, trong thời gian dài luôn thọ nhận an lạc yên ổn, lìa khổ thích vui, chỉ thọ nhận an vui, nên gọi là Lạc sinh.

2. *Lại nữa: Có các hữu tình*: Là các hữu tình theo nghĩa đế, nghĩa thẳng, không thể thủ đắc v.v..., nói rộng như trước.

Tức thân như thế: Nghĩa là thân gọi là thân v.v..., cho đến nói rộng.

Định sinh hỷ lạc: Nghĩa là trong tĩnh lực thứ hai đã đạt được an lạc, bình đẳng thọ nhận, thuộc về thọ. Đó gọi là định sinh hỷ lạc.

Đều được thấm nhuần, thấm nhuần khắp; đều được vui thích, vui thích khắp; đều được sung mãn, sung mãn khắp: Nghĩa là trời Cực quang tịnh. Ở đây, định sinh hỷ lạc tùy ý muốn mà được, không chút khó khăn. Tức định sinh hỷ lạc ấy dấy khởi cùng dấy khởi, phát sinh cùng phát sinh, tụ tập xuất hiện, nên có thể khiến cho thân do bốn đại chủng hợp thành như thể đều được thấm nhuần, thấm nhuần khắp; đều được vui thích, vui thích khắp; đều được sung mãn, sung mãn khắp.

Được thấm nhuần cho đến sung mãn khắp xong thì trụ vào an lạc: Nghĩa là vị ấy bấy giờ do định sinh hỷ lạc nên thân tâm không khổ não, tức trụ vào an lạc.

Như trong Kinh Phân Biệt Sinh Ký, Đức Thế Tôn đã nói: “Bí-sô nên biết! Như người tu định, từ cõi này qua đời sinh lên trời Cực quang tịnh, thường thường hiện thọ định sinh hỷ lạc”. Vị ấy trước đây khi trụ nhập nơi tĩnh lực thứ hai cũng nhiều lần hiện thọ định sinh hỷ lạc. Định sinh hỷ lạc đã được thọ nhận trước sau không khác, không sai biệt.

Nếu nương vào định v.v..., nghĩa là thời gian trước đây ở trong tĩnh lực thứ hai, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, về sau mới sinh lên trời Cực quang tịnh. Cả hai thứ định sinh hỷ lạc được thọ nhận ấy, phẩm loại giống nhau.

Nghĩa là trời Cực quang tịnh: Là hiển bày về các trời như Cực quang tịnh v.v... thuộc tĩnh lực thứ hai.

Là thứ hai: Tức là tùy theo sự tính đếm, dần dần thuận theo thứ lớp, nối tiếp theo thứ tự, đây là ở vào thứ hai.

Lạc sinh: Nghĩa là xứ sinh này, trong thời gian dài luôn thọ nhận an lạc yên ổn, lìa khổ thích vui, chỉ thọ nhận an vui, nên gọi là Lạc sinh.

3. *Lại nữa: Có các hữu tình:* Là các hữu tình theo nghĩa đế, nghĩa thắng, không thể thủ đắc v.v..., nói rộng như trước.

Tức thân như thế: Nghĩa là thân gọi là thân v.v..., cho đến nói rộng.

Lạc của lìa hỷ: Nghĩa là trong tĩnh lự thứ ba đã đạt được an lạc, bình đẳng thọ nhận, thuộc về thọ. Đó gọi là lạc của lìa hỷ.

Đều được thấm nhuần, thấm nhuần khắp, đều được vui thích, vui thích khắp, đều được sung mãn, sung mãn khắp: Nghĩa là trời Biến tịnh. Ở đây, lạc của lìa hỷ tùy ý muốn mà được, không chút khó khăn. Tức lạc của lìa hỷ ấy đầy khởi cùng đầy khởi, phát sinh cùng phát sinh, tụ tập xuất hiện, nên có thể khiến cho thân do bốn đại chủng hợp thành như thế đều được thấm nhuần, thấm nhuần khắp; đều được vui thích, vui thích khắp; đều được sung mãn, sung mãn khắp.

Được thấm nhuần cho đến sung mãn khắp xong thì trụ vào an lạc: Nghĩa là vị ấy bấy giờ do lạc của lìa hỷ nên thân tâm không còn khổ não, tức trụ vào an lạc.

Như trong Kinh Phân Biệt Sinh Ký, Đức Thế Tôn đã nói: “Bí-sô nên biết! Như người tu định, từ cõi này qua đời sinh lên trời Biến tịnh, thường thường hiện thọ lạc của lìa hỷ”. Vị ấy trước đây khi trụ nhập nơi tĩnh lự thứ ba cũng nhiều lần hiện thọ lạc của lìa hỷ. Lạc của lìa hỷ đã được thọ nhận trước sau không khác, không sai biệt.

Nếu nương vào định v.v..., nghĩa là thời gian trước đây ở trong tĩnh lự thứ ba, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, về sau mới sinh

lên cõi trời Biến tịnh. Cả hai thứ lạc của lia hỷ được thọ nhận ấy, phẩm loại giống nhau.

Nghĩa là trời Biến tịnh: Là hiển bày về các trời như Biến tịnh v.v... thuộc tĩn lự thứ ba.

Là thứ ba: Tức là tùy theo sự tính đếm, dần dần thuận theo thứ lớp, nối tiếp theo thứ tự, đây là ở vào thứ ba.

Lạc sinh: Nghĩa là xứ sinh này, trong thời gian dài luôn thọ nhận an lạc yên ổn, lia khổ thích vui, chỉ thọ nhận an lạc, nên gọi là Lạc sinh.

*

* **Ba thứ tuệ:** 1. Tuệ do nghe tạo thành. 2. Tuệ do suy tư tạo thành. 3. Tuệ do tu tạo thành.

1. Thế nào là tuệ do nghe tạo thành?

Đáp: Nhân nơi nghe, nương vào nghe, do nơi nghe mà kiến lập, nên đối với xứ xứ kia có uy lực, được tự tại, thông đạt đúng khắp. Việc đó như thế nào? Nghĩa là như có Bí-sô, hoặc thọ trì các pháp như Tổ-đát-lãm, Tỳ-nại-da hay A-tỳ-đạt-ma, hoặc nghe bậc Thân giáo sư dạy bảo, hoặc nghe bậc Quĩ phạm sư nêu bày, hoặc nghe theo các Tạng lần lượt được truyền trao nói, hoặc nghe theo lý nhất như nói. Đó gọi là nghe. Nhân nơi nghe ấy, dựa vào nghe ấy, do nơi nghe ấy mà kiến lập, nên ở nơi xứ xứ kia có uy lực, được tự tại, thông đạt đúng khắp. Đó gọi là tuệ do nghe tạo thành.

2. Thế nào là tuệ do suy tư tạo thành?

Đáp: Nhân nơi suy nghĩ, nương vào suy nghĩ, do nơi suy nghĩ mà kiến lập, nên đối với xứ xứ kia có uy lực, được tự tại, thông đạt đúng khắp. Việc đó như thế nào? Nghĩa là như có người đúng như lý mà suy tư về thư số, tính toán, in ấn, hoặc suy tư về mỗi mỗi

sự nghiệp đã hành tác. Đó gọi là suy tư. Nhân nơi suy tư ấy, dựa vào suy tư ấy, do nơi suy tư ấy mà kiến lập, nên ở nơi xứ xứ kia có uy lực, được tự tại, thông đạt đúng khắp. Đó gọi là tuệ do suy tư tạo thành.

3. Thế nào là tuệ do tu tạo thành?

Đáp: Nhân nơi tu, nương vào tu, do nơi tu mà kiến lập, nên đối với xứ xứ kia có uy lực, được tự tại, thông đạt đúng khắp. Việc đó như thế nào? Nghĩa là như có người theo phương tiện thiện xảo siêng năng tu tập các đạo lià nhiễm, do đã tu đạo lià nhiễm ấy, nên lià bỏ dục và các pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, ly sinh hỷ lạc, nhập nơi tĩnh lự thứ nhất, an trụ đầy đủ, nói rộng cho đến nhập nơi tĩnh lự thứ tư, an trụ đầy đủ. Đó gọi là tu. Nhân nơi tu ấy, dựa vào tu ấy, do nơi tu ấy mà kiến lập, nên ở nơi xứ xứ kia có uy lực, được tự tại, thông đạt đúng khắp. Đó gọi là tuệ do tu tạo thành.

Có người nói: Đây cũng gọi là tuệ do tư duy tạo thành. Vì sao? Vì chỉ dựa vào pháp bất cộng của Phật để tu hành mới có thể gọi là tuệ do tu tạo thành. Nay trong nghĩa này là dựa vào các thứ đẳng dẫn (Định) để khởi tuệ tịch tĩnh, đều gọi là tuệ do tu tạo thành.

*

*** Lại có ba thứ tuệ:** 1. Tuệ của hàng hữu học. 2. Tuệ của bậc vô học. 3. Tuệ của hàng phi học phi vô học.

1. Thế nào là tuệ của hàng hữu học?

Đáp: Là hàng hữu học tác ý tương ưng, đối với các pháp cần lựa chọn nên lựa chọn kỹ lưỡng, vô cùng kỹ lưỡng, nhân đầy đã hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, hiểu khắp, trí sáng nơi cơ duyên thông đạt thâm xét thấu suốt, tuệ giác soi rõ hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là tuệ của hàng hữu học.

2. Thế nào là tuệ của bậc vô học?

Đáp: Là hàng vô học tác ý tương ưng, đối với các pháp cần lựa chọn nên lựa chọn kỹ lưỡng v.v... nói rộng cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là tuệ của bậc vô học.

3. Thế nào là tuệ của hàng phi học phi vô học?

Đáp: Là hàng hữu lậu tác ý tương ưng, đối với các pháp cần lựa chọn nên lựa chọn kỹ lưỡng v.v... nói rộng cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là tuệ của hàng phi học phi vô học.

*

* **Ba thứ căn:** 1. Căn chưa biết sẽ biết. 3. Căn đã biết. 3. Căn biết đầy đủ. Như nơi Luận Pháp Uẩn đã nói rộng về tướng của chúng.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Học là các căn học
Luôn theo đạo chánh trực
Thường siêng năng tinh tấn
Giữ gìn nơi tự tâm.
Tuệ căn đầu không dứt
Sinh tuệ căn thứ hai
Như tuệ căn thứ ba
Vị giải thoát mới có.
Bậc giải thoát chẳng động
Các hữu kiết diệt hết
Căn vô lậu viên mãn
Ưu ngăn dứt các căn.
Nên nhập toàn tịch diệt
Nhận giữ thân sau cùng
Hàng phục các quân ma
Chúng thường lạc rốt ráo.*

*

* **Ba thứ nhãn:** 1. Nhục nhãn (Mắt thường). 2. Thiên nhãn. 3. Thánh tuệ nhãn.

1. Thế nào là Nhục nhãn?

Đáp: Nghĩa là do các thứ xương thịt máu xen tạp nơi bốn đại chủng tịnh tạo nên, gồm có nhãn giới, nhãn xứ và nhãn căn. Đó gọi là Nhục nhãn.

2. Thế nào là Thiên nhãn?

Đáp: Nghĩa là do các thứ xương thịt máu không xen tạp nơi bốn đại chủng cực tịnh tạo nên, gồm có nhãn giới, nhãn xứ và nhãn căn. Đó gọi là Thiên nhãn.

3. Thế nào là Thánh tuệ nhãn?

Đáp: Nghĩa là các thứ tuệ hữu học, tuệ vô học, cùng tất cả các thứ tuệ phi học phi vô học thiện. Đó gọi là Thánh tuệ nhãn.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nhục nhãn là kém nhất
Thiên nhãn gọi tiếp trên
Thánh tuệ nhãn tối thắng
Có ba thứ sai biệt.
Tuệ thiện các thế gian
Có thể thuận quyết trạch
Học, vô học, biết đúng
Hết sinh, già, bệnh chết.
Đại giác trong trời người
Danh xưng rất cao xa
Cũng do tuệ mau chứng
Diệu giác, trang nghiêm thân.*

* **Ba nương dựa:** 1. Nương dựa nơi nghe. 2. Nương dựa nơi lìa. 3. Nương dựa nơi tuệ.

1. Thế nào là nương dựa nơi nghe?

Đáp: Tức nghe nhiều, nghe giữ lấy, nghe chứa nhóm các pháp đã lãnh hội. Các pháp được giảng nói, phần trước giữa sau đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần nhất, viên mãn, phạm hạnh trong trắng. Đối với các pháp như thế nên nghe nhiều, đầy đủ, ghi nhớ giữ lấy các lời giảng dạy, chuyên ý thuần thực quán xét các giáo pháp đã nghe, nơi nghĩa các pháp đã thấy khéo thông đạt. Đó gọi là nghe. Nhân nơi nghe ấy, nương nơi nghe ấy, do nơi nghe ấy để kiến lập, nên có thể đoạn trừ các pháp bất thiện, có thể tu các pháp thiện. Đó gọi là nghe, cũng gọi là nương dựa, cũng gọi là nương dựa nơi nghe, nên gọi là nương dựa nơi nghe.

2. Thế nào là nương dựa nơi lìa?

Đáp: Tức lìa các pháp bất thiện dục ác, có tầm có tứ, đạt ly sinh hỷ lạc, nhập nơi tĩnh lự thứ nhất, an trụ đầy đủ, nói rộng cho đến nhập nơi tĩnh lự thứ tư, an trụ đầy đủ. Đó gọi là lìa. Nhân nơi lìa ấy, nương nơi lìa ấy, do nơi lìa ấy để kiến lập, nên có thể đoạn trừ các pháp bất thiện, có thể tu các pháp thiện. Đó gọi là lìa, cũng gọi là nương dựa, cũng gọi là nương dựa nơi lìa, nên gọi là nương dựa nơi lìa.

3. Thế nào là nương dựa nơi tuệ?

Đáp: Tức hiểu biết như thật đây là khổ Thánh đế, đây là khổ tập Thánh đế, đây là khổ diệt Thánh đế, đây là hướng đến khổ diệt đạo Thánh đế. Đó gọi là tuệ. Nhân nơi tuệ ấy, nương nơi tuệ ấy, do nơi tuệ ấy để kiến lập, nên có thể đoạn trừ các pháp bất thiện, có thể tu các pháp thiện. Đó gọi là tuệ, cũng gọi là nương dựa, cũng gọi là nương dựa nơi tuệ, nên gọi là nương dựa nơi tuệ.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nương nghe là kém nhất
 Nương lià gọi tiếp trên
 Nương tuệ là tối thắng
 Lực tinh tấn đầy đủ.
 Đủ niệm, ưa định tĩnh
 Biết thế gian sinh diệt
 Giải thoát nơi tất cả
 Tất sang đến bờ kia.*

**

5. Tụng nêu tổng quát thứ năm:

*Năm: Ba pháp có mười
 Là học, tu, trụ, định
 Đạo, tịnh, lặng, tăng thượng
 Vô thượng, minh đều ba.*

Gồm có: Ba thứ học, ba thứ tu, ba thứ trụ, ba thứ định, ba chỉ dẫn, ba thanh tịnh, ba vắng lặng, ba tăng thượng, ba vô thượng, ba thứ minh.

*

*** Ba thứ học:** 1. Giới học tăng thượng. 2. Tâm học tăng thượng. 3. Tuệ học tăng thượng.

1. Thế nào là giới học tăng thượng?

Đáp: Tức an trụ nơi giới đầy đủ, giữ gìn các luật nghi biệt giải thoát. Các phép tắc được hành trì, thủy đều đầy đủ. Đối với một tội rất nhỏ, đều thấy có sợ hãi lớn. Thọ học các Học xứ (giới). Đó gọi là giới học tăng thượng.

2. Thế nào là tâm học tăng thượng?

Đáp: Tức lià các pháp bất thiện dục ác, có tầm có tứ, đạt ly sinh hỷ lạc, nhập nơi tĩnh lực thứ nhất, an trụ đầy đủ, nói rộng cho đến nhập nơi tĩnh lực thứ tư, an trụ đầy đủ. Đó gọi là tâm học tăng thượng.

3. Thế nào là tuệ học tăng thượng?

Đáp: Tức hiểu biết đúng như thật đây là khổ Thánh đế, đây là khổ tập Thánh đế, đây là khổ diệt Thánh đế, đây là hướng đến khổ diệt đạo Thánh đế. Đó gọi là tuệ học tăng thượng.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Bí-sô đủ ba học
 Ưu tu hành như lý
 Giới, tâm, tuệ tăng thượng
 Luôn nối tiếp hiện hành.
 Đủ uy lực tinh tấn
 Cùng tĩnh lực sáng thịnh
 Luôn gìn giữ các căn
 Siêng hành không phóng dật.
 Như ngày, đêm cũng vậy
 Như đêm, ngày cũng thế
 Như trước, sau cũng vậy
 Như sau, trước cũng thế.
 Như dưới, trên cũng vậy
 Như trên, dưới cũng thế
 Nương dựa nơi thù thắng
 Do định không phóng dật.
 Nói đây là học tích
 Không phóng dật mà trụ
 Do có thể hiểu xả
 Nên được tâm giải thoát.
 Đòi gọi là Đẳng giác
 Dừng mãnh đến hành biên
 Minh hạnh đều viên mãn
 Hằng trụ không quên mất.
 Mạng căn không nối tiếp*

*Ái dứt nên giải thoát
 Như đèn lửa Niết-bàn
 Tâm giải thoát rốt ráo.*

*

* **Ba thứ tu:** 1. Tu giới. 2. Tu định. 3. Tu tuệ.

1. *Thế nào là tu giới?*

Đáp: Túc đối với các giới thiện nên gìn giữ, thường hành tập, cẩn trọng siêng tu không gián đoạn, không bỏ. Đó gọi là tu giới.

2. *Thế nào là tu định?*

Đáp: Túc đối với các định thiện nên gìn giữ, thường hành tập, cẩn trọng siêng tu không gián đoạn, không bỏ. Đó gọi là tu định.

3. *Thế nào là tu tuệ?*

Đáp: Túc đối với các tuệ thiện nên gìn giữ, thường hành tập, cẩn trọng siêng tu không gián đoạn, không bỏ. Đó gọi là tu tuệ.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Khéo tu giới, định, tuệ
 Đến rốt ráo tột cùng
 Đã dứt hẳn các hữu
 Không cấu uế chẳng lo.
 Giải thoát các chấp trước
 Đủ tuệ bén định sâu
 Vượt khỏi cảnh giới ma
 Như mặt trời chiếu khắp.*

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 6

Phẩm 4: BA PHÁP, phần 4

* **Ba thứ trụ:** 1. Thiên trụ. 2. Phạm trụ. 3. Thánh trụ.

1. *Thế nào là Thiên trụ?*

Đáp: Nghĩa là bốn tĩnh lự. Những gì là bốn? Đó là lìa pháp bất thiện dục ác, có tâm có tứ, đạt ly sinh hỷ lạc, nhập nơi tĩnh lự thứ nhất, an trụ đầy đủ, nói rộng cho đến nhập nơi tĩnh lự thứ tư, an trụ đầy đủ. Như Đức Thế Tôn đã nói với Bà-la-môn Phệ-na-bổ-lê: Phạm chí nên biết! Như khi Ta ở trong bốn tĩnh lự thế gian, tùy theo một thứ tĩnh lự nên hành. Bây giờ, Ta là thiên trụ mà hành. Như khi Ta ở trong bốn tĩnh lự thế gian, tùy theo một thứ tĩnh lự nên trụ, hoặc ngồi, hoặc nằm. Bây giờ, Ta là thiên trụ mà trụ, hoặc ngồi, hoặc nằm. Như vậy, trong bốn tĩnh lự thế gian, tùy theo một thứ tĩnh lự gần gũi hành tập thường xuyên, cẩn trọng, liên tục, siêng tu không dừng bỏ. Đó gọi là Thiên trụ.

2. *Thế nào là Phạm trụ?*

Đáp: Nghĩa là bốn vô lượng. Những gì là bốn? Đó là từ, bi, hỷ, xả. Như Đức Thế Tôn đã nói với Bà-la-môn Phệ-na-bổ-lê: Phạm chí nên biết! Như khi Ta ở trong bốn vô lượng, tùy theo một thứ vô lượng nên hành. Bây giờ, Ta là phạm trụ mà hành. Như khi Ta ở trong bốn vô

lượng, tùy theo một thứ vô lượng nên trụ, hoặc ngồi, hoặc nằm. Bây giờ, Ta là phạm trụ mà trụ, hoặc ngồi, hoặc nằm. Như vậy, trong bốn vô lượng, tùy theo một thứ vô lượng gần gũi hành tập thường xuyên, cẩn trọng, liên tục, siêng tu không dừng bỏ. Đó gọi là Phạm trụ.

3. Thế nào là Thánh trụ?

Đáp: Nghĩa là bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám Thánh đạo chi. Như Đức Thế Tôn đã nói với Bà-la-môn Phệ-na-bồ-lê: Phạm chí nên biết! Như khi Ta ở trong pháp thiện được sinh ra từ nẻo xuất ly, xa lìa, tùy theo một pháp thiện ấy nên hành. Bây giờ, Ta là Thánh trụ mà hành. Như khi Ta ở trong pháp thiện được sinh ra từ nẻo xuất ly, xa lìa, tùy theo một pháp thiện ấy nên trụ, hoặc ngồi, hoặc nằm. Bây giờ, Ta là Thánh trụ mà trụ, hoặc ngồi, hoặc nằm. Như vậy, Ta ở trong pháp thiện được sinh ra từ nẻo xuất ly, xa lìa, tùy theo một pháp thiện ấy gần gũi hành tập thường xuyên, cẩn trọng, liên tục, siêng tu không dừng bỏ. Đó gọi là Thánh trụ.

*

* **Ba thứ định:** 1. Tam-ma-địa có tầm có tứ. 2. Tam-ma-địa không tầm chỉ có tứ. 3. Tam-ma-địa không tầm không tứ.

1. Thế nào là Tam-ma-địa có tầm có tứ?

Đáp: Nếu Tam-ma-địa có tầm có tứ cùng hợp, thì tầm cùng khởi, tứ cùng khởi, tầm tương ưng, tứ tương ưng. Nương vào tầm tứ chuyển, tâm trụ cùng trụ, nói rộng cho đến tâm tánh một cảnh. Đó gọi là Tam-ma-địa có tầm có tứ.

2. Thế nào là Tam-ma-địa không tầm chỉ có tứ?

Đáp: Nếu Tam-ma-địa không tầm chỉ có tứ cùng hợp, thì không tầm cùng khởi, chỉ có tứ cùng khởi, tầm không tương ưng, chỉ có tứ tương ưng. Nếu tầm đã dừng dứt chỉ nương vào tứ chuyển, tâm trụ

cùng trụ, nói rộng cho đến tâm tánh một cảnh. Đó gọi là Tam-ma-địa không tâm chỉ có tứ.

3. Thế nào là Tam-ma-địa không tâm không tứ?

Đáp: Nếu Tam-ma-địa không tâm không tứ cùng hợp, thì không tầm hay tứ cùng khởi, tầm tứ cũng không tương ưng. Nếu tầm và tứ đều đã dừng dứt thì tâm trụ cùng trụ, nói rộng cho đến tâm tánh một cảnh. Đó gọi là Tam-ma-địa không tâm không tứ.

*

* **Ba chỉ dẫn:** 1. Do thần biến chỉ dẫn. 2. Do tâm ghi nhớ chỉ dẫn. 3. Do khuyến dạy chỉ dẫn.

1. *Do thần biến chỉ dẫn:* Thế nào là thần biến, thế nào là chỉ dẫn, để nói là do thần biến chỉ dẫn?

Đáp: Thần biến: Tức là các thần biến đang thần biến, đã thần biến, sẽ thần biến, nghĩa là các biến hóa hiện có như biến một làm nhiều, biến nhiều làm một, hoặc hiển bày, hoặc ẩn giấu, hoặc biết, hoặc thấy v.v... Như mọi thứ ngăn trở của tường vách, núi non, bờ đồi v.v..., thân đều đi qua được. Như thế, nói rộng cho đến thân Phạm thế tự tại chuyển. Đó gọi là thần biến.

Thế nào là chỉ dẫn? Nghĩa là như có Bí-sô tuy đối với nhiều thứ cảnh giới thần biến đều nhận lãnh riêng, hoặc không khiến người khác thấy biết, đó chỉ gọi là thần biến tự tại, không gọi là chỉ dẫn.

Nếu có Bí-sô đối với nhiều thứ cảnh giới thần biến đều nhận lãnh riêng, cũng có thể khiến cho người khác thấy biết, gọi là thần biến tự tại, cũng gọi là chỉ dẫn.

Thế nên khi nói thần biến chỉ dẫn, cần phải khiến người khác thấy cùng thấy, hiểu rõ cùng hiểu rõ, tùy thuận điều phục, mới gọi là thần biến, cũng gọi là chỉ dẫn. Do vậy, nên nói do thần biến chỉ dẫn.

2. *Do tâm ghi nhớ chỉ dẫn*: Thế nào là tâm ghi nhớ, thế nào là chỉ dẫn, để nói là do tâm ghi nhớ chỉ dẫn?

Đáp: Tâm ghi nhớ: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Có một loại người, hoặc do xem tướng, hoặc do nói năng, theo đây ghi nhớ tâm người khác, cho ý của kẻ ấy như vậy, như kia, đã chuyển biến. Hoặc theo đây ghi nhớ các việc quá khứ, vị lai, hoặc đang xảy ra. Hoặc theo đây ghi nhớ các việc đã làm từ lâu, các lời đã nói từ lâu. Hoặc theo đây ghi nhớ ít, gọi là ghi nhớ về tâm. Hoặc theo đây ghi nhớ nhiều, gọi là ghi nhớ về tâm sở pháp. Các thứ tùy thuận ghi nhớ ấy, tất cả đều như thật không phải là không như thật.

Hoặc có một loại người, không do xem tướng, không do nói năng, theo đây ghi nhớ tâm người khác. Nhưng là do thiên thân, hoặc do phi nhân nghe tiếng nói kia, nên theo đây ghi nhớ được tâm người khác, cho ý của kẻ ấy như vậy, như kia, đã chuyển biến v.v..., nói rộng như trước.

Hoặc có một loại người, không do thiên thân, không do phi nhân nghe tiếng nói kia, theo đây ghi nhớ tâm người khác. Nhưng là do nội tâm nhận biết tâm của hữu tình khác có những tâm tứ, nên theo đây ghi nhớ được tâm người khác, cho ý của kẻ ấy như vậy, như kia, đã chuyển biến v.v..., nói rộng như trước.

Lại có một loại người, không phải do nội tâm nhận biết tâm của hữu tình khác có những tâm tứ, theo đây ghi nhớ tâm người khác. Nhưng là do hiện thấy hữu tình khác đang trụ nơi Tam-ma-địa không tầm không tứ. Thấy rồi thì suy nghĩ: Như thế là vị này ý hành vi diệu không tầm không tứ. Như vậy là vị ấy từ định này xuất nên khởi tầm tứ như thế như thế. Các thứ tùy thuận ghi nhớ ấy, tất cả đều như thật không phải là không như thật.

Như vậy là vị ấy từ định này xuất nên khởi tầm tứ như thế như thế. Các thứ tùy thuận ghi nhớ, tất cả đều là như thật không phải là không như thật. Đó gọi là tâm ghi nhớ

Thế nào là chỉ dẫn? Nghĩa là như có Bí-sô, tuy do xem tướng hoặc do nghe nói năng, theo đây ghi nhớ tâm người khác, nói rộng cho đến: Như vậy là vị ấy từ định này xuất nên khởi tầm tứ như thế như thế. Các thứ tùy thuận ghi nhớ ấy, tất cả đều như thật không phải là không như thật. Nếu không khiến người khác thấy biết, đó gọi là tâm ghi nhớ tự tại, không gọi là chỉ dẫn.

Như có Bí-sô hoặc do xem tướng, hoặc do nghe nói năng, theo đây ghi nhớ tâm người khác, nói rộng cho đến: Như vậy là vị ấy từ định này xuất nên khởi tầm tứ như thế như thế. Các thứ tùy thuận ghi nhớ ấy, tất cả đều như thật không phải là không như thật, cũng có thể khiến người khác thấy biết, đó gọi là tâm ghi nhớ tự tại, cũng gọi là chỉ dẫn.

Thế nên khi nói tâm ghi nhớ chỉ dẫn, cần phải khiến cho người khác thấy cùng thấy, hiểu rõ cùng hiểu rõ, tùy thuận điều phục, mới gọi là tâm ghi nhớ, cũng gọi là chỉ dẫn. Vì vậy nói là do tâm ghi nhớ chỉ dẫn.

3. *Do khuyên dạy chỉ dẫn:* Thế nào là khuyên dạy, thế nào là chỉ dẫn, để nói là do khuyên dạy chỉ dẫn?

Đáp: Khuyên dạy: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Như có Bí-sô vì người khác giảng nói: Đây là khổ Thánh đế nên nhận biết khắp. Đây là khổ tập Thánh đế nên đoạn trừ vĩnh viễn. Đây là khổ diệt Thánh đế nên tác chứng. Đây là hướng tới khổ diệt đạo Thánh đế nên tu tập. Đó gọi là khuyên dạy.

Thế nào là chỉ dẫn? Nghĩa là như có Bí-sô tuy có thể vì người khác giảng nói: Đây là khổ Thánh đế nên nhận biết khắp v.v..., cho đến đây là hướng tới khổ diệt đạo Thánh đế nên tu tập. Nếu người khác nghe xong không khởi để thuận nhẫn, không được trí thể tục hiện quán biên, nên chỉ gọi là khuyên dạy tự tại, không gọi là chỉ dẫn.

Nếu có Bí-sô có thể vì người khác giảng nói: Đây là khổ Thánh đế nên nhận biết khắp v.v..., cho đến đây là hướng tới khổ diệt đạo Thánh đế nên tu tập, cũng có thể khiến cho người khác nghe xong liền khởi để thuận nhẫn, đạt được trí thể tục hiện quán biên, nên gọi là khuyên dạy tự tại, cũng gọi là chỉ dẫn.

Thế nên khi nói do khuyên dạy chỉ dẫn, cần phải khiến người khác thấy cùng thấy, hiểu rõ cùng hiểu rõ, tùy thuận điều phục, mới gọi là khuyên dạy, cũng gọi là chỉ dẫn. Vì vậy nói là do khuyên dạy chỉ dẫn.

*

* **Ba thanh tịnh:** 1. Thân thanh tịnh. 2. Ngữ thanh tịnh. 3. Ý thanh tịnh.

1. Thế nào là thân thanh tịnh?

Đáp: Tức là lìa bỏ hại sinh mạng, lìa bỏ không cho mà lấy, lìa bỏ dâm dục tà hạnh.

Lại nữa, là lìa đoạn sinh mạng, lìa không cho mà lấy, lìa phi phạm hạnh.

Lại nữa, các nghiệp thân của hàng hữu học hiện có, các nghiệp thân của bậc vô học hiện có, các nghiệp thân của hàng phi học phi vô học thiện, tất cả như thế gọi là thân thanh tịnh.

2. Thế nào là ngữ thanh tịnh?

Đáp: Tức là lìa các lời nói dối, lời nói ly gián, lời nói thô ác, lời nói ướm tập.

Lại nữa, các nghiệp ngữ của hàng hữu học hiện có, các nghiệp ngữ của bậc vô học hiện có, các nghiệp ngữ của hàng phi học phi vô học thiện, tất cả như thế gọi là ngữ thanh tịnh.

3. Thế nào là ý thanh tịnh?

Đáp: Tức là không tham, không sân và chánh kiến.

Lại nữa, các nghiệp ý của hàng hữu học hiện có, các nghiệp ý của bậc vô học hiện có, các nghiệp ý của hàng phi học phi vô học thiện, tất cả như thế gọi là ý thanh tịnh.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Trong thân, ngữ, ý tịnh
Ta nói vô lậu tịnh
Gọi thanh tịnh viên mãn
Tịnh được hết các ác.*

*

* **Ba vắng lặng:** 1. Thân vắng lặng. 2. Ngữ vắng lặng. 3. Ý vắng lặng.

1. Thế nào là thân vắng lặng?

Đáp: Nghĩa là luật nghi của thân thuộc bậc vô học (A-la-hán), gọi là thân vắng lặng.

2. Thế nào là ngữ vắng lặng?

Đáp: Nghĩa là luật nghi của ngữ thuộc bậc vô học, gọi là ngữ vắng lặng.

3. Thế nào là ý vắng lặng?

Đáp: Nghĩa là luật nghi của ý thuộc bậc vô học, gọi là ý vắng lặng.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Trong thân, ngữ, ý lặng
Ta nói vô lậu lặng
Gọi vắng lặng viên mãn
Lặng hết thấy các ác.*

*

* **Ba tầng thượng:** 1. Thế gian tầng thượng. 2. Tự tầng thượng.
3. Pháp tầng thượng.

1. Thế nào là thế gian tầng thượng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Có các Bí-sô thường ở nơi A-lan-nhã, hoặc trụ bên gốc cây, hoặc ở chốn vắng vẻ, học pháp đã học, nên khởi suy nghĩ: Nay thế gian này có rất nhiều thứ tập hợp. Phàm những nơi chốn đông đảo đó tất có thiên thần, đều thành tựu thiên nhãn, có đủ tha tâm trí, hoặc gần hoặc xa đều có thể thấy rõ, tâm tốt xấu hơn kém cũng đều có thể nhận biết khắp. Ta nếu phát sinh các tâm tứ bất thiện, có thể bị các thứ tham chấp xấu ác làm chôn nương dựa, tức các thiên thần hiện thấy biết về ta như thế sẽ cùng bảo nhau: Nay nên cùng xem vị thiện nam kia đã có thể chán tục, chánh tín xuất gia, tại sao lại sinh các tâm tứ bất thiện để có thể bị các thứ tham chấp xấu ác làm chôn nương dựa?

Lại nơi thế gian có các xứ tập hợp đông đảo hoặc hiện có Phật và các đệ tử của Phật, đều thành tựu thiên nhãn, có đủ tha tâm trí, hoặc gần hoặc xa đều có thể thấy rõ, tâm tốt xấu hơn kém cũng đều có thể nhận biết khắp. Ta nếu phát sinh các tâm tứ bất thiện, có thể bị các thứ tham chấp xấu ác làm chôn nương dựa, tất nhiên chư Thánh chúng hiện thấy biết về ta như thế sẽ cùng bảo nhau: Nay nên cùng xem vị thiện nam kia đã có thể chán tục, chánh tín xuất gia, tại sao lại sinh các tâm tứ bất thiện để có thể bị các thứ tham chấp xấu ác làm chôn nương dựa?

Lại khởi suy niệm: Các người trong thế gian kia tuy thấy biết về ta, nhưng đâu bằng ta tự thẩm xét, hiểu biết. Vậy nay ta nên tự quan sát thẩm xét, chớ để sinh khởi các tâm tứ bất thiện như thế, có thể bị các thứ tham chấp xấu ác làm chôn nương dựa. Vị ấy nhân nơi tự thẩm xét thấy biết như vậy, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thân tâm khinh an, xa lìa hôn trầm, trụ nơi chánh niệm, tâm

định một hướng, chế phục ngu si. Vị ấy nhân nơi sức tăng thượng của thế gian, nên có thể đoạn trừ các pháp bất thiện, tu tập các pháp thiện. Như thế là do uy lực tăng thượng của thế gian, nên có thể khởi các pháp hữu lậu thiện hoặc đạo vô lậu. Đó gọi là thế gian tăng thượng.

2. Thế nào là tự tăng thượng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Có các Bí-sô thường ở nơi A-lan-nhã, hoặc trụ bên gốc cây, hoặc ở chốn vắng vẻ, học pháp đã học, nên khởi suy nghĩ: Ta nay đã chán tục, chánh tín xuất gia, không nên sinh khởi các tâm tứ bất thiện, có thể bị các thứ tham chấp xấu ác làm chôn nung dựa. Phải nên thường xuyên tự quan sát, thâm xét, chớ để sinh khởi các tâm tứ bất thiện như thế, có thể bị các thứ tham chấp xấu ác làm chôn nung dựa. Vị ấy nhân nơi tự thâm xét thấy biết như vậy, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thân tâm khinh an, xa lìa hôn trầm, trụ nơi chánh niệm, tâm định một hướng, chế ngự ngu si. Vị ấy nhân nơi sức tăng thượng của tự mình, nên có thể đoạn trừ các pháp bất thiện, tu tập các pháp thiện. Như thế là do uy lực tăng thượng của tự mình, nên khởi các pháp hữu lậu thiện hoặc đạo vô lậu. Đó gọi là tự tăng thượng.

3. Thế nào là pháp tăng thượng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Có các Bí-sô thường ở nơi A-lan-nhã, hoặc trụ bên gốc cây, hay ở chốn vắng vẻ, học các pháp đã học, nên khởi suy nghĩ: Tất cả các pháp do chư Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác thuyết giảng là khéo nói những gì hiện thấy, lìa các thứ nhiệt não, tùy thuận hợp thời. Các bậc trí đến quan sát lãnh hội, nội tâm đều chứng nhập. Chánh pháp như thế ta đã nhận biết rõ, không nên sinh khởi các tâm tứ bất thiện, có thể bị các thứ tham chấp xấu ác làm chôn nung dựa. Phải nên thường xuyên tự quan sát, thâm xét, chớ để sinh khởi các tâm tứ bất thiện như thế, có thể bị các thứ tham chấp xấu ác làm chôn nung dựa. Vị ấy

nhân nơi tự thâm xét thấy biết như vậy, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thân tâm khinh an, xa lìa hôn trầm, trụ nơi chánh niệm, tâm định một hướng, chế ngự ngu si. Vì ấy nhân nơi sức tăng thượng của chánh pháp, nên có thể đoạn trừ các pháp bất thiện, tu tập các pháp thiện. Như thế là do uy lực tăng thượng của chánh pháp, nên khởi các pháp hữu lậu thiện hoặc đạo vô lậu. Đó gọi là pháp tăng thượng.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đời không có bậc trí
 Ưa tạo các nghiệp ác
 Do hay tự thông đạt
 Để thật và hư vọng.
 Bậc hiền thiện tác chứng
 Không nên tự khinh miệt
 Nên thường tự tỉnh ác
 Có lỗi không che giấu.
 Đời hiện có thiên thần
 Phật và đệ tử Phật
 Luôn thấy biết kẻ ngu
 Tạo tác các hành ác.
 Thế nên đời tăng thượng
 Sức tăng thượng tự pháp
 Hay trừ pháp bất thiện
 Tu pháp tùy pháp hành.
 Ta nói có dũng mãnh
 Khéo hàng phục quân ma
 Vượt sinh già bệnh chết
 Chứng tịch diệt rốt ráo.*

* **Ba vô thượng:** 1. Hành vô thượng. 2. Trí vô thượng. 3. Giải thoát vô thượng.

1. *Thế nào là hành vô thượng?*

Đáp: Nghĩa là tám chi Thánh đạo vô học. Đó gọi là hành vô thượng.

2. *Thế nào là trí vô thượng?*

Đáp: Nghĩa là tám thứ trí vô học. Đó gọi là trí vô thượng.

3. *Thế nào là giải thoát vô thượng?*

Đáp: Nghĩa là tận trí và vô sinh trí. Đó gọi là giải thoát vô thượng.

*

* **Ba thứ minh:** Đó là ba minh vô học: 1. Minh tác chứng trí túc trụ tùy niệm của bậc vô học. 2. Minh tác chứng trí sinh tử của bậc vô học. 3. Minh tác chứng trí lậu tận của bậc vô học.

1. *Thế nào là minh tác chứng trí túc trụ tùy niệm của bậc vô học?*

Đáp: Như nhớ biết đúng như thật các sự việc đời trước. Nghĩa là nhớ biết các sự việc nơi đời quá khứ đúng như thật. Hoặc một đời, hay mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời. Hoặc nhiều trăm đời, hoặc nhiều ngàn đời, hoặc nhiều trăm ngàn đời. Hoặc kiếp hoại, hoặc kiếp thành, hoặc kiếp hoại thành. Hoặc nhiều kiếp hoại, hoặc nhiều kiếp thành, hoặc nhiều kiếp hoại thành. Ta ở trong tụ hữu tình như thế, từng mang tên như thế, chủng loại như thế, tộc họ như thế. Từng ăn các thức ăn như thế. Từng thọ khổ như thế, vui như thế. Từng sống lâu như thế, trụ lâu như thế, nhận lấy cuộc sống có giới hạn như thế. Ta từng từ xứ kia chết đi, sinh nơi xứ này. Lại từ xứ này chết đi, sinh nơi xứ kia. Đối với các việc như vậy, hoặc về hình tướng, hoặc về nhân duyên, hoặc về ngôn thuyết, vô lượng thứ sự việc của đời trước đều có thể theo niệm nhớ biết đúng như thật. Đó gọi là Minh tác chứng trí túc trụ tùy niệm của bậc vô học. Ở đây, thế

nào là minh? Tức là trí nhận biết về sự nối tiếp của đời trước. Đó gọi là minh.

2. Thế nào là minh tác chứng trí sinh tử của bậc vô học?

Đáp: Do thiên nhân thanh tịnh hơn hẳn nơi người, nên thấy các hữu tình lúc sinh, lúc chết, hoặc hình sắc đẹp xấu, hoặc hơn kém, hoặc sinh vào nẻo thiện, hoặc bị đọa vào nẻo ác. Các hữu tình như thế, thân ngữ ý hành ác, phát khởi tà kiến, hủy báng Hiền Thánh, hành nghiệp tà kiến nơi pháp thọ nhân. Do nhân duyên ấy, nên khi thân hoại mạng chung bị đọa vào các nẻo ác, sinh trong địa ngục. Lại có hữu tình như vậy, thân ngữ ý đã thành tựu các hành diệu, phát khởi chánh kiến, tán thán Hiền Thánh, thành tựu nghiệp chánh kiến nơi pháp thọ nhân. Do nhân duyên ấy, nên khi thân hoại mạng chung được sinh lên các nẻo thiện như các cõi trời. Đối với các loại quả nghiệp sai biệt của tất cả loại hữu tình như thế đều biết đúng như thật. Đó gọi là Minh tác chứng trí sinh tử của bậc vô học. Ở đây, thế nào là minh? Tức là trí nhận biết các nghiệp của chính mình. Đó gọi là minh.

3. Thế nào là minh tác chứng trí lậu tận của bậc vô học?

Đáp: Tức nhận biết đúng như thật: Đây là khổ Thánh đế, đây là khổ tập Thánh đế, đây là khổ diệt Thánh đế, đây là hướng đến khổ diệt đạo Thánh đế. Vị ấy nhận biết như thế, thấy rõ như thế, về tâm giải thoát: Tâm giải thoát dục lậu. Tâm giải thoát hữu lậu. Tâm giải thoát vô minh lậu. Đã thấy biết đúng như thật: Nẻo sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau. Đó gọi là Minh tác chứng trí lậu tận của bậc vô học. Ở đây, thế nào là minh? Tức là trí nhận biết các lậu đã dứt hết. Đó gọi là minh.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Mâu-ni biết đời trước
Thấy nẻo thiện ác riêng*

*Rõ sinh tử đã hết
 Được thông tuệ rốt ráo.
 Biết tâm đã giải thoát
 Khỏi các lậu như tham v.v...
 Thành tựu ba thứ minh
 Gọi là đủ ba minh.*

Phẩm 5: BỐN PHÁP, phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại nói với đại chúng: Các Cụ thọ nên biết! Đức Phật đối với **bốn pháp** đã tự khéo thông đạt, hiện Đăng giác rồi, vì các đệ tử tuyên thuyết khai thị. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập, để sau khi Đức Phật diệt độ chớ nên có tranh cãi, chống đối. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, đem lại lợi lạc cho vô lượng hữu tình. Lại thương xót các chúng trời, người nơi thế gian, khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Những gì là **bốn pháp**? Ở đây có 5 tụng tổng quát:

**

1. Tụng nêu tổng quát thứ nhất:

*Một: Bốn pháp có mười
 Niệm, đoạn, thần, lực, đế
 Tướng, vô lượng, vô sắc
 Thánh chủng, quả đều bốn.*

Gồm có: Bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, bốn tĩnh lực, bốn Thánh đế, bốn thứ tướng, bốn vô lượng, bốn vô sắc, bốn Thánh chủng, bốn quả Sa-môn.

*

* **Bốn niệm trụ:** 1. Thân niệm trụ. 2. Thọ niệm trụ. 3. Tâm niệm trụ. 4. Pháp niệm trụ.

1. Thế nào là thân niệm trụ?

Đáp: Là mười xứ có sắc cùng sắc thuộc về pháp xứ. Đó gọi là thân niệm trụ.

2. Thế nào là thọ niệm trụ?

Đáp: Là sáu thọ thân. Nghĩa là thọ do nhãn xúc sinh ra, cho đến thọ do ý xúc sinh ra. Đó gọi là thọ niệm trụ.

3. Thế nào là tâm niệm trụ?

Đáp: Là sáu thức thân. Nghĩa là nhãn thức cho đến ý thức. Đó gọi là tâm niệm trụ.

4. Thế nào là pháp niệm trụ?

Đáp: Là thọ uẩn không gồm thân pháp xứ vô sắc. Đó gọi là pháp niệm trụ.

Lại nữa, thân tăng thượng sinh ra các pháp thiện hữu lậu cùng đạo vô lậu, đó gọi là *Thân niệm trụ*. Thọ tăng thượng sinh ra các pháp thiện hữu lậu cùng đạo vô lậu, đó gọi là *Thọ niệm trụ*. Tâm tăng thượng sinh ra các pháp thiện hữu lậu cùng đạo vô lậu, đó gọi là *Tâm niệm trụ*. Pháp tăng thượng sinh ra các pháp thiện hữu lậu cùng đạo vô lậu, đó gọi là *Pháp niệm trụ*.

Lại nữa, tuệ duyên nơi thân gọi là *Thân niệm trụ*. Tuệ duyên nơi thọ gọi là *Thọ niệm trụ*. Tuệ duyên nơi tâm gọi là *Tâm niệm trụ*. Tuệ duyên nơi pháp gọi là *Pháp niệm trụ*.

*

* **Bốn chánh đoạn:** Đó là: 1. Vì khiến các pháp ác bất thiện đã sinh được đoạn trừ, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy và giữ vững tâm. 2. Vì khiến các pháp ác bất thiện chưa sinh sẽ

không sinh, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy và giữ vững tâm. 3. Vì khiến các pháp thiện chưa sinh sẽ sinh, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy và giữ vững tâm. 4. Vì khiến các pháp thiện đã sinh được trụ vững, không quên, tức tu tập viên mãn, trí tác chứng rộng lớn bội tăng, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy và giữ vững tâm.

Vì khiến các pháp ác bất thiện đã sinh được đoạn trừ, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy và giữ vững tâm. Vậy thế nào là chánh đoạn? Nghĩa là đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, tăng thượng để sinh khởi các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Như thế gọi là chánh đoạn thứ nhất.

Vì khiến các pháp ác bất thiện chưa sinh sẽ không sinh, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy và giữ vững tâm. Vậy thế nào là chánh đoạn? Nghĩa là phải ngăn chặn các pháp ác bất thiện chưa sinh, tăng thượng để sinh khởi các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Như thế gọi là chánh đoạn thứ hai.

Vì khiến các pháp thiện chưa sinh sẽ sinh, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy và giữ vững tâm. Vậy thế nào là chánh đoạn? Nghĩa là đẩy khởi các pháp thiện chưa sinh, tăng thượng để phát sinh các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Như thế gọi là chánh đoạn thứ ba.

Vì khiến các pháp thiện đã sinh được trụ vững, không quên, tức tu tập viên mãn, trí tác chứng rộng lớn bội tăng, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy và giữ vững tâm. Vậy thế nào là chánh đoạn? Nghĩa là làm tăng trưởng các pháp thiện đã sinh, tăng thượng để sinh khởi các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Như thế gọi là chánh đoạn thứ tư.

* **Bốn thần túc:** 1. Thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa dục. 2. Thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa cần. 3. Thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa tâm. 4. Thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa quán.

1. *Thế nào là thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa dục?*

Đáp: Do dục tăng thượng nên sinh các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Đó gọi là Thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa dục.

2. *Thế nào là thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa cần?*

Đáp: Do cần tăng thượng nên sinh các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Đó gọi là Thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa cần.

3. *Thế nào là thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa tâm?*

Đáp: Do tâm tăng thượng nên sinh các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Đó gọi là Thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa tâm.

4. *Thế nào là thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa quán?*

Đáp: Do quán tăng thượng nên sinh các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Đó gọi là Thần túc thành tựu hành đoạn Tam-ma-địa quán.

*

* **Bốn tĩnh lự:** 1. Tĩnh lự thứ nhất. 2. Tĩnh lự thứ hai. 3. Tĩnh lự thứ ba. 4. Tĩnh lự thứ tư.

1. *Thế nào là tĩnh lự thứ nhất?*

Đáp: Tĩnh lự thứ nhất thâm giữ năm uẩn thiện.

2. *Thế nào là tĩnh lự thứ hai?*

Đáp: Tĩnh lự thứ hai thâm giữ năm uẩn thiện.

3. *Thế nào là tĩnh lự thứ ba?*

Đáp: Tĩnh lự thứ ba thâm giữ năm uẩn thiện.

4. Thế nào là tĩnh lực thứ tư?

Đáp: Tĩnh lực thứ tư thâm giữ năm uẩn thiện.

*

* **Bốn Thánh đế:** 1. Khổ Thánh đế. 2. Khổ tập Thánh đế. 3. Khổ diệt Thánh đế. 4. Hướng đến khổ diệt đạo Thánh đế.

1. Thế nào là khổ Thánh đế?

Đáp: Là năm thủ uẩn, tức sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Đó gọi là khổ Thánh đế.

2. Thế nào là khổ tập Thánh đế?

Đáp: Là các nhân hữu lậu. Đó gọi là khổ tập Thánh đế.

3. Thế nào là khổ diệt Thánh đế?

Đáp: Là trạch diệt vô vi. Đó gọi là khổ diệt Thánh đế.

4. Thế nào là hướng đến khổ diệt đạo Thánh đế?

Đáp: Là các pháp hữu học và các pháp vô học. Đó gọi là hướng đến khổ diệt đạo Thánh đế.

*

* **Bốn thứ tướng:** 1. Tướng nhỏ. 2. Tướng lớn. 3. Tướng vô lượng. 4. Tướng vô sở hữu.

1. Thế nào là tướng nhỏ?

Đáp: Tức tác ý tư duy về các sắc nhỏ hẹp. Nghĩa là hoặc tư duy về máu tụ bầm đen. Hoặc tư duy về mũ vỡ trần. Hoặc tư duy về sự tan hoại. Hoặc tư duy về thân sinh trưởng. Hoặc tư duy về hài cốt. Hoặc tư duy về các khúc xương. Hoặc tư duy về đất nước lửa gió. Hoặc tư duy về màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Hoặc tư duy về lỗi lầm tai họa. Hoặc tư duy về công đức của xuất ly v.v... Cùng với các thứ ấy đầy khởi các tướng, cùng tướng hiện tiền, đã tướng, sẽ tướng. Đó gọi là tướng nhỏ.

2. Thế nào là tướng lớn?

Đáp: Tức tác ý tư duy về các sắc rộng lớn, nhưng không phải là vô biên. Nghĩa là hoặc tư duy về máu tụ bầm đen v.v..., nói rộng như trước. Đó gọi là tướng lớn.

3. Thế nào là tướng vô lượng?

Đáp: Tức tác ý tư duy về các sắc rộng lớn, lượng của chúng là vô biên. Nghĩa là hoặc tư duy về máu tụ bầm đen v.v..., nói rộng như trước. Đó gọi là tướng vô lượng.

4. Thế nào là tướng vô sở hữu?

Đáp: Tức hiển bày tướng về xứ không thực có.

*

* **Bốn vô lượng:** 1. Từ vô lượng. 2. Bi vô lượng. 3. Hỷ vô lượng. 4. Xả vô lượng.

1. Thế nào là từ vô lượng?

Đáp: Tức các từ và từ tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức. Như vị ấy cùng khởi nghiệp thân và nghiệp ngữ. Hoặc vị ấy cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là từ vô lượng.

2. Thế nào là bi vô lượng?

Đáp: Tức các bi và bi tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức. Như vị ấy cùng khởi nghiệp thân và nghiệp ngữ. Hoặc vị ấy cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là bi vô lượng.

3. Thế nào là hỷ vô lượng?

Đáp: Tức các hỷ và hỷ tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức. Như vị ấy cùng khởi nghiệp thân và nghiệp ngữ. Hoặc vị ấy cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là hỷ vô lượng.

4. Thế nào là xả vô lượng?

Đáp: Tức các xả và xả tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức. Như vị ấy cùng khởi nghiệp thân và nghiệp ngữ. Hoặc vị ấy cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là xả vô lượng.

*

* **Bốn vô sắc:** 1. Xứ không vô biên. 2. Xứ thức vô biên. 3. Xứ vô sở hữu. 4. Xứ phi tướng phi phi tướng.

1. Thế nào là xứ không vô biên?

Đáp: Xứ không vô biên lược nêu có hai thứ là định và sinh. Hoặc định hoặc sinh nơi thọ, tưởng, hành, thức hiện có. Đó gọi là xứ không vô biên.

2. Thế nào là xứ thức vô biên?

Đáp: Xứ thức vô biên lược nêu có hai thứ là định và sinh. Hoặc định hoặc sinh nơi thọ, tưởng, hành, thức hiện có. Đó gọi là xứ thức vô biên.

3. Thế nào là xứ vô sở hữu?

Đáp: Xứ vô sở hữu lược nêu có hai thứ là định và sinh. Hoặc định hoặc sinh nơi thọ, tưởng, hành, thức hiện có. Đó gọi là xứ vô sở hữu.

4. Thế nào là xứ phi tướng phi phi tướng?

Đáp: Xứ phi tướng phi phi tướng lược nêu có hai thứ là định và sinh. Hoặc định hoặc sinh nơi thọ, tưởng, hành, thức hiện có, cùng có một thứ định đồng khởi tâm bất tương ưng hành là định diệt tướng thọ. Đó gọi là xứ phi tướng phi phi tướng.

*

* **Bốn Thánh chủng:** Đó là: 1. Như Bí-sô khi có được y phục liền sinh tâm biết đủ, khen ngợi hạnh biết đủ, không vì nhân duyên

cầu tìm y phục, có thể khiến người đời bàn tán chê trách. Nếu cầu chẳng được thì trọn không buồn than hay trông mong, bực bội, mê muội. Nếu cầu tìm có được thì thọ dụng đúng pháp, không sinh nhiễm chấp, tham đắm, cất giữ, tích chứa. Trong khi thọ dụng, có thể thấy rõ các lỗi lầm, nên nhận biết đúng về nẻo xuất ly giải thoát. Do người này khi có được y phục đều sinh tâm biết đủ, nên trọn không tự đề cao, xem thường kẻ khác, lúc nào cũng siêng năng chánh tri giữ niệm. Đó gọi là an trụ nơi Thánh chủng cổ tích. 2. Như Bì-sô khi có được các thức ăn uống liền sinh tâm biết đủ, nói rộng như trước. 3. Như Bì-sô khi có được các thứ ngọa cụ liền sinh tâm biết đủ, nói rộng như trước. 4. Như Bì-sô đã đoạn trừ các thứ tham ái, ham thích, còn tinh tấn cầu học các pháp đoạn trừ tham ái, ham thích. Lại ưa tu, vui tu, nên tinh tấn theo học các pháp tu vui thích. Như thế, vị ấy do đoạn trừ tham ái, ham thích, do tu tập các pháp vui thích, nên trọn không tự đề cao, xem thường kẻ khác, nhưng có thể luôn siêng năng chánh tri, giữ niệm. Đó gọi là an trụ nơi Thánh chủng cổ tích.

Ở đây:

1. Thế nào là Thánh chủng tùy được y phục sinh tâm biết đủ?

Đáp: Tùy được y phục sinh tâm biết đủ tăng thượng sinh khởi các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Đó gọi là Thánh chủng tùy được y phục sinh tâm biết đủ.

2. Thế nào là Thánh chủng tùy được thức ăn uống sinh tâm biết đủ?

Đáp: Tùy được các thức ăn uống sinh tâm biết đủ tăng thượng sinh khởi các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Đó gọi là Thánh chủng tùy được thức ăn uống sinh tâm biết đủ.

3. Thế nào là Thánh chủng tùy được ngọa cụ sinh tâm biết đủ?

Đáp: Tùy được ngọa cụ sinh tâm biết đủ tăng thượng sinh khởi các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Đó gọi là Thánh chủng tùy được ngọa cụ sinh tâm biết đủ.

4. Thế nào là Thánh chủng tu đoạn ái lạc?

Đáp: Khi tu đoạn ái lạc tăng thượng, sinh khởi các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Đó gọi là Thánh chủng tu đoạn ái lạc.

*

* **Bốn quả Sa-môn:** 1. Quả Dự lưu. 2. Quả Nhất lai. 3. Quả Bất hoàn. 4. Quả A-la-hán.

1. Thế nào là quả Dự lưu?

Đáp: Quả Dự lưu có hai thứ là hữu vi và vô vi.

Quả Dự lưu hữu vi: Nghĩa là khi chứng quả Dự lưu, các pháp học hiện có, hoặc đã được, hoặc đang được, hoặc sẽ được. Đó gọi là quả Dự lưu hữu vi.

Quả Dự lưu vô vi: Nghĩa là khi chứng quả Dự lưu, các pháp trạch diệt hiện có, hoặc đã được, hoặc đang được, hoặc sẽ được. Đó gọi là quả Dự lưu vô vi.

2. Thế nào là quả Nhất lai?

Đáp: Nên biết cũng như vậy.

3. Thế nào là quả Bất hoàn?

Đáp: Nên biết cũng như thế.

4. Thế nào là quả A-la-hán?

Đáp: Quả A-la-hán có hai thứ là hữu vi và vô vi.

Quả Dự lưu hữu vi: Nghĩa là khi chứng quả A-la-hán, các pháp vô học hiện có, hoặc đã được, hoặc đang được, hoặc sẽ được. Đó gọi là quả A-la-hán hữu vi.

Quả Dự lưu vô vi: Nghĩa là khi chứng quả A-la-hán, các pháp trạch diệt hiện có, hoặc đã được, hoặc đang được, hoặc sẽ được. Đó gọi là quả A-la-hán vô vi.

**

2. Tụng nêu tổng quát thứ hai:

*Hai: Bốn pháp có chín
Là chi, tịnh, trí, lực
Xứ, uẩn, y, tích, pháp
Bốn trí đều có hai.*

Gồm có: Bốn chi Dự lưu, bốn chứng tịnh, bốn trí, bốn lực, bốn xứ, bốn uẩn, bốn y (nương dựa), bốn pháp tích, bốn pháp nên chứng. Trí có hai môn, tám thứ kia đều có một.

*

*** Bốn chi Dự lưu:** 1. Gắn gũi bậc Thiện sĩ (Thiện tri thức). 2. Lắng nghe chánh pháp. 3. Tác ý như lý. 4. Pháp tùy pháp hành.

1. Thế nào là gắn gũi bậc Thiện sĩ?

Đáp: Bậc Thiện sĩ: Nghĩa là Phật và các đệ tử Phật. Lại nữa, các Bồ-đặc-già-la đủ giới đủ đức, đã lìa các lỗi làm, cấu uế, luôn thuận theo các pháp thiện, đủ khả năng nối tiếp quả vị của Thầy, thành tựu các đức thù thắng. Biết hổ thẹn, hối lỗi, khéo gìn giữ, ham học, thấy biết khắp, ưa xét chọn, thích nêu xung quán xét, tánh thông sáng, tuệ giác đầy đủ, dứt mọi tìm cầu về loại tuệ hữu. Lìa tham vì nẻo hướng đến tham đã diệt. Lìa sân, lìa si, vì các nẻo hướng đến sân si đã diệt. Điều thuận, hướng tới điều thuận. Tịch tĩnh, hướng tới tịch tĩnh. Giải thoát, hướng theo giải thoát. Đầy đủ các công đức thù thắng như thế, đó gọi là bậc Thiện sĩ. Nếu có thể đối với bậc Thiện sĩ đã nêu như vậy gắn gũi, phụng sự cung kính cúng dường v.v... gọi là gắn gũi bậc Thiện sĩ.

2. Thế nào là lắng nghe chánh pháp?

Đáp: Chánh pháp: Nghĩa là như trước nói về bậc Thiện sĩ, nơi chốn nào, điều nào chưa được hiển bày, chưa được khai ngộ thì đều

theo đây mà hiển bày, khai ngộ đúng đắn. Dùng tuệ thông đạt câu nghĩa thâm diệu. Tạo phương tiện vì kẻ khác tuyên thuyết, nêu đặt an lập, mở bày chỉ rõ. Dùng vô lượng môn, chính thức vì họ khai thị: Khổ đích thực là khổ. Tập đích thực là tập. Diệt đích thực là diệt. Đạo đích thực là đạo. Các thứ như thế gọi là chánh pháp. Nếu có thể đối với chánh pháp đã được giảng nói ấy, luôn vui thích lắng nghe, thọ trì, lãnh hội nẻo cứu cánh, hiểu rõ, quán xét, tư duy, suy cứu, thông đạt, xúc chứng, tác chứng. Vì nghe pháp nên không ngại gian khó. Vì nhằm thọ trì nên luôn tận dụng nhĩ căn. Đối với pháp âm được nêu giảng luôn phát huy nhĩ thức thù diệu. Như vậy gọi là lắng nghe chánh pháp.

3. Thế nào là tác ý như lý?

Đáp: Đối với nghĩa của pháp thuận hợp, nhĩ căn lắng nghe, nhĩ thức hiểu rõ, do nhĩ thức dẫn khởi khiến tâm chuyên chú, theo đây thâm giữ cùng thâm giữ, tác ý phát ý, thâm xét chánh tư duy, tâm nơi tánh tịnh giác. Đó gọi là tác ý như lý.

4. Thế nào là pháp tùy pháp hành?

Đáp: Tác ý như lý dẫn đến nẻo xuất ly, xa lìa đã sinh khởi các pháp thiện thắng diệu, tu tập trụ vững, siêng năng không gián đoạn. Đó gọi là pháp tùy pháp hành.

*

* **Bốn chứng tịnh:** Như Khế kinh nói: Thành tựu bốn pháp gọi là Dự lưu. Đó là: 1. Phật chứng tịnh. 2. Pháp chứng tịnh. 3. Tăng chứng tịnh. 4. Giới được bậc Thánh yêu thích.

1. Thế nào là Phật chứng tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Thánh đệ tử này dùng tướng như thế theo đây niệm (nhớ nghĩ) về chư Phật. Đức Thế Tôn đây là Như Lai, A-la-ha, Chánh đẳng giác, Minh hạnh viên mãn,

Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng trọng phư, Điều ngự sĩ, Thiên nhân sư, Phật - Bạc-già-phạm. Vị ấy dùng tướng như thế tùy niệm về chư Phật, thấy rõ đó là trí chứng đắc căn bản tương ưng với các tín, tánh tín, tánh tín hiện tiền, tùy thuận ấn chứng, yêu mến, tánh yêu mến, tâm lặng, tâm tịnh. Đó gọi là Phật chứng tịnh.

2. Thế nào là Pháp chứng tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Đệ tử Phật dùng tướng như thế theo đầy niệm (nhớ nghĩ) về Chánh pháp. Nghĩa là chánh pháp của Phật là thiện thuyết, hiện thấy, không nhiệt não, đúng thời, dẫn dắt người trí tiếp cận, quán xét, nội chứng. Vị ấy dùng tướng như thế tùy niệm về chánh pháp, thấy rõ đó là trí chứng đắc căn bản tương ưng với các tín, tánh tín, tánh tín hiện tiền, tùy thuận ấn chứng, yêu mến, tánh yêu mến, tâm lặng, tâm tịnh. Đó gọi là Pháp chứng tịnh.

3. Thế nào là Tăng chứng tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Đệ tử Phật dùng tướng như thế theo đầy niệm nơi Tăng. Nghĩa là đệ tử của Phật đầy đủ hành diệu, hành chất trực, hành như lý, hành pháp tùy pháp, hành hòa kính, hành thuận pháp. Ở trong Tăng ấy có hương Dự lưu và quả Dự lưu, có hương Nhất lai và quả Nhất lai, có hương Bất hoàn và quả Bất hoàn, có hương A-la-hán và quả A-la-hán. Như thế là gồm có bốn Hương, bốn Quả Bồ-đặc-già-la, là chúng đệ tử của Phật, giới đầy đủ, định đầy đủ, tuệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, giải thoát trí kiến đầy đủ, nên tỉnh, nên phục, nên cung kính, là phước điền vô thượng, là bậc Ứng cúng của thế gian. Vị ấy dùng tướng như thế tùy niệm nơi Tăng, thấy rõ đó là trí chứng đắc căn bản tương ưng với các tín, tánh tín, tánh tín hiện tiền, tùy thuận ấn chứng, yêu mến, tánh yêu mến, tâm lặng, tâm tịnh. Đó gọi là Tăng chứng tịnh.

4. Thế nào là giới được bậc Thánh yêu thích?

Đáp: Thân luật nghi, ngữ luật nghi vô lậu, thọ mạng thanh tịnh. Đó gọi là giới được bậc Thánh yêu thích.

Vì sao gọi là giới được bậc Thánh yêu thích? Thánh tức là chư Phật và hàng đệ tử của Phật. Chư vị ấy đối với giới này luôn mến mộ, hoan hỷ nhận thuận không hề trái. Vì thế gọi là giới được bậc Thánh yêu thích. Các vị Dự lưu thành tựu bốn việc như thế.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 7

Phẩm 5: BỐN PHÁP, phần 2

* **Bốn trí:** 1. Pháp trí. 2. Loại trí. 3. Tha tâm trí. 4. Thế tục trí.

1. *Thế nào là pháp trí?*

Đáp: Là các trí vô lậu duyên nơi hành của cõi Dục. Là các trí vô lậu duyên nơi nhân thuộc hành của cõi Dục. Là các trí vô lậu duyên nơi diệt thuộc hành của cõi Dục. Là các trí vô lậu duyên nơi đạo có thể đoạn trừ thuộc hành của cõi Dục. Lại nữa, các trí vô lậu duyên nơi pháp trí cùng duyên nơi địa thuộc pháp trí. Đó gọi là pháp trí.

2. *Thế nào là loại trí?*

Đáp: Là các trí vô lậu duyên nơi hành của cõi Sắc, Vô sắc. Là các trí vô lậu duyên nơi nhân thuộc hành của cõi Sắc, Vô sắc. Là các trí vô lậu duyên nơi diệt thuộc hành của cõi Sắc, Vô sắc. Là các trí vô lậu duyên nơi đạo có thể đoạn trừ thuộc hành của cõi Sắc, Vô sắc. Lại nữa, các trí vô lậu duyên nơi loại trí cùng duyên nơi địa thuộc loại trí. Đó gọi là loại trí.

3. *Thế nào là tha tâm trí?*

Đáp: Nếu trí do tu tập tạo thành, là quả của tu tập, nương dựa nơi tu tập, đã được, không mất, có thể nhận biết tâm tâm sở của

người khác hòa hợp hiện tiền thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cùng một phần tâm tâm sở vô lậu của người khác. Đó gọi là tha tâm trí.

4. *Thế nào là thế tục trí?*

Đáp: Là các tuệ hữu lậu. Đó gọi là thế tục trí.

*

* **Lại có bốn trí:** 1. Khổ trí. 2. Tập trí. 3. Diệt trí. 4. Đạo trí.

1. *Thế nào là khổ trí?*

Đáp: Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, tư duy về vô thường, khổ, không, vô ngã, phát khởi trí vô lậu. Đó gọi là khổ trí.

2. *Thế nào là tập trí?*

Đáp: Nghĩa là đối với các nhân hữu lậu, tư duy về nhân, tập, sinh, duyên, phát khởi trí vô lậu. Đó gọi là tập trí.

3. *Thế nào là diệt trí?*

Đáp: Nghĩa là đối với các thứ trạch diệt, tư duy về diệt, tĩnh, diêu, ly, phát khởi trí vô lậu. Đó gọi là diệt trí.

4. *Thế nào là đạo trí?*

Đáp: Nghĩa là đối với đạo vô lậu, tư duy về đạo, như, hành, xuất, phát khởi trí vô lậu. Đó gọi là đạo trí.

*

* **Bốn lực:** 1. Tín lực. 2. Tinh tấn lực. 3. Định lực. 4. Tuệ lực.

1. *Thế nào là tín lực?*

Đáp: Nghĩa là nương vào chư Phật, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tu tập gieo trồng các thứ tịnh tín, sinh căn, an trụ. Không bị các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên Ma Phạm, hoặc ở các thế gian khác dẫn dụ chiêm đoạt. Đó gọi là tín lực.

2. Thế nào là tinh tấn lực?

Đáp: Vì khiến cho pháp ác bất thiện đã sinh được đoạn trừ, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Vì khiến cho pháp ác bất thiện chưa sinh sẽ không sinh, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Vì khiến cho pháp thiện chưa sinh được sinh, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Vì khiến cho pháp thiện đã sinh trụ vững không quên, tu đầy đủ trí tác chứng rộng lớn tăng bội, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Đó gọi là tinh tấn lực.

3. Thế nào là định lực?

Đáp: Nghĩa là lia bỏ các pháp bất thiện dục ác, có tầm có tứ, đạt ly sinh hỷ lạc, nhập nơi tĩnh lự thứ nhất, an trụ đầy đủ, nói rộng cho đến nhập nơi tĩnh lự thứ tư, an trụ đầy đủ. Đó gọi là định lực.

4. Thế nào là tuệ lực?

Đáp: Nghĩa là nhận biết rõ như thật về bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Đó gọi là tuệ lực.

Vì sao gọi là lực? Do nhân nơi lực ấy, dựa nơi lực ấy, trụ nơi lực ấy, nên có thể đoạn trừ, có thể loại bỏ, có thể phá trừ tất cả các thứ kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, nên gọi là lực.

*

* **Bốn xứ:** 1. Xứ tuệ. 2. Xứ đế. 3. Xứ xả. 4. Xứ tịch tĩnh.

1. Thế nào là xứ tuệ?

Đáp: Như trong Kinh Biện Lục Giới Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói với Cụ thọ Trì Kiên: Bí-sô nên biết! Xứ tuệ tối thắng, nghĩa là trí lậu tận. Vì thế các Bí-sô nên thành tựu trí lậu tận. Nếu thành tựu trí lậu tận tức là thành tựu xứ tuệ tối thắng. Đó gọi là xứ tuệ.

2. Thế nào là xứ đế?

Đáp: Như trong Kinh Biện Lục Giới Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói với Cụ thọ Trì Kiên: Bí-sô nên biết! Xứ đế tối thắng, nghĩa là giải thoát bất động. Đế nghĩa là pháp như thật. Dối là pháp hư vọng. Vì thế các Bí-sô nên thành tựu giải thoát bất động. Nếu thành tựu giải thoát bất động tức là thành tựu xứ đế tối thắng. Đó gọi là xứ đế.

3. Thế nào là xứ xả?

Đáp: Như trong Kinh Biện Lục Giới Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói với Cụ thọ Trì Kiên: Bí-sô nên biết! Trước hết, do không trí nên chấp giữ vô minh, khiến ra khỏi đường chánh pháp. Vậy nay nên xả bỏ, loại trừ những thứ chấp giữ ấy. Bí-sô nên biết! Xứ xả tối thắng, nghĩa là xả bỏ tất cả mọi thứ nương dựa. Khi ái đã dứt, cấu nhiễm đã lìa, thì đạt được Niết-bàn vĩnh viễn tịch diệt. Thế nên các Bí-sô cần thành tựu Niết-bàn ấy. Nếu thành tựu Niết-bàn ấy tức là thành tựu xứ xả tối thắng. Đó gọi là xứ xả.

4. Thế nào là xứ tịch tĩnh?

Đáp: Như trong Kinh Biện Lục Giới Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói với Cụ thọ Trì Kiên: Bí-sô nên biết! Tham nhiễm não hại tâm, khiến không thể giải thoát. Sân nhiễm, si nhiễm cùng não hại tâm, khiến không thể giải thoát. Bí-sô nên biết! Tham sân si ấy nên đoạn trừ vĩnh viễn, rốt ráo, phải loại bỏ sạch. Khi ái đã dứt, cấu nhiễm đã lìa, hoàn toàn tĩnh lặng gọi là tịch tĩnh chân thật. Thế nên các Bí-sô cần thành tựu tịch tĩnh chân thật ấy. Nếu thành tựu tịch tĩnh chân thật ấy tức là thành tựu xứ tịch tĩnh tối thắng. Đó gọi là xứ tịch tĩnh.

*

* **Bốn uẩn:** 1. Uẩn giới. 2. Uẩn định. 3. Uẩn tuệ. 4. Uẩn giải thoát.

1. Thế nào là uẩn giới?

Đáp: Như trong Kinh Biện Tam Uẩn Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói: Bí-sô nên biết! Ta nói giới học, hoặc giới vô học, hoặc tất cả giới phi học phi vô học thiện đều là uẩn giới. Đó gọi là uẩn giới.

2. Thế nào là uẩn định?

Đáp: Như trong Kinh Biện Tam Uẩn Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói: Bí-sô nên biết! Ta nói định học, hoặc định vô học, hoặc tất cả định phi học phi vô học thiện đều là uẩn định. Đó gọi là uẩn định.

3. Thế nào là uẩn tuệ?

Đáp: Như trong Kinh Biện Tam Uẩn Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói: Bí-sô nên biết! Ta nói tuệ học, hoặc tuệ vô học, hoặc tất cả tuệ phi học phi vô học thiện đều là uẩn tuệ. Đó gọi là uẩn tuệ.

4. Thế nào là uẩn giải thoát?

Đáp: Như trong Kinh Biện Tam Uẩn Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói: Bí-sô nên biết! Ta nói giải thoát học, hoặc giải thoát vô học, hoặc tất cả giải thoát phi học phi vô học thiện đều là uẩn giải thoát. Đó gọi là uẩn giải thoát.

*

* **Bốn nương dựa:** 1. Một pháp xét chọn nên lánh xa. 2. Một pháp xét chọn nên thọ dụng. 3. Một pháp xét chọn nên trừ bỏ. 4. Một pháp xét chọn nên nhẫn chịu.

1. Thế nào là một pháp xét chọn nên lánh xa?

Đáp: Như trong Kinh Phòng Chư Lộ Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói: Các Bí-sô nên xét chọn kỹ, cần tránh xa các loài voi dữ, ngựa dữ, bò điên, chó dữ, trâu dữ v.v... Nên xét chọn kỹ để tránh xa các cây độc, gai độc, hàm hổ, bờ vực, hang, giếng, bến sông v.v... Nên xét chọn kỹ để tránh xa các hành ác, oai nghi giả trá, bạn ác, đám bạn bè xấu, nơi chốn làm việc xấu ác, các vật dụng nằm ngồi không

thích hợp. Các vật dụng nằm ngòì không thích hợp: Nghĩa là nếu thọ dụng chúng, thì các bậc có trí, các vị đồng phạm hạnh, đáng lẽ là điều, là chôn không nên phân biệt, không nên lường xét, không nên nghi ngờ, lại sinh phân biệt, lường xét, nghi ngờ. Những vật dụng ngòì nằm như thế, Ta nói là không thích hợp, các Bí-sô phải nên xa lánh. Đó gọi là một pháp xét chọn nên lánh xa.

2. Thế nào là một pháp xét chọn nên thọ dụng?

Đáp: Như trong Kinh Phòng Chư Lộ Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói: Các Bí-sô nên xét chọn kỹ về các y phục như pháp nên thọ dụng. Thọ dụng y phục không phải vì để được mạnh mẽ, không phải vì kiêu mạn, không phải vì hình sắc, vóc dáng, chỉ vì nhằm che chắn nóng lạnh, ngăn chặn ruồi muỗi, rấn rít châm chích cắn mổ, nhất là để che phủ thân hình thô xấu đáng hổ thẹn này.

Các Bí-sô nên xét chọn kỹ về các thức ăn uống như pháp nên thọ dụng. Thọ dụng thức ăn uống không phải vì để được mạnh mẽ, không phải vì kiêu mạn, không phải vì hình sắc, vóc dáng, chỉ vì nhằm khiến cho thân này được tồn tại, tạm trụ, dứt bỏ đói khát, đau nhận phạm hạnh. Vì đoạn trừ thọ nhận cũ, không khởi thọ nhận mới, nối tiếp sức hoạt động không tội lỗi, vui thích an trụ.

Các Bí-sô nên xét chọn kỹ về các thứ ngọa cụ như pháp nên thọ dụng. Thọ dụng ngọa cụ không phải vì để được mạnh mẽ, không phải vì kiêu mạn, không phải vì hình sắc, vóc dáng, chỉ vì nhằm ngăn che gió mưa, lạnh nóng, cùng có được sự tịch tĩnh an ổn tối thắng.

Các Bí-sô nên xét chọn kỹ về các thứ thuốc men như pháp nên thọ dụng. Thọ dụng thuốc men như vậy không phải vì để được mạnh mẽ, không phải vì kiêu mạn, không phải vì hình sắc, vóc dáng, chỉ vì nhằm dứt trừ các bệnh tật hiện có đã khởi, chưa khởi, để tu tập pháp thiện.

Đó gọi là một pháp xét chọn nên thọ dụng.

3. Thế nào là một pháp xét chọn nên trừ bỏ?

Đáp: Như trong Kinh Phòng Chư Lộ Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói: Nay các Bí-sô! Nếu đã khởi các thứ tầm dục, giận, hại v.v... chớ nên che giấu, phải mau chóng đoạn dứt, trừ diệt, loại bỏ hẳn. Đó gọi là một pháp xét chọn nên trừ bỏ.

4. Thế nào là một pháp xét chọn nên nhẫn chịu?

Đáp: Như trong Kinh Phòng Chư Lộ Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm đã nói: Các Bí-sô nên phát khởi tinh tấn, có đủ uy lực, chuyên cần, dũng mãnh, không bỏ neo hành thiện. Nếu như thân ta máu thịt khô cạn, chỉ còn da xương gân mạch tạm sống qua ngày, nếu bản nguyện cầu thắng pháp chưa đạt được thì trọn không dứt bỏ hạnh tinh tấn đã khởi. Lại, khi tinh tấn thân tâm mệt mỏi nhưng cũng không do đuối mà sinh biếng trễ. Nên dốc sức nhẫn chịu các thứ lạnh nóng, đói khát, rắn rít, ruồi muỗi, gió mưa v.v... Lại nên nhẫn chịu các thứ ngôn ngữ hủy nhục, hành tác xấu ác, cả đến sự việc giết hại do kẻ khác gây tạo v.v... Đó gọi là một pháp xét chọn nên nhẫn chịu.

*

* **Bốn pháp tích:** 1. Pháp tích không tham. 2. Pháp tích không sân. 3. Pháp tích chánh niệm. 4. Pháp tích chánh định.

1. Thế nào là pháp tích không tham?

Đáp: Không tham: Nghĩa là đối với cảnh dục có các thứ không tham không cùng tham v.v..., nói rộng cho đến không phải thuộc loại tham, không phải sinh ra tham. Đó gọi là không tham. *Pháp tích:* Nghĩa là không tham cũng gọi là pháp, cũng gọi là tích (dấu vết), cũng gọi là pháp tích. Thế nên gọi là pháp tích không tham.

2. Thế nào là pháp tích không sân?

Đáp: Không sân: Nghĩa là đối với các hữu tình không gây tổn hại, tâm không ôm giữ sự tàn hại, không muốn gây nhiễu loạn cho mọi

người v.v..., nói rộng cho đến không từng đã gây tội lỗi, đang gây tội lỗi, sẽ gây tội lỗi cho người khác. Đó gọi là không sân. *Pháp tích*: Nghĩa là không sân cũng gọi là pháp, cũng gọi là tích, cũng gọi là pháp tích. Thế nên gọi là pháp tích không sân.

3. Thế nào là pháp tích chánh niệm?

Đáp: Chánh niệm: Nghĩa là dựa nơi xuất ly, xa lìa đã sinh ra các pháp thiện, đối với các niệm, tùy niệm v.v..., nói rộng cho đến tâm tánh luôn sáng suốt ghi nhớ. Đó gọi là chánh niệm. *Pháp tích*: Nghĩa là chánh niệm cũng gọi là pháp, cũng gọi là tích, cũng gọi là pháp tích. Thế nên gọi là pháp tích chánh niệm.

4. Thế nào là pháp tích chánh định?

Đáp: Chánh định: Nghĩa là dựa nơi xuất ly, xa lìa đã sinh ra các pháp thiện, tức khiến tâm trụ v.v..., nói rộng cho đến tâm tánh một cảnh. Đó gọi là chánh định. *Pháp tích*: Nghĩa là chánh định cũng gọi là pháp, cũng gọi là tích, cũng gọi là pháp tích. Thế nên gọi là pháp tích chánh định.

*

* **Bốn pháp nên chứng**: 1. Hoặc có pháp là thân nên chứng. 2. Hoặc có pháp là niệm nên chứng. 3. Hoặc có pháp là mắt nên chứng. 4. Hoặc có pháp là tuệ nên chứng.

1. Thế nào là có pháp là thân nên chứng?

Đáp: Là tám giải thoát, là thân nên chứng.

2. Thế nào là có pháp là niệm nên chứng?

Đáp: Là các việc thuộc đời trước, là niệm nên chứng.

3. Thế nào là có pháp là mắt nên chứng?

Đáp: Là các việc sinh tử, là mắt nên chứng.

4. Thế nào là có pháp là tuệ nên chứng?

Đáp: Là các lậu tận, là tuệ nên chứng.

**

3. Tụng nêu tổng quát thứ ba:

*Ba: Bốn pháp có chín
Hành, tu, nghiệp, thọ, ách
Ly hệ và bộc lưu
Thủ, hệ đều bốn thứ.*

Gồm có: Bốn hành, bốn tu định, bốn nghiệp, bốn pháp thọ, bốn ách, bốn thứ ly hệ (Lìa trời buộc), bốn bộc lưu, bốn thủ, bốn thứ thân hệ (Trời buộc thân).

*

*** Bốn hành:** 1. Khổ trì thông hành. 2. Khổ tốc thông hành. 3. Lạc trì thông hành. 4. Lạc tốc thông hành.

1. Thế nào là khổ trì thông hành?

Đáp: Khi tĩnh lự không thấu giữ được phẩm hạ nơi năm căn. Đó gọi là khổ trì thông hành.

2. Thế nào là khổ tốc thông hành?

Đáp: Khi tĩnh lự không thấu giữ được phẩm thượng nơi năm căn. Đó gọi là khổ tốc thông hành.

3. Thế nào là lạc trì thông hành?

Đáp: Khi tĩnh lự thấu giữ được phẩm hạ nơi năm căn. Đó gọi là lạc trì thông hành.

4. Thế nào là lạc tốc thông hành?

Đáp: Khi tĩnh lự thấu giữ được phẩm thượng nơi năm căn. Đó gọi là lạc tốc thông hành.

*

* **Lại có bốn hành:** 1. Hành không nhẫn chịu được. 2. Hành nhẫn chịu được. 3. Hành điều phục. 4. Hành tịch tĩnh.

1. Thế nào là hành không nhẫn chịu được?

Đáp: Nghĩa là không thể nhẫn chịu được các thứ lạnh nóng, đói khát, rắn rít, ruồi muỗi, mưa gió v.v... khi gặp phải. Lại cũng không thể nhẫn chịu việc bị người khác gây tạo những khổ thọ cho thân, những ngôn ngữ hủy nhục, cả đến sự việc giết hại. Những việc như thế v.v... không thể nhẫn chịu được. Đó gọi là hành không nhẫn chịu được.

2. Thế nào là hành nhẫn chịu được?

Đáp: Nghĩa là có thể nhẫn chịu được các thứ lạnh nóng, đói khát, rắn rít, ruồi muỗi, mưa gió v.v... khi gặp phải. Lại cũng có thể nhẫn chịu việc bị người khác gây tạo những khổ thọ cho thân, những ngôn ngữ hủy nhục, cả đến sự việc giết hại. Những việc như thế v.v... có thể nhẫn chịu được. Đó gọi là hành nhẫn chịu được.

3. Thế nào là hành điều phục?

Đáp: Nghĩa là khi mắt thấy sắc nên chuyên ý giữ niệm, phòng hộ nhãn căn, điều phục tâm mình, không khiến dấy khởi các thứ phiền não, nghiệp ác. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý hiểu pháp v.v... đều chuyên ý giữ niệm, phòng hộ nhĩ căn v.v..., nói rộng cho đến phòng hộ ý căn, điều phục tâm mình, không khiến dấy khởi các thứ phiền não, nghiệp ác. Đó gọi là hành điều phục.

4. Thế nào là hành tịch tĩnh?

Đáp: Nghĩa là các thứ: bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo, bốn thông hành, bốn pháp tích, Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na v.v..., đó gọi là Hành tịch tĩnh. Vì sao nói đó là Hành tịch tĩnh? Vì do nơi các hành

ấy, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, tức có thể khiến cho các tham dục, sân giận, ngu si, kiêu mạn v.v... đã sinh khởi đều được tịch tĩnh, cùng tịch tĩnh, tịch tĩnh tột cùng. Thế nên nói đó là hành tịch tĩnh.

*

*** Bốn tu định:** *Những gì là bốn?* 1. Có người tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được hiện pháp lạc trụ. 2. Có người tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được tri kiến tối thắng. 3. Có người tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được tuệ phân biệt thù thắng. 4. Có người tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được các lậu hoàn toàn dứt hết. Đó gọi là bốn tu định.

1. Thế nào là tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được hiện pháp lạc trụ?

Đáp: Nơi tĩnh lự thứ nhất đã thâm giữ được pháp ly sinh hỷ lạc cùng hành tâm tánh một cảnh, hoặc tập hoặc tu, hành tác vững chắc, thường xuyên tinh tấn tu tập. Đó gọi là tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được hiện pháp lạc trụ.

2. Thế nào là tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được tri kiến tối thắng?

Đáp: Đối với tướng quang minh cùng hành tâm tánh một cảnh, hoặc tập hoặc tu, hành tác vững chắc, thường xuyên tinh tấn tu tập. Đó gọi là tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được tri kiến tối thắng.

3. Thế nào là tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được tuệ phân biệt thù thắng?

Đáp: Đối với thọ tướng tầm quán cùng hành tâm tánh một cảnh, hoặc tập hoặc tu, hành tác vững chắc, thường xuyên tinh tấn tu tập.

Đó gọi là tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được tuệ phân biệt thù thắng.

4. Thế nào là tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được các lậu hoàn toàn dứt hết?

Đáp: Nơi tĩnh lự thứ tư đã thâm giữ xả, niệm thanh tịnh cùng hành, nơi đạo vô gián của quả A-la-hán thâm giữ tâm tánh một cảnh, hoặc tập hoặc tu, hành tác vững chắc, thường xuyên tinh tấn tu tập. Đó gọi là tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, nên có thể đạt được các lậu hoàn toàn dứt hết

Như trong Kinh Ba La Diễn Noa Khởi Vấn, Đức Bạc-già-phạm nói kệ:

*Đoạn dục tưởng, lo sợ
Lìa hôn trầm, thù miên
Cùng trạo cử, ó tác
Được xả, niệm thanh tịnh.
Pháp luân là tối thượng
Được chánh trí giải thoát
Ta nói đoạn vô minh
Được thắng tuệ phân biệt.*

*

* **Bốn nghiệp:** 1. Nghiệp nhận dị thực (Quả báo) đen đen. 2. Nghiệp nhận dị thực trắng trắng. 3. Nghiệp nhận dị thực đen trắng đen trắng. 4. Nghiệp không nhận dị thực không phải đen không phải trắng, có thể diệt hết các nghiệp.

1. Thế nào là nghiệp nhận dị thực đen đen?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói với Bồ-thích-noa, người giữ vô số giới của loài bò: Viên mãn nên biết! Ở thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại. Kẻ kia đã tạo các

hành thân, ngữ, ý có tổn hại rồi, thì tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại. Kẻ kia đã tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại rồi, thì chiêu cảm được tự thể có tổn hại. Kẻ kia đã chiêu cảm được tự thể có tổn hại rồi, tức sinh nơi thế gian có tổn hại. Kẻ kia do sinh nơi thế gian có tổn hại rồi, nên tiếp xúc là xúc có tổn hại. Kẻ kia đã tiếp xúc là xúc có tổn hại rồi, tức thọ nhận là thọ có tổn hại. Như vậy là hoàn toàn không thể yêu mến, không thể ưa thích, không thể vui mừng, không thể vừa ý. Như các loại hữu tình Na-lạc-ca. Hữu tình kia do loại ấy nên sinh có loại ấy, sinh rồi lại tiếp xúc là loại xúc như thế. Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đây tự tạo nghiệp. Viên mãn nên biết! Đó gọi là nghiệp nhận di thực đen đen.

Ở đây:

Tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại là gì? Nghĩa là tạo các hành thân, ngữ, ý bất thiện. Ở trong nghĩa này ý nói các hành thân, ngữ, ý bất thiện gọi là các hành thân, ngữ, ý có tổn hại.

Kẻ kia đã tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại rồi, thì tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại: Nghĩa là tạo các hành thân, ngữ, ý bất thiện rồi, thì tạo tác tăng trưởng các pháp không xa lìa. Ở trong nghĩa này ý nói tạo tác tăng trưởng các pháp không xa lìa gọi là tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại.

Kẻ kia đã tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại rồi, thì chiêu cảm được tự thể có tổn hại: Nghĩa là tạo tác tăng trưởng các pháp không xa lìa rồi, thì chiêu cảm trung hữu của địa ngục. Ở trong nghĩa này ý nói trung hữu của địa ngục gọi là tự thể có tổn hại. Vì sao? Vì khi đã trụ trong trung hữu ấy thì mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp, tất cả là không vừa ý, không thể vừa ý, không hợp ý, không thể hợp ý, không có tướng vừa ý, không thể có tướng vừa ý, không có tướng bình đẳng, không phải là tướng bình đẳng. Kẻ kia do các duyên như thế nên hoàn toàn thọ nhận khổ não.

Kẻ kia đã chiêu cảm được tự thể có tổn hại rồi, tức sinh nơi thế gian có tổn hại: Nghĩa là đã chiêu cảm trung hữu của địa ngục rồi, tức sinh vào nẻo địa ngục. Ở trong nghĩa này ý nói nẻo địa ngục gọi là thế gian có tổn hại. Vì sao? Vì khi sinh vào nẻo địa ngục rồi, thì mắt thấy sắc v.v... cho đến ý nhận biết pháp, tất cả là không vừa ý, không thể vừa ý v.v..., nói rộng cho đến không có tướng bình đẳng, không phải là tướng bình đẳng. Kẻ kia do các duyên như thế nên hoàn toàn thọ nhận khổ não.

Kẻ kia do sinh nơi thế gian có tổn hại rồi, nên tiếp xúc là xúc có tổn hại: Nghĩa là khi sinh vào nẻo địa ngục thì tiếp xúc là xúc ở địa ngục. Ở trong nghĩa này ý nói xúc ở địa ngục gọi là xúc có tổn hại.

Kẻ kia đã tiếp xúc là xúc có tổn hại rồi, tức thọ nhận là thọ có tổn hại: Nghĩa là khi tiếp xúc loại xúc như thế thì nhất định thọ nhận loại thọ như thế, tức khi tiếp xúc thuận với xúc của khổ thọ tất thọ nhận khổ thọ. Do đây nên nói tiếp xúc là xúc có tổn hại rồi, thì thọ nhận là thọ có tổn hại.

Như vậy là hoàn toàn không thể yêu mến, không thể ưa thích, không thể vui mừng, không thể vừa ý: Nghĩa là những khổ thọ kia, tất cả hữu tình đều cùng không yêu mến, không ưa thích, không vui mừng, cũng không vừa ý. Do đây nên nói hoàn toàn không thể yêu mến cho đến không thể vừa ý.

Như các loại hữu tình Na-lạc-ca: Nghĩa là hiển bày các loại hữu tình của thế gian đang hướng đến địa ngục. Do đây nên nói như các loại hữu tình Na-lạc-ca.

Hữu tình kia do loại ấy nên sinh có loại ấy: Nghĩa là hữu tình kia có các sự việc làm chỗ nương dựa, có nhân có duyên nên sinh nơi kia. Do đây nên nói hữu tình kia do loại ấy nên sinh có loại ấy.

Sinh rồi lại tiếp xúc là loại xúc như thế: Nghĩa là sinh nơi địa ngục rồi thì tiếp xúc là xúc ở địa ngục. Do vậy nên nói sinh rồi lại tiếp xúc là loại xúc như thế.

Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đây tự tạo nghiệp: Nghĩa là như hoặc tạo các hành thân ngữ ý có tổn hại. Hoặc không tạo các hành thân ngữ ý có tổn hại. Hoặc cùng tích tập tăng trưởng pháp có tổn hại. Hoặc cùng không tích tập tăng trưởng pháp có tổn hại. Hoặc tích tập tăng trưởng pháp có tổn hại. Hoặc không tích tập tăng trưởng pháp có tổn hại. Hoặc cùng chiêu cảm được tự thể có tổn hại. Hoặc cùng không chiêu cảm được tự thể có tổn hại. Hoặc chiêu cảm được tự thể có tổn hại. Hoặc không chiêu cảm được tự thể có tổn hại. Hoặc cùng sinh nơi thế gian có tổn hại. Hoặc cùng không sinh nơi thế gian có tổn hại. Hoặc sinh nơi thế gian có tổn hại. Hoặc không sinh nơi thế gian có tổn hại. Hoặc cùng tiếp xúc là xúc có tổn hại. Hoặc cùng không tiếp xúc là xúc có tổn hại. Hoặc tiếp xúc là xúc có tổn hại. Hoặc không tiếp xúc là xúc có tổn hại. Hoặc cùng thọ nhận là thọ có tổn hại. Hoặc cùng không thọ nhận là thọ có tổn hại. *Tức không nên nói:* Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đây tự tạo nghiệp.

Do hoặc tạo các hành thân ngữ ý có tổn hại, tức tích tập tăng trưởng pháp có tổn hại. Nếu không tạo các hành thân ngữ ý có tổn hại, thì không tích tập tăng trưởng pháp có tổn hại. Nếu đã tích tập tăng trưởng pháp có tổn hại, tức chiêu cảm được tự thể có tổn hại. Nếu không tích tập tăng trưởng pháp có tổn hại, thì không chiêu cảm được tự thể có tổn hại. Nếu đã chiêu cảm được tự thể có tổn hại, tức sinh nơi thế gian có tổn hại. Nếu không chiêu cảm được tự thể có tổn hại, thì không sinh nơi thế gian có tổn hại. Nếu đã sinh nơi thế gian có tổn hại, tức tiếp xúc là xúc có tổn hại. Nếu không sinh nơi thế gian có tổn hại, thì không tiếp xúc là xúc có tổn hại.

Nếu đã tiếp xúc là xúc có tổn hại, tức thọ nhận là thọ có tổn hại. Nếu không tiếp xúc là xúc có tổn hại, thì không thọ nhận là thọ có tổn hại. *Do đấy nên nói*: Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đấy tự tạo nghiệp.

Đó gọi là nghiệp nhận dị thực đen đen: Nghĩa là nghiệp này là bất thiện nên chiêu cảm dị thực không yêu mến.

2. Thế nào là nghiệp nhận dị thực trắng trắng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói với Bồ-thích-noa, người giữ vô số giới của loài bò: Viên mãn nên biết! Ở thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại. Người kia đã tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại rồi, thì tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại. Người kia đã tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại rồi, thì chiêu cảm được tự thể không tổn hại. Người kia đã chiêu cảm được tự thể không tổn hại rồi, tức sinh nơi thế gian không tổn hại. Người kia do sinh nơi thế gian không tổn hại rồi, nên tiếp xúc là xúc không tổn hại. Người kia đã tiếp xúc là xúc không tổn hại rồi, tức thọ nhận là thọ không tổn hại. Như vậy là hoàn toàn đáng yêu mến, đáng ưa thích, đáng vui mừng, đáng vừa ý. Như các loại hữu tình nơi nẻo trời vượt khỏi thọ dụng đoạn thực. Hữu tình kia do loại ấy nên sinh có loại ấy, sinh rồi lại tiếp xúc là loại xúc như thế. Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đấy tự tạo nghiệp. Viên mãn nên biết! Đó gọi là nghiệp nhận dị thực trắng trắng.

Ở đây:

Tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại là gì? Nghĩa là tạo các hành thân, ngữ, ý thiện. Ở trong nghĩa này ý nói các hành thân, ngữ, ý thiện gọi là các hành thân, ngữ, ý không tổn hại.

Người kia đã tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại rồi, thì tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại: Nghĩa là tạo các hành

thân, ngữ, ý thiện rồi, thì tạo tác tăng trưởng các pháp xa lia. Ở trong nghĩa này ý nói tạo tác tăng trưởng các pháp xa lia gọi là tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại.

Người kia đã tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại rồi, thì chiêu cảm được tự thể không tổn hại: Nghĩa là tạo tác tăng trưởng các pháp xa lia tức chiêu cảm được trung hữu của cõi Sắc. Ở trong nghĩa này ý nói trung hữu của cõi Sắc gọi là tự thể không tổn hại. Vì sao? Vì khi đã trụ trong trung hữu ấy thì mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp, tất cả đều vừa ý, không phải là không vừa ý, là hợp ý, không phải là không hợp ý, là tương vừa ý, không phải là tương không vừa ý, là tương bình đẳng, không phải là tương không bình đẳng. Hữu tình kia do các duyên như thế nên thuận thọ nhận hỷ lạc.

Người kia đã chiêu cảm được tự thể không tổn hại rồi, tức sinh nơi thế gian không tổn hại: Nghĩa là đã chiêu cảm trung hữu của cõi Sắc rồi, tức sinh lên nẻo trời thuộc Sắc giới. Ở trong nghĩa này ý nói trời thuộc Sắc giới gọi là thế gian không tổn hại. Vì sao? Vì sinh nơi trời thuộc Sắc giới thì mắt thấy sắc v.v..., cho đến ý nhận biết pháp, tất cả đều vừa ý, không phải là không vừa ý v.v..., nói rộng cho đến tương bình đẳng, không phải là tương không bình đẳng. Hữu tình kia do các duyên như thế nên thuận thọ nhận hỷ lạc.

Người kia do sinh nơi thế gian không tổn hại rồi, nên tiếp xúc là xúc không tổn hại: Nghĩa là khi sinh nơi nẻo trời thuộc Sắc giới thì tiếp xúc là xúc nơi trời thuộc cõi Sắc. Ở trong nghĩa này ý nói xúc ở trời thuộc cõi Sắc gọi là xúc không tổn hại.

Người kia đã tiếp xúc là xúc không tổn hại rồi, tức thọ nhận là thọ không tổn hại: Nghĩa là khi tiếp xúc loại xúc như thế thì nhất định thọ nhận loại thọ như thế, tức khi tiếp xúc thuận với xúc của lạc thọ tất thọ nhận lạc thọ. Do vậy nên nói tiếp xúc là xúc không tổn hại rồi thì thọ nhận là thọ không tổn hại.

Như vậy là hoàn toàn đáng yêu mến, đáng ưa thích, đáng vui mừng, đáng vừa ý: Nghĩa là những lạc thọ kia, tất cả hữu tình đều cùng đáng yêu mến, ưa thích, vui mừng, vừa ý. Do đây nên nói là hoàn toàn đáng yêu mến v.v... cho đến đáng vừa ý.

Như các loại hữu tình nơi nẻo trời vượt khỏi thọ dụng đoạn thực: Nghĩa là hiển bày thể gian hướng đến cõi Sắc. Do đây nên nói như các loại hữu tình nơi nẻo trời vượt khỏi thọ dụng đoạn thực.

Hữu tình kia do loại ấy nên sinh có loại ấy: Nghĩa là hữu tình kia có các sự việc làm chỗ nương dựa, có nhân có duyên nên sinh nơi kia. Do đây nên nói hữu tình kia do loại ấy nên sinh có loại ấy.

Sinh rồi lại tiếp xúc là loại xúc như thế: Nghĩa là đã sinh nơi cõi Sắc rồi thì tiếp xúc là xúc của cõi Sắc. Do đây nên nói sinh rồi lại tiếp xúc là loại xúc như thế.

Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đây tự tạo nghiệp: Nghĩa là như hoặc tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại, hoặc không tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại, cùng tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại, hoặc cùng không tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại. Hoặc tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại, hoặc không tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại, thì cùng chiêu cảm được tự thể không tổn hại, hoặc cùng không chiêu cảm được tự thể không tổn hại. Hoặc chiêu cảm được tự thể không tổn hại, hoặc không chiêu cảm được tự thể không tổn hại, thì cùng sinh nơi thế gian không tổn hại, hoặc cùng không sinh nơi thế gian không tổn hại. Hoặc đã sinh nơi thế gian không tổn hại, hoặc không sinh nơi thế gian không tổn hại, thì cùng tiếp xúc là xúc không tổn hại, hoặc cùng không tiếp xúc là xúc không tổn hại. Hoặc tiếp xúc là xúc không tổn hại, hoặc không tiếp xúc là xúc không tổn hại, thì cùng thọ nhận là thọ không tổn hại, hoặc cùng không thọ nhận là thọ không tổn hại. *Tức không nên nói:* Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đây tự tạo nghiệp.

Do nếu tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại, thì tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại. Nếu không tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại, thì không tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại. Nếu tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại, thì chiêu cảm được tự thể không tổn hại. Nếu không tích tập tăng trưởng các pháp không tổn hại, thì không chiêu cảm được tự thể không tổn hại. Nếu chiêu cảm được tự thể không tổn hại, thì sinh nơi thế gian không tổn hại. Nếu không chiêu cảm được tự thể không tổn hại, thì không sinh nơi thế gian không tổn hại. Nếu sinh nơi thế gian không tổn hại, thì tiếp xúc là xúc không tổn hại. Nếu không sinh nơi thế gian không tổn hại, thì không tiếp xúc là xúc không tổn hại. Nếu tiếp xúc là xúc không tổn hại, thì thọ nhận là thọ không tổn hại. Nếu không tiếp xúc là xúc không tổn hại, thì không thọ nhận là thọ không tổn hại. *Do đấy nên nói*: Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đấy tự tạo nghiệp.

Đó gọi là nghiệp nhận dị thực trắng trắng: Nghĩa là nghiệp này là thiện nên chiêu cảm dị thực đáng yêu mến.

3. Thế nào là nghiệp nhận dị thực đen trắng đen trắng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói với Bồ-thích-noa, người giữ vô số giới của loài bò: Viên mãn nên biết! Ở thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại. Người kia đã tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại rồi, thì tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại. Người kia đã tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại rồi, thì chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại. Người kia đã chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại rồi, tức sinh nơi thế gian có tổn hại và không tổn hại. Người kia do sinh nơi thế gian có tổn hại và không tổn hại rồi, nên tiếp xúc là xúc có tổn hại và không tổn hại. Người kia đã tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại rồi, tức thọ nhận là các thọ có tổn hại và không tổn hại,

là cùng xen tạp, như các loài hữu tình là người và một phần là trời. Hữu tình kia do loại ấy nên sinh có loại ấy, sinh rồi lại tiếp xúc là các loại xúc như thế. Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đây tự tạo nghiệp. Viên mãn nên biết! Đó gọi là nghiệp nhận dị thực đen trắng đen trắng.

Ở đây:

Tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại: Nghĩa là tạo các hành thân, ngữ, ý thiện, bất thiện. Ở trong nghĩa này ý nói các hành thân, ngữ, ý thiện, bất thiện gọi là các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại.

Người kia đã tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại rồi, thì tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại: Nghĩa là đã tạo các hành thân, ngữ, ý thiện và bất thiện rồi, thì tạo tác tăng trưởng các pháp xa lìa và không xa lìa. Ở trong nghĩa này ý nói tạo tác tăng trưởng các pháp xa lìa và không xa lìa gọi là tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại.

Người kia đã tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại rồi, thì chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại: Nghĩa là tạo tác tăng trưởng các pháp xa lìa và không xa lìa, tức chiêu cảm được trung hữu của người và trời thuộc Dục giới. Ở trong nghĩa này ý nói trung hữu của người và trời thuộc Dục giới gọi là tự thể có tổn hại và không tổn hại. Vì sao? Vì trụ nơi trung hữu ấy thì mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp, tất cả là vừa ý, cũng không vừa ý, là hợp ý, cũng không hợp ý, có tướng vừa ý, cũng có tướng không vừa ý, có tướng bình đẳng, cũng có tướng không bình đẳng. Hữu tình kia do các duyên như thế nên thọ nhận khổ vui xen tạp.

Hữu tình kia đã chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại rồi, tức sinh nơi thế gian có tổn hại và không tổn hại: Nghĩa là

chiêu cảm được trung hữu của người và trời thuộc Dục giới rồi, thì sinh vào nẻo người và trời thuộc Dục giới. Ở trong nghĩa này ý nói nơi nẻo người và trời thuộc Dục giới gọi là thế gian có tổn hại và không tổn hại. Vì sao? Vì đã sinh nơi nẻo người và trời thuộc Dục giới rồi thì mắt thấy sắc v.v... cho đến ý nhận biết pháp, tất cả là vừa ý, cũng không vừa ý v.v..., nói rộng cho đến có tướng bình đẳng, cũng có tướng không bình đẳng. Hữu tình kia do các duyên như thế nên thọ nhận khổ vui xen tạp.

Hữu tình kia do sinh nơi thế gian có tổn hại và không tổn hại rồi, nên tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại: Nghĩa là sinh vào nẻo người và trời thuộc Dục giới rồi, thì tiếp xúc là các xúc của nẻo người và trời thuộc Dục giới. Ở trong nghĩa này ý nói xúc nơi nẻo người và trời thuộc Dục giới gọi là xúc có tổn hại và không tổn hại.

Hữu tình kia đã tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại rồi, tức thọ nhận là các thọ có tổn hại và không tổn hại: Nghĩa là khi tiếp xúc loại xúc như thế thì nhất định thọ nhận loại thọ như thế, tức khi tiếp xúc là các xúc thuận khổ lạc tất thọ nhận là các thọ khổ lạc. Do đây nên nói tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại rồi, tức thọ nhận là các thọ có tổn hại và không tổn hại.

Cùng xen tạp: Nghĩa là khổ thọ, lạc thọ cùng xen lẫn mà hiện tiền. Do đây nên nói là chúng cùng xen tạp.

Hữu tình kia do loại ấy nên sinh có loại ấy: Nghĩa là các hữu tình kia có các sự việc làm chỗ nương dựa, có nhân có duyên nên sinh nơi ấy. Do đây nên nói hữu tình kia do loại ấy nên sinh có loại ấy.

Sinh rồi lại tiếp xúc là các loại xúc như thế: Nghĩa là sinh vào nẻo người và trời thuộc Dục giới rồi, lại tiếp xúc là các xúc của nẻo người và trời thuộc Dục giới. Do đây nên nói sinh rồi lại tiếp xúc là các loại xúc như thế.

Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đây tự tạo nghiệp: Nghĩa là nếu như tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại, hoặc không tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại, thì cùng tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại, hoặc cùng không tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại. Nếu tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại, hoặc không tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại, thì cùng chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại, hoặc cùng không chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại. Nếu chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại, hoặc không chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại, thì cùng sinh nơi thế gian có tổn hại và không tổn hại, hoặc cùng không sinh nơi thế gian có tổn hại và không tổn hại. Nếu sinh nơi thế gian có tổn hại và không tổn hại, hoặc không sinh nơi thế gian có tổn hại và không tổn hại, thì cùng tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại, hoặc cùng không tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại. Nếu tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại, hoặc không tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại, thì cùng thọ nhận là các thọ có tổn hại và không tổn hại, hoặc cùng không thọ nhận là các thọ có tổn hại và không tổn hại. *Tức không nên nói:* Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đây tự tạo nghiệp.

Do nếu tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại, tức tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại. Nếu không tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại, thì không tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại. Nếu tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại, tức chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại. Nếu không tích tập tăng trưởng các pháp có tổn hại và không tổn hại, thì không chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại. Nếu chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại, tức sinh nơi thế gian có tổn hại và không

tổn hại. Nếu không chiêu cảm được tự thể có tổn hại và không tổn hại, thì không sinh nơi thế gian có tổn hại và không tổn hại. Nếu sinh nơi thế gian có tổn hại và không tổn hại, tức tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại. Nếu không sinh nơi thế gian có tổn hại và không tổn hại, thì không tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại. Nếu tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại, tức thọ nhận là các thọ có tổn hại và không tổn hại. Nếu không tiếp xúc là các xúc có tổn hại và không tổn hại, thì không thọ nhận là các thọ có tổn hại và không tổn hại. *Do đây nên nói:* Thế nên Ta nói các hữu tình kia theo đây tự tạo nghiệp.

Đó gọi là nghiệp nhận dị thực đen trắng đen trắng: Nghĩa là nghiệp này là thiện hoặc bất thiện, nên chiêu cảm dị thực đáng yêu mến và không đáng yêu mến.

4. *Thế nào là nghiệp không nhận dị thực không phải đen không phải trắng, có thể diệt hết các nghiệp?*

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói với Bồ-thích-noa, người giữ vô số giới của loài bò: Viên mãn nên biết! Nếu có thể diệt hết các tư nghiệp nhận dị thực đen đen (toàn đen). Hoặc có thể diệt hết các tư nghiệp nhận dị thực trắng trắng (toàn trắng). Hoặc có thể diệt hết các tư nghiệp nhận dị thực đen trắng đen trắng (đen trắng xen lẫn). Viên mãn nên biết! Đó gọi là nghiệp không có dị thực không phải đen không phải trắng, có thể diệt hết các nghiệp.

Ở đây:

Không phải đen: Nghĩa là nghiệp này không phải như nghiệp bất thiện. Do đen, không hợp ý, nên gọi là đen. Nghiệp này không như thế nên gọi là không phải đen.

Không phải trắng: Nghĩa là nghiệp này không phải như nghiệp thiện hữu lậu. Do trắng, hợp ý, nên gọi là trắng. Nghiệp này không như thế nên gọi là không phải trắng.

Không nhận dị thực: Nghĩa là nghiệp này không phải như ba nghiệp trước có thể chiêu cảm dị thực, nên gọi là nghiệp không nhận dị thực.

Có thể diệt hết các nghiệp: Nghĩa là nghiệp này là học và tư duy có thể hướng đến tởn giảm. Vì sao? Vì nếu học và tư duy có thể hướng đến tởn giảm tức đối với ba nghiệp trước có thể dứt hết, dứt hết khắp, theo đây được vĩnh viễn dứt hết. Ở trong nghĩa này, ý nói gọi là nghiệp có thể diệt hết các nghiệp. Do đây nên nói nghiệp không nhận dị thực không phải đen không phải trắng, có thể diệt hết các nghiệp.

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 8

Phẩm 5: BỐN PHÁP, phần 3

* **Bốn pháp thọ:** 1. Pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện vui, sau khổ. 2. Pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện khổ, sau vui. 3. Pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện khổ, sau khổ. 4. Pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện vui, sau vui.

1. *Thế nào là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện vui, sau khổ?*

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Như có một loại Bồ-đặc-già-la cùng với hỷ lạc cùng hại sinh mạng, không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh, nói dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói lời ướm tạt, tham dục, sân giận, tà kiến. Kẻ ấy hại sinh mạng v.v..., nói rộng cho đến tà kiến, lấy các thứ ấy làm duyên nên được hỷ được lạc. Các thứ thân lạc, tâm lạc như thế đều là bất thiện, hoàn toàn thân nhận là loại bất thiện, nên có thể chướng ngại thông tuệ, có thể chướng ngại đẳng giác, có thể chướng ngại Niết-bàn. Đó gọi là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện vui, sau khổ.

2. *Thế nào là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện khổ, sau vui?*

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Như có một loại Bồ-đặc-già-la cùng với ưu khổ cùng lìa bỏ hại sinh mạng, lìa bỏ

không cho mà lấy, lia bỏ dâm dục tà hạnh, lia bỏ nói dối, lia bỏ nói lời ly gián, lia bỏ nói lời thô ác, lia bỏ nói lời ướm tạt, không tham, không sân, chánh kiến. Người ấy đã lia bỏ hại sinh mạng v.v..., nói rộng cho đến chánh kiến, lấy các thứ ấy làm duyên nhưng bị sầu bị khổ. Các thứ thân khổ, tâm khổ như thế đều là thiện, hoàn toàn thâm nhận là loại thiện, nên có thể dẫn đến thông tuệ, có thể chứng đắc đẳng giác, có thể đạt đến Niết-bàn. Đó gọi là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện khổ, sau vui.

3. Thế nào là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện khổ, sau khổ?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Như có một loại Bồ-đặc-già-la cùng với sầu khổ cùng hại sinh mạng, không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh, nói dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói lời ướm tạt, tham dục, giận dữ và tà kiến. Kẻ ấy hại sinh mạng v.v..., nói rộng cho đến tà kiến, lấy các thứ ấy làm duyên nhưng bị sầu bị khổ. Các thứ thân khổ, tâm khổ như thế đều là bất thiện, hoàn toàn thâm nhận là loại bất thiện, nên có thể chướng ngại thông tuệ, có thể chướng ngại đẳng giác, có thể chướng ngại Niết-bàn. Đó gọi là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện khổ, sau khổ.

4. Thế nào là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện vui, sau vui?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Như có một loại Bồ-đặc-già-la cùng với hỷ lạc cùng lia bỏ hại sinh mạng, lia bỏ không cho mà lấy, lia bỏ dâm dục tà hạnh, lia bỏ nói dối, lia bỏ nói lời ly gián, lia bỏ nói lời thô ác, lia bỏ nói lời ướm tạt, không tham, không sân và chánh kiến. Người ấy đã lia bỏ hại sinh mạng v.v..., nói rộng cho đến chánh kiến, lấy các thứ ấy làm duyên nên được hỷ được lạc. Các thứ thân lạc, tâm lạc như thế đều là thiện, hoàn toàn thâm nhận là loại thiện, nên có thể dẫn đến thông tuệ, có thể chứng đắc đẳng giác,

có thể đạt đến Niết-bàn. Đó gọi là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện vui, sau vui.

*

*** Bốn ách:** 1. Ách dục. 2. Ách hữu. 3. Ách kiến. 4. Ách vô minh.

1. Thế nào là ách dục?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Có các phàm phu ngu tối không hiểu biết, đối với dục đã tích tập, chìm ngập nơi vị, ghét bỏ nẻo xuất ly, nên không nhận biết đúng như thật. Những kẻ ấy đối với dục đã tích tập như thế, nên ở trong các dục là dục hiện có, dục tham, dục ham muốn, dục gần gũi, dục ái, dục ưa thích, dục mê muội, dục đắm chấp, dục đam mê, dục cất giữ, dục thuận theo, tâm luôn bị trói buộc dè nặng. Đó gọi là ách dục.

2. Thế nào là ách hữu?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Có các phàm phu ngu tối không hiểu biết, đối với hữu đã tích tập, chìm ngập nơi vị, ghét bỏ nẻo xuất ly, nên không nhận biết đúng như thật. Những kẻ ấy đối với hữu đã tích tập như thế, nên ở trong các hữu là hữu hiện có, hữu tham, hữu ham muốn, hữu gần gũi, hữu ái, hữu ưa thích, hữu mê muội, hữu đắm chấp, hữu đam mê, hữu cất giữ, hữu thuận theo, tâm luôn bị trói buộc dè nặng. Đó gọi là ách hữu.

3. Thế nào là ách kiến?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Có các phàm phu ngu tối không hiểu biết, đối với kiến đã tích tập, chìm ngập nơi vị, ghét bỏ nẻo xuất ly, nên không nhận biết đúng như thật. Những kẻ ấy đối với kiến đã tích tập như thế, nên ở trong các kiến là kiến hiện có, kiến tham, kiến ham muốn, kiến gần gũi, kiến ái, kiến ưa thích, kiến mê muội, kiến đắm chấp, kiến đam mê, kiến cất giữ, kiến thuận theo, tâm luôn bị trói buộc dè nặng. Đó gọi là ách kiến.

4. Thế nào là ách vô minh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Có các phàm phu ngu tối không hiểu biết, đối với sáu xúc xú đã tích tập, chìm ngập nơi vị, ghét bỏ nẻo xuất ly, nên không nhận biết đúng như thật. Những kẻ ấy đối với sáu xúc xú đã tích tập như thế, đã không nhận biết đúng như thật, nên hiện có chấp trước, vô minh, vô trí, tùy miên tùy tăng. Đó gọi là ách vô minh.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Hữu tình cùng ách dục
Ách hữu, kiến tương ưng
Do ngu si dẫn đầu
Lưu chuyển trong sinh tử.*

*

* **Bốn thứ lìa trói buộc (Ly hệ):** 1. Lìa trói buộc nơi ách dục. 2. Lìa trói buộc nơi ách hữu. 3. Lìa trói buộc nơi ách kiến. 4. Lìa trói buộc nơi ách vô minh.

1. Thế nào là lìa trói buộc nơi ách dục?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Có các đệ tử đa văn của Đức Phật, đối với các thứ dục đã tích tập, chìm ngập trong vị dục v.v..., đã xuất ly, có thể nhận biết đúng như thật, do đấy nên đối với các thứ dục như dục tham, dục ham muốn v.v..., tâm không hề bị vương buộc. Đó gọi là lìa trói buộc nơi ách dục.

2. Thế nào là lìa trói buộc nơi ách hữu?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Có các đệ tử đa văn của Đức Phật, đối với các thứ hữu đã tích tập, chìm ngập trong vị hữu v.v..., đã xuất ly, có thể nhận biết đúng như thật, do đấy nên đối với các thứ hữu như hữu tham, hữu ham muốn v.v..., tâm không hề bị vương buộc. Đó gọi là lìa trói buộc nơi ách hữu.

3. Thế nào là lìa trói buộc nơi ách kiến?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Có các đệ tử đa văn của Đức Phật, đối với các thứ kiến đã tích tập, chìm ngập trong vị kiến v.v..., đã xuất ly, có thể nhận biết đúng như thật, do đây nên đối với các thứ kiến như kiến tham, kiến ham muốn v.v..., tâm không hề bị vướng buộc. Đó gọi là lìa trói buộc nơi ách kiến.

4. Thế nào là lìa trói buộc nơi ách vô minh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Bí-sô nên biết! Có các đệ tử đa văn của Đức Phật, đối với sáu xúc xú đã tích tập, chìm ngập trong vị v.v..., đã xuất ly, có thể nhận biết đúng như thật, do đây nên đối với các thứ chấp trước, vô minh, vô trí hiện có nơi sáu xúc xú, tâm không hề bị vướng buộc. Đó gọi là lìa trói buộc nơi ách vô minh.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu đoạn ách dục, hữu
Cùng vượt khỏi ách kiến
Xa lìa ách vô minh
Liên được vui an ổn.
Ở trong pháp hiện tại
Chứng tịch diệt vĩnh viễn
Xa lìa tất cả ách
Tất không còn hữu sau.*

* **Bốn bộc lưu (Dòng thác):** 1. Bộc lưu dục. 2. Bộc lưu hữu. 3. Bộc lưu kiến. 4. Bộc lưu vô minh.

1. Thế nào là bộc lưu dục?

Đáp: Ngoại trừ các kiến, vô minh hệ thuộc cõi Dục, các thứ kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền hệ thuộc cõi Dục còn lại, đó gọi là bộc lưu dục.

2. Thế nào là bộc lưu hữu?

Đáp: Ngoại trừ các kiến, vô minh hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, các thứ kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc còn lại, đó gọi là bộc lưu hữu.

3. Thế nào là bộc lưu kiến?

Đáp: Đó là năm thứ kiến: a. Hữu thân kiến. b. Biên chấp kiến. c. Tà kiến. d. Kiến thủ. đ. Giới cấm thủ. Năm thứ kiến như thế gọi là bộc lưu kiến.

4. Thế nào là bộc lưu vô minh?

Đáp: Ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc đều không trí, đó gọi là bộc lưu vô minh.

*

* **Bốn thủ (Chấp giữ):** 1. Thủ dục. 2. Thủ kiến. 3. Thủ giới cấm. 4. Thủ ngã ngữ.

1. Thế nào là thủ dục?

Đáp: Ngoại trừ các kiến cùng thủ giới cấm hệ thuộc cõi Dục, các thứ kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền hệ thuộc cõi Dục còn lại, đó gọi là thủ dục.

2. Thế nào là thủ kiến?

Đáp: Đó là bốn thứ kiến: a. Hữu thân kiến. b. Biên chấp kiến. c. Tà kiến. d. Kiến thủ. Bốn thứ kiến như thế gọi là thủ kiến.

3. Thế nào là thủ giới cấm?

Đáp: Như có một loại hữu tình, đối với giới đã chấp giữ: Nghĩa là chấp giới này có thể dẫn đến thanh tịnh, có thể đạt đến giải thoát, xuất ly, có thể vượt khỏi khổ vui, đạt tới biên vực tận cùng của khổ vui. Hoặc đối với cấm đã chấp giữ như vừa nêu. Hoặc đối với giới cấm cùng chấp giữ như đã nêu. Đó gọi là thủ giới cấm.

4. Thế nào là thủ ngã ngữ?

Đáp: Ngoại trừ các kiến cùng thủ giới cảm hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, các thứ kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc còn lại, đó gọi là thủ ngã ngữ.

*

*** *Bốn thứ trói buộc thân:*** 1. Trói buộc thân do tham. 2. Trói buộc thân do sân. 3. Trói buộc thân do giới cảm thủ. 4. Trói buộc thân do chấp giữ điều ấy là thật.

1. Thế nào là trói buộc thân do tham?

Đáp: Tham: Nghĩa là đối với cảnh dục có các thứ tham cùng tham v.v..., nói rộng cho đến là loại tham, sinh ra tham. Đó gọi là tham. *Trói buộc thân:* Nghĩa là khi các thứ tham đó chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp. Đối với các hữu tình nơi các thứ thân, nơi các thứ tụ tập, nơi các thứ có được v.v... đều do tự thể làm nhân làm duyên để trói buộc, cùng trói buộc, đều trói buộc riêng, liên kết, nối tiếp mới được trụ lâu. Như người thợ chuyên kết tràng hoa hoặc đám học trò của ông ta, gom các thứ hoa để trước mặt, rồi dùng một sợi tơ dài chắc khâu kết lại thành các thứ tràng hoa. Các thứ hoa ấy dùng sợi tơ làm nhân làm duyên để khâu kết lại, cùng kết, đều kết riêng, cùng liên hệ nối tiếp mới thành tràng hoa. Tham ở đây cũng thế, vì chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, nên đối với các hữu tình nơi các thứ thân, nơi các thứ tụ tập, nơi các thứ có được, đều do tự thể làm nhân làm duyên để trói buộc, cùng trói buộc, đều trói buộc riêng, liên kết, nối tiếp mới được trụ lâu. Đó gọi là trói buộc thân.

2. Thế nào là trói buộc thân do sân?

Đáp: Sân: Nghĩa là đối với các hữu tình muốn gây tổn hại v.v..., nói rộng cho đến hiện gây lỗi làm tai họa. Đó gọi là sân. *Trói buộc thân:* Như trước đã nói.

3. Thế nào là trói buộc thân do giới cấm thủ?

Đáp: Giới cấm thủ và thân bị trói buộc đều như trước đã nói.

4. Thế nào là trói buộc thân do chấp giữ điều ấy là thật?

Đáp: Chấp giữ điều ấy là thật: Nghĩa là hoặc có kẻ chấp ngã và thế gian là thường, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm. Hoặc lại có kẻ chấp ngã và thế gian là vô thường, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm. Hoặc lại có kẻ chấp ngã và thế gian cũng là thường, cũng là vô thường, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm. Hoặc lại có kẻ chấp ngã và thế gian là phi thường phi vô thường, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm.

Hoặc lại có kẻ chấp ngã và thế gian là hữu biên, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm. Hoặc lại có kẻ chấp ngã và thế gian là vô biên, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm. Hoặc lại có kẻ chấp ngã và thế gian cũng là hữu biên, cũng là vô biên, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm. Hoặc lại có kẻ chấp ngã và thế gian là phi hữu biên phi vô biên, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm.

Hoặc có lối chấp mạng sống tức là thân, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm. Hoặc có lối chấp mạng sống là khác với thân, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm.

Hoặc có lối chấp là Như Lai sau khi diệt độ rồi là có, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm. Hoặc có lối chấp Như Lai sau khi diệt độ rồi là không phải có, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm. Hoặc có lối chấp Như Lai sau khi diệt độ rồi là cũng có cũng không phải có, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm. Hoặc có lối chấp Như Lai sau khi diệt độ rồi là phi hữu phi phi hữu, cho điều ấy là thật, các thứ khác đều là sai lầm.

Như thế v.v..., gọi là trói buộc thân do chấp giữ điều ấy là thật.

4. Tụng nêu tổng quát thứ tư:

*Bốn: Bốn pháp có mười
Là đại chủng, thực, trụ
Ái, không nên hành, vấn
Thí, nhiếp, sinh, tự thể.*

Gồm có: Bốn đại chủng, bốn cách ăn, bốn thức trụ, bốn ái, bốn thứ không nên làm mà làm, bốn thứ ký vấn, bốn thứ thí, bốn nhiếp sự, bốn sinh, bốn thứ được tự thể.

*

* **Bốn đại chủng:** 1. Địa giới. 2. Thủy giới. 3. Hỏa giới. 4. Phong giới. Bốn thứ này đã nói rộng trong phần Lục giới nơi Luận Pháp Uẩn.

*

* **Bốn cách ăn:** 1. Đoạn thực hoặc thô hoặc tế. 2. Xúc thực. 3. Ý tư thực. 4. Thức thực.

1. Thế nào là đoạn thực hoặc thô hoặc tế?

Đáp: Nếu từng phần ăn (đoạn) làm duyên, có thể khiến cho các căn được nuôi lớn, các đại chủng tăng trưởng. Lại có thể làm thắm nhuần, theo đây được thắm nhuần, sung mãn, theo đây được sung mãn, che chở, theo đây được che chở, chuyển đổi, theo đây được chuyển đổi, giữ gìn, theo đây được giữ gìn. Đó gọi là đoạn thực.

Vì sao cần thiết lập đoạn thực thô tế? Là dựa vào việc để nuôi lớn hữu tình, nên các thức ăn lớn, nhỏ cùng từng phần lần lượt được thiết lập.

Sự việc thô tế như thế nào? Như loài thú Đãng-kỳ-la ăn là thô, loài thú Ni-dân-kỳ-la ăn là tế. Loài thú Ni-dân-kỳ-la ăn là thô, loài thú Nê-di ăn là tế. Loài thú Nê-di ăn là thô, các loài cá, rùa, ba ba ăn

là tế. Loài cá, rùa, ba ba ăn là thô, loài vật sinh trong nước khác ăn là tế.

Lại nữa, như voi, ngựa, bò ăn là thô, loài dê, nai, heo v.v... ăn là tế. Loài dê, nai, heo v.v... ăn là thô, loài dã can, chó ăn là tế. Loài dã can, chó ăn là thô, loài nhạn, không tước ăn là tế. Loài nhạn, không tước ăn là thô, các loài vật sống trên đất còn lại ăn là tế.

Lại nữa, nếu các hữu tình ăn các thứ cây cỏ, cành lá v.v..., ăn như thế là thô, nếu các hữu tình ăn các thứ cơm, cháo v.v..., ăn như thế là tế. Hoặc các hữu tình ăn các thứ cơm, cháo v.v..., ăn như thế là thô, hoặc các hữu tình ăn dầu, tô v.v..., ăn như thế là tế.

Lại nữa, như các hữu tình dùng miệng, mỏ, lưỡi để thâm nhận thức ăn rồi nhai, gặm, nhấm, nuốt, ăn như thế là thô. Như các hữu tình còn ở trong thai, trong trứng, chỉ hút lấy các chất nước bổ theo cuống rốn vào để nuôi thân, ăn như thế là tế.

Lại nữa, nếu các hữu tình ăn rồi còn có bài tiết, ăn như thế là thô. Nếu các hữu tình ăn rồi không có bài tiết, ăn như thế là tế. Như có loài ăn chất thơm nơi vị Tô-đà tuy có ăn nhưng không có bài tiết.

Như vậy là đã thiết lập phần thô tế của đoạn thực.

2. Thế nào là xúc thực?

Đáp: Như có loài hữu tình dùng *xúc lậu* làm duyên, có thể khiến cho các căn được nuôi lớn, các đại chủng tăng trưởng. Lại có thể làm thâm nhuần, theo đầy được thâm nhuần v.v..., cho đến giữ gìn, theo đầy được giữ gìn. Đó gọi là xúc thực.

Sự việc ấy như thế nào? Như các loài chim ngỗng, nhạn, không tước, anh vũ, cù dục, mạng mạng v.v..., sau khi đẻ trứng luôn gần gũi ấp ủ, che chở, luôn giữ cho ấm áp khiến sinh ra những xúc chạm vui thích. Nếu các trứng của những loài chim kia đã được sinh ra nhưng không được gần gũi ấp ủ, che chở, luôn giữ cho ấm áp khiến

sinh ra những xúc chạm vui thích thì các trứng ấy sẽ bị hư hoại. Còn như các trứng kia được gàn gủi ấp ủ, che chở, luôn giữ cho ấm áp khiến sinh ra những xúc chạm vui thích, thì các trứng ấy không bị hư hoại. Các loại như thế gọi là xúc thực.

3. Thế nào là ý tư thực?

Đáp: Như có loài hữu tình dùng *tư lậu* làm duyên, có thể khiến cho các căn được nuôi lớn, các đại chủng tăng trưởng. Lại có thể làm thấm nhuần, theo đây được thấm nhuần v.v..., cho đến giữ gìn, theo đây được giữ gìn. Đó gọi là ý tư thực.

Sự việc ấy như thế nào? Như các loài cá, rùa, ba ba, loài Thất-thủ-ma-la-bộ-lư-ca v.v... lên bờ bãi đào cát để trứng, lấp cát lại rồi xuống nước. Nếu các trứng ấy luôn nhớ nghĩ đến mẹ không quên thì không bị hư hoại. Nếu các trứng ấy không nhớ nghĩ đến mẹ thì đều bị hư hoại. Các loại như thế gọi là ý tư thực.

4. Thế nào là thức thực?

Đáp: Như có loài hữu tình dùng *thức lậu* làm duyên, có thể khiến cho các căn được nuôi lớn, các đại chủng tăng trưởng. Lại có thể làm thấm nhuần, theo đây được thấm nhuần v.v..., cho đến giữ gìn, theo đây được giữ gìn. Đó gọi là thức thực.

Sự việc ấy như thế nào? Như trong Kinh Phả Lạc Lũ Na Ký, Đức Thế Tôn có dạy: Phả-lạc-lũ-na nên biết! Thức thực có thể khiến sinh khởi thân sau của vị lai. Các loại như thế gọi là thức thực.

*

* **Bốn thức trụ:** 1. Sắc thức trụ. 2. Thọ thức trụ. 3. Tưởng thức trụ. 4. Hành thức trụ.

Thế nào là sắc thức trụ?

Đáp: Nếu các sắc hữu lậu thuận theo các thủ, đối với các sắc ấy hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai sinh khởi các dục, hoặc tham

hoặc sân hoặc si, hoặc tùy theo mỗi mỗi tâm sở đều có tùy phiền não hiện hành. Đó gọi là sắc thức trụ.

Các thứ Thọ, Tướng, Hành thức trụ nói rộng cũng như thế.

*

* **Bốn ái:** *Những gì là bốn?* 1. Có Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi y phục sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ. 2. Có Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi thức ăn uống sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ. 3. Có Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi ngọa cụ sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ. 4. Có Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi có - không có sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ. Đó gọi là bốn ái.

1. Thế nào là Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi y phục sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ?

Đáp: Ở đây, y phục nghĩa là các thứ vải vóc may mặc do lông thú dệt thành. Hoặc do phiến-na, do sô-ma, do sợi gai dệt thành. Hoặc do Kiện-cổ-la, do sợi tơ tằm, sợi bông vải hay dạ nữ dệt thành. Hoặc do Kiền-châm-bà, do Đột-lũ-la, hoặc A-già-lạn-đà dệt thành. Lại nữa, y phục là tiếng gọi chung về các thứ vật dụng che thân như áo choàng, áo khoác, áo mặc ngoài, áo mặc trong, áo lá, quần đơn, quần kép, quần ngắn, quần dài để che chắn v.v... Đối với các thứ y phục như thế dấy khởi những thứ tham cùng tham để nắm giữ, cất chứa, phòng hộ, chấp chặt, ái nhiễm. Đó gọi là Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi y phục sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ.

2. Thế nào là Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi thức ăn uống sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ?

Đáp: Ở đây, thức ăn uống nghĩa là năm thứ thức ăn cứng cần nhai nuốt và năm thứ để dùng bữa. Năm thứ thức ăn cứng v.v... là

củ, thân cây, lá, hoa và quả. Năm thứ để dùng bữa là cơm, cháo, bún, cá thịt và canh thịt. Đối với các thức ăn uống như thế dấy khởi những thứ tham cùng tham để nắm giữ, cất chứa, phòng hộ, chấp chặt, ái nhiễm. Đó gọi là Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi thức ăn uống sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ

3. Thế nào là Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi ngọa cụ sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ?

Đáp: Ở đây, ngọa cụ nghĩa là nhà cửa, phòng xá, đèn đài, lầu gác, hành lang, mái hiên, mái tranh vách đất, hoặc sảnh đường rộng lớn, hoặc am thất lợp cỏ lá, hay hang hốc bằng đất đá. Lại, ngọa cụ nghĩa là các thứ giường chõng, nệm thảm, lụa trải giường, mền đơn, mền kép, bằng len, dạ nỉ, nhung gấm, hoặc vải thô, vải gai, gối nằm, gối ôm, các thứ ghế ngồi sạp gụ v.v... Đối với các thứ ngọa cụ như thế dấy khởi những thứ tham cùng tham để nắm giữ, cất chứa, phòng hộ, chấp chặt, ái nhiễm. Đó gọi là Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi ngọa cụ sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ.

4. Thế nào là Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi có - không có sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ?

Đáp: Ở đây, có tức là nắm thủ uẩn, là sắc, thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn. Còn không có tức là nắm thủ uẩn này nơi vị lai sẽ đoạn dứt. Như có một loại hữu tình suy nghĩ: Ta mong nơi đời vị lai nắm uẩn sinh khởi. Lại có một loại hữu tình khởi suy nghĩ: Nguyện ta sau khi qua đời, nắm uẩn sẽ đoạn dứt. Đối với các thứ có - không có như thế dấy khởi những thứ tham cùng tham để nắm giữ, cất chứa, phòng hộ, chấp chặt, ái nhiễm. Đó gọi là Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... nhân nơi có - không có sinh ái, lúc nên sinh liền sinh, lúc nên trụ thì trụ, lúc nên cầm giữ thì cầm giữ.

*** Bốn thứ không nên làm mà làm:** 1. Do tham dục nên việc không nên làm mà làm. 2. Do sân giận nên việc không nên làm mà làm. 3. Do ngu si nên việc không nên làm mà làm. 4. Do sợ hãi nên việc không nên làm mà làm.

1. Thế nào là do tham dục nên việc không nên làm mà làm?

Đáp: Như có một loại Bí-sô, đối với các Thân giáo sư (Hòa thượng), hoặc Quĩ phạm sư (A-xà-lê), hoặc đồng với thân giáo, hoặc đồng với quĩ phạm, hoặc tùy theo mỗi mỗi vị lui tới kết bạn thân. Lúc này trong Tăng chúng đang dấy sự tranh cãi, vị kia khởi suy nghĩ: “Nếu ta cùng với các sư nói trên giao du kết bạn thì rơi vào chỗ không đúng pháp. Còn nếu không cùng làm bạn với các sư thì lại rơi vào nẻo bất nghĩa”. Tuy suy nghĩ như thế, nhưng do bị tham dục ngăn che nên đã khởi các hành thân, ngữ xấu ác. Đó gọi là do tham dục nên việc không nên làm mà làm

2. Thế nào là do sân giận nên việc không nên làm mà làm?

Đáp: Như có một loại Bí-sô, có kẻ oán ghét. Lúc này trong Tăng chúng đang dấy sự tranh cãi, vị kia khởi suy nghĩ: “Nếu ta giúp đỡ kẻ oán ghét thì tình không thể, nhưng nếu không giúp đỡ thì trái với đạo lý”. Tuy suy nghĩ như thế, nhưng do bị sân giận ngăn che, nên đã khởi các hành thân, ngữ xấu ác. Đó gọi là do sân giận nên việc không nên làm mà làm.

3. Thế nào là do ngu si nên việc không nên làm mà làm?

Đáp: Như có một loại Bí-sô bầm tánh ám độn, đối với các Thân giáo sư hay Quĩ phạm sư, hoặc đồng với thân giáo, hoặc đồng với quĩ phạm, hoặc tùy theo mỗi mỗi vị lui tới kết bạn thân. Lúc này trong Tăng chúng đang dấy sự tranh cãi, vị kia khởi suy nghĩ: “Ta nay không biết thế nào là phải trái, tốt xấu, chỉ nên dựa vào các Thân giáo sư v.v...”. Nhưng kẻ ấy do bị ngu si ngăn che, nên đã khởi các hành thân, ngữ xấu ác. Đó gọi là do ngu si nên việc không nên làm mà làm.

4. Thế nào là do sợ hãi nên việc không nên làm mà làm?

Đáp: Như có một loại Bí-sô hoặc là bạn thân của quốc vương, hoặc là bạn thân của các đại thần, hoặc là bạn thân với đám giặc cướp. Lúc này trong Tăng chúng đang đầy sự tranh cãi, vị kia khởi nghĩ: “Nếu ta nay không hỗ trợ kẻ có thế lực thì do nhân duyên ấy, ta hoặc mất danh lợi, hoặc mất y bát, hoặc có thể mất cả mạng. Vì thế nhất định ta phải dựa vào những kẻ có thế lực”. Nhưng người ấy do sợ hãi ngăn che, nên đã khởi các hành thân, ngữ xấu ác. Đó gọi là do sợ hãi nên việc không nên làm mà làm.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Kẻ có tham sân si
Và sợ, nên trái pháp
Sợ thoái mất danh lợi
Như phần tháng không trăng.*

*

* **Bốn thứ ký vấn (Thưa hỏi, ghi nhận):** 1. Ký vấn bằng cách hoàn toàn chấp thuận. 2. Ký vấn bằng cách nên phân biệt. 3. Ký vấn bằng cách hỏi trở lại. 4. Ký vấn bằng cách để qua một bên.

1. Thế nào là ký vấn bằng cách hoàn toàn chấp thuận?

Đáp: Như có người thưa hỏi Đức Thế Tôn là bậc Như Lai, A La Hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật - Bạc Già Phạm chăng? Pháp của Phật giảng nói là nói về thiện, hiện thấy, không nhiệt não, hướng dẫn hợp thời, những bậc trí gần gũi quán xét sẽ được nội chứng chăng? Chúng đệ tử của Phật gồm đủ các hành diệu, hành chất trực, hành như lý, hành pháp tùy pháp, hành hòa kính, hành tùy pháp chăng? Khổ, tập, diệt, đạo là Thánh đế chăng? Tất cả hành đều là vô thường chăng? Tất cả pháp đều là

vô ngã chẳng? Niết-bàn là tịch tĩnh chẳng? Những câu hỏi như thế có vô lượng môn, nên hoàn toàn ghi nhận Đức Thế Tôn là Như Lai, A-la-hán, nói rộng cho đến Niết-bàn là tịch tĩnh? Đó gọi là ký vấn bằng cách hoàn toàn chấp thuận.

Vì sao nơi câu hỏi ấy nên hoàn toàn ghi nhận? Do đối với câu hỏi ấy, nếu hoàn toàn ghi nhận tức có thể dẫn đến nghĩa lợi, có thể dẫn đến pháp thiện, có thể dẫn đến phạm hạnh, có thể dẫn đến thông tuệ, có thể sinh khởi Đăng giác, có thể chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy đối với câu hỏi ấy nên hoàn toàn ghi nhận.

2. Thế nào là ký vấn bằng cách nên phân biệt?

Đáp: Như có người hỏi: Thế nào là pháp? Khi gặp câu hỏi này nên phân biệt ghi nhận. Vì pháp có nhiều thứ: Hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai. Hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc. Hoặc học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học. Hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc không đoạn. Các pháp như thế v.v... có vô lượng môn, nên phân biệt ghi nhận. Đó gọi là ký vấn bằng cách nên phân biệt.

Vì sao nơi câu hỏi ấy nên phân biệt ghi nhận? Do đối với câu hỏi ấy, nếu phân biệt ghi nhận tức có thể dẫn đến nghĩa lợi, có thể dẫn đến pháp thiện, có thể dẫn đến phạm hạnh, có thể dẫn đến thông tuệ, có thể sinh khởi Đăng giác, có thể chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy đối với câu hỏi ấy nên phân biệt ghi nhận.

3. Thế nào là ký vấn bằng cách hỏi trở lại?

Đáp: Như có người hỏi: Nên vì tôi mà giảng nói pháp? Gặp câu hỏi này nên ghi nhận bằng cách hỏi trở lại: Pháp có nhiều thứ, nay ông hỏi về pháp nào? Là pháp quá khứ, hiện tại, vị lai? Là pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký? Là pháp hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc? Là pháp học, pháp vô học, pháp phi học phi vô học? Là

pháp do kiến đạo đoạn, do tu đạo đoạn, hay không đoạn? Các pháp như thế có vô lượng môn, nên hỏi trở lại để ghi nhận. Đó gọi là ký vấn bằng cách hỏi trở lại.

Vì sao nơi câu hỏi ấy nên hỏi trở lại để ghi nhận? Do đối với câu hỏi ấy, nếu hỏi trở lại để ghi nhận tức có thể dẫn đến nghĩa lợi, có thể dẫn đến pháp thiện, có thể dẫn đến phạm hạnh, có thể dẫn đến thông tuệ, có thể sinh khởi Đăng giác, có thể chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy đối với câu hỏi ấy nên hỏi trở lại để ghi nhận.

4. Thế nào là ký vấn bằng cách để qua một bên?

Đáp: Như có người hỏi: Thế gian là thường chẳng? Là vô thường chẳng? Là cũng thường cũng vô thường chẳng? Là phi thường phi vô thường chẳng? Thế gian là hữu biên chẳng? Là vô biên chẳng? Là cũng hữu biên cũng vô biên chẳng? Là phi hữu biên phi vô biên chẳng? Mạng sống tức là thân chẳng? Mạng sống khác với thân chẳng? Đức Như Lai sau khi diệt độ là có chẳng? Là không có chẳng? Là cũng có cũng không có chẳng? Là phi có phi phi có chẳng? Đối với các câu hỏi như thế là không đúng lý nên ghi nhận bằng cách để qua một bên. Nghĩa là nên ghi nhớ lời này: Phật nói những câu hỏi ấy là không nên ghi nhận. Vì thường, vô thường v.v... đều không đúng lý. Đó gọi là Ký vấn bằng cách để qua một bên.

Vì sao nơi câu hỏi ấy nên ghi nhận bằng cách để qua một bên? Do đối với câu hỏi ấy, nếu ghi nhận bằng cách để qua một bên tức có thể dẫn đến nghĩa lợi, có thể dẫn đến pháp thiện, có thể dẫn đến phạm hạnh, có thể dẫn đến thông tuệ, có thể sinh khởi Đăng giác, có thể chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy đối với câu hỏi ấy nên để qua một bên ghi nhận.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

1. Nên hoàn toàn ghi nhận

2. Nên phân biệt ghi nhận

3. Nên hỏi lại ghi nhận
 4. Nên để qua ghi nhận.
 Bốn thứ hỏi như vậy
 Biết cách để ghi nhận
 Dẫn nghĩa lợi, pháp thiện
 Cùng phạm hạnh thuần tịnh.
 Thâm diệu đều hàng phục
 Biết nghĩa cùng phi nghĩa
 Bỏ phi nghĩa, lấy nghĩa
 Xét kỹ là bậc trí.

*

* **Bốn thứ thí:** Những gì là bốn? 1. Có thứ thí, người thí thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh. 2. Có thứ thí, người nhận thanh tịnh, người thí không thanh tịnh. 3. Có thứ thí, người thí và người nhận đều thanh tịnh. 4. Có thứ thí, người thí và người nhận đều không thanh tịnh. Đó gọi là bốn thứ thí.

1. Thế nào là có thứ thí, người thí thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Nếu có thí chủ gồm đủ tịnh giới, trụ nơi luật nghi, nhận biết có nương dựa, có quả, dựa nơi kiến giải như thế nên nêu bày như thế: Quyết định là có bố thí, có quả, có dị thực. Còn người nhận thì không gồm đủ tịnh giới, không trụ nơi luật nghi, không nhận biết có nương dựa, có quả, dựa nơi kiến giải như thế nên nêu bày như thế: Quyết định không có bố thí, không có quả, không có dị thực. Đó gọi là có thứ thí, người thí thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh.

Vì sao trong thứ thí này, người thí thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh? Vì người thí đối với các chi phần, các tư lương nên tu tập đều thành tựu. Còn người nhận đối với các chi phần, các tư lương

nên tu tập đều không thành tựu. Thế nên trong thứ thí này, người thí thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh.

2. Thế nào là có thứ thí, người nhận thanh tịnh, người thí không thanh tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Nếu có thí chủ không gồm đủ tịnh giới, không trụ nơi luật nghi, không nhận biết có nương dựa, có quả, dựa nơi kiến giải như thế nên nêu bày như thế: Quyết định không có bố thí, không có quả, không có dị thực. Còn người nhận thì gồm đủ tịnh giới, trụ nơi luật nghi, nhận biết có nương dựa, có quả, dựa nơi kiến giải như thế nên nêu bày như thế: Quyết định là có bố thí, có quả, có dị thực. Đó gọi là có thứ thí, người nhận thanh tịnh, người thí không thanh tịnh

Vì sao trong thứ thí này, người nhận thanh tịnh, người thí không thanh tịnh? Vì người thí đối với các chi phần, các tư lương nên tu tập đều không thành tựu. Còn người nhận đối với các chi phần, các tư lương nên tu tập đều thành tựu. Thế nên trong thứ thí này, người nhận thanh tịnh, người thí không thanh tịnh.

3. Thế nào là có thứ thí, người thí và người nhận đều thanh tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Nếu có người thí gồm đủ tịnh giới, trụ nơi luật nghi, nói rộng như trước v.v... Còn người nhận cũng gồm đủ tịnh giới, trụ nơi luật nghi, nói rộng như trước v.v.... Đó gọi là có thứ thí, người thí và người nhận đều thanh tịnh.

Vì sao trong thứ thí này, người thí và người nhận đều thanh tịnh? Vì người thí và người nhận đối với các chi phần, các tư lương nên tu tập đều thành tựu. Thế nên trong thứ thí này, người thí và người nhận đều thanh tịnh.

4. Thế nào là có thứ thí, người thí và người nhận đều không thanh tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bí-sô nên biết! Nếu có người thí không gồm đủ tịnh giới, không trụ nơi luật nghi, nói rộng như trước v.v... Còn người nhận cũng không gồm đủ tịnh giới, không trụ nơi luật nghi, nói rộng như trước v.v... Đó gọi là có thứ thí, người thí và người nhận đều không thanh tịnh.

Vì sao trong thứ thí này, người thí và người nhận đều không thanh tịnh? Vì người thí và người nhận đối với các chi phần, các tư lương nên tu tập đều không thành tựu. Thế nên trong thứ thí này, người thí và người nhận đều không thanh tịnh.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thí đủ giới, thiếu giới
Thanh tịnh mà chứng pháp
Tín dị thực nghiệp quả
Là chỉ người thí tịnh.
Thí thiếu giới, đủ giới
Chẳng tịnh, dẫn phi pháp
Chê dị thực nghiệp quả
Là chỉ người nhận tịnh.
Thí thiếu giới, thiếu giới
Chẳng tịnh, dẫn phi pháp
Chê dị thực nghiệp quả
Ta nói không quả lớn.
Thí đủ giới, đủ giới
Thanh tịnh mà chứng pháp
Tín dị thực nghiệp, quả
Ta nói có quả lớn.
Tín dị thực nghiệp quả*

*Tự tôn trọng bố thí
Cha mẹ cùng tôi tớ
Bậc trí đều khen ngợi.
Thân, ngữ, ý không chấp
Bí-sô hành hạnh diệu
Không cầu tự phú quý
Luôn rộng thí người khác.
Hữu tình đã lia dục
Thí xong cũng lia dục
Ta nói thí như thế
Tột bậc trong tài thí.*

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 9

Phẩm 5: BỐN PHÁP, phần 4

* **Bốn nhiếp sự:** 1. Bố thí nhiếp sự. 2. Ái ngữ nhiếp sự. 3. Lợi hành nhiếp sự. 4. Đồng sự nhiếp sự.

1. Thế nào là bố thí nhiếp sự?

Đáp: Ở đây, **Bố thí:** Nghĩa là các thí chủ bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn, những kẻ nghèo khổ, người tu khổ hạnh, kẻ ăn xin v.v... các thứ vật dụng như thức ăn uống, thuốc men, y phục, tràng hoa cài tóc, các loại hương bột, hương xoa, nhà cửa phòng ốc, ngọc cụ, đèn đuốc v.v... Đó gọi là bố thí.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói với Trưởng giả Thủ: “Trưởng giả nên biết! Trong các thứ bố thí thì pháp thí là tối thắng”. Đó gọi là bố thí.

Nhiếp sự: Nghĩa là do bố thí này nên đối với người khác cùng được thâm giữ, gần gũi, hỗ trợ, khiến cùng trở nên thân thiện. Như thế là hành bố thí đối với các hữu tình khác tức có thể cùng được thâm giữ, gần gũi, hỗ trợ, khiến thành thân thiện. Thế nên gọi là bố thí nhiếp sự.

2. Thế nào là ái ngữ nhiếp sự?

Đáp: Ở đây, **Ái ngữ:** Nghĩa là lời nói vui vẻ, lời nói ý vị, lời nói với diện mạo thư thái cởi mở, lời nói xa lìa mọi buồn phiền, luôn

mỉm cười trước khi cất tiếng, trước nên nói lời chúc mừng an ủi, nói lời đáng yêu mến. Như nói: Cụ thọ khéo đến đây! Việc đời có dễ chịu chăng? Luôn được an vui chăng? Các việc ăn uống, y phục, ngoạn cụ, và các thứ vật dụng khác luôn đầy đủ chứ? Vô số các lời nói thăm hỏi an ủi như thế gọi là lời nói mở đầu. Những điều vừa nêu cùng với lời nói ở trước gọi chung là ái ngữ.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói với Trưởng giả Thủ: “Trưởng giả nên biết! Trong các lời nói thì ái ngữ là tối thắng”. Nghĩa là ái ngữ đã khéo khuyên dẫn các thiện nam, tín nữ chú ý nghe pháp, luôn luôn giảng nói pháp, lúc nào cũng khuyên dạy, luôn luôn quyết trạch. Đó gọi là ái ngữ.

Nhiếp sự: Nghĩa là do ái ngữ này nên đối với người khác cùng được thấu giữ, gần gũi, hỗ trợ, khiến cùng trở nên thân thiện. Như thế là hành ái ngữ đối với các hữu tình khác tức có thể cùng được thấu giữ, gần gũi, hỗ trợ, khiến thành thân thiện. Thế nên gọi là ái ngữ nhiếp sự.

3. Thế nào là lợi hành nhiếp sự?

Đáp: Ở đây, *Lợi hành*: Nghĩa là đối với các hữu tình, hoặc bị bệnh nặng, hoặc gặp phải những ách nạn khốn khổ không ai cứu giúp v.v... liền khởi tâm từ bi đến các nơi chốn kia thăm viếng, dùng phương tiện theo hành thân ngữ để cung cấp, cứu giúp, chăm sóc. Đó gọi là lợi hành.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói với Trưởng giả Thủ: “Trưởng giả nên biết! Trong sự hành hóa lợi hành là tối thắng”. Nghĩa là đối với kẻ không tin thì dùng phương tiện để khuyên dẫn, điều phục, an lập, khiến niềm tin viên mãn. Hoặc như đối với kẻ phá giới thì dùng phương tiện để khuyên dẫn, điều phục, an lập, khiến giới luật viên mãn. Hoặc đối với kẻ keo kiệt thì dùng phương tiện để khuyên dẫn, điều phục, an lập, khiến hành thí đầy đủ. Hoặc đối với kẻ ác tuệ thì tạo phương tiện để khuyên dẫn, điều phục, an lập, khiến trí tuệ viên mãn. Các việc như thế gọi là lợi hành.

Nhiếp sự: Nghĩa là do lợi hành này nên đối với người khác cùng được thâu giữ, gìn giữ, hỗ trợ, khiến cùng trở nên thân thiện. Như thế là dùng lợi hành đối với các hữu tình khác tức có thể cùng được thâu giữ, gìn giữ, hỗ trợ, khiến thành thân thiện. Thế nên gọi là lợi hành nhiếp sự.

4. Thế nào là đồng sự nhiếp sự?

Đáp: Ở đây, *Đồng sự*: Nghĩa là đối với kẻ chán lìa việc đoạn sinh mạng, nên vì họ khéo hỗ trợ khiến dứt bỏ hẳn việc giết hại. Hoặc đối với kẻ chán lìa việc không cho mà lấy, nên vì họ khéo hỗ trợ khiến dứt bỏ hẳn việc trộm cắp. Hoặc đối với kẻ chán lìa dâm dục tà hạnh, nên vì họ khéo hỗ trợ khiến dứt bỏ hẳn hành dâm dục tà hạnh. Hoặc đối với kẻ chán lìa nói dối, chán lìa uống rượu, nên vì họ khéo hỗ trợ khiến dứt bỏ hẳn hành nói dối, uống rượu. Các việc như thế gọi là đồng sự.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói với Trưởng giả Thủ: “Trưởng giả nên biết! Trong các sự việc, đồng sự là tối thắng”. Nghĩa là các quả A-la-hán, Bất hoàn, Nhất lai và Dự lưu cùng với các quả A-la-hán, Bất hoàn, Nhất lai, Dự lưu mà làm đồng sự. Đó gọi là đồng sự.

Nhiếp sự: Nghĩa là do đồng sự này nên đối với người khác cùng được thâu giữ, gìn giữ, hỗ trợ, khiến cùng trở nên thân thiện. Như thế là hành đồng sự đối với các hữu tình khác tức có thể cùng được thâu giữ, gìn giữ, hỗ trợ, khiến thành thân thiện. Thế nên gọi là đồng sự nhiếp sự.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Bố thí và Ái ngữ
Lợi hành cùng Đồng sự
Như xử hợp nên nói
Gồm thâu khắp thế gian.
Bốn nhiếp sự như thế*

*Nơi thế gian nếu không
 Con đối với cha mẹ
 Cũng chẳng muốn hiếu dưỡng.
 Do có các nghiệp sự
 Nên có pháp tùy chuyển
 Người đạt được đại thể
 Thấy ích nên nêu bày.*

*

* **Bốn sinh:** 1. Noãn sinh. 2. Thai sinh. 3. Thấp sinh. 4. Hóa sinh.

1. Thế nào là noãn sinh? (Sinh từ trứng)

Đáp: Như các hữu tình từ nơi trứng sinh ra, tức là ở trong trứng, được vỏ trứng bao bọc, sau phá vỡ vỏ trứng mới được sinh ra. Đây lại là thế nào? Như các loài vịt, ngỗng, các loài chim như khổng tước, cù dục, anh vũ, xuân cù, ly hoàng, mạng mạng v.v..., cùng một loại rỗng, một loại diệu sí, cùng một loại người. Lại có các loài hữu tình khác từ trứng sinh ra, tức ở trong trứng, được vỏ trứng bao bọc, sau phá vỡ vỏ trứng mới sinh ra, đều gọi là noãn sinh.

2. Thế nào là thai sinh?

Đáp: Như các hữu tình từ nơi thai sinh ra, tức trước là ở trong thai, được thai tạng bao bọc, sau phá vỡ thai tạng mới được sinh ra. Đây lại là thế nào? Như các loài voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa, dê, nai, trâu, heo v.v... cùng một loại rỗng, một loại diệu sí, một loại quý, một loại người. Lại có các loài hữu tình khác từ nơi thai sinh ra, tức trước ở nơi thai tạng, được thai tạng bao bọc, sau phá vỡ thai tạng mới sinh ra, đều gọi là thai sinh.

3. Thế nào là thấp sinh (Sinh từ nơi ẩm thấp)?

Đáp: Như các hữu tình lần lượt ở nơi ẩm áp, lần lượt ở nơi thấm ướt, lần lượt tụ tập. Hoặc tụ tập dựa vào chỗ phân dơ hay vũng nước

động. Hoặc dựa nơi hầm xí xú uế hay chỗ thịt cá sinh thối. Hoặc dựa vào cơm cháo đồ ngoài đất hay các đồng cỏ rác. Hoặc nương nơi chón rừng rậm hay am cỏ. Hoặc nương vào các lớp lá trong hang hổ hoặc nơi chón ao đầm, vũng hồ, sông suối, biển cả hay ở vùng đất ẩm ướt v.v... mới được sinh ra. Đây lại là thế nào? Như các loài dế mèn, bướm ngài, ruồi, muỗi, mối, ve, các thứ trùng trong cây gai v.v... cùng một loại rỗng, một loại diệu sí, một loại người. Lại có các hữu tình khác lần lượt ở nơi ẩm áp, nói rộng cho đến hoặc nương vào biển cả hay ở vùng đất ẩm ướt v.v... mới được sinh ra, đều gọi là thấp sinh.

4. Thế nào là hóa sinh?

Đáp: Như các hữu tình chi phần đều đầy đủ, các căn không thiếu giảm, không có chỗ nương dựa, nhờ vào biến hóa sinh ra. Đây lại là thế nào? Đó là tất cả hàng trời, hết thảy các loài ở địa ngục, hết thảy trung hữu, cùng một phần rỗng, một phần diệu sí, một phần quý, một phần người. Lại có các hữu tình khác chi phần đầy đủ, các căn không thiếu giảm, không có chỗ nương dựa, nhờ vào biến hóa sinh ra, đều gọi là hóa sinh.

*

*** Bốn thứ được tự Thể:** 1. Có thứ được tự Thể chỉ có thể tự hại, không do người khác hại. 2. Có thứ được tự Thể chỉ có thể do người khác hại, không phải mình tự hại. 3. Có thứ được tự Thể mình và người cùng có thể hại. 4. Có thứ được tự Thể mình và người cùng không thể hại.

1. Thế nào là có thứ được tự Thể chỉ có thể tự hại, không do người khác hại?

Đáp: Như các hữu tình tự có thể lực nên có thể tự đoạn dứt mạng mình, kẻ khác không có thể lực nên không thể đoạn dứt mạng họ được. Đây lại là thế nào? Như có trời Hý Vong Niệm thuộc cõi

Dục, hoặc khi vui chơi vì quá thích thú, trải qua thời gian dài thân mệt niềm mất, do duyên ấy nên liền mạng chung.

Lại có trời Ý Phần Khuể thuộc cõi Dục, hoặc trong khi giận dữ lại vô cùng phẫn uất, buồn khổ, trừng mắt nhìn nhau, trải qua thời gian dài do duyên ấy nên liền bỏ mạng.

Lại có các loài hữu tình khác tự có thể lực nên có thể tự đoạn dứt mạng mình, kẻ khác không có thể lực nên không thể đoạn dứt mạng họ được. Đó gọi là có thứ được tự thể chỉ có thể tự hại, không do người khác hại.

2. Thế nào là có thứ được tự Thể chỉ có thể do người khác hại, không phải tự hại?

Đáp: Như các hữu tình tự mình không có thể lực để có thể tự đoạn dứt mạng, nhưng kẻ khác có thể lực nên có thể đoạn dứt mạng mình. Đây lại là thế nào? Nghĩa là các hữu tình đang ở trong trướng hay nằm trong thai mẹ, hoặc là Yết-lạt-lam, Át-bộ-đàm, Bế-thi, Kiện-nam, hoặc là Bát-la-xa-khur v.v..., các căn chưa đầy đủ, chưa hoàn hảo.

Lại có các loài hữu tình khác tự mình không có thể lực để có thể tự đoạn dứt mạng, nhưng kẻ khác có thể lực nên có thể đoạn dứt mạng mình. Đó gọi là có thứ được tự thể chỉ có thể do người khác hại, không phải tự hại

3. Thế nào là có thứ được tự Thể mình và người cùng có thể hại?

Đáp: Như các hữu tình tự có thể lực nên có thể tự đoạn dứt mạng, kẻ khác cũng có thể lực nên có thể đoạn dứt mạng của hữu tình kia. Đây lại là thế nào? Nghĩa là các loài như voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa, dê, nai, trâu v.v...

Lại có các loài hữu tình khác tự có thể lực nên có thể tự đoạn dứt mạng, kẻ khác cũng có thể lực nên có thể đoạn dứt mạng của hữu tình kia. Đó gọi là có thứ được tự thể mình và người cùng có thể hại

4. Thế nào là có thứ được tự Thế mình và người cùng không thể hại?

Đáp: Như các hữu tình tự mình không có thế lực để có thể tự đoạn dứt mạng, kẻ khác cũng không có thế lực để có thể đoạn dứt mạng của hữu tình kia. Đây lại là thế nào? Nghĩa là hết thầy chú Thiên nơi cõi Sắc và Vô sắc, các hữu tình đang trụ nơi định vô tướng, định diệt tận, định từ, trung hữu, hay các loài hữu tình đang trụ nơi thân mạng sau cùng. Phật sứ, Phật thọ ký cho các Chuyển Luân vương cùng mẹ của Luân vương đang mang thai. Hoặc Bồ-tát thân sau và mẹ của Bồ-tát khi đang mang thai ngài. Con ông Trưởng giả Căng-kỳ-la-ót-đát-la-bà-la-ni-tư, con ông Trưởng giả thành Vương-xá là Da-xá đồng mạng, Long vương Ai-la-phạt-noa, Long vương Thiện trụ, Mã vương Bà-la-hô, tất cả địa ngục như Diêm-ma-vương.

Lại có các loài hữu tình khác tự mình không có thế lực để có thể tự đoạn dứt mạng, kẻ khác cũng không có thế lực để có thể đoạn dứt mạng của hữu tình kia. Đó gọi là có thứ được tự thế mình và người cùng không thể hại.

**

5. Tụng nêu tổng quát thứ năm:

Năm: Bốn pháp có tám

Là lưu, lợi, thú, khổ

Bốn hành ngữ ác, diệu

Bốn phi, bốn Thánh ngôn.

Gồm có: Bốn Bồ-đặc-già-la (Hữu tình) hành thuận lưu, bốn Bồ-đặc-già-la hành tự lợi, bốn Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đi đến chỗ tối v.v..., bốn Bồ-đặc-già-la tự làm khổ v.v..., bốn hành ngữ ác, bốn hành ngữ diệu, bốn phi Thánh ngôn, bốn Thánh ngôn.

*

* **Bốn Bồ-đặc-già-la hành thuận lưu:** 1. Bồ-đặc-già-la hành thuận lưu. 2. Bồ-đặc-già-la hành nghịch lưu. 3. Bồ-đặc-già-la tự trụ. 4. Bồ-đặc-già-la đáo bỉ ngạn.

1. Thế nào là Bồ-đặc-già-la hành thuận lưu?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la nhiễm tập các dục, tạo nghiệp bất thiện. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la hành thuận lưu.

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la hành thuận lưu? Ái là dòng chảy (Lưu) sinh tử, loại Bồ-đặc-già-la này thuận theo dòng chảy ấy hướng tới đi vào nơi chốn ấy. Đó là con đường họ thường qua lại, là nơi in dấu chân của họ. Thế nên gọi là Bồ-đặc-già-la hành thuận lưu.

2. Thế nào là Bồ-đặc-già-la hành nghịch lưu?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la đối với tham sân si là tánh mãnh liệt, nên thường xuyên chán bỏ, sinh tác ý sâu khổ. Hữu tình ấy do chán lìa, tác ý sâu khổ, nên suốt đời luôn siêng năng tu tập, thuần nhất viên mãn, phạm hạnh trong trắng. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la hành nghịch lưu.

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la hành nghịch lưu? Ái là dòng chảy (Lưu) sinh tử, loại Bồ-đặc-già-la này đối với pháp đoạn trừ ái đã tùy thuận hướng tới, đi đến nơi chốn ấy. Đó là con đường họ thường qua lại, là nơi in dấu chân của họ. Thế nên gọi là Bồ-đặc-già-la hành nghịch lưu.

3. Thế nào là Bồ-đặc-già-la tự trụ?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la thường trú nơi A-lan-nhã, hoặc ở bên cội cây, hay những nơi chốn vắng vẻ, luôn hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, hoặc tư duy chân chánh, chứng đắc tâm định tịch tĩnh như thế. Vị ấy tùy theo tâm định đó nên đoạn trừ được năm thứ kiết thuận hạ phần,

sẽ nhận hóa sinh, tức ở nơi xứ ấy mà bát Niết-bàn, không còn sinh trở lại nơi cõi Dục này. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tự trụ.

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la tự trụ? Loại Bồ-đặc-già-la này tự trụ nơi cảnh giới hóa sinh chứng được Niết-bàn, không còn sinh trở lại nơi cõi Dục này. Thế nên gọi là Bồ-đặc-già-la tự trụ.

4. Thế nào là Bồ-đặc-già-la đáo bỉ ngạn?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la thường trú nơi A-lan-nhã, hoặc ở bên cội cây, hay những nơi chốn vắng vẻ, luôn hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, hoặc tư duy chân chánh, chứng đắc tâm định tịch tĩnh như thế. Vì ấy tùy theo tâm định đó nên vĩnh viễn dứt hết các lậu, chứng được vô lậu, tâm tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự chứng thông tuệ, lãnh nhận đầy đủ, có thể nhận biết rõ đúng đắn: “Nẻo sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã làm xong, không còn thọ thân sau”. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la đáo bỉ ngạn (Đến bờ giác).

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la đáo bỉ ngạn? Có thân sinh tử gọi là bờ này. Ai dứt hết lia mọi cấu nhiễm, chứng được Niết-bàn tịch diệt, gọi là bờ kia. Loại Bồ-đặc-già-la này đối với ái đã dứt hết, lia mọi cấu nhiễm, tịch diệt vĩnh viễn, nơi bờ kia của Niết-bàn đã có thể đạt được, đã có thể xúc chứng. Thế nên gọi là Bồ-đặc-già-la đáo bỉ ngạn.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nơi dục chưa lìa, diệt
Chìm trong ái cõi Dục
Ta nói là thuận lưu
Luôn luôn nhận sinh tử.
Nếu an trụ chánh niệm
Không nhiễm tập dục ác
Lo khổ chán bỏ dục
Ta nói là nghịch lưu.*

*Học đoạn năm phiền não
 Đủ năm pháp không thoái
 Tâm đắc định căn thẳng
 Ta nói là tự trụ
 Khấp các pháp hơn kém
 Giải thoát, hoàn toàn diệt
 Bậc trí vượt nẻo khổ
 Ta nói đáo bỉ ngạn.*

*

*** Bốn Bồ-đặc-già-la hành tự lợi:** 1. Bồ-đặc-già-la có hành tự lợi, không hành lợi tha. 2. Bồ-đặc-già-la có hành lợi tha, không hành tự lợi. 3. Bồ-đặc-già-la có hành tự lợi cũng có hành lợi tha. 4. Bồ-đặc-già-la không hành tự lợi cũng không hành lợi tha.

1. Thế nào là Bồ-đặc-già-la có hành tự lợi, không hành lợi tha?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la tự mình đối với các pháp thiện có thể nhanh chóng tiếp nhận quán xét kỹ. Vị ấy đối với các pháp đã nhận biết về nghĩa, nhận biết về pháp, nên tinh tấn tu tập pháp tùy pháp hành, hành hòa kính, hành thuận pháp. Về ngôn từ diễn đạt thì không thuận hợp khéo léo viên mãn, cũng không thành tựu được lời nói của vị đứng đầu, lời nói hay đẹp, lời nói rõ ràng, lời nói dễ hiểu. Người ấy hay nói lời không căn cứ, nói lời không dứt khoát, cho đến đối với nghĩa lý, vì khiến người khác nhận biết cũng không thể nêu bày, dẫn dạy, khuyến khích, an ủi, cũng không thể khen ngợi, cả đến người tu thiện. Cũng không thể siêng năng vì bốn chúng giảng nói pháp. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la có hành tự lợi, không hành lợi tha.

2. Thế nào là Bồ-đặc-già-la có hành lợi tha, không hành tự lợi?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la tự mình đối với các pháp thiện không thể nhanh

chóng tiếp nhận quán xét kỹ. Vị ấy đối với các pháp không nhận biết về nghĩa, không nhận biết về pháp, nên không siêng năng tu tập pháp tùy pháp hành, hành hòa kính, hành thuận pháp. Về ngôn từ diễn đạt thì thuận hợp khéo léo viên mãn, cũng thành tựu được lời nói của vị đứng đầu, lời nói hay đẹp, lời nói rõ ràng, lời nói dễ hiểu, lời nói lưu loát, lời nói vô tận, cho đến đối với nghĩa lý, vì khiến người khác nhận biết đều có thể nêu bày, dẫn dạy, khuyến khích, an ủi, khen ngợi, cả đến người tu thiện. Cũng có thể siêng năng vì bốn chúng giảng nói pháp. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la có hành lợi tha, không hành tự lợi.

3. Thế nào là Bồ-đặc-già-la có hành tự lợi cũng có hành lợi tha?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la tự mình đối với các pháp thiện có thể nhanh chóng tiếp nhận quán xét kỹ. Vị ấy đối với các pháp đã nhận biết về nghĩa, nhận biết về pháp, nên tinh tấn tu tập pháp tùy pháp hành, hành hòa kính, hành thuận pháp. Về ngôn từ diễn đạt thì thuận hợp khéo léo viên mãn, cũng thành tựu được lời nói của vị đứng đầu, lời nói hay đẹp, lời nói rõ ràng, lời nói dễ hiểu, lời nói lưu loát, lời nói vô tận, cho đến đối với nghĩa lý, vì khiến người khác nhận biết đều có thể nêu bày, dẫn dạy, khuyến khích, an ủi, khen ngợi, cả đến người tu thiện. Cũng có thể siêng năng vì bốn chúng giảng nói pháp. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la có hành tự lợi cũng có hành lợi tha.

4. Thế nào là Bồ-đặc-già-la không hành tự lợi cũng không hành lợi tha?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la tự mình đối với các pháp thiện không thể nhanh chóng tiếp nhận quán xét kỹ. Vị ấy đối với các pháp không nhận biết nghĩa, không nhận biết pháp, nên không siêng năng tu tập pháp tùy pháp hành, hành hòa kính, hành thuận pháp. Về ngôn từ diễn đạt thì không thuận hợp khéo léo viên mãn, cũng không thành tựu được lời

nói của vị đứng đầu, lời nói hay đẹp, lời nói rõ ràng, lời nói dễ hiểu, cho đến đối với nghĩa lý, vì khiến người khác nhận biết cũng không thể nêu bày, dẫn dạy, khuyến khích, an ủi, khen ngợi, cả đến người tu thiện. Cũng không thể siêng năng vì bốn chúng giảng nói pháp. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la không hành tự lợi cũng không hành lợi tha.

*

*** Bốn Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đi đến chỗ tối v.v...:** 1. Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đi đến chỗ tối. 2. Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đi đến chỗ sáng. 3. Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng đi đến chỗ tối. 4. Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng đi đến chỗ sáng.

1. Thế nào là Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đi đến chỗ tối?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la sinh vào những gia đình bần tiện, thấp kém như các nhà Chiên-đồ-la, Bồ-yết-bà, hoặc nơi các gia đình thợ thuyền, gia đình kỹ nhạc, hoặc thuộc một chủng tánh khác hết sức bần cùng, khốn khổ, cơm ăn áo mặc đều thiếu thốn, hình sắc xấu xí, bị nhiều người khinh miệt, sai khiến. Đó gọi là tối. Người này dựa nơi chỗ tối ấy đã tạo tác các hành thân ngữ ý đều xấu ác. Do nhân duyên hành ác như thế, nên sau khi mạng chung bị đọa nơi các nẻo dữ, sinh trong địa ngục. Nên biết loại Bồ-đặc-già-la như vậy, ví như có người từ nơi chốn tối tăm đi đến nơi chốn tối tăm, từ hàm xí xú uế lại rơi vào hàm xí xú uế, từ dòng thác dữ lại trôi vào dòng thác dữ, thoát khỏi một lao ngục lại đi tới một lao ngục, khác nào lấy máu nhớp nhúa để rửa tẩy máu nhớp nhúa. Dựa nơi thân bần tiện tạo tác các hành ác cũng lại như thế. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đi đến chỗ tối.

2. Thế nào là Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đi đến chỗ sáng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la sinh vào những gia đình bần tiện, thấp kém như các nhà Chiên-đồ-la v.v..., nói rộng cho đến: Đó gọi là tối. Người

này dựa nơi chỗ tối ấy đã tạo tác các hành thân ngữ ý đều thiện. Do nhân duyên hành thiện như thế, nên sau khi mạng chung được sinh vào nẻo thiện như sinh lên các cõi trời. Nên biết loại Bồ-đặc-già-la như vậy, ví như có người từ nơi đất lên ngòi trên ghé, từ ghé lên ngòi nơi tòa, từ tòa lên ngòi nơi kiệu xe, từ nơi kiệu xe lên ngòi trên ngựa, từ nơi ngựa lên ngòi nơi voi, từ nơi voi lên ngựa trên cung điện. Dựa nơi thân bản tiện tạo tác các hành diệp cũng lại như thế. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đi đến chỗ sáng.

3. Thế nào là Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng đi đến chỗ tối?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la sinh vào các nơi chốn giàu sang như là gia đình thuộc tộc họ lớn Sát-đế-lợi, hoặc tộc họ lớn Bà-la-môn, hoặc tộc họ lớn Trưởng giả, hoặc tộc họ lớn Cư sĩ, hoặc tùy theo một trong những tộc họ lớn khác. Nơi những gia đình như vậy luôn có các thứ châu báu, y phục, thức ăn uống, nô tỳ, kẻ hầu, voi ngựa, bò dê, kho tàng, tiền bạc, thóc lúa, cùng mọi vật dụng khác đều đầy đủ. Sinh vào các gia đình ấy hình tướng lại đoan nghiêm, ngôn ngữ thuận hợp, ai cũng kính mến. Đó gọi là sáng. Người này dựa nơi chốn sáng ấy đã tạo tác các hành thân ngữ ý đều xấu ác. Do nhân duyên hành ác như thế, nên sau khi mạng chung bị đọa vào các nẻo dữ, sinh trong địa ngục. Nên biết loại Bồ-đặc-già-la như vậy, ví như có người từ nơi cung điện bước xuống cõi voi, rồi xuống cõi ngựa, rồi xuống ngòi nơi kiệu xe, rồi xuống ngòi nơi tòa, rồi xuống ngòi nơi ghé và xuống ngòi nơi đất. Dựa nơi thân giàu sang tạo tác các hành ác cũng lại như thế. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng đi đến chỗ tối.

4. Thế nào là Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng đi đến chỗ sáng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la sinh vào các nơi chốn giàu sang như là gia đình thuộc tộc họ lớn Sát-đế-lợi v.v..., nói rộng cho đến: Đó gọi là sáng. Người này dựa nơi chốn sáng ấy đã tạo tác các hành thân, ngữ, ý đều

thiện. Do nhân duyên hành thiện như thế, nên sau khi mạng chung được sinh vào các nẻo thiện như sinh lên các cõi trời. Nên biết loại Bồ-đặc-già-la như vậy, ví như có người từ ghế này hướng đến ghế khác, từ tòa đi đến tòa, từ kiệu xe đi đến kiệu xe, từ ngựa sang ngựa, từ voi sang voi, từ cung điện này đi đến cung điện kia. Dựa nơi thân giàu sang tạo tác các hành thiện cũng lại như thế. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng đi đến chỗ sáng.s

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*1. Có những kẻ nghèo hèn
 Không tâm tin, giận dữ
 Xan tham, ưa tạo ác
 Thích vọng tưởng, tà kiến.
 Thấy Sa-môn, Phạm chí
 Bực đủ giới, đã vãn
 Không kính còn chê mắng
 Nói ta không cúng thí.
 Chê thí nhận vật thí
 Họ theo nghiệp sinh tử
 Đọa nẻo ác: địa ngục
 Là từ tối đến tối.*

*2. Có những kẻ bản thiện
 Có tâm tin, không giận
 Đủ hổ thẹn, chánh kiến
 Ưa thí, lìa xan tham.
 Thấy Sa-môn, Phạm chí
 Bực đủ giới, đã vãn
 Vui mừng cùng đón tiếp
 Cung kính và cúng dường.
 Khen thí, nhận vật thí
 Họ theo nghiệp sinh tử*

*Sinh nẻo thiện: cõi trời
Là từ tối đến sáng.*

*3. Có những kẻ giàu sang
Không tin, lại giận dữ
Xan tham, ưa tạo ác
Thích vọng tưởng, tà kiến.
Thấy Sa-môn, Phạm chí
Bạc đãi giới, đa văn
Không kính còn chê trách
Nói ta không cúng thí.
Chê thí, nhận vật thí
Họ theo nghiệp sinh tử
Đọa nẻo ác: địa ngục
Là từ sáng đến tối.*

*4. Có những người giàu sang
Có tâm tin, không giận
Đủ hổ thẹn, chánh kiến
Ưa thí, lìa xan tham.
Thấy Sa-môn, Phạm chí
Bạc đãi giới, đa văn
Vui mừng đến đón tiếp
Cung kính và cúng dường.
Khen thí, nhận vật thí
Họ theo nghiệp sinh tử
Sinh nẻo thiện: cõi trời
Là từ sáng đến sáng.*

*

* **Bốn Bồ-đặc-già-la tự làm khổ v.v...:** 1. Bồ-đặc-già-la tự làm khổ mình, không làm khổ kẻ khác. 2. Bồ-đặc-già-la làm khổ kẻ khác,

không tự làm khổ mình. 3. Bồ-đặc-già-la tự làm khổ mình cũng làm khổ kẻ khác. 4. Bồ-đặc-già-la không tự làm khổ mình cũng không làm khổ kẻ khác.

1. Thế nào là Bồ-đặc-già-la tự làm khổ mình, không làm khổ kẻ khác?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Thế gian có một loại Bồ-đặc-già-la thọ trì khổ hạnh, tự sống theo nẻo xấu ác, như lửa thê, không dùng y phục, không ở nơi nhà cửa, dùng tay bốc ăn, vốc uống, không cần đồ đựng. Khi thọ dụng thức ăn uống thì ngồi chung nơi đồng đao, gậy, nồi chảo, bồn chậu. Không phải là chó nhưng cứ ngồi trước cửa để chờ nhận thức ăn, không kẻ ruồi bu kiến đậu, bắt kẻ ướp tạp hay bị vỡ nát, không cần buộc cột hay che đậy v.v... Người trao cho thức ăn uống cũng không nói đến đây, thoái lui hay dừng lại. Hạng người này chỉ nhận thức ăn từ những người không phải là người nữ mang thai, không phải đàn bà mới sinh đẻ, không phải là đàn bà cho con bú. Họ không tạo ra cũng không làm hư hoại vật gì. Họ không ăn thịt, không ăn cá hay thịt phơi khô, không uống rượu, không uống các thứ nước uống, hoặc không uống gì cả. Hoặc ăn một lần, hai lần, ba lần, bốn, năm, sáu, bảy lần. Hoặc chỉ xin ăn nơi một nhà, nơi hai nhà, ba nhà, hoặc bốn, năm, sáu, bảy nhà. Hoặc ăn một năm, hoặc hai năm, ba, bốn, năm, sáu, bảy năm. Hoặc ăn cách một ngày, cách hai ngày, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, hoặc cách nửa tháng hay một tháng ăn một lần. Hoặc ăn rau cỏ, hoặc ăn cỏ lúa, hoặc ăn phân bò, hoặc ăn trái cây, hoặc ăn vỏ trấu, lúa lép, hay ăn gạo tẻ, hoặc ăn lúa mạch, hoặc ăn các thứ đậu, hoặc ăn các thứ rễ cây,, trái cây nơi đồng trống vắng, cho đến hoặc ăn các thứ quả rơi lá rụng v.v... Những kẻ tuy có y phục nhưng là mặc sô gai, vải thưa xấu hay cỏ tranh, cỏ bò, hoặc mặc thứ lụa, hay áo vải thô bằng lông, hoặc len dạ dệt bằng bông, hay mặc da thú, hay lông chim, hoặc dùng các sợi tre đan nhau, hoặc dùng vỏ cây.

Có người để tóc dài, hoặc cuộn tóc buộc trên đầu, hoặc búi lại thành những búi nhỏ lớn. Có người thì cạo tóc để râu, có người lại cạo râu để tóc, hoặc râu tóc cùng để, hoặc tóc râu cùng cạo sạch. Có người không cạo mà nhổ, hoặc chỉ nhổ tóc, hoặc chỉ nhổ râu, hoặc râu tóc đều nhổ cả. Có người thường đưa hai tay lên trời, kẻ thì luôn đứng yên với một chân, có kẻ chỉ thích đứng mãi, hoặc dựa vào giường tòa, hoặc ngồi xồm v.v... để tu khổ hạnh. Hoặc nằm trên gai, hoặc nằm trên tro, hoặc dựa vào khúc chày, hoặc dựa trên tấm ván, hoặc dùng phân bò trát trên đất rồi nằm lên. Hoặc có người thích thờ lửa, cho đến mỗi ngày cúng lạy ba lần. Có người thích nằm trên nước mỗi ngày ngâm mình đến ba lần. Có kẻ co một chân mà đi, theo ngày đổi chân khác. Vô số các hành gắng sức chịu khổ cùng khổ, tự làm khổ như thế. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la tự làm khổ mình, không làm khổ kẻ khác.

Do đâu loại Bồ-đặc-già-la như thế gọi là tự làm khổ mình, không làm khổ kẻ khác? Do họ tự làm khổ mình là để tự sinh sống, nên được gọi tên như thế.

2. Thế nào là Bồ-đặc-già-la làm khổ kẻ khác, không tự làm khổ mình?

Đáp: Như những kẻ mổ giết dê, heo, gà, vịt v.v..., hoặc bắn chim, bắt cá, hoặc săn thú, hoặc làm giặc, hoặc là kẻ cầm đầu việc thái thịt làm nem chả, hoặc làm nghề yếm mạch, hoặc làm kẻ cai ngục, hoặc nấu thịt chó, hoặc đặt bẫy giăng lưới. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la làm khổ kẻ khác, không tự làm khổ mình.

Do đâu loại Bồ-đặc-già-la như thế gọi là làm khổ kẻ khác, không tự làm khổ mình? Do họ làm khổ kẻ khác là để tự sinh sống, nên được gọi tên như thế.

3. Thế nào là Bồ-đặc-già-la tự làm khổ mình cũng làm khổ kẻ khác?

Đáp: Như có vị vua làm chủ việc tế lễ, khi muốn cúng tế trước hết trong nội thành phải xây dựng đàn tràng để cúng tế, dùng các thứ

dầu, tô bôi thoa khắp thân, xỏ tóc để lộ đỉnh đầu, mình mặc lớp da nai đen, tay cầm sừng nai xoa chà khắp phần thân. Hoặc khi cúng tế lửa, hoặc khi tế trời, ở nơi đàn tràng tự nhin đối, tự chịu khổ, dùng chất vàng hòa với sữa bò mẹ đang cho con bú tạo nên một thứ sữa đặc biệt để cúng thần lửa và tế trời. Sau vị chủ tế đến vua, hoàng hậu, các vị đại thần tể tướng, còn lại là đám bà con thân thích. Trong đàn tràng cúng tế như thế đã giết hại vô số các loài súc sinh như bò, trâu, trâu mẹ, trâu nghé, các thứ gà, vịt, heo, dê, trách mắng xử phạt, đe dọa đám hầu cận thân thuộc, khiến họ phải khóc lóc, buồn lo, sầu khổ. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la tự làm khổ mình cũng làm khổ kẻ khác.

Do đâu loại Bồ-đặc-già-la như thế gọi là tự làm khổ mình cũng làm khổ kẻ khác? Do họ làm như thế là để tự sinh sống, nên được gọi tên như thế.

4. Thế nào là Bồ-đặc-già-la không tự làm khổ mình cũng không làm khổ kẻ khác?

Đáp: Đó là chư Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm, xuất hiện nơi thế gian giảng nói chánh pháp mở bày chỉ rõ các pháp đầu, giữa, sau đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần nhất viên mãn, phạm hạnh trong trắng. Các hàng thiện nam thiện nữ được nghe các pháp đó đều khởi tâm tin thanh tịnh. Khi đã tin tưởng thanh tịnh thì khởi suy nghĩ: Đời sống tại gia luôn bị nhiều thứ phiền não cấu uế bức bách như chốn ngục tù. Nếu xuất gia thì lìa các thứ huyên não ồn tạp, đi vào chốn rộng lớn như hư không. Kẻ ái nhiễm gia đình thì không thể cả đời siêng năng tu tập, hành trì phạm hạnh thuần nhất viên mãn. Vì thế ta nay do chánh tín, nên cạo bỏ râu tóc, mặc cà sa, lìa dứt đời sống gia đình, gia nhập vào hàng ngũ xuất gia hành đạo. Đã suy nghĩ rồi thì các thứ của cải, địa vị, thân thuộc hoặc ít hoặc nhiều thấy đều lìa bỏ. Lại do tín tâm cạo bỏ râu tóc, mặc cà sa, xa lìa gia đình, chính thức hành pháp xuất

gia, thọ trì tịnh giới, siêng năng giữ gìn các luật nghi biệt giải, phép tắc tuân hành đều viên mãn, nên với một lỗi lầm bé nhỏ cũng hết sức sợ hãi. Đối với các Học xứ đều có thể thọ học đầy đủ.

Lìa hẳn việc giết hại sinh mạng, bỏ hẳn các thứ đao gậy, có hồ có thẹn, đủ từ đủ bi, hết lòng thương xót các hữu tình, thấp nhất như trứng kiến cũng trọn không gây tổn hại, vì đã hoàn toàn xa lìa pháp hại sinh mạng.

Lìa không cho mà lấy, có thể hành thí, ưa bố thí. Nếu là vật tịnh thí thì nên biết lượng mà thọ nhận. Đối với các vật dụng hiện có không sinh nhiễm vướng. Luôn thâm giữ tự Thể thanh tịnh, không tội lỗi, vì đã hoàn toàn xa lìa pháp không cho mà lấy.

Lìa phi phạm hạnh, luôn tu phạm hạnh cùng các hành cao xa, vi diệu, tâm luôn thanh khiết, bỏ hẳn pháp sinh khởi dâm dục xú uế, vì đã hoàn toàn xa lìa pháp phi phạm hạnh.

Lìa bỏ nói dối, luôn thích nói lời chân thật, nói lời đúng đắn, lời đáng tin, lời có thể thừa nhận, lời không tranh cãi với đời, vì đã hoàn toàn xa lìa pháp nói lời hư dối.

Lìa bỏ nói lời ly gián, không phá hoại kẻ khác. Không nghe lời kẻ kia, vì phá hoại nên hướng đến kẻ này để nói. Cũng không nghe lời kẻ này, vì phá hoại nên hướng đến kẻ kia để nói. Luôn thích tạo hòa hợp đối với kẻ bị chia lìa. Những kẻ đã thuận hợp thì khiến được bền chắc. Luôn vui thích nói lời hòa hợp đối với kẻ khác, không nói lời phá hoại vì đã hoàn toàn xa lìa pháp nói lời ly gián.

Lìa bỏ lời nói thô ác, ngôn ngữ phát khởi không hề thô dữ, cũng không khỗ sở khiến kẻ khác giận trách, cũng khiến cho nhiều người không mến, không thích, không mừng, không vui v.v... làm chướng ngại sự tu tập các pháp định. Đối với những lời nói thô ác như thế đều có thể đoạn dứt. Chỉ nên nói những lời ôn tồn, êm dịu, hợp ý, vui vẻ, khéo léo, trọn vẹn. Lại nói lời rõ ràng, dễ hiểu, khiến mọi người vui

thích nghe, không vương mắc, không tận cùng, khiến các hữu tình đều yêu thích, vui mừng, có thể khiến tu tập các pháp đẳng trì, đẳng dẫn. Nơi các lời nói tốt đẹp như vậy luôn vui thích phát khởi, vì đã hoàn toàn xa lìa pháp nói lời thô ác.

Lìa bỏ lời nói ướ tập. Phạm ngôn ngữ nêu bày phải đúng lúc đúng nơi, hợp pháp, hợp nghĩa, có thật có chân, có thể đạt được tịch tĩnh, có thứ lớp, có phạm vi thực hiện, đúng lý đúng phép, không ướ tập, có thể dẫn đến nghĩa lợi. Vì đã hoàn toàn xa lìa pháp nói lời ướ tập.

Cũng xa lìa các việc buôn bán, tráo đấu, sửa cân, gian lận nơi việc cân, đong. Trợn không nuôi giữ các loài súc sinh như voi, ngựa, bò, trâu, lừa, gà, heo, chó v.v..., cả đến những nô tỳ giúp việc, đầy tớ, hoặc nam nữ lớn bé kết làm bạn bè thân thuộc. Cũng không nhận giữ chứa cất lúa thóc, đậu nếp v.v..., cho đến các vật báu như vàng bạc v.v... Không ăn phi thời, chỉ ăn ngày một bữa. Không đúng chỗ, đúng lúc thì trợn không du hành. Khi nói năng hoặc im lặng đều không khiến sinh luận bàn chê trách. Y phục thì biết đủ, chỉ cốt để che thân. Ăn uống thì biết đủ là để dứt trừ đói khát. Phạm khi du hóa hay dừng nghỉ thì y bát luôn ở bên mình, như loài chim bay hay đậu đôi cánh vẫn không rời thân.

Do các việc như thế, nên người ấy đã thành tựu được giới uẩn, luôn kín đáo gìn giữ căn môn, an trụ nơi chánh niệm. Từ sức của chánh niệm nên ngăn giữ được tâm mình. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết các pháp v.v..., không chấp giữ nơi tướng, không vương vào các thứ đẹp đẽ tùy theo. Nơi những trường hợp như thế luôn trụ nơi luật nghi gốc, phòng hộ các pháp ác bất thiện như tham, ưu, hoàn toàn không khiến theo tâm sinh trưởng. Người ấy do giới uẩn nên đã giữ kín căn môn, mọi việc xem nhìn, tới lui, mở thân, cúi đầu ngẩng mặt, đắp y mang bát v.v... đều trụ vào chánh niệm, chánh tri. Do người này đã thành tựu được giới uẩn thanh tịnh, căn môn luôn được phòng hộ theo chánh niệm chánh tri,

cho nên tùy chốn dừng trụ như thành ấp, thôn xóm, từ sáng sớm khi đắp y mang bát là đã phòng giữ các căn an trụ nơi chánh niệm, oai nghi đĩnh đạc, thứ lớp khát thực. Khát thực xong trở về trụ xứ, ăn xong thì thâm giữ bát, rửa tay chân sạch sẽ, xong rồi mang tọa cụ đến nơi A-lan-nhã hoặc chốn núi non, đồng vắng, tránh xa các loài hữu tình ác, bỏ các thứ ngoạ cụ, hoặc trụ nơi yên tĩnh, những nơi chỉ có hàng phi nhân trú ngụ, hoặc đến bên gốc cây, trải tọa cụ ngồi kiết già, thân thật thẳng. Bấy giờ bỏ hết mọi thứ duyên dựa trụ nơi niệm đối diện, tâm luôn chuyên chú liả bỏ các tham, sân, hôn trầm, thù miên, trạo cử, ô tác, nghi hoặc do dự. Các thứ tùy phiền não đó có thể ngăn ngại phẩm thiện khiến sức của trí tuệ suy kém, không thể chứng Niết-bàn, phải ở mãi nơi sinh tử. Do đây phải liả bỏ pháp bất thiện dục ác cho đến được trụ nơi tĩnh lự thứ tư. Người ấy do tâm định thù thắng như thế, nên liả các thứ tùy phiền não trở nên trắng trong, không chút cấu uế, hòa dịu, nên có thể trụ vào vô động, tâm luôn hướng đến, có thể chứng đắc trí kiến lậu tận giác ngộ sáng rõ. Có thể thấy biết đúng như thật: Đây là khổ Thánh đế, đây là tập Thánh đế, đây là diệt Thánh đế, đây là đạo Thánh đế. Do biết như thế, thấy như thế, nên tâm giải thoát khỏi các dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Khi đã giải thoát rồi thì tri kiến như thật: Nẻo sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la không tự làm khổ mình, cũng không làm khổ kẻ khác.

Do đâu loại Bồ-đặc-già-la như thế gọi là không tự làm khổ mình cũng không làm khổ kẻ khác? Do họ làm như thế là để tự sinh sống, nên được gọi tên như thế.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 10

Phẩm 5: BỐN PHÁP, phần 5

* **Bốn hành ác của lời nói:** 1. Nói lời hư dối. 2. Nói lời ly gián. 3. Nói lời thô ác. 4. Nói lời uế tạp.

1. *Thế nào là hành ác của nói lời hư dối?*

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có kẻ nói lời hư dối: Hoặc ở trước chỗ cần thành thật, hoặc ở giữa đại chúng, hoặc ở trước nhà vua, hoặc ở tại quan tòa, hoặc ở tại nhà bạn thân, vì khiến làm chứng nên có lời hỏi: “Này thiện nam! Ông nên tự nhớ nghĩ! Nếu biết thì nói, không biết thì đừng nói. Nếu thấy thì nói, không thấy thì chớ nên nói”. Người kia khi được hỏi về điều ấy, không biết nói là biết, hoặc biết nói là không biết. Không thấy nói là thấy, hoặc thấy nói là không thấy. Người kia hoặc tự làm, hoặc lại vì người khác, hoặc vì tiền của, quyền lợi, nên tuy biết đúng biết rõ nhưng lại nói lời hư dối, không lia bỏ nói lời hư dối.

Ở đây:

Có kẻ nói lời hư dối: Nghĩa là kẻ không lia bỏ lời nói hư dối, kẻ không đoạn trừ lời nói hư dối, kẻ không chán ghét lời nói hư dối, kẻ luôn trụ nơi lời nói hư dối, kẻ đã hoàn thành lời nói hư dối. Đó gọi là có kẻ nói lời hư dối.

Hoặc ở trước chỗ cần thành thật: Nghĩa là như ở chốn thôn xóm cần thành thật. Hoặc ở nơi thành ấp cần thành thật. Hoặc ở nơi các nước lớn nhỏ cần thành thật. Các nơi chốn cần thành thật như thế, hoặc gặp gỡ, hoặc hòa hợp, hoặc hiện tiền. Đó gọi là ở trước chỗ cần thành thật.

Hoặc ở giữa đại chúng: Nghĩa là như trước chúng Sát-đế-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, hoặc chúng Sa-môn v.v... Các đại chúng như vậy hoặc gặp gỡ, hoặc hòa hợp, hoặc hiện tiền. Đó gọi là hoặc ở giữa đại chúng.

Hoặc ở trước nhà vua: Nghĩa là có quốc vương, các đại thần vây quanh, hoặc gặp gỡ, hoặc hòa hợp, hoặc hiện tiền. Đó gọi là hoặc ở trước nhà vua.

Hoặc ở tại quan tòa: Nghĩa là những người nắm giữ pháp luật tụ tập, thảo luận, hoặc gặp gỡ, hoặc hòa hợp, hoặc hiện tiền. Đó gọi là hoặc ở tại quan tòa.

Hoặc ở tại nhà bạn thân: Nghĩa là các bạn thân tụ tập để bàn luận, hoặc gặp gỡ, hoặc hòa hợp, hoặc hiện tiền. Đó gọi là hoặc ở tại nhà bạn thân.

Vì khiến làm chứng nên có lời hỏi: Nghĩa là khuyên thỉnh người ấy nên nói lời thành thật chắc chắn, nhằm quyết đoán về phải trái nên cùng hỏi kỹ: “Này thiện nam! Ông nên tự nhớ nghĩ! Nếu biết thì nói, không biết thì đừng nói. Nếu thấy thì nói, không thấy thì chớ nên nói”: Nghĩa là khiến nên nhớ nghĩ đúng cảnh vật đã nhận ở trước dựa nơi sự thật mà nói, có thể làm minh chứng nên khuyên bảo: Nếu đối với sự việc ấy, đã thấy đã nghe đã hiểu đã biết thì có thể nêu bày, kiến lập chỉ rõ. Còn nếu đối với sự việc ấy không thấy không nghe không hiểu không biết thì chớ nêu bày, kiến lập sai lầm. Vì thế nên nói: “Này thiện nam! Ông nên tự nhớ nghĩ! Nếu biết thì nói, không biết thì đừng nói. Nếu thấy thì nói, không thấy thì chớ nên nói”.

Người kia khi được hỏi về điều ấy, không biết nói là biết, hoặc biết nói là không biết. Không thấy nói là thấy, hoặc thấy nói là không thấy: Ở đây: *Không biết nói là biết:* Nghĩa là các điều nhĩ thức nhận được, nhĩ thức hiểu biết được gọi là nghe biết. Thật ra nhĩ thức của người kia chưa nghe, chưa rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự tiếp nhận nghe biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy để nói là tôi đã nghe. Đây cùng gọi là không biết nói là biết.

Hoặc biết nói là không biết: Nghĩa là nhĩ thức của người đó đã nhận lấy, đã hiểu rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự tiếp nhận nghe biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy để nói là tôi không nghe. Đây cùng gọi là hoặc biết nói là không biết.

Không thấy nói là thấy: Nghĩa là các điều nhãn thức nhận được, nhãn thức hiểu biết được gọi là thấy biết. Thật ra nhãn thức của người kia chưa thấy, chưa rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự tiếp nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy để nói là tôi đã thấy. Như thế gọi là không thấy nói là thấy.

Hoặc thấy nói là không thấy: Nghĩa là nhãn thức của người đó đã nhận lấy, đã hiểu rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự tiếp nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy để nói là tôi không thấy. Như thế gọi là hoặc thấy nói là không thấy.

Người kia hoặc tự làm, hoặc lại vì người khác, hoặc vì tiền của, quyền lợi, nên tuy biết đúng biết rõ nhưng lại nói lời hư dối: Ở đây: *Người kia hoặc tự làm:* Như có một loại người tự hành trộm cướp và bị bắt giải lên vua. Vua đích thân tra hỏi: “Này gã kia! Chính ngươi đã trộm cướp những vật này phải không?”. Người ấy nghĩ thầm: “Ta nếu thừa thật thì vua nhất định giận dữ, phạt tội nặng, hoặc bị đánh đập, cùm trói, hoặc bị đuổi ra khỏi nước, hoặc bị tịch thu tài sản, hoặc lại bị giết chết. Thế ta nên phải tự che giấu, che giấu tất cả, phải nên nói dối mới mong tránh khỏi hình phạt”. Nghĩ như thế rồi, liền tâu

vua: “Con đối với các vật đó từng không trộm cướp. Mong đại vương sáng suốt thấu soi, con thật sự không phải là kẻ trộm”. Như vậy gọi là người kia hoặc tự làm.

Hoặc lại vì người khác: Như có một loại bạn thân làm việc trộm cướp bị bắt giải lên vua. Vua đích thân tra hỏi nhưng không tìm ra sự thật. Vì muốn có chứng cứ nên vua sai người gọi kẻ kia đến hỏi: “Bạn thân của người thật sự đã làm việc trộm cướp chẳng?”. Người kia nghĩ thầm: “Ta nếu thừa thật thì nhà vua nhất định giận dữ, khiến bạn ta phải chịu hình phạt nặng, hoặc bị đánh đập, cùm trói, hoặc bị đuổi ra khỏi nước, hoặc bị tịch thu tài sản, hoặc lại bị giết chết. Thế ta hãy vì bạn thân nên che giấu, che giấu tất cả, phải nên nói dối mới mong tránh khỏi hình phạt”. Nghĩ như thế rồi, liền tâu vua: “Bạn thân của con đối với các thứ tài sản vật dụng ấy từng không trộm cướp. Mong đại vương sáng suốt thấu soi, anh ấy thật sự không phải là kẻ giặc”. Như vậy gọi là hoặc lại vì người khác.

Hoặc vì tiền của, quyền lợi: Như có một loại người tâm mang tham dục, tự nghĩ: “Ta nên bày đặt những cách thức nói lời hư dối nhằm có được các thứ cảnh giới của sắc, thanh, hương, vị, xúc rất đáng yêu thích. Lại, các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men, cùng tiền của, vật dụng khác”. Suy nghĩ như thế rồi liền ra sức tìm kiếm. Do nhân duyên ấy nên nói lời hư dối. Như vậy gọi là hoặc vì tiền của, quyền lợi.

Biết đúng biết rõ nhưng lại nói lời hư dối: Nghĩa là xét quyết đoán xong, nhưng thường xuyên nêu bày, diễn nói, biểu thị bằng lời nói hư dối. Đó gọi là biết đúng biết rõ nhưng lại nói lời hư dối.

Không lìa bỏ nói lời hư dối: Nghĩa là đối với tâm ác, tâm bất thiện đã khởi, đối với hành ác, hành bất thiện đã gồm thân lời nói hư dối, nhưng không lìa, không đoạn, không chán, không dứt. Ngôn ngữ như thế cứ xướng lên, luận bàn với đủ thứ ngữ âm, ngữ lộ, ngữ nghiệp, ngữ biểu. Đó gọi là hành ác của nói lời hư dối.

2. Thế nào là hành ác của nói lời ly gián?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có kẻ nói lời ly gián, tức là nghe lời nói của người này hướng tới người kia nói để phá hoại người này. Lại nghe lời nói của người kia hướng tới người này nói để phá hoại người kia. Các người hòa hợp thì khiến chống trái, xa lìa. Những người đã trái lìa thì khiến vĩnh viễn cách biệt. Nhiều kẻ ưa thích ly gián, nói lời ly gián, không lìa bỏ nói lời ly gián.

Ở đây:

Có kẻ nói lời ly gián: Nghĩa là kẻ không lìa bỏ lời nói ly gián, kẻ không đoạn trừ lời nói ly gián, kẻ không chán ghét lời nói ly gián, kẻ luôn trụ nơi lời nói ly gián, kẻ đã hoàn thành lời nói ly gián. Đó gọi là có kẻ nói lời ly gián.

Nghe lời nói của người này hướng tới người kia nói để phá hoại người này: Nghĩa là nghe người này nói những lời thuận theo sự phá hoại, không chắc thật, không thấu giữ, không vui mừng, liền đem nói với người kia, khiến người kia nghe rồi liền đối với xứ này chống trái đối nghịch. Đó gọi là nghe lời nói của người này hướng tới người kia nói để phá hoại người này.

Nghe lời nói của người kia hướng tới người này nói để phá hoại người kia: Nghĩa là nghe người kia nói những lời thuận theo sự phá hoại, không chắc thật, không thấu giữ, không vui mừng, liền đem nói với người này, khiến người này nghe rồi liền đối với xứ kia chống trái đối nghịch. Đó gọi là nghe lời nói của người kia hướng tới người này nói để phá hoại người kia.

Các người hòa hợp thì khiến chống trái, xa lìa: Nghĩa là đi đến chỗ người này người kia, lần lượt đều hòa hợp, tùy thuận vui thích không tranh chấp, lại tìm phương tiện để phá hoại, khiến họ trái lìa nhau. Đó gọi là các người hòa hợp thì khiến chống trái, xa lìa.

Những người đã trái lìa thì khiến vĩnh viễn cách biệt: Nghĩa là đi đến chỗ người này người kia đã cùng chống trái, đối nghịch, nói lời như vậy: Tốt lắm! Các ông đã có thể lần lượt chống trái, đối nghịch. Vì sao? Vì các ông nơi đem dài sinh tử lại cùng hủy báng nhau. Lời nói không đủ tín, không đủ giới, văn, xả, tuệ, nên trái lìa nhau luôn là tốt nhất. Những kẻ đây kia nghe rồi thì càng thêm chống trái, đối nghịch. Đó gọi là những người đã trái lìa thì khiến vĩnh viễn cách biệt.

Ưu thích ly gián: Nghĩa là đối với đây kia đã trái lìa, đối nghịch, lại càng sinh vui thích hơn nữa, nên không chán, không bỏ. Đó gọi là ưa thích ly gián.

Nói lời ly gián: Nghĩa là luôn nêu bày, diễn nói, biểu thị bằng mọi ngôn ngữ ly gián. Đó gọi là nói lời ly gián.

Không lìa bỏ nói lời ly gián: Nghĩa là đối với tâm ác, tâm bất thiện đã khởi, đối với hành ác, hành bất thiện đã gồm thâu lời nói ly gián, nhưng không lìa, không đoạn, không chán, không dứt. Ngôn ngữ như thế xú xướng lên, luận bàn với đủ thứ ngữ âm, ngữ lộ, ngữ nghiệp, ngữ biểu. Đó gọi là hành ác của nói lời ly gián.

3. Thế nào là hành ác của nói lời thô ác?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có kẻ nói lời thô ác, tức là khi kẻ ấy phát ngôn có thể gây sàu não, gây bứt rứt khó chịu, khiến người khác phải khổ sở, phải giận dữ. Chúng sinh không yêu, không thích, không vui, không mừng, khiến tâm nhiễu loạn, có thể gây chướng ngại cho việc tu tập thiền định, vì luôn nói lời thô ác, không lìa bỏ nói lời thô ác.

Ở đây:

Có kẻ nói lời thô ác: Nghĩa là kẻ không lìa bỏ lời nói thô ác, kẻ không đoạn trừ lời nói thô ác, kẻ không chán ghét lời nói thô ác, kẻ luôn trụ nơi lời nói thô ác, kẻ đã hoàn thành lời nói thô ác. Đó gọi là có kẻ nói lời thô ác.

Khi kẻ ấy phát ngôn có thể gây sầu não: Nghĩa là những lời nói ra đều thô bỉ, cấu ứ, hung dữ.

Gây bứt rứt khó chịu: Nghĩa là những lời nói ra không linh hoạt, dẹt dẹt, cũng không thuận hợp.

Khiến người khác phải khổ sở: Nghĩa là những lời nói ra khiến người nghe không có lợi ích, vui vẻ.

Khiến người khác phải giận dữ: Nghĩa là những lời nói ra trước hết tự mình đã tức giận, sầu não, lo buồn, lại cũng khiến người khác tức giận, sầu não, lo buồn.

Chúng sinh không yêu, không thích, không vui, không mừng: Nghĩa là những lời nói ra khiến nhiều hữu tình đều không yêu, không thích, không vui, không mừng.

Khiến tâm nhiễu loạn: Nghĩa là những lời nói ra khiến tâm xáo động, đục loạn, không được an định.

Có thể gây chướng ngại cho việc tu tập thiền định: Nghĩa là những lời nói ra khiến người khác nghe rồi thì tâm trí loạn động, không được yên tĩnh.

Nói lời thô ác: Nghĩa là thường nêu bày, diễn nói, biểu thị ngôn ngữ thô ác.

Không lìa bỏ nói lời thô ác: Nghĩa là đối với tâm ác, tâm bất thiện đã khởi, đối với hành ác, hành bất thiện đã gồm thâu lời nói thô ác, nhưng không lìa, không đoạn, không chán, không dứt. Ngôn ngữ như thế cứ xướng lên, luận bàn với đủ thứ ngữ âm, ngữ lộ, ngữ nghiệp, ngữ biểu. Đó gọi là hành ác của nói lời thô ác.

4. Thế nào là hành ác của nói lời ứ tạp?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có kẻ nói lời ứ tạp, tức là lời nói không đúng lúc, lời nói không đúng sự thật, lời nói

không chân chánh, lời nói không đúng pháp, lời nói không nghĩa lý, lời nói không tịch tĩnh, lời nói không thí dụ, không giải thích, không tương ưng, không cùng gần gũi, chỉ tạp loạn, không phép tắc, có thể dẫn đến vô nghĩa, vì nói lời ướ tập, không lia bỏ nói lời ướ tập.

Ở đây:

Có kẻ nói lời ướ tập: Nghĩa là kẻ không lia bỏ lời nói ướ tập, kẻ không đoạn trừ lời nói ướ tập, kẻ không chán ghét lời nói ướ tập, kẻ luôn trụ nơi lời nói ướ tập, kẻ đã hoàn thành lời nói ướ tập. Đó gọi là có kẻ nói lời ướ tập.

Lời nói không đúng lúc: Nghĩa là những lời nói ra là trái thời không đúng lúc, không phải tiết, không đúng tiết, không phải phần, không đúng phần.

Lời nói không đúng sự thật: Nghĩa là những lời nói ra không thành thật, không đúng sự thật.

Lời nói không chân chánh: Nghĩa là những lời nói ra là hư vọng, dối khác.

Lời nói không đúng pháp: Nghĩa là những lời nói ra được nêu rõ, hiển bày, biểu thị, mở dẫn toàn là những việc phi pháp.

Lời nói không đúng lý: Nghĩa là những lời nói ra cũng như trên, toàn là sự việc vô nghĩa.

Lời nói không tịch tĩnh: Nghĩa là những lời nói ra thường xuyên là nêu bày các thứ ồn ào, tạp loạn.

Lời nói không thí dụ: Nghĩa là những lời nói ra đều không có thí dụ.

Không giải thích: Nghĩa là các lời nói ra không có giải thích.

Không tương ưng: Nghĩa là các lời nói ra nghĩa không ứng hợp với văn, văn không ứng hợp với nghĩa.

Không cùng gân gũ: Nghĩa là các lời nói ra trước sau không tương tục, hoặc ý nghĩa có khác.

Chỉ tạp loạn: Nghĩa là các lời nói ra đều bất nhất, không định. Nếu những lời nói ra thuần nhất, quyết định, thì gọi là lời nói không tạp loạn.

Không phép tắc: Nghĩa là các lời nói ra vượt ngoài khuôn khổ của Tổ-đát-lãm, Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma.

Có thể dẫn đến vô nghĩa: Nghĩa là các lời nói ra có thể dẫn đến vô số những sự việc không có lợi ích.

Nói lời ướ tap: Nghĩa là thường nêu bày, diễn nói, biểu thị những ngôn ngữ ướ tap.

Không lìa bỏ nói lời ướ tap: Nghĩa là đối với tâm ác, tâm bất thiện đã khởi, đối với hành ác, hành bất thiện đã gồm thâu lời nói ướ tap, nhưng không lìa, không đoạn, không chán, không dứt. Ngôn ngữ như thế cứ xướng lên, luận bàn với đủ thứ ngữ âm, ngữ lộ, ngữ nghiệp, ngữ biểu. Đó gọi là hành ác của nói lời ướ tap.

*

*** Bốn hành diệu của lời nói:** 1. Lìa nói lời hư dối. 2. Lìa nói lời ly gián. 3. Lìa nói lời thô ác. 4. Lìa nói lời ướ tap.

1. Thế nào là hành diệu lìa nói lời hư dối?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có người đã đoạn trừ, lìa bỏ nói lời hư dối: Nghĩa là nói lời đúng thật, nói lời vui thích sự thật, có thể tin, có thể giữ, có thể trụ nơi thế gian không tranh chấp. Nói những lời như thế là lìa bỏ nói lời hư dối.

Ở đây:

Có người đã đoạn trừ, lìa bỏ nói lời hư dối: Nghĩa là người đã đoạn trừ, lìa bỏ, chán ghét nói lời hư dối, người đã an trụ nơi sự việc

lia bỏ nói lời hư dối, thành tựu sự việc lia bỏ nói lời hư dối. Đó gọi là có người đã đoạn trừ, lia bỏ nói lời hư dối.

Nói lời đúng thật: Nghĩa là những lời nói ra là thật, không phải là không thật, là chân chánh, không phải là không chân chánh, không hư vọng, không dối khác. Đó gọi là nói lời đúng thật.

Vui thích sự thật: Nghĩa là vui thích nói lời đúng thật, yêu mến nói lời đúng thật, không chán không bỏ. Đó gọi là vui thích sự thật.

Có thể tin, có thể giữ, có thể trụ nơi thế gian không tranh chấp: Nghĩa là do lời nói đúng thật, nên hoặc là chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc các hàng trời, người, chúng sinh khác nơi thế gian đều cùng tin giữ, an trụ không tranh cãi.

Nói những lời như thế: Nghĩa là luôn nêu bày, diễn nói, biểu thị lời nói không hư dối.

Lìa bỏ nói lời hư dối: Nghĩa là đối với tâm thiện, tâm điều thuận đã khởi, đối với hành thiện, hành điều thuận đã gồm thâu sự việc lìa bỏ nói lời hư dối, nên không còn sự việc “không lìa không đoạn, không chán không dứt”. Ngôn ngữ như thế để nêu xướng, luận bàn với đủ thứ ngữ âm, ngữ lộ, ngữ nghiệp, ngữ biểu. Đó gọi là hành diệu lìa bỏ nói lời hư dối.

2. Thế nào là hành diệu lìa bỏ nói lời ly gián?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có người đã đoạn trừ, lìa bỏ nói lời ly gián: Nghĩa là không muốn phá hoại, nên không nghe lời người này hướng tới người kia nói để phá hoại người này. Không nghe lời người kia hướng tới người này nói để phá hoại người kia. Những người chống trái lìa nhau thì khiến họ hòa hợp. Những người đã hòa hợp thì khiến vĩnh viễn bền chắc, yêu thích hòa hợp. Nói những lời như thế là lìa bỏ nói lời ly gián.

Ở đây:

Có người đã đoạn trừ, lia bỏ nói lời ly gián: Nghĩa là người đã đoạn trừ, lia bỏ, chán ghét nói lời ly gián, người đã an trụ nơi sự việc lia bỏ nói lời ly gián, thành tựu sự việc lia bỏ nói lời ly gián. Đó gọi là có người đã đoạn trừ, lia bỏ nói lời ly gián.

Không muốn phá hoại: Nghĩa là muốn hòa hợp.

Không nghe lời người này hướng tới người kia nói để phá hoại người này: Nghĩa là khi nghe người này nói những lời hợp với sự phá hoại, hợp với sự không chắc thật, hợp với sự không thấu giữ, hợp với sự không vui v.v..., tức không hướng tới người kia nói, chớ nên để người kia nghe rồi nhân đây sinh đối nghịch chống trái. Đó gọi là không nghe lời người này hướng tới người kia nói để phá hoại người này.

Không nghe lời người kia hướng tới người này nói để phá hoại người kia: Nghĩa là khi nghe người kia nói những lời hợp với sự phá hoại, hợp với sự không chắc thật, hợp với sự không thấu giữ, hợp với sự không vui v.v..., tức không hướng tới người này nói, chớ nên để người này nghe rồi nhân đây sinh đối nghịch chống trái. Đó gọi là không nghe lời người kia hướng tới người này nói để phá hoại người kia.

Những người chống trái lia nhau thì khiến họ hòa hợp: Nghĩa là đi đến chỗ người này, người kia đang đối nghịch chống trái nhau, gắng tìm các phương tiện khiến họ hòa thuận, lại cùng yêu mến, vui thích. Đó gọi là những người chống trái lia nhau thì khiến họ hòa hợp.

Những người đã hòa hợp thì khiến vĩnh viễn bền chắc: Nghĩa là đi đến hai bên, lần lượt hòa hợp, tùy thuận tạo vui thích, không tranh cãi. Nói lời như vậy: Lành thay! Các vị đã có thể cùng hòa hợp, tùy thuận vui thích, không cùng tranh cãi, chống đối. Vì sao? Vì các

vị trong đêm dài sinh tử lại cùng khen ngợi. Lời nói có đủ tin tưởng thanh tịnh, có đủ giới, vãng, xả, tuệ, nên không còn trái chống, là hết sức tốt đẹp. Hai bên nghe xong cùng trở nên hòa hợp, tùy thuận vui thích, lia bỏ hết mọi thứ tranh, chống. Đó gọi là những người đã hòa hợp thì khiến vĩnh viễn bền chắc.

Yêu thích hòa hợp: Nghĩa là đối với hai bên đã hòa thuận, vui thích không tranh cãi thì sinh tâm hết sức yêu thích, không chán, không bỏ. Đó gọi là yêu thích hòa hợp.

Nói những lời như thế: Nghĩa là luôn nêu bày, diễn nói, biểu thị lời nói không ly gián.

Lia bỏ nói lời ly gián: Nghĩa là đối với tâm thiện, tâm điều thuận đã khởi, đối với hành thiện, hành điều thuận đã gồm thâu sự việc lia bỏ nói lời ly gián, nên không còn sự việc “không lia không đoạn, không chán không dứt”. Ngôn ngữ như thế để nêu xướng, luận bàn với đủ thứ ngữ âm, ngữ lộ, ngữ nghiệp, ngữ biểu. Đó gọi là hành diệu lia nói lời ly gián.

3. Thế nào là hành diệu lia nói lời thô ác?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có người đã đoạn trừ, lia bỏ nói lời thô ác: Nghĩa là người ấy khi lên tiếng nói ra không có lỗi lầm, vui tai, hợp tâm ý, cao xa, hơn hẳn, hay đẹp, sáng rõ, dễ hiểu, ưa thích nghe, đáng chuộng, không nương dựa. Chúng sinh đều yêu mến, vui mừng, khiến tâm không loạn, có thể thuận hợp với việc tu tập thiền định. Nói những lời như thế là lia bỏ nói lời thô ác.

Ở đây:

Có người đã đoạn trừ, lia bỏ nói lời thô ác: Nghĩa là người đã đoạn trừ, lia bỏ, chán ghét nói lời thô ác, người đã an trụ nơi sự việc lia bỏ nói lời thô ác, thành tựu sự việc lia bỏ nói lời thô ác. Đó gọi là có người đã đoạn trừ, lia bỏ nói lời thô ác.

Người ấy khi lên tiếng nói ra không có lỗi lầm: Nghĩa là những lời nói ra không quanh co, uế đục, cũng không bướng bỉnh, cứng rắn. Đó gọi là không lỗi lầm.

Vui tai: Nghĩa là những lời nói ra có thể khiến người nghe đạt được lợi ích, an lạc. Đó gọi là vui tai.

Hợp tâm ý: Nghĩa là những lời nói ra khiến tâm trí lìa khỏi mọi thứ ngăn che cùng các tùy phiền não, trụ vào nơi an ổn. Đó gọi là hợp tâm ý.

Cao xa, hơn hẳn: Nghĩa là lời nói nơi thành quách, cung điện. Như người ở trong cung thành nói ra thì có giá trị hơn, tôn quý hơn, đặc biệt hơn lời nói của những người trong các thành ấp khác, nên gọi là cao xa, hơn hẳn. Lìa bỏ nói lời thô ác cũng lại như thế. Vì đối với những lời nói khác, nó là hơn hết, là thượng diệu, thù thắng. Đó gọi là cao xa, hơn hẳn.

Hay đẹp: Nghĩa là lời nói không lược không kín, không ẩn không hiển. Đó gọi là lời nói hay đẹp.

Sáng rõ: Nghĩa là những lời nói ra không gấp, không hoãn.

Dễ hiểu: Nghĩa là những lời nói ra giản dị, có thể nhận biết rõ.

Ưa thích nghe: Nghĩa là những lời nói ra đều dịu dàng, lưu loát, điều thuận.

Đáng chuộng: Nghĩa là những lời nói ra đều đáng nên cúng dường.

Không nương dựa: Nghĩa là những lời nói ra không mong cầu danh lợi.

Chúng sinh đều yêu mến, vui mừng: Nghĩa là những lời nói ra đều khiến đông đảo người nghe đều vui mừng yêu mến.

Khiến tâm không loạn: Nghĩa là những lời nói ra khiến tâm được yên định, không xáo động, cũng không nhiễu loạn vẩn đục.

Có thể thuận hợp với việc tu tập thiền định: Nghĩa là những lời nói ra khiến người khác nghe tâm luôn được yên định như vừa nêu. Đó gọi là có thể thuận hợp với việc tu tập thiền định.

Nói những lời như thế: Nghĩa là luôn nêu bày, diễn nói, biểu thị lời nói không thô ác.

Lìa bỏ nói lời thô ác: Nghĩa là đối với tâm thiện, tâm điều thuận đã khởi, đối với hành thiện, hành điều thuận đã gồm thâu sự việc lìa bỏ nói lời thô ác, nên không còn sự việc “không lìa không đoạn, không chán không dứt”. Ngôn ngữ như thế để nêu xướng, luận bàn, với đủ thứ ngữ âm, ngữ lộ, ngữ nghiệp, ngữ biểu. Đó gọi là hành diệu lìa nói lời thô ác.

4. Thế nào là hành diệu lìa nói lời ướ tạp?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có người đã đoạn trừ, lìa bỏ nói lời ướ tạp: Nghĩa là người ấy nói có lúc, nói đúng thật, nói chân chánh, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói tịch, nói tĩnh, có thí dụ, có giải thích, tương ưng, cùng gần gũi, không tạp loạn, có pháp, có thể dẫn đến nghĩa lợi. Nói những lời như thế là lìa bỏ nói lời ướ tạp.

Ở đây:

Có người đã đoạn trừ, lìa bỏ nói lời ướ tạp: Nghĩa là người đã đoạn trừ, lìa bỏ, chán ghét nói lời ướ tạp, người đã an trụ nơi sự việc lìa bỏ nói lời ướ tạp, thành tựu sự việc lìa bỏ nói lời ướ tạp. Đó gọi là có người đã đoạn trừ, lìa bỏ nói lời ướ tạp.

Người ấy nói có lúc: Nghĩa là những lời nói ra là đúng thời, lìa phi thời, đúng tiết, lìa phi tiết, đúng phần, lìa phi phần.

Nói đúng thật: Nghĩa là những lời nói ra là đúng thật, lìa không đúng thật.

Nói chân chánh: Nghĩa là những lời nói ra không hư vọng, không biến dị.

Nói đúng pháp: Nghĩa là những lời nói ra được nêu rõ, diễn giảng biểu thị mở rộng v.v..., thuần là như pháp.

Nói đúng nghĩa: Nghĩa là những lời nói ra được nêu rõ, diễn giảng biểu thị mở rộng v.v..., thuần là những điều có nghĩa lý.

Nói tịch: Nghĩa là những lời nói ra do các bậc trí đã tư duy từ trước mới nói, không phải đột nhiên nói.

Nói tĩnh: Nghĩa là những lời nói ra không phải là nêu xướng, chỉ bảo ồn ào, huyên não.

Có thí dụ, có giải thích: Tức những lời nói ra có thí dụ, có giải thích.

Tương ứng: Nghĩa là những lời nói ra nghĩa hợp với văn, văn ứng với nghĩa.

Cùng gần gũi: Tức những lời nói ra trước sau nối tiếp, nhất quán, ý nghĩa không khác.

Không tạp loạn: Tức những lời nói ra là thuần nhất, quyết định, gọi là không tạp loạn. Nếu những lời nói ra bất nhất, không quyết định, thì gọi là tạp loạn.

Có pháp: Nghĩa là những lời nói ra không vượt ngoài phạm vi của Tổ-đất-lãm, Tỳ-nại-da và A-tỳ-đạt-ma v.v...

Có thể dẫn đến nghĩa lợi: Tức những lời nói ra có thể dẫn đến vô số sự việc lợi ích.

Nói những lời như thế: Nghĩa là luôn nêu bày, diễn nói, biểu thị lời lời không uế tạp.

Lìa bỏ nói lời uế tạp: Nghĩa là đối với tâm thiện, tâm điều thuận đã khởi, đối với hành thiện, hành điều thuận đã gồm thâu sự việc lìa bỏ nói lời uế tạp, nên không còn sự việc “không lìa không đoạn, không chán không dứt”. Ngôn ngữ như thế để nêu xướng, luận bàn,

với đủ thứ ngữ âm, ngữ lộ, ngữ nghiệp, ngữ biểu. Đó gọi là hành diệu lìa nói lời uế tạp.

*

*** Bốn thứ không phải là Thánh ngôn:** 1. Không thấy nói thấy. 2. Không nghe nói nghe. 3. Không hiểu nói hiểu. 4. Không biết nói biết.

1. Thế nào là không thấy nói thấy, không phải là Thánh ngôn?

Đáp: Khi nhãn thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là thấy. Nhưng có khi nhãn thức thật sự chưa tiếp nhận, chưa hiểu rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã thấy. Như thế gọi là không thấy nói thấy, không phải là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là đã thấy, nhưng khởi tưởng không thấy, lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã thấy. Trường hợp này tuy gọi không phải là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Không thấy nói thấy”, vì thật sự người đó đã thấy.

2. Thế nào là không nghe nói nghe, không phải là Thánh ngôn?

Đáp: Khi nhĩ thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là nghe. Nhưng có khi nhĩ thức thật sự chưa tiếp nhận, chưa hiểu rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã nghe. Như thế gọi là không nghe nói nghe, không phải là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là đã nghe, nhưng khởi tưởng không nghe, lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã nghe. Trường hợp này tuy gọi không phải là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Không nghe nói nghe”, vì thật sự người đó đã nghe.

3. Thế nào là không hiểu nói hiểu, không phải là Thánh ngôn?

Đáp: Khi ba thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là hiểu. Nhưng có khi ba thức thật sự chưa tiếp nhận, chưa hiểu rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã hiểu. Như thế gọi là không hiểu nói hiểu, không phải là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là đã hiểu, nhưng khởi tưởng không hiểu, lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã hiểu. Trường hợp này tuy gọi không phải là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Không hiểu nói hiểu”, vì thật sự người đó đã hiểu.

4. Thế nào là không biết nói biết, không phải là Thánh ngôn?

Đáp: Khi ý thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là biết. Nhưng có khi ý thức thật sự chưa tiếp nhận, chưa hiểu rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã biết. Như thế gọi là không biết nói biết, không phải là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là đã biết, nhưng khởi tưởng không biết, lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã biết. Trường hợp này tuy gọi không phải là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Không biết nói biết”, vì thật sự người đó đã biết.

*

*** Bốn thứ Thánh ngôn:** 1. Không thấy nói không thấy. 2. Không nghe nói không nghe. 3. Không hiểu nói không hiểu. 4. Không biết nói không biết.

1. Thế nào là không thấy nói không thấy, là Thánh ngôn?

Đáp: Khi nhãn thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là thấy. Nhưng có khi nhãn thức thật sự chưa tiếp nhận, chưa hiểu rõ,

người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không thấy. Như thế gọi là không thấy nói không thấy, là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là đã thấy, nhưng lại khởi tưởng không thấy, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không thấy. Như thế tuy gọi là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Không thấy nói không thấy”, vì thật sự người đó đã thấy.

2. Thế nào là không nghe nói không nghe, là Thánh ngôn?

Đáp: Khi nhĩ thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là nghe. Nhưng có khi nhĩ thức thật sự chưa tiếp nhận, chưa hiểu rõ, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không nghe. Như thế gọi là không nghe nói không nghe, là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là đã nghe, nhưng lại khởi tưởng không nghe, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không nghe. Như thế tuy gọi là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Không nghe nói không nghe”, vì thật sự người đó đã nghe.

3. Thế nào là không hiểu nói không hiểu, là Thánh ngôn?

Đáp: Khi ba thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là hiểu. Nhưng có khi ba thức thật sự chưa tiếp nhận, chưa hiểu rõ, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không hiểu. Như thế gọi là không hiểu nói không hiểu, là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là đã hiểu, nhưng lại khởi tưởng không hiểu, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không hiểu.

Như thế tuy gọi là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Không hiểu nói không hiểu” vì thật sự người đó đã hiểu.

4. Thế nào là không biết nói không biết, là Thánh ngôn?

Đáp: Khi ý thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là biết. Nhưng có khi ý thức thật sự chưa tiếp nhận, chưa hiểu rõ, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không biết. Như thế gọi là không biết nói không biết, là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là đã biết, nhưng lại khởi tưởng không biết, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không biết. Như thế tuy gọi là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Không biết nói không biết”, vì thật sự người đó đã biết.

*

** Lại có bốn thứ không phải là Thánh ngôn:* 1. Thấy nói không thấy. 2. Nghe nói không nghe. 3. Hiểu nói không hiểu. 4. Biết nói không biết.

1. Thế nào là thấy nói không thấy, không phải là Thánh ngôn?

Đáp: Khi nhãn thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là thấy. Nhưng có khi nhãn thức thật sự là đã tiếp nhận, đã hiểu rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không thấy. Như thế gọi là thấy nói không thấy, không phải là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là không thấy, nhưng lại khởi tưởng thấy, người này che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không thấy. Như thế tuy gọi không phải là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Thấy nói không thấy”, vì thật sự người đó không thấy.

2. Thế nào là nghe nói không nghe, không phải là Thánh ngôn?

Đáp: Khi nhĩ thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là nghe. Nhưng có khi nhĩ thức thật sự là đã tiếp nhận, đã hiểu rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không nghe. Như thế gọi là nghe nói không nghe, không phải là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là không nghe, nhưng lại khởi tưởng nghe, người này che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không nghe. Như thế tuy gọi không phải là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Nghe nói không nghe”, vì thật sự người đó không nghe.

3. Thế nào là hiểu nói không hiểu, không phải là Thánh ngôn?

Đáp: Khi ba thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là hiểu. Nhưng có khi ba thức thật sự là đã tiếp nhận, đã hiểu rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không hiểu. Như thế gọi là hiểu nói không hiểu, không phải là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là không hiểu, nhưng lại khởi tưởng hiểu, người này che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không hiểu. Như thế tuy gọi không phải là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Hiểu nói không hiểu”, vì thật sự người đó không hiểu.

4. Thế nào là biết nói không biết, không phải là Thánh ngôn?

Đáp: Khi ý thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là biết. Nhưng có khi ý thức thật sự là đã tiếp nhận, đã hiểu rõ, nhưng lại che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không biết. Như thế gọi là biết nói không biết, không phải là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là không biết, nhưng lại khởi tưởng biết, người này che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không biết. Như thế tuy gọi không phải là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Biết nói không biết”, vì thật sự người đó không biết.

*

*** *Lại có bốn Thánh ngôn:*** 1. Thấy nói là thấy. 2. Nghe nói là nghe. 3. Hiểu nói là hiểu. 4. Biết nói là biết.

1. Thế nào là thấy nói là thấy, là Thánh ngôn?

Đáp: Khi nhãn thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là thấy. Nhưng có khi nhãn thức thật sự là đã tiếp nhận, đã hiểu rõ, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã thấy. Như thế gọi là thấy nói là thấy, là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là không thấy, nhưng lại khởi tưởng đã thấy, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không thấy. Như thế tuy gọi là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Thấy nói là thấy”, vì thật sự người đó không thấy.

2. Thế nào là nghe nói là nghe, là Thánh ngôn?

Đáp: Khi nhĩ thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là nghe. Nhưng có khi nhĩ thức thật sự là đã tiếp nhận, đã hiểu rõ, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã nghe. Như thế gọi là nghe nói là nghe, là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là không nghe, nhưng lại khởi tưởng đã nghe, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không nghe.

Như thế tuy gọi là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Nghe nói là nghe”, vì thật sự người đó không nghe.

3. Thế nào là hiểu nói là hiểu, là Thánh ngôn?

Đáp: Khi ba thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là hiểu. Nhưng có khi ba thức thật sự là đã tiếp nhận, đã hiểu rõ, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã hiểu. Như thế gọi là hiểu nói là hiểu, là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là không hiểu, nhưng lại khởi tưởng đã hiểu, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không hiểu. Như thế tuy gọi là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Hiểu nói là hiểu”, vì thật sự người đó không hiểu.

4. Thế nào là biết nói là biết, là Thánh ngôn?

Đáp: Khi ý thức đã tiếp nhận, đã hiểu biết sự việc, gọi là biết. Nhưng có khi ý thức thật sự là đã tiếp nhận, đã hiểu rõ, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi đã biết. Như thế gọi là biết nói là biết, là Thánh ngôn.

Có khi thật sự là không biết, nhưng lại khởi tưởng đã biết, người này không che giấu ý tưởng ấy, không che giấu sự thọ nhận thấy biết ấy, không che giấu sự ngay thật ấy, để nói: Tôi không biết. Như thế tuy gọi là Thánh ngôn, nhưng không gọi “Biết nói là biết”, vì thật sự người đó không biết.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 11

Phẩm 6: NĂM PHÁP, phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại nói với đại chúng: Các Cụ thọ nên biết! Đức Phật đối với *năm pháp* đã tợ khéo thông đạt, hiện Đăng giác rồi, vì các đệ tử tuyên thuyết khai thị. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập, để sau khi Đức Phật diệt độ chớ nên có tranh cãi, chống đối. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, đem lại lợi lạc cho vô lượng hữu tình. Lại thương xót các chúng trời, người ở thế gian, khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Những gì là *năm pháp*? Ở đây có 2 Tụng nêu tổng quát.

**

1. Tụng nêu tổng quát thứ nhất:

*Một: Năm pháp có mười
Là uẩn, thủ, dục diệu
Xan, thú, cái, tài, phược
Kiết trên dưới đều năm.*

Gồm có: Năm uẩn, năm thủ uẩn, năm dục diệu, năm xan, năm thú, năm cái, năm tâm mới sinh khởi, năm tâm bị trói buộc, năm kiết thuận phần dưới, năm kiết thuận phần trên.

*

* **Năm uẩn:** 1. Sắc uẩn. 2. Thọ uẩn. 3. Tưởng uẩn. 4. Hành uẩn. 5. Thức uẩn.

1. Thế nào là sắc uẩn?

Đáp: Nghĩa là các sắc hiện có, hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hay ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc kém hay hơn, hoặc xa hay gần, v.v..., tất cả như thế lược làm một nhóm gọi là sắc uẩn.

2. Thế nào là thọ uẩn?

Đáp: Nghĩa là các thọ hiện có, hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hay ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc kém hay hơn, hoặc xa hay gần, v.v..., tất cả như thế lược làm một nhóm gọi là thọ uẩn.

3. Thế nào là tưởng uẩn?

Đáp: Nghĩa là các tưởng hiện có, hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hay ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc kém hay hơn, hoặc xa hay gần, v.v..., tất cả như thế lược làm một nhóm gọi là tưởng uẩn.

4. Thế nào là hành uẩn?

Đáp: Nghĩa là các hành hiện có, hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hay ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc kém hay hơn, hoặc xa hay gần, v.v..., tất cả như thế lược làm một nhóm gọi là hành uẩn.

5. Thế nào là thức uẩn?

Đáp: Nghĩa là các thức hiện có, hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hay ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc kém hay hơn, hoặc xa hay gần, v.v..., tất cả như thế lược làm một nhóm gọi là thức uẩn.

Ở đây:

1. Các sắc hiện có: Thế nào gọi là các sắc hiện có? Hết thấy các sắc hiện có: Nghĩa là bốn đại chủng đất, nước, lửa, gió và các thứ sắc do bốn đại chúng tạo ra. Như thế gọi là các sắc hiện có. Lại nữa, hết thấy các sắc hiện có, tức là mùi sắc xử và phần sắc thuộc về pháp xử. Như thế gọi là các sắc hiện có.

Hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại: Thế nào là sắc quá khứ? Như các sắc đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã từ tạ đi qua, đã diệt hết, đã lìa biến, là tánh quá khứ, thuộc loại quá khứ, thuộc đời quá khứ. Đó gọi là sắc quá khứ.

Thế nào là sắc vị lai? Như các sắc chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển đổi, chưa hiện chuyển đổi, chưa tụ tập, chưa xuất hiện, là tánh vị lai, thuộc loại vị lai, thuộc đời vị lai. Đó gọi là sắc vị lai.

Thế nào là sắc hiện tại? Như các sắc đang khởi, đang cùng khởi, đang sinh, đang cùng sinh, đang chuyển đổi, đang hiện chuyển đổi, đang tụ tập, đang xuất hiện, đang trụ, đang từ tạ đi qua, đang diệt mất, đang lìa biến, có sự hòa hợp hiện tiền, là tánh hiện tại, thuộc loại hiện tại, thuộc đời hiện tại. Đó gọi là sắc hiện tại.

Hoặc trong hay ngoài: Thế nào là sắc bên trong? Như sắc ở tại đây nối tiếp, đã được không mất, đó gọi là sắc bên trong. Thế nào là sắc bên ngoài? Như sắc ở tại đây nối tiếp, hoặc vốn chưa được, hoặc đã được nhưng bị mất, hoặc có sự nối tiếp khác, hoặc thuộc loại phi tình, đó gọi là sắc bên ngoài. Như thế gọi là hoặc trong hay ngoài.

Hoặc thô hay tế: Thế nào là thiết lập sắc thô, sắc tế? Tức quán đối để thiết lập sắc thô, sắc tế. Sự việc ấy như thế nào?

Nếu quán đối sắc không thấy, có đối, thì sắc có thấy, có đối gọi là thô. Nếu quán đối sắc có thấy, có đối, thì sắc không thấy, có đối

gọi là tế. Nếu quán đối sắc không thấy, không đối, thì sắc không thấy, có đối gọi là thô. Nếu quán đối sắc không thấy, có đối, thì sắc không thấy, không đối gọi là tế.

Nếu quán đối sắc của cõi Sắc thì sắc của cõi Dục gọi là thô. Nếu quán đối sắc của cõi Dục thì sắc của cõi Sắc gọi là tế. Nếu quán đối sắc không hệ thuộc thì sắc của cõi Sắc gọi là thô. Nếu quán đối sắc của cõi Sắc thì sắc không hệ thuộc gọi là tế.

Như thế là thiết lập sắc thô, sắc tế, nên gọi là hoặc thô hay tế.

Hoặc kém hay hơn: Thế nào là thiết lập sắc kém, sắc hơn? Tức quán đối để thiết lập sắc kém, sắc hơn. Sự việc ấy như thế nào?

Nếu quán đối sắc hữu phú vô ký thì sắc bất thiện gọi là kém. Nếu quán đối sắc bất thiện thì sắc hữu phú vô ký gọi là hơn. Nếu quán đối sắc vô phú vô ký thì sắc hữu phú vô ký gọi là kém. Nếu quán đối sắc hữu phú vô ký thì sắc vô phú vô ký gọi là hơn. Nếu quán đối sắc thiện hữu lậu thì sắc vô phú vô ký gọi là kém. Nếu quán đối sắc vô phú vô ký thì sắc thiện hữu lậu gọi là hơn. Nếu quán đối sắc thiện vô lậu thì sắc thiện hữu lậu gọi là kém. Nếu quán đối sắc thiện hữu lậu thì sắc thiện vô lậu gọi là hơn.

Nếu quán đối sắc của cõi Sắc thì sắc của cõi Dục gọi là kém. Nếu quán đối sắc của cõi Dục thì sắc của cõi Sắc gọi là hơn. Nếu quán đối sắc không hệ thuộc thì sắc của cõi Sắc gọi là kém. Nếu quán đối sắc của cõi Sắc thì sắc không hệ thuộc gọi là hơn.

Như thế là thiết lập sắc kém, sắc hơn, nên gọi là hoặc kém hay hơn.

Hoặc xa hay gần: Thế nào là các sắc xa? Nghĩa là các sắc ở quá khứ, vị lai. Thế nào là các sắc gần? Nghĩa là các sắc ở hiện tại. Lại nữa, thế nào là các sắc xa? Như các sắc ở quá khứ không phải là vô gián diệt, hoặc các sắc ở vị lai không phải là hiện tiền khởi, đó gọi là các sắc xa. Thế nào là các sắc gần? Như các sắc ở quá khứ là vô gián

đã diệt, hoặc các sắc ở vị lai là hiện tiền đang khởi, đó gọi là các sắc gần. Như thế gọi là hoặc xa hay gần.

Tất cả như thế lược làm một nhóm: Thế nào là tất cả lược làm một nhóm? Nghĩa là suy xét, tư duy, lượng định, quan sát, tụ tập làm một nhóm.

Gọi là sắc uẩn: Vì sao gọi là sắc uẩn? Vì nơi sắc uẩn này đã hiển bày về sắc, hiển bày về uẩn, hiển bày về thân, hiển bày về sự tích tụ, thế nên gọi là sắc uẩn.

2. *Các thọ hiện có:* Thế nào gọi là các thọ hiện có? Hết thầy các thọ hiện có: Nghĩa là sáu thọ thân. Những gì là sáu? Đó là thọ do nhãn xúc sinh. Các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh. Như thế gọi là các thọ hiện có.

Hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại: Thế nào là thọ quá khứ? Như các thọ đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã từ tạ đi qua, đã diệt mất, đã lìa biến, là tánh quá khứ, thuộc loại quá khứ, thuộc đời quá khứ. Đó gọi là thọ quá khứ.

Thế nào là thọ vị lai? Như các thọ chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển đổi, chưa hiện chuyển đổi, chưa tụ tập, chưa xuất hiện, là tánh vị lai, thuộc loại vị lai, thuộc đời vị lai. Đó gọi là thọ vị lai.

Thế nào là thọ hiện tại? Như các thọ đang khởi, đang cùng khởi, đang sinh, đang cùng sinh, đang chuyển đổi, đang hiện chuyển đổi, đang tụ tập, đang xuất hiện, đang trụ, đang từ tạ đi qua, đang diệt mất, đang lìa biến, có sự hòa hợp hiện tiền, là tánh hiện tại, thuộc loại hiện tại, thuộc đời hiện tại. Đó gọi là thọ hiện tại.

Hoặc trong hay ngoài: Thế nào là thọ bên trong? Như thọ ở tại đây nối tiếp, đã được không mất, đó gọi là thọ bên trong. Thế nào là thọ bên ngoài? Như thọ ở tại đây nối tiếp, hoặc vốn chưa được, hoặc

đã được nhưng bị mất, hoặc có sự nối tiếp khác, đó gọi là thọ bên ngoài. Như thế gọi là hoặc trong hay ngoài.

Hoặc thô hay tế: Thế nào là thiết lập thọ thô, thọ tế? Tức quán đổi để thiết lập thọ thô, thọ tế. Sự việc ấy như thế nào?

Nếu quán đổi thọ không tầm chỉ có tứ, thì thọ có tầm chỉ có tứ gọi là thô. Nếu quán đổi thọ có tầm chỉ có tứ, thì thọ không tầm chỉ có tứ gọi là tế. Nếu quán đổi thọ không tầm không tứ, thì thọ không tầm chỉ có tứ gọi là thô. Nếu quán đổi thọ không tầm chỉ có tứ, thì thọ không tầm không tứ gọi là tế.

Nếu quán đổi thọ của cõi Sắc thì thọ của cõi Dục gọi là thô. Nếu quán đổi thọ của cõi Dục thì thọ của cõi Sắc gọi là tế. Nếu quán đổi thọ của cõi Vô sắc thì thọ của cõi Sắc gọi là thô. Nếu quán đổi thọ của cõi Sắc thì thọ của cõi Vô sắc gọi là tế. Nếu quán đổi thọ không hệ thuộc thì thọ của cõi Vô sắc gọi là thô. Nếu quán đổi thọ của cõi Vô sắc thì thọ không hệ thuộc gọi là tế.

Như thế là thiết lập thọ thô, thọ tế, nên gọi là hoặc thô hay tế.

Hoặc kém hay hơn: Thế nào là thiết lập thọ kém, thọ hơn? Tức quán đổi để thiết lập thọ kém, thọ hơn. Sự việc ấy như thế nào?

Nếu quán đổi thọ hữu phú vô ký thì thọ bất thiện gọi là kém. Nếu quán đổi thọ bất thiện thì thọ hữu phú vô ký gọi là hơn. Nếu quán đổi thọ vô phú vô ký thì thọ hữu phú vô ký gọi là kém. Nếu quán đổi thọ hữu phú vô ký thì thọ vô phú vô ký gọi là hơn. Nếu quán đổi thọ thiện hữu lậu thì thọ vô phú vô ký gọi là kém. Nếu quán đổi thọ vô phú vô ký thì thọ thiện hữu lậu gọi là hơn. Nếu quán đổi thọ thiện vô lậu thì thọ thiện hữu lậu gọi là kém. Nếu quán đổi thọ thiện hữu lậu thì thọ thiện vô lậu gọi là hơn.

Nếu quán đổi thọ của cõi Sắc thì thọ của cõi Dục gọi là kém. Nếu quán đổi thọ của cõi Dục thì thọ của cõi Sắc gọi là hơn. Nếu quán đổi thọ của cõi Vô sắc thì thọ của cõi Sắc gọi là kém. Nếu quán

đôi thọ của cõi Sắc thì thọ của cõi Vô sắc gọi là hơn. Nếu quán đôi thọ không hệ thuộc thì thọ của cõi Vô sắc gọi là kém. Nếu quán đôi thọ của cõi Vô sắc thì thọ không hệ thuộc gọi là hơn.

Như thế là thiết lập thọ kém, thọ hơn, nên gọi là hoặc kém hay hơn.

Hoặc xa hay gần: Thế nào là các thọ xa? Nghĩa là các thọ ở quá khứ, vị lai. Thế nào là các thọ gần? Nghĩa là các thọ ở hiện tại. Lại nữa, thế nào là các thọ xa? Như các thọ ở quá khứ không phải là vô gián diệt, hoặc các thọ ở vị lai không phải là hiện tiền khởi, đó gọi là các thọ xa. Thế nào là các thọ gần? Như các thọ ở quá khứ là vô gián đã diệt, hoặc các thọ ở vị lai là hiện tiền đang khởi, đó gọi là các thọ gần. Như thế gọi là hoặc xa hay gần.

Tất cả như thế lược làm một nhóm: Thế nào là tất cả lược làm một nhóm? Nghĩa là suy xét, tư duy, lượng định, quan sát, tụ tập thành một nhóm.

Gọi là thọ uẩn: Vì sao gọi là thọ uẩn? Vì nơi thọ uẩn này đã hiển bày về thọ, hiển bày về uẩn, hiển bày về thân, hiển bày về sự tích tụ, thế nên gọi là thọ uẩn.

3. *Các tướng hiện có:* Thế nào gọi là các tướng hiện có? Hết thấy các tướng hiện có: Nghĩa là sáu tướng thân. Những gì là sáu? Đó là tướng do nhãn xúc sinh. Các tướng do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh. Như thế gọi là các tướng hiện có.

Hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại: Thế nào là tướng quá khứ? Như các tướng đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã từ tạ đi qua, đã diệt mất, đã lìa biến, là tánh quá khứ, thuộc loại quá khứ, thuộc đời quá khứ. Đó gọi là tướng quá khứ.

Thế nào là tướng vị lai? Như các tướng chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển đổi, chưa hiện chuyển

đổi, chưa tụ tập, chưa xuất hiện, là tánh vị lai, thuộc loại vị lai, thuộc đời vị lai. Đó gọi là tướng vị lai.

Thế nào là tướng hiện tại? Như các tướng đang khởi, đang cùng khởi, đang sinh, đang cùng sinh, đang chuyển đổi, đang hiện chuyển đổi, đang tụ tập, đang xuất hiện, đang trụ, đang từ tạ đi qua, đang diệt mất, đang lia biến, có sự hòa hợp hiện tiền, là tánh hiện tại, thuộc loại hiện tại, thuộc đời hiện tại. Đó gọi là tướng hiện tại.

Hoặc trong hay ngoài: Thế nào là tướng bên trong? Như tướng ở tại đây nối tiếp, đã được không mất, đó gọi là tướng bên trong. Thế nào là tướng bên ngoài? Như tướng ở tại đây nối tiếp, hoặc vốn chưa được, hoặc đã được nhưng bị mất, hoặc có sự nối tiếp khác, đó gọi là tướng bên ngoài. Như thế gọi là hoặc trong hay ngoài.

Hoặc thô hay tế: Thế nào là thiết lập tướng thô, tướng tế? Tức quán đối để thiết lập tướng thô, tướng tế. Sự việc ấy như thế nào?

Nếu quán đối tướng không tầm chỉ có tứ, thì tướng có tầm có tứ gọi là thô. Nếu quán đối tướng có tầm có tứ, thì tướng không tầm chỉ có tứ gọi là tế. Nếu quán đối tướng không tầm không tứ, thì tướng không tầm chỉ có tứ gọi là thô. Nếu quán đối tướng không tầm chỉ có tứ, thì tướng không tầm không tứ gọi là tế.

Nếu quán đối tướng của cõi Sắc thì tướng của cõi Dục gọi là thô. Nếu quán đối tướng của cõi Dục thì tướng của cõi Sắc gọi là tế. Nếu quán đối tướng của cõi Vô sắc thì tướng của cõi Sắc gọi là thô. Nếu quán đối tướng của cõi Sắc thì tướng của cõi Vô sắc gọi là tế. Nếu quán đối tướng không hệ thuộc thì tướng của cõi Vô sắc gọi là thô. Nếu quán đối tướng của cõi Vô sắc thì tướng không hệ thuộc gọi là tế.

Như thế là thiết lập tướng thô, tướng tế, nên gọi là hoặc thô hay tế.

Hoặc kém hay hơn: Thế nào là thiết lập tướng kém, tướng hơn? Tức quán đối để thiết lập tướng kém, tướng hơn. Sự việc ấy như thế nào?

Nếu quán đối tượng hữu phú vô ký thì tướng bất thiện gọi là kém. Nếu quán đối tượng bất thiện thì tướng hữu phú vô ký gọi là hơn. Nếu quán đối tượng vô phú vô ký thì tướng hữu phú vô ký gọi là kém. Nếu quán đối tượng hữu phú vô ký thì tướng vô phú vô ký gọi là hơn. Nếu quán đối tượng thiện hữu lậu thì tướng vô phú vô ký gọi là kém. Nếu quán đối tượng vô phú vô ký thì tướng thiện hữu lậu gọi là hơn. Nếu quán đối tượng thiện vô lậu thì tướng thiện hữu lậu gọi là kém. Nếu quán đối tượng thiện hữu lậu thì tướng thiện vô lậu gọi là hơn.

Nếu quán đối tượng của cõi Sắc thì tướng của cõi Dục gọi là kém. Nếu quán đối tượng của cõi Dục thì tướng của cõi Sắc gọi là hơn. Nếu quán đối tượng của cõi Vô sắc thì tướng của cõi Sắc gọi là kém. Nếu quán đối tượng của cõi Sắc thì tướng của cõi Vô sắc gọi là hơn. Nếu quán đối tượng không hệ thuộc thì tướng của cõi Vô sắc gọi là kém. Nếu quán đối tượng của cõi Vô sắc thì tướng không hệ thuộc gọi là hơn.

Như thế là thiết lập tướng kém, tướng hơn, nên gọi là hoặc kém hay hơn.

Hoặc xa hay gần: Thế nào là các tướng xa? Nghĩa là các tướng ở quá khứ, vị lai. Thế nào là các tướng gần? Nghĩa là các tướng ở hiện tại. Lại nữa, thế nào là các tướng xa? Như các tướng ở quá khứ không phải là vô gián diệt, hoặc các tướng ở vị lai không phải là hiện tiền khởi, đó gọi là các tướng xa. Thế nào là các tướng gần? Như các tướng ở quá khứ là vô gián đã diệt, hoặc các tướng ở vị lai là hiện tiền đang khởi, đó gọi là các tướng gần. Như thế gọi là hoặc xa hay gần.

Tất cả như thế lược làm một nhóm: Thế nào là tất cả lược làm một nhóm? Nghĩa là suy xét, tư duy, lượng định, quan sát, tụ tập thành một nhóm.

Gọi là tướng uẩn: Vì sao gọi là tướng uẩn? Vì nơi tướng uẩn này đã hiển bày về tướng, hiển bày về uẩn, hiển bày về thân, hiển bày về sự tích tụ, thế nên gọi là tướng uẩn.

4. *Các hành hiện có*: Thế nào gọi là các hành hiện có? Hết thấy các hành hiện có: Nghĩa là sáu hành thân. Những gì là sáu? Đó là hành do nhãn xúc sinh. Các hành do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh. Như thế gọi là các hành hiện có.

Hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại: Thế nào là hành quá khứ? Như các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã từ tạ đi qua, đã diệt mất, đã lìa biến, là tánh quá khứ, thuộc loại quá khứ, thuộc đời quá khứ. Đó gọi là hành quá khứ.

Thế nào là hành vị lai? Như các hành chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển đổi, chưa hiện chuyển đổi, chưa tụ tập, chưa xuất hiện, là tánh vị lai, thuộc loại vị lai, thuộc đời vị lai. Đó gọi là hành vị lai.

Thế nào là hành hiện tại? Như các hành đang khởi, đang cùng khởi, đang sinh, đang cùng sinh, đang chuyển đổi, đang hiện chuyển đổi, đang tụ tập, đang xuất hiện, đang trụ, đang từ tạ đi qua, đang diệt mất, đang lìa biến, có sự hòa hợp hiện tiền, là tánh hiện tại, thuộc loại hiện tại, thuộc đời hiện tại. Đó gọi là hành hiện tại.

Hoặc trong hay ngoài: Thế nào là hành bên trong? Như hành ở tại đây nối tiếp, đã được không mất, đó gọi là hành bên trong. Thế nào là hành bên ngoài? Như hành ở tại đây nối tiếp, hoặc vốn chưa được, hoặc đã được nhưng bị mất, hoặc có sự nối tiếp khác, hoặc thuộc loại phi tình, đó gọi là hành bên ngoài. Như thế gọi là hoặc trong hay ngoài.

Hoặc thô hay tế: Thế nào là thiết lập hành thô, hành tế? Tức quán đối để thiết lập hành thô, hành tế. Sự việc ấy như thế nào?

Nếu quán đối hành không tầm chỉ có tứ, thì hành có tầm có tứ gọi là thô. Nếu quán đối hành có tầm có tứ, thì hành không tầm chỉ có tứ gọi là tế. Nếu quán đối hành không tầm không tứ, thì hành không

tâm chỉ có tứ gọi là thô. Nếu quán đối hành không tâm chỉ có tứ, thì hành không tâm không tứ gọi là tế.

Nếu quán đối hành của cõi Sắc thì hành của cõi Dục gọi là thô. Nếu quán đối hành của cõi Dục thì hành của cõi Sắc gọi là tế. Nếu quán đối hành của cõi Vô sắc thì hành của cõi Sắc gọi là thô. Nếu quán đối hành của cõi Sắc thì hành của cõi Vô sắc gọi là tế. Nếu quán đối hành không hệ thuộc thì hành của cõi Vô sắc gọi là thô. Nếu quán đối hành của cõi Vô sắc thì hành không hệ thuộc gọi là tế.

Như thế là thiết lập hành thô, hành tế, nên gọi là hoặc thô hay tế.

Hoặc kém hay hơn: Thế nào là thiết lập hành kém, hành hơn? Tứ quán đối để thiết lập hành kém, hành hơn. Sự việc ấy như thế nào?

Nếu quán đối hành hữu phú vô ký thì hành bất thiện gọi là kém. Nếu quán đối hành bất thiện thì hành hữu phú vô ký gọi là hơn. Nếu quán đối hành vô phú vô ký thì hành hữu phú vô ký gọi là kém. Nếu quán đối hành hữu phú vô ký thì hành vô phú vô ký gọi là hơn. Nếu quán đối hành thiện hữu lậu thì hành vô phú vô ký gọi là kém. Nếu quán đối hành vô phú vô ký thì hành thiện hữu lậu gọi là hơn. Nếu quán đối hành thiện vô lậu thì hành thiện hữu lậu gọi là kém. Nếu quán đối hành thiện hữu lậu thì hành thiện vô lậu gọi là hơn.

Nếu quán đối hành của cõi Sắc thì hành của cõi Dục gọi là kém. Nếu quán đối hành của cõi Dục thì hành của cõi Sắc gọi là hơn. Nếu quán đối hành của cõi Vô sắc thì hành của cõi Sắc gọi là kém. Nếu quán đối hành của cõi Sắc thì hành của cõi Vô sắc gọi là hơn. Nếu quán đối hành không hệ thuộc thì hành của cõi Vô sắc gọi là kém. Nếu quán đối hành của cõi Vô sắc thì hành không hệ thuộc gọi là hơn.

Như thế là thiết lập hành kém, hành hơn, nên gọi là hoặc kém hay hơn.

Hoặc xa hay gần: Thế nào là các hành xa? Nghĩa là các hành ở quá khứ, vị lai. Thế nào là các hành gần? Nghĩa là các hành ở

hiện tại. Lại nữa, thế nào là các hành xa? Như các hành ở quá khứ không phải là vô gián diệt, hoặc các hành ở vị lai không phải là hiện tiền khởi, đó gọi là các hành xa. Thế nào là các hành gần? Như các hành ở quá khứ là vô gián đã diệt, hoặc các hành ở vị lai là hiện tiền đang khởi, đó gọi là các hành gần. Như thế gọi là hoặc xa hay gần.

Tất cả như thế lược làm một nhóm: Thế nào là tất cả lược làm một nhóm? Nghĩa là suy xét, tư duy, lượng định, quan sát, tụ tập thành một nhóm.

Gọi là hành uẩn: Vì sao gọi là hành uẩn? Vì nơi hành uẩn này đã hiển bày về hành, hiển bày về uẩn, hiển bày về thân, hiển bày về sự tích tụ, thế nên gọi là hành uẩn.

5. *Các thức hiện có:* Thế nào gọi là các thức hiện có? Hết thấy các thức hiện có: Nghĩa là sáu thức thân. Những gì là sáu? Đó là nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Như thế gọi là các thức hiện có.

Hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại: Thế nào là thức quá khứ? Như các thức đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã từ tạ đi qua, đã diệt mất, đã lìa biến, là tánh quá khứ, thuộc loại quá khứ, thuộc đời quá khứ. Đó gọi là thức quá khứ.

Thế nào là thức vị lai? Như các thức chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển đổi, chưa hiện chuyển đổi, chưa tụ tập, chưa xuất hiện, là tánh vị lai, thuộc loại vị lai, thuộc đời vị lai. Đó gọi là thức vị lai.

Thế nào là thức hiện tại? Như các thức đang khởi, đang cùng khởi, đang sinh, đang cùng sinh, đang chuyển đổi, đang hiện chuyển đổi, đang tụ tập, đang xuất hiện, đang trụ, đang từ tạ đi qua, đang diệt mất, đang lìa biến, có sự hòa hợp hiện tiền, là tánh hiện tại, thuộc loại hiện tại, thuộc đời hiện tại. Đó gọi là thức hiện tại.

Hoặc trong hay ngoài: Thế nào là thức bên trong? Như thức ở tại đây nối tiếp, đã được không mất, đó gọi là thức bên trong. Thế nào là thức bên ngoài? Như thức ở tại đây nối tiếp, hoặc vốn chưa được, hoặc đã được nhưng bị mất, hoặc có sự nối tiếp khác, đó gọi là thức bên ngoài. Như thế gọi là hoặc trong hay ngoài.

Hoặc thô hay tế: Thế nào là thiết lập thức thô, thức tế? Tức quán đối để thiết lập thức thô, thức tế. Sự việc ấy như thế nào?

Nếu quán đối thức không tầm chỉ có tứ, thì thức có tầm có tứ gọi là thô. Nếu quán đối thức có tầm có tứ, thì thức không tầm chỉ có tứ gọi là tế. Nếu quán đối thức không tầm không tứ, thì thức không tầm chỉ có tứ gọi là thô. Nếu quán đối thức không tầm chỉ có tứ, thì thức không tầm không tứ gọi là tế.

Nếu quán đối thức của cõi Sắc thì thức của cõi Dục gọi là thô. Nếu quán đối thức của cõi Dục thì thức của cõi Sắc gọi là tế. Nếu quán đối thức của cõi Vô sắc thì thức của cõi Sắc gọi là thô. Nếu quán đối thức của cõi Sắc thì thức của cõi Vô sắc gọi là tế. Nếu quán đối thức không hệ thuộc thì thức của cõi Vô sắc gọi là thô. Nếu quán đối thức của cõi Vô sắc thì thức không hệ thuộc gọi là tế.

Như thế là thiết lập thức thô, thức tế, nên gọi là hoặc thô hay tế.

Hoặc kém hay hơn: Thế nào là thiết lập thức kém, thức hơn? Tức quán đối để thiết lập thức kém, thức hơn. Sự việc ấy như thế nào?

Nếu quán đối thức hữu phú vô ký thì thức bất thiện gọi là kém. Nếu quán đối thức bất thiện thì thức hữu phú vô ký gọi là hơn. Nếu quán đối thức vô phú vô ký thì thức hữu phú vô ký gọi là kém. Nếu quán đối thức hữu phú vô ký thì thức vô phú vô ký gọi là hơn. Nếu quán đối thức thiện hữu lậu thì thức vô phú vô ký gọi là kém. Nếu quán đối thức vô phú vô ký thì thức thiện hữu lậu gọi là hơn. Nếu quán đối thức thiện vô lậu thì thức thiện hữu lậu gọi là kém. Nếu quán đối thức thiện hữu lậu thì thức thiện vô lậu gọi là hơn.

Nếu quán đối thức của cõi Sắc thì thức của cõi Dục gọi là kém. Nếu quán đối thức của cõi Dục thì thức của cõi Sắc gọi là hơn. Nếu quán đối thức của cõi Vô sắc thì thức của cõi Sắc gọi là kém. Nếu quán đối thức của cõi Sắc thì thức của cõi Vô sắc gọi là hơn. Nếu quán đối thức không hệ thuộc thì thức của cõi Vô sắc gọi là kém. Nếu quán đối thức của cõi Vô sắc thì thức không hệ thuộc gọi là hơn.

Như thế là thiết lập thức kém, thức hơn, nên gọi là hoặc kém hay hơn.

Hoặc xa hay gần: Thế nào là các thức xa? Nghĩa là các thức ở quá khứ, vị lai. Thế nào là các thức gần? Nghĩa là các thức ở hiện tại. Lại nữa, thế nào là các thức xa? Như các thức ở quá khứ không phải là vô gián diệt, hoặc các thức ở vị lai không phải là hiện tiền khởi, đó gọi là các thức xa. Thế nào là các thức gần? Như các thức ở quá khứ là vô gián đã diệt, hoặc các thức ở vị lai là hiện tiền đang khởi, đó gọi là các thức gần. Như thế gọi là hoặc xa hay gần.

Tất cả như thế lược làm một nhóm: Thế nào là tất cả lược làm một nhóm? Nghĩa là suy xét, tư duy, lượng định, quan sát, tụ tập thành một nhóm.

Gọi là thức uẩn: Vì sao gọi là thức uẩn? Vì nơi thức uẩn này đã hiển bày về thức, hiển bày về uẩn, hiển bày về thân, hiển bày về sự tích tụ, thế nên gọi là thức uẩn.

*

* ***Năm thủ uẩn:*** 1. Sắc thủ uẩn. 2. Thọ thủ uẩn. 3. Tưởng thủ uẩn. 4. Hành thủ uẩn. 5. Thức thủ uẩn.

1. Thế nào là sắc thủ uẩn?

Đáp: Như các sắc hữu lậu thuận theo các thủ, nơi các sắc ấy, hoặc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, sinh ra các thứ hoặc tham, sân, si, hoặc tùy theo mỗi mỗi tâm sở nơi tùy phiền não. Đó gọi là sắc thủ uẩn.

2. *Thế nào là thọ thủ uẩn?*

Đáp: Như các thọ hữu lậu thuận theo các thủ, nơi các thọ ấy, hoặc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, sinh ra các thứ hoặc tham, sân, si, hoặc tùy theo mỗi mỗi tâm sở nơi tùy phiền não. Đó gọi là thọ thủ uẩn.

3. *Thế nào là tưởng thủ uẩn?*

Đáp: Như các tưởng hữu lậu thuận theo các thủ, nơi các tưởng ấy, hoặc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, sinh ra các thứ hoặc tham, sân, si, hoặc tùy theo mỗi mỗi tâm sở nơi tùy phiền não. Đó gọi là tưởng thủ uẩn.

4. *Thế nào là hành thủ uẩn?*

Đáp: Như các hành hữu lậu thuận theo các thủ, nơi các hành ấy, hoặc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, sinh ra các thứ hoặc tham, sân, si, hoặc tùy theo mỗi mỗi tâm sở nơi tùy phiền não. Đó gọi là hành thủ uẩn.

5. *Thế nào là thức thủ uẩn?*

Đáp: Như các thức hữu lậu thuận theo các thủ, nơi các thức ấy, hoặc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, sinh ra các thứ hoặc tham, sân, si, hoặc tùy theo mỗi mỗi tâm sở nơi tùy phiền não. Đó gọi là thức thủ uẩn.

*

*** Năm dục diệu:** Cụ thọ nên biết! *Những gì là năm?* 1. Khi mắt nhận thức sắc sinh ra các thứ đáng yêu mến, vui thích, hợp ý. Chính sắc đáng yêu mến ấy có thể dẫn đến các dục thuận theo nhiễm chấp. Đó gọi là dục diệu của mắt nhận biết sắc. 2. Khi tai nhận thức tiếng sinh ra các thứ đáng yêu mến, vui thích, hợp ý. Chính âm thanh đáng yêu mến ấy có thể dẫn đến các dục thuận theo nhiễm chấp. Đó gọi là dục diệu của tai nhận biết tiếng. 3. Khi mũi nhận thức mùi sinh ra các thứ đáng yêu mến, vui thích, hợp ý. Chính hương đáng yêu mến ấy có thể dẫn đến các dục thuận theo nhiễm chấp. Đó gọi là dục diệu của mũi nhận biết hương. 4. Khi lưỡi nhận thức các vị sinh ra các thứ đáng yêu mến, vui thích, hợp ý. Chính vị đáng yêu mến ấy có thể dẫn

đến các dục thuận theo nhiệm chấp. Đó gọi là dục diệu của lưỡi nhận biết vị. 5. Khi thân nhận thức xúc sinh ra các thứ đáng yêu mến, vui thích, hợp ý. Chính sự xúc chạm đáng yêu mến ấy có thể dẫn đến các dục thuận theo nhiệm chấp. Đó gọi là dục diệu của thân nhận biết xúc. *Đấy gọi là năm dục diệu.*

1. Thế nào là dục diệu của mắt nhận biết sắc?

Đáp: Nếu các sắc ở cõi Dục được mắt tiếp xúc sinh ra ái làm đối tượng duyên, đó gọi là dục diệu của mắt nhận biết sắc.

2. Thế nào là dục diệu của tai nhận biết tiếng?

Đáp: Nếu các tiếng ở cõi Dục được tai tiếp xúc sinh ra ái làm đối tượng duyên, đó gọi là dục diệu của tai nhận biết tiếng.

3. Thế nào là dục diệu của mũi nhận biết hương?

Đáp: Nếu các hương ở cõi Dục được mũi tiếp xúc sinh ra ái làm đối tượng duyên, đó gọi là dục diệu của mũi nhận biết hương.

4. Thế nào là dục diệu của lưỡi nhận biết vị?

Đáp: Nếu các vị ở cõi Dục được lưỡi tiếp xúc sinh ra ái làm đối tượng duyên, đó gọi là dục diệu của lưỡi nhận biết vị.

5. Thế nào là dục diệu của thân nhận biết xúc?

Đáp: Nếu các xúc ở cõi Dục được thân tiếp xúc sinh ra ái làm đối tượng duyên, đó gọi là dục diệu của thân nhận biết xúc.

*

** Năm xan (Keo kiệt, bốn sển):* 1. Xan về chỗ ở. 2. Xan về nhà cửa. 3. Xan về sắc và tiếng khen. 4. Xan về lợi dưỡng. 5. Xan về pháp.

1. Thế nào là xan về chỗ ở?

Đáp: Như đối với chỗ ở sinh tâm luyến mến, hệ thuộc. Nghĩa là như có người nghĩ: Mong cho chỗ ở này thuộc về ta, không phải

là kẻ khác. Ở chỗ này ta sẽ kinh hành cùng bày biện các thứ. Ta sẽ ở nơi đây thọ dụng chớ khiến kẻ khác có được. Người ấy đối với chỗ ở sinh tâm luyến mến, hệ thuộc, nên luôn ngăn cản gây chướng ngại các hữu tình khác, không hề giúp đỡ, nhường chia hay ban cho, cũng không từ bỏ hay xả bỏ tất cả. Đó gọi là xan về chỗ ở.

2. Thế nào là xan về nhà cửa?

Đáp: Như đối với nhà cửa của thí chủ sinh tâm luyến mến, hệ thuộc. Nghĩa là như có người nghĩ: Mong cho nhà cửa của thí chủ này thuộc về ta chứ không phải kẻ khác. Ở nơi nhà này chỉ riêng ta ra vào, tới lui, thân thuộc dùng trụ. Ta sẽ ở đây để thọ dụng chớ khiến kẻ khác có được. Người ấy đối với nhà cửa của thí chủ sinh tâm luyến mến, hệ thuộc, nên luôn ngăn cản gây chướng ngại các hữu tình khác, không hề giúp đỡ, nhường chia hay ban cho, cũng không từ bỏ hay xả bỏ tất cả. Đó gọi là xan về nhà cửa.

3. Thế nào là xan về sắc và tiếng khen?

Đáp: Như đối với sắc và lời khen sinh tâm luyến mến, hệ thuộc. Nghĩa là như có người nghĩ: Mong cho chỉ riêng ta có sắc đẹp vi diệu, ai cũng thích ngắm nhìn dung mạo đoan nghiêm, thành tựu thanh tịnh viên mãn bậc nhất. Các thứ hình sắc hiển sắc khác không thể sánh kịp. Nguyên cho ta riêng được danh tiếng rộng lớn, tiếng khen tiếng tốt vang khắp các phương chốn, tất cả thế gian đều cùng xưng tụng, không kẻ nào sánh bằng. Chỉ mình ta khéo biết thọ dụng các thức ăn uống cùng các vật dụng khác, khiến việc ăn uống theo thời thuận hợp, nuôi lớn thân tướng, sắc diệu càng thêm tươi đẹp, ai cũng mến thích, không người nào sánh kịp. Cũng chỉ riêng ta mới biết sử dụng các thứ như y phục, mũ nón, giày dép, các vật dụng trang sức, khiến cho hình mạo luôn được đẹp đẽ hơn người. Người ấy đối với sắc và tiếng khen sinh tâm luyến mến, hệ thuộc, nên luôn ngăn cản gây chướng ngại các hữu tình khác, không hề giúp đỡ, nhường chia hay ban cho, cũng không từ bỏ hay xả bỏ tất cả. Đó gọi là xan về sắc và tiếng khen

4. Thế nào là xan về lợi dưỡng?

Đáp: Như đối với lợi dưỡng sinh tâm luyện mền, hệ thuộc. Nghĩa là như có người nghĩ: Nguyên cho chỉ riêng ta có đủ các thứ lợi dưỡng của thế gian, kẻ khác không thể đạt được. Nguyên chỉ riêng mình ta thọ dụng các thứ lợi dưỡng, không khiến kẻ khác có được. Nguyên chỉ riêng ta có đủ phước tuệ lớn tùy thời đều được dâng cúng các loại y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men, cùng các thứ tiền của vật dụng khác, tất cả thế gian không ai bằng ta. Người ấy đối với lợi dưỡng sinh tâm luyện mền, hệ thuộc, nên luôn ngăn cản gây chướng ngại các hữu tình khác, không hề giúp đỡ, nhường chia hay ban cho, cũng không từ bỏ hay xả bỏ tất cả. Đó gọi là xan về lợi dưỡng.

5. Thế nào là xan về pháp?

Đáp: Như đối với giáo pháp sinh tâm luyện mền, hệ thuộc. Nghĩa là như có người nghĩ: Nguyên cho riêng ta có thể giảng nói chánh pháp, người khác đều không thể làm được. Nguyên chỉ riêng ta mới có thể khiến nhiều người khác siêng năng tụng niệm kinh điển, không ai có thể làm được việc ấy. Chỉ có riêng ta là hỏi đáp, quyết đoán chọn lựa, ngoài ra chẳng ai kham nổi. Chỉ mỗi mình ta là thọ trì được các pháp nơi Tổ-đất-lãm, Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma, những người khác không thể đảm đương. Nguyên chỉ riêng ta mới có thể phân biệt, giải thích rõ về lý, giáo nơi các luận đã được tạo và ta cũng có thể tự tạo, hết thấy những kẻ khác không ai có thể thực hiện được. Người ấy đối với giáo pháp sinh tâm luyện mền, hệ thuộc, nên luôn ngăn cản gây chướng ngại các hữu tình khác, không hề giúp đỡ, nhường chia hay ban cho, cũng không từ bỏ hoặc xả bỏ tất cả. Đó gọi là xan về pháp.

*

* **Năm nẻo (Thú):** 1. Nẻo địa ngục. 2. Nẻo bàng sinh. 3. Nẻo ngạ quỷ. 4. Nẻo người. 5. Nẻo trời.

1. Thế nào là nẻo địa ngục?

Đáp: Các địa ngục cùng có một tánh, một loại nơi chúng đồng phần, do nương dựa, do sự việc và nơi chốn nên có được. Nếu các hữu tình hiện có sinh nơi địa ngục thì năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô phú vô ký. Đó gọi là nẻo địa ngục.

Lại nữa, do thân hành ác, ngữ hành ác, ý hành ác thuộc phẩm thượng, lại do luôn hành tập tạo tác nhiều các hành ác như thế nên dẫn đến nẻo địa ngục, sinh trong nẻo địa ngục, kết thành sự sống địa ngục. Đó gọi là nẻo địa ngục.

Lại nữa, nẻo địa ngục là danh, là hiệu, là dị ngữ, tăng ngữ, là tướng cùng tướng được thiết lập nêu bày, nên gọi là nẻo địa ngục.

2. Thế nào là nẻo bàng sinh?

Đáp: Các bàng sinh cùng có một tánh, một loại nơi chúng đồng phần, do nương dựa, do sự việc và nơi chốn nên có được. Nếu các hữu tình hiện có sinh nơi bàng sinh thì năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô phú vô ký. Đó gọi là nẻo bàng sinh.

Lại nữa, do ngu độn tạo ra các hành ác nơi thân, ngữ, ý, nên dẫn đến chốn bàng sinh, sinh trong nẻo bàng sinh, kết thành sự sống bàng sinh. Đó gọi là nẻo bàng sinh.

Lại nữa, nẻo bàng sinh là danh, là hiệu, là dị ngữ, tăng ngữ, là tướng cùng tướng được thiết lập nêu bày, nên gọi là nẻo bàng sinh.

3. Thế nào là nẻo quỷ?

Đáp: Các thứ quỷ cùng có một tánh, một loại nơi chúng đồng phần, do nương dựa, do sự việc và nơi chốn nên có được. Nếu các hữu tình hiện có sinh nơi quỷ giới thì năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô phú vô ký. Đó gọi là nẻo quỷ.

Lại nữa, do keo kiệt, biển lận tạo ra các hành ác nơi thân, ngữ, ý, lại do luôn hành tập tạo tác nhiều các hành ác như thế nên dẫn

đền quỹ giới, sinh vào quỹ giới, kết thành sự sống quỹ giới. Đó gọi là nẻo quỹ.

Lại nữa, nẻo quỹ là danh, là hiệu, là dị ngữ, tăng ngữ, là tướng cùng tướng được thiết lập nêu bày, nên gọi là nẻo quỹ.

4. Thế nào là nẻo người?

Đáp: Các chúng người cùng có một tánh, một loại nơi chúng đồng phần, do nương dựa, do sự việc và nơi chốn nên có được. Nếu các hữu tình hiện có sinh trong nẻo người thì năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô phú vô ký. Đó gọi là nẻo người.

Lại nữa, do tạo các hành thiện nơi thân ngữ ý thuộc phẩm hạ, lại do luôn hành tập tạo tác nhiều các hành thiện như thế nên dẫn đến nẻo người, sinh vào nẻo người, kết thành sự sống nẻo người. Đó gọi là nẻo người.

Lại nữa, nẻo người là danh, là hiệu, là dị ngữ, tăng ngữ, là tướng cùng tướng được thiết lập nêu bày, nên gọi là nẻo người.

5. Thế nào là nẻo trời?

Đáp: Các trời cùng có một tánh, một loại nơi chúng đồng phần, do nương dựa, do sự việc và nơi chốn nên có được. Nếu các hữu tình hiện có sinh nơi nẻo trời thì năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô phú vô ký. Đó gọi là nẻo trời.

Lại nữa, do tạo các hành thiện nơi thân ngữ ý thuộc phẩm thượng, lại do luôn hành tập tạo tác nhiều các hành thiện như thế nên dẫn đến nẻo trời, sinh vào nẻo trời, kết thành sự sống nẻo trời. Đó gọi là nẻo trời.

Lại nữa, nẻo trời là danh, là hiệu, là dị ngữ, tăng ngữ, là tướng cùng tướng được thiết lập nêu bày, nên gọi là nẻo trời.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 12

Phẩm 6: NĂM PHÁP, phần 2

* *Năm sự ngăn che (Năm cái)*: 1. Ngăn che của tham dục. 2. Ngăn che của giận dữ. 3. Ngăn che của hôn trầm thù miên. 4. Ngăn che của trạo cử ó tác. 5. Ngăn che của nghi.

1. *Thế nào là sự ngăn che của tham dục?*

Đáp: Tham dục: Tức đối với các cảnh dục có các thứ tham cùng tham, nắm giữ, phòng hộ, chấp chặt, yêu thích, tham đắm, tự trói buộc tâm, mong cầu, đam mê, tích tập các khổ, là loại tham, sinh ra tham. Đó gọi là tham dục. *Sự ngăn che của tham dục*: Là do tham dục này ngăn trở tâm, che lấp tâm, đè ép giấu kín tâm, bao phủ ràng buộc tâm, nên gọi là sự ngăn che của tham dục.

2. *Thế nào là sự ngăn che của giận dữ?*

Đáp: Giận dữ: Tức đối với các hữu tình muốn gây tổn hại, tâm luôn ôm giữ sự tàn hại muốn gây não loạn cho mọi người. Đã giận dữ, hiện giận dữ, sẽ giận dữ, ưa gieo họa hay các thứ tai họa trầm trọng cho người khác, ý luôn phần hận, hành tác trái ngược, tàn bạo đối với các hữu tình. Đã gây tội lỗi, hiện gây tội lỗi, sẽ gây tội lỗi. Đó gọi là giận dữ. *Sự ngăn che của giận dữ*: Là do giận dữ này ngăn trở tâm, che lấp tâm, đè ép giấu kín tâm, bao phủ ràng buộc tâm, nên gọi là sự ngăn che của giận dữ.

3. Thế nào là sự ngăn che của hôn trầm thùy miên?

Đáp: Hôn trầm: Tức thân hiện có tánh nặng nề, tâm hiện có tánh nặng nề, thân tâm đều không điều hòa thuận hợp. Thân hôn trầm, tâm hôn trầm, mờ mịt, rối loạn. Đó gọi là hôn trầm. *Thùy miên:* Tức những ngủ nghỉ mộng mị hiện có trong tâm cấu nhiễm không thể nhận giữ vì tánh của tâm tối tăm, yếu kém. Đó gọi là thùy miên. *Sự ngăn che của hôn trầm thùy miên:* Là do hôn trầm thùy miên này ngăn trở tâm, che lấp tâm, đè ép giấu kín tâm, bao phủ ràng buộc tâm, nên gọi là sự ngăn che của hôn trầm thùy miên.

4. Thế nào là sự ngăn che của trạo cử ố tác?

Đáp: Trạo cử: Tức các thứ khiến tâm không tịch tĩnh, tâm luôn lay động, bồn chồn, lảng xãng. Đó gọi là trạo cử. *Ố tác:* Tức các thứ hiện có trong tâm ô nhiễm, khiến tâm biến chuyển, hối hận, chán ghét các việc đã làm. Đó gọi là ố tác. *Sự ngăn che của trạo cử, ố tác:* Là do trạo cử ố tác này ngăn trở tâm, che lấp tâm, đè ép giấu kín tâm, bao phủ ràng buộc tâm, nên gọi là sự ngăn che của trạo cử, ố tác.

5. Thế nào là sự ngăn che của nghi?

Đáp: Nghi: Tức đối với Phật, Pháp, Tăng cùng Khổ, Tập, Diệt, Đạo, sinh tâm nghi hoặc thành hai phần, hai nẻo. Vì trừ trừ, do dự, vì bị mũi tên độc do dự nên không vui, hành không vui, không quyết định, suy lường, không ngộ nhập, không thể theo một hướng tiến tới. Đó gọi là nghi. *Sự ngăn che của nghi:* Là do nghi ngờ này ngăn trở tâm, che lấp tâm, đè ép giấu kín tâm, bao phủ ràng buộc tâm, nên gọi là sự ngăn che của nghi.

*

*** Năm tâm mới sinh khởi:** Cụ thọ nên biết! *Những gì là năm?*

1. Như có một loại hữu tình đối với bậc Đại sư đầy khởi nghi hoặc do dự, là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng

thanh tịnh. Nếu đối với bậc Đại sư đã có những thứ như thế, đó gọi là loại thứ nhất, tức đối với bậc Đại sư tâm mới sinh khởi chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

2. Như có một loại hữu tình đối với Chánh pháp đầy khởi nghi hoặc do dự, là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh. Nếu đối với chánh pháp đã có những thứ như thế, đó gọi là loại thứ hai, tức đối với chánh pháp tâm mới sinh khởi chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

3. Như có một loại hữu tình đối với các Học xứ (Giới) đầy khởi nghi hoặc do dự, là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh. Nếu đối với các Học xứ đã có những thứ như thế, đó gọi là loại thứ ba, tức đối với các Học xứ tâm mới sinh khởi chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

4. Như có một loại hữu tình đối với các Giáo pháp dạy khuyên đầy khởi nghi hoặc do dự, là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh. Nếu đối với các giáo pháp được nêu giảng đã có những thứ như thế, đó gọi là loại thứ tư, tức đối với giáo pháp dạy khuyên tâm mới sinh khởi, chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

5. Như có một loại hữu tình đối với các vị Bí-sô Thượng tọa thông tuệ từ lâu đã hội nhập nơi pháp Phật cùng tu phạm hạnh, cho đến được bậc Đại sư, các vị có trí đồng phạm hạnh đều khen ngợi, tán thán, hộ niệm, yêu kính. Nhưng loại hữu tình kia đối với các bậc phạm hạnh có trí nêu trên lại khởi giận dữ, hủy báng, mạ lỵ, gây não hại, tức là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh. Nếu đã tạo các sự việc như thế, đó gọi là loại thứ năm, tức đối với các bậc có trí, phạm hạnh, tâm mới sinh khởi, chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

Đó gọi là năm tâm mới sinh khởi.

Ở đây:

1. Nếu đối với bậc Đại sư dấy khởi nghi hoặc do dự, là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh, đó gọi là loại thứ nhất, tức đối với bậc Đại sư tâm mới sinh khởi chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

Thế nào là bậc Đại sư? Đại sư là chỉ cho chư Phật Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Thế nào là đối với bậc Đại sư dấy khởi nghi hoặc do dự? Nghĩa là đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác sinh khởi vô số các thứ nghi hoặc do dự. Đó gọi là đối với bậc Đại sư dấy khởi nghi hoặc do dự.

Thế nào là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh? Nghĩa là nếu đối với bậc Đại sư sinh khởi các thứ nghi hoặc do dự, thì người ấy đối với sự đoạn trừ các thứ nghi hoặc do dự kia không thể phát khởi để thuận theo tâm, thuận theo mong muốn, thuận theo niềm tin, thuận theo thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh.

Thế nào là loại thứ nhất? Nghĩa là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo số thứ tự là thứ nhất.

Thế nào là đối với bậc Đại sư tâm mới sinh khởi? Nghĩa là nếu đối với Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác sinh khởi các thứ nghi hoặc do dự, thì nơi tâm của người ấy đã tự tạo sự sinh khởi. Ví như nông phu tuy có ruộng đất tốt, nhưng nếu không chịu cày bừa, trồng trọt, để cho đất khô cứng cằn cỗi, ngay như các loài cỏ dại hãy còn không mọc được hưởng chỉ là các mầm lúa. Đối với bậc Đại sư dấy khởi nghi hoặc do dự cũng lại như thế. Vì các thứ ấy đã che lấp tâm, khiến tâm trở thành khô cứng, tạo sự sinh khởi nhân xấu. Hãy còn không thể khiến tâm có được quyết định tà vạy, hướng hò

là có được quyết định đúng đắn. Đó gọi là đối với bậc Đại sư tâm mới sinh khởi.

Thế nào là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp? Tức kẻ ấy đối với tâm mới sinh khởi chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại bỏ. Đó gọi là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

2. *Nếu đối với Chánh pháp dấy khởi nghi hoặc do dự, là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh, đó gọi là loại thứ hai, tức đối với chánh pháp tâm mới sinh khởi, chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.*

Thế nào là Chánh pháp? Chánh pháp là ái dục đã lia dứt hết, đạt tịch diệt, đạt Niết-bàn rốt ráo.

Thế nào là đối với chánh pháp dấy khởi nghi hoặc do dự? Nghĩa là đối với các thứ ái dục đã lia dứt hết, đạt tịch diệt, đạt Niết-bàn rốt ráo, sinh khởi vô số các thứ nghi hoặc do dự. Đó gọi là đối với chánh pháp dấy khởi nghi hoặc do dự.

Thế nào là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh? Nghĩa là nếu đối với chánh pháp sinh khởi các thứ nghi hoặc do dự, thì người ấy đối với việc đoạn trừ phiền não không thể phát khởi để thuận theo tâm, thuận theo ý muốn, thuận theo niềm tin, thuận theo thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh.

Thế nào là loại thứ hai? Nghĩa là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo số thứ tự là thứ hai.

Thế nào là đối với chánh pháp tâm mới sinh khởi? Nghĩa là đối với các thứ ái dục đã lia dứt hết, đạt tịch diệt, đạt Niết-bàn rốt ráo, sinh khởi vô số các thứ nghi hoặc do dự, thì người ấy nơi tâm mình tự tạo ra sự sinh khởi. Ví như nông phu tuy có ruộng đất tốt, nhưng nếu không chịu cày bừa, trồng trọt, để cho đất khô cứng cằn cỗi, ngay

như các loài cỏ dại hãy còn không mọc được hưởng chi là các mầm lúa. Đối với chánh pháp dấy khởi nghi hoặc do dự cũng lại như thế. Vì các thứ ấy đã che lấp tâm, khiến tâm trở thành khô cứng, tạo sự sinh khởi nhân xấu. Hãy còn không thể khiến tâm có được quyết định tà vạy, hưởng hồ là có được quyết định đúng đắn. Đó gọi là đối với chánh pháp tâm mới sinh khởi.

Thế nào là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp? Tức kể ấy đối với tâm mới sinh khởi chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại trừ. Đó gọi là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

3. *Nếu đối với các Học xứ dấy khởi nghi hoặc do dự, là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh, đó gọi là loại thứ ba, tức đối với các Học xứ tâm mới sinh khởi, chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.*

Thế nào là Học xứ? Nếu chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết đúng, thấy đúng, đã thiết lập các Học xứ. Như nói: “Ta học như thế, Ta học sự việc ấy, nơi lý của pháp thiện không thể chứng đắc. Ta học như thế, Ta học sự việc ấy, nơi lý của pháp thiện tức có thể chứng đắc”.

Thế nào là đối với Học xứ dấy khởi nghi hoặc do dự? Nghĩa là đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã thiết lập Học xứ, sinh khởi vô số nghi hoặc do dự.

Thế nào là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh? Nghĩa là nếu đối với các Học xứ dấy khởi vô số nghi hoặc do dự, thì người này đối với việc đoạn trừ phiền não không thể phát khởi để thuận theo tâm, thuận theo ý muốn, thuận theo niềm tin, thuận theo thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh.

Thế nào là loại thứ ba? Nghĩa là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo số thứ tự là thứ ba.

Thế nào là đối với Học xứ tâm mới sinh khởi? Nghĩa là đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác do chánh tri chánh kiến đã thiết lập Học xứ, dấy khởi vô số nghi hoặc do dự, tức người ấy nơi tâm đã tự tạo sự sinh khởi. Ví như nông phu tuy có ruộng đất tốt, nhưng nếu không chịu cày bừa, trồng trọt, để cho đất khô cứng cần cỗi, ngay như các loài cỏ dại hãy còn không mọc được hưởng chi là các mầm lúa. Đối với các Học xứ dấy khởi nghi hoặc do dự cũng lại như thế. Vì điều ấy đã che lấp tâm, khiến tâm trở thành khô cứng, tạo sự sinh khởi nhân xấu. Hãy còn không thể khiến tâm có được quyết định tà vạy, hưởng hồ là có được quyết định đúng đắn. Đó gọi là đối với Học xứ tâm mới sinh khởi.

Thế nào là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp? Tức kẻ ấy nơi tâm mới sinh khởi chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại trừ. Đó gọi là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

4. *Nếu đối với các Giáo pháp dạy khuyên dấy khởi nghi hoặc do dự, là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh, đó gọi là loại thứ tư, tức đối với các giáo pháp dạy khuyên tâm mới sinh khởi, chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.*

Thế nào là Giáo pháp dạy khuyên? Nghĩa là chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác do chánh tri chánh kiến cứ mỗi nửa tháng giảng nói Kinh Giới Biệt Giải Thoát. Đó gọi là giáo pháp dạy khuyên. Như nói: “Ta đã chỉ dạy khuyên bảo như thế, Ta đã khuyên dạy sự việc ấy, nơi lý của pháp thiện không thể chứng đắc. Ta đã chỉ dạy khuyên bảo như thế, Ta đã khuyên dạy sự việc ấy, nơi lý của pháp thiện tức có thể chứng đắc”.

Thế nào là đối với giáo pháp dạy khuyên dấy khởi nghi hoặc do dự? Nghĩa là chư Phật Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cứ mỗi nửa tháng giảng nói Kinh Giới Biệt Giải Thoát, nhưng đối với các giáo pháp ấy lại khởi nghi hoặc do dự. Đó gọi là đối với giáo pháp dạy khuyên dấy khởi nghi hoặc do dự.

Thế nào là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh? Nghĩa là nếu đối với các giáo pháp dạy khuyên kia đây khởi vô số nghi hoặc do dự, thì người này đối với việc đoạn trừ phiền não không thể phát khởi để thuận theo tâm, thuận theo ý muốn, thuận theo niềm tin, thuận theo thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh.

Thế nào là loại thứ tư? Nghĩa là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo số thứ tự là thứ tư.

Thế nào là đối với giáo pháp dạy khuyên tâm mới sinh khởi? Nghĩa là đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác do chánh tri chánh kiến nên mỗi mỗi nửa tháng giảng nói Kinh Giới Biệt Giải Thoát, lại sinh vô số nghi hoặc do dự, thì ở tâm của người ấy đã tự tạo ra sự sinh khởi. Ví như nông phu tuy có ruộng đất tốt, nhưng nếu không chịu cày bừa, trồng trọt, để cho đất khô cứng cằn cỗi, ngay như các loài cỏ dại hãy còn không mọc được hưởng chi là các mầm lúa. Đối với các giáo pháp dạy khuyên khởi nghi hoặc do dự cũng lại như thế. Vì các thứ ấy đã che lấp tâm, khiến tâm trở thành khô cứng, tạo sự sinh khởi nhân xấu. Hãy còn không thể khiến tâm có được quyết định tà vạy, hưởng hồ là có được quyết định đúng đắn. Đó gọi là đối với giáo pháp dạy khuyên tâm mới sinh khởi.

Thế nào là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp? Tức kẻ ấy nơi tâm mới sinh khởi chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại trừ. Đó gọi là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

5. *Nếu đối với các vị Bí-sô Thượng tọa thông tuệ, từ lâu đã hội nhập nơi pháp Phật cùng tu phạm hạnh, cho đến được bậc Đại sư, các vị có trí đồng phạm hạnh đều khen ngợi, tán thán, hộ niệm, yêu kính. Nhưng loại hữu tình kia đối với các bậc phạm hạnh, có trí nêu trên lại khởi giận dữ, hủy báng, mạ lỵ, gây não hại, tức là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh. Nếu đã tạo các sự việc như thế, đó gọi là loại thứ năm, tức đối với các*

bậc có trí, phạm hạnh, tâm mới sinh khởi, chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

Thế nào là Đại sư? Nghĩa là chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Thế nào là các vị có trí đồng phạm hạnh? Đó là các Hiền Thánh đệ tử Đức Phật như: Xá Lợi Tử, Đại Thái Thục Thị, Đại Doanh Cầu Thị, Đại Âm Quang, Đại Chấp Tạng, Đại Kiếp Phi Na, Đại Ca Đa Diễn Na, Đại Chuân Đà, Đại Thiện Kiến, Đại Lộ, Đại Danh, Vô Diệt, Dục Lạc, Kim Tỳ La v.v... Đó gọi là các vị có trí đồng phạm hạnh. Nếu được bậc Đại sư cùng các vị có trí đồng phạm hạnh cùng khen ngợi, tán dương, hộ niệm, yêu kính, đó gọi là các Bí-sô Thượng tọa thông tuệ từ lâu đã hội nhập nơi pháp Phật cùng tu phạm hạnh. Tức những Bí-sô này gọi là các vị có trí tu phạm hạnh.

Thế nào là đối với các vị có trí tu phạm hạnh lại dấy khởi giận dữ, hủy báng, mạ ly, gây ão hại? Tức kẻ ấy đối với các bậc có trí tu phạm hạnh đã dấy khởi tâm giận dữ, nói ra những lời không tùy thuận, biểu thị sự hủy báng, xúc phạm. Đó gọi là đối với các vị có trí tu phạm hạnh lại dấy khởi giận dữ, hủy báng, mạ ly, gây ão hại.

Thế nào là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh? Nghĩa là nếu đối với các bậc có trí tu phạm hạnh dấy khởi giận dữ, hủy báng, mạ ly, gây ão hại, thì người ấy đối với việc đoạn trừ phiền ão không thể phát khởi để thuận theo tâm, thuận theo ý muốn, thuận theo niềm tin, thuận theo thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là không ngộ nhập, không thắng giải, không tin tưởng thanh tịnh.

Thế nào là loại thứ năm? Nghĩa là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo số thứ tự là thứ năm.

Thế nào là đối với các bậc có trí, phạm hạnh, tâm mới sinh khởi? Nghĩa là nếu ở chỗ các bậc có trí tu phạm hạnh dấy khởi giận dữ, hủy báng, mạ ly, gây ão hại, thì tâm người ấy đã tự tạo ra sự sinh

khởi. Ví như nông phu tuy có ruộng đất tốt, nhưng nếu không chịu cày bừa, trồng trọt, để cho đất khô cứng cằn cỗi, ngay như các loài cỏ dại hãy còn không mọc được hưởng chi là các mầm lúa. Đối với các bậc có trí tu phạm hạnh dấy khởi giận dữ, hủy báng, mạ lỵ, gây xúc não cũng lại như thế. Vì điều ấy đã che lấp tâm, khiến tâm trở thành khô cứng, tạo sự sinh khởi nhân xấu. Hãy còn không thể khiến tâm có được quyết định tà vạy, huống hồ là có được quyết định đúng đắn. Đó gọi là đối với các bậc có trí tu phạm hạnh tâm mới sinh khởi.

Thế nào là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp? Tức kẻ ấy đối với tâm mới sinh khởi chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại trừ. Đó gọi là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

*

*** *Năm tâm bị trói buộc:*** Cụ thọ nên biết! *Những gì là năm?*

1. Như có một loại hữu tình đối với thân chưa lìa tham, chưa lìa dục, chưa lìa thân tình, chưa lìa khát ái. Kẻ ấy do đối với thân chưa lìa tham v.v..., nên đối với pháp gia hạnh tinh tấn dũng mãnh đoạn trừ hoàn toàn, đạt được tịch tĩnh chứng đắc nghĩa trên, tâm không ngộ nhập, không tin tưởng thanh tịnh, không an trụ, không thắng giải. Nếu đối với pháp gia hạnh tinh tấn dũng mãnh v.v..., tâm không ngộ nhập cho đến không thắng giải, đó gọi là loại thứ nhất, tức đối với thân chưa lìa tham v.v... tâm bị trói buộc, chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại trừ.

2. Lại nữa, các Cụ thọ nên biết! Như có một loại hữu tình đối với các cảnh dục chưa lìa tham, chưa lìa dục, chưa lìa thân tình, chưa lìa khát ái. Kẻ ấy do đối với dục chưa lìa tham v.v..., nên đối với pháp gia hạnh tinh tấn dũng mãnh đoạn trừ hoàn toàn, đạt được tịch tĩnh chứng đắc nghĩa trên, tâm không ngộ nhập, không tin tưởng thanh tịnh, không an trụ, không thắng giải. Nếu đối với pháp gia hạnh tinh tấn dũng mãnh v.v..., tâm không ngộ nhập cho đến không

thắng giải, đó gọi là loại thứ hai, tức đối với dục chưa lìa tham v.v... tâm bị trói buộc, chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại trừ.

3. Lại nữa, các Cụ thọ nên biết! Như có một loại hữu tình vui thích cùng với người tại gia, xuất gia sống chung, đối với vui đồng vui, ở nơi khổ đồng khổ, đồng mừng đồng lo, nơi các sự việc đều cùng hưng khởi, hoàn toàn tùy duyên, không cùng lìa bỏ. Kẻ ấy do vui thích cùng với người tại gia, xuất gia sống chung như thế v.v..., nên đối với pháp gia hạnh tinh tấn dũng mãnh, đoạn trừ hoàn toàn, đạt được tịch tĩnh, chứng đắc nghĩa trên, tâm không ngộ nhập, không tin tưởng thanh tịnh, không an trụ, không thắng giải. Nếu đối với pháp gia hạnh tinh tấn dũng mãnh v.v..., tâm không ngộ nhập cho đến không thắng giải, đó gọi là loại thứ ba, tức vui thích cùng ở chung nên tâm bị trói buộc, chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại trừ.

4. Lại nữa, các Cụ thọ nên biết! Như có một loại hữu tình đối với các thứ luận chân chánh, là Thánh, trừ diệt hết, có thể hướng tâm lìa bỏ mọi ngăn che, đạt được an lạc. Nghĩa là các Luận về giới, Luận về định, Luận về tuệ, Luận về giải thoát, Luận về giải thoát trí kiến. Hoặc các Luận về thiếu dục, Luận về hỷ túc, Luận về sự tổn giảm, Luận về sự giản lược, Luận về đoạn trừ hoàn toàn, Luận về lìa nhiễm, Luận về tịch diệt, các Luận tùy thuận duyên tánh duyên khởi. Kẻ ấy khi ở nơi nêu giảng các Luận như thế, thì không cung kính lắng nghe, không chú tâm lãnh hội, không trụ nơi việc thọ giáo, tâm không hành pháp theo pháp, vượt bỏ lời dạy của bậc Đại sư, đối với các Học xứ không vui thích thọ học. Kẻ ấy do khi ở nơi nêu giảng các Luận như thế đã không cung kính lắng nghe v.v..., nên đối với pháp gia hạnh tinh tấn dũng mãnh, đoạn trừ hoàn toàn, đạt được tịch tĩnh, chứng đắc nghĩa trên, tâm không ngộ nhập, không tin tưởng thanh tịnh, không an trụ, không thắng giải. Nếu đối với pháp gia hạnh tinh tấn dũng mãnh v.v..., tâm không

ngộ nhập cho đến không thắng giải, đó gọi là loại thứ tư, tức đối với các Luận chân chánh, tâm bị trói buộc, chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại trừ.

5. Lại nữa, các Cụ thọ nên biết! Như có một loại hữu tình mới chứng được chút ít, tuy thời gian về sau đã tạo được các việc thù thắng, nhưng bỏ dở nửa chừng. Kẻ ấy do chứng đắc chút ít, nên đối với pháp gia hạnh tinh tấn dũng mãnh, đoạn trừ hoàn toàn, đạt được tịch tĩnh, chứng đắc nghĩa trên, tâm không ngộ nhập, không tin tưởng thanh tịnh, không an trụ, không thắng giải. Nếu đối với pháp gia hạnh tinh tấn dũng mãnh v.v..., tâm không ngộ nhập cho đến không thắng giải, đó gọi là loại thứ năm. Về sau có hành tác thù thắng, nhưng tâm bị trói buộc, chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại trừ.

Ở đây:

1. *Đối với thân chưa lìa tham, chưa lìa dục, chưa lìa thân tình, chưa lìa khát ái:* Nghĩa là do thân tham luyến, khiến tâm bị trói buộc, không được xuất ly, nên nói là đối với thân chưa lìa tham v.v...

Nên đối với pháp gia hạnh tinh tấn dũng mãnh đoạn trừ hoàn toàn, đạt được tịch tĩnh chứng đắc nghĩa trên: Thế nào là nên đối với tinh tấn dũng mãnh? Nghĩa là nếu đối với thân sinh khởi tham luyến, nên ở nơi việc tinh tấn dũng mãnh đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, thể dụng đang gắng sức vượt bậc, tâm được thúc đẩy nối tiếp không gì có thể ngăn cản, đó gọi là tinh tấn dũng mãnh. Kẻ ấy đối với sự việc này đã không khởi vui thích mong muốn, do đấy nói: Nên đối với tinh tấn dũng mãnh.

Thế nào là nên đối với pháp gia hạnh? Nghĩa là nếu đối với thân sinh khởi tham luyến, nên ở nơi việc đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, đó gọi là gia hạnh. Kẻ ấy đối với sự việc kia đã không khởi vui thích mong muốn, do đấy nói: Nên đối với pháp gia hạnh.

Thế nào là nên đối với sự đoạn trừ hoàn toàn? Nghĩa là nếu đối với thân sinh khởi tham luyến, nên ở nơi việc đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, là tám Thánh đạo, đó gọi là đoạn trừ hoàn toàn. Kẻ ấy đối với sự việc kia đã không khởi vui thích mong muốn, do đây nói: Nên đối với sự đoạn trừ hoàn toàn.

Thế nào là nên đối với sự tịch tĩnh? Nghĩa là nếu đối với thân sinh khởi tham luyến, nên ở nơi việc đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, là trụ nơi phòng thất vắng vẻ, đó gọi là tịch tĩnh. Kẻ ấy đối với sự việc này đã không khởi vui thích mong muốn, do đây nói: Nên đối với sự tịch tĩnh.

Thế nào là nên đối với sự chứng đắc nghĩa trên? Nghĩa là nếu đối với thân sinh khởi tham luyến, nên ở nơi việc đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, là chứng đắc ái dục được lìa dứt hết, đạt Niết-bàn tịch diệt, đó gọi là chứng đắc nghĩa trên. Kẻ ấy đối với sự việc kia đã không khởi vui thích mong muốn, do đây nói: Nên đối với sự chứng đắc nghĩa trên.

Tâm không ngộ nhập, không tin tưởng thanh tịnh, không an trụ, không thắng giải: Nghĩa là nếu đối với thân sinh khởi tham luyến, kẻ ấy đối với việc đoạn trừ hoàn toàn các phiền não đã không đầy khởi dễ thuận theo tâm, thuận theo niềm tin, thuận theo ý muốn, thuận theo thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải, do đây nói: Tâm không ngộ nhập, không tin tưởng thanh tịnh, không an trụ, không thắng giải.

Đó gọi là loại thứ nhất: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp số thứ tự là thứ nhất.

Đối với thân chưa lìa tham v.v.. tâm bị trói buộc: Nghĩa là nếu đối với thân sinh khởi tham luyến sâu xa, nên tâm kẻ ấy càng bị trói buộc, trói buộc rất chặt, như bị một người mạnh mẽ dùng dây rất chắc cột trói thật chặt rồi rưới nước vào dây buộc. Kẻ ấy gọi là bị trói

buộc rất chặt. Như vậy, nếu đối với thân tham luyện sâu xa thì tâm bị trói buộc rất chặt.

Chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại trừ: Nghĩa là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

2. *Đối với các cảnh dục chưa lìa tham v.v... tâm bị trói buộc v.v...:* Nói rộng cũng như thế.

3. *Vui thích cùng với người tại gia, xuất gia sống chung:* Nghĩa là thường vui thích cùng với người tại gia, xuất gia sinh hoạt tạp loạn.

Đối với vui đồng vui, ở nơi khổ đồng khổ: Nghĩa là đối với sự việc vui cùng nhận vui, đối với sự việc khổ cùng chịu khổ.

Đồng mừng đồng lo: Nghĩa là nơi sự việc vui mừng cùng sinh hoan hỷ. Đối với các sự việc lo lắng cùng khởi sầu lo.

Nơi các sự việc đều cùng hưng khởi, hoàn toàn tùy chuyển, không cùng lìa bỏ: Nghĩa là đối với vô số sự việc đang hành tác đều cùng tương trợ, thân tâm không biếng trễ.

Các việc còn lại: Như trước đã nói.

4. *Đối với các thứ luận chân chánh: Thế nào là Luận chân chánh?* Nghĩa là dựa vào nẻo xuất ly, xa lìa, đã sinh ra các pháp thiện phát khởi ngữ luận: Nói năng, đề xướng, bình phẩm, nghị luận, hiển bày, biện giải với đủ thứ ngữ âm, ngữ lộ, ngữ nghiệp, ngữ biểu. Đó gọi là Luận chân chánh.

Là Thánh: Có hai loại Thánh, nghĩa là do thiện và do vô lậu. Ở đây, nói Luận do thiện nên là Thánh, không phải do vô lậu.

Trừ diệt hết: Nghĩa là các Luận chân chánh này, trong đêm dài sinh tử, có thể dẫn đến các hạnh thiếu dục, hỷ túc, dễ đầy đủ, dễ nuôi dưỡng, tổn giảm, trừ diệt hết. Công đức của hạnh đầu đà là biết lượng định, sống thanh tịnh, nên gọi là trừ diệt hết.

Có thể hướng tâm liả bỏ mọi ngăn che, đạt được an lạc: Nay trong nghĩa này nói tâm gọi là tâm. Tức các Luận chân chánh ấy khiến tâm đoạn trừ mọi sự ngăn che, đạt được thanh tịnh an lạc. Do đây nên nói có thể hướng tâm liả bỏ mọi ngăn che, đạt được an lạc.

Luận về giới: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về lỗi lầm của sự phạm giới và công đức của việc trì giới, nên gọi là Luận về giới.

Luận về định: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về lỗi lầm của sự tán động và công đức của hành chánh định, nên gọi là Luận về định.

Luận về tuệ: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về lỗi lầm của tuệ ác và công đức của tuệ diệu, nên gọi là Luận về tuệ.

Luận về giải thoát: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về lỗi lầm của giải thoát tà vạy và công đức của giải thoát đích thực, nên gọi là Luận về giải thoát.

Luận về giải thoát trí kiến: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về lỗi lầm của trí sai lạc và công đức của chánh trí, nên gọi là Luận về giải thoát trí kiến.

Luận về thiếu dục: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về tai họa của nhiều dục và công đức của ít dục, nên gọi là Luận về thiếu dục.

Luận về hỷ túc (Biết đủ): Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về tai họa của sự không biết đủ và công đức của sự biết đủ, nên gọi là Luận về hỷ túc.

Luận về sự tổn giảm: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về tai họa của sự tăng trưởng sinh tử và công đức của sự tổn giảm sinh tử, nên gọi là Luận về sự tổn giảm.

Luận về sự giản lược: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về lỗi lầm của nhiều sự việc và công đức của sự việc giản lược, nên gọi là Luận về sự giản lược.

Luận về đoạn trừ hoàn toàn: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về tai họa của các kiết và công đức của hành đoạn trừ kiết, nên gọi là Luận về đoạn trừ hoàn toàn.

Luận về lìa nhiễm: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về tai họa của sự tham nhiễm và công đức của sự lìa nhiễm, nên gọi là Luận về lìa nhiễm.

Luận về tịch diệt: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về tai họa của hữu thân và công đức của sự diệt trừ hữu thân, nên gọi là Luận về tịch diệt.

Luận về tùy thuận duyên tánh duyên khởi: Tức luận chân chánh này có thể hiển bày đúng đắn về việc nêu đặt, kiến lập, tuyên thuyết pháp duyên khởi duyên sinh cùng thiện nhân kia, nên gọi là Luận về tùy thuận duyên tánh duyên khởi.

Kẻ ấy khi ở nơi nêu giảng các Luận như thế thì không cung kính lắng nghe, không chú tâm lãnh hội, không trụ nơi việc thọ giáo, tâm không hành pháp theo pháp, vượt bỏ lời dạy của bậc Đại sư, đối với các Học xứ không vui thích thọ học: Nghĩa là đối với các thứ luận chân chánh kia, kẻ ấy đã bị vây buộc, ngăn chận, nên không thể cung kính lắng nghe, lãnh hội.

Nên đối với tinh tấn dũng mãnh: Nghĩa là đối với các luận chân chánh, kẻ ấy đã bị vây buộc, ngăn chận, nên không thể cung kính lắng nghe, lãnh hội v.v..., tức đối với tinh tấn dũng mãnh đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, thế dụng đang gắng sức vượt bậc, tâm được thúc đẩy nối tiếp không gì có thể ngăn cản, đó gọi là tinh tấn dũng mãnh. Kẻ ấy đối với sự việc kia đã không khởi vui thích mong muốn, do đấy nói: Nên đối với tinh tấn dũng mãnh.

Nên đối với pháp gia hạnh: Nghĩa là đối với các luận chân chánh, kẻ ấy đã bị vây buộc, ngăn chặn, nên không thể cung kính lắng nghe, lãnh hội v.v..., tức đối với việc đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, đó gọi là gia hạnh. Kẻ ấy đối với sự việc kia đã không khởi vui thích mong muốn, do đấy nói: Nên đối với pháp gia hạnh.

Nên đối với sự đoạn trừ hoàn toàn: Nghĩa là đối với các luận chân chánh, kẻ ấy đã bị vây buộc, ngăn chặn, nên không thể cung kính lắng nghe, lãnh hội v.v..., tức đối với việc đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, là tám Thánh đạo, đó gọi là đoạn trừ hoàn toàn. Kẻ ấy đối với sự việc kia đã không khởi vui thích mong muốn, do đấy nói: Nên đối với sự đoạn trừ hoàn toàn.

Nên đối với sự tịch tĩnh: Nghĩa là đối với các luận chân chánh, kẻ ấy đã bị vây buộc, ngăn chặn, nên không thể cung kính lắng nghe, lãnh hội v.v..., tức đối với việc đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, là trụ nơi chốn vắng vẻ, đó gọi là tịch tĩnh. Kẻ ấy đối với sự việc này đã không khởi vui thích mong muốn, do đấy nói: Nên đối với sự tịch tĩnh.

Nên đối với sự chứng đắc nghĩa trên: Nghĩa là đối với các luận chân chánh, kẻ ấy đã bị vây buộc, ngăn chặn, nên không thể cung kính lắng nghe, lãnh hội v.v..., tức đối với việc đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, là chứng đắc ái dục lìa hết, đạt Niết-bàn tịch diệt, đó gọi là chứng đắc nghĩa trên. Kẻ ấy đối với sự việc này đã không khởi vui thích mong muốn, do đấy nói: Nên đối với sự chứng đắc nghĩa trên.

Tâm không ngộ nhập, không tin tưởng thanh tịnh, không an trụ, không thắng giải: Nghĩa là đối với các luận chân chánh, kẻ ấy đã bị vây buộc, ngăn chặn, nên không thể cung kính lắng nghe, lãnh hội v.v..., tức đối với việc đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, kẻ ấy đã không dấy khởi để thuận theo tâm, thuận theo niềm tin, thuận theo ý muốn, thuận theo thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải, do đấy

nói: Tâm không ngộ nhập, không tin tưởng thanh tịnh, không an trụ, không thắng giải.

Đó gọi là loại thứ tư: Như trước đã nói.

Tâm bị trói buộc v.v...: Như trước đã nói.

5. *Mới chứng được chút ít, tuy thời gian về sau đã tạo được các việc thù thắng, nhưng bỏ dở nửa chừng:* Thế nào là mới chứng được chút ít? Tức như có một loại hữu tình chỉ đạt được giới cấm, liền cho là đủ, hoặc cho đến chỉ chứng được phần ít Sinh tử trí thông liền cho là đủ. Như thế đều gọi là mới chứng được chút ít.

Tuy thời gian về sau đã tạo được các việc thù thắng: Tức kẻ ấy chưa thể đoạn trừ hết phiền não, cũng chưa chứng đắc việc đoạn trừ các phiền não, do vậy nên nói: Tuy thời gian về sau đã tạo được các việc thù thắng.

Nhưng bỏ dở nửa chừng: Tức bỏ nẻo hành thiện, biếng trễ phế bỏ sự tinh tấn, do vậy nói là bỏ dở nửa chừng.

Nên đối với tinh tấn dũng mãnh: Nghĩa là nơi cõi này, chưa làm được các việc khó nhọc, chưa đoạn trừ các kiết, nên đối với việc đoạn trừ hoàn toàn các phiền não, là tinh tấn dũng mãnh, thể dụng đang gắng sức vượt bậc, tâm được thúc đẩy nối tiếp không gì có thể ngăn cản, đó gọi là tinh tấn dũng mãnh. Kẻ ấy đối với các sự việc này đã không khởi vui thích mong muốn, do vậy nói: Nên đối với tinh tấn dũng mãnh.

Nên đối với pháp gia hạnh, đoạn trừ hoàn toàn, đạt được tịch tĩnh, chứng đắc nghĩa trên v.v...: Điều căn cứ theo như trước đã nói.

Đó gọi là loại thứ năm: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp số thứ tự là thứ năm.

Về sau có hành tác thù thắng, nhưng tâm bị trói buộc: Nghĩa là ở cõi này chưa làm được các việc khó nhọc, chưa đoạn trừ các kiết,

nên tâm bị trói buộc chặt, hết sức chặt, như bị một người mạnh mẽ dùng dây rất chắc cột trói thật chặt rồi rưới nước vào dây buộc. Kẻ ấy gọi là bị trói buộc rất chặt.

Như thế, về sau có hành tác thù thắng: Nghĩa là kẻ ấy nơi cõi này chưa làm được các việc cần gắng sức, chưa đoạn trừ hết các kiết, nên tâm bị trói buộc thật chặt.

Chưa hàng phục, chưa hoàn toàn loại trừ: Nghĩa là chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp.

*

*** Năm kiết thuận phần dưới:** 1. Kiết dục tham thuận phần dưới. 2. Kiết giận dữ thuận phần dưới. 3. Kiết hữu thân kiến thuận phần dưới. 4. Kiết giới cấm thủ thuận phần dưới. 5. Kiết nghi thuận phần dưới.

1. Kiết dục tham thuận phần dưới: Thế nào là dục tham? Tức đối với cảnh dục có các thứ tham cùng tham, nắm giữ v.v..., nói rộng cho đến là loại tham, sinh ra tham. Đó gọi là dục tham. *Kiết thuận phần dưới:* Phần dưới nghĩa là cõi Dục, phần trên tức là cõi Sắc và Vô sắc. Do dục tham ấy chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, nên liền đi đến cõi Dục, sinh vào cõi Dục, kết thành sự sống nơi cõi Dục. Đó gọi là kiết dục tham thuận phần dưới.

2. Kiết giận dữ thuận phần dưới: Thế nào là giận dữ? Tức đối với các hữu tình có ý muốn gây tổn hại v.v..., nói rộng cho đến hiện gây tội lỗi. Đó gọi là giận dữ. *Kiết thuận phần dưới:* Nói rộng như trước.

3. Kiết hữu thân kiến thuận phần dưới: Thế nào là hữu thân kiến? Tức đối với năm thủ uẩn, theo đây chấp thấy có ngã và ngã sở, từ đó khởi tuệ quán thấy có thọ nhận, ham muốn. Đó gọi là hữu thân kiến. *Kiết thuận phần dưới:* Nói rộng như trước.

4. *Kiệt giới cấm thủ thuận phần dưới: Thế nào là giới cấm thủ?* Tức như có một loại hữu tình chấp giữ các giới, cho các giới này có thể được giải thoát, xuất ly thanh tịnh, vượt khỏi nẻo khổ vui cùng có thể chứng được xứ vượt quá khổ vui. Lại có một loại hữu tình chấp giữ nơi điều răn cấm, hoặc chấp giữ cả giới cấm, với kiến chấp như đã nêu ở trên. Đó gọi là giới cấm thủ. *Kiệt thuận phần dưới:* Nói rộng như trước.

5. *Kiệt nghi thuận phần dưới: Thế nào là nghi?* Tức đối với Phật, Pháp, Tăng và bốn đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo sinh khởi nghi hoặc v.v... nói rộng cho đến không phải hiện có một nẻo nào. Đó gọi là kiết nghi. *Kiệt thuận phần dưới:* Phần dưới nghĩa là cõi Dục, phần trên tức là cõi Sắc và Vô sắc. Do nghi ấy chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, nên liền đi đến cõi Dục, sinh vào cõi Dục, kết thành sự sống nơi cõi Dục. Đó gọi là kiết nghi thuận phần dưới.

*

*** Năm kiết thuận phần trên:** 1. Kiết sắc tham thuận phần trên. 2. Kiết vô sắc tham thuận phần trên. 3. Kiết trạo cử thuận phần trên. 4. Kiết mạn thuận phần trên. 5. Kiết vô minh thuận phần trên.

1. *Kiệt sắc tham thuận phần trên: Thế nào là sắc tham?* Tức các thứ tham cùng tham hệ thuộc cõi Sắc, là pháp do tu đạo đoạn trừ. Các thứ tham ấy đã được nắm giữ, cất chứa, đấm cháp, tham ái. Đó gọi là sắc tham. *Kiệt thuận phần trên:* Phần dưới nghĩa là cõi Dục, phần trên tức là cõi Sắc và Vô sắc. Do sắc tham ấy chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, nên liền đi đến cõi Sắc, sinh vào cõi Sắc, kết thành sự sống ở cõi Sắc. Đó gọi là kiết sắc tham thuận phần trên.

2. *Kiệt vô sắc tham thuận phần trên: Thế nào là vô sắc tham?* Tức các thứ tham cùng tham hệ thuộc cõi Vô sắc, là pháp do tu đạo đoạn trừ. Các thứ tham ấy đã được nắm giữ, cất chứa, đấm cháp, tham ái. Đó gọi là vô sắc tham. *Kiệt thuận phần trên:* Phần dưới

nghĩa là cõi Dục, phần trên tức là cõi Sắc và Vô sắc. Do vô sắc tham ấy chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, nên liền đi đến cõi Vô sắc, sinh vào cõi Vô sắc, kết thành sự sống ở cõi Vô sắc. Đó gọi là kiết vô sắc tham thuận phần trên.

3. *Kiết trạo cử thuận phần trên: Thế nào là trạo cử?* Tức các thứ không tịch tĩnh, hết sức không tịch tĩnh hệ thuộc cõi Sắc và Vô sắc, là pháp do tu đạo đoạn trừ. Các thứ ấy là tánh sinh ra trạo cử, là tánh của tâm loạn động. Đó gọi là trạo cử. *Kiết thuận phần trên:* Phần dưới nghĩa là cõi Dục, phần trên tức là cõi Sắc và Vô sắc. Do trạo cử ấy chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, nên liền đi đến cõi Sắc và Vô sắc, sinh vào cõi Sắc và Vô sắc, kết thành sự sống ở cõi Sắc và Vô sắc. Đó gọi là kiết trạo cử thuận phần trên.

4. *Kiết mạn thuận phần trên: Thế nào là mạn?* Tức các thứ kiêu mạn hệ thuộc cõi Sắc và Vô sắc, là pháp do tu đạo đoạn trừ. Các mạn ấy đã được nắm giữ, dựa cậy, là tánh của tâm cao ngạo, khinh miệt. Đó gọi là mạn. *Kiết thuận phần trên:* Phần dưới nghĩa là cõi Dục, phần trên tức là cõi Sắc và Vô sắc. Do mạn ấy chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, nên liền đi đến cõi Sắc và Vô sắc, sinh vào cõi Sắc và Vô sắc, kết thành sự sống ở cõi Sắc và Vô sắc. Đó gọi là kiết mạn thuận phần trên.

5. *Kiết vô minh thuận phần trên: Thế nào là vô minh?* Tức các thứ ngu si, không trí, tối tăm, không sáng hệ thuộc cõi Sắc và Vô sắc, là pháp do tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là vô minh. *Kiết thuận phần trên:* Phần dưới nghĩa là cõi Dục, phần trên tức là cõi Sắc và Vô sắc. Do vô minh này chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, nên liền đi đến cõi Sắc và Vô sắc, sinh vào cõi Sắc và Vô sắc, kết thành sự sống ở cõi Sắc và Vô sắc. Đó gọi là kiết vô minh thuận phần trên.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 13

Phẩm 6: NĂM PHÁP, phần 3

(Phân quyển theo Tạng đời Minh)

2. Tụng nêu tổng quát thứ hai:

*Hai: Năm pháp mười bốn
Là không nhẫn cùng nhẫn
Tồn giảm và viên mãn
Ngũ lộ, xứ không thể.
Chi thắng, giải thoát tướng
Giải thoát xứ, căn, lực
Bất hoàn và Tịnh cư
Cõi xuất ly đều năm.*

Gồm có: Năm lỗi làm không nhẫn, năm công đức có thể nhẫn, năm thứ tồn giảm, năm thứ viên mãn, năm ngũ lộ, năm xứ không còn kham nhận, năm thắng chi, năm tướng giải thoát thành thực, năm xứ giải thoát, năm căn, năm lực, năm Bất hoàn, năm trời Tịnh cư, năm cảnh giới xuất ly.

*

* *Năm lỗi làm không nhẫn:* 1. Bạo ác. 2. Lo buồn, hôi tiếc.
3. Chúng sinh không yêu không thích. 4. Tiếng xấu lưu truyền

khắp mười phương. 5. Thân hoại mạng chung bị đọa vào đường ác địa ngục.

1. Thế nào là bạo ác?

Đáp: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la (Hữu tình) không thể nhẫn, nơi các nhân duyên không nhẫn, đã tích tập đao gậy, vui thích gây tổn hại. Đó gọi là bạo ác.

2. Thế nào là lo buồn, hối tiếc?

Đáp: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la không thể nhẫn, nơi các nhân duyên không nhẫn, nên thân hành hành ác, ngữ hành hành ác, ý hành hành ác, nhân đầy sinh nhiều lo buồn, hối tiếc, thân tâm nhiệt nảo. Đó gọi là lo buồn, hối tiếc.

3. Thế nào là chúng sinh không yêu không thích?

Đáp: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la không thể nhẫn, nơi các nhân duyên không nhẫn: Nếu bị kẻ khác mắng nhiếc thì mắng nhiếc lại, hoặc bị kẻ khác giận dữ, đánh đập, nảo hại, đũa cột thì đều giận dữ, đánh đập, nảo hại, đũa cột trở lại, do chúng sinh ấy không yêu không thích. Những kẻ kia do các nhân duyên mắng nhiếc, đánh đập trở lại như thế, nên gọi là chúng sinh không yêu không thích.

4. Thế nào là tiếng xấu lưu truyền khắp mười phương?

Đáp: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la không thể nhẫn, nơi các nhân duyên không nhẫn, nên luôn cùng tranh chấp, ưa cãi cọ, kiện tụng, khinh chê, hủy báng, do đầy tiếng xấu lan truyền khắp nơi. Những kẻ kia do các sự việc như thế, nên gọi là tiếng xấu lưu truyền khắp mười phương.

5. Thế nào là thân hoại mạng chung bị đọa vào đường ác địa ngục?

Đáp: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la không thể nhẫn, nơi các nhân duyên không nhẫn, nên thân ngữ ý đã hành tác nhiều hành ác tăng

thượng. Do đấy nên khi thân hoại mạng chung bị đọa nơi nẻo ác là đạ địa ngục nhận lấy khổ não dữ dội.

*

*** Năm công đức có thể nhẫn:** 1. Không bạo ác. 2. Không lo buồn, hối tiếc. 3. Chúng sinh yêu thích. 4. Tiếng tốt lưu truyền khắp mười phương. 5. Thân hoại mạng chung được sinh nơi nẻo thiện cõi trời.

1. Thế nào là không bạo ác?

Đáp: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có thể nhẫn, nơi các nhân duyên có thể nhẫn, nên không tích tập đao gậy, không gây tổn hại. Đó gọi là không bạo ác.

2. Thế nào là không lo buồn, hối tiếc?

Đáp: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có thể nhẫn, nơi các nhân duyên có thể nhẫn, nên thân hành hành diệu, ngữ hành hành diệu, ý hành hành diệu, do đấy không sinh lo buồn, hối tiếc, thân tâm trong mát. Đó gọi là không lo buồn, hối tiếc.

3. Thế nào là chúng sinh yêu thích?

Đáp: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có thể nhẫn, nơi các nhân duyên có thể nhẫn, nên đối với các trường hợp bị người kia mắng nhiếc, giận dữ, đánh đập, não hại, đù cọt, đều không hề đáp trả lại, do chúng sinh này thấy đều yêu thích. Những người ấy do không hề hành tác đáp trả như vậy, nên gọi là chúng sinh yêu thích.

4. Thế nào là tiếng tốt lưu truyền khắp mười phương?

Đáp: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có thể nhẫn, nơi các nhân duyên có thể nhẫn, nên thường không tranh chấp, không cùng cãi cộ, kiện tụng, khinh chê, hủy báng, do đấy tiếng tốt lan truyền khắp nơi.

Những người ấy do các nhân duyên như thế, nên gọi là tiếng tốt lưu truyền khắp mười phương.

5. Thế nào là khi thân hoại mạng chung được sinh nơi nẻo thiện cõi trời?

Đáp: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có thể nhẫn, nơi các nhân duyên có thể nhẫn, nên thân ngữ ý đã hành tác nhiều hành diệp tăng thượng. Do vậy nên khi thân hoại mạng chung được sinh nơi nẻo thiện là cảnh trời thọ hưởng diệp lạc.

*

** Năm thứ tổn giảm:* 1. Thân thuộc tổn giảm. 2. Tiền của tổn giảm. 3. Sức khỏe tổn giảm. 4. Giới tổn giảm. 5. Kiến giải tổn giảm.

1. Thế nào là thân thuộc tổn giảm?

Đáp: Như có các thân thuộc gặp phải các tai nạn như: vua quan xấu ác, giặc cướp, lửa cháy, nước cuốn, chết chóc. Lại, thiếu thân thuộc cũng được gọi là thân thuộc tổn giảm. Như thế gọi là thân thuộc tổn giảm.

Vì sao gọi là thân thuộc tổn giảm? Do pháp như thế là không thể yêu, không thể thích, không thể nhẫn, không người cứu giúp, có chống trái, gây tổn hại, không vừa ý. Thế nên gọi là thân thuộc tổn giảm.

2. Thế nào là tiền của tổn giảm?

Đáp: Như có kẻ nhiều tiền của gặp phải các tai nạn như: vua quan xấu ác, giặc cướp, lửa cháy, nước cuốn, kẻ oán khiến mất hết. Lại, thiếu tiền của vật báu cũng gọi là tiền của tổn giảm.

Vì sao gọi là tiền của tổn giảm? Do pháp như thế là không thể yêu, không thể thích, không thể vui mừng, không thể vừa ý. Phần còn lại như trước đã nói.

3. Thế nào là sức khỏe tồn giảm?

Đáp: Như đối với thân gặp phải các bệnh như thế, nghĩa là các bệnh như đau đầu v.v... nói rộng như trước. Lại, trong thân này có các bệnh như sỏi v.v... cũng gọi là sức khỏe tồn giảm.

Vì sao gọi là sức khỏe tồn giảm? Do pháp như thế là không thể yêu, không thể thích v.v... Phần còn lại như trước đã nói.

4. Thế nào là giới tồn giảm?

Đáp: Như hại sinh mạng, không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh, nói lời hư dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói lời uế tạp. Lại, các giới bất thiện hiện có, hoặc các giới hiện có dẫn đến các việc phi lý, hoặc các giới hiện có gây chướng ngại nơi định. Tất cả như thế gọi là giới tồn giảm.

Vì sao gọi là giới tồn giảm? Do pháp như thế là không thể yêu, không thể thích, không thể nhẫn, không người cứu giúp, có chống trái, gây tổn hại, không vừa ý. Do pháp như thế không đem lại quả đáng yêu thích, đáng vui mừng, hợp ý, vừa ý. Do pháp như thế không có được dị thực đáng yêu thích, đáng vui mừng, hợp ý, vừa ý. Thế nên gọi là giới tồn giảm.

5. Thế nào là kiến giải tồn giảm?

Đáp: Là những kiến giải hiện có, như cho không có bổ thí, không có cúng tế, không yêu mến v.v..., cho đến nói rộng. Lại, những kiến giải bất thiện hiện có, hoặc những kiến giải hiện có dẫn đến các việc phi lý, hoặc những kiến giải hiện có gây chướng ngại nơi định. Tất cả như thế gọi là kiến giải tồn giảm.

Vì sao gọi là kiến giải tồn giảm? Do pháp như thế là không thể yêu, không thể thích v.v..., nói rộng cho đến dị thực không vừa ý. Thế nên gọi là kiến giải tồn giảm.

* **Năm thứ viên mãn:** 1. Thân thuộc viên mãn. 2. Tiền của viên mãn. 3. Không bệnh viên mãn. 4. Giới viên mãn. 5. Kiến giải viên mãn.

1. Thế nào là thân thuộc viên mãn?

Đáp: Như có các thân thuộc không gặp phải các tai nạn như: vua quan xấu ác, giặc cướp, lửa cháy, nước cuốn, chết chóc. Lại có nhiều thân thuộc cũng được gọi là thân thuộc viên mãn. Như thế gọi là thân thuộc viên mãn.

Vì sao gọi là thân thuộc viên mãn? Do pháp như thế là đáng yêu thích, đáng thọ nhận, có sự cứu giúp, không chống trái, không tổn hại, vừa ý. Thế nên gọi là thân thuộc viên mãn.

2. Thế nào là tiền của viên mãn?

Đáp: Như có kẻ nhiều tiền của không gặp phải các tai nạn như: vua quan xấu ác, giặc cướp, lửa cháy, nước cuốn, kẻ oán. Lại, có nhiều tiền của vật báu cũng được gọi là tiền của viên mãn.

Vì sao gọi là tiền của viên mãn? Do pháp như thế là đáng yêu thích, đáng vui mừng, vừa ý. Phần còn lại như trước đã nói.

3. Thế nào là sức khỏe viên mãn?

Đáp: Như đối với thân không bị các bệnh như thế, nghĩa là các bệnh như đau đầu v.v..., nói rộng như trước. Lại, như nơi thân này không có các bệnh như sỏi v.v..., cũng được gọi là sức khỏe viên mãn.

Vì sao gọi là sức khỏe viên mãn? Do pháp như thế là đáng yêu thích v.v... Phần còn lại như trước đã nói.

4. Thế nào là giới viên mãn?

Đáp: Như lìa các thứ: Đoạn sinh mạng, không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh, nói lời hư dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói lời uế tạp. Lại, các giới thiện hiện có, hoặc các giới hiện có dẫn đến các việc như lý, hoặc các giới hiện có không gây chướng ngại nơi định. Tất cả như thế gọi là giới viên mãn.

Vì sao gọi là giới viên mãn? Do pháp như thế là đáng yêu thích, đáng thọ nhận, có sự cứu giúp, không chống trái, không tổn hại, vừa ý. Do pháp như thế đạt được quả đáng yêu thích, đáng vui mừng, hợp ý, vừa ý. Do pháp như thế đã có được dị thực đáng yêu thích, đáng vui mừng, hợp ý, vừa ý. Thế nên gọi là giới viên mãn.

5. Thế nào là kiến giải viên mãn?

Đáp: Là các kiến giải hiện có, như cho có bồ thí, có cúng tế, có yêu mến v.v..., cho đến nói rộng. Lại, các kiến giải thiện hiện có, hoặc các kiến giải hiện có dẫn đến các việc như lý, hoặc các kiến giải hiện có không gây chướng ngại nơi định. Tất cả như thế gọi là kiến giải viên mãn.

Vì sao gọi là kiến giải viên mãn? Do pháp như thế là đáng yêu thích v.v..., nói rộng cho đến có được dị thực vừa ý. Thế nên gọi là kiến giải viên mãn.

*

*** Năm ngũ lộ (Cách nêu bày lời nói):** 1. Nói đúng lúc hoặc nói không đúng lúc. 2. Nói đúng thực hoặc nói không đúng thực. 3. Nói dẫn đến nghĩa lợi hoặc nói dẫn đến không nghĩa lợi. 4. Nói dịu dàng hòa nhã hoặc nói thô ác. 5. Nói hiền từ hoặc nói giận dữ.

1. Nói đúng lúc hoặc nói không đúng lúc:

Thế nào là nói không đúng lúc? Có hai thứ không đúng lúc là trong và ngoài.

Không đúng lúc thuộc bên trong: Như có Bí-sô nêu tội kẻ khác, hoặc do tham vây buộc, hoặc do sân vây buộc, hoặc do si vây buộc, hoặc đang gặp phải khổ não dữ, hoặc bị bệnh nặng, hoặc không thể cùng kẻ khác bàn luận. Đó gọi là không đúng lúc thuộc bên trong.

Không đúng lúc thuộc bên ngoài: Như có Bí-sô nêu tội kẻ khác, nhưng kẻ sắp bị nêu tội kia, hoặc do tham sân si vây buộc, hoặc đang

gặp phải khổ não dữ, hoặc có bệnh nặng, hoặc lại không thể thọ nhận lời bàn luận của kẻ khác, hoặc chưa có đủ điều kiện của một hữu tình đang sống. Đó gọi là không đúng lúc thuộc bên ngoài.

Ở đây, hoặc không đúng lúc thuộc bên trong, hoặc không đúng lúc thuộc bên ngoài hiện có gồm chung làm một gọi là không đúng lúc. Nói vào các thời điểm như vậy gọi là nói không đúng lúc.

Thế nào là nói đúng lúc? Có hai thứ đúng lúc là trong và ngoài.

Đúng lúc thuộc bên trong: Như có Bí-sô nêu tội người khác hoàn toàn trái ngược với trường hợp trước. Đó gọi là đúng lúc thuộc bên trong.

Đúng lúc thuộc bên ngoài: Như có Bí-sô nêu tội người khác, nhưng kẻ sắp bị nêu tội kia, hoàn toàn trái ngược với trường hợp trước. Đó gọi là đúng lúc thuộc bên ngoài.

Ở đây, hoặc đúng lúc thuộc bên trong, hoặc đúng lúc thuộc bên ngoài hiện có gồm chung làm một gọi là đúng lúc. Nói vào các thời điểm như vậy gọi là nói đúng lúc.

Thế nên gọi là nói đúng lúc hoặc nói không đúng lúc.

2. Nói đúng thực hoặc nói không đúng thực:

Thế nào là nói không đúng thực? Như có Bí-sô nêu tội Bí-sô khác, thật sự là không thấy, không nghe, không nghi Bí-sô kia mắc các tội về phạm giới, phạm kiến, phạm các phép tắc, phạm tịnh mạng. Bí-sô ấy nêu tội như thế gọi là nói không đúng thực.

Thế nào là nói đúng thực? Như có Bí-sô nêu tội Bí-sô khác, thật sự là có thấy, có nghe, có nghi Bí-sô kia mắc các tội về phạm giới, phạm kiến, phạm các phép tắc, phạm tịnh mạng. Bí-sô ấy nêu tội như thế gọi là nói đúng thực.

Thế nên gọi là nói đúng thực hoặc nói không đúng thực.

3. Nói dẫn đến nghĩa lợi hoặc nói dẫn đến không nghĩa lợi:

Thế nào là nói dẫn đến không nghĩa lợi? Như có Bí-sô nêu tội Bí-sô khác đã phạm giới, phạm kiến, phạm các phép tắc, phạm tịnh mạng, nhưng Bí-sô kia nơi các tội như thế đã thú tội, đã phát lồ, đã nêu bày, đã sám hối trừ bỏ. Thật sự đầy đủ như vậy nói là không đầy đủ. Bí-sô nêu tội như vậy gọi là nói dẫn đến không nghĩa lợi.

Thế nào là nói dẫn đến nghĩa lợi? Như có Bí-sô nêu tội Bí-sô khác đã phạm giới, phạm kiến, phạm các phép tắc, phạm tịnh mạng, nhưng Bí-sô kia nơi các tội như thế chưa thú tội, chưa phát lồ, chưa nêu bày, chưa sám hối trừ bỏ. Hoặc chưa đầy đủ nói là chưa đầy đủ. Bí-sô nêu tội như vậy gọi là nói dẫn đến nghĩa lợi.

Thế nên gọi là nói dẫn đến nghĩa lợi hoặc nói dẫn đến không nghĩa lợi.

4. Nói dịu dàng hòa nhã hoặc nói thô ác:

Thế nào là nói thô ác? Như có Bí-sô đối với Bí-sô khác có ý ác kết hận phát khởi giận dữ, hung ác, nói như vậy: Ông thấy rõ tội mình đã phạm như thế, ông đúng là Sa-môn xấu xa, Sa-môn ngu độn, Sa-môn không biết xấu hổ, khó điều phục. Ông nên nêu bày đủ các tội như thế chớ có che giấu. Bí-sô kia nói như thế gọi là nói thô ác.

Thế nào là nói dịu dàng hòa nhã? Như có Bí-sô đi đến chỗ Bí-sô khác nói: Cụ thọ đã phạm các tội như thế như thế, nên nêu bày đầy đủ, nên phát lồ chớ nên che giấu. Nên bày thú tội tất được an lạc, không nêu bày thú tội thì không được an lạc. Bí-sô kia nói như thế gọi là nói dịu dàng hòa nhã.

Thế nên gọi là nói dịu dàng hòa nhã hoặc nói thô ác.

5. Nói hiền từ hoặc nói giận dữ:

Thế nào là nói giận dữ? Như có Bí-sô đối với Bí-sô khác có tâm giận dữ, có tâm tổn hại, nên nêu tội Bí-sô kia là phạm giới, phạm

kiến, phạm các phép tắc, phạm tịnh mạng. Bí-sô ấy nói như thế gọi là nói giận dữ.

Thế nào là nói hiền từ? Như có Bí-sô đối với Bí-sô khác có tâm hiền từ, hiện bày đủ tánh từ bi, đi đến chỗ Bí-sô kia nêu các tội về phạm giới, phạm kiến, phạm các phép tắc, phạm tịnh mạng. Bí-sô ấy nói như thế gọi là nói hiền từ.

Thế nên gọi là nói hiền từ hoặc nói giận dữ.

*

*** Năm xứ không còn kham nhận:** *Những gì là năm?* Như Bí-sô A-la-hán các lậu đã dứt hết, nên: 1. Không còn kham nhận việc suy xét đoạn dứt sinh mạng. 2. Không còn kham nhận việc vật không cho lại khởi tâm trộm lấy. 3. Không còn kham nhận việc hành phi phạm hạnh theo pháp dâm dục. 4. Không còn kham nhận khi biết đúng lại nói hư dối. 5. Không còn kham nhận việc chứa nhóm và thọ dụng các thứ dục lạc.

Bí-sô A-la-hán các lậu đã dứt hết nên không còn kham nhận việc suy xét đoạn dứt sinh mạng: Nghĩa là do nhân kia, do duyên kia, nên Bí-sô A-la-hán cố ý đoạn sinh mạng. Do các lậu đã hết, nên đối với nhân duyên kia đã hoàn toàn dứt bỏ, đã nhận biết khắp. Như chặt đứt gốc rễ của cây, chặt đứt ngọn cây Đa-la, khiến thân sau trở thành pháp không sinh. Thế nên gọi là Bí-sô A-la-hán các lậu đã dứt hết nên không còn kham nhận việc suy xét đoạn dứt sinh mạng.

Bí-sô A-la-hán các lậu đã dứt hết nên không còn kham nhận việc vật không cho lại khởi tâm trộm lấy, hành phi phạm hạnh theo pháp dâm dục, khi biết đúng lại nói hư dối: Nói cũng như thế.

Bí-sô A-la-hán các lậu đã dứt hết nên không còn kham nhận việc chứa nhóm và thọ dụng các thứ dục lạc: Nghĩa là do nhân kia, do duyên kia, nên chứa nhóm, thọ dụng các thứ dục lạc. Bí-sô A-la-

hán các lậu đã dứt hết, đối với nhân duyên kia đã hoàn toàn trừ bỏ, đã nhận biết khắp. Như chặt đứt gốc rễ của cây, chặt đứt ngọn cây Đa-la, khiến thân sau trở thành pháp không sinh. Thế nên gọi là Bì-sô A-la-hán các lậu đã dứt hết nên không còn kham nhận việc chứa nhóm và thọ dụng các thứ dục lạc.

*

** Năm thắng chi: Những gì là năm?*

1. Cụ thọ nên biết! Các đệ tử Phật ở chỗ Đức Như Lai luôn tu tập gieo trồng tịnh tín, căn sinh, an trụ, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc các Thiên, Ma, Phạm, hoặc các thế gian khác như pháp dẫn dụ chiếm đoạt. Đó gọi là thắng chi thứ nhất.

2. Lại nữa, Cụ thọ nên biết! Các đệ tử Phật thường có tánh thuần hậu ngay thẳng, không dua nịnh, không lừa dối. Ở chỗ bậc Đại sư và các vị có trí đồng phạm hạnh tự hiển bày như thật. Đó gọi là thắng chi thứ hai.

3. Lại nữa, Cụ thọ nên biết! Các đệ tử Phật luôn ít tật, không bệnh, bụng dạ thành thực, không nóng quá hay lạnh quá, thời tiết điều hòa, không có các khổ não, do đó nên ăn uống dễ tiêu hóa. Đó gọi là thắng chi thứ ba.

4. Lại nữa, Cụ thọ nên biết! Các đệ tử Phật luôn trụ trong siêng năng tinh tấn, có uy thế, có chuyên cần, có dũng mãnh kiên cố, đối với các pháp thiện không xả bỏ đường hướng. Giả như thân thể chỉ còn da bọc xương, các thứ máu thịt thảy đều khô kiệt, vì nhằm cầu được pháp thiện thù thắng nên phát khởi tinh tấn, có uy thế, có chuyên cần, có dũng mãnh kiên cố, không hề xả bỏ đường thiện. Nếu chưa chứng đắc thì càng tinh tấn vượt bậc trọn không bỏ dở nửa chừng. Đó gọi là thắng chi thứ tư.

5. Lại nữa, Cụ thọ nên biết! Các đệ tử Phật luôn an trụ nơi tuệ đầy đủ, thành tựu được tuệ có sinh diệt của thế gian, Thánh tuệ, xuất

tuệ, tuệ khéo thông đạt. Tuệ được tạo nên ấy là chánh tuệ diệt hết khổ. Đó gọi là thắng chi thứ năm.

Năm thứ vừa nói trên là năm thắng chi.

Ở đây:

1. Ở chỗ Đức Như Lai luôn tu tập gieo trồng tịnh tín:

Thế nào là Như Lai? Nghĩa là bậc Ứng Chánh Đẳng Giác, nên gọi là Như Lai.

Thế nào là tịnh tín? Nghĩa là các sự tin tưởng, hoặc dựa nơi nẻo xuất ly, xa lìa, đã sinh ra pháp thiện. Là tánh tin tưởng, tánh tùy thuận, tánh ấn chứng, là tánh đã yêu thích, sẽ yêu thích, hiện yêu thích, là tánh của tâm thanh tịnh, nên gọi là tịnh tín. Tức do tịnh tín này, nên ở chỗ Đức Như Lai đã tu tập gieo trồng, sẽ tu tập gieo trồng, hiện tu tập gieo trồng. Thế nên nói ở chỗ Đức Như Lai tu tập gieo trồng tịnh tín.

Căn sinh: Nghĩa là tịnh tín này có hai thứ căn: một là trí vô lậu, hai là căn thiện vô lậu, nên gọi là căn sinh.

An trụ: Nghĩa là do căn sinh có hành tướng như thế, nên an trụ nơi hành tướng như thế. Nếu an trụ nơi hành tướng như thế, tức do căn sinh có hành tướng như thế. Nên gọi là an trụ.

Không thể dẫn dụ chiếm đoạt: Nghĩa là do đã thành tựu tịnh tín như thế, nên tất cả thế gian: Hoặc Thiên, Ma, Phạm, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc các loại trời, người, chúng sinh khác đều không thể dẫn dụ, không thể chiếm đoạt, không thể dẫn dụ chiếm đoạt, không thể làm khuynh động, không thể cùng làm khuynh động, không thể làm cho dao động, không thể cùng làm cho dao động. Thế nên nói là không thể dẫn dụ, chiếm đoạt.

Đó gọi là thứ nhất: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp số thứ tự là thứ nhất.

Thắng chi: Nghĩa là do tịnh tín tăng thịnh, nên các thiện nam hoặc thiện nữ càng về sau càng trở nên thù thắng, nên gọi là thắng chi.

2. *Không dua nịnh:* Thế nào là dua nịnh? Nghĩa là các tâm có tánh hiểm ác, tánh gian trá, tánh quanh co, tánh tạp loạn, tánh không rõ ràng ngay thẳng, tánh không điều hợp với nẻo thiện v.v..., đều gọi là dua nịnh. Nếu không dua nịnh như thế gọi là không dua nịnh.

Không lừa dối: Thế nào là lừa dối? Nghĩa là giả đầu, dối cân, tráo thư, trá lời, dối với người khác giả hình dối dạng, luôn giả hình dối dạng khắp, hành tác khi dối, mê hoặc v.v..., đều gọi là lừa dối. Nếu không lừa dối như thế gọi là không lừa dối.

Tánh thuần hậu ngay thẳng: Nghĩa là tánh luôn trọng sự sáng rõ, không dua nịnh, không lừa dối, thế nên gọi là tánh thuần hậu ngay thẳng.

Ở chỗ bậc Đại sư và các vị có trí đồng phạm hạnh tự hiển bày như thật:

Thế nào là Đại sư? Nghĩa là chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, nên gọi là Đại sư.

Thế nào là các vị có trí đồng phạm hạnh? Nghĩa là chỉ cho các Tôn giả Xá Lợi Tử, Đại Thái Thực Thị, Đại Doanh Cấu Thị, Đại Ca Diếp Ba, Đại Chấp Tàng, Đại Kiếp Phi Na, Đại Ca Đa Diễn Na, Đại Chuẩn Đà, Đại Thiện Kiến, Đại Lộ, Đại Danh, Vô Diệt Dục Lạc, Kim Tỳ La v.v..., đều gọi là các vị có trí đồng phạm hạnh.

Nếu các Bí-sô kia có nhiều tham sân si, có trái phạm thì nên ở chỗ bậc Đại sư và các vị có trí đồng phạm hạnh nêu bày thú tội đúng như thật, thiết lập phân biệt phát lồ sám hối, không hề che giấu. Do vậy nên nói ở chỗ bậc Đại sư và các vị có trí đồng phạm hạnh tự hiển bày như thật mà trình bày rõ ràng.

Đó gọi là thứ hai: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nổi tiếp số thứ tự là thứ hai.

Thắng chi: Nghĩa là do không có đua nịnh lừa dối tăng tịnh, nên các thiện nam hoặc thiện nữ càng về sau càng trở nên thù thắng, nên gọi là thắng chi.

3. *Ít tật:* Thế nào là nhiều tật? Nghĩa là như đau đầu v.v... cho đến nói rộng. Cùng các thứ bệnh tật bức não khác có thể sinh ra vô số xúc chạm không an ổn, trụ trong thân đều gọi là nhiều bệnh tật. Như vậy không có các bệnh tật gọi là ít tật.

Không bệnh: Nghĩa là hiển bày lần nữa về ít bệnh.

Bụng dạ thành thực, không nóng quá hay lạnh quá, thời tiết điều hòa, không có các khổ não, do đó nên ăn uống dễ tiêu hóa: Nghĩa là người ấy đã thành tựu được việc không lạnh quá hay nóng quá, luôn thành tựu bình đẳng hai tạng sinh, thực.

Nếu khi thành tựu tạng lạnh quá, các thức ăn uống chuyển biến chậm khó tiêu, khiến thân thể nặng nề, không thể lãnh nhận làm việc, không thể siêng năng tinh tấn tu tập các hành đoạn trừ thù thắng.

Nếu khi thành tựu tạng nóng quá, các thức ăn uống tiêu hóa quá nhanh, khiến thân thể gầy yếu, không thể lãnh nhận làm việc, không thể siêng năng tinh tấn tu tập các hành đoạn trừ thù thắng.

Do người ấy thành tựu hai tạng sinh, thực không lạnh quá, nóng quá, và thời tiết điều hòa không có các khổ não, nên các thức ăn uống dễ tiêu hóa, khiến thân thể khỏe mạnh, có thể làm được nhiều việc, có thể siêng năng tinh tấn tu tập các hành đoạn trừ thù thắng.

Đó gọi là thứ ba: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp số thứ tự là thứ ba.

Thắng chi: Nghĩa là do sự ít tật bệnh này tăng tịnh, nên các thiện nam hoặc thiện nữ càng về sau càng trở nên thù thắng, nên gọi là thắng chi.

4. *Luôn trụ trong siêng năng tinh tấn*: Thế nào là tinh tấn? Nếu đối với nẻo xuất ly xa lìa, đã sinh ra các pháp thiện, siêng năng cố gắng, dũng mãnh, thể dụng vượt bậc, tâm được nối tiếp không gì ngăn cản, đó gọi là tinh tấn. Vì kia do đã thành tựu được tinh tấn như thế, nên đối với việc tu tập có thể hành tác các hành thù thắng, tiếp đến việc chứng nhập, nên gọi là luôn trụ trong siêng năng tinh tấn.

Có uy thế: Nghĩa là người này đã tinh tấn viên mãn theo phẩm thượng.

Có chuyên cần: Nghĩa là hiển bày sự tinh tấn bền chắc.

Có dũng mãnh kiên cố: Nghĩa là do đã thành tựu lực tinh tấn, nên dũng mãnh quyết định giữ lấy, kiên trụ, là thiện không phải ác, nên theo chỗ giữ vững lấy tướng bảo vệ, không bỏ. Như giúp đỡ nước khác, khéo có thể giữ gìn. Thế nên gọi là có dũng mãnh kiên cố.

Đối với các pháp thiện thường không xả bỏ đường hướng: Nghĩa là luôn siêng năng tinh tấn dũng mãnh tu tập các pháp thiện không gián đoạn.

Vì nhằm cầu được pháp thiện thù thắng v.v... Nếu chưa chứng đắc thì càng tinh tấn vượt bậc trọn không bỏ dở nửa chừng: Nghĩa là nếu chưa chứng được quả A-la-hán thì luôn tinh tấn dũng mãnh vượt bậc không biếng trễ bỏ dở. Do đó nên nói vì nhằm cầu được pháp thiện thù thắng v.v..., nếu chưa chứng đắc thì càng siêng năng tinh tấn vượt bậc trọn không bỏ dở nửa chừng.

Đó gọi là thứ tư: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp số thứ tự là thứ tư.

Thắng chi: Nghĩa là do tinh tấn tăng thịnh, nên các thiện nam hoặc thiện nữ càng về sau càng trở nên thù thắng, nên gọi là thắng chi.

5. *An trụ nơi tuệ đầy đủ*: Thế nào là tuệ? Nghĩa là nương vào nẻo xuất ly, xa lìa, đã sinh các pháp thiện, đối với các pháp tướng có

khả năng phân biệt lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v..., nói rộng cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là tuệ. *An trụ*: Nghĩa là do đã thành tựu tuệ như thế, nên đối với các pháp tướng có thể hành tác các hành thù thắng, tiến đến chứng nhập, giác ngộ. Do đó nên nói là an trụ nơi tuệ đầy đủ.

Thành tựu được tuệ có sinh diệt của thế gian: Thế gian tức là năm thủ uẩn, là sắc thủ uẩn, thọ tưởng hành thức thủ uẩn. Người ấy do đã thành tựu tuệ như thế, nên có thể nhận biết đúng như thật về năm thủ uẩn đã sinh ra và biến hoại. Do đó nên nói là thành tựu được tuệ có sinh diệt của thế gian.

Thánh tuệ: Có hai loại Thánh: Một là thiện nên là Thánh. Hai là vô lậu nên là Thánh. Tuệ này gồm đủ do hai loại Thánh ấy nên gọi là Thánh tuệ.

Xuất tuệ: Nghĩa là người ấy do đã thành tựu tuệ như thế, nên có thể xuất ly cõi Dục, cùng có thể xuất ly cõi Sắc và cõi Vô sắc, nên gọi là xuất tuệ.

Tuệ khéo thông đạt: Nghĩa là người ấy do đã thành tựu tuệ như thế, nên đối với các đế khổ, tập, diệt, đạo đều có thể thông đạt các tướng của bốn đế, khéo thông đạt, đều thông đạt riêng biệt. Thế nên gọi là tuệ khéo thông đạt.

Tuệ được tạo nên ấy: Nghĩa là người ấy đã tu học đạo vô gián nên đạt được tuệ thù thắng hiện có, ở đây nói là tuệ được tạo nên ấy.

Chánh tuệ diệt hết khổ: Thế nào là chánh? Tức chỉ cho nhân, cho môn, cho lý sâu xa, cho hành tướng v.v..., nên gọi là chánh. *Tuệ diệt hết khổ*: Năm thủ uẩn gọi là khổ. Tuệ này có thể khiến năm thủ uẩn dứt hết, cùng dứt hết, dứt hết khắp, chứng đắc hoàn toàn dứt hết, nên gọi là tuệ diệt hết khổ.

Đó gọi là thứ năm: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp số thứ tự là thứ năm.

Thắng chi: Nghĩa là do trí tuệ đầy đủ tăng thịnh, nên các thiện nam hoặc thiện nữ càng về sau càng trở nên thù thắng, nên gọi là thắng chi.

*

*** Năm tướng giải thoát thành thực**: 1. Tướng vô thường. 2. Tướng vô thường khổ. 3. Tướng khổ vô ngã. 4. Tướng chán bỏ việc ăn uống. 5. Tướng về sự chết.

1. Thế nào là tướng vô thường?

Đáp: Tất cả hành đều vô thường. Đối với hành vô thường do vô thường nên tư duy như lý về các tướng, cùng tướng, hiện tiền mà tướng, đã tướng, hiện tướng, sẽ tướng. Đó gọi là tướng vô thường.

2. Thế nào là tướng vô thường khổ?

Đáp: Tất cả hành đều vô thường, do vô thường nên khổ. Đối với hành khổ do tướng khổ nên tư duy như lý về các tướng, cùng tướng, hiện tiền mà tướng, đã tướng, hiện tướng, sẽ tướng. Đó gọi là tướng vô thường khổ.

3. Thế nào là tướng khổ vô ngã?

Đáp: Tất cả hành đều vô thường, do vô thường nên khổ, do khổ nên vô ngã. Đối với hành vô ngã do vô ngã nên tư duy như lý về các tướng, cùng tướng, hiện tiền mà tướng, đã tướng, hiện tướng, sẽ tướng. Đó gọi là tướng khổ vô ngã.

4. Thế nào là tướng chán bỏ việc ăn uống?

Đáp: Các Bí-sô đều nên đối với đoạn thực phát khởi sự chán bỏ cùng hành tác ý. Lại khởi sự chê trách, cùng hành tác ý. Do tướng bất tịnh tư duy về đoạn thực. Sự việc ấy như thế nào? Đối với các thứ cơm cháo nên khởi thắng giải về tử thi đang sinh chướng. Đối với các thứ canh thịt nên khởi thắng giải về phân lỏng của người. Đối với các thứ sữa, sinh tô, lạc thì nên khởi thắng giải về tủy não của con người.

Còn các thứ thực tô, dầu, đường cát, mật thì khởi thắng giải về mỡ sa, mỡ nước v.v... Người kia đối với đoạn thực đã phát khởi sự chán bỏ, chê trách, cùng hành tác ý như thế, do tướng bất tịnh tư duy về đoạn thực, các tướng cùng tướng, hiện tiền mà tướng, đã tướng, hiện tướng, sẽ tướng. Đó gọi là tướng chán bỏ việc ăn uống.

5. Thế nào là tướng về sự chết?

Đáp: Đối với tự thân mạng đang hết sức tốt đẹp, tác ý tư duy về các tướng như vô thường v.v..., hiện tiền mà tướng, đã tướng, hiện tướng, sẽ tướng. Đó gọi là tướng về sự chết.

Năm thứ như thế gọi là *tướng giải thoát thành thực*.

Vì sao năm thứ ấy gọi là tướng giải thoát thành thực? Giải thoát có ba thứ: Một là tâm giải thoát. Hai là tuệ giải thoát. Ba là giải thoát vô vi. Vì năm thứ tướng này là giải thoát hữu vi, nếu chưa sinh thì khiến sinh, đã sinh rồi thì khiến tăng trưởng bền chắc, rộng lớn, do đấy nên nhanh chóng chúng được giải thoát vô vi. Vì nhân duyên này nên gọi là tướng giải thoát thành thực.

*

* *Năm xứ giải thoát: Những gì là năm?*

1. Cụ thọ nên biết! Nếu các Bí-sô, Bí-sô-ni hoặc có bậc Đại sư vì họ giảng nói pháp yếu. Hoặc có một vị có trí đồng phạm hạnh đáng tôn trọng vì họ giảng nói pháp yếu như bậc Đại sư. Hoặc có một vị có trí đồng phạm hạnh đáng tôn trọng vì họ giảng nói pháp yếu. Như thế như thế, đối với các pháp yếu kia đã có thể hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa. Do hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa, nên phát khởi vui vẻ, vì vui nên sinh mừng, tâm vui mừng nên thân khinh an, vì thân khinh an nên thọ nhận an lạc. Do thọ nhận an lạc nên tâm định, tâm định nên thấy biết đúng như thật, thấy biết đúng như thật nên sinh chán, vì chán nên có thể lìa bỏ, vì lìa bỏ nên đạt được giải thoát. Đó gọi là xứ giải thoát thứ nhất. Các Bí-sô, Bí-sô-ni

này an trụ nơi xứ ấy, niệm chưa trụ thì có thể trụ vào chánh niệm. Tâm chưa định thì có thể trụ vào chánh định. Lậu chưa dứt hết thì có thể dứt hết các lậu. Chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì có thể mau chóng chứng đắc.

2. Lại nữa, Cụ thọ nên biết! Nếu các Bí-sô, Bí-sô-ni, tuy không có bậc Đại sư hoặc một vị có trí đồng phạm hạnh đáng tôn trọng khác vì họ giảng nói pháp yếu, nhưng có thể dùng âm thanh lớn đọc tụng các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe. Như thế như thế, đối với các pháp yếu kia đã có thể hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa. Do hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa nên phát khởi vui vẻ, vì vui nên sinh mừng, tâm vui mừng nên thân khinh an, vì thân khinh an nên thọ nhận an lạc. Do thọ nhận an lạc nên tâm định, tâm định nên thấy biết đúng như thật, thấy biết đúng như thật nên sinh chán, vì chán nên có thể lìa bỏ, vì lìa bỏ nên đạt được giải thoát. Đó gọi là xứ giải thoát thứ hai. Các Bí-sô, Bí-sô-ni này an trụ nơi xứ ấy, niệm chưa trụ thì có thể trụ vào chánh niệm. Tâm chưa định thì có thể trụ vào chánh định. Lậu chưa dứt hết thì có thể dứt hết các lậu. Chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì có thể mau chóng chứng đắc.

3. Lại nữa, Cụ thọ nên biết! Nếu các Bí-sô, Bí-sô-ni, tuy không có bậc Đại sư hoặc một vị có trí đồng phạm hạnh đáng tôn trọng khác vì họ giảng nói pháp yếu, cũng không dùng âm thanh lớn để đọc tụng các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe, nhưng có thể vì người khác nêu giảng rộng, mở bày về các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe ấy. Như thế như thế, đối với các pháp yếu kia đã có thể hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa. Do hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa nên phát khởi vui vẻ, vì vui nên sinh mừng, tâm vui mừng nên thân khinh an, thân khinh an nên thọ nhận an lạc. Do thọ nhận an lạc nên tâm định, tâm định nên thấy biết đúng như thật, thấy biết đúng như thật nên sinh chán, vì chán nên có thể lìa bỏ, vì lìa bỏ nên đạt

được giải thoát. Đó gọi là xứ giải thoát thứ ba. Các Bí-sô, Bí-sô-ni này an trụ nơi xứ ấy, niệm chưa trụ thì có thể trụ vào chánh niệm. Tâm chưa định thì có thể trụ vào chánh định. Lậu chưa dứt hết thì có thể dứt hết các lậu. Chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì có thể mau chóng chứng đắc.

4. Lại nữa, Cụ thọ nên biết! Nếu các Bí-sô, Bí-sô-ni, tuy không có bậc Đại sư hoặc một vị có trí đồng phạm hạnh đáng tôn trọng khác vì họ giảng nói pháp yếu, cũng không dùng âm thanh lớn để đọc tụng các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe, cũng không vì người khác nêu giảng rộng, mở bày về các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe ấy, nhưng có thể riêng ở nơi chốn vắng vẻ, một mình tự suy nghĩ, lường xét, quan sát về những nghĩa lý sâu xa hiện có nơi các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe. Nơi chốn hiện có, như thế như thế, đối với các pháp yếu kia đã có thể hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa. Do hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa nên phát khởi vui vẻ, vì vui nên sinh mừng, tâm vui mừng nên thân khinh an, thân khinh an nên thọ nhận an lạc. Do thọ nhận an lạc nên tâm định, tâm định nên thấy biết đúng như thật, thấy biết đúng như thật nên sinh chán, vì chán nên có thể lìa bỏ, vì lìa bỏ nên đạt được giải thoát. Đó gọi là xứ giải thoát thứ tư. Các Bí-sô, Bí-sô-ni này an trụ nơi xứ ấy, niệm chưa trụ thì có thể trụ vào chánh niệm. Tâm chưa định thì có thể trụ vào chánh định. Lậu chưa dứt hết thì có thể dứt hết các lậu. Chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì có thể mau chóng chứng đắc.

5. Lại nữa, Cụ thọ nên biết! Nếu các Bí-sô, Bí-sô-ni, tuy không có bậc Đại sư hoặc vị có trí đồng phạm hạnh đáng tôn trọng khác vì họ giảng nói pháp yếu, cũng không dùng âm thanh lớn để đọc tụng các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe, cũng không vì người khác nêu giảng rộng, mở bày về các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe ấy, cũng không ở nơi chốn vắng vẻ, một mình tự suy nghĩ, lường

xét, quan sát về những nghĩa lý sâu xa hiện có nơi các pháp yếu rất rảo đã từng được nghe, nhưng nơi nghĩa lý sâu xa hiện có đều có thể khéo giữ lấy theo một tướng định. Nơi tướng định ấy có thể khéo tư duy, lại khéo hiểu biết rõ, khéo thông đạt. Như thế như thế, đối với các pháp yếu kia đã có thể hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa. Do hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa nên phát khởi vui vẻ, vì vui nên sinh mừng, tâm vui mừng nên thân khinh an, thân khinh an nên thọ nhận an lạc. Do thọ nhận an lạc nên tâm định, tâm định nên thấy biết đúng như thật, thấy biết đúng như thật nên sinh chán, vì chán nên có thể lìa bỏ, vì lìa bỏ nên đạt được giải thoát. Đó gọi là xứ giải thoát thứ năm. Các Bí-sô, Bí-sô-ni này an trụ nơi xứ ấy, niệm chưa trụ thì có thể trụ vào chánh niệm. Tâm chưa định thì có thể trụ vào chánh định. Lậu chưa dứt hết thì có thể dứt hết các lậu. Chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì có thể mau chóng chứng đắc.

Ở đây:

Bậc Đại sư hoặc vị có trí đồng phạm hạnh đáng tôn trọng vì họ giảng nói pháp yếu:

Đại sư: Nghĩa là Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Vị có trí đồng phạm hạnh đáng tôn trọng: Đó là các Tôn giả: Kiều Trần Na, Mã Thắng, Hiền Thắng, Vụ Khí, Đại Danh, Na Xá, Viên Mãn, Vô Cấu, Diệu Tỳ, Ngưu Chủ, Xá Lợi Tử, Đại Thái Thực Thị, Đại Ca Diếp Ba, Đại Kiếp Phi Na, Đại Doanh Cấu Thị, Đại Ca Đa Diễn Na, Đại Chấp Tàng, Đại Thiện Kiến, Đại Lộ, Tùy Thuận, Vô Diệt, Dục Lạc, Kim Tỳ La v.v..., đều gọi là vị có trí đồng phạm hạnh đáng tôn trọng.

Thế nào gọi là pháp? Nghĩa là danh thân, cú thân, văn thân, đó gọi là pháp. Tức trước đây bậc Đại sư và các vị có trí đồng phạm hạnh đáng tôn trọng, đã dùng các thứ danh thân, cú thân, văn thân,

vì các Bí-sô kia giảng nói, thiết lập, mở bày, phân biệt, chỉ rõ. Do đó nên nói vì họ giảng nói pháp yếu. Như các pháp yếu do bậc Đại sư và các vị có trí đồng phạm hạnh đáng tôn trọng vì họ giảng nói, như thế, như thế v.v... thì các Bí-sô, Bí-sô-ni kia đã có thể hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa.

Thế nào là có thể hiểu biết đúng đắn về pháp? Danh thân, cú thân, văn thân, đó gọi là pháp. Các Bí-sô v.v... kia đối với pháp ấy đã cùng hiểu, hiểu gần, hiểu rõ, thông đạt về phẩm loại có sai biệt, chứng được trí không hai, không thoái chuyển, nên gọi là có thể hiểu biết đúng đắn về pháp.

Thế nào là có thể hiểu biết đúng đắn về nghĩa? Danh thân, cú thân, văn thân là pháp được hiển bày, làm rõ, nêu giảng, nêu giảng khắp, khai thị cùng khai thị, đó gọi là nghĩa. Các Bí-sô v.v... kia đối với nghĩa ấy đã cùng hiểu, hiểu gần, hiểu rõ, thông đạt về phẩm loại có sai biệt, chứng được trí không hai, không thoái chuyển, nên gọi là có thể hiểu biết đúng đắn về nghĩa.

Do hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa nên phát khởi vui vẻ: Tức đầu tiên sinh ra hoan hỷ gọi là vui vẻ. Chư vị ấy đối với niềm vui này đã khởi cùng khởi, đã sinh cùng sinh, đã chuyển hiện chuyển, tụ tập xuất hiện, do đó nói là nên phát khởi vui vẻ.

Vì vui nên sinh mừng: Nghĩa là vui phẩm thượng chuyển gọi là mừng. Chư vị ấy đối với mừng này đã khởi cùng khởi, đã sinh cùng sinh, đã chuyển hiện chuyển, tụ tập xuất hiện, do đó nói là vì vui nên sinh mừng.

Tâm vui mừng nên thân khinh an: Tức chư vị ấy từ vui sinh tâm mừng, nên ở trong hiện pháp thân có tánh nặng nề đã được đoạn trừ, tâm có tánh nặng nề cũng được đoạn trừ, thân có thể kham nhận, tâm có thể kham nhận, thân hòa dịu, tâm hòa dịu, thân nhẹ nhàng, tâm nhẹ nhàng, thân lìa mọi thứ che lấp, tâm lìa mọi

thứ che lấp, thân không biếng trễ, tâm không biếng trễ, thân không mỗi mệt, tâm không mỗi mệt. Do đây nói là tâm vui mừng nên thân khinh an.

Thân khinh an nên thọ nhận an lạc: Nghĩa là do thân có thể kham nhận, tâm có thể kham nhận v.v..., nói rộng cho đến thân không mỗi mệt, tâm không mỗi mệt, thân liền có vui nên tâm thọ nhận hỷ diệu. Do đây nói là thân khinh an nên thọ nhận an lạc.

Do thọ nhận an lạc nên tâm định: Nghĩa là vì thọ lạc nên xa lìa mọi thứ mệt nhọc. Pháp không mệt nhọc hành bình đẳng, nên tâm trụ cùng trụ, trụ gần, hoàn toàn đạt được Tam-ma-địa. Do đây nói là do thọ nhận an lạc nên tâm định.

Tâm định nên thấy biết đúng như thật: Nghĩa là chư vị ấy hoặc khi tâm trụ cùng trụ nơi không hai, không chuyển, bấy giờ, đối với khổ thấy biết đúng như thật là khổ, đối với tập, diệt, đạo cũng thấy biết đúng như thật là tập, diệt, đạo. Do đây nói là tâm định nên thấy biết đúng như thật.

Thấy biết đúng như thật nên sinh chán: Tức khi chư vị ấy đối với khổ thấy biết đúng như thật là khổ, đối với tập, diệt, đạo cũng thấy biết đúng như thật là tập, diệt, đạo, lúc đó, đối với năm thủ uẩn liền sinh chán ghét, trái nghịch mà trụ. Do đây nói là thấy biết đúng như thật nên sinh chán.

Vì chán nên có thể lìa bỏ: Tức khi chư vị ấy đối với năm thủ uẩn đã có thể sinh chán ghét, trái nghịch, bấy giờ đối với ba căn bất thiện là tham, sân, si đã có thể làm cho chúng tổn giảm, mỏng bớt, khiến chúng khuyết giảm dần. Như người đem các áo màu vàng ngâm lâu nơi nước, rồi phơi dưới ánh nắng mặt trời thì màu sắc nhuộm kia sẽ phai nhanh. Như thế, nếu đối với năm thủ uẩn có thể sinh chán ghét, trụ nơi trái nghịch, bấy giờ liền ở nơi ba căn bất thiện đã có thể làm cho chúng tổn giảm, mỏng bớt, khiến chúng khuyết giảm dần. Do đây nói là vì chán nên có thể lìa bỏ.

Vì lìa bỏ nên đạt được giải thoát: Tức là chư vị ấy khi đã có thể làm tổn giảm, làm mỏng bớt, làm khuyết giảm ba căn bất thiện, bấy giờ đối với tham, sân, si, tâm được giải thoát. Do vậy nói là vì lìa bỏ nên đạt được giải thoát.

Đó gọi là thứ nhất: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nổi tiếp số thứ tự là thứ nhất.

Xứ giải thoát: Ở đây vì sao gọi là xứ giải thoát? Tức trong đây có bảy pháp gọi là xứ giải thoát, đó là: a. Hiểu biết đúng đắn về pháp. b. Hiểu biết đúng đắn về nghĩa. c. Vui. d. Mừng. đ. Khinh an. e. An lạc. f. Định.

Các Bí-sô, Bí-sô-ni này v.v...: Nghĩa là nếu có thể gắng học đạo vô gián. Ở trong nghĩa này là nói các Bí-sô, Bí-sô-ni.

An trụ nơi xứ ấy: Nghĩa là trụ vào xứ đó, cùng trụ, trụ gần, thế nên nói là an trụ nơi xứ ấy.

Niệm chưa trụ thì có thể trụ vào chánh niệm: Tức có thể trụ vào bốn niệm trụ.

Tâm chưa định thì có thể trụ vào chánh định: Tức có thể trụ vào bốn tĩnh lự.

Lậu chưa dứt hết thì có thể dứt hết các lậu: Thế nào là các lậu? Có ba thứ lậu, là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Chư vị ấy đối với ba thứ lậu đó đã có thể dứt hết, cùng dứt hết, dứt hết khắp, hiện dứt hết, sẽ dứt hết, dứt hết nhanh chóng. Do vậy nên nói lậu chưa dứt hết thì có thể dứt hết các lậu.

Chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì có thể mau chóng chứng đắc: Nghĩa là các ái đã dứt hết, lìa bỏ, đạt Niết-bàn tịch diệt, nên nói là Niết-bàn an ổn vô thượng. Chư vị ấy nhanh chóng đối với pháp ấy có thể chứng đắc, theo đây chứng đắc, có thể xúc chứng. Do vậy nên nói chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì có thể mau chóng chứng đắc.

Nhưng có thể dùng âm thanh lớn đọc tụng các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe: Nghĩa là dùng âm thanh lớn để đọc tụng các pháp yếu như trước đây đã được lãnh hội.

Nhưng có thể vì người khác nêu giảng rộng, mở bày về các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe ấy: Nghĩa là chư vị ấy đã có thể vì người khác nêu giảng, thiết lập, mở bày, phân biệt, chỉ rõ các pháp yếu rất ráo như trước đây đã được nghe.

Nhưng có thể riêng ở nơi chón vắng vẻ, một mình tự suy nghĩ, lường xét, quan sát về những nghĩa lý sâu xa hiện có nơi các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe: Nghĩa là có thể riêng một mình ở chón vắng vẻ tìm xét, tìm xét khắp, lựa chọn, lựa chọn khắp, quan sát, quan sát khắp về nghĩa lý sâu xa của các pháp yếu rất ráo trước đây đã từng được nghe.

Nhưng nơi nghĩa lý sâu xa hiện có đều có thể khéo giữ lấy theo một tướng định. Nơi tướng định ấy có thể khéo tư duy, lại khéo hiểu biết rõ, khéo thông đạt: Nghĩa là có thể khéo giữ lấy định và tướng định. Đối với tướng định kia, chư vị ấy có thể khéo suy xét, lại khéo nhận biết rõ, khéo thông đạt các tướng nhập, trụ, xuất.

Các phần còn lại: Như trước đã nói.

HẾT - QUYỂN 13

MỤC LỤC

SỐ 1523/4: LUẬN KINH ĐẠI BẢO TÍCH	5
Quyển 1.....	5
Quyển 2.....	45
Quyển 3.....	75
Quyển 4.....	105
SỐ 1524/1: KINH VÔ LƯỢNG THỌ UÙ BA ĐỀ XÁ.....	136
SỐ 1525/9: LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN	152
Quyển 1.....	152
Quyển 2.....	176
Quyển 3.....	197
Quyển 4.....	220
Quyển 5.....	241
Quyển 6.....	264
Quyển 7.....	282
Quyển 8.....	302
Quyển 9.....	320
SỐ 1526/1: KINH BẢO KẾ TỬ PHÁP UÙ BA ĐỀ XÁ	339
SỐ 1527/1: LUẬN NIẾT BÀN.....	358
SỐ 1528/1: LUẬN KINH NIẾT BÀN BẢN HỮU KIM VÔ KỆ	376
SỐ 1529/1: LUẬN KINH DI GIÁO	386
SỐ 1530/7: LUẬN KINH PHẬT ĐỊA.....	429
Quyển 1.....	429
Quyển 2.....	454
Quyển 3.....	480
Quyển 4.....	506
Quyển 5.....	533
Quyển 6.....	557
Quyển 7.....	585
SỐ 1531/2: LUẬN KINH VĂN THÙ SỰ LỢI BỒ TÁT VĂN BỒ ĐỀ.....	613
Quyển thượng.....	613
Quyển hạ.....	638

SỐ 1532/4: LUẬN KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN	660
Quyển 1.....	660
Quyển 2.....	685
Quyển 3.....	707
Quyển 4.....	728
SỐ 1533/1: KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN ƯU BA ĐỀ XÁ.....	749
SỐ 1534/1: KINH TAM CỤ TỨC ƯU BA ĐỀ XÁ.....	764
SỐ 1535/1: THÍCH KINH ĐẠI THỪA TỬ PHÁP	793
SỐ 1536/20: LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DỊ MÔN TỨC	797
Quyển 1.....	797
Phẩm 1: Duyên Khởi.....	797
Phẩm 2: Một Pháp.....	800
Phẩm 3: Hai Pháp, Phần 1.....	811
Quyển 2.....	818
Phẩm 3: Hai Pháp, Phần 2.....	818
Quyển 3.....	842
Phẩm 3: Hai Pháp, Phần 3.....	842
Phẩm 4: Ba Pháp, Phần 1.....	846
Quyển 4.....	863
Phẩm 4: Ba Pháp, Phần 2.....	863
Quyển 5.....	887
Phẩm 4: Ba Pháp, Phần 3.....	887
Quyển 6.....	912
Phẩm 4: Ba Pháp, Phần 4.....	912
Phẩm 5: Bốn Pháp, Phần 1.....	924
Quyển 7.....	937
Phẩm 5: Bốn Pháp, Phần 2.....	937
Quyển 8.....	961
Phẩm 5: Bốn Pháp, Phần 3.....	961
Quyển 9.....	982
Phẩm 5: Bốn Pháp, Phần 4.....	982
Quyển 10.....	1003
Phẩm 5: Bốn Pháp, Phần 5.....	1003
Quyển 11.....	1025
Phẩm 6: Năm Pháp, Phần 1.....	1025
Quyển 12.....	1045
Phẩm 6: Năm Pháp, Phần 2.....	1045
Quyển 13.....	1066
Phẩm 6: Năm Pháp, Phần 3.....	1066